

KIM THỨC

Dịch giả: MÔNG BƯU, HUY TIẾT, LÊ TỊNH, HẾT TUYẾN

Tân Thủy Hoàng



DIỄN NGHĨA

Nguồn text: chimviet.wordpress.com

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - 2010

THÔNG TIN EBOOK

Tân Thủy Hoàng Diễn Nghĩa

Tác giả: KIM THỨC

Dịch giả: MỘNG BƯU – HUY TIÊU – LÊ TỊNH – HỮU TUYẾN

Hiệu đính: Kiều Liên

Tạo Ebook: Nguyenthanh-cuibap

Tạo cover: rockyou

Chỉnh lý, trình bày: 4DHN

Nguồn text: chimviet.wordpress.com

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC 2010

Số trang: 840; Kích thước: 14.5 x 20.5 cm

&&

MIỆC LỤC

Thông tin Ebook

Tân Thủy Hoàng Diễn Nghĩa

HỒI THỨ NHẤT

CHÁU VUA TÂN LÀM CON TIN Ở THÀNH HÀM DƯƠNG
NHÀ BUÔN Ở DƯƠNG ĐỊNH MUA ĐƯỢC MÓN HÀNG LẠ

HỒI THỨ HAI

QUA CỬA ẢI VUNG TIỀN NHƯ RÁC
KHUA MÔI MÚA MÉP NĂM CHỦ BÀI

HỒI THỨ BA

HÔN LỄ CHƯA TÂN ĐÃ VỘI GIỤC
TRIỆU CƠ CHƯA CƯỚI ĐÃ MANG BẦU [21]

HỒI THỨ TƯ

VUA TÂN XÉ BỎ THỎA ƯỚC, VÂY HÃM HÀM ĐẠN
VUA TRIỆU MẮC SAI LẦM, DOANH DỊ NHÂN THOÁT CHẾT

HỒI THỨ NĂM

DOANH DỊ NHÂN VỀ NƯỚC, TRỞ THÀNH CON TRƯỞNG KẾ THỪA
NÀNG NHƯ CƠ TRỘM BINH PHÙ CỨU NƯỚC TRIỆU

HỒI THỨ SÁU

BỀ TÔI PHÒ VUA, TRẢ BAO VINH NHỤC
CON NỐI NGÔI CHA, GIAN NAN THỬ THÁCH
THỪA TƯỚNG LÃ BẤT VI ĐƯA QUÂN DIỆT ĐÔNG CHU
CHÀNG NIÊN THIẾU DOANH CHÍNH LÊN NGÔI BÁU

HỒI THỨ TÁM

THIÊN TAI XUA CHÂU CHẤU VỀ HẠI NGƯỜI
NHÂN HỌA ĐƯA THÀNH KIỂU PHẢN DOANH CHÍNH

HỒI THỨ CHÍN

THÁI TRẠCH ĐẾN YÊN ĐỂ GIAO HỮU VỚI NƯỚC XA
CAM LA LỪA NƯỚC GẦN, LẤY NĂM THÀNH CỦA TRIỆU

HỒI THỨ MƯỜI

THÁI HẬU KHÔNG QUÊN TÌNH XƯA NGHĨA CŨ
LÃ BẤT VI TÌM CÁCH ĐƯA LAO ÁI VÀO CUNG

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

HAI PHE KINH ĐỊCH SUÝT ĐOẠT NGÔI VUA
DOANH CHÍNH RA TAY DIỆT TRỪ LAO ÁI

HỒI THỨ MƯỜI HAI

XÉ XÁC LAO ÁI, BÃI CHỨC BẤT VI
GIẾT EM GIAM MẸ, CÒN GÌ LÒNG NHÂN

HỒI THỨ MƯỜI BA
MAO TIÊU CAN GIÁN VÌ VIỆC NGHĨA
TẦN VƯƠNG ĐÓN MẸ, NỐI TÌNH THÂN
HỒI THỨ MƯỜI BỐN
ĐỂ TRỪ HẬU LOẠN, BAN CHẾT BẤT VI
ĐUỔI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, LÝ TƯ CAN GIÁN
HỒI THỨ MƯỜI LĂM
DOANH CHÍNH THÂN CHINH, ĐẠI THẮNG NƯỚC TRIỆU
HỌC GIẢ HÀN PHI, ĐI SỨ ĐẠI TẦN
HỒI THỨ MƯỜI SÁU
ĐỐ KỶ GHEN ĂN, BẠN THÀNH THÙ
HÀN PHI PHẢN CHÍ, CHẾT RẤT OAN
HỒI THỨ MƯỜI BẢY
ÚY LIÊU BÀY MƯU, HỐI LỘ GIAN THẦN
TRUNG QUÂN LÝ MỤC RƠI ĐẦU NGẬM OAN
HỒI THỨ MƯỜI TÁM
HÀN TRIỆU MẤT NƯỚC, TẦN VƯƠNG ĐẠI THẮNG
THÁI HẬU BUỒN VUI, ĐI VỀ TIÊN TỔ
HỒI THỨ MƯỜI CHÍN
THÁI TỬ (YÊN) ĐAN ĐAU BUỒN TIỀN BIỆT
KINH KHA GIẾT HỤT, NGÃ XUỐNG KHÔNG VỀ
HỒI THỨ HAI MƯỜI
YÊN ĐAN BỊ GIẾT, NƯỚC YÊN VẪN CÒN
ĐẠI LƯƠNG NGẬP LŨ, NƯỚC NGỤY TIÊU VONG
HỒI THỨ HAI MƯỜI MỐT
ĐƯỜNG THƯ ÁO VẢI, ĐẮC THẮNG VUA TẦN
TƯỚNG SỞ HẠNG YÊN, ĐÁNH BẠI LÝ TÍN
HỒI THỨ HAI MƯỜI HAI
VƯƠNG TIỀN GIẾT HẠNG YÊN, DIỆT NƯỚC SỞ
VUA TÊ TUYỆT THỰC VÌ MẤT NƯỚC
HỒI THỨ HAI MƯỜI BA
NGÔI CAO TỘT ĐỈNH, XUNG HOÀNG ĐẾ
ĐẤT NƯỚC BAO LA, CHIA QUẬN HUYỆN
HỒI THỨ HAI MƯỜI BỐN
THU BINH KHÍ, ĐỨC MƯỜI HAI TƯỢNG ĐỒNG
ĐỐC TIỀN CỬA, XÂY ĐÁP ĐƯỜNG “TRÌ ĐẠO”
HỒI THỨ HAI MƯỜI LĂM
ĐẶT CHỮ MỚI, CẢ NƯỚC CHUNG VĂN TỰ

NÊU UY VŨ, ĐỐC SỨC XÂY TRƯỜNG THÀNH
HỒI THỨ HAI MƯƠI SÁU
KHẮC BIA CA NGỌI, LÝ TƯ CHẤP BÚT
LÊN ĐỈNH THÁI SƠN, LÀM LỄ “PHONG THIỀN”
HỒI THỨ HAI MƯƠI BẢY
DỰNG ĐÀI LANG NHA, TỪ PHÚC LÒE PHÉP THUẬT
LẶN SÔNG TỨ THỦY, HOÀNG ĐẾ MẤT CÔNG TOI
HỒI THỨ HAI MƯƠI TÁM
ĐỐT NÚI TƯƠNG SƠN, GẶP NẠN LANG SA
ĐÀO HỒ LAN TRÌ, THẦN BIỂN GIEO HỌA
HỒI THỨ HAI MƯƠI CHÍN
HỎI TỘI VIỆC ĐỐT SÁCH CHÔN TRÒ
DỰNG CUNG XÂY LĂNG, XA HOA CỰC ĐỘ
HỒI THỨ BA MƯƠI
CAO TIỆM LY GẤY ĐÀN TRÚC GIẾT VUA
TẦN THỦY HOÀNG SOI GƯƠNG GIẾT PHI TÂN
HỒI THỨ BA MƯƠI MỐT
LỜI NGUYỄN HẦU SINH, HỌA TRONG THIÊN THẠCH
SẤM NGŨ THÁNH KHỔNG, ĐIỀM DỮ BẠCH BÍCH
HỒI THỨ BA MƯƠI HAI
CÚNG TẾ THUẤN VŨ, TÔN SÙNG LỄ NGHĨA
TUẦN DU NGÔ VIỆT, CẤM THỐI DÂM
HỒI THỨ BA MƯƠI BA
KIM LĂNG YẾM VÀNG, KIẾM TRÌ ĐÀO KIẾM
LANG ĐÀI VỠ NGỌC, BÃI CHIẾN GIAO LONG
HỒI THỨ BA MƯƠI TƯ
TỪ PHÚC TRỐN NHƯ “TRÂU ĐẤT XUỐNG BIỂN”[179]
THỦY HOÀNG ỚM, TỔ LONG SẮP CHẦU TRỜI
HỒI THỨ BA MƯƠI LĂM
ỨNG LỜI SẤM NGUYỄN, THỦY HOÀNG VONG MẠNG
SOẠN DI CHIẾU GIẢ, HỒ HỢI CHIẾM NGÔI
HỒI THỨ BA MƯƠI SÁU
ĐẠI TRẠCH DẤY BINH; TRẦN, NGÔ KHỞI NGHĨA
HÀM DƯƠNG ỤP ĐỔ, SỞ HÁN TRANH HÙNG
Chú thích

HỘI THỨ NHẤT

CHÁU VUA TÂN LÀM CON TIN Ở THÀNH HÀM DƯƠNG NHÀ BUÔN Ở DƯƠNG ĐỊNH MUA ĐƯỢC MÓN HÀNG LẠ

Năm thứ bốn mươi sáu triều vua Chiêu Vương nhà Tân, tức năm 261 trước Công Nguyên, một hội chợ rất lớn được tổ chức tại quảng trường chung quanh Tùng Đài, nơi thường diễn ra các yến tiệc, các buổi triều chính nghị sự và đón tiếp tân khách của vua Hiếu Thành nhà Triệu. Triều đình cho mở hội chợ là để mừng được mùa. Trời mới vào đông nên hơi se lạnh. Màn đêm đang buông dần. Hàng trăm ngọn nến rực sáng chiếu rọi trên một biển hàng hoá: nông sản, gia súc, gia cầm, lương thực, thực phẩm, rau quả, tơ lụa, gấm vóc, vàng bạc, đồ trang sức bằng ngọc ngà châu báu, cung tên, kiếm kích, vải vóc, da lông thú... muôn vàn thứ cần thiết cho con người, từ người giàu sang đến người bình thường, từ nhu cầu đời sống hàng ngày đến trận mạc chinh chiến. Nghe nói đây là một hội chợ lớn chưa từng có, người xe tập nập, ồn ào náo nhiệt cả một vùng. Ở chính giữa chợ là một “nhà lán” rất lớn vì hàng hóa trong nhà này được bày thành vòng tròn. Khách mua hàng vừa đi vòng quanh vừa xem hàng và lựa chọn, ưng mua cái gì thì có thể tiện tay cầm lấy, rất dễ dàng và nhanh chóng. Xem thế đủ biết chủ hàng là một tay cao thủ trong nghề buôn, biết tạo ra một môi trường bán hàng rất thuận tiện cho khách hàng. Ở trước cửa chính của “nhà lán” có dựng một cột cờ rất cao, trên đó treo một lá cờ viền sọc lượn nền trắng với bốn chữ rất lớn: “Họ Lã. Dương Định”. Nét chữ rắn rỏi sắc sảo, thể hiện một trình độ văn hóa cao siêu. Gió đưa lá cờ phấp phới tung bay, càng tăng thêm vẻ oai phong ngạo nghễ.

Người họ Lã, đất Dương Định (nay là huyện Ngu tỉnh Hà Nam) đó không ai khác, chính là Lã Bất Vi, một nhà buôn lớn lúc bấy giờ. Tuy tuổi đã ngoài bốn mươi, nhưng trông vẫn còn rất trẻ trung cường tráng, trán rộng, khuôn mặt nhẵn bóng và mồ hôi nhễ nhại, bước chân rất dài nhưng khoan thai. Lã Bất Vi nhã nhặn tiễn đưa một đoàn khách đi ra đến cửa, chấp tay và nói với khách như xin lỗi họ:

– Thưa các vị vương hầu, công khanh, cao nha, đại hộ [1], kẻ tiểu thương này vừa mới chở hàng từ quê nhà ở Dương Định đến đây hôm qua. Sở dĩ đến chậm như vậy là vì đường xá bị chiến tranh liên miên tàn phá, xe cộ đi lại rất khó khăn chậm trễ. Vừa đến nơi đã phải vội vàng bày biện để kịp chào đón quý khách, cho nên hàng hóa chưa thật dồi dào, mẫu mã chưa thật đầy đủ. Hôm nay được chư vị thượng khách không quản ngại thì giờ vẫn chiếu cố đến dự, chúng tôi thật vô cùng cảm kích và vinh dự. Chỉ rất đáng tiếc là lúc này còn quá ít những thứ thượng hảo hạng, chúng tôi rất á náy trong lòng. Đợi vài ngày nữa, sẽ chọn một ít hàng tinh xảo quý hiếm và đích thân mang đến tận nhà quý vị...

– Xin đa tạ, xin đa tạ. Đã nhận được quá nhiều rồi. – Một số vị khách, một tay cầm đồ trang sức hoặc da lông thú, một tay khoát về phía Lã Bất Vi, tỏ ý cảm ơn chủ hàng.

Lã Bất Vi nói tiếp:

– Các vị đã có tấm lòng thịnh tình như vậy, chúng tôi nhất định còn đến hầu hạ.

Một vị khách đáp lại:

– Ngài Lã hậu đãi như vậy, tôi cũng á náy vô cùng. Không nhận thì bất kính, mà nhận thì rất phân vân.

Một người khách khác lên tiếng:

– Theo tôi thì cứ nên trả tiền cho ông chủ theo giá gốc của hàng hóa; không nên để cho nhà buôn cao quý áy quá thiệt thòi!

Lã Bất Vi vội nói:

– Khỏi! Khỏi! Khỏi! Chư vị đều là các yếu nhân của quý quốc nhà Triệu, nay họ Lã tôi đây được may mắn gặp mặt làm quen, là điều vinh hạnh vô cùng to lớn cho kẻ tiểu thương này rồi. Những thứ mà chư vị đã chọn, chỉ là một chút lễ mọn của họ Lã. Chúng tôi muốn bày tỏ lòng kính trọng của mình chứ không dám lấy tiền, không thể lấy tiền...

Các vị khách cũng không khách sáo mãi nữa. Họ nói:

– Quý nhau không bằng nghe lời nhau. Xin đa tạ tấm thịnh tình của ông chủ cao quý! Xin cáo từ. Xin ngài khỏi phải tiễn chân nữa.

– Xin chào quý khách. Xin tha lỗi, không tiễn chân xa hơn nữa!

Sau khi tiễn khách, Lã Bất Vi thấy trời đã tối hẳn, bèn dặn dò đám người giúp việc:

– Hôm nay chỉ bày hàng đến đây thôi, bây giờ phải thu dọn, đem phân loại và chất lên xe đưa về nhà!

Lã Bất Vi vừa dứt lời, mọi người liền bắt tay ngay vào việc thu dọn hàng hóa. Một số người dắt ngựa đến, vội lắp hàm thiếc vào mõm ngựa, lắp càng xe vào, chờ đến khi xe đầy hàng thì đánh ngựa đi về. Lúc này, người bạn tâm phúc và cũng là người quản lý sổ sách tiền nong của Lã Bất Vi là Lã Yên đến bên cạnh Lã Bất Vi. Lã Yên khe khẽ nói bên tai chủ:

– Ông chủ, thế còn cái lán này?

Lã Bất Vi nhìn lên bầu trời tối om, sau đó mới từ từ trả lời câu hỏi của người giúp việc:

– Không cần tháo dỡ lán. Theo ta thì mấy ngày tới trời vẫn không mưa gió gì, lán được dựng ngoài trời, không gây trở ngại cho bất cứ ai.

– Ông chủ nói đúng quá. Thế cũng đỡ mất công! – Lã Yên định quay gót bước đi, bỗng nhớ ra điều gì, liền dừng lại hỏi thêm – Có cần cắt cử người trông coi hay không?

– Cũng được. Khi nào đưa hàng về nhà xong, phiền bác chọn mấy đứa trẻ khỏe ở nhà đến đây canh chừng ban đêm. Những đứa đã làm việc mấy hôm nay ở đây đều mệt nhọc bỏ hơi tai rồi, để cho chúng nghỉ ngơi ở nhà.

Sau khi sắp xếp mọi việc đâu vào đấy, Lã Bất Vi cùng với Lã Yên đi kiểm tra một lượt tất cả các xe hàng, sau đó khoát tay ra hiệu cho một đoàn xe khởi hành. Hai người đứng nhìn đoàn xe lăn bánh khuất dần trong màn đêm. Bỗng Lã Bất Vi nhớ ra một điều gì, ông vội bảo người bạn già:

– Bác chạy theo đoàn xe lấy lại mấy tấm da lông thú, chúng ta phải đi bộ vì xe chở quá nhiều hàng. Dọc đường, tôi và bác có thể đi qua nhà các yếu nhân trong triều hoặc các bậc đàn anh trong ngành buôn bán, những người mà hôm nay họ chưa đến đây, tiện thể chúng ta có cái làm quà biếu họ.

Lã Yên gật đầu, im lặng vâng lời. Hai người rảo bước đi về. Khi hai người đi qua khu phố nhộn nhịp nhất, bỗng Lã Yên lên tiếng nhắc nhở Lã Bất Vi:

– Ông chủ, trời đã sang đông, gió đang thổi mạnh, càng về đêm càng lạnh buốt, không thể coi thường. Có lẽ chúng ta nên dừng bước ở đây, hớp vài chén cho ấm người.

Lã Bất Vi nghe người trợ thủ nói vậy, thấy cũng hợp lòng mình, bèn dừng chân và quay bước vào một quán rượu cạnh đường. Hai người vừa bước vào, chủ quán đã lập tức chạy đến đón đả mời chào:

– Té ra là Lã đại nhân! Đã bao nhiêu ngày rồi chẳng thấy ngài chiếu cố đến cái quán nhỏ này!

Lã Yên trả lời thay cho chủ:

– Chúng tôi về quê Dương Địch lấy hàng, nay mới quay lại đây. Xin sắp xếp một chỗ ngồi riêng cho hai chúng tôi và thấp đèn sáng lên.

Chủ quán lập tức đưa hai người vào một phòng riêng đúng theo yêu cầu và hỏi:

– Xin hỏi hai vị dùng gì?

– Cho một bình rượu đã hâm nóng, hai đĩa thịt, một canh hoa quỳ.

Rượu thịt đã được mang lên, Lã Bất Vi vừa rót một ngụm rượu vừa bảo Lã Yên mang mấy tấm da lông thú vắt lên tấm bình phong chắn gió.

Lã Yên vừa ăn vừa nhỏ to với ông chủ:

– Tôi nói thế này nếu không phải, xin ngài bỏ quá đi cho. Vừa rồi ngài quá vung tay, người ta đã nói đến chuyện trả tiền các tặng phẩm ấy, lẽ ra có thể chiều theo ý khách để

thu về một ít vốn, hà tất phải lên mặt sĩ diện, nhất loạt miễn phí cho mọi người!

– Không sĩ diện thì mặt của tôi vẫn thế. Bác không biết trên đời này từng có câu nói rằng kẻ đến thì chẳng tốt gì, người tốt thì không đến. Nếu lấy của họ một ít tiền để họ chê mình là anh chàng tiểu nhân, chi bằng cho không họ còn hơn. Mà mấy ông lớn này nhận được quà của mình, họ sẽ sai bảo quan chức cấp dưới của họ nói tay cho ta, ta có thể rộng đường định giá hàng hóa, họ cũng có thể đánh thuế của ta thấp hơn một chút. Vậy chẳng mấy chốc mà lại vốn! Đại quân gia của tôi có hiểu không? – Nói xong, Lã Bất Vi cười sảng khoái.

– Ngài tính toán thật tinh tường chu đáo, già này xin phục sát đất! – Lã Yên vừa nói vừa nâng cốc.

Lã Bất Vi chạm cốc và uống một hơi thật dài, rất đặc ý:

– Làm cái nghề buôn bán này không phải chỉ biết nghĩ mà còn phải biết nhìn, nhìn thương trường đã đành, lại còn phải nhìn quan trường!

Vừa lúc ấy bỗng có hai người đẩy cửa bước vào. Họ ngồi ở một phòng rộng bên ngoài, đối diện với căn phòng mà Lã Bất Vi đang ngồi. Sau khi nhắm nháp rượu thịt, vị khách lớn tuổi ngược mắt nhìn thấy tấm da lông thú vắt trên bức bình phong, hình như rất ưa mắt nên ông ta bước đến ngắm nghía rất kỹ, toan đưa tay sờ vào hiện vật.

Lã Yên thấy vậy bèn vội bước tới can ngăn:

– Hình như ngài muốn dùng mấy tấm da thú này phải không ạ?

– Cố nhiên rồi. Loại hàng này, ta cũng có hiểu biết đôi chút. Chẳng qua ngồi đằng ấy hơi xa, trời lại tối, đèn dầu mù mờ nhìn không rõ, nên mới đến tận nơi xem kỹ một chút. – Vị khách nói hơi dài nhưng rất nhã nhặn.

– Xem thì được, nhưng xin đừng sờ tay vào. – Lã Yên nói năng hơi nặng giọng một chút.

– Không được sờ thì làm sao biết được tốt hay xấu. – Người khách tỏ vẻ không vui.

Lã Bất Vi thấy hai người cứ đôi co mãi bèn vội đứng dậy phân giải:

– Xin ngài quan khách chớ hiểu lầm chúng tôi. Mấy tấm da này chúng tôi sửa soạn đem biếu mấy đại nhân trong phủ, chứ không phải đem bán. Bác quân gia của tôi nói năng không rõ ràng, xin các vị bỏ quá đi cho.

– Đã vậy thì không ép bán nữa.

Vị khách kia nắm chặt hai tay để chào và cáo từ, nhưng bỗng nhận ra Lã Bất Vi, vội “ồ” lên một tiếng và mừng rỡ:

– Té ra là Lã đại thương gia. Đây là hàng của Lã phủ Dương Dịch, hẳn phải là loại thượng hảo hạng, danh bất hư truyền mà.

Nghe nói vậy, Lã Bất Vi bất giác cảm thấy có chút ngỡ ngàng. Ông vội đáp:

– Không dám, tôi chỉ vào hạng tiểu thương mà thôi. Xin hỏi đại nhân tại sao lại biết tôi là Lã Bất Vi?

– Kể hạ quan là Công Tôn Càn, được triều đình giao cho chức “lễ tân” ở nhà khách Tùng Đài. Hạ quan đã nhiều lần nhìn thấy đại thương gia đến dự tiệc hoặc tiếp kiến tân khách ở đó. Nơi ấy chỉ đón tiếp các thượng khách của triều đình hoặc của các đại thần. Hạ quan rất may mắn được phục dịch nơi sang trọng đó và cũng từng chứng kiến phong độ quan lớn của ngài. – Vị khách kia một lần nữa nắm chặt hai lòng bàn tay để tỏ thái độ cung kính Lã Bất Vi.

– Vậy ra ngài là Công Tôn đại nhân, thầy tớ chúng tôi có mắt như mù, chẳng nhận ra thượng quan tôn quý, để đến nỗi buông lời thất lễ, xin ngài rộng lượng hải hà.

Nói xong, Lã Bất Vi còn ra hiệu cho Lã Yên nói lời xin lỗi. Lã Yên là con người rất khéo mồm khéo miệng:

– Không đáng trách kẻ tiểu nhân không biết việc biết người. Công Tôn đại nhân là

thượng quan nơi phủ đường, chắc là không chấp những chuyện nhỏ mọn ấy. – Nói xong, Lã Yên liền bảo chủ quán đưa rượu thịt của Công Tôn Càn đến phòng riêng của Lã Bất Vi, bốn người cùng chén thù chén tạc một bàn. Khi mọi người đã ngà ngà say, Lã Yên nhanh nhẩu đưa tiền thanh toán toàn bộ.

Công Tôn Càn vừa gọi người trẻ tuổi kia cùng lại nhậu nhẹt vừa nói lời cảm tạ Lã Yên:

– Ngẫu nhiên gặp nhau, sao lại để một mình quý ngài trả cả tiền, e rằng không tiện.

Lã Bất Vi nâng cốc chúc rượu hai người, bỗng thấy nét mặt người trẻ tuổi không vui, lại còn cúi đầu như đang nghĩ ngợi điều gì mông lung ghê lẫm, bèn hỏi Công Tôn Càn:

– Xin ngài giới thiệu vị khách này để chúng tôi tiện bề giao tiếp. Chúng tôi là tiểu thương ở nơi khác đến đây, cũng chỉ là khách tạm trú và nương tựa vào sự giúp đỡ và chiếu cố của các thương gia quý quốc mà thôi. Hôm nay may mắn được gặp Công Tôn đại nhân, thật là duyên phận quá dày. Nay ngồi với nhau bên chén rượu với bữa cơm thường, chẳng phải là mâm cao cỗ đầy, chỉ bày tỏ chút lòng thành kính của kẻ hèn mọn.

Lúc này Công Tôn Càn mới sực nhớ ra, bèn vội vàng trả lời:

– Xin ngài thứ lỗi, suýt nữa thì tại hạ quên mất một việc trọng đại. – Nói xong liền quay người sang hai phía và nói giới thiệu:

– Đây là đại thương gia Lã Bất Vi, quê ở Dương Dịch nước Hàn.

Gã thanh niên vội nắm tay chào và nói:

– Rất vinh hạnh! Rất vinh hạnh!

Công Tôn Càn nói tiếp:

– Đây là công tử Dị Nhân đến từ Hàm Dương nước Tần.

Khách chưa nói dứt lời Lã Bất Vi đã rất kinh ngạc, bắt giác thốt lên:

– Vậy là đại huynh đây là cháu của vua Chiêu Vương nước đại Tần, là con của điện hạ An Quốc Quân. Và ngài đã đến đây làm con tin nhiều năm nay ở nước Triệu này?

– Đúng thế, ta là công tử Doanh Dị Nhân! – Người thanh niên bẽn lễn trả lời.

Lã Bất Vi tỏ ra vui mừng, giọng nói cũng có vẻ xúc động. Ông ta nói rất trịnh trọng:

– Kẻ tiểu thương này từ lâu đã hay tin đại vương nhà Tần cho người cháu của mình sang làm con tin ở nước Triệu và ở tại Tùng Đài, nhưng không ai cho gặp, nên không dám mạo phạm tiếp kiến. Nay bỗng được hội ngộ ở đây thật là dịp may ba kiếp đời [2] mới có một lần!

– Ta cũng chỉ là khách ở Hàm Đan này mà thôi. Nhưng so với ngài thì còn hèn kém hơn, thật tự thẹn trong lòng. – Doanh Dị Nhân nói rất thẳng thắn.

Lã Bất Vi tỏ vẻ hoảng sợ và nói rất khiêm nhường:

– Họ Lã tôi đây bất quá cũng chỉ là một lái buôn, sao có thể sánh ngang với công tử là con cháu hoàng gia được!

Doanh Dị Nhân không tiện đối đáp bèn đưa mắt ra hiệu cho Công Tôn Càn, có ý để ông ta nói.

Công Tôn Càn biết ý bèn nói với Lã Bất Vi:

– Ngài là đại thương gia, dù buôn chuyến hay buôn ngồi, cũng đều tự do làm theo ý mình. Còn công tử đây làm con tin, mỗi lời nói hay hành động đều bị theo dõi chặt chẽ. Bể chúc tiếng là làm lễ tân nhưng thực ra là trực tiếp giám thị công tử Doanh Dị Nhân theo đúng lệnh của nhà vua Hiếu Thành nước Triệu.

Câu trả lời ấy càng làm cho Lã Bất Vi thêm kinh ngạc, Lã hỏi lại:

– Sao, có chuyện như vậy ư?

– Cũng không hoàn toàn như vậy. – Doanh Dị Nhân vừa cười gằn đau khổ, vừa nói: – Mỗi khi hai nước hòa hiếu với nhau thì tôi được mặc gấm vóc, ăn cao lương mỹ vị, và nghiêm nhiên đóng vai một sứ giả của nước lớn. Nhưng khi nào hai bên xảy ra bất hòa,

chống đối lẫn nhau, lúc ấy người ta coi tôi chẳng khác gì một tên giặc ngoại xâm bị bắt làm tù binh, họ theo dõi từng lời ăn tiếng nói của tôi, chàng những làm nhục một công tử như tôi, mà còn liên lụy đến đại nhân Công Tôn Càn, làm cho ngài đây vô cớ bị oan, khiến lòng tôi luôn thấp thỏm lo âu.

Đến đây, Lã Bất Vi thật sự cảm thấy rất khó ăn nói. Công Tôn Càn lại bổ sung thêm. Ông ta hạ giọng:

– Lúc bình thường thì công tử là thượng khách; ở tại dịch quán Tùng Đài, bị chức làm phục dịch lễ tân. Công việc như vậy cũng vui vẻ êm xuôi. Nhưng chẳng hiểu có gì gần đây hai nước lại xích mích rồi đi đến găm ghè lẫn nhau, bên nào cũng gươm tuốt khỏi vỏ, nỏ đã căng dây. Vua Triệu bèn đưa công tử ra ở ngoại thành Hàm Đan, tăng cường giám sát. Hạ quan đã theo hầu công tử nhiều năm, nên được triều đình tin cậy và giao cho giữ chức “úy” để giám sát công tử. Vai hôm nữa sẽ lên ngựa đi đến chỗ ngoại ô xa xôi hẻo lánh đó.

– Tuổi còn trẻ thế này mà đã phải hứng chịu bao nỗi nhọc nhằn vì quốc sự. Đất trời xoay chuyển khôn lường, vậy mà công tử cũng chịu nổi! – Lã Bất Vi tỏ lòng đồng cảm sâu sắc với Doanh Dị Nhân.

– Tôi đã ném trái mìn mấy năm trời trong cảnh ngộ biến đổi thất thường như thế này rồi. Hầu như chỉ còn cách nhẫn nhịn chịu lụy, chứ biết làm sao được? – Doanh Dị Nhân lại cười gằn trong đau khổ, rồi dăm chiêu hồi tưởng lại những năm tháng buồn thảm của cuộc đời.

Mười tám năm trước đây, tức năm thứ hai mươi tám vua Chiêu Vương nhà Tần (năm 279 trước Công nguyên), nước Tần và nước Triệu ký kết thỏa ước ngừng chiến v hòa hiếu. Sở dĩ hai nước đi đến sự thỏa thuận lịch sử đó là vì nước nào cũng muốn được nghỉ ngơi để lấy lại sức sau bao nhiêu năm đánh nhau liên miên, lúc thì bên này thắng, lúc thì bên kia đánh bại bên này, gây ra không biết bao nhiêu tai họa cho cả hai nước, sản xuất đình đốn, đời sống nhân dân ngày càng lầm than khốn khổ, nhân khẩu ngày một hao mòn. Trong hai nước, thì nước Tần dù sao cũng là nước lớn hơn, nên đã chủ động gửi con tin sang Triệu. Con tin đó phải là con cháu hoàng gia, như vậy sẽ có giá trị làm yên lòng nước Triệu.

Sau khi suy nghĩ xếp đặt như trên, Tần Chiêu Vương cho gọi thái tử An Quốc Quân và vợ là Hoa Dương phu nhân đến và ra khẩu dụ:

– Nay nước ta đã ngưng chiến và hòa hiếu với nước Triệu; lại còn phải đưa một hậu duệ hoàng gia sang Hàm Đan nước Triệu, thay mặt nước ta làm con tin bên ấy để giữ chữ tín với họ.

An Quốc Quân chăm chú lắng nghe và có ý thăm dò suy nghĩ của vua cha. Tuy hơi sợ sệt những cũng hỏi lại:

– Ý chỉ của phụ vương là tìm một người trong hàng anh em nhi thần? [3]

– Không. Không. Không. Thế hệ các người đã quá tuổi tự lập. Hơn nữa, đều đã có gia thất, không tiện đi xa sang tận nước khác. – Nhà vua trả lời.

– Như vậy thì chỉ có thể lựa chọn trong hàng cháu của phụ vương mà thôi. – Hoa Dương phu nhân nói. Nhờ có cương vị ở “đông cung” [4] của thái tử, nên Hoa Dương phu nhân có hiểu biết chút ít ý đồ của vua cha. Vì vậy, bà vừa nói xong, Tần Chiêu Vương liền gật đầu chấp nhận.

– Ý trẫm cũng chính là ý nhà ngươi vừa nói. – Chiêu Vương vừa đưa tay vuốt nhẹ chòm râu vừa mỉm cười gật đầu.

An Quốc Quân lập tức ủng hộ:

– Phụ vương đã có chỉ dụ rõ ràng như vậy, nhi thần nhất định tìm người đúng theo ý chỉ phụ vương, quyết không để cho ai gây khó khăn cản trở.

Chiêu Vương vẫn giữ thái độ khách quan, công bằng:

– Trẫm và các cháu cách xa nhau một đời người, không hiểu rõ mọi chuyện nên chỉ có thể nói với các ngươi những hướng lớn vậy thôi. Cụ thể chọn ai, các ngươi phải bàn bạc và định đoạt. Khi nào lựa chọn được người cụ thể hãy trình lên Trẫm, để phát thánh chỉ, giao

cho triều đình sai sứ đưa sang Hàm Đan nước Triệu. Việc này rất gấp cần làm ngay cho kịp.

Vợ chồng thái tử An Quốc Quân trở về phòng của mình. Hai người ra lệnh cho các tỳ nữ và hoạn quan lui ra để bàn bạc kín đáo. Lúc này, An Quốc Quân tỏ ra rất do dự, chẳng biết nên lựa chọn đứa con nào của mình.

Hoa Dương phu nhân chủ động nói với thái tử:

– Thần thiếp rất thông cảm với nỗi lòng trắc ẩn của thái tử. Chỉ vì thần thiếp là chánh thất ở đông cung, nhưng ông trời không ban phúc cho thiếp, không sinh cho thái tử một đứa con làm thừa tự, nếu có con thì hôm nay đã có người đi làm con tin, thái tử sẽ bớt phân lo nghĩ.

– Nàng không sinh con, hóa ra những lời vừa nói chỉ là “đánh giặc trên giấy”, chẳng giúp ích gì cho công việc trước mắt. Điều rất gay cấn hiện nay là ta có khoảng hai mươi đứa con trai do sáu, bảy cung phi sinh ra. Đưa một đứa đi làm con tin là hết sức hệ trọng, là chuyện sống chết. Các con đều là máu mủ của mình, các phi đều là mẹ đẻ của chúng. Ai có thể nhẫn tâm dằn lòng cho con mình đi xa ngoài nghìn dặm để quý lạ nơi thù địch, sống cuộc đời một tên tù cô đơn khổ hạnh?

Hoa Dương phu nhân không cầm được nước mắt:

– Thiếp vì số kiếp không sinh con, nhưng bẩm sinh vẫn có tình mẫu tử, vẫn đau cái đau của bất cứ người mẹ nào có con phải đi làm con tin. Phụ vương bảo thần thiếp phải cùng bàn bạc và định đoạt việc này là có ý coi trọng vai trò chủ trì đông cung của thiếp. Nhưng thiếp trộm nghĩ, nếu như các cung phi biết được thiếp có can dự vào việc này, e rằng khó tránh khỏi bị họ nghi kỵ, chê trách, thậm chí trả thù. Cho nên rất mong thái tử tự mình quyết lấy!

An Quốc Quân cảm thấy những lời tâm huyết của người vợ mà mình chiều chuộng nhất, thật sự xúc động, chân thành, nên không trách móc nàng nữa. Ông quay ra ôn tồn an ủi Hoa Dương. Ông trầm trọc suy nghĩ rất lâu như trăm mối tơ vò, không sao chớp mắt được, mặc dù Hoa Dương đã thở đều đều trong lòng ông, bình an vô sự như không có bất cứ điều gì đang xảy ra. Ông hiểu rất rõ rằng đâu cho đưa đứa con của bất cứ cung phi nào đi làm con tin thì cũng đều gieo tai họa đau đớn cho người mẹ. Vì vậy, phải suy xét thật chu đáo, cân nhắc kỹ càng xem mức độ chịu đựng đau khổ của mỗi người mẹ đối với người con như thế nào; cũng như quan hệ của bản thân ông đối với mẹ con họ ra sao, sau đó mới có thể quyết định. Bằng cách đó An Quốc Quân đã lần được manh mối, đã tìm được đứa con có thể làm con tin. Đến đây, ông thấy mình thư thái hơn, nhẹ nhõm hơn, thanh thản hơn, rồi giấc ngủ kéo đến với ông lúc nào không biết nữa. Lúc tỉnh dậy thì đã quá muộn, đã quá giờ Tý sắp sang giờ Ngọ rồi. Ông vội ngồi dậy, chải qua tóc và nói những điều suy nghĩ tối hôm qua với nàng Hoa Dương yêu quý. Một mặt, ông sai nô tỳ cho gọi nàng Hạ Cơ đến.

Hạ Cơ ăn mặc sơ sài, khuôn mặt xanh xao vì đau yếu. Tuy nhiên đằng sau khuôn mặt u buồn với đôi mắt dăm lệ của nàng vẫn lộ rõ những nét đẹp quyến rũ và dáng vẻ dịu hiền nhưng mềm yếu của người mẹ trẻ. Hạ Cơ quý xuống, sợ hãi trong lòng, nói khẽ khàng:

– Thần thiếp cúi đầu vấn an thái tử điện hạ và Hoa Dương phu nhân.

An Quốc Quân nói với nàng, giọng hơi dè dặt:

– Người hãy ngẩng đầu lên để nghe ta đọc ý chỉ của phụ vương.

– Thần thiếp xin tuân thủ! – Hạ Cơ ngẩng đầu, nhìn thẳng. Đôi mắt nàng vẫn không giấu nổi sợ hãi và thất vọng. Trong khi đó, An Quốc Quân, người chồng đã có một con với nàng, nói rất trịnh trọng và nghiêm khắc:

– Nước đại Tần ta và nước Triệu đã ngừng chiến giãng hòa. Để giữ chữ tín với đối phương, phụ vương đã chỉ định Doanh Dị Nhân, con trai nhà người, sang làm con tin ở Hàm Đan nước Triệu, coi như đi làm sứ mạng theo mệnh lệnh quốc gia.

– Bẩm thái tử điện hạ, con trai Doanh Dị Nhân của thiếp cũng là con của thái tử. – Hạ Cơ nhắc nhở đức ông chồng tôn quý – Nàng nói rất bình tĩnh.

Tâm trí An Quốc Quân bỗng hụt hẫng chốc lát, ông phải gật đầu:

– Điều đó là lẽ đương nhiên rồi. Cũng chính vì lẽ đó mà ta được giao việc truyền đạt ý chỉ phụ vương cho nhà ngươi, rất mong nhà ngươi thấu hiểu để làm theo đúng chỉ lệnh phụ vương.

– Đã là ý chỉ của phụ vương, dù con rể hay con dâu, đều phải kính cẩn chấp hành. Có điều, việc lựa chọn này có lẽ không phải là ý tưởng của phụ vương! – Hạ Cơ tuy đang ở vào thế bị lép vế, nghịch cảnh, nhưng vẫn không kém nổi đức tính ngay thẳng chân chất của mình.

– Ngươi nói vậy, hóa ra trong chuyện này phải chăng có điều gì lắt léo, khuất tất? – Hoa Dương phu nhân nói xen vào. Nhưng nếu tinh ý thì thấy những lời của bà có vẻ giấu đầu hở đuôi.

Nhân đà đó, Hạ Cơ nói tiếp, giọng đanh lại:

– Phụ vương hàng ngày phải lo trăm công nghìn việc, luôn luôn nhọc nhằn vì quốc sự, rất hiếm khi phụ vương có thì giờ hỏi han đến đàn cháu vừa đông vừa xa cách về tuổi tác nên hầu như không hiểu hết mọi chuyện. Việc sai phái người làm con tin, sao không chọn những đứa cháu đàn anh đã khôn lớn hiểu đời, sao lại bắt con thiếp là đứa trẻ chưa một chút từng trải, còn rất non dại, phải gánh vác trọng trách quốc sự nặng nề như vậy. Theo thần thiếp, trong chuyện này chắc chắn là có điều gì lắt léo, khó hiểu!

An Quốc Quân chịu không nổi nữa, bèn phát khùng lên:

– Nhà ngươi sao dám nghi ngờ công việc tâu chính, cả gan huyền hoặc phụ vương!

– Thần thiếp không dám. Nhưng Doanh Dị Nhân miệng còn hôi mùi sữa, vậy mà cũng bắt đi làm con tin, rõ ràng là do lòng thiên vị của thái tử! – Hạ Cơ nói rất quyết đoán.

An Quốc Quân không khỏi động lòng, song vẫn dè dặt bao che cho việc làm của mình:

– Hai mươi mấy đứa con trai đều là ruột rà của ta cả, làm gì có chuyện thiên vị đứa này đứa kia?.

Hạ Cơ đáp lại một cách lạnh lùng, chua chát:

– Sự thiên vị của thái tử không phải nhằm vào con trai chúng ta là Doanh Dị Nhân, mà là nhằm vào thần thiếp đây này!

– Xem ra nhà ngươi rất biết soi mình. Nhưng sở dĩ ta có đối xử thiên lệch với nhà ngươi, cũng đều là do nhà ngươi tự mình chuốc lấy mà thôi. – Như vậy, An Quốc Quân càng nói càng bộc lộ rõ sự thiên vị của mình, mặc dù ông ta cứ muốn ép đối phương tự nhận lấy mọi tội lỗi về mình.

Đến đây, Hạ Cơ biết rằng chuyện này đã được định đoạt xếp đặt đâu vào đấy rồi, chắc không thể thay đổi được nữa, nên không tiếp tục tìm kiếm may rủi nữa, nàng không thể giấu mãi nỗi buồn chất chứa bấy lâu trong lòng:

– Năm xưa thần thiếp được tuyển vào đây, chưa bao giờ dùng “mỹ sắc” để đùa bỡn với thái tử, thiếp chỉ dựa vào “mỹ đức” là điều duy nhất để phò tá thái tử đứng ra làm chủ đông cung. Ngờ đâu lại bị ghẻ lạnh đến nỗi này!

– Nhà ngươi đã biết rõ là mình bị thất sủng, cơ sao cứ lấy chuyện nợ xọ chuyện kia để oán trách ta? – An Quốc Quân không muốn nghe Hạ Cơ nói tiếp nữa.

Nhưng Hạ Cơ vẫn tiếp tục thổ lộ hết tâm trạng đau buồn trong lòng: .

– Thái tử đã đối xử với thần thiếp như vậy, thần thiếp cũng chỉ biết cam chịu số phận. Nhưng vẫn trông ngóng thái tử nhìn nhận Doanh Dị Nhân với tình nghĩa cha con. Được vậy thì thiếp mãn nguyện lắm rồi. Ai ngờ nay lại vì ghét mẹ mà đày con đi xa, nhẫn tâm đưa giọt máu của mình cho kẻ thù chà đạp giày xéo. Hỡi trời cao đất dày, chẳng lẽ ngài lại lòng gang dạ sắt như vậy ư? Thái tử chẳng còn chút tình nghĩa gì với thần thiếp thì đã đành, nhưng với đứa con dứt ruột đẻ ra vẫn không chút thương xót nào hay sao?

An Quốc Quân cảm thấy xấu hổ nhưng lại phát khùng phát cáu lên:

– Nhà ngươi dám ăn nói bất kính với ta như vậy ư, thật quá lắm, quá lắm! Bay đâu, đem con giặc này vào “cấm cung”, từ nay không cho gặp Doanh Dị Nhân nữa!

Mấy viên quan hoạn xộc vào, lôi xềnh xệch Hạ Cơ ra ngoài. Hạ Cơ vẫn tiếp tục nói:

– Thần thiếp từ lâu đã không còn cầu mong gì đến chuyện sủng ái, nhưng thái tử lại nữ chia lìa mối tình mẫu tử, tâm địa đâu mà tàn nhẫn thế, sao lại có người tàn nhẫn thế? – Tiếng kêu than náo nùng của người mẹ đáng thương cứ xa dần, xa dần.

Mọi người chứng kiến cảnh ấy ai cũng cảm thấy vô cùng sùng sốt nhưng ai dám lên tiếng.

Hôm nay, cung điện Hàm Dương nước Đại Tần rộn ràng tiếng trống, văn võ bá quan tề tựu. Còn có mặt cả các hoàng thân quốc thích mà xưa nay rất ít tham dự triều chính. Họ đứng hai bên theo thứ tự đẳng cấp và vương vị trên dưới. Vua Tần Chiêu Vương ngồi chính giữa điện, tiếp nhận quần thần bái lạy. Sau đó ngài đưa tay ra hiệu cho An Quốc Quân tuyên đọc thánh chỉ.

An Quốc Quân đứng trước mặt nhà vua, hai tay giơ thẳng bản thánh chỉ và đọc đồng dục:

Duy ngã đại Tần, đức uy viễn đá.

Chư hầu hàm phục, cao tấu khải ca.

Vi dân sinh tụ, vĩnh cố sơn hà.

Toại dự Triệu quốc, đính ước cầu hòa.

Vương tôn Dị Nhân, thiên lý bôn ba.

Vi chất bỉ bang, tương giao hòa mục.

Quốc sự tại thân, xã tắc trọng thác.

Khắc thành sứ mệnh, tổ đức di mô.

Khâm thủ.

Dịch ý:

Nước Đại Tần ta, uy đức hải hà

Chư hầu bái phục, khải hoàn ngợi ca

Còn dân còn nước, xây đắp sơn hà

Nay cùng Triệu quốc, hòa hiếu cầu thân

Vương tôn Dị Nhân, cử sang quý quốc

Đặng làm con tin, bang giao hòa mục.

Việc nước nặng nề, xã tắc giao phó.

Làm tròn sứ mạng, báo đáp tổ tiên.

Khâm thủ.

Hoa Dương phu nhân dắt tay Doanh Dị Nhân (năm ấy lên mười) đi nhanh đến trước mặt thái tử và ấn tay lên vai em, bảo quỳ xuống và nhắc:

– Mau nhận chỉ, tạ ơn đi!

Doanh Dị Nhân đang ngỡ ngàng trước khung cảnh lễ nghi quá ư long trọng, bỗng luống cuống nhắc lại như con vẹt lời nói của Hoa Dương phu nhân:

– Mau nhận chỉ, tạ ơn đi!

Mọi người bật cười. Nhà vua đành phải giải thoát cho mọi người bằng cách khẽ gạt đầu và nói:

– Xem ra tuổi còn hơi nhỏ. Nhưng từ nhỏ đã ít nhiều tiếp xúc với cuộc sống, sau này lớn lên mới có thể đảm đương được việc lớn! – Tiếp đó, ngài nói với Hoa Dương phu nhân – Hãy đốt hương tẩm gội cho cháu, sau đó đưa đi chào từ biệt các cung thất. Dạy cho cháu nó ghi nhớ rằng mình là con cháu hoàng gia Đại Tần ta.

Hoa Dương thừa dịp, liền xin ý chỉ nhà vua:

– Thừa phụ vương, thế còn mẹ đẻ của cháu là Hạ Cơ?

– Ta đã nói rồi, không cho hai mẹ con gặp nhau nữa; vả lại Hạ Cơ đã bị đưa vào cung cấm rồi! – An Quốc Quân vẫn không thay đổi ý kiến.

Nhà vua vội nói:

– Dầu rằng Hạ Cơ đã bị giam vào cung cấm, nhưng tình mẫu tử không thể cấm đoán được. Huống chi Doanh Dị Nhân lần này ra đi không biết ngày nào về, khó tránh hết rủi ro, có thể là chuyện “sinh ly tử biệt”, cho nên, hãy cứ cho hai mẹ con gặp nhau một lúc là hay hơn.

Hoa Dương phu nhân vội vàng quỳ xuống và kéo cả Doanh Dị Nhân quỳ xuống, nói rất cung kính:

– Tạ ơn đại đức phụ vương! – Nói xong liền dắt theo Doanh Dị Nhân lui nhanh ra phía ngoài.

Trong khi triều đình đang diễn ra cảnh tượng long trọng trang nghiêm như vậy thì một không khí hoàn toàn trái ngược đang bao trùm nơi cung cấm. Cấm cung tuy cũng ở trong khuôn viên hoàng cung, nhưng đây luôn là nơi vắng lặng nhất, buồn tẻ nhất, là nơi đầy đọa những người trong hoàng cung bị thất sủng. Hạ Cơ là người mới đến. Nàng bị nhốt trong một căn nhà thấp lè tè ở mé phía tây. Tiếng hát của nàng vọng ra nghe sao mà não lòng, tê tái. (Bài ngâm mỗi câu tám chữ, dịch ý như sau):

Trăng lạnh sao buồn soi song cửa

Một mình vò võ suốt năm canh

Chàng hỏi sao mà bạc ác thế,

Chia lìa đôi ngả mẹ con ta.

Ngõ vắng đêm dài ai thấu chăng,

Quạ đêm quang quác đến kinh hồn.

Nhớ thương con nhỏ đau lòng mẹ,

Ở nơi xa ấy họa hay lành?

Hạ Cơ đang định ngâm tiếp thì cánh cửa nặng nề hé mở. Nàng bất ngờ hoảng hốt dán mắt ra phía cửa, tim đập thình thịch, căng thẳng, sợ hãi, tưởng như sắp có một tai họa gì đang ập tới. Nàng vội đưa tay sửa lại mái tóc đang rối bù, dụi khô hai hàng nước mắt trên gò má. Bỗng hai bóng người hiện ra trước khung cửa, họ bước lại phía nàng mỗi lúc một gần. Hóa ra là Hoa Dương phu nhân và đứa con yêu quý Doanh Dị Nhân.

Hoa Dương phu nhân đến gần Hạ Cơ khẽ khàng lên tiếng:

– Hạ Cơ, ta đưa Doanh Dị Nhân đến thăm em đây!

Bất ngờ quá! Sự việc vượt quá sức tưởng tượng của mình, Hạ Cơ chẳng biết nói thế nào cho phải, chỉ biết quỳ xuống, ngước mắt nhìn chăm chặp vào hai người mới đến. Một phút ngỡ ngàng trôi qua, Hạ Cơ mới nói nên lời:

– Cảm ơn phu nhân. Phu nhân còn đến đây được à? Lại còn cả Doanh Dị Nhân con ta nữa...

– Mau gọi mẹ đi con. Hãy đỡ mẹ đứng dậy! – Hoa Dương vừa lau nước mắt vừa nhắc nhở cậu bé.

Doanh Dị Nhân đang sững sờ trước thảm cảnh của mẹ mình, bỗng như bừng tỉnh sau lời sai bảo của Hoa Dương phu nhân. Em vội vàng cúi xuống đỡ mẹ đứng dậy và khóc òa lên:

– Mẹ ơi mẹ. Mẹ ơi mẹ! – Em lăn xả vào lòng mẹ.

– Hỡi ôi, con tôi. Hỡi ôi, con tôi! – Hạ Cơ ôm chặt con mình. Qua mùi thơm từ quần áo của Hoa Dương phu nhân và lời nói dịu ngọt của bà, một tia hy vọng vút qua trong đầu Hạ

Cơ. Nàng hỏi, giọng hơi hấp tấp:

– Vậy con không đi nước Triệu nữa à, cha con đã suy nghĩ lại rồi sao?

Với bản tính nhút nhát, Doanh Dị Nhân chẳng biết trả lời mẹ thế nào, chỉ biết quay nhìn về phía bà Hoa Dương và ấp úng:

– Con, con...

Hoa Dương phu nhân nói với Hạ Cơ, giọng bà rất buồn:

– Không phải đâu. Doanh Dị Nhân sắp đi rồi. Sáng nay thánh chỉ của phụ vương đã được tuyên đọc. Lúc phụ vương ra lệnh đưa cháu đi chào các cung thất, chị đã tranh thủ xin phụ vương khai ân, cho hai mẹ con em gặp nhau một lúc.

– Vậy à? Sắp phải đi rồi sao? Thật sự phải xa mẹ rồi sao? Mẹ đã tưởng chẳng bao giờ được gặp con nữa. – Hạ Cơ ghì chặt con vào lòng và lẩm bẩm.

– Nếu như không phải đến tận nước Triệu xa xôi ngàn dặm, thì chắc gì phụ vương đã ngó ngang đến những đứa cháu này, và chắc gì ngài đã cho phép chị đưa cháu đến thăm em? – Hoa Dương phu nhân nói rất chân thật.

Hạ Cơ nấc lên một tiếng rồi quỳ rạp xuống, nước mắt lã chã tuôn rơi:

– Đa tạ phụ vương giàu lòng nhân đức. Mẹ con con khấu đầu bái lạy muôn lần. – Rồi bỗng nhiên giọng nàng lại đầy than thở: – Giá như thái tử có lấy một nửa tấm lòng đôn hậu của phụ vương, để không quên mối tình cốt nhục máu mủ, thì mẹ con ta đâu đến nỗi này! – Nói chưa dứt lời, nước mắt nàng lại đã tuôn như mưa.

– Khốn nỗi con cái của thái tử quá đông; lại đang lúc quá ư tự trọng [5], rất khó chấp nhận những lời nói trái với ý muốn của mình, nên thái tử đã phải dồn ép em đến mức thế này. Nói thực lòng, việc cắt cử người làm con tin lần này là một việc rất khó xử đối với thái tử. Cuối cùng, thái tử đã phải quyết đoán đứa con nào có thể miễn cưỡng chấp nhận được [6] trong tất cả các đứa con ruột thịt của mình. Không may là lại rơi vào con của em, đó là điều khó tránh khỏi. – Hoa Dương phu nhân vẫn cố ý bao che cho chồng, rất thông cảm với chồng.

Lúc này các cung nữ hầu cận nhắc nhở:

– Đã quá muộn rồi, xin phu nhân và công tử về cung.

Hoa Dương phu nhân đành phải chào từ biệt Hạ Cơ. Bà an ủi nàng:

– Chị và cháu đi về đây. Em phải chú ý giữ gìn sức khỏe, tâm tư phải thanh thản một chút. Khi nào gặp thái tử, chị sẽ tùy cơ ứng biến, sẽ giải bày nỗi oan khuất của em. – Nói xong, bà quay sang nói với Doanh Dị Nhân – Mau chào mẹ con đi.

Hai mẹ con lại ôm nhau nức nở. Hạ Cơ móc trong túi áo ra một bông hoa cài tóc bằng ngọc và đưa cho con. Nàng nói:

– Vật này do bà ngoại cho mẹ, là bùa ngọc đuổi tà của mẹ. Con phải luôn luôn đeo vào cổ, khi gặp nạn có thể biến họa thành phúc. Nay con phải đi xa, sống ở nơi tha hương dị quốc, bất cứ nói gì làm gì con cũng phải thận trọng. Con phải luôn ghi nhớ công việc nặng nề mà đức vua – ông nội con đã giao phó. Con cũng không bao giờ được quên nỗi đau không nguôi trong lòng mẹ!

Doanh Dị Nhân nhận lấy “bùa ngọc”, nghẹn ngào nói lời từ biệt mẹ:

– Con sẽ ghi nhớ lời mẹ. Mong mẹ hết sức giữ gìn sức khỏe.

– Con cứ yên tâm. Ta sẽ năng đi lại thăm nom mẹ của con. – Dương phu nhân dặt tay Doanh Dị Nhân đi ra.

Hai người bước đi chậm chậm nặng nề, thỉnh thoảng còn ngoái cổ lại, ngập ngừng, luyến tiếc, xót thương. Hạ Cơ cũng bước theo mấy bước rồi vịn tay vào bậc cửa, đứng nhìn, đôi mắt tuyệt vọng dõi theo hình bóng của đứa con khuất dần trong đám cung phi theo hầu bà Hoa Dương. Bông nước mắt lại giàn giụa khiến nàng không còn nhìn thấy bất cứ một ai nữa. Cuộc sống cô quạnh buồn tẻ lại bắt đầu.

Sau này mỗi khi nhớ lại giờ phút biệt ly thương tâm ấy, Doanh Dị Nhân lại giàn giụa nước mắt, lấy rượu giải sầu, ngâm nga những vần thơ não lòng (thơ tám câu, mỗi câu tám chữ, dịch đại ý như sau):

Mẹ nơi cung cấm lạnh lẽo mưa dầm.

Con ra đi xa, xẻ ghé đàn tan.

Mẹ sống một mình heo hút cô đơn,

Một ngày lại một điểm sương héo tàn.

Hai nước hiếu hòa, anh em thân thiết.

Lúc đánh nhau chí chết mới thôi.

Sáng là thượng khách đứng ngồi trên cao,

Chiều về nô lệ đưa vào nhà giam.

Lời nói và giọng ca của Doanh Dị Nhân khiến cho mọi người xung quanh xúc động. Lã Bất Vi tỏ ra rất thương cảm. Ông nói rất chân tình:

– Nay mới biết nỗi lòng u uất của công tử. Công tử chưa bước vào đời đã phải xa lìa cha mẹ, lại phải gánh nặng trên vai việc quốc sự to lớn! Buồn lắm thay. Thảm lắm thay! – Nói xong, Lã Bất Vi lấy hai tấm da lông thú tặng cho hai người. Ông nói: – Hôm nay bất ngờ gặp mặt, thật là duyên may hiếm thấy. Tôi là một thương nhân, chẳng có gì ngoài vật nhỏ mọn này. Mong hai vị vui lòng nhận cho, để tôi có dịp được bày tỏ lòng thành kính của mình.

– Mới quen nhau trong cuộc gặp gỡ bất ngờ này, sao có thể nhận tặng vật quý giá như vậy? – Doanh Dị Nhân cứ nhún nhường mãi, không chịu nhận.

Công Tôn Càn cũng lắc đầu ha hả:

– Hạ quan có tài đức gì đâu mà dám nhận của quý giá này.

– Ô, thừa hai vị, ông chủ tôi buôn bán khắp thiên hạ, coi việc giao tiếp bạn bè là trọng. Gặp nhau trao chút quà là việc thường tình. Xin hai vị chớ ngại. – Lã Yên vội phân bua.

– Quý thương gia giàu lòng như vậy, chẳng nhẽ chúng tôi lại từ chối mãi. – Công Tôn Càn nói tiếp. – Có điều công tử đây chưa có gia thất, người nhà của hạ quan cũng vẫn còn ở quê. Nay hai tấm da này còn nguyên lông mượt mà, chưa may thành áo, chúng tôi chẳng biết mặc như thế nào? Nếu nhận về cũng chẳng biết để làm gì!

Lã Bất Vi bật cười lớn:

– Đó mới là lời nói chân thật. Xin để vài hôm nữa chúng tôi sẽ đưa tặng hai vị hai chiếc áo lông thật ấm. – Nói xong liền quay sang nhắc Lã Yên thanh toán tiền rượu thịt và cáo từ hai vị khách mới quen.

Doanh Dị Nhân và Công Tôn Càn cũng rảo bước đi về dịch quán ở Tùng Đài. Vừa đi vừa nhỏ to về ông thương gia và người giúp việc ông ta. Doanh Dị Nhân nói:

– Tay buôn họ Lã ấy thật hào phóng và mến khách, cũng không có chút gì là cao đạo vì giàu sang, phong độ lịch thiệp nho nhã. Con người như vậy thời nay thật hiếm.

Công Tôn Càn muốn tỏ ra mình là người am hiểu nhân tình thế thái, bèn nói:

– Hạ quan đã nhìn thấy ông ấy nhiều lần tại các bữa tiệc sang trọng ở Tùng Đài. Ông ta nói năng rất đàng hoàng, cử chỉ rất chững chạc, rất có phong độ của một thượng quan đại thần. Hạ quan còn nghe Bình Nguyên Quân ^[7] nói, tổ tiên ông ta làm ruộng, sau vì chiến sự liên miên, ruộng đồng bỏ hoang, phải bỏ nghề nông đi buôn. Lúc mới đầu cũng chỉ buôn vật vại ba thứ kim chỉ kiếm sống qua ngày. Trải hai đời vất vả ngược xuôi mới có của ăn của để, giàu có dần lên, trở thành đại thương gia, nhà ngang dãy dọc, của cải ước có đến ức triệu quan.

– Cũng vì lớn lên từ nơi chân lấm tay bùn nên mới gần gũi mọi người, giàu lòng thương người. Trên thế gian này hiếm ai được như thế.

Câu chuyện giữa hai người đến đây thì vừa vặn bước đến cửa dịch quán. Mỗi người rẽ vào phòng ngủ của mình. Công Tôn Càn căn dặn Doanh Dị Nhân:

– Ngày mai phải mang thêm một ít quần áo và đồ dùng để khi có thông cáo của triều đình, thì đi thẳng ra ngoài ô vào nhà “tù”!

Hai thầy trò Lã Bất Vi cũng thông dong trên con đường dài đã quen thuộc. Ánh trăng mờ mờ tỏ tỏ như đang soi đường cho họ. Câu chuyện giữa hai người này cũng không kém phần rôm rả vì cùng đang chớm hơi men.

– Ông chủ, người đời bảo trông mặt mà bắt hình dong. Hôm nay già thấy con người ấy có dáng vẻ tâm thường, nói năng khiếm nhã, sao ngài lại có thể tin rằng đó là con cháu vua Tần được cơ chứ? – Lã Yên tỏ ra rất thắc mắc trước việc làm của chủ.

Lã Bất Vi giải thích:

– Nếu bác cứ xét người theo tướng mạo bề ngoài thì rất khó nhận định cho đúng, do đó sẽ bỏ lỡ mất thời cơ. Tôi thì chưa từng trải nhiều, nhưng bằng ấy năm làm cái nghề buôn bán cũng đã nhận thấy, gặp thời bình phải cố dần lên, phải nới tay hào phóng một chút, để có thể tiếp xúc với càng nhiều bạn hàng càng tốt. Kể như mấy năm trước, khói lửa chiến sự bùng phát liên miên, loạn lạc khắp thiên hạ, ai dám bỏ tiền bỏ của ra buôn bán? Đùng nói chi đến ta là đại thương gia, mà ngay cả bọn tiểu thương cũng đều co vòi rụt cổ, chẳng ai xuất đầu lộ diện. Ai cũng sợ thua lỗ mất vốn, thậm chí mất mạng như chơi. Thế mới hay, dù có phải bươn trải trong chốn thương trường thì vẫn còn tuyệt diệu hơn nhiều so với việc vung đao múa kiếm trên chiến trường!

Nói đến đây, hai thầy trò bỗng nhớ lại năm nào họ đã từng gặp phải tai họa kinh hồn bạt vía! Năm ấy hai người đang áp tải mấy xe hàng với giá trị rất lớn vừa đến Lạc Dương. Họ vào tạm trú ở một quán trọ bên đường. Bỗng hai nước Triệu và Tần đánh nhau rất to. Lã Bất Vi thấy có nguy cơ sẽ bị mất sạch của cải, bèn lập tức quyết đoán, cho xe đi suốt đêm để quay về quê nhà Dương Địch. Từ đó, Lã Bất Vi cải trang thành người nhà quê làm ruộng, hơn nửa năm vẫn không lộ mặt khỏi làng. Cho đến khi trận mạc qua khỏi, ông mới đưa Lã Yên đi khắp một lượt các đô thành và ấp trại lớn. Nhưng vẫn chỉ đóng vai một tiểu thương, chưa dám mang hàng hóa di theo. Chủ yếu là đi thăm dò đường sá tốt xấu thế nào, hậu quả chiến tranh ra sao, còn có giặc giã cướp phá dân lành nữa hay không? Sau khi nắm chắc tình hình, ông mới cho xe chở hàng từ làng quê mình đi tới các nơi. Nhưng bước đầu vẫn chưa dám đi xa, dần dần sau này mới đến thành Hàm Đan, thủ đô của nước Triệu. Lúc đầu chỉ mới buôn nhỏ, dần dần mở rộng phạm vi kinh doanh, cuối cùng đi đến chỗ buôn chực buôn quyền, có thể mua cả chức quan đứng đầu một khu vực rộng lớn.

Đến đây, Lã Yên lại nhắc nhở ông chủ. Ông ta nói:

– Người đời thường nói: “Yêu thổ trọng thiên” [8]. Đó là câu cách ngôn từ ngàn đời nay rồi. Nay ngài lại làm trái với điều răn dạy ấy của tổ tiên, không yên tâm làm ăn ở mảnh đất quê nhà, cứ muốn đi thật xa, ra tận ngoài biên ải, đến tận các nước xa xôi. Ngài đã di chuyển cả nhà đến Hàm Đan, chẳng lẽ ngài không sợ rằng cứ luôn luôn xuất đầu lộ diện ở đô thị phồn hoa này sẽ có lắm kẻ dòm ngó cạnh tranh, biết đâu sẽ gặp phải địch thủ cao cường, làm cho mình phải thất điên bát đảo, phá tan cả núi vàng sao?

Lã Bất Vi cho rằng vài năm nay, hai nước Tần và Triệu đã ngưng chiến và bắt tay hòa giải với nhau. Cũng nhờ đó nên ngay cả nước Tần, nước Vệ cũng đã thôi đánh nhau. Trải bao chết chóc đau thương, nay mới có được khung cảnh yên bình. Thật quý giá vô cùng. Đây chính là lúc có thể biến gươm đao thành đồ trang sức cho đàn bà con gái. Vậy còn ngại gì mà không làm ăn mạnh tay hơn, mở rộng tầm hoạt động hơn? Còn nói về Dương Địch quê nhà, tuy đó là thủ đô của nước Hàn, nhưng rất nghèo về tài nguyên và sản phẩm, chưa có gì có thể gọi là hàng hoá để buôn to bán lớn. Nhất là Dương Địch ở vào một địa thế rất xa xôi hẻo lánh. Vì vậy, không đi ra ngoài là không được. Còn câu tục ngữ “Yêu thổ trọng thiên” là quan niệm quen thuộc của người làm ruộng. Vì người làm ruộng phải bám lấy ruộng đất (yêu thổ), xa rời ruộng đất là chết đói. Cho nên họ coi việc di chuyển đi nơi khác để sinh sống là chuyện bất đắc dĩ, coi việc di chuyển là hết sức quan trọng, phải cân nhắc thật cẩn thận, không thể tùy tiện, vì đó là việc trọng đại của cuộc sống lâu dài của cả gia đình.

- Có thể thấy, trong hàng nghìn năm qua, hiếm thấy một nhà nông nào lại dám chuyển nhà đi nơi khác làm ăn, trừ khi họ bị chiến tranh xua đuổi. Còn nhà họ Lã này thì đã bị thua thiệt quá nhiều do bị ràng buộc bởi lối suy nghĩ cổ lậu đó cứ an phận trên mảnh đất của cha ông, chẳng bao giờ ăn nên làm ra để có thể ngóc đầu lên được. Cho mãi đến gần đây mới bắt ra được để chuyển sang buôn bán, cả nhà thấy cái nghề này làm ăn được. May mà tôi còn mạnh tay cứng chân, thua keo này bày keo khác, ngã rồi lại đứng ngay dậy. Nhờ vậy, mới tạo dựng được một cơ nghiệp khá vững vàng. Bây giờ thì có thể không ăn vào vốn nữa, mà chỉ dùng tiền lời cũng có thể nuôi sống cả nhà. Hơn nữa, có thể chuyển nghề này cho đời sau, còn bản thân thì có thể sống an nhàn vui thú. Sở dĩ có thể chuyển cả gia đình đến Hàm Đan nước Triệu, vì đây là đầu mối giao thông của mấy nước chẳng khác gì cái nổi trục của bánh xe, từ nổi trục mà căng ra bốn phương tám hướng. Nếu buôn bán tốt ở Hàm Đan này thì mọi nơi khác cũng dễ dàng thu lợi. Giống như đánh cờ vậy, đi thắng một nước cờ là thắng cả ván. Thậm chí, gặp thời một tốt cũng thành công. Vì vậy, chuyển thu hoạch mùa màng ít ỏi ở quê nhà Dương Địch còn có gì mà lưu luyến nữa?

Nghe xong những lời đầy sức thuyết phục của ông chủ, Lã Yên hết sức khâm phục tầm mắt nhìn xa trông rộng của Lã Bất Vi cũng như nghị lực và dũng khí của ông. Tuy nhiên, ông vẫn cảm thấy Lã Bất Vi là một đại thương gia nổi tiếng nhất ở nước Triệu, vậy cơ có gì mà phải dứt lốt và biếu quà cho những quan chức địa phương, nhất là những nhân vật chẳng có gì là quan trọng? Việc gì mà phải cung phụng hay nịnh bợ những hạng người đó? Nghĩ vậy nên ông đã hỏi thẳng Lã Bất Vi:

- Bác không nghe người ta nói: “Thấp hương cúng thổ thần để khỏi xúi quẩy khổ thân” đó sao? - Lã Bất Vi lại kiên nhẫn nói rõ kinh nghiệm của mình, ông nói tiếp - Dù có nhiều vốn đến đâu, dù cho biết cách làm ăn tài giỏi như thế nào, nếu không mua được “Vé qua cửa quan”, thì không bao giờ thắng được một viên quan chức hạng bét. Lý do rất đơn giản: Dầu anh tính toán giỏi giang như thế nào, cũng không địch nổi quan phủ lục soát niêm phong; dầu cho bàn tính liên tục lách cách đến đâu cũng không cấm được nha môn gạch phăng xóa sổ. Vì vậy, thà sớm bỏ ra một ít tiền hay hiện vật để biếu tặng, dứt lốt cho những người có quyền cao chức trọng trong triều, và cho cả những quan chức nhỏ sở tại như “lệnh”, “úy”, “thừa”, nhưng là những người có thực quyền. Chỉ khi nào mua được những “tấm vé đi qua cửa quan” đó, mới có thể đứng vững chân để làm ăn dễ dàng.

Nói đến đây, Lã Bất Vi bỗng cảm thấy vui vui trong lòng. Bởi vì vừa rồi, trong quán rượu bên đường, ông và Lã Yên đã tình cờ gặp Công Tôn Càn và Doanh Dị Nhân. Do có nhiều kinh nghiệm trong giao tiếp, lại biết nhìn xa trông rộng, nên ông đã nhìn thấy một món “hàng lạ” có thể “nhất bản vạn lợi” (một vốn kiếm được vạn lời).

HỒI THỨ HAI

QUA CỬA ÀI VUNG TIỀN NHƯ RÁC KHUA MÔI MÚA MÉP NĂM CHỦ BÀI

Nhìn lại quá khứ, có thể thấy Lã Bất Vi đã xuất thân từ tầng lớp thấp hèn.

Sau khi nhà cửa vườn tược bị chiến tranh tàn phá tan tành, chỉ còn một đồng đồ nát, Lã Bất Vi bèn thu vén một ít đồng vốn, mua một ít hàng hóa nhỏ lẻ gánh trên vai để chạy chợ. Cuộc sống cứ thế trôi dần. Nhưng Lã Bất Vi không dừng lại ở đó. Ông tích góp từng xu, năng nhặt chặt bị, tích tiểu thành đại, cuối cùng trở thành đại phú hào trong thương trường, có nhà cao cửa rộng, tráng lệ nguy nga, thê thiếp đầy đàn, người ăn kẻ ở tấp nập, lừa ngựa từng bầy không đếm xuể. Để có những thành đạt như vậy, Lã Bất Vi đã phải trải qua những năm tháng bươn chải trong biết bao khó khăn trở ngại và đầy thăng trầm. Vì vậy ông luôn luôn quý trọng tất cả những gì mà mình có được sau biết bao vất vả gian nan, từ cái lớn như nhà cửa, xe ngựa, cho đến những thứ nhỏ nhặt như cái kim, cái lược, đôi bông tai... Ngay cả đến hôm nay, ông vẫn giữ thói quen là sau khi đi làm về, đi giao dịch ở thương trường, đi gặp gỡ và tiếp khách hàng và bạn bè, đi tham dự các cuộc hội lễ theo lời mời – bao giờ ông cũng đi thẳng đến bên chuồng ngựa để xem chúng ăn uống ra sao, đến kho hàng để kiểm tra lại. Chỉ khi nào thật sự yên tâm mới vào nhà chính, hỏi thăm cha già, gặp mặt thê thiếp để cùng cả nhà ăn cơm. Sau đó còn gặp người quản gia Lã Yên để cùng tính toán thu nhập trong ngày. Bàn tính lại lách cách. Xong xuôi mọi việc mới đi ngủ.

Tối hôm nay công việc vẫn diễn ra theo thường lệ. Lã Bất Vi và Lã Yên đang kết toán sổ sách trong phòng làm việc. Hai thầy trò nhà họ đều là những tay cao thủ về bàn tính. Dù số tiền hay số hàng do người này đọc lên rất nhanh, người kia vẫn có thể “lách cách” tính toán kịp thời, không chút chậm trễ. Cứ mỗi lần tính xong một số, người kia lại gọi: “Đọc tiếp”. Mười ngón tay lại nhảy múa trên bàn tính và con số lại hiện ra, rõ ràng, chính xác. Trong cái ngón nghề này, Lã Bất Vi còn thông thạo hơn cả Lã Yên. Có thể tính cả hai tay hai bàn tính một lúc thế mà vẫn luôn luôn chính xác, không hề có sai sót. Ông được khen là “Hai ngựa cùng phi, cùng về đến đích”. Nhưng tối hôm nay, Lã Bất Vi đã sai mấy lần, nếu không sai ở con số bên trái, thì cũng quá chậm ở bàn tính bên phải. Cuối cùng phải cùng với Lã Yên tính lại từ đầu. Lã Bất Vi cảm thấy rất lúng túng, luôn luôn lắc đầu kêu lên:

– Từ từ chút, từ từ chút! Toàn những món quá quen thuộc mà vẫn tính sai, không biết tại sao. Xem ra vẫn do cấu thả.

Lã Yên cũng thấy hơi lạ. Ông nói:

– Có lẽ nào lại như thế? Sao tối nay ngài không thể “hai ngựa cùng phi”? Chắc hẳn là có chuyện gì đây?

Lã Bất Vi cười gằn, ngửa cả hai bàn tay ra trước mặt Lã Yên và nói:

– Ta luyện tay nghề này công phu như vậy mà vừa rồi vẫn sai, chủ yếu là do còn cấu thả thôi.

– Xưa nay ngài làm việc lúc nào cũng rất cẩn thận, hôm nay hơi lơ đãng, không thật tập trung vào công việc hay sao ấy?

Lã Yên đối chiếu kết quả trên bàn tính với con số trong sổ sách, xong mới nói vậy.

Lã Bất Vi lại quay lại những suy nghĩ cứ lớn vồn trong đầu từ chiều đến nay mà ông không thể nào xua đuổi đi được. Ông trả lời, nhưng cũng có vẻ như tự nói với mình:

– Mạnh Tử nói: Học vấn không nhằm mục đích gì khác, chỉ là tìm cách làm cho con người được yên lòng mà thôi [9]. Vừa rồi tôi để cho lòng mình bị buông thả [10] không thể vẫn hồi lại được, đến nỗi đã tính sai!

– Ngài để cho tâm tư của mình buông thả đi đâu? – Lã Yên hỏi.

Lã Bất Vi trả lời rất tự tin:

– Lúc ấy tâm tư của tôi suy nghĩ rằng có một con chim hồng học sắp bay qua, tôi muốn mượn cây cung để bắn! Mà phải bắn một phát là trúng!

Lã Yên vội nói thêm vào:

– Chẳng ngờ ngài lại muốn đi săn? Vậy Lã Yên này thế nào cũng đi theo giúp sức.

– Ấy à, đừng đánh trống lảng nữa – Lã Bất Vi vừa nói vừa khoát tay.

– Đánh trống lảng ư? ^[11] Già này đâu dám. Ngài bắn mục tiêu của ngài, tôi bắn của tôi. Già này bắn con chim trên trời, ít ra thì cũng bắn con thú trên mặt đất ^[12]. – Lã Yên vừa cười vừa nói tiếp – Cho dù ngài có buông thả cái tâm (phóng tâm) đi đâu nữa, già này cũng không bao giờ “đánh trống lảng”!

– Bác nói đến cái gì đấy, bác nói xong chưa? – Lã Bất Vi có ý trách.

Lã Yên bị cụt hứng vì lời nói xẵng giọng của ông chủ, bèn trả lời hơi ngượng ngập:

– Già nói xong rồi, à, tôi nói xong rồi – Nhưng ông ta vẫn cứ nói thêm một câu – Già này hễ cứ nhắc đến cung tên, là cứ muốn thử một phát xem sao!

– Muốn thử ư? Bác định bắn cái gì? – Lã Bất Vi vẫn hơi bực mình, vắn hỏi ông già.

– Bắn con chim nhạn ấy mà. – Lã Yên trả lời và còn giơ tay giạng chân như kiểu đang ngắm bắn thật.

– Bắn con chim nhạn ư? Ai nói vậy? – Lã Bất Vi tỏ ra không hiểu.

Bây giờ Lã Yên mới cảm thấy thoải mái. Ông trả lời:

– Còn ai vào đây nữa? Chính ngài nói chứ ai. Chẳng phải là ngài vừa nói có một con hồng học sắp bay qua, và muốn mượn cây cung để bắn đó sao? Con hồng học ấy chính là chim nhạn đấy!

– Bác đại quân gia của tôi ời. Câu mà tôi vừa nói là của Mạnh Tử, chứ có phải của tôi đâu! – Lã Bất Vi hơi có chút châm biếm ông già.

Lã Yên bèn nghiêm sắc mặt:

– Tôi thấy cái bộ dạng của ngài có vẻ như sắp đi săn đến nơi rồi.

Đến đây, Lã Bất Vi đi thẳng vào câu chuyện muốn nói:

– Mạnh Tử nói có con hồng học sắp bay qua, chỉ là một ví dụ mà thôi, còn con hồng học mà tôi nói thì đã cất cánh bay lên rồi, tôi và bác phải sẵn sàng cung nỏ để bắn!

– Có thể chứ! Già này đâu có nói sai. Hiện giờ gió tây đang mạnh lắm, từng đàn chim nhạn đang từ miền Bắc bay xuống miền Nam, cứ ngẩng đầu lên là thấy chúng, ngài tha hồ mà bắn. – Lúc này Lã Yên tỏ ra rất hiểu động, rất muốn đi săn.

– Sao hôm nay bác hăng hái thế? – Lã Bất Vi vừa hỏi nhưng cũng như vừa van lơn ông già.

Lã Yên vẫn nói rất ngay thẳng:

– Đi săn mà không hăng hái thì lấy tinh thần ở đâu ra để ngắm cho trúng! Mà sai một ly đi một dặm đấy!

– Con chim nhạn mà bác nói, không phải là con hồng học đâu! – Lã Bất Vi giải thích.

– Không phải là chim nhạn, vậy là cái gì? – Lã Yên cảm thấy tối nay ông chủ có phần nào hơi lộn xộn trong suy nghĩ. Chim nhạn không phải là hồng học ^[13], thật là kỳ lạ.

– Tôi nói hồng học, thực ra là để ví dụ mà thôi. – Lã Bất Vi vừa cười vừa nói.

Lã Yên tỏ ra rất sốt ruột:

– Hóa ra chỉ là một ví dụ?

Lã Bất Vi vẫn cười, nói tiếp với ông già:

– Hiện giờ công việc đang bẽ bộn, thì giờ đâu mà đi săn với bắn? Con hồng học mà tôi nhìn thấy là một con người bằng da bằng thịt đấy!

– Một con người ư, sao lại so sánh với con hồng học để săn bắn? Ngài làm cho tôi cũng đâm ra nói năng lung tung mất rồi.

Lã Yên vừa nói vừa cười rất gượng gạo.

– Tôi cũng chẳng phải giương cung giương nỏ để bắn như những kẻ đi săn, mà là giành cho được con người ấy. – Lã Bất Vi vừa nói vừa khoát tay ra hiệu rằng nhất định sẽ làm được.

Tuy đã nói đến nơi rồi, nhưng ông già vẫn cố tình trêu chọc ông chủ vài câu:

– Chắc hẳn là phải lòng cô em nào ở vũ trường chứ gì? Chẳng lẽ các thê thiếp ở nhà trong nhà ngoài của ngài còn chưa đủ vui thú hay sao?

– Úi dà! Sao bác lúc nào cũng cứ nhằm vào đàn bà con gái như thế cơ chứ! – Lã Bất Vi bác bỏ lời đoán già đoán non của ông già, nói rất nghiêm chỉnh – Cái mà giới nữ mang lại cho chúng ta, không ngoài hai thứ và sắc. Theo con mắt của một thương nhân thì những thứ đó không thể thu lợi lớn. Còn con người mà hôm nay tôi muốn giành cho được, thì có thể đổi được mấy cái thành trì!

Lã Yên rất kinh ngạc:

– Người nào mà cao giá thế?

– Không chỉ có thế. Đây thực ra là một món hàng lạ, đáng giá cả một triều vua, một đất nước ngàn dặm! – Lã Bất Vi vừa cười vừa nói rất đặc chí.

– Vậy ư? Có một con người như vậy ư? Già không tin. – Lã Yên vẫn không tin, lắc đầu lia lịa. Ông cảm thấy ông chủ của mình hơi quá lời.

– Bác tin hay không tùy bác. Hãy mau đi mời cụ nhà lại đây cho tôi. – Lã Bất Vi khoát tay bảo Lã Yên đi nhanh.

– Ngài là con của cụ. Ngài không đến thăm sức khỏe của cụ, mà còn mời cụ đến đây với ngài, e rằng có chút không lễ nghĩa lắm. – Lã Yên không chịu đi.

Lã Bất Vi đành phải nói rõ hơn:

– Việc này có phải chuyện thường đâu. Trong nhà có đông người, đông người thì lời vào tiếng ra rất phức tạp, không tiện vào trong ấy để nói chuyện. Nên đành phải mời cụ ra phòng tôi. Bác cứ nói rõ cho cụ như vậy là được thôi.

– Hôm nay đã khuya rồi, chỉ sợ cụ đã đi nằm. Ngày mai cụ cũng không đi chợ, hai cha con tha hồ mà nói chuyện. – Lã Yên vẫn cứ biện bạch.

Lã Bất Vi vẫn sốt ruột, ông nhắc lại một lần nữa:

– Bác đi ngay cho. Sao bác cứ muốn làm trái ý tôi như vậy cơ chứ? Bác học được kiểu ấy từ bao giờ thế? Nên nhớ rằng việc này rất hệ trọng và rất gấp. Tuy việc lớn phải bàn kỹ, song thời cơ rất gấp gáp, không thể chần chừ, trâu chậm sẽ uống nước đục. Hơn nữa, tôi đã dự định làm việc gì là phải trừ tính, bàn định cho đến nơi. Nghĩ chưa xong việc là không thể chợ được mắt. Bác cứ đi đi!

Lúc này Lã Yên mới chịu đi. Lã Bất Vi đi đi lại lại trong phòng, suy nghĩ ghê lắm. Ông đang nghĩ cách làm thế nào để chiếm được con chim “hồng học”. Bỗng nhớ ra là người cha già của mình sắp tới, ông bèn mở tủ thực phẩm lấy ra một cái đĩa to và một bình rượu, lấy thịt bò khô, dạ dày dê băm nhỏ, cánh gà chiên và nước chấm, để đẩy lên một đĩa lớn làm đồ nhắm. Vừa sửa soạn xong thì có tiếng đẩy cửa. Lã Yên đã đưa ông cụ vào phòng.

– Đêm đã khuya khoát thế này, con có việc gì mà phải đưa ta đến đây vào lúc này thế? – ông cụ tỏ ra không thật hài lòng về việc phải đến phòng làm việc của con vào giờ này.

Lã Bất Vi vội vàng đỡ cụ ngồi xuống, rồi lựa lời nói rõ sự việc:

– Thưa cha, trong nhà có quá nhiều người, lại toàn con gái đàn bà, tai thì nhiều mà mồm cũng lắm, rất phức tạp. Chi bằng ngồi ở đây nói chuyện sẽ thoải mái hơn, yên tĩnh hơn, kín đáo hơn, con mong cha thông cảm cho.

Ông cụ nhấp một hớp rượu, gắp một miếng thịt, vừa hỏi:

– Con có việc gì to lớn mà lại sợ tiết lộ đến thế?

Câu hỏi ấy đã nhắc nhở Lã Bất Vi. Ông cảm thấy việc này quả là rất hệ trọng. Hơn nữa, đây mới chỉ là ý tưởng thoáng qua, chỉ có thể bàn bạc giữa hai cha con với nhau, còn như, ngay cả Lã Yên cũng chưa thể cho biết được. Vì vậy, ông nói với Lã Yên:

– Hôm nay bác vất vả quá rồi, bác đi nghỉ đi. Tôi và cụ còn nói chuyện dài dài, chưa biết lúc nào xong.

Lã Yên chỉ tay vào những thứ đồ ăn uống ở trên bàn và nói:

– Còn những thứ đồ này?

– Thôi, cứ để đấy, mai hãy hay. Lúc nào xong việc thì tôi sẽ đưa cụ về phòng. – Lã Bất Vi nói xong liền đi ra mở cửa, có ý thúc giục người quản gia đi ra cho mau.

Lã Yên giúp việc Lã Bất Vi đã nhiều năm, nên rất hiểu tính tình của ông chủ. Nếu việc gì ông ta chưa suy nghĩ chín chắn hoặc chưa quyết định, thì ông không muốn cho người khác góp ý kiến hoặc hỏi han. Nay thấy Lã Bất Vi nói vậy, liền hiểu ngay rằng ông chủ đang mưu tính một việc gì to lớn không muốn để cho mình tham dự. Ông ta bèn bước nhanh ra khỏi phòng nhưng không quên nhắc ông chủ:

– Thưa ngài, nến trong đèn lồng phía sau cửa còn cháy đến một nửa giờ Thìn nữa là hết [14].

Lã Bất Vi ừ một tiếng cho xong chuyện, rồi cài then cửa thật chặt. Sau đó mới về chỗ ngồi của mình, đối diện với ông cụ và vội gấp thức ăn cho ông cụ. c

Ông cụ nói:

– Bây giờ thì yên tâm rồi chứ, có việc gì hệ trọng, con cứ nói xem nào?

Lã Bất Vi nói rất lễ độ với cha:

– Việc này con cũng không dám chắc nên mới xin cha cho ý kiến.

– Cha với con mà còn khách sáo làm gì. Con cứ nói rõ ra xem nào? – ông cụ có vẻ hơi sốt ruột.

Lã Bất Vi nói:

– Thưa cha, làm ruộng thì lời lãi thế nào?

– Nhiều nhất cũng lãi gấp mười lần là cùng. – Ông cụ một lời một cách nhanh chóng, không cần suy nghĩ, mà hình như cũng chẳng để tâm đến câu trả lời của mình nữa.

Lã Bất Vi mỉm cười gật đầu. Lại rót thêm rượu và gấp thêm đồ nhắm cho cụ, tiếp tục hỏi:

– Nếu buôn đồ vàng bạc châu báu thì lời lãi bao nhiêu?

– Ô, những hàng cao giá ấy, dễ có lãi hàng trăm lần. – lần này ông cụ trả lời có vẻ cân nhắc hơn, nhưng bỗng hỏi vặn lại con – Con đã lặn lội hơn mười năm nay trong thương trường, đã dựng nên cơ nghiệp to lớn cho gia đình, sao còn hỏi cha những chuyện con con như vậy?

– Chẳng giấu gì cha. Đấy chỉ mới hỏi thử thôi, “ném đá dò đường” mà. Điều con muốn hỏi cha là món lời chưa từng có, có thể đổi được chín cái đỉnh trong cung đình, có thể giành được cả một nước rộng vạn dặm, là món lợi khuynh nước khuynh thành. Chẳng biết cha có ý kiến gì không? – Lã Bất Vi mỉm cười, hỏi cha.

Ông cụ cười nhưng hơi gượng gạo:

– Cái món lợi kếch xù ấy ở đâu mà con mừng rơn lên thế?

Lã Bất Vi quay lại, nói rất ngay ngắn:

– Nếu như có một người nào đó có thể vào được trong cung, nối được ngôi vị, nắm được triều chính, được lập làm vua, thì món lợi thu được sẽ gấp mấy lần vốn, thưa cha?

– Nếu việc ấy thành đạt, thì số lợi thu được không thể tính hết. – ông cụ cảm thấy rất kinh ngạc trước câu hỏi của con, vì chuyện này lớn quá, mệnh mông biển cả chẳng biết

đâu mà lần!

Nhưng cách ăn nói của Lã Bất Vi thì hầu như không hề có một chút gì là làm cho to chuyện ra cả. Ông nói rất chân thật:

– Thưa cha, cha cũng biết đó thôi, thời buổi này làm ăn thật khó khăn quá. Buôn bán thóc gạo [15] thì dù có lặn lội bươn trải đến đâu cũng ăn không đủ no mặc không đủ ấm. Nhưng nếu có thể phò tá và đưa được một người hiền tài, tuần kiệt lên ngôi vua, nắm triều chính, thì có thể vinh hoa phú quý suốt đời, hơn nữa còn kéo dài đến đời cháu đời chắt. Vì vậy, con mới muốn giành cho được con người đó, và phò tá người đó làm nên nghiệp lớn. Đó là cơ hội ngàn năm mà dù có phải làm trâu ngựa đK phục dịch cũng đáng cái công. Thưa cha!

Với cách nói đó, ông cụ đương nhiên là rất tán thành, nhưng cảm thấy trong chuyện này vẫn có điều gì không thiết thực cho lắm, cụ bèn khuyên con:

– Con rất có chí hướng đấy, nhưng không thiết thực, có vẻ như con đang muốn bay lên thượng giới, nhưng cánh ở đâu mà bay cơ chứ? Ngày nay, thiên hạ này quá rộng lớn, chứ hầu quá đông, nước nào cũng chiếm cứ một vùng, mỗi nước đều có dòng dõi hoàng gia của họ, còn có chỗ nào cho con len chân vào nữa?

– Có con người như vậy, thưa cha. Nếu không có, thì con làm sao có thể vội vàng hỏi ý kiến cha như hôm nay! – Lã Bất Vi hơi có chút ma mãnh trong câu nói này.

– Thật có người như vậy ư? Ở đâu? – ông cụ hỏi.

– Nói xa thì cũng thật là xa, ở tận chân trời. Nói gần thì cũng rất gần, ở ngay trong thành Hàm Đan này thôi. – Lã Bất Vi nói rất mạch lạc, rất đặc chí.

Ông cụ nói với con, có vẻ như trách móc, pha giọng ngà ngà hơi men:

– Con lại đùa với ta rồi, phải không hả? Tại cái thành Hàm Đan của nước Triệu này, trên thì có vua Hiếu Thành, dưới thì có thừa tướng Bình Nguyên Quân và các công khanh, toàn bộ triều đình vững chắc như bàn thạch. Làm sao con có thể tìm kiếm ở trong đó một thái tử để chống lại triều đình, lập ra một triều đình khác, và hòng thay thế triều đình đang tồn tại?

Lã Bất Vi trả lời rất tự tin:

– Làm sao mà con có thể chống lại họ được! Người mà con thấy giống như một viên ngọc bị vua nước ấy vứt sang một nước khác như một cọng rác. Nhưng nếu khôi phục được bộ mặt vốn có của nó, nó sẽ sáng chói như xưa, hào quang của nó sẽ chiếu rọi khắp thiên hạ. Hòn ngọc ấy được đặt lên ngai vàng, tạc khắc sẽ thành quốc vương một nước. – Lã Bất Vi nói rất tự tin.

– Ai ngờ rằng ở đây mà lại có hổ ẩn nấp, rồng náu mình, im hơi kín tiếng đến thế là cùng? Nhưng rốt cuộc là ai cơ chứ? – ông cụ vẫn bán tín bán nghi như tự nói với mình vậy.

Lã Bất Vi nâng cốc tu một hơi hết sạch, rồi ghé tận tai ông cụ thăm thì:

– Người đó không phải ai khác, chính là...

Tiếp đó, Lã Bất Vi kể lại câu chuyện tình cờ gặp Công Tôn Càn và Doanh Dị Nhân ở quán rượu chiều tối nay. Ông đặc biệt nhấn mạnh lai lịch của Doanh Dị Nhân: đã sang làm con tin ở nước Triệu mười tám năm nay, trải bao thăng trầm, nay đang bị giam lỏng như một tên tù nhân ở ngoại thành Hàm Đan.

Nghe đến đây, ông cụ rất xúc động. Cụ nói:

– Thật là cá mắc cạn, hổ chạy ra khỏi rừng. Thật oan uổng cho anh ta quá!

– Cha nói rất phải. Công tử Doanh Dị Nhân chẳng khác gì con giao long mắc cạn, con mãnh hổ chạy ra cánh đồng hoang. Con có ý định giúp anh ta chữa trị vết thương tinh thần, khôi phục khí thế vốn có của một công tử cho anh ta. Chờ khi nào gặp hội gặp thuyền, sẽ cho hổ chạy về rừng, rồng về với biển cả. Lúc ấy, con sẽ là đệ nhất công thần vì đã ra tay cứu giúp anh ta lúc hoạn nạn, đã góp phần định đoạt trong việc đưa anh ta lên ngôi, rồi đưa tài năng ra phò tá anh ta nắm triều chính. Lúc ấy chắc chắn vị vua ấy sẽ ban cho con vinh hoa phú quý, đời đời kiếp kiếp không bao giờ hết. Có phải không thưa cha?

Ha, ha, ha... – Lã Bất Vi quá vui, quá đắc chí, cất tiếng cười lớn.

Nghe đến đây, ông cụ mới thật sự khâm phục con mình. Cụ khen:

– Con là thương nhân, nhưng thật ra có thể sánh vai với Phạm Lãi [16] nước Ngô năm nào. Con buôn bán mà trở thành giàu có nhất nước. Con làm chính trị mà trở thành người có quyền lực điều hành đất nước. Họ Lã nhà ta đã sinh ra người lấy đá vá trời, lấy vàng giát núi. Con đã hơn cha là nhà có phúc vậy.

– Đó chỉ mới là tâm nguyện của con. Thành hay bại còn phải xem công tử nhà Tần, Doanh Dị Nhân có quyết tâm hay không? Cũng còn xem mối bang giao giữa Tần và Triệu như thế nào nữa! Có điều, con sẽ không tiếc bất cứ giá nào, nhất định phải mua cho được món hàng lạ đó, rồi phải đưa đến chỗ được giá nhất, tức là ngôi thái tử ở cung Hàm Dương nhà Tần. – Rõ ràng là Lã Bất Vi đã suy tính đâu vào đấy rồi, trong đầu óc đã sắp xếp mọi chuyện.

Khi đưa cụ về phòng riêng của mình, hai cha con còn nói chuyện thăm thì to nhỏ mãi ở hành lang.

*

* *

Ngoại ô Hàm Đan, nơi giam giữ con tin Doanh Dị Nhân là một thị trấn nhỏ heo hút, nhân khẩu lèo tèo, phố xá vắng tanh, chỉ có lưa thưa vì cái quán nhỏ, bán những thứ lặt vặt phục vụ đời sống hàng ngày. Ngoài ra còn có nhà “dịch quán” [17], được dùng làm nơi ở tạm cho các sứ giả, bưu tá hoặc những quan chức bị trừng phạt, đang chờ lệnh trên. Vì vậy, những ai đặt chân đến đây đều bị người sở tại coi khinh, nên ai cũng tự cảm thấy xấu hổ trong lòng. Công tử Doanh Dị Nhân và người giám thị Công Tôn Càn mấy hôm nay rất bồn chồn lo lắng, mặt mày buồn xiu, vì bị đưa ra ở đây, coi như bị biếm, bị giam lỏng, bị trừng phạt. Hai người đang trong tâm trạng đau buồn như vậy thì bỗng giật nảy mình vì có người xô cửa bước vào, lại còn gọi đúng họ tên hai người nữa. Công Tôn Càn chỉ vâng một tiếng rồi im bật. Mãi đến khi khách vào tận nơi, hai người mới đứng dậy và cảm thấy rất kinh ngạc, mặc dù không giấu nổi mừng rỡ:

– Ái dà, chẳng ngờ Lã đại nhân lại đến đây, chúng tôi không ra đón ngài được, xin thứ lỗi, xin thứ lỗi. – Nói xong, hai người ngồi dịch sang một bên và mời khách cùng ngồi.

Lã Bất Vi không vội ngồi xuống. Ông đứng quay mặt ra phía ngoài, khoát tay gọi:

– Bác Lã Yên, mau đưa tặng phẩm vào đây.

Lúc ấy Lã Yên đang sai bốn người hầu khiêng hai cái hòm sơn đỏ từ trên xe ngựa xuống. Nghe tiếng Lã Bất Vi, Lã Yên bảo bốn người khiêng hòm vào trong nhà. Công Tôn Càn và Doanh Dị Nhân vội ra đón và chỉ chỗ cho họ đặt hòm xuống và mời Lã Yên vào nhà.

– Xin hỏi đại thương gia, những thứ này là...? – Doanh Dị Nhân hỏi Lã Bất Vi về hai chiếc hòm, thái độ rất thận trọng.

Lã Bất Vi đưa tay lên xoa cằm và nói:

– Hôm chúng ta tình cờ gặp nhau ở quán rượu, biết được cảnh ngộ của công tử, nên kẻ tiểu thương này sinh lòng trắc ẩn. Hôm nay đến thăm ngài để tỏ chút lòng hâm mộ và tôn kính.

– Ta ở đây chỉ làm con tin, tình cảnh ngày càng xấu, vậy mà quý ngài còn chiếu cố đến thăm, làm cho ta hổ thẹn quá – Nói đến đây, Doanh Dị Nhân nghẹn ngào không nói nên lời.

– Công tử không nên hạ mình như thế, mà nên ngẩng cao đầu vượt mọi khó khăn để tiến lên mới phải. – Vừa nói Lã Bất Vi vừa ra hiệu cho Lã Yên mở nắp hòm, lấy tặng phẩm đưa cho Doanh Dị Nhân và Công Tôn Càn. Ông nói tiếp – Nay đã sang đông, trời se lạnh, xin kính biểu mỗi vị một bộ áo lông để chống rét. Ngoài ra còn có một ít châu báu, tiền vàng, phần to này xin kính biểu công tử để mời tiệc và giao du với các chính khách và thương gia. Còn phần nhỏ này xin kính biểu Công Tôn đại nhân để chi dùng hàng ngày.

Doanh Dị Nhân rất bối rối, một mực từ chối:

– Quý khách đến thăm, đã cam phiền quá lắm, nay còn cho nhiều thế này, chúng tôi

thật không dám nhận.

Công Tôn Càn cũng vội nói thêm:

– Xin Lã đại nhân hoàn toàn yên tâm, đã có hạ quan đây chăm lo cho phúc họa an nguy của công tử rồi.

– Vậy thì họ Lã này yên tâm rồi. – Lã Bất Vi cảm ơn Công Tôn Càn.

Lúc này, người hầu đã hâm nóng rượu thịt và theo sự sắp xếp của Lã Bất Vi, họ bày mâm ngay trong phòng, chỉ có Lã Bất Vi, Doanh Dị và Công Tôn Càn ngồi vào mâm. Lã Yên phục dịch bên cạnh, còn những người khác xuống bếp ăn.

Doanh Dị Nhân và Công Tôn Càn một lần nữa cảm ơn vị khách quý và tỏ ra lấy làm tiếc vì mình là “chủ nhà” mà không có gì để tiếp đãi khách. Lã Bất Vi nói với họ rằng ông ta rất biết nơi ngoại ô này của Hàm Đan khan hiếm mọi thứ, nên thôi thì cứ chuẩn bị sẵn mang đến đây, để cho mọi việc được chóng vánh gọn gàng, không rề rề ảnh hưởng đến công việc mọi người.

Qua lời giải thích đó, chủ nhà mới thôi không phân bua nề hà nữa, tất cả cùng ngồi xuống chén thù chén tạc, rượu vào lời ra, rất là rôm rả. Nhân đó, Lã Bất Vi bèn tìm cách đi sâu vào tìm hiểu kỹ hơn. Ông vờ như nhớ ra một việc gì đó bèn nói với Công Tôn Càn:

– Ngoài kia có hai cỗ xe, mấy con ngựa phải cho ăn no, phiên ngày giúp lão quản gia đây, sai bảo bọn đầy tớ của tôi đưa ngựa xuống chuồng cho chúng ăn và uống.

Công Tôn Càn ngừng tay, nói khiêm tốn:

– Vậy xin bác quản gia cùng tôi đi lo liệu mọi việc. – Nói xong, ông ta đưa Lã Yên đi ra.

Lã Bất Vi còn nói theo:

– Xin ngài mang theo mấy cây đóm, kéo lúc về trời tối, đường khó đi.

Bây giờ Lã Bất Vi mới xích lại gần Doanh Dị Nhân, nói rất thân mật:

– Tiểu thương này rất thông cảm với cảnh ngộ của công tử. Có việc gì, dù công hay tư, xin công tử cứ sai bảo. Lã Bất Vi này nhất định sẽ tận tâm tận lực giúp ngài.

Doanh Dị Nhân vội vàng nói lời từ tạ:

– Quý đại thương gia đã đem cho “hậu lễ”, tôi chưa biết lấy gì để đối đáp cho phải. Nay tôi chỉ là đứa con bỏ đi của thái tử nước Tần, chỉ là thân phận một con tin đã bao nhiêu năm rồi, còn có thể làm nên trò trống gì nữa?

Lã Bất Vi nói rất trịnh trọng:

– Xin công tử chớ tự ti. Lã Bất Vi còn có bộ gan to lắm, có thể giúp công tử nối ngôi vương vị, làm bậc quân vương của nước đại Tần, xây nên nghiệp lớn.

Doanh Dị Nhân cười đau khổ:

– Nói về của cải thì đại thương gia là đệ nhất thiên hạ, kinh doanh tài giỏi tuyệt vời, có thể sánh ngang Đào Chu Công [18]. Những chuyện đó hoàn toàn nằm trong tầm tay của đại thương gia. Còn việc đưa tôi về triều, dòm ngó ngôi báu, bước lên ngai vàng đại vương nhà Tần, chẳng hay đại thương gia có làm nổi hay không?

– Lời của công tử rất phải. Phạm Lãi (Đào Chu Công) vừa là đại thương gia giàu có nhất thiên hạ, lại vừa là tể tướng nước Ngô của vua Phù Sai. Họ Lã tôi đây cũng có chí hướng như vậy. Cho nên cái phú quý vinh hoa mà Lã Bất Vi này chờ đợi, không phải ở chốn thương trường, mà là ở nơi công tử, ở sự thành đạt nghiệp lớn của công tử. Xin công tử lưu tâm cho. – Lã Bất Vi không ngần ngại nói rõ suy nghĩ và mục đích của mình.

Doanh Dị Nhân nghĩ ngợi chốc lát rồi nói tiếp, vẫn không khỏi ngại ngùng:

– Quý thương gia đặt kỳ vọng vào ta, thật là quá ư thịnh tình, nhưng ta đâu có một chút thế lực nào làm chỗ dựa, lại chẳng có cơ hội nào để ra tay?...

– Chính vì vậy mà không thể “đặt lờ chờ cá” chui vào, mà phải chủ động vào hang bắt cọp. – Lã Bất Vi mách nước cho Doanh Dị Nhân. Ông nói tiếp – Vua Tần Chiêu Vương là ông

nội của ngài, nay đã tuổi cao sức yếu, thân phụ ngài là An Quốc Quân đã được phong thái tử từ lâu. Lã tôi nghe nói thái tử rất chiều chuộng Hoa Dương phu nhân, nhưng không may cho bà Hoa Dương lại không có con. Bà là chánh thất làm chủ ở đông cung, là nơi mà các thái tử nương tựa và trưởng thành. Vì vậy, bà có thể hoàn toàn đàng hoàng dựa theo tiêu chuẩn nào đó của hoàng cung để nhận ai đó làm con mình...

– Điều đó thì có liên quan gì với ta? – Doanh Dị Nhân vẫn chưa hiểu.

Lã Bất Vi cảm thấy rất buồn cười. Đường đường một đấng vương tôn [19] đại Tần mà mất hết mọi nhạy cảm với cuộc đời, chẳng còn một sức lực nào chống chọi nổi số phận, đây chính là hậu quả của sự đè nén sau hai mươi năm làm con tin. Tình hình thực tế là vậy, nhưng Lã Bất Vi không từ bỏ, mà còn cố gắng thuyết phục để lợi dụng, nhằm làm cho món “hàng lạ” này đạt được cái giá đắt nhất của nó. Nghĩ vậy, bèn kiên tâm giải thích và gợi mở cho Doanh Dị Nhân. Ông nói rõ rằng, mẹ của Doanh Dị Nhân là Hạ Cơ bị thất sủng, nên đứa con coi như bị bỏ đi, bị đẩy đi làm con tin ở đất khách quê người, cảnh ngộ thật thê lương, chẳng còn một chút thế lực gì, làm sao có thể đua tranh với người anh cả là Tử Hề và hơn hai mươi người con cùng cha khác mẹ trong việc giành giật quyền kế vị ngôi báu thái tử ở đông cung?

Doanh Dị Nhân gật đầu lia lịa, tỏ ra rất chán chường vì mình quả là chẳng còn thực lực gì, chỉ muốn yên phận thủ thường, không dám mơ tưởng cao xa nữa.

Lã Bất Vi không dừng lại ở đó. Nhân đà Doanh Dị Nhân đã phần nào thức tỉnh, nên chỉ ra những thế mạnh vốn có của Doanh Dị Nhân. Các lợi thế đó là, Doanh Dị Nhân ở rất xa cung đình, ở tận kinh thành nước Triệu, nên tất cả anh em của Doanh Dị Nhân, không ai coi Doanh Dị Nhân là địch thủ cạnh tranh của họ. Còn Hoa Dương phu nhân lại không có con, cho nên có thể coi bà là chỗ dựa chủ yếu. Nếu bà chịu nhận Doanh Dị Nhân làm con, thì có thể bất ngờ quay về nước Tần, để làm người kế vị của thái tử An Quốc Quân. Lã Bất Vi tiếp tục câu chuyện của mình với Doanh Dị Nhân: để có thể chu toàn mọi việc Lã Bất Vi sẵn sàng dẫn thân sang tận Hàm Dương để dâng “đại lễ” (tặng phẩm quý) cho thái tử và Hoa Dương phu nhân, hết sức khuyên thuyết bà ấy nhận công tử làm con. Nếu được vậy thì những chuyện tiếp theo, như phong công tử làm thái tử, rồi làm chủ đông cung, sẽ thuận buồm xuôi gió, dễ dàng như trở bàn tay.

Những lời đường mật nhưng đầy mưu trí và can trường của Lã Bất Vi thật sự đã lọt vào tai Doanh Dị Nhân. Doanh Dị Nhân vội vàng nói rất cung kính, còn chấp hai tay cúi xuống bái lạy:

– Doanh Dị Nhân này nhất định sẽ làm theo mưu lược của đại nhân, sẽ quyết chí tiến lên. Sau này nếu công thành danh toại sẽ cùng đại nhân thụ hưởng giang sơn xã tắc đại Tần. Ta đã nói thế, quyết không nuốt lời.

– Tốt lắm. Coi như thế là quyết định! – Lã Bất Vi vội đỡ Doanh Dị Nhân đứng dậy, và nhanh nhẹn chỉ cho anh ta thấy hòm vàng năm trăm dật (mỗi dật từ hai mươi đến hai mươi tư lạng) là của anh ta, coi như kinh phí cần thiết để anh ta giao tiếp rộng rãi với các nhân vật lớn ở nước Triệu, nhằm thay đổi tình cảnh khốn khó hiện tại và nâng cao uy tín cũng như tiếng tăm của mình ở chốn quan trường nước Triệu.

Khi Công Tôn Càn và Lã Yên xong việc ngựa xe quay về, thì Lã Bất Vi giả vờ thiu thiu vì choáng hơi men. Lã Yên vội thức ông ta tỉnh dậy, ăn cho xong bữa để còn về nhà. Lúc hai người ra về. Doanh Dị Nhân và Công Tôn Càn tiến chân ra tận cổng thành, còn ríu rít cảm ơn Lã Bất Vi. Lã Bất Vi thò đầu ra khỏi xe, liên tục vẫy tay và nói:

– Xin đa tạ, xin dừng bước!

Tiếng roi ngựa vút lên đưa hai cỗ xe xa dần và mất hút trong bóng đêm. Nhưng người đánh xe vẫn nhìn rất rõ con đường trước mặt vì nhờ ngọn đèn đang rực cháy ở càng xe.

Chừng hai mươi ngày sau, đoàn xe ngựa mang cờ hiệu “Họ Lã. Dương Địch” từ từ đi vào Hàm Dương, thủ đô đại Tần. Tuy Lã Bất Vi đã từng đi qua lại nơi này, nhưng những lúc ấy chỉ là đến tìm kiếm thương trường, buôn bán làm ăn, chưa hiểu biết gì lắm đối với nội tình của hoàng cung và vương thất. Vì vậy, lần này, ông phải thân hành đi thăm dò để nắm vững tình hình, tạo cơ sở cho những quyết định về sau. Trước hết, ông tổ chức các buổi yến tiệc và trao tặng lễ vật nhằm làm quen với những đại thương gia sở tại. Qua đó,

kiếm một chỗ đứng vững chân trong chốn phồn hoa giàu sang của đại Tần, tạo ra một hướng mới cho công việc làm ăn. Mặt khác, có thể nhờ việc tiếp xúc với thương gia giàu có nước Tần để tìm hiểu nơi ở và tính tình, sở thích của các hoàng thân quốc thích. Sau khi suy nghĩ kỹ càng mọi việc cần làm, Lã Bất Vi bèn tìm cách gặp Dương Tuyền Quân, em của hoàng hậu Tần Chiêu Vương. Dương Tuyền Quân thường cậy thế làm càn, nhưng vẫn là một người biết lo trước ngửa sau, đầu óc luôn luôn mưu tính. Lã Bất Vi nắm được tâm lý đó và triển khai chiến thuật “công tâm” (tấn công vào tâm lý). Ông ta giả vờ đóng vai một nhân vật rất đáng thương hại và nói với Dương Tuyền Quân:

– Thưa đại nhân quốc cữu [20], kẻ tiểu thương này từ nơi rất xa xôi đến đây, mong được trình lên quốc cữu đôi lời cảnh tỉnh.

– Có việc gì trọng đại mà cất công mệt nhọc như vậy? – Dương Tuyền Quân vội hỏi.

– Có kẻ đang rêu rao rằng tội của đại nhân phải xử cực hình. Chẳng hay quốc cữu đã nghe thấy hay chưa? – Lã Bất Vi nói như thật, rất nghiêm chỉnh, mỗi lời là một vạ vào khó nghe.

Dương Tuyền Quân bán tín bán nghi. Ông nói:

– Không thể có chuyện đó được!

– Sao lại không thể có được ạ? – Lã Bất Vi hỏi vặn lại một cách rất chắc nịch, và liền thoảng nói tiếp – Các thuộc hạ của đại nhân, không ai không quyền cao chức trọng, còn các môn hạ của thái tử An Quốc Quân thì người nào cũng thăng tiến như điều gặp gió. Trong phủ của đại nhân có biết bao châu báu ngọc ngà, trong chuồng trại của đại nhân là từng đàn tuần mã. Trong nhà sau rộng lớn của đại nhân toàn là tuyệt thế mỹ nhân. Nay vua Tần Chiêu Vương tuổi đã cao sức đã tàn, chẳng may ngài ra đi thì người kế vị là thái tử An Quốc Quân. Lúc ấy, số phận của đại nhân như trứng quấy đầu gậy, sống hôm nay nhưng chẳng biết ngày mai còn hay mất!

– Chẳng ngờ lại có cái tai họa ấy, ta chưa lường tới bao giờ – Dương Tuyền Quân thật sự choáng váng trước những điều nguy cấp mà Lã Bất Vi vừa nói. Ông bồn chồn lo lắng, lòng dạ bất an.

– Cũng may mà tiểu thương đây đã sớm nhìn thấy nguy cơ và đã ra tay lo liệu cho quốc cữu. Nếu đại nhân làm theo kế sách của tiểu nhân, thì vinh hoa phú quý sẽ trường tồn như núi Thái Sơn, sẽ vĩnh hằng vạn đại thiên thu. Xin thể với đại nhân, kế sách này không mấy may nguy hiểm. – Lã Bất Vi nói như đinh đóng cột, có vẻ như ăn chắc trăm phần trăm.

Nghe những lời ấy, Dương Tuyền Quân càng thêm tin Lã Bất Vi, thấy rằng không dựa vào con người này e khó mà thoát khỏi mớ bòng bong này. Ông hỏi thêm ý kiến Lã Bất Vi. Lã Bất Vi được đà càng lấn tới:

– Vua Tần Chiêu Vương nay đã già cả như thế. Hoa Dương phu nhân tuy là chánh phi của thái tử nhưng không có con để thừa tự. Con cả của thái tử là Tử Hề có quyền thừa kế ngôi vua, lại được trọng thần Đồ Thương phò tá. Chừng nào Tần Chiêu Vương qua đời, Tử Hề sẽ kế vị ngôi vua của An Quốc Quân. Như vậy, gia tộc bên hoàng hậu của vua Tần Chiêu Vương sẽ bị chà đạp như cỏ rác ngoài đồng!

Dương Tuyền Quân hình như đang lơ mơ nhìn thấy cảnh tượng thảm khốc đó. Ông kêu lên:

– Ôi, không thể tưởng tượng được một kết cục đau lòng như thế!

Lã Bất Vi liền đi ngay vào nội dung chính của câu chuyện:

– Rất may là thái tử An Quốc Quân còn có một người con nữa là Doanh Dị Nhân, một công tử rất có tài đức, nhưng rất tiếc lại đang phải làm con tin ở nước Triệu. Mẹ là Hạ Cơ lại đang bị trừng phạt, cho nên, Doanh Dị Nhân coi như con không mẹ, suốt ngày nhìn về cũ quốc mà lòng quặn đau, muốn về quê mẹ đất cha nhưng không có bất cứ lý do gì để xin về. Nếu Hoa Dương phu nhân nhận Doanh Dị Nhân làm con, thì Doanh Dị Nhân sẽ có “đất nước” để trở về, còn Hoa Dương phu nhân thì đang hoàng có con để thừa tự. Như vậy Doanh Dị Nhân có quyền thừa kế ngôi vua một cách danh chính ngôn thuận. Và mưu đồ của Tử Hề sẽ sụp đổ, quốc cữu đại nhân sẽ đời đời vinh hoa phú quý!

Dương Tuyền Quân rất cảm động. Ông liên tục cảm tạ Lã Bất Vi:

– Ngài quả là ân nhân cứu mạng cho quốc cứu ta đây. Ta tán thành cao kiến của ngài và sẽ hết sức khuyến Hoa Dương phu nhân nhận Doanh Dị Nhân làm con, cũng còn để bảo vệ cái mạng của ta nữa! – Nói xong liền gọi người nhà đem nhiều vàng tặng cho vị thuyết khách.

Lã Bất Vi trở về nhà, vui mừng như mở cờ trong bụng. Sau khi cất số vàng được tặng, ông cùng Lã Yên đi ra nhà hàng nổi tiếng ở phía tây kinh thành, hai thầy trò uống cạn một lít rượu trắng, nhắm hết một đĩa thịt dê tái giòn, râu ria quanh mồm dính đầy dầu mỡ phải dùng nước nóng cọ rửa nửa ngày mới sạch. Mặc dù giấc ngủ đã ập đến nhưng Lã Bất Vi vẫn cứ trần trọc mãi. Dương Tuyền Quân đã chấp nhận kế sách của ông nhưng xét cho cùng thì Dương chỉ là bên ngoại. Hơn nữa, mưu kế của ông chỉ mới học được ở ngay Hàm Dương này, chưa qua thử nghiệm, chẳng may quốc cứu nói rằng không đạt, không thuyết phục được Hoa Dương phu nhân thì công lao khó nhọc từ đầu đến nay coi như đổ xuống sông xuống biển. Vì vậy, Lã Bất Vi quyết định phải tự mình đến gặp Hoa Dương phu nhân, coi như tấn công vào mục tiêu bằng hai gọng kìm; như vậy, sẽ cầm chắc phần thắng. Nghĩ vậy, ông muốn ngâm hai câu hát ví của Dương Địch để thổ lộ tâm tình đang hưng phấn. Nhưng vừa há miệng thì thấy lưỡi cứng như tê dại. Hóa ra chiều tối vừa rồi đi uống rượu, húp phải nước canh quá nóng, thịt dê xào tái giòn lại có quá nhiều hành và ớt, vì quá chén nên thấy tờ cú nhậu thật đã, quên hết mọi sự đời, hậu quả là lưỡi bị tê cứng, không tài nào cất giọng lên được. Nếu cứ như thế này mà đi gặp Hoa Dương phu nhân thì chẳng còn thể thống gì nữa. Nghĩ đến đây, bỗng Lã Bất Vi thấy lạnh ớn cả người. May mà ông ta đã từng buôn bán về thuốc đông y, nên có hiểu biết chút ít về cách chữa bệnh. Ông vội vàng tìm kiếm băng phiến, cho một ít vào mồm ngâm, nhờ vậy, lưỡi dần dần mềm lại, nói năng trở lại bình thường, lại có thể thao thao bất tuyệt.

Nói chuyện với Hoa Dương phu nhân không dễ dàng như khi gặp quốc cứu Dương Tuyền Quân. Chủ yếu là bởi vì bà là chánh phi của thái tử, chủ trì đông cung, một nơi rất thâm nghiêm, được canh phòng tầng tầng lớp lớp, rất hiếm khi tiếp kiến quan khách từ ngoài vào. Thỉnh thoảng có ai đó cầu kiến xin gặp bà, trước hết phải gặp chị của bà, một người được giao giữ chức tiếp tân cho bà, nếu bà chị ấy thấy cần thiết mới cho gặp bà. Thật là nhiều khê và vòng vo, nhưng không kinh qua những cửa quan ấy thì không xong việc. Chính Lã Bất Vi phải bỏ tiền bỏ của ra đút lót cho bọn hoạn quan ở nội cung, mới hiểu được ngọn ngành những chuyện đó. Vì vậy, Lã Bất Vi bèn sửa soạn lễ vật rất hậu, gồm toàn đồ trang sức của nữ bằng châu báu ngọc ngà quý giá, đem biếu chị của bà Hoa Dương, lại còn ca tụng hết lời đối với Doanh Dị Nhân trước mặt bà chị này. Ông ta nói, nào là Doanh Dị Nhân đã làm quen với rất nhiều đại thần và sứ giả các nước ở Hàm Đan nước Triệu, nào Doanh Dị Nhân có tài năng chính trị giao thiệp, được các giới thượng lưu ở nước Triệu ca ngợi hết lời. Bản thân Doanh Dị Nhân rất có tình nghĩa và kính trọng Hoa Dương phu nhân, coi bà như mẹ đẻ của mình, ngày đêm đầm lệ trông ngóng về Hàm Dương, từng giờ từng phút tưởng nhớ thái tử An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân. Bà chị của Hoa Dương liền nói lại tất cả những chuyện đó với Hoa Dương phu nhân, và chuyển toàn bộ cổ vật châu ngọc của Lã Bất Vi trao tặng cho Hoa Dương phu nhân. Bà Hoa Dương vui mừng, lập tức cho triệu Lã Bất Vi vào gặp. Lã Bất Vi bắt đầu cuộc đàm thoại bằng câu chuyện rất hấp dẫn:

– Thừa Hoa Dương phu nhân, Lã Bất Vi này thường nghe nói, dùng sắc đẹp để mua vui cho đàn ông, thì đến khi sắc phai xuân tàn, sẽ thất thế và bị đào thải. Phu nhân, là chánh phi của thái tử, được tôn quý bậc nhất, nhưng rất đáng tiếc là không có con thừa tự. Đó là điều thiệt thòi lớn nhất của một người đứng chủ đông cung. Vậy cơ sao không mau chọn một người hiền lương và hiếu thuận trong các con của thái tử làm con thừa tự của mình. Nếu tìm được con người như thế, thì khi phu nhân còn ở cương vị hiện nay, sẽ được triều đình và thiên hạ vô cùng tôn kính. Nếu chẳng may phu nhân đi về với tiên tổ, thì đứa con thừa tự đó sẽ kế vị ngôi vua, quyền thế của phu nhân vẫn không hề suy giảm. Như vậy, chỉ một câu nói “Nhận con làm thừa tự” mà lập nên cơ nghiệp vạn đại vinh thân, thật là mưu lược tuyệt diệu! Nếu không nhân lúc cành lá còn xum xuê để vun vén cho cây đại thụ thêm bền gốc chắc cành, đợi đến khi cành khô lá héo thì chẳng ai thèm nghe bất cứ lời nào mình nói ra nữa. Sự việc đã đến nỗi này, xin phu nhân suy xét cho kỹ.

Hoa Dương phu nhân thật sự bàng hoàng trước những lời đầy thuyết phục của Lã Bất Vi. Bà kinh hãi đến mức run bần cả người lên:

– Nghe ngài nói vậy, ta mới tỉnh hẳn người, thấy rõ chỗ yếu lớn nhất của ta là không có con thừa tự. Đó là thế yếu. Nhưng rất khó có thể tìm được đứa con hợp với lòng ta.

Lã Bất Vi thấy lửa đã bén mỗi, bèn nói ra ý đồ của mình. Ông nói:

– Kể tiểu thương này đã nhờ bà chị bả báo với phu nhân: may mà có công tử Doanh Dị Nhân đang làm con tin ở nước Triệu. Công tử tự hiểu rằng mình không thể trở thành thái tử, vì còn rất đông anh em. Huống chi mẹ công tử là Hạ Cơ lại bị thất sủng, hai mẹ con đều bơ vơ đơn độc, chẳng nơi nương tựa. Vì vậy công tử rất mong được nhận phu nhân làm mẹ. Nếu được vậy thì phu nhân có thể nhận công tử làm con, và công tử sẽ thừa kế ngôi thái tử. Từ đó, phu nhân sẽ suốt đời ngồi hưởng phú quý của nước đại Tần!

Hoa Dương phu nhân vô cùng cảm ơn và khâm phục Lã Bất Vi đã nhìn xa trông rộng và mưu lược chu toàn của ông. Bà đích thân tiễn chân Lã Bất Vi ra tận cổng đông cung và còn dặn ông ta cứ yên tâm chờ đợi kết quả tốt đẹp.

Mấy hôm nay, Hoa Dương phu nhân thấy thái tử mỗi lần đi thăm sức khỏe vua cha về, đều tỏ ra vui vẻ, bà thấy đây là dịp thuận tiện để nói chuyện với chồng. Bà nói:

– Gần đây bọn hầu cận có bả báo rằng Doanh Dị Nhân làm con tin ở nước Triệu rất được các giới trong ngoài triều đình khen là con người hiền đức. Những người qua lại giữa Tần và Triệu cũng đều khen ngợi Doanh Dị Nhân. – Bà nói đến đây thì nước mắt lã chã. Bà như than thân trách phận – Thiếp được thái tử sủng ái, chủ trì đông cung. Nhưng cái số của thiếp quá mỏng, nay vẫn chưa sinh nở được, đã phụ lòng yêu thương của thái tử. Vì vậy thiếp muốn nhận Doanh Dị Nhân làm con để thần thiếp có nơi nương tựa suốt đời.

Trước đó, Lã Bất Vi đã mời tiệc và đút lót các công khanh, đại phu trong triều đình nhà Tần, lại còn lợi dụng mọi cơ hội để đề cao Doanh Dị Nhân, nói nào là Doanh Dị Nhân rất có đạo đức, rất giỏi về công việc đối ngoại... vì vậy, thái tử An Quốc Quân cũng đã nghe bọn quan lại trong triều nói về những chuyện đó, nên cũng có những suy nghĩ tốt đẹp về Doanh Dị Nhân. Nay nghe vợ khẩn thiết yêu cầu, thấy cũng khớp với dư luận chu rất tin Hoa Dương và vui vẻ chấp nhận. An Quốc Quân trả lời rất nhiệt tình:

– Việc này rất quan trọng, nên trao cho Doanh Dị Nhân một tấm ngọc bội, có khắc chữ hân hoi, để làm tin.

Bà Hoa Dương thấy ước nguyện của mình được đáp lại nhanh chóng suôn sẻ, nên rất xúc động và cảm kích thái tử. Bà nói:

– Xin thái tử nghĩ lời, để thiếp tự tay viết chữ.

An Quốc Quân ôn tồn bảo vợ:

– Cả hai chúng ta cùng nghĩ lời vậy.

Hai người ghé sát tai nhau, thì thầm to nhỏ, lựa đi chọn lại rất kỹ, cuối cùng mới nghĩ ra một bài giao ước nhận công tử Doanh Dị Nhân làm con. Sau đó hai người lại chọn một viên ngọc bội có đầu rồng óng ánh màu tím. Bà Hoa Dương dùng con dao nhọn, khắc vào viên ngọc bội mấy hàng chữ rất đẹp:

Duy ngã đại Tần, duy hùng đương thế

Nhà xuất vương thất, khách cư vi chất

Quyền quyền hiếu tự, trọng trọng quốc sự

Nạp vi đích tử, thí bộc vi chí.

Tạm dịch ý:

Mùa đông năm thứ bốn mươi sáu Chiêu Vương

Nước đại Tần ta, anh hùng đương đại

Vẫn luôn trung hiếu, làm tròn quốc sự

Nhận làm con cả, ban ngọc làm tin.

Ngày hôm sau, thái tử An Quốc Quân và bà Hoa Dương cho gọi Lã Bất Vi vào tiếp kiến tại đông cung, và nhờ ông ta chuyển giúp ngọc bội cho Doanh Dị Nhân; còn gửi cho vị công tử này rất nhiều tặng phẩm và tiền bạc. Hai người nhờ Lã Bất Vi chăm sóc dạy dỗ Doanh Dị Nhân, để công tử biết giao tiếp rộng rãi, làm tốt mối quan hệ với vua quan nước sở tại, thúc đẩy sự hòa giải và hữu hảo giữa Tần và Triệu; để sớm chấm dứt cuộc sống con tin mất phẩm giá và gian khổ, nhanh chóng được trở về triều đình nhà Tần, phò tá phụ thân An Quốc Quân, kế tục đại nghiệp.

Sau khi trao đổi mọi việc cần thiết, An Quốc Quân và bà Hoa Dương mở tiệc ở đông cung mời Lã Bất Vi. Trong yến tiệc, đôi bên chuyện trò rất vui vẻ. Hai vợ chồng thái tử lại nói lời cảm ơn Lã Bất Vi, bày tỏ hy vọng to lớn đối với Doanh Dị Nhân. Còn Lã Bất Vi thì luôn miệng hứa chắc chắn rằng sẽ không bao giờ phụ lòng tin của thái tử và phu nhân, nhất quyết giúp đỡ công tử cải thiện tình cảnh ở nước Triệu, xây dựng hình ảnh và uy tín của mình, cố gắng sớm về nước, để thể hiện lòng tận trung với nước, tận hiếu với cha mẹ.

Tiệc tàn, Lã Bất Vi vui mừng khôn xiết. Khi về đến phòng riêng, ông vội dặn dò Lã Yên:

- Ngày mai phải thu dọn mọi hàng hóa và ngừng việc buôn bán ở địa bàn này.

Mấy hôm sau, đoàn xe ngựa có lá cờ hiệu "Họ Lã. Dương Địch" lại rậm rịch đi ra khỏi cửa đông thành Hàm Dương tiến nhanh về hướng Hàm Đan.

Trong xe, Lã Bất Vi ngồi lim dim hai mắt, thoải mái, mãn nguyện, nhưng ông nhìn thấy trận đấu vẫn còn ở phía trước.

HỒI THỨ BA

HÔN LỄ CHƯA TÀN ĐÃ VỘI GIỤC TRIỆU CƠ CHƯA CƯỚI ĐÃ MANG BẦU ^[21]

Vào thời đại tiên Tần thời Chiến Quốc ^[22] các chư hầu nổi lên tranh hùng xưng bá, chiến sự liên miên. Sau nhờ có các nhân vật Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Thư đi khắp nơi để du thuyết và bày mưu tính kế nên mối quan hệ giữa các nước (chư hầu) có nhiều chuyển biến tốt. Hầu như nước nào cũng muốn bảo vệ lãnh thổ của mình, chống xâm lược từ bên ngoài. Vì vậy, họ ký kết thỏa ước với các nước láng giềng, cùng với lân bang phối hợp sách lược và hoạt động chính trị quân sự, thống nhất các chủ trương và biện pháp cụ thể, để cùng nhau chống lại kẻ thù chung. Tuy nhiên, mỗi khi tình hình có biến động, hoặc người cầm quyền thay đổi ý đồ, thì thỏa ước lập tức bị xé bỏ, thoát một cái biến bạn thành thù, biến ân thành oán, chiến tranh lại bùng phát, lại máu chảy đầu rơi. Đánh rồi hòa, thù rồi bạn, sự thay đổi thất thường phức tạp đó gieo biết bao tai họa cho dân lành. Ngay cả các bậc quân vương, khanh tướng trong triều đình, những người cầm cân nảy mực của thiên hạ, nhiều khi cũng nát óc kiệt sức và bó tay trước cái cảnh sớm nắng chiều mưa, xoay đổi như chong chóng trong quan hệ giữa các nước. Vì vậy, hồi đó, có hiện tượng rất phổ biến là dùng con tin để giữ quan hệ bình thường lâu dài. Các nước có thỏa ước với nhau hoặc giữa các nước láng giềng với nhau, thường đưa người của mình đến đối phương làm con tin để tỏ tình hữu hảo, hòa hiếu. Người làm con tin có chức năng như một sứ giả ngoại giao, lại có giá trị đặt cược về chính trị; vì vậy, trở thành nhân vật rất nhạy cảm trên chính trường. Do đó, các nước thường chọn các con thừa tự của nhà vua tại vị làm con tin (cũng vì vậy mà gọi là “con” tin – chất tử). ^[23]

Đưa con thừa tự của nhà vua đi làm con tin, đó là việc làm mạo hiểm đầy rủi ro, nhưng chỉ có thế mới giữ được lòng tin của đối phương. Việc đại thần Xúc Long nước Triệu khuyên thái hậu đưa con nhỏ của mình đi làm con tin được viết thành sách “Xúc Long khuyên thái hậu” là một trường hợp rất nổi tiếng ^[24].

Công tử Doanh Dị Nhân sang Triệu làm con tin không phải là con thừa tự, mà là con của thiếp (thứ mẫu) của thái tử, là cháu của vua Tần Chiêu Vương, tuổi mới lên mười, không có một thế lực làm chỗ dựa. Vì vậy thân phận của Doanh Dị Nhân chẳng có gì là cao giá. Trong suốt mười tám năm làm con tin ở Triệu, vua Tần Chiêu Vương và triều đình nhà Tần chẳng hề dòm ngó gì đến Doanh Dị Nhân, không kịp thời tiếp tế vật chất cho Doanh Dị Nhân, nếu có thì số lượng cũng rất ít ỏi. Đến nỗi, nếu so sánh với thái tử Cơ Hỷ của nước Yên đang làm con tin ở Hàm Đan lúc đó, thì hơn kém nhau một trời một vực. Thêm vào đó, quan hệ giữa nước Tần và nước Triệu lại lúc hòa lúc chiến, biến đổi thất thường, làm cho vua Hiếu Thành nhà Triệu rất có ác cảm với Doanh Dị Nhân, hay nghi ngờ. Vị vương tôn (cháu vua) nhà Tần cũng cảm thấy bị khinh rẻ nên lúc nào cũng mặt ủ mày chau, vừa buồn vừa xấu hổ.

Tuy nhiên, tình hình gần đây có thay đổi. Vì Lã Bất Vi đã cho Doanh Dị Nhân cả đồng tiền của, đã bơm vào chàng công tử đang khô héo những dòng máu tươi, những sức sống mới. Trong cái ngăn tủ vốn nghèo nàn của chàng công tử vương triều đại Tần, đã có đầy vàng bạc châu báu. Theo sự xếp đặt của Lã Bất Vi, hôm nay Doanh Dị Nhân nhận lời mời tham gia lễ tế mùa đông của nước Triệu (theo thông lệ, mỗi khi một nước cử hành hội lễ truyền thống, các sứ giả và con tin các nước đều được mời tham dự, chỉ trừ những nước đang đánh nhau).

Doanh Dị Nhân ngồi trên một cỗ xe rất cao có bốn ngựa kéo, mặc áo bào bằng da lông chồn màu tím thêu hoa (một thứ da lông thú cực kỳ quý hiếm, do Lã Bất Vi tặng), đầu đội mũ da lông chồn có gắn ngọc mắt mèo. Hai chân đi đôi hài cao cổ có đế trắng ngần như tuyết. Lưng mang kiếm dài có bao bằng da rắn, chuôi kiếm khảm bảy ngôi sao bằng đá quý. Trông bộ dạng Doanh Dị Nhân lúc này thật uy nghi oai vệ, đúng là “Phật nhờ giát vàng, người nhờ phục trang”. Ngay cả người hầu cận là Công Tôn Càn cũng ăn mặc hoàn toàn mới, bước đi chững chạc, rất có phong độ.

Khi Doanh Dị Nhân bước lên lễ đài, mọi con mắt đều đổ dồn vào anh ta với một vẻ nhìn vừa kinh ngạc vừa tôn quý, khác hẳn nhiều lần trước đây, họ chỉ đưa mắt liếc qua một ách

khinh bỉ rồi quay mặt đi nơi khác.

Trong quá trình hành lễ, các quân vương và đại thần nước Triệu, các sứ giả và con tin các nước, không ai không kinh ngạc trước bộ mặt hoàn toàn đổi mới của con tin nước Tần Doanh Dị Nhân. Từ chỗ kinh ngạc, đàm tiếu, đến chỗ kính phục, thân thiện và hữu nghị. Ngay cả Cơ Hỷ, thái tử nước Yên, một con tin khác ở Hàm Đan, cũng thay đổi thái độ trước đây luôn luôn bĩu môi, dè bĩu, chế giễu; nay cũng chủ động đến chào Doanh Dị Nhân rất cung kính và mềm nở. Tất cả những gì đang diễn ra trước mắt khiến Doanh Dị Nhân cảm thấy rất được an ủi và vui thích vì đang từ chỗ bị khinh rẻ đến chỗ được tôn vinh. Tuy nhiên, cảnh tượng đó cũng đụng chạm đến vết thương tâm linh do sự nhẫn nhục chất chứa lâu năm trong lòng. Doanh Dị Nhân bất giác cảm thấy chua xót đắng cay, đến nỗi không cầm được nước mắt, phải vội đưa ống tay áo lên mặt lau khô hai hàng nước mắt.

Khi trấn tĩnh lại, và khi buổi lễ kết thúc, Doanh Dị Nhân chủ động bước ra khỏi lễ đài, bước xuống bậc tam cấp, nắm chặt hai bàn tay vái chào mọi người chung quanh. Khi lên xe, còn vén rèm che cửa, và bảo người đánh xe cho ngựa đi chậm chậm và đi một vòng quanh quảng trường rồi mới đi ra cổng chính, trở về nơi ở ở ngoại ô. Chuyến đi tuần hành có tính chất như một cuộc “duyet binh” đó được tất cả những ai có mặt hôm đó đều trầm trồ khen ngợi. Họ nói rằng nước Tần quả thật đáng mặt một đại quốc, đưa một đứa cháu sang làm con tin nhưng rất có khí phách hiên ngang, oai nghiêm xuất chúng.

Từ đó, vào các dịp như lễ cuối năm, lễ năm mới, rằm tháng Giêng, Doanh Dị Nhân đều hăng hái và tích cực tham gia. Lúc thì mở tiệc mời khách tại Tùng Đài, nơi tiếp khách quan trọng của triều đình nhà Triệu. Khi thì đến xem biểu diễn ở “Lưu Xuân Viên”, một nhà hát nổi tiếng ở Hàm Đan. Lúc thì mời các đại thần danh tiếng, các phú hào có thế lực của nước Triệu, và sứ thần cũng như con tin các nước tại Hàm Đan đến dự lễ mừng thọ cụ thân sinh ra Lã Bất Vi, nói là để tỏ lòng kính tạ tấm lòng thịnh tình của họ Lã. Tại những cuộc vui long trọng đó, không chỉ mâm cao cỗ đầy, ca múa tuyệt đẹp, mà còn trao tặng tất cả những người đến dự nhiều lễ vật có giá trị như vàng bạc, châu báu, đồ trang sức quý hiếm. Trong thơ cổ của Trung Quốc từng ca ngợi: “Chỉ cho một quả mộc đào, lại nhận được cả ngọc quỳnh ngọc dao” [25]. Giờ đây, khách của Doanh Dị Nhân được tặng ngọc quỳnh ngọc dao, hẳn là sẽ trả ơn bằng “phẩm giá con người. Đó là báu vật vô giá”. Tiếng tăm của Doanh Dị Nhân ngày một lan rộng. Tiếng lành đồn xa, đâu đâu cũng kháo nhau về những chuyện tốt lành của chàng công tử hào phóng. Điều đáng chú ý là lúc này, quan hệ hai nước Tần, Triệu đang hòa dịu dần, vua Triệu cũng thay đổi thái độ với con tin nước Tần. Trước kia là cử giám thị giám sát công tử, nay đổi lại là hầu cận; công tử không còn bị hạn chế hành động, mà được đối xử như thượng khách, được cung cấp mọi phương tiện cần thiết để hoạt động.

Lại nói về Lã Bất Vi, sau khi đến Hàm Dương và thuyết phục được quốc cứu Dương Tuyên Quân và vợ chồng thái tử An Quốc Quân, ông vui mừng trở về Hàm Đan. Vì mã hồi sau “chiến thắng” nên ông cho ngựa phi nhanh, rút ngắn được ba ngày đường. Hơn nữa, mặc dù rất mệt nhọc sau gần mười ngày rong ruổi đường trường, vừa về đến nhà, ông đã vội hỏi thăm tình hình những ngày vừa qua của Doanh Dị Nhân. Cụ ông kể lại tỉ mỉ mọi chuyện cho con nghe. Nghe xong, Lã Bất Vi gật đầu lia lịa vừa cười vừa nói:

– Quả nhiên là hoàng tử nhà Tần có nòi có giống. Đền mới thắp đã sáng ngay. Lời vừa nói ra là ứng nghiệm. Vị công tử non dại ấy thế mà đã thật sự trưởng thành, rất có triển vọng. – Nói xong liền quay sang bảo Lã Yên – Bác sai người sửa soạn một cỗ xe ngựa gọn nhẹ đón công tử về đây ngay cho ta.

– Thừa ngài, ngài mới đi xa về, vất vả đi qua đi lại hai tháng nay rồi, nên nghỉ ngơi một chút đã chứ!

– Gì hả? Hình như bác đã mệt mỏi rồi, không muốn nhấc tay động chân nữa phải không? – Lã Bất Vi hơi phật ý.

– Không phải thế. Không phải thế. Tớ này đâu dám thế. Tớ này chỉ lo cho ngài thôi – Lã Yên tỏ ra rất lo sợ ông chủ hiếu lắm mình.

Lã Bất Vi cười nhạt:

– Vậy thì cảm ơn lòng tốt của đại quân gia.

Lã Yên vẫn chưa yên tâm, vẫn cứ cái giọng xun xoe:

– Thật không dám. Xin ngài cứ đi nghỉ ngơi. Sáng sớm mai, lão già này nhất định đưa công tử về đây cùng ăn sáng với ngài.

– Im mồm! – Lã Bất Vi nổi nóng, không kiềm chế được nữa. ông nói như quát mắng – Uốn cành khi hầy còn non; rèn sắt khi còn nóng đỏ trên đe. Bác không cho thêm than thổi thêm lửa thì thôi, lại còn dội gáo nước lạnh vào đầu tôi, vậy là nguyên cơ gì?

– Trái tim của lão ở chỗ này này, mong ngài thông cảm cho. – Lã Yên đưa tay đặt vào ngực, chỗ trái tim, nói tiếp, giọng nói có vẻ bị oan – Lão già này biết rõ ngài đi đường quen ăn quen ngủ, vất vả quá, nay mới về đến nhà.

– Về đến nhà. Về đến nhà! Về đến nhà nhưng việc cần làm, chưa làm xong; người cần gặp, chưa gặp được! – Là Bất Vi có vẻ sùng sộ, hỏi vặn lại Lã Yên – Dù ông có trói tôi ở trên giường, tôi cũng không ngủ được.

– Vậy thì... a ha, ha, ha... – Lã Yên bật cười, nhưng cười rất vu vơ, có vẻ ngớ ngẩn.

Lã Bất Vi không muốn trách mắng ông ta nữa, chỉ giục:

– Còn đứng ngẩn .tò te ra làm gì đấy, không mau đi đón khách về đây cho ta à?

– Xin vâng – Lã Yên đáp lại rồi lui ra, vừa chạy vừa gọi lớn: – Cu Thuận, cu Hỷ ơi, mau đưa chiếc xe ngựa chạy nhanh nhất, theo tôi ra ngoại thành đón khách. Mau lên!

Sau khi Lã Yên ra đi, Lã Bất Vi mới quay về phòng mình. Các thê thiếp vây xung quanh, rồi rít hỏi han sức khỏe ông chồng. Lã Bất Vi trả lời qua quýt cho xong chuyện, rồi đi tắm nước nóng. Tắm xong, ông để cho người vợ yêu chải và búi lại tóc cho mình; đồng thời sai nhà bếp sửa soạn tiệc tối để đón khách sắp đến.

Sau khi tóc đã được chải chuốt gọn gàng, Lã Bất Vi đến trước tấm gương lớn để ngắm nghía, ông hỏi các bà vợ đang đứng ở quanh đấy:

– Các cô thấy tôi béo ra hay là gầy đi?

– Em thấy chàng béo ra đấy!

– Không phải đâu. Thiếp thấy không gầy đi, nhưng chỉ có mặt là có béo ra chút ít mà thôi.

– Tôi nói thế này nhá, ông nhà không gầy đi mà cũng không béo ra.

Thật đúng là trăm người trăm ý, chẳng ý nào đúng. Lã Bất Vi nói đùa:

– Các cô rất khéo mồm khéo miệng, nhưng chẳng ai nói đúng cả!

– Thế thì tại sao? – Mọi người nhao nhao lên.

– Các cô rất sợ ta, không ai dám nói thật – Lã Bất Vi nhắc lại nhận xét của từng bà vợ. – Ai nói ta béo ra, chắc là muốn tranh thủ tình cảm của ta. Còn ai đó thấy ta gầy đi thật, nhưng chỉ dám nói chỉ có cái mặt là béo ra, đó là sợ ta không vui. Còn ai đó nói rằng ta không gầy không béo, thì đó là cách nói vô thưởng vô phạt nhất, chẳng được lòng, mà cũng chẳng mất lòng ta. Các cô có thấy thế không?

Những lời nửa đùa nửa thật của ông chồng, làm cho các bà vợ ai cũng rất vui vẻ, hòa cả làng.

– À, Triệu Cơ, sao cô chẳng nói năng gì cả? – Lã Bất Vi chỉ tay vào người vợ yêu vừa chải tóc cho ông.

– Thiếp nhìn mình trong gương kia chẳng khác gì bông hoa mờ mờ trong sương mù, thấy mình không còn ăn thua gì nữa, nên không dám nói – Triệu Cơ trả lời rất khôn ngoan mà cũng rất đẹp.

Các bà vợ khác cười rộ lên và hỏi lại Triệu Cơ:

– Vậy như thế nào mới là ăn thua?

Triệu Cơ không đáp, chỉ hát mấy câu theo điệu dân ca sông Gianh như sau (dịch sát ý):

Chng tôi rất hay vui đùa,

Chị em đối đáp rất vừa lòng ông.

Soi gương thấy rõ hình dong,

Vừa gầy vừa béo khó lòng nói ra,

Sắc tàn thì hết mặn mà,

Triệu Cơ đành phải chẳng thà đứng im.

– Thật là nhanh mồm nhanh miệng, lại có tài làm thơ nữa cơ chứ!

– Mồm cô ấy hát, ai mà biết được cô ấy biết thật hay biết giả?

Lại một trận cười nữa. Triệu Cơ vẫn đáp lại bằng lời ca:

Thật lòng chẳng muốn nói ra

Trừ khi thiếp được ông nhà ôm lưng!

Sau câu hát này, không khí càng vui nhộn hơn. Các cô vợ tranh nhau nói:

– Vâng ạ, mắt nhìn thì cũng như không, chỉ khi nào quàng tay ôm nhau thì mới là thật!

– Vậy thì để ai ôm bây giờ nào?

– Thì cô chú còn ai nữa?

– Không, chính cô ấy, cô ấy người to khỏe mạnh, vậy mới có sức mà ôm...

Tất cả nói nói cười cười, rất rôm rả. Bỗng Lã Bất Vi nói, vừa mỉm cười nhìn về Triệu Cơ:

– Thôi để ta nói nhé, tối nay để nàng ôm một lúc!

– Chả trách mà cô ấy biết ngâm biết hát, lấy được trái tim của ông nhà rồi!

– Thôi để cho cô ấy ôm vậy!

– Mình bị thất sủng nên quên không nói cho chị em biết ông nhà béo hay gầy.

Mọi người lại cười rộ lên.

Lúc này Lã Yên đẩy cửa bước vào, nói với Lã Bất Vi:

– Thưa ông chủ, công tử đã tới.

– Mời đến phòng làm việc của ta. – Lã Bất Vi nói xong liền quay sang nói với Triệu Cơ: – Đi theo ta cùng tiếp khách.

– Vâng!

Triệu Cơ đi sau Lã Bất Vi cùng đến gặp Doanh Dị Nhân. Hai người vừa bước vào phòng, thì Lã Yên đưa Doanh Dị Nhân cũng vừa tới. Hai vợ chồng vội bước lại chào khách. Lã Bất Vi hỏi thăm, hai tay nắm chặt:

– Chào công tử, từ ngày ấy đến nay, công tử vẫn được bình yên cả đấy chứ ạ?

Doanh Dị Nhân vội đáp lễ:

– Nhờ trời, vẫn bình yên. Ngài đi Hàm Dương lần này quá vất vả!

Lã Bất Vi cười sảng khoái:

– Việc của công tử cũng như việc của họ Lã này thôi. Công tử và Lã này tuy hai mà một rồi.

Vừa nói, Lã Bất Vi vừa đưa tay mời khách đến chỗ ghế, hai bên cùng ngồi xuống. Doanh Dị Nhân và Triệu Cơ đã biết nhau từ buổi lễ mừng thọ cụ ông, nên không cần giới thiệu, hai bên cúi đầu chào nhau. Triệu Cơ ngồi bên cạnh Lã Bất Vi, nghe hai người nói chuyện.

Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi mỗi người kể lại công việc của mình, đều tỏ ra vừa lòng với những gì đã làm trong những ngày qua. Lã Bất Vi nói xong phần mình, tỏ rất vui mừng đắc chí, bèn sai Lã Yên khiêng chiếc hòm sơn đỏ đến. Ông mở nắp hòm ra, bên trong có đến hai đấu báu vật, nào xuyên vàng, xuyên bạc, đồ trang sức bằng ngọc với đủ màu sắc:

tím, xanh lam, xanh mắt mèo, tía, mạn, da cam, tất cả óng ánh, chói ngợp. Mọi người đều tặc lưỡi, trầm trồ khen ngợi.

Lã Bất Vi nói với Doanh Dị Nhân rằng đây là những thứ mà cha mẹ công tử gửi cho. Doanh Dị Nhân hoàn toàn tin lời Lã Bất Vi và cầm lấy bản kê chi tiết các vật phẩm trong hòm, Lã Bất Vi chuyển giao tận tay, rồi đẩy nắp hòm lại.

Bây giờ Lã Bất Vi mới đưa viên ngọc bội ra, trân trọng chuyển cho công tử, và nói rất kính cẩn:

– Đây là kỷ vật làm tin do thái tử và Hoa Dương phu nhân đích thân khắc chữ, xin công tử chú ý xem.

Doanh Dị Nhân nhận viên ngọc bội, nhìn kỹ và đọc những dòng chữ rất nhỏ trên viên ngọc. Càng đọc càng xúc động, hai mắt đầm đìa, phải đưa tay lên chùi mắt. Triệu Cơ có vẻ tò mò, nâng nhẹ tay cầm lấy viên ngọc bội từ lòng bàn tay của công tử, đưa mắt nhìn kỹ, rồi nói rất trang trọng:

– Từ nay mọi việc của công tử đều nhờ vào kỷ vật này, nên cất giữ cẩn thận! – Nói xong, trả lại cho chủ nó.

Doanh Dị Nhân vội cầm lại ngọc bội và cảm ơn:

– Đa tạ phu nhân có lời chỉ bảo.

Vì cẩn thận, nên công tử đưa hai bàn tay để đỡ lấy viên ngọc trong bàn tay Triệu Cơ, nhưng lại gần như là nắm lấy bàn tay nàng. Triệu Cơ từ từ rút tay mình ra, còn đưa mắt nhìn thẳng vào công tử, vừa cười vừa nói:

– Xin ngài cầm cho chắc tay, luôn giữ ở trong người.

– Tôi nhớ rồi! – Doanh Dị Nhân đáp rồi quay sang Lã Bất Vi – Chuyển đi của ngài lần này đã nói thấu tình đạt lý với thái tử và Hoa Dương phu nhân, đã khuyên họ nhận tôi làm con thừa tự. Việc này đã đạt được kết quả bước đầu, thật mãn nguyện quá. Chỉ một chuyến đi mà chóng vánh mọi chuyện, công lao của ngài thật to lớn vô cùng!

Lã Bất Vi mỉm cười, gật đầu lia lịa:

– Mọi việc đều do hai chúng ta đã bàn định từ trước, chúng ta bắt tay nhau đồng tâm hiệp lực, cùng nhau gắng sức thì việc gì mà chẳng thành. – Nói xong liền đưa ra một bức thư – Xin công tử xem thư!

Doanh Dị Nhân nhận lấy rồi mở ra xem, thì ra là thư của thái tử An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân tự tay viết cho công tử. Lời lẽ trong thư rất sâu sắc, chân tình, kỳ vọng tha thiết, làm xúc động lòng người. Thư viết:

Gửi con Doanh Dị Nhân,

Ngài Lã Bất Vi vào cung tiếp kiến, tấu báo tình hình của con gần đây. Con làm con tin ở nơi xa, vẫn ngày ngày trông ngóng về đông cung, nhớ cha thương mẹ, hiếu thuận bên lòng. Nay ban ngọc bội, nhận làm con trưởng. Ngài Lã đến đây, công lao to lớn, đáng tôn làm thầy, nghe ngài chỉ giáo, hiệp lực đồng tâm, sớm quay về nước. Mấy lời nhắn con.

Cha và mẹ (ký tên) [26]

Mùa đông năm thứ bốn mươi sáu Tân Chiêu Vương.

Bức thư được viết trên lụa. Đọc xong, Doanh Dị Nhân xúc động nói:

– Thật may cho tôi, được cha mẹ lo cho rất chu toàn. Chỉ sợ tôi tài hèn sức mọn, lực bất tòng tâm, xin chỉ bảo cho. Mời thầy ngồi xuống, để tôi bái lạy thầy. – Nói xong, phủ phục xuống khấu đầu bái lạy.

Lã Bất Vi bỗng dưng thấy chói sáng trong đầu, mắt hoa chóng mặt, vốn định cúi xuống đỡ Doanh Dị Nhân đứng dậy, nhưng cứ loạng choạng và thở hổn hển, có vẻ như sắp ngã nhào xuống đất. Triệu Cơ thấy vậy, bèn vội vàng tự mình đỡ Doanh Dị Nhân dậy, mỉm cười với công tử, còn nói:

– Công tử đại lễ lễ như vậy, làm cho ông nhà thiếp bị kích động quá rồi!

Doanh Dị Nhân đứng dậy, hai tay vướng vào tay nàng, bốn mắt nhìn nhau. Bây giờ công tử mới thật sự thấy rõ trước mặt mình là một tuyệt thế giai nhân, nên cứ ngây người ra mãi, tình cảm dồn nén lâu nay trong lòng bỗng bùng bùng thức tỉnh. Nhưng Doanh Dị Nhân cũng đã kịp làm chủ được mình, mặc dù hơi đỏ mặt, nhưng nói lịch thiệp:

– Đa tạ phu nhân!

– Khiêm nhường nhã nhặn như vậy, quả đáng là bậc vương tôn đại quốc – Triệu Cơ vừa nói vừa cười rất có duyên.

Lã Bất Vi vẫn lấy tay ôm bụng, vừa gượng cười vừa nói:

– Lã Bất Vi này làm gì có tài đức để làm thầy? Chẳng qua thái tử và phu nhân nhờ cậy, nên mới đem chút tài mọn sức hèn này đưa ra đôi lời cho công tử xem xét mà thôi; tất cả đều là vì sự thành công của chúng ta.

– Ông nhà ơi, nhờ có cái bái lạy vừa rồi của công tử mà chàng đã trở thành trưởng lão rồi đó! – Triệu Cơ cười, mặt mày rất rạng rỡ, lời nói rất cung kính với Lã Bất Vi.

Doanh Dị Nhân cũng quay sang mỉm cười với Triệu Cơ:

– Từ nay ta phải gọi phu nhân là “Sư mẫu” rồi đấy. – Nói xong liền chấp tay bái lễ.

Triệu Cơ vội giữ tay công tử lại, nói:

– Không dám, không dám! – Rồi lại đưa mắt nhìn Lã Bất Vi, cười đắc chí – Thật nhờ có hồng phúc của chàng mà thiếp và công tử tuy cùng một tuổi, nhưng đã trở thành “trưởng lão” của công tử rồi, thật là thiệt cho thần thiếp.

Trong lúc mọi người đang vui cười, thì các nô tỳ đã bày biện xong cơm tối, ba người ngồi vào mâm, lại trò chuyện râm ran. Vì đêm đã khuya, nên Doanh Dị Nhân ở lại nhà khách họ Lã. Trước khi công tử rời phòng, Lã Bất Vi vì quá vui nên đã say mê, không thể đứng dậy được, bèn ra hiệu cho Triệu Cơ tiễn chân công tử. Doanh Dị Nhân luôn miệng nói:

– Sư mẫu, xin dừng bước.

Triệu Cơ đưa mắt nhìn theo, bóng đêm đang làm mờ dần hình bóng công tử, một vương tôn cao quý nhưng chưa thoát hẳn khỏi cảnh đắng cay đau buồn. Bất giác nàng cảm thấy rất thương cảm với thân phận con người.

Lã Bất Vi được người nhà cho uống nước canh đã rượu, nên dần dần tỉnh lại, lại hơi thêm một ngụm trà đặc, nên cơn buồn ngủ cũng bị xua tan, bèn bước nhanh đến khuê phòng Triệu Cơ để “thực hiện lời hứa”. Sau khi mọi chuyện đã xong xuôi, người đẹp ghé vào tai chàng thì thầm to nhỏ gì đó, bỗng Lã Bất Vi ngồi phắt dậy, hỏi ngay:

– Cái gì, có thật rồi à?

– Sinh tử đại sự, sao thiếp lại dám dối chàng? – Triệu Cơ mỉm cười và trả lời.

Lã Bất Vi lại hỏi tiếp:

– Bao lâu rồi?

– Thiếp mất kinh mới khoảng một tháng... – Triệu Cơ nói nhỏ nhẹ, có hơi chút ngượng ngùng.

– Đúng là trời đã phù hộ ta! – Lã Bất Vi mừng rơn, ôm lấy Triệu Cơ, nói tiếp – Cái bụng của nàng đã lập công cho ta rồi đó?

– Cái bụng của thiếp ư...? – Triệu Cơ muốn hỏi cho ra nhẽ, nhưng thấy Lã Bất Vi đã hắt hơi, có vẻ quá mệt mỏi. nên không muốn nhiều nữa, bèn nghiêng mình ôm ấp bên cạnh cho chàng đi dần vào giấc ngủ.

Thực ra Lã Bất Vi chỉ hắt hơi giả vờ. Ông không những không ngủ, mà là đang nhớ lại những gì đã đưa ông đến với Triệu Cơ.

*

* *

Một buổi tối mùa hè cách đây nửa năm, Lã Bất Vi dạo bước hóng mát dưới ánh đèn

sáng rực trên đường phố Hàm Đan, nhân đi qua nhà hát nổi tiếng “Lưu Xuân Viên”, bèn ghé vào xem ca hát. Các ca kỹ nối tiếp nhau hát hết bài này đến bài khác, mỗi người một nét đẹp riêng, không ai giống ai, nhưng đều rất duyên dáng. Theo lệ thường, Lã Bất Vi ném mấy đồng tiền vào cái đĩa trên bàn. Lúc này đã hết oi bức, trời mát dịu dần. Ông đang định ra về thì bỗng nghe thấy một kỹ nữ khoảng trên đôi mươi, má hơi phớt hồng, mày cong lá lúa, mắt sáng lung linh, thướt tha uyển chuyển. ã Bất Vi ngập ngừng giây lát rồi tiếp tục ngồi xuống. Sau khi cúi chào khán giả rất cung kính, cô gái cất giọng hát theo tiếng đàn phối âm:

Dịch nghĩa:

Mây trắng buồn chi, bay lững lờ

Cõi trần ai, như cát bụi trong cơn gió

Lệ sâu rửa sạch nét dung nhan

Tiếng đàn ai oán, nổi lòng kêu than.

Chim muốn bay về nhưng không còn tổ?

Người nhớ cố hương nhưng chẳng còn thuyền

Tiền đây ca hát, thân gái thuyền duyên.

Xin chàng thưởng thức, thỏa nguyện mưu sinh.

Lã Bất Vi nghe những lời ca bi thương sâu thẳm ấy bỗng động lòng trắc ẩn, bèn đến tận sân khấu và bỏ ra một khoản tiền kha khá, còn lên tiếng ân cần hỏi cô ca kỹ:

– Vừa rồi cô hát rất hay thật là chân ý chân tình, chẳng hay đó có phải là cuộc đời thật của cô?

– Đại nhân đã nói phải rồi đấy ạ! – Cô ca kỹ đáp lại trong nước mắt. – Tiểu nữ họ Triệu, trước kia gia sản cũng thường thường bậc trung. Nhưng loạn lạc lâu năm, nhà tan cửa nát, cha mẹ qua đời, cuộc sống leo lắt, ở nhờ ông chú, theo ông đi hát đàn. Nay làm nghề này, không phải sống nhờ nữa, phải tự nuôi thân... – Chưa nói xong đã nức nở nghẹn lời, nước mắt lã chã.

Lã Bất Vi cảm thấy rất thương tâm trước cảnh ngộ của Triệu Cơ, nên từ đó, ông luôn luôn lui tới Lưu Xuân Viên, mỗi lần nghe cô hát xong, đều có trọng thưởng. Triệu Cơ cũng ngày càng kính trọng người đàn ông hào phóng này, và mỗi lần hát xong đều tiễn chàng ra tận đầu phố, vái chào ba lượt rồi mới quay gót. Cứ thế trong hơn nửa tháng, rốt cuộc Lã Bất Vi lên tiếng khẩn cầu:

– Cuộc sống tạm bợ như thế này e khó có thể nuôi sống cô em lâu dài. Ta muốn cưới em làm thiếp, để từ nay em không phải vất vả lặn lội với cuộc đời. Chẳng hay ý em ra sao?

– Tiểu nữ này chỉ là hạng xướng ca vô loài, lại luôn được đại nhân đoái hoài trọng thưởng. Cái ơn ấy, tiểu nữ này chưa có gì đền đáp. Nay đại nhân lại đem lòng thương cảm, cứu thiếp khỏi nơi bụi trần, xin dâng trọn thân này để báo ơn báo đức của đại nhân!

Triệu Cơ mặt đỏ bừng bừng, hai mắt đầm lệ, quỳ xuống trước mặt Lã Bất Vi. Lã Bất Vi vội cúi xuống đỡ nàng đứng dậy, và cùng nàng đến gặp chủ gánh hát, nói rõ ý định:

– Từ ngày mai Triệu Cơ không hành nghề ở đây nữa.

Nói xong, quay gót rảo bước về nhà, căn dặn Lã Yên sửa soạn đưa cho chủ gánh hát và ca kỹ Triệu Cơ mỗi người một món tiền lớn, hoàn tất mọi việc cần thiết. Đồng thời, cho treo đèn kết hoa ở nhà riêng, dùng một căn phòng mới ở mé phía đông nội đường. Chọn ngày lành tháng tốt, mời thầy cúng, thầy bói, ba dàn trống kèn, một đội lực sĩ, hai hàng mỹ nữ, bốn chú tiểu đồng, cùng khiêng kiệu hoa và bốn hòm trang sức, rước Triệu Cơ về nhà, trong tiếng trống rộn ràng khắp làng khắp phố.

Buổi đầu gặp gỡ giữa Lã Bất Vi và Triệu Cơ là như vậy. Cho nên, câu hát tối nay của Triệu Cơ “Thật lòng chẳng muốn nói ra. Trừ khi thiếp được ông nhà ôm lưng!”, vừa là câu trả lời sắc sảo, vừa là câu bông đùa vui vẻ lịch thiệp, trội hơn hẳn các thể thiếp khác. Vì vậy, nàng càng được yêu chiều sủng ái, được Lã Bất Vi quý mến nhất nhà.

Cái khó và cũng là cái quý nhất hiện nay là cái thai trong bụng nàng. Đó là hạt giống thừa kế sự nghiệp to lớn của chồng nàng, Lã Bất Vi, con người đang ôm ấp một hoài bão chưa từng có trong lịch sử từ cổ chí kim. Nghĩ đến đây, Lã Bất Vi vui sướng đưa tay sờ vào bụng Triệu Cơ vừa nói nhỏ nhẹ như tự nhủ:

– Trời phù hộ ta. Trời phù hộ ta!

– Sao thế? Đại nhân vẫn chưa ngủ à? Lại còn lẩm bẩm “Trời phù hộ ta. Trời phù hộ ta” cái gì kia chứ?

Bàn tay của chồng làm Triệu Cơ thức tỉnh và giọng nàng có vẻ hơi khó chịu. Lã Bất Vi vội chuyển sang giọng đùa cợt:

– Ô, ta nói sai rồi. Ta muốn nói nàng đã phù hộ ta, nàng đã phù hộ ta đấy chứ!

Triệu Cơ cũng đùa lại:

– Không dám! Không dám! Đại thương gia họ Lã nhà chàng là người giàu có nhất thiên hạ, lại đứng đầu giới thương nhân, còn cần gì phải nhờ đến thiếp phù hộ. Chắc là đại nhân sẽ đi phù hộ người khác thì có!

– Làm người chồng lại còn đi phù hộ ai nữa cơ chứ? – Lã Bất Vi không hiểu nàng định nói phù hộ ai.

– Công tử Doanh Dị Nhân chứ còn ai nữa! – Triệu Cơ nói, nét mặt nghiêm lại. – Chàng là đại nhân, thế thiếp cả đàn, hưởng phúc tràn trề. Chàng cũng nên đoái nghĩ tới tình cảnh của người cháu vua đại Tần, đã gần “tam thập nhi lập” rồi mà vẫn cô đơn lạnh lẽo, với thân phận con tin ở phương trời xa xăm. Chàng là thầy của công tử, vậy cũng nên phù hộ anh ta một chút, tác thành cho anh ta nên vợ nên chồng, phần nào an ủi con người cô quạnh nơi tha hương.

Lã Bất Vi chấp hai tay bái lễ Triệu Cơ, vừa cười vừa nói:

– Xin lĩnh giáo. Xin lĩnh giáo. Nam đến tuổi dựng vợ, nữ đến tuổi gả chồng. Doanh Dị Nhân đã tôn ta làm sư phụ, vậy nàng cũng là sư mẫu của công tử. Sư mẫu cũng phải quan tâm đến học trò mới phải chứ!

– Đại nhân nói rất chi là chí lý. Đã là sư mẫu, lẽ dĩ nhiên là không phải tay đứng nhìn, mà cũng phải để ý đến học trò đôi chút – Triệu Cơ trả lời rất tự nhiên.

Qua nhiều lần gặp gỡ Triệu Cơ cũng biết được hoàn cảnh trước đây và hiện nay của Doanh Dị Nhân. Nhất là, nàng đã từng sống quãng đời ca kỹ vui ít buồn nhiều; vì vậy nàng cũng phần nào rất thông cảm với cảnh ngộ của Doanh Dị Nhân. Cho nên, tuy là nói chuyện với Lã Bất Vi, nhưng nàng cũng không giấu nổi những suy nghĩ chân thành của mình đối với công tử nhà Tần.

Mấy hôm sau, tại Hàm Đan có lễ hội rất lớn, khắp nơi đều tổ chức đón xuân và mừng năm mới. Hôm ấy, Doanh Dị Nhân đến xem hát múa ở Lưu Xuân Viên. Sau đó đến nhà Lã Bất Vi (theo lời mời) ăn uống. Họ xưng hô với nhau vẫn là thầy thầy trò trò rất có thứ bậc, nhưng cũng rất chân tình vui vẻ. Triệu Cơ ngồi ở giữa hai người, luôn luôn chúc rượu và gấp thức ăn cho cả hai bên. Lã Bất Vi và Doanh Dị Nhân đều rất hài lòng, luôn cười ha hả. Bỗng Lã Bất Vi cau mày, đặt chén rượu xuống chiếu, nhăn nhó kêu rằng:

– Máy hôm nay tiếp khách buôn bán quá nhiều, ăn uống không điều độ, nên trong người rất khó chịu, không thể uống được nữa, rất thất lễ với công tử.

Lã Bất Vi nói xong liền đứng dậy bước ra ngoài. Triệu Cơ vội đỡ Lã Bất Vi một bên nhưng Lã Bất Vi xua tay thoái thác:

– Say ít thôi mà, không có chuyện gì đâu, ta tự đi được mà. Nàng hãy ngồi tiếp công tử, uống thêm vài chén – Nói xong liền đi ngay về phòng mình.

Triệu Cơ quay lại, ngồi vào mâm như cũ, tiếp tục chúc rượu Doanh Dị Nhân; lại còn hỏi han thân mật tình hình gần đây của công tử và tỏ ra rất thông cảm với tình cảnh làm con tin của công tử. Những lời an ủi đầy thương cảm của Triệu Cơ làm cho Doanh Dị Nhân bồi hồi xúc động. Chàng uống một hơi hết cả cốc rượu, đặt cốc xuống rồi ngâm nga (dịch đại ý):

Chiếu hoa trái rộng nữ hoa đường

Nến kia ánh bạc rọi sắc xuân

Thân này tấm gửi nơi dị quốc

Đời vui vì tuyệt thế giai nhân.

Ngâm xong, tự mình rót đầy rượu vào chén, quay về phía Triệu Cơ, nâng cốc và nói:

– Tôi ca những điều tự đáy lòng mình, bộc bạch nỗi oan khuất của chính mình. Xin uống cạn chén này và vui lòng nhận ở học trò này tấm lòng ái mộ.

– Đa tạ công tử có lòng thành!

Triệu Cơ nâng cốc đưa lên ngang tầm với Doanh Dị Nhân. Chàng cũng nâng cốc đáp lại, đôi mắt nhìn nhau, tình trong như đã mặt ngoài còn e, rồi mỗi người đều uống cạn cốc rượu. Triệu Cơ cũng chẳng tay đứng dậy, đáp lại bằng lời ca:

Dịch ý là:

Tuổi xuân này, trải bao chiếu hoa

Đưa đầy nhan sắc với lời ca quên mình

Gặp gỡ tri ân thời quá muộn

Rượu đầy xin chúc muôn vàn niềm vui.

Hai người đều thổ lộ tâm can của mình, người nào cũng từng nếm trải cuộc sống đau buồn, cô đơn, nên họ nhanh chóng thông cảm nhau, rất hiểu lòng nhau. Nhất là Triệu Cơ, tuy là thiếu phụ đã có chồng, nhưng những gì của quá khứ vẫn đang đọng lại sâu sắc trong tâm trí, nên đã “thầm yêu trộm nhớ” con người cùng cảnh ngộ với mình. Nay lại chỉ có hai người đối mặt với nhau, lửa tình dào dạt. Doanh Dị Nhân cũng vờ say đưa tay nắm chặt lấy bàn tay mềm mại của Triệu Cơ rồi nói âu yếm:

– Bấy nay ta đã linh cảm thấy được tình thương của nàng dành cho ta. Nay lại được gần gũi bên nhau, ta muốn ôm nàng vào lòng để đền ơn đáp nghĩa.

Nói xong liền dang rộng cánh tay ôm chặt lấy nàng.

Triệu Cơ vốn là cô gái đa tình, rất mau rung động trước chàng trai dòng dõi nhưng đang sống cô đơn mà nàng đã thương yêu, nên không hề từ chối, còn mở phanh ngực và ôm chặt ngang lưng chàng.

Hai người đang má kề má, môi kề môi thì bỗng có tiếng kẹt cửa, Lã Bất Vi đột ngột xông vào. Hai người hoảng hốt vội buông nhau ra. Nhưng chẳng thể biện bạch được gì nữa, đành ngượng ngập đứng nhìn, chân tay cứ lúng ta lúng túng, chẳng biết giấu đi đâu cho đỡ vướng. Lã Bất Vi bước lại mấy bước, chỉ tay vào Doanh Dị Nhân quát mắng:

– Ta và nhà ngươi không hề quen biết, chẳng qua chỉ ngẫu nhiên gặp nhau, nhưng ta đã hết sức lo chạy cứu mệnh cho ngươi, mong cho ngươi được hiển vinh phú quý, mở mặt mở mày. Nào ngờ ngươi lại được đảng chân lân đảng dẫu, vong ơn bội nghĩa, trêu ghẹo ái thiếp của ta, thật là quá sức chịu đựng!

Doanh Dị Nhân sợ hãi run bắn cả người lên, vội kêu lên một tiếng rồi quỳ xuống khấu đầu xin lỗi:

– Học trò bị hơi men làm cho thất lễ, mạo phạm sự mẫu, làm ô uế đạo thầy, xin nể tình cha mẹ học trò mà lượng thứ cho. Học trò nghiêm khắc sửa lỗi, giữ phép luân thường, lần sau quyết không dám tái phạm!

– Sách lễ viết: “Nam nữ thụ thụ bất thân” [27]. Nhưng nay hai người đã cho nhau rồi, cũng đã nhận rồi. Chỉ một lần thế cũng quá đủ, sao còn nói lần sau không dám? – Lã Bất Vi lại đay nghiến, rất giận dữ đến nỗi giọng nói run lên, mặt tái xanh tái ngắt.

Triệu Cơ đứng bên cạnh, đang sực sùi, cũng sợ hết hồn, vội quỳ xuống, kêu oan:

– Thiếp mang thân phận đàn bà con gái, vốn tính tình yếu hèn, không giữ nghiêm được những điều không nên làm giữa nam và nữ, thật là có lỗi. Chỉ xin nhớ cho người

thiếp đã...

– Người nói “người thiếp” cái gì? “Người thiếp” cái gì hả? – Lã Bất Vi rất sợ nàng nói lộ chuyện bí mật tầy đình, nên vội vàng cắt ngang lời Triệu Cơ và nói lảng sang ý khác. – Người nói người thiếp không làm chủ được mình phải không? Những chuyện như thế này phải là do hai bên đồng tình với nhau mới diễn ra được.

Doanh Dị Nhân và Triệu Cơ cố nhiên không dám thanh minh nữa, chỉ luôn miệng xin được rộng lượng tha thứ mà thôi.

– Ấy à. Xem ra hai người cũng có duyên phận với nhau đấy chứ. Việc đã đến thế này, đành tiến hành hôn lễ, nhằm thu xếp cho êm thấm mới được. – Lã Bất Vi nhân đà nói toạc ra ý đồ của mình.

Đôi trai ái đa tình này vốn tưởng rằng tai họa sắp giáng xuống đầu, chẳng ngờ màn kịch bất chợt vừa qua lại biến thành chuyện kết tóc xe duyên thật sự; vì vậy, cả hai đều vui mừng khôn xiết, vội chấp tay bái lạy tạ ơn Lã Bất Vi muôn ngàn lần.

Lã Bất Vi bèn tiếp tục trách móc Doanh Dị Nhân:

– Nhà người mong được ước thấy, mãn nguyện rồi, chớ có sống theo kiểu cầu may nữa nhé. Sau này nếu nuốt lời, mất tình mất nghĩa, ta là thầy giáo, nhất quyết không tha đâu.

Doanh Dị Nhân vội vàng thề thốt:

– Thầy đối với tôi ơn sâu nghĩa nặng, như mang lại mạng sống thứ hai cho tôi. Từ nay, tôi đối với Triệu Cơ nhất định không thể chơi cho liễu chán hoa chê rồi vứt bỏ. Nếu làm như vậy thì tôi phải chịu tội chết.

– Xin công tử đừng nói gở nữa! – Triệu Cơ vội ngăn chàng lại và đỡ chàng đứng dậy. Đôi bạn tình tuổi xuân phơi phơi này đứng sát bên nhau, trông thật xứng đôi.

Lã Bất Vi lại trịnh trọng nhắc nhở Doanh Dị Nhân:

– Từ nay, dẫu cho được vinh hoa lộc hậu như thế nào chăng nữa, cũng phải coi Triệu Cơ, là chánh thê (vợ cả).

Doanh Dị Nhân nói:

– Duyên mới hôm nay sẽ giữ vững suốt đời.

Với cách tính toán chu toàn, Lã Bất Vi đã bỏ ra một khoản tiền lớn, mua một ngôi nhà rất khang trang cho người chú của Triệu Cơ (cha mẹ mất sớm, nên Triệu Cơ ở với ông chú), và giúp cho ông ta buôn bán, để ngai lên tầng lớp trên trong xã hội. Làm như vậy, theo thâm ý của Lã Bất Vi, là cốt để Triệu Cơ có một cơ ngơi môn đăng hộ đối đối với vai trò chánh thê, tạo ảnh hưởng trong bách tính; mặt khác, cũng là để mở mào mở mặt cho Doanh Dị Nhân, đồng thời cũng có tác dụng ràng buộc anh ta. Khi làm lễ cưới, kiệu hoa và đồ cưới của Triệu Cơ ra đi từ nhà ông chú, một đoàn người rất dài, đông vui náo nhiệt, đi một mạch đến tận ngôi nhà lộng lẫy mới mua của Doanh Dị Nhân ở phía Nam thành Hàm Đan. Nhờ sự thu xếp của Lã Bất Vi nên lễ cưới của hai người được tổ chức rất long trọng, chẳng khác gì một ngày hội. Các nhân vật tai to mặt lớn trong chính giới và trong thương giới của nước Triệu, các sứ thần và con tin các nước ở Hàm Đan đều đến dự và chúc mừng, khách ngồi chật mâm trên cỗ dưới, ca múa rộn ràng, song hỷ lâm môn.

Cô dâu Triệu Cơ cố nhiên là cảm thấy hết sức hạnh phúc, bởi vì cô xuất thân từ nghề ca kỹ, nay được môi giới để trở thành chánh thê của cháu vua Tần. Rõ ràng là Triệu Cơ vui sướng tột đỉnh. Bỗng nàng nhớ lại những ngày ân ái vừa qua với Lã Bất Vi. Lã Bất Vi không những đã từng cưới nàng, mà còn là ân nhân cứu nàng, vì vậy không thể dễ dàng rời bỏ được. Vì vậy Triệu Cơ đã nhân lúc mọi người đang vui vẻ trò chuyện rất ồn ào, bước nhanh tới phòng quan khách để gặp Lã Bất Vi. Triệu Cơ cảm ơn và nói lời lưu luyến. Lã Bất Vi tỏ ra rất khoan dung độ lượng, chân tình an ủi:

– Nàng còn trẻ, nếu làm thiếp của ta thì uống phí cả cuộc đời. Nàng vốn có cảm tình với Doanh Dị Nhân, nên ta tác thành cho hai người. Mấy hôm nữa sẽ về triều đình nước Tần, vợ chồng hưởng vinh hoa phú quý; đó mới là nơi quy tụ chính đáng của nàng.

Triệu Cơ rất xúc động trước tình nghĩa của Lã Bất Vi cho nên chỉ tay vào bụng đang có

mang của mình, rồi nói một cách rất luyến tiếc:

– Nhưng còn cái thai trong này...?

– Chính là vì nàng có thai, nên ta mới nghĩ ra diệu kế này. – Chính vào lúc tình nghĩa vợ chồng sắp đi đến hồi cuối này, Lã Bất Vi mới thổ lộ điều thâm kín nhất trong lòng mình. Ông nói tiếp – Doanh Dị Nhân hiện nay là cháu vua Tần, sau này sẽ là thái tử. Ta thì chắc sẽ trở thành thầy học cho thái tử (thái phó), nhưng đó chẳng qua cũng chỉ là một viên quan rồi việc tán gẫu mà thôi, chẳng có mấy vai vế! Chi bằng để cho giọt máu cốt nhục của ta và nàng cùng theo nàng vào cung, rồi phải tranh cho được ngôi báu trong cung. Nếu sinh con gái thì sẽ là công chúa, cũng hưởng vinh hoa lộc hậu. Nếu may mắn sinh con trai, thì đó thật sự là trời phù hộ ta đó. Nó sẽ làm vua nước đại Tần, tạo nên danh tiếng muôn đời cho họ Lã của ta đây.

Triệu Cơ nghe Lã Bất Vi nói lên mưu lược to lớn của ông, thấy vừa kính phục vừa lo sợ. Nàng băn khoăn rằng nếu bị Doanh Dị Nhân phát hiện ra sự thật thì chẳng phải chuyện chơi, mà tai họa sẽ giáng xuống.

Lã Bất Vi kiên tâm khuyên giải:

– Nàng mang thai mới ít ngày thôi, chỉ cần bản thân mình không tự nói ra, rồi khéo chiều chuộng, biết xử sự như người vợ yêu, thì anh ta chẳng thể nhận ra đâu.

Lã Bất Vi nói tiếp những cách thức cụ thể để Triệu Cơ biết nên làm như thế nào khi chung chăn gối với chồng và giục nàng mau quay về động phòng hoa chúc, đừng để cho Doanh Dị Nhân sinh nghi ngờ và ghen tuông.

Quả nhiên, không sai với điều mà Lã Bất Vi dự đoán. Khi Triệu Cơ đang vội vàng bước vào thì Doanh Dị Nhân đã ngồi chờ ở đó từ bao giờ, mặt buồn và giận. Chàng hỏi vợ với vẻ chẳng vui vẻ gì:

– Hôm nay là đêm tân hôn [28], cơ sao nàng không chờ ta lại bỏ đi đâu?

Triệu Cơ đã chuẩn bị sẵn mọi tình huống rồi, nên đáp lại rất nhẹ nhàng và cung kính:

– Theo chàng, thì con người thiếp đã thuộc về chàng; nhưng theo thiếp thì trước hết chàng phải đến nhà thiếp để ở rể. Huống chi, bây giờ thiếp phải đi chào từ biệt nhiều chị em và thầy dạy ca kỹ, toàn là những người mà thiếp đã sống lâu năm với họ, tình sâu nghĩa nặng cả, nay xa nhau rất lưu luyến. Chàng thì đi tiễn khách, thiếp thì đi chào từ biệt, nên về chậm một chút, sao chàng lại nữ trách thiếp?

Doanh Dị Nhân bị vợ thuyết giáo cho một chập, thấy đui lý bèn nói khéo:

– Ta đâu có trách móc gì nàng, chỉ vì đã yêu nhau thì không muốn rời một bước, huống chi đêm nay là đêm tân hôn, một khắc giờ cũng đáng ngàn vàng.

– Nói vậy thì còn có cái lý của nó. Thân này sao chẳng muốn sớm hưởng mưa xuân! – Triệu Cơ cũng lựa theo lời của chồng để nói một câu cho đẹp lòng chàng.

Để khỏi phải sớm bộc lộ sự việc, Triệu Cơ vội kêu bọn hầu gái đưa canh giải rượu cho chồng, còn mình thì chui vào màn trước, kê cao gối và ôm lấy chân, kiên nhẫn chờ. Doanh Dị Nhân húp vội bát canh đang nóng, chỉ thấy mùi canh thơm phức và cứ trôi tuột vào bụng, cả người nóng ran, lửa tình hừng hực. Lúc này “tòa thiên nhiên” ở trong màn cũng đã sẵn sàng, chàng thì cũng mê mẩn tâm thần vì đây là lần đầu trong đời được nếm mùi vị của người “trong ngọc trắng ngà”, hoàn toàn chẳng hay biết gì ngoài khoái cảm đang dâng trào tột đỉnh. Tiếp theo là một giấc ngủ rất say.

Cuộc giao hoan lần đầu đã trôi qua thật suôn sẻ. Triệu Cơ sờ vào bụng và thở phào nhẹ nhõm. Từ nay, việc chung chăn gối chẳng cần phải canh chừng gì nữa, mọi chuyện cứ để cho nó diễn ra được tự nhiên, không khép nép, không giữ gìn, buông thả hết mình. Hơn một tháng sau, Triệu Cơ mới ghé vào tai chồng thì thầm:

– Có lẽ là thiếp đã có tin mừng.

Điều này làm cho Doanh Dị Nhân rất vui, chàng liền sờ tay vào bụng nàng và nói đùa:

– Nàng thật là một miếng đất quá tốt, chỉ mới gieo mấy hạt mà đã có quả rồi.

– Đó là vì công tử gặp may, còn thiếp thì gặp phúc đó thôi! – Triệu Cơ nói ngon nói ngọt, nhưng trong lòng thì cười mãi.

Thực ra Triệu Cơ lấy Doanh Dị Nhân sau khi đã có thai hai tháng. Nếu phải mang thai mười tháng mới sinh, thì Doanh Dị nhân chỉ mới làm cha đứa bé trong bụng Triệu Cơ tám tháng. Nhưng rất may là Triệu Cơ đã sinh muộn, những mười hai tháng sau mới sinh một con trai. Do vậy, đã bảo vệ được danh tiết của mình, lại tháo gỡ được sự dị nghị có thể có sau này của người “cha thiếu tháng”. Vì vậy, đứa bé ấy được quan chép sử viết một cách đàng hoàng vào cuốn “Sử ký. Tần Thủy Hoàng bản kỷ” như sau: “Tháng Giêng năm thứ bốn mươi tám đời vua Tần Chiêu Vương, Tần Thủy Hoàng sinh tại Hàm Đan, tên là Chính”.

HỒI THỨ TƯ

VUA TÂN XÉ BỎ THỎA ƯỚC, VÂY HẦM HẦM ĐẠN VUA TRIỆU MẮC SAI LÂM, DOANH DỊ NHÂN THOÁT CHẾT

Tân Thủy Hoàng Doanh Chính (tên lúc mới đẻ là Triệu Chính) ra đời lúc mà chế độ nô lệ của Trung Quốc đang trong quá trình tan rã, giai cấp thống trị sống rất xa hoa dâm loạn, lại rất hung hăng hiếu chiến, luôn luôn gây sự đánh nhau chí mạng, không ai chịu ai. Đó chính là thực trạng của sáu nước trong bảy nước nổi tiếng của “Thất hùng thời Chiến Quốc” (bảy nước hùng mạnh thời Chiến Quốc) [29], gồm Tần, Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy. Chiến sự liên miên hàng trăm năm đó đã làm cho sáu nước suy sụp về kinh tế, chính trị, quân sự. Duy chỉ có nước Tần hùng cứ phía Tây bắc, là vẫn giữ được thế lực hùng mạnh. Đó là nhờ có thế vững chãi của vùng Hào Sơn và Hàm Cốc lại có đất Ung Châu làm bàn đạp. Trong triều chính thì vua tôi cố kết, đều muốn dòm ngó ngôi thiên tử nhà Chu. Trải qua gần một trăm năm cố gắng liên tục của bốn đời vua Hiếu Công, Huệ Văn Vương, Vũ Vương, Chiêu Vương, nhà Tần đã luôn luôn mở rộng bản đồ nước mình bằng cách xâm canh xâm cư, ăn hiệp các nước chung quanh. Vì thế, lực lượng của Tần ngày càng lo ớn mạnh. Mặc dù Tần đã trao đổi con tin với nước Triệu, đã ký thỏa ước ngừng chiến, nhưng cái thói xâm lược đã trở thành bản tính khó thay đổi, đã tâm hiếu chiến của Tần trở thành một xu thế không có gì ngăn cản nổi. Trao đổi con tin và ngừng chiến chỉ là để tạm thời nghỉ ngơi, củng cố lực lượng. Khi đã phục hồi được kinh tế, đời sống nhân dân đã khá lên, sức mạnh quân sự đã hùng hậu, thì ngựa lại quen đường cũ, hùng hổ gây chiến, xâm phạm lân bang. Ngay từ năm 262 trước Công nguyên, tức năm thứ bốn nhăm đời Tân Chiêu Vương, cũng tức là ba năm trước khi Tân Doanh Chính ra đời, vua Tân Chiêu Vương đã sai Vũ An Quân (tức tướng Bạch Khởi) đưa hai mươi vạn quân tấn công miền Thượng Đẳng của nước Hàn, trước hết nhằm chiếm khu vực Dã Vương ở ngoại vi nước Hàn, để cắt đứt con đường nối liền Thượng Đẳng (nay là phía Bắc thành phố Trường Trị tỉnh Sơn Tây) và nước Hàn. Phùng Đình, thái thú quận Thượng Đẳng, biết rõ cái thế nhỏ hẹp của đất Thượng Đẳng rất khó có thể chống cự nổi kiêu binh và dũng tướng của quân xâm lược từ nước Tần tới nhưng ông ta lại quyết tâm không chịu khuất phục nhà Tần. Vì vậy, Phùng Đình sai sứ giả đến Hàm Đan nước Triệu, bày tỏ ý muốn nhường quận Thượng Đẳng cho Triệu. Vua Triệu Hiếu Thành không nghe lời can gián của Bình Dương Quân, vô vạ nhận lấy Thượng Đẳng. Kết quả là gây nên sự tức giận của vua Tần, Tần quay sang tấn công Triệu. Và sự việc diễn ra không giống như Phùng Đình dự đoán (Phùng Đình cho rằng Hàn Triệu bắt tay với nhau sẽ chống lại được Tần). Thực ra, quân Triệu và quân Tần đã đánh nhau lâu dài ở Trường Bình. Tại đây, tướng Triệu là Liêm Pha, một lão tướng trí dũng song toàn, uy danh khắp các chư hầu. Liêm Pha thi hành chiến lược lấy phòng ngự để tấn công, lấy “tĩnh” chế ngự “động”; ông kiên trì cố thủ ba năm. Đến năm thứ bốn bảy Tân Chiêu Vương (năm 260 trước Công nguyên), thừa tướng nước Tần là Phạm Thư sai gián điệp đưa hối lộ rất lớn cho cận thần vua Triệu, lại còn phao tin rằng quân Tần chỉ sợ tướng Triệu Quát của Triệu, chứ chẳng sợ gì tướng Liêm Pha. Vua Triệu Hiếu Thành mắc phải mưu kế phản gián của Tần, thay Liêm Pha bằng Triệu Quát. Triệu Quát là con của danh tướng Triệu Xa, một tướng tài được ban danh hiệu “Mã Phục Quân”. Triệu Quát còn trẻ, tính hiếu thắng, nôn nóng lập công, tuy rất thuộc binh pháp, nhưng không trải nghiệm thực tế. Sau khi được cử ra phòng thủ Trường Bình, Triệu Quát bỏ chiến lược cố thủ và “tiêu hao chiến” của Liêm Pha, tự mình đưa quân xuất kích rất liều lĩnh. Cách đánh đó đã mắc vào mưu của Bạch Khởi: điệu hổ ly sơn, chia cắt để diệt. Bạch Khởi tự mình ra trận nghênh chiến, nhưng giả vờ binh lực mệt mỏi, không dám xông trận, nên cứ rút lui mãi. Triệu Quát thấy quân Tần thua chạy, càng kiêu ngạo tự đắc, thúc quân đuổi riết, đuổi mãi đến một con đường hẻm, hai bên là núi cao. Quân Tần mai phục ở hai bên, bỗng xông ra chém giết, hoàn toàn cắt đứt đường rút lui của quân Triệu. Toàn bộ quân Triệu do Triệu Quát chỉ huy bị vây chặt trong thung lũng đó bốn mươi sáu ngày. Người và ngựa chen chúc nhau, giẫm đạp lên nhau, không ai thoát ra được Triệu Quát vô cùng lo lắng, nhưng vẫn quyết đấu đến cùng, kết cục bị quân Tần bắt chết. Hơn bốn mươi vạn quân Triệu xin hàng.

Bạch Khởi nhân tâm chôn sống toàn bộ trong hẻm núi đó, gây ra một vụ thảm sát kinh hoàng nhất trong lịch sử chiến tranh từ cổ chí kim. Triệu Quát tuy đã hiến thân cho đất nước, nhưng đã để lại bài học “đánh nhau trên giấy” [30] cho người đời; và câu nói ấy trở

thành một thành ngữ nhắc nhở hậu thế.

Thừa thắng ở Trường Bình, Bạch Khởi tiếp tục tấn công nước Triệu và vây hãm đô thành ở Hàm Đan. Hai bên cầm cự rất lâu ở đây. Tuy nhiên, nước Triệu vừa thất bại thảm hại ở Trường Bình, từ kinh tế đến quân sự đều yếu thế, khó có thể đủ sức để bảo vệ Hàm Đan, nguy cơ mất nước đang đến gần. Vừa lúc ấy, nước Triệu thực hiện kế sách “Dùng phương kế của họ để trị con người của họ”. Tức là sai Tô Đại, một môn đồ (môn khách) của Triệu Thắng (Bình Nguyên Quân) mang theo rất nhiều tiền vàng, bí mật đến thủ đô nước Tần là Hàm Dương, tìm gặp thừa tướng nhà Tần là Phạm Thư. Tô Đại đút lót cho Phạm Thư và gièm pha rằng tướng Bạch Khởi đánh chiếm được Hàm Đan của Triệu, công lao to lớn, vua Tần nhất định trọng dụng Bạch Khởi, và địa vị Phạm Thư sẽ chẳng còn gì là quan trọng. Khi nào Bạch Khởi giữ được chức thừa tướng, thì cảnh ngộ của Phạm Thư chắc là không thể lường trước được. Quả nhiên, Phạm Thư mắc mưu kẻ địch, bèn vội vàng bẩm tấu một cách vô căn cứ với vua Tần rằng, quân Tần chinh chiến đã quá lâu dài, tinh thần quân sĩ giảm sút, quân nhu và tiếp tế quá lớn, làm cho nền kinh tế bị đình trệ. Hơn nữa, chiến tranh lâu ngày đã gây nhiều oán thán trong dân chúng, ảnh hưởng rất lớn đến an ninh đất nước. Vua Tần đã nhẹ dạ tin ngay lời xiểm nịnh của Phạm Thư, buộc Bạch Khởi rút toàn bộ quân lính về nước. Miếng ăn sắp đến mồm rồi mà còn bị kẻ khác gạt mất, Bạch Khởi hết sức bất bình trước quyết định đó, liền bị giáng chức. Phạm Thư tuy củng cố được địa vị của mình, nhưng đã tạo điều kiện cho nước Triệu giữ được Hàm Đan, thoát được họa mất nước. Thế mới hay, cái được, cái mất, cái vinh, cái nhục, luôn luôn đi kèm nhau. Bên này được thì bên kia mất và ngược lại. Cái vòng xoáy ấy cứ biến hóa khôn lường. Đó chính là đặc điểm của giai đoạn lịch sử nói trên.

Mặc dù rút quân, nhưng nước Tần vẫn cố giành được một chiến thắng nào đó, nên đã chấp nhận đề nghị của Phạm Thư, trao cho Tô Đại nhiều vàng bạc và gấm vóc, để nhờ ông này thuyết phục hai nước Triệu và Hàn cắt đất cho Tần và hòa giải với Tần. Lúc ấy, Triệu và Hàn đang đứng trước nguy cơ mất nước (do Tần uy hiếp) lại thiếu lực lượng chống Tần, nên khi nghe Tô Đại bày mưu tính kế, liền lập tức nghe theo. Hai nước này đã cắt nhượng cho Tần bảy thành (Triệu sáu, Hàn một). Nếu tính cả quận Thượng Đảng do Tần đã chiếm từ trước, thì đã cho Tần mười bảy quận huyện. Tần rất khoái, vì chẳng mất một mũi tên mà chiếm được bao nhiêu là lãnh thổ nước khác. Do vậy, thỏa ước hòa bình giữa Tần và hai nước Triệu, Hàn được ký kết.

Đến năm 257 trước Công nguyên, tức là năm thứ năm mươi Tần Chiêu Vương, khi Doanh Chính (Tần Thủy Hoàng sau này) vừa tròn hai tuổi, cũng tức là chỉ hai năm sau khi ký thỏa ước nói trên, vị vua Tần “già cả nhưng giả làm trai trẻ” ấy lại hăng máu lên, xé bỏ thỏa ước, sai đại tướng Vương Hột đưa hai mươi vạn quân tấn công nước Triệu. Hơn nữa, Tần Chiêu Vương còn đích thân ra trận đốc chiến, hồng tự mình can dự một chút vào việc xua quân diệt địch, phá thành chiếm đất, bắt vua của Triệu, ra oai ngạo mạn.

Thiết triều vừa tan, thái tử An Quốc Quân cùng vợ là Hoa Dương đến thăm vua cha tại phòng ngủ, và tấu xin Tần Chiêu Vương:

– Nhi thần bẩm tấu phụ vương, việc ngừng chiến với nước Triệu chỉ mới được hai năm, vậy mà bách tính ra sức cày cấy dệt vải, đua nhau buôn bán, dân mạnh của nhiều, đất nước phú cường. Nay nếu khởi sự đánh nhau e rằng sẽ mất lòng con dân trong nước, lại phá bỏ mất đồng minh với nước láng giềng, xin phụ vương minh xét lại lợi hại...

Chiêu Vương trả lời rất rành mạch:

– Từ cổ chí kim, dân là để cho vua sử dụng, yếu thì bị mạnh ức hiếp. Liệt tổ liệt tông ta khai phá lãnh thổ biên cương, đó là kế thừa tiên bối và mở đường cho hậu duệ. Nhờ có nuôi nấng bách tính trong nước và mở rộng lãnh thổ... mới có nước đại Tần “hổ ngồi trên núi, chim ưng bay là” như ngày nay. Nếu phụ vương ta đây chỉ biết giữ thành, không biết tấn công, thì lấy gì để về gặp tiên tổ, truyền lại cơ nghiệp cho con cháu?

Hoa Dương phu nhân vội tâu:

– Phụ vương hùng đồ đại lược ^[31], phận làm con không dám lên tiếng! Chỉ có điều Doanh Dị Nhân là con thừa tự của con. đang làm con tin ở nước Triệu; vả lại đã lấy vợ sinh con. Nếu nước ta tấn công Triệu, chẳng biết an nguy của con mình ra sao, thật đáng ngại lắm thay. Nay vợ chồng chúng con dám xin phụ vương soi xét.

Tần Chiêu Vương không thèm nghe lời khuyên gián của họ, nhẹ nhàng nói rằng:

– Ta lại chẳng nghĩ tới đứa cháu Doanh Dị Nhân hay sao? Nhưng nay việc nước đang gấp chẳng lẽ lại chịu thua nước Triệu ư? Vả lại nghe nói vua Triệu gần đây đối xử tử tế với Doanh Dị Nhân, đó chính là vì nước Tần ta cường thịnh. Lần này trăm thân chinh đưa đại quân đi đánh phạt, nếu vua Triệu dám lấy con tin ra để ép ta, ta sẽ lập tức phá hết thành trì, hủy hết tôn miếu, diệt cả gia tộc, chiếm cả đất đai, đưa chúng đến chỗ không còn đất để chôn. Hãy xem chúng có dám làm cái chuyện tầy trời ấy không nào?

– Đã vậy chúng con xin tuân chỉ. Chỉ xin phụ vương gia ân cho phép con được sai mật sứ báo cho Doanh Dị Nhân biết để trốn tránh sớm, để phòng tai họa. – Thái tử An Quốc Quân cần trọng cầu xin.

Chẳng ngờ việc này lại làm cho Tần Chiêu Vương nổi giận. Ông ta vung mạnh tay, nói quả quyết rằng:

– Việc dùng binh từ cổ đến nay, thứ nhất là thần tốc, thứ nhì là bí mật. Nay nếu người của người sai đi bị sa vào tay quân địch, chẳng những Doanh Dị Nhân khó thoát nạn mà còn làm hỏng việc lớn của đại quốc ta. Ý ta đã quyết, người chớ thêm lời mạo phạm!

Vợ chồng An Quốc Quân đành vâng vâng dạ dạ lui ra, chẳng dám hé răng nói thêm nửa lời. Về đến phòng mình, chỉ biết dặn nhau không được nói chuyện này cho bất cứ ai, để tránh sự quở mắng của phụ vương, mặc dù hai người cảm thấy không vừa lòng trước thái độ chuyên quyền độc đoán, ngạo mạn cố chấp của vua cha. Bà Hoa Dương là con người cương trực, hiền hậu, nên vẫn lên đến cung cấm để nói cho Hạ Cơ (mẹ đẻ của Doanh Dị Nhân) biết sự việc vừa kể trên. Hạ Cơ cảm thấy rất bất ngờ, lại rất lo lắng và thương con. Nàng nói:

– Trước đây nhờ ơn phụ vương cho phép Doanh Dị Nhân đến gặp em, em khắc cốt ghi lòng cái ơn đó. Nay cố sao ngang nhiên đánh Triệu mà chẳng thêm nghĩ đến tính mạng của đứa cháu, thẳng thừng rút bỏ tình máu mủ như vậy ư?

Hoa Dương phu nhân tìm cách an ủi Hạ Cơ, bà nói:

– Phụ vương cao ngạo hiếu chiến, hùng hổ đã quen, ai làm trái ý, dầu là con đẻ cũng chẳng tha. Việc đã đến thế này, chỉ còn cách duy nhất là cầu trời phù hộ cho Doanh Dị Nhân được tai qua nạn khỏi, thì nơi cung đình nhà Tần này sẽ được may mắn và chị em ta mới bình an vô sự. – Nói xong, bèn cùng với Hạ Cơ quỳ xuống bái lạy trời xanh, cầu mong ông trời cứu giúp Doanh Dị Nhân. Sau đó hai người chào nhau rồi từ biệt.

** *

Lãnh thổ của nước Tần cổ đại là vùng cao nguyên miền Tây Cam Túc hiện nay, hầu hết đều là đất đỏ, chỉ một cơn gió nhẹ cũng tung bụi bay mù, đất cát bao phủ khắp nơi. Quân Tần đông tới hai mươi vạn, hùng hổ hành quân, ngựa chiến rầm rập, chiến xa ùn ùn, bộ binh thần tốc, cờ hiệu rợp trời, đi đến đâu cát bụi tung lên đến đầy, ở xa mười mấy dặm đã nhìn thấy từng đám từng đám mịt mù. Do vậy, dân chúng phải tránh con đường bụi bẩn ấy, người đi buôn cũng vậy, thế là tin tức không cánh mà bay. Quân Tần vừa vượt qua sông Lạc, ở Hàm Đan đã biết tin. Vua Triệu Hiếu Thành hết sức hoảng sợ, vội điều động quân đội, tăng cường phòng thủ, gia cố thành lũy. Nhờ vậy, khi quân Tần áp sát chân thành, quân Triệu đã chống đỡ được mấy cuộc tấn công đầu tiên. Sau đó, vua Triệu cho họp văn võ bá quan, cùng bàn bạc kế hoạch chống Tần lâu dài. Hiếu Thành nhìn khắp một lượt các đại thần đang đứng khom mình ở hai bên, rồi nói với vẻ lo lắng:

– Trước đây ta và Tần đã đánh nhau ở Trường Bình, Triệu Quát tử nạn, bốn mươi vạn quân bị chôn sống. Mấy năm nay có tuyển quân mộ lính, nhưng sĩ khí chưa vực dậy được. Nay Tần đưa tướng Vương Hột, dẫn hai mươi vạn đại quân đánh ta, Chiêu Vương còn đích thân đốc trận phía sau, khí thế của họ lớn chưa từng thấy. Mặc dù quân dân ta đã kiên trì cố thủ, tạm giữ được thành trì, nhưng làm sao có thể trụ vững lâu dài, chiến thắng kẻ địch, mong các khanh nói rõ ý mình, cùng nhau hiến kế, sớm định quyết sách.

– Thần xin khởi tấu bệ hạ! – Một giọng nói sang sảng vang lên như tiếng chuông đồng. Đó là lão tướng Liêm Pha, nhanh nhẹn bước ra khỏi hàng võ tướng, mũ đen trên đầu, tóc mai điểm bạc, râu trắng phất phơ, đồng dục tấu trình: – Trận Trường Bình thất bại thảm

hại là do tướng Triệu Quát “đánh trận trên giấy” tùy tiện xuất kích, nên mắc mưu đi. Hàm Đan là kinh đô nước Triệu, quyết không thể mất. Tướng sĩ của ta tuy không thật nhiều, nhưng đều căm thù quân địch. Quân uy sĩ khí của ta đang lên cao là sức mạnh to lớn chống Tần. Tuy nhiên, do quân số hai bên chênh nhau quá lớn, cho nên, bên ta chỉ nên kiên trì cố thủ, không thể khinh xuất nghênh chiến. Thần tuy tuổi già, nhưng xin thể chết chống quân Tần tàn bạo, bảo toàn giang sơn nước Triệu ta.

Bình Nguyên Quân tán thành Liêm Pha và nói thêm:

– Ngoài việc quân dân nước Triệu ta đồng tâm hiệp lực, bảo vệ đất nước, còn có thể cầu viện nước láng giềng, hợp sức chống Tần. Nếu đơn độc tác chiến, e rằng châu chấu đá xe, chỉ có thể đi nhanh đến diệt vong mà thôi.

Tiếp đó là mấy vị đại thần cũng lên tiếng. Tất cả đều đồng đạc khẳng khái, nhất trí chủ chiến, kiên quyết chống Tần.

Tuy nhiên, vua Hiếu Thành vẫn còn rất phân vân, vì thảm bại Trường Bình vẫn còn in sâu trong tâm trí ngài, nên ngài chưa hết lo lắng. Nhà vua nói:

– Ý kiến của các khanh, đều hợp lý cả. Làm như vậy có thể kiểm chế hoặc tránh được mũi nhọn tấn công của quân Tần. Nhưng việc cầu viện nước láng giềng, thì nước xa không dập tắt được lửa gần. Cho nên chỉ bằng phải dùng mưu kế để đánh một đòn quyết đoán, chặn đứng cái thế hung hăng của bọn cuồng chiến. Các khanh có sách lược gì hay về điều trẫm vừa nói?

Bình Nguyên Quân lập tức trình tấu:

– Bệ hạ suy nghĩ rất phải. Thần thấy có một người có thể đẩy lui quân Tần.

– Có con người đó sao? Có gì không nói sớm? Mau đi mời người đó đến đây, cùng bàn đại sự. – Các đại thần nhao nhao thúc giục Bình Nguyên Quân.

Bình Nguyên Quân có vẻ bí hiểm:

– Con người nhỏ mọn ấy, việc gì phải mời, chỉ cần gọi là đến ngay. – Nói xong liền sai bảo bọn thị vệ đứng ở cửa, lập tức cho người đi sửa soạn mọi thứ cần thiết, và sắp đặt sẵn mảnh tre dùng để viết chữ và dao nhọn để khắc.

Kể từ khi quân Tần quay lại bao vây Hàm Đan, nước Triệu lại dùng lão tướng Liêm Pha chỉ huy việc bảo vệ, kiên trì cố thủ, không ra nghênh chiến. Trong khi đó, quân Tần từ xa đến, phải qua suối qua đèo, người ngựa đều mệt, sức mạnh suy giảm, phải kéo dài việc cầm cự. Về phía Doanh Dị Nhân, do làm con tin lâu ngày, đứng trước tình hình lộn xộn của nước Triệu, biết rõ mình đang lâm nguy. Khi quân Tần áp sát chân thành, quân Triệu ra sức chống trả. Doanh Dị Nhân không dám bước ra khỏi nhà, không dám gặp bạn bè, không tham dự tiệc tùng, chỉ đóng cửa ngồi im, co ro một xó. Ngay dù có vợ yêu chiều chuộng, con nô đùa bên cạnh, cũng cứ mặt ủ mày chau, chẳng khác người mất hồn, chẳng nói chẳng rằng từ sáng đến tối.

Trước đó không lâu, thái tử Đan của nước Yên cũng đến Hàm Đan để làm con tin. Vị thái tử này được nhiều người ở thủ đô nước Triệu rất tôn kính vì ngài rất cao thượng và hào phóng. Khi nghe tin Doanh Dị Nhân đang ở trong tình thế rất khó khăn, thái tử Đan rất thông cảm và thương tình, nên luôn đến thăm, an ủi và động viên Doanh Dị Nhân. Khi quân Tần sang đánh Triệu, toàn thành Hàm Đan vùng lên chống Tần quyết liệt, thái tử Đan lại càng hay đến thăm Doanh Dị Nhân, nhằm giúp công tử nước Tần bớt căng thẳng. Hôm nay, thái tử nước Yên đang ngồi nói chuyện với Doanh Dị Nhân, bỗng có hai lính thị vệ của hoàng cung xông vào nhà, cao giọng nói với Doanh Dị Nhân:

– Nay, tên con tin của quân địch kia, mau đi theo ta!

– Xin hỏi quan thị vệ, tôi phải đi đâu ạ? – Doanh Dị Nhân hỏi với vẻ hốt hoảng.

– Hỏi thì được cái gì, khắc có chỗ cho nhà ngươi đến. – Lính thị vệ trả lời gắt gỏng. Nói chưa xong đã dẫn xốc nách Doanh Dị Nhân đi nhanh ra ngoài.

Thái tử Đan muốn an ủi Doanh Dị Nhân mấy câu, nhưng không kịp nữa rồi, chỉ nghe tiếng công tử nước Tần nói vọng lại:

– Nhờ thái tử báo gấp cho thầy học của đệ là Lã Bất Vi rằng chú ý săn sóc người nhà của tiểu đệ!

Tiếng nói xa dần. Thái tử Đan vội vàng vào trong nhà trong để nói cho Triệu Cơ biết chuyện vừa xảy ra, căn dặn hai mẹ con nàng nhất thiết phải bình tĩnh. Sau đó, thái tử Đan cấp tốc đi tìm Lã Bất Vi, bàn cách cứu Doanh Dị Nhân.

Doanh Dị Nhân bị hai lính thị vệ xốc nách hai bên, vừa đi vừa nhẩy như con lật đật dọc đường, cuối cùng cũng đến Tùng Đài, nơi mà vừa mới đây anh ta còn tham dự bữa tiệc với tư cách là khách mời của triều đình, nay thì chỉ là thân phận của một tên tù bị xét hỏi. Doanh Dị Nhân ruột đau như cắt, hai mắt lệ tuôn như suối, luôn luôn phải đưa tay áo lên chùi. Bỗng nghe thấy tiếng vua Hiếu Thành quát hỏi:

– Nay con tin Doanh Dị Nhân, nhà ngươi có biết tội gì không?

Doanh Dị Nhân này đến quý quốc đã mấy năm, đã cố gắng kiệt sức vì mối bang giao hòa mục giữa hai nước. Tuy không có công lớn, nhưng cũng không có tội gì. Xin bệ hạ minh xét

Trải qua hơn hai mươi năm sống trong vòng xoáy của mâu thuẫn gay gắt, phức tạp giữa hai nước, Doanh Dị Nhân đã hiểu được và cũng đã học được sách lược đấu tranh “khi không có việc gì thì chớ bạo dạn, khi có việc thì cần bạo dạn” (“vô sự nghi đảm tiểu, hữu sự nghi đảm đại”). Giờ đây, chiến sự hai nước đang ở lúc quyết liệt nhất, Doanh Dị Nhân thấy không thể đánh mất tư cách cháu vua (vương tôn) một nước lớn, bèn trả lời vua Triệu một cách mạch lạc, có lý có lẽ.

Vua Triệu chợt nghĩ, cũng thấy chẳng cần gì phải bàn cãi công tội của Doanh Dị Nhân, bèn nói toạc ra rằng:

– Việc đó hãy tạm gác lại đã, nay ông nội nhà ngươi lại xé bỏ thỏa ước đồng minh, đưa binh lực đến vây hãm đô thành của ta, hai nước đã trở thành thù địch.

Doanh Dị Nhân vội bày tỏ thái độ của mình:

– Bạn thù thay đổi, chiến hòa thất thường, đó là chuyện luôn luôn xảy ra giữa hai nước, Doanh Dị Nhân này xưa nay không hề can dự vào những việc đó, tự vấn lương tâm cũng thấy thanh thản.

– Nói cái gì mà tự vấn lương tâm cũng thấy thanh thản? Đã làm con tin thì phải có trách nhiệm chứ. – Thừa tướng Bình Nguyên Quân nói thêm vào để làm tăng sức nặng lời phán của vua Triệu (Việc xét hỏi này, đã được chuẩn bị từ trước).

Doanh Dị Nhân thản nhiên đáp:

– Doanh Dị Nhân tự biết rằng đã làm con tin của một nước, lúc hòa là bạn, lúc đánh là thù. Nay là người tù, chẳng biết còn có trách nhiệm gì nữa!

– Con người của người ở đây, cũng chẳng đáng là cái gì. Nhưng với tư cách là con cháu vương triều đương đại, ắt phải có vai trò không nhỏ. Vì vậy phải viết một bức thư cho tướng Tần Vương Hột, giục hắn ngừng chiến giải vây. Nếu được vậy ta sẽ cho xe chở cả nhà công tử trở về Hàm Dương, hai nước lại thân thiện với nhau – Vua Triệu đặt điều kiện với Doanh Dị Nhân. Ngài nói ôn tồn.

Doanh Dị Nhân trả lời ngay, thái độ tích cực:

– Phạm việc gì trên đời cũng nên dĩ hòa vi quý. Đó là triết lý của tiên nhân, và Doanh Dị Nhân tôi cũng mong muốn như thế. Huống chi sự việc hôm nay vừa có ích cho bang giao hai nước, lại có can hệ đến an nguy của cả nhà tôi. Nếu sớm biết quý quốc có chủ trương đó thì cần gì phải phiền đến thị vệ đón tôi. Chỉ cần có khẩu dụ, là hạ bút xong ngay.

– Vậy thì xin hạ bút! – Thừa tướng Bình Nguyên Quân vội ra lệnh cho bọn thị vệ bày bàn, đặt mảnh tre và dao khắc lên bàn, để Doanh Dị Nhân khắc chữ.

Nhờ không khí hòa dịu, nên tâm trạng của Doanh Dị Nhân vốn rất căng thẳng, hoang mang nhưng rồi dần dần trấn tĩnh lại, hơn nữa, còn cảm thấy tự tin đối với địa vị và năng lực của mình. Suy nghĩ giây lát, Doanh Dị Nhân cầm lấy con dao và bắt đầu khắc chữ. Vì đã có sự chuẩn bị trước về nội dung bức thư, nên Doanh Dị Nhân nhanh chóng đưa ngọn

dao vào mảnh tre. Mọi người chung quanh chỉ nghe thấy tiếng rạch vỏ tre sột soạt, một lát sau là viết (khắc) xong. Doanh Dị Nhân trao bức thư cho thừa tướng Bình Nguyên Quân, để ông này đọc cho nhà vua nghe:

Kính gửi tướng quân Vương Hột,

Được biết hai nước Tần, Triệu gần đây lại bất hòa, ngài đưa quân tấn công nước Triệu, Hàm Đan nguy cấp. Thừa hành chiếu dụ của Triệu Vương, nay viết thư này cho tướng quân, xin giải tỏa ngay việc bao vây, trở lại hòa hiếu như xưa. Nếu không, tướng sĩ hai nước không tránh khỏi thương vong, sinh linh phải bị hủy diệt. Doanh Dị Nhân ta đang làm con tin, khó bảo toàn tính mạng, vợ con vô tội cũng làm mồi cho cá. Đây là việc rất đau buồn, xin tâu trình gấp lên đức vua bệ hạ (nguyên văn: “tổ vương”, tức vua – ông nội). Nếu rủ lòng thương, chấp nhận tấu trình, là vận may to lớn cho hai nước; là vận may rất lớn của cả nhà Doanh Dị Nhân.

Con tin Doanh Dị Nhân kính thư.

Vua Triệu nghe xong mỉm cười gật đầu, nói:

– Nếu ông nội công tử cũng có tình có nghĩa như công tử thì có hy vọng hai nước sẽ hòa hiếu trở lại.

Tiếp đó, vua Triệu bảo Bình Nguyên Quân lấy danh nghĩa quốc gia để viết công văn cho tướng Vương Hột để nhờ tướng này chuyển lên Tần Chiêu Vương. Công văn nói vua Triệu cũng có sự mong muốn như công tử Doanh Dị Nhân, và bảo hôm sau phải sai sứ đưa công văn đó đến doanh trại quân Tần. Trước khi bãi triều, vua Triệu nói với Doanh Dị Nhân:

– Cả hai bên cùng ra tay, mới mong sớm có hiệu quả.

Thừa tướng lại bảo hai viên thị vệ đưa Doanh Dị Nhân về nhà. Mỗi bên đều dự kiến, chỉ mấy ngày nữa là có tin mừng.

Trên đường quay về nhà, Doanh Dị Nhân nhớ lại việc viết thư vừa rồi và cảm thấy đây là sự việc có giá trị nhất của mình trong hai mươi năm qua, trong việc phụng sự đất nước, thúc đẩy việc chung sống hòa bình giữa Tần và Triệu. Tự nhiên, Doanh Dị Nhân thấy rất vui nhưng lại nghĩ, không biết bây giờ mẹ con Triệu Cơ ra sao? Ở đâu? Hay là đã đến nhà Lã Bất Vi? Nghĩ đến đây, Doanh Dị Nhân cất bước nhanh hơn, đến nỗi hai viên thị vệ phải luôn luôn kêu lên và yêu cầu công tử đi chậm chậm lại.

– Lúc ta đi thì các người vừa nghi ngờ vừa sợ hãi, lời xềnh xệch như kéo thuyền dọc bờ sông, sao lúc ấy không đi chậm chậm. Bây giờ quay về vừa vui vừa vội, giống như thuyền xuôi theo dòng nước chảy, cho nên càng đi càng nhanh mới phải chứ.

Khi nào Doanh Dị Nhân cao hứng lên, thì nói năng vui vẻ pha cười, làm cho hai viên thị vệ cũng cười theo.

Khi Doanh Dị Nhân bước vào nhà với tâm trạng rất sốt ruột, thì thấy nô tỳ và đầy tớ đang có vẻ kinh hoàng hoảng hốt, chẳng biết làm gì. Nhất là cánh cửa của phòng trong đang đóng chặt, có tiếng kêu khóc của đàn bà con gái ở trong phòng vang ra ngoài. Doanh Dị Nhân vội tìm mọi cách để mở cửa phòng ra, thì thấy Triệu Cơ đang bế Triệu Chính (sau này là Tần Thủy Hoàng) và khóc lóc, lại còn đang giơ tay để nhặt dây chuyền bằng hạt trân châu. Trong khi đó thì Lã Bất Vi và thái tử Đan đang vội vàng gói ghém quần áo, đồ đạc trong phòng rất lộn xộn. Doanh Dị Nhân vội kêu to:

– Thôi, dừng tay lại. Dừng tay lại! Các người đang làm cái gì thế này?

Lúc ấy, mọi người mới để ý thấy Doanh Dị Nhân đã về, họ vội vàng bỏ đồ đạc trên tay xuống, và hơi ngỡ ngàng. Một người hỏi:

– Công tử đã về đấy ư?

Triệu Cơ vội chạy ngay đến và sà vào lòng công tử, vừa nức nở vừa hỏi rất thương tâm:

– Công tử, chàng bị bắt đi đến tận đâu?

Doanh Dị Nhân cũng rất xúc động, cũng nước mắt lưng tròng, vừa xoa vào mái tóc của vợ yêu, vừa nói rất ôn tồn:

– Chẳng phải là ta đã về đây một cách đàng hoàng đó sao? Còn khóc cái nỗi gì nữa?

Tiếp đó, Doanh Dị Nhân kể lại những điều vừa diễn ra tại Tùng Đài, ở đó, theo gợi ý của vua Triệu, Doanh Dị Nhân đã viết thư cho tướng Vương Hột, kêu gọi ngừng chiến, giải vây. Đến đây, mọi người mới vỡ lẽ, và vui mừng hẳn lên. Triệu Cơ đưa con trai cho Doanh Dị Nhân bế, và kể lại sự việc sau khi Doanh Dị Nhân bị lính thị vệ giải đi, thái tử Đan đã báo tin đó Triệu Cơ và nàng đã lập tức tìm Lã Bất Vi để bàn cách cứu công tử. Theo Lã Bất Vi, thì cung đình đã đưa lính thị vệ đến, chắc là sẽ đưa công tử đến hoàng cung hoặc triều đình, như vậy, trước mắt có thể chưa có nguy hiểm gì đối với tính mạng. Chỉ sợ sự việc sẽ diễn biến xấu và sẽ có tai họa đến vợ con. Vì vậy, Lã Bất Vi đã vội vàng giúp Triệu Cơ thu vén một ít đồ đạc gọn nhẹ, tạm đến lánh ở nhà Lã Bất Vi; sau đó, tìm hiểu tình hình của công tử, rồi tìm cách cứu công tử. Không ngờ công tử lại về được sớm như thế này, lại còn làm được một việc có lợi cho việc ngừng chiến và vẫn hồi hòa bình, thật sự làm cho mọi người rất mừng, quên cả mệt nhọc. Lúc này, Doanh Dị Nhân vội đi ra ngoài, nói với các nữ tỳ v đây tớ đừng lo lắng gì nữa, phải bình tĩnh lại; phải giúp Triệu Cơ thu dọn, sắp xếp đồ đạc lại như cũ. Lại còn bảo người làm bếp chuẩn bị bữa cơm thịnh soạn để thết đãi tạ ơn thầy giáo Lã Bất Vi và thái tử Đan.

– Hôm nay công tử tuân chỉ nhà vua để viết thư, là một dấu hiệu mở đầu rất tốt. Vua Triệu cũng có thư cho quân Tần để cầu hòa và ngừng chiến, thiết nghĩ rằng tướng quân Vương Hột sẽ không từ chối – Triệu Cơ vừa bế và nựng con vừa nói.

Thái tử Đan nhắc nhở nàng:

– Từ lâu ta đã nghe nói Vương Hột hiếu chiến, tham vọng lập công, nhưng những năm gần đây chẳng làm nên trò trống gì. Nay được thăng cấp làm chủ soái, chắc sẽ thừa dịp đánh chiếm Hàm Đan, tiêu diệt nước Triệu giành lấy công to, lấn lướt vương triều, sao có thể dễ dàng ngưng chiến và giải vây?

– Thái tử nói chí phải... – Lã Bất Vi đặt mạnh cốc rượu xuống chiếu, tỏ ra rất đồng ý với cách nhìn của thái tử Đan. Lã Bất Vi còn nhấn mạnh – Huống chi mấy chục năm qua, Tần Chiêu Vương luôn luôn hiếu chiến, thường dốc toàn lực ra tiên hành chiến tranh. Lần này lại xé bỏ thỏa ước đồng minh, lại còn ngự giá thân chinh đốc chiến, đang ở cái thế không diệt được Triệu sẽ không chịu buông tay. Vương Hột đi tiên phong phía trước, nhà vua đi phía sau làm hậu thuẫn cho Vương Hột. Đây thật sự là “kẻ đến thì chẳng tốt gì, người tốt thì không đến”. E rằng một vài lá thư không lay chuyển nổi ý đồ ban đầu của họ.

– Nghe ngài nói vậy, thật không ai trong giới thương trường lại có những cao kiến như thế. Đó mới là cái tài kinh bang tế thế của bậc thừa tướng, đại tướng. Khâm phục lắm thay! – Thái tử Đan nói xong, nâng cốc chúc rượu Lã Bất Vi.

Lã Bất Vi cũng nâng cốc chúc lại thái tử Đan, và nói rất khiêm tốn:

– Thái tử quá khen!

Doanh Dị Nhân nghe hai người nói chuyện, thâm hiểu sâu sắc rằng Lã Bất Vi có con mắt nhận biết sự việc sắc bén, rất tinh vi và chính xác, tầm nhìn rất rộng lớn. An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân bảo mình phải coi ông ấy làm thầy, thật là biết dùng người. Còn thái tử Đan vốn là con người có ý thức về những sự nghiệp chính nghĩa, từng rất thông cảm với hoàn cảnh của mình (Doanh Dị Nhân), rất quan tâm tới mình. Hôm nay, ông ấy đến đây, vô tình gặp phải sự việc đột biến, thấy mình gặp nạn, sinh lòng trắc ẩn, nói năng chân tình, ra sức cứu giúp. Hai vị ấy quả là “lương sư ích hữu (“thầy tốt bạn tốt”) rất hiếm có. Chẳng những là những người có thể làm bạn tri kỷ trong hoạn nạn, mà còn là chỗ dựa vững chắc nhất của mình trong con đường dựng nghiệp từ nay về sau. Nghĩ đến đây, Doanh Dị Nhân cảm thấy rất vui, liên tục chúc rượu và gấp đồ nhắm cho hai người. Cả ba người nói chuyện rất rôm rả, hầu như chẳng còn biết gì đến tình hình chiến sự và hoàn cảnh khó khăn đang diễn ra rất căng thẳng.

* *

Lúc này, hơn mười vạn quân Tần đang khép chặt vòng vây chung quanh thành Hàm Đan, một đô thành rộng mấy chục dặm vuông. Trong nội thành, lão tướng Liêm Pha chỉ huy quân đội rất nghiêm, kỷ luật chặt chẽ. Lão tướng nói năng rất nghiêm khắc, mặc dù trong lòng ngài luôn luôn giàu tình thương người. Ngài kiên tâm giải thích cho tướng sĩ

phải xóa bỏ ý muốn cấp tốc diệt địch để trả thù; không thể nôn nóng như vậy, mà phải kiên nhẫn cố thủ, tăng cường canh phòng, nêu cao cảnh giác, quyết không ứng chiến, mặc cho quân Tần cố tình khiêu khích, kêu gào. Trong lúc ấy, với tư cách là đại soái quân Tần, Vương Hột vừa lo rằng để lâu sẽ không đánh chiếm được Hàm Đan, thì sợ khí quân lính sẽ giảm sút, lòng quân dao động; nhất là phía sau lại có vua Tần Chiêu Vương đốc chiến, nếu mình không có tiến triển gì, chắc sẽ bị khiển trách là tác chiến chậm chạp... Vương Hột càng nghĩ, càng sắt ruột, lo lắng không yên.

Hôm nay, bầu không khí trong lán chỉ huy quân Tần đang vắng lặng, bỗng mấy tên lính gác cửa dẫn viên sứ giả nước Triệu đi vào xin gặp. Bất kể đến gặp về việc gì đi nữa, thì đây cũng là dấu hiệu của một biến chuyển gì đó, cứ coi như là một thay đổi đối với tướng Vương Hột. Vương Hột lập tức sửa lại cổ áo rồi ngồi thẳng dậy, chờ tướng dưới quyền “trung quân” đưa bức thư bằng tre đến cho mình.

– Ô, một lúc có những hai bức thư. Chuyện này thật chẳng nhỏ chút nào!

Vương Hột nói một mình và giở thư ra đọc. Trước hết ông ta xem thư của vua Triệu, bất giác bĩu môi, ông ta cho rằng vua quan nhà Triệu bắt đầu hết hơi rồi, nên mới cầu xin ngừng chiến; còn việc bằng lòng trả lại con tin, chẳng qua chỉ là té nước theo mưa, đẩy thuyền theo gió mà thôi. Điều cốt yếu nhất là phải đánh chiếm được Hàm Đan, từ đó cứu được Doanh Dị Nhân. Đó mới là chiến thắng lớn nhất để có thể xin vua Tần Chiêu Vương ban thưởng công trạng. Cho nên, ông ta không trả lời dứt khoát bức thư của vua Triệu. Ông chuyển sang xem bức thư thứ hai, coi trong đó có gì mới hay không, để có thể lựa chọn và quyết định.

– Cái anh Doanh Dị Nhân này mới lạ chứ! Lúc đại T quân ta sắp chiếm được thành đến nơi rồi, lại không biết đường mà thừa thắng để thúc ép vua Triệu đầu hàng, còn quay ra khuyên ta giảng hòa giải vây. Chỉ lo cho tính mạng của bản thân và vợ con, thật xấu hổ với thân phận cháu vua Tần!

Vương Hột không những không thông cảm với cảnh ngộ và ý đồ tốt lành của Doanh Dị Nhân, mà còn cho rằng anh ta đang ngáng trở công việc của mình, cho nên tức giận và vút trả lại hai bức thư. Còn nói:

– Bản soái lần này đến đây là cốt để lấy cho được Hàm Đan, tiêu diệt nước Triệu các người. Vì vậy, ta chỉ tiến không lùi. Nếu chủ nhân các người biết điều thì mở cổng thành ra hàng. Như vậy, kết cục sẽ được thể diện hơn. Bằng không, ta sẽ không sợ phải hy sinh, quyết đánh chiếm cho được đô thành này. Lúc ấy, tính mạng của vua quan và bách tính các người sẽ giống như số phận ở trận Trường Bình năm nào. Đi đâu và làm gì, các người phải nhanh chóng quyết định. Bản soái không thể chờ lâu nữa! – Nói xong còn khoát mạnh tay áo và quát lớn – Lại còn không cút đi cho rảnh mắt ta!

Sứ giả của Triệu sợ sệt cúi đầu cụp đuôi lui ra.

Sau khi sứ giả của Triệu ra về, tướng “trung quân” nhận hai bức thư và nói với Vương Hột:

– Thưa tướng quân, tuy nói rằng “tướng ngoài mặt trận có thể không nghe lệnh vua” nhưng xem ra vua Triệu và cháu vua Tần là Doanh Dị Nhân đều có nói rõ cầu xin Tần Chiêu Vương bệ hạ xem qua những thư này. Nay tướng quân trả lại thư ngay tại chỗ, nếu vì vậy mà hại đến tính mạng công tử và vợ con thì...

– Ôi! Bệ hạ từ lâu đã coi Doanh Dị Nhân là đồ bỏ đi rồi, không cần lo gì chuyện mất hay còn nữa. – Vương Ht trả lời rất kiên quyết.

Trung quân vẫn kiên nhẫn nhắc lại:

– Nếu bệ hạ lại muốn sử dụng lại đứa cháu bỏ đi đó, làm điều kế để chiếm nước Tần bằng mưu, hoặc là bằng lòng ngồi lại thương lượng với nước Triệu chẳng hạn. Theo mặt tướng (tướng hạng bét), thì cứ tấu trình thánh thượng cái đã. Việc này có liên quan đến tính mạng của người kế vị thái tử chứ chẳng chơi, nên thận trọng một chút thì hơn.

Vương Hột suy nghĩ một lúc, thấy viên tướng dưới quyền nói có phần nào hợp lý, bèn sai kỵ binh đi nhanh đưa hai bức thư cho Tần Chiêu Vương ở phía sau. Còn sai quân phía trước dùng cung bắn một bức thư vào thành Hàm Đan, bảo vua quan nước Triệu cứ chờ trả

lời. Do vậy, tình hình căng thẳng dần xuống. Mặc dù lực lượng hai bên, trong và ngoài thành, vẫn đều đang khẩn trương chuẩn bị tác chiến, nhưng cục diện và lòng người thì đỡ căng hơn. Nhất là cả nhà Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi, thái tử Đan đều cảm thấy yên tâm và vui mừng vì tạm được sống bình an và tự do. Họ mong rằng lá thư tràn đầy nhân đức của Doanh Dị Nhân có thể làm cho ông nội, là vua Tần Chiêu Vương phải suy nghĩ lại, và như vậy, may ra sẽ có thể “biến gươm đao thành cuốc cày” [32].

Mọi người mỗi mắt trông chờ hơn một tháng mới có chỉ dụ phúc đáp của Tần Chiêu Vương. Đúng như vị tướng “trung quân” dự đoán: lúc mới đầu thì Tần Chiêu Vương coi đứa cháu Doanh Dị Nhân là một vật thể chấp rẻ tiền, chẳng bao giờ hỏi han tới, càng không nghĩ tới việc chuộc anh ta về. Nay đưa quân hùng nhanh chóng tiêu diệt Triệu, nhưng mãi vẫn không chiếm được Hàm Đan. Ngài e ngại rằng nếu chiến sự kéo dài, quân sĩ sẽ sinh ra chán nản. Hơn nữa, nếu lại có nước khác đưa quân đến giúp Triệu, thì tình hình sẽ bất lợi cho Tần... Nay lại có hai bức thư tre do Vương Hột đưa trình. Trong thư, vua Triệu khẩn thiết xin hòa và còn dựa vào cái thế “thượng phong” là đang nắm giữ con tin Doanh Dị Nhân để ép nước Tần giải vây và giảng hòa. Tần Chiêu Vương cũng nhân cái đà đó, viết thủ dụ cho Vương Hột, tỏ ra chấp nhận ý đồ của vua Triệu. Trong đó, ông ta (Chiêu Vương) viết rằng Doanh Dị Nhân đã là con trưởng của Hoa Dương phu nhân, có quyền kế vị thái tử An Quốc Quân, vì vậy nhà vua và toàn bộ vương triều nhà Tần rất coi trọng công tử Doanh Dị Nhân. Nay nước Triệu muốn ngừng chiến và giảng hòa, nhà vua cũng đồng ý, nhưng trước hết phải đưa công tử về nước Tần đã, để chứng tỏ lòng thành của quý quốc.

Nhận được chỉ dụ nói trên của nhà vua, Vương Hột hiểu ngay, và tỏ ra rất khâm phục sự hiểu biết và kiến nghị của “trung quân”, bèn lấy danh nghĩa đại nguyên soái quân Tần viết thư trả lời thừa tướng nước Triệu là Bình Nguyên Quân. Trong thư nói rằng, tuân theo ý chỉ của vua Tần Chiêu Vương, nước Triệu phải “trước lễ, sau binh”, tức là phải đưa gấp Doanh Dị Nhân về doanh trại quân Tần, sau đó mới bắt đầu đàm phán. Nếu không, sẽ kiên quyết dùng vũ lực

Sau khi nhận được thư phúc đáp, vua quan nước Triệu vội họp bàn đối sách. Tại cuộc họp, có người cho rằng, vua Tần đã bày tỏ ý muốn đàm phán giảng hòa, chi bằng cứ trả cả nhà con tin Doanh Dị Nhân về nước, sau đó đàm phán. Đó là con đường ngắn nhất để cứu nước Triệu khỏi nguy cơ mất nước, khôi phục hòa bình và bang giao hai nước. Lão tướng Liêm Pha, con người mưu lược sâu xa, đã thẳng thừng bác bỏ cách suy nghĩ ngây thơ ấu trĩ đó. Ông vạch ra rằng, xưa nay “dùng binh thì phải lừa”; nhất là vua Chiêu Vương nhà Tần, con người rất thất thường, trở mặt như lật bàn tay, gian trá khó lường. Cho nên hoàn toàn không thể nhẹ dạ cả tin vào lời hứa lần này của vua Tần, vừa phải tăng cường chuẩn bị chiến tranh, để đề phòng những cuộc tấn công ác liệt hơn. Vua Hiếu Thành và các đại thần có mặt đều tán thành ý kiến của Liêm Pha, và cùng nhau bàn về sách lược tiếp tục chống Tần.

Trải qua bàn bạc sôi nổi, mọi người thống nhất như sau: trước hết, không thể có ảo tưởng đối với nước Tần mà phải bày tỏ bằng thái độ cứng rắn cho họ biết nước Triệu không hề yếu hèn mà kiên quyết chống nước Tần tàn bạo. Vì vậy, người phải chịu đòn đầu tiên là Doanh Dị Nhân, anh ta phải bị áp tải lên đoạn đầu đài (giá chặt đầu).

Đại tướng Liêm Pha phụng chỉ sai tướng Lý Đồng đưa bốn tên đao phủ và một đội lính tuần, áp giải Doanh Dị Nhân đi khắp phố phường Hàm Đan. Doanh Dị Nhân mặc áo tù màu đỏ từ đầu đến chân, trước ngực mang một tấm biển có đề mấy chữ rất to “Tử tù Doanh Dị Nhân. Con tin của Tần”. Mấy người cầm thanh la đi đầu, tiếng thanh la kêu inh ỏi, náo nùng. Người Hàm Đan đổ ra đường ngày càng đông, họ chen chúc hai bên đường mà đoàn áp tải tử tù đi qua, bày tỏ lòng căm thù đối với quân Tần xâm lược. Doanh Dị Nhân bị bao trùm trong không khí khùng bố khùng khiếp, sợ run bắn người lên, toàn thân rất lạnh nhưng toát đầy mồ hôi. Sau khi đi một lượt khắp mọi xóm xỉnh trong thành, Doanh Dị Nhân được đưa lên lầu thành. Lúc ấy, tướng Lý Đồng đứng trên một trạm gác cao, ở cạnh “tử tù” (xung quanh thành Hàm Đan có bốn trạm gác cao như thế), gọi rất to cho quân Tần đang vây thành ở ngoài rằng:

– Doanh Dị Nhân, cháu vua các người, nay là tù nhân của nước Triệu, đã bị kết tội tử hình. Nếu các người tiếp tục tấn công vào thành, Doanh Dị Nhân sẽ bị chém đầu, dùng máu của y để tế cờ và ăn thịt, quyết huyết chiến với bọn xâm lược các người đến cùng.

Vương Hộ nghe binh sĩ ở phía trước về báo tin đội mũ mặc giáp, rồi lên ngựa đến chân thành để xem xét tình hình. Mặc dù Vương Hộ chê trách Doanh Dị Nhân là một kẻ ương hèn tham sống sợ chết, làm ô nhục quốc gia, nhưng xét cho cùng thì vẫn là cháu của quốc vương, lại đang sắp bị chém đầu rồi; cho nên, ông ta không khỏi băn khoăn, lo lắng. Nghĩ vậy, bèn thúc ngựa về bản doanh và ra lệnh cho binh lính không ai được đứng xem, càng không được có bất cứ hành động gì. Vì ông sợ rằng nếu gây ra một sự việc gì đó có tính chất đe dọa đối phương, thì nước Triệu sẽ lập tức giết Doanh Dị Nhân. Dù sao thì việc đó cũng là một sự hy sinh không cần thiết của nước Tần.

Người đời có câu “Trời không bao giờ bịt hết mọi con đường của con người”. Thời gian mà Doanh Dị Nhân bị áp tải đi rong ngoài đường phố rồi lên thành lầu để từ biệt quân Tần cũng khá lâu. Chính trong lúc ấy, Lã Bất Vi và thái tử Đan đã kịp đến gặp vua Triệu ở cung đình, tâu với Hiếu Thành rằng cách làm như vậy là thất sách. Vua Hiếu Thành nói, không làm như vậy sẽ không ngăn cản được khí thế hùng hổ của quân Tần, không đủ để khích lệ tinh thần và quyết tâm của quân dân Triệu đứng lên kiên quyết chống Tần đến cùng. Lã Bất Vi và thái tử Đan vạch rõ rằng, Doanh Dị Nhân đã bị coi như một người vút đi, nên mới đưa đến Triệu. Còn việc được nhận làm con trưởng để kế vị thái tử An Quốc Quân, là việc của Hoa Dương phu nhân; bà này muốn củng cố địa vị của mình ở đông cung nên mới làm như vậy. Do đó làm cho uy thế của Doanh Dị Nhân tăng lên, thực ra đó chỉ là hữu danh vô thực. Bởi vì An Quốc Quân có những hai mươi mấy đứa con, dù cho Doanh Dị Nhân không còn nữa, thì tìm một đứa khác, dễ như không. Nhưng nay nhà vua làm như thế là bịt hết mọi con đường hòa giải, Tần vương có thể lấy cớ trả thù cho cháu mình để dấy lên cuồng vọng chiến tranh trong tướng sĩ và dốc toàn lực đánh Triệu. Như vậy, thành Hàm Đan vốn đã nguy khốn trăm bề, liệu còn có thể giữ được nữa hay không? Lúc đó, xã tắc và tôn miếu của nước Triệu sẽ biến thành của nước Tần. Đáng sợ biết bao? Nguy hiểm biết bao.

Vua Triệu vội đứng dậy, chấp hai tay, nói lời cảm ơn:

– Cảm ơn hai vị chỉ giáo. Nếu hai vị không nhắc nhở, trẫm đã phạm sai lầm lớn rồi!

Tiếp đó, nhà vua sai thị vệ cung đình phi ngựa ngay đến bảo Lý Đồng dừng tay lại, không đưa Doanh Dị Nhân lên đoạn đầu đài nữa, mà đưa về chỗ cũ ở ngoại thành Hàm Đan, giam vào nhà tử tù, và tùy theo tình hình tác chiến với Tần để xử trí sau.

Mặc dù Doanh Dị Nhân đã từ chỗ cận kề với lưỡi hái tử thần, nay được cứu sống quay về, nhưng chưa thoát khỏi nguy hiểm. Nếu chiến sự còn tiếp diễn, thì tính mạng của Doanh Dị Nhân chỉ là nghìn cân treo sợi tóc. Để cho Doanh Dị Nhân thật sự an toàn, Lã Bất Vi đã tỏ ra hết sức xuất sắc và can trường. Ông đã làm như sau:

Nhân lúc vua Tần Chiêu Vương chưa có phản ứng gì khi biết Doanh Dị Nhân đã bị kết tội là tử tù, sắp bị xử chém; do đó, cục diện chiến sự tạm lắng xuống, vua Triệu cũng đang ở trong tâm trạng bình thường; Lã Bất Vi bèn đến xin gặp vua Triệu. Trước mặt vua Hiếu Thành, Lã Bất Vi tỏ ra rất đau buồn. Ông nói rằng, Doanh Dị Nhân tuy đã được miễn tội chết, nhưng vẫn lành ít dữ nhiều. Bản thân Lã Bất Vi và Doanh Dị Nhân có quan hệ thầy trò, hưởng hồ Triệu Cơ lại do ông tự đứng ra xe duyên cho Doanh Dị Nhân, quan hệ ba bề bốn bên. Trước khi vận hạn sắp giáng xuống đầu họ, gia đình sắp chia lìa đôi ngả, xin cho Lã Bất Vi được đưa mẹ con Triệu Cơ đến nhà ngục để thăm chồng lần cuối, đặng thể hiện đạo vợ chồng mà trời đất đã kiến tạo. Sau đó sẽ thu xếp ổn thỏa cho mẹ con Triệu Cơ. Xong việc này, ông sẽ đưa cha già và thê thiếp về quê Dương Dịch, vì ở Hàm Đan đang chiến sự căng thẳng, không thể làm ăn gì được; trong khi một nhà đông người như vậy, ngày nào cũng phải sống phải ăn. Cho nên ông không thể ở lại nước Triệu được nữa [33]. Nói đến đây, Lã Bất Vi khóc lên thật sự, bộ mặt rất đau buồn.

Vua Triệu nghe Lã Bất Vi nói vậy, cảm thấy cũng có tình có lý. Nhất là cái bộ dạng đáng thương của ông ta, đã làm cho ngài rất xúc động, bèn nhận lời thỉnh cầu của ông ta, sai những người hữu quan cấp giấy thông hành cho ông ta thăm nhà tù.

Quá giờ Ngọ hôm sau, Lã Bất Vi mời thái tử Đan và mẹ con Triệu Cơ đi hai xe ngựa, chở đầy quần áo chăn màn và rượu thịt đến ngoại thành Hàm Đan. Quan canh cửa xem giấy thông hành xong, bèn mở cửa cho họ vào. Khi đến chỗ nhà tử tù, vẫn thấy Công Tôn Càn làm giám thị. Nhờ biết Lã Bất Vi từ trước, nên Công Tôn Càn rất dễ dãi. Ông ta tháo xích tay và cùm chân của Doanh Dị Nhân, để cho Doanh Dị Nhân được nói chuyện với người

nhà. Doanh Dị Nhân khi nhìn thấy vợ con đã khóc nức nở. Vợ chồng, cha con níu chặt lấy nhau, trông rất thảm thương. Lã Bất Vi và thái tử Đan vừa an ủi họ, vừa nhân lúc Công Tôn Càn đi ra ngoài, đã vội ghé tai Doanh Dị Nhân nhỏ to gì đó.

Lúc ấy rượu thịt cũng đã được bày ra, khá thịnh soạn, nhưng đây là nhà tù, lại sắp phải chia ly, không chừng là ly biệt cuối cùng, tâm trạng người nào cũng ngổn ngang lo nghĩ, cho nên ít thấy ai đụng đến bát đĩa, chỉ uống rượu là nhiều. Riêng vợ chồng Doanh Dị Nhân thì chẳng ăn mà cũng chẳng uống, chỉ nhìn nhau qua làn nước mắt, trông thật đáng thương. Lã Bất Vi và thái tử Đan thay nhau chúc rượu và gấp thức ăn cho Công Tôn Càn, nhờ ông ta chăm sóc công tử. Công Tôn Càn nói rằng nếu sau này Doanh Dị Nhân không bị án tử hình, thì ông ta nhất định sẽ tìm cách trả lại cho mọi người vị công tử cháu vua Tần này.

Bữa cơm tối ấy kéo dài đến quá nửa đêm, khách mới ra về. Doanh Dị Nhân và Triệu Cơ ôm mặt khóc, bịn rịn dùng dằng, chẳng muốn rời nhau. Lã Bất Vi và thái tử Đan khuyên can mãi, cuối cùng đẩy cả mấy người lên xe rồi bảo người đánh xe cho ngựa chạy nhanh. Ra đến cổng thành, quan canh cổng hỏi cơ sao nửa đêm còn ra ngoài làm gì. Lã Bất Vi cúi cho ông ta sáu trăm đồng tiền vàng và nói thác đi rằng vì có việc khẩn, nên ở trong ấy quá lâu, nay mới xong việc. Quan canh cổng mở cửa cho ra. Xe vừa đi được một quãng chưa dài lắm thì mỗi người một ngã: thái tử Đan đưa mẹ con Triệu Cơ đến lánh nạn ở nhà mình; Lã Bất Vi và Doanh Dị Nhân thì cho ngựa phi nước đại đến trận địa quân Tần. Khi Công Tôn Càn tỉnh rượu và đi xem xét căn phòng nhà tù, thì chỉ thấy một đồng chăn gối được xếp thành hình người đang nằm ngủ, còn người thì chẳng thấy đâu. ông ta kêu lên: “Thôi bị lừa rồi! Sai lầm to rồi!”. Nhưng ông ta không biết rằng người sai lầm lớn nhất trong vụ việc này chính là vua Triệu Hiếu Thành và các đại thần của ngài.

HỒI THỨ NĂM

DOANH DỊ NHÂN VỀ NƯỚC, TRỞ THÀNH CON TRƯỞNG KÊ THỪA

NÀNG NHƯ CƠ TRỘM BINH PHỤ CỨU NƯỚC TRIỆU

Khi xe chở Lã Bất Vi và Doanh Dị Nhân chạy như bay đến ngã ba đường, thì xe chở cả nhà Lã Bất Vi đã chờ sẵn ở đó. Không thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ có người đuổi theo phía sau, nên tất cả nhóm người này cảm thấy yên tâm.

Lã Yên kéo mạnh dây cương về phía tay phải, con ngựa lập tức quay đầu, cất bước chạy nhanh theo hướng Bắc. Các xe sau cứ nối đuôi nhau chạy tiếp. Đi được khoảng mười dặm, thấy phía trước trời tối đen như mực, nhưng trong khoảng không tối đen đó, lại nổi lên một đám ánh đèn lấp lánh dày đặc như sao trên trời. Lã Bất Vi biết rằng đó chính là đại bản doanh của quân Tần. Ông vội bảo thắp đuốc lên, và tiếp tục đi tới. Nhưng Lã Yên có chút lo sợ, vội nói:

– Thưa ông chủ, thắp đuốc sáng thế này, nếu quân địch nhìn thấy thì chẳng phải là đi vào chỗ chết hay sao?

Lã Bất Vi giải thích:

– Xe chúng ta chạy như bay trong đêm tối thế này, có thể sẽ bị quân Tần tưởng lầm là quân Triệu đánh tập kích, nên bản cung tên loạn xạ, nếu chúng ta tử nạn thì cũng chẳng ai viết điều văn cho mình nữa. Đành phải chịu số phận cơm đèn miệng rồi còn bị cướp mất!

Lã Yên nghe vậy, biết vậy, cứ vâng vâng dạ dạ rồi thắp đuốc sáng lên, nhưng cứ co dùm người lại, rất sợ mũi tên ác nghiệt nào đó sẽ bắn vào mình.

Quân tuần tra của Tần đột ngột nghe thấy tiếng xe chạy, vội mở to mắt quan sát, chỉ thấy hai chiếc xe ngựa đang chạy về phía quân Tần. Hai chiếc xe được đuốc chiếu sáng rõ mồn một. Quân Tần liền nổi trống cảnh báo. Vương Hột lập tức đội mũ giáp và ra ngoài doanh trại, hét lớn, ra lệnh cho binh sĩ giương cung lấp sẵn mũi tên sẵn sàng bắn.

Hai bên cách nhau ngày càng gần. Bên nào cũng rất căng thẳng. Lã Bất Vi vung mạnh cánh tay, ra hiệu dừng xe, kéo Doanh Dị Nhân đứng dậy và đẩy anh ta ra đứng phía trước. Lúc ấy, vừa có một loạt mũi tên rào rào bay tới, may mà chẳng trúng ai, nhưng làm cho Doanh Dị Nhân thần hồn nát thần tính, rụt lại phía sau và kêu to:

– Sư phụ ơi là sư phụ. Người đi cứu ta hay là đưa ta đi đến chỗ chết đây?

– Ngồi yên. Ngồi yên. Hãy hét to lên về phía quân Tần! – Lã Bất Vi ra lệnh cho Doanh Dị Nhân.

Doanh Dị Nhân không hiểu, bèn hỏi:

– Ta không biết hét cái gì bây giờ. Người đứng dậy mà hét.

Lã Bất Vi vẫn cầu khẩn anh ta:

– Tôi nói giọng nước Hàn, sợ họ không hiểu rõ. Công tử nói giọng nước Tần, vậy nói ngay đi, nói thế nào cũng được.

Doanh Dị Nhân đang suy nghĩ nên nói gì thì có mấy mũi tên lại bay tới, xạt qua bên đầu và tai, kinh hãi quá, bèn hét lên rất lớn, không kịp suy nghĩ trước:

– Đừng bắn nữa. Đừng bắn! Ta đây mà. Ta đây...

Cái giọng thô âm địa phương rất nặng của Doanh Dị Nhân làm chữ “ta” biến thành chữ “tha”. Nhưng hai tiếng “tha đây” của Doanh Dị Nhân lại rất có hiệu nghiệm. Phía quân Tần nghe tiếng “tha đây” liền ngừng bắn và hỏi lại:

– Tha là ai?

– Tha là... Tha là... – Trong lúc quá căng thẳng, Doanh Dị Nhân nói không nên lời nữa.

Thấy vậy, Lã Bất Vi bèn đưa tay cầm lấy viên ngọc bội mà anh ta đang đeo ở cổ, giơ lên

trước mặt anh ta, chỉ tay vào viên ngọc bội và nói:

– Ngài là, ngài là, ngài là cái này này...

Doanh Dị Nhân hiểu ngay đó là cái gì, bèn nói to với đối phương rằng:

– Ta là, là con của thái tử nước đại Tần đây!

Đối phương chỉ nghe được hai chữ “thái tử”, không nghe rõ chữ “con”, bèn chửi ầm lên rằng:

– Thái tử của đại Tần đang ở Hàm Dương. Ông đừng có mà giả mạo. Cứ bắt đi!

Doanh Dị Nhân nghe vậy, lại sợ run lên, vội nói thêm:

– Đừng bắn. Đừng bắn. Hãy nghe ta nói. Ta không phải là thái tử, mà là con của thái tử.

Những binh sĩ bắn cung vẫn chưa hiểu mô tê gì cứ ngơ ngác nhìn nhau và hỏi nhau:

– Con của thái tử sao không ở Hàm Dương, mà lại ở đây?

Chẳng ai giải thích nổi. Lại bắn!

Vừa lúc ấy, nguyên soái Vương Hột đến nơi, nghe những binh sĩ này nói vậy, bèn ra lệnh không bắn nữa, và sai một, binh sĩ đi lên phía trước hỏi cho rõ tình hình. Lúc đó Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi cũng đã đến sát trước mặt quân Tần. Doanh Dị Nhân chưa kịp nói gì với người lính của Vương Hột, thì Lã Bất Vi đã đưa viên ngọc bội cho đối phương và nói:

– Hãy đưa cho tướng quân các người. Cứ xem thì rõ.

Vương Hột nhận viên ngọc bội từ tay người lính cầm cung soi đuốc vào xem. thốt lên kinh ngạc: “Té ra là công tử Doanh Dị Nhân”. Rồi lập tức bảo mấy binh sĩ đi lên dẫn cỗ xe ngựa và hỏi gấp:

– Xin hỏi vị nào là công tử Doanh Dị Nhân?

Doanh Dị Nhân vội xuống xe đi lên một đoạn rồi nói:

– Ta là con tin đây.

– Bản soái Vương Hột, áo giáp trên người, không thể hành lễ, xin được lượng thứ. – Vương Hột chỉ chấp hai tay chào Doanh Dị Nhân và trả ngọc bội cho công tử.

Doanh Dị Nhân vội vẫy tay gọi những người phía sau xuống xe. Khi mọi người đều xuống xe, Vương Hột không thấy Triệu Cơ và đứa bé mà ông ta nghe nói từ lâu, bèn hỏi:

– Sao không thấy người nhà của công tử?

– Ta là con tin, vậy mà còn sống để đến được đây, thật không dễ dàng chút nào; còn hỏi sức đâu mà lo đến vợ con! – Doanh Dị Nhân nói xong bèn giới thiệu Lã Bất Vi và Vương Hột cho hai người biết nhau.

Sau khi chào hỏi nhau, tất cả đều đi vào doanh trại quân Tần. Vương Hột lập tức mở tiệc mời khách, coi như để xua đuổi nỗi kinh hoàng và tẩy sạch bụi trần cho họ. Trong khi ăn uống, Doanh Dị Nhân nói qua về quá trình thoát khỏi tội tử hình và được cứu ra khỏi nhà tù như thế nào. Vương Hột và các tướng lĩnh có mặt nghe Doanh Dị Nhân nói xong, đều nâng cốc cảm ơn Lã Bất Vi. Khi nói về mẹ con Triệu Cơ, mọi người không khỏi lo lắng, chẳng biết hai người này đi đâu và tình hình như thế nào?

Doanh Dị Nhân, Lã Bất Vi và người nhà nghỉ ngơi mấy ngày trong doanh trại quân Tần, tinh thần đã trở lại ổn định và thoải mái. Nguyên soái Vương Hột sai một viên tướng dẫn mấy chục binh sĩ lan lợi nhất, hộ tống hai xe của Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi đi ra phía sau để bái yết Tần Chiêu Vương. Còn kèm theo một bản tấu, xin nhà vua cho chỉ dụ gấp về giai đoạn tác chiến sắp tới.

Mọi người đều biết, thời kỳ tiên Tần, tình hình đấu tranh chính trị, quân sự rất gay gắt, phức tạp. Trong khi đó, vua Chiêu Vương đại Tần, một nước luôn luôn chống lại sáu nước khác, thường phải luôn luôn lo lắng và hao tâm kiệt sức về những việc đại sự của một nhà nước quân sự. Vì vậy, nhà vua này hình thành một tính cách lý trí nhiều hơn tình

cảm, lạnh lùng nhiều hơn nhiệt tình; đến nỗi rất ít khi dòm ngó, hỏi han gì đến đứa cháu của mình. Lần này, trong thư của vua Hiếu Thành nước Triệu, có nói tới việc nước Triệu muốn sau khi hai nước đạt được thỏa thuận, sẽ trả con tin Doanh Dị Nhân về Tần. Điều này có gây xúc động ít nhiều trong lòng Tần Chiêu Vương, nhưng ông ta vẫn không để tâm lâu. Nay thấy người ta đưa cháu mình từ ngoài mặt trận về, thân hình tiều tụy, vẻ mặt đau buồn, nhà vua có phần nào thương cảm. Nhất là khi nghe nói Doanh Dị Nhân bị vua quan nước Triệu khép tội và suýt nữa bị xử tử, nhà vua càng cảm động, để rơi mấy giọt nước mắt già nua. Ngài an ủi Doanh Dị Nhân:

– Hiền tôn [35] từ nhỏ đã phải xa cung đình, đi làm con tin ở nước khác, nhẫn nhục gánh vác trọng trách, trải nghiệm thử thách gian nan. Nhất là vừa rồi suýt nữa phải hiến thân vì nước, làm cho ta rất kinh hoàng, vô cùng thương cháu!

Nghe những lời tha thiết thân tình như vỗ về của nhà vua, Doanh Dị Nhân, một con người từ lâu nay vốn rất thiếu sự vỗ về yêu thương, thường có ác cảm và oán hận ông nội mình, nay lại thay đổi hẳn thái độ, cảm thấy trước mặt mình là người ông hiền từ, nhân hậu, lời ông nói thật ấm áp tình người và hết sức cảm kích. Doanh Dị Nhân xúc động, quỳ rạp mình xuống đất, nước mắt lăn xả, khấn đầu tạ ơn:

– Cháu thật bất hiếu, chưa có gì để làm vui ông nội lại còn suýt nữa gặp bất trắc để ông phải lo sợ. Nay được ân sủng, cháu lại càng lo lắng hơn, một lần nữa cháu xin đa tạ long ân của tổ vương [36].

Tần Chiêu Vương đưa tay ra hiệu cho Doanh Dị Nhân đứng dậy, hỏi thăm tình hình vợ con, và chỉ chỗ cho Lã Bất Vi ngồi, rồi nói lời cảm ơn:

– Vợ chồng thái tử An Quốc Quân nhận cháu Doanh Dị Nhân làm con trưởng thừa tự, trầm cũng sớm được biết đó là nhờ có tiên sinh ra sức giúp đỡ nên mới thành đạt như thế. Bây giờ lại cứu cháu ta thoát khỏi bàn tay đao phủ, trốn chạy khỏi ngục tù, thật là can trường dũng cảm, cứu người hoạn nạn, trầm cảm kích vô cùng!

Lã Bất Vi quỳ xuống tấu đáp:

– Số phận công tử gặp nhiều điều không may, giống như châu ngọc dính đầy cát bụi. Tiểu nhân lực ít công mọn, đầu dảm nhiều lời. Nay đã tai qua nạn khỏi, được đến đây để bái yết đức vua, thật là nhờ sự anh linh của tiên tổ đại Tần và hồng phúc của đức vua bệ hạ. Tiểu nhân được theo gót công tử đến gặp mặt rồng đại vương, thật là vinh hạnh vô cùng, suốt đời cảm kích.

Những lời phỉnh nịnh ngon ngọt của Lã Bất Vi đương nhiên là Tần Chiêu Vương rất vừa lòng. Ngài mỉm cười tán đồng và nói:

– Tiên sinh đa tài. Những hạng người thô tục, chỉ biết khua môi múa mép để kiếm ăn, làm sao mà có thể sánh được với tiên sinh. Trẫm sẽ đích thân ra chỉ dụ cho con trai và con dâu của trẫm trọng dụng tiên sinh, giữ chức đại thần trong triều đình ta.

Sau khi nghe những lời đó, Lã Bất Vi biết rằng cái món “hàng lạ” – công tử Doanh Dị Nhân – mà mình đã đầu tư vốn vào đó bất chấp rủi ro và đã một mình phấn đấu gian khổ trong bao nhiêu năm, nay đã bắt đầu sinh lợi. Đó là viên gạch đầu tiên trên con đường tiến thân của mình, con đường buôn bán kiếm lời, trừ hàng lấy lãi, vừa làm con buôn, vừa làm quan lại. Hơn nữa, viên gạch ấy lại được đặt ra bằng chính bàn tay của nhà vua Tần Chiêu Vương, vị quân chủ tối thượng của vương triều đại Tần, thật chắc chắn và vững chãi làm sao! Mình nhất định phải bò dần từng bước, từng bước trên cái viên gạch ấy, không ngừng tiến lên phía trước để đạt đến đỉnh cao nhất! Nghĩ đến đây, Lã Bất Vi bất giác cười một mình “Hây! Hây! Hây!” quên khuấy mất mình là ai và đang ở đâu.

– Nghe trẫm nói, có sao tiên sinh lại cười?

Việc cười lớn trước mặt vị quân chủ tối cao là hết sức vô lễ, nhất là lại cười sau khi nghe ngài ban “lời vàng ý ngọc”, lại càng mắc tội phạm thượng khi quân. Do đó, Chiêu Vương chau mày cất vấn ngay.

– Tiểu nhân tấu trình bệ hạ, vừa rồi được chiêm ngưỡng dung nhan bệ hạ, lại được nghe đại vương ban truyền khẩu dụ, nên cảm thấy sâu sắc rằng đại vương có phong độ oai nghiêm, thiên hạ vô địch, mưu lược vô cùng, cử thế vô song. Tiểu nhân thấy một hình ảnh

tương phản với đại vương, đó là vua Triệu Hiếu Thành. Hiếu Thành chẳng qua chỉ là cóc ngồi đáy giếng, chuột trốn trong hang; lại chẳng lượng sức mình, không biết nhìn vào cái gương tầy liếp của trận Trường Bình, hòng dựa vào thành Hàm Đan đơn độc, để chống lại binh hùng tướng mạnh của bệ hạ, há chẳng hóa ra là châu chấu đá voi, trúng chọi với đá, ngớ ngẩn ngu muội, cố chấp nực cười, đó sao?

Lã Bất Vi tùy cơ ứng biến, ý đẹp lời hay, chẳng những che giấu được tiếng cười đắc chí do vô tình buột miệng, lại còn tăng bốc Tần Chiêu Vương lên tận mây xanh, còn Hiếu Thành nước Triệu thì bị đập xuống bùn đen như ếch nhái chuột bỏ, đáng buồn và cũng đáng cười. Tần Chiêu Vương không những không phát hiện ra chỗ sơ hở của Lã Bất Vi, mà còn cho là thật. Quả là ngài đã ngây ngất say sưa trước những lời nịnh hót quá khôn khéo, nên lập tức sai bọn thái giám trọng thưởng cho Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi; riêng Doanh Dị Nhân được ở lại bên xa giá để gần gũi nhà vua; còn Lã Bất Vi thì được tiếp đãi như quan “thượng khanh”; gia đình và đầy tớ của ông đều được ban thưởng; tất cả đều được lưu lại mấy hôm trong doanh trại của đoàn xa giá.

Một ngày trước khi Doanh Dị Nhân, Lã Bất Vi và gia đình đi Hàm Dương (Kinh thành của Tần), vua Tần Chiêu Vương còn bày tiệc tiễn chân họ. Trong bữa tiệc, hai bên nói chuyện về tình hình chiến sự, Tần Chiêu Vương bèn hỏi ý kiến Lã Bất Vi:

- Theo bản tấu của tướng Vương Hột, vừa qua vua tôi nước Triệu đã mang cháu ta là Doanh Dị Nhân ra làm sức ép, hòng buộc quân Tần giải vây và giảng hòa. Trẫm và tướng Vương Hột đều nghĩ rằng Doanh Dị Nhân đang làm con tin, sợ ném chuột sẽ vỡ bình, nên không dám tăng cường tấn công, nhưng điều đó đã làm cho vua quan nước Triệu được kéo dài hơi tàn. Nay trẫm muốn ra lệnh cho tướng Vương Hột lại đốc sức tấn công mạnh, nhằm chiếm được Hàm Đan trong một trận. Nhưng hiềm một nỗi không thật hiểu rõ lắm tình hình bố phòng bên trong thành. Tiên sinh ở đó lâu ngày, chắc là nắm chắc tình hình trận địa và sĩ khí của họ, mong tiên sinh giúp ta chỉ giáo để có phương hướng dùng binh, đừng một khi đã khởi sự thì phải nắm chắc phần thắng trong tay.

Lã Bất Vi nay đã đi khỏi Hàm Đan, quyết tâm đưa món “hàng lạ” Doanh Dị Nhân đến nước Tần; từ nay có thể đổi lá thay chèo, bước lên con đường chính lộ. Vì vậy, có thể không phải luyến tiếc tất cả những hậu đãi của vua quan nước Triệu đã ban phát cho mình trong nhiều năm qua, cũng như tình nghĩa sâu nặng với họ. Nghĩ vậy, bèn nói hết tất cả những gì mà ông ta hiểu biết, không hề giấu giếm. Sau cùng còn chỉ rõ:

- Tâu hoàng thượng, nước Triệu nay không còn nắm được Doanh Dị Nhân nữa, cho nên cũng không ảo tưởng việc giảng hòa để giải vây nữa. Vì vậy, họ sẽ liều chết cố thủ. Hơn nữa, họ có thể cầu viện nước khác để liên hợp đánh Tần, nhằm tránh khỏi bị diệt vong. Trước tình hình đó, ta phải đốc toàn lực, không sợ hy sinh, nhằm chiếm Hàm Đan trong thời gian ngắn nhất, quyết chiến thắng nước Triệu.

- Tiên sinh nói rất phải, trẫm sẽ lập tức ra lệnh cho tướng Vương Hột tăng cường tấn công Hàm Đan. Trẫm sẽ tăng viện ở phía sau, phải đảm bảo chỉ đánh một đòn là chiếm được Hàm Đan, tiêu diệt nước Triệu. - Tần Chiêu Vương rất tán thưởng ý kiến của Lã Bất Vi và quyết định ngay kế hoạch tác chiến sắp tới.

Hôm sau, đoàn xe chở Doanh Dị Nhân, Lã Bất Vi và gia quyến cùng với rất nhiều tặng phẩm, đồ đạc, cùng mấy chục binh sĩ hộ tống, kéo nhau ra khỏi doanh trại quân Tần để đi về phía kinh đô Hàm Dương. Mọi người ngồi trên xe đều nhìn thấy ở nước Tần cũng như ở nước Triệu, dọc theo hai bên đường phần lớn ruộng đồng hoang vu, người dân thưa thớt. Trong khi đó thì có từng đoàn người lũ lượt kéo nhau đi trên đường. Họ là tân binh và phu phen do triều đình tuyển mộ để bổ sung quân lực và để phục dịch trong cung đình và nha phủ. Doanh Dị Nhân nhìn thấy cảnh ấy, cảm thấy chua xót trong lòng: chiến tranh đã gây ra biết bao tai hại cho đất nước và cho dân chúng. Đi xa lâu ngày, nay tận mắt nhìn thấy quê hương ảm đạm hoang tàn, chàng thanh niên sắp tròn ba mươi này không khỏi chạnh lòng và đau khổ. Trong khi đó, Lã Bất Vi thì chẳng hề quan tâm đến tình cảnh đó. Ông đang say sưa nghĩ về những thành công do mưu lược của mình và đang mơ tưởng một tương lai tốt đẹp hơn ở nước Tần.

Sau gần mười ngày đi đường, đoàn xe của Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi về đến Hàm Dương. Doanh Dị Nhân muốn lập tức vào cung để được gặp cha mẹ (nuôi), còn Lã Bất Vi

nhất quyết muốn ở tạm tại “dịch quán”. Học trò đành theo thầy. Tối hôm đó, Lã Bất Vi và Doanh Dị Nhân đến quán rượu Tây kinh, nơi mà trước đây Lã Bất Vi đã uống nửa lít rượu trắng hâm nóng và bỏng cả lưỡi, ăn hai đĩa lớn món “tam vị đại bổ” gồm óc bò, cật dê, dương vật ngựa.

Sau khi về dịch quán, tắm nước nóng sạch sẽ xong mới lên giường ngủ, cạnh giường là chậu than hồng được đun bằng hương liệu, mùi thơm bốc lên ngào ngạt, rất ấm. Doanh Dị Nhân ngủ say lúc nào không biết. Hôm sau, thức dậy Doanh Dị Nhân cảm thấy khỏe khoắn sảng khoái, vội mặc bộ áo da còn mới tinh, chải tóc xong liền sang thức dậy để sửa soạn vào cung sớm. Nào ngờ, khi thấy Doanh Dị Nhân, Lã Bất Vi liền nói ăn mặc như thế không được. Nói đoạn, ông ta lấy trong tủ ra một bộ trang phục nước Sở, gồm mũ nhẹ phương Nam, áo da hươu điểm trắng hoa mai và bó chặt người, giày cổ rộng và hơi cao, dây lưng da. Ông yêu cầu Doanh Dị Nhân mặc vào.

Doanh Dị Nhân có phần nào không hiểu, nên hỏi thầy:

– Học trò là người Tần, sao lại mặc theo kiểu của người Sở?

– Sao không nhớ rằng Hoa Dương phu nhân, người nhận công tử làm con trưởng ấy, chính là con gái yêu của hoàng gia nước Sở, và được gả làm chánh thất cho phụ thân công tử đấy? – Lã Bất Vi trả lời một cách nghiêm nghị.

– Đa tạ thầy đã chỉ bảo cho học trò chu đáo. Học trò quên khuấy mất.

Doanh Dị Nhân chấp hai tay cảm ơn thầy rồi thay trang phục. Sau đó, ngồi xe ngựa đi thẳng đến cửa hậu cung, đưa danh thiếp cho thị vệ xem. Quan thị vệ ở ngoài cung chuyển tấm danh thiếp vào trong, đi qua các cửa: ngoại khuyết, nội cấm, hậu uyển, đông cung, tầng tầng lớp lớp được canh gác cẩn mật, cuối cùng đến tay thái tử An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân. Hai người vui mừng khôn xiết, vội đi ra cửa đông cung để đón.

Xe ngựa dừng lại trước cửa hình vòm của tường vây đông cung, Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi xuống xe đi bộ đến cửa đông cung, bước lên tam cấp, đến trước mặt vợ chồng thái tử. Doanh Dị Nhân quỳ xuống, nói rất cung kính:

– Con rất bất hiếu, xa phụ mẫu đã lâu. Hôm nay được trở về cung, mới trọn được đạo làm con, xin phụ mẫu lượng thứ.

– Đã xa cách hai mươi năm, nay mới được về nhà. Con của ta quá gian nan khổ hạnh.

– Đường xá xa xôi, con của ta thật vất vả, nay đã về đây rồi, hãy mau đứng dậy.

Hoa Dương phu nhân và thái tử An Quốc Quân đều ra hiệu cho Doanh Dị Nhân đứng dậy và nói với Lã Bất Vi lúc ấy đang quỳ chào bên cạnh:

– Xin tiên sinh đứng dậy, vào trong nhà nói chuyện.

Khi đã yên vị, Doanh Dị Nhân kể lại tỉ mỉ với thái tử và Hoa Dương phu nhân về việc bị lôi lên đoạn đầu đài, rồi sau đó bị đưa vào nhà tử tù, trói lại chờ chém đầu; sau nhờ Lã Bất Vi và thái tử Đan can thiệp và lập mưu nên vượt ngục thành công, nay mới được sống lại và trở về nước, gặp mặt mẹ cha.

Vợ chồng thái tử quay sang Lã Bất Vi cảm ơn sâu sắc. Hai người nói rằng nhất định sẽ tuân theo chỉ dụ nhà vua, sẽ trọng dụng Lã Bất Vi. Đó vừa là để đền đáp sự quan tâm giúp đỡ của ông đối với Doanh Dị Nhân từ bấy lâu nay. Mặt khác cũng là để cất nhắc và sử dụng trí tuệ của ông, một con người đại tài về chính trị, có tầm lược, rất thức thời, biết ứng biến, giải quyết đoán, có tài hùng biện.

Điều làm cho Hoa Dương phu nhân vui mừng nhất là, sau khi mọi người ngồi vào chỗ, bà đưa mắt nhìn qua Doanh Dị Nhân đang ngồi gần bên cạnh, bỗng thấy Doanh Dị Nhân mặc một bộ trang phục nước Sở. Đúng, một bộ trang phục đúng kiểu nước Sở, chỉ dành cho các bậc danh sĩ cao quý. Bà cảm thấy rất quen thuộc thân thiết, bèn mỉm cười và hỏi Doanh Dị Nhân:

– Con ta sao biết ăn mặc như người Sở vậy?

Doanh Dị Nhân vội đứng dậy trả lời nghiêm túc:

– Từ lâu lòng con đã hướng về phu nhân. Từ khi được ban cho ngọc bội, con đã được

phu nhân nhận làm con. Nay biết mẹ là con cháu của hoàng gia nước Sở, cho nên ăn mặc trang phục người Sở để tỏ lòng tôn kính ân đức của mẹ.

– Nói hay lắm! Nói hay lắm! Lời nói ấy của con rất hợp lòng ta, cho thấy ta và con rất có duyên phận mẫu tử do trời ban cho. – Bà Hoa Dương vui quá đến nỗi rơm rớm nước mắt.

Thái tử An Quốc Quân mỉm cười và nói:

– May mà ngài Lã Bất Vi có con mắt nhìn người, hiểu được con ta và đã tác thành nhờ đó mới có chuyện mẹ nhận con và con về nước như ngày hôm nay.

– Tất cả đều do thái tử anh minh, phu nhân ân đức và công tử hiền thảo. Tiểu nhân chẳng qua chỉ xấu chỉ luôn kim, dựa vào duyên trời để tác thành (việc của con người) mà thôi. – Lã Bất Vi miệng nói rất khiêm nhường, nhưng trong lòng rất đắc chí, kiêu ngạo.

Tiếp đó là bàn về việc nhận con trưởng thừa tự. Lã Bất Vi nói:

– Con nuôi thừa kế tông miếu là phù hợp tục lệ cổ xưa, dù ở trong triều đình hay ngoài xã tắc, mọi người đều có thể làm như vậy. Nhưng việc nhận con thứ (con của thiếp sinh ra) làm con của chánh thất, và trở thành người kế vị ngôi vua thì chưa từng có. Vì vậy, cần tổ chức buổi lễ long trọng, có thông cáo nghiêm chỉnh. Như vậy mới danh chính ngôn thuận, nội ngoại đều phục.

Vợ chồng thái tử chấp nhận ý kiến đó, đồng ý sẽ tổ chức long trọng lễ thái tử và phu nhân nhận công tử Doanh Dị Nhân làm con trưởng, giống y như lễ sắc phong thái tử trước đây. Khi đang bàn về nghi thức buổi lễ này, Doanh Dị Nhân nêu ý kiến rằng, nên cho mẹ đẻ Hạ Cơ tham dự, nhưng An Quốc Quân phản đối. Ông nói:

– Người thiếp ấy đã phế bỏ từ lâu rồi, quan hệ mẫu tử không còn nữa. Hơn nữa, việc Doanh Dị Nhân làm con nuôi, không có quan hệ gì với mẹ đẻ, cho nên không cần để cho bà ấy dự lễ.

Doanh Dị Nhân là con người đã trải nghiệm nhiều khổ nạn, nên thương cảm sâu sắc với nỗi đau và sự khốn khổ của mẹ đẻ mình, nên quyết tâm nhân cơ hội này cứu giúp và an ủi mẹ. Doanh Dị Nhân quỳ xuống, khẩn cầu:

– Con được nhận làm con trưởng và được thừa tự, đó là ơn đức của phụ mẫu đã ban cho con. Nhưng mẹ đẻ không có con ^[37] thì không có ai thờ phụng hương khói sau này. Cây có cội, suối có nguồn, sao nỡ bỏ rơi. Phụng dưỡng cha mẹ là đạo làm con, muôn vạn lần xin được ân chuẩn.

Hoa Dương phu nhân cũng là con người nhân từ khoan hậu nên đã hết sức nói thêm; cuối cùng, thái tử cũng không cố chấp, đồng ý cho Hạ Cơ được dự lễ, nhưng chỉ cho ngồi ở một bên (giống như hiện nay chỉ dự thính). Cách đối xử đó, Doanh Dị Nhân vẫn cảm thấy thiệt thòi cho mẹ đẻ, nhưng Hạ Cơ thì cảm thấy rất vừa lòng. Hơn nữa, điều đó còn làm cho bà cảm thấy “khổ tận cam lai” ^[38], là bước ngoặt của số phận. Mặc dù cuộc đời chẳng còn dài, song có thể sống những năm còn lại để chịu hơn.

Lã Bất Vi là người đã cứu Doanh Dị Nhân thoát nạn, lại chấp nối để trở thành người kế vị thái tử, là ân nhân cứu mạng và là công thần, cho nên, nghiêm nhiên ^[39] trở thành người chủ trì buổi lễ. Ông chọn một ngày lành trong “hoàng đạo”, thành lập một đội thị vệ cầm long đao hình quạt sơn son thếp vàng và đội nhạc đi đầu; thái tử An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân ngồi trên xe ngựa chạm rồng đi từ từ; theo sát đó là xe có sơn hoa văn do bốn ngựa kéo chở Doanh Dị Nhân và Lã Bất Vi. Tiếp theo là xe có mui vải thô do hai ngựa kéo chở Hạ Cơ. Xe của một số đại thần công khanh đi sau cùng. Đội xe ngựa của hoàng gia này xuất phát từ hoàng cung, dạo qua các đường trong nội thành Hàm Dương, cuối cùng đến đền thờ họ Doanh (thái miếu) ở phía Đông đô thành. Theo nghi lễ, cúng tế tiên tổ, đầu tiên là thấp nền, nổi trống, dâng vật hy sinh ^[40]. Vợ chồng thái tử An Quốc Quân đứng ở hàng trên cùng. Doanh Dị Nhân theo sau. Hạ Cơ là thiếp, nhưng lại là mẹ đẻ, đứng ở bên cạnh. Lã Bất Vi chủ tế. Các đại thần quỳ hai hàng, một bên văn, một bên võ, ở phía dưới tam cấp. Sau khi dâng hương là bái lạy. Lã Bất Vi đọc bài văn tế tổ trong đó nói về việc vợ chồng thái tử An Quốc Quân nhận Doanh Dị Nhân làm con trưởng, thừa tự, và đọc cả thông cáo gửi toàn thiên hạ. Tiếp đó, thái tử An Quốc Quân tuyên đọc:

– Nay Doanh Dị Nhân đã trở thành con trưởng của đông cung, phu nhân Hoa Dương,

người chủ sự đông cung, là người nước Sở, nên đổi tên Dị Nhân thành Tử Sở. Từ nay, Tử Sở là người kế vị thái tử.

Tất cả các thành viên hoàng gia và các đại thần đều gập đầu bái lạy, bày tỏ thái độ hoàn toàn ủng hộ và chúc mừng. Hạ Cơ cũng cảm thấy vui mừng vì trút bỏ được cái nhục lâu nay canh cánh bên lòng vì cái tên Dị Nhân, cái tên được đặt ra có phần nào khinh rẻ.

Qua việc tế tổ và bố cáo thiên hạ, công tử Tử Sở được xác lập làm con trưởng thừa tự của vợ chồng thái tử đông cung [41]. Lã Bất Vi có công giúp đỡ công tử nên được tôn làm thầy của Tử Sở. Lại còn tham gia góp ý nhiều vào việc quan trọng của thái tử nên có vai trò quan trọng trong triều đình.

Trong và ngoài triều đình đều cho rằng cuộc lễ long trọng vừa qua của hoàng gia, là sự mặc nhiên thừa nhận nét na hiền thực của Hạ Cơ và lòng hiếu thảo của Tử Sở. Nhờ Hoa Dương phu nhân là người nhân đức, sống có tình nghĩa, nên công tử mới trở thành con trưởng thừa tự ngôi thái tử và Hạ Cơ được đông tình và giúp đỡ để thay đổi cuộc đời. Mặc dù thái tử vẫn ngần ngại và giữ thái độ lạnh nhạt với Hạ Cơ, nhưng cũng để mặc cho bà Hoa Dương và Tử Sở cải thiện thực trạng của Hạ Cơ. Đưa bà ra khỏi cấm cung để đến ở tại cung của các thê thiếp khác. Tại đó, Hạ Cơ có người hầu, và Tử Sở có thể lui tới thăm nom, thể hiện tình mẫu tử và đạo hiếu làm con. Trong một buổi tối, hai mẹ con gặp nhau, Hạ Cơ vuốt tóc con và hát (dịch ý):

◆ Năm nào con đi, ta vào cung cấm.

Nay con vinh hiển đến thăm mẹ già.

Tiếng đàn đã đục, sắc đã tàn phai.

Mẫu tử tình thâm, uẩn khúc lòng ta.

Tử Sở cũng hát để đáp lại, thổ lộ tình yêu thương đối với mẹ đẻ (dịch ý):

Năm nào xa mẹ, con phải ra đi,

Như giun như dế. Nay ngẩng cao đầu.

Ở hiền gặp lành, chữ hiếu cao sâu.

Tình nghĩa mẹ con, đạo trời còn mãi.

Cuộc đời đầy khổ nạn và lòng hiếu thảo đã làm cho Tử Sở trở thành một vị minh quân tương đối nhân hậu, khoan dung thuộc thể hệ quân chủ nhà Tần.

Trong khi đó, tại Hàm Đan, tuy cùng chung một ánh trăng với Hàm Dương, nhưng bầu không khí hoàn toàn khác hẳn. Ở đây chẳng có một chút bình yên nào. Quân Tần thì tấn công dữ dội, quân Triệu liều chết chống trả, thương vong nặng nề, lòng người hoảng loạn. Tướng Lý Đồng nêu ý kiến với thừa tướng Bình Nguyên Quân rằng, trong khi quân dân thì liều chết tử chiến chống quân Tần, hoàng gia và các phủ đệ vẫn ăn chơi xa hoa hưởng lạc, làm sao mà dân chúng có thể phấn khởi tác chiến được! Và đề nghị Bình Nguyên Quân nên đưa người trong gia đình tham chiến, đưa tài sản sung vào quân đội. Như vậy, binh sĩ và dân chúng nhất định sẽ hăng hái, anh dũng diệt địch. Bình Nguyên Quân nghe lời Lý Đồng, đưa vợ con và tất cả gia quyến vào quân đội; đưa toàn bộ tài sản gồm vàng bạc châu báu... dùng vào việc sản xuất vũ khí, trang bị và hậu cần. Lão tướng Liêm Pha nghe tin này vội kêu gọi ba quân đề cao khí thế, xông thẳng vào tập kích quân Tần liên tục mấy ngày liền, đánh cho quân Tần bị thương vong rất lớn, phải rút ra xa ba mươi dặm. Lý Đồng anh dũng tác chiến, luôn luôn đi đầu, làm gương cho binh sĩ, đã hy sinh vẻ vang. Bình Nguyên Quân cho làm tang trọng thể để biểu dương lòng trung nghĩa của ông. Nhờ có tinh thần quyết chiến kiên cường của quân Triệu, nên Hàm Đan tạm thời trụ vững.

Vua quan nước Triệu hiểu rõ rằng lực lượng của mình quá yếu kém xa so với quân Tần, nhưng không thể cứ ngồi chờ chết. Vì vậy, Bình Nguyên Quân viết thư cho em vợ mình là công tử Vô Kỵ nước Ngụy, cầu cứu nước Ngụy đưa quân cứu Triệu. Mặt khác, Bình Nguyên Quân đích thân sang gặp vua Khảo Liệt nước Sở, khẩn cầu vua Sở hợp lực với Triệu đánh lui quân Tần. Khi lựa chọn hai mươi người tùy tùng để cùng đi sang nước Sở, duyệt đi duyệt lại mãi, chỉ chọn được mười chín người. Đang lúc phân vân thì có một môn khách [42] tên là Mao Toại, xung phong nhận làm nhân viên tùy tùng thứ hai mươi. Bình Nguyên

Quân nhận thấy người môn khách này đã ăn ở ở đây ba năm, chưa thấy có biểu hiện gì về tài năng, phân vân không biết Mao Toại có thể đủ “văn thao vũ lược” [43] để đi ra ngoài làm ngoại giao không. Mao Toại nói rằng: “Hôm nay môn đệ mới xin ngài, nếu như ngài sớm bỏ môn đệ vào cái túi da của ngài, thì cái túi nhọn của môn đệ đã chọc thủng cái túi ấy từ lâu rồi”. Lúc này Bình Nguyên Quân mới tuyển Mao Toại vào đoàn tùy tùng sang Sở xin cứu viện. Đến Sở, trong những ngày chờ đợi vua Sở tiếp, Mao Toại chuyện trò với mọi người về việc làm một sứ giả thì cần có tài trí và sách lược ngoại giao gì, mười chín người kia đều rất bài phục Mao Toại.

Phải khó khăn lắm mới được vua Khảo Liệt cho vào tiếp kiến, nhưng khi Bình Nguyên Quân đưa ra đề nghị “hợp tung” [44], tức là hợp lại để chống Tần, thì ông vua một nước lớn như nước Sở lại tỏ ra sợ Tần như sợ hổ beo. Ông ta ngồi nghe từ sáng tới trưa, cứ chần chừ do dự, chẳng nói rõ ý định của mình như thế nào. Các sứ giả của Triệu rất bực mình, mười chín người kia nói với Mao Toại rằng, giờ là lúc anh nên ra tay rồi đó. Nghe vậy, Mao Toại bèn đứng dậy, cầm lấy đốc kiếm, bước một bước mấy bậc tam cấp liền, đến hỏi Bình Nguyên Quân rằng, “Hợp tung” là một chủ trương rất rõ ràng, đúng đắn; chỉ vài ba chữ là xác định được, tại sao lòng nhùng nhậm mãi đến trưa rồi vẫn chưa đi đến đâu cả?

Vua Khảo Liệt đang lúc rất bí, chưa biết ứng phó thế nào, bèn nhân chuyện này đổ mọi tức giận lên đầu Mao Toại, khiển trách anh ta tìm cách đánh trống lảng. Không chờ Bình Nguyên Quân đứng ra hòa giải, Mao Toại bước gần tới chỗ vua Sở, cầm đốc kiếm giận dữ nói rằng: “Sở dĩ đại vương hết mắng tôi, chẳng qua cũng chỉ là dựa vào cái thế đông người mà thôi. Bây giờ ngài và tôi chỉ cách nhau không đầy mười thước, người nước Sở dù có đông mấy cũng chẳng ăn thua gì, tính mạng của ngài đang nằm trong tay tôi”. Vua Sở sợ hết vía, bèn tỏ ý muốn nghe cao kiến của anh ta.

Thấy vậy, Mao Toại bèn nói: “Ngày xưa vua Thành Thang lấy bảy mươi dặm đất mà làm vua thiên hạ [45], vua Văn Vương lấy một trăm dặm thì các chư hầu đều thần phục [46L]. Thế mới biết việc đánh thắng kẻ địch không phải là do người nhiều hay ít, mà là do biết lợi dụng tình thế để phát huy chỗ mạnh của mình. Nước Sở rộng tới năm nghìn dặm, có cả trăm vạn quân lính, thế mà bị Bạch Khởi của Tần dựa một đội quân nhỏ nhoi mấy vạn tên, chỉ đánh một trận mà chiếm được hai thành lớn là Yên và Dĩnh; đánh trận thứ hai thì đốt cháy Di Lăng. Đánh đến trận thứ ba thì chửi mắng tiên vương của các ngài rất thậm tệ. Đó là những lúc mà nước Triệu chúng tôi cảm thấy rất khó chịu, không hề chấp nhận được. Vì vậy, “hợp tung” là vì nước Sở, các ngài không hiểu điều đó, nên chúng tôi phải nói ra, vậy có sao ngài lại quở mắng quân chủ chúng tôi?”

Sau khi nghe Mao Toại nghiêm khắc chỉ trích, vua Sở đành phải hứa sẽ đứng ra làm “trưởng liên minh hợp tung” (nguyên văn: “tung ước trưởng”). Tiếp đó, Mao Toại còn ép vua Sở chích máu ăn thề, và sau khi Bình Nguyên Quân chích máu, bản thân anh ta và mười chín tùy tùng đều chích máu ăn thề. Nhờ “hợp tung”, nên nước Sở đã sai Hoàng Yết (Xuân Thân Quân) đem tám vạn quân cứu Triệu. Từ đó câu chuyện “Mao Toại tỵ tiến” [47] trở thành một giai thoại [48] được lưu truyền mãi về sau.

Sau chuyến đi sang Sở này, Bình Nguyên Quân thu hoạch được rất lớn, vì nhờ có Mao Toại mà thực thi được chiến lược “hợp tung”, được nước Sở giúp đỡ về quân sự. Qua đó, phát hiện Mao Toại trí dũng song toàn, từ đó đã thay đổi kiểu nhìn người chỉ dựa theo vẻ mặt bên ngoài. Tuy nhiên, đạo quân nước Ngụy mà ông tưởng rằng cứ gọi là đến ngay thì chờ mãi chẳng thấy. Bình Nguyên Quân cứ tưởng rằng, mình lấy em gái vua An Ly nước Ngụy, quan hệ gần gũi vậy thì viết vài lá thư là sẽ có viện binh đến giúp. Nhưng sự đời đâu có dễ thế. Vì vua An Ly của Ngụy là một “thiên tử thời bình”, tính tình lại nhu nhược, sau khi nhận được thư của Bình Nguyên Quân, An Ly cũng đã sai đại tướng Tấn Bỉ đưa mười vạn quân đi cứu Triệu. Nhưng sau khi nghe nói nước Triệu đòi hỏi nước đi cứu phải ra thông cáo tấn công trước, An Ly sợ quá, bèn cho kỵ binh chạy suốt một đêm đuổi theo Tấn Bỉ, bảo đóng quân “án binh bất động” tại đất Nghiệp (nay thuộc địa phận tỉnh Hà Nam). Trong khi đó, đạo quân nước Sở do Hoàng Yết chỉ huy cũng thấy chỉ có một mình nước Sở đến giúp Triệu, lực lượng rất mỏng, nên cũng đóng quân dừng lại ở Vũ Quan (nay thuộc địa phận tỉnh Thiểm Tây) để nghe ngóng. Vậy là thành Hàm Đan vẫn chơ vơ nguy ngập!

Công tử Vô Kỵ (Tín Lăng Quân) của nước Ngụy là em trai của vua An Ly, cũng tức là em vợ của Bình Nguyên Quân. Khi Vô Kỵ nhận được bức thư của Bình Nguyên Quân yêu cầu

khẩn cấp cứu viện, đã khuyên và đốc thúc anh mình (vua An Ly) sai Tấn Bửu đưa quân đi giúp Triệu. Nhưng nay Tấn Bửu phụng chỉ dừng quân, Vô Kỵ cũng đành bó tay. Bình Nguyên Quân sai sứ thần sang Ngụy, xin yết kiến công tử Vô Kỵ theo nghi thức ngoại giao. Sứ thần khẩn thiết cầu cứu, nói rằng sở dĩ Bình Nguyên Quân kết duyên với quý quốc là vì ngưỡng mộ công tử có tình nghĩa cao thượng, sẵn sàng cứu người khỏi cơn nguy nan. Nay nguy cơ của Hàm Đan đang tính từng ngày, vậy mà đạo quân cứu viện của Ngụy chẳng thấy đâu, vậy làm sao có thể chúng tỏ công tử Vô Kỵ là người nêu cao đạo nghĩa cứu người hoạn nạn đây? Cho dù công tử có khinh thường Bình Nguyên Quân, bỏ mặc cho quân Tần tàn bạo đánh bại, nhưng chẳng lẽ công tử lại chẳng thương tiếc gì người chị của mình? Tín Lăng Quân (Vô Kỵ) rất đau đớn trong lòng, nhưng cũng rất khó xử. Ông lại liên tiếp khuyên can vua Ngụy. Các thượng khách của hoàng gia và các biện sĩ (thuyết khách) đều phân tích lợi hại và can gián vua Ngụy. Nhưng vua An Ly vẫn không nghe, vì quá sợ nước Tần.

Tín Lăng Quân thấy mình không thể tham sống sợ chết, để mặc cho nước Triệu bị tiêu diệt. Nghĩ vậy, bèn cùng với mấy nghìn môn khách của mình, huy động hơn một trăm cỗ chiến xa, hùng dũng đi cứu Triệu, kể vai sát cánh với Bình Nguyên Quân, huyết chiến đến cùng với quân Tần.

Khi đoàn quân của Tín Lăng Quân đi qua Di Môn, gặp Hầu Doanh là quan canh cửa Di Môn. Tín Lăng Quân vốn rất thân thiết với Hầu Doanh nên đã nói cho ông này biết mình sắp đi tử chiến với quân Tần, và lần này là từ biệt Hầu Doanh. Nghe vậy, Hầu Doanh nói rằng: “Xin Tín Lăng Quân hãy tự lo liệu lấy, tôi đã cao tuổi rồi, không thể đi theo Tín Lăng Quân được nữa”.

Tín Lăng Quân đưa đoàn quân đi được mấy dặm, trong lòng rất buồn, tự than thân trách phận rằng mình đối xử với Hầu Doanh rất tốt, cả nước ai cũng biết; vậy mà nay mình sắp tử chiến nơi xa trường, ông lại không nói với mình một lời từ biệt, chẳng phải là lúc bình thường mình có điều gì không phải với ông? Nghĩ vậy, Tín Lăng Quân quay lại hỏi Hầu Doanh cho ra nhẽ. Hầu Doanh cười, nói: “Tôi đoán rằng công tử hẳn sẽ quay lại. Thưa công tử Vô Kỵ, đức khiêm nhường của ngài đối với các bậc hiền tài, học sĩ, là tiếng thơm mà toàn thiên hạ đều biết. Nay có người gặp tai họa, ngài đi liều chết với quân Tần, khác nào đem môi cho hổ dữ, chẳng phải là uống công vô ích đó sao? Nhưng ngài vẫn đến từ biệt lão phu này, ngài thật là rất tốt với lão phu, nhưng lão phu lại không tiễn chân ngài vài bước, lão phu biết rằng ngài sẽ tức giận và nhất định sẽ quay lại”.

Công tử Vô Kỵ một lần nữa xin lỗi và xin Hầu Doanh chỉ giáo. Hầu Doanh vội đưa Vô Kỵ đi riêng ra một chỗ và nói nhỏ với ông: “Lão phu biết cái “hồ phù” do tướng Tấn Bửu dùng để chỉ huy quân đội, có một nửa được cất giấu trong phòng ngủ của vua An Ly, và Như Cơ là vợ yêu của ngài, được tự do ra vào phòng ấy, Như Cơ nhất định có thể lấy được tấm hồ phù^[49] ấy”.

Công tử Vô Kỵ cho rằng đây là một biện pháp hay, nhưng lo rằng liệu Như Cơ có gan làm chuyện đó hay không? Hầu Doanh nói kiên quyết rằng: “Cha Như Cơ bị người ta giết chết, Như Cơ dành dụm trong ba năm được một số tiền lớn, đem số tiền đó nhờ các hoàng thân và dũng sĩ của vua Ngụy trả thù cho cha, nhưng không thành. Như Cơ từng khóc lóc kêu van ngài, nên ngài đã cử môn khách của mình chặt đầu kẻ giết người và giao cho Như Cơ. Vì vậy, Như Cơ nhất định phải trả cái ơn đó của ngài. Chắc chắn là Như Cơ không bao giờ chối từ, chẳng qua là chưa có dịp nào mà thôi. Nay nếu ngài khẩn khoản yêu cầu Như Cơ, chắc chắn sẽ được đền đáp. Nhất định sẽ lấy trộm được tấm hồ phù đó và dùng nó để nắm lấy quyền chỉ huy quân đội từ tay Tấn Bửu. Ngài sẽ giương cao ngọn cờ cứu viện nước Triệu, đánh bại quân Tần, lập nên chiến công hiển hách kém gì Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công trong năm cường quốc xung bá thời Xuân Thu vậy”.

Quả đúng là Như Cơ không bao giờ quên ơn công tử Vô Kỵ đã trả thù cho cha mình. Nàng khắc cốt ghi tâm việc làm nhân nghĩa đó của Vô Kỵ và luôn luôn nghĩ rằng mình phải đền ơn báo đáp. Vì vậy, khi thấy Vô Kỵ đến nhờ cậy, Như Cơ lập tức nhận lời, nói rằng sẽ liều mình lấy cho được hồ phù, dù phải đắc tội đại hình, chỉ nhằm giúp Tín Lăng Quân giành được quyền chỉ huy quân lính, cấp tốc cứu viện nước Triệu.

Lịch sử ghi chép rằng, lúc bấy giờ là vào thời kỳ cuối của thời Đông Chu, các nước chư hầu thôn tính lẫn nhau, chiến tranh liên miên. Vì vậy các vua chúa phải luôn luôn cảnh

giác, lúc nào cũng lo nghĩ về chiến sự, đến nỗi phòng ngủ của nhà vua biến thành nơi cơ mật để bàn về việc quân. Những hiện vật cơ mật nhất như thông điệp chiến tranh, binh phù (hồ phù)... đều được cất giấu ở đó. Như Cơ là ái phi rất được vua An Ly chiều chuộng, được tự do ra vào phòng ngủ của vua-, nhưng ngoài việc mua vui cho nhà vua, Như Cơ chưa bao giờ dám để ý hoặc dòm ngó đến các văn bản tấu trình, chưa hề biết cái hồ phù kinh khủng ấy để ở đâu, cho nên không dám làm bừa, trong lòng rất lo lắng. Sau khi suy nghĩ rất kỹ, Như Cơ quyết định chia làm hai bước, bước thứ nhất là tìm cho ra chỗ cất hồ phù, sau đó là tìm cách lấy cho được tấm hồ phù đó một cách kín đáo nhất.

Vào giờ Ty ^[50] ngày hôm sau, vua An Ly vừa dùng cơm sáng xong, đang phê duyệt các bản tấu, bỗng thấy Như Cơ bước nhanh vào phòng, vẻ mặt lo lắng điều gì, nhà vua liền hỏi, giọng rất thông cảm:

- Sao ái phi ăn mặc xộc xệch như vậy và lại gấp gáp như thế?

- Thưa, sáng nay thần thiếp chải tóc, bỗng thấy mất bông hoa cài tóc bằng ngọc xanh có hoa văn màu hồng, nhân trắng, thần thiếp tìm mãi khắp nơi không thấy, nên vội đến xem có quên ở đây hay không? - Như Cơ bẩm tấu vua Ngụy, với vẻ rất cung kính nhưng rất sốt ruột.

Vua Ngụy rất lơ đãng, chẳng coi chuyện đó là gì, chỉ nói với Như Cơ:

- Cái bông hoa bé xíu ấy đáng giá bao nhiêu, mất rồi thì thôi, ta sẽ cho một cái khác là được chứ gì?

Như Cơ nói rất nghiêm nghị:

- Được đại vương rộng lòng như thế, thiếp chẳng bỏ công đi tìm nữa, nhưng vẫn rất tiếc vì đó là viên ngọc có ba sắc: xanh, hồng và trắng, bây giờ rất hiếm. Hơn nữa, bông ngọc cài tóc ấy là của đại vương ban cho thiếp để làm "vật tín hiệu" ("tín vật"), nay để mất, chẳng phải đã phụ lòng ân sủng của đại vương đó sao? Vì vậy, cho dù đại vương quên nó đi, thần thiếp cũng phải tìm cho ra, để tỏ lòng tôn kính và yêu quý đại vương!

Vua An Ly thấy Như Cơ kính trọng và gắn bó với mình như vậy, cảm thấy vui sướng lắm, bèn xoa tay nói:

- Ái phi đã chung tình với viên ngọc đó như vậy, thôi thì cứ tìm đi?

Một lần nữa Như Cơ bái lạy vua Ngụy, sau đó, bắt đầu tìm kiếm, từ giường của vua, đến mấy cái bàn, giá sách. Vừa tìm vừa lẩm bẩm rằng, hôm trước ngồi ở đây để hầu đại vương, sau đại vương sai đi lấy văn bản cho người, rồi rót rượu dâng rượu, đến khuya mới lên giường hầu vui, không biết bông hoa ngọc ấy rơi lúc nào ở đâu, thật khó quá! Vua Ngụy cười nàng cứ hay tự trách mình làm gì, chỉ cần cố gắng kiên nhẫn một chút là được. Nói xong cúi gằm xuống xem các văn bản tấu trình, chẳng thèm để ý đến gì nữa.

Như Cơ thấy An Ly không hề nghi ngờ mình, và cũng không chút phòng ngừa, bèn lật xem rất kỹ những văn bản cơ mật được xếp trên giá sách, lật mãi mới thấy tấm "hồ phù" nằm kẹp trong một tập khâm mệnh thánh chỉ. Vừa vui vừa sợ, Như Cơ thấy lúc này là lúc phải hết sức thận trọng, bèn quay lưng về phía vua Ngụy để che khuất tầm nhìn của ông, một tay khẽ nâng tập văn bản bằng tre lên, một tay rút nhanh tấm hồ phù ra. Khi nàng dứt nhanh tấm hồ phù ấy vào ống tay áo, không ngờ làm quá gấp nên chạm vào tập văn bản vừa mới đặt vào chỗ cũ gây nên tiếng kêu lác rác, lác rác, rồi mấy bản rơi xuống. Vua An Ly nghe thấy tiếng động bỗng quay mặt đưa mắt liếc nhìn và hỏi:

- Thế nào, nàng tìm đến cả tập văn bản cơ mật đó sao?

Như Cơ giật mình kinh hãi, nhưng đã nhanh trí rút ngay ở trong ống áo ra một bông hoa cài tóc khác, cũng bằng ngọc, được dự phòng từ trước để dùng lúc cần, vừa mỉm cười vừa nói:

- Thật là nhiều khê, thiếp đã tìm thấy cái "vật làm tín hiệu" do đại vương ban cho ở chính chỗ này. Ở hiền gặp lành mà ^[51].

Vua Ngụy có chút khó hiểu, bèn hỏi:

- Bông hoa ngọc ấy cài trên mái tóc của nàng, lẽ ra sẽ rơi xuống giường khi hai ta

quyện vào nhau, sao lại nằm ở chỗ ấy?

– Có thể là trước khi lên giường, lúc hầu đại vương xem các bản tấu, thiếp có đến lấy các văn bản ở đây, vì không cẩn thận nên để rơi nó ở đây. Thế mà cứ tìm kiếm mãi, may mà ông trời phù hộ, nên mới không phụ ơn thánh thượng.

Trong lúc nguy cấp, con người ta thường nảy ra sáng kiến. Như Cơ đã đáp lại, nói cứ trợn tru như cháo chảy, lại rất có lý có tình. Sau đó, liền cúi nhặt những văn bản rơi xuống đất, đặt vào chỗ cũ, rồi rút một văn bản ở một chỗ khác, đút vào chỗ của cái “hồ phù”, lấp chỗ trống, xóa mọi dấu vết!

Vua Ngụy thấy Như Cơ đã tìm được báu vật, công việc xét duyệt các văn bản cũng tạm tạm, bèn gọi Như Cơ lại để chung vui chăn gối. Lúc ấy, Như Cơ đã lấy được hồ phù, chỉ muốn chạy thật nhanh đến đưa cho ân nhân của mình là công tử Vô Ky, nhưng An Ly nhất thiết muốn giữ nàng lại. Như Cơ phải tìm cách thoái thác:

– Nay của đánh mất đã tìm lại được, thiếp phải sửa sang lại quần áo và trang điểm để hầu đại vương cho thật chu đáo. Xin cho phép thần thiếp được về phòng chút xíu rồi quay lại cũng còn kịp ạ.

Chẳng ngờ vua Ngụy có vẻ như không thể chờ đợi được nữa, cầm lấy tay Như Cơ, vừa mỉm cười vừa nói:

– Nàng có khác gì Tây Thi, trúc xinh trúc đứng đầu đình cũng xinh [52], thôi, khỏi phải trang điểm gì nữa!

Như Cơ rất sợ, nếu cứ dùng dằng mãi sẽ để lộ vết tích, nên đành phải ở lại, nhưng tương kế tựu kế, nàng chỉ ngồi xuống cùng hầu cơm trưa với nhà vua. Trong khi ăn, nàng chúc rượu liên tục, dâng đồ nhắm, cười đùa vui vẻ để làm đẹp lòng nhà vua. Vua An Ly không từ chối bất cứ một ly rượu nào do người đẹp dâng lên tận miệng nên say mềm. Lúc này, Như Cơ bèn gọi bọn hoạn quan và cung phi đến, vực nhà vua lên giường và căn dặn bọn họ phải hết sức săn sóc thánh thượng. Sau đó đi về ngay phòng mình. Theo lời hẹn riêng từ hôm qua, Tín Lăng Quân đã chờ ở đây từ lâu, với lý do đến để nhờ “ái thiếp” của nhà vua đưa một bản tấu trình. Khi thấy Như Cơ quay về, Tín Lăng Quân vội bước lên chào, giả vờ hỏi rằng có thể xin gặp đại vương được hay không. Như Cơ biết ý, bèn đáp rất tự nhiên rằng thánh thượng đã choáng hơi men nên đang ngủ say, có việc gì gấp xin chờ buổi chiều sáng mai sẽ dâng bản tấu. Trong lúc đang nói, thì rút nhanh “hồ phù” từ trong ống tay áo và đưa cho Tín Lăng Quân. Tín Lăng Quân đã có chuẩn bị từ trước, chỉ trong nháy mắt nhận ngay lấy hồ phù rồi cúi đầu lui nhanh ra ngoài.

Khi ra khỏi cung, Tín Lăng Quân phi ngựa theo hướng đã định. Lúc này, Tín Lăng Quân nhớ Hầu Doanh có dặn rằng các tướng lĩnh chỉ huy ngoài mặt trận có thể không theo lệnh quan. Nay dù đưa hai mảnh hồ phù ra đối chiếu khớp nhau, nhưng ngộ nhờ Tấn Bĩ không chịu trao lại binh quyền, hơn nữa, có thể ông ta lại tấu xin ý kiến chỉ dụ của nhà vua, thì sự việc sẽ bại lộ. Nhưng Hầu Doanh đã giới thiệu cho Vô Ky một lực sĩ tên là Chu Hối. Chu Hối sẽ đi theo Vô Ky. Nếu Tấn Bĩ trao lại quyền binh thì tốt. Nếu không trao, Chu Hối sẽ giáng cho ông ta một chùy chết tươi. Không ngờ công tử Vô Ky khóc nức nở! Hầu Doanh tưởng công tử sắp vào trận, sợ chết nên khóc. Nhưng công tử nói:

– Tấn Bĩ là một lão tướng nóng nảy hay cáu; tôi nghĩ rằng ông ta sẽ không nghe tôi, như vậy không thể không giết ông ta. Mà giết thì rất đáng thương, tôi thương khóc ông ta.

Chu Hối nói với công tử:

– Tôi chỉ là một người làm nghề đồ tể kiếm sống. Ngài đã từng đến chỗ tôi mua thịt nhiều lần, ngài tỏ ra rất tốt đối với tôi, làm cho tôi rất cảm kích, tôi cứ nghĩ rằng nếu tôi có đền đáp thì cũng là việc quá nhỏ bé, chẳng có giá trị gì. Nay công tử có việc khẩn cấp, đó chính là lúc mà tôi có thể đền đáp lại ngài.

Công tử Vô Ky bèn dắt tay Chu Hối cảm ơn Hầu Doanh. Hầu Doanh nói:

– Lẽ ra tôi phải đi theo công tử, nhưng tôi đã già rồi, không thể đi được nữa. Tôi ở đây sẽ tính toán thời gian của công tử, khi nào công tử đến bản doanh của Tấn Bĩ, tôi sẽ quay nhìn về hướng Bắc và tự kết liễu đời mình bằng lưỡi kiếm này, để đền đáp lại sự đối xử rất tốt của công tử đối với tôi.

Sau khi chào Hu Doanh, Vô Ky cho ngựa chạy nhanh về hướng Nghiệp Hạ, gặp Tấn Bỉ. Vô Ky tay cầm hồ phù, miệng giả truyền chỉ dụ của vua Triệu: tước bỏ binh quyền của Tấn Bỉ. Tấn Bỉ đón lấy hồ phù, ghép hai mảnh với nhau, nhìn kỹ trên dưới phải trái mặt trước mặt sau (hồ phù thời cổ thường làm bằng một mảnh tre dày đặc, lớn. Một đầu có khắc đầu con hổ. Phía dưới đầu con hổ, khắc lệnh của nhà vua trao quyền chỉ huy quân đội. Sau đó, chẻ làm đôi, hai miếng cân nhau. Khi giao quyền cho ai, nhà vua và người được giao quyền, mỗi bên giữ một nửa. Lúc cần thiết, có thể đem hai mảnh ghép lại, nếu khít là thật, không khít là giả (nguyên văn: “hợp” là thật, không “hợp” là giả. Chúng tôi dịch “hợp” là khít. Vì vậy, có câu thành ngữ “nhược hợp phù tiết”^[53] có nghĩa là các bằng chứng rất hợp với nhau không hề có sai sót. Trạng từ “phù hợp” hiện đại, cũng xuất xứ từ đó).

Lúc ấy, Tấn Bỉ áp hai nửa hồ phù vào nhau, thấy rất là khít, nhưng cho rằng hồ phù là thật, còn người cầm hồ phù là giả. Nghĩ vậy, Tấn Bỉ chỉ tay vào công tử Vô Ky nói rằng:

– Tôi dẫn mười vạn quân chốt giữ ở biên cương, đó là trọng trách của đất nước trao cho. Nay chỉ căn cứ vào mấy cỗ xe này của ngài để thay thế tôi, đó là việc gì vậy?

Tấn Bỉ kiên quyết không trao binh quyền. Thấy vậy, Chu Hợi rút cái chùy lớn nặng bốn mươi cân (20kg) ở trong ống tay áo ra, đánh một đòn khiến Tấn Bỉ chết tươi. Công tử Vô Ky giờ cao hồ phù, nói lớn:

– Tấn Bỉ chống lại lệnh vua nên phải xử tội chết. – Rồi ông nói với ba quân^[54]: – Ai có cha và con ở trong quân đội thì cha được về nhà. Anh em ở trong quân đội thì anh được về nhà. Ai là con một, cũng được về để phụng dưỡng cha mẹ.

Mệnh lệnh đó được ba quân hết sức ủng hộ. Công tử Vô Ky lựa chọn tám vạn tinh binh, đều là những binh sĩ có tinh thần tác chiến cao, quyết tâm chống lại quân Tần.

Lúc ấy, tại thành Hàm Đan của nước Triệu, quân Tần đã tấn công lâu ngày, binh sĩ hết sức mệt mỏi. Quân tiếp viện của Vô Ky đến ứng cứu rất đột ngột, mau lẹ, khiến cho quân Tần trở tay không kịp. Trong khi đó, Bình Nguyên Quân và lão tướng Liêm Pha của Triệu từ trong thành đánh mạnh ra. Quân Tần bị đánh từ hai phía, thất bại thảm hại, thương vong hơn một nửa. Vua Tần Chiêu Vương buộc phải hạ lệnh rút quân. Đến đây, thành Hàm Đan được giải phóng sau bốn năm bị vây hãm. Lúc ấy, một đơn vị hai vạn quân Tần do tướng Trịnh An Bình chỉ huy đến cứu viện, cũng bị quân Ngụy cắt đứt đường rút lui, nên tiến thoái lưỡng nan, cuối cùng phải đầu hàng.

Trận Hàm Đan này được kết thúc bằng thất bại thảm hại rất hiếm thấy của quân đội nhà Tần thường võ ngược là “đội quân luôn luôn chiến thắng” (“thường thắng quân”). Điều quyết định thắng bại của trận đánh là do Như Cơ “trộm hồ phù cứu nước Triệu”^[55]. Câu chuyện này trở thành giai thoại truyền tụng ngàn đời.

HỒI THỨ SÁU

BỀ TÔI PHÒ VUA, TRẢI BAO VINH NHỤC CON NỘI NGÔI CHA, GIAN NAN THỬ THÁCH

Năm ấy, Tần Chiêu Vương ngự giá thân chinh, ngạo mạn khinh đời, huyênh hoang rằng chỉ đánh một trận là hạ được thành Hàm Đan, tiêu diệt nước Triệu, nhưng rốt cuộc đã bị quân của Ngụy và Triệu đánh giáp công và đại bại, thương vong trên một nửa tướng sĩ. Đó thật sự là một đòn nặng nề giáng vào đã tâm bành trướng quân sự của vua Tần. Nhưng sức mạnh của tính hiếu thắng đã nâng đỡ ông ta; cái thói hay làm bộ làm tịch đã che giấu nỗi đau trong lòng nhà vua già. Trên con đường rồng rã mười mấy ngày từ Hàm Đan về Hàm Dương, Tần Chiêu Vương không bao giờ ngừng suy nghĩ để tìm một cách thức như thế nào nhằm ứng phó với sự nghênh đón và chiêm ngưỡng của thần dân Hàm Dương đối với đức vua. Tuy đã rất lao tâm khổ tứ, nhưng vẫn nghĩ không ra, bởi vì nhà vua chưa hình dung được mọi người sẽ đón tiếp mình như thế nào.

Nhưng khi cỗ “ngự xa” của nhà vua tiến dần đến dịch quán ở phía Đông Hàm Dương, thì cảnh tượng đập vào mắt ngài đã xua tan mọi âu lo của ngài. Nhà vua vui mừng ra mặt. Lần này trở về, nhà vua không muốn thấy khung cảnh tung bừng náo nhiệt chào đón thường thấy như từ trước đến nay, vì nếu vậy thì sẽ biến thành sự chế giễu đối với thảm bại vừa qua. Nhưng đức vua cũng không muốn nhìn thấy cảnh tượng buồn tẻ và vắng lặng, nếu vậy thì đó lại là quá lạnh nhạt đối với bốn năm chinh chiến uổng công, của ngài. Trước mắt nhà vua không phải sự phô trương cường điệu cũng không phải là những khuôn mặt rử rượi ưu phiền. Ngài chỉ thấy một cỗ “xa giá” mà ngài vẫn dùng thường ngày đang chờ ngài; lá cờ thêu rồng phượng và nhật nguyệt có viền lượn sáng đang phất phới bay trước gió; đội kiêu binh tay cầm long đao đứng nghiêm kính cẩn đón chào. Người ra đón chỉ có một số ít đại thần văn võ quan trọng gồm Phạm Thư, Đỗ Thương, Mông Ngao, Trương Đường, không phải là toàn bộ triều đình đều ra nghênh đón. Người của hoàng gia cũng không phải tất cả thê thiếp, cung phi đều có mặt, mà chỉ có một số người trong đông cung và một số nhân vật thân cận của hoàng gia. Tất cả do thái tử An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân dẫn đầu. Nhưng người mà vị vua cao niên này chú ý nhiều nhất là Tử Sở và Lã Bất Vi đứng bên cạnh công tử. Tần Chiêu Vương đã chuẩn bị tinh thần từ trước, nên ngài ngẩng cao đầu mặt mày hơn hở, từ trên cỗ chiến xa từ từ bước xuống.

Vợ chồng thái tử và mọi người trong hoàng gia quỳ rạp xuống bên phải để bái chào đại vương. Thái tử nói:

– Nhi thần đưa phi tần, vương tôn đông cung và hoàng gia cung kính nghênh đón phụ vương thánh giá! ^[56]

– Chúng thần cung kính nghênh đón đại vương thánh giá.

Các đại thần do Phạm Thư dẫn đầu đứng một hàng bên trái, cứ phủ phục xuống đất.

Nét mặt nhà vua tươi cười rạng rỡ:

– Tất cả bình thân. – Nhà vua nói.

– Cảm tạ phụ vương!

– Cảm tạ ân điển đại vương!

Hai hàng người quỳ ở hai bên lóp ngóp đứng dậy; nhưng bỗng tất cả lại đồng thanh:

– Đại vương chinh chiến nhiều năm, hết sức gian nan vất vả! Có vẻ như việc nghênh đón đang diễn ra chưa đủ mức nhiệt thành đối với đấng quân chủ chí tôn.

Câu chúc tụng ấy đã làm cho Chiêu Vương cảm thấy rất lúng túng. Nhưng trong đầu nhà vua đã có chuẩn bị trước, nên ngài khoát tay rất tự nhiên và nói:

– Bụi trần chinh chiến chưa rửa sạch. Chuyện đó hãy tạm gác lại bàn sau. – Nói xong bèn vẫy tay gọi Tử Sở lại gần, đặt tay lên vai đứa cháu và nói – Nếu nói gian nan vất vả thì đều vì đứa cháu này đây!

– Cháu bất hiếu, làm liên lụy đến “tổ vương” phải thân chinh ra trận, trải bao chiến sự.

Đó là tội lớn của cháu! – Tử Sở phủ phục xuống đất, tỏ ra vừa cảm kích vừa lo sợ, nước mắt lã chã, không dám ngược mắt nhìn lên.

– Công tử trở về bình an, đó là nhờ được thần uy của đại vương và các tiên vương phù hộ! – Rốt cuộc thì các đại thần cũng tìm được một lời chúc tụng phù hợp thực tế, lại vừa tỏ lòng trung thành và phải phép, giọng nói lại đều rậm rấp và vang sảng.

Tần Chiêu Vương cảm thấy bản thân từ bị động đã chuyển sang chủ động, bèn nhanh nhẹn ra hiệu cho Tử Sở đứng dậy và đến gần, nói:

– Nói được lắm! Nói được lắm!

Sau đó, nhà vua lên xe rồng. Bọn thị vệ nội cung hô lớn: “Khởi giá hồi cung!”. Xe rồng từ từ đi về nội thành, phía trước là đội tiêu binh cầm long đao, phía sau là hoàng gia và các đại thần.

Buổi ngênh đón như vậy, Tần Chiêu Vương cảm thấy rất vừa lòng, vừa không quá đông người, không làm ầm ĩ ồn ào, cũng không thâm lặng quá mức. Đặc biệt, sự có mặt của Tử Sở giúp cho nhà vua có thể nói lảng sang một chủ đề khác, khỏa lấp được cái khó coi và sự hăng hụt của một vị vua bại trận. Tối hôm đó, vợ chồng thái tử đưa Tử Sở đến vấn an nhà vua, ngài mới biết rằng buổi lễ vừa phải ban ngày là do Lã Bất Vi nêu lên sau khi đã suy xét rất cẩn thận. Vua Tần Chiêu Vương cảm thấy nhà đại thương gia Dương Địch này rất có cao kiến trong việc phán đoán tâm trạng con người để có những đối sách thích hợp. Những tài năng như vậy, nếu được sử dụng trong chính trị sẽ có tác dụng lớn hơn nhiều. Nhân sự việc này, nhà vua lại nghĩ tới những ấn tượng tốt khi ngài nghe Lã Bất Vi nói về công tử và nước Triệu lúc ông này gặp ngài trên đường đốc chiến ở Triệu; nghĩ vậy, ngài cho rằng việc sử dụng và giao trọng trách cho Lã Bất Vi là chuyện không cần bàn cãi nữa.

Nhà vua chỉ nghỉ ngơi ba ngày rồi lên triều như thường lệ. Ngài không muốn nghỉ lâu, mặc dù tuổi cao và quá mệt mỏi sau nhiều năm chinh chiến. Đó là vì ngài muốn nhanh chóng xóa bỏ ảnh hưởng tiêu cực do bại trận gây nên, lập lại uy quyền của mình. Nhà vua ngồi trên ghế rồng, đưa mắt nhìn xuống hàng ngũ chĩnh tề các đại thần đang bái phục chúc tụng mình. Ngài nghiêm sắc mặt, hỏi:

– Các khanh tưởng rằng trăm mc ất bốn năm, đi xa hàng nghìn dặm, đưa hai mươi vạn người, đánh phạt nước Triệu, là thắng hay bại?

Một bầu không khí lặng ngắt như tờ bao trùm căn phòng rộng lớn. Câu hỏi khó này, ai trả lời được đây?

Nhà vua đưa mắt hướng thẳng vào hàng võ tướng, nói to:

– Vương Hột.

Vương Hột đứng ra ngoài hàng, quỳ mọp xuống, vừa run vừa nói:

– Có thần!

– Người nói bại hay thắng? – Vua Tần Chiêu Vương hỏi thêm, cố làm ra vẻ bình thản.

– Bại ạ... – Vương Hột nói rất khẽ, rõ ràng là cũng cảm thấy đau lòng.

– Tại sao lại nói vậy? – Tần Chiêu Vương tiếp tục cật vấn.

Vương Hột mồ hôi tuôn ra như mưa, nói tiếp:

– Mất bốn năm trời, thương vong mười vạn, không giành được một tấc đất, không chiếm được một thành trì, sao không gọi là bại?

Tần Chiêu Vương nhìn một lượt khắp mọi người, hỏi tiếp:

– Các khanh nhận xét thế nào?

– Chúng thần cho rằng đã hất bại rồi ạ! – Các đại thần đồng thanh trả lời.

Tần Chiêu Vương mỉm cười, gạt đầu, quay sang phía Lã Bất Vi đang quỳ bên cạnh Tử Sở, hỏi:

– Lã khanh, ý của người như thế nào? [57]

– Theo ngu kiến của vi thần, như thế là thắng ạ! [58] – Lã Bất Vi hơi ngẩng đầu lên, trả lời cung kính.

Các quan đại thần giương mắt nhìn nhau, chẳng ai dám hé răng.

– Tại sao nói vậy? – Tần Chiêu Vương hỏi.

Lã Bất Vi thẳng lưng nói một mạch, rất ngay thẳng:

– Việc chiến sự, ra quân là vì chính trị, chính trị là thực chất, còn quân sự là phép thuật. Bệ hạ ngự giá thân chinh, mất bốn năm ròng, tổn thất mười vạn, không chiếm một thành trì hay tấc đất nào. Về phép thuật, đó là thất bại. Nhưng uy quyền của đại vương được nêu cao, vũ lực của ta được khai triển, nước Triệu khiếp sợ, Hàm Đan lâm nguy. Nhất là công tử Tử Sở thoát khỏi kìm kẹp và trở về cố quốc, chấm dứt hai mươi năm làm con tin. Nói về thực chất, há chẳng phải là đại thắng, vì đã cảnh cáo sáu nước, răn đe chư hầu đó sao?

– Rất tốt. Rất tốt. Lời của Lã khanh, dù Tô Tần hay Trương Nghi [59] cũng không ằng. – Chiêu Vương nói. ngài khoát tay ra hiệu cho Lã Bất Vi đứng dậy, sau nghiêm sắc mặt, nói tiếp – Theo trẫm, thất bại ở Hàm Đan, thứ nhất là do công tử nằm trong tay địch, Vương Hột trong thời kỳ đầu không tấn công mạnh. Thứ hai, Triệu được Ngụy hỏa tốc đến cứu, quân ta bị đánh từ hai mặt: trước và sau lưng [60], nhất thời đảo ngược mạnh yếu, đến nỗi phải chịu thất bại sau bốn năm ròng rã với đội quân hai mươi vạn, không đáp ứng được ý nguyện của tiên vương và trọng trách của xã tắc. Trẫm không thể thoái thác tội lớn ấy.

Các đại thần thấy nhà vua nói rất xúc động, bèn vội khuyên ngài chớ quá tự trách:

– Bệ hạ nặng lời quá!

– Tuy nhiên, lần này trẫm đi đánh Triệu, vốn là muốn chiếm Hàm Đan để tiến tới tiêu diệt nước này, nhưng đồng thời lại còn nhằm cái đích là cứu cháu ta đang làm con tin bên ấy. – Tần Chiêu Vương càng nói càng hăng – Nay tác chiến tuy bại nhưng cháu ta công tử Tử Sở thoát khỏi tù ngục ở kinh đô nước Triệu, trở về cung nhà Tần, vào đông cung làm thừa tự, sau này thờ phụng tôn miếu. Đó là đại thắng của trận này! Các khanh thấy thế nào?

– Bệ hạ hoành quan thánh kiến [61], chúng thần rất kính phục!

Dưới điện vang lên những lời a dua phỉnh nịnh. Nhưng trong khi tâng bốc nhà vua, các quan lại nhà Tần cũng không khỏi khâm phục sự khôn ngoan xảo quyệt của Lã Bất Vi, ông ta rất giỏi ăn nói, rất được lòng mọi người.

Tần Chiêu Vương lần này thiết triều nhằm nêu lên những câu hỏi mà ngài đã suy nghĩ rất kỹ, cốt dồn cho các đại thần không thể bàn cãi được; từ đó, khôn khéo đổ tội thất bại ở Hàm Đan cho người khác và các nguyên nhân khách quan. Còn về bản thân mình thì nói qua quýt cho xong chuyện, cũng nói vài lời nhận lỗi đấy, nhưng là nghĩ một đằng nói một nẻo. Cuối cùng nói rằng Tử Sở thoát hiểm trở về là một trong những mục đích của ông ta trong cuộc chiến tranh này. Điều này hoàn toàn trái ngược với bản tính độc đoán tàn nhẫn của Tần Chiêu Vương khi ông ta bỏ ngoài tai những lời khuyên của vợ chồng thái tử, cứ để cho đứa cháu nhỏ tuổi của mình (Doanh Dị Nhân) đi làm con tin, coi đứa cháu như cọng rơm cọng rác, vứt bỏ đi như không có. Nay ông ta lợi dụng việc Tử Sở quay về, coi như là chiến lợi phẩm để trút bỏ trách nhiệm thất bại lẽ ra phải gánh chịu. Lại còn huyênh hoang rằng mình đã rất quan tâm đến số phận của cháu mình. Hơn nữa, còn khẳng định rằng sau này Tử Sở sẽ kéo dài tôn miếu nhà Tần, là người kế vị ngôi vua hợp pháp. Các quan trong triều đương nhiên chỉ dám tung hô và ủng hộ. Vợ chồng thái tử tuy hiểu rõ chân tướng, nhưng cũng chỉ có thể im lặng, ngoài miệng cứ phải lải nhải cảm tạ muôn vạn ơn nặng tình sâu của phụ vương; và còn răn dạy Tử Sở phải ghi lòng tạc dạ sự quan tâm săn sóc của ông nội cũng như cái giá nặng nề mà ngài đã phải trả.

Người được lợi nhiều nhất trong cuộc chơi vừa rồi là Lã Bất Vi. Buổi tối một ngày trước khi có buổi thiết triều nói trên, vua Tần Chiêu Vương có hỏi ý kiến Lã Bất Vi về nguyên nhân thất bại của trận Hàm Đan. Lúc đó, Lã Bất Vi đã nghĩ rằng cần phải hướng dẫn dư luận. Vì vậy, ông ta nghĩ ra luận điệu nguy hiểm xảo quyệt, đi từ “chất” và “thuật” (phương pháp), để nói bừa rằng không phải là thất bại mà là thắng lợi về chất. Lúc thiết triều, Lã

Bất Vi và Tần Chiêu Vương ngầm thỏa thuận với nhau: ông ta nói đại ra những ý kiến của mình, coi như đề tài làm nền cho cuộc bàn thảo; sau đó, nhà vua quy nạp lại, đổ tội gây ra thất bại cho người khác, vợ hết chiến lợi phẩm vào mình. Cái màn kẻ xướng người họa ấy rất ăn ý nhau, nên rất có kết quả. Vì vậy, tiết mục cuối cùng của buổi thiết triều này là thái tử An Quốc Quân tuyên đọc chỉ dụ của Tần Chiêu Vương dưới sự chủ trì của đích thân nhà vua. Chỉ dụ như sau:

Khánh Lã Bất Vi, tài trí siêu phàm; cứu vương tôn khỏi cảnh khốn cùng, góp cao kiến với An Quốc Quân thái tử, nói năng trung thực, đạt lý thấu tình. Hoa Dương vui vẻ nhận con. Dị Nhân lại được ấm tình mẫu tử. Lại còn cứu khỏi lưỡi dao thần chết, đưa con tin thoát hiểm trở về. Tấm lòng ấy thật khẩn thiết nhiệt thành, thủy chung son sắt. Khi luận bàn chiến sự, phán đoán sâu sắc chính xác, sức du thuyết dọc đất ngang trời. Những công lao ấy, trăm cho là rất lớn. Nay ra tuyên chiếu, phong làm thượng khanh [62].

Khâm thủ.

Trong khi thái tử An Quốc Quân đang nói lời cuối cùng: “Thánh chỉ đọc xong, mau mau tạ ơn”, Lã Bất Vi (đang phủ phục xuống đất) rất cảm kích, sụt sịt như đang khóc, khấu đầu lia lịa, miệng nói:

– Nhờ ơn thái tử tiến cử, được đại vương rủ lòng thương hại, tiểu thần mới được tham dự triều chính, phò tá quân vương. Xin thế đem hết sức mọn tài hèn, dốc bầu nhiệt huyết, vắt cạn trí óc, toàn ý toàn thân, tự thôi thúc mình phụng mệnh thánh vương, chăm chỉ chuyên cần, để báo đáp một phần nhỏ nhoi “long ân” trời biển của bệ hạ! – Sau đó đứng dậy đón nhận thánh chỉ.

Lúc ấy hoạn quan nội triều hô lớn “Bãi triều”. Tiếp sau đó, các cung nữ cầm quạt “rồng bay phượng múa dưới ánh mặt trời” vây lấy vua Tần Chiêu Vương và về cung. Còn lại thái tử An Quốc Quân, Tử Sở, Lã Bất Vi và Phạm Thư, Đỗ Thương, Mông Ngao, Trương Đường, Vương Hột... Tất cả đều cung kính đứng nhìn để tiễn đưa nhà vua rời triều, sau đó mới lần lượt ra về theo ngôi thứ của mình. Lã Bất Vi tuy được phong làm “khách khanh”, nhưng lại là thầy học của công tử Tử Sở, cho nên không xây nhà (phủ đệ) riêng, mà được dành riêng một cung trong khuôn viên của đông cung, để tiện cho ông ta trong việc dạy học Tử Sở.

Nếu so sánh Lã Bất Vi và Phạm Thư thì khác hẳn nhau. Tuy là đại thần trong triều cả, nhưng Lã Bất Vi thì nhẹ bước thanh vân, như điều gặp gió, hiển hách vinh quang. Còn thừa tướng Phạm Thư thì ngôi cao chực đổ, liên lụy nhiều điều, “tội” “nhục” xen kẽ. Nhớ lại năm nào, Phạm Thư gièm pha tướng Bạch Khởi (Vũ An Quân), không ngần ngại đánh mất thành quả chiến thắng nước Triệu (mà Bạch Khởi sắp giành được), cốt để củng cố quyền thế và địa vị của mình. Vì vậy, Bạch Khởi bị bãi chức, cuối cùng bị vua Tần ban chết. Lúc đó thì Tần Chiêu Vương chưa biết sự thật, về sau, ngài dần dần hiểu ra. Nhưng ngài cũng không truy cứu trách nhiệm của Phạm Thư, cốt để che giấu sai lầm của mình do quá nhẹ dạ cả tin nên đã trừng phạt không đúng. Tuy nhiên, đối với Phạm Thư, thì điều này đã trở thành một mối lo canh cánh trong lòng, không bao giờ nguôi ngoai đi được.

Nói chuyện xa là vậy, còn chuyện gần là việc Tần Chiêu Vương thiết triều vặn hỏi nguyên nhân thất bại ở Hàm Đan. Trong đó có việc hai vạn quân tăng viện của Tần đầu hàng quân Ngụy. Tướng chỉ huy đạo quân này là Trịnh An Bình, một người do Phạm Thư tiến cử. Theo luật nhà Tần, Phạm Thư phải chịu liên đới trách nhiệm. Vua Tần thấy Phạm Thư từng có công lớn với đất nước, nên không trừng phạt. Nhưng trong đám quần thần, có nhiều người chỉ trích Phạm Thư về việc này, khiến Phạm Thư rất xấu hổ, ăn không ngon ngủ không yên.

Để lập công chuộc tội, Phạm Thư kiến nghị vua Tần Chiêu Vương đưa quân đánh diệt nhà Chu [63], để lên ngôi hoàng đế. Sở dĩ Phạm Thư làm việc này là nhằm lợi dụng tâm lý vốn có của vua Tần Chiêu Vương: hiếu chiến, háo danh, háo công, luôn luôn muốn thôn tính thiên hạ để trở thành bá chủ. Trong khi đó, Tần Chiêu Vương cũng không cam tâm chịu đựng cái nhục thất bại ở Hàm Đan, nhất quyết phải tìm cách cứu vãn uy tín, giành lại uy quyền vốn có, bèn sai tướng Vương Hột đánh nước Tề. Hai người này đánh chiếm được một số thành trì, nhưng thành quả không lớn. Năm sau, lại sai tướng Doanh Liêu đánh nước Hàn, chiếm được thành Dương Thành và Phụ Thủ, trực tiếp đe dọa nước Tây Chu ở bên cạnh.

Tây Chu lúc này đã ở vào thời kỳ cuối cùng của triều đại nhà Chu sau khi trải qua mấy trăm năm thay ngôi đổi chủ, biến động triền miên. Thế của nước Chu lúc này như ngọn đèn trước gió. Huống chi, lại còn phân chia thành Đông Chu và Tây Chu với hai hệ thống chính quyền riêng rẽ, một ở Lạc Dương, một ở Cửng Huyện, lực lượng bị dần mỏng, rất dễ bị đánh bại. Trong lúc đó, vua Noãn Vương nhà Tây Chu là người nhu nhược bất tài, không thể chống đỡ nổi quân Tần hùng mạnh đang áp sát chân thành, đến nỗi không dám nghênh chiến, sẵn sàng đầu hàng, quân sĩ chán nản, lòng người hoang mang. Phạm Thư bèn xúi giục vua Tần tập trung binh lực để đánh Tây Chu, kẻ chiêu tập các nước chư hầu để chống lại nước Tần, chứ không nên phân tán lực lượng. Nếu đánh được Tây Chu thì sẽ lên ngôi hoàng đế, hoàn thành sự nghiệp bá chủ. Tần Chiêu Vương nghe lời Phạm Thư, sai đại tướng Doanh Liêu đưa hai mươi vạn quân đi qua Dương Thành, tấn công Tây Chu. Doanh Liêu đưa quân vây chặt ngoài thành, đánh trống thổi tù, rung trời dậy đất đập vỡ cổng thành. Vua Tây Chu Noãn Vương dẫn triều thần ra quỳ lạy xin hàng, dâng cho Tần toàn bộ ba mươi sáu thành trì, ba vạn nhân khẩu; lại còn tự mình đến Hàm Dương bái yết vua Tần Chiêu Vương, tự trách mình đã liên hợp chư hầu đem quân đến núi Y Khuyết để tấn công nước Tần, và xin chịu hình phạt.

Hạ nhà Chu lần này rất thuận lợi, Noãn Vương lại đích thân đến xin chịu tội, thái độ có vẻ rất khiếm sợ, đáng thương hại, nên không giết ông ta, chỉ cắt bỏ chữ “vương”, giáng xuống làm “công”, và cho phép ông ta đến ở tại đất phong là Lương. Vì làm một ông vua mất nước, phải sống lưu vong, Noãn Vương không khỏi tưởng nhớ quê hương đất nước nên đau buồn rồi sinh bệnh, không lâu sau thì chết.

“Vua mất thì nước không còn”. Đó là lý do mà Chiêu Vương nhà Tần đưa ra để ra lệnh cho Doanh Liêu đưa quân san bằng đền thờ tổ của nhà Chu. Đưa một đội thuyền lớn chở chín cái đỉnh lớn tượng trưng cho chủ quyền quốc gia của Chu từ Lạc Dương về Hàm Dương của Tần. Tuy nhiên, một ngày trước khi chở đỉnh về nước, bỗng dông bão nổi lên ùng ùng suốt đêm. Ngày hôm sau, chiếc đỉnh của Châu Dự trong số chín chiếc đỉnh của nhà Chu không cánh mà bay. Tìm mãi không thấy, Doanh Liêu và Trương Đường chỉ còn cách nói dối rằng chiếc đỉnh đó đã rơi xuống sông Tú Thủy, mò mãi không thấy. Từ đó việc mất một chiếc đỉnh của nhà Chu trở thành câu chuyện bí hiểm thiên cổ, không ai giải thích nổi. May mà lúc ấy vua Tần Chiêu Vương đang say sưa vì diệt được Chu, lại lấy được đỉnh, nên việc mất một chiếc đỉnh, ngài cũng không thật chú trọng truy cứu nữa. Ngài đang vội lo mở rộng đền thờ nhà Tần để đặt tám chiếc đỉnh lớn mới giành được. Ngài lấy tên của tám quẻ ^[64] trong sách Chu Dịch để đặt tên cho tám chiếc đỉnh và đặt chúng theo đúng vị trí của tám quẻ ấy. Đó là: càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn. Vua Tần coi đó là đã làm xong việc chuẩn bị để xưng đế.

Với tư cách là người chủ định việc đánh diệt nhà Chu, thừa tướng Phạm Thư có công lớn, vì vậy cái cảm giác mắc tội vốn có từ trước, nay cũng tiêu tan. Thay vào đó là một bộ mặt đắc chí.

Tiếp theo đó là triều đình nhà Tần mời các nước đến dự lễ tế đỉnh và nạp cống cho nhà Tần. Trong buổi lễ long trọng ấy, các nước Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn đã cử thừa tướng đến dự, riêng nước Ngụy không đến. Vua Tần Chiêu Vương cho rằng đó là làm nhục mình, bèn sai Vương Kê, tướng bảo vệ quận Hà Đông, đưa quân đột kích nước Ngụy. Nhưng Vương Kê là tướng chốt giữ biên giới, có quan hệ rất tốt với nước Ngụy, đã không tấn công Ngụy, mà còn thông báo cho Ngụy biết chủ trương đánh Ngụy của vua Tần. Sau đó, vua Ngụy vội vàng sai sứ sang Tần tạ tội. Lại còn đưa thái tử đến Tần làm con tin. Đây là một hiện tượng không bình thường, vì trước đó thì Ngụy không đến dự lễ tế đỉnh, tỏ ra ngạo mạn, sau thì hạ mình cung kính. Vua Tần Chiêu Vương rất hoài nghi. Ngài gọi tướng Vương Kê tới xét hỏi. Vương Kê nhận tội đã thông đồng với địch. Tần Chiêu Vương nổi giận, chém đầu Vương Kê ngay trước mặt triều thần. Điều đáng chú ý là Vương Kê cũng do Phạm Thư tiến cử. Nếu kết hợp việc này với việc Trịnh An Bình hàng Ngụy trong trận đại bại ở Hàm Đan (Trịnh An Bình cũng do Phạm Thư tiến cử), thì rõ ràng là Phạm Thư không phải ngẫu nhiên nhìn nhầm người! Lần này, Phạm Thư lẽ ra cũng phải chịu tội liên đới với Vương Kê và cũng bị xử tử. Thật là họa vô đơn chí.

Trong lúc Phạm Thư đang hoang mang lo lắng, thì Thái Trạch, một thuyết khách hùng biện của nước Yên đến Hàm Dương. Trước khi gặp vua Tần, Thái Trạch tung tin nói rằng

mình là một hiền tài bác học hùng biện, chỉ cần được gặp vua Tần, thì nhà vua sẽ đưa ông ta lên làm thừa tướng, thay chân Phạm Thu. Phạm Thu tự cho mình là người biết rất rõ những việc từ thời “Tam hoàng Ngũ đế” [65], các học thuyết của bách gia chư tử; biết bao nhiêu nhà du thuyết hùng biện đều ngã gục trong tay ông, chẳng lẽ lại sợ một kẻ vô danh tiểu tốt như Thái Trạch giành mất chức vụ của mình? Nghĩ vậy, bèn cho mời Thái Trạch đến gặp. Khi Thái Trạch đến, thấy Phạm Thu, Thái Trạch cũng không quỳ xuống, chỉ chấp tay chào. Phạm Thu thấy bộ dạng và mặt mũi Thái Trạch xấu xí, hai vai rộng, mũi dẹt, lông mày dựng ngược, chân vòng kiềng, ông ta (Phạm Thu) trông thấy chẳng ưa mắt tí nào, bèn hỏi nhỏ Thái Trạch: “Có phải ông từng nói rằng ông sẽ làm thừa tướng thay tôi phải không?”. Thái Trạch bèn nói toạc ra, chẳng kiềng né gì. Phạm Thu yêu cầu Thái Trạch nói rõ lý do. Thái Trạch than rằng kiến thức của ông (Phạm Thu) quá kém cỏi, một năm bốn mùa, hết xuân đến hạ, hết hạ đến thu, đông; cũng như người hiền tài sinh sau sẽ thay thế các bậc tiền bối, đó là quy luật rất tự nhiên, không thể tùy thuộc vào ý chí ai. Những người có công lớn rất xuất sắc của triều đại trước như Thương Ưởng của Tần, Ngô Khởi của Sở, Văn Chung của Việt [66] đều chết bất đắc kỳ tử. Vậy ông có muốn như vậy không? Phạm Thu biết rằng Thái Trạch đang nêu lên một vấn đề nan giải, nhưng vẫn nói rất cứng rằng, những người ấy trung với vua, giữ nghiêm luật pháp, hết lòng vì đất nước, dù đều bị xử tử, nhưng là chết quang vinh, chẳng có gì là không tốt. Thái Trạch nói:

– Người làm tôi phải gặp đức vua khoan dung nhân hậu, mới có thể hiển dật trọn vẹn. Thử hỏi, xét về các mặt như: được mọi người tin cậy, có sự đôn hậu với mọi người, có tình nghĩa sâu nặng với bầy tôi và không trở mặt, bội bạc và trừng phạt công thần, thì đức vua mà ông phụng mệnh, có sánh được bằng Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương và Việt Vương Câu Tiễn từng trọng dụng Thương Ưởng, Ngô Khởi, và Văn Chung hay không?

Phạm Thu nói ấp úng:

– Làm sao có thể sánh bằng được?

Đến đây Thái Trạch bèn nói thẳng ra những nhược điểm của Phạm Thu. Ông ta nói:

– Đức Vua của ông không bằng ba vị vua kia, công lao của ông cũng không bằng Thương Ưởng, Ngô Khởi và Văn Chung. Ông lại còn đố kỵ và hãm hại người có tài, phản bội Bạch Khởi. Tướng Trịnh An Bình và tướng Vương Kê do ông tiến cử đều phản bội nhà Tần để quay sang Ngụy, người thì bị chu di huyệt, người thì bị xử tử. Theo luật nhà Tần, lẽ ra ông phải lên đoạn đầu đài rồi. Vua Tần chưa trừng phạt ông, đó là còn may cho ông. Nhưng ông vẫn còn ngông nghênh tự đắc, khu khu giữ lấy chức quyền, không chịu tính ngộ để tự động lui về. Nếu cứ để cho sấm sét giáng vào đầu rồi mới chạy, thì không kịp đâu. Cho nên tôi cho rằng ông làm như thế là không khôn ngoan chút nào.

Phạm Thu hiểu ra vấn đề, bèn nói:

– Ngài nói đúng, tôi đã từng nghe câu cách ngôn: “Cứ theo đuổi mãi thì sẽ đánh mất cái đã giành được; có rồi mà vẫn thấy chưa đủ thì sẽ đánh mất cái đã có!” Lời dạy của ngài, làm cho tôi sáng ra rất nhiều. Tôi nhất định làm theo ý của ngài. – Nói xong bèn cung kính mời Thái Trạch ngồi lên ghế trên, coi như thượng khách.

Phạm Thu giữ Thái Trạch ở lại làm bạn với mình, ăn ở chân tình, tỏ ra hết sức khâm phục Thái Trạch có tư duy sâu sắc và nhạy bén, có kiến thức độc đáo và sâu rộng. Đặc biệt, nhờ có gợi ý và cảnh báo của Thái Trạch, mà Phạm Thu hiểu ra vấn đề, thấy rõ rằng vinh quang hay nhục nhã, thành công hay thất bại, đều phụ thuộc lẫn nhau, tương phản nhau nhưng cũng tác động và hỗ trợ lẫn nhau. Thực tiễn càng diễn ra như vậy trong một thể chế lấy “nhân trị” làm nhân tố quyết định. Vì vậy, con người trong cuộc phải biết xử sự đúng mực với “công quá [67] vinh nhục”; tức là phải biết như thế nào là đủ, chớ quá tham lam; khi được hiển vinh phải biết tránh điều nhục; khi lập được công phải nhớ đến sai lầm, không tiến lên được nữa tự khắc thoái lui. Như vậy mới giữ được tiếng thơm đến cùng. Nghĩ đến đây, Phạm Thu cảm thấy như trút bỏ được gánh nặng trong lòng, tâm tình nhẹ nhàng thoải mái hẳn lên.

Mấy hôm sau, sau khi tham dự thiết triều, Phạm Thu đến nội cung bái yết Tần Chiêu Vương. Ông nói:

– Tàu hoàng thượng, có người khách tên là Thái Trạch, ở Sơn Đông đến, là người hùng

biện kỳ tài, biết rõ chuyện của vua Hạ, Thương, Chu [68]; am hiểu cơ nghiệp của ngũ bá Tề, Hoàn Công, Tấn Văn Công... Đặc biệt, Thái Trạch nắm rất vững tình hình hiện tại, sự biến động của thế sự. Thật là một cây đại thụ mà nền chính sự đại Tần ta có thể dựa vào.

Tần Chiêu Vương hỏi lại một cách thận trọng:

– Có ngôi sao tuần kiệt như vậy ư?

Phạm Thư đáp chân thành :

– Vì thần đã đi khắp chư hầu, trải nghiệm sâu rộng, quen biết rất nhiều anh tài hiền sĩ, nhưng không ai bằng Thái Trạch.

– Nhưng so với thừa tướng thì như thế nào? – Chiêu Vương một lần nữa thăm dò thâm ý của Phạm Thư.

Thừa tướng nói rất khiêm nhường :

– Thần không bằng ạ! Thần không bằng ạ!

Tần Chiêu Vương vẫn ngần ngại. Ngài hỏi:

– Quả thật như vậy ư?

– Bệ hạ có bao giờ thấy hạ thần khen người khác giỏi hơn mình chưa?

Lúc này Tần Chiêu Vương mới thật tin. Ngài bảo Phạm Thư truyền chiếu, cho gọi Thái Trạch vào nội cung để ngài trực tiếp hỏi chuyện. Ngài nêu lên hàng loạt vấn đề như sự thăng trầm, hưng thịnh, suy vong của các triều đại trước ra sao? Thực trạng của các nước hiện nay và sự đối đầu giữa các nước đó với nhau, nguyên nhân tại sao? Xu thế phát triển của các nước...? Thái Trạch đối đáp lưu loát, phân tích sâu sắc, trích dẫn phong phú. Tần Chiêu Vương tỏ ra rất hài lòng, bèn phong Thái Trạch làm “khách khanh”.

Sau khi Thái Trạch được bổ nhiệm không bao lâu, Phạm Thư bèn viện cớ có bệnh nên trao lại ấn tín thừa tướng cho Tần Chiêu Vương. Chiêu Vương không nghe, bắt Phạm Thư dù bị ốm cũng phải tham dự chính sự. Phạm Thư bèn nói bệnh quá nặng, không thể làm việc được nữa. Tần Chiêu Vương đành phải chấp nhận cho Phạm Thư từ nhiệm, bãi chức thừa tướng của ông. Về sau, Chiêu Vương rà soát lại cẩn thận các tấu trình của Thái Trạch về nội chính, ngoại giao, chính trị, kinh tế, đều thấy rất hài lòng. Ngài rất mừng, bèn phong Thái Trạch làm thừa tướng, giao cho việc chuẩn bị chiến lược bành trướng sang phía Đông, đánh diệt hoàn toàn nhà Chu.

Chỉ mấy tháng sau khi Thái Trạch được giao chức thừa tướng, đã có lời ong tiếng ve đả kích ông, cài bẫy làm hại ông. Thái Trạch sợ bị đổ ky, do đó, có thể bị giết, cho nên cũng cáo bệnh và trao lại ấn tín thừa tướng. Sau đó, Thái Trạch ở lại nước Tần mười mấy năm, hiến kế bày mưu cho Tần Chiêu Vương, Hiếu Văn Vương (An Quốc Quân) và Trang Tương Vương (Tử Sở), tham gia bàn thảo đại sự của nhà Tần; cuối cùng phò tá Tần Thủy Hoàng. Sau cùng, Thái Trạch được cử đi sứ nước Yên. Ở cương vị này, ông cũng thu được kết quả rất tốt, nâng cao được uy tín của Tần. Bao năm sau, nước Yên khiếp sợ trước sức mạnh của nhà Tần, đã chủ động bày tỏ thiện chí với Tần, và đưa thái tử Đan sang Tần làm con tin. Do những cống hiến to lớn và phẩm chất của mình, Thái Trạch được tôn vinh là Cương Thành Quân [69].

Tại sao Phạm Thư và Thái Trạch lại có vai trò quan trọng như vậy trong lịch sử thời kỳ tiên Tần? [70] cố nhiên đó là do họ có công lớn trong thời kỳ phò tá Tần Chiêu Vương. Điều quan trọng hơn là do họ biết kịp thời quả quyết rút lui khi đã đạt tới đỉnh cao hiển vinh của mình, như thế mới giữ được cái tiết tháo, danh thơm lúc cuối đời. Quả là họ đã làm theo đúng câu cách ngôn trong sách “Thư kinh” [71]: “Thành công chi hạ, bất khả cứu xứ” (“khi đã thành công, không thể ở lâu). Trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ, nhiều người ganh đua chen ép nhau, đổ ky nhau, thậm chí đấu đá hãm hại nhau, họ (Phạm Thư và Thái Trạch) làm như vậy là khôn ngoan, tinh đời. Đúng như nhà viết sử Tư Mã Thiên từng tóm lược rằng: câu “dài tay áo, dễ múa; lăm tiền tài, dễ buôn” mà Hàn Phi nói cũng có nghĩa là: người có tài trí xuất chúng, thường biết cách sử dụng và phát huy cái thế mạnh đó của mình.

Lịch sử thời bấy giờ cho thấy, Phạm Thư và Thái Trạch đã thăng tiến đến chức đại

thân, thừa tướng, lại giữ được trọn vẹn công danh đến cuối đời, thật là quá hiếm. Bởi lẽ biết bao hiền tài khác đương thời, hoặc là suốt đời sáng vác ô đi tối vác về không có gì khởi sắc; hoặc là công lao hiển hách nhưng rồi bất đắc kỳ tử! Cho nên cái thành công của hai nhân vật trên là ở chỗ họ hiểu rõ cái ranh giới của vinh và nhục và biết kịp thời tiến và lùi.

Thái Trạch biết sống “khôn sống mống chết”, “có thân phải biết lo thân”, “quân tử phòng thân” (“minh triết bảo thân”, “cấp lưu dũng thoái”), cho nên ông đã giữ được tiếng thơm và khí tiết cho đến cuối đời. Như vậy: có thể nói, ông đã “công thành danh toại”. Chính Thái Trạch đã viết nên những trang sử hết sức lạ lùng và bí hiểm của nước Tần và của cả Trung Quốc. Đó là vì ông đã chỉ làm thừa tướng mấy tháng rồi từ chức. Trong thời gian bốn năm, kể từ khi ông từ chức (năm 255 trước Công nguyên, năm thứ 52 Chiêu Vương) cho đến năm Chiêu Vương mất (năm thứ 56 Chiêu Vương), không thấy có ghi chép ai kế vị thừa tướng của Thái Trạch, mặc dù lúc đó việc chép “quốc sử” hàng ngày đã rất có nề nếp. Đó là điều vô cùng kỳ lạ của giai đoạn lịch sử ngắn ngủi đó. Hơn nữa, đằng sau cái vỏ bề ngoài đầy màu sắc kỳ bí đó, lại ẩn giấu một sự thật lịch sử bí hiểm. Sự thật đó được ghi trong sách “Chiến Quốc sách. Tần sách” (mặc dù những điều ghi chép của “Chiến Quốc sách. Tần sách” về Lã Bất Vi đến Hàm Dương du thuyết, khác rất xa so với những ghi chép của nhà chép sử Tư Mã Thiên trong “Sử ký” như sau: Lã Bất Vi nói với Dương Tuyên Quân, em hoàng hậu vua Tần rằng, nhà vua tuổi đã cao, hoàng hậu không có con, Tử Hề được kế vị cơ nghiệp của vua, Đỗ Thương lại phò tá Tử Hề. Một khi nhà vua băng hà, Tử Hề được lập làm thái tử, Đỗ Thương được trọng dụng...”. Tử Hề là con trưởng của An Quốc Quân, từ nhỏ được sống và trưởng thành trong cung đình; cho nên, Tử Hề đương nhiên là người được An Quốc Quân chọn làm thái tử để kế vị ngôi vua sau này. Nhưng khi vua Tần Chiêu Vương mất, thái tử An Quốc Quân kế vị ngôi vua, nhìn lại bốn năm trước đó (từ khi Thái Trạch thôi làm thừa tướng), nhân vật thực tế làm công việc của Thái Trạch trong “thời gian chân không” đó, phải là Đỗ Thương. Nhưng tại sao sử liệu nhà Tần không ghi chép việc đó? Nguyên nhân như sau:

Từ lâu, Tử Hề đã dòm ngó cái ngôi báu thái tử đông cung. Vì vậy, khi vua Chiêu Vương (ông nội của Tử Hề mất, cha là thái tử An Quốc Quân kế vị ngôi vua, nhân lúc mọi người đang bận rộn với việc quốc tang, Tử Hề đã để cho thừa tướng Đỗ Thương triệu tập các đại thần để bàn bạc và nhất trí ủng hộ việc lập Tử Hề làm thái tử. Sau khi quyết định như vậy, bèn mời An Quốc Quân đến (lúc này là Hiếu Văn Vương). Thừa tướng Đỗ Thương nói với nhà vua mới rằng: Theo phép tắc truyền thống và thể chế truyền ngôi xưa nay của nhà Tần, thì con trưởng của nhà vua phải được lập làm thái tử. Đó là việc làm chính đáng, không ai ngăn cản được. Lúc ấy Hiếu Văn Vương đang trong thời gian làm lễ tang cho vua cha, lại vừa mới gánh vác trọng trách quốc sự, trăm công nghìn việc, rồi như mớ bông bong, ruột gan như lửa đốt; nay lại bị Đỗ Thương và các đại thần hùng hổ gây sức ép. Vì vậy ngài buộc phải đồng ý lập con trưởng Tử Hề làm thái tử.

Tin trên được lan ra, Tử Sở và Lã Bất Vi rất bàng hoàng vì quá bất ngờ, bèn vội đến gặp hoàng hậu Hoa Dương bẩm báo:

– Thần được biết bệ hạ đã nghe theo ý kiến của thừa tướng Đỗ Thương và các đại thần, lập Tử Hề làm thái tử. Hoàng hậu sẽ làm gì bây giờ, xin mau quyết sách.

– Vừa qua, đại vương phải hầu hạ thuốc thang cho tiên vương. Nay lại đang thời gian lễ tang, không có lúc nào để nhìn ngó tới việc lập thái tử. Không ngờ thừa tướng Đỗ Thương đã thừa cơ tấn công trước, còn đại vương đang ở trong thế “thân cô thế cô”, đành phải gật đầu chấp nhận. Ta tuy là hoàng hậu và đứng chủ chánh cung nhưng rất ít tham dự chính sự. Vả lại, sự việc diễn ra rất mau lẹ, bất ngờ, không kịp đối phó. – Hoàng hậu Hoa Dương nói, tỏ ra rất bối rối, bế tắc.

Tử Sở buồn rầu than vãn:

– Thầy Lã Bất Vi khuynh gia bại sản, bản thân con suýt nữa chết cay chết đắng trong nhà tù của Triệu; cha mẹ cũng đã khắc chữ vào ngọc bội nhận con làm thừa tự; hằng mong sẽ được sắc phong đúng như những gì đã làm. Nhưng... – Tử Sở không dám nói tiếp những gì thực tế đã diễn ra, chỉ nức nở nghẹn ngào.

Lúc này, Lã Bất Vi dùng chiến thuật lùi để tiến, nói rất khéo rằng:

– Vì thân đã cố gắng làm thỏa lòng hoàng hậu trong việc nhận con thừa tự, đã giúp

công tử thực hiện ước mơ quay về với người thân, thần đã hết sức chèo chống một mình, nhưng nay đã đổ hết xuống biển xuống sông, thật là uổng công vô ích. Tuy nhiên, hoàng hậu và công tử không phải chỉ mất cái danh nghĩa mẹ nuôi và danh phận con trưởng mà thôi. Vì nếu như Tử Hề và Đỗ Thương nắm được quyền thế, hoàng hậu ắt sẽ bị bãi chức chánh cung, công tử lại sẽ bị vứt bỏ. Chẳng lẽ hoàng hậu và công tử lại để cho ý tưởng to lớn năm nào phút chốc trở thành mây khói?

– Đúng thế, thưa mẫu hậu! Tử Hề và Đỗ Thương nhất quyết không bỏ qua cho mẹ con ta. Bây giờ phải làm như thế nào đây? – Tử Sở bất giác khóc nức nở.

Hoàng hậu Hoa Dương cũng không cầm được nước mắt, nói với Lã Bất Vi như cầu khẩn:

– Tình hình đột biến. Lòng ta rối như tơ vò, rất mong Lã tiên sinh mau mau tìm cách ứng phó...

Lã Bất Vi ngập ngừng giây lát rồi nói:

– Muốn tháo khuy phải tìm người đã cài khuy. Không ai khác ngoài thánh thượng. Nếu ngài không ra tay, thì vô phương cứu chữa.

– Người đời nói: Vua không nói chơi. Nay đại vương đã hứa rồi! – Hoàng hậu Hoa Dương nói, trong lòng rất lo lắng.

Tử Sở cũng gật đầu lia lịa và nói :

– Đúng thế! Cái khó chính là ở chỗ đó.

– Đại vương đã lên ngôi, nhất quyết không thể nói lời rồi lại nuốt lời. Nhưng việc này nếu thẳng thắn can gián, rất sợ nói năng không khéo sẽ làm hỏng việc. – Lã Bất Vi thận trọng hơn; ông nói ra những điều mà mình suy nghĩ.

– Tiên sinh nói rất phải, vậy thì làm thế nào để khỏi hỏng việc? Hoàng hậu tỏ ra sốt ruột, hỏi lại.

– Mỗi khi có quốc tang thì cả nước đều đau thương cho nên phải xuất phát từ tình hình đại cục để góp ý với đại vương, như vậy mới làm vơi bớt nỗi đau buồn của ngài, nhằm giữ vững ngôi vị chánh cung hoàng hậu, và bảo vệ danh phận con trưởng của công tử.

Hoàng hậu thở dài, nói :

– Lúc này mà cứ nói đại cục với tiểu cục làm gì cơ chứ? ngay cái thân phận của ta đây còn chưa yên nữa là!

Tử Sở vội thúc giục Lã Bất Vi:

– Xem ra thầy Lã Bất Vi đã suy nghĩ cả rồi, vậy xin thầy đến bẩm tấu với đại vương là hay nhất.

– Ô! Không thể được. Không thể được. Việc này có liên quan đến số phận của ba người chúng ta ở đây, nếu một trong ba chúng ta đi nói chuyện này sẽ chẳng hay ho gì. – Lã Bất Vi vừa nói vừa xua tay.

– Ngài và ta không đi nói, vậy ai nói cho đây? – Hoàng hậu nói thêm, bà thấy khó gỡ quá.

– Việc này rồi sẽ có cách...

Lã Bất Vi cười có vẻ bí hiểm. Nói xong, Lã Bất Vi hạ giọng, thì thầm to nhỏ với hai mẹ con hoàng hậu. Người ngoài chẳng nghe rõ ông ta nói gì, chỉ thấy ông mặt mày hớn hờ, còn hoàng hậu và công tử thì rất chăm chú lắng nghe. Sau khi bàn định xong xuôi, Tử Sở và Lã Bất Vi rời ngay khỏi đông cung, để khỏi bị lộ, gây nghi ngờ cho mọi người. Còn hoàng hậu Hoa Dương thì tỳ tay nghiêng đầu vào mép bàn để tính tâm nhớ lại mọi việc mà Lã Bất Vi vừa nói, để theo kế đó mà hành sự.

Theo tục lệ cổ, dù nhà vua chết vì lý do gì (bệnh, tử trận, bị thích khách giết) lễ tang đều phải tiến hành đủ bốn mươi chín ngày, chia làm bảy tuần. Chỉ khác nhau ở mức độ: hậu hay bạc (mỏng), đơn sơ hay phong phú (phồn). Ngày cuối cùng của mỗi tuần, đều phải làm lễ tế rất long trọng, để tỏ lòng thương nhớ của con cháu; và cầu thần linh và tiên

vương ban phúc. Lúc này, tang lễ của Chiêu Vương đã đến tuần thứ bảy (tuần cuối cùng). Hiếu Văn Vương đang bận rộn tíu tít về công việc đó. Hoàng hậu Hoa Dương chờ đến khi Hiếu Văn Vương về đông cung và ăn cơm xong, bà bèn vội vàng bảo cung phi mang canh đến cho ngài. Sau đó, bà mới hỏi han đến lễ tế cuối cùng. Hiếu Văn Vương nói mọi việc đều sẵn sàng rồi và dặn dò các bộ phận hữu quan phải làm mọi việc theo đúng giờ đã định. Hoàng hậu thở dài nói rằng tiên vương tuổi cao, bị bệnh lâu ngày, lúc sắp mất không còn tỉnh táo, còn sinh ra lú lẫn, không nói một điều gì về quốc sự và những việc về con cháu, làm cho người làm dâu như bà rất không yên tâm. Vì vậy, đại vương có thể nêu chuyện này trong văn tế tuần chay cuối cùng này, để xem anh linh của tiên vương có phán xét gì không?

Hiếu Văn Vương liên tục cảm tạ hoàng hậu. Ngài nói rằng bà đã suy nghĩ rất chu toàn, thật đáng mặt người chủ trì đông cung; và sai ngay thị vệ nội cung báo cho “chủ lễ” viết thêm nội dung vừa kể vào phần cuối của văn tế. Vừa vặn lúc ấy, Tử Sở và Lã Bất Vi bước vào để “vấn an” đại vương. Hoàng hậu bèn nói rằng việc này không cần đến ai khác, cứ bảo ngài Lã Bất Vi đến bảo “chủ lễ” sửa soạn văn tế cho thật tốt. Bà còn sai người đi mời thầy cúng và bà đồng nổi tiếng nhất ở Hàm Dương đến cúng bái và làm lễ phù phép để cầu xin anh linh tiên vương giáng thế. Lã Bất Vi nói ngay: “Xin tuân mệnh thánh dụ của bệ hạ và ý chỉ của hoàng hậu”. Nói xong bèn cúi mình lui ra.

Vào giờ Dậu (từ năm đến bảy giờ chiều) của ngày thứ bảy tuần chay cuối cùng, lễ tế long trọng uy linh được tiến hành tại thái miếu nhà Tần. Có mặt đông đủ các thành viên hoàng gia, thừa tướng, tướng lĩnh, các đại thần người nước khác (khách khanh), các sứ giả và con tin các nước. Mọi người đều đến để thành kính tiễn đưa anh linh tiên đế quang vinh của đại Tần. Khói hương nghi ngút, ánh đuốc lung linh, sáng rực lửa vàng, chuông khánh rền vang, trống dậy liên hồi, nhạc buồn trầm lắng, trướng bay rợp trời. Chưa bao giờ có một cuộc cúng tế linh hồn người quá cố trang nghiêm long trọng hoành tráng đến thế. Thật là không tiền khoáng hậu.

Mọi chuyện đang diễn ra theo đúng trình tự đã sắp xếp từ trước. Sau khi dâng rượu và hiến tế “tam sinh” (bò, lợn, dê), nhà vua Hiếu Văn Vương dẫn đầu con cháu và quần thần khấu đầu bái lạy, sau quỳ phủ phục xuống đất. Chủ lễ hăng giọng, cất cao lời đọc văn tế, lúc trầm lúc bổng, lúc chậm lúc nhanh, phân minh tiết tấu. Cuối cùng là các thầy cúng bà đồng chạy ra, tay cầm kiếm, vừa đi vừa nhảy múa, tóc xỏa lỏng bông, đeo mặt nạ nền đen trắng đỏ với hình vẽ khuôn mặt hung ác dữ tợn ghê sợ, áo rộng thùng thình, mồm hát nghêu ngao, nhạc đệm rập rình. Trong cảnh tượng rộn ràng uy nghi đó, bỗng một thầy cúng nhảy lên bàn tế nói to lên rằng:

– Ta là Chiêu Vương nước đại Tần đây!

Mọi người nghe vậy liền phủ phục xuống đất, khấu đầu lia lịa:

– Xin đón tiên vương giáng thế!

Chỉ nghe vị “Chiêu Vương” ấy đồng dục nói to:

– Nay vừa mãn bảy tuần đại tế, ta về nghe cúng lễ. Vừa nghe văn tế, được biết vua tôi các ngươi tưởng nhớ đến ta, trung hiếu đôi bề, ta có lời khen – Nói xong ngài thét lớn – Đưa huyết tam sinh lại mau!

Chủ lễ vội bê một chậu huyết lại trước mặt ngài “Chiêu Vương”. Ngài vội dúng ngón trở vào huyết và viết trên tấm vải thô trải trước bàn tế, di chiếu như sau (dịch ý):

Ta là Chiêu Vương, thán trước về trời..

Bảy tuần nghe tế, triền miên quốc sự.

Thái tử Quốc Quân, nối ngôi vương vị.

Tuổi gần sáu mươi, thể chất suy nhược.

Việc lập thái tử, phải thật cẩn trọng.

Tử Hê tuy trưởng, nhưng lực bình thường.

Đỗ Thương làm “tướng” đặc thế chuyên quyền.

Nội tình rối loạn, ắt có ngoại xâm.
Tử Sở hiền sáng, chí hiếu chí trung.
Hoa Dương nhận con, ngọc bội làm “bằng”.
Đã trình tiên tổ, bố cáo chư hầu.
Cấp tốc sắc phong, ra mặt thiên hạ.
Kế thừa cơ nghiệp, mở mang đại Tần.

Sau khi viết xong, ngài “Chiêu Vương” đưa ngón tay còn đầy huyết vào mồm, nuốt chửng ngon lành. Sau đó, hét lớn: “Đại vương ta hồi quy!”, rồi ngã vật xuống đất, hai mắt trợn ngược, chỉ còn lòng trắng, mồm sùi bọt mép, chân tay co giật, lên cơn động kinh. Một lúc sau mới thôi, nằm im như chết.

Những thầy mo thầy cúng khác và cô đồng vội đến vây xung quanh, kẻ nói người hô: “Buổi tế hôm nay, trung hiếu thật lòng, rung cảm trời đất, tiên vương giáng trần, viết lời thánh dụ. Vì vậy mà ngài thuật sư này mệt mỏi quá mức...” Hiếu Văn Vương vội sai người trọng thưởng cho đám thầy mo cô đồng.

Việc tiên vương giáng trần viết thánh dụ diễn ra trước hàng trăm con mắt. Bản thánh dụ nền trắng chữ đỏ, chỉ rõ chọn ai làm thái tử, lại còn nói Tử Hề bất lực, Đỗ Thương không thể tin cậy vì ông ta sẽ gây ra rối loạn nội bộ, do đó dẫn đến ngoại xâm. Điều này là đại sự quốc gia, ai dám không nghe, ai dám kháng chỉ! Vì vậy, Tử Hề bị giáng xuống làm dân thường, Đỗ Thương cũng không được dùng nữa.

HỒI THỨ BẢY

THỪA TƯỚNG LÃ BẤT VI ĐƯA QUÂN DIỆT ĐÔNG CHU CHÀNG NIÊN THIÊU DOANH CHÍNH LÊN NGÔI BÁU

Chắc hắc là âm hồn của vua Tần Chiêu Vương không thể nào ngờ rằng ở dưới hạ giới lại có một vở kịch đúng tên ngài viết di chiếu vào ngay buổi tối cuối cùng của tuần tế thứ bảy; mà vở diễn lại được thể hiện kỳ bí và uy nghiêm đến thế! Mặc dù tất cả những người có mặt không ai kịp suy nghĩ xem màn diễn ấy là do đâu và đằng sau nó là ai, họ chỉ kịp chấp nhận bản di chiếu mang danh Tần Chiêu Vương được viết bằng máu của “tam sinh” (bò, lợn, dê); và màn diễn ấy đã làm tan biến thành mây khói giấc mơ của Tử Hề, con trưởng của Hiếu Văn Vương, từng ôm ấp bảy lâu ngôi báu đông cung và của Đỗ Thương, người kế nhiệm Thái Trạch, đang dòm ngó mãi cái ghế thừa tướng. Tử Sở được phong làm thái tử; việc này đã có ngọc bội làm bằng chứng. Thêm vào đó, “Chiêu Vương” hiện hình thuyết pháp và mọi người dự lễ “tận mắt chứng kiến”. Cho nên ngôi báu thái tử thuộc về Tử Sở là không có gì phải bàn cãi nữa. Tuy âm mưu chiếm ngôi báu thái tử của Tử Hề và Đỗ Thương cuối cùng phải chịu thất bại, nhưng việc Tử Hề và Đỗ Thương lợi dụng thời cơ để thực hiện ý đồ của mình cũng làm cho hoàng hậu Hoa Dương, công tử Tử Sở và Lã Bất Vi “khách khanh” giạt mình. Nay thì mọi chuyện đã êm đẹp rồi, nhưng cả ba người vẫn còn lo sợ. Cả ba người đều thấy rằng cái vinh, cái nhục và sự thành bại của họ là gắn liền chặt chẽ với nhau, tuy ba mà là một. Vì thế, cần phải làm thế nào để Lã Bất Vi có quyền và địa vị hơn nữa.

Tuy nhiên, nhà vua Hiếu Văn Vương lại có ý kiến riêng của ngài về việc lựa chọn thừa tướng. Trước đây, Tần Chiêu Vương quá chuyên quyền và bám giữ ngôi vị quá lâu, cho nên An Quốc Quân giữ chức thái tử trong một thời gian quá dài. Trong thời gian đó, lại không hề tham gia việc chính sự và quân sự của triều đình. Mãi đến khi đã năm mươi tám tuổi, mới được kế ngôi vua. Lúc này ngài hoàn toàn không còn đủ tài năng, trí tuệ và tinh lực để đáp ứng trọng trách. Cho nên, cần có một vị thừa tướng đặc lực phò tá, ngài mới có thể ứng phó công việc triều chính hàng ngày. Với suy nghĩ đó, Hiếu Văn Vương thấy có hai người có thể lựa chọn. Người thứ nhất là Đỗ Thương. Đỗ Thương đã phò tá tiên vương rất lâu. Trong suốt hai mươi năm chủ trì triều chính của Chiêu Vương, Đỗ Thương là bộ óc quan trọng của triều đình: Hơn nữa, ông ta là bậc bề trên đã dạy dỗ Tử Hề trưởng thành trong một thời gian lâu dài. Một người nữa là Thái Trạch. Ông này là người kế nhiệm Phạm Thu. Thái Trạch đã nêu lên những đường hướng cơ bản của chiến lược phát triển sắp tới. Ông ta đã thôi chức thừa tướng, đó là do quan hệ cá nhân căng thẳng lúc đó buộc ông ta phải rút lui; chứ thực ra, ông vẫn rất muốn đóng góp. Chỉ cần chọn một trong hai người đó làm thừa tướng, thì cái ngôi vua này của mình mới ổn.

Nghĩ vậy, nhà vua bèn cho gọi Lã Bất Vi vào nội cung để gặp và nói cho Lã Bất Vi biết suy nghĩ của mình. Nhà vua nói:

– Trẫm nay tuổi đã cao, gần sáu mươi mới lên ngôi vị. Hàng ngày thiết triều, trăm công nghìn việc, rất khó chu toàn. Mong khanh góp ý giúp trẫm tìm một nhân tài để phong làm thừa tướng, phò tá cho trẫm và giúp việc trong triều.

Lã Bất Vi nghĩ rằng nhà vua cho gọi riêng mình, lại vừa bước vào đã thấy ngài nói ngay đến việc bổ nhiệm thừa tướng, cho nên, đây chắc chắn là ngài muốn chọn mình đây! Mặc dù nghĩ vậy nhưng Lã Bất Vi cũng phải làm một động tác để thăm dò ý tứ của nhà vua. Nghĩ vậy, bèn nói:

– Đại vương nói rất phải. Nước không thể một ngày không có Vua. Vua không thể một ngày không có thừa tướng. Chẳng hay đại vương đã chọn ai?

Hiếu Văn Vương nói rất trịnh trọng:

– Chỉ có hai người đã từng phụng sự tiên vương, đã có tài năng làm thừa tướng và cũng đã từng trải công việc đó.

– Nhưng chẳng hay đại vương muốn chọn ai? – Lã Bất Vi nghe nhà vua nêu lên những điều kiện đó, bèn hiểu ngay là mình không có phần, nên không khỏi cảm thấy chột dạ, tim đập mạnh. Tuy nhiên, ông ta cũng trấn tĩnh ngay lại và hỏi tiếp.

Hiếu Văn Vương nói với giọng thăm dò:

– Một người là Đỗ Thương, người kia là Thái Trạch, theo khanh thì ai hơn?

Đối với Đỗ Thương, Lã Bất Vi chẳng coi là gì, vả lại ông cũng đã từng cho ông ta lao đao một phen rồi, nên cố ý nói rất nghiêm túc:

– Tiên vương đã đích thân viết bằng máu bản thánh dụ, nói rằng nếu Đỗ Thương làm thừa tướng sẽ đắc thế chuyên quyền. Chẳng lẽ đại vương quên rồi hay sao?

– Sao mà quên được. Trẫm nghĩ rằng Tử Hề coi Đỗ Thương là thầy, quyền lực rơi vào tay ông ta, nhưng ta chỉ dùng Đỗ Thương làm phò tá, lại còn luôn luôn canh chừng, không để cho chuyên quyền. – Hiếu Văn Vương suy nghĩ quá đơn giản.

Lã Bất Vi nói với giọng rất nghiêm túc:

– Ông ta đã nắm được Tử Hề trong tay, tất sẽ có dã tâm chuyên quyền. Lời dạy của tiên vương cần được ghi nhớ!

Hiếu Văn Vương đành bác bỏ người thứ nhất vì cái gọi là “lời dạy của tiên vương”, và đành phải nêu người thứ hai:

– Vậy còn Thái Trạch thì như thế nào?

Khi bàn về Đỗ Thương, Lã Bất Vi đã suy nghĩ sẵn câu trả lời đối với người thứ hai. Lúc này, Lã Bất Vi tỏ ra có bộ óc rất sâu sắc, nhìn xa trông rộng, phản ứng nhạy bén, chẳng khác gì như một kỳ thủ có thể đi trước mười nước cờ, vì vậy ông mới được triều đình đại Tán trọng dụng. Ông thận trọng nhắc nhở nhà vua:

– Năm xưa Thái Trạch chỉ khua môi múa mép một thôi một hỏi là đoạt được cái chức thừa tướng của Phạm Thu, và được tiên vương liệt vào hàng ái khanh. Nhưng chỉ làm việc được ba tháng thì trong triều đã nổi lên biết bao điều chỉ trích, nên phải cáo bệnh xin lui. Ông ta tiến rất nhanh mà rút cũng rất đột ngột. Hành động của ông ta thật bí hiểm, tâm địa ông ta thật khó lường, thần không thể biết được con người này lòng dạ nông sâu thế nào. Trong khi đó thì bệ hạ lại khoan dung nhân hậu như thế! Xin đại vương suy xét cho thật kỹ!

Lời nói của Lã Bất Vi không khỏi có chút dựng chuyện hoang đường, thối phồng sự việc, vì vậy, đã làm cho Hiếu Văn Vương phải gạch bỏ hai người kia và chuyển sang Lã Bất Vi:

– Theo ý khanh, Trẫm cũng không cố chấp nữa; nhưng phải sớm tìm được người thích hợp, để giúp Trẫm xử lý công việc.

Lã Bất Vi biết rõ Hiếu Văn Vương rất sốt ruột, nhưng vẫn tránh câu trả lời thẳng, chỉ nói:

– Nếu nhân tài thích hợp mà gọi một tng đến ngay, thì ngay bây giờ thần chưa thể nghĩ ra, xin cho phép thần xem xét thêm.

Câu nói này của Lã Bất Vi nhằm để lót sẵn viên gạch cho con đường tiến thân của mình, chứ không vội vàng nhìn thấy mỗi là vô vào ngay.

Khi ra khỏi nội cung, Lã Bất Vi tìm ngay Tử Sở, nói riêng câu chuyện giữa ông ta và nhà vua cho Tử Sở biết; rồi viết một văn bản nói rất tỉ mỉ kế mưu của mình, xong nhờ Tử Sở đưa cho hoàng hậu Hoa Dương. Sau khi xem xong, hoàng hậu rất mừng vì Lã Bất Vi đã biết được Hiếu Văn Vương đã có suy nghĩ về việc chọn người làm thừa tướng. Vì vậy mới có kế mưu tuyệt vời này.

Nếu không, “bộ ba” này sẽ bị rớt lại đằng sau, thậm chí còn bị hất cẳng xuống vực sâu không biết chừng! Bà đã suy nghĩ kỹ và lên đốt bức thư viết trên lụa (kế mưu) của Lã Bất Vi để khỏi bị lộ. Sau đó, bà đến các phòng để xem xét tình hình các cung phi. Đặc biệt, bà đến phòng của Hạ Cơ, ngôi ở đó một lúc; nói cho Hạ Cơ biết tình hình gần đây của Hiếu Văn Vương, mãi đến gần tối mới về phòng mình. Hiếu Văn Vương vẫn chưa có quyết đoán gì, cho nên, sau khi cơm tối xong, ngài chủ động cho gọi hoàng hậu Hoa Dương và thái tử Tử Sở đến, nói cho hai người này biết câu chuyện chưa đến đâu đến đâu của ngài với Lã Bất Vi. Hoàng hậu trách ngài:

– Sao việc nhân sự trọng đại thế mà đại vương không bàn trước với thần thiếp?

Hiếu Văn Vương nói:

– Các người không hiểu hết các đại thần, nên trăm thấy không cần bàn.

Tử Sở nói:

– Mẹ con nhi thần không thể suy nghĩ thay cho phụ vương, nhưng cũng có thể nêu một số ý kiến để phụ vương xem xét thêm.

Hiếu Văn Vương gật đầu cười và nói:

– Vậy thì bây giờ Trẫm có thể nghe các người nói đây.

Lúc này hoàng hậu mới nói:

– Thần thiếp cho rằng Lã Bất Vi nói đúng, Đổ Thương và Thái Trạch không thể lại được giữ chức thừa tướng, vì không còn thích hợp nữa. Các đại thần khác, thần thiếp không hiểu lắm, nên không dám có ý kiến; nhưng tại sao đại vương không xem xét Lã Bất Vi?

Hiếu Văn Vương nói :

– Trẫm cũng có nghĩ tới, nhưng ngại rằng ông ta là một thương gia, chưa từng tham dự công việc triều chính, lại chưa bao giờ tham gia vào những việc đại sự của nhà nước, như thế thì có giữ được trọng trách một thừa tướng hay không? Huống chi ông ta đến nước Tần chúng ta còn ngăn ngày quá...

Tử Sở vội phản đối, Thái tử nói:

– Lã Bất Vi đã giúp nhi thần, đã làm một việc rất lớn là giúp hoàng hậu nhận con làm thừa tự, chính ông ta cũng là người đã xông vào hiểm nguy để cứu nhi thần từ cõi chết trở về. Đó chẳng phải là đại sự của nước Tần hay sao? Còn nói về thời gian dài hay ngắn, thì Thái Trạch đến Hàm Dương, chỉ bảy ngày được phong làm khách khanh, một tháng sau được đưa lên chức thừa tướng. Có ai có thời gian ngắn hơn thế nữa không?

Đến đây, Hiếu Văn Vương đã bị hai mẹ con hoàn toàn thuyết phục. Tiếp đó, hoàng hậu lại nêu lên mối quan hệ thân thiết giữa Lã Bất Vi và hai mẹ con bà để nhấn mạnh rằng Lã Bất Vi đã dốc hết tài sản và đưa cả nhà đến đây để cầu vinh, như vậy, ông ta chỉ còn một đường duy nhất là trung thành với chúng ta; vì thế, đó là phụ tá đáng tin cậy nhất của nhà vua. Cái chức thừa tướng không về tay ông ta thì còn ai nữa? Nghe vậy, Hiếu Văn Vương bèn quyết định phong Lã Bất Vi làm thừa tướng; tuy nhiên, vẫn lo ngại rằng trong số các lão thần sẽ có người không phục. Hoàng hậu liền đề nghị, mấy hôm nữa là Tết ngày rằm tháng Giêng, nhân dịp này nên mời các đại thần cùng chung vui, rồi nhân tiện thăm dò ý kiến của họ. Nhà vua và thái tử đều tán thành. Cuộc nói chuyện giữa ba người đã đưa đến kết quả đúng như sự gợi ý và dự kiến của Lã Bất Vi.

Đêm hôm rằm tháng Giêng, trong khuôn viên cung đình, đâu đâu cũng treo đèn kết hoa, người dự hội đi lại như mắc cửi. Các hoàng thân quốc thích, các công chúa công tử, các văn võ đại thần, vừa thủng thảng bách bộ, vừa xem hoa ngắm đèn, vừa chuyện trò to nhỏ. Họ cầu phúc cho năm mới, và cũng không quên bàn chuyện chính sự triều đình. Có người nêu lên câu hỏi rằng, nhà vua mới vừa mãn lễ tang bảy tuần chay tiên vương đã lên ngôi thiết triều, nhưng ghế thừa tướng vẫn bỏ trống, chẳng biết vị quan văn nào có may mắn được giao trọng trách đó? Thế là mọi người nhao nhao lên, đoán già đoán non, người này người nọ, rất rôm rả. Vừa lúc ấy, nhà vua và hoàng hậu đi qua, nghe họ bàn tán vậy, bèn thừa dịp hỏi dò suy nghĩ của họ. Tất nhiên là khi đứng trước mặt nhà vua thì mọi người không dám nói, cứ ấp a ấp úng, chẳng ai chịu nói rõ ý kiến của mình. Rốt cuộc phải đến lượt hoàng hậu Hoa Dương đứng ra góp chuyện. Bà nói:

– Để giúp vui, ta cùng nhau chơi trò “phù loan” [72] một lúc.

Nghe vậy, mọi người vui vẻ hẳn lên. Thế là nhà vua hoàng hậu, Tử Sở... đi trước, các đại thần ùn ùn chen bước theo sau, cùng đến chỗ “đình ngắm mây” (át vân đình), ngồi thành vòng tròn. Một người bảo thị vệ nội cung gọi thầy cúng cô đồng đến. Một lát sau, một thầy cúng và hai cô đồng khiêng một khung gỗ lớn dựng đầy cát (sa bàn) đến đặt vào chính giữa. Sau khi thắp hương, đèn, thầy cúng đứng ở phía đầu, tay trái giơ cao làm động

tác cầu khẩn thần linh, tay phải đặt lên ngực, mồm lẩm rầm tụng niệm nhỏ to. Hai cô đồng đưa tay làm cho mặt cát rất phẳng phiu, không để một chỗ nào lồi lõm không đều. Sau đó, mỗi người cầm một đầu của một thanh gỗ dài, ở giữa thanh gỗ đó lại có lắp một thanh gỗ nhỏ hơn, được lắp thẳng đứng tại điểm giữa của thanh gỗ ngang đó, mũi nhọn của thanh gỗ vừa chạm vào mặt cát, hơi ngập một chút xuống cát.

Sau khi mọi việc đã xong xuôi, thầy cúng đứng ở phía trên bèn nhắm mắt lại, hỏi mọi người:

– Thiên sư đã giá lâm, các người có việc gì cứ hỏi!

Chưa ai kịp mở mồm, thì thái tử Tử Sở đã nhanh nhẩu hỏi:

– Phụ vương đã lên ngôi ở ngai vàng, nhưng thừa tướng vẫn còn khuyết. Dám hỏi ai là người xứng đáng, xin thánh nhân phán truyền!

Bỗng thầy mo ngẩng đầu lên trời, lẩm bẩm điều gì đó, rồi dõng dạc tuyên bố:

– Thiên sư đã có lời phán truyền, xin hãy nhìn kỹ vào sa bàn.

Mọi con mắt đều đổ dồn vào mặt cát phẳng lạng. Bỗng thấy cái đầu nhọn của thanh gỗ thẳng đứng kia bắt đầu chuyển động. Nó tự động vẽ ngang rồi vẽ dọc, sang trái rồi sang phải, từng chữ từng chữ cứ lần lượt hiện ra trước mắt mọi người:

Ngày rằm cúng “phù loan”, thánh nhân đã lo toan.

Hai khẩu mở to mồm, ngậm lại là “tiêu” luôn.

Chữ Hàn còn một nửa; thừa tướng của nhà Tần ^[73].

Khi thanh gỗ ngừng chuyển động, thầy cúng nói to:

– Phán truyền đã xong, thần xin bái biệt!

Mọi người có mặt đều nhìn rõ mấy cây được viết rõ trên mặt cát và đều hiểu nội dung của nó: Lã Bất Vi làm thừa tướng phò tá vua Tần. Bỗng chốc có tiếng nói nhao lên từ mọi phía. Người thì tỏ ra rất kinh ngạc, người thì rất vui mừng và hoan hô, người thì thở dài thất vọng. Bỗng có người nói:

– Thánh nhân ở trên trời mà linh thiêng như vậy. Thật tuyệt vời!

Nhưng cũng có người lắc đầu bĩu môi:

– Ý trời hay là ý người?

Nhưng dù cho mọi người nói ngược nói xuôi thế nào, thì nhà vua, hoàng hậu và thái tử đã tin chắc vào lời phán truyền, tức là Lã Bất Vi phải là người thích hợp nhất để làm thừa tướng. Lã Bất Vi tỏ ra rất bất ngờ, tuy được trọng vọng nhưng không khỏi lo âu. Mới đầu, ông xưa tay không dám nhận. Nhưng cuối cùng, ông nói:

– Đã là ý trời thì xin tuân lệnh nhà vua. Vì thần xin đem hết tài hèn sức mọn để phò tá đại vương, kế thừa cơ nghiệp đại Tần.

Như vậy, Lã Bất Vi được nhà vua Hiếu Văn Vương phong làm thừa tướng vào năm đầu tiên niên hiệu Hiếu Văn Vương (năm 250 trước Công nguyên). Lúc ấy là đầu năm, lúc mà Hiếu Văn Vương đang trong thời kỳ để tang vua cha, chưa làm lễ lên ngôi, thừa tướng cũng chưa được chính thức bổ nhiệm. Cũng may là hồi đó, các chư hầu đều đang ra sức khôi phục nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh liên miên, khôi phục sức mạnh của đất nước. Vì vậy, nước Tần đang chịu tang cũng được nghỉ ngơi một thời gian. Hiếu Văn Vương nhân lúc quan hệ ngoại giao tương đối hòa dịu, gửi thư cho vua Triệu là Hiếu Thành Vương, yêu cầu cho đưa vợ con thái tử Tử Sở về Tần.

Khi Tử Sở vượt ngục ở ngoại thành Hàm Đan để chạy về Tần tám năm trước, vua Triệu hết sức tức giận, lúc đó ngài đã xử tử ngay Công Tôn Càn. Nhưng viên quan gác cổng thành ăn hối lộ của Lã Bất Vi thì vẫn nhờn như ngoài vòng pháp luật. Bởi vì, Lã Bất Vi có giấy thông hành của triều đình nhà Triệu cấp phát; quan canh cổng đã xem giấy hẳn hoi rồi mới cho Lã Bất Vi đi; nên được miễn truy cứu. Sau đó, nhà cầm quyền bắt đầu cuộc truy lùng để bắt mẹ con Triệu Cơ. Lúc bấy giờ, sau khi (thái tử Đan) lừa được Công Tôn Càn, cứu được Tử Sở trốn thoát, còn lại mẹ con Triệu Cơ đang đau khổ vì phải xa cách Tử Sở, thái tử

Đan buộc phải cho xe đưa mẹ con Triệu Cơ đến nhà ông chú của Triệu Cơ để trốn tránh. Làm như vậy là để tránh những phiền phức sau này. Ông chú họ Triệu thấy tình hình như vậy đoán biết thế nào cũng có chuyện, bèn vội vàng cho hai mẹ con Triệu Cơ thay quần áo, ăn mặc khác hẳn đi. Xong rồi, bảo Triệu Cơ xuống bếp đốt lửa nấu nướng; còn Triệu Chính (con trai Triệu Cơ, tạm lấy họ mẹ) thì cho ra vườn sau trà trộn với các cháu của ông. Quả nhiên, chiều hôm sau, một viên tướng đưa theo một toán lính xông vào nhà ông chú. Ông vội ra đón tiếp, ông nói:

– Chẳng hay tướng quân giá lâm tệ xá có gì sai bảo?

– Ông là chú vợ của tên Doanh Dị Nhân có phải không? – Viên tướng kia hỏi, hùng hùng hổ hổ.

– Đúng là tiểu thương này đấy ạ. Nhưng anh ấy đã được nhận làm con trưởng kế vị thái tử, đã vênh mặt tự đắc, chẳng thèm dòm ngó đến kẻ tiểu nhân này nữa. – ông chú họ Triệu cười ranh mãnh.

Viên tướng cố nhiên là không tin, nghiêm sắc mặt hỏi tiếp:

– Trước kia thì quả có thế. Nhưng từ khi hai nước đánh nhau hẳn đã trở thành tử tù, và tối qua đã vượt ngục chạy trốn rồi!

Nghe cách nói của viên tướng, ông chú biết rằng Doanh Dị Nhân đã thoát nạn một cách an toàn. Ông mừng lắm. Nhưng vẫn giả vờ như chẳng hay biết gì, bèn hỏi lại:

– Vượt ngục chạy trốn rồi ư? Chắc là chưa chạy được xa nên các ngài đã đuổi kịp và bắt về rồi chứ?

– Bắt được ta rồi ư? Nếu vậy thì ta chẳng phải tìm đến đây – Viên tướng nổi nóng.

– Con tin đã chạy khỏi Hàm Đan, sao lại có thể đến tệ xá này được. Nếu đến đây thì hóa ra chui đầu vào cạm bẫy để ngồi chờ chết hay sao? – ông chú đáp lại, rất bình tĩnh.

– Ta lại chẳng biết thế hay sao. Ta đến đây là để bắt vợ con nó đền tội. – Viên tướng nói xong, toan xông vào nhà.

Ông chú cười, nói:

– Mẹ con Triệu Cơ ở trong phủ, làm gì có ở đây.

Viên tướng điên tiết chửi mắng:

– Ông hết sức xảo quyệt, nhất định là muốn lừa bịp ta. Ta phải lục soát ngay.

– Tướng quân lục soát thì tiểu thương này không dám trái lời. – Nói xong, ông vội tránh sang một bên và nói tiếp – Xin mời tướng quân!

Viên tướng lập tức vẫy tay ra lệnh cho binh sĩ:

– Theo ta lục soát tất cả mọi nơi!

Ngay lập tức toán lính nhanh chân theo chỉ huy của chúng đi vào nhà trong, nhà ngoài, lục soát khắp nơi, gặp ai cũng hỏi dồn hỏi dập, nhất là các cô, các bà nhưng đều vô hiệu. Cuối cùng chúng đột nhập vào nhà bếp, thấy Triệu Cơ. Chúng hỏi:

– Người là ai?g

– Dạ thưa, tôi là đầy tớ nấu ăn ạ! – Triệu Cơ quay mặt lại phía bọn lính và trả lời. Mặt cô bị nhọ nổi dính đầy, lem luốc, đến nỗi trông không rõ con mắt nữa.

Viên tướng thấy người con gái này có vẻ lạ, bèn muốn nhìn cho kỹ, nên nghi nghi hoặc hoặc. Ông ta hỏi:

– Tại sao lại bôi nhem nhuốc thế kia?

Trong lúc gấp gáp, Triệu Cơ lấy que gạt than chọc mạnh vào bếp lò, lập tức khói than bùng lên, bốc cao và tỏa ra khắp buồng bếp. Viên tướng bị khói hun cho cay xè hai mắt, sặc ho liên tục, bèn xua tay, bảo:

– Thôi đi. Thôi đi. Hãy dập ngay lại cho ta! – Nói xong bèn quay gót đi ra.

Vừa lúc ấy, Triệu Chính, con Triệu Cơ, vừa lên ba, chạy vụt vào nhà bếp, đụng vào

người viên tướng. Viên tướng tức giận túm lấy đứa bé, hỏi:

– Thằng ranh con này, mày chạy đi đâu?

Triệu Chính tỏ ra không chịu, trả lời rằng:

– Cháu chẳng chạy đi đâu cả. Cháu đi tìm mẹ cháu!

– Tìm mẹ mày hả? – Viên tướng hỏi tiếp.

Triệu Chính chỉ tay vào Triệu Cơ rồi nhe răng cười:

– Kia! Bà nấu bếp kia kia! á

Viên tướng lại quay lại nhìn Triệu Cơ. Lúc này khói vẫn còn bốc lên, tỏa ra. Ông ta vẫn rất ngại đi vào bếp, bèn khẽ nói với em bé:

– Đi đi Đi đi!

Triệu Chính dụi mắt và chạy đến bên mẹ.

– Đứng lại. Đi lại đây! – Viên tướng bỗng gọi giật giọng.

Khi Triệu Chính đến trước mặt, viên tướng túm lấy cổ áo em, hỏi gấp :

– Thằng nhãi ranh này, mày tên gì?

– Tôi không phải là nhãi ranh đâu. Tôi đường đường chính chính là chính gốc của hoàng gia đây! – Triệu Chính trả lời rất tự nhiên.

– Đường đường chính chính cái gì? – Viên tướng hí hửng hỏi tiếp – Mày nói chính gốc hoàng gia nào?

– Tôi họ Triệu, tên là Chính, chẳng lẽ không phải chính gốc hoàng gia nhà Triệu là gì? – Triệu Chính trả lời, giọng rất cứng cỏi.

Viên tướng đang bán tín bán nghi thì ông chú đi tới. Thấy tình hình có vẻ căng, ông bèn nhanh trí mắng Triệu Chính:

– Cháu về với mẹ ở bếp đi, chớ gây trở ngại cho công việc của ngài đây!

Viên tướng đành buông tay cho em bé đi, rồi quay lại hỏi ông chú:

– Thằng bé này thật là...

Ông chú vội nói :

– Nó là Triệu Chính, cháu họ của tôi. Cha cháu mất sớm, cháu theo mẹ đến đây. Mẹ cháu giúp việc nhà bếp.

– À, thằng bé nó nói hoàng gia cái gì nhỉ? – Viên tướng muốn hỏi cho ra nhẽ.

– Đại vương nước ta chẳng phải họ Triệu là gì. Thằng bé này lại hay hiểu thẳng, thích làm bộ làm tịch, hay nói khoe khoang, xin tướng quân bỏ quá đi cho. – ông chú nói qua quýt cho xong chuyện, rồi quay sang mẹ con Triệu Cơ – Này, mẹ con cô mau ra xin lỗi ngài đây, thằng bé ăn với nói, chỉ toàn hỗn!

– Xin vâng ạ. – Triệu Cơ bỏ que gạt than xuống, lôi Triệu Chính xềnh xệch đi đến trước mặt viên tướng, dáng bộ sợ sệt. Nàng cúi gằm mặt xuống, mắt lấm la lấm lét, chẳng nói chẳng rằng.

Viên tướng thấy Triệu Cơ vừa sợ vừa bần thủ, trông đáng ghét, nên vội xoa tay:

– Thôi, thôi! – Vừa nói vừa định quay đi, nhưng còn nghiêm sắc mặt bảo ông chú – Hôm nay ta không tìm thấy. Máy hôm nữa mẹ con nhà nó đến đây, ông phải đến bẩm báo. Nếu cứ giấu giếm, sẽ bị trị tội như phạm nhân chạy trốn!

– Nếu mẹ con nó đến, tôi nhất định bắt nộp quan phủ. Không phiên tướng quân phải vất vả đến đây! – ông chú nói luôn mồm, vừa nói vừa tiển chân toán lính đi ra cửa, thậm chí mong bọn chúng cút đi cho mau.

Sau vụ lục soát này, mặc dù Triệu Cơ may mắn thoát nạn, nhưng ông chú không dám để mẹ con Triệu Cơ ở lại nhà mình lâu hơn. Lúc ấy, nhóm ca kỹ ở nhà hát Lưu Xuân Viên

phải giải nghệ vì chiến tranh, mỗi người tự kiếm sống. Người thì may vá quần áo hoặc giặt thuê. Cũng có người đi hát rong khắp nơi. Vì vậy mẹ con Triệu Cơ cũng sinh sống bằng cách đó, cũng làm thuê hoặc dạy hát. Hai mẹ con sống như vậy trong sáu năm, trong sự che chở của bà con, xóm giềng và bạn bè. Vua Triệu Hiếu Thành Vương nhiều lần sai người đi lùng sục, nhưng đều không thấy tăm hơi ở đâu. Trong khi đó, thái tử Đan (nước Yên, đến làm con tin ở Hàm Đan) và thừa tướng Bình Nguyên Quân cũng nhiều lần tâu với nhà vua rằng, chồng của Triệu Cơ là Doanh Dị Nhân, nay đã trốn về nước Tần rồi, chắc chắn là lấy vợ khác rồi, nước Triệu cứ lùng bắt mẹ con Triệu Cơ, chỉ uống công vô ích. Vua Triệu nghe vậy, bèn thôi không sai người tìm kiếm nữa. Đó cũng là nguyên nhân khiến mẹ con Triệu Cơ may mắn sống sót. Cũng vì vậy, hai mẹ con hết sức biết ơn thái tử Đan đã hết lòng cứu giúp.

Nay quan hệ hai nước Tần, Triệu đã hòa dịu. Vua Tần Hiếu Văn Vương lại viết thư khẩn thiết yêu cầu vua Triệu cho mẹ con Triệu Cơ về Tần. Vua Triệu Hiếu Thành Vương cũng nhân dịp thuận tiện này làm một cái gì đó để quan hệ hai nước càng tốt hơn. Ngài bèn sai người đến báo cho ông chú Triệu Cơ biết rằng nếu tìm được mẹ con nàng, nhà vua sẽ cấp cho giấy thông hành và cho xe đưa về Tần. Sau đó ít lâu, mẹ con Triệu Cơ lên đường về Tần. Lúc ra đi, hai mẹ con cứ bịn rịn quyến luyến mãi trước mặt cả nhà ông chú cũng như hàng xóm láng giềng và các bạn bè đã cư mang giúp đỡ mình trong bao năm qua. Riêng Triệu Chính thì còn thêm một tâm trạng khác, cậu rất ghét những người đã khinh bỉ và lừa dối cậu.

Trên đường về Tần, Triệu Cơ vừa vui mừng vừa lo. Vui vì phải gian nan vất vả lắm mới chấm dứt được cuộc sống chui lủi giống như một tên tội phạm để trở về đoàn tụ với người thân của mình. Nhưng lo vì xa cách đã sáu năm, công tử còn nhớ đến mẹ con mình hay không? Hay là đã sớm có nguồn vui khác, đã sớm ôm cây tỷ bà khác rồi? ... Nỗi lòng băn khoăn trăn trở ấy cứ đeo đẳng mãi Triệu Cơ trong ngót mười ngày rong ruổi, cho đến khi đặt chân đến Hàm Dương.

Trong hoàng cung từ lâu đã biết tin Triệu Cơ trở về. Lã Bất Vi đi cùng thái tử Tử Sở đến cổng hậu cung để đón mẹ con Triệu Cơ. Sau đó, hai người đến chào nhà vua và hoàng hậu Hoa Dương; chào Hạ Cơ và các phi thiếp khác.

Khi gặp các phi thiếp của thái tử, Triệu Cơ thấy quả đúng như mình đã dự đoán. Tử Sở đã sớm lấy nàng Tề Cơ và một số thê thiếp khác, đã sinh ra hai công tử Thành Kiều, Hòa Khánh và mấy cô công chúa nữa. Điều này làm cho Triệu Cơ rất buồn. Nàng lo nhất là một khi tình cảm thay đổi, địa vị của mình cũng rất dễ lung lay. Nghĩ vậy, nàng bèn khóc lóc trước mặt hoàng hậu và thổ lộ hết tâm tư của mình. Hoàng hậu giải thích rằng, việc lấy thê thiếp cho thái tử là cốt để làm vui bớt nỗi cô tịch của chàng; đó chỉ là kế sách nhất thời. Công việc trong đông cung vẫn do nàng chủ trì. Và ngay lúc ấy, bà yêu cầu thái tử Tử Sở sớm quy định và công bố danh phận chính thức của Triệu Cơ.

Ba hôm sau, vừa đúng ngày lành tháng tốt, lễ chính thức sắc phong Triệu Cơ làm chánh phi của thái tử Tử Sở và chủ trì nội chính đông cung được tổ chức tại thái miếu nhà Tần. Buổi lễ do đích thân nhà vua Hiếu Văn Vương và hoàng hậu Hoa Dương chủ trì. Trong buổi lễ này, cũng tuyên bố đổi họ của con Triệu Cơ, bỏ họ Triệu, lấy họ Doanh – họ tộc vua Tần – tức là Doanh Chính; không gọi Triệu Chính nữa. Lúc ấy Doanh Chính mười tuổi. Cậu cảm thấy hết sức tự mãn và kiêu ngạo, vì mới ngày nào còn sống như tù nhân ở nước Triệu, nay đường hoàng là công tử hoàng gia nước Tần, mau lẹ đổi nhục thành vinh. không gì vui sướng cho bằng. Nhất là khi cậu ta ngược mắt lên thấy “linh đường” thờ cụ tổ tiên vương Tần Chiêu Vương rất linh thiêng và oai vệ; lại thấy ông nội Hiếu Văn Vương tuy tầm thường yếu nhược nhưng là đại vương nên được quần thần tôn kính và phục tùng. Lúc ấy, trong tâm trí non nớt của cậu, nảy sinh một ý nghĩ cho rằng quyền vua cao hơn hết thảy. Và điều này trở thành niềm tin và chuẩn tắc không bao giờ thay đổi suốt đời cậu.

Lã Bất Vi thấy Triệu Cơ và Doanh Chính trở về bình an, cố nhiên là vui mừng khôn xiết. Mỗi lần vào cung bẩm tấu nhà vua và hoàng hậu, ông đều thăm hỏi Triệu Cơ và hết sức quan tâm tới việc ăn học của Doanh Chính. Có cái gì bí ẩn trong này, đương nhiên chỉ có hai người thâm biết mà chẳng nói ra mà thôi. Để có thể thường xuyên gặp nhau và bồi dưỡng tình cảm của con đối với “cha”, Triệu Cơ luôn luôn nói cho con nhớ lại công ơn sâu nặng của Lã Bất Vi đã từng hết lòng giúp đỡ cha là thái tử Tử Sở; đã rất vô tư xe mổi t

duyên cho cha mẹ; đã không từ gian nan nguy hiểm cứu con thoát ngục rồi trở về làm con trưởng thừa tự... Do vậy, Doanh Chính ngày càng có tình cảm và tôn kính Lã Bất Vi; và tiếp nhận sự dạy dỗ của Lã Bất Vi như chính cha mình. Doanh Chính chăm chỉ đọc sách, học tập, quyết chí mở mang cơ nghiệp nhà Tần.

Thời gian trôi nhanh, tâm trạng bi thương do cái chết của vua Tần Chiêu Vương cũng phai nhạt dần rồi lui vào quên lãng. Vua mới Hiếu Văn Vương cảm thấy rất phấn khởi và nóng lòng trước việc sắp tự mình lâm triều, làm chủ thiên hạ. Đặc biệt, hai mẹ con Triệu Cơ trở về bình an vô sự, làm cho ngài cảm thấy vua Triệu còn có sự tôn trọng nhất định đối với việc bản thân mình lên kế vị ngôi vua đại Tần. Nghĩ vậy, ngài càng thêm tự tin hơn, quyết chí nối nghiệp vua cha, làm thật tốt nội trị trong nước và giành thắng lợi quân sự ở bên ngoài. Với niềm tin đó, ngài luôn luôn tự mình xử lý mọi việc, từ việc công cho đến việc tư, nhằm đạt được kết quả mỹ mãn nhất, để đến ngày tế tổ lên ngôi, tỏ ra xứng đáng với liệt tổ liệt tông, nhất là với vua cha vừa mới mất. Tuy nhiên, lực bất tòng tâm, ngài đau yếu luôn, sức khỏe rất kém. Ngài hay váng đầu hoa mắt, tim đập mạnh, thở khó và gấp, mồ hôi trộm đầm đìa. Mặc dù ngự y rất cao thủ, bốc thuốc thần dược, thuốc đại bổ chẳng thiếu gì, nhưng bệnh tình chẳng hề thuyên giảm. Nhưng ngài vẫn kiên tâm gánh vác công việc. Vì cái ngài vàng chí tôn này, ngài mong muốn và chờ đợi đã lâu, đã quá lâu rồi.

Rốt cuộc thì ngày đó đã đến. Tháng Mười năm thứ nhất Hiếu Văn Vương, thời gian để tang một năm đã mãn. Đại lễ chính thức lên ngôi của vua Hiếu Văn được cử hành vào ngày Kỷ Hợi với nghi thức long trọng nhất, náo nhiệt nhất; hoàng gia không thiếu một ai, quần thần không vắng một vị, đại tiệc suốt ngày, ca vũ thâu đêm. Hiếu Văn Vương không giấu nổi niềm vui tràn ngập trong lòng. Ngài liên tục đón nhận chúc rượu của hoàng hậu, thái tử, và đều cạn chén cả. Ngài còn chủ động tìm đến Hạ Cơ chúc rượu, nói mấy câu rằng trước đây ngài quá thiên lệch, mong bà thông cảm chớ. Hạ Cơ xúc động rơi nước mắt nhưng vẫn tỉnh táo chúc mừng nhà vua hiển vinh đấng quang, phúc thọ lâu bền. Hiếu Văn Vương lại đến chỗ trung tâm của cung đình, các đại thần thấy nhà vua liễn tung hô và bái lạy. Cuối cùng ngài đi về cung của mình, bám gót theo sau ngài là một đoàn thành viên hoàng gia.

Không ngờ, sau khi ngài nằm xuống nghỉ ngơi chưa được bao lâu, thì nghe thấy tiếng kêu thét của hoàng hậu Hoa Dương:

– Bay đâu, đến ngay!

Mọi người chen nhau đi vào phòng ngủ của ngài, chỉ thấy Hiếu Văn Vương nằm cứng đờ trên giường, hai mắt trợn ngược, cánh mũi phập phồng, tim đập rất yếu, hơi thở sắp tàn. Ngự y vội đến bắt mạch, chẩn đoán. Loay hoay một lúc, bèn nói rằng đại vương thể chất vốn đã suy nhược nay bỗng quá vui, khí huyết không thông, tim không trụ nổi. Mặc dù đã hết sức cấp cứu bằng thuốc uống, châm cứu, cúng thần, phù chú, nhưng không thể cứu sống được. Rốt cuộc, vị “tân vương” nằm mê man bất tỉnh trong ba hôm rồi mất. Đó là ngày Tân Sửu tháng Mười năm thứ nhất Hiếu Văn Vương. Cũng có nghĩa, ngài chỉ ở ngôi ba ngày, mà là ba ngày bất tỉnh. Có thể đó là vị quân vương làm vua ít ngày nhất trong lịch sử cổ kim. Hơn nữa, ngài làm vua nhưng không hề để lại một chữ di chiếu. Đó cũng lại là chưa từng có.

Nước Tần lại chìm ngập trong đau thương của quốc tang. Để ngăn ngừa rối loạn, ổn định nhân tâm, thái tử Tử Sở được lập tức đưa lên ngôi, niên hiệu Trang Tương Vương.

Trang Tương Vương tôn mẹ nuôi, hoàng hậu Hoa Dương làm thái hậu Hoa Dương, tôn mẹ đẻ Hạ Cơ làm thái hậu Hạ Cơ; phong Lã Bất Vi làm thừa tướng, ban cho ông tước vị Văn Tín Hầu, hưởng ấp mười vạn hộ.

Trang Tương Vương tiếp tục thực hiện những kế sách và chủ trương lớn mà Hiếu Văn Vương vốn đã có ý định thi hành. Đó là đại xá tội phạm; biên soạn sử sách nói về công lao và thành tích của tiên vương và các công thần; ban thưởng lộc hậu cho hoàng thân quốc thích; nói lỏng việc xây dựng hoa viên (vườn hoa) và săn bắn. Những chủ trương ấy có tác dụng tích cực nhất định đối với việc xóa bỏ sự ngăn cách giữa các nhánh trong hoàng tộc, vỗ về được các lão thần, ngăn chặn được các đầu mối gây họa và ổn định trật tự xã hội.

Tuy nhiên, chỉ trong một năm mà hai nhà vua theo nhau ra đi, có ảnh hưởng rất xấu với nhà Tần. Nào là việc triều chính không có nề nếp vì đang thời kỳ lễ tang; nào là tranh

giành nhau ngôi thái tử đông cung; nào là đố kỵ ghen ghét nhau giữa chánh phi, thứ phi...; nào là các văn võ đại thần tự tăng bốc mình để được trọng thưởng trọng dụng. Biết bao nhiêu chuyện phiến toái cứ làm cho đầu óc Trang Tương Vương Tử Sở và tân thừa tướng Lã Bất Vi rối tung rối mù. Mà nguy cơ lớn nhất lại là hoạ ngoại xâm từ khắp bốn phương ập đến. Đó là, năm năm trước, Tần Chiêu Vương sai tướng Doanh Liêu đánh một trận tiêu diệt nhà Tây Chu; lại còn lấy của họ chín chiếc đỉnh lớn, tượng trưng cho quyền lực quốc gia, đưa về nước Tần. Hơn nữa, đã giáng cấp Noãn Vương của Tây Chu, chỉ được gọi bằng quân, không được gọi bằng vương, tức là Tây Chu Quân. Giáng cấp Đông Chu Công xuống Đông Chu Quân (Đông Chu Công vốn là hậu duệ của một nhánh của Vũ Vương, đóng đô ở huyện Cửng). Lúc bấy giờ, Đông Chu Công không chấp nhận việc giáng cấp đó và định kháng nghị; nhưng vì thân cô thế cô, nên không dám lên tiếng; đành ngậm đắng nuốt cay, chờ thời cơ hành động, theo gương Việt Vương Câu Tiễn nếm mật nằm gai vậy.

Nay thấy nước Tần liên tiếp quốc tang trong một năm, chắc chắn nội bộ sẽ phát sinh lăm chuyện rắc rối, bèn cho rằng đây là thời cơ tốt nhất để diệt Tần trả thù. Tiếp đó, Đông Chu sai sứ gấp rút đến các nước chư hầu, bày tỏ rằng Đông Chu sẵn sàng giữ trọng trách của nước đứng đầu liên minh “hợp tung” (trưởng hợp tung), cùng nhau hợp lực trừng phạt nhà Tần. Trong khi đó, các nước đều bị Tần xâm lược và ức hiếp rất tàn bạo trong nhiều năm. Nhiều nước phải cắt đất nhượng thành trì cho Tần; hoặc hao binh tổn tướng, đất nước tan hoang vì quân Tần. Vì vậy, nước nào cũng dồn nén căm thù lâu ngày, chỉ chờ có dịp là ra tay. Nay Đông Chu lên tiếng, các nước hưởng ứng ngay. Nước Tần đang đứng trước rừng gươm biển giáo. Đông bão sắp nổi lên khắp nơi và chắc chắn sẽ ập đến nước Tần.

Vị vua mới của nước Tần Trang Tương Vương, sau bao nhiêu năm hạ mình làm con tin, nay mới kế vị bước lên ngôi báu, làm gì có cái khí phách và đảm lược bao quát thiên hạ, trừng mắt chư hầu. Những tin tức quân sự do kỵ binh hỏa tốc cấp báo, cứ dồn dập đưa về, làm cho nhà vua Trang Tương Vương vô cùng lúng túng. Ngài bèn vội gọi Lã Bất Vi vào nội cung để bàn bạc đối sách. Lã Bất Vi vừa mới đẩy cửa bước vào, đang sắp sửa cúi lạy bái chào. Nhưng Trang Tương Vương đã vội ngăn lại:

– Thừa tướng, miễn lễ. Mau lại bàn việc khẩn!

– Đại vương có việc gì mà kinh hoàng đến thế? – Lã Bất Vi vẫn chắp hai tay vái chào rồi mới tới gần nhà vua và hỏi với thái độ rất quan tâm, lo lắng.

Nhà vua vội đưa một tập văn thư cấp báo cho Lã Bất Vi chỉ tay vào đó và nói:

– Đông Chu Quân gây sự, các chư hầu hùa theo, xâm phạm đại Tần. Làm thế nào bây giờ?

Lã Bất Vi không chú ý đến tập văn thư, chỉ thản nhiên trả lời:

– Việc mà đại vương lo nghĩ, vi thần đã biết từ lâu. Những tin tức quân cơ cấp báo này đến đây vừa đúng lúc. Tốt quá!

– Ta đang sốt ruột vô cùng, ngươi lại nói rất tốt là nghĩa làm sao? – Nhà vua không hiểu ý Lã Bất Vi.

– Khổng Tử nói: Một nước không có nỗi lo bên trong, không có tai họa bên ngoài, thì luôn mất nước. – Lã Bất Vi trả lời rất ung dung, trịnh trọng. Ông nói tiếp – Nước ta trong một năm mất hai đức vua, vua mới vừa lên ngôi, thì triều đình tranh công, hoàng gia ghen tỵ; tù mong ân xá, dân lo quốc loạn. Mối lo bên trong nặng nề như vậy, đại vương làm sao kham nổi?

Nhà vua liên tục gật đầu và nói:

– Nay từ triều đình cho tới xã tắc đều không yên, rối ren lộn xộn như mớ bòng bong, rất khó tháo gỡ. Lại thêm sáu nước đưa binh mã hùng hổ đe dọa...

– Mối lo bên trong sở dĩ nảy sinh là do lòng người ăn ở thất đức, tham vọng riêng tư quá nhiều. Nhưng một khi có giặc đến xâm lăng ắt phải đồng tâm hiệp lực, chống trả cường địch. Lúc ấy, tham vọng riêng tư sẽ bị lên án nên khó lòng thực hiện. Vì vậy, vi thần cho rằng Đông Chu và chư hầu xâm nhập là việc tốt để khơi dậy lòng căm thù kẻ địch và khôi phục khí thế oai hùng của đại Tần ta.

Những lời hùng biện của Lã Bất Vi làm cho nhà vua rất khâm phục, nhưng ngài vẫn cảm thấy chưa thể nắm chắc phần thắng. Ngài hỏi:

– Như khanh vừa nói thì cứ ra quân chống địch, nhưng hai tay làm sao địch nổi bốn tay?

– Có một đạo lý nói rằng: Muốn bắn người, trước hết phải bắn ngựa, muốn bắt giặc trước hết phải bắt tên cầm đầu. Chỉ cần đánh bại Đông Chu, sáu nước kia ắt sẽ tan đàn sẻ nghé.

Rõ ràng là Lã Bất Vi đã có suy nghĩ rất kỹ về chiến lược phòng ngự.

– Ta phê chuẩn những điều khanh tấu trình. Lập tức đưa mười vạn quân đánh chiếm Đông Chu. Nhưng ai sẽ thống lĩnh quân đội? - Trang Tương Vương hỏi ý kiến Lã Bất Vi.

Lã Bất Vi trả lời:

– Thống lĩnh ba quân lần này không cần ai khác, để cho vi thần làm soái là xong.

Câu trả lời này làm cho nhà vua vui mừng bất ngờ, bèn nói:

– Thừa tướng là bậc đại tài trong việc buôn bán làm ăn và trong kinh bang tế thế. Điều này ta đã biết từ lâu và hết sức khâm phục. Nhưng việc đánh nhau nơi biên cương, xông pha nơi rừng gươm lửa đạn, người làm sao có thể thống lĩnh được một đạo quân dũng mãnh?

Lã Bất Vi vuốt râu mỉm cười. Ông nói rằng, cái căn bản của đạo lý tác chiến là sự thao lược và dùng gươm đao làm phương tiện. Trong lĩnh vực này, tất cả các tướng đều không phải là nhờ có võ công, mà là biết điều hành nơi màn trướng, ở lán chỉ huy, cách xa ngàn dặm mà có thể quyết định thắng lợi. Ngày xưa, Văn Vương, Chu Công, Khương Tử Nha... có ai không phải là nhà chính trị thông minh tài giỏi đâu. Chẳng phải Tôn Tần bị cắt chân, phải ngồi trên xe đẩy, nhưng vẫn đưa Bàng Quyên đến chỗ chết đó sao? Cái bàn tính của tiểu thương họ Lã này vừa có thể kiếm tiền, vừa có thể hoạch định việc trị nước yên dân. Còn nói về sức mạnh võ công và phất cờ chỉ huy quân đội, thì cũng có thể lấy mưu trí thắng dũng mãnh và giành được toàn thắng! Tuy nhiên, Trang Tương Vương vẫn cứ lo rằng ông ta chỉ “đánh giặc trên giấy”, nhờ ra bị thất bại, thì không còn là chuyện vinh chuyện nhục của cá nhân ông ta nữa, mà là có liên quan đến an nguy của nước đại Tần. Làm một thừa tướng, ông ta không thể đưa vận mệnh của đất nước, của dân chúng ra làm trò đùa!

Nghe nhà vua nói vậy, Lã Bất Vi nổi nóng lên. Nhưng trước mặt đáng chí tôn, chẳng ai dám có hành vi gì bất kính, đành phải dịu giọng vui vẻ xin nhà vua cho tự tay viết bản quân lệnh, và lấy tính mạng của cả nhà để đảm bảo. Trang Tương Vương cuối cùng đã ra lệnh cho Lã Bất Vi đưa mười vạn quân đi đánh chiếm Đông Chu.

Tại buổi lễ trao binh phù (hổ phù) và ăn thề dưới cờ trận, Trang Tương Vương chủ trì, Lã Bất Vi đọc bản quân lệnh viết bằng máu. Trong trang phục quân sự, với tư thế của một tướng soái, Lã Bất Vi đồng dục đọc (dịch ý):

Hai lần quốc tang, cả nước đau buồn.

Đông Chu gây sự, sáu nước hòa theo.

Đức vua ra lệnh, Bất Vi cầm quân

Thề diệt Đông Chu, quét sạch chư hầu.

Nếu không chiến thắng, sẽ chết không về.

Cả nhà chịu tội, chu diệt thẳng tay.

Nay đọc quân lệnh, muôn dân cùng hay.

Trời đất chứng giám, vua Tần oai nghiêm.

Trang Tương Vương tiếp nhận bản quân lệnh, chúc rượu Lã Bất Vi. Tiếp đó là trống trận nổi lên, cờ bay rợp trời. Lã Bất Vi đi dưới lá cờ soái đang phấp phới trên đầu, dẫn đầu mười vạn đại quân, rầm rập tiến bước, đi ra chiến trường theo hướng Đông Chu.

Sở dĩ Lã Bất Vi phải cố sức xin cho được cầm quân ra trận, là vì ông biết rất rõ rằng quá trình thăng tiến của mình trời yên biển lặng quá, lên làm thừa tướng quá nhanh cho nên các lão thần nhà Tần không phục. Vì vậy, thà đem cái bản lĩnh mãnh hổ hùng long của mình ra thi thố để cho bọn họ biết tay, còn hơn là để cho những kẻ nhỏ mọn kia ghen ăn tức ở rồi cản trở mình lúc nào không biết. Và cái cách nhanh chóng nhất, có hiệu quả nhất là chiến thắng Đông Chu, lập nên công trạng hiển hách giống như Phạm Thư trước đây đã dùng mưu chiến thắng quân Triệu ở Trường Bình, sau đó, đánh diệt Tây Chu. Được vậy, không chỉ làm cho văn võ bá quan nước Tần phải kính nể mình mà cả sáu nước chư hầu cũng phải khiếp sợ. Kết quả sẽ là vị vua mới do ông ta bồi dưỡng đưa lên – Trang Tương Vương, và cái ghế thừa tướng của ông ta, sẽ có chỗ dựa lâu bền và vững vàng như bàn thạch.

Về chiến lược quân sự, Lã Bất Vi chủ trương dốc toàn lực đánh Đông Chu, còn sáu nước chư hầu khác, chỉ dùng chiến tranh tâm lý và chính trị để tiêu diệt họ. Trước khi xuất quân đánh Đông Chu, ông sai các môn khách của mình đi sáu nước, trao cho quốc vương mỗi nước một bản thông điệp [74]. Trong khi vua chúa các nước chư hầu đang chờ tín hiệu để đem quân hợp lực với Đông Chu đi đánh nước Tần, thì họ đọc được bản thông điệp viết trên vải của Tần như sau:

“Này, Đông Chu Quân kia! Nhà ngươi tuy là dòng dõi thiên tử, nhưng từ lâu chỉ còn là kẻ đứng đầu một tiểu quốc. Nay dám lợi dụng nước ta hai lần đại tang để đưa quân xâm phạm đại Tần ta. Nực cười thay, châu chấu đá voi, ngươi làm sao mà ngăn cản được chiến xa của ta lăn bánh. Ta đang cho đại quân đông tiến, chỉ mấy ngày nữa là cung đình nhà ngươi sẽ bị san bằng địa. Kẻ chư hầu nào dám liều mạng chạy trước ngựa các ngươi để “làm bia đỡ đạn”, dặng kiếm chút cơm thừa canh cặn của ngươi, ta sẽ đưa quân san bằng nước đó. Hãy nhớ, cung tên kiếm kích vô tình, khoảnh khắc biến các ngươi thành tro bụi. Nay truyền hịch răn dạy các ngươi, nên “tiên học lễ hậu dùng binh”. Nếu cứ nhắm mắt mê muội, thì nước mất, vua cũng không còn”.

Sau khi đọc bản thông điệp nói trên, các ngài quân chủ chư hầu khiếp sợ kinh hoàng, hồn bay phách lạc, rùng mình sồn gáy, tất cả quyết tâm và dũng khí đánh Tần vốn có trước đây nay bỗng tan biến đâu mất. Tất cả đều rụt cổ co vòi, chẳng ai dám ho he đến chuyện đánh Tần nữa. Đông Chu Quân trở thành thân cô thế cô, chẳng nước chư hầu nào dám hợp lực nữa, nên tinh thần “cầm đầu hợp tung” tan thành mây khói. Thêm vào đó, nước Đông Chu quân ít tướng không nhiều, sao có thể chống cự nổi mười vạn đại quân dày dạn trận mạc của nhà Tần. Vì vậy, hai bên chỉ mới chạm trán nhau là quân Đông Chu tan tác rã đám, cầm cổ chạy thực mạng, giẫm đạp lên nhau. Quân Tần thừa thắng xông lên, chiếm hết thành nọ đến thành kia, dễ như bẻ cành cây khô, đẽo cây gỗ mục. Cuối cùng bắt sống cả Đông Chu Quân, hoàn toàn chấm dứt triều đại nhà Chu từng hiển hách ở ngôi thiên tử cách đây 873 năm về trước.

Lã Bất Vi trống giông cờ mở, ca khúc khải hoàn, hiên ngang về nước. Vua quan nhà Tần ra ngoài thành tận mười dặm để nghênh đón đoàn quân chiến thắng của Lã Bất Vi. Trang Tương Vương đích thân nâng cốc ba lần chúc rượu Lã Bất Vi, gọi là để rửa sạch bụi trần cho vị thống soái vừa xông pha lửa đạn thắng lợi quay về. Các thành viên hoàng gia và văn võ bá quan đều chen chúc nhau đến chúc mừng thừa tướng.

Thắng lợi to lớn này làm cho Lã Bất Vi và Trang Tương Vương thêm gắn bó với nhau, phối hợp chặt chẽ với nhau rất ý hợp tâm đầu. Nhờ vậy, địa vị của cả hai người ngày càng củng cố, không chỉ được thần dân trong nước hết sức kính trọng ủng hộ; mà còn lừng danh khắp thiên hạ, sáu nước chư hầu đều khép nép nhìn nhau.

Chiến thắng vang dội nói trên cũng mở mặt mở mày cho Trang Tương Vương, ngài trút bỏ được tâm trạng tự ti do phải long đong nhiều năm làm con tin nhục nhã ở nước Triệu, một gánh nặng tâm lý cứ đeo đẳng mãi trong lòng bao năm qua. Với sự trợ giúp đắc lực của Lã Bất Vi, ngài chăm lo triều chính, ra sức phục hồi và phát triển quốc kế dân sinh. Lại phụng dưỡng mẹ già rất có hiếu, tôn kính và yêu quý cả thái hậu Hoa Dương và thái hậu Hạ Cơ, ăn ở rất hòa thuận vui vẻ với hoàng hậu Triệu Cơ và Tề Cơ (thiếp). Tỏ rõ là một minh quân đôn hậu hiền hòa. Điều đáng tiếc là từ nhỏ ngài đã bị ghét bỏ, bị đưa đi làm con tin lâu dài ở nước khác, lại nhiều lần bị đày đọa và bức hại, cho nên, ngài bị tổn thương rất lớn về thể chất và tinh thần. Sau khi lên ngôi, công việc nội trị ngoại giao chồng chất, làm

cho ngài phải vất kiệt sức lo nghĩ, nên ngài ngày càng suy nhược, không thuốc tiên nào vực dậy được. Vì vậy, ngài chỉ ở ngôi được ba năm thì bị bệnh và mất. Doanh Chính lúc ấy mười ba tuổi, được kế vị cha, trở thành nhà vua trẻ nhất của nước Tần. Một cuộc đời chính trị không tiền khoáng hậu, oanh liệt huy hoàng bắt đầu.

HỒI THỨ TÁM

THIÊN TÀI XUA CHÂU CHÂU VỀ HẠI NGƯỜI NHÂN HỌA ĐƯA THÀNH KIÊU PHẦN DOANH CHÍNH

Doanh Chính cha mất sớm, mới mười ba tuổi đã lên ngôi, nên chưa đủ trí tuệ để suy nghĩ độc lập. Tất cả mọi việc nội trị ngoại giao đều làm theo di chiếu của vua cha Trang Tương Vương và do thừa tướng Lã Bất Vi phò tá nhiếp chính.

Nhờ có uy danh tiêu diệt Đông Chu, Lã Bất Vi tiếp tục chính sách bành trướng quân sự, chủ động tấn công các nước láng giềng. Để thực hiện chính sách này, tại một buổi thiết triều, Doanh Chính tuyên bố trước các đại thần:

– Tiên vương không may tạ thế, Trẫm phải vội lên ngôi, nhưng còn thiếu trải nghiệm, nên mọi việc chưa thể tự tiện quyết định. Rất mong các khanh hãy nhớ đến ơn sâu của tiên vương, ra sức gánh vác trọng trách của xã tắc, hãy cầm quân ra trận, mở mang bờ cõi, đặt nền cao đại ân đại đức của tiên vương. Chẳng hay các khanh có ai nhận lấy binh phù, thống lĩnh ba quân?

Nhà vua trẻ tuổi vừa nói xong, có mấy vị tướng đã tranh nhau bước ra trình tấu.

Mông Ngao được nói đầu tiên:

– Trước đây, trong cuộc đánh phạt Đông Chu, lão thần không được tham dự, nên còn mang nợ với nước. Nay nếu có bất cứ sứ mệnh gì, lão thần quyết chí đảm đương, xin nhà vua sai bảo.

– Mặt tướng đã theo hầu hạ mấy đời tiên vương, đã chinh chiến nhiều năm, cũng từng lập công, nay không dám dừng bước. Xin nhà vua chớ chê tuổi già mà bỏ quên mặt tướng. Xin thể đem hết cái uy của vũ lực, để lại chắc tay vung kiếm! – Vương Hộ xúc động cầu xin được ra trận.

Tiêu Công cũng không chịu lép vế, ông nói rất mạch lạc hùng hồn:

– Nước ta mấy độ quốc tang, rất tổn thương nguyên khí. Đức vua còn ít tuổi, không khỏi bị chư hầu coi thường. Xin cho khiêu chiến trước để không chế đối phương (“Tiên phát chế nhân”), đó là cách để tỏ rõ sự anh minh quyết đoán của nhà vua chúng ta. Lão thần xin đi tiên phong, chinh phục chư hầu, nêu cao quốc uy của đại Tần, khuếch trương uy danh của bệ hạ!

– Chư vị tướng quân thật là hiếm có, ai ai cũng trung quân ái quốc, tuổi cao mà chí lại càng cao. Lã Bất Vi này hết sức bá phục. Còn sắp tới sẽ đánh nước nào, đưa bao nhiêu quân, xin chờ chỉ lệnh của đại vương, sau đó sẽ bàn bạc kỹ lưỡng với quý vị.

Lã Bất Vi hiểu rất rõ rằng, các lão tướng này đều đã nhiều năm xông pha trận mạc, từng theo tiên vương đánh nam dẹp bắc, chinh chiến cả một đời, người nào cũng say mê chiến tranh, coi chuyện đánh nhau nơi trận địa là thiên chức cao quý của mình. Thậm chí họ cũng chẳng cần biết cuộc chiến tranh mà họ vào sinh ra tử là chính nghĩa hay tội ác, là tự vệ hay xâm lược. Lã Bất Vi cũng biết rõ rằng các lão tướng này đang bộc lộ sự thất vọng và đổ kỵ vì lần trước họ không được tham gia cuộc chiến tranh tiêu diệt Đông Chu. Cũng qua đó, ông thấy được nguyện vọng và tiềm năng ở trong con người các tướng lĩnh dày dạn trận mạc này. Vì vậy, nhân đứng trước mặt nhà vua Doanh Chính, ông biểu dương và khích lệ các lão tướng, nhằm xóa bỏ sự ngăn cách lâu nay giữa họ và bản thân mình, để có thể có sự thông cảm và hợp tác với nhau từ nay về sau.

Những điều mà Lã Bất Vi vừa nói, quả nhiên rất được các lão tướng thông cảm và đón nhận với thái độ khoan dung. Nhà vua Doanh Chính cũng rất tán thưởng. Mọi người đều cho rằng đây là nhân vật đại tài trong việc trị nước yên dân, có tầm mắt nhìn xa trông rộng, rất giỏi điều hành, biế cách lãnh đạo, phong độ đàng hoàng, rất dễ hợp tác. Buổi thiết triều này được kết thúc trong bầu không khí hết sức vui vẻ và thân tình. Sau đó, Doanh Chính lại cho gọi các tướng Mông Ngao, Vương Hộ, Tiêu Công, cùng với Lã Bất Vi bàn bạc về việc mỗi vị tướng sẽ chỉ huy đơn vị quân đội nào và sẽ đánh nước nào.

Tuy nhiên, trong thời gian đó, đơn vị quân đội đóng tại Tấn Dương, thuộc miền biên

giới phía Đông nước Tần, đã nổi lên làm phản, chống lại ông vua còn quá non trẻ. Vì vậy, lão tướng Mông Ngao lẽ ra được cử đi chinh phục chư hầu, nay phải nhận lệnh đi Tấn Dương dẹp loạn. Lúc ấy, nước Tần tuy là một nhà nước quân sự hùng mạnh, nhưng do chiến tranh liên miên nên quân số rất thiếu, phải lấy hàng binh của các nước bổ sung cho quân đội. Mà hàng binh thường là chỉ khuất phục trước vũ lực, chứ không phải tự nguyện xin hàng, trong lòng họ vẫn ngấm ngấm chống đối; và hễ có cơ hội là nổi lên phản loạn. Cuộc nổi loạn ở Tấn Dương thuộc loại này. Khi quân của Mông Ngao đến bao vây, quân nổi loạn biết không thể chống cự nổi, nhưng vẫn cứ liều chết cố thủ. Do vậy, cuộc chiến diễn ra rất quyết liệt, tàn khốc. Cuối cùng, quân của Mông Ngao đã thắng, nhưng tổn thất quá lớn, phải về Hàm Dương nghỉ ngơi và chấn chỉnh lại, chờ khi được bổ sung đầy đủ sẽ đi tác chiến.

Năm sau, đại tướng Tiêu Công đưa quân đánh nước Ngụy, vây hãm Quyển Thành, chặt đầu ba vạn người. Trong sử sách của nhà Tần, phải ghi rõ số lượng đầu người bị chém để chứng tỏ chiến công. Đó là vì, theo luật của Tần, không có chiến công thì không được phong tước vị. Mỗi trận đánh đều lấy số lượng đầu người bị chém để đánh giá công lao của vị tướng. Quân của tướng Tiêu Công chặt đầu ba vạn người cho thấy trận đánh này có quy mô rất lớn.

Đến năm thứ ba, Mông Ngao và Vương Hột phối hợp tấn công nước Hàn, chiếm được mười ba thành trì, có thể coi là thắng lợi không nhỏ. Đáng tiếc là lão tướng Vương Hột tử nạn, thực hiện lời thề: “Không ngồi thụ hưởng vinh hoa, thà rằng quyết tử ở nơi chiến trường”.

Mông Ngao đánh thắng một trận lớn rồi vẫn cảm thấy chưa đã, nên trên đường về còn đánh chiếm thêm Trường Thành và Hữu Quý của Ngụy. Một năm sau lại đánh chiếm hai mươi thành trì nữa của Ngụy, gồm Toan Tảo, Yên Thành, Hư Thành, Trường Bình, Ung Khâu, Sơn Dương... Nước Tần gọi những vùng ấy là Đông Quận của Tần.

Qua nhiều năm chiến sự liên miên, nước Tần lại nổi lên như là một nước quân sự hùng mạnh, cướp đoạt được hàng loạt thành trì, mở rộng bản đồ. Rõ ràng là chiến quả rất lớn. Nhưng nền sản xuất và đời sống trong nước lại vô vàn khó khăn, gây ảnh hưởng nặng nề cho triều đình Doanh Chính còn rất non trẻ. Đó là nạn châu chấu và bệnh dịch phá hoại mùa màng liên tiếp trong bốn năm.

Một năm trước đó, tức năm thứ ba Tần Doanh Chính, vùng Hàm Cốc Quan ở phía Đông nước Tần, nông nghiệp mất mùa nên đói kém suốt năm. Đúng như Mạnh Tử viết trong “Lương Huệ Vương chương cú”: “Già yếu ngã xuống dưới rãnh nước, trai tráng chạy trốn khắp nơi!”. Ruộng vườn bỏ hoang, thiếu người làm ruộng, mùa đông không vun luống đắp bờ, thì tai họa cứ nằm ẩn dưới lòng đất; sang xuân tiết trời ấm áp, ấu trùng nở ra, bò lên mặt đất, đến tháng Mười là thành châu chấu. Loại côn trùng này sinh nở rất nhanh, thường bay từng đàn cực lớn, tàn phá một lúc hàng nghìn mẫu, chỉ trong nháy mắt chúng ăn hết sạch. Có khi có những đàn châu chấu có đến hàng chục triệu con, che tối cả bầu trời hơn mười dặm vuông, chúng ào ào kéo đến, làm cho mọi người cứ tưởng như trời đang sập xuống vì bóng tối mịt mù. Khi thấy có ruộng lúa hay bất cứ cái gì có thể ăn được, đám mây châu chấu ấy sà xuống, ngấu nghiến cả hạt lúa và lá cành. Tiếng càu xé sột soạt của hàng chục triệu cái miệng sắc nhọn ấy, cùng một lúc gây ra tiếng động rất chói tai, thậm chí nhiều người già và phụ nữ, trẻ em đã hoảng hốt trước tiếng châu chấu ăn lúa và đập cánh rầm trời dậy đất; họ khiếp sợ, ngất xỉu, thậm chí có người vì hoảng sợ mà chết. Sau khi tàn phá đến tận cùng, đàn châu chấu khổng lồ bay đi, để lại cánh đồng hoang tàn, tro trụi, xác xơ; trông rất thảm hại, kinh hoàng.

Điều nghiêm trọng hơn là tại vùng Hàm Cốc Quan, năm ngoài nạn đói đã làm cho rất nhiều người phải bỏ nhà ra đi; nay nạn châu chấu lại sà đến quét sạch sành sanh ruộng đồng của họ. Con người mất hết điều kiện sinh sống tối thiểu, bèn già trẻ dật dứ nhau, bỏ nhà bỏ hàng xóm, đi tha hương khắp nơi để xin miếng cơm manh áo. Họ đi đến đâu là xôn xao náo loạn đến đó. Nhiều ca dao hò vè xuất hiện, phản ánh thảm trạng đói kém khôn khổ lúc đương thời. Sau đây là một bài khá tiêu biểu (dịch ý):

Bốn năm mất ba vua, diễm gỡ thật chẳng đùa.

Châu chấu từng đàn lớn, tàn phá liền mấy mùa.

Miền Đông nổi binh đao, trời tây sao chổi hiện.

Tháng Giêng “rồng” hạ thế [75], hai khẩu [76] nắm thực quyền.

Châu chấu là “tổ” rồng [77], cào cào là đại vương.

Chúng kéo xuống trần gian, muôn dân đều đói khổ.

Bài ca dao này nói lên tâm trạng dân chúng chán ghét chiến tranh và khiếp sợ thiên tai. Đặc biệt, bài ca dao đã đả kích, nguyên rủa chính quyền Doanh Chính – Lã Bất Vi. Điều này là một nguy cơ chính trị tiềm ẩn vô cùng nghiêm trọng. Nó báo hiệu những tai họa lớn gặp hàng chục lần, trăm lần so với thiên tai, sẽ ập đến với Doanh Chính và Lã Bất Vi.

Doanh Chính thấy tình hình nghiêm trọng bèn cùng với thừa tướng Lã Bất Vi đi gặp tới cung Cam Tuyền, gặp thái hậu Triệu Cơ, cùng bàn bạc sách lược đối phó. Nhà vua không cho nội thị đi theo.

– Thật quý hóa quá, cả hai người đều đến, chắc là có chuyện gì phải bàn bạc đây. – Thái hậu Triệu Cơ thấy chồng cũ và con yêu cùng đến một lúc, cảm thấy vui mừng hết sức nhưng không nói nên lời, chỉ chủ động lên tiếng trước, không đợi họ chào hỏi gì cả.

Lã Bất Vi thấy vậy cũng vội bước lại gần và hỏi rất cung kính :

– Thái hậu đã hay biết về nạn châu chấu tàn phá ở Hàm Cốc chưa ạ?

Thái hậu Triệu Cơ gật đầu mỉm cười:

– Hôm nay nội thị từ Hàm Cốc về, ta cũng biết đôi chút rồi. Đã là thiên tai, thì con người làm sao biết trước được. Các người không nên quá tự trách mình.

– Biết trước thì không thể, nhưng việc xử lý hậu quả thì không thể chậm trễ. – Doanh Chính nói rất tự tin quyết đoán. Đó là nhờ mấy năm thiết triều, trực tiếp nghe việc triều chính.

– Vương nhi [78] nói rất phải. Vậy vương nhi và trọng phụ đã định đoạt gì chưa? – Thái hậu Triệu Cơ hỏi, đưa mắt nhìn về phía Lã Bất Vi, có vẻ như đang muốn hỏi ý kiến ông.

– Thái hậu xưng hô như vậy, quả thật là hại cho vi thần quá!

Lã Bất Vi vội chấp tay vái thật dài trước mặt Triệu Cơ, tỏ ra rất lo sợ, nhưng trong lòng thì cảm thấy rất dễ chịu ngọt ngào. Bởi vì, trong nhiều năm sống với mẹ, Doanh Chính được mẹ dạy bảo, nên thấy rõ công ơn sâu nặng của Lã Bất Vi đối với cha mẹ mình. Doanh Chính thấy, nếu không có Lã Bất Vi chấp mỗi xe tơ, thì cha mẹ mình làm sao thành vợ thành chồng được và cũng không thể có cả cái ngai vàng mà mình đang ngồi. Nếu không có Lã Bất Vi săn sóc dạy dỗ, bản thân Doanh Chính không thể đảm đương nổi ngôi báu “quân chủ” của một nước lớn như đại Tần. Đặc biệt, nếu không có Lã Bất Vi sớm hôm phò trợ, Doanh Chính cũng không bao giờ được sống trong tình cảm thân tình như cha con trong thời gian qua. Chính vì những ngọn nguồn và quan hệ như vậy mà Doanh Chính gọi Lã Bất Vi là trọng phụ một cách rất thân thiết. Đương nhiên, Lã Bất Vi xứng đáng được cư xử như vậy. Tuy nhiên, hai chữ “trọng phụ” rất thân tình được nói ra vừa rồi, lại là từ miệng của thái hậu đường đường chính chính. Đó vừa là điều bí ẩn được giấu kín trong lòng, vừa thổ lộ tình nghĩa sâu nặng “nhất nhật phu thê bách nhật ân” (“một ngày vợ chồng, trăm ngày tình nghĩa”). Huống chi, hai người đã đơm hoa kết quả cho ra đời vị quân chủ trẻ tuổi đầy triển vọng huy hoàng đó. Vì vậy, Lã Bất Vi cảm thấy rất được an ủi (khi nghe Triệu Cơ nói hai tiếng trọng phụ). Nhưng mặt khác, ông lại rất đau lòng vì cứ phải ngậm miệng như hến, không dám hé răng nói nửa lời về mối quan hệ tế nhị giữa ba người họ với nhau (Lã Bất Vi, Triệu Cơ và Doanh Chính). Câu nói khiêm nhường “hại cho vi thần quá” và cái chấp tay bái lạy kể trên, là tự chê cười cho sự khó xử của mình và cũng là để ứng phó với sự lúng túng trước mắt.

Doanh Chính còn non trẻ chẳng hiểu hết mọi chuyện, nên cũng không thể thấy điều gì đáng nghi ngờ trong những lời ứng xử vừa rồi giữa hai người, chỉ vội nói với mẹ một việc quan trọng hơn:

– Thiên tai cố nhiên không thể ngồi nhìn, nhưng miệng lưỡi thiên hạ còn đáng sợ hơn!

– Thiên hạ nói gì mà đáng sợ thế?

Tục ngữ nói có tật giật mình, thái hậu Triệu Cơ nghe con nói “miệng lưỡi thiên hạ” bỗng giật mình, hỏi cho ra nhẽ. Doanh Chính vội đưa mấy tấm tre ghép cho thái hậu, nói nhẹ nhàng :

– Đây là mấy câu ca dao, xin mẫu hậu xem.

Thái hậu nghe nói hai chữ “ca dao”, vội hồi tưởng lại cuộc sống ca múa dân gian ngày nào bèn chăm chú đọc. Chỉ mới đọc câu đầu tiên đã bị kích động. Khi đọc xong hết bài thì sợ hãi phát run lên, mồ hôi ướt đầm. Bà hỏi hai người:

– Bài này gọi là ca dao, nhưng thực ra là một bài hịch đòi trừng phạt chúng ta, chẳng hay do ai viết?

– Bản này được đưa đến kèm trong các tấu trình về thiên tai, trong dân gian đang chuyền tay nhau để xem và hát. Do vậy, rất khó biết tác giả là ai? – Lã Bất Vi giải thích.

– Người viết bài này đã có mưu đồ từ lâu, nay có cơ hội mới viết ra, ăn nói xằng bậy để mê hoặc dân chúng, gây rối nhân tâm, cố tình phạm thượng. – Lời của Doanh Chính đã vạch trần tác hại của bài ca dao.

Thái hậu vội bổ sung:

– Huống hồ đang có tai họa châu chấu, bách tính lưu lạc bốn phương; nay làm ca dao kích động, chĩa mũi nhọn vào triều đình, cái khí thế này khó mà chặn đứng lại được!

– Mẫu hậu nói chí phải. Vương nhi và trọng phụ sẽ ra chỉ dụ truy nã kẻ hát xướng ca dao để xử tử, nhằm đe dọa bách tính, ngăn chặn lan truyền ca dao hoang đường. – Doanh Chính nói, ra hiệu cho Lã Bất Vi thu dọn bản viết ca dao.

Lã Bất Vi vừa cầm cất bản viết ca dao, vừa nói rất thận trọng:

– Thần nghĩ rằng ca dao bậy bạ này lan truyền quá rộng khắp, số người đọc và hát ca dao này quá nhiều, e rằng truy nã cũng không thể bắt hết được...!

– Trọng phụ không thấy à, quân ta mỗi trận đánh là chém hàng vạn cái đầu. Kẻ nào chống lại ta là phải giết, sao còn nói chi nhiều ít? – Doanh Chính không tán thành ý kiến Lã Bất Vi.

Lã Bất Vi vội can gián:

– Chém kẻ địch ở nước khác, cố nhiên càng nhiều càng tốt. Nhưng đây là dân chúng trong nước, là con dân của nhà vua, họ quá đau khổ vì đói rét, sao có thể giết họ. Nu không may gây ra nổi loạn thì rất khó dẹp yên! Người xưa dạy: Dân chúng phản nộ, không dẹp được đâu. Xin nhà vua xem xét cho kỹ!

– Quả thật, dù cho thông minh nhanh trí đến đâu cũng cần có người khác góp ý. Rất may là trọng phụ suy nghĩ cẩn trọng, không chạy theo việc nhỏ để bỏ qua việc lớn! Vương nhi nhất thiết không nên quá nóng vội trong việc truy xét những lời xằng bậy trong ca dao. – Thái hậu cũng tán đồng ý kiến của Lã Bất Vi khuyên bảo Doanh Chính không được quyết đoán tùy tiện.

Bấy giờ Doanh Chính mới dịu được cơn nóng của mình, liền nói với mẹ:

– Con xin nghe lời mẫu hậu, nhưng chẳng hay trọng phụ đã có kế hoạch gì hay chưa?

– Nay dân tình đói kém, lưu lạc bốn phương, chó cùng rút giậu, khổ quá hóa liều. Cho nên, cần cứu trợ họ, giúp đỡ họ sinh sống. Còn xuất xứ của những lời ngoa ngôn, sẽ tra xét sau cũng không muộn. – Lã Bất Vi nêu kiến nghị, rồi quay sang hỏi Triệu Cơ – Chẳng hay thái hậu thấy có được không?

– Kế sách ấy rất hay, vương nhi và trọng phụ nên nhanh chóng ban chỉ dụ để thi hành!

Thái hậu thấy tình hình quá cấp bách, không muốn họ ở lại quá lâu nữa. Doanh Chính và Lã Bất Vi liền rời khỏi cung Cam Tuyền, đi đến cung Hàm Dương để bàn bạc về việc cứu tế người đói và bình dẹp những chuyện lộn xộn.

Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng, Doanh Chính đồng ý để trọng phụ đi xem xét tình hình thực tế ở các khu vực thiên tai mất mùa, đói kém, để có kế hoạch cứu tế cụ thể. Lã Bất Vi đưa Lý Tư và mười mấy người khác gồm các môn khách và thị vệ vội vàng ra khỏi Hàm Dương, đi

về miền Đông. Dọc đường họ gặp từng tốp dăm ba người đói rách đang lang thang dắt díu nhau đi: Càng đi càng gặp nhiều người hơn, cũng cảnh ngộ như thế. Có khi cả một đoàn mấy chục người vịn vào nhau mà đi, người nào cũng chân nam đá chân xiêu, lảo đảo bước đi như sắp kiệt sức. Khi đến vùng Hàm Cốc Quan, người đói không phân tán từng nhóm nữa, mà đi nối đuôi thành hàng dài dọc đường, hầu như không thấy đầu cũng không thấy người cuối cùng ở đâu nữa. Người nào cũng ăn mặc rách rưới, nhếch nhác, lam lũ, đói gầy dơ xương, chân tay như que củi, mắt mũi hốc hác, xanh xao vàng vọt, mặt bủng da chì. Lã Bất Vi thỉnh thoảng đưa mắt nhìn Lý Tư, tỏ ra rất sốt ruột. Khó khăn lắm mới đến được huyện lỵ. Đến nơi được một lúc thì yêu cầu huyện lệnh (huyện trưởng) nói rõ tình hình thiên tai. Huyện lệnh nói :

– Huyện nhà từ khi bị nạn châu chấu, đồng ruộng không còn một hạt lúa, dân lưu lạc khắp nơi để xin ăn. Người già yếu rơi xuống cống rãnh, thoi thóp chờ chết. Trong toàn huyện, cứ mười nhà thì chín nhà không còn gì trong nhà, hoàn toàn trống không, sống lay sống lắt, chẳng biết tử thần đến lúc nào không biết.

Quan huyện nói xong bèn đưa các vị đại thần của triều đình ra ngoài đường để xem dân đói. Bỗng nghe một tiếng kêu thét lên trong đám người đang di chuyển chậm chạp, lập tức họ dồn nhau lại, vây kín các quan khách. Một người chỉ tay vào huyện lệnh và nói rất gay gắt :

– Các ông này ở trên phủ về phải không? (Lúc ấy, phủ là cấp trên huyện).

Huyện lệnh sắp trả lời, thì Lý Tư ngăn lại, bèn nói khác đi:

– Đây là đoàn đưa thư tín của triều đình. Nhân đi qua đây thì vào nghỉ chân. Sắp đi bây giờ.

Nhiều người nhao nhao xin cho một ít lương thực của ngựa để ăn cho đỡ đói. Họ còn khẩn thiết yêu cầu các vị này cấp báo cho triều đình hãy mau mau cứu giúp bách tính khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng. Có một thanh niên phẫn nộ nói rằng, nếu triều đình không đếm xỉa gì đến tình cảnh này, họ sẽ đến tận Hàm Dương liêu một phen, chết thì chết cả luôn một thể, cả dân và vua đều chui xuống mồ hết.

Lã Bất Vi và Lý Tư nhìn thấy từ trong quầng mắt sâu hoắm của họ phát ra một ánh mắt rực lửa căm hờn của sự đói khát. Những ánh lửa ấy, nếu tụ tập lại sẽ thành một đám cháy lớn, cháy lan khắp nước, đến tận Hàm Dương, thiêu trụi cả cung Kim Loan, cung Đại Trính, cung Hàm Dương, cung Cẩm Tuyền..., biến toàn bộ cung điện của nhà Tần thành tro bụi.

Lã Bất Vi đang mơ màng một cảnh tượng hãi hùng, bỗng mở to mắt. Trước mặt mình vẫn là đám dân đen đang kêu cứu. Ông cảm thấy đau đầu, hoa mắt, mồ hôi ướt đầm sau lưng. Ông bảo đoàn tùy tùng trở vào huyện đường, nói mấy lời thăm hỏi và an ủi huyện lệnh, và hứa sẽ nhanh chóng đưa lương thực tới cứu tế ông căn dặn, không được để cho dân chúng đến tận Hàm Dương để kêu xin, nhằm tránh gây ra hậu quả không tốt. Nếu không, tiền đồ của huyện lệnh sẽ không được đảm bảo, có thể bị phạt đánh, bị cách chức và tịch thu tài sản, thậm chí bị giết. Huyện lệnh luôn mồm hứa hẹn và cầu xin thừa tướng rộng lượng thương tình, khi về triều hãy nói tốt cho ông ta trước mặt đức vua.

Tối hôm đó mọi người đều trần trọc mãi không ngủ được. Sáng sớm hôm sau, Lã Bất Vi vội giục mọi người lên đường về Hàm Dương. Về đến nơi, lập tức đến tấu trình với Doanh Chính. Lã Bất Vi nói ngọn lửa đói khát đã âm ỉ trong dân, nếu để bốc cháy thành đám lớn thì hậu quả không thể lường hết được. Doanh Chính cũng qua đó thấy rõ rằng mối uy hiếp bên trong lớn hơn tai họa bên ngoài rất nhiều. Nghĩ vậy, Doanh Chính bèn bàn với Lã Bất Vi, lấy hai nghìn thạch lương thực từ kho dự trữ quốc gia để cứu tế cho dân đói. Nếu tính từ mùa đông này cho đến năm sau, số lương thực và hạt làm giống của vùng bị đói kém là rất lớn, nhà nước không đủ sức cặng đáng, bèn áp dụng chính sách “mua quan bán tước” để có tiền mua lương thực. Theo đó, hộ nhà giàu nào nộp cho nhà nước một ngàn thạch lương thực, sẽ được phong một chức quan. Bằng cách này, đã thu được rất nhiều lương thực, bảo đảm cung cấp cho vùng đói kém.

Mấy năm tiếp theo sau đó. Doanh Chính và Lã Bất Vi cứ ngập đầu trong những chuyện rối ren trong nước và sự uy hiếp của nước ngoài. Năm thứ sáu niên hiệu Doanh Chính,

năm nước Triệu, Sở, Vệ, Hàn, Ngụy hợp lực đánh Tần. Nước Tần vẫn huy động một lực lượng hiện có để ra nghênh chiến ở bên ngoài Hàm Cốc Quan. Đứng đầu “hợp tung” lần này là Khảo Liệt, vua nước Sở. Khảo Liệt Vương không giỏi quân sự, lại không chịu để cho danh tướng nước Triệu là Bàng Noãn chỉ huy quân đội, kết quả bị Tần đánh cho thất bại tởm, thua chạy tán loạn. Quân đội bốn nước kia cũng không đánh mà tan. Quân Tần thừa thắng đánh chiếm đất Triệu Ca của Ngụy. Năm sau chiếm nốt Cấp Thành. Trong khi đó, Mông Ngao đem quân đánh Ngụy, lấy được đất Long Cô và Khánh Đô (nay đều ở vùng Hà Nam); đồng thời vây hãm Bộc Dương nước Vệ, buộc vua Vệ (Vệ Quân) phải đưa tàn quân tháo chạy đến huyện Dã Vương, kéo dài cơn hấp hối ở đó.

Mấy trận đánh vừa kể, tuy Tần thắng lớn, nhưng cũng rất hao binh tổn tướng, nhất là lão tướng Mông Ngao đã bỏ mình trong trận đánh Triệu. Tiếp đó là cuộc nổi loạn của bọn Trường An Quân (Thành Kiều), em trai Doanh Chính, làm cho chính quyền lao đao cực độ.

Thành Kiều là con trai của nàng Tề Cơ, người thiếp mà Tử Sở mới lấy vào cung sau khi ông ta từ nước Triệu về Hàm Dương. Thành Kiều ít hơn Doanh Chính ba tuổi. Khi mẹ con Triệu Cơ về Hàm Dương, không lâu sau thì Tề Cơ bị bệnh mà chết. Thành Kiều được các cung phi khác nuôi dưỡng trưởng thành, trên danh nghĩa thì coi Triệu Cơ là mẹ. Thành Kiều sinh ra trầm tính, nhu nhược, chỉ thích đánh cờ, không bao giờ hỏi han đến chính sự, cho nên được đặt tên là “kiều” [79], tức là một loại côn trùng nhỏ. Thành Kiều biết nhưng cũng để vậy, chẳng kẻo nèo hay dở, an phận thủ thường với cuộc sống an nhàn phú quý của một đấng con vua. Trong khi đó, Doanh Chính là con trưởng của Tử Sở. Doanh Chính lại được lập làm thái tử danh chính ngôn thuận; sau đó lên làm vua Tần. Những chuyện đó, Thành Kiều coi là rất bình thường; huống hồ, huynh trưởng được mệnh danh là con rồng, rất có triển vọng; còn bản thân mình chỉ là con côn trùng bé tẹo tèo tèo, được làm em của con rồng to lớn kia, là được lắm rồi, cần gì mà phải đòi hỏi viễn vông xa vời nữa. Cũng chính vì Thành Kiều bình dị khiêm nhường như vậy, nên sống với Doanh Chính rất hòa thuận, thân tình. Lúc nhỏ, Doanh Chính thường kể cho Thành Kiều nghe cuộc sống nghèo khổ đầy sợ hãi ở nước Triệu. Mỗi khi cao hứng, còn biểu diễn động tác nói lên Tần đánh Triệu thua tởm bởi như thế nào. Do vậy, Thành Kiều luôn luôn là tù binh của Doanh Chính, hoặc bị trói quặt cánh tay vào chân bàn rồi bị “giết” sau một tiếng hét “Cha a!”. Hoặc anh đóng vai Tần Chiêu Vương, em đóng vai Triệu Hiếu Thành Vương, Doanh Chính đứng trên cao, bắt Thành Kiều quỳ ở dưới đất giơ tay xin hàng. Có lúc, Thành Kiều không chịu, muốn đổi vai diễn, Doanh Chính bèn mắng rằng ta là anh, mày là em. Tên của ta là Chính, Chính là việc lớn của một nước quân sự, ta nhất định phải là vua Tần. Còn “kiều” là tiểu côn trùng, đương nhiên phải là vua Triệu, nhất định phải ăn đòn thất bại của ta! Thành Kiều nghe vậy, đành nghe vậy, không còn gì để nói nữa và ngoan ngoãn làm “tù binh” và bị “giết”. Nhưng Thành Kiều thích giơ tay đầu hàng hơn, vì động tác này dễ làm hơn; vả lại đầu hàng thì vẫn được gọi là Triệu Hiếu Thành Vương, vẫn không xấu mặt như “tên tù binh”. Dù trò chơi là “tù binh”, “chém” hay “đầu hàng”, hai anh em vẫn chơi rất thoải mái. Doanh Chính bao giờ cũng cười lớn khoái trá. Thành Kiều tuy trong bụng không phục, nhưng nghe ông anh cười cũng cười theo mấy tiếng.

Như vậy, hai anh em khác nhau rất xa về bản tính, chí hướng, sức khỏe, địa vị, và mỗi người đều vừa lòng với hiện trạng, lẽ ra họ có thể chung sống hòa thuận và bình an vô sự. Nhưng trên thực chất, hai người bị lôi cuốn vào vòng xoáy của một đấu tranh quyết liệt giữa hai thế lực chống đối nhau. Một phe ủng hộ chính quyền hiện hữu (Lã Bất Vi, Doanh Chính, thái hậu Triệu Cơ). Phe kia đòi khôi phục Doanh Tân chính thống. Đương nhiên Doanh Chính thuộc phe trước, Thành Kiều thuộc phe sau. Cuộc đấu tranh sống mái này có nguyên nhân sâu xa và âm ỉ từ lâu.

Cách đây mười bảy năm, khi đại tướng Vương Hột đưa hai mươi vạn đại quân đánh kinh đô Hàm Đan của Triệu, lúc ấy nhà vua Tần Chiêu Vương thân chinh đốc chiến. Quân Triệu ở bên trong nhiều lần thông dây nhả ra ngoài, tập kích quân Tần vào ban đêm. Lúc ấy, Phàn Vu Kỳ, phó tướng của Tần, bắt được một tên lính của Triệu. Phàn bèn hỏi tên lính kia có biết nơi giam Doanh Dị Nhân ở đâu hay không. Sở dĩ Phàn hỏi điều này là vì mục đích cá nhân. Ông ta muốn sau khi phá được thành sẽ là người đầu tiên cứu được Doanh Dị Nhân, lập công đầu tiên. Nhưng tên lính tù binh kia lại tưởng rằng việc tìm Doanh Dị Nhân là mục đích cuối cùng của quân Tần. Vì vậy, tên lính này muốn giảm nhẹ tổn thất cho đất nước (Triệu) nên nói với Phàn Vu Kỳ như sau. Hắn nói:

- Doanh Dị Nhân bây giờ chẳng có giá trị gì với nước Tần nữa, vì anh ta chỉ có cái hư danh là con thừa tự của đông cung. Vợ anh ta là một cô gái ca kỹ, vợ của thương nhân Lã Bất Vi, mà lại có thai trước khi cưới, con anh ta tiếng là dòng dõi hoàng gia Doanh tTần, thực ra là con Lã Bất Vi. Bây giờ các ngài đưa đại quân đến, hy sinh cả tính mạng để cứu anh chàng “vương tôn” bị cầm sừng và bị coi như một món hàng ấy, cùng với đứa con hoang của anh ta, phỏng còn có giá trị gì nữa? Tốt nhất là nên ngừng chiến giằng hòa!

Lúc ấy Phàn Vu Kỳ cho rằng tên tù binh này bịa chuyện để làm phân tán tinh thần của quân Tần, bèn giết quách tên tù binh. Hơn nữa, vì không có chứng cứ gì nên Phàn Vu Kỳ không bẩm báo việc này với Vương Hột và Tần Chiêu Vương. Sau đó, quân Tần bị liên quân Triệu và Ngụy đánh bại, quân Tần chạy tán loạn, nên cũng quên mất câu chuyện do tên tù binh nói.

Mãi đến gần đây, sau khi Doanh Chính lên ngôi, Lã Bất Vi được làm thừa tướng. Doanh Chính còn gọi ông ta “trọng phụ”. Nhất là vị thừa tướng này luôn luôn đi vào nội cung, rồi đi thẳng đến cung Cam Tuyền để gặp thái hậu “bàn việc quốc sự”. Doanh Chính lại không coi trọng các lão thần thời tiên vương, chỉ chăm chú dựa vào Lã Bất Vi, là người đã gả cô ca kỹ cho tiên vương... Tất cả những chuyện đó làm cho Phàn Vu Kỳ nhớ lại lời khai của tên tù binh hồi nào; và càng ngày càng tin lời khai ấy là đúng. Nếu như Phàn là con người chỉ lo chạy theo công danh lợi lộc cho cá nhân, thì có thể sống theo cách khôn sống vong chết, mũ ni che tai, và không để ý đến sự hống hách của Doanh Chính và sự quỷ quyệt của Lã Bất Vi.

Nhưng Phàn Vu Kỳ lại là một đấng nam nhi, là người đứng đằng sau các danh tướng, cho nên nhất quyết không chấp nhận Doanh Chính giả làm Doanh Chính thật. Hơn nữa, ông ta còn quyết tâm đấu tranh đến cùng để khôi phục họ Doanh Tần chính thống. Để thực hiện mục đích này, ông ta chọn Trường An Quân (Thành Kiêu) làm người đại diện tiêu biểu nhất cho họ Doanh Tần chính thống, như vậy sẽ có sức thuyết phục và sức lôi cuốn mạnh nhất.

Phàn Vu Kỳ ra sức học đánh cờ thật giỏi để tìm cách chơi thân với Thành Kiêu. Nhân một hôm chơi cờ, Phàn Vu Kỳ vờ thua liền mấy ván, rồi nói với Thành Kiêu:

- Quân (Thành Kiêu được phong là Trường An Quân), ngài đánh cờ giỏi vậy, có tài như một đại tướng, sao không cầm quân làm thống soái?

Thành Kiêu cười đáp:

- Bản thân chẳng có cái tài đó và cũng không mơ ước viễn vông.

Vu Kỳ bèn thận trọng nhắc nhở Thành Kiêu:

- Bây giờ ngài chỉ là Trường An Quân, sống bằng đất được vua phong. Nhưng luật lệ nước ta quy định, ai không có chiến công thì không được vua phong quan ban tước. Vậy nếu nhỡ ra ngài mất đất phong và trở thành dân thường thì ngài sống bằng cách gì? Vì vậy ngài phải nhân lúc còn trẻ, tranh thủ cầm quân đánh trận, lập công để được ban tước phong chức, như vậy mới có địa vị chắc chắn, có bảo đảm. Ngài không nghe nói rằng con trưởng của tiên vương là Tử Hê, vốn đã được đề nghị phong làm thái tử, nhưng sau đã bị giáng xuống làm dân thường đó sao? Nếu như Tử Hê có chiến công, ít nhất cũng là làm một vị tướng chẳng hạn, thì sẽ không đến nông nỗi đó.

Tuy nhiên, Thành Kiêu là một anh chàng công tử rất yếu bóng vía, chỉ biết nhậ nhệ say sưa tối ngày, chẳng hề để ý đến mọi chuyện khác. Nay nghe Vu Kỳ nêu lên câu chuyện nghiêm trọng như thế, liền thân hồn nhất thân tính, cảm thấy hình như đất dưới chân mình sập sụp đổ đến nơi. Vu Kỳ nói nào là pháp luật quy định, nào là Tử Hê bị giáng xuống làm dân thường, đều là những tấm gương tày liếp. Cho nên, anh ta càng tin rằng những điều Vu Kỳ nói là đúng sự thật. Vừa lúc ấy có tin cấp báo tình hình chiến sự của quân Tần ở Triệu đang lâm nguy, vua Tần phải đưa quân ứng cứu. Đưa quân tất phải đưa tướng. Do vậy, Thành Kiêu được Phàn Vu Kỳ đi kèm, đến gặp Doanh Chính, xin ra trận. Cũng cần nói thêm rằng sở dĩ có chuyện điều binh khiển tướng này là vì hai đạo quân của Tần đi đánh Triệu do Mông Ngao và Trương Đường chỉ huy, gặp phải sự chống trả quyết liệt của danh tướng nước Triệu là Bàn Noãn và Hồ Triếp. Quân Triệu dựa vào ba lợi thế lớn là thiên thời, địa lợi và nhân hòa, lại chiếm được điểm cao vây hãm quân Tần ở núi

Nghiên. Tình hình rất nguy ngập. Vua Tần buộc phải đưa quân tăng viện cho mặt trận này. Khi thấy Thành Kiều đến xin ra trận, Doanh Chính nói:

– Bản tính của đệ vốn thích yên tĩnh, sao hôm nay lại muốn làm một võ công kiêu hùng?

Thành Kiều nghiêm sắc mặt, cố nói cho được:

– Đệ được vương huynh rủ lòng thương, đã được phong đất hưởng lộc. Nhưng đệ không có công lao, không chút tước sợ sau này lại theo vết xe của Tử Hề. Cho nên, nhân lúc còn trai trẻ, còn có thể cống hiến được, mới nghĩ rằng cần phải xứng đáng với ơn sâu của tiên vương và sự quan tâm của huynh.

– Có huynh đây rồi, sao đệ còn phải lo chuyện ấy? – Doanh Chính hứa hẹn với em.

– Vương huynh còn nhớ lúc nhỏ chơi trận giả không? – Bỗng Thành Kiều xúc động nhớ lại chuyện xưa. – Huynh muốn trả mối thù bị ức hiếp ở Triệu, nên thường coi đệ là lính Triệu, vua Triệu, rồi trói, rồi giết, rồi bắt hàng, làm nhục. Nay quân Tần do huynh sai đi, đang bị vây hãm ở Triệu, đệ muốn đi cứu viện họ để báo thù cho huynh. Sao còn do dự chi vậy?

Hề nhắc đến nước Triệu, là Doanh Chính tức tối lộn ruột, muốn trả thù ngay. Nay nghe Thành Kiều nói rất có lý, không nỡ bác bỏ hoàn toàn, chỉ nói nửa úp nửa mở:

– Đệ có chí lớn rửa nhục cho ta, ta đương nhiên chuẩn tấu. Nhưng có điều xưa nay đệ chưa từng trải trận mạc, nay cầm quân tác chiến, làm sao mà huynh có thể yên tâm được...

– Mặt tướng bẩm râu bệ hạ! – Phó tướng Phàn Vu Kỳ đứng ra khỏi hàng, trông rất trai trẻ hùng dũng. Vu Kỳ nói tiếp rất tự tin – Từ xưa, nghệ thuật đánh cờ và binh pháp đều có lý thuyết như nhau, Trường An Quân (Thành Kiều) là một cao thủ chơi cờ chắc hẳn có thể chỉ huy được ba quân, mặt tướng xin phò tá Trường An Quân ra trận giúp nước.

Tần Vương Doanh Chính gật đầu, ngài nói:

– Phàn tướng quân bằng lòng ra đi, trẫm không lo nữa. – Tiếp đó, ngài quay sang Lã Bất Vi, nói: – Nếu có đại tướng giúp sức Trường An Quân, thì bao nhiêu lâu có thể diệt được nước Triệu?

Lã Bất Vi vội đứng thẳng để trả lời:

– Thần nghĩ, đưa tướng Mông Vũ đi giúp Trường An Quân thì vừa có thể tạo cơ hội cho Mông Vũ thi thố tài năng, vừa cứu được lão tướng Mông Ngao là cha của Mông Vũ. Cha con gặp nhau, cùng ca khúc khải hoàn.

– Nếu vậy thì tốt lắm. Vả lại công việc không được chậm trễ nữa. Ngay hôm nay phải tế cờ trao binh phù xuất quân giúp Mông Ngao diệt nước Triệu. – Doanh Chính ra chỉ dụ xong liền về cung.

Thành Kiều và tướng Phàn Vu Kỳ, Mông Vũ đưa mười lăm vạn quân đi giúp Mông Ngao và Trương Đường ở Khánh Đô và Nghiên Sơn (đất Triệu). Trên đường đi không hề gặp sự chống trả nào, bèn đánh chiếm các thành Dã Vương, Thiên Môn, Trường Bình, và chiếm đánh Đồn Lưu. Sau khi nghỉ ngơi ít lâu Phàn Vu Kỳ và Mông Vũ mỗi người đưa năm vạn quân đánh Nghiệp Thành của Triệu còn Thành Kiều ở lại chốt giữ Đồn Lưu. Lúc này, tình hình của Mông Ngao và Trương Đường rất nguy ngập, Mông Vũ đưa quân hỏa tốc đến giúp cha. Phàn Vu Kỳ không dám vội vàng giao chiến với tướng Hồ Triếp của Triệu, chỉ đưa quân đóng phân tán ở Trường Tử và Hồ Khẩu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây) là những nơi có thể xuất phát tiếp ứng quân Tần, vừa có thể từ đó theo dõi được Đồn Lưu và làm điểm tựa cho Đồn Lưu. Tối hôm đó, Phàn Vu Kỳ quay về Đồn Lưu để nắm tình hình. Vu Kỳ thấy Thành Kiều rất vui và đang nóng lòng được ra trận, bèn thấy thời cơ đã đến. Vu Kỳ kín đáo bàn với Thành Kiều chuyện nổi loạn. Để mở đầu, ông ta hỏi Thành Kiều:

– Kể từ khi nguyên soái cầm quân ra trận đến nay, chẳng hay đã quen với sinh hoạt quân sự hay chưa?

Thành Kiều mặt mày rạng rỡ hẳn lên nói:

– Đúng như tướng quân đã nói: Biết đánh cờ cũng biết binh pháp, qua mấy trận vừa rồi, ta đã hơi biết điều quân khiển tướng, bài binh bố trận rồi!

Vu Kỳ nắm chặt hai tay mình tỏ ý kính phục rồi nói tiếp:

– Vậy thì chúng ta có thể kêu gọi ba quân, đồng tâm hiệp lực giết giặc, làm một cuộc chiến tranh vắn đỉnh! [80]

– Vắn đỉnh nhà Triệu là sứ mạng của hai lão tướng Mông Ngao và Trương Đường, quân ta chỉ đến tăng viện, cố sao lại lấn quyền tranh việc người khác? – Thành Kiều hỏi.

Vu Kỳ hơi luống cuống một chút rồi nói nhỏ với Thành Kiều:

– Đỉnh mà mặt tướng nói ở đây là đỉnh nhà Chu đặt trong thái miếu đại Tần ta!

– Vậy chẳng phải là tiếm đoạt giang sơn của vương huynh ta đó ư? – Thành Kiều ngạc nhiên hỏi.

– Ông ấy có phải là huynh trưởng của ngài đâu! Đó là cái giống ác nghiệt của nhà buôn họ Lã đó thôi! – Vu Kỳ nói với giọng rất tức giận.

– Tướng quân căn cứ vào đâu mà nói vậy? – Trường An Quân hỏi với giọng sợ sệt.

Vu Kỳ nói hết tất cả những gì nghe thấy, nhìn thấy cho Thành Kiều nghe. Thành Kiều lúc mới đầu còn bán tín bán nghi, nhưng Vu Kỳ hết sức thuyết phục bằng cách dẫn chứng rất nhiều hiện tượng mà ông ta nhìn thấy trong nội cung; cho nên, Thành Kiều càng nghe càng thấy những điều Vu Kỳ nói rất khớp với thực tế, nên càng nghe càng tin, và càng tức giận. Cuối cùng rất phần nộ đến nỗi trách mắng Vu Kỳ:

– Tại sao tướng quân không nói sớm hơn. Nếu ta biết sớm, thì ta đã ra tay trong nội cung từ lâu rồi. Tên con hoang ấy đã hèn lìa khỏi xác dưới lưỡi kiếm của ta từ lâu rồi, hà tất phải điều binh khiển tướng rầm rộ thế này.

– Ông ấy rất hung dữ, võ công rất giỏi, còn ngài quá nhỏ nhả, làm sao địch nổi ông ta. Mà dù có giết được ông ta, thì giang sơn nhà Tần vẫn nằm trong tay tên giặc họ Lã, số mệnh của ngài cũng khó mà bảo đảm. Cho nên mặt tướng nghĩ rằng phải dùng binh để tiêu diệt tên giả danh họ Doanh Tần kia, mới có thể phục hồi xã tắc họ Doanh Tần chân chính của chúng ta.

Vu Kỳ nói rõ ý đồ của mình, chứng tỏ mưu lược trí dũng kiêm toàn của một viên tướng có tài.

Trường An Quân Thành Kiều rút cuộc đã nghe theo mưu kế của Vu Kỳ, nhưng chỉ còn e ngại rằng thân cô thế cô, tài hèn lực mọn, không hiểu có thắng được kẻ địch hùng mạnh kia không. Vu Kỳ bèn rút bản hịch văn mà ông ta đã viết sẵn nhằm mục đích trừng phạt tên giả danh họ Doanh Tần, đưa cho Doanh Thành Kiều và nói:

– Bản hịch này có sức mạnh như một đội quân hàng triệu người, hướng hồ tất cả các tướng lĩnh đều đồng lòng chung sức ủng hộ ngài giành lại ngôi vị họ Tần đích thực. Cái tên giả danh họ Tần kia đã lộ nguyên hình, tất cả mọi người đang phỉ nhổ nó, ngày tận thế của hắn đã đến rồi!

Thành Kiều xem qua bản hịch rồi nói rất hí hửng:

– Tướng quân thật sự là cây bút đại tài, mỗi câu mỗi chữ của tướng quân đều có sức mạnh tựa nghìn quân! Khi nào việc của ta thành, khanh có thể được phong làm thừa tướng trông coi việc chính trị, và kiêm cả chức thống soái, thống lĩnh ba quân. – Nói xong lập tức sai người sao chép bản hịch thành mấy trăm bản, xong, cho kỵ binh hỏa tốc rải hịch văn ở khắp nơi. Sau đó, thay lá cờ hiệu của Thành Kiều (cờ hiệu của Thành Kiều là do vua Doanh Chính ban cho để sang Triệu tăng viện), đổi thành cờ khởi nghĩa, và tuyên bố cho bàn dân thiên hạ biết: Nay dấy binh thảo phạt kẻ giả danh họ Doanh Tần và tên lái buôn họ Lã, quyết phục hồi họ Doanh Tần chính thống.

Trong khi đó, Mông Ngao và Trương Đường đang bị vây hãm ở Nghiên Sơn và Khánh Đô (nay là khu vực miền Nam tỉnh Hà Bắc), bỗng nghe tin quân tăng viện đã đến Đồn Lưu (nay là vùng Sơn Tây), nên hai người rất mừng. Sau đó, Trương Đường đưa một toán kỵ binh cơ động, phá vây thoát ra ngoài để đến Đồn Lưu đón quân tiếp viện. Ai ngờ Trương

Đường vừa đi đến nửa đường thì nhặt được bản hịch văn của Thành Kiều. Lúc ấy, Trương Đường đã nhanh trí quyết đoán hỏa tốc về ngay Hàm Dương để cấp báo, chứ không quay về trận địa ở Triệu nữa. Vì nếu quay về đó thì trước mặt và sau lưng đều bị quân địch chặn đánh, như vậy chẳng những không cứu được Mông Ngao mà bản thân mình cũng không thể giữ được cái đầu.

Khi về đến Hàm Dương, Trương Đường được Lã Bất Vi đưa đến gặp Doanh Chính ngay lúc nửa đêm. Tần Vương Chính cũng khoác ngay áo bào để tiếp kiến. Ngài hỏi gấp:

– Trương tướng quân vội vã về triều, chắc là có chuyện gì khẩn cấp ở mặt trận?

Trương Đường không đáp, chỉ cầm bản hịch văn bằng hai tay trình lên nhà vua và nói:

– Xin bệ hạ xem qua thì biết.

Doanh Chính cầm bản hịch văn, đọc qua, nội dung của bản hịch văn như sau:

“Kể đang ngự triều tên là Triệu Chính, tính tình bạo ngược lại lịch bất minh. Truy nguồn là do gian thương họ Lã, đưa ca kỹ bụng đã mang thai đến gặp chủ nhân (Túc Doanh Dị Nhân – ND); bày trò yến tiệc, cố sức đưa tình, mưu đồ hậu đãi về sau. Quả là sắc nước hương trời, cầm tay rồi lại môi cười đưa duyên. Thịt da người lẫn với đồ mời trên mâm, hãm tiên quân (Túc Doanh Dị Nhân – ND) quán quýt hồng quân; để rồi đi đến thành hôn, say hoa đắm nguyệt, sáng canh tối ngày. Kẻ kia tâm địa khó lường, nhắm nhe ngôi báu đại Tần của ta. Khi tiên đế hãy còn tại vị, họ Lã kia vốn người Dương Địch thương nhân lại đến ta giữ chức công khanh. Ca kỹ kia đưa con về Tần, cướp ngôi con trưởng, đánh bật Tử Hê vào ngôi cung cấm. Triệu Chính thừa tự, đại vương của Tần! Ô hô! Tiên vương đột ngột băng hà. Họ Triệu lên ngôi, đoạt vị tiếm quyền. Mắt thấy ngai vàng nhà Tần đang khốn đốn lung lay, do chính họ Lã kia đang tay chiếm đoạt. May có Trường An Quân Thành Kiều, đích thị họ Doanh Tần ta đó. Thành Kiều Vương là con đẻ của tiên vương, đang ở trong thế nghìn cân treo sợi tóc. Nhưng ý chí của ngài vượt cả đại tướng quân, như Văn Vương diệt Trụ, sao có thể nói là ủng công vô ích! Nay đem nhuệ khí thổi bùng đồng bão, bố cáo khắp đô thị xóm làng, hướng thiên hạ vào cái đích đã rõ, gọi trời đất quy mỗi đồng tâm. Giương cao tay cờ, diệt trừ giống ác ^[81]. Hiện tại quân ta ở hai ả Hào, Hàm và hai sông Kinh, Vi, đang rầm rập tiến về, sẵn sàng xông trận. Cờ bay phấp phới tua bông, hỡi ai cảm thù nghịch tặc, hãy lên ngựa xông pha, mau mau lập công trọng thưởng. Trống trận rền vang, quân uy hùng dũng; vung mạnh gươm đao, thây giặc ngập đường. Quyết biến chúng thành tro bụi, cho máu chúng chảy đỏ dòng sông. Đánh cho chúng hồn bay phách lạc, không còn một móng ở trần gian. Sức công thành bất khả chiến thắng, không thành nào chống nổi quân ta. Những ai từng là tướng soái hoặc đã nắm đại quân, hoặc từng chịu ơn sâu của tiên đế (Tần Chiêu Vương – ND) hay đã nhận trọng trách trước tiên vương (Hiếu Văn Vương – ND) đều đồng lòng đồng sức thể nắm chặt tay. Loạn trong triều chưa được bình dẹp, chín đỉnh đồng biết để vào đâu? Phải thẳng tay phế Triệu diệt Vi, tống cổ tên giả danh Doanh Chính, phục hồi Doanh Tần, để không phụ lòng số mệnh tiên vương (Trang Tương Vương – ND) kể tục dòng dõi, xây đắp giang sơn. Kẻ nào tham lam bổng lộc, theo hùa gian Doanh, phụ lòng ân đức tiên tổ, phải chịu đất diệt trời chu. Nay khí thế đang dâng cao, ngày phục hồi họ Doanh đã đến!”

Doanh Chính đọc một mạch hết toàn văn bài hịch, tức bầm gan tím ruột, nổi giận lôi đình. Ngài quát bảo thừa tướng Lã Bất Vi phong ngay Vương Tiễn làm đại tướng, sai con ông ta là Vương Bôn và Hoàn Nghị đi tiên phong, đưa mười vạn đại quân đi đường tắt suốt đêm đến đánh Đồn Lưu (nơi Thành Kiều đóng quân – ND). Khi quân đội khởi hành, Doanh Chính căn dặn quân lính nhất thiết phải bắt sống Phàn Vu Kỳ, đưa về Hàm Dương xử tử. Còn Thành Kiều thì tốt nhất là khuyên bảo đầu hàng, không được gây thương tích, chờ bầm báo rồi sẽ xét sau.

Sự việc diễn ra nằm ngoài dự liệu của Phàn Vu Kỳ, các tướng lĩnh quân Tần nhận được hịch văn, không ai theo Thành Kiều chống lại triều đình. Bởi vì các võ tướng ấy biết rõ Doanh Chính rất thượng võ và hiếu chiến, đó là cơ hội rất tốt để họ được đi đánh trận để lập công và được phong chức tước. Còn Thành Kiều Trường An Quân thì hiền lành ít nói, nhu nhược, chắc là không thể tạo cơ hội cho họ có đất dụng võ và thi thố tài năng. Nghĩa là họ không cần biết Doanh Tần thật hay giả, trước mắt họ chỉ là con đường công danh và lợi lộc. Nhất là, họ nghĩ ngay rằng, nếu bây giờ đánh bại Thành Kiều thì được thưởng công lớn

hơn rất nhiều so với chiến thắng Hàm Đan. Một điều quan trọng nữa là, lão tướng Mông Ngao chờ tướng Trương Đường đã lâu rồi, không thấy quay lại; nay lại nghe tin Thành Kiều và Phàn Vu Kỳ dấy binh nổi loạn, bèn quyết chí đơn độc tử chiến với tướng Triệu: Bàn Noãn và Hồ Triếp, không may bị địch dùng mưu bắt chết. Con ông là tướng Mông Vũ chỉ đến chậm một bước chân, đành ôm xác cha mà khóc. Vị tướng trẻ này khóc thương cha nhưng trút mọi căm phẫn lên đầu Thành Kiều và Vu Kỳ. Ông bèn đưa quân đến phối hợp với các tướng Vương Tiến, Trương Đường, Hoàn Nghi, Vương Bôn, lấy thêm số quân còn lại của Mông Ngao, Trương Đường, tất cả có ba mươi vạn quân, đến vây đánh Đồn Lưu.

Phàn Vu Kỳ hoàn toàn bị cô lập, một mình chạy đi chạy lại giữa Đồn Lưu, Trường Tử và Hồ Khẩu để nghênh chiến. Thành Kiều liều chết phá vòng vây chạy thoát, trốn sang nước Yên; vì lúc đó tướng dưới quyền của Thành Kiều là Dương Doan Hòa đã dụ dỗ và ép Thành Kiều nhưng không được, nên đã để cho quân Tần ở bên ngoài vào chiếm Đồn Lưu. Vua Tần Doanh Chính hay tin Phàn Vu Kỳ trốn thoát, lại càng giận dữ hơn, bèn quyết định không tha tội cho Thành Kiều nữa. Thế thiếp của Thành Kiều và nhiều người khác trong hoàng gia hết sức khuyên can cầu xin, nhưng vô hiệu. Thành Kiều tuyệt vọng và tự vẫn. Toàn bộ dân chúng ở Đồn Lưu phải di chuyển đến Lâm Thao.

Hoa kia chưa nở đã tàn. Cuộc binh biến Thành Kiều chấm dứt hoàn toàn trong bí thảm.

HỘI THỨ CHÍN

THÁI TRẠCH ĐỀN YÊN ĐỂ GIAO HỮU VỚI NƯỚC XA CAM LA LỪA NƯỚC GÂN, LẦY NĂM THÀNH CỦA TRIỆU

Lịch sử thăng trầm và hưng vong của chế độ nô lệ Trung Quốc, kể cả thời kỳ tiên Tần từ Ngũ Bá thời Xuân Thu [82] cho đến Thất Hùng thời Chiến Quốc [83], là giai đoạn lịch sử luôn luôn biến động về chính trị, thường xuyên xảy ra chiến tranh quân sự rất đẫm máu. Trong quá trình đó, nước nào cũng có nhân tài văn thao vũ lược, ai cũng có thể mạnh của mình. Nhìn toàn cảnh, y hệt như một vở kịch lịch sử uy vũ oai hùng. Trong đó, các nước cứ găm ghè và uy hiếp nhau, khống chế và cầm cự với nhau, chống đối nhau quyết hết. Sở dĩ có cục diện ấy là do có sự tự do di chuyển nhân tài và tự do giao lưu tư tưởng và học thuật. Phong trào “Trăm nhà đua tiếng” [84] chính là biểu hiện của trình độ tư tưởng và văn hóa phát triển rất cao của thời kỳ lịch sử đó. Rất nhiều thắng lợi chính trị, quân sự to lớn thời bấy giờ đều do các bộ óc vĩ đại của phong trào trăm nhà đua tiếng làm nên.

Vua Tần Doanh Chính đưa Thái Trạch đi sứ ở nước Yên, là một thành công cực kỳ to lớn về mặt này.

Doanh Chính kế thừa di chiếu của tiên tổ dạy rằng: Muốn kế sách lâu dài, trước hết phải nắm được chư hầu. Vì vậy, việc đầu tiên là phải đánh bại nước Triệu. Đương nhiên, tốt nhất là tiêu diệt nước này. Huống hồ, ngay từ khi chào đời, Doanh Chính đã phải hứng chịu biết bao gian khổ và úc hiếp ở nước ấy. Ngay cả người cha (Tử Sở) cũng làm con tin hai mươi năm nhục nhã ở đó. Ông nội (Tần Chiêu Vương) cũng bị thất bại mấy phen ở nước Triệu. Rõ ràng là Doanh Chính và Triệu là kẻ thù không đội trời chung.

Nhưng từ khi Doanh Chính lên ngôi đến nay, tuy vẫn đưa quân đánh nước Triệu song không có thắng lợi căn bản. Truy xét nguyên nhân sâu xa, thì đó một phần là do nước Triệu có lực lượng quân sự hùng mạnh do thống soái Bàng Ngân đứng đầu. Một phần quan trọng là do Triệu liên minh với nước Yên, hình thành một lực lượng liên hợp hai nước vững mạnh; do đó, nước Triệu không phải lo phía sau, nên có thể tập trung toàn lực chống nước Tần. Trước tình hình đó, Doanh Chính mới ngót hai mươi tuổi, chưa nghĩ ra sách lược gì hay. May mà lúc ấy Lã Bất Vi đang đi Hàm Cốc nắm tình hình thiên tai, nên ngài liền đến cung Cam Tuyền gặp thái hậu để hỏi ý kiến. Thái hậu suy nghĩ một lúc rồi nói như để cho mình nghe. Bà nói:

– Trước đây thừa tướng Thái Trạch rất tài giỏi, thông minh, phán đoán như thần, nhưng đáng tiếc là không giữ chức vụ nữa.

Doanh Chính vội nói:

– Mặc dù ông ấy không tại chức nữa, nhưng vẫn có thể gọi ông ta đến để hỏi chuyện.

Thái hậu khoát tay ngăn lại và nói rằng:

– Thái Trạch là lão thần của tiên tổ, không nên gọi đến, mà bản thân con nên đến gặp ông ta.

Doanh Chính cảm ơn mẹ:

– Vương nhi xin làm theo ý mẫu hậu.

Nói rồi, Doanh Chính sai thị vệ chuẩn bị xa giá để đến thăm Thái Trạch tại phủ của ông. Thái Trạch thấy vua mới đến đột ngột, cảm thấy ngay rằng chắc là có chuyện gì trọng đại nên ông vua trẻ người còn hăng máu nhưng rất tự phụ này mới đến đây. Mười năm trước đây, khi Thái Trạch còn ở đỉnh cao của sự nghiệp cá nhân, ông đã tinh mắt nhìn thấy trong vương triều nhà Tần, mối quan hệ giữa nhà vua và các lão thần rất rối rắm phức tạp; nhất là quan hệ giữa Lã Bất Vi và Trang Tương Vương (Tử Sở) và thái hậu Triệu Cơ. Tần Doanh Chính, lại càng nguy tạo, gian dối; và cũng rất nguy hiểm. Cũng chính vì phải lo cho thân mình khỏi bị bắt bớ theo phương châm khôn sống mống chết nên ông ta (Thái Trạch) đã rút lui không chút do dự khỏi cương vị thừa tướng cao quý, về sống ẩn dật an nhàn. Tuy nhiên, Thái Trạch không phải là một học giả, mà là một nhà chính trị rất say mê với sự nghiệp; cho nên, ông ta tuy là nói rút về nhàn cư, song thực ra vẫn còn chân

trong chân ngoài. Hai nhà vua, Hiếu Văn Vương và Trang Tương Vương ở ngôi quá ngắn. Hai vị này tuy có nghe ngóng ý kiến của Thái Trạch và Thái Trạch cũng có nêu một số kế sách, nhưng chưa được thực thi. Sau đó, hai vị quân vương qua đời, nên những chủ trương của ông đều bị xếp xó. Sau khi Doanh Chính lên ngôi, quyền thế của Lã Bất Vi ngày càng mạnh; ông này lại chuyên quyền, chưa bao giờ thèm để ý đến Thái Trạch. Hôm nay, Tần Doanh Chính đích thân đến đây, vị lão thần đã trải qua bốn đời vua cố nhiên là biết điều gì sắp xảy ra. Mặc dù ông ta hơi xúc động, song vẫn cố giữ vẻ bình thản, lạnh lùng. Ông làm như thế là cốt để không tỏ ra vô vấp, hấp tấp, gây ấn tượng xấu cho các chính khách khác. Nghĩ vậy, ông sửa lại quần áo cho chỉnh tề, quỳ xuống chào rất cung kính:

– Lão thần Thái Trạch xin cung kính nghênh đón thánh giá!

– Xin Thái khanh đứng dậy, ngồi xuống nói chuyện. – Doanh Chính tỏ ra thân mật và khách khí, một điều rất hiếm có.

Sau khi ngồi vào chỗ, Thái Trạch hỏi:

– Hôm nay được bệ hạ thương hại đến nhà, chắc là có chuyện gì quan trọng cần bàn bạc?

Tần Doanh Chính cảm thấy hơi kinh ngạc, bèn hỏi:

– Ta chưa hé răng, sao khanh đã biết điều mà ta đang lo nghĩ?

– Bệ hạ nắm quyền, thừa tướng phụ chính, hỗ trợ cho nhau, mọi việc suôn sẻ. Nếu không gặp chuyện bất trắc, sao lại tìm đến lão thần tàn tạ này? – Thái Trạch cứ thẳng ruột ngựa, lời nói như đinh đóng cột.

Doanh Chính cười, dịu giọng:

– Khanh phán đoán rất giỏi, đúng là trăm có việc hệ trọng rất nan giải, cần bàn với khanh.

– Chỉ cần lão thần có thể giúp được, nhất định sẽ chia sẻ gánh nặng với bệ hạ. – Đây là lần đầu tiên trong mười năm qua, Thái Trạch được trọng vọng như vậy, nên ông ta cũng nói chân thành.

Doanh Chính gật đầu, nói tiếp :

– Nhiều năm nay, nước đại Tần chúng ta đánh Triệu, khi thắng khi bại, đó cũng là lẽ thường tình về quân sự. Sở dĩ Triệu dám đối địch với nước ta, là vì có nước Yên liên minh với họ. Trăm muốn đánh nước Yên. Nhưng lại sợ lực lượng bị dàn ra quá mỏng, nên rất do dự, chưa thể quyết định được.

– Điều mà bệ hạ lo nghĩ, cũng chính là điều tối kỵ của nhà binh. Tuy rằng Triệu khó mà kinh địch được với đại Tần ta, nhưng ta cũng khó mà bắt họ hàng phục. Nếu đem quân đánh nước Yên ở nơi xa xôi, e rằng lo được đầu này sẽ bỏ mất đầu kia.

Doanh Chính cũng thấy rất bí:

– Trăm cũng thấy khó khăn như vậy. Chẳng hay khanh có kế sách gì hay?

Để trả lời câu hỏi này, Thái Trạch đã giải thích chính sách “viễn giao cận công” (hữu nghị với nước ở xa, đánh nước ở gần) của cựu thừa tướng Phạm Thư và nói rằng chính sách ấy có thể thi hành được. Đồng thời, Thái Trạch nói ông ta sẵn sàng đi sang nước Yên một chuyến nhằm mục đích đó. Doanh Chính đồng ý chấp nhận ngay sáng kiến của Thái Trạch quyết định cử Thái Trạch làm phái viên đặc biệt (đặc sứ) của Tần tại nước Yên, thiết lập quan hệ hữu hảo với Yên, cô lập nước Triệu. Sau khi thực hiện được mục tiêu đó sẽ tập trung binh lực đánh Triệu. Nhưng Thái Trạch không đồng ý đi nước Yên với chức vụ đặc sứ của triều đình, vì muốn đến Yên phải đi qua Triệu, nếu bị phát hiện sẽ bị lộ, nước Triệu sẽ cảnh giác và như vậy sẽ hỏng việc. Vì vậy tốt nhất là lợi dụng danh nghĩa trở về quê quán, vì ông ta là người nước Yên, như vậy sẽ không gặp rắc rối dọc đường và khi về đến Yên, vua quan nước Yên cũng không nghi ngờ. Sau khi về đến Yên, phải kín đáo mai phục. Sau khi yên ổn rồi mới tìm cơ hội để từ từ triển khai công việc. Tóm lại, mọi việc phải hết sức cẩn mật, thận trọng; không thể làm rùm beng lên, chẳng hay ho gì, mà còn có thể hỏng việc.

– Khanh quả là nhà mưu lược kỳ tài, đáng mặt một tài năng lớn của thời đại. Trẫm rất khâm phục. – Doanh Chính không ngớt khen ngợi.

Thái Trạch nói, rất xúc động:

– Lão thần may mắn được ba đời tiên vương biết đến, nhưng rất tiếc là thời gian quá ngắn, nên chưa làm được công việc gì lớn, cảm thấy rất đau lòng. Nay bệ hạ giao trọng trách cho lão thần, nhất định thần sẽ gắng hết sức mình để làm thật tốt việc giao hữu với nước Yên, để hỗ trợ cho việc tấn công nước Triệu, dâng đáp ứng lòng mong mỏi của các tiên vương, báo đáp long ân của bệ hạ đã dùng đến lão thần. – Nói xong còn không cảm được nước mắt.

– Trẫm rất mừng vì thấy Khanh rất mực trung thành, đáng quý biết bao!

Doanh Chính thấy bề tôi của tiên vương vẫn ủng hộ mình như vậy, cố nhiên rất mừng. Sau khi về cung, ngài kể lại tỉ mỉ với thái hậu. Thái hậu cũng rất vui mừng. Bà nói rất trịnh trọng:

– Nếu không nhắc nhở mẫu hậu, thì suýt nữa bỏ qua mất tấm lòng nhiệt thành vì đất nước của các lão thần. Xem ra việc gì cũng cứ hỏi ý kiến nhiều người sẽ tốt hơn.

Doanh Chính vội nói:

– Xin đa tạ mẫu hậu dạy bảo. – Nói xong, Doanh Chính về ngay cung Hàm Dương.

Mấy hôm sau, một chiếc xe hai bánh đơn sơ, mui che bằng vải thô cũ kỹ, do một con ngựa kéo, cứ lọc cà lọc cọc, chậm rãi lăn bánh trên đường. Xe đi về hướng Bắc. Trên xe, Thái Trạch ngồi lắc lư, mắt nhắm lim dim, thư thái, nhàn hạ. Trong thùng xe thấy một gói quần áo, chăn màn và sách. Nhưng ở tầng dưới, thì có vàng bạc, châu báu của nhà vua Doanh Chính ban cho. Còn có một tặng phẩm đặc biệt, được cất trong một cái hộp bình thường. Tặng phẩm này được sử dụng lúc cần thiết, do ông ta quyết định. Còn giấy thông hành thì cất trong người để tiện lấy ra lúc có người hỏi đến. Xe xuất phát từ Hàm Dương, ngày đi đêm nghỉ, đi qua già một nửa đất Tần, Thái Trạch thấy chiến tranh và thiên tai gây ra không biết bao hậu quả nặng nề cho kinh tế và đời sống nhân dân. Ông cảm thấy rất đau lòng, nghĩ rằng chính sách bành trướng bằng vũ lực gây nguy hại to lớn cho cả nước đi xâm lược lẫn nước bị xâm lược. Nhưng lúc bấy giờ, vào thời kỳ của thời Chiến Quốc, dù nước lớn hay nước nhỏ, đều coi chiến tranh là nội dung quan trọng của chính sách quốc gia; mọi hoạt động nội chính hay ngoại giao đều lấy quân sự làm động lực, đều coi chiến tranh thắng hay bại là yếu tố quyết định sự hưng hay vong, thịnh hay suy của đất nước. Thái Trạch nghĩ rằng mình là một chính khách từng làm đến chức thừa tướng, nay lại cải trang để trở về nước mình, thực hiện một mưu đồ chính trị chẳng mấy đẹp để gì, vậy thì làm sao mà sống cho dễ chịu, thanh thản được. Tuy nhiên, trước mắt ông ta vẫn cứ phải giả vờ như không biết chuyện gì cả, như vậy mới đi lọt qua các trạm kiểm soát dọc đường, để về đến nơi đến chốn. Hơn nữa, đúng như ông đã dự đoán, càng đến gần biên giới nước Triệu, càng bị kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, ông đã chuẩn bị từ trước, mỗi khi đến gần một trạm kiểm soát, ông đều xuống xe trước, đi bộ đến trước mặt viên quan canh gác, đưa giấy thông hành ra. Người này đọc kỹ giấy thông hành:

Họ tên: Thái Trạch, người nước Yên. Thừa tướng thời nhà vua trước của nước ta, đã thôi giữ chức mười năm nay. Nay vì già yếu, lại không hợp khí hậu nên trở về Quế Thành (nay thuộc địa phận huyện Quế tỉnh Hà Bắc) của nước Yên để tĩnh dưỡng tuổi già. Cùng đi theo có một xe ngựa và bốn người giúp việc gia đình, cùng một số hành lý. Xin các cửa khẩu các nước xem xét và cho đi.

Quan canh gác xem rất kỹ dấu đóng trên bản thông hành bằng da dê và ngày tháng năm. Mỗi khi người này kiểm soát hòm xiềng, Thái Trạch lại không khỏi lo lắng, tim đập hơi mạnh. Nhưng rất may là họ không phát hiện ra cái tặng phẩm ấy. Lúc này ông mới thở phào nhẹ nhõm. Ông còn vén quần lên cho người kia thấy đôi chân vòng kiềng của ông, vốn là bẩm sinh, nhưng nay ông nói rằng do không hợp khí hậu nên sinh ra thấp khớp nặng rồi bị như thế. Quan canh gác dĩ nhiên tin là thật, bèn trả lại giấy thông hành và cho đi. Khi vào bên trong nước Yên, ông mới thật sự yên tâm. Ông mở rộng tầm mắt, nhìn kỹ quê hương bản quán.

Khi về đến Quế Thành, dựa theo những điều ghi trên giấy thông hành, Thái Trạch

được vào ở tại nhà khách của triều đình. Nhưng ông đóng cửa, không tiếp khách, không tiếp xúc với các quan chức chính quyền. Tin tức Thái Trạch về quê được đưa đến vua Yên là Vương Hỷ. Lúc ấy, Vương Hỷ hơi nghi ngờ, bèn sai người đến mời Thái Trạch vào cung tiếp đón rất thân tình. Với thái độ thận trọng, ngài hỏi Thái Trạch:

– Có phải chuyến về quê này của ông là do vua Tần Doanh Chính giao nhiệm vụ không.

Thái Trạch trả lời rất bình tĩnh:

– Tần hiện là một nước lớn, có việc gì quan trọng, chắc là phải cử những người đương chức như Trương Đường, Lý Tư chứ đâu cần đến kẻ già nua mốc meo vì đã thôi chức lâu năm rồi như lão phu này. Lần này lão phu về quê là để dưỡng lão và chữa cái bệnh thấp khớp. – Nói xong, liền đưa giấy thông hành ra để chứng tỏ ông nói đúng sự thật.

Vương Hỷ cười, ngài nói:

– Ông nói thành thật như vậy, làm sao ta lại không tin! Nhưng vì ông đã làm thừa tướng ở nước Tần, nước Yên lại là quê hương của ông, lẽ nào vua Tần lại bỏ qua mối quan hệ đặc biệt đó? Chẳng lẽ họ không nhân dịp ông về vang về quê để nhờ ông làm những việc gì đó để tăng cường thêm tình hữu nghị và thông tin với chúng tôi?

Thái Trạch trả lời rõ ràng rành mạch:

– Sao lại có thể bỏ qua việc đó được? Tôi tuy đã thôi chức lâu rồi, nhưng các thành viên hoàng gia và công khanh đều có thỉnh thoảng lui tới gặp gỡ. Trong lúc chuyện trò với họ, tôi biết rằng họ hay nhắc tới câu chuyện đại vương (Vương Hỷ) năm nào làm con tin ở nước Triệu, đã tỏ ra rất hữu hảo với Trang Tương Vương (Doanh Dị Nhân), đã giúp đỡ Trang Tương Vương rất nhiều trong việc cải thiện hoàn cảnh lúc bấy giờ và mở ra những quan hệ tốt đẹp với tầng lớp trên ở nước Triệu lúc đó. Lại còn chuyện thái tử Đan, người con yêu dấu của ngài, sau đó cũng thay ngài làm con tin ở Triệu; thái tử cũng đã bất chấp tính mạng của mình, liều chết xông vào cứu Tử Sở ra khỏi lưỡi hái tử thần, nhờ vậy Tử Sở đã thoát nạn. Sau đó, còn giải cứu giúp vợ con Tử Sở sống yên ổn trong bảy năm gian nan khốn khổ. Nay hai mẹ con đang là thái hậu và đại vương nước Tần; họ luôn luôn căn dặn chúng tôi phai khắc cốt ghi tâm công ơn trời biển của nước Yên. Những điều nói trên, được truyền tụng rất rộng rãi ở nước Tần. Tôi là con dân của ngài, có quê quán là nước Yên, cũng được thơm lây cảm thấy rất tự hào và vinh dự.

Vua Yên Vương Hỷ nghe vậy, cảm thấy hết sức vui mừng vì nhà vua và thái hậu nhà Tần luôn luôn ghi lòng tạc dạ sự quan tâm, giúp đỡ của nước Yên trước đây, lại còn căn dặn thần dân của mình không được quên tình hữu hảo giữa Tần và Yên. Nhưng vẫn cảm thấy khó hiểu là tại sao vua Tần không nhân dịp Thái Trạch về nước để bày tỏ ý kiến rõ ràng, chính thức luôn?

Thái Trạch bèn tiết lộ rằng, tất cả những điều ông ta vừa nói, đều là ý chí của vua Tần. Nhưng tại sao vua Tần không bày tỏ những ý chí đó bằng hình thức cụ thể, đó là vì chuyến đi này phải đi qua nước Triệu, nếu các trạm kiểm soát phát hiện có giấy tờ ngoại giao chính thức thì không chỉ gây khó khăn cho chuyến đi, mà còn gây nhiều phiền toái cho quan hệ giữa hai nước. Bởi vì chuyến đi này là chỉ nhằm mục đích xây đắp tình hòa hiếu giữa Tần và Yên, nhưng nếu để nước thứ ba hiểu lầm, sẽ tổn hại đến quan hệ giữa hai bên. Tiếp đó, ông kể lại việc kiểm soát giấy tờ rất nghiêm ngặt ở dọc đường, nhất là ở cửa khẩu nước Triệu, nhưng rất may là họ không thấy dấu vết gì khả nghi nên mới “đầu xuôi đuôi lọt”. Khi kể những sự việc này, Thái Trạch không khỏi có chút huênh hoang, thêm giấm thêm ớt vào câu chuyện.

Vua Yên Vương Hỷ mừng lắm, ngài nói một cách khiêm tốn rằng, trước đây ngài suy nghĩ hơi đơn giản, nên đã hiểu lầm lòng tốt của vua tôi nhà Tần. Lời nói và việc làm của họ (vua tôi nhà Tần) đã bao quát được mọi quan hệ giữa họ với các nước, thật đáng mặt phong độ của một nước lớn.

Thái Trạch cứ sống bình dị như vậy ở quê hương cố quốc của mình, bề ngoài không khoác mũ cao áo dài, không mang một danh hiệu hay chức tước gì, nhưng đã ngầm ngầm hoạt động ngoại giao rất hiệu quả, dần dần được vua Vương Hỷ của nước Yên rất có cảm tình và tin nhiệm. Quan hệ giữa Cương Thành Quân (Thái Trạch) và vua Yên ngày càng thắt chặt, thân tình, lúc thì đánh cờ, lúc thì đi săn, lúc thì yến tiệc, xem ca múa. Qua đó,

ông càng hiểu thêm nguồn gốc của quan hệ Tần và Triệu, cũng như tình hình cụ thể gần đây. Trước kia, thời vua Huệ Văn Vương nhà Triệu, hai nước Triệu và Yên thù địch nhau. Lúc hai nước sắp đánh nhau, vua nước Yên sai Tô Đại sang Triệu xin giảng hòa. Vua Triệu Huệ Văn Vương ý thế mình là một cường quốc quân sự, dọa rằng chiến tranh không thể tránh khỏi. Chẳng ngờ, khi yết kiến vua Triệu, Tô Đại chẳng hề nhắc đến chuyện giảng hòa hay chiến tranh, chỉ kể với vua Triệu câu chuyện như sau. Khi mình (Tô Đại) trên đường đến quý quốc, đi qua sông Dịch Thủy, thấy một con trai đang phơi mình trên bãi cát, bỗng một con cò bay tới và liền mổ thịt con trai để ăn. Con trai liền ngậm hai cái vỏ của nó lại, kẹp chặt mỏ của con cò. Cả con trai và con cò đều cố sức làm cho đối phương phải chết, nhưng rốt cuộc chẳng đi đến đâu. Khi hai bên đang giằng co nhau thì một ông lão đánh cá đi đến, thấy vậy liền tóm cổ cả hai chú để như bõn.

Vua Huệ Văn Vương rất chăm chú lắng nghe. Tô Đại kể xong bèn kết luận rằng, chẳng nhẽ nhà vua lại muốn để cho nước Triệu và nước Yên trở thành con cò và con trai, và nước Tần sẽ là ông lão đánh cá hay sao. Kết quả, vua Triệu chấp nhận ý kiến Tô Đại, từ bỏ kế hoạch đánh Yên, ký thỏa ước hòa hiếu với vua Yên. Nhưng đến đời vua sau, vua Vương Hỷ của Yên nghe lời xúi giục của thừa tướng Lật Phục, hủy bỏ thỏa ước và tấn công nước Triệu. Đại phu của nước Yên là Tương Cừ ra đường chặn xe khóc lóc can gián đừng đánh Triệu, bị vua bắt giam chờ chém.

Về phía Triệu, vua Hiếu Thành Vương sai lão tướng Liêm Cố và danh tướng Lý Mục đưa quân tinh nhuệ ra nghênh chiến, chờ quân Yên đến là đánh. Tướng Triệu là Liêm Pha bố trí trận địa mai phục ở Phòng Tử Thành và Cao Thành, giả vờ thua để dụ quân Yên. Lật Phục (thừa tướng nước Yên) hiếu thắng nên cứ truy đuổi quân của Liêm Pha, kết cục mắc mưu Liêm Pha, bị bắt sống. Một viên tướng khác của Yên là Khanh Tân cũng bị tướng Triệu là Lý Mục chém chết trong trận Đại Thành. Hai anh em Xương Quốc Quân của nước Yên là Nhạc Nhân và Nhạc Thừa bị đánh bại nên đã đầu hàng quân Triệu. Vua nước Yên là Vương Hỷ vừa buồn vừa hối hận, bèn phong Tương Cừ làm thừa tướng, sang Triệu xin giảng hòa. Để giảng hòa, nước Yên phải chém tướng Lật Phục để tạ tội nước Triệu. Ngoài ra còn phải cắt nhượng cho Triệu năm thành trì.

Trong thời gian hai năm Thái Trạch ẩn cư tại nước Yên, Kịch Tân được cử làm thừa tướng, thay Tương Cừ... Kịch Tân nghe tin Liêm Pha đã bỏ nước Triệu, chạy sang nước Ngụy. Nước Triệu phải cử Bàng Noãn làm đại tướng quân. Kịch Tân cho rằng đây là cơ hội tốt, có thể đánh Triệu. Nghĩ vậy, ông ta liền xúi giục vua Yên là Vương Hỷ, đưa mười vạn quân đánh Triệu. Để đối phó với quân Yên, tướng Bàng Noãn của Triệu dùng chiến thuật: lấy nghỉ ngơi an nhàn, chống lại quân địch từ xa đến và đã mệt mỏi ("dĩ dật đãi lao"), từ đó, chuyển thế thủ thành thế công, đã cố sức đánh bại quân Yên tại Đông Viên và Phụ Thành, thừa tướng của Yên là Kịch Tân cũng tử nạn. Vua Yên là Vương Hỷ rất buồn. Ngài phải hạ mình phục chức cho đại phu Tương Cừ và sai ông này sang nước Triệu gặp đại tướng quân của Triệu là Bàng Noãn tạ tội xin hòa, và thề rằng nước Yên xin đời đời kiếp kiếp làm em của nước Triệu, và nước Triệu vĩnh viễn là người anh cả (huynh trưởng) của nước Yên; quan hệ đồng minh này sẽ là vĩnh hằng, thiên thu vạn đại. Nước Triệu lại giành được toàn thắng một lần nữa.

Sau vài ba năm để ý quan sát mối quan hệ lúc hòa lúc chiến, hết bạn lại thù giữa nước Yên và nước Triệu, Thái Trạch rút ra một nhận xét: thỏa ước liên minh hiện nay giữa hai nước rất mỏng manh, chỉ là một sự tự lừa dối mình và lừa dối người khác mà thôi. Nghĩ vậy, Thái Trạch thấy nay đã đến lúc có thể sử dụng cái tặng phẩm đặc biệt. Ông mở chiếc hòm, lấy ra hai chiếc hộp, nom bề ngoài rất bình thường, thực ra đó là hộp đựng quân cờ vây. Ông lấy vải bọc hai chiếc hộp cờ đó rồi vào nội cung gặp nhà vua Vương Hỷ để đánh cờ. Khi nhà vua thấy Thái Trạch mở miếng vải bọc và mở hộp, bỗng ngài bật cười, nói:

- Khanh buồn cười thật, sao lại mang cờ đến cơ chứ? Chẳng lẽ cứ mang đến là đánh thắng hay sao?

- Xin chớ coi thường bộ cờ này. Đây là cả một tấm thịnh tình đ-y ạ. - Thái Trạch vừa cười vừa trả lời, vừa mở hộp ra.

- Khanh nói vậy, nghĩa là nếu Trẫm đánh thắng, khanh sẽ tặng Trẫm hộp cờ ấy - Vương Hỷ hỏi lại, vẫn giọng đùa vui.

Thái Trạch nói:

– Đại vương chỉ nói đúng một nửa.

– Chỉ đúng một nửa? – Vương Hỷ vẫn không hiểu.

– Đại vương nói, ngài thắng mới tặng, còn hạ thần thì nói thắng hay thua đều tặng đại vương. Vậy chẳng hóa ra đại vương chỉ nói đúng một nửa đó sao.

Wương Hỷ vẫn giữ vững ý kiến của mình. Ngài nói:

– Đánh thắng, được tặng là lẽ đương nhiên. Làm gì có chuyện thua cũng được tặng?

– Đó là một quy định không phải do hạ thần đặt ra, mà là của vua Tần. – Thái Trạch càng nói, càng để lộ chân tướng của sự việc.

– Thì ra là như vậy. Vậy ý tứ của vua Tần là như thế nào? – Vua Yên cảm thấy hơi lạ.

– Vua Tần Doanh Chính từ lâu đã ngưỡng mộ đại vương chơi cờ giỏi nên nhờ hạ thần mang bộ cờ này sang tặng đại vương để tiêu khiển và gửi lời chào đại vương. – Đến lúc này, Thái Trạch mới đi vào chủ đề.

Wương Hỷ vừa nghe xong liền trách Thái Trạch:

– Như vậy là khanh đã sai rồi đấy!

– Sao lại nói hạ thần sai ạ? – Thái Trạch vờ như không hiểu gì cả.

Wương Hỷ nói tiếp:

– Ta đã hỏi khanh nhiều lần rằng, vua Tần có nói gì về trẫm không, nhưng khanh không hề nói gì cả.

Thái Trạch cười có vẻ ranh mãnh:

– Thì đây là ý của Tần vương.

Wương Hỷ lắc đầu:

– Sao lại gọi là ý của ông ấy?

Bây giờ Thái Trạch mới nói một cách nghiêm nghị:

– Xin đại vương thử nghĩ mà xem, hai nước Tần và Yên cách xa nhau hàng nghìn dặm. Nước Tần vừa qua liên tiếp mấy lần quốc tang, nội tình rất rối ren, cho nên, mỗi bang giao với bên ngoài cũng có sơ suất. Nay nhà Tần muốn hòa hiếu với quý quốc, nên sai hạ thần sang thăm dò trước; vì rất sợ đại vương không chấp nhận tấm lòng nhiệt thành đó (của vua Tần) và như vậy sẽ uống công vô ích. Cho nên vừa qua đành phải giấu kín trong lòng, không dám vội vàng bộc lộ...

– Việc là như vậy. Sao hôm nay lại cởi mở thế? – Vương Hỷ muốn biết cụ thể của việc.

Thái Trạch nói rõ hơn:

– Tháng vừa qua, nước Sở kêu gọi các nước Triệu, Ngụy, Vệ, Hàn “hợp tung” đánh nước Tần, và Sở đứng ra làm “thủ lĩnh hợp tung”. Bốn nước này đều theo Sở, chỉ riêng nước Yên của đại vương là không theo. Đủ thấy đại vương có thái độ hòa hiếu với Tần. Cho nên vua Tần mới bảo hạ thần mang bộ cờ này biếu đại vương để tỏ lòng đa tạ.

– Trẫm cũng đa tạ tấm thịnh tình của quân chủ quý quốc. Trẫm cảm thấy rất vui mừng! [85]

Wương Hỷ vừa nói vừa tự cảm thấy rất may mắn. Bởi vì việc “hợp tung” đánh Tần mà Thái Trạch vừa nói, thực tế diễn biến như sau. Vua Sở là Khảo Liệt đứng ra kêu gọi, tướng Triệu là Bàng Noãn làm thống soái liên quân năm nước “hợp tung” đánh Tần. Nhưng nước Yên không tham gia là vì nước Yên bị nước Triệu đánh bại nhiều lần, gây tổn thương rất lớn đến nguyên khí quốc gia. Nay lại thấy Tần quá mạnh, nên Yên đã từ chối lời mời tham gia liên quân hợp tung. Ngay cả thầy dạy thái tử là Cúc Vũ, thái tử Đan và công tử Dãn Lực cũng khuyên Vương Hỷ cứ đánh, nhưng Vương Hỷ không nghe, kiên quyết trung lập. Nay xem lại thấy chính sách ấy là đúng. Vì sau đó, hợp tung năm nước đã bị thất bại. Nếu lúc ấy nước Yên tham gia, thì sự thất bại quân sự cố nhiên là chẳng đẹp mặt gì, nhưng quan

trọng là mắc tội với nước Tần, để lại hậu quả không nhỏ! Nay nước Yên có thể tồn tại yên ổn trong mối quan hệ cầm cự găm ghè nhau giữa các nước nói trên, quả thật chẳng dễ dàng chút nào. Vì vậy, việc vua Tần Doanh Chính tặng bộ cờ này, thật sự có ý nghĩa vô cùng to lớn. Nghĩ đến đây, Vương Hỷ thở phào nhẹ nhõm, cảm thấy như trút bỏ được một gánh nặng. Vì vậy ngài lấy bàn cờ ra để chơi với Thái Trạch. Nhưng Thái Trạch vội ngăn lại và nói:

– Xin đại vương hãy khoan, hạ thần vẫn còn câu chuyện muốn nói tiếp.

– Khanh đã nói rằng dù thắng hay thua cũng cho ta bộ cờ này mà? – Vương Hỷ chẳng hiểu câu chuyện tiếp theo là gì nữa.

Câu chuyện tiếp theo của Thái Trạch thật ra là quá ư đơn giản. Thái Trạch nói:

– Xin hỏi đại vương, trong một ván cờ, mỗi bên đi bao nhiêu nước cờ? Và tổng cộng phải đi bao nhiêu nước cờ?

– Một ván cờ, mỗi bên đi 180 nước, hai bên đi 360 nước. – Vương Hỷ nói ngay, chẳng cần suy nghĩ gì cả và còn cảm thấy buồn cười, là vì chẳng hiểu sao, ông già này lại hỏi vớ vẩn thế.

– Vậy xin hỏi đại vương, trên bàn cờ có bao nhiêu ô? [86] – Thái Trạch lại hỏi tiếp.

– Có 361 ô (thực ra là 361 góc). – Vương Hỷ cũng trả lời ngay, không cần suy nghĩ.

– Thừa ra một ô, để làm gì vậy? – Thái Trạch hỏi đến cùng.

– Thừa ra một ô, là để bên cầm quân đen đi trước. – Vương Hỷ cứ thấy hỏi là trả lời.

Đến đây, Thái Trạch lại giơ hai tay vãi Vương Hỷ một lần nữa, rồi nói:

– Xin đại vương tha lỗi cho hạ thần cứ nói lằng nhằng mãi. Vừa rồi hạ thần hỏi đi hỏi lại, hỏi đến ai cầm quân đen thì đi trước. Đó chính là ý của vua Tần Doanh Chính đấy ạ!

– Quân chủ của khanh tuổi còn nhỏ nhưng ý tứ không nhỏ chút nào! – Vương Hỷ vừa nói vừa cười dí dỏm.

– Nhà vua Doanh Chính của hạ thần biết mình tuổi còn nhỏ, về mọi mặt đều chưa sánh bằng đại vương. Chẳng hạn như đánh cờ, ngài cũng đành cầm quân đen. – Thái Trạch giải thích.

Vương Hỷ vội nói nhún nhường:

– Khanh nói quá lời. Tần Vương Chính tự cầm quân đen, đủ chứng tỏ ông ấy khiêm nhường và rất có phong độ. Nhưng chẳng ai biết quân nào đi trước là tài giỏi như thế nào?

Thái Trạch không trả lời. Ông ta chỉ mở hộp quân đen ra, đổ lên bàn cờ, đưa tay gạt bằng ra, một màu quân đen lấp lánh. Bỗng Thái Trạch nhặt ra một quân bằng ngọc màu xanh mắt mèo, và đưa cho Vương Hỷ. Ông nói:

– Đây là quân cờ đen mà quân chủ hạ thần Tần Doanh Chính tặng đại vương.

Nhà vua Vương Hỷ cầm lấy quân cờ bằng ngọc, khen rằng:

– Đây là ngọc mắt mèo do vùng Lam Điền [87] của quý quốc sản xuất. Rất quý hiếm.ư

– Thưa, cái quý hiếm nhất là mấy chữ khắc trên đó, xin đại vương xem qua. – Thái Trạch vội bước đến gần nhà vua, chỉ tay vào mấy chữ trên viên ngọc.

Vương Hỷ giơ lên xem tận mắt, thấy rất rõ tám chữ viết theo kiểu “đại triện” [88], khắc nét rất nhỏ, lại mạ vàng, nên rất dễ thấy: “Tây Tần Bắc Yên, hữu hảo chi minh” (nước Tần ở phía Tây, nước Yên ở phía Bắc; bạn đồng minh hữu hảo).

– Tuyệt! Tuyệt! Trẫm cứ nghĩ rằng Tần Doanh Chính thích gươm đao, say chinh chiến, luôn luôn hùng hổ xông trận. Nào ngờ ông ta lại rất văn vẻ, tư duy sâu sắc, ngu ý thâm thúy, văn võ toàn tài, trẫm rất khâm phục. – Vua Vương Hỷ sau khi xem dòng chữ khắc trên viên ngọc, tỏ rõ sự cảm phục đối với vua Tần Doanh Chính.

Thái Trạch nói rất trịnh trọng:

– Vua Tần Doanh Chính tặng cờ cho vua Yên, không chỉ để tỏ lòng ca ngợi tài đánh cờ

của ngài, mà còn muốn cảnh tỉnh ngài: chiến trường cũng giống như bàn cờ, cần phải thận trọng, mỗi bước tiến lên phải là một bước chắc chắn nhất. Nếu đi một nước cờ sai, sẽ thua cả ván. Một tay cờ cao thủ, nhất định phải giỏi tấn công và biết phòng thủ, quyết không thể hiếu thắng nóng ăn, để hấp tấp đi liều. Gần mười năm nay, nước Yên luôn luôn bị nước Triệu đánh bại. Đó là bài học đau đớn, điều bí quyết ở đây là, trong khi thế cờ hai bên cân bằng nhau, thì phải thấy được nguy cơ bị đối phương đánh diệt đang tiềm ẩn đâu đó, như vậy mới không thể bị mắc lừa bởi “hiện tượng giả” trước mắt.

Nhà vua Vương Hỷ vội cảm ơn Thái Trạch. Ngài nói rằng câu chuyện của Thái Trạch vừa rồi đã đánh trúng nhược điểm của ngài. Đó là thỉnh thoảng thích đi bữa một vài nước, kết quả là mắc mưu địch rồi chuốc lấy thất bại! Thái Trạch bèn khuyên nhà vua tăng cường ý thức tự bảo vệ mình; và hứa với nhà vua rằng nước Tần hết sức coi trọng quan hệ hòa hiếu với nước Yên. Câu viết của Tần Doanh Chính trên quân cờ bằng ngọc mắt mèo là bằng chứng về điều đó.

Nuôi quân ngàn ngày, chỉ dùng một buổi. Thái Trạch đến ở nước Yên ba năm, hơn một ngàn ngày. Bằng con mắt quan sát sâu sắc, bằng tư duy thông minh, bằng tài năng chính trị cao siêu, Thái Trạch đã thành công rất lớn trong việc bang giao hữu hảo với nước Yên ở xa. Vua Yên Vương Hỷ không chỉ coi Thái Trạch là người thầy tốt, người bạn thân tình của mình, mà còn coi ông là chiếc cầu nối tình hữu nghị Tần, Yên. Thậm chí còn muốn mời ông làm thừa tướng nước Yên. Thái Trạch cảm ơn tấm thịnh tình của nhà vua, nhưng nói rằng không thể nhận lời mời của nhà vua vì làm như vậy sẽ bị hiểu lầm là ông đến nước Yên chỉ vì mục đích cá nhân; và điều này đều rất bất lợi cho cả việc công lẫn việc tư. ông đề nghị nhà vua Vương Hỷ nên cử một thành viên hoàng gia hoặc một đại thần sang sứ nước Tần, để bày tỏ sự tin cậy lẫn nhau. Vương Hỷ chấp nhận đề nghị đó và cử thái tử Đan cùng đi với Thái Trạch sang Tần. Thái tử Đan là con tin của Yên tại Hàm Dương, cũng coi như để đáp lại ba năm Thái Trạch ở nước Yên. Đồng thời, nhân dịp này, thái tử Đan lại ôn lại tình hữu nghị với Tần Doanh Chính. Điều này sẽ rất bổ ích cho việc tăng cường và củng cố quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

Tần Doanh Chính và Lã Bất Vi hết sức khen ngợi Thái Trạch đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình, và đã trọng thưởng cho ông. Nhà vua Doanh Chính cũng rất vui mừng khi gặp lại thái tử Đan sau nhiều năm xa cách. Đặc biệt, giờ đây, ngài tiếp thái tử Đan của nước Yên với tư cách là quân chủ đại Tần; điều này làm cho ngài thêm tự hào. Tuy nhiên, để thể hiện nguyên tắc ngang bằng nhau về ngoại giao, Tần Doanh Chính và Lã Bất Vi đã cử Trương Đường sang nước Yên làm thừa tướng. Nhưng Trương Đường không chịu đi, vì rất sợ bị ám hại khi đi qua nước Triệu; bởi lẽ, trước đây, ông đã nhiều lần đưa quân đánh Triệu. Trong lúc đang khó khăn như vậy, thì có một chú bé mười hai tuổi tên là Cam La, môn khách của Lã Bất Vi đứng ra xin đi sứ sang Triệu, để thăm dò thái độ của vua Triệu là Điệu Tương Vương. Lã Bất Vi thấy cậu còn ít tuổi quá, tuy nhiên đã tỏ ra có tài, vả lại, lúc ấy đang thiếu người, lại không tìm được ai hơn, nên đành phải giới thiệu cậu bé cho nhà vua, cũng để thử xem. Nhà vua vừa nghe nói vậy, đã thấy không thể được. Nhưng sau ngài nghĩ lại thấy rằng, đây là do “trọng phụ” tiến cử, nên cũng cứ tìm hiểu xem sao, coi thử cậu bé này có biệt tài như thế nào. Nghĩ vậy, ngài bèn cho gọi vào gặp.

Cam La theo sau Lã Bất Vi đi vào cung Hàm Dương để yết kiến vua Tần Doanh Chính. Đi vào cung điện thâm nghiêm, quan quân canh gác khắp nơi, cũng như khi đến trước mặt nhà vua uy nghi lắm hết, Cam La vẫn rất bình tĩnh tự tin, quỳ lạy ba vái một cách đàng hoàng chững chạc. Sau khi hỏi rõ họ tên tuổi tác, nhà vua bảo cậu ta đứng dậy để hỏi chuyện. Ngài hỏi:

– Nhà ngươi mới mười hai tuổi, làm sao có thể đảm đương nổi sứ mạng to lớn của một sứ thần?

– Người đời nói: Không có chí thì sống trăm tuổi cũng như không; tuổi nhỏ có chí lập công mới tài. Bệ hạ lúc mười ba tuổi đã lên ngôi, mắt nhìn trăm họ, trị nước điều quân, kinh hoàng thiên hạ. Tiểu thần tuy nhỏ tuổi, nhưng muốn tựa vào cái uy và cái đức của bệ hạ, đi sứ nước Triệu, để nêu cao oai phong của đại Tần, vậy làm sao mà vua Triệu có thể coi khinh tiểu thần được? – Đối đáp của Cam La không có chút gì là huênh hoang hay quá rụt rè, rất có thể diện.

Nhà vua thấy cậu bé đề cao mình, cảm thấy rất vừa lòng, bèn cười và nói:

– Nước Triệu từ trước đến nay luôn tự cho mình là cao siêu. Nay nhà ngươi sang đó ứng phó với họ, liệu trong đầu óc đã có chuẩn bị gì chưa?

Cam La trả lời một cách ung dung rành mạch:

– Bản tính của ngũ hành [89] là vừa bổ trợ cho nhau, vừa xung đột lẫn nhau. Tiểu thần hiện chưa biết vua Triệu thuộc bản tính nào, nên làm gì mà có sẵn cách ứng phó trong đầu óc được. Theo tiểu thần, thì mọi chuyện không nên câu nệ cố chấp mà phải tùy nơi tùy lúc để linh hoạt ứng phó; nếu không sẽ bị gò bó.

Nhà vua thấy cậu bé không chuẩn bị gì cả, ngài rất lo, bèn hỏi:

– Hoàn toàn không chuẩn bị gì cả như vậy thì làm sao mà chống đỡ được với họ?

– Đại vương rất sáng suốt: đấu khẩu cũng như đấu kiếm [90]. Đại tướng ra trận, làm sao biết trước được trận địa của địch bố trí như thế nào. Tất cả đều tùy theo tình hình cụ thể lúc lâm trận để quyết định. Tiểu thần bất tài, nhưng thấy binh pháp có nói: Giặc đến thì đem quân ra đánh, nước đến thì đắp đập ngăn lại [91], lấy “mộc” chống “thổ”, lấy “kim” chống “mộc”, lấy “hỏa” chống “kim”, cứ thế, có gì mà khó đâu ạ. – Cam La vừa nói vừa minh họa cụ thể sinh động, rất là chí lý.

– Đã đành như vậy. Nhưng vua Triệu thấy nhà ngươi còn ít tuổi, họ đem vạc dầu đang sôi, và dao kiếm búa rìu ra dọa ngươi, ngươi có sợ không? – Nhà vua muốn thử xem cậu bé này có to gan hay không.

Cam La trả lời, không hề tỏ ra mềm yếu, sợ hãi:

– Tiểu thần tuổi còn thơ ấu, đúng là còn nhỏ thật. Nhưng lại là sứ thần của đại Tần, vậy nó to lớn biết bao. Ai dám đưa vạc dầu, dao búa ra đe dọa thằng nhỏ này, vậy họ không sợ trăm vạn hùng binh của nước đại Tần hùng mạnh hay sao?

Qua tiếp xúc với Cam La, nhà vua thấy cậu bé thật sự có trí tuệ xuất sắc, đảm lược hơn người, có thể giao phó trọng trách, bèn giao cho mười cỗ xe ngựa rất đẹp, một trăm người hầu cận. Đoàn sứ giả của Cam La ra đi giữa hai hàng quân bóng gươm chào; chiếc xe đi đầu giương cao lá cờ phát phối tung bay, đoàn xe rong ruổi trên đường sang nước Triệu.

Nếu như trước đây, Thái Trạch đến nước Yên là lấy danh nghĩa đi tỉnh dưỡng nơi danh lam thắng cảnh thì giờ đây, thái tử Đan đến Tần với sứ mệnh được tuyên bố rõ ràng là làm con tin với mục đích duy trì quan hệ hữu hảo giữa hai nước. Vua nước Triệu cố nhiên biết rõ hai nước Tần và Yên đã liên kết đồng minh với nhau. Vì vậy, Triệu rất lo lắng Yên sẽ phản bội Triệu, bắt tay với Tần, nên đã hết sức chú ý theo dõi mọi động thái của Tần. Nay thấy Tần cử sứ thần sang mình (Triệu), chẳng hiểu có chuyện gì đây. Cho nên, tuy vẫn nghênh đón sứ thần, nhưng trong lòng vua vẫn thấp thỏm không yên. Khi thấy sứ thần là một chú bé miệng còn hơi sữa, bèn cảm thấy yên tâm. Vì cho rằng thằng nhãi này thì dễ đối phó thôi. Vì vậy, sau khi hành lễ xong, nhà vua bèn bắt chuyện ngay với Cam La một cách rất tùy tiện, kể cả. Ngài hỏi:

– Chẳng hay thượng khanh năm nay bao nhiêu tuổi?

– Hạ thần sinh sau đẻ muộn, mới chỉ bỏ phí mất mười hai tuổi – Cam La trả lời nghiêm túc, thẳng thắn.

Nhà vua Điệu Tương Vương nghĩ thầm: Mới mười hai tuổi đầu mà đã nói cái gì “bỏ phí”, thật là huênh hoang khoác lác mà không biết thẹn, bèn cố ý châm chọc Cam La. Ngài hỏi:

– Nước Tần có nhiều lão thần, không thiếu tráng niên, có sao chỉ phiền thượng khanh, trước đã bỏ phí mất mười hai năm, nay lại phải uống công đến đây?

– Tần vương tài giỏi anh minh, biết phân biệt việc gì lớn việc gì nhỏ. Những việc lớn của nhà nước quân sự, đều do các bậc trưởng lão đảm nhiệm. Kể sinh sau như tiểu thần, chỉ đáng làm những việc nhỏ mọn mà thôi. – Cam La đáp lại nhà vua một câu rất dích đáng.

Nghe vậy, nhà vua mới nghĩ rằng “lai giả bất thiện” (kẻ đến là người không tốt), bèn

hỏi thêm, có ý thăm dò:

- Nghe thượng khanh nói, trầm bèn nghĩ tới một bậc tiền bối của nước Tần.
- Chẳng hay đó là ai? - Cam La cúi mình, hỏi lại.

Vua Triệu nói rất tự nhiên:

- Một danh tướng 17;ng của nước Tần cách đây bảy mươi năm, vị ấy là Cam Mậu. Chẳng hay thượng khanh có biết không?

Cam La vội chấp tay vái và nói:

- Rất may được đại vương quá khen. Đó là cù nộ của tiểu thần.
- Té ra thượng khanh là cháu chắt của thừa tướng Cam Mậu, hậu sinh khả úy, chắc là thượng khanh đến đây làm việc lớn đấy? - Vua Triệu muốn nhân dịp này dò hỏi ý đồ của sù thần.
- Việc lớn quả thật không có; chỉ phụng mệnh Tần vương đến đây thông báo với đại vương hai việc nhỏ. - Cam La cố tình đơn giản hóa sự việc.

- Xin thượng khanh cho biết ngay đi! - Vua Triệu hơi sốt ruột.

Cam La nhìn nhà vua rồi nghiêm sắc mặt lại và hỏi:

- Chẳng hay đại vương có biết việc thái tử Đan nước Yên đến làm con tin ở Tần và Trương Đường của Tần đến nước Yên làm thừa tướng hay không?
- Ta đã nghe nói từ lâu, nhưng đó là công việc của hai nước Tần và Yên, có liên quan gì đến nước này đâu.

Vua Triệu vờ tỏ ra rất thản nhiên, không chút xúc động, cốt dò xét phản ứng của Cam La. Không ngờ Cam La đã đưa ra câu trả lời để "chấm hết":

- Đại vương nói chẳng có quan hệ gì đến mình, vậy tiểu thần còn phải đến đây làm gì nữa. - Nói xong, liền đứng dậy để đi ra, cố tình chấp tay bái chào và nói - Tiểu thần xin cáo từ!

Lúc này Điều Tương Vương mới thật sự tỏ ra lúng túng. Ngài vội sai hoạn quan níu áo Cam La lại, bản thân cũng vội vàng bước theo mấy bước, để mời Cam La quay lại chỗ cũ. Ngài nói khiêm tốn:

- Vừa rồi nói năng không được thỏa đáng, mong thượng khanh bỏ quá đi cho. Nay xin thượng khanh nói rõ ý chỉ của Tần vương.

Cam La nhắc nhở vua Triệu:

- Nước Yên ký kết liên minh với Triệu trước, sau đó mới hòa hiếu với Tần; nhưng còn cử con tin sang Tần và mời Trương Đường làm thừa tướng. Vậy nước ấy (Yên) thân hay không thân với Tần hay với Triệu, chẳng phải điều đó rất rõ như ban ngày đó sao?

Vua Triệu nghe nói vậy, cảm thấy chẳng biết làm thế nào, đành phải nói rằng:

- Nước Tần và nước Yên đã liên kết với nhau chặt chẽ như vậy, chắc chắn là sẽ bắt tay nhau đánh nước Triệu. Vậy ta chỉ có hai tay sao chống nổi bốn tay. Nước Triệu ta chắc không tránh khỏi nguy cơ đang ập đến!

Cam La nói với vua Triệu một cách xảo quyệt:

- Tiểu thần đến đây là cốt để chiếu cố đến đại vương, đại vương có muốn trả một cái giá ít thôi, để tránh cái tai họa mất nước hay không?

Vua Triệu bèn vội hỏi:

- Phải trả giá như thế nào ?

Cam La nói:

- Đại vương phải cắt nhượng cho Tần năm thành trì ở ven sông giáp giới hai nước Tần và Triệu.

Vua Triệu thấy phải cắt nhượng năm thành trì là quá lớn, nên cứ chần chừ mãi, không

chịu nhận lời. Cam La bèn dọa:

– Nếu đại vương không nghe, tất nhiên vua Tần sẽ hợp lực với nước Yên để đánh Triệu, đại vương sẽ bị đánh từ trước mặt và sau lưng, sao mà không mất nước được. Lãnh thổ cả nước so với năm thành trì đâu to đâu nhỏ, cái giá nào lớn, giá nào bé, đại vương không hiểu ư?

Vua Triệu đắm chiêu trong đau khổ một lúc rồi nói:

– Hiện nay các nước đều lừa gạt dối trá lẫn nhau, nay nếu ta cắt cho Tần năm thành trì, cho dù Tần không đánh ta, nhưng ta bị suy yếu đi, chẳng may nước Yên đánh ta, thì ta làm thế nào để chống lại đây?

Cam La lập tức hứa với vua Triệu rằng, nếu nước Triệu đáp ứng yêu cầu của Tần thì vua Tần nhất quyết không lá mặt lá trái, đi liên kết với nước Yên để đánh Triệu, và cũng không cử Trương Đường sang làm thừa tướng ở nước Yên nữa. Như vậy, nước Triệu cứ việc tấn công nước Yên. Nước Triệu xưa nay mạnh hơn nước Yên rất nhiều, đất đai mà Triệu chiếm được (của Yên) sẽ lớn hơn rất nhiều so với năm thành trì ấy.

Vua Triệu nghe Cam La nói vậy, nỗi lo buồn vụt biến mất, ngài rất mừng, bèn bày tiệc mời khách rất thịnh soạn, lại còn trao tặng Cam La vàng bạc và nhạc cụ. Ngài cho vẽ bản đồ năm thành trì, dùng gấm gói lại và nhờ Cam La đưa cho vua Tần.

Cam La đi sứ lúc còn tuổi thiếu niên, dùng ba tactic mà chiến thắng vua Triệu, lấy được năm thành trì của họ dễ như trở bàn tay. Vua Tần quá mừng, bèn trọng thưởng cho Cam La; cũng không cử Trương Đường sang nước Yên nữa, nhằm thực hiện lời hứa với Triệu. Vua Triệu Triệu Đế rất tâm đắc với những gợi ý của vua Tần (qua Cam La), nên bắt ngờ tấn công mãnh liệt nước Yên, chiếm được ba mươi thành trì, trong đó có Thư Dương và tặng cho Tần mười một trong số ba mươi đó.

Vua Tần đích thân viết chiếu thư, đặc cách sắc phong Cam La làm “thượng khanh”, để biểu dương công lao của vị đại thần nhỏ tuổi.

HỒI THỨ MƯỜI

THÁI HẬU KHÔNG QUÊN TÌNH XƯA NGHĨA CŨ LÃ BẤT VI TÌM CÁCH ĐƯA LAO ÁI VÀO CUNG

Có thể nói những nét đặc trưng cơ bản về thể chất, tư tưởng, tính cách và trải nghiệm của Doanh Chính đều đã được hình thành một cách đặc biệt ngay khi còn ở trong bào thai của người mẹ. Nhờ có thời gian mang thai tới mười hai tháng nên không chỉ bảo toàn được danh tiết của người mẹ mà còn che giấu được tiếng xấu của người cha; hơn nữa, lại sinh ra một con người độc nhất vô nhị. Tiếp đó, lại trải qua một cuộc sống gian khổ kéo dài khoảng mười năm, kể từ khi cậu bé còn nằm trong nôi. Tất cả những điều đó đã đặt một nền móng vững chắc cho Doanh Chính sau này lên ngôi báu và nắm chính quyền, đi chinh chiến. Mười năm khốn khổ và bị sống nhục nhã ở nước Triệu đã bồi dưỡng tính quật cường, cương nghị và hung bạo của ông. Việc mất cha và lên ngôi từ lúc còn ít tuổi đã làm cho ông sớm chín muồi về tư tưởng và chính trị. Thông qua cuộc đời chính trị của cụ nội (Chiêu Vương) của ông nội (Hiếu Văn Vương) và của cha (Tử Sở) ông hiểu sâu sắc về cái khó khăn, vất vả của việc trị nước, bình thiên hạ. Huống chi, ông còn quyết chí nêu cao ước nguyện của các tiên vương để thực hiện sự nghiệp vĩ đại là tiêu diệt sáu nước (Triệu, Yên, Sở, Tề, Ngụy, Hàn), thống nhất Trung Quốc. Khi kế vị ngôi vua, ông mới mười ba tuổi, mặc dù nhiều việc chính sự quan trọng đều do trọng phụ, thừa tướng Lã Bất Vi và thái hậu Triệu Cơ cùng chủ trì, nhưng ông đã chia tay quá sớm cái tuổi ngây thơ và hồn nhiên của thời thơ ấu.

Ngay từ lúc ấy, ông đã phải miệt mài vào học tập, chủ trì triều chính, đọc và duyệt các bản tâu trình, đi kinh lý, tiếp khách lễ tân. Sự chín muồi quá sớm về tư tưởng và chính trị làm cho Tần Doanh Chính nặng về tư duy lý tính hơn là giao lưu tình cảm, lạnh nhạt và nghiêm túc nhiều hơn là nhiệt tình và hòa dịu. Đặc điểm này đã gây ra một khuyết điểm rất lớn của Doanh Chính là chưa trọn nghĩa vụ làm con, chưa thông cảm và an ủi mẹ mình.

Triệu Cơ sinh ra trong một gia đình nghèo và kém phần gia giáo, cha mẹ mất sớm, ở nhờ nhà ông chú, làm nghề ca kỹ để kiếm sống, sau lấy Lã Bất Vi làm vợ lẽ, mặc dù chênh lệch tuổi khá lớn, nhưng có cơm hầu nước rót, cũng mãn nguyện lắm rồi. Nhưng lại bị Lã Bất Vi gạt sang cho Tử Sở như là một quân bài đánh bạc. Cuộc sống ái ân vợ chồng chưa được mấy năm thì phải ly biệt vì Tử Sở bị giam hãm ở ngoại thành Hàm Đan, sau đó là hai mẹ con sống gian nan vất vả ở nước Triệu suốt bảy năm ròng. Phải khó khăn lắm mới chờ đến khi hai nước Tần – Triệu tạm thời hòa giải, Triệu Cơ mới được về Hàm Dương, trở thành chánh phi của thái tử, vào đông cung, rồi nhanh chóng trở thành hoàng hậu. Cũng coi như là khổ tận cam lai (cay đắng tận cùng rồi thì ngọt bùi đến), phú quý vinh hoa tốt cùng vậy. Điều đáng tiếc là “cuộc vui” chưa được bao lâu thì Tử Sở (Trang Tương Vương) mất sớm. Thật đúng là lạc cực sinh bi (vui sướng tốt cùng rồi đau buồn lại đến). Từ đó, Triệu Cơ lại sống trong cảnh cô đơn lạnh lẽo, mà có thể nói là mãi mãi cô đơn lạnh lẽo.

Cung Cam Tuyền của thái hậu Triệu Cơ rất đẹp, lộng lẫy, ăn ở rất thoải mái, lúc nào cũng cao lương mỹ vị, áo quần toàn bằng gấm góc lụa là, quan hoạn và nữ tỳ rất nhiều, nhất hô bách ứng (gọi một tiếng, một trăm người thưa), được tôn vinh cùng cực. Tuy nhiên, buồn thay, khung cảnh xa hoa ấy hoàn toàn trái ngược với nội tâm lạnh lẽo cô đơn của thái hậu. Thái hậu không những không cảm thấy vẻ vang được sống trong nhung lụa cao sang ấy mà cho đó là sự chế giễu, là trêu tức mình. Nàng khao khát được giao lưu tình cảm giữa con người và con người, muốn thăm hỏi và an ủi nhau. Nhưng con trai thì miệt mài với chính sự, ngay việc đến thăm mẹ cũng coi như việc công, làm cho lấy lệ, đến ngồi một lúc, nói dăm ba câu rồi đi về cung, để lại cho bà mẹ nỗi buồn vô hạn. Vì vậy, trong hoàng cung thâm nghiêm, Triệu Cơ chỉ còn một hy vọng duy nhất, đó là Lã Bất Vi, chồng cũ của nàng. Triệu Cơ mong mỗi Lã Bất Vi đến với mình. Đó chính là nguyên nhân và là động cơ mà Triệu Cơ rất thích tham dự triều chính, mặc dù nàng chẳng hề có khả năng về mặt này và cũng không có chút dã tâm chính trị nào cả.

Mỗi khi Lã Bất Vi đến cung Cam Tuyền để bàn bạc công việc chính sự, Triệu Cơ rất mừng. Mặc dù là “đàn bà có tang” nhưng Triệu Cơ cũng chú ý trang điểm, tuy đơn sơ nhưng cũng rõ nét thanh cao. Cho thấy, tuy đã đến tuổi trung niên nhưng Triệu Cơ vẫn lãng mạn đa tình. Khi hai người ngồi bàn bạc công việc triều đình, Triệu Cơ cũng không

câu nệ khách với chủ, bề tôi với hoàng hậu, mà cứ xích lại gần Lã Bất Vi, có khi còn đến ngay trước mặt thừa tướng, cúi sát xuống bàn để xem bản tấu, hoặc thì thăm to nhỏ với thừa tướng, chẳng khác gì người trong nhà nói chuyện với nhau.

Chỉ có những lúc như thế, thái hậu mới cảm thấy được vỗ về an ủi, khuôn mặt ủ rũ chau thường ngày nay mới rạng rỡ vui tươi, đôi mắt đờ đẫn vốn có nay mới tươi tỉnh sáng ngời. Lúc này, thái hậu còn sai người mang trà thơm và hoa quả để cùng ăn với thừa tướng. Có khi còn mang rượu thịt chuyên dùng trong cung đình để thiết đãi khách quý. Khi nói chuyện thái hậu hay dùng hai chữ “trọng phụ”. Tuy chỉ có hai chữ nhưng Triệu Cơ gửi gắm trong đó không biết bao nhiêu là tình tứ. Trong khi đó thì Lã Bất Vi cứ khép nép, giữ ý giữ tứ, mặc dù trên thực tế thì lòng vả cũng như lòng sung, đều rất vui thích và mãn nguyện. Mỗi khi bàn xong công việc, Lã Bất Vi ra về, thái hậu bao giờ cũng tiễn chân mấy bước, đứng tựa bình phong, mắt dõi theo bước chân của thừa tướng. Một lát sau mới quay về phòng ngủ ngồi thừ ra mãi, hồi tưởng lại những giây phút ấm cúng ngắn ngủi của tình nghĩa vợ chồng thật thật giả giả, gần gần xa xa.

Phần lớn đàn bà thường yếu đuối và đa sầu đa cảm, nhất là thái hậu Triệu Cơ, một phụ nữ long đong lận đận, lên voi xuống chó, vui ít buồn nhiều, lại càng hay tức cảnh sinh tình. Hoạt động ca kỹ ngày xưa cũng tạo cho Triệu Cơ khả năng biểu diễn và ngâm vịnh thơ ca trữ tình. Chính buổi tối năm nào, vì hát một bài than thân trách phận mà nên vợ nên chồng với Tử Sở, cột chặt số phận cuộc đời mình với người cháu vua Tần. Vì vậy, cứ mỗi khi xúc động trong lòng, nàng đều muốn mượn lời ca để bộc bạch tình cảm nội tâm. Nhưng kể từ khi vào cung nhà Tần, nhất là sau khi Trang Tương Vương mất, bản thân trở thành “gái để tang chồng”, lại là đương kim thái hậu, cho nên không thể tùy tiện ca hát như ngày xưa nữa. Tuy nhiên, xét đến cùng thì Triệu Cơ vẫn là một phụ nữ tài hoa và đa tình đa cảm, cho nên vẫn không thể tránh khỏi những lúc nào đó như bây giờ chẳng hạn, nàng vừa gạt nước mắt vừa ngâm nga rất nhỏ nhẹ:

Mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ
Vui đời ca hát, đợi chờ cùng ai
Gặp nhau chưa bén, rồi lại xa nhau
Chia lìa đôi ngả, về hầu vương tôn
Vợ chồng vinh hiển, sớm hôm vui vầy
Nhưng đời bạc phận, cô đơn một mình
Tù túng trong cung Cam Tuyền khổ ải
Ai thấu lòng ta, trần trọc đêm dài.

Đúng như điều mà Triệu Cơ thổ lộ trong bài hát, cuộc sống trong nhung lụa gấm vóc ở cung Cam Tuyền chẳng hề ngọt ngào êm ấm chút nào. Nàng muốn được yêu chiều, an ủi, vỗ về, muốn được nâng niu phần xác lẫn phần hồn. Nhưng rốt cuộc vẫn phải dè dặt, dằn lòng, lại còn phải nói bóng nói gió, thậm chí ngụy tạo để che giấu tình cảm và dục vọng chân thật của mình. Cứ mỗi lần gặp gỡ ngắn ngủi ấy qua đi, rồi chia tay trong nỗi luyến tiếc nhớ nhung, đành phải “nhìn mơ cho đỡ khát”^[92], vẽ bánh trên giấy cho đỡ thèm.

Nỗi buồn sâu thẳm ấy cứ ngày càng lắng đọng trong lòng, ngày càng tăng lên. Triệu Cơ cũng từng cố gắng dùng lý trí để nén dịu tình cảm và dục vọng chần gối của mình, nhưng càng nén lại càng bùng lên dữ dội. Cuối cùng, tức nước vỡ bờ, nàng bất chấp tất cả không cần giữ gìn gì nữa.

Sau một lần “bàn bạc việc triều chính”, theo thường lệ thái hậu lại mở “tiệc nhỏ” (khoản đãi thừa tướng). Gồm “ba thứ xào giòn” (dương vật dê, bò, ngựa); rượu cung đình cay. Uống thứ rượu này vào, người cứ nóng ran, tim đập dồn dập, lửa tình dạt dào. Triệu Cơ giả vờ choáng hơi say, nên sai người hầu đưa canh giải rượu lên. Một mặt, đòi Lã Bất Vi điu mình về phòng. Thừa tướng rất ngại không dám đến gần vì đây là quan hệ vua tôi, trên dưới rất nghiêm. Triệu Cơ vội bước tới, ngã vào lòng Lã Bất Vi. Thừa tướng đang định gỡ ra thì Triệu Cơ đã dang tay ôm lấy cổ, hai má kề nhau, rồi thì thầm trong hơi thở:

– Chẳng lẽ chàng lại để cho thiếp ngã nhào xuống đất?

Lã Bất Vi đành phải đỡ lấy thân hình mềm mại của thái hậu nhưng vẫn rất lúng túng. Ông nói:

– Thần không dám. Nam nữ thụ thụ bất thân ạ! [93]

– Ha! Ha! Ha! Chàng chỉ nhớ một câu ấy thôi ư? Mạnh Tử Còn nói một câu khác nữa cơ!
– Triệu Cơ cứ níu kéo Lã Bất Vi về phòng riêng của mình.

– Mạnh Tử còn nói câu gì nữa? – Lã Bất Vi giả vờ không biết.

Thái hậu đưa tay sờ vào ngực Lã Bất Vi, nói tiếp:

– Trí nhớ của chàng quá kém. Mạnh Tử chẳng nói: Nam nữ thụ thụ bất thân, đó là giữ lễ. Còn nói: Phụ nữ có chồng, bị ngã xuống nước, có thể dùng tay đỡ dậy.

Lã Bất Vi dìu Triệu Cơ vào giường rồi nói:

– Mạnh Tử nói câu ấy là biện pháp nhất thời.

– Đã là biện pháp nhất thời, vậy thì còn ngại gì nữa? – Triệu Cơ cười duyên rồi nói rất đưa tình – Huống chi chàng và thiếp có phải xa lạ gì nhau đâu.

– Chính vì vậy, thái hậu là bề trên, thần là bầy tôi. Điều đó cũng không xa lạ gì. – Lã Bất Vi cứ đứng trơ trơ một mình, không dám nhìn vào thái hậu nữa.

Triệu Cơ cứ lắc đầu:

– Chàng đừng đánh trống lảng nữa. Thiếp nói ta với chàng không xa lạ gì, chẳng lẽ chàng quên rồi sao? – Nói xong, có vẻ như hết sức xúc động.

– Lão thần không dám. Bởi vì thời thế đã đổi thay. Thái hậu được tôn vinh là quốc mẫu, thần chẳng qua chỉ là hạ thần, cách nhau một trời một vực. – Lã Bất Vi chấp hai tay che mặt, không dám nhìn thẳng vào sắc mặt của thái hậu.

Triệu Cơ bỗng rơm rớm nước mắt nói:

– Cái gì mà thời thế đổi thay, cách nhau trời vực? Đó chẳng qua là tìm cách thoái thác mà thôi! Người đời nói: “Nhất nhật phu thê bách nhật ân” (một ngày vợ chồng trăm ngày tình nghĩa). Còn nhớ hồi nào, chàng thương hại thiếp, thiếp mới có nơi nương tựa, vợ chồng hòa thuận, biết bao nghĩa tình! Nào ngờ chàng tối mắt vì lợi lộc, quên hết đời thiếp, thiếp đang có thai mà cũng gả cho Doanh Dị Nhân...

– Nếu xét riêng về điều này thì lúc ấy nàng là chánh phi của thái tử, sau đó là thái hậu, và là mẫu hậu của đức vua đại Tần, đạt đến đỉnh cao tôn vinh, hưởng phú quý cực lạc. Đời con người như vậy còn ai hơn nữa? – Lã Bất Vi giải thích, tìm cách an ủi.

Những lời nói tôn vinh cao quý ấy chẳng hề làm dịu tâm tình Triệu Cơ lúc ấy, ngược lại nó còn làm cho Triệu Cơ thêm giận hơn. Triệu Cơ đứng thẳng dậy, đến gần Lã Bất Vi, nói như trút cơn giận trong lòng:

– Chàng là một thương gia, trọng nghĩa nhưng bạc tình, chỉ háms tiền tài phúc lộc, có thể bỏ con bỏ vợ. Nay đã làm đến chức thừa tướng, công thành danh toại, thế thiếp từng đàn, của cải như núi, dĩ nhiên là quá đủ rồi!

– Năm nào gả nàng cho Dị Nhân, đương nhiên là vì lợi ích cá nhân, nhưng cũng nghĩ rằng nếu nàng về làm thiếp của ta thì chẳng được lâu dài. Huống hồ nàng và Dị Nhân ngang tuổi nhau, sau khi về nước vào cung lại càng tận hưởng phú quý vinh hoa. Ai ngờ ông ấy mất sớm, nên làm khổ một đời nàng... – Lã Bất Vi bị trách mắng, cảm thấy rất đau lòng, nên cũng nói ra những điều rất xúc động và bỗng nắm chặt tay nàng, đưa mắt đắm lệ nhìn nhau.

Lúc này, Triệu Cơ nép vào lòng Lã Bất Vi, sụt sùi khóc và nói trong nức nở:

– Việc đã đến thế này, thiếp cũng chẳng trách chàng năm nào đã bỏ thiếp. Điều bất hạnh là Tử Sở ra đi quá sớm, để lại mình thiếp bơ vơ cô quạnh. Nay thiếp là quả phụ, có thể mặc quần nâu áo vải để trở về quê cũ. Cơ sao cứ làm thái hậu để sống tù túng trong cung, một mình đơn chiếc, vò võ đêm khuya, nghe tiếng cú kêu, xa lạ tiếng người, chẳng ai đoán

hoài, bóng mình cô tịch... chỉ có một mình chàng là... – Nói đoạn, Triệu Cơ không giữ được mình nữa, nàng mở phanh áo, áp chặt ngực vào Lã Bất Vi.

Lã Bất Vi choàng hai tay ôm ngang eo nàng, siết chặt vào mình, nhưng vẫn sợ sệt:

– Sao mà ta không biết nỗi lòng của nàng nhưng ta và nàng còn cách biệt nhiều quá về chức tước ngôi thứ, ở đây lại có rất nhiều thị vệ theo hầu, nếu có sơ suất gì thì chẳng phải chỉ mình ta, mà danh tiết của nàng cũng chẳng còn...

– Người ta sống ở trên đời, nếu không có tình yêu nam nữ, không có hoan lạc yêu đương, không có chăn gối khuê phòng, thì chỉ là cái xác không hồn. Nào hoàng hậu dát vàng, nào cung phi dát ngọc, tất cả đều vứt đi hết. Thiếp chỉ cần một tấm chồng bên cạnh mình thôi! – Triệu Cơ càng nói càng bốc lửa, bỗng ôm lấy Lã Bất Vi mà hôn.

Lã Bất Vi quay mặt đi, nói hơi buồn:

– Đáng tiếc là Trang Tương Vương không thể sống lại.

– Trước mặt thiếp là chàng. Chẳng phải chàng đã từng là chồng thiếp đó sao? Chẳng phải là chàng với thiếp đã chăn loan gối phượng, đầu áp má kề, và đã sinh ra vua Tần Doanh Chính đó sao? Nay thiếp và chàng lại làm vợ chồng một lúc thì có gì mà không được? ấ

– Cho dù như vậy đi nữa thì cũng chỉ là chồng hờ vợ tạm, hoan lạc giây lát mà thôi!

Nói vậy nhưng Lã Bất Vi cũng bị kích thích, không thể kiềm giữ được, vội vàng cởi bỏ y phục, ôm lấy Triệu Cơ và ngã vật xuống giường.

Một lạch đào nguyên tuổi đã cạn, mong chàng tưới tắm cho mát mẻ thông đường.

Một khi nam nữ đã chung chăn gối thì không còn biết gì chung quanh nữa, mê mẩn say sưa, nhất là Triệu Cơ và Lã Bất Vi là vợ chồng cũ nay gặp nhau trên giường thì “vợ mới không bằng vắng lâu”, ngựa quen đường cũ, ôn lại chuyện xưa, vẫn vũ mây mưa “lửa tình bột phát, càng cháy càng nồng, hạt nhân hồng hạnh phập phồng đón xuân”, “đường hoa vắng khách chăm bón, nay mở tanh bành mời đón phu quân” [94]. Khi hai bên đã cạn sức, Triệu Cơ nằm gọn trong lòng Lã Bất Vi, nàng hát mấy câu:

Chàng là rồng bay trên trời, thiếp là bông hoa bên dưới

Rồng không vỗ cánh [95] trời không mưa, trời không mưa thì hoa không nở.

Ngâm nga xong, nàng thủ thỉ:

– Từ nay về sau, con rồng này phải luôn đến vỗ cánh cho trời mưa xuống đây nhé!

– Vi thần tuân chỉ, xin hết sức hầu hạ thái hậu! – Lã Bất Vi cũng cười và đáp lại.

Tiếp đó, ông vội vàng mặc quần áo và rời nhanh khỏi giường thái hậu, bỗng nghe tiếng chân ai bước gấp phía ngoài cửa, té ra là người hầu đưa canh giải rượu lên. Lã Bất Vi vội bước ra tận cửa để đón người này và nói:

– Vừa rồi thái hậu quá say, lão thần phải khó khăn lắm mới dìu được về giường, nay thái hậu đã ngủ thiếp đi rồi. Người đến vừa đúng lúc. Lão thần phải cáo từ. – Nói xong bèn vội vàng ra về.

Sau lần gặp lại chồng cũ trên giường, Triệu Cơ được mãn nguyện về tình cảm và sinh lý, tính tình cởi mở hơn, khí huyết điều hòa. Nhưng lòng ham muốn của con người không bao giờ dừng lại mà càng quen ăn bén mùi. Lã Bất Vi thấy Triệu Cơ khao khát, táo tợn, chủ động cũng cảm thấy sâu sắc về nỗi buồn cô tịch đau khổ của một quả phụ đa sầu đa cảm. Từ đó Lã Bất Vi năng lui tới cung Cam Tuyền nhiều hơn. Để có dịp thuận tiện là hai người lại “tình chung đầu gối má kề, lòng nào mà bỏ đi về cho cam”. Để giấu giếm mối tình vụng trộm, hai người bèn thay mới hết toàn bộ người hầu và quan hoạn của cung Cam Tuyền, tất cả đều là những người thân cận của thái hậu và Lã Bất Vi. Những cuộc gặp gỡ vụng trộm của Triệu Cơ và Lã Bất Vi từ chỗ giấu giếm giếm giếm, đến chỗ giấu đầu hở đuôi rồi tùy tiện làm bữa, cuối cùng say mê đến mức ngủ với nhau suốt đêm, liều lĩnh đến thế là cùng. Rõ ràng là tuổi tiên của hoàng hậu luôn luôn đắm địa, đôi gò bỗng đào của nàng luôn căng đầy. Cho nên cũng may mà vì thể tính tình của thái hậu thay đổi hẳn, những nét sấu muộn, mặt ủ mày chau trước đây nay biến đâu mất. Thái hậu luôn luôn tươi cười

vui vẻ. Bọn hoạn quan và hầu nô thừa biết nguồn cơn của hiện tượng mới lạ này, song ai ai cũng vui lòng giữ kín mọi chuyện cho thái hậu chúc trọng quyền cao, và cũng là để chúng kiến cảnh dâm loạn mà họ tuy không được nhìn tận mắt nhưng diễn ra ngay bên cạnh họ, ngay trong căn phòng mà họ ngày đêm canh giữ.

Mọi quan hệ giữa thái hậu và bọn hầu cận cứ thế trôi qua, hình thành một tấm màn dày đặc, đứ đờ bên trong kẻ gác bên ngoài, bưng bít mọi chuyện diễn ra trên chiếc giường của thái hậu, ban đêm cho chí ban ngày, đến mức cuộc chăn gối lén lút ấy diễn ra suốt ba năm mà chẳng ai biết.

Tần Doanh Chính cứ mấy hôm lại vào thăm mẹ một lần. Với con mắt tinh tường, tư duy nhạy bén, chẳng nhẽ Doanh Chính cứ ra ra vào vào nhiều lần chốn khuê phòng của mẹ trong một thời gian lâu dài lại không thấy điều gì hơi lạ trong quan hệ giữa mẫu hậu và thừa tướng? Có lẽ đó là vì lúc mới mười ba tuổi, ngài đã lên ngôi, chưa hiểu biết nhiều lắm đối với việc trai gái làm tình, vả lại ngài đã giao quyền cho thừa tướng được phối hợp với mẫu hậu cùng chủ trì và quyết đoán những việc chính sự trọng đại; cho nên hai người gặp nhau trao đổi công việc là chuyện bình thường. Ngài chẳng hề nghi ngờ. Hơn nữa, Lã Bất Vi là ân nhân của cả nhà Doanh Chính, bản thân lại là thừa tướng đang phò tá cho ngài điều hành triều chính. Một lão thần có công lớn như vậy, chúc tước và sứ mạng đường đường chính chính như vậy làm sao lại có thể nghi ngờ. Vì vậy, cho dù có lúc ngài cũng chứng kiến mẫu hậu có những cử chỉ thân mật với thừa tướng, lại còn xưng hô là “trọng phụ” nữa, ngài cũng cho đó là chuyện nữ nhi thường tình, bởi mẫu hậu của ngài vốn giàu lòng nhân từ, rộng lượng khoan dung.

Lần đầu tiên Tần Doanh Chính phát hiện mối quan hệ không bình thường giữa mẹ mình và thừa tướng là bản hịch văn của Thành Kiêu, em trai ngài, do tướng Phàn Vu Kỳ khởi thảo. Bài hịch ấy còn vạch trần ra rằng Lã Bất Vi và Triệu Cơ vốn là vợ chồng và ngài là con của hai người đó. Thành Kiêu còn kêu gọi lật đổ cái “của giả”, “đứa con hoang” Tần Doanh Chính. Việc tiết lộ này gây chấn động lớn nhất và là đòn đá đau nhất đối với Tần Doanh Chính. Vì vậy, khi quyết định đưa quân diệt Thành Kiêu, ngài không dám hỏi thừa tướng, cũng không có can đảm để cất vấn mẫu hậu về sự việc nói trên. Nghĩa là ngài không dám nhìn thẳng vào sự thật: nếu như bài hịch nói đúng, thì không chỉ Lã Bất Vi và Triệu Cơ mất hết mọi thứ, kể cả danh dự mà bản thân ngài cũng không bị đánh mà phải chịu thua, tiền đồ tuyệt vọng. Nghĩ vậy, ngài bèn nổi trận lôi đình và dùng vũ lực để giải quyết vụ rắc rối. Ngài thẳng tay xử tử em trai mình để bác bỏ những điều viết trong bài hịch, nhưng đó thực ra chẳng qua là “bịa đặt” để kết tội một sự thật mà thôi.

Sau khi dẹp yên vụ việc nói trên, Tần Doanh Chính không muốn nghĩ lại chuyện cũ nữa, vì ngài không muốn vì thế mà đánh mất sự tự tôn và lòng tự tin của mình. Cho dù có phải tự lừa dối mình và lừa dối mọi người đi nữa, ngài cũng không muốn nghe bất cứ ai kháo nhau và bình phẩm về chuyện cũ ấy nữa. Sự thật sờ sờ trước mắt đã đủ để đánh gục ngài rồi.

Một buổi tối nọ, sau khi duyệt xong một tập bản tấu, Doanh Chính cảm thấy tâm tình thư thái, ngài bèn một mình chậm rãi bước đến cung Cam Tuyền để thăm mẫu hậu. Vì không có thị vệ đi theo nên không ai báo tin trước khi vào cửa. Khi quan hoạn và cung phi thấy ngài thì ngài đã đến trước cửa phòng ngủ của thái hậu rồi. Ngài tiện tay vén rèm che cửa bước vào, bỗng thoáng thấy bóng dáng một người đàn ông đang nằm cong lưng trên người thái hậu. Ngài tức giận hỏi ngay:

– Nhà người là ai?

Người kia kinh hồn bạt vía, vội quay lại đứng dậy trả lời:

– Lão thần là Lã Bất Vi đây ạ! – Giọng nói run run.

Thái hậu đỏ mặt tía tai, vừa thở hổn hển vừa nói:

– Ra là thánh thượng đến. Ta đang định sai thị vệ đi gọi vương nhi đến đây đây!

Doanh Chính chau mày hỏi tiếp:

– Mẫu hậu cũng là...? – Chưa nói xong, ngài vội đi đến cạnh giường.

– Mấy hôm nay trời trở lạnh, vì không cẩn thận nên ta hơi bị cảm lạnh. Tưởng là uống

rượu nóng sẽ bớt nên ta uống hai chén. Không ngờ uống rượu khi đang đói nên rất khó chịu, may mà có trọng phụ ở đây nên nhờ ngài xem mạch cho ta. – Thái hậu vừa nói vừa đưa mắt ra hiệu cho Lã Bất Vi.

Lã Bất Vi vội nói tiếp:

– Lão thần thấy mạch của thái hậu rất yếu, đó là vì gió lạnh xâm nhập cơ thể, tỳ vị của thái hậu vốn đã yếu, nay lại uống rượu vào, ruột đang trống không, nên tim đập mạnh, mặt đỏ, hơi thở khó khăn. Có thể dùng vị thuốc cay dịu để làm cho ấm người, dùng sâm nhưng để bổ tỳ vị. Mỗi thứ ba thang, cho thêm cam thảo cho ngọt.

– Trẫm ở với thừa tướng hai mươi năm rồi, nay mới biết khanh là bậc danh y giỏi như thần [96]. – Lần đầu tiên Doanh chính không gọi Lã Bất Vi là trọng phụ, và câu nói hơi có vẻ châm biếm.

– Khi nhỏ, thần có buôn bán thuốc đông dược, có học nghề thuốc của các bậc danh y ở Dương Địch; tuy không treo biển hành nghề nhưng cũng có biển bắt mạch bốc thuốc. – Lã Bất Vi đương nhiên hiểu rõ ngụ ý của nhà vua, bèn vội vàng giải thích cho rõ.

– Đúng thế. Năm xưa khi mẹ sinh con, thai cứ nằm trong bụng, mãi không ra, may mà nhờ trọng phụ đây cắt một chén thuốc, chỉ một thang mà ra liền! – Thái hậu cũng nhanh nhẩu làm chứng, lại còn nhắc đến hai chữ “trọng phụ”, vô tình bộc lộ một thứ tình cảm sâu kín trong lòng.

– Vậy thì mời thừa tướng viết đơn thuốc để lấy thuốc và sắc ngay đi. – Lời Doanh Chính lộ vẻ chẳng vui. Ngài gọi thị vệ đến và bảo – Đưa thừa tướng đi viết đơn thuốc và sau đó cho người đến viện thái y sắc thuốc.

Lã Bất Vi vội đáp:

– Lão thần tuân chỉ. – Xong, theo thị vệ đi ngay ra ngoài.

Sau khi đưa mắt nhìn theo Lã Bất Vi đi ra, Doanh Chính chau mày nhăn nhó, đi đi lại lại mấy vòng trong phòng, mặt buồn rười rượi, chẳng nói chẳng rằng.

– Thánh thượng cứ đi lại như vậy, chẳng nói năng gì, chắc là đang bận tâm điều gì. – Thái hậu muốn làm dịu bớt ấn tượng mà Doanh Chính vừa chứng kiến, nên hỏi nhẹ nhàng.

– Con đang tự trách mình đấy ạ! – Doanh Chính nói với giọng khá nặng nề.

– Có việc gì quan trọng mà vương nhi phải tự trách mình? – Thái hậu ngồi dậy nhìn con với vẻ lo lắng bất an.

Doanh Chính ngồi bên mép giường của thái hậu, nghiêm sắc mặt, ói:

– Con tính tình đĩnh đoảng, quá lo nghĩ việc triều chính, nôn nóng thành công, nên đã sơ suất trong việc thăm nom mẫu hậu sớm khuya [97]. Nếu như vừa rồi không đến đây, thì không thể biết được mẫu hậu bị đau yếu. Con thật có lỗi.

Thái hậu vội an ủi:

– Con là vua một nước, mỗi ngày có trăm công nghìn việc. Phải coi việc nước làm trọng. Còn mẹ chỉ đau xoàng xĩnh thôi, chẳng là cái gì. Huống chi đã có thừa tướng tinh thông y thuật, đã kịp thời kê đơn, chẳng đáng quản ngại, con cứ yên tâm.

– Lã thừa tướng là phụ chính của con, phải chuyên tâm vào công việc. Hơn nữa, tuổi ngài cũng đã cao; việc chẩn bệnh và kê đơn thuốc cho mẫu hậu nên bảo viện thái y lo liệu, không nên phiền đến Lã thừa tướng nữa. – Câu nói của Doanh Chính thật sự “ý tại ngôn ngoại” [98].

Thái hậu đang muốn nói gì nữa, nhưng Doanh Chính đã đứng dậy, đỡ bà nằm xuống, rồi nói:

– Mẫu hậu cần nghỉ ngơi, hết sức chú ý đừng để bị cảm lạnh. Con xin cáo từ! – Nói xong, liền quay gót bước đi.

Thái hậu dõi mắt nhìn theo bước chân của con, thở dài, mắt đẫm lệ. Bà cảm thấy rất đau lòng, vì con không thông cảm với mẹ. Từ nay, Lã Bất Vi không thể lui tới thường xuyên nữa, không còn được ái ân tình xưa nghĩa cũ nữa! Điều làm cho Triệu Cơ bận tâm

nhiều hơn là không hiểu mối quan hệ giữa hai mẹ con rốt cuộc sẽ được duy trì bao lâu nữa? Càng nghĩ, nước mắt càng giàn giụa, bà vội kéo chăn trùm kín đầu, khóc nức nở.

Tuy nhiên, người sợ hãi nhất và khó chịu nhất lại là Lã Bất Vi. Lúc chập tối vừa rồi, thái hậu vừa tỉnh giấc sau một cơn ngủ trưa quá muộn, nằng liến làm nũng, đòi Lã Bất Vi bế mình ngồi dậy. Lã Bất Vi vừa khom lưng, cúi xuống để ôm nằng nhân lúc thuận chiều đưa môi hôn nằng thì Doanh Chính bước vào.

Nếu thái hậu không bác bệnh và bịa ra chuyện bắt mạch bốc thuốc để lấp liếm sự thật, thì bản thân Lã Bất Vi không biết làm thế nào để giải tỏa tình trạng lúng túng lúc ấy. Phải khó khăn lắm ông mới thoát ra khỏi căn phòng ấy để trở về nhà, vừa ăn cơm tối vừa suy nghĩ rồi bởi, rồi đành đi ngủ sớm hơn mọi ngày. Nhưng nào có chợp được mắt đâu. Biết bao ý nghĩ cứ lớn vồn mãi trong đầu óc, không tài nào xua tan đi được. Đành rằng có thể ăn nằm với nhau suốt đêm, nhưng lúc ấy tại sao lại hăng hái ôm ấp như vậy? Có lẽ Doanh Chính không đủ bằng chứng, hoặc vì người đương sự lại là mẹ mình nên không thể tố giác ngay tại chỗ. Những lời lẽ và sắc mặt của Doanh Chính lúc ấy cũng đủ làm cho mình đau lòng và mất mặt rồi. Nếu sau đó, Doanh Chính cất vấn bất cứ một quan hoạn hoặc cung phi nào thì chỉ cần một ai trong số họ nói ra buổi gặp gỡ vụng trộm chiều tối hôm ấy thôi chứ đừng nói chi tới cuộc tình lén lút ấy đã kéo dài ba năm, thì hậu quả cũng đã không thể lường hết được... Lã Bất Vi vẫn cầu may, có lẽ Doanh Chính muốn che giấu việc xấu xa trong gia đình nên không vạch ra và truy cứu nữa. Nếu vậy thì may mắn vô cùng. Nhưng dù sao thì không thể tiếp tục đi lại với Triệu Cơ như vừa qua nữa. Chẳng may bị phát hiện thì Doanh Chính không bao giờ tha thứ cho họ nữa. Bà quả phụ có tang này lại chẳng biết chịu tang là phải thế nào nữa. Nghĩ đến đây, Lã Bất Vi không thể nghỉ tiếp nữa. Nhưng quả đắng vẫn cứ giày vò trong tâm can ông. Ông đã phải hao tổn biết bao nhiêu tài sản, gian nan vất vả hơn hai mươi năm trời, trải bao khó khăn nguy hiểm mới giành được ngôi báu thừa tướng, quyền quý song hành. Nhưng tất cả đều tan thành mây khói, ngay cả tính mạng cũng khó giữ. Tại sao Lã Bất Vi lại cả gan lao vào cái vực thẳm đó như vậy chứ?

Để thăm dò cái kết cục cụ thể ra sao, Lã Bất Vi cố gắng giữ vẻ thản nhiên để tham dự các cuộc thiết triều, vẫn đến cung Hàm Dương và cung Cam Tuyền để tấu trình với Doanh Chính và thái hậu các bản tấu và bản bạc công việc triều chính. Ông thấy Doanh Chính không tỏ ra thù ghét và giận dữ rõ rệt nhưng tuyệt nhiên không gọi ông là trọng phụ nữa, lúc nào cũng chỉ gọi thừa tướng. Thái hậu cũng không dám trợn đòi hỏi cái trò lên giường như cũ, chỉ có thể liếc mắt đưa tình, thể hiện khát khao và lo buồn. Đến đây, Lã Bất Vi cảm thấy phải nhanh chóng quyết đoán để chấm dứt mối tình tội lỗi này, bèn nói rất trịnh trọng với thái hậu:

– Sự việc ngày hôm trước, may mà thái hậu nhanh trí giải thích, lão thần cũng kịp thời ứng phó, bệ hạ mới không nắm được bằng chứng, nhưng đã để lộ dấu vết khả nghi. Lão thần rất sợ.

– Ta cũng rất kinh hoàng. Nếu thánh thượng muốn truy cứu sự việc thì cho dù rất thân cận, thì bàn tay sao cản được gió, giấy sao gói được lửa. – Thái hậu nói với giọng buồn bã, còn có chút sợ sệt nữa.

Lã Bất Vi suy nghĩ một lát, rồi nói rất quả quyết:

– Như vậy là thái hậu cũng có suy nghĩ như lão thần. Lão thần cho rằng không thể mạo hiểm nữa, mà nên dừng lại để khỏi rơi vào vực thẳm. Nếu cứ tiếp tục lưu luyến, e rằng sẽ bị phát hiện và như vậy thì sẽ khó mà bảo toàn được danh tiết của thái hậu, tiền đồ của lão thần, thậm chí tính mạng cả nhà lão thần nữa... mong thái hậu suy nghĩ cho kỹ!

– Việc đã đến thế này, cũng đành phải vậy. – Triệu Cơ gật đầu, mắt đầm lệ, nhưng vẫn nặng tình với duyên xưa. Nàng nói tiếp – Chẳng lẽ ba năm gặp lại nhau, ôn lại chuyện cũ, nay bỗng gương vỡ mộng tan hay sao? – Nói đến đây thái hậu lại nghẹn ngào không nói nên lời.

Lã Bất Vi nói dứt khoát:

– Xem ra duyên phận của ta với nằng đã hết, tha thứ cho lão thần không thể hầu hạ thái hậu được nữa rồi.

– Không có chàng, một mình thiếp thân đơn gỏi chiếc, làm sao sống nổi đây? – Thái

hậu khóc to thành tiếng, bất chấp bọn nội thị và nô tỳ xung quanh.

– Người hầu hạ thái hậu sau này, lão thần đã tìm được rồi.

Tiếp đó, Lã Bất Vi nói cho Triệu Cơ biết con người hiếm thấy ấy. Ông miêu tả con người ấy rất tỉ mỉ, vừa nói vừa minh họa bằng động tác rất sinh động hấp dẫn. Câu chuyện là thế này:

Đô thành Hàm Dương từ thời tiên Tần đã là một đô thị lớn, buôn bán phát đạt, phố xá phồn hoa, ngành nghề nào cũng cần nhiều nhân công, cho nên người các nơi đổ về đây tìm việc làm rất đông. Trong đó có một chàng trai tên là Lao Đại, tướng mạo rất chững chạc, khôi ngô tuấn tú, sức khỏe hơn người, rất được nhiều người ưa thích và tranh nhau thuê anh ta về làm công. Nhưng các cô các bà lại ưa thích anh ta nhiều hơn. Bởi vì “cái ấy” của anh ta vừa to vừa dài, có thể làm thỏa mãn khoái lạc tình dục của nữ giới và nhiều bà nhiều cô đã được tận hưởng cái lạc thú nhục dục như thế. Lao Đại trở thành “anh chàng đẹp trai” nổi tiếng xấu xa ở đNa phương. Người Tần cổ đại thường gọi những người đạo đức đồi bại là “ái”, cho nên mọi người gọi Lao Đại là Lao Ái một cách khinh bỉ. Vì Lao Ái quen thói dâm dăng, gây hại thuần phong, ảnh hưởng rất xấu, nên bị xử tử hình, đang chờ ngày hành quyết. Lã Bất Vi đã phát hiện ra nhân vật này khi ông xét duyệt các bản tấu chương. Anh chàng này xét về nhân cách thì không thể bằng Tử Sở, nhưng xét về công dụng thì có thể nói là rất đặc biệt. Để chứng minh công dụng đặc biệt của anh ta, Lã thừa tướng tuyên bố “phải xét xử chung thẩm tên tử tù này” vì vậy ông cho gọi Lao Ái đến xét hỏi một lần cuối. Khi nhìn thấy tên tù phạm này có vóc người lực lưỡng, trông rất khỏe mạnh tráng kiện bèn tin ngay rằng cái vật dưới háng hẳn ta chắc là khác thường lắm. Nhưng vì là thẩm vấn nên không thể làm mất vẻ trang nghiêm của thừa tướng, nên ngài nghiêm sắc mặt hỏi:

– Nhà ngươi biết tội chưa?

Lao Ái cúi đầu đáp:

– Tiểu nhân biết tội rồi ạ.

– Người dâm ô bừa bãi, đồi bại bỉ ổi, theo luật đáng chém, ngươi có chịu không? – Lã Bất Vi hỏi.

– Việc đã thế này, con xin chịu tội. Chỉ xin một điều khi ra hành hình, chặt cái dưới trước, chặt cái đầu sau. – Lao Ái nói có vẻ rất hối hận.

Lã Bất Vi rất kinh ngạc, vội hỏi nhẹ nhàng:

– Hồn láo! Sao lại trả lời như vậy hử?

– Kính bẩm quan lớn thừa tướng, chỉ vì cái hạ bộ của tiểu nhân nó phốp pháp quá nên đàn bà rất thích, nên mới phạm tội này đấy ạ. Cho nên tiểu nhân muốn được chém nó trước, mới cam lòng. – Lao Ái giải thích một cách rất miễn cưỡng.

– Nhà ngươi nói cái đó ghê gớm thế ư? Sao mà tin được? – Lã Bất Vi cố ý châm chọc hằn ta.

Phần lớn mọi người đều có một cái cổ rất cứng nên đều tự tin và tự phụ. Lao Ái tuy bị tử hình, nhưng vẫn cứng đầu cứng cổ lắm, vẫn không muốn để cho ai nghi ngờ mình, bèn thề sống thề chết rằng:

– Nếu quan lớn thừa tướng không tin, xin cứ xem ngay tại đây ạ! – Nói xong liền tuột hẳn quần xuống, tổng ngồng một thối thệt vừa to dài vừa cứng.

Lại là một món hàng lạ. Lã Bất Vi đưa mắt nhìn qua rồi bảo hằn mặc lại quần áo tử tế. Ông bảo hằn:

– Nhà ngươi đã cứng đầu cứng cổ vậy thì cứ cho để nguyên cả thượng bộ (đầu) và hạ bộ.

Sau đó, Lã Bất Vi còn bắt hằn diễn lại các động tác mà hằn vẫn ăn nằm với đàn bà trước đây. Cố nhiên là hằn biểu diễn rất chi là ngoạn mục.

Từ thời cổ đến nay, Trung Quốc có phong tục gọi là Hội diễn cuối năm. Tức là khi sắp hết năm cũ, mọi người trong làng tụ tập nhau lại cùng biểu diễn các tiết mục văn nghệ để mừng được mùa, cầu nguyện thần thánh, cúng tế tổ tiên. Các lễ hội như vậy rất rầm rộ,

tung bùng, mọi tiết mục nghệ thuật dân gian đều được trình diễn: ca múa, đấu vật, đi trên dây, múa võ... không thiếu môn nào. Mấy hôm sau khi Lã Bất Vi thăm vấn Lao Ái, có một cuộc lễ hội cuối năm rất lớn được tổ chức tại quảng trường phía Đông Hàm Dương. Mọi tiết mục đã được trình diễn và quần chúng rất vui thích. Khi mọi người đang vỗ tay rầm rộ để khen ngợi một trò xiếc nào đó thì bỗng xuất hiện một thanh niên thân hình to lớn như hộ pháp, tay cầm một bánh xe bằng gỗ, đi ra chính giữa sân. Sau khi vái tay chào khán giả, anh ta biểu diễn với cái bánh xe ấy. Thấy bánh xe quay trên một cái trục được đeo theo hình dương vật rất to. Anh ta làm cho bánh xe quay tít thò lò. Bỗng có người kêu to:

– Nó là tên Lao Ái đấy! Nó là tên Lao Ái đấy. Hãy mau bắt nó đưa nộp quan, hãy băm vằm nó ra, hãy xé xác phanh thây nó ra!

Quần chúng rất phấn nộ. Họ vừa chửi vừa chạy đến bắt. Nhưng hắn rất khỏe, tay đấm chân đạp, mọi người bị hắn đánh dạt sang một bên. Nhiều người bèn cầm gậy đến đánh, vừa lúc ấy có mấy quan chức chính quyền xông ra bắt được Lao Ái. Họ vừa áp giải hắn đi, vừa chửi:

– Mày là một tên dâm tặc điên cuồng. Giữa ban ngày ban mặt dám làm cái trò bỉ ổi ấy à?

Đó chính là cái trò càn quấy do Lã Bất Vi bày ra. Ngoài ra, ông còn thông báo cho một số thị vệ và nữ tỳ ở cung Cam Tuyền biết để đến xem trò ấy. Lã Bất Vi kể hết mọi chuyện đó cho thái hậu. Thái hậu lắng nghe rất chăm chú. Xong bà cười, nói:

– Lại có sức khỏe như vậy ư?

Lã Bất Vi vội gọi mấy tên quan hoạn, thị vệ và nữ tỳ đã đi xem hiện trường vào làm chứng. Bọn họ tranh nhau minh họa thêm cho rõ. Đến đây, thái hậu tin chắc là có như vậy rồi nhưng vẫn băn khoăn. Bà hỏi Lã Bất Vi:

– Chàng đã vì thế mà tìm được con người có “kỳ vật” như thế, có thể “giải khát” được đấy. Nhưng những hạng người đó, làm sao mà đưa vào được?

Lã Bất Vi cười ranh mãnh:

– Lão thần có cách. – Nói xong bèn ghé sát tai nói nhỏ với thái hậu gì đó.

Thái hậu rất mừng. Bà nói:

– Thế là mua được món hàng lạ. Cũng đáng đồng tiền.

Thái hậu liền sai trọng thưởng cho Lã Bất Vi và giao cho ông một món tiền lớn để thu xếp việc đưa Lao Ái vào cung.

Theo luật nhà Tần, Lao Ái phải bị xử tử, nhưng Lã Bất Vi nói rằng cung Cam Tuyền thiếu quan hoạn “thái giám”, nên xử Lao Ái tội hoạn, tức là cắt bỏ dương vật, trở thành con người hoàn toàn không còn khả năng tình dục, sau đó, đưa vào cung hầu hạ thái hậu. Ở trong cung, việc kiểm tra kết quả “cắt hoạn” rất nghiêm. Lã Bất Vi lót cho viên y thuật chuyên môn hoạn nam giới một món tiền lớn. Bề ngoài thì vẫn đưa Lao Ái vào nhà giam để xử tội “hoạn”, cho tắm rửa sạch sẽ, nằm trần truồng và việc “hành hình” (hoạn) được tiến hành theo đúng trình tự phẫu thuật y học. Nhưng bên cạnh đó đặt một chậu tiết gà, bên trong ngâm một cái dương vật to của con lừa đực đang động đực. Vùng chung quanh dương vật của Lao Ái được bôi một lớp thuốc, đám lông rậm rịt của hắn được nhổ sạch, càng làm nổi bật cái của quý của hắn. Hắn được mặc một cái quần bó chặt dương vật vào háng. Xong xuôi, hắn giả vờ kêu rên, khóc sụt nước vì đau, hai tay bê chậu máu gà đựng (dương vật con lừa), vừa đi vừa kêu, đến chỗ kiểm tra hành hình, hắn được xác nhận và cho đi. Thế là hắn đến thẳng cung Cam Tuyền, trở thành hoạn quan và vào phòng ngủ của Thái hậu.

Mới trông thấy Lao Ái, thái hậu đã mừng thầm vì hắn ta quả thật rất lực lưỡng, khỏe mạnh như một võ sĩ, chắc chắn khả năng chuyện ấy của hắn luôn luôn dư thừa. Bọn quan hoạn và nữ tỳ hầu cận bên cạnh thái hậu đều là thân cận của bà cả. Họ biết rõ mười mười là Lao Ái được đưa vào đây để làm gì rồi, cho nên cũng chẳng cần phải giấu giếm gì nữa. Kể từ sau khi bị Doanh Chính bắt quả tang mình và Lã Bất Vi, thái hậu sợ hãi không dám

làm cái chuyện “ma ăn cỗ” với Lã Bất Vi nữa; cũng vì vậy, đòi hỏi sinh lý cũng rất là dữ dội, vì đã quen ăn bén mùi. Trước đó, Lao Ái cũng có bị đưa vào nhà giam tử tù khá lâu, vừa nôn nóng vừa lo sợ. Nay đến cung Cam Tuyền, không những đi đứng đàng hoàng, lại được ngủ trong chăn loan gối phượng của thái hậu, bên cạnh mình lại là thái hậu, một quý phu nhân, quốc mẫu tôn kính, mùi thơm phưng phức. Trong khung cảnh sang trọng cao quý ấy, Lao Ái lúc đầu thật sự cảm thấy hổ thẹn với thân phận hèn hạ của mình, nên không dám cử động chân tay gì cả. Thái hậu biết rằng ngay cả Lã Bất Vi là chồng cũ của mình, thế mà lúc đến gặp ở đây còn rụt rè ngần ngại vì còn e sợ mối quan hệ vua tôi, quần thần; huống chi Lao Ái là kẻ tiện dân tiểu tốt này. Cho nên thái hậu dùng lời nói dịu dàng của phụ nữ để làm cho hắn yên lòng. Thế là Lao Ái được má áp môi kề, một tòa thiên nhiên trong như ngọc trắng như ngà ẩn hiện sau làn áo mỏng, Lao Ái nhanh chóng mất hết tự ti, dục tình ùng ùng nổi dậy. Triệu Cơ đón lấy Lao Ái. Lao Ái chồm dậy theo bản năng quen thuộc.

HỘI THỨ MƯỜI MỘT

HAI PHE KINH DỊCH SUYT ĐOẠT NGÔI VUA DOANH CHÍNH RA TAY DIỆT TRỪ LAO ÁI

Lã Bất Vi đã kịp thời và chủ động thoát khỏi cái biển lửa đục tình triền miên của Triệu Cơ. Hành động này cho thấy ông rất sáng suốt và quyết đoán. Kể từ khi ông dám đem Triệu Cơ và giọt máu (bào thai) của mình trong bụng nàng hiến tặng cho Tử Sở, thực hiện một việc làm khảng khái, tình nghĩa. Làm xong không thêm ngoái cổ nhìn lại. Tuy nhiên, qua đó cũng thấy rõ ông là một lái buôn thực thụ, một tay cờ bạc cao thủ và là một chính khách. Giờ đây, khi đã ngồi trên cái ngai báu thừa tướng, một chức vị chỉ ở dưới một người, ở trên muôn người, ông cũng không bị bắt làm tù binh bởi cái êm ái dịu ngọt của tình đục đàn bà, không mềm lòng mê muội trước sức cám dỗ mãnh liệt của một quả phụ còn trẻ như Triệu Cơ. Ông còn phải vươn tới mục tiêu chính trị cao nhất là đoạt lấy vương triều của họ Doanh nhà Tần. Ông nhất quyết không chịu dừng bước ở cái ghế thừa tướng, mà luôn luôn mong thiết lập vương triều họ Lã của mình.

Lã Bất Vi tính toán cho bản thân quả không có gì sai sót. Đứa con do Triệu Cơ đẻ ra tuy lúc đầu lấy họ Triệu, sau đổi sang họ Doanh, nhưng Doanh Chính giống tính cha để như hệt. Chỉ cần luôn luôn nhắc nhở khéo và gây ảnh hưởng đến Doanh Chính và đến lúc thời cơ chín muồi thì nói rõ cho Doanh Chính biết sự thật về dòng dõi của mình. Lúc ấy, với bản tính do trời sinh và sự thông cảm của tinh thần, Doanh Chính sẽ bãi bỏ họ Doanh của nhà Tần, lấy lại họ Lã. Như vậy, kỷ nguyên vương triều họ Lã sẽ bắt đầu từ đứa con đẻ của ông. Tuy nhiên sự việc cụ thể không diễn ra theo ý muốn của ông. Khi mẹ con Triệu Cơ về đến Hàm Dương, Triệu Chính mới mười tuổi. Trong khi đó nước Tần đã có một lịch sử huy hoàng mấy trăm năm, kinh tế phát đạt, quân sự hùng mạnh. Tất cả những điều đó làm lóa mắt cậu bé, cậu coi đó là vinh dự, là niềm kiêu hãnh của mình. Nhất là chỉ trong vòng ba đến bốn năm ngắn ngủi, cậu từ chỗ là cháu vua, rồi con vua (thái tử), cuối cùng lên ngôi vua. Không chỉ trong phạm vi nước Tần, mà cả sáu nước chư hầu đều biết Doanh Chính là quân chủ đại Tần. Doanh Chính tự coi mình là hậu duệ Tần Doanh, và kế tục di chiếu của tiên vương, tiêu diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ. Ý chí và quyết tâm đó của Doanh Chính rất mãnh liệt. Vì vậy, trong bối cảnh ấy mà đi nói với Doanh Chính chuyện họ Doanh là giả, họ Lã là thật, thì ông vua ngạo nghễ này chẳng tin đâu.

Lã Bất Vi rốt cuộc vẫn là một chính khách có tầm nhìn sâu rộng, ông nhất quyết không bỏ cuộc, không bao giờ chịu thua. Ông kiên quyết lợi dụng ưu thế mọi mặt hiện có của mình để xây dựng một mạng lưới dư luận rộng rãi và một tập đoàn chính trị hùng mạnh. Ông thấy Mạnh Thường Quân của nước Tề, Bình Nguyên Quân của nước Triệu, Tín Lăng Quân của nước Ngụy, Xuân Thân Quân của nước Sở, mỗi người đều có tập đoàn trí thức (môn khách) rất đông và rất giỏi; nhờ vậy, các vị “quân” này đã đạt được những thành công rất oai hùng, lừng lẫy. Ông bắt chước những người đó, bỏ ra một số tiền lớn để chiêu hiền đãi sĩ. Do đó, số môn khách đến ăn ở ở nhà ông lên tới trên ba nghìn người. Lý Tu [99] và Diêu Giá là những nhân vật nổi bật trong số môn khách đó. Hai người này đã phụ tá và tham mưu cho Lã Bất Vi trong chiến dịch tiêu diệt Tây Chu và cứu trợ thiên tai châu châu. Đặc biệt, Lã Bất Vi đã tổ chức các môn khách của mình sưu tầm các danh ngôn của các danh nhân, bao gồm trong các lĩnh vực thiên văn, địa lý, lịch sử, chính trị, quân sự, văn học, nông nghiệp, tập hợp thành một bộ sách dày hơn hai mươi vạn chữ, chia làm tám đoạn, sáu phần, mười hai chương. Đặt tên sách là “Lã Thị Xuân Thu” [100]. “Lã Thị Xuân Thu” có nghĩa là từ nay đất nước này, phải do chính ta, Lã Bất Vi, dẫn đầu nền văn chương và cầm lái sự thịnh suy của quốc gia.

Lã Bất Vi dùng gấm để bọc bộ sách khổng lồ kiểu bách khoa toàn thư ấy, xong đem trưng bày ở cổng thành Hàm Dương để mời các sứ thần, học giả và môn khách các nước đến xem. Còn tuyên bố một cách ngạo mạn rằng, ai thêm hoặc bớt được một chữ trong số hơn hai mươi vạn chữ đó, sẽ thưởng một nghìn lạng vàng. Và đó chính là nguồn gốc thành ngữ “Nhất tự thiên kim” (một chữ ngàn vàng). Đương nhiên, đó không phải là khuyến khích sáng tác và tiến hành giao lưu học thuật, mà là một cuộc khiêu chiến, một cuộc thi uy. Đó cũng là nhằm làm cho nước Tần và thiên hạ biết sức mạnh to lớn của Lã Bất Vi về thực lực chính trị và vũ khí tư tưởng.

Những gì mà Lã Bất Vi nói và làm ở trên có ảnh hưởng rất rộng lớn. Doanh Chính hiểu biết điều đó và cũng cảm nhận được điều đó Doanh Chính dần dần thấy rằng, vị thừa tướng này không phải là một đại thần trung thành và thuần phục; rằng ông ta không thỏa mãn với việc phụ tá, không cam tâm làm phụ tá mà là muốn làm cho ngài – vị quân chủ của đại Tần trở thành bù nhìn, chỉ là một hư danh; và lúc ấy thì mọi việc triều chính sẽ do ông ta, một thương nhân ở Dương Địch, làm chúa tể. Đó là tín hiệu nguy hiểm biết bao.

Tính ương ngạnh, thích sao làm vậy và vũ đoán của Doanh Chính rất xung khắc với tính ngạo mạn và huênh hoang của Lã Bất Vi. Có một lần, khi đến thăm thái hậu Triệu Cơ, Doanh Chính nói như sau:

– Thừa tướng chiêu tập rất nhiều môn khách, viết sách, đưa ra các lý thuyết, trình bày sách ở ngoài phố, lại thưởng nghìn vàng. Khoe khoang như thế thì chẳng ai chịu nổi.

Nghe con có những lời ác cảm như vậy đối với Lã Bất Vi, thái hậu không khỏi giật mình, vội xoa dịu. Thái hậu phân bua, giọng nói rất thân tình:

– Khi trọng phụ của con đến nước Tần, chỉ là một nhà buôn của nước Hàn, kinh doanh rất ít ỏi. Muốn vươn tới chức “khanh” “tướng”, nếu không tỏ rõ những công việc có giá trị của mình, thì làm sao có chỗ đứng ở triều đình đại Tần.

Doanh Chính không cho rằng những lời mẫu hậu nói là phải. Ngài nói:

– Đánh diệt Tây Chu cứu tế thiên tai, cái công lớn ấy, thiên hạ đều biết. Hà có gì cứ phải ra sức tầm chương trích cú, múa bút mài nghiên để chạy theo hư danh?

– Con còn nhỏ tuổi, chỉ chú trọng hiệu quả thực tế, con không hiểu rằng việc viết sách, tuy có mất công vót tre [101] nhưng có thể ghi lại công đức và sự nghiệp, sao có thể coi thường được? – Thái hậu nói rõ tầm quan trọng của việc sáng tác, viết sách.

– Văn chương dù có giỏi mấy cũng làm sao bằng cái nghiệp lớn là mở mang bờ cõi, trị nước cầm quân? – Doanh Chính không hề giấu giếm tư tưởng “trọng võ khinh văn” của mình.

– Nghiệp lớn của đức vua, công lớn của đại thần, nếu không chép lại và lưu giữ, vậy làm thế nào để truyền bá cho đương thế và mãi mãi về sau? Việc văn chương của trọng phụ là ở chỗ đó. – Thái hậu lại nói về ý đồ tốt đẹp của Lã Bất Vi.

Cuối cùng, Doanh Chính đã vạch ra điểm then chốt của vấn đề:

– Những điều mẫu hậu nói, tuy có thể tán đồng, nhưng tại sao không gọi là sách của nước Tần, lại gọi là “Lã Thị Xuân Thu”?

– Theo mẫu hậu biết thì hai mươi vạn chữ đó đều do trọng phụ lựa chọn, đặt tên, và tổng hợp lại. Nên mới gọi là Lã Thị, nhằm ghi lại công việc kỳ vĩ đó. Vậy có gì mà không được? – Thái hậu một mực bênh che cho Lã Bất Vi.

– Con cứ nghĩ rằng họ Lã mượn danh nghĩa triều đình đại Tần, làm nên kiệt tác bất hủ cho riêng mình, lấy đó để lạm quyền ý thế, để đối chọi với triều đình. – Sự tức giận của Doanh Chính đã lộ rõ bằng lời nói.

– Ông ấy là thừa tướng của nước Tần, mọi việc đều là để thờ vua; giúp con lên ngôi, và là trọng phụ của con. Huống hồ nay tuổi đã quá năm mươi rồi [102], để lại một vài điều ghi chép để lưu niệm cuộc đời, tướng chẳng có gì sai. Hà tất con phải việc bé xé ra to làm gì? – Thái hậu cố gắng hòa giải ác cảm của Doanh Chính đối với Lã Bất Vi.

Doanh Chính không thể kiên nhẫn trước thái độ và cách nói năng của mẹ nữa, bèn chặn lại bằng một câu:

– Trọng phụ với lại trọng phụ, bé xé ra to! Tại sao mẫu hậu không thấy ông ta thường có thái độ thô bạo, không chịu thuần phục và không nghe lời con? Thế mà cứ bênh che ông ấy. Con thật không thể hiểu nổi. – Nói xong, phất tay áo quay đi.

Cuộc nói chuyện này kết thúc chẳng vui vẻ gì. Thái hậu cảm thấy rất băn khoăn lo lắng về tình trạng bất hòa, thậm chí ngày càng xấu trong quan hệ giữa Doanh Chính và Lã Bất Vi. Đối với Triệu Cơ, Lã Bất Vi vừa là chồng cũ, vừa là bạn tình; hơn nữa lại là nhân vật quyết sách của đại Tần, có quan hệ chính trị gắn bó và tùy thuộc lẫn nhau về mặt lợi ích.

Nếu quan hệ giữa hai người này gây cản nhau, đối lập nhau, thậm chí chia rẽ nhau, thì chắc chắn sẽ xảy ra rắc rối bên trong và tai họa từ bên ngoài. Lúc ấy thì khó mà giữ được nền nếp lễ giáo mẹ con và ân ái vợ chồng; quyền lực vương triều đang nằm trong tay, cũng trở thành miếng mồi của “ngư ông được lợi” và rơi vào tay kẻ khác. Nếu vì thế mà dẫn đến việc xâm nhập của kẻ địch bên ngoài, thì có nguy cơ mất sạch giang sơn đại Tần mà tổ tiên đã dày công xây đắp mấy trăm năm qua.

Triệu Cơ càng suy nghĩ càng lo sợ, đến nỗi suốt đêm không chợp được mắt. Ngày hôm sau, thái hậu bèn sai người gọi Lã Bất Vi đến, nói chuyện thăm thì to nhỏ với ông ngay tại phòng ngủ của mình, bộc lộ hết mọi chuyện mà Doanh Chính đã nói. Lã Bất Vi cũng thấy rất nhiều hiện tượng chứng tỏ Doanh Chính bất bình với mình nhưng không nghĩ rằng nó nghiêm trọng đến mức độ như vậy. Nay nghe thái hậu nói mới thấy tình hình rất nghiêm trọng. Ông cảm thấy hối hận trong việc dùng sách “Lã Thị Xuân Thu” để huấn hoặc công đức của mình, cách làm quá đơn giản và lộ liễu. Kết quả, tuy có tiếng tăm đấy, đã mở rộng được ảnh hưởng đấy, nhưng lại mắc tội với Doanh Chính, làm cho Doanh Chính nghi ngờ mình. Thật là lợi bất cập hại, biến việc tốt thành việc xấu. Việc Triệu Cơ bênh vực cho mình, thể hiện quan hệ hai người rất thân thiết, sâu sắc, nhưng chỉ lo rằng, chỉ nhờ một lời nói không cẩn thận cũng đủ để lộ chân tướng thì mối quan hệ tế nhị hiện có giữa hai người cũng tan biến. Vì vậy, nhân lúc đang có quan hệ tình cảm ba bề bốn bên với thái hậu, ông dặn đi dặn lại thái hậu rằng, không được giải thích và nói gì về việc này nữa “mở khóa phải do người đóng khóa làm lấy”, mọi việc cứ để cho ông tự lo liệu “mất bò thì phải tự đi làm chuồng” vậy, lấy lại uy tín cho mình. Việc đầu tiên là ông cho thu dọn bộ “Lã Thị Xuân Thu” ở cổng thành, công việc được tiến hành một cách lặng lẽ. Sau đó, tự mình mang đến trước cung Hàm Dương vứt toẹt xuống đất. Xong tự trách mình:

– Lão thân xưa là thương gia, cứ theo thói xưa: hàng gì có giá là bày ra chợ, để khách tự chọn. Bộ “Lã Thị Xuân Thu” này cũng vậy, đưa bày ngoài thành, quan khách đến xem đủ mặt anh tài, đã mấy ngày qua, không ai nói gì, rằng hay rằng dở, mất công mất của mà chẳng ra gì!

– Khanh đã treo giải thưởng một chữ nghìn vàng, sao chẳng ai nói gì? – Doanh Chính nghe Lã Bất Vi nói chẳng ra gì, bèn hỏi. Trong lòng ngài, có vơi đi phần nào cái ác cảm và nghi kỵ trước đó.

– Có thể vì thu thập quá rộng, viết quá nhiều ngành nên người đọc không thích; cho nên, tuy có trọng thưởng vẫn không có người góp ý kiến. – Lã Bất Vi thừa dịp, làm giảm bớt ảnh hưởng của cuốn sách.

Doanh Chính cười nhạt. Ngài nói:

– Nhặt nhèo như vậy, chẳng phải là tổn thương đến danh tiếng của thừa tướng hay sao?

– Sách này do các môn khách của hạ thần sưu tầm, hạ thần tổng hợp lại, nội dung nông cạn, không thể đưa vào văn hiến của đại Tần, để khởi làm nhỡ đến sự tôn nghiêm của đại Tần. Thiên hạ đã không muốn ngó ngang đến, thì cái tiếng tăm nhỏ nhoi của hạ thần, có đáng kể gì. Chỉ phụ lòng mong đợi của thánh thượng, uống phí ăn bổng lộc của triều đình, thật hổ thẹn lắm thay!

Với cách nói khiêm nhường, hạ mình, Lã Bất Vi đã che giấu được dã tâm chính trị vốn có trước đây: viết sách nêu lý thuyết để đề cao cá nhân. Ông còn giả vờ tức giận và nói:

– Xem ra bộ sách chẳng ra gì, đem đốt quách cho xong.

Doanh Chính vốn là con người hay nghi ngờ, rất đố kỵ, càng hẹp hòi với mọi người. Nhưng khi thấy đối phương đã ở vào cái thế yếu kém hơn mình, đã chịu thua và thừa nhận thất bại rồi thì Doanh Chính cảm thấy mình đã chiến thắng và mãn nguyện. Hơn nữa, Doanh Chính cũng còn muốn tìm hiểu bộ sách ấy có nói gì về mình hay không. Nghĩ vậy, Doanh Chính bèn nói:

– Thừa tướng hà tất phải thận trọng như vậy. Sách đã viết ra rồi, dù có ảnh hưởng không hay, cũng không nên tính toán hơn thiệt. Cứ tạm để lại đó mà đọc cũng được.

Thực ra thì Lã Bất Vi làm sao mà có thể hủy bỏ một thành phẩm mà mấy trăm người

đã làm trong mấy năm, lại đặt tên bằng họ của mình. Đó chẳng qua là để giải tỏa lòng nghi kỵ của Doanh Chính đối với mình, cho nên mới làm cái trò độc diễn kín đáo ấy mà thôi. Và khi nghe Doanh Chính nói không phải đốt thì mừng như mở cờ trong bụng, vội nói:

– Đa tạ ân điển của bệ hạ.

Sau đó sai người đưa cả mấy bó sách viết trên các thanh tre chất lên xe kiệu của mình đưa về nhà. Sau này, Doanh Chính bảo Lý Tư đưa bộ sách ấy đến cho mình xem, thấy trong các thiên “Khứ hưu”, “Bất xâm”, “Hối qua” đều có phê phán các vua Tần: Huệ Văn Khuông, Chiêu Vương và Mục Công, nhưng đều là phê phán từ góc độ tổng kết lịch sử, còn đối với Doanh Chính thì không có lời nào khinh thường hoặc công kích rõ rệt. Cho nên, Doanh Chính cũng không truy cứu nữa. Tuy nhiên, Doanh Chính đã từng cho rằng, sở dĩ Lã Bất Vi tổ chức tập thể sáng tác bộ sách này, lại còn treo giải thưởng “Một chữ nghìn vàng” đK thu hút người đọc, là cốt để tỏ rõ thực lực chính trị và tầm vóc to lớn của ông ta. Cũng có nghĩa rằng, Lã Bất Vi viết sách không phải để có sách, mục đích của ông nằm ngoài bộ sách. Tức là, bộ sách đó cùng với hơn ba nghìn môn khách của ông, là một thế lực hùng mạnh kinh địch với Doanh Chính; là một tập đoàn chính trị to lớn hùng cứ trên vũ đài chính trị đại Tần.

Qua hai sự việc “Một chữ nghìn vàng” và chuyện tư tình với thái hậu suýt nữa bại lộ, Lã Bất Vi cảm nhận sâu sắc rằng, thích huênh hoang và trọng tình cảm là nhược điểm chết người của ông. Ông nhất thiết phải sửa. May mà ông sớm thu vén, lại giỏi biện bạch nên không xảy ra hậu quả nghiêm trọng. Về quan hệ với thái hậu, đã có Lao Ái thay thế cho nên ông cũng thoát ra một cách thể diện, chẳng khác gì như “ve sầu lột xác”. Ông nghĩ rằng từ nay sẽ phải chú ý củng cố cái ghế thừa tướng và phát triển thế lực vừa để bảo vệ bản thân, vừa tích tụ lực lượng, chờ thời. Khi điều kiện chín muồi, sẽ lật đổ Doanh Chính, chiếm lấy chính quyền đại Tần. Nhưng ông đã quên mất một tập đoàn chính trị lớn mạnh khác đang nhanh chóng nổi lên, đó là bọn Lao Ái, một nhân vật đặc biệt mà ông đích thân tiễn cử cho thái hậu.

Khi thái hậu và Lã Bất Vi gặp nhau, hai người bao giờ cũng nói chuyện về triều chính, thái hậu vẫn chú ý giữ vai trò thái hậu của mình. Còn bây giờ thì thái hậu đang gần kề với một anh chàng vũ phu, hoàn toàn không có một chút hiểu biết gì về chính trị. Từ địa vị cao sang nhất, thái hậu trở lại với địa vị và tâm trạng của một người phụ nữ bình thường, tự coi mình phụ thuộc vào người tình mới, mà cũng thực sự là người chồng mới. Do đó, thái hậu cảm thấy thoải mái, vui vẻ. Còn Lao Ái thì do hiểm họa mà lại được hưởng phúc; hơn nữa còn được mệnh phụ phu nhân cao quý nhất ôm ấp yêu chiều, cho nên cảm thấy vô cùng hạnh diện. Cố nhiên, quan hệ tình cảm giữa hai người rất nồng hậu. Nhất là thái hậu, giờ đây nàng đã trút bỏ được tâm lý sợ hãi và gánh nặng tinh thần; vì trước đây, trong ba năm lén lút thông dâm với Lã Bất Vi, lúc nào cũng canh cánh lo lắng trong lòng, còn bây giờ thì mặc sức hành sự. Vì vậy, chuyện gì đến thì đã đến. Đó là chưa đầy nửa năm ăn nằm với Lao Ái, tức là năm Doanh Chính mười chín tuổi (năm 240 trước Công nguyên), thái hậu mang thai. Nàng vui mừng báo tin này cho Lao Ái. Đối với Lao Ái, đây thật sự là một tin sét đánh ngang tai, anh chàng sợ đổ cả mồ hôi hột. Lao Ái vội vàng nói:

– Nếu nhà vua biết được, thì tính mạng nô tài chẳng còn?

Nhưng thái hậu thổ lộ với Lao Ái nỗi đau của mình:

– Ta tuy được gả cho vương tôn Tử Sở và rồi làm hoàng hậu, nhưng có đến một nửa cuộc đời sống khổ sống sở, có chồng mà chẳng được sống bền lâu, có con mà thiếu hẳn thân tình mẫu tử. Còn có cái khổ nào bằng. Nay may mắn gặp người, được thỏa lòng ân ái, hòa hợp như cá với nước, nay đã có thai, cố sao không giữ lại, để hoàn thành cái nghĩa mà đạo trời đã cột chặt ta và chàng?

– Hạ thân được thái hậu chiều chuộng, cái ơn ấy mang mãi suốt đời. Nhưng rốt cuộc thì vẫn là giao hoan vụng trộm, chỉ là đôi vợ chồng hờ, tạm bợ, nhưng như thế cũng đủ lắm rồi, sao còn dám sinh con và làm cha làm mẹ nữa? – Lao Ái vẫn lo lắng trong lòng.

Triệu Cơ vừa sụt sùi vừa nói rất thương cảm:

– Đã có chồng, ắt phải có con. Đó mới vẹn toàn cái đức của người phụ nữ. Ta đã là vợ của chàng, ắt phải là người mẹ có con. Nếu không, làm sao có thể thỏa lòng ước nguyện

của ta và còn gì là ý nghĩa của đạo làm người nữa? thế

– Thái hậu đã định đoạt như vậy, hạ thần không dám không nghe. Nhưng phải nghĩ cho ra một mưu kế gì cho an toàn, để khỏi hậu họa về sau. – Lao Ai đành phải vâng lời thái hậu, nhưng mong sớm có một biện pháp.

Triệu Cơ yêu cầu Lao Ai cứ bình tĩnh, không tự để lộ chân tướng, cố gắng trong thời kỳ đầu mang thai, không ai phát hiện ra là được.

Lúc ấy bà Hạ Cơ, mẹ đẻ của Tử Sở chết. Hạ Cơ là bà nội của Doanh Chính. Từ nhỏ Doanh Chính đã biết cuộc đời bất hạnh của bà nên Doanh Chính làm lễ tang cho bà rất long trọng. Thái hậu Triệu Cơ mặc tang rộng thùng thình, hai tay lại luôn đặt trước bụng, hoàn toàn che giấu được cái thai mới nhú ở bên trong. Hơn nữa, tất cả các thành viên hoàng gia và triều thần đều đứng cúi gằm mặt xuống để tưởng nhớ lão thái hậu Hạ Cơ; cho nên, chẳng ai để ý đến nàng. Vì vậy, Triệu Cơ trót lọt vượt qua một tuần tang lễ. Hơn nữa, khi nhìn thấy các thầy mo, thầy cúng, cô đồng, đang cầu khẩn cho vong linh siêu độ và bói toán nơi chôn cất người quá cố, Triệu Cơ lại liên tưởng tới ngày nào, Lã Bất Vi cũng bày trò tương tự để đưa Tử Sở lên ngôi thái tử, chiếm đoạt cái ghế của Tử Hê là anh của Tử Sở, còn bản thân (Lã Bất Vi) thì được Hiếu Văn Đế phong làm thừa tướng. Như vậy là lễ tang long trọng với thầy cúng cô đồng đầy đủ lễ bộ này, đã mang lại kinh nghiệm cho thái hậu trong việc tìm mưu kế giải quyết việc nan giải của mình. Tối hôm đó, thái hậu rất vui, nàng lại chủ động kéo Lao Ai vào giường. Lao Ai tuy vẫn hăng hái giao hoan nhưng vẫn tỏ ra chẳng vui chút nào, vì còn lo lắng cho tính mạng của mình. Triệu Cơ biết ý, bèn nói nhỏ thăm thì một lúc. Lao Ai nghe xong mừng rỡ.

Ngày hôm sau, có tin từ cung Cam Tuyền truyền ra nói rằng thái hậu bị đau quận bụng, đau cấp tính. Doanh Chính vội sai ngự y đến thăm khám và chữa trị. Nhưng vô hiệu. Chẳng những thế mà còn đau dữ dội hơn. Lao Ai là hoạn quan hầu hạ gần nhất của thái hậu, nên đã tự mình đi mời thầy cúng cô đồng đến xem quẻ bắt mạch. Một nhóm thầy cúng, thầy mo, cô đồng đến ngay và lập đàn chay ngay chính giữa phòng lớn của cung Cam Tuyền. Họ thắp đèn đất hương, rắc giấy cầu thân, vung tay múa kiếm, mồm niệm thần chú, rồi đốt miếng vỏ rùa cháy khét lẹt. Sau lại giơ miếng vỏ rùa ngang mặt, xem đi xem lại, chỉ tay vào miếng vỏ rùa đã bị cháy nham nhở cho đức vua Doanh Chính xem, rồi nói rất trịnh trọng:

– Xin xem cho kỹ, vỏ rùa đã nứt, báo hiệu chẳng lành, gây bao tai hại, thái hậu bị đau là do bọn chúng, mau mau lánh xa để tránh tai họa!

– Nhưng không biết tránh ở đâu bây giờ? – Doanh Chính vội hỏi.

Cô đồng lại đốt một miếng vỏ rùa khác, nhắm tịt mắt lại rồi chỉ những đường nứt trên vỏ rùa cho nhà vua xem, nói:

– Những đường nứt này nói rằng, bọn ma quỷ từ phía Tây tới, nay Thái hậu phải đi về phía Đông. Người bị ma ám phải đi ngược chiều với ma mà. Phải đến một nơi cách Hàm Dương hai trăm dặm về phía Tây, ở đó mới yên ổn sinh sống, phục hồi ngọc thể.

Nhà vua suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Từ đây đi về phía Tây hai trăm dặm, có cố đô Ung Thành, nơi mà thế tổ thứ tám Đức Công đã xây dựng, chắc là vỏ rùa muốn nói nơi này đây.

Ngay lúc ấy, có một thị vệ tự xưng là lão thần ba triều vua, bẩm báo rằng:

– Tiểu thần đã đi theo ba đời tiên vương đến ngự lâm Ung Thành (nay là huyện Phong Tường tỉnh Thiểm Tây), cung Đại Trịnh do nhà vua Đức Công xây dựng nay vẫn còn nguyên vẹn, các phòng ngủ phòng chơi rất đầy đủ, có vườn hoa lầu các, có hồ nước lung linh, có chim chóc muông thú, là nơi vui chơi du ngoạn tốt nhất. Nghỉ ngơi tĩnh dưỡng ở đó, thật chẳng có nơi nào bằng.

– Có một nơi tiên cảnh như thế, thật là ơn trạch của tiên vương để lại, ban phước cho mẫu hậu rồi đây.

Doanh Chính nói rất vui vẻ. Sau đó, liền sai thị vệ cho người đến cung Đại Trịnh quét dọn sạch sẽ để nghênh đón thái hậu đến. Lại còn trọng thưởng cho hai cô đồng. Bọn này tạ

ơn muôn vạn lần rồi cáo từ ra về. Dọc đường, chúng cười rả rích với nhau, bởi vì trước đó Lao Ái đã cho họ năm mươi dật vàng rồi (mỗi dật bằng 20 – 24 lạng). Những lời phán đoán từ võ rùa, chẳng qua chỉ là do thái hậu bày đặt ra và do Lao Ái nói cho họ biết để làm đúng như thế.

Trong thời gian chuẩn bị để thái hậu chuyển đến nơi ở mới, Doanh Chính thường lui tới cung Cam Tuyền để thăm mẹ ốm. Thái hậu thì luôn luôn nằm trên giường, đắp kín chăn gấm; cho nên, nhà vua không thể phát hiện mẹ mình đã có thai mấy tháng rồi. Thái hậu thì giả vờ bệnh tình rất nặng cứ than thở rằng Lao Ái chỉ là một quan hoạn nội thị bình thường, khi đến cung Đại Trính, ở đó có rất nhiều hoạn quan cũ từ đời vua trước, vậy Lao Ái làm sao có thể sai bảo được những người ấy. Nhà vua bèn phong Lao Ái làm trưởng hoạn quan ở cung Đại Trính, tổng quản mọi việc ở cung này. Thái hậu vội bảo Lao Ái khấu đầu tạ ơn đại vương. Lao Ái vội làm theo và hứa sẽ hết lòng hết sức hầu hạ thái hậu, để không phụ lòng mong đợi của đại vương.

Sau khi thái hậu và Lao Ái đi khỏi cung Cam Tuyền, quan hệ giữa nhà vua và thừa tướng Lã Bất Vi có bớt căng thẳng; tâm tư của hai người ở vào trạng thái rất tế nhị, nhưng không ai để lộ ý nghĩ của mình. Doanh Chính thì nghĩ rằng, lão già họ Lã này chắc là vẫn rất thèm khát cái váy của mẫu hậu đây [103]. Còn Lã Bất Vi thì cho rằng, ta đã tiến cử một “của quý” để hoạn lạc với thái hậu rồi, xem ra cả hai người đều say đắm như nhau, kẻ tám lạng người nửa cân, lúc nào cũng cảm thấy chưa đã cơn thèm, thật là xứng đôi vừa lứa. May mắn hơn nữa là họ đã nghĩ ra một diệu kế, cao chạy xa bay. Từ nay, chuyện dâm loạn trong cung, Doanh Chính không tài nào phát hiện được nữa. Bản thân Lã Bất Vi cũng không bị liên quan với chuyện hành lạc mới của thái hậu, nên có thể yên tâm và mạnh dạn làm công việc của mình. Nhưng Lã Bất Vi không biết rằng, sau khi thái hậu và Lao Ái đến Ung Thành, không những có thể hoàn toàn tự do thỏa thích trong sinh hoạt tình dục mà còn nhanh chóng hình thành một thế lực mới, suýt nữa thì lật đổ triều đình của Doanh Chính.

Sự việc diễn ra như sau. Sau khi Triệu Cơ và Lao Ái thực hiện được mưu kế “chuyển nhà” của mình, Lao Ái lại nắm trọn quyền lực to lớn là tổng quản của Đại Trính, bèn sinh ra xa hoa dâm dăng, bao nhiêu gái cũng không vừa, muốn làm gì thì làm. Trong khi đó vẫn thỏa mãn mọi dục vọng của thái hậu, chỉ trong hai năm bà đã liên tục sinh ra hai chú bé kháu khỉnh lanh lợi, bập bẹ suốt ngày, ngày thơ khả ái. Vợ chồng sáng chiều quấn quýt bên nhau, con cái vui chơi quanh mình, cuộc sống như thế là mãn nguyện lắm rồi. Qua những điều thổ lộ của thái hậu thì bà rất bằng lòng với hiện trạng, không mong muốn gì hơn nữa. Nhưng Lao Ái thì khác, một phần vì Triệu Cơ đã quá bốn mươi, lại liên tiếp đẻ hai đứa con, không còn đòi hỏi tình dục sôi sục như trước, không thể đáp ứng đòi hỏi của Lao Ái nữa. Một phần khác là vì trong cung có hàng trăm cung phi và đều trẻ đẹp xinh tươi, luôn luôn hấp dẫn Lao Ái, một kẻ chuyên nghề làm tình nổi tiếng. Vì vậy, Lao Ái lại tái phạm cái bệnh mà anh ta đã mắc phải khi ở Hàm Dương. Tức là luôn luôn đưa cung phi vào phòng riêng và hành lạc vô tội vạ. Sự việc đến tai thái hậu, bà nhiech mắng Lao Ái phụ nghĩa bạc tình. Trước mặt Triệu Cơ, Lao Ái thể sống thể chết rằng từ nay xin chừa, quyết không tái phạm nữa. Nhưng chỉ mấy ngày sau thì lại chứng nào tật ấy dâm loạn liên miên. Thái hậu tự biết mình nhan sắc đã tàn phai không thể thỏa mãn sự thèm khát tình dục không bao giờ cạn của chàng vũ phu Lao Ái cho nên thái hậu đành dùng tiền tài để anh ta tiêu xài nhằm thỏa mãn dục tình của mình. Ngoài việc cung phụng tiền vàng cho Lao Ái mặc sức xa xỉ, thái hậu còn luôn luôn nói với Doanh Chính rằng Lao Ái đã hầu hạ mình chu đáo tận tình như thế này thế nọ, ông ta làm tổng quản cung Đại Trính rất tốt, đầu vào đây, công sức rất to lớn.

Lúc mới đầu, nhà vua chỉ nghe xong để đấy, biết vậy thôi, chẳng nói gì. Thái hậu bèn nói thẳng rằng bà muốn nhà vua ban thưởng và phong chức cho Lao Ái. Doanh Chính vâng lời mẹ, phong Lao Ái làm Trường tín hầu, ban cho đất Sơn Dương (nay là huyện Tu Vũ, tỉnh Hà Nam), còn đổi tên quận Thái Nguyên trên đất Sơn Dương thành quận “Ái Quốc” (Nước của Lao Ái). Nhà vua còn chỉ dụ yêu cầu Lao Ái lập tức chuyển đến ở tại đất phong của mình là Sơn Dương. Điều này làm cho thái hậu dở cười dở khóc. Bởi vì, lúc đầu bà nghĩ rằng mình xin nhà vua phong chức ban thưởng cho Lao Ái, Lao Ái sẽ cảm ơn mình và sẽ ở lại bên cạnh mình. Ai ngờ lại đi xa tới hàng nghìn dặm. Quả là đang yên đang lành bỗng gây ra tai họa. Bà suy nghĩ mãi để tìm cách nói với nhà vua không bắt Lao Ái đi Sơn

Dương, để anh ta ở lại hầu hạ mình. Nhưng lại rất sợ là có thể vì thế mà làm cho nhà vua sinh nghi ngờ, biết được đã có hai đứa con thì hậu quả không biết đến đâu mà lường. Bà lại tiếp tục suy nghĩ. Bà cho rằng lần trước Doanh Chính đã từng nghi ngờ mối quan hệ giữa mình và Lã Bất Vi và cũng đã chẳng mấy tin vào tiết hạnh của mẫu hậu rồi, cho nên bây giờ, chi hơn là cứ nói thẳng mọi chuyện với Lao Ái. Lúc ấy, nếu con (Doanh Chính) thông cảm với nỗi lòng cô quạnh của một người quả phụ như mẹ, có lẽ sẽ cho phép Lao Ái ở lại chẳng. Cho dù Doanh Chính không tán thành thì cũng không thể đem chuyện xấu trong nhà để nói cho thiên hạ biết, vì đây là sự thể diện của cả vương triều đại Tần và của cả chính bản thân Doanh Chính. Với suy nghĩ đó, Thái hậu nói chuyện này với Lao Ái, và sẽ cùng Lao Ái đến gặp nhà vua lúc đó, bà sẽ vén tấm màn bí mật lâu nay bao trùm quan hệ giữa bà và Lao Ái; và bà sẽ cầu xin con rũ lòng thương hại mẹ goá. Lao Ái nghe thái hậu nói vậy bèn lắc đầu. Lao Ái biết rõ rằng nhà vua Tần Doanh Chính rất sĩ diện, không bao giờ chấp nhận mối quan hệ như vậy, chưa biết chừng ngài còn phát điên phát khùng lên và lúc ấy thì hậu quả khôn lường. Thái hậu nói:

– Sự việc không đến nỗi nguy hiểm như vậy đâu!

Lao Ái bèn nhắc lại việc nhà vua đã đánh dẹp vụ nổi loạn của Thành Kiêu trước đây cho thái hậu:

– Trong vụ nổi loạn của Thành Kiêu, nhà vua và Thành Kiêu là anh em ruột cùng cha khác mẹ, quan hệ thân thiết như thế, nhưng nhà vua vẫn thẳng tay bức tử Thành Kiêu. Hành động này của nhà vua chắc chắn là được quyết định sau khi ngài biết được chuyện xấu xa trong gia đình mình qua bản hịch văn của Phàn Vu Kỳ viết. Lúc đó, hạ thần cũng tham gia trận đánh Đồn Lưu, nên mới biết việc này. Do đó, mối quan hệ giữa hai ta, nhất quyết không được nói cho nhà vua biết. Nếu không may mà nhà vua biết được, thì dù đối xử với thái hậu như thế nào chẳng nữa, chứ không bao giờ tha thứ cho hạ thần. Lúc đó thì nhà vua có thể không nói gì, nhưng sau đó thì có thể lấy bất cứ lý do nào đó để giết hạ thần bất cứ lúc nào. Thái hậu có thể nhân tâm để cho hạ thần hồn lìa khỏi xác, chết mất mạng ư?

Nói đến đây, Lao Ái cảm thấy rất sợ hãi, bồng gục đầu vào lòng Triệu Cơ mà khóc.

Thái hậu cũng tỉnh người ra sau khi nghe Lao Ái nói vậy. Bà cũng thấy sợ, không thể liều mạng chủ động nói rõ sự thật để rồi mang vạ vào thân. Nhưng bà vẫn muốn tìm ra một giải pháp nào đó để giữ chân Lao Ái lại ở bên mình mà không gây ra sự nghi ngờ của Doanh Chính. Bà thở dài nảo nuột:

– Đã là vợ chồng thì phải ăn ở với nhau đàng hoàng. Còn đàng này thì sống chui sống lủi, thật không thể chịu nổi. Tại sao lại đến nông nỗi này?

Lao Ái cũng nói:

– Đó là vì Doanh Chính có quyền lực, muốn giết ai thì giết, muốn cho hay muốn tước đoạt của ai cái gì đều được cả. Tính mạng của chúng ta và hai đứa con đều nằm trong tay của Doanh Chính; cho nên việc gì cũng cứ phải cẩn trọng, hết sức kín đáo!

Thái hậu nói:

– Quyền lực ư? Quyền lực lợi hại như vậy ư? Đến nỗi không thềm nhận người nhà anh em [104] của mình ư? Theo ngôi thứ thì ta là mẹ đẻ của nhà vua, chàng là chồng của ta. Lẽ ra Doanh Chính phải gọi chàng là “cha dượng” mới phải. Nhưng chúng ta lại phải sợ, sợ cái quyền lực của Doanh Chính... – Thái hậu càng nghĩ càng không thông, càng tức giận. Bà nói tiếp – Chúng ta cũng phải có quyền lực chứ! Phải có quyền lực để bảo vệ cuộc sống của gia đình chúng ta, bảo vệ con cái của chúng ta.

Qua những lời than vãn của Triệu Cơ, Lao Ái được gợi mở, Lao Ái thấy ra vấn đề, bèn nhắc nhở Triệu Cơ:

– Quyền lực ấy à, thái hậu cũng có đấy. Cái ngọc tỷ (con dấu bằng ngọc) mà thái hậu đang cầm trong tay, chính là quyền lực. Hạ thần nay là “Trường tín hầu” cũng có con dấu, có quyền lực, cũng có thể dùng quyền lực đó để sinh, sát, cho và chiếm đoạt.

Đến đây, trong quá trình đấu tranh để được tự do yêu đương và hết sức đau khổ vì không được tự do như thế, đôi nam nữ bình thường này đã nhận ra tầm quan trọng của

quyền lực và sinh ra ham muốn tăng cường và mở rộng quyền lực của mình.

Vì vậy Lao Ái càng phải đi Sơn Dương. Đến đó để thành lập vương quốc riêng của mình, để có thể sống tự do phóng đãng hơn. Về chính trị, có thể kình địch với Doanh Chính, lúc cần thiết có thể huy động quần chúng, lật đổ cả triều đình nhà Tần.

Lúc phải xa nhau, thái hậu và Lao Ái rất quyến luyến, không muốn rời nhau. Nhưng vì tham vọng quyền lực, nên buộc phải tạm thời ly biệt. Sau khi đến Sơn Dương, nhờ có thu hoạch kinh tế của đất phong và cũng do của cải rất hậu mà thái hậu ban cho, Lao Ái đã xây dựng nhà cửa hết sức khang trang rộng rãi, gọi là “Phủ trường tín hầu”, sống cực kỳ xa hoa hoang phí. Lao Ái muốn bằng vai bằng lứa với Văn tín hầu Lã Bất Vi ngay cả về dinh thự, nhà cửa, không chịu thua kém một ly. Đó chính là ý chỉ của thái hậu. Bà muốn cho người chồng mới của bà phải hơn người chồng cũ. Vì vậy, trong một thời gian ngắn, Lao Ái đã có tới ba trăm thê thiếp ca kỹ và hơn tám nghìn gia nô (nô lệ gia đình) [105], lại còn có hơn một nghìn môn khách đến nương tựa Lao Ái để hy vọng phát đạt và phát huy tài năng của mình. Tiếng tăm và phong độ của Trường tín hầu nổi lên như cồn. Từ nay Lao Ái đã có thể có thái độ ngạo mạn và ương ngạnh đối với đô thành Hàm Dương rồi.

Để làm vừa lòng thái hậu về tình cảm, nhất là để bòn rút càng nhiều sự cung phụng và tiền của, Lao Ái thỉnh thoảng trở về Ung Thành để sống chung với thái hậu, đem thêm nhựa sống cho bà. Thái hậu cảm thấy Sơn Dương ở xa Ung Thành quá, bà sống một mình không chịu nổi, Lao Ái bèn xây một biệt thự tại Nam Dương, gọi là “Phủ trường tín hầu” tại đô thành, đưa toàn bộ người nhà, gia nô và môn khách về đó ở. Ngoài ra, vẫn tiếp tục gây dựng những người ủng hộ mình, giao tiếp rộng rãi với tầng lớp quyền quý. Để làm suy yếu thế lực của Doanh Chính, Lao Ái không tiếc tiền, bỏ ra những khoản lớn để mua chuộc một số cận thần của vua Tần về với mình, trong đó có “vệ úy” Kiệt, quan bảo vệ cung đình; “nội lại” Tứ, trưởng quan hành chính Hàm Dương; “tá đặc” Kiệt, quan trông coi việc săn bắn của nhà vua và việc tuần tra ở cung đình. Lao Ái cậy thế cậy của, ra sức lôi kéo chia rẽ, lung lạc lòng người, đến mức nghênh ngang ngạo mạn, bất chấp hết thảy, coi trời bằng vung.

Lao Ái là một tay lang bạt kỳ hồ, chẳng qua gặp may mà bỗng chốc phát lên về chính trị, nên nhanh chóng quên mất thân phận của mình, lao vào ăn chơi phóng đãng, phớt lờ cái bản chất hèn hạ, xấu xa của mình. Một hôm, ông ta được “trung đại phu” Lệnh Tề, mời cơm.

Khi hơi men đã chénh choáng, người nào cũng mặt đỏ tía tai, bèn bảo nhau đưa bài ra đánh, chơi trò đổ đen, mua vui xả láng. Lao Ái vốn là dân nghèo kéo xe bán đậu phụ đi rong ngoài phố, sống chui rúc trong đám tiểu thị dân thấp hèn nhất của xã hội, cho nên giờ sẵn có đồng tiền, khi ngồi vào sòng bạc, lúc nào cũng do dự chần chừ, rụt rè tính toán, đúng theo kiểu cách ti tiện keo kiệt của dân nghèo lưu manh. Nhưng cũng vì thế mà thành một thói quen là chỉ thắng, không chịu thua. Nói cho đúng hơn là: thắng thì được, thua thì không chịu.

Nhưng nay Lao Ái đã là người tình của thái hậu, lại được phong làm Trường tín hầu, có đất vua ban, có cung thất biệt thự, có bổng lộc tiền tài; lẽ ra ở sòng bạc phải tỏ ra tay chơi sang, hào phóng hơn người, chỉ chơi cho vui, chẳng màng thua được mới phải. Nhưng như người đời vẫn nói, giang sơn dễ đổi thay, còn bản tính con người khó thay đổi. Đánh chết cái nết không chừa. Lao Ái cũng vậy. Khi nào được vài ván thì hớn hờ mặt mày, nói cười bô bô, huênh hoang tự đắc. Khi nào thua thì mặt mày tái mét, mắt đỏ sòng sọc, phùng mang trợn má, hăm dọa người được tiền. Bộ mặt Lao Ái lúc ấy rất bỉ ổi, đáng ghét vô cùng. Hôm nay, đúng như câu tục ngữ nói: “Làm tình thoải mái, đánh bạc thua hoài”, mỗi khi Lao Ái “cầm cái” đều bị thua, mất rất nhiều tiền. Lao Ái cho rằng mình còn vận đen, một người mà phải đối phó với nhiều người thì thua là cái chắc. Nghĩ vậy, cho nên chưa tiện nổi nóng lên. Bây giờ đến lượt “trung đại phu” Nhan Duệ “cầm cái”, Lao Ái bèn hăng máu đặt rất nhiều tiền, hòng gỡ lại con số đã bị thua. Ai ngờ cứ thua mãi, như rút tiền cho người khác nhận, đứt chuỗi cho voi ăn. Lao Ái sốt ruột vô cùng, cứ nhấp nhồm không yên. Nhưng càng đánh bạc càng khát nước. Lao Ái ném thêm tiền xuống chiếu, coi như một mình đánh với người cầm cái. Nhưng vẫn thua, Lao Ái cay cú phát khùng, bèn giở trò du côn, giơ tay vợ hết số tiền lớn mà mình vừa bỏ ra, cho vào tay áo, không để cho người “cầm cái” lấy. Nhà cái Nhan Duệ cố nhiên không chịu, đòi Lao Ái phải bỏ tiền ra, Lao Ái khăng khăng

không nghe, nói bừa rằng “nhà cái” đánh tráo bài, chơi gian nên ông ta mới bị thua. Nhan Duệ không lấy được tiền, lại còn bị vu cáo độc địa, nên cũng nổi nóng, xông vào Lao Ái giằng lấy số tiền trong ống tay áo Lao Ái. Lao Ái đang có đà, bèn gạt Nhan Duệ sang một bên rồi chửi:

– Ta là quan “hầu”, Trường tín hầu, thắng thì lấy, thua thì đánh [106]. Ta không đưa tiền cho nhà ngươi, làm đêch gì ta nào?

Nhan Duệ không chịu lép vế, chửi lại Lao Ái rất đau:

– Nhà ngươi chỉ lòe loẹt bên ngoài rộng ruột, bên trong chỉ là đồ vô lại, thất đức thất tín, lưu manh côn đồ.

Chủ nhà Lệnh Tề và Tử Khang, chủ của nhà vua Doanh Chính cũng có mặt ở đó, rất sợ vụ việc này to ra, sẽ rất lời thôi, bèn đến can ngăn, lôi hai người ra, đẩy mỗi người ra xa một nơi. Nhưng khi bị tách ra, hai người vẫn rất hùng hổ. Nhan Duệ chỉ tay vào mặt Lao Ái chửi độc:

– Mà là tên quan hoạn, có gì mà làm được Trường tín hầu?

Câu chửi này trúng tim, Lao Ái tức điên người, quên hết mọi chuyện, xông vào tát Nhan Duệ hai cái lại còn đắc chí trả lời:

– Có gì hả? Ta là cha dưỡng (cha kế) của đương kim Tần vương, là cha dưỡng của vua Tần, chứ chẳng chơi.

– Quan “hầu” say rồi, mới nói vậy thôi.

– Nói vậy là bậy bạ, mắc tội khi quân đấy. – Lệnh Tề đại phu và Tử Khang (em ruột Tử Sở) vội ngăn lại.

Lúc này, Lao Ái hoàn toàn mất tự chủ, nói rất rành mạch:

– Sao lại không được nói? Thái hậu và ta đã lấy nhau ba năm, đã có hai con, đều ở cung Đại Trinh, chúng đều là em của vua Tần. Ta danh chính ngôn thuận là cha dưỡng vua Tần, chẳng có gì mà hổ thẹn cả! Ha! Ha! Ha!...

Mọi người có mặt, đều kinh ngạc vô cùng, ai cũng trợn mắt lè lưỡi, lúng ta lúng túng; chỉ có “trung đại phu” Nhan Duệ vừa ôm mặt bị tát, vừa khóc van:

– Tội của hạ thần đáng chết muôn phần, đáng chết vạn phần! – Rồi chạy ra khỏi nhà.

Vua Tần đang ngồi đọc bản tấu, bỗng nghe nội thị vào bẩm báo rằng trung đại phu Nhan Duệ có việc khẩn muốn yết kiến. Nhà vua liền cho vào.

Nhan Duệ vừa vào đến nơi, vội phủ phục xuống đất nói :

– Hôm nay hạ thần đã mắc tội tày trời, xin đại vương tha chết.

Doanh Chính hỏi:

– Nhà ngươi phạm tội gì, sao không nghe thừa tướng bẩm báo gì cả?

Nhan Duệ nói:

– Hạ thần vừa rồi đắc tội với Trường tín hầu.

Nhà vua cả cười mà rằng:

– Tội nặng đến mức phải xử tử ư?

Nhan Duệ bèn nói rõ hơn:

– Hạ thần đã uống rượu, đánh bạc với Lao Ái, Lao Ái không chịu thua, còn đánh hạ thần.

Nhà vua có phần sốt ruột, trách Nhan Duệ:

– Việc này nhà ngươi tự chuốc lấy mà thôi, cho qua đi cho xong chuyện, việc gì cứ lảm lời, còn làm to chuyện đến mức xin tha tội chết, nhà ngươi coi luật lệ đại Tần là trò đùa ư?

– Hạ thần không dám. Chỉ vì Trường tín hầu nói nặng lời, nhục mạ đại vương. Hạ thần là người đã gây ra cuộc cãi vã đó, nay xin tự chịu tội trước đại vương. – Nhan Duệ vừa nói,

vừa run sợ.

Doanh Chính nghiêm sắc mặt, hỏi gấp:

– Ông ta dám nhục mạ ta ư?

– Hạ thần... không dám ạ. – Nhan Duệ đưa mắt nhìn bọn nội thị ở gần đó.

Nhà vua biết ý bèn đuổi nội thị đi ra và giục Nhan Duệ nói ngay. Nhan Duệ run sợ, nói lập cập:

– Trường tín hầu chửi hạ thần dám trái lời ông ta, ông ta là cha dưỡng của đại vương.

– Thật đúng là đáng tội chết ngàn lần! – Nhà vua tức giận, vội đứng ngay dậy, ngài thét lên – Nhà người dám làm nhục ta như thế ư?

– Hạ thần dù có to gan bằng trời đi nữa cũng không dám láo xược với đại vương như thế. Đó là câu của chính miệng Trường tín hầu nói ra đấy ạ!

Nhà vua không nói gì thêm nữa, ngài chỉ bảo Nhan Duệ giữ kín chuyện này, chờ điều tra xác minh sự thật. Sau khi Nhan Duệ đi khỏi, nhà vua cho gọi Tử Khang (chú ruột) và Lệnh Tề, trung đại phu. Hai người này đều nói giống như Nhan Duệ, ngoài ra còn nói thêm rằng, Lao Ái còn điên cuồng nói rằng ông ta sẽ đưa đứa con để hoang đó thay ông ta để lên làm vua nước đại Tần. Nhà vua tức giận đỏ mặt tím tai, run bắn người lên. Ngài bỗng nhớ tới bài hịch của Phàn Vu Kỳ hồi nào, đã làm cho ngài nhục nhã quá chừng. Nhưng lúc đó chỉ là dư luận, còn có thể dễ dàng bác bỏ và xóa sạch đi. Nay Lao Ái có mẹ mình làm hậu thuẫn, đang nuôi hai đứa con riêng để dòm ngó ngài vàng quân chủ của mình. Hơn nữa, đã hình thành một tập đoàn chính trị – quân sự lớn mạnh. Nếu xử lý không khéo, chẳng những không diệt được giặc, mà còn chuốc họa vào thân. Ngài có ý định gặp riêng Lã Bất Vi để mật đàm đối sách, nhưng lập tức nhớ lại cảnh ân ái giữa ông ta và thái hậu mà ngài bắt gặp, nên cảm thấy rất ghét ông ta. Hơn nữa, Lã Bất Vi có ba ngàn thực khách, một vạn gia nô lại còn rất nhiều quan lại trong triều nhờ cậy dựa dẫm, cho nên cũng không thể coi thường. Nếu làm cho hai cánh thế lực đó xung đột lẫn nhau, thì bản thân ngài sẽ nằm chắc phần thắng. Nếu để cho họ bắt tay nhau, ngài sẽ bị cô lập, sẽ nguy hiểm hơn tình hình hiện nay. Cho nên, ngài nghĩ rằng, nếu yêu cầu Lã Bất Vi hợp lực với ngài để diệt Lao Ái, e rằng không chắc ăn, thà cứ một mình ra tay cứu vãn tình thế.

Sau khi suy nghĩ rất kỹ như vậy, nhà vua giả vờ như không hay biết gì về chuyện rắc rối xảy ra giữa Nhan Duệ và Lao Ái. Ngài chuyên tâm vào kế hoạch của mình. Nhân ngày sinh thứ 21 của Doanh Chính (năm thứ chín Tần Doanh Chính; tức năm 238 trước Công nguyên), một ngày nào đó của tháng Tư năm ấy, nhà vua ngồi xe loan sơn son thếp vàng, có đội kiêu binh đi trước, hai hàng hộ vệ đi hai bên, phía sau là một đoàn dài, nối đuôi nhau, gồm cung tần mỹ nữ, hoạn quan nội thị, thành viên hoàng gia, văn võ bá quan, cờ bay rợp trời, xập xình chiêng trống, nổi đám nổi đình, ra khỏi Hàm Dương tiến thẳng đến Ung Thành. Đoàn ngự giá của nhà vua đông tới mấy trăm người, rầm rầm rộ rộ hành quân. Đó là theo quy chế của nhà Tần, mỗi khi vua mới, đến kỳ sinh nhật 21 tuổi đều phải đến Ung Thành là nơi tiên tổ nhà Tần do Đức Công xây dựng nên để làm lễ “gia miện” [107]. Đó là ngày lễ lớn cả nước trông vào, mọi đại thần đều phải tham gia. Riêng Lao Ái thì có tật giật mình, giả vờ đập bệnh, xin nghỉ ở nhà và được nhà vua đồng ý.

Lã Bất Vi đương nhiên phải theo xa giá đồng hành. Nhưng ông ta lại tiết lộ việc nhà vua đến Ung Thành cho “vệ úy” Kiệt, người phụ trách đội vệ binh cung đình, bạn của Lao Ái và đó chính là nguyên nhân khiến Lao Ái đột nhiên mắc bệnh. Lã Bất Vi thì đã có sẵn mọi mưu kế rồi. Cuộc biến động cung đình này, nếu Doanh Chính thắng thì Lã Bất Vi đương nhiên vẫn có cái thế “phụ tá có công”, nên vẫn nắm chắc trong tay cái ghế thừa tướng; hơn nữa có thể qua đó làm giảm được sự nghi kỵ của Doanh Chính đối với mình. Sau đó, tùy cơ mà ứng biến. Còn nếu Lao Ái thắng, ông ta sẽ nhân lúc Lao Ái chưa đứng vững chân sẽ bắt tay với hoàng gia và các triều thần để nhanh chóng loại trừ Lao Ái; sau đó bản thân ông ta sẽ lấy danh nghĩa người có công đầu giúp vua và lấy tư cách trọng phụ để bước lên ngài vàng quân chủ.

Lễ “gia miện” được cử hành trọng thể tại điện Kỳ Niên ở Ung Thành. Mọi việc tiến hành theo đúng trình tự lễ nghi, khung cảnh rầm rộ, náo nhiệt, linh đình. Nhà vua đội mũ bằng, trước sau có mười hai dây tua rủ xuống óng ánh, ngài ngồi trên ngài vàng, tiếp nhận

bái lạy của các thành viên hoàng gia và đại thần. Hành lễ xong, bắt đầu đại tiệc, ca múa tạp kỹ trình diễn rất đẹp mắt. Mọi người đang chăm chú thưởng thức văn nghệ, bỗng có lính cấp báo: Lao Ái và “vệ úy” Kiệt cùng đồng bọn đã làm đảo chính quân sự làm chủ đô thành Hàm Dương, chúng đang đưa hai mươi vạn quân cấp tốc hành quân tới cung Kỳ Niên, phao tin rằng có gian tặc ở cung Kỳ Niên, nên đem quân đến cứu nhà vua.

Sau khi nghe tin trên, mọi người bỗng giật mình, hoang mang lo sợ, cảm thấy tai họa sắp ập đến. Lã Bất Vi mừng thầm, nhưng lúc này ông ta giả vờ hết sức lo lắng và vội vàng nói với nhà vua:

– Không ngờ tên côn đồ ấy vọng ơn bội nghĩa như vậy. Chẳng hay đại vương đối phó thế nào?

Tuy hỏi nhà vua như thế, nhưng trong lòng Lã Bất Vi thì suy nghĩ khác, ông ta sẽ tùy theo tình hình căn cứ vào kết cục của cuộc đảo chính để quyết định đối sách của mình.

Trước sự đột biến như vậy, Doanh Chính tỏ ra rất bình tĩnh và vững vàng. Ngài đứng trên bậc cao nhất của tam cấp tuyên bố đồng ý với đội quân bảo vệ cung Kỳ Niên:

– Nói ngay với quân nổi loạn lời chỉ dụ sau đây của ta: Gian tặc chính là Trường Tín hầu Lao Ái và bè đảng của hắn. Ai mù quáng nghe theo lời mê hoặc của chúng, nay phải từ bỏ chúng ngay. Kẻ nào yếu hèn, cho trở về nhà. Ai có dũng khí, hãy quay giáo tiêu diệt bè lũ Lao Ái. Ai bắt sống được Lao Ái, thưởng một triệu đồng. Ai giết được Lao Ái và nộp thủ cấp thưởng năm mươi vạn. Ai bắt sống được những tên đầu sỏ khác, thưởng hai mươi vạn. Ai giết được đầu sỏ và nộp thủ cấp, thưởng mười vạn. Giết một tên giặc, ban tước một cấp. Hãy truyền đạt ý chỉ đó của trẫm cho mọi người.

Nhà vua vừa nói xong, đội quân bảo vệ cung Kỳ Niên nhiệt liệt hưởng ứng. Toàn bộ chạy ra cổng thành chuẩn bị chống trả quân địch. Lúc ấy, quân nổi loạn của Ung Thành do trung đại phu Lệnh Tề cầm đầu đang bao vây cung Kỳ Niên, nhưng chưa dàn xong trận địa, bỗng nghe quân bảo vệ truyền đạt chỉ dụ nhà vua, bèn chùn tay lại, không dám tấn công. Có người trong bọn họ kêu lên rằng mình bị mắc lừa, bèn dẫn đầu nhiều đồng bọn quay mũi giáo chĩa thẳng vào bọn giặc, đuổi theo những tên tướng giặc đang tháo chạy. Do vậy, cuộc bao vây cung Kỳ Niên không đánh mà tan. Chỉ trong nháy mắt, trung đại phu Lệnh Tề, một đại thần làm phản bị bắt sống, y khiếp sợ đến mức nhũn như con chi chi, ngã người ngất xỉu.

Lã Bất Vi làm bộ làm tịch, vờ mừng Lệnh Tề để dâng công với Doanh Chính, giả bộ trung thành với nhà vua; bỗng lại có tin cấp báo: Hai mươi vạn quân do Lao Ái, “vệ úy” Kiệt và “tá dặc” Kiệt cầm đầu vừa ra khỏi cửa phía Tây Hàm Dương mười dặm, đã bị mấy chục vạn quân ta phục kích và tiêu diệt. Quân nổi loạn đại bại, những tên đầu sỏ đang tháo chạy, quân ta đang đuổi bắt. Quân ta do tả thừa tướng Xương Bình Quân, hữu thừa tướng Xương Văn Quân, hai người vừa được nhà vua Doanh Chính phong chức; cùng với các đại tướng Vương Tiễn, Trương Đường, Hoàn Kỳ chỉ huy.

Tin trên vừa truyền xong, cung Kỳ Niên bỗng vang dậy tiếng hoan hô, chúc mừng nhà vua đã chiến thắng. Tất cả tung hô “vạn tuế” ba lần. Đặc biệt, Lã Bất Vi đã trở tài nịnh hót, ca ngợi Doanh Chính hết lời. Ông ta nói:

– Bệ hạ thật đại trí đại dũng, kỳ mưu mai phục, một trận toàn thắng, diệt sạch giặc thù. Trong lúc lâm nguy, vẫn rất tự chủ, chỉ trong nháy mắt, biến họa thành phúc. Chư hầu thiên hạ, không ai sánh bằng.

Nhà vua cười và đáp:

– Một bọn côn đồ, lâu la ô hợp, từ trong xó xỉnh chui ra, có đáng gì một trận đòn. Ngay cả những kẻ già đời, lắm mưu nhiều kế, dùng binh tài giỏi, nếu cả gan tính toán phản nghịch, ta cũng nhìn thấu ruột gan, chỉ đánh một trận đòn là diệt sạch. Nhân ngày “gia miện” của Trẫm, Trẫm đã một mình ra tay dẹp loạn, thật là một dấu hiệu tốt lành. – Nói đến đây, nhà vua đưa con mắt sáng quắc nhìn thẳng vào Lã Bất Vi, và hỏi ông ta với ngụ ý sâu xa: – Thừa tướng, người thấy có phải vậy hay không?

Lã Bất Vi vội cúi đầu, cốt tránh con mắt soi mói của nhà vua, vừa sợ hãi vừa nói:

– Bệ hạ nói rất phải. Cầu chúc bệ hạ hồng phúc bao la, giang sơn đại Tần vững chãi

muôn đời.

– Thừa tướng nói rất giỏi. Ha! Ha! Ha! – Tiếng cười lạnh lùng của Tần vương Doanh Chính vang lên trong đêm vắng.

HỘI THỨ MƯỜI HAI

XẾ XÁC LAO ÁI, BÃI CHỨC BẤT VI GIẾT EM GIAM MẸ, CÒN GÌ LÒNG NHÂN

Cuộc bao vây cung Kỳ Niên của bọn nổi loạn bị đánh tan, bọn giặc kẻ bị giết kẻ bị thương, một số đầu hàng. Xem ra vua Tần đã cầm chắc phần thắng trong tay, các đại thần bèn khuyên ngài yên tâm nghỉ ngơi; việc truy bắt bọn tàn quân, sẽ do tả hữu thừa tướng Xương Bình Quân và Xương Văn Quân. cùng các đại tướng Hoàn Kỳ, Vương Tiễn, Trương Đường, Vương Bôn chịu trách nhiệm. Sau một ngày đằng đằng hành lễ gia miện, rồi suốt đêm chỉ huy tướng sĩ tác chiến với quân phản nghịch, Doanh Chính không hề tỏ ra mệt mỏi; hơn nữa, còn rất hăng hái. Bởi vì đây là lần đầu tiên ngài ở kề cận trong tác gang với cuộc đảo chính quân sự. May nhờ sớm có dự kiến, bố trí hợp lý, điều quân kịp thời, lâm trận vững vàng, chỉ huy đúng đắn, tốc quyết tốc chiến, mọi việc thuận chiều, nên đã chiến thắng vẻ vang. Một quân chủ trẻ tuổi mới tròn hai mươi mốt, đã tỏ ra mưu trí và dũng cảm phi thường, đánh địch tan hoang khiến bề tôi run sợ. Những chiến công đó đã tăng thêm lòng tin và ý chí của Tần Doanh Chính trong việc cai trị nước Tần và cả trong việc san bằng sáu nước, thống nhất thiên hạ. Trong lúc chiến công vừa mới giành được bằng chính bàn tay của mình đang phát huy tiếng tăm của nó, thì làm sao mà Doanh Chính có thể nghỉ ngơi được. Nghĩ vậy ngài bèn khoát tay rất mạnh để gạt bỏ đề nghị của mọi người, ngài nói kiên quyết:

– Bọn Lao Ái đột nhiên gây biến, may mà ta sớm có chuẩn bị, đông đảo tướng sĩ liệu mình bảo vệ vương triều, nên đánh một trận là diệt sạch bọn chúng. làm sao Trẫm có thể ngồi xả hơi để chờ đợi tin mừng? Nay là lúc phải dùng cảm hăng hái hơn nữa, đuổi diệt tàn quân, loại trừ ô uế, khôi phục hào quang cho vương triều đại Tần.

Mọi người đều nhất trí ủng hộ quyết sách của nhà vua, ai cũng xung phong đi đầu tiêu diệt lũ giặc. Doanh Chính bèn ra lệnh:

– Tất cả gia quyến, cung phi, quan hoạn, các thành viên hoàng gia già yếu và các quan văn đều ở lại, không để họ ra trận tác chiến vì như vậy sẽ gây trở ngại cho quân chủ lực. Số còn lại, gồm các tướng lĩnh, các đội cận vệ, đội kiêu binh, đội binh nhạc, đều phải biên chế vào quân đội, đi theo Trẫm hành quân cấp tốc về Hàm Dương.

Doanh Chính không ngồi xe rồng, ngài ngồi con ngựa Tiêm Ly đen bóng; tay cầm đốc kiếm, đi giữa hàng quân, luôn miệng đôn đốc, tăng tốc hành quân. Dọc đường, dân chúng đứng chật hai bên chào mừng hoan hô. Thấy vậy, nhà vua càng thêm hăng hái, lại giục tăng tốc, chỉ hơn nửa ngày mà chạy được hai trăm dặm (một dặm lúc ấy bằng 1/4 kilômét hiện nay), nhanh như thác cuốn gió bay, nhoáng một cái đã đặt chân đến quảng trường trước cung Hàm Dương. Các tướng vội đến trước mặt nhà vua để trình báo chiến quả: bọn nổi loạn trong nội thành đã bị quân ta dẹp xong, đang chia nhau truy diệt bọn tàn quân. Ngoài trung đại phu Lệnh Tề đã bị bắt ở Ung Thành, nay đã bắt sống thêm được ba tên đầu xỏ khác là “vệ úy” Kiệt, “tá đặc” Kiệt và “nội lại” Tú. Ngoài ra còn có hơn hai mươi tên bề cánh khác của Lao Ái, cũng cúi đầu để quân ta bắt giữ.

Nhà vua gạt đầu khen:

– Thật là cầm quân phải biết thân tốc, mới lập được kỳ công. – Tiếp đó, ngài hỏi – Lao Ái hiện đang ở đâu?

Không có tiếng trả lời. Ngài lại hỏi nữa, giọng rất gay gắt:

– Có bắt được tên Lao Ái cầm đầu phản nghịch hay không?

Ở dưới có tiếng trả lời rất run sợ:

– Chỉ vì hăn rất gan dạ, lại có rất đông người hộ vệ, nên đã phá vòng vây chạy thoát rồi ạ!

– Đánh giặc không bắt tên cầm đầu, khác nào thả hổ về rừng; hậu họa vô cùng. Các người mau cùng ta đuổi bắt Lao Ái. Khi nào bắt được tên này thì hành hình cả bọn một thể. – Để động viên sĩ khí, ngài lập tức nói rất to. – Ai bắt được Lao Ái, phong tước ba cấp,

thưởng tiền một tri,ệu. Ai nộp thủ cấp của nó, thưởng năm mươi vạn. Những người đã bắt được “vệ úy” Kiệt, “nội lại” Tú, “tá đặc” Kiệt, trung đại phu Lệnh Tề, được ban tước hai cấp, thưởng tiền năm mươi vạn. Ngoài bốn tên chủ phạm ấy, ai giết được những tên khác, thưởng mười vạn. Trong trận này, ai lấy được một trăm đầu giặc, ban tước một cấp, thưởng tiền mười vạn.

Quả đúng là “nếu có trọng thưởng ắt có dũng sĩ”. Nhiều người đã lập công, đã được ban thưởng theo đúng lệnh vua ban. Số tướng sĩ còn lại lại xuất phát tìm diệt tàn địch, mở rộng chiến quả. Quân của nhà vua ngày đêm truy kích đã giết, bắt hoặc bắt hàng ba vạn tên, gồm dư đảng của Lao Ái và của tên Địch Quân Công, thủ lĩnh rợ Khuyển Nhung, kẻ chạy theo Lao Ái làm phản. Lao Ái nhờ có bọn thân cận của hắn bảo vệ, hóa trang thành dân thường, ngày trốn đêm đi, vừa đói vừa rét, cuối cùng bị tướng Hoàn Kỳ đuổi kịp bắt sống.

Đến đây, cuộc dẹp loạn toàn thắng. Hoàn Kỳ đưa tên tù binh Lao Ái và đồng bọn trở về, hàng vạn dân đô thành đổ ra đường để chứng kiến cái kết cục nhục nhã của tên phản tặc. Người thì ném đá, kẻ vút rác rưởi hoặc chỉ tay chửi mắng. Có người nói rằng, hắn đã bị Lã Bất Vi làm hại, bởi vì nếu như hắn không vào cung, làm gì có chuyện thất bại như hôm nay. Nhưng phần lớn mọi người đều nói rằng, xét cho cùng thì vẫn là do Lao Ái quá ư xấu xa. Nếu hắn cứ yên phận ở trong cái nhà của mình thì tốt biết bao, nhưng lại háo sắc dâm loạn. Như vậy thì dù cho không vào cung, cũng làm cho đời phong bại tục trong dân gian, cũng không tránh khỏi cục hình xử tử.. Xem ra số trời đã quyết, hắn phải chết.

Đúng là cái kết cục bi kịch của Lao Ái là chưa từng có. Số người đến xem đông vô kể, không khí vô cùng náo động. Thật ra, trước khi Lao Ái bị bắt, nhà vua đã ra lệnh cho “khách khanh” Lý Tư, Diêu Giá và Đôn Nhược phải tra tấn khốc hình đối với “nội lại” Tú, “tá đặc” Kiệt và “vệ úy” Kiệt, để lấy cung thật đầy đủ, chi tiết về cuộc nổi loạn này. Nay thẩm vấn Lao Ái, đã có đầy đủ nhân chứng vật chứng, hơn nữa, bản thân Lao Ái đã bị thương, lại bị bệnh do đói rét mấy ngày qua, cho nên chẳng phải tra khảo đao to búa lớn gì nữa. Nhưng nhà vua cứ muốn tận mắt mình xem và tự tai mình nghe những lời cung khai và quá trình nhận tội của tên phản nghịch này, để cho hả cơn giận. Nhưng lại rất ngại, vì đây là việc xấu xa của mẹ đẻ, nên không tiện ra ngồi thẩm vấn, mà giao cho Lý Tư chủ trì; còn bản thân phải ngồi bên trong tấm màn để quan sát và nghe qua bình phong.

Lúc này, Lao Ái đã biết “vệ úy” Kiệt và mấy người kia đã cung khai hết mọi chuyện về nguồn gốc và quá trình lôi kéo bè đảng và tiến hành đảo chính quân sự của chúng, nên Lao Ái cũng không dám quanh co giấu giếm, mà cứ cung khai thẳng tuột, đúng như sự thật. Nhưng về động cơ tại sao nổi loạn làm phản, thì hắn áp a áp úng, há miệng mắc quai. Lúc này nhà vua bèn gợi ý cho Lý Tư truy hỏi Lao Ái:

– Nhà ngươi mắc tội dâm cuồng, đã bị hoạn rồi mới cho vào cung, làm nội thị cho thái hậu; đã nhiều lần được phong chức và ban thưởng, làm đến chức Trường tín hầu, phú quý hết mức, hà cớ gì lại lấy oán báo ân, phản nghịch phạm thượng, giết vua đoạt quyền, phạm tội tày trời?

– Đó là do lòng tham vô đáy, u mê ngu muội. – Lao Ái trả lời chung chung.

Lý Tư đập mạnh đùi gỗ vào bàn. Tiếp ngay đó là hai chiếc gậy cứ nện rất mạnh vào Lao Ái, da thịt của hắn nát ra, nhưng hắn vẫn can rằng chịu đựng, không khai một lời. Nhà vua ngồi phía sau nhìn thấy tất cả, ngài nghiêng răng nói với Lý Tư:

– Tra tấn mạnh tay hơn nữa, lúc nào khai ra mới thôi.

Lý Tư bèn liên tiếp tăng thêm nhục hình, kẹp đầu ngón tay, chọc kim vào móng tay, kéo hai chân theo kiểu “hố ngồi”, rồi lấy sắt nung đỏ đặt vào ngực cháy xèo xèo. Lúc này Lao Ái không chịu được nữa, mới nói hỗn hển:

– Đó là bởi vì Lã thừa tướng hỏi cung chung thẩm, biết ta là người có dương vật to; nên giả làm quan hoạn, đưa vào cung hiến cho thái hậu, rất được sủng ái, nên có hai con. Vì muốn ân ái lâu dài, nên làm phản nghịch hòng đoạt ngôi vua, cướp cả triều đình. Nay đã bại lộ, tội này đáng chết, cầu xin thánh thượng, tha người vô tội là thái hậu và hai con được toàn tính mạng. Được vậy thì dù ta phải xé xác phanh thây, cũng xin cam chịu, xuống nơi cứu tuyền, ngậm ơn đại vương. – Nói xong, Lao Ái bèn khẩu đầu liên tục, khóc

sụt sùi.

Nhà vua nghe đến đây, không kìm nổi tức giận, ngài bèn bật dậy, đập tung màn che, nhẩy ra bên ngoài, bắt chấp việc nhà, chỉ vào mặt Lao Ai mà mắng lớn:

– Giả hoạn để vào tư thông với thái hậu, đã đáng tội chết. Lại còn cả gan mưu đoạt ngôi vua, lật đổ triều đình, tội này phải trời chu đất diệt. Mẹ đã thất tiết, con là nghiệt chủng [108], sao có thể tha được? – Tiếp đó, ngài vội ra lệnh cho Lý Tư – Tội đã cung khai, án có thể quyết, mau mau hành hình, giết ngay gian tặc! – Nói xong liền quay về cung Hàm Dương.

Theo quan niệm thời cổ đại đối với bốn mùa và quan niệm “ngũ hành” thì mùa thu, cây cỏ đã khô héo trơ trụi, không khí điều hòa tàn chết chóc; đó là mùa âm mạnh dương suy. Nói về phương hướng, thì phương Tây là “kim” (kim loại) trong ngũ hành; dụng cụ hành hình bằng kim loại; gió tây lạnh nên thổi lá cây rụng xuống, cũng có nghĩa là “sát khí” (không khí giết chóc). Vì vậy, người làm công việc hành hình gọi là “thu quan” (quan mùa thu), hành quyết tử hình cũng vào mùa thu. Việc hành hình Lao Ai được tiến hành vào ngày giờ X tháng Chín năm thứ chín niên hiệu Tần Vương Chính. Địa điểm hành hình đặt tại trung tâm quảng trường bên trong cung Hàm Dương. Để nêu cao thanh thế, tăng cường uy nghiêm, nhà vua còn cho đặt thêm một bục rất cao, ngài ngồi trên đó, hai bên ngài là tả thừa tướng Xương Bình Quân và hữu thừa tướng Xương Văn Quân. Còn các văn võ bá quan thì đứng ở dưới đất, ở hai bên, theo trật tự võ tướng đứng trước, văn quan đứng sau, tất cả hơn ba trăm triều thần, gồm ngự sử đại phu, tướng quân, phụng thường, lang trung lệnh, đình úy, bác sĩ, bốc xạ, trung lang tướng... Ngoài ra còn có hơn năm trăm người khác, gồm các thành viên hoàng gia, nội thị cung đình, và các quan chức nữ giới. Các đội kiêu binh, đội kèn, đội cận vệ, đứng ở bốn phía quảng trường. Tổng cộng có hơn sáu nghìn người tham dự buổi hành hình Lao Ai, khung cảnh hết sức hùng vĩ, hoành tráng, nhưng rất nghiêm trang, mọi người đều đứng thẳng, rất nghiêm, không ai cười nói ồn ào. Chỉ thấy hoạn quan tổng quản “đại hoàn môn” Triệu Cao phát cờ hiệu, lập tức trống nổi thùng thùng, vang trời dậy đất, tiếng kèn đưa ma kêu to te theo nhịp. Một toán đưa năm cỗ xe ngựa chạy vào chính giữa quảng trường, gồm ngựa hồng, vàng, trắng, đen và loang lỗ trắng đen, tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Năm con ngựa kéo theo năm cỗ xe, đứng quay đầu theo hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, và trung. Triệu Cao lại phát cờ, bỗng có bốn người lính mặc quần áo màu đỏ, cầm đại đao giơ cao, áp tải tử tù Lao Ai đi ra đứng chính giữa năm con ngựa, trên cổ Lao Ai có mang gông, ghi rõ tội tử hình. Bốn người này lấy dây thùng cột đầu và bốn chân tay Lao Ai vào phía sau xe ngựa. Họ làm công việc này rất thành thạo, chóng vánh. Lao Ai bị cột nằm ngửa, lơ lửng là là mặt đất; nhưng hắn đã bạt vía kinh hồn, bất tỉnh nhân sự. Khi mọi việc đã xong đầu vào đây, Triệu Cao lại xem bóng mặt trời chiếu trong “đồng hồ” [109], lúc ấy vừa đúng giờ Ngọ (chính trưa) ba khắc (một khắc = 15 phút); ông ta lại phát cờ, trống kèn lại nổi lên, năm binh sĩ lập tức quất mạnh roi vào mông ngựa, ngựa đau quá chồm lên chạy nhanh. Trong nháy mắt, xác Lao Ai bị xé làm năm mảnh, máu chảy lênh láng, vẽ thành năm vết dài trên sân, ghé rợn kinh hồn.

Trước cảnh thảm khốc đó, không ai tỏ ra thương xót cho tên phản tặc, mà còn vui mừng sung sướng. Hàng nghìn người đồng thanh hô lớn:

– Kính chúc Đại vương vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!

Các quan triều thần đều quỳ xuống, khấu đầu bái lạy nhà vua.

Tần Vương đứng trên bậc cao, đón nhận lời chúc phúc và chào mừng của mọi người. Ngài vẫy tay chào lại. Khi tiếng hô vạn tuế vừa dứt, ngài nói rất lớn:

– Xương Bình Quân, Xương Văn Quân, mỗi người được thưởng một vạn nén vàng, tăng thêm hai nghìn “thạch” bổng lộc. Thăng cấp Lý Tư lên làm “đình úy”. Thăng cấp Mông Vũ lên đại tướng quân. Mông Quát, Mông Nghị đều thăng cấp tướng quân. Triệu Cao giữ chức tổng quản Đại hoàng môn. Tất cả những người có công khác, đều được phong chức và ban thưởng.

Đến ngày “đông chí” tháng Mười, cũng tại quảng trường nói trên, lại diễn ra một cuộc hành hình cực kỳ bi thảm khác. Hai mươi tên tử tù, gồm “vệ úy” Kiệt, “tá đặc” Kiệt, trung

đại phu Lệnh Tê, “nội lại” Tứ... bị ngựa phanh thây (giống như hành hình Lao Ái).

Ngoài ra có hơn bảy trăm tên bị giết, gồm gia quyến của Lao Ái, cùng với môn khách, sá nhân [110ả] và bà con thân thích của Lao Ái. Số người phục dịch tại Sơn Dương, đất phong của Lao Ái, bị giết hơn một nghìn. Hơn ba mươi quan lại câu kết với Lao Ái, bị chu di tam tộc, bị giết hoặc bị chôn sống, tất cả trên sáu nghìn người. Lại còn có hơn bốn nghìn hộ có liên quan với vụ Lao Ái bị di chuyển toàn bộ đến huyện Phòng Lăng ở Nán Trung. Họ bị đưa đến đây với danh nghĩa là “tự canh” (tự cày cấy) nhưng thực ra họ bị quân lính canh quản nghiêm ngặt, phải lao động như nô lệ, toàn bộ thu hoạch phải nộp cho quan phủ, bản thân không được giữ lại bất cứ sản phẩm gì, hoàn toàn không có tự do.

Sau khi xét xử và thi hành hình phạt nghiêm khắc đối với Lao Ái và đồng bọn, nhà vua vẫn chưa hề yên tâm và thanh thản. Bởi vì ngài cảm thấy trong vụ này, số người phản lại mình sao mà nhiều đến thế, dã tâm và thực lực của chúng sao mà lớn đến vậy. Nếu ngài không phát hiện và kịp thời quyết đoán hành động, có lẽ đã chết toi mạng rồi; cung điện vàng son của đại Tần vừa mới chính thức lên ngôi đã thay ngôi đổi chủ mất rồi. Quốc hiệu đã đổi thành “Lao” hoặc “Lã” rồi. Cho nên bản thân ngài không thể kê cao gối mà ngủ được, mà phải thừa thắng truy kích, nhổ tận gốc, đóc tận rễ những mầm họa còn ẩn náu.

Qua lời khai của bọn bè đảng của Lao Ái, cũng như các nhân chứng, vật chứng đã thu được, cho thấy Lao Ái chỉ là một tên tiểu thị dân; lại là một tên tử tù vì tội cuồng dâm, chỉ còn chờ chém; vậy mà nghiêm nhiên được “cải tử hoàn sinh” để được hoạn giả, rồi vào cung chung sống bữa bãi với thái hậu, bí mật đẻ con, rồi quay về Hàm Dương gây sự, định lật đổ triều đình. Đó là do thừa tướng Lã Bất Vi thay hình đổi dạng cho hắn, làm cho hắn có một bộ mặt hoàn toàn khác và tiền cứu cho thái hậu. Như vậy, trong tâm linh nhà vua lại hiện lên câu chuyện mà bài hịch của Phàn Vu Kỳ năm nào nói rằng Lã Bất Vi và Triệu Cơ đã lấy nhau trước, đã mang thai rồi mới tái giá; đứa con tên là Chính, họ thật là Lã, còn Doanh là họ giả. Nhớ lại chuyện này, ngài rất đau lòng. Vì vậy, ngài nghĩ rằng dù là việc nước hay là chuyện cá nhân gia đình, Lã Bất Vi đều là kẻ thù không đội trời chung với ngài, cần lập tức loại trừ. Ngài cho gọi các đại thần văn võ tới, ra chỉ dụ:

– Lao Ái làm ô uế cung đình, còn đưa quân định cướp ngôi, tội của hắn đáng chết vạn lần. Nhưng nguyên nhân là do họ Lã, cần theo luật để giữ nghiêm phép nước, đặng ổn định xã tắc và lấy lại lòng dân. Khanh nào có thể đưa quân đi bắt Lã Bất Vi?

Xương Bình Quân vội khuyên can:

– Đại vương nói rất phải. Nhưng loạn Lao Ái vừa dẹp xong, dân tình rất cần được vỗ về. Nay nếu lại trừng phạt họ Lã, số người liên quan rất lớn, sợ rất khó ổn định tình hình. Xin đại vương xét lại cho kỹ.

– Trẫm thấy ông ta có địa vị cao, quyền lực lớn, thế lực khuynh đảo triều đình, đã từng giúp trẫm rất đắc lực, mọi việc trôi chảy thuận chiều. Nhưng nếu quay lại phản nghịch, cũng như chặt trúc chẻ tre, nguy hại cực lớn. Trẫm mới lên ngôi kế thừa cơ nghiệp, làm sao có thể chống trả nổi quả đấm trời giáng của ông ta? – Nỗi lo của Tần Vương Chính cũng có cái lý của nó.

– Đại vương tuy mới lên ngôi chưa lâu, nhưng cơ nghiệp đại Tần ta đã có mấy trăm năm, vững vàng như bàn thạch, thánh thượng không nên quá lo nghĩ.

Điều Giá bày tỏ lòng trung thành với triều đình bằng lời nói rất kiên định:

– Cái gan lỳ lợm của Lao Ái không địch nổi vài ba keo của mặt tướng. Còn việc bắt sống họ Lã thì dễ hơn là thổi bay một lớp tro mỏng. Nhưng đụng đến người này thì giống như rút dây động rừng. Việc bắt bớ lục soát có thể làm cho cả đô thành Hàm Dương này không ngày nào yên. Cho nên xin tạm hoãn việc trừng phạt họ Lã. Việc cấp bách trước mắt là phục hồi sản xuất và đời sống, để dân được an cư lạc nghiệp. Đó là điều chủ yếu.

Đại tướng Hoàn Kỳ cũng ra sức can gián Tần Vương chớ vội vàng trong việc này:

– Trước đây, họ Lã dám khinh thường quân chủ và lạm quyền, tạo cơ hội cho Lao Ái làm loạn; đó là nhờ được tôn xưng “trọng phụ”, nhờ tranh được địa vị thừa tướng, lừa bịp thiên hạ để có được danh tiếng, đặng đạt được mưu gian của mình. Từ khi bệ hạ đích thân dẹp loạn ở cung Kỳ Niên, đã sai Xương Bình Quân thay thế công việc của họ Lã. Nay giặc

Lao đã tiêu diệt hết, hành vi xấu xa của họ Lã nổi rõ lên, muôn dân phỉ nhổ. Nếu họ Lã cứ gian xảo cũng không dám phạm tội tày trời để dân chúng phẫn nộ và như vậy tự chuốc lấy diệt vong. Cho nên việc diệt trừ họ Lã không nên vội, hãy tạm gác lại đó đã; và còn xem động tĩnh, xét hiệu quả sau này của nó ra sao, khi đó sẽ định đoạt cũng không muộn.

Xương Văn Quân tiếp tục chứng minh Lã Bất Vi đã ở vào thế yếu không thể tạo nên mối đe dọa lớn đối với nhà vua, cho nên tạm để đó đã, để xem tình hình sau này hãy quyết định.

Tần Vương thấy các đại thần đều không muốn lập tức ra tay, nên cũng không cố chấp. Nhưng ngài vẫn muốn cảnh báo cho Lã Bất Vi, cho ông ta biết rằng ông ta chưa phải được miễn xét xử theo luật định đâu, chớ có cho rằng mình đã bình an vô sự, để rồi ngựa theo đường cũ, lại ngóc đầu dậy, hành động ngu xuẩn.

Chủ trương của nhà vua tuy được mọi người ủng hộ, nhưng lúc ấy chưa thể nghĩ ra cách gì thật hay, vừa khôn khéo vừa linh hoạt, lại vừa có hiệu nghiệm nhanh chóng, để đánh vào điểm lợi hại nhất của Lã Bất Vi. Ngài đang phân vân thì Triệu Cao, hoạn quan tổng quản Đại hoàng môn quý xuống tâu rằng:

– Vi thần có diệu kế, có thể hàng phục Lã Bất Vi, để ông ta không dám hành động nữa.

Mọi người vội hỏi:

– Tổng quản có diệu kế gì, nói mau!

Triệu Cao nói hơi lúng túng:

– Mưu kế của hạ thần quá tục tĩu, không tiện nói ở nơi uy nghiêm.

– Đã là diệu kế, thì không cần phân biệt tục hay không tục, cứ nói thẳng ra, để chúng tôi góp thêm vài lời.

Ý kiến của Xương Bình quân được mọi người tán đồng. Ai cũng bảo Triệu Cao cứ “hiển kế”.

– Đã vậy thì xin đại vương cho thánh chỉ, có được phép nói hay không. – Triệu Cao nói xong, quay nhìn về phía nhà vua để cầu xin.

– Được. Để trẫm nghe qua nhà ngươi nói cái diệu kế ấy là thế nào đã.

Nhà vua vẫy Triệu Cao lại. Triệu Cao đến gần nhà vua, nói nhỏ mấy câu bên tai ngài, thái độ có vẻ khoái chí. Nói xong vội cúi đầu, bây giờ lại có vẻ sợ hãi.

– Tuyệt! Tuyệt! Mưu kế này vừa khôn khéo vừa thẳng tay. Không có nhà ngươi thì không có diệu kế này. – Nhà vua cười lớn, nổi cả gân cổ lên; và đưa ngón tay cái ra chỉ vào Triệu Cao để khen.

Các đại thần thấy nhà vua vui mừng như thế, cũng đều cảm thấy nhẹ cả người. Xương Văn Quân nói:

– Chẳng mấy khi bệ hạ ban khen như thế, chúng tôi thật không thể sánh được với trí tuệ của tổng quản.

Tiếp đó, các đại thần văn võ liền vây quanh Triệu Cao, đòi ông này nói rõ ra để “tăng thêm trí tuệ, mở mang bụng dạ tối tăm của mình”.

Mọi người nói vậy làm cho Triệu Cao rất luống cuống đến nỗi đỏ mặt tía tai, bèn vội cầu xin nhà vua:

– Hạ thần đã nói rồi, kế này chỉ bẩm với đại vương là đủ rồi. Còn nói cho mọi người nghe thì ngượng quá!

Ai ngờ nhà vua vốn rất nghiêm nghị, thậm chí không bao giờ cười, vậy mà bây giờ rất cởi mở, hòa mình với mọi người. Ngài cười mỉm và nói:

– Trẫm là thiên tử còn nghe được, tại sao họ lại không nghe được. Cứ mạnh dạn nói đi.

– Vâng ạ. Đại vương đã cho phép rồi. Ngài còn ngần ngại gì nữa? – Mọi người lại giục.

– Bệ hạ đã rộng lượng cho phép, xin lượng thứ cho sự bạo gan của hạ thần. Dù cho

mưu kế này có thi hành được hay không, các vị cứ tha hồ mà bình luận, nhưng nhất thiết không được chê cười. – Sau khi nêu các điều kiện nói trên, Triệu Cao bèn nói cái diệu kế của mình. Ông ta vừa nói vừa minh họa, rất sinh động cụ thể.

– Ha! Ha! Ha! Thật là kiệt tác! Tuyệt nhất trần đời!

– Ha! Ha! Ha! Lão thánh Quỷ Cốc Tử và Tôn Tẫn cũng không thể có mưu kế như vậy!

– Chà! Chà! Chà! Nếu không có cái đầu hồi nào thì không có cái khoái hôm nay!

Tiếng hoan hô tán thưởng của mọi người khiến Triệu Cao đỡ khóc đỡ cười. Ông ta nói có vẻ rất xấu hổ:

– Nếu bản thân không trải nghiệm qua chuyện ấy, làm sao mà nghĩ ra được cái mẹo ấy cơ chứ!

Nhà vua và các đại thần đều cho rằng cách ấy rất hay; và quyết định giao cho Triệu Cao thực hiện.

Triệu Cao chấp tay đáp lễ và nói:

– Hạ thần tuân chỉ. Xin đại vương ra chiếu chỉ, để tiện việc hành sự.

Nhà vua nói đùa:

– Việc này không cần văn vẻ dài dòng, chỉ cần viết mấy chữ “Kiến vật tư qua” [111] là đủ.

Các đại thần đều khen đi vương “lời gọn ý đủ”, chỉ một lời mà trúng đích.

Sau buổi thiết triều, mọi người ra về trong không khí vui vẻ nhẹ nhàng.

Qua sự kiện cung Kỳ Niên ở Ung Thành, Lã Bất Vi đau đớn cảm nhận rằng mình đã suy yếu rồi. Bởi vì, khi ông ta giả vờ bày tỏ lòng trung thành với Doanh Chính, thì bị ngài tỏ thái độ lạnh nhạt, và còn nói kháy ông nữa; nhất là Xương Bình Quân và Xương Văn Quân đã thay thế chức vụ thừa tướng của ông ta. Khi trở về Hàm Dương, ông ta không dám gặp ai, nhất là không dám gặp Doanh Chính và các đại thần, chỉ đóng cửa ngôi trong nhà không tiếp khách. Ông ta rất sợ người ta hỏi về quan hệ giữa ông ta và Lao Ai, khi đó, thì chỉ bị đánh một đòn cũng đủ chết rồi, và tự chui vào lưới pháp luật. Nhưng ông ta không bao giờ chịu bó tay để cho người ta đến bắt, ngồi chờ bị giết. Vì vậy ông ta bí mật sai môn khách và gia nô đi chấp nối liên lạc với những nhân vật chính trị và thương mại có quan hệ chặt chẽ với ông ta; cũng như người thân cận tại các châu quận thuộc quyền cai quản của ông ta, yêu cầu những người này giúp đỡ một tay. Do vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, một loạt bản tấu và thư, tới tấp gửi về triều đình xin miễn xá và nói hộ cho Lã Bất Vi, nhiều đến nỗi đọc không xuể. Ngoài những người trong triều và ngoài xã hội ở nước Tần, còn có vua quan các nước chư hầu; sứ thần các nước; quan chức, học giả, thương nhân các nước chư hầu, đều cho rằng Lã Bất Vi công lớn tội nhỏ, xin được giảm miễn. Lúc đầu Tần Vương có ác cảm đối với những phản ứng đó. Nhưng về sau, xem những sự việc và lý do biện bạch được nêu trong các bản tấu, thấy đó đều là những thực tế cụ thể. Chẳng hạn như nói, nếu không có sự giúp đỡ của họ Lã, thì Tử Sở không thể còn sống để quay về nước Tần. Nếu Lã Bất Vi không gả Triệu Cơ cho Doanh Dị Nhân thì ngay bản thân Doanh Chính cũng không có mặt trên đời, càng không nói đến chuyện lên ngôi vua. Lại còn chuyện đánh diệt Tây Chu; cứu tế thiên tai, bình dẹp Thành Kiều nổi loạn, tiến cử Cam La dùng mưu lấy được mười sáu thành của nước Triệu... Đó thật sự là những công lao xuất sắc. Còn việc có liên quan với việc nổi loạn của Lao Ai, ông ta cũng không phải là chủ mưu, dù có tội cũng không lớn. Vì vậy, xin miễn tội chết cho ông ta. Thêm vào đó là các trọng thần Xương Bình Quân, Hoàn Kỳ đều ra sức can gián, nói rõ lợi hại. Cho nên, nhà vua mới thôi chủ trương xét xử Lã Bất Vi như suy nghĩ mấy lâu nay, chuyển sang sử dụng hình thức khác, giao cho Triệu Cao truyền đạt thánh chỉ để cảnh báo ông ta.

Qua hồi âm của các môn khách và gia nô, Lã Bất Vi biết được rằng nhà vua tạm chưa có ý định giết ông ta, nên cũng hơi yên tâm. Nhưng rốt cuộc là như thế nào, vẫn là một dấu hỏi lớn.

Hôm nay, Lã Bất Vi đang đi đi lại lại trong phòng, vẻ mặt lơ lửng không yên, bỗng nghe tiếng hô “thánh chỉ tới”, ông vội bước nhanh tới phòng lớn, phủ phục xuống đất tiếp

chỉ. Ông ta liếc mắt nhìn, chỉ thấy Đại hoàng môn Triệu Cao mang thánh chỉ, đứng ở phía trên gian phòng chính, nghiêm chỉnh nói:

– Thánh chỉ tới. Lã Bất Vi tiếp chỉ.

Lã Bất Vi vội nói :

– Có thân!

Ông ta nằm phủ phục xuống đất, lắng nghe thánh chỉ. Nhưng tiếp đó chẳng nghe gì nữa, thành ra không biết đây là lành hay dữ, rất sốt ruột. Dù sao thì Triệu Cao cũng phải cho biết một vài câu chú. Ông ta đổ mồ hôi trán, chịu không nổi nữa, bèn ngẩng đầu lên; vừa lúc ấy thấy Triệu Cao lấy một vật gì đó từ cái khay do viên tiểu thái giám cầm, rồi ném vụt một cái về phía ông ta, và rơi xuống trước mặt. Lã Bất Vi vội mở to mắt nhìn kỹ, té ra là một vật dài được bọc bằng vải đỏ, ông ta bỗng giật mình, nước mắt như mưa, nghĩ rằng, đây là ban chết. Nhưng tại sao lại không nói rõ tội trạng? Ông ta sợ hãi ngược mắt hỏi:

– Tạ ơn ân điển của thánh thượng. Dám hỏi có tội trạng gì?

Triệu Cao chỉ tay xuống đất và nói.

– Ý của thánh chỉ ở trong cái bọc đó, nhà người tự xem lấy! – Nói xong đi ra và lên xe về.

Chờ cho đến khi Triệu Cao đi khỏi, Lã Bất Vi mới lại quỳ đến gần cái bọc, vẻ mặt rất thương tâm. Ông ta xem kỹ, nhìn bề ngoài thì vật này không giống cái kiếm, trong lòng vẫn rất đau buồn. Bởi vì, theo tiền lệ, nếu nhà vua “ban chết”, thì cái bọc kia phải là thanh kiếm, mà kiếm thì phải dài trên ba thước (mỗi thước Trung Quốc bằng 1/3 mét), hoặc là một dải lụa dài bảy thước. Còn cái vật này không dài, chắc là cái dao găm hay đoản kiếm. Như vậy, Doanh Chính nghĩ rằng đối với Lã Bất Vi, cắt cổ là quá dễ, tiện quá; mà phải bắt mình dùng dao găm để tự đâm chết. Vậy thì quá đau đớn, vì từ khi đâm dao cho đến khi tắt thở, phải giã giụa lâu hơn rất nhiều so với cắt cổ bằng kiếm. Chẳng lẽ Lã Bất Vi này phải tự mình tra tấn mình cho đến chết như vậy ư? Càng nghĩ càng đau khổ, nhưng “vua bảo bệ tôi chết, bệ tôi không thể không chết”. Lã Bất Vi đành phải nhặt cái vật ấy lên vừa run rẩy vừa mở vải bọc ra, để xem là cái gì. Bỗng rất kinh ngạc, bởi vì căn bản không phải là một cái dao găm, mà là một cái dương vật, nó to và dài quá cỡ. Lã Bất Vi lập tức nghĩ rằng, đây chẳng lẽ là “cái ấy” của Lao Ái bị cắt trước khi bị xé xác? Nhưng xem kỹ thì “cái ấy” không phải là mới cắt, mà đã cũ lắm rồi. Lúc này, Lã Bất Vi càng thắc mắc khó hiểu. Không biết là của ai đây? Bỗng ông ta nhớ lại rằng Triệu Cao có nói thánh thượng có ban cho ông ta một câu, bèn xem kỹ mảnh lụa đỏ, thấy có một mảnh vải nhỏ hơn, ghi bốn chữ “kiến vật tư quá” (thấy vật nhớ sai). Đến đây, mới tỉnh người ra, đây là cái dương vật của con lừa mà năm xưa ông ta đã đánh tráo vào, để mọi người tưởng là dương vật quá cỡ của Lao Ái. Bởi vì, lúc bấy giờ, theo luân lý truyền thống và quan điểm sinh lý hồi ấy, thì “tóc da của mình là do cha mẹ để lại không được gây thương tổn”. Vì vậy, cho dù là bị tội hoạn và bị cắt dương vật, cũng coi đó là một phần “gốc rễ của con cháu”, là tuyệt đối không thể vứt bỏ. Những di vật ấy, được tẩm thuốc, sấy khô, lại tẩm thuốc để trở lại nguyên dạng như cũ, sau đó được bảo quản lưu giữ. Cái dương vật giả mạo này cũng được kiểm nghiệm và xử lý y như thường lệ; sau đó, đặt lên bàn thờ tổ tiên của Lao Ái; và gọi đó là “bảo bối”. Chế độ này lưu hành đến thời nhà Thanh, thật là “nguồn gốc sâu xa lưu truyền lâu dài”.

Xem ra, diêu kế này sở dĩ do Triệu Cao nghĩ ra là vì ông ta là hoạn quan tổng quản, bản thân ông ta đã trải nghiệm thực tế đó, chẳng trách mà nhà vua và các đại thần cứ bật cười mãi. Khi Lã Bất Vi nhận ra cái “của quý” ấy, xem lại lời chỉ dụ của nhà vua “thấy vật nhớ sai”, ông ta mới hiểu ý nghĩa của sự việc trên cũng như dụng ý của nó. Đó là: Nay, Lã Bất Vi, ông là kẻ bày ra chuyện giả hoạn quan Lao Ái và đưa hản vào cung, gây ra cuộc đảo chính quân sự để hồng cướp đoạt chính quyền, nay Lao Ái đã bị giết nhưng ông là nguồn gốc của tội ác này, không thoát khỏi bị xét xử đâu. Cái dương vật con lừa này là “vật chứng”; cho nên ông phải “thấy vật nhớ sai”. Nếu không tỉnh ngộ sửa sai, thì hậu quả chưa biết đến đâu mà lường!

Đối với cái diêu kế này của Triệu Cao, Lã Bất Vi vừa cảm thấy xấu hổ, vừa hết sức tức giận. Nhưng ông cũng phải tự răn mình, vì đây là do nhà vua ban cho ông bằng chỉ dụ hản hối; chẳng những không thể vứt đi, cũng không thể hủy hoại, mà (theo tục lệ) phải kính cẩn đặt lên “bàn thờ tổ tiên cha mẹ” nhiều đời của họ Lã, đó là một điều sỉ nhục vô cùng

đau đớn, không tiền khoáng hậu [112]. Nhưng Lã Bất Vi đành phải chịu đựng, nhưng vẫn tức anh ách, hiềm một nỗi là không thể chui xuống đất để mãi mãi không ngoi lên nữa để nhà vua và bọn họ dần dần quên ông ta đi, như thế mới bảo toàn được tính mạng.

Nhưng Tần Vương làm sao có thể quên Lã Bất Vi được. Những người dân thường bị chiến tranh do bọn nổi loạn gây ra lâm cho tan cửa nát nhà, máu chảy đầu rơi, càng không bao giờ quên Lã Bất Vi, một gian tặc đầy dã tâm độc ác, mưu cướp triều đình để chiếm đoạt Tần quốc. Vì vậy, trong dân gian có những bài ca dao nguyên rủa Lã Bất Vi. Sau đây là một bài như thế (dịch ý):

Chỉ một con người, mà những hai mồm [113]

Có da có thịt, nhưng lòng ma quỷ.

Vờ bàn quốc sự, đến Cung Cam Tuyền

Gặp người vợ cũ, thái hậu Tần ta.

Như cá gặp nước, phê phỡn đêm ngày

Chấn loạn gối phượng, bốn chân hai đầu.

*

* *

Chỉ một con người, mà hai chữ khẩu

Khuôn mặt trang nhã, bụng dạ xấu xa

Ăn cháo đãi bát, no rồi bỏ ra

Lại còn giở trò, hiến dâng Lao Ái

Làm đến thừa tướng, vẫn thấy chưa vừa

Cả gan mưu tính, thoán đoạt ngôi vua.

Nay sợ hết hồn, ru rú trong nhà

Chẳng dám ra ngoài, chẳng dám nhìn ai.

Những bài dân ca như trên nói lên sự bất mãn của dân chúng đối với Lã Bất Vi, tuy có nói đến chuyện xấu xa nơi buồng the phòng kín, nhưng thực ra lúc ấy thiên hạ đều biết cả. Nhà vua cũng không truy xét nữa. Vả lại, dân ca lại có thái độ ủng hộ nhà vua, khiến ngài cảm thấy không cần khoan dung Lã Bất Vi nữa, bèn ra chỉ dụ đưa ông ta về Lạc Dương yên phận tuổi già ở đó, giữ lấy cái tiếng của mình lúc cuối đời.

Hai tháng nay, người đau khổ nhất, sợ hãi nhất là thái hậu Triệu Cơ, người đang bị giam lỏng ở cung Đại Trịnh. Hồi đầu tháng Chín, nhà vua đến Ung Thành (cung Kỳ Niên) để làm lễ “gia miện”, bà cứ tưởng thế nào con cũng đến cung Đại Trịnh thăm mẹ – mặc dù quan hệ mẹ con có hơi xa cách, nhưng dù sao thì vẫn cứ muốn gặp con, để được an ủi phần nào. Vả lại, lễ gia miện này tiến hành rất long trọng, Lao Ái là trọng thần Trường tín hầu, thế nào cũng đi theo “xa giá” để đến đây; bà lại có dịp gặp Lao Ái, thỏa nỗi nhớ nhung tình nghĩa vợ chồng, còn hai đứa con, bà đã cho làm một phòng kín, lúc bình thường thì ba mẹ con chơi đùa với nhau, thỏa tình mẫu tử. Một khi nhà vua đến, lúc nào cũng có nội thị truyền tin, và lập tức hai đứa con được đưa vào trốn ở phòng kín, hoàn toàn yên tâm. Vì vậy, thái hậu vẫn cứ vui vẻ chờ đợi để đón tiếp nhà vua đến thăm. Nhà vua đến Ung Thành, sau đó đến ngay cung Đại Trịnh, gặp thái hậu một lúc. Khi thái hậu nói bà muốn dự lễ “gia miện”, nhà vua từ chối bằng lý do rất khôn ngoan. Ngài nói:

– Trước đây, mẫu hậu bị quỷ nhập ma ám, nên mới đến tránh ở đây. Nay bệnh đã thuyên giảm, nhưng nếu có mặt ở cung Đại Trịnh, e rằng lại bị ma ám quỷ nhập. Cho nên, mẫu hậu không cần phải dự lễ nữa.

Điều này làm cho thái hậu cảm thấy quan hệ mẹ con ngày càng xa; chẳng còn hy vọng gì để được chia sẻ một chút tôn kính và vẻ vang cho sự uy nghi của con mang lại nữa. Bà chỉ còn mong đợi chia sẻ chút tình cảm với Lao Ái mà thôi, vì đây là người cha của hai đứa con với bà. Vì vậy, khi Doanh Chính ra về bà không giữ lại, hơn nữa, còn mạnh bạo hỏi một

tiếng:

– Trường tín hầu tại sao không đến thăm ta?

Doanh Chính trả lời cho xong chuyện:

– Lễ xong tất nhiên sẽ đến.

Sau đó, ngài lập tức lên xe về cung Kỳ Niên.

Mặc dù câu trả lời của con không được nhiệt tình lắm, đó vốn là tính cách lạnh lùng vốn có của Doanh Chính; cho nên bà cũng không để ý làm gì. Bà tin chắc rằng sau buổi lễ thế nào Lao Ái cũng đến với mình. Nghĩ vậy, bà bảo người hầu tắm rửa cho hai đứa con, mặc quần áo mới, cho vào chơi trong cái cũi có thể đẩy đi đẩy lại được. Bản thân bà cũng tắm gội xúc nước thơm đầy người, chờ Lao Ái đến, hý hửng tận hưởng cái vui của vợ chồng con cái, hoan lạc của vợ chồng. Vì vậy khi nghe thấy tiếng trống kèn và tiếng hoan hô vang trời dậy đất ở Ung Thành dội đến, bà vẫn bỏ ngoài tai, vì cho rằng chẳng có liên quan gì đến mình. Bà chỉ đăm đăm nhìn vào trướng màn nơi phòng ngủ, chỉ cầu mong Trường tín hầu, người đàn ông tuần kiệt ngang tàng này, bay nhanh đến đây.

Nhưng lòng mong đợi và khát khao của thái hậu đã bị tắt ngấm mất rồi. Trường tín hầu chẳng quay lại. Bà đoán già đoán non rằng chắc là Lao Ái đã có “vui duyên mới” ở Hàm Dương nên mới lạnh nhạt xa lánh bà. Máu ghen nổi lên đùng đùng, thái hậu vội sai nô tỳ thân cận ra ngoài dò hỏi xem, những người từ Hàm Dương đến dự lễ, họ đã về Hàm Dương hay chưa? Nhất là Lao Ái, làm gì? Đi đâu? Nhưng những người đi thăm dò về nói rằng, Trường tín hầu gây biến ở Hàm Dương, đem quân bao vây cung Kỳ Niên, đã bị quân của nhà vua đánh bắt. Nhà vua đã đưa quân về phản công Hàm Dương, một số người cầm đầu nổi loạn đã bị bắt, nhưng không nghe nói có Lao Ái trong đó; hiện giờ chưa rõ ông ra sống chết ra sao, vì trong khi hai bên đánh nhau, mọi chuyện có thể xảy ra.

Tin tức nói trên làm cho thái hậu hết sức đau buồn và sốt ruột. Sự việc đã đến thế này, thái hậu chỉ còn một cách duy nhất là mong cho quân của Lao Ái thắng. Chỉ có như vậy, bà mới có chồng, có con và một gia đình đầm ấm. Nếu không, sẽ thân bại danh liệt, tiền đồ mờ mịt, nghĩa là mất sạch. Bà lo lắng bồn chồn, trong lòng như lửa đốt. Vài ba ngày ăn không ngon ngủ không yên như vậy. Bà lại sai người ra ngoài thăm dò, nhưng lúc ấy cung Đại Trịnh của bà đã bị quân Tần bao vây, không cho ai ra vào. Đến đây, thái hậu liệu mình tự mình ra ngoài để biết tình hình. Bà ngồi xe kiệu, có cận vệ và cung phi hộ giá, khi ra cổng, bị một viên tướng chặn lại.

Thái hậu hỏi nhẹ nhàng:

– Nhà người là ai, sao dám ngăn xe của ta?

Vị tướng kia chấp hai tay hành lễ, đứng nghiêm trả lời:

– Mạt tướng là Đôn Nhược, phụng mệnh thánh chỉ, bảo vệ cung Đại Trịnh.

– Đã gọi là bảo vệ, tức là vì sự an toàn, sao không cho người ra vào? – Thái hậu hỏi, nghiêm sắc mặt.

– Mạt tướng chỉ biết phụng chỉ hành sự, còn vì cơ gì mạt tướng không thể bảm báo. – Đứng trước mặt thái hậu, Đôn Nhược phải nói tránh đi, không dám nói thật.

– Nhà người không thể trả lời ta, vậy ta phải đi hỏi thánh thượng. – Thái hậu tỏ ra cứng rắn hơn.

Ai ngờ Đôn Nhược cũng không nể nang gì nữa, ông ta trả lời, có vẻ như ý vào một thế lực nào đó, nên không hề sợ hãi:

– Thánh thượng ban chỉ nói rằng, mạt tướng phải canh gác nghiêm ngặt ở cửa cung, những người ở trong cung không được phép đi quá một bước giới hạn đã định.

– Ta là mẹ của nhà vua! – Thái hậu đã tức giận đến mức không kìm nén được nữa, kêu lên rất giận dữ.

– Xin đừng nói là mẹ của thánh thượng, ngay cả Thái thái hậu đến đây, mạt tướng cũng không thể không vâng lệnh. – Đôn Nhược lại nói rất cứng rắn với thái hậu.

Thái hậu không thể chấp nhận được thái độ ấy, bèn bảo bọn thị vệ:

– Cứ xông ra ngoài, xem ai dám cản xe ta!

Các thị vệ đang sắp sửa chạy vượt qua cổng, thì Đôn Nhược chạy đến nắm lấy dây cương ngựa và giơ cao một văn bản, ông ta nói:

– Đây là thánh chỉ, thái hậu nhất thiết không được hấp tấp!

Thái hậu và đám tùy tùng lắng nghe những điều ghi trong thánh chỉ:

Đôn Nhược bảo vệ cung Đại Trính

Cắt đứt mọi việc ra vào cung.

Không ai được vượt quá hàng rào.

Bất kể trên dưới phải nghe theo.

Cho dù hoàng thân hay quốc thích,

Từ bên trong hay ở bên ngoài.

Ai dám trái lệnh thánh chỉ này,

Thượng phương bảo kiếm sẽ ra tay [114].

Đôn Nhược đưa hai tay giơ cao thanh “thượng phương bảo kiếm”, bấm tấu với thái hậu:

– Thật là không thể làm trái lệnh, mong thái hậu tha tội cho hạ thần.

Thái hậu bị chặn lại như vậy, không dám mạo hiểm nữa, đành quay ngựa đi vào, vừa sợ hãi vừa nói rất bất đắc dĩ:

– Phản rồi! Phản rồi!

Đôn Nhược đưa mắt nhìn theo xe của thái hậu quay vào rồi tự nói một mình, cũng có ngụ ý gì đó:

– Phản rồi! Phản rồi! Không phải là mặt tướng “phản rồi”, mà là Lao Ái của thái hậu “phản rồi”; cái mạng của ông ta bị “phản” mất rồi, thế mà bà ta vẫn không biết.

Đúng là thái hậu Triệu Cơ “không biết” gì cả, vì bà bị giam lỏng trong cung, bị bao vây bốn bề. Bà không thấy con mình đã áp dụng biện pháp cường chế đối với mình, như vậy cho thấy tình hình rất nghiêm trọng, lạnh ít dữ nhiều. Bà đặt toàn bộ hy vọng vào Lao Ái và Lã Bất Vi, nay chẳng biết hai người này sống chết ra sao, để đến nỗi bỏ bà ở đây. Nay chỉ còn hai đứa con ở bên cạnh, bà thấy mình có trách nhiệm bảo vệ chúng, bèn ôm lấy con mà khóc. Nhưng ở trong tình trạng bị phong tỏa như vậy, giống như độc thân nơi cô đảo hoang vắng, không hay biết chuyện gì ở ngoài đời, tịch mịch cô quạnh, đêm khuya thanh vắng, lặng ngắt như tờ, lòng như lửa đốt, bàng hoàng nôn nao, thổ dài não ruột, hết đêm lại ngày. Mặc dù chỉ mới hai tháng, nhưng bà đã gầy xẹp, và thần kinh hơi bị hoảng loạn.

Vẫn như mọi ngày, thái hậu đang nhìn xa ra phía ngoài cung, để nghe ngóng xem có động tĩnh gì không, bỗng thấy một toán lính xông vào, theo sau là tướng Đôn Nhược và con bà – vua Tần Vương. Bà biết là tai họa đã ập đến rồi, nhưng vẫn không biết sợ hãi là gì, bà điên cuồng xông lên phía trước và hỏi con rất gấp:

– Doanh Chính, con đưa lính vào trong cung của ta làm gì thế?

– Làm gì ư, bà phải tự biết lấy. – Doanh Chính nói rất lạnh lùng.

– Đương nhiên là tự hiểu, mà còn không có gì hổ thẹn cả – Thái hậu điềm nhiên trả lời, không sợ.

– Sự việc đã đến thế này mà còn lớn tiếng nói không có gì xấu hổ. Nói thật với bà, tôi đem quân đến hỏi tội đây. – Doanh Chính đe dọa thái hậu.

– Nhưng ta có tội gì? – Thái hậu hỏi vặn lại.

Doanh Chính chỉ tay vào mẹ mình rồi nói:

– Bà tư thông với Lao Ái, để ra nghiệt chủng. Đó không phải tội hay sao?

Thái hậu cảm phần mắng lại:

– Im mờm. Ta là thái hậu, con ta đều là con vua (vương tử). Nếu con chửi chúng nó, tức là làm nhục mẹ.

– Bà là thái hậu, nhưng lại không giữ được tiết hạnh cho trong sạch, có đáng làm mẹ không? Lại còn theo Lao Ái mưu đoạt triều chính. Sao có thể tha tội được? – Doanh Chính nói rất hùng hổ, mặt đầy sát khí.

Thái hậu không còn biết xấu hổ nữa, chỉ chồm lên và hỏi rất gấp:

– Vậy anh đã làm gì ông ta rồi?

Doanh Chính trả lời rất tàn nhẫn :

– Cho năm xe ngựa xé xác hẳn ta rồi.

Nghe xong câu trả lời ấy, thái hậu giật thót mình, nhưng vẫn gân cổ kêu gào vì quá cảm phần:

– Anh xé xác phanh thây ông ta, ta sẽ liều mạng với anh! – Bà xông vào níu lấy Doanh Chính và kêu gào – Trả Lao Ái cho ta. Trả Lao Ái cho ta!

Doanh Chính nói, vẫn bộ mặt sát khí đàng đàng:

– Trả cho bà, trả cho bà ư? Tôi còn đòi bà trao người cho tôi đây này.

– Trao người cho anh. Ta là họ Triệu còn ở đây. Anh dám làm gì ta nào – Thái hậu hỏi dồn Doanh Chính – Chẳng lẽ anh lại dám giết mẹ ư?

– Không dám. Tôi chỉ đòi bà đưa người khác ra. – Doanh Chính vẫn truy đến cùng. nhà vua

– Đòi đưa người, thì chỉ có ta đây. Không có ai khác. – Thái hậu cứ chối bay.

– Hai đứa con nghiệt chủng kia ở đâu? – Doanh Chính hỏi rất giận dữ.

– Ta biết anh là một tên bạo chúa, thế nào sớm muộn cũng đến đây, nên đã cho người đưa đi xa rồi! – Thái hậu nói dối, nói xong quay mặt đi, không dám nhìn thẳng vào Doanh Chính.

Doanh Chính cười nhạt :

– Cung này đã bị vây chặt hai tháng nay, con kiến cũng không chui ra được, con người chạy đâu cho thoát? Bà đừng gạ tôi.

Nói xong, bèn sai lính lục soát. Đôn Nhược dẫn bọn lính sục sạo khắp nơi, chỉ một lát sau là phát hiện ra hai đứa bé ở trong phòng kín, vội dắt chúng ra phòng lớn. Hai đứa trẻ sợ phát khiếp, nhưng nhìn thấy mẹ bèn khóc òa lên, chúng gào thét: “Mẹ! Mẹ!”, và vùng vẫy để cố chạy về với thái hậu. Thái hậu kêu trời kêu đất cứu con bà, điên cuồng nhẩy ào tới hai đứa con, liều mạng che chở chúng. Doanh Chính lúc này bất chấp luân thường đạo lý, chẳng còn tính người, đưa tay đẩy thái hậu ra, và chạy về phía hai đứa trẻ.

– Giọt máu đáng thương hại của mẹ. Nó là em của người. Lao Ái là cha dượng của người. Người đã giết cha dượng, đã quá tàn bạo rồi, nay tại sao còn giết đứa bé vô tội! Ta cầu mong nhà người tha cho chúng nó. Hãy tha cho chúng nó!

Thái hậu đã bất chấp tất cả ra sức cứu hai đứa con còn nhỏ, nhưng làm sao có thể ngăn cản được Doanh Chính đang nổi cơn thịnh nộ, hung dữ như lang sói. Ông ta mặc cho mẹ đang ôm chặt lấy chân mình và lăn mình xuống đất để kêu la than khóc, cứ ngang nhiên bảo Đôn Nhược đưa hai cái bao tải đến, nhét hai đứa bé vào trong đó. Hai đứa bé nằm trong bao tải vừa khóc thét vừa giãy giụa, giẫm đạp. Doanh Chính cầm chùy lớn đập mạnh liên tục vào bao tải, hành động như điên như dại. Chúng kêu thất thanh mấy tiếng rồi im bật. Máu và óc phụt ra ngoài bao tải, rỉ từng giọt từng giọt xuống đất, trông thảm thương vô cùng.

– Ôi con ơi, hỡi con tôi ơi! Trả con tôi đây! Trả con tôi đây! –

Thái hậu khóc thảm thiết, chạy đến ôm xác hai đứa bé. Bà kiệt sức, máu me đầy người, bỗng ngất xỉu, ngã vật xuống đất.

Những người có mặt đều rất đau lòng trước thảm cảnh đó, trong khi Doanh Chính thì vẫn mặt lạnh như tiền, lại còn đắc chí mãn nguyện. Khi Đôn Nhược hỏi ngài về việc xử trí thái hậu, ngài nói rất lạnh lùng:

– Tước bỏ tôn hiệu “thái hậu”, giam tại cung Phụ Dương ở Ung Thành, không bao giờ được trở về Hàm Dương.

HỒI THỨ MƯỜI BA

MAO TIÊU CAN GIẢN VÌ VIỆC NGHĨA TÂN VƯƠNG ĐÓN MẸ, NỘI TÌNH THÂN

Đối với Tần Vương, việc phế truất người mẹ đã đau khổ tuyệt vọng gần như phát điên, và việc lục soát và xử tử hai đứa trẻ thơ dại, là một việc quá dễ. Nhưng tại sao ông ta phải huy động quân đội, đao to búa lớn như vậy? Đó là vì, sau cái hôm thái hậu định vượt qua cổng và bị ngăn lại, rồi buộc phải quay về, bà đã tức giận thốt lên rằng: “Phản rồi! Phản rồi!”. Nói vậy, chẳng qua là thái hậu quá căm giận, chẳng biết làm thế nào, nên kêu than vậy thôi. Nhưng Đôn Nhược nghe vậy lại hiểu khác đi; ông ta cho rằng thái hậu gần bỏ tình cảm với Lao Ái, nên sẽ sống chết với con trai – nhà vua; vì vậy, bà mới thốt lên lời như thế. Vì vậy, Đôn Nhược đoán rằng trong cung Đại Trịnh vẫn còn bọn đồng mưu của Lao Ái; nếu chẳng may bọn này diên khùng chống lại, thì bản thân ông ta sẽ rất bị động.

Ông ta đã mấy lần đi vào kiểm tra xem, nhưng đều bị người trong cung (bảo vệ, quan hoạn, cung phi) ngăn cản. Vì vậy ông ta lại càng lo. Trong tình hình khó xử đó, ông ta bấm đầu với nhà vua tình hình trong đó rất nghiêm trọng. Tần Vương vốn là một người đa nghi, sau khi xem bản tấu của Đôn Nhược, ngài bèn nghĩ rằng số người bảo vệ, nội thị và cung phi trong cung Đại Trịnh đều là bộ sậu từ cung Cam Tuyền ở Hàm Dương đưa đến; đều là thân cận của Lã Bất Vi và Lao Ái. Bọn này thì chắc chắn là những kẻ đặc lực nhất trong bọn nổi loạn. Vì vậy lẽ ra chỉ cần sai Triệu Cao mang thánh chỉ, có Đôn Nhược phối hợp đưa thêm một ít binh sĩ là xong việc. Nhưng Tần Vương lại “ngự giá thân chinh” như sắp giao chiến một trận đánh lớn. Khi xông vào cung Đại Trịnh, quân bảo vệ cung (của Thái hậu) không biết nhà vua đến, nên đã đánh nhau với Đôn Nhược (đi trước nhà vua). Điều này khiến Tần Vương càng tin lời Đôn Nhược nói là đúng. Nghĩ vậy, Tần Vương bèn tự mình xông vào cung. Trên đường vào cung, hễ gặp ai là giết ngay, không kể người ngay hay kẻ gian, người chống cự, hay đầu hàng hoặc trốn chạy. Cho nên, trước khi vào cửa cung, Doanh Chính đã hưng phấn thái quá đến mức hăng máu giết người.

Khi hai mẹ con gặp nhau, thái hậu không những không biết đường nhận tội, mà lại còn nói Lao Ái là “cha dượng” của Tần Vương, hai đứa trẻ là em trai ông ta, làm thế nào mà ông ta có thể chịu đựng được sự sỉ nhục đó? Vì vậy tức nước vỡ bờ, ngài néo đứt dây, cơn thịnh nộ đã đưa đến hành động độc ác tàn bạo nhất, đến nỗi tự tay đập chết hai đứa em, làm cái việc thất đức, bệnh hoạn, điên cuồng nhất.

Sau khi tuyên bố hình phạt đối với mẹ mình, ông ta đã ra lệnh tháo dỡ tất cả những tiện nghi hào hoa của cung Đại Trịnh, cũng như toàn bộ vàng bạc, tài sản trong cung, đưa về Hàm Dương, không để lại bất cứ một thứ gì ở Ung Thành mà thái hậu đã dùng đến. Những vết máu còn dính trên tường và dọc đường đi trong cung thì cứ để nguyên, không được xóa, để nhắc nhở và cảnh báo mọi người: Ai dám chống lại Doanh Chính ta đây, là tự chuốc lấy cái chết.

Khi xa giá của nhà vua trở về Hàm Dương vẫn có đội cận vệ và đội kiêu binh hộ tống. Trên đường về, ngài không nhìn thấy dân chúng đang đứng chật hai bên đường để nhiệt liệt hoan hô chào mừng như dạo trước ngài đưa quân đi diệt Lao Ái ở Ung Thành. Ngài bèn hỏi Triệu Cao tại sao. Triệu Cao biết rõ mười mươi đó là do lòng dân bất bình (với việc giết em và trừng phạt mẹ đẻ); nhưng không dám nói thật. Triệu Cao giải thích rằng, lần trước là đi diệt bọn giặc phản nghịch, tình hình rất khẩn cấp, dân chúng hoan hô nhà vua để bày tỏ sự ủng hộ đối với triều đình và quân chủ và cũng để cổ vũ tinh thần quân sĩ. Còn bây giờ, bọn nổi loạn đã bị xóa sổ, những việc còn sót lại cũng đã xử trí xong xuôi. Quân ta trở về, bước chân từ từ vững chắc, không khẩn trương vội vàng như trước; cho nên dân chúng nghĩ rằng bệ hạ đã quá mệt mỏi, cần được nghỉ ngơi. Vì vậy họ chỉ đưa mắt kính chào bệ hạ một cách tôn kính, chứ không dám kéo nhau ra quá đông rồi hô lớn, gây ồn ào náo nhiệt, ảnh hưởng đến sự yên tĩnh của bệ hạ.

Nhà vua nghe xong, thấy cũng có lý, bèn yên tâm nhắm mắt lim dim, rồi ngủ say lúc nào không biết. Cuộc hành trình này mất gọn ba ngày mới về đến Hàm Dương. Khi đi qua các phố nội thành Hàm Dương, nhà vua nhìn thấy cảnh hoang tàn đổ nát do chiến sự gây ra; từ phố lớn cho đến hang cùng ngõ hẻm, biết bao nhà cửa, hàng quán bị tàn phá, kinh tế

tiêu điều, chợ búa vắng vẻ, dân chúng đau buồn. Trước tình cảnh đó, cảm nghĩ bình yên sau khi dẹp loạn bỗng biến mất; nhà vua lại lo nghĩ mông lung, ngài cảm thấy rất bất bình, căm giận và ác cảm đối với Lao Ái, Lã Bất Vi và mẹ mình. Nhà vua cũng biết rằng không nên để cho luồng tư tưởng này kéo dài mãi, mà phải hạn chế và xóa bỏ đi. Nghĩ vậy, ngài quyết định coi mọi việc vừa qua như tạm thời kết thúc, để từ đây, bắt đầu xử lý những việc đại sự của nhà nước quân sự.

Trong một buổi thiết triều sau một thời gian ngắn phải tạm nghỉ, và sau khi xét duyệt một số bản tấu thông thường, nhà vua tuyên bố trịnh trọng:

– Nổi loạn ở Hàm Dương đã dẹp yên, Ung Thành dư đảng đã bị loại trừ. Các khanh hợp lực, bách tính đồng tình. Từ nay về sau, không được bàn chuyện đó nữa, phải chú ý những việc quan trọng hơn.

– Đại vương anh minh quyết đoán, chúng thần xin tuân chỉ thực hiện.

– Cuộc dẹp loạn lần này nhanh chóng, đã bắt hết đầu sỏ, triều đình được bình an, cung khuyết ^[115] yên tĩnh. Danh tiếng đại vương muôn dặm lẫy lừng, hồng phúc vạn năm.

Bên dưới vang lên những lời chúc tụng. Nhà vua sắp cho bãi triều, bỗng trong hàng ngũ văn quan, có một vị đại phu đứng dậy, vái lạy rồi nói:

– Xin bệ hạ dừng bước. Vi thần có việc khẩn xin bẩm tấu!

– Khanh có việc gì cần, mau tấu trình. – Nhà vua hỏi.

– Vi thần xin hỏi bệ hạ, đối với bệ hạ thì thái hậu và Lã thừa tướng, ai thân ai sơ? ^[116] – vị đại phu đứng nghiêm, chấp tay hỏi.

– Cố nhiên là thái hậu thân, thừa tướng sơ – Nhà vua trả lời, nhưng trong bụng nghĩ sao người này lại hỏi một chuyện ấu trĩ như thế.

– Nhưng sai lầm của thái hậu và của thừa tướng, ai nặng ai nhẹ? – Vị đại phu hỏi tiếp.

– Đương nhiên là thái hậu nặng, thừa tướng nhẹ – nhà vua bèn nghĩ rằng người này không có thiện chí đây, nhưng vẫn kiên nhẫn đáp lại.

Vị đại phu không tán thành. Ông ta nói:

– Tha cho vi thần to gan, vi thần cho rằng phải ngược lại với những lời bệ hạ vừa nói.

Nhà vua nhẹ nhàng hỏi lại:

– Tại sao nói vậy?

– Loạn Lao Ái, Lã thừa tướng biết nhưng không theo, nên bệ hạ không xử phạt là rất anh minh. Nhưng thái hậu không biết, sao bệ hạ lại nói là tội nặng? – Vị đại phu nói rất có lý có lẽ.

Nhà vua tức giận nói như mắng:

– Lao Ái cầm con dấu dành riêng cho thái hậu, có thể coi thái hậu là đồng mưu với Lao Ái.

– Nếu là đồng mưu, tại sao thái hậu không có mặt ở Hàm Dương với Lao Ái để chỉ huy bọn nổi loạn; mà lại ở một mình tại Đại Trĩn cung, khoanh tay ngồi chờ người ta đến bắt? Bà là quốc mẫu, tại sao không được hiểu biết gì cả, để đến nỗi như vậy? – Vị đại phu cứ hùng biện, hầu như không để cho nhà vua kịp thở nữa. Ông ta lại nói tiếp – Mà theo lời cung khai của chúng, dấu ấn của thái hậu là do Lao Ái ăn cắp, thái hậu hoàn toàn không biết. Nhưng bệ hạ đã xử tội đồng mưu, phế bỏ danh hiệu thái hậu của mẹ đẻ, giam vào lãnh cung. Vì vậy, vi thần bất bình thay cho thái hậu.

– Điều đó không nói nữa. Việc thái hậu tư thông với Lao Ái để ra nghiệt chủng, chẳng lẽ trẫm phế bỏ thái hậu không được ư? – Nhà vua đành phải chuyển sang nội dung khác.

– Tuy thái hậu có đánh mất đức hạnh, nhưng đứa con sinh ra vẫn là cốt nhục mẫu tử. Đại vương có thể khiển trách hành vi xấu xa, tước bỏ danh hiệu cao quý, nhưng tự tay đánh chết hai đứa em, đui mẹ đẻ vào lãnh cung, đạo hiếu ở đâu, nhân nghĩa chỗ nào? – Vị đại phu ăn nói tự nhiên, không chút nao núng, mặt đầy phẫn nộ.

Nghe những lời quyết liệt như vậy, nhà vua không thể chịu nổi nữa. Ông hờ hững đại thần lại chỉ trích trước mặt đông đủ triều thần văn võ. Vậy thì làm thế nào để điều khiển được đám bầy tôi này, làm thế nào để điều hành triều chính đại Tần, chứ đừng nói đến việc chinh phục thiên hạ. Nhà vua xấu hổ quá hóa bất bình, mặt đầy giận dữ, thét mắng hung tợn:

– Nhà ngươi bênh cho thái hậu, nhiech mắng cả ta, nhất định phải là dư đảng của Lao Ái. – Nói xong bèn sai người – Bắt ngay tên này đưa đi chém cho ta!

Bọn vệ sĩ cung đình chém ngay vị đại phu, sau trình thủ cấp để nhà vua xem lại. Tần Vương thấy đôi mắt trên cái đầu bê bết máu ấy vẫn còn mở to và nhìn trừng trừng vào ông ta, ngài bất giác giật mình, thầm nghĩ: Những người như vậy, nếu lại có thêm mấy người tương tự, thì làm sao mà chống cự lại được họ. Nhất quyết không thể để cho khí thế này kéo dài. Nghĩ vậy, ngài ra chỉ dụ:

– Đưa đầu và xác của viên đại phu đặt dưới chân tường cung đình, lấy cỏ gai kê ở dưới, cho gai đâm vào lưng, giết một rần mười, rung cây đuổi khỉ, xem còn kẻ nào dám can gián vụ việc thái hậu nữa hay không. Chẳng lẽ cái bọn mọt sách ấy không sợ chết hay sao?

Sự thật lại trái ngược với ý muốn của Tần Vương. Thi thể của vị đại phu nọ không những không ngăn cản được sự bất bình của dân chúng; ngược lại, càng gây nên căm phẫn trong nhiều người, vẫn có mấy người khác liên tục lên tiếng can ngăn nhà vua về vụ việc thái hậu. Họ đều bị giết hết. Xác đều để bên cạnh vị đại phu, máu chảy lênh láng. Doanh Chính sai người viết cáo thị dán lên cột sơn đỏ cạnh đó. Cáo thị viết “Kẻ nào dám bàn về chuyện của thái hậu, hãy xem chỗ này trước đã”. Nhưng vẫn không đe dọa nổi những người ngay thẳng, muốn can gián trung thực. Hơn nữa, từ chỗ chỉ có một vài cá nhân lên tiếng, nay có từng nhóm nhiều người cùng lên tiếng. Họ phát biểu rất mạnh bạo và kiên quyết, làm cho nhà vua càng tức tối, ngài bèn cho ra một bản cáo thị khác: “Ai dám can gián vụ việc thái hậu, sẽ bị chặt chân tay và ném thân thể ở cửa khuyết”.

Ai ngờ vẫn có người can gián, họ vẫn không sợ. Người trước ngã xuống, người sau tiến lên; họ cho rằng đây là việc nghĩa cần làm. Vì vậy, chỉ trong mấy ngày, đã có đến hai mươi bảy người lên tiếng. Để thực hiện nghiêm lệnh đã ban ra, Tần Vương cho chặt những xác người ấy như đồng củi, không cho đưa đi chôn. Ông ta còn muốn xem xem, có ai dám đưa thân vào chỗ chết. Khi mà nhà vua đại Tần đang dùng hình phạt tàn khốc là giết thảm rồi phơi thây, để đe dọa, khủng bố mọi người, thì ở tận nước Tề có một người tên là Mao Tiêu, là một đại phu (một học vị) đến Hàm Dương và dám lao vào cái chết đó. Mao Tiêu lúc đầu đến Tần là cốt để tìm một chức vụ gì đó, nhưng sau thấy có chuyện thái hậu, và mặc dù đã có hàng chục người can gián bị giết thảm hại, ông ta vẫn ngẫm nhiên xin gặp nhà vua để nói hộ cho thái hậu Triệu Cơ.

Nhà vua nghĩ rằng người trong nước lên tiếng, có thể có liên quan với Lao Ái. Người này ở nước khác đến, chắc chắn là chẳng dính líu gì, tại sao lại đem thân thử thách với luật pháp? Cứ xem đây là chuyện gì. Nghĩ vậy ngài bèn nghiêm sắc mặt tiếp kiến. Mao Tiêu bước vào, hành lễ bái kiến, nhưng không hề nói một chữ nào về thái hậu, chỉ tự mình nói một câu: “Té ra là như vậy!”

Nhà vua thấy người này nói chẳng đến đâu đến đũa, bèn hỏi:

– Nhà ngươi đến để nói hộ cho thái hậu, nay tại sao thấy trẫm lại không hé răng, lại còn lảm bảm cái gì thế?

Mao Tiêu trả lời thông thả tự nhiên:

– Hạ thần là dân đen nước Tề, nghe tin đại vương là quân chủ anh minh của nước đại Tần nên chẳng quản đường xa nghìn dặm, cố gắng tới đây để hầu hạ bệ hạ. Vừa qua biết có hai mươi bảy người đã chết, tưởng là đồng bọn với Lao Ái, không ngờ họ đều bị trị tội vì sự việc của thái hậu. Bệ hạ làm một việc không hợp lý hợp tình đó, chắc là phải hiểu. Cho nên tự than rằng: “Té ra là như vậy!”

– Trẫm có thể ngang trời dọc đất, trị quốc bình thiên hạ, sao lại nói là không hợp lý hợp tình? – Nhà vua nói rất cao ngạo.

– Xin đừng nói cao xa, chẳng giúp ích gì cho sự việc; hãy nhìn vào hiện vật cụ thể sẽ

thấy rõ. Nay có hai mươi bảy người đã chết vì dám nói thẳng để can gián, đủ thấy chính trị của bệ hạ là không thông suốt, lòng người bất bình. Đó chính là không hợp lý hợp tình. – Những lời nói ngay thẳng của Mao Tiêu vang lên sang sảng.

– Sao lại nói chính trị của ta không thông suốt, lòng người bất bình? – Nhà vua đòi Mao Tiêu phải có vật chứng, không được nói suông.

– Xin hỏi đại vương lấy gì làm gốc để trị quốc? – Mao Tiêu lại hỏi.

– Đương nhiên lấy “hiếu” làm gốc. – Nhà vua trả lời quả quyết.

– Đại vương nói rất phải. – Mao Tiêu tán thành nhà vua, và nói rộng ra – Cái đức hạnh tốt đẹp của con người là lòng hiếu thảo. Cái tình nghĩa đó phù hợp với luân lý. Nay bệ hạ phế bỏ mẫu hậu, là trái với đạo hiếu. Đập chết em nhỏ, là trái với luân lý. Vậy trị nước làm sao có chính trị thông suốt, lòng người ưng thuận được?

– Thái hậu tư thông với Lao Ái, làm sao trẫm có thể có đạo hiếu được? Ta với hai đứa trẻ nghiệt chủng, làm sao có chuyện luân lý được? – Nhà vua rất cố chấp.

Mao Tiêu thẳng thừng bác bỏ từng điều của nhà vua. Ông ta nói:

– Chuyện quan hệ nam nữ là ham muốn tự nhiên của con người. Bệ hạ là bậc tôn quý của đất nước, trong cung có hoàng hậu hoàng phi, cung tần mỹ nữ, người đông như kiến, sớm chiều chung vui. Chỉ không nhớ mẫu hậu lứa tuổi trung niên, một mình cô quạnh, nên không chịu nổi. Việc tư thông với Lao Ái tuy có đánh mất đức hạnh và không thể chấp nhận được, song điều đó, con người khó tránh. Còn việc để hai đứa con, và do đó ra sức bảo vệ tình mẫu tử, thật đáng thương lắm thay. Nếu muốn trừng phạt, thì chỉ cần nhắc nhở về đạo đức và tiết hạnh, sao lại bất chấp chữ hiếu, giam mẹ vào lãnh cung. Lại giết hai em, thật mất hết tình người! Lại còn bãi chúc trọng phụ, xé xác “cha dượng” và chu diệt nhiều họ tộc có liên quan, giết cả những người vô tội. Thật là bất nhân bất hiếu quá lắm!

– Làm người quân chủ, sợ nhất là bầy tôi bất trung. Họ Lã, họ Lao dòm ngó ngôi vua, hòng lật đổ triều đình, nếu không hành hình, làm sao giữ được vương triều đại Tần của ta đây! – Nhà vua vừa nói vừa không giấu nổi tức giận.

– Bề tôi bất trung là do nhà vua bất nhân [117]. Người có đức nhân, lấy chữ hiếu làm gốc; cho nên các đời vua Nghiêu, Thuấn, vua Ngu, Thành Thang, đều lấy chữ hiếu để trị thiên hạ. Nay thấy bệ hạ lại quên mất rằng thái hậu đã nuôi ngài trong thời buổi loạn lạc ở đất nước thù địch (Triệu), đã chăm sóc ngài dưới nanh vuốt của hổ beo lang sói. Thái hậu phải ngậm đắng nuốt cay để bảo toàn tính mạng cho ngài. – Mao Tiêu còn nói gay gắt hơn cả nhà vua.

– Chỉ vì quan hệ với Lao Ái, nên dẫn đến việc phản loạn ở Hàm Dương, trẫm không thể chịu nổi nên mới phế truất danh hiệu thái hậu. Lúc ấy quá nóng quá vội, nên có phần thái quá.

Lúc này nhà vua mới bắt đầu thấy sai. Vì vậy, Mao Tiêu cũng dịu bớt, ông ta tiếp tục gợi ý:

– Thái quá cũng như bất cập, đều trái với nhân tình, ngược với đạo lý. Hai mươi bảy người kia chỉ muốn bệ hạ sửa sai lầm, trừng phạt hợp lý, phải có tình mẹ, nêu cao đạo hiếu. Những người trung ngôn nghịch nhĩ (lời nói thẳng, chối lỗi tai), đều bị giết thảm hại, gây nên kinh hoàng trong quần thần, thiên hạ bất bình.

Tần Vương có vẻ lo lắng, ngài chau mày tư lự, rồi nói:

– Lúc đầu trẫm chỉ muốn ngăn chặn việc can gián phạm thượng. Không ngờ không chặn được mà còn ngày càng bùng ra, không thu gọn lại được nữa.

Mao Tiêu nhân đà này bèn phô diễn tài ăn nói của mình, ông ta nói có ngụ ý cảnh báo:

– Muốn có tài ngang trời dọc đất thì phải có lòng rộng lượng hải hà, như vậy mới tập hợp được nhân tài, chọn điều hay lẽ phải. Nay đại vương tự cao ngạo mạn, nhắm mắt bịt tai, giết người trung lương, chặn đường ngôn luận, tự mình cô lập. Chừng nào bầy tôi chống lại, người thân bỏ đi, lại phải đi theo vết xe đổ của vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Chu. Khi đó, bệ hạ lâm nguy, đại Tần cũng lâm nguy!

– Tại sao nhà ngươi dám so sánh trẫm với các bạo chúa thuở xưa? – Nhà vua lại nổi giận.

– Hạ thần thấy hai mươi bảy người chết, thì khắc biết đại vương không có lượng khoan dung, nên mới liều chết can gián, những mong bệ hạ suy xét. Một tấm lòng son đã nói ra, tấm thân bảy thước này có tiếc gì. Xin ban cho được chết, để được đứng chung với hai mươi bảy người đi trước, nằm trên cỏ gai, để mãi mãi ghi sâu hình phạt tàn khốc của nhà Tần. Ngước mặt trời cao, kêu than muôn lời, nỗi oan thái hậu!

Nói xong, Mao Tiêu nghiêm nhiên đứng thẳng dậy, giật mạnh cổ áo, cho họng lòi ra, mắt trừng nhìn Tần Vương.

Nhà vua thấy Mao Tiêu nói hợp lý, nghiêm khắc và không chút sợ hãi, cảm thấy đó là lẽ phải, phải nghe; bèn vội rời ghế nói khiêm tốn:

– Được nghe khanh nói thẳng thắn chân thành đều vì việc nghĩa, đạt lý thấu tình, thâm thúy sâu sắc, phân rõ lợi hại, hết sức đáng mừng. Trẫm phải sửa sai, để được lòng dân, thiên hạ mong chờ.

Tiếp đó, ngài sai gỡ bỏ hai bản cáo thị và đốt đi; cho mai táng hai mươi bảy thi thể. Nhưng vì đã để ở đó nhiều ngày, nên đã nát ra, không thể phục hồi nguyên trạng được nữa, chỉ có thể đưa vào một quan tài chung, chôn trong một mộ lớn, đặt tên là “hợp trung mộ” (mộ chung của những người trung thực).

Để sửa chữa sai lầm, tiếp thu ý kiến trung thực, nhà vua tuyên bố: Từ nay về sau, ai muốn gặp nhà vua để can gián, đều được mời ngồi chiếu trên, không bao giờ thất lễ. Trong buổi thiết triều sáng hôm sau, nhà vua tuyên bố trước mặt đông đủ văn thần võ tướng: phong Mao Tiêu làm thái phó (thầy dạy thái tử), ban tước thượng khanh. Mao Tiêu tạ ơn nhà vua, ông nói:

– Việc can gián nhà vua để sửa sai, làm lại cho đúng, là bổn phận của bề tôi. Nay đại vương phong chức ban tước, điều này cho thấy đại vương có dũng khí sửa sai. Đó là hạnh phúc của thần dân và cũng của đại Tần. Nhưng thái hậu vẫn ở nơi lãnh cung, ơn trách của đại vương vẫn chưa đến được với thái hậu, điều này làm cho hạ thần cảm thấy chưa yên tâm.

Nhà vua nói:

– Lúc đó ta có chỉ dụ rằng thái hậu không bao giờ được trở về Hàm Dương; nay có thể thu hồi chỉ dụ đó. Nhưng hiện vẫn chưa biết dùng hình thức gì để vừa có thể bao quát toàn cục vừa không tổn thương đến thể diện.

Mao Tiêu cười nhạt và nói rằng:

– Đại vương suy nghĩ về bản thân mình quá nhiều, tại sao không nghĩ đến nỗi đau của thái hậu? “Vua không nói chơi”, để rồi không thay đổi chỉ dụ, vậy thì hạ thần xin kể câu chuyện “Trịnh bá khắc Đoàn u Yên” [118] cho đại vương nghe. Chuyện này như sau:

Thời Xuân Thu, vua nước Trịnh là Vũ Công, lấy vợ người nước Thân là Vũ Khương. Vũ Khương sinh được hai con trai, tên là Trang Công và Cộng Thúc Đoàn. Khi đẻ Trang Công, Vũ Khương bị đau dữ dội, nên rất sợ hãi, và đặt tên con đầu lòng là “Ngộ Sinh” [119], vì vậy, bà rất ghét đứa con đầu lòng, chỉ yêu thích con thứ là Thúc Đoàn, muốn lập Thúc Đoàn làm thái tử. Bà nhiều lần xin Vũ Công lập Thúc Đoàn, nhưng không được, vì không hợp chế độ.

Đến khi Vũ Công mất, Trang Công nối ngôi, bà lại xin Trang Công phong đất cho Thúc Đoàn ở vùng Chế (thời Tam Quốc gọi là “Hồ Lao Quan”) [120]. Nhưng Trang Công sợ Thúc Đoàn đến đó sẽ không an toàn, nên xin mẹ đổi nơi khác. Bà Vũ Khương bèn bảo Trang Công phong đất Kinh cho Thúc Đoàn. Trang Công vâng lời mẹ, để cho em đến ở đất Kinh, gọi đất Kinh là “Kinh thành Thái Thúc”.

Theo chế độ lúc bấy giờ, tại các đô thị lớn, số lượng các “đoạn được xây cao lên” của tường thành [121] không được vượt quá một phần ba số lượng các “đoạn được xây cao lên” của tường thành kinh đô. Các đô thị hạng trung bình, số lượng “đoạn được xây cao lên” đó, không được vượt quá một phần năm của đô thành. Các đô thị loại nhỏ, không được vượt quá một phần chín. Nhưng kinh thành của Thái Thúc đã vượt quá tiêu chuẩn đó, là trái

với chế độ. Đại phu Tế Trọng đã nhắc nhở Trang Công rằng, Thái Thúc làm vậy là rất nguy hiểm đối với Trang Công, là một tai họa tiềm tàng, nhưng Trang Công nói đó là nguyện vọng của Vũ Khương (bà mẹ), làm con không thể trái ý mẹ. Tế Trọng nói rõ rằng lòng tham của Vũ Khương là vô đáy, giống như cỏ dại vậy, cỏ dại mọc lan tràn, không ai nhổ hết được, huống chi người em của ngài đã được nuông chiều quen thân rồi. Trang Công lại nói rằng, làm quá nhiều việc bất nghĩa rồi sẽ tự chuốc lấy cái chết. Cứ chờ xem.

Không bao lâu sau, Thái Thúc chiếm đoạt đất “nhượng địa” của nước Trịnh ở biên giới Tây Bắc, coi như của riêng của mình. Công tử Lã lại can gián Trang Công. Ông nói rằng, nhà nước không cho phép thôn tính đất “nhượng địa” như vậy; đồng thời, cũng không cho phép tồn tại cục diện hai thế lực kinh địch nhau như hiện nay. Ông cũng yêu cầu Trang Công có biện pháp rõ ràng, hoặc là để cho Thái Thúc muốn làm gì thì làm; hoặc là tiêu diệt ông ta cho xong. Nhưng Trang Công nói rằng, chúng ta chẳng phải làm gì cả, Thái Thúc khắc nuốt lấy quả đắng mà thôi.

Sau đó, Thái Thúc lại mở rộng lãnh địa của mình đến Lãm Diên. Quan đại phu Tử Phong bèn nêu kiến nghị với Trang Công. Ông nói rằng đã đến lúc phải hành động, Thái Thúc chiếm đất quá nhiều rồi, số người cũng tăng lên, sẽ trở thành một lực lượng quân sự lớn mạnh. Trang Công nói rất nghiêm túc rằng, Thái Thúc không giữ đạo nghĩa gì với nhà vua, không tử tế với anh cả, thì chiếm được nhiều đất cũng sẽ thất bại thôi.

Thái Thúc ra sức nuôi ngựa, rèn quân, tăng xe, tăng lính, chuẩn bị đánh chiếm cả nước Trịnh. Trong mưu đồ này, có thái hậu Vũ Khương làm nội ứng, bà sẵn sàng mở cửa quan để đón Thái Thúc vào thành, làm đảo chính quân sự, giành chính quyền. Trang Công dò tin biết được ngày giờ khởi sự của Thái Thúc, bèn sai đại phu Tử Phong đưa hai trăm xe đến bảo vệ Kinh Thành. Dân chúng Kinh Thành quay giáo chống Thái Thúc; Thái Thúc bị thua, chạy đến đất Yên. Ở đây Thái Thúc lại bị thua, phải chạy đến nước Cộng.

Trang Công rất cảm giận mẹ đã bí mật nuôi dưỡng và phối hợp với em mình làm phản, bèn phế bỏ danh hiệu thái hậu của bà và đưa bà đến ở Dĩnh Thành. Sau đó, thề độc rằng: “Nếu bà ấy chưa chết để về ở dưới “suối vàng”, thì ta không bao giờ gặp bà ấy!”. Về sau, Trang Công cảm thấy hối hận, nghĩ rằng mình không nên quá dứt tình với mẹ như vậy.

Dĩnh Khảo Thúc là người quản hạt vùng biên giới, biết đ7907;c việc này, cảm thấy rất bất an, ông ta bèn mang một ít quà biếu Trang Công. Trang Công mời Dĩnh Khảo Thúc ở lại ăn cơm. Khảo Thúc không ăn thịt dọn ra, mà để dành. Trang Công ngạc nhiên hỏi tại sao làm thế. Khảo Thúc nói: “Mẹ tôi đã ăn thịt do tôi nấu nướng và biếu bà, nhưng chưa bao giờ được ăn thịt của nhà vua ban cho; xin nhà vua cho phép tôi mang chỗ thịt này về để biếu mẹ tôi, đừng tỏ lòng hiếu thảo với mẹ”. Trang Công than rằng: “Nhà người có mẹ, có thể tỏ lòng hiếu thảo, hay biết bao. Ta thì không có”. Khảo Thúc hỏi tại sao Trang Công nói vậy, Trang Công bèn nói đầu đuôi câu chuyện của mẹ mình cho Khảo Thúc nghe và tỏ ra hối hận. Khảo Thúc nói: “Có gì khó đâu cơ chứ. Ngài hãy đào một con đường hầm dưới đất, cho đến khi nào nhìn thấy “suối vàng” thì thôi; hai mẹ con ngài sẽ gặp nhau ở đó. Vậy thì có ai nói là không được đâu!”. Trang Công bèn làm đúng như thế. Hai mẹ con gặp nhau tại đường hầm “suối vàng”, rất cảm động, cùng nhau kể lại tình mẫu tử, làm lại từ đầu như xưa.

Cuối cùng Mao Tiêu nói:

– Sở dĩ hạ thần kể câu chuyện “gặp mẹ ở suối vàng” dài dòng lời thôi như vậy là chỉ mong ngài suy nghĩ kỹ. Đầu đuôi câu chuyện giữa ngài và mẹ ngài, rất giống với quan hệ giữa Trang Công và mẹ ông ấy. Điều khác nhau là ở chỗ, bà Vũ Khương là một người mẹ không tốt, còn thái hậu là một người mẹ tốt. Trịnh Trang Công có thể tha thứ cho người mẹ đã âm mưu làm hại ông ta, vậy ngài lại càng nên thông cảm người mẹ luôn luôn yêu thương ngài!

Nhà vua cảm động rơi nước mắt, rất cảm ơn Mao Tiêu. Ngài nói:

– Nếu như lúc đầu, người nói ngay cho ta biết câu chuyện này, thì ta đã nghe lời lẽ khuyên cáo của người từ lâu rồi, việc gì phải quanh co mãi như thế?

Mao Tiêu cười và nói rằng:

– Nếu can gián dễ dàng như vậy, thì đã không có chuyện có đến hai mươi bảy xác chết

nằm trên cỏ gai, và càng không có việc một thuyết khách từ nước Tề như hạ thần phải đến Hàm Dương để khua môi múa mép như thế này.

Nhà vua rất tán thưởng trí tuệ và tài hùng biện của Mao Tiêu và quyết định sử dụng Mao Tiêu như là nhân vật tham mưu cho mình.

Sau đó, nhà vua lại bàn bạc với Mao Tiêu về việc đến cung Phụ Dương ở Ung Thành để đón thái hậu. Qua việc này, nhà vua thấy Mao Tiêu hiểu rất rõ đầu đuôi xuôi ngược cuộc đảo chính cung đình ở Hàm Dương, lại còn phân tích rất sâu sắc, chính xác và nhận định hợp lý đối với tội lỗi và sai lầm mà thái hậu phải chịu trách nhiệm. Cách nói của Mao Tiêu không quá nghiêm khắc, cũng không quá khoan dung. Nhà vua nghĩ vậy, cảm thấy rất xúc động. Ngài nói:

– Nếu trăm cũng sáng suốt và có lý trí như khanh, thì đâu đến nỗi có người mẹ vô tội bị oan và lạm sát những người trung thực như vừa qua?

Mao Tiêu lại gợi ý:

– Điều này gọi là “trong cuộc không tỏ, ngồi chỗ thì tinh”. Người thủ lĩnh đứng trước một thế cờ phức tạp, các thế lực đối lập lại ở cạnh kề nhau, gốc rễ xoắn xuýt với nhau, trên chính trường thì thủ đoạn xảo quyệt, trong phòng the thì son phấn mê ly. Trong bối cảnh ấy, nếu hơi thiếu thận trọng, thì thắng hay bại, lập công hay phạm sai lầm, nhiều khi chỉ do sự khác nhau ở một thoáng suy nghĩ hay một bước đi giải pháp mà thôi. Người đứng đầu thiên hạ như đại vương, sao không cẩn trọng cho được?

Nhà vua thấy Mao Tiêu nói chí lý, nên quyết tâm dùng hành động để sửa chữa sai lầm của mình, xóa bỏ ảnh hưởng không tốt. Nghĩ vậy, ngài bèn hỏi ý kiến về việc đó. Mao Tiêu nói:

– Đại vương đã nghĩ ra như thế, chúng tở ngài có thể nghe theo những lời nói trung thực, rút ra bài học, đó là sự mở đầu tốt đẹp. Trong đó, việc đón thái hậu về Hàm Dương là một dịp tốt. Vì vậy, hạ thần đề nghị tổ chức lễ đón thật long trọng; đại vương phải đích thân đi đón, để thể hiện lòng thành và hiếu thảo.

Nhưng nhà vua vẫn còn nghi ngại. Ngài nghĩ rằng cuộc nổi loạn ở Hàm Dương vừa qua, bộc lộ mối quan hệ chằng chịt giữa các tập đoàn chính trị quân sự ở tầng lớp trên. Trong đó, vừa có sự câu kết với nhau, vừa có sự chia rẽ lẫn nhau; ngoài mặt thì tranh giành nhau, bên trong thì hắt cẳng đấu đá nhau; gây thiệt hại hết sức nặng nề cho dân cho nước. Nay tuy đã dẹp yên, nhưng hậu quả chưa khắc phục hết. Nếu việc đón thái hậu tổ chức quá lớn, quá phô trương rầm rộ, e rằng sẽ bị chê trách, người đời sẽ phê phán nhà vua lợi dụng sự uy nghiêm tôn quý của mình để phung phí của cải tiền bạc, quên mất nỗi khổ của dân đen.

Mao Tiêu nói:

– Hạ thần lúc đầu cũng nghĩ rằng không nên làm quá to, nhưng sau khi đọc lại một số sự kiện lớn, cảm thấy trong những thời gian và điều kiện nhất định, để có thể tập hợp lực lượng, mở rộng ảnh hưởng, thì không thể không làm như thế. Chẳng hạn như việc thực thi cực hình “xé xác, bêu đầu lâu” đối với bè đảng Lao Ái, nếu không tổ chức thật rầm rộ, quy mô lớn, thì không thể nêu cao chính nghĩa, cổ vũ lòng người. Vì vậy, việc đón thái hậu về, cũng nên từ chỗ giáng xuống quá sâu nay phải nâng lên thật trân trọng, phải cử hành thật trọng thể việc phục hồi danh hiệu tôn vinh, như vậy mới nêu cao được tinh thần khoan dung độ lượng và sự đôn hậu hiếu thảo của đại vương; từ đó sẽ được dân chúng hoan nghênh và ủng hộ. Như vậy thì có gì mà không dám mạnh tay tiến hành?

Nhà vua nghe vậy rất vui mừng, ngài nói:

– Người không những có thể làm phụ tá cho ta mà còn là bậc thầy của ta.

Nói xong, ngài bèn sai Đại hoàng môn Triệu Cao tổ chức lễ đón thái hậu trở về cung Cam Tuyền với nghi lễ cao nhất, có đội ngũ chỉnh tề, trống chiêng rầm rộ, thanh thế hùng tráng.

Trong lúc ấy, thái hậu Triệu Cơ đang ở cung Phụ Dương, sau khi bị phế truất và bị hôn mê do tận mắt chứng kiến hai đứa con yêu bị nhét vào bao tải và bị đập chết thảm thương.

Bà được chữa chạy, và tỉnh lại. Bà thấy mình đang ở trong một nơi chẳng khác gì cái hang bằng đất của những người dân nghèo nước Triệu mà bà và cu Chính thường phải trốn trong đó để tránh bọn lính triều đình Triệu đến lục soát truy nã bà hồi nào. Tuy nhiên, khi ở đất Triệu, mặc dù sống rất gian khổ thiếu thốn, luôn trong tình trạng sợ sệt đề phòng, nhưng được dân nghèo đồng tình, giúp đỡ và che chở. Đặc biệt, lúc ấy cu Chính còn rất gần bó quần quýt bên mẹ; còn Tử Sở thì tuy đã về nước, nhưng vẫn luôn trông ngóng Triệu Cơ về. Vì vậy, khổ thế nhưng khổ nữa cũng vẫn chịu được. Sức mạnh tinh thần to lớn đó đã nâng đỡ Triệu Cơ sống một cách ngoan cường, vượt qua mọi gian truân. Còn hiện nay, chỗ ở ảm thấp, tối tăm, ảm đạm, cô đơn, đau buồn; mọi chuyện ăn uống đi lại đều cách xa một trời một vực so với khi còn là thái hậu. Mặc dù còn có một số nữ tỳ và nội thị theo hầu bà như trước, tiếp tục giúp đỡ và an ủi bà, nhưng trụ cột tinh thần của bà đã sụp đổ; hy vọng đã tan thành mây khói. Bà chẳng còn tin vào cuộc sống và chẳng còn muốn sống nữa. Nhưng bà vẫn phải sống bởi vì bà vẫn tưởng nhớ và lo lắng cho số phận và hoàn cảnh của Lã Bất Vi, cho dù ông ấy có nhớ đến bà hay không. Bởi vì Lã Bất Vi là người đã cứu bà khỏi cuộc sống long đong, rồi giúp bà trở thành thái tử phi và sau đó là hoàng hậu, cuối cùng là thái hậu. Lã Bất Vi thật sự là người chồng nghĩa nặng tình sâu. Bà nghĩ rằng sau khi Doanh Chính giết được Lao Ái và hai đứa trẻ, Doanh Chính chắc sẽ quay lưng kiếm về phía thừa tướng, người cha đẻ của mình. Nghĩ vậy nên bà ăn không ngon ngủ không yên, đêm nằm giật mình tỉnh giấc nhiều lần đến nỗi giống như con chim thấy cung là sợ, suốt ngày sống trong nghi kỵ lo âu.

Tâm trạng đó của thái hậu gây nên sự lo lắng của những người hầu hạ bà. Họ cố gắng làm cho bà sống vui vẻ, thậm chí giả vờ vui cười, ca hát, tấu nhạc, nhảy múa. Nhưng tất cả đều vô hiệu. Điều duy nhất mà bà cần bọn họ giúp, là nói cho bà biết Lã Bất Vi ở đâu, làm gì.

Sau khi Lao Ái bị xé xác không lâu, từng có tin nói rằng Doanh Chính sắp xử tử Lã Bất Vi. Lúc đó bà còn ở cung Đại Trịnh, mặc dù không được tự do ra vào cung, nhưng bà vẫn nhờ người nói với Doanh Chính rằng Lã Bất Vi là người có công to lớn và ơn nghĩa sâu xa đối với cả nhà vua và cả nước Tần. Nhưng đều bị Doanh Chính gạt bỏ hết. Sau khi bị giam ở cung Phụ Dương, một hôm bà bỗng nghe bọn nội thị đi công cán ở ngoài về nói rằng, do sự can gián của cả nước Tần và vua chúa các nước chư hầu, cũng như các sứ thần, các thuyết khách; cho nên vua Tần đã miễn tội chết cho Lã Bất Vi, nhưng không cho ông ấy tham gia chính sự nữa. Điều này khiến thái hậu nhẹ nhõm chút ít, bèn sai bọn nữ tỳ, nội thị nhảy múa, và tự mình ngâm nga một bài tự tình như sau (dịch ý):

Gió đưa lá rụng, báo mùa thu,
Thoi thóp hơi tàn, sông mịt mù.
Xưa chàng thừa tướng, thiếp chánh cung
Ơn nặng tình sâu, chẳng đền bù.

*

* *

Bồng đâu gió thổi mưa sầu.
Đêm dài vò võ canh thâu chốn này.
Làm con mà tàn nhẫn thay
Số chàng, phận thiếp bấy chàng nhớ thương.

Bọn nữ tỳ và nội thị nghe bà ngâm nga lâm ly thống thiết, đều xúc động rơi nước mắt. Có đứa hỏi bà tại sao chỉ nhớ thương Lã Bất Vi mà không nhắc đến nhà vua. Thái hậu cười đau khổ, bà nói rằng: “Các người chỉ nặng về tình mà nhẹ về lý, ta tuy là mẹ nhà vua, nhưng đã đánh mất cái đức hạnh đàn bà, lại muốn nuôi dưỡng Lao Ái làm loạn, làm cho nhà vua mất thể diện, rồi lại bị uy hiếp. Để củng cố chính quyền, lấy lại uy thế quốc gia, nhà vua đã giết Lao Ái, bãi chức thừa tướng, đó đều là chủ trương cần thiết. Ngay dù lúc thịnh nộ, đánh chết hai đứa con yêu của ta, rồi đưa ta vào lãnh cung, ta hết sức đau khổ, nhưng cũng không dám oán trách nhà vua quá nhiều. Bởi vì ta là một phụ nữ yếu đuối, chỉ biết đòi hỏi tình vợ chồng và con cái, không hiểu được cái lợi cái hại của ảnh hưởng từ nơi

màn trướng của hậu cung đối với triều chính, để đến nỗi gây ra họa lớn. Nay thì hối không kịp nữa, chỉ nhần nhục xấu hổ, húng chịu cái khổ mà thôi. Còn tại sao nhớ thương thừa tướng, đó là vì vợ chồng đã hai lần sống với nhau rất hạnh phúc, bây giờ rất khó quên. Hoàn cảnh của ông ấy gian nan nguy hiểm hơn ta nhiều; vả lại, ông ấy bây giờ là người thân duy nhất còn lại của ta! Những sự việc đó, các người đều biết hết cả, ta cũng chẳng giấu giếm gì, nay tâm sự với các người cho khuây khỏa. Ta nghĩ rằng từ nay về sau, chỉ còn Lã thừa tướng là còn có thể đến thăm ta mà thôi. Còn nhà vua, ta không dám, và cũng không tự cho phép mình yêu cầu nhà vua đến thăm ta, một người mẹ đã phụ lòng tiên vương và phụ lòng con ta (Doanh Chính), và gây tai họa cho triều đình. Nếu như sự việc vừa qua của ta không còn gây ra hậu quả gì nữa, thì ta cũng yên phận ở nơi này thôi”.

Không ngờ, mùa hè năm thứ mười niên hiệu Tần Vương Chính, có hai mươi bảy người can gián nhà vua để xin tha cho thái hậu, đã bị nhà vua giết và đem xác phơi trên cỏ gai ở chân tường cung đình. Thái hậu nghe tin này đã khóc liền mấy ngày, hoàn toàn không còn muốn sống nữa, thậm chí muốn sớm chết quách đi cho xong. Một buổi chiều nọ, nắng vàng đã nhạt, gió ấm ngày hè, liễu xanh rủ xuống, chim hót trên cây, cảnh trời êm dịu. Nhưng người buồn cảnh có vui đâu bao giờ, thái hậu chẳng còn thiết gì đến cảnh vật chung quanh, bà cứ nằm thõn thức trên tám chiếu trúc. Bỗng ở phía ngoài cổng có tiếng ồn ào, rồi có những bước chân đi nhanh vào. Một tiếng hô lớn: “Đại vương giá lâm”. Theo bản năng, thái hậu vội đứng dậy, hai tay khoanh trước ngực, tim đập thình thình. Một thoáng suy nghĩ vụt qua, chắc chắn là hai mươi bảy người ra sức can gián đã làm cho Doanh Chính điên khùng lên, nên quay lại trút cơn giận vào mẹ đây. Hẳn là Doanh Chính lại đến xét tội ta một lần nữa đây. Chắc là sẽ ban cái chết cho mẹ đây, hoặc là một chén rượu độc hoặc một dải lụa bảy thước... Nghĩ đến đây, Triệu Cơ bỗng bình tâm lại. Bà nghĩ rằng thà cết cho thỏa thích còn hơn là kéo dài cuộc sống trong sự giày vò đau khổ, mà lại còn tránh cho nhiều người khác khỏi bị liên lụy, phải bỏ mạng vì mình. Bà buông tay sửa lại mái tóc đang xõa rối trên đầu, vuốt lại quần áo cho đỡ nhăn nheo, chuẩn bị sẵn sàng nhận cái chết. Lúc này, bọn nữ tỳ và nội thị đã chạy đến, chúng đứng vây chung quanh bà, cũng chờ đợi một tai họa đang tới gần.

Lại một tiếng hô nữa vang lên: “Thánh thượng đã tới”. Tám vệ sĩ đi trước, đã bước vào phòng thái hậu, đứng thành hai hàng hai bên. Thái hậu đứng ngậy ra mở to mắt nhìn. Bà thấy người đang đến với mình không phải nhà vua oai phong lẫm liệt, ngời cao ngất ngưỡng, mắt trợn mũi phồng, lưng rộng miệng hở; mà lại là Doanh Chính, con bà, đầu trần, tóc xõa, đi quỳ, cúi mặt, đang khóc sục sùi. Bà và các nữ tỳ, nội thị vẫn cứ sững sờ, đứng ngậy ra, chẳng nói chẳng rằng. Trong giây lát, mọi vật hình như đang ngưng đọng lại, lạng ngắt như tờ.

Doanh Chính đi quỳ đến trước mặt mẹ, ngẩng đầu nhìn lên, kêu lên thương cảm:

– Mẫu hậu, mẹ của con!

– Con Chính, con Chính của mẹ. Sao lại đến nông nỗi này?

Thái hậu thấy con quá khắc khổ, làm cho mọi người thấy vậy đều sinh nghi ngờ, bèn tưởng rằng con bà đã bị ai đánh bại, lật đổ mất rồi; bà bất giác cảm thấy rất thương tâm, vội cúi sấp xuống, hỏi gấp.

– Nhi thần, nhi thần... – Doanh Chính nghẹn ngào không nói nên lời, vì quá xúc động.

Nhưng như vậy lại càng làm cho thái hậu thêm sốt ruột, liền quay sang hỏi bọn cận vệ:nh

– Đại vương, đại vương... đại vương như thế nào đây?

Lúc ấy, Mao Tiêu đến bên cạnh Doanh Chính, vội đứng nghiêm chấp hai tay, bảm với thái hậu:

– Đại vương đến đón thái hậu trở về.

– Đến đón ta ư, đón ta trở về ư? – Thái hậu lơ đãng lắc đầu, như tự nói một mình, thật sự chẳng dám tin.

– Đúng thế. Thánh thượng đưa chúng thần đến đón thái hậu về. – Mao Tiêu lại bảm báo lần nữa.

– Đón ta về ư? – Thái hậu vẫn bán tín bán nghi; vẫn ngần ngại. Bà rụt rè hỏi lại Doanh Chính – Con Chính, quả có việc ấy ư?

– Quả có việc ấy! – Doanh Chính ngẩng đầu nhìn thái hậu rồi trả lời rõ ràng.

– Con đến đón mẹ phải không? – Thái hậu vẫn không dám tin.

– Nhi thần đến nghênh đón mẫu hậu đây! – Doanh Chính khẳng định, thành kính.

– Đón mẹ về đâu? – Thái hậu hỏi.

– Đón mẫu hậu về cung! – Doanh Chính vội trả lời.

Thái hậu đã phần nào tin rồi, nhưng lại lập tức tự nói với mình với vẻ thương cảm:

– Về cung! Về cung ư? Không! Không! Không! Ta không về. Ta không về – Vừa nói vừa định quay lùi ra phía sau.

Doanh Chính vội bước lên, hỏi gấp:

– Về cung, sao lại không về ạ?

– Về cung! Nơi ấy năm nào hai đứa con chết thảm, máu còn dính đây. Ta còn lòng dạ đâu quay về nhìn cảnh ấy để mà đứt ruột đứt gan? – Thái hậu rất đau đớn và nói tiếp – Thôi thì cứ ở đây, để cho những ngày tàn cuối đời ta cứ cô đơn heo hút ở đây cũng được.

Doanh Chính vội níu lấy tay mẹ nói rất khẩn thiết:

– Không! Không! Không phải về cung Đại Trệnh.

– Không về cung Đại Trệnh thì đi đâu? – Thái hậu lại lo.

– Về Hàm Dương. Về cung Cam Tuyền, nơi mà những năm xưa, mẫu hậu đã ở đó. – Doanh Chính nói rất dịu dàng, thân thiết.

– Mẹ không tin. Con đã từng nói không bao giờ để mẹ về Hàm Dương nữa mà. – Thái hậu vẫn nhớ lại chuyện đau lòng năm trước.

Doanh Chính lại quỳ xuống trước mặt thái hậu, nói rất hối hận:

– Đó là lúc nhi thần quá giận, đã nói lỡ lời, để đến nỗi mẹ phải vào ở lãnh cung, nhẫn nhục oan uổng, đó thật là tội của con. May mà các trung thần can gián, con đã biết là trái với đạo trời, vút bỏ luân lý. Nay đã truyền chiếu nhận lỗi, sửa lại sai lầm, đưa cả thượng khanh Mao Tiêu đến đây, quỳ lạy xin tha tội. Mong mẫu hậu khoan dung và tha tội bất hiếu của nhi thần. Nay xin đón mẫu hậu trở về cung Cam Tuyền một cách vẻ vang, để cho đứa con xấu xa này được chuộc tội cũ, để mẫu hậu an dưỡng tuổi trời, đừng cho con được trọn một chút nhỏ nhoi của đạo hiếu.

Thái hậu nghiêng mình cảm ơn Mao Tiêu:

– Khanh đã trung thực can gián, ta rất cảm tạ. Nhưng nay ta đã bị phế truất, lòng ta đã nguội lạnh, thân này chẳng màng đến cuộc sống phù hoa nữa.

Mao Tiêu vội khuyên thái hậu:

– Thánh thượng đã tự mình truy cứu và tự trách mình. Thánh thượng đã lấy lại tấm lòng hiếu thảo, đi quỳ để cầu xin thái hậu, thật là chân thành. Thái hậu không nên ngần ngại nữa.

Doanh Chính nước mắt đầm đìa vẫn cầu khẩn thái hậu:

– Nếu mẫu hậu không chịu về cung, thì nhi thần ăn nói như thế nào với các tiên vương ở trên và với thần dân cả nước ở bên dưới. Lẽ nào mẫu hậu lại dẫn nhi thần vào chỗ bất hiếu bất nghĩa, để triều đình mất chủ, chính trị đất nước mất cân bằng?

Mao Tiêu, các thị nữ và thị vệ đều đến khuyên thái hậu. Bà cũng thấy Doanh Chính có thái độ thành khẩn, thật sự hối cải bèn dần lòng cười gượng và nâng con trai đứng dậy. Bà nói:

– Con tôi đã có thành ý như vậy, mẹ sẽ theo con về cung Cam Tuyền.

Doanh Chính vội quỳ xuống, khấu đầu liên tục và nói:

– Đa tạ mẫu hậu đã tha tội bất hiếu cho nhi thần!

Thái hậu lại đỡ con dậy, và chỉ tay vào các nữ tỳ và nội thị đứng bên cạnh, nói một cách thương cảm rằng:

– Những người này đã vất vả nhiều vì mẹ, bị thiệt thòi quá nhiều, nên phong thưởng cho họ.

Doanh Chính vội thưa lại:

– Ta tuyên chỉ: Tất cả những người nào đã hầu hạ mẫu hậu trong thời gian ở cung, nay đều theo giá trở về cung Cam Tuyền. Ai bị thiệt thòi nhiều, sẽ được xem xét phong thưởng.

Mọi người trong cung đồng thanh cảm tạ ân điển của nhà vua.

Tối hôm đó, tại cung Phụ Dương, một đại tiệc được diễn ra trong tiếng nhạc vui mừng, ca múa tưng bừng, nói cười rộn rã. Nhà vua và thái hậu ngồi ở hàng ghế cao nhất; hai bên là các cận thần Mao Tiêu, Triệu Cao và các quan chức địa phương. Chủ khách luôn luôn nâng cốc chúc tụng, mọi người đều mừng cho nhà vua và thái hậu nối lại tình mẫu tử như xưa; ca ngợi lòng khoan dung của thái hậu và sự hiếu thảo của nhà vua. Cuộc vui kéo dài mãi tận khuya mới tan.

Ngày hôm sau, hai chiếc xe rồng chở nhà vua và thái hậu lăn bánh rời cung Phụ Dương. Đội kiêu binh đi trước dẫn đường, ba mươi sáu kỵ binh cận vệ của cung đình và bảy mươi hai bộ binh đi hộ giá hai bên xe rồng; theo sau là hàng chục xe chở hàng trăm người khác gồm các đại thần, tùy tùng, cung phi, nữ tỳ, nội thị. Tất cả tạo thành một đoàn dài, ra đi trong tiếng chào tiễn đưa của dân chúng Ung Thành. Cờ long phượng, quạt chiêu dương tung bay trước gió, long đao trích kiếm sáng loáng dưới ánh nắng mặt trời. Đoàn xe đi đến đâu, dân chúng ùa ra chào đón đến đó. Họ hoan hô nhảy múa chúc mừng mẹ con nhà vua. Nhiều người còn hát những bài dân ca mới sáng tác. Chẳng hạn như (dịch ý):

Nắng thu dịu dịu, chim tung cánh
Gió lướt đồng nội, trời tươi xanh.
Cờ long phượng với quạt chiêu dương
Mẹ con thánh thượng ngồi ngất ngưởng
Mây vàng lướt nhẹ phía chân trời
Tần vương đón mẹ về Hàm Dương
Con hiếu mẹ hiền, ân đức nặng
Phúc lộc đại Tần mãi ngàn năm.

HỘI THỨ MƯỜI BỐN

ĐỂ TRỪ HẬU LOẠN, BAN CHẾT BẤT VI ĐUỔI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, LÝ TƯ CAN GIẢN

Năm thứ 10 niên hiệu Tần Vương Chính (năm 237 trước Công nguyên), Lã Bất Vi bị bãi chức thừa tướng và buộc về ở tại đất phong Lạc Dương. Khi chuẩn bị hành lý để rời phủ thừa tướng ở Hàm Dương, Lã Bất Vi mặt mày ủ dột, tâm tư buồn chán, thỉnh thoảng lại đi xem một lượt lần cuối những nơi đã gắn bó với mình suốt nhiều năm qua như phòng khách, nhà sách, phòng ngủ, vườn hoa, sân tập của các ca kỹ, nhà ở của các môn khách và người làm, thậm chí cả nhà bếp, chuồng ngựa. Có khi, ông còn đứng nhìn đêm chiêu rất lâu, tự lẩm bảm một mình. Hôm lên đường, ông để cho gia quyến, môn khách, ca kỹ và người làm đi trước; bản thân ông chỉ đem theo một số người thân cận như Lã Yên..., ngồi xe ngựa đi một vòng trong nội thành Hàm Dương, ông đến bốn cửa thành để “viếng” nơi mà năm nào ông đã trình bày bộ sách “Lã Thị Xuân Thu” và thưởng “Một chữ nghìn vàng”, tưởng chừng sẽ mở ra kỷ nguyên mới dòng dõi họ Lã, nào ngờ chằm hết buồn thảm bằng “Quan lại chôn kinh kỳ, chẳng thiếu người tài giỏi. Chỉ riêng mình ta thôi, chơi vui đứng giữa trời”. Ông vĩnh biệt nơi này trong nước mắt. Sau khi đi hết bốn cửa thành, ông mới ra roi quất ngựa ra cửa đông, cố đuổi kịp đoàn xe dài dài đi trước. Khi gặp đoàn xe này, ông mới lên ngựa, từ từ đi về phía Đông. Dọc đường, ông suy nghĩ nhiều về cuộc đời ba chìm bảy nổi của mình. Mấy chục năm qua, ông đã đóng góp không nhỏ cho nước Tần về kinh tế, chính trị, quân sự, công lao hiển hách, bỗng từ cái ngôi báu thừa tướng đại Tần rơi tòm xuống, suýt nữa còn mất mạng, ngay cả cái việc lưu trú tại Hàm Dương cũng không được. Đây thực sự là thất bại thảm hại, hết sức đau lòng. Ông cảm thấy căm giận và bất bình. Ông không thể nào hiểu được tại sao Doanh Chính đối với ông lại chỉ trích ngày càng gay gắt, oán hận ngày càng nặng nề đến mức phải thanh trừng, thậm chí phải “loại trừ mới yên tâm”. Tại sao lại cứ tích tiểu thành đại, cuối cùng coi ông là kẻ thù không đội trời chung?

Đó là căn bệnh chung của tất cả các nhân vật anh hùng, bi kịch của mọi thời đại cổ kim trung ngoại. Họ đều là khi đắc thắng thì kiêu ngạo, hí hửng huênh hoang, tham vọng công danh, lòng tham vô đáy.

Khi mới đến nước Tần, Lã Bất Vi lợi dụng quan hệ đặc biệt với gia đình vương tôn Tử Sở, nên đã bước lên chính trường một cách thuận lợi, chỉ trong mấy năm từ khách khanh nhảy lên thừa tướng. Nắm được quyền rồi thì không muốn nhả ra nữa. Nhân lúc Doanh Chính còn ít tuổi, ông làm nhiếp chính, lại quan hệ tình xưa nghĩa cũ với thái hậu, được thỏa mãn với tên gọi “Trọng phụ”; cho nên, ông ta nhiều khi tỏ ra thiếu tôn trọng đối với Doanh Chính, thậm chí quên hết quan hệ vua tôi, vô tình hay hữu ý tỏ vẻ bề trên. Chẳng những trong những công việc triều chính hàng ngày, mà ngay cả những khi có bất đồng về đường lối, phương kế lớn, ông cũng hiếu thắng, vô lễ, phạm thượng, trái ý nhà vua. Ví dụ khi bàn về việc đãi ngộ các thành viên hoàng gia tại cung Cam Tuyền, ông đề nghị với Doanh Chính:

- Chế độ phong đất bắt đầu từ thời nhà Hạ, nhà Thương; đến thời nhà Chu thì định hình; trải qua Xuân Thu, Chiến Quốc cho đến nay. Các triều đại của nhà Tần ta, mỗi khi có thay đổi triều vua đều có phong đất cho các tôn thất hoàng tộc, ai cũng có đất phong, được tự mình thừa hưởng. Nay bệ hạ lên ngôi, cũng nên phong đất làm yên lòng bậc cha anh, vỗ về lớp cùng trang lứa đểqu tất cả đều hưởng lợi như nhau, cùng vui vẻ cả. Như vậy, thánh thượng sẽ có nền tảng vững chắc, hoàng gia an toàn.

- Trẫm nghĩ rằng cuộc chiến tranh thời Ngũ Bá, chiến loạn Thất Hùng thời Chiến Quốc, đều là do phong đất cho chư hầu, mỗi người cát cứ một phương, rồi đánh chiếm lẫn nhau. Ý kiến của thừa tướng thật không thỏa đáng - Doanh Chính kiên quyết phản đối Lã Bất Vi.

Lã Bất Vi vẫn không chịu thua, ông nói có phần nào cường điệu đe dọa người nghe:

- Nguồn gốc của chiến tranh không phải do phong đất mà là do chính trị. Xưa, vua Ngu nhà Hạ lập đế, chia đất cho con, anh em nhà vua đoàn kết hòa thuận, người nào cũng thực hiện nhân chính, cho nên không có chiến tranh, còn Ngũ Bá thời Xuân Thu và Thất

Hùng thời Chiến Quốc là do nước nào cũng quá tham lam, nên nổi dậy đánh nhau liên miên, đất nước không một ngày yên tĩnh. Nay ta đang thay đổi đời vua, nếu không phong đất, thì hoàng gia tôn thất thất vọng. Nếu họ tập hợp nhau lại, tích oán thành thù, lúc ấy sợ rằng đại vương sẽ trở thành mục tiêu tấn công của họ, và sẽ khó chống cự nổi họ.

Doanh Chính nói nhẹ nhàng:

– Trẫm biết có những hai mươi chú bác, và hàng trăm anh em cùng lứa. Nếu cứ lấy danh nghĩa là hoàng thân quốc thích để ngồi hưởng ơn trạch của tiên vương, thì đại Tần dù có giàu có hơn nữa, ta cũng không chia đất cho họ. Thừa tướng quá câu nệ vào chế độ cổ xưa, không chịu thay đổi. Đó thật là tự mình bày đặt ra để bó chân bó tay mình lại, tự chuốc lấy thất bại.

– Bệ hạ đã tự cho mình là thông minh sáng suốt, sao còn phải hỏi ý kiến nông cạn của người khác? Đáng tiếc cho lão thần từng trải ấy chục năm, nhưng lại không bằng thánh thượng chưa đầy hai mươi, thật xấu hổ lắm thay – Lã Bất Vi bất chợt nói mấy câu châm biếm Doanh Chính, làm bộ ta đây “lớp kẻ cả”.

Nhà vua rất khó chịu, hầu như sắp mắng cho một trận. May mà thái hậu hết sức hòa giải. Bà nhấn mạnh với con rằng nên tuân theo lời dạy của tiên vương, tôn trọng ý kiến Trọng phụ. Vì vậy sự bất đồng giữa hai người mới dịu đi. Vua Doanh Chính kiên quyết thi hành chính sách ban bổng lộc cho tôn thất hoàng gia, nhất thiết không phong đất cho họ. Điều này khiến khá nhiều người trong tầng lớp cha chú và cùng trang lứa bất bình. Lã Bất Vi đã không giải thích chính sách đó, lại còn kiêu đội nước lạnh như “họ Lã tôi nhận trọng trách của tiên vương giao cho, giữ chức thừa tướng, nhưng không bằng ý kiến của nhà vua mới, thật xấu hổ với tôn thất đại Tần”. Nói như vậy, có ảnh hưởng rất tiêu cực. Doanh Chính cho rằng Lã Bất Vi đã gây trở ngại cho việc thực hiện các biện pháp cải cách, là đối lập với mình. Vì vậy, ác cảm và sự đề phòng của ngài đối với Lã Bất Vi ngày càng tăng lên.

Về mặt kinh tế, Doanh Chính và Lã Bất Vi cũng có nhiều bất đồng lớn. Hai người từng đấu tranh với nhau, không ai nhường ai. Sở dĩ Lã Bất Vi không tiếc gia sản của mình, đem hết của cải tiền bạc ra, thậm chí liều cả tính mạng, để đầu tư vào Tử Sở, dựa vào đó để đến nước Tần, một mảnh đất tám trăm dặm tươi tốt phì nhiêu và nước giàu dân mạnh. Đó là mục tiêu kinh tế của Lã Bất Vi. Ông mạnh dạn phá bỏ ràng buộc của phương thức sản xuất nô lệ lạc hậu, nghèo nàn, tiến hành cải cách về nhiều mặt. Bản thân ông đã khuyến khích các thương nhân khác mua ruộng đất, cho nông dân cày thuê. Do đó, đã giải phóng được sức sản xuất, thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Ông ra sức đẩy mạnh ngành khai khoáng, luyện gang, làm muối; làm cho các nguồn tài nguyên được tận dụng. Ông khuyến khích thương nghiệp, mở rộng giao lưu vật tư, phồn vinh thị trường, thu thuế quan... Những chủ trương này đã phát triển sức sản xuất kinh tế, làm cho nước Tần thêm hùng mạnh, nhân dân an cư lạc nghiệp, đất nước ngày càng đổi mới, phồn vinh.

Những thành công rất lớn đó của Lã Bất Vi được toàn thiên hạ công nhận, ai ai cũng ca ngợi. Nhà vua Doanh Chính đã có những bước tiến mới hơn, ngài chủ trương đưa ngành kinh tế then chốt vào trong tay Nhà nước, như quốc hữu hóa các ngành khai khoáng, ngành muối, sắt gang; hạn chế số lượng ruộng đất và khoáng sản của tư nhân mua. Tá điền cày thuê ruộng đất, sản xuất phát triển sau một số năm sẽ được quyền sở hữu số ruộng đất cày thuê đó, trở thành nông dân “tự canh”. Trùng trị buôn gian bán lận và hối lộ, thực hiện chế độ thuế chặt chẽ... Những biện pháp đó có tác dụng hạn chế các địa chủ và chủ mỏ mới, để tầng lớp này không lũng đoạn quá mức và xâm phạm lợi ích quốc gia. Nhưng các chủ trương này gây nên sự bất mãn của địa chủ mới, chủ mỏ và thương nhân, thậm chí họ đã có những hành động chống đối triều đình. Những người này coi Lã Bất Vi là chỗ dựa và là người phát ngôn cho họ. Họ nêu ra khắp nơi những luận điệu bất mãn với triều đình. Từ đó hình thành một lực lượng chính trị phản đối Doanh Chính. Đó cũng là nguyên nhân quan trọng làm cho Doanh Chính và Lã Bất Vi không thể thỏa hiệp với nhau, cuối cùng đi đến chia rẽ, đối kháng, đấu tranh ngày càng kịch liệt, một mất một còn.

Hai người ngày càng xa lánh và mâu thuẫn nhau, cho nên Doanh Chính cũng ngày càng cảnh giác và nhạy cảm với mọi lời nói, cử chỉ và công việc có liên quan đến Lã Bất Vi. Một hôm không lâu sau khi dẹp yên bọn nổi loạn Lao Ái, Doanh Chính đang ngồi duyệt tấu chương trong phòng ngủ, bỗng thấy đại hoàng môn Triệu Cao đưa Tả thừa tướng Xương

Bình Quân vội vàng đi vào, chưa kịp quỳ xuống đã hấp tấp bấm báo:

– Hạ thần có việc khẩn cần tấu trình thánh thượng.

Nhà vua đưa tay gạt đồng tấu chương sang một bên, rồi hỏi:

– Khanh có việc gì khẩn mà trông bộ dạng kinh hoàng như vậy?

Xương Bình Quân vừa thở vừa nói:

– Khi hạ thần phụng chỉ phá hủy phủ đệ của Lao Ái, thấy có hai hầm lớn như thế này, chứa đầy tiền vàng và vũ khí.

Nhà vua nghiêm sắc mặt nói:

– Rõ ràng là bọn phản tặc đã mưu tính từ lâu.

– Hạ thần đang chuẩn bị giao vàng và tiền cho đình úy Lý Tư đếm lại và nhập kho; đồng thời làm sổ sách để lưu giữ. Nhưng việc xử lý số vũ khí đó như thế nào, hạ thần không dám tự tiện, nay đến đây...

– Vụ này giao Lý Tư chủ trì lập hồ sơ và xử lý. Số vũ khí cũng giao cho ông ta kiểm tra và nghiệm thu là được; hà tất phải hỏi trẫm – Nhà vua cho rằng Xương Bình Quân việc bé xé ra to.

– Nhưng số vũ khí này rất đặc biệt, rất quan trọng, đình úy Lý Tư nhờ hạ thần mang lại đây mấy cái để trình lên bệ hạ xem – Xương Bình Quân nói xong, liền chạy gấp ra ngoài cửa bảo mấy người lính mang mấy mũi giáo, đầu kích, đưa cho Triệu Cao đặt lên bàn nhà vua.

Doanh Chính cầm lấy xem, thấy dòng chữ: “Giáo của Lã Bất Vi, kích của Lã Bất Vi...”. Ngài bất giác giật nảy mình, vội hỏi:

– Số vũ khí này, có bao nhiêu?

– Đã đếm tại hiện trường, có tất cả một vạn chiếc. – Xương Bình Quân trả lời.

– Trẫm đã nói rồi, Lã Bất Vi phải là đồng đảng với Lao Ái. Nay xem ra là đúng như thế – Doanh Chính nói xong, bèn bảo đại hoàng môn Triệu Cao gọi đình úy Lý Tư đến. Lý Tư vừa đến, ngài hỏi ngay:

– Trong hầm có hàng nghìn mũi giáo, đầu kích, Lã Bất Vi và Lao Ái cùng âm mưu làm phản. Có thể định tội được rồi đấy!

Lý Tư trả lời rất trịnh trọng:

– Xin tha tội chết cho hạ thần được nói, số mũi giáo và đầu kích này tuy khắc chữ Lã Bất Vi sản xuất, có nghĩa là đều được làm ra từ thời họ Lã giữ chức thừa tướng. Quân đội ta cũng đã sử dụng. Hơn nữa, những ai làm thừa tướng, khi đang nhậm chức và đôn đốc việc sản xuất vũ khí để cung cấp cho quân đội, đều có khắc tên mình trên mũi giáo và đầu kích; từ Thương Ưởng cho đến Trương Nghi, Phạm Thư, Ngụy Nhiễm đều làm thế. Tên của họ Lã cũng vậy. Theo suy nghĩ của hạ thần, nếu chỉ dựa vào những hiện vật này thì chưa thể định tội cho họ Lã là phản tặc.

– Ôi! Nhà ngươi vốn là môn khách của họ Lã định bao che cho y, để y được miễn tội phải không? – Nhà vua đập bàn tức giận.

– Hạ thần không dám. Nhưng dựa theo tất cả các lời khai của bọn phản tặc, thì Lao Ái và đồng bọn đã nói hết tất cả, không dám giấu giếm điều gì, cốt để được tha tội chết. Nếu họ Lã là đồng mưu, thì chúng đã khai ra rồi. Nhưng Lao Ái và những tên đầu sỏ của chúng, không đứa nào nói đến họ Lã, cho thấy họ Lã chưa tham gia vào nhóm của bọn chúng. Đó là tình và lý mà hạ thần kính mong thánh thượng minh xét.

Rất may là Lý Tư phân tích có tình có lý, nên Lã Bất Vi chưa bị coi là phản tặc và được tha tội chết. Nhưng thái độ hết sức tức giận của nhà vua khi ngài xem xét việc cất giấu vũ khí nói trên, thậm chí ngài đã vội đưa Lã Bất Vi đến chỗ chết, chỉ có vậy ngài mới yên tâm; tình hình đó cho thấy, trong con mắt của vua Doanh Chính, Lã Bất Vi bị coi là một nhân vật nguy hiểm từ lâu đã có dã tâm và chuẩn bị lực lượng, chờ có thời cơ là khởi sự.

Xem xét các quan hệ khác, Lã Bất Vi đã tư thông nhiều năm với thái hậu, và suýt nữa thì bị bắt quả tang. Tệ hại hơn là hối lộ thầy y thuật để giả hoạn và đưa “hoạn quan giả” vào cung, hiến Lao Ái cho thái hậu, gây dâm loạn ở nơi đông cung; rồi Lao Ái lại quấy rối ở Hàm Dương, mưu đoạt chính quyền. Chỉ chừng ấy chuyện thôi, cũng đủ tội chết rồi. Nay được bảo toàn tính mạng, cả nhà về đất phong Lạc Dương, an dưỡng nơi điển viên sông suối, ngồi hưởng phúc lộc phú quý của mười vạn hộ. Đó là may mắn lắm và nên yên phận được rồi.

Mấy tháng đầu sau khi về Lạc Dương, Lã Bất Vi cũng tập trung vào việc kinh doanh và phát triển kinh tế, lĩnh vực chủ yếu của mình; tiếp tục thực hiện chủ trương của một đại địa chủ có ruộng đất phát canh thu tô, phát triển nông nghiệp. Ông còn là một chủ mỏ muối và sắt, phát triển nghề rèn đúc. Về mặt buôn bán, ông là đại thương nhân, làm chúa tể trên thị trường, thúc đẩy việc giao lưu sản phẩm, nâng cao và làm phong phú đời sống nhân dân. Do vậy, nhân tài các nơi lại bị thu hút về Hà Nam (Lạc Dương). Nhất là các nước chư hầu đều đua nhau cử sứ thần đến yết kiến ông, vẫn gọi ông là “thừa tướng”, là Văn tín hầu, còn chúc Tết và chúc thọ ông.

Lạc Dương là nơi “địa lợi”, vì đây là con đường quan trọng mà các nước muốn đến nước Tần đều phải đi qua. Đến nỗi, sứ giả các nước, cũng như con tin, người đi du học, đi xin việc (xin chức), đi buôn, đều muốn đi qua và tạm trú tại Hàm Dương, để thông qua Lã Bất Vi tìm hiểu tình hình nước Tần và các chính sách hữu quan. Khi trở về, họ lại ghé qua Lạc Dương và kể cho Lã Bất Vi biết tình hình mới nhất ở Hàm Dương và hỏi ý kiến ông. Đặc biệt, các nước Triệu, Tề, Hàn đều nói rõ rằng họ sẵn sàng đón ông về nước họ làm thừa tướng, chủ trì các việc đại sự của nhà nước quân sự.

Do vậy, Lạc Dương trở thành một trung tâm mới về chính trị, kinh tế, văn hóa. Và Lã Bất Vi không thể yên phận với tư cách một đại thương gia, một điền chủ lớn nữa. Trong con người ông lại nhen nhúm dã tâm chính trị mới, lại tham vọng đứng đầu chính trường, khuynh đảo triều đình, lấy lại chức thừa tướng. Ông lợi dụng những người thân do ông giúp đỡ và cất nhắc vào các chức quan của triều đình, cũng như các sứ thần và học giả các nước có quan hệ giao hữu với ông, để gửi các bản tấu chương hoặc thư tâu cho nhà vua Doanh Chính. Thậm chí, có lúc đích thân ông đưa tấu chương và thư cho đại hoàng môn Triệu Cao và những thị vệ chịu trách nhiệm truyền đạt lệnh vua. Để làm công việc này, ông đã không tiếc của, mua cho được các “vé vào cửa”. Đến mức, chỉ trong một thời gian ngắn, đã có đến hơn bảy trăm thư và bản tấu ca ngợi công đức của Lã Bất Vi và kêu gọi để ông trở lại làm việc.

Làn sóng dư luận lớn mạnh đó không những không thuyết phục được nhà vua Doanh Chính; ngược lại, nó làm cho ngài cảnh giác và canh chừng nhiều hơn. Ngài thấy rằng Lã Bất Vi đã bị bãi chức, bị đuổi khỏi Hàm Dương, nhưng ảnh hưởng của ông ta còn rất lớn. Ông ta vẫn còn răn hai đầu”, “đánh chết, cái nết chẳng chừa”. Con rắn ấy đang trỗi dậy ở miếng đất màu mỡ Lạc Dương, đang lăm le quay lại Hàm Dương, quay lại phản công điện Kim Loan của ngài. Để chứng thực nhận xét trên của mình, Doanh Chính sai tướng Mông Vũ và Vương Tiễn cho mật thám luồn sâu vào Lạc Dương, xem xét động tĩnh. Những người này nhanh chóng hồi âm như sau: “Lã Bất Vi ở Lạc Dương có quan hệ rất chặt chẽ với các sứ thần và học sĩ các nước chư hầu, cũng như với các khách khanh, thương gia của nước Tần. Khi gặp nhau, lạm bàn triều chính, nói bừa rằng họ Lã sẽ trở lại triều đình chủ trì triều chính”. Doanh Chính giận dữ nói một mình:

– Trước đây ta thấy y có công lớn nên miễn tội chết. Không ngờ lại thả hổ về rừng, để lại hậu họa. – Nghĩ vậy, ngài bèn gọi Xương Bình Quân, Mông Vũ, Lý Tư, Diêu Giá đến bàn gấp kế sách đối phó với Lã Bất Vi. Xương Bình Quân nhắc lại nội dung cuộc tiếp xúc gián tiếp bí mật giữa Lao Ái và Lã Bất Vi, do Lao Ái khai.

Doanh Chính cho cận vệ giải Tư Không Mã, người giúp việc văn thư của Lã Bất Vi đến và ngài tự mình hỏi Tư Không Mã:

– Nói ngay đầu đuôi việc Lã Bất Vi sai nhà người tiếp xúc bí mật với Lao Ái?

– Lã thừa tướng tự biết mình có quyền lớn, tất sẽ bị bệ hạ nghi ngờ. Lại biết Lao Ái phản trắc tư thông với thái hậu và có con, đoán biết người này sớm muộn cũng làm phản, nên sai hạ thần gặp kín Lao Ái, thăm dò thực hư thế nào – Tư Không Mã trả lời.

Nhà vua hỏi gấp:

– Nhà ngươi thăm dò thấy thực hư thế nào?

Tư Không Mã suy nghĩ giây lát rồi nói:

– Hạ thần trả lời Là thừa tướng: “Lao Ái có ý làm phản”, nhưng không biết thừa tướng giúp ai, nên cứ chân chừa.

– Lã Bất Vi nói với nhà ngươi như thế nào? – Nhà vua nghe vậy hỏi tiếp.

– Là thừa tướng ghé vào tai hạ thần nói ba chữ: Buộc nó phản. Thế là hạ thần gặp Lao Ái, nói rằng thừa tướng có quá trình và công lao hơn ngài, lại bị vua đề phòng từ lâu, nên không dám làm bừa. Nay đại vương lo nhất là Trường tín hầu [122]. Lao Ái nghe nói vậy, bèn vội gây sự. – Tư Không Mã khai ra “sự thật ba chữ” mà Lã Bất Vi đã nói với ông ta.

– Buộc nó phản! Buộc nó phản là như thế đấy – Nhà vua đập bàn đứng dậy, nói rất giận dữ: – Dùng ba chữ để bí mật xúi giục Lao Ái làm phản, ngồi xem thành bại, để ngư ông đắc lợi. Bụng dạ họ Lã thật khó lường. Sự việc đã rõ như ban ngày.

Nói xong, ngài quay sang hỏi Xương Bình Quân và Lý Tư:

– Lời nói và việc làm của họ Lã như vậy, sao không kịp thời bẩm báo cho trẫm, để mãi đến hôm nay?

Lý Tư vội biện bạch:

– Là thừa tướng tuy có nói vậy, rõ ràng là sợ Đại vương nên mới dung túng Lao Ái, nhưng không tham gia vào nổi loạn, sao có thể định tội chết. Huống chi, nay bệ hạ đang lên cơn thịnh nộ, biết được chuyện này, chắc sẽ chém họ Lã; như vậy sẽ liên quan rất nhiều gia tộc và môn khách của họ Lã rất đông, sẽ làm chấn động trong triều và ngoài thiên hạ, sẽ không có lợi cho triều đình.

Xương Bình Quân cũng nói thêm:

– Những suy nghĩ của chúng thần đều là nhằm củng cố quyền lực của đại vương, an ninh của xã tắc, một lòng vì nước, tuyệt đối không ăn ở hai lòng, xin đại vương minh xét.

– Nói như các khanh, là có ý tốt – Nhà vua không trách họ nữa, nhưng lại càng phần nộ đối với hành động của Lã Bất Vi. Ngài nói với các đại thần: – Năm trước ta thấy y có công lớn, và lại thể tình nhiều mặt, nên đã miễn tội chết cho y, để thể hiện sự khoan dung. Ai ngờ đã tâm phản tặc của y không giảm, mà vẫn muốn trở dậy, hòng sống lại trên đống tro tàn. Y không chịu sửa chữa lỗi lầm, sao có thể tha thứ được – Nói xong ngài bèn tự tay viết một bức thư giao cho Mông Vũ, rồi nói: – Đi nhanh đến Lạc Dương, đưa thư này cho y, sẽ biết rõ.

Đồng thời, ngài còn viết một bản chiếu lệnh, trong đó nói rõ cách giải quyết số người và tài sản có liên quan đến Lã Bất Vi và giao cho Mông Vũ chiếu theo luật để chấp hành.

Trong một buổi chiều tà mùa xuân, trời se lạnh, Lã Bất Vi ngồi trong phòng sách đang đọc các thư từ trong nước và nước ngoài gửi đến. Trong đó, có thư hỏi thăm và chúc sức khỏe. Có thư gửi lời chào và mong muốn ông ta ra hoạt động lại. Cũng có thư mời ông ta đến nước họ làm thừa tướng để “cùng thực hiện quyết chí diệt Tần”... Những thư từ như vậy cứ làm cho ông ta trông trước ngó sau, đứng núi này trông núi nọ, chẳng biết làm thế nào cho phải. Ông bèn đẩy đồng thư từ sang một bên, đưa mắt nhìn ra phía ngoài cửa sổ. Ông chỉ nhìn thấy những bóng liễu dưới thềm đã phủ màu xanh, hoa đào hoa hạnh đã bắt đầu nở khá nhiều, cho thấy mùa xuân đã về. Nhưng chỉ cảm thấy bản thân mình giống y như thân cây lê già kia, nó đã khô héo trơ trụi vì gió mưa, phong ba bão táp mấy hôm nay đã tới tấp quật hết hoa lá của nó rơi đầy mặt đất, cống rãnh và bùn lầy. Những cành khô của nó đang phấp phới nghiêng ngả kiệt sức trước gió. Nhưng ông nghĩ tại sao lại tự ví mình như là “ngóng trông hoàng hôn, mưa dập hoa lê? lại...?” Tại sao không mở toang cửa, xông ra bên ngoài, giống như hoa đào, dám trải gió mưa, tranh nhau nở rộ?... Đang suy nghĩ miên man thì bỗng thấy lão quản gia Lã Yên đến báo tin:

– Tướng Mông Vũ đến.

Ông vội đến tiền sảnh để đón khách. Hai bên chào nhau rồi ngồi xuống. Ông hỏi

khách:

– Tướng quân bận nhiều công việc. Hôm nay đi qua đây hay là...?

Mông Vũ trả lời:

– Hôm nay phụng chỉ tới đây.

Lã Bất Vi vội đứng dậy nói:

– Sao tướng quân không nói sớm hơn, để ta bày hương án tiếp chỉ.

– Không cần, không cần! – Mông Vũ vội ngăn lại, và nói – Bệ hạ không ban chỉ, mà đích thân viết thư này, Lã hầu xem thì biết.

Lã Bất Vi cung kính nhận bức thư theo đúng nghi lễ vua tôi và nói:

– Tạ ơn bệ hạ ban thư – Sau đó, ông đọc những dòng chữ của nhà vua mà ông thấy rất quen thuộc: “Người có công gì với Tần? Tần phong người đất Hà Nam ăn mười vạn hộ. Người bà con gì với Tần, mà gọi là Trọng phụ. Bản thân và gia quyến đầy đến đất Thục”.

Sau khi xem xong thư, Lã Bất Vi nói với Mông Vũ:

– Xin cho ta suy nghĩ giây lát.

Nói xong bèn quay về phòng sách, ngồi im lặng, xem đi xem lại bức thư, suy đi tính lại. Ông nghĩ rằng, chính Doanh Chính thừa nhận Lã Bất Vi này có công, thừa nhận quan hệ cha con giữa hai người, nhưng lại tuyệt đối không dám công khai công nhận điều đó, vì như vậy sẽ hủy hoại bản thân Doanh Chính, hủy hoại cái ngôi quân chủ đại Tần đang rất muốn chinh phục sáu nước thống nhất thiên hạ, rồi lại căm giận ta tồn tại trên đời này, nên mới vận hồi ta “có công gì... và có bà con gì...” để dôn ta vào bước đường cùng. Nay thì ta không còn cơ hội và năng lực để phản kháng nữa, nếu đi đầy ở đất Thục, để cả nhà bị liên lụy chịu nhục; bản thân đã bất lực, không thể xoay chuyển gì được thời thế nữa; vậy thì còn phải khổ sở lưu luyến gì cuộc sống bi thảm này nữa? Điều đáng tiếc duy nhất là chưa, cũng không dám, “ba mặt một lời” nói cho nhà người “Doanh Chính” biết rằng ta và Triệu Cơ là cha mẹ đẻ của người. Nghĩ đến đây, ông bất giác rơi nước mắt. Ông bình tĩnh lấy một chai rượu có chất độc ở sâu trong tủ sách rút đây một chén, cầm lấy chén rượu và bước từ từ đến bên cửa sổ, ngược nhìn hoa lê và những hạt mưa xuân đang rơi liên tục ngoài trời. Ông đưa chén rượu lên môi, rướn cổ rơm lệ, uống một hơi hết sạch.

Hôm ấy là vào tháng hai năm thứ 12 niên hiệu Tần Doanh Chính (năm 235 trước Công nguyên), hai mươi lăm năm sau khi Lã Bất Vi phát hiện ra món “hàng lạ” ở Hàm Đan, kinh đô nước Triệu. Với quá trình trải nghiệm đầy huyền thoại của mình, với tài năng xuchúng về kinh tế và chính trị, Lã Bất Vi đã viết nên những chương mới quan trọng trong lịch sử tiền Tần cuối thời kỳ Chiến Quốc. Điều đặc biệt hấp dẫn và làm cho mọi người phải suy nghĩ sâu sắc là cái kết cục đáng buồn của ông và việc ông đã sinh ra, nuôi dưỡng và đào tạo nhân vật lịch sử vĩ đại (khoáng cổ tuyệt kim) ^[123] được toàn thiên hạ ca tụng, ngưỡng mộ, nhưng ai cũng kính sợ và nguyên rủa. Đó là Tần Thủy Hoàng ^[124].

Sau khi Lã Bất Vi chết, toàn bộ gia tộc của ông bị liệt vào hạng “hộ tội tử”, sung công toàn bộ tài sản. Hơn ba nghìn người có liên quan với nhà họ Lã gồm môn khách, gia nô, thê thiếp, ca kỹ, thì được phân biệt mức độ thân sơ, chủ yếu hay thứ yếu để hoặc là đưa đi lao động nặng nhọc có quản chế, ở Phòng Lăng miền Hán Trung. Hoặc là đưa về các quận huyện làm tội tử.

Trong đó có hơn một nghìn người gồm gia quyến, đầy tớ gái, phụ nữ làm thuê, ca kỹ, bị đưa đến Hàm Dương, cho vào các cung làm nô tỳ. Một gia đình khanh tướng hiển hách vinh quang, đã bị hủy hoại sạch sành sanh như vậy đó!

Đối với Tần Doanh Chính, cái chết của Lã Bất Vi cố nhiên là loại trừ được một tai họa tiềm ẩn. Nhưng cũng do đó mà có phản ứng dây chuyền, những vấn đề được nảy sinh từ đó khiến Doanh Chính lại đứng trước những khó khăn mới.

Điều này trước hết là mười hai năm trước, khi Doanh Chính mới lên ngôi, một người tên là Trịnh Quốc đến nước Tần đào kênh xây đập làm thủy lợi. Sự việc này như sau: Nước Hàn ở cạnh nước Tần, nhưng kinh tế lạc hậu, lãnh thổ nhỏ hẹp, lực lượng y vết kém, luôn

luôn bị nước Tần úc hiếp. Khi nước Tần đi đánh ở xa đều đi qua nước Hàn; đi đi lại lại vừa gây phiền nhiễu, lại còn chiếm cả đất đai của Hàn nữa. Hàn cảm thấy thật sự nhục nhã, đau khổ. Về sau, vua Hàn nghe “mưu kế suy yếu Tần” của một vị đại thần, cử Trịnh Quốc, là người tinh thông công trình thủy lợi, sang Tần du thuyết, khuyên Tần đào một con kênh dài hơn ba trăm dặm, bắt đầu từ Vân Dương đất Ung đến Hồ Khẩu ở Trung Sơn. Toàn bộ con kênh đều xuyên qua đá và tựa vào vách núi, dùng để tưới nước cho mấy triệu mẫu (một mẫu Trung Quốc bằng 1/16 hecta), ruộng đất ở dọc hai bên. Lúc ấy Doanh Chính còn nhỏ, phải hỏi ý kiến “trọng phụ” vì cho rằng như vậy có thể làm cho đất đai của Tần tươi tốt, nhà vua bèn chấp nhận kiến nghị của Trịnh Quốc. Để làm việc này, nhà Tần phải bỏ ra rất nhiều nhân lực, vật lực, tài lực, đến nỗi “quốc khố” (kho tàng nhà nước) cạn kiệt; vét sạch nhân lực không còn người đăng lính, kế hoạch chinh phục các nước phía đông không thể thực hiện được. Sau này nghĩ lại, mới biết được mưu kế của Trịnh Quốc sơ dĩ được thực thi thành công là vì Trịnh Quốc với Lã Bất Vi là đồng hương. Hơn nữa, việc đào con kênh này, người được lợi lớn nhất, nhiều nhất là tập đoàn đại địa chủ, đại thương nhân do Lã Bất Vi đứng đầu. Bởi vì phần lớn ruộng đất được tưới nước đều là của tập đoàn này. Điều làm cho Doanh Chính phải giật mình kinh ngạc là trong số ba nghìn môn khách của Lã Bất Vi, và trong các cơ quan của triều đình, có rất nhiều người thuộc quốc tịch nước khác, có người còn đang làm việc tại những bộ phận cơ mật. Trước đây, khi Lã Bất Vi còn làm việc bình thường, quan hệ đôi bên vẫn bình yên vô sự, thì những người ấy chẳng có gì đáng quan ngại. Nay tình hình đã khác hẳn, lúc bình thường, khi các hoàng thân quốc thích và các lão thần, do không được thỏa mãn lợi ích của mình nên sinh ra bất mãn với nhà vua, nhưng chỉ tức giận chứ không dám lên tiếng. Nhà vua cho rằng hiện tượng bất bình đó, là kết quả của mưu đồ “coi khách là chủ” của Lã Bất Vi, một chính khách có quốc tịch nước ngoài. Vì vậy, lòng căm giận của họ đối với Lã Bất Vi rất sâu sắc, nặng nề. Nay Lã Bất Vi đã chết, những hoàng thân quốc thích và lão thần bất mãn sẽ cảm thấy vui sướng, và họ sẽ có những hành động bài ngoại quyết liệt.

Khi nhà vua đang ngập đầu vào những công việc xử lý hậu quả việc trừng trị Lã Bất Vi, thì ông chú Tử Khang đưa mấy thành viên hoàng gia và lão thần đến bẩm báo:

– Con kênh do Trịnh Quốc phụ trách, đất đai được tưới nước đều của các địa chủ và tập đoàn thương nhân tài phiệt của Lã Bất Vi, chúng đã làm hao tổn nhân tài vật lực nước ta, làm cho kế hoạch chinh phục miền Đông của chúng ta không thực hiện được. Trong khi đó họ Lã và các tập đoàn của chúng hưởng lợi kếp xù, làm cho nước Tần suy yếu, nước khác mạnh lên! Lã Bất Vi vốn là người nước Hàn, trương lá cờ buôn bán làm ăn, nhưng mục tiêu chính là tiến đoạt chính quyền, cũng đều là gian tặc cùng một giuộc với Trịnh Quốc, đều là nguy hại cho nước đại Tần ta, thật đáng chết ngàn lần chứ không thể tha.

Nhà vua chau mày hỏi:

– Lúc đầu chỉ mong việc xây dựng thủy lợi để mang lại lợi ích cho các nông gia, chứ không nghĩ tới kẻ thực lợi là ai.

Tử Khang nói:

– Xem trên bản đồ, thì hệ thống kênh đó đang tưới cho ruộng đồng nước ta. Nhưng không biết rằng hàng triệu mẫu đất tốt tưới ấy đã được các tập đoàn của Lã Bất Vi mua rồi, tiếng là đất của Tần, thực là tài sản của họ Lã nước Hàn.

Nhà vua rất đau lòng, nói:

– Lã thị ăn đầu ăn đuôi, vừa ăn cướp vừa la làng, không ngờ y lại gian xảo đến thế.

– Có người nhắc nhở rằng, người khuyên nên đào kênh, lại không phải là của các nước lớn như Triệu, Ngụy, mà là người của Hàn, một nước sức yếu dân nghèo. Vả lại, họ Trịnh và họ Lã lại là người Hàn, nên “trong đánh ra ngoài đánh vào”, hai người phối hợp với nhau, huyền hoặc bệ hạ vừa có nước tưới cho đất tốt, được mùa thu lợi; vừa gây hao người tổn của cho nước ta, làm cạn kiệt nguồn nhân lực quân đội đại Tần. Bọn này chỉ là “miệng nam mô, bụng bồ dao găm”, một mũi tên nhằm hai đích. Không ai ghê gớm như chúng – Một lão thần tóc bạc phơ vạch trần mối quan hệ bất bình thường giữa Lã Bất Vi và Trịnh Quốc.

– Lã Bất Vi bán hết gia sản, cố gắng vươn lên trong mấy chục năm, leo lên ngôi báu

thừa tướng, cũng không dễ dàng. Vậy tại sao không hề quý trọng những ân huệ của nhà Tần, mà lại dấn thân vào làm lợi cho nước Hàn bé tí tẹo kia? – Nhà vua vẫn chưa hoàn toàn tin vào những lời giải thích ở trên.

– Bọn gian tặc không đứa nào không tìm mọi cách để giấu kín mưu mô của chúng, khẩu Phật tâm xà, cốt để đạt được mục tiêu đen tối của mình. Cho nên, đừng nói chi bỏ ra hàng nghìn hàng triệu tiền của, lẫn lộn cả chục năm, mà ngay cả tính mạng, chúng cũng dám không tiếc – Những lời của Tử Khang rất có tác dụng xúi giục..

– Vậy thì việc của nhà họ Lã không thể coi thường. – Nhà vua nghe Tử Khang nói vậy, cảm thấy tình hình thật sự nghiêm trọng. Ngài hơi lo.

Một ông chú khác thấy nhà vua lo nghĩ bèn đổ thêm dầu vào lửa:

– Nếu chỉ có một mình Lã Bất Vi thì còn dễ. Đằng này, các nhân vật quốc tịch nước khác có mặt nhan nhản trong số các công khanh ở triều đình, quan văn thì làm trong các nha phủ, quan võ thì ở trong quân đội, đâu đâu cũng có; hễ có ai cần đến là được dùng làm phò tá. Một khi có biến động, thế lực ấy rất đáng sợ. Hạ thần mỗi khi nghĩ đến tình hình này, đều cảm thấy như có nguy cơ đang tiềm ẩn khắp nơi. Thế lực này rất có thể “hễ phát là động” và nhanh chóng lật đổ triều đình.

– Sao trầm lại sơ hở đến thế cơ chứ? Ý kiến của vương thúc và các khanh đã thúc tỉnh trầm, gỡ cái rối và bẻ tắc cho trầm. Trầm phải có biện pháp quyết đoán để loại trừ bọn này!

Nhà vua tiếp thu ý kiến của Tử Khang và các lão thần; ngài viết một bản chiếu thư trực xuất các khách khanh [125] và các nhân viên quốc tịch khác. Đại ý chiếu thư nói rằng, lập tức đình chỉ việc đào kênh của Trịnh Quốc, xét xử tội trạng của Trịnh Quốc. Chuyển nhân tài vật lực sang quân sự, tăng cường lực lượng vũ trang. Tất cả các “khách khanh” nước ngoài đều phải trực xuất ra khỏi nước Tần, tịch thu và sung công toàn bộ tài sản của đại địa chủ và đại thương nhân thuộc quốc tịch nước ngoài, hạn định thời gian buộc nước người này phải đi khỏi nước Tần.

Điều quan trọng trong sự kiện này là “khách khanh”, Lý Tư cũng phải bị trực xuất, toàn bộ nghiệp vụ tình báo và tư pháp do ông nắm giữ phải giao ngay cho “xa phủ lệnh” Triệu Cao, để hạn trong vòng ba ngày phải đi khỏi nước Tần.

Từ xưa đến nay, việc chấp hành chính sách của nước Tần là hết sức chóng vánh và triệt để; huống chi lần này, việc trực xuất khách khanh rất đáp ứng tư tưởng bài ngoại của những người trong tôn thất hoàng gia và các lão thần, làm cho họ rất mãn nguyện, thở phào nhẹ nhõm. Vì vậy, họ hăng hái xung phong tham gia vào cuộc vận động trực xuất người nước ngoài, trái hẳn với thái độ xa lánh triều đình và tiêu cực dấy dưng trước đây của họ. Nhờ vậy, chỉ trong vài ngày, tất cả những người nước ngoài trong chính quyền, quân đội và thương mại, đều bị đuổi khỏi Hàm Dương. Những người này ra đi trong tâm trạng hoang mang cực độ vì sự việc quá đột ngột, phải vội vàng lên đường, lại còn phải đưa cả gia đình đi theo, hết sức lồi thối lếch thếch, nhếch nhác vô cùng.

Lý Tư vốn là môn khách của Lã Bất Vi lại nắm việc tư pháp và tình báo, cho nên tỏ ra rất thận trọng trong việc thẩm vấn và xử lý vụ án Lao Ái và Lã Bất Vi, nhất là việc xử lý những vụ việc phát sinh sau khi trừng phạt Lã Bất Vi. Khi các sự việc kia tạm thời kết thúc, Lý Tư mới thở phào nhẹ nhõm. chuẩn bị nghỉ ngơi chốc lát. Ai ngờ bây giờ cơ quan nhân sự và hộ tịch lại đến truyền đạt cho ông lệnh của nhà vua phải trực xuất quan khách nước ngoài. Đọc xong lệnh này ông cảm thấy hoảng hốt kinh hoàng đến nỗi lặng người trong một lúc, mãi sau này mới tỉnh táo lại. Ông rất lấy làm lạ là tại sao một vấn đề hệ trọng như vậy mà cứ ra quy định bừa bãi tùy tiện, không thềm hỏi ý kiến của những người tham mưu như ông. Ông bèn đọc đi đọc lại toàn văn bản mệnh lệnh của nhà vua. Ông nhìn kỹ từng câu từng chữ, bỗng cảm thấy trong đó hiện lên bộ mặt dữ tợn, ghê tởm của Tử Khang và các lão thần và thái độ hý hửng đắc chí xấu xa của họ. Ông cảm thấy thế lực bảo thủ này quả là rất lớn mạnh và ngoan cố. Chính vì bọn họ mà một cận thần đã vào làm việc trong cơ quan cơ mật của triều đình như ông cũng bị trực xuất thẳng tay! Ông thấy rất oan ức khi nghĩ lại chặng đường vừa qua quãng thời gian mà ông đã phấn đấu rất gian khổ kể từ khi ông vào nước Tần. Ông là người đất Thượng Sái nước Sở, lúc còn trẻ đã từng làm một quan chức nho nhỏ ở địa phương. Có một lần ông nhìn thấy con chuột kiếm ăn trong nhà xí của nhà phủ, khi chuột thấy người và chó, chúng liền bỏ chạy. Một lần khác,

ông lại nhìn thấy chuột đàng hoàng ăn thóc trong kho, không có người và chó đến quấy rầy nó. Từ đó, ông phát hiện ra một đạo lý: con người có tài năng nhưng chưa làm nên việc gì lớn, đó hoàn toàn là do hoàn cảnh cũng giống như con chuột nói trên mà thôi. Ông bèn rời quê hương, đến gặp Tuân Tử, nhà học giả lớn lúc bấy giờ, để xin học các kiến thức trị quốc bình thiên hạ. Học xong, ông đến kinh đô nước Sở xin việc để thi thố tài năng, nhưng không được trọng dụng. Vì lúc ấy, Sở là một trong sáu nước suy yếu, không có đất dụng võ. Để tìm một nơi thích hợp với khả năng của mình, ông nói với thầy Tuân Tử: “Điều sỉ nhục nhất của đời con người là thấp hèn, đáng buồn nhất là nghèo khổ. Nếu cứ thấp hèn và nghèo khổ lâu dài, mà lại không làm gì cả, thì không phải là một người có chí”. Nói xong, ông đến nước Tần. Khi mới đến Tần, ông gõ cửa Lã Bất Vi xin làm môn khách. Sau được giao giữ chức “lang”. Chức vụ này tạo cơ hội cho ông được nêu ý kiến với vua Tần. Ông nói với nhà vua về nguyên nhân tại sao trước đây vua Tần Mục Công không thể xưng bá, đó là vì lúc ấy nhà Chu còn rất thịnh, các chư hầu cùng mạnh, nên Mục Công không làm gì được. Nhưng kể từ Tần Hiếu Công trở lại đây nước Tần đã mạnh hơn nhiều, nhà Chu cũng đã suy yếu, các chư hầu cũng đã thần phục nước Tần. Đến nay, thời kỳ của đại vương, nước Tần đã có đủ sức mạnh để thôn tính sáu nước, thống nhất thiên hạ; hạ thần rất vui lòng được phụ tá đại vương. Nhà vua chấp nhận biện pháp sau đây của Lý Tư: dùng vật chất để dụ dỗ hoặc gây chia rẽ vua tôi các nước chư hầu, làm cho nhân tài của họ từ bỏ nước mình để đến nước Tần theo kế sách của Lý Tư. Nhờ vậy, nước Tần mạnh lên nhanh chóng. Nhà vua Doanh Chính thấy Lý Tư có công lớn, bèn phong làm “khách khanh”.

Nhưng hiện nay bản thân ông và tất cả những người quốc tịch nước đều bị trục xuất, thật là oan ức. Đặc biệt, việc này sẽ làm cho nước Tần mất hết nhân tài và sức mạnh sẽ suy yếu. Tổn thất này sẽ gây ra hậu quả khó lường. Vì vậy, ông nghĩ rằng mình phải nêu ý kiến để nhanh chóng ngăn chặn việc thi hành lệnh trục xuất, cho dù bị trị tội cũng cam lòng. Sau khi suy nghĩ kỹ với tâm trạng rất kích động, ông cầm lấy bút, viết một bức thư can gián nổi tiếng và được lưu truyền thiên cổ, gọi là “Gián trục khách thu” (thư can gián việc trục xuất người nước ngoài).

Thư viết:

“Hạ thần nghe nói một số quan lại kiến nghị trục xuất các nhân sĩ nước ngoài, thân cho rằng việc đó là sai lầm. Trước đây, vua Tần Mục Công ra sức chiêu mộ các nhân sĩ hiền đức. Người đã tìm được Do Dư của tộc người Nhung ở miền Tây; nước Sở ở phía Đông thì có Bách Lý Hề, nước Tống có Kiến Thúc; còn Phi Beo và Công Tôn Chi thì từ nước Tấn tới. Năm người này không phải là người nước Tần, nhưng nhà vua Mục Công đã dùng họ, nhờ vậy đã thôn tính được hai mươi nước nhỏ, một lúc trở thành bá chủ ở phía Tây. Vua Hiếu Công đã thôn tính được người nước Vệ là Thương Ưởng và tiến hành cải cách, loại bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, làm cho đời sống nhân dân được sung túc, đất nước hùng mạnh, dân chúng hết sức phục dịch đất nước; nhờ đó đã chinh phục được chư hầu; bắt được quân của nước Sở, Ngụy; mở rộng được hàng nghìn dặm biên cương, làm cho lực lượng hùng mạnh của đất nước được duy trì đến ngày nay. Vua Huệ Vương áp dụng kế sách của Trương Nghi, lấy được quận Tam Xuyên; chiếm được miền Ba Thục ở phía Tây; giành được vùng Thượng Đông ở phía Bắc; chiếm được Hán Trung ở phía Nam. Huệ Vương còn chiếm được cùng dân tộc Di của nước Sở, chinh phục được đất Yên, đất Dĩnh. Chiếm giữ được khu vực hiểm yếu Thành Cao, khoanh về nước Tần một vùng đất đai phì nhiêu rộng lớn. Như vậy, cái thế hợp tung của sáu nước đã bị suy yếu trông thấy, đành phải thần phục nước Tần mà thôi. Còn cơ nghiệp nước Tần vẫn còn kéo dài đến ngày nay. Thời vua Tần Chiêu Vương, nhờ có Phạm Thư, đã bãi chức của Nhượng Hầu, trục xuất Hoa Dương Quân, tăng cường được quyền đoạt lợi. Nhà vua thực hiện chính sách thôn tính (lần chiếm dần như tằm ăn rỗi) các nước chư hầu, đưa nước Tần lên ngôi bá chủ.

Bốn nhà vua nói trên, đều hết sức coi trọng công lao thành tích của các khách khanh. Do đó, có thể thấy các khách khanh có gì không đúng với vua Tần! Nếu bốn nhà vua nói trên không dùng khách khanh, xa rời các học sĩ, thì nước Tần sẽ không được giàu mạnh, thanh thế và uy tín cũng không thể to như hiện nay.

Hiện nay Đại vương đã có viên ngọc Côn Sơn trong tay, có ngọc trai Tuyền Hầu, ngọc bích Hòa Thị, ngọc trai phát sáng trong đêm tối; lại đeo kiếm Thái A, có ngựa Tiên Ly để cưỡi; treo cờ Thúy Phong, có trống bằng da cá sấu Trư Bá Long. Những báu vật ấy không có cái

nào là của nước Tần làm ra cả; nhưng tại sao bệ hạ vẫn rất thích? Nếu như chỉ sử dụng những cái do nước Tần làm ra, thì ngọc bích tỏa sáng trong đêm tối sẽ không được đem trang sức ở triều đình; Đại vương sẽ không có các dụng cụ bằng sừng tê giác để thưởng ngoạn. Gái đẹp của nước Trịnh và Vệ sẽ không có mặt ở hậu cung. Ngựa tốt và chó đẹp sẽ không được nuôi dưỡng ở trong các chuồng trại. Đại vương cũng không có các đồ dùng được làm bằng vàng và thiếc vùng Giang Nam. Chất màu Tây Thục cũng không vẽ nên các bức họa cho ngài. Nếu như tất cả những thứ lặt vặt dùng để trang trí hậu cung và để tấu nhạc cho êm tai vui mắt, đều phải là do nước Tần sản xuất ra, thì làm gì có trâm Uyên Châu, hoa tai ngọc trai, khăn lụa Đông A và quần áo đủ màu sắc sỡ luôn múa lượn trước mặt ngài; làm gì có các cô gái nước Triệu xinh đẹp tuyệt trần duyên dáng dịu dàng luôn luôn hầu hạ bên ngài – còn âm nhạc của nước Tần, chẳng qua chỉ là gõ vào vại, đánh vào chậu, và đà mà thôi; ca hát cũng chỉ là điệu hát muôn thừa, cứ u a u a. Còn nhạc Trịnh Phong, Vệ Phong, những bài ca trong bãi dâu trên bên nước, các ca khúc Chiêu Lư, Vũ Tượng, đều là của nước ngoài hết. Ngày nay nước Tần không đánh đàn tranh, mà tấu nhạc Chiêu Lư là tại sao vậy? Là bởi vì nhạc ấy êm tai dễ nghe, rất có mỹ cảm.

Vậy mà giờ đây, ai là khách khanh đều nhất loạt bị đuổi khỏi Tần, bất kể người đó đúng hay sai, thế thì ngài chỉ quý trọng mỹ nữ, âm nhạc và châu ngọc, còn nhân tài thì ngài khinh rẻ. Đó thật không phải là biện pháp có thể cầm cương nẩy mực xã hội và chinh phục chư hầu!

Hạ thần nghe nói ruộng đất nhiều có thể sản xuất nhiều lương thực, lãnh thổ rộng lớn có thể có nhiều nhân khẩu, vũ lực hùng hậu thì binh sĩ dũng cảm thiện chiến. Vì vậy núi Thái Sơn không chẻ đất đai nhỏ hẹp, mới hùng vĩ phi thường. Sông sâu biển rộng không ngại sóng lẫn tăn, mới mênh mông và sâu như thế. Người quân chủ không ghét bỏ dân chúng, mới tỏ ra sáng suốt và nhân đức. Cho nên, chỉ khi nào nhà vua chấp nhận những người có tài năng của nước ngoài, mới có được đất đai rộng lớn của bốn phương Đông Tây Nam Bắc; mới làm cho đất nước lúc nào cũng tràn đầy khí thế và sức sống mãnh liệt, đến nỗi ngay cả quỷ thần cũng ban phước lành cho nhà vua. Đó là đạo lý của các nhà vua thời “Tam Hoàng Ngũ Đế” đã vô địch thiên hạ. Nhưng giờ đây, ngài lại vút bỏ con dân của mình, để cho họ đi giúp các nước thù địch. Ngài đuổi người quốc tịch khác, để họ lập công ở các nước chư hầu, làm cho người có học trong thiên hạ không ai dám trông ngóng về nước Tần nữa, không dám đến với ngài nữa. Biện pháp đó thật khác nào đưa thịt vào miệng hùm, trao vũ khí cho giặc, đưa lương thực cho bọn bất lương!

Nhiều của cải không do nước Tần sản xuất, nhưng nước Tần vẫn có nhiều những thứ đó. Nhiều nhân tài học sĩ không phải là người Tần, nhưng rất muốn phục vụ trung thành cho nước Tần. Nhưng nay nhà vua lại từ bỏ những người nước ngoài đó để họ đi giúp kẻ thù của ngài; ngài đuổi dân chúng của ngài, khiến họ phải đi giúp bọn trộm cướp. Những cách ấy làm cho nước Tần suy giảm thực lực, trong khi đó, các nhân sĩ của các chư hầu căm giận nước Tần. Như vậy mà nghĩ rằng Tần chẳng có nguy hiểm gì, thì quá đơn giản!”

Sau khi viết xong bức thư nói trên, Lý Tư đọc đi đọc lại mấy lần, ông cảm thấy luận chứng rất chân thực, chuẩn xác, ý nghĩa sâu xa, thái độ tích cực, không chỗ nào là không thoả đáng. Thật vậy, ông bèn quyết định nhờ người chuyển lên nhà vua Doanh Chính, không nghĩ tới hậu quả sẽ như thế nào nữa.

Nhà vua đọc xong bức thư hùng hực khí thế, lập luận rõ ràng, phê phán sâu sắc, ý đồ thành khẩn, ngài cảm thấy rất cảm kích, tự thấy hổ thẹn và bất an. Ngài lập tức cho gọi Lý Tư đến và xin lỗi ông, phong ông làm “đình úy”. Ngài còn ra chiếu dụ huỷ bỏ lệnh đuổi khách khanh và người nước ngoài; gọi trở lại những nhân sĩ quốc tịch nước khác đã ra đi. Từ đó, nhà vua lấy lại được lòng người, ổn định được triều đình và trật tự xã hội, đặt nền móng cho sự việc thực hiện kế hoạch làm cho nước giàu quân mạnh, chinh phục chư hầu.

HỘI THỨ MƯỜI LĂM

DOANH CHÍNH THÂN CHINH, ĐẠI THẮNG NƯỚC TRIỆU HỌC GIẢ HÀN PHI, ĐI SỨ ĐẠI TÂN

Lọa Lao Ái đã dẹp xong. Hậu họa Lã thừa tướng đã loại trừ. “Lệnh trực xuất người nước ngoài” tuy có gây ra việc nhân tài bỏ chạy, xã hội rối loạn, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn. Các hiền sĩ, học giả bị đuổi, nay lại nhanh chóng quay lại, phục hồi nguyên chức. Người có công can gián như Lý Tư còn được thăng cấp lên làm “đình úy”. Chủ trương này làm cho các nhân sĩ nước ngoài yên tâm, tích cực làm việc, làm cho đất nước thực hiện được chính sách thông suốt, nhân dân thuận hòa, đời sống khá giả, văn hóa phồn vinh, vũ lực hùng cường. Nước Tần luôn luôn giữ được truyền thống kết hợp nông binh, kết hợp bình chiến (hòa bình và chiến tranh). Tất cả trai tráng từ mười lăm đến sáu mươi tuổi, thời bình thì lấy mùa vụ nghề nông làm gốc, thời chiến thì đi lính tác chiến. Gia đình nào có người tòng quân ra trận, được ưu đãi về nộp thuế ruộng đất. Các binh sĩ có thành tích chém giết địch trong chiến trận, được thăng cấp và được thưởng. Người bị hy sinh hay bị thương, được trợ cấp lớn. Vì vậy, quân đội Tần có nguồn nhân lực dồi dào, sĩ khí rất cao. Đó chính là cơ sở vật chất và nền tảng tư tưởng cho xu hướng luôn luôn hiếu chiến của các đời vua nhà Tần.

Vua Tần Doanh Chính từ nhỏ đã tỏ ra rất hăng hái năng nổ, lại gặp lúc đất nước đang thịnh, khí thế đang lên; cho nên dã tâm của ngài muốn bành trướng lãnh thổ càng mãnh liệt. Năm thứ mười một niên hiệu Doanh Chính, Vương Tiễn, Hoàn Kỳ đưa quân đánh nước Triệu và Nghiệp Thành của nước Ngụy, chiếm được thành trì và một số địa phương khác. Năm thứ mười hai, Doanh Chính lại chiêu tập rất nhiều binh mã của bốn quận phía Đông, để giúp nước Ngụy đánh nước Sở, thu được thắng lợi rất lớn, cổ vũ mạnh mẽ dã tâm cuồng chiến của vị quân chủ trẻ tuổi. Vì vậy, năm thứ mười ba niên hiệu Doanh Chính, ông ta lại tấn công nước Triệu với quy mô lớn. Ông triệu tập đình úy Lý Tư, đại tướng Hoàn Kỳ và Vương Tiễn vào nội đình bàn bạc kế hoạch đánh Triệu. Ngài nói rất hăng hái:

– Hai mối tai họa Lao Ái và Lã Bất Vi đã loại trừ, lệnh đuổi khách khanh đã đình chỉ, văn hóa phồn vinh, người người thuận hòa, chiến công vang dội. Nay ta muốn đưa quân Đông tiến, đánh chiếm nước Triệu, các khanh có ý kiến gì không?

Vương Tiễn chấp tay hành lễ rồi nói, cũng rất hăng hái:

– Nhiều năm nay quân ta liên tục đánh thành chiếm đất, giết giặc rất nhiều, thanh thế và uy lực quân ta đang ở thế thượng phong. Quyết sách anh minh của bệ hạ, rất hợp với lòng tướng sĩ, nhất định sẽ mở cờ chiến thắng.

– Tuổi trọn đôi mươi là thời kỳ tràn đầy nhựa sống, hăng hái vươn lên. Huống chi vị quân chủ như Đại vương ta, nhiệt huyết tràn đầy, mắt nhìn thiên hạ. Hạ thần tuy là quan văn hèn mọn, nhưng cũng biết vũ lực là cơ nghiệp của Ngũ Bá thời Xuân Thu, là nền tảng của Thất Hùng thời Chiến Quốc. Nay bệ hạ có hoài bão lớn lao, ý chí kiên cường, thì đại Tần ta ắt sẽ chinh phục được thiên hạ, làm chủ trời đất, chờ ngày chiến thắng – Lý Tư cũng hết sức tán thành.

Nhà vua vui mừng nói:

– Hai khanh nói rất đúng. Tình hình hiện nay rất có lợi cho nước Tần, nhân đà chiến thắng to lớn của tướng Vương Tiễn và Hoàn Kỳ trong trận đánh Triệu Ngụy, nay phải đánh một trận đại thắng như ở Trường Bình năm xưa. Đó là ý đồ của Trẫm.

– Hạ thần phụng sự bệ hạ đã lâu, tuy đã trải qua mấy chục năm chiến trận, cũng có đánh thắng lập công, nhưng vẫn cảm thấy hổ thẹn vì không bằng các vị tướng tiền bối. Nay đánh Triệu lần nữa, hạ thần xin thể chỉ tiến không lùi, noi gương Vũ An Quân Bạch Khởi – Hoàn Kỳ phát biểu, lộ rõ tâm trạng háo hức muốn làm thủ.

– Thật là hiếm khi các văn võ chư khanh đều đồng tâm phò tá Trẫm, Trẫm cảm thấy rất được khích lệ; cho nên, trẫm sẽ ngự giá thân chinh, cùng ra trận với các tướng Hoàn Kỳ và Vương Tiễn. Các khanh thấy thế nào? – Nhà vua nói.

– Đại vương là vua một nước, tốt nhất là trấn giữ triều đường [126], xử lý trăm ngàn

công việc, hà tất phải thân chinh hành quân tác chiến, lao vào nơi rừng giáo mưa tên, mưa cái mệt nhọc trên lưng ngựa – Lý Tư trịnh trọng khuyên can.

– Người làm vua phải có chí khí lớn hơn thiên hạ, sao lại chỉ sai khiến kẻ bề dưới, còn mình lại ngồi hưởng an nhàn? Cần phải tự mình tham gia trận mạc, chịu mọi gian khó, vào sinh ra tử, mới được tướng sĩ ủng hộ, làm cho quân địch khiếp sợ. Vả lại, Trẫm từ nhỏ đã luyện võ công, nay lớn lên càng rất thành thạo, rất muốn ra ngoài chiến trường để thể hiện bản lĩnh của mình – Nhà vua bày tỏ quyết tâm rất lớn.

– Đại vương tuy võ nghệ cao cường, nhưng chiến trường biến hóa khôn lường, sai một ly đi một dặm; lúc ấy lão thần không thể kham nổi tội trạng của mình – Hoàn Kỳ cũng hơi lo nên phụ họa ý kiến của Lý Tư.

– Thế mà ngươi là một viên thượng tướng? Sao lại nogan như vậy? Chẳng lẽ biến Trẫm thành một kẻ hèn nhát ăn không, ngồi rồi ư? – Nhà vua nói như đinh đóng cột – Trẫm đã quyết tâm rồi, các khanh không cần nói thêm gì nữa.

Các đại thần không dám trái ý nhà vua nữa, chỉ nêu lên vài ý kiến nhằm nhắc nhở ngài: luyện võ thời bình thì lúc nào đạt yêu cầu là nghỉ, học từng động tác một. Còn trong trận mạc thì một là sống hai là chết, không hề có một chút mảy may nào ngừng lại, xin đại vương tuyệt đối không thể coi thường. Nhà vua gật đầu liên tục, cảm ơn sự quan tâm của mọi người. Tiếp đó bàn về kế hoạch cụ thể các biện pháp tác chiến diệt Triệu.

Giữa mùa xuân năm thứ mười ba niên hiệu Doanh Chính, nhà vua cử đại tướng quân Hoàn Kỳ đi tiên phong, đưa mười lăm vạn quân tấn công nước Triệu. Bản thân ngài và các phụ tá Xương Bình Quân, Xương Văn Quân, Mông Quát, Mông Nghi đưa hai mươi vạn quân đi sau, tiến như vũ bão về hướng Thái Hành Sơn, khí thế sát khí đằng đằng.

Trong số các thành trì nằm ở phía Tây của Triệu, thành Bình Dương (nay thuộc địa phận gần thành phố Lâm Phần tỉnh Sơn Tây) là đô thành đầu tiên đứng mũi chịu sào đại tấn công của quân Tần. Khi tướng Triệu bảo vệ Bình Dương thấy khói lửa làm hiệu ở “đài Phong hỏa” bốc lên, báo tin chẳng lành, bèn tập hợp ngay ba vạn binh mã bảo vệ thành, ra sức gia cố tường thành, tăng cường tuần tra canh gác, đồng thời, sai kỵ binh hỏa tốc cấp báo về Hàm Đan. Lúc ấy, vua Triệu Tương Vương của Triệu đã mất từ lâu, người con lên thay là Vương Thiên. So với cha, Vương Thiên còn nhu nhược hơn nhiều, lại say đắm trong vui thú nữ sắc và trò chơi chó ngựa. Khi nhận được thư cấp báo, Vương Thiên lúng ta lúng túng, vội gọi thừa tướng Quách Khai đến bàn đối sách. Quách Khai nói, trước đây quốc cữu (cậu vua) Hồ Triếp đã từng cùng với cựu thừa tướng Bàng Viên chống quân Tần, từng giết chết đại tướng Mông Ngao của Tần. Bây giờ cử ông ấy đưa quân chống Tần chắc chắn sẽ chiến thắng quân Tần. Vương Thiên nghe theo ý kiến Quách Khai, ra lệnh cho Hồ Triếp đưa mười lăm vạn quân tăng viện cho Bình Dương. Lúc này, Hoàn kỳ đã bao vây Bình Dương mấy ngày rồi, xem ra chỉ vài ngày nữa là có thể đánh chiếm được; bỗng nhận được mật lệnh hỏa tốc của Tần Doanh Chính từ phía sau. Xem xong, Hoàn Kỳ hiểu rõ ý đồ của nhà vua, bèn cho quân tấn công một đợt nữa như thường lệ, xong lập tức rút lui toàn bộ về phía Tây. Tướng Triệu trong thành thấy quân Tần rút chạy, mừng rỡ vô cùng, bèn chạy ra ngoài thành xem quân Tần chạy về hướng nào; mặt khác ra lệnh cho quân trong thành chuẩn bị đón quân tăng viện đến.

Hồ Triếp trước đây tuy có đi theo đại tướng quân Bàng Viên, đánh mấy trận nhưng lúc đó là do lão tướng của Tần là Mông Ngao tức giận vì không có quân tăng viện, nên đã đơn thương độc mã tác chiến và chuốc lấy cái chết ở Khánh Đô. Hồ Triếp tự đắc coi mình là một tướng tài. Lần này Hồ Triếp đưa quân tăng viện cho Bình Dương, quân tăng viện chưa tới, mà quân Tần đã rút lui, ông cảm thấy rất đắc chí, có phần nào lâng lâng nhẹ nhõm. Trong bữa tiệc mừng chiến thắng, ông ta bất chấp lời khuyên của viên tướng giữ thành khuyên hãy chờ cho đến khi quân thám báo của Triệu đi trình sát về nói rõ tình hình quân Tần thực hư thế nào rồi hãy quyết định, Hồ Triếp nhân lúc cao hứng vì hơi men, khua tay nói rằng:

– Trước đây quân Tần đã bị bản soái ta đây đánh bại, nay thấy ta đưa quân tới, tất yếu khiếp sợ bỏ chạy. Bây giờ không đuổi theo, còn chờ lúc nào? – Tiếp đó, ông ta thúc giục tướng sĩ: người không cởi áo giáp, ngựa không cất yên, ăn xong tiệc mừng là lập tức xuất phát truy đuổi quân Tần.

Quân Triệu cấp tốc hành quân để cố đuổi kịp quân Tần. Dọc đường quân Tần vút lại rất nhiều vũ khí và chiến xa, khiến quân Triệu gặp không ít trở ngại. Đặc biệt, có rất nhiều phụ nữ Triệu bị quân Tần bắt, nay vút lại hai bên đường, họ kêu la rất thảm thương vì đói rét, Hồ Triếp đành phải thu nhận họ vào trong đơn vị quân đội, cho họ ăn mặc, lựa chọn những người đẹp làm bồi bàn. Trong lúc vui đùa, Hồ Triếp hỏi họ sau khi bị quân Tần bắt, đã bị khổ sở như thế nào. Các cô gái ấy trả lời rằng quân Tần kỷ luật rất nghiêm, nói rằng bắt họ là để đưa về Hàm Dương vào cung làm nữ nô tỳ. Nhưng mấy hôm trước nghe quân Tần nói nhỏ với nhau rằng vua Doanh Chính bị đâm chết ở trong phòng ngủ. Có cô lại nói rằng không phải bị đâm chết mà là bị thương rất nặng. Một cô khác bảo rằng, không phải bị đâm mà là bị bệnh rất nặng. Như vậy, Hồ Triếp rất mừng, nghĩ rằng: Té ra là quân Tần chạy gấp về chịu tang, như vậy sĩ khí sẽ rất thấp, ngày mai phải tăng tốc; lần này thì Hoàn Kỳ sẽ đi theo vết chân của lão già Mông Ngao, sẽ chết mất mạng ở chân núi Thái Hành Sơn cho mà xem! Yến tiệc xong, ông ta và mấy viên tướng đưa mấy cô gái mỹ miều về lán riêng của mình để tận hưởng hoan lạc.

Nhà vua Doanh Chính dẫn hai mươi vạn quân đi sau nhưng không theo sát quân của Hoàn Kỳ mà đến đóng quân tại một thành nhỏ gọi là Vũ Uy. Tại đây quân của nhà vua vừa chần chỉnh lại, vừa bố trí mai phục ở gần đó. Bộ binh phân tán mai phục tại khu rừng cây cỏ rậm rạp; ngựa và xe thì ẩn nấp hai bên đường, đặc biệt tại các cửa khẩu ra vào của đường cái lớn, xe ngựa được bố trí thành hình dạng của cái miệng túi, để tiện cho việc khép kín miệng túi, tất cả mọi người đều ăn lương khô, làm tốt việc nguy trang, không lộ mục tiêu. Ai trái lệnh thì chém! Sau đó ngài đưa một số binh mã trở về thành Vũ Uy, cầm cờ để dụ địch.

Trong khi đó, quân Tần do Hoàn Kỳ chỉ huy, theo kế hoạch đã định, khi rút đến chỗ nhìn từ xa có thể thấy được bóng dáng thành Vũ Uy, thì tăng tốc, rút nhanh trên đường núi chạy về Vũ Uy. Quân Triệu đuổi theo sát phía sau nhưng quân Tần không quay lại chặn đánh, mà cứ rút chạy; khi chạy đến gần Vũ Uy thì tản ra ở chung quanh gần đó. Quân Tần ở trong thành Vũ Uy ra chống cự quân Triệu một lúc rồi cũng chạy về phía Tây. Quân Triệu đuổi theo vào tận trong thành Vũ Uy, rồi dừng lại, mở tiệc mừng công lớn. Em của Hồ Triếp là Hồ Khuy và tướng bảo vệ thành Bình Dương hết sức vui mừng, cầm từng bát rượu lớn để chúc Hồ Triếp. Hồ Triếp hơn hử cười nói rằng:

- Thiên hạ nói quân thua chạy như núi sập, quả không sai. không chỉ Hoàn Kỳ, mà ngay cả quân Tần chốt giữ Vũ Uy này cũng chạy bỏ ra như cỏ rạp mình dưới ngọn gió. Nước Triệu muốn trả mỗi thù bốn mươi vạn quân bị Tần diệt ở trận Trường Bình năm xưa thì hãy trông vào trận này của Hồ Triếp ta đây! - Nói rồi, ông ta nâng cốc rượu lên miệng, nhưng chưa kịp uống, bỗng thấy ánh sáng lóe lên từ phía trước mặt, ông vội ngẩng đầu lên nhìn thì thấy từng đám lửa bốc lên rất nhanh từ khắp bốn phía. Tiếp đó là tiếng trống nổi lên âm âm, rồi tiếng hét "Giết, giết!" rợn người vang lên. Quân của Hoàn Kỳ nhanh như cắt quay lại tập kích vào thành Vũ Uy. Quân Triệu trở tay không kịp, vội vàng lúng túng khoác vội áo giáp và nhảy lên ngựa ứng chiến. Thấy bốn cửa thành bỏ không, quân Triệu chẳng còn cách nào khác, cứ cửa thành mà tháo chạy, họ chạy lên núi. Hồ Triếp nhờ có mấy lính cận vệ bảo vệ, đã liều mạng phá vòng vây chạy thoát ra, chạy lẫn vào trong đám quân của hai bên đang hỗn chiến. Vua Doanh Chính mũ sắt áo giáp sáng loáng, phi ngựa nước đại, xông thẳng vào trận địa. Lúc này quân hai bên đang quần nhau giáp lá cà, xen kẽ vào nhau, rất khó phân biệt đâu là ta đâu là địch. Nước Tần vốn quen dùng màu đen, nên ban đêm rất khó nhìn rõ; còn quân Triệu ăn mặc áo đủ thứ màu sắc, hiện lên rất rõ dưới ánh lửa. Do vậy quân Tần bị chết ít hơn rất nhiều so với quân Triệu. Thêm vào đó, tinh thần sĩ khí quân Tần rất cao vì có nhà vua thân chinh tham chiến. Quân Triệu thì bị động lúng túng, lại chẳng thấy chủ soái ở đâu, cho nên hỗn loạn như rắn mất đầu. Tướng giữ thành Bình Dương của Triệu phá vây chạy vội lên núi, vừa chạy vừa ngoái mắt nhìn, thì thấy trước là nhà vua Doanh Chính đang vung ngọn giáo lao chạy tới để chém mình, vội tránh sang một bên rồi thúc ngựa chạy trốn. Nhưng Doanh Chính cũng nhanh như cắt, kéo mạnh dây cương, bắt ngựa quay đầu lại để đuổi sát theo tướng Triệu. Viên tướng này nghe thấy tiếng vó ngựa đuổi theo mình quá gần, vội cúi rạp xuống lưng ngựa để nhìn ra phía sau, thì thấy vị tướng đang đuổi theo là một thanh niên còn rất trẻ, có đôi mắt to tròn xoe như mắt chim ưng, sáng long lanh như hai tia chớp, trông phát khiếp. Vị tướng Triệu này nghĩ bụng: "Viên tướng nhỏ tuổi này chắc là mới ra trận lần đầu nên rất háo hức công; do

đó, không hiểu rằng đuổi địch cùng đường rồi thì nên dừng lại, vì cùng quá hóa liều”. Trước mặt viên tướng Triệu lại đang có một tốp quân Tần cầm đại đao đang ập tới! Ông ta nghĩ rằng chẳng thà liều chết với viên tiểu tướng này còn hơn là để cho lũ lính kia tóm cổ. Đang suy nghĩ vậy thì Doanh Chính thét lên:

– Bại tướng kia hãy nộp mạng!

Thét xong, liền giơ ngọn giáo lao tới. Viên tướng Triệu nhờ có chuẩn bị trước, khi thấy viên “tiểu tướng” kia giơ giáo định đâm, thì ông ta tránh sang một bên, rồi đưa tay kia cầm ngay lấy phía trên cán giáo của Doanh Chính giật mạnh về phía trước. Doanh Chính bị bất ngờ, ngựa đang chạy rất nhanh, lại hết sức chém mạnh lưỡi giáo, không ngờ đối phương túm được phía trên cán giáo, nên lập tức bị mất thăng bằng, toàn thân bị kéo lên, nhồm khối yên ngựa, chồm người lên phía trước. Nhưng lúc nguy cấp sắp bị ngã ngựa, ngài đã bình tĩnh kẹp chặt hai chân vào mình ngựa, nên không bị ngã, mà còn lấy lại đà, vụt nhanh lên phía trước lao vào đối thủ. Nhưng phía trên cán giáo lại bị đối thủ nắm chặt lỏi đi rất mạnh, cho nên ngài cũng phải nắm chặt lấy phía dưới cán giáo, và thuận chiều đưa mũi giáo đâm mạnh vào lưng đối phương, vì hai người cùng cầm cán giáo nên cú đâm này làm cho cả hai cùng ngã lăn xuống đất. Viên tướng Triệu ngã xuống nhưng tay vẫn cầm chặt phía trên cán giáo, bèn thuận chiều đưa cả tay kia cầm chặt cán giáo. Ông ta vụt đứng dậy, chĩa thẳng mũi giáo vào Doanh Chính. Lúc ấy Doanh Chính cũng ngã nằm đè lên lưng viên tướng Triệu, hơi sợ một chút, nhưng không bị thương, và cũng vụt đứng ngay dậy. tay ngài tuột khỏi cán giáo, tay không vụng lộn với đối thủ. Bỗng nghe thấy tiếng “leng xeng”, bèn biết ngay rằng đó là chiếc kiếm mà ngài vẫn đeo bên hông, nay rơi xuống đất khi ngài từ lưng ngựa ngã nhào xuống đất. Ngài nghĩ bụng, ông trời đến cứu ta! Lúc ấy viên tướng Triệu hai tay cầm chặt cây giáo đâm thẳng tới Doanh Chính nhìn thẳng vào mũi giáo rồi tránh nhanh sang một bên; mặt khác, lập tức đưa chân hất thanh kiếm lên. Thanh kiếm bị hất bay lên cao tới ba thước, Doanh Chính đưa tay cầm lấy kiếm. Có vũ khí trong tay, càng mạnh bạo hơn. Ngài đưa kiếm gạt mũi giáo sang một bên rồi áp sát đối phương. ông ta chém hụt một nhát giáo, trong nháy mắt, ỏ vào thế bất lợi nhất (vị trí số không). Nhân lúc đối thủ chưa kịp bỏ giáo để rút kiếm ra, Doanh Chính đã kịp đâm kiếm vào vị trí số không của đối phương, mũi kiếm xuyên thẳng từ ngực sang lưng. Tướng Triệu kêu thét một tiếng rất thảm rồi ngã sập mặt xuống đất, toàn thân run lấy bầy, lưỡi kiếm vẫn còn ngấp trong ngực, giống y như đang tiếp tục đâm sâu vào nữa. Doanh Chính đắc thắng bước tới xác viên tướng Triệu, cầm lấy đốc kiếm và rút mạnh ra, quệt lưỡi kiếm mấy cái trên người tử nạn, đang định cho kiếm vào bao, thì bỗng thấy hai tướng kỵ binh đang chạy nhanh lại phía mình, ngài vội cầm chặt đốc kiếm, chờ đợi. Lúc hai viên tướng phi ngựa sắp tới chỗ ngài, thì ngài lại nghe thấy tiếng ngựa hí rất lớn từ phía sau và phút chốc con ngựa đã chạy đến trước mặt. Đó là con Tiêm Ly của ngài, khi ngài ngã xuống đất, nó cứ theo đà phi nhanh về phía trước, đến khi nó đi chậm lại thì đã cách xa chủ đến mấy trăm bước, và lúc này nó mới phát hiện không có chủ trên lưng; cho nên mới quay đầu lại, chạy nhanh tìm chủ. Khi thấy Doanh Chính nó hí rất to và dài để báo tin cho chủ biết. Lúc này hai viên tướng Tần cũng vừa đến nơi, thấy nhà vua đang cầm kiếm sẵn sàng xông trận, họ vội nhảy xuống ngựa, vừa thở hổn hển vừa nói:

– Té ra bệ hạ ở đây, thế mà mặt tướng lo sợ sót vó đã đi tìm khắp nơi.

Nhà vua lập tức cảm thấy nhẹ nhõm, ngài cười nói:

– Trẫm vừa từ trên dốc núi chạy xuống đây thì gặp tên xấu số này. Hai bên đều đang hăng máu, nên cùng lao vào quyết đấu với nhau. Không ngờ hăn cũng là tay không vừa, hăn cướp giáo chém từ trên lưng ngựa cho đến khi ngã xuống đất. Trẫm phải dùng “đoản kiếm” (kiếm ngắn) để chống đỡ với giáo dài, nên phải khó khăn lắm mới kết liễu được hăn – Nói xong, ngài bèn hỏi hai viên tướng mới đến – Sao? Hai người không giết địch trong trận chiến lại đến tìm ta có việc gì?

– Lúc tuyên thế khi xuất quân, tả hữu thừa tướng và đình úy Lý Tư căn dặn mặt tướng phải luôn luôn bám sát chân ngựa của bệ hạ để bảo vệ – Tướng Mông Nghị trình trọng nhắc nhở khéo Doanh Chính.

– Ha! Ha! Ha! Toàn là hủ nho, nhát gan như thỏ, còn coi bản vương ta đây là đứa trẻ miệng còn hơi sữa, nên cứ lòng dạ không yên! – Doanh Chính mỉm cười, nói tỏ vẻ khinh

thường.

– Đại vương anh dũng vô địch, mặt tướng rất kính phục. Nhưng ở chốn sa trường, quân sĩ hai bên liều chết tử chiến, gươm giáo như rừng, thật không thể coi thường; huống hồ Đại vương lần đầu ra trận, sao chúng thần có thể không lo lắng gì được – Tướng Hồ Bôn Quân tử tốn nói với vua Doanh Chính – May mà Đại vương vô sự, nên mặt tướng mới có thể ăn nói được với nguyên soái Hoàn Kỳ.

Doanh Chính nghe vậy thấy rất vui, bèn hỏi:

– Tướng Hoàn Kỳ ở bên ấy thế nào?

Mông Nghị vội đáp:

– Mặt tướng và mấy vị khác vừa từ trên núi chạy xuống, gặp bọn địch liền lăn xả vào chém giết, bỗng không nhìn thấy đại vương ở đâu, bèn lao vào “tả xung hữu đột”, cốt tìm Đại vương, đánh cho quân địch tán loạn bỏ chạy. Lại nghe tiếng reo hò của quân ta ở bên phía trận địa của tướng Hoàn Kỳ, tiếng vó ngựa dồn dập, biết rằng đó là tướng Hoàn Kỳ đang đưa binh mã chặn đứng các ngã đường, dụ địch vào trong ổ mai phục và đang ra tay chém giết. Cuộc giao chiến đang vô cùng ác liệt, chắc là quân ta đang hạ sát rất nhiều thủ cấp quân Triệu.

– Chỗ này ở ngoại vi quân Triệu, từ đây có thể dẫn chúng vào sâu trong vùng lõm chân núi, nếu không bị lửa thiêu thì cũng bị ngựa xéo, chết như ngã rạ, chẳng đứa nào kịp ngáp.

– Nói xong vừa tra kiếm vào vỏ, nhà vua vội nhặt cây giáo của mình còn nằm trên mặt đất, rồi nhảy lên ngựa, bảo hai viên tướng – Mau đi theo ta.

Mông Nghị và Hồ Bôn Quân phi người lên ngựa theo gót Doanh Chính, cho ngựa chạy nước đại về phía lõm núi, nơi đang bùng bùng khói lửa, tiếng thét giết giặc đang ồn ào ghê rợn.

Đại tướng Hoàn Kỳ dẫn đầu một toán binh mã, chiến xa và bộ binh chốt giữ cửa khẩu ra vào của con đường qua núi. Ông đứng trên cao nhìn xuống, chỉ thấy quân hai bên đang hỗn chiến. ngọn lửa rừng đang cháy bốc cao, soi tỏ chiến trường. Ông muốn nhìn xem lá cờ có thêu chữ “Tần” viết theo kiểu chữ “triện” màu vàng cán đen đang ở đâu, để có thể từ đó quan sát nhà vua lần đầu xông trận đang thể hiện tư thế oai hùng dũng mãnh, xung phong giết giặc như thế nào. Ông không ngờ nhà vua lần đầu ra trận lại hành động quả cảm và nhanh chóng đến thế, đến nỗi ngay cả chính tên lính cầm cờ cũng không eo kíp ngài, trở lại một mình ở phía sau và bị quân Triệu vây lấy. Người lính cầm cờ này chợt nghĩ ra một cách đối phó. Anh ta lấy cán cờ làm vũ khí, múa liên tục cán cờ như múa gậy, cuối cùng mở ra được một lối thoát, bèn thúc ngựa tranh đường tháo chạy. Tướng Hoàn Kỳ đứng trên cao nhìn xuống thấy hết, bèn vội vẫy tay chỉ huy đội binh mã và chiến xa lúc ấy đang ở bên cạnh, xông ra chặn đường của Hồ Triếp. Hồ Triếp thấy vậy bèn cho ngựa quay đầu lại, định chạy về phía sau, nhưng lại gặp ngay “tay cầm cờ” vừa rồi. Anh này vội đưa cán cờ gạt ngang lưng ngựa của Hồ Triếp; Hồ Triếp bị cán cờ gạt xuống đất, ngã bò lê bò càng đang lồm ngồm định đứng dậy thì bị hai người lính Tần chạy đến. Mỗi người túm lấy một bên vai ông ta kéo lên. Hồ Triếp bạt vía kinh hồn, người run lấy bầy, miệng nói như van xin:

– Mặt tướng xin hang!

Nhưng quân Tần thường là giết sạch để khỏi mang gánh nặng về sau. Một người lính nói to lên:

– Khỏi lắm lời lời thôi! – Nói xong giơ đại đao chém ngang cổ, đầu Hồ Triếp văng sang một bên, thân người sụp xuống tại chỗ. Bỗng có tiếng leng keng từ áo quần tử thi. Người lính vội lấy mũi đại đao tách mảnh giáp ở áo giáp tử thi, thì thấy có cái “ấn” bằng vàng của nguyên soái đang nằm trong áo giáp. Anh ta vội cầm lấy chuỗi “ấn” kéo mạnh ra và cầm lấy con dấu bằng vàng! Anh ta mừng hí ha hí hửng, vội nói với người bạn vừa chém Hồ Triếp:

– Cậu chém được đầu, tớ lấy được “dấu”. Nay cả hai cùng nộp đầu và con dấu, được thưởng chia đôi. Được không hả?

Người bạn kia trả lời:ì

– Được! Được!

Tay cầm cờ thấy vậy liền chạy đến, giơ cao lá quân kỳ có chữ TẤN và hô lớn:

– Chủ soái Hồ Triếp của quân Triệu đã bị quân ta chém chết, đầu còn ở đây. Hoan hô!

Quân Tấn nghe tin vội đồng thanh hoan hô vang trời dậy đất. Nhà vua, tướng Mông Nghị và Hồ Bôn Quân cũng chạy rất nhanh đến chỗ quân kỳ. Tướng Hoàn Kỳ cũng từ bên này phi ngựa đến. Cũng vì đang trong giao chiến, nên các đại lễ giữa vua tôi được miễn, chỉ chấp tay chào nhà vua, rồi lập tức xua quân cùng bao vây tàn quân Triệu. Em Hồ Triếp là Hồ Khuyết, đang xả thân chém giết trong hỗn loạn, bỗng nghe tin anh cả bị giết, vừa buồn vừa căm phẫn, bèn sôi máu xông ngựa về phía đại tướng Hoàn Kỳ, chĩa mũi giáo đâm thẳng vào người Hoàn Kỳ. Nhưng Hoàn Kỳ là một lão tướng đã quá quen với việc đâm chém bằng giáo. Vì vậy hai bên đối địch nhau, ngựa bên này xông lên thì ngựa bên này xông lại, kéo giằng co lẫn nhau, chân đá vung lên, mồm hý từng hồi. Hai viên tướng đối địch ngồi trên lưng ngựa, bên này đâm ngọn giáo, bên kia đỡ đỡ, đỡ đỡ như lửa, như giao long quần nhau trên cạn, như hổ beo cắn nhau tranh mồi. Quân sĩ hai bên hò reo trợ chiến, đánh trống liên hồi. Cứ thế giằng co hàng trăm hiệp vẫn bất phân thắng bại. Bỗng Hoàn Kỳ bật ra một mẹo. Ông ta vụt nắm rạp xuống lưng ngựa, để cho lưỡi giáo đối phương vụt qua bên trên; tiếp ngay đó xoay người đưa cán giáo gạt mạnh đối phương. Hồ Khuyết bị bất ngờ nên không kịp đối phó, bị gạt mạnh và rơi ngã xuống đất. Ông ta đang định nhồm dậy thì Hoàn Kỳ đã kịp quay lại đâm giáo vào ngực, xuyên suốt ra sau lưng.

Đến đây, các chư tướng của quân Triệu đều đã bị giết hết. Số quân còn lạiqu chẳng phải là đối thủ của quân Tấn nữa. Nhà vua cùng với Hoàn Kỳ, Mông Nghị, Mông Quát, Hồ Bôn Quân đưa toàn bộ bộ binh, xe ngựa bao vây, chặn đánh, truy quét dồn tất cả tàn quân Triệu vào một hẻm núi rất sâu, rộng khoảng hai mươi dặm vuông ở chân Thái Hành Sơn. Nơi này cỏ cây rậm rạp lởm chởm gồ ghề, rất khó đi lại. Quân Tấn vây chặt quân Triệu ở trong vùng lõm đó mấy ngày, sau châm lửa đốt rừng. Ngọn lửa có gió thổi mạnh, cháy rục cả trời. Cả người và ngựa của quân Triệu bị dồn vào một chỗ, dẫm đạp lên nhau; chiến xa ngổn ngang, bị thiêu cháy hầu hết. Một số ít may mắn chạy thoát ra ngoài, thì cầm đầu cầm cổ chạy thục mạng về Hàm Đan, chẳng dám ngoái cổ nhìn lại. Chúng về báo tang! Xác người và xác ngựa chồng chất lên nhau như núi; máu chảy lênh láng khắp nơi, nhuộm đỏ cả một vùng. Một đám rừng cây rộng lớn của Thái Hành Sơn [127] cũng bị thiêu trụi, khói và hơi nóng bốc lên cao, tụ lại thành mây, lơ lửng mãi mới tan.

Cuộc chiến đẫm máu kết thúc, Doanh Chính thúc ngựa chậm rãi đi về thành Vũ Uy, theo sau ngài là một đám tướng lĩnh khá đông. Tối hôm đó toàn quân mở đại tiệc ăn mừng. Từ trên hàng ghế chủ soái, nhà vua nâng chén rượu lên cao, và chờ cho các văn quan võ tướng gồm: Xương Bình Quân, Xương Văn Quân, Hoàn Kỳ, Mông Nghị, Mông Quát chúc mừng xong, bèn nói với họ theo kiểu gian hùng đặc chí:

– Chiến thắng lần này là do trăm thân chinh tham chiến, các tướng sĩ đều đồng tâm hiệp lực, quyết chí diệt thù. Nhưng một phần còn là do con gái nước Triệu nhẹ dạ cả tin, nghe quân mình phao tin đồn nhảm, thế là cứ kháo nhau về chuyện Trẫm bị tai họa, làm cho tướng Triệu trúng kế, khinh địch hám công, liều mạng tiến bừa, cuối cùng bước theo bánh xe đổ của trận đại bại Trường Bình năm nào. Từ đó có thể thấy, nếu biết sử dụng những kẻ lăm mồm trong hàng ngũ quân địch, lại nhẹ dạ cả tin, hay đưa đẩy chuyện này chuyện nọ, làm người thông tin cho mình, thì hiãệu quả hơn là đưa người của mình đi vào lòng địch để dò la trinh thám!

Mọi người đều cười sảng khoái, đồng thanh ca ngợi nhà vua võ nghệ cao cường, dày dặn thiện chiến, lại túc trí đa mưu; ngay cả Bạch Khởi, Mông Ngao ngày xưa và Hoàn Kỳ, Vương Tiễn hiện nay đều thua kém rất xa. Nhà vua đương nhiên rất vui, nở mày nở mặt. Ngài bèn bảo các tướng sĩ nhanh chóng kiểm đếm lại chiến lợi phẩm để trình báo cho ngài, sau đó sẽ bình công khen thưởng, ưu đãi những người thương vong. Toàn quân trên dưới đồng thanh cảm tạ ân đức cao dày của nhà vua.

Sau khi kiểm tra, thấy chiến dịch Bình Dương, Vũ Uy này, quân Tấn bị thương vong từ sáu đến bảy vạn người, quân Triệu bị thiệt mạng một phần ba (khoảng mười hai vạn) thật sự là một trận đại thắng.

Nhà vua Vương Thiên của Triệu, kể từ khi tế cờ trao ấn, ra lệnh cho quân anh em quốc

cửu Hồ Triếp và Hồ Khuyết đưa hai mươi vạn quân tăng viện cho thành Bình Dương, ngài luôn luôn nhận được tin báo thắng trận. Nào là quân Tần nghe tin Hồ Triếp đưa quân sắp đến Bình Dương, bèn hốt hoảng tháo vây bỏ chạy về phía Tây. Nào là quân Tần rút nhanh về Hàm Dương để chịu tang nhà vua Doanh Chính, theo lời của các cô gái nước Triệu bị quân Tần bỏ lại, nói rằng Doanh Chính không bị thương thì bị bệnh, rất nặng, đã chết. Nào là tướng quân Hồ Triếp đã chỉ huy quân Triệu vào thành Vũ Uy, chẳng bao lâu nữa sẽ đuổi theo quân Tần ở phía Tây, tiêu diệt toàn bộ quân Tần và mang đại thắng trở về. Đại vương cứ yên tâm đợi chờ. Nhà vua nhận biết được những tin thắng trận như vậy, đương nhiên là rất hý hứng vui mừng. Ngài bèn hối hả sai người quét dọn lau chùi thật sạch sẽ các cung điện, triều đường, cả thái miếu trang hoàng lại hoàn toàn mới, chờ đón đại quân chiến thắng trở về là tổ chức lễ mừng công rầm rộ tưng bừng nhất. Nhà vua còn đến thái miếu để cầu khẩn, bói quẻ để kính báo với liệt tổ hết tông; trận đại thắng Bình Dương – Vũ Uy này là để rửa cái hận Trường Bình và mở ra một kỷ nguyên mới cho nền triều chính do ngài đứng đầu.

Đến ngày thứ năm trông ngóng đợi chờ, nhóm tàn quân bại tướng đầu tiên về đến Hàm Đan. Thừa tướng Quách Khai lập tức vào cung bẩm báo. Nhà vua Vương Thiên hồn bay phách lạc, bạt vía kinh hồn, bỗng lăn ra khóc lóc thảm thương như một đứa trẻ – Quách Khai nói, khóc cũng vô tích sự, việc khẩn cấp trước mắt là bàn thảo kế sách chống quân Tần tấn công Hàm Đan. Hôm sau, Vương Thiên cho họp triều thần để bàn về việc khẩn cấp nói trên. Các đại thần nhất trí đề nghị gọi đại tướng Lý Mục hiện ở quận Đại người tộc Nhung ở miền biên giới phía Bắc, về bảo vệ kinh đô nước Triệu. Do vậy viên đại tướng đã chốt giữ quận Đại suốt mười năm, làm khiếp sợ bọn rợ Hung Nô, phải phụng chiếu trở về Hàm Đan, chuẩn bị quân lực để chống trả quân Tần.

Trong chiến dịch Vũ Uy – Bình Dương vừa qua, quân Tần chỉ bị thương vong sáu, bảy vạn mà thôi, nhưng cũng rất mệt mỏi vì phải đi đi lại lại để bôn tập và kịch chiến, vì vậy chỉ ở lại đất Triệu một thời gian để nghỉ ngơi và chấn chỉnh; sau đó từ từ hành quân về nước. Sau khi đánh thắng một trận lớn, nhà vua Doanh Chính chẳng những đã chứng thực được rằng bản thân mình hoàn toàn có thể dùng vũ lực để tiêu diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ; mà ngài còn tận mắt nhìn thấy các tướng lĩnh dưới quyền ngài đều anh dũng thiện chiến, hết mực trung thành với ngài; do vậy, từ nay, giao việc chinh chiến ở nước ngoài cho Hoàn Kỳ, Mông Nghị là có thể yên tâm được rồi. Sau khi về đến Hàm Dương, ngài yên tâm đọc sách, chuyên tâm học tập, nhằm bổ sung và nâng cao năng lực phân tích tư duy và quyết đoán của mình về học vấn, chính trị và về phương châm chính sách trị quốc bình thiên hạ làm cho nước mạnh dân giàu. Ngài thấy các sách của Hàn Phi như Cô Phấn, Ngũ Đổ, Nội Ngoại Trữ lập luận rất chặt chẽ, khí thế sâu sắc, phương pháp thực tế, rất có giá trị về lý luận và thực tiễn. Nghĩ vậy, ngài rất muốn gặp tác giả các cuốn sách đó, để trực tiếp nghe những lời giáo huấn. Khi đọc những tác phẩm ấy, ngài được gợi mở và hiểu rõ nhiều vấn đề, đến mức, ngài bất giác thốt lên rằng:

– Chà! Nếu quả nhân được gặp và trò chuyện với con người này, thì chết cũng cam lòng!

Một hôm, ngài đang đọc Cô Phấn, bỗng Lý Tư đến bẩm báo một việc quan trọng, ngài đập tay vào sách viết trên các thẻ tre, rồi hỏi Lý Tư:

– Khanh đã đọc sách này chưa? Thật là chưa từng có trên đời này!

Lý Tư cúi đầu đưa mắt nhìn qua vừa cười vừa đáp:

– À, sách Cô Phấn! Hạ thần không chỉ đọc mà còn rất quen người này.

– Khanh vừa biết sách, vừa biết người! Thật đáng mặt nhân tài, kiến thức uyên thâm. – Nhà vua khen Lý Tư.

Được lời như cởi tấm lòng, Lý Tư càng phấn khởi và càng nói hăng:

– Hạ thần và Hàn Phi đều theo học nhà học giả lớn nước Sở là Tuân Khanh (Tuân Tử), cùng ngồi trên ghế học trò với nhau mấy năm trời, nên rất biết đức độ và tác phẩm của ông ta.

Điều này càng làm cho nhà vua thêm mừng, bèn hỏi tiếp:

– Khanh phụng sự nước Tần đã bấy nhiêu năm, sao không thấy nói đến lý lịch người này và tác phẩm của ông ta.

Lý Tư vẫn nghĩ rằng nhân dịp này thì nói qua về quan hệ đồng môn của mình với nhà đại học giả Hàn Phi nhằm khoe khả năng siêu phàm xuất chúng của mình, nào ngờ nhà vua lại muốn đi sâu tìm hiểu ngọn nguồn lịch sông của con người này, chắc là đang nóng lòng muốn làm quen với ông ta, chứ không phải tiện đây hỏi chơi. Nghĩ vậy, ông ta liền đáp:

– Hạ thần và Hàn Phi tuy học cùng một thầy, nhưng chí hướng khác nhau. Hạ thần ham mê sự nghiệp, muốn phò tá minh chủ, tham gia chính sự, nhằm giúp quân chủ tác thành đại nghiệp. Lập được chút công lao nhỏ mọn ấy là mừng. Còn Hàn Phi thì chuyên tâm vào việc sáng tác, phát huy khả năng biện luận, lấy đó hiến kế góp mưu cho các bậc quân vương, khích lệ người đời. Hạ thần không thấy ông ấy có ý muốn tham gia vào công việc chính sự, nên không tiện giới thiệu với bệ hạ để tiếp kiến.

Nhà vua không cho thế là đúng. Ngài nói:

– Phàm là học giả trước hết đều coi trọng ngôn luận, lấy sáng tác để trình bày. Hàn Phi ở đất nước ông ta, không được “nhà vua sáng” phát hiện, nên không có đất dụng võ. Do vậy đi đến chỗ bàn luận chung chung quá rộng. Nếu đến nước Tần, để ông ấy tiếp xúc với thực tế, có thể thấy hiệu quả hơn nhiều.

Lý Tư hiểu sâu sắc về tính cách và tác phong của nhà vua. Do đó, điều gì đã muốn là nhất thiết phải đạt cho được. Nay ngài đã rất thích Hàn Phi, nếu có cản trở cũng chẳng ăn thua gì. Vả lại, mình đã nói quan hệ bạn học với Hàn Phi, cho nên, chi bằng tiện thể giúp người khác một việc mà chẳng mất công gì, tức là cứ để cho vua gặp Hàn Phi, còn hơn là làm trái ý ngài để chuốc lấy sự nghi kỵ không hay ho gì. Nghĩ vậy, ông liền tỏ ra thản nhiên và nói với nhà vua:

– Đại vương khát khao cầu hiền, hạ thần hết sức bái phục. Hạ thần sẽ đi tìm Hàn Phi. Nhưng vua Vương An của nước Hàn tuy coi thường Hàn Phi, nay biết Đại vương muốn có người này, thì e rằng An Vương sẽ không cho vì sợ mất Hàn Phi. Điều này cũng chưa thể biết trước được.

Nhà vua suy nghĩ giây lát rồi nói nghiêm túc:

– Cứ làm theo cách: tiên lễ hậu binh [128]. Khanh cứ đi sang đó một chuyến thử xem. Nếu không kết quả, sẽ đem quân tấn công để tìm bắt, phải tìm cho được người ấy mới đạt mong muốn của Trẫm.

Lý Tư thấy nhà vua rất quyết tâm, bèn vờ tỏ ra rất khảng khái và nhiệt tình ủng hộ:

– Đại vương đã quyết như vậy, hạ thần sẽ hết sức thuyết phục Hàn Phi để ông ấy đến nước Tần.

– Khanh đến nước Hàn, trước hết khiển trách việc Trịnh Quốc nước này đào kênh và việc nước Hàn phản bội nước Tần để bắt tay với nước Sở, làm cho Hàn phải sợ rồi phải nộp đất trao ấn và làm phiên thuộc (chư hầu). Đó là thượng sách. Nếu nhà vua Hàn không nghe, ta sẽ đem quân đội đi tìm kẻ học giả ấy, buộc Hàn phải cho Hàn Phi đến gặp ta – Nhà vua nói rõ cho Lý Tư về sách lược và biện pháp vừa cứng rắn vừa mềm dẻo khi sang nước Hàn. Lý Tư rất bái phục.

Năm thứ mười bốn niên hiệu Tần Doanh Chính (năm 233 trước Công nguyên) Lý Tư vâng lệnh nhà vua sang sứ nước Hàn. Khi đến kinh đô Dương Địch của Hàn, Lý Tư vào tạm trú tại dịch quán và trình thư ủy nhiệm lên nhà vua Vương An để xin yết kiến theo đúng thủ tục ngoại giao.

Vua Vương An vội gọi thừa tướng của mình là Hàn Thìn đến bàn đối sách.

Hàn Thìn suy nghĩ hồi lâu rồi trả lời với vẻ lo lắng:

– Việc Trịnh Quốc đào kênh, nhà Tần đã đình lại rồi. Từ đó đến nay, tập trung binh lực chống Triệu. Với nước ta không có gây cản gì, chẳng hiểu Lý Tư đến có việc gì.

– Mỗi khi nước Tần đến nước ta, không mượn đường thì cũng cướp đất. Lần này đến

chắc chắn là chẳng có điều gì tốt lành cả đâu. Tốt nhất là không gặp, để họ chẳng làm được gì – Vua Hàn tuy là một quốc vương, nhưng bụng dạ hẹp hòi, tâm mắt thiên cận, chỉ muốn cầu an, không có chí khí. Trước cái thế hùng hổ của sứ thần nhà Tần, ông ta không dám xuất đầu lộ diện, chỉ muốn tránh mặt cho qua chuyện.

– Nước Tần đã sai sứ đến, ắt có mưu đồ gì đây. Nếu không gặp họ, vừa thất lễ đối ngoại, vừa không biết đây là sự việc gì. Nếu Lý Tư đến, là việc có lợi cho nước ta, thì có sao để mất cơ hội tốt này để tiếp xúc với ông ta. Theo ý hạ thần thì cứ tiếp kiến trước đã, nghe ông ta nói rõ ý định sau hãy quyết định cũng không muộn – Hàn Thìn rất biết nước Tần lắt lùng mạnh, không thể coi thường để chuốc lấy tai họa, nên khuyên nhà vua tiếp kiến là hơn.

Nhưng vua Vương An lại còn một nỗi lo khác. Ngài giận dữ nói với Hàn Thìn:

– Lý Tư là đình úy của nhà Tần, chuyên trách việc pháp luật và điệp báo, nay tuy là làm sứ thần, e rằng lấy danh nghĩa quốc sự để lấy cớ thăm dò những điều cơ mật của nước ta. Cho nên, không tiếp là hay nhất, không thể tạo cơ hội cho ông ta lợi dụng.

– Nếu không tiếp sứ thần và đắc tội với vua Tần, thì hậu quả khó lường – Hàn Thìn đành phải thận trọng nói ra điều suy nghĩ chân thật của mình.

– Ta là vua một nước. Một lời là quyết định an nguy phúc họa của xã tắc. Nếu sứ giả đến là có thiện chí, và ta tiếp thu kiến nghị của họ là có ích cho nước ta. Nếu họ đến với ý đồ xấu ta tiếp thu họ sẽ có hại cho đất nước, không tiếp thu ý đồ của họ mới đắc tội với nước họ. Nay ta không tiếp kiến, sứ giả sẽ về không, như vậy ta tỏ thái độ coi thường Lý Tư mà thôi, không đến nỗi mắc tội với vua Tần – Nhà vua Vương An vừa khinh bỉ xuất thân nghèo hèn của Lý Tư, vừa cảnh giác với công việc của Lý Tư, nên vẫn kiên quyết không tiếp kiến.

Thừa tướng Hàn Thìn cố nhiên biết rõ rằng cách làm này của nhà vua là rất đường đột và kém sáng suốt, bèn sai một người thân cận của mình đến gặp Lý Tư, lựa lời nói khéo rằng nhà vua Vương An bị bệnh không thể tiếp khách, xin Lý Tư nói rõ ý định đến Hàn để trình lên nhà vua. Lý Tư biết rõ mười mươi là nói dối, nhưng không tiện giằng co, bèn nói rõ ý định để thông qua Hàn Thìn chuyển lên Vương An. Lý Tư nói:

– Tiếng tăm của Hàn Phi rất rộng, tác phẩm của ông ta được nhiều người hâm mộ, vua Tần muốn Hàn Phi đến Tần, thúc đẩy tình giao hảo giữa hai nước.

Hàn Thìn nghe xong, thấy rõ ý định của sứ thần nước Tần. Ông ta cảm thấy Hàn Phi ở nước Hàn chẳng được trọng dụng, bắt quả họ ông ta đến nước Tần. Nếu ở đó ông ta có đóng góp cho việc bang giao hai nước, thì cũng coi như có cống hiến cho đất nước của mình. Nghĩ vậy, Hàn Thìn bèn trình tấu ý đồ của Lý Tư cho vua Vương An. Nào ngờ khi nghe Hàn Thìn nói xong, Vương An cho rằng Lý Tư đến không có chút đe dọa gì cả nên cảm thấy rất đắc chí ngạo mạn. Ông vốn bụng dạ hẹp hòi nên đoán già đoán non rằng Hàn Phi là bạn học với Lý Tư, ở đây Hàn Phi rất bất đắc chí (không thỏa chí). Nay Lý Tư lấy danh nghĩa sứ thần để mời Hàn Phi về Tần. Nếu Hàn Phi căm giận nước Hàn ra sức giúp Tần, sẽ nguy hại lớn cho Hàn. Đó là đại mưu đại kế của tên cầm đầu gián điệp này. Vì vậy, thà cứ để cho Hàn Phi chịu oan ức ở nước Hàn, còn hơn là thả cho ông ta đến nước Tần. Một nhà vua không biết trọng dụng nhân tài và bất lực như Vương An, cái sách lược lấy để phòng làm chính sách ấy cũng không phải là không có đạo lý. Cho nên, rốt cuộc ông ta không tiếp kiến Lý Tư, cốt để nói rằng: “Thế đấy! Ta không cho Hàn Phi đến Tần, xem anh làm gì ta nào? Thậm chí còn phao tin rằng, nếu Lý Tư không về nước Tần thì sẽ giết quách ông ta cho xong!”

Một người đứng đầu ngành tư pháp và điệp báo như Lý Tư, sao lại có thể sợ sệt lời đe dọa của Vương An. Với tâm trạng rất bất bình, ông ta viết cho nhà vua Vương An một lá thư với lời lẽ rất nghiêm khắc, phân tích rất sắc bén. Đại ý thư như sau:

“Hai nước Tần và Hàn đã giao hữu với nhau, không xâm phạm lẫn nhau, các nước khác cũng không dám đến xâm phạm chúng ta. Điều này đã kéo dài mấy đời rồi. Có một thời gian, có mấy nước chư hầu phôi hợp đánh nước Hàn. Nước Hàn ở vùng trung gian, lãnh thổ không đầy nghìn dặm, thế mà vẫn có thể ngồi ngang hàng với nước lớn, vua tôi vẫn bình yên vô sự. Đó là từ trước đến nay, đã đời đời kiếp kiếp tôn trọng nước Tần mà được như vậy. Nhưng sau đó năm nước chư hầu liên minh với nhau tấn công nước Tần,

nước Hàn nhà người lại đứng ra cầm đầu năm nước chống Tần. Về sau, thừa tướng của Tần là Đồ Thương đã trả thù đem quân đánh chiếm đất Kinh Châu của nước Sở. Tướng Sở bảo vệ Kinh Châu cho rằng tai họa này là do nước Hàn: nước Hàn nhận thấy nước Tần bất nghĩa, vậy mà có một thời gian nước Hàn đã kết nghĩa đồng minh anh em với Tần, gây ra biết bao tai họa cho các nước chư hầu. Về sau nước Hàn lại phản bội nước Tần, đứng ra cầm đầu các nước chư hầu để tấn công Hàm Cốc Quan của Tần. Nhưng nước Hàn nằm ở khu vực trung gian giữa các nước, bị nhiều nước đánh từ nhiều phía, xoay chuyển theo hướng nào cũng không thể được. Vì vậy, các nước chư hầu đã cắt của Hàn mười thành trì để tạ tội với Tần, giải thể lực lượng vũ trang của Hàn. Như vậy, hễ nước Hàn phản bội nước Tần, là bị người khác đến xâm phạm, phải cắt lãnh thổ, binh lực đến nay vẫn còn rất yếu kém. Sở dĩ như vậy là vì không biết cân nhắc lợi hại, chỉ nghe lời ba hoa khoác lác của gian thần. Cho dù nay đã giết gian thần, cũng không tài nào làm cho nước Hàn cường thịnh lên được nữa”.

Sau khi điểm lại mối quan hệ gần bó khăng khít như môi với răng giữa Tần và Hàn, chẳng hạn như việc Tần từng ngăn chặn nước Ngụy xâm lược nước Hàn, tỏ ra chính sách rất hữu nghị với Hàn, Lý Tư nhấn mạnh:

“Lần này vua Tần cử tôi đến Hàn, nhưng ngài không tiếp, lại lập lại mưu kế của gian thần như trước và như vậy nước Hàn lại đứng trước nguy cơ mất nước”. Cuối cùng, Lý Tư cảnh cáo Vương An: “Vua Tần cử tôi sang sứ nước Hàn với ý đồ tốt, sao lại có thể nghĩ rằng tôi xuất thân hèn kém để không tiếp? Dù ông có giết Lý Tư này cũng không hề chứng tỏ nước Hàn mạnh. Nếu nước Tần chúng tôi đưa quân sang thì chẳng còn thương tiếc gì đâu, nước Hàn lúc ấy sẽ rất nguy hiểm! Vua Tần vốn dĩ chủ yếu đánh nước Triệu. Tôi sang sứ lần này là cốt để nghe xem ý kiến và kế mưu của ông như thế nào. Nay ông không tiếp sứ thần, hai bên không thể trao đổi ý kiến để hiểu nhau, như vậy, nước Hàn chẳng có gì đáng tin cậy cả. Do đó, nước Tần có thể loại bỏ mối lo lắng đối với nước Triệu để chuyển sang tấn công nước Hàn. Xin ông suy nghĩ cho kỹ, để tôi về bẩm báo với vua Tần”.

Vua Vương An xem xong thư, cảm thấy quả đúng là nước Hàn suy yếu, không thể chống lại bất cứ nước nào đến xâm phạm, đối với mối đe dọa của nước Tần, cố nhiên là rất đáng sợ, nhưng vẫn nhận định một cách may rủi rằng: “Đó chẳng qua chỉ mới là rắn đe mà thôi”, nên rốt cuộc vẫn không tiếp Lý Tư.

Lý Tư thất vọng trở về Hàm Dương. Ông trình báo với nhà vua Doanh Chính đầu đuôi mọi chuyện ở nước Hàn: vua Vương An của nước Hàn nhiều lần không tiếp sứ thần, viết thư cho ông ta, cũng không được trả lời. Doanh Chính hết sức thất vọng, không kìm nổi tức giận, ngài lập tức sai các tướng Sử Đàng, Mông Quát, Mông Nghị đưa mười vạn quân đánh Hàn. Tin cấp báo có mười vạn quân Tần tấn công, thừa tướng Hàn Thìn của nước Hàn vội bẩm báo với vua Vương An. Vương An thực ra là một người nhu nhược, mồm thì nói đầu đội trời đạp đất nhưng trong lòng thì nhát như cáy, nghe Hàn Thìn cấp báo, bèn hồn bay phách lạc, không còn biết làm gì nữa, chỉ còn trông chờ vào kế sách của thừa tướng. Lúc ấy Hàn Thìn cũng lo buồn mặt như đưa ma, ông ta nhắc lại rằng đạo trước sứ thần của Tần đến, ngài tỏ ra hùng hù hỏ hỏ, không thềm tiếp kiến. Nay quân Tần đến, ngài lại nhát gan như thỏ phải câu cứu đến hạ thần. Nay chỉ có cách là mời công tử Hàn Phi sang sứ nước Tần, mới mong vua Tần bớt giận, rút quân. Vì vậy, Vương An tự mình đến thăm Hàn Phi khẩn cầu ông này rằng:

– Huynh đã học ở nơi rất danh tiếng, văn chương của huynh hạng nhất trên đời, tiếc rằng quả nhân có mắt như mù, không thấy núi Thái Sơn [129], để cho tài năng của huynh bị mai một, thật là oan uổng. Trước đây ít lâu, Lý Tư đến nói rằng vua Tần hâm mộ học vấn của huynh, muốn đưa huynh về Tần. Lúc ấy ta không đồng ý vì rất căm giận nước Tần. Nay đại quân Tần kéo đến xâm phạm, đất nước lâm nguy, chỉ còn cách là nhờ huynh sang sứ nước Tần, tạ tội vua Tần để giải thoát nguy nan cho nước nhà.

Hàn Phi trả lời từ tốn:

– Từ lâu đại vương coi hạ thần như cỏ rác, nhưng vì nể tình họ hàng tôn thất nên lâu nay chịu đựng nhường nhịn. Vừa qua nhà Tần sai sứ sang tìm kiếm là họ thấy được tài năng của hạ thần, họ kính trọng danh tiếng của hạ thần nhưng đại vương lại không chấp nhận. Nay đại vương muốn cử hạ thần sang sứ nước Tần là đã chịu cái tài của hạ thần và

chỉ mượn cái danh của hạ thần, sao lại lừa dối hạ thần đến thế cơ chứ.

Hàn Thìn thấy Hàn Phi không chịu, bèn vội lên tiếng khuyên can. Ông nói:

– Sở dĩ Đại vương chưa trọng dụng công tử, đó là vì nước ta nghèo, lực ta yếu, nội chính ngoại giao đều ứng phó theo cách con nhà nghèo. Tài năng siêu việt của công tử không thể một lúc phát huy có hiệu quả được, cho nên, chưa được chấp nhận, làm cho công tử quá bị thiệt thòi. Nay quân Tần hùng mạnh áp sát biên giới, số phận đất nước đang tính từng ngày. Vua Tần chỉ muốn có được công tử cho nên công tử sang sứ nước Tần, Tần sẽ rút quân giải vây, xã tắc thái miếu nước Hàn ta sẽ được bảo toàn. Nếu công tử không đi thì thành trì bị tàn phá trong chốc lát, vua tôi chẳng biết sống chết ra sao, công tử cũng mất đi chỗ dựa! Đáng buồn lắm thay! Rất mong công tử lấy triều đình và xã tắc làm trọng, gạt bỏ sự hiềm khích giữa anh em, kế thừa ân đức của tổ tiên.

Hàn Phi là một học giả rất yêu nước và trọng đạo nghĩa, cho nên, tuy bị đối xử không công bằng trong một thời gian dài, và rất oán giận nhà vua, nhưng trong giờ phút đất nước lâm nguy, ông cũng vứt bỏ thành kiến cá nhân, chấp nhận lời mời của Vương An, sang sứ nước Tần.

Mấy hôm sau, Hàn Phi ngồi xe bốn ngựa kéo có bánh rất cao, đi sang Hàm Dương với danh nghĩa sứ thần nước Hàn. Mặc dù ông thấy mình là một học giả lớn, một nhà tư tưởng lớn, nhưng lại bị sử dụng như một cái chiếu bài để ngăn cản đòn tấn công của quân Tần, thì thật là quá thiệt thòi. Nhưng lại nghĩ, trước đây, ông đã từng nêu lên rất nhiều phê bình và kiến nghị nhằm chỉ trích những thói hư tật xấu, thức tỉnh lòng người, cốt để xoay chuyển tình thế, làm cho nước Hàn Tổ quốc của ông, chuyển từ yếu sang mạnh, hơn thế nữa ông đã nhiều lần trực tiếp gặp nhà vua phân tích lợi hại, lại còn viết thành văn bản nghiêm chỉnh, đệ trình nhà vua, nhưng đều bị xếp xó, chẳng ai thèm ngó ngang đến. Thử hỏi trên đời có còn đau khổ nào hơn thế nữa? Kể từ khi vua Tần cử bạn học Lý Tư sang đây đến nay, rồi sau đó đưa cả quân lính sang đòi cho được ta (Hàn Phi), sự thật đó cho thấy vua Tần đích thực hiểu được ta, và có ý trọng dụng ta. Vậy thì, nước Tần là nơi mà học vấn của ta, lý tưởng và hoài bão của ta, rất có thể được thừa nhận, được sử dụng và thi thố. Lúc ấy, “kẻ sĩ sẽ được người hiểu mình sử dụng” (sĩ vi tri kỷ giả dụng”); ta sẽ trình diễn một vở kịch lịch sử hùng vĩ huy hoàng trên sân khấu chính trị của đất nước hùng mạnh nhất hiện nay.

HỒI THƯ MƯỜI SÁU

**ĐỒ KỶ GHEN ẪN, BẠN THÀNH THÙ
HÀN PHI PHÂN CHÍ, CHẾT RẤT OAN**

Sau khi đến Hàm Dương vừa trình thư ủy nhiệm để xin yết kiến vua Tần, Hàn Phi đến gặp bạn học Lý Tư. Lúc gặp Lý Tư, lại còn có mặt cả thượng khanh Diêu Giá nữa. Ba người nói chuyện rôm rả. Lý Tư lấy tư cách chủ nhà bày tỏ thái độ vui mừng được đón tiếp khách quý. Ông ta nói:

– Trước đây tiểu đệ vâng lệnh vua Tần sang sứ quý quốc, cốt để mời bậc huynh trưởng đồng môn ^[130] đến nước Tần, nhưng vua Hàn Vương An không tiếp sứ thần, nên không thực hiện được ý nguyện. Thật lấy làm đáng tiếc!

– Huynh cũng quá câu nệ, trong khi chờ đợi bên đó sao cứ rụt rè mà không đến thẳng chỗ đệ nói nhỏ vài tiếng, làm rõ tình hình đôi bên thì có làm sao đâu. – Hàn Phi nói rất thẳng thắn lại còn thân mật nữa.

– Huynh trưởng đồng môn nói thật là thịnh tình, nhưng tiểu đệ sang đó là theo lệnh vua, mọi việc đều phải cẩn trọng. Trước khi chưa được vua Hàn tiếp kiến, thật không dám tự do thăm hỏi ai, sợ nhà vua nghi ngờ, sẽ trở ngại đến sứ mạng. – Lý Tư vội giải thích cho đối phương và tự trách mình – Mà khi đã khoác cái áo nhà quan vào thì bị ràng buộc đủ thứ, thật không bằng những bậc đại học giả lấy trước tác làm gốc, không bị tró buộc bởi chức vụ, hơn tiểu đệ nhiều lắm lắm.

– Huynh và đệ đều học ở một thầy mà ra, ai cũng có hoài bão. Nhưng huynh đã sớm biết xem xét thời thế, chọn được minh quân để phụng sự, rồi như đại bàng vỗ cánh, bay vút lên cao. Còn đệ thì cứ lang thang nhớn nhợ trong mấy hàng chữ nghĩa, tuy cũng có bàn về chuyện cai quản thiên hạ, giúp ích cho đời, nhưng không có đất dụng võ, chỉ uống công nói suông chẳng có hiệu quả gì, thật hổ thẹn vô cùng! – Hàn Phi nói rất chân thành và sâu xa, vừa tỏ ra khâm phục Lý Tư, vừa bộc lộ nỗi buồn của mình không gặp thời.

Diêu Giá vội tiếp lời và cũng để thăm dò Hàn Phi, ông nói:

– Văn chương của tiên sinh rất sâu sắc cao siêu, lưu truyền rộng lớn. Vua Tần vừa đọc đã say mê, không tiếc thực thi các biện pháp răn mềm để tìm cho được tiên sinh. Nay có tiên sinh đến, chắc là mừng lắm. Như vậy, ước nguyện từ lâu nay của tiên sinh sẽ được thực hiện. Chim ưng cất cánh tung hoành chắc là chỉ ngày một ngày hai nữa thôi.

Hàn Phi và Diêu Giá trước đây cũng đã có gặp nhau. Ông biết Diêu Giá chỉ là một con người tầm thường háms lợi lộc, rất giỏi đưa đẩy những lời nói sáo rỗng để lấy lòng người nghe, cho nên cảm thấy chẳng muốn nhập cuộc với hạng người này. Nay nghe những lời tăng bốc quá đáng ấy, cảm thấy rất không tự nhiên, bèn vội vàng bày tỏ lòng thành của mình. Ông nói:

– Lần này, đệ đến đây là vâng lệnh vua đến tạ tội với vua Tần để xin giảng hòa. Còn về cá nhân, nếu như lọt được vào mắt xanh vua Tần, và những quan niệm nông cạn của đệ về văn, lý, tri, hành ^[131] được trình bày sơ lược trong các trước tác của đệ có thể giúp ích gì cho nhà vua, là mãn nguyện lắm rồi!

– Đệ và huynh cùng học với nhau mười năm trời, xưa nay đệ vẫn ngưỡng mộ phẩm hạnh cao quý của huynh là chỉ kết bạn vì văn chương, chỉ mong những ai tri kỷ đồng tâm (tri kỷ: biết mình), đâu có phải vì bổng lộc vinh hoa. Nay huynh phụng mệnh đến Tần, được vua Tần quý trọng. Hai nước Tần Hàn có thể đình chiến giảng hòa, biển gươm đao thành cuộc cày. May thay cho nước Tần! May thay cho Hàn quốc!

Lý Tư nói khá dài, cốt là để cho Hàn Phi hiểu rằng, lần này ông ta đến Hàm Dương là nhằm mục đích đình chiến giảng hòa, chỉ đạt được mục đích đó là được rồi. Vì vậy, Lý Tư nói tiếp, rất trịnh trọng:

– Vua tôi của nước Hàn đang ngóng trông huynh thắng lợi trở về, đủ thấy trọng trách mà huynh đang gánh vác, thật to lớn biết bao!

Hàn Phi từ lâu đã nghe tin vua Doanh Chính nhà Tần có tài năng vào loại hàng đầu

thiên hạ, lại còn rất quý trọng hiền tài; và từng đọc tác phẩm của Hàn Phi, muốn kết bạn với mình, nhưng hiện nay, bản thân lại là mang danh sứ giả đến đây; cho nên, việc quan trọng nhất là hoàn thành sứ mệnh đình chiến giảng hòa. Còn việc của cá nhân thì chưa nên vội vàng tính toán, cho nên ông rất đồng ý với những lời vừa rồi của Lý Tư; và cho rằng những lời đó là sự quan tâm và gợi ý cho mình (Hàn Phi); điều đó cho thấy tình hữu nghị của bạn học là hết sức rất đặc biệt. Nghĩ vậy, Hàn Phi nói lời cảm ơn Lý Tư:

– Tiểu đệ lần đầu tiên nhận trọng trách, tự biết nước Hàn nhỏ bé của đệ đặt biết bao hy vọng. Nay nhờ bậc đàn anh trong các bạn học chỉ giáo, lại càng cảm thấy rất cẩn trọng trong lời nói và việc làm, nhằm giành được sự khoan dung của vua Tần, giải vây ngừng chiến, thực hành giao hữu. Được vậy mới không làm ô nhục sứ mệnh mà nhà vua nước Hàn giao cho.

Khi tan cuộc trò chuyện, Hàn Phi một lần nữa nhờ Lý Tư và Diêu Giá chú ý theo dõi tâm tư và thời gian tiếp sứ giả của vua Tần, để bản thân có sự chuẩn bị trước về tư tưởng. Lý Tư nói rất nhiệt tình rằng nhất định sẽ hết sức chú ý tới việc đó, bảo đảm cho Hàn Phi được tiếp kiến nhà vua vào lúc thích hợp nhất. Diêu Giá cũng nói rằng sẽ nói với trung xa phủ lệnh Triệu Cao chuẩn bị sẵn sàng, để cuộc hội kiến được diễn ra trong không khí tốt lành. Hàn Phi liên tục cảm ơn hai vị chủ nhà, và trở về dịch quán với tâm trạng rất vui vẻ thoải mái.

Sau khi Hàn Phi đi rồi, Lý Tư và Diêu Giá còn ngồi lại bàn bạc riêng với nhau khá lâu; chủ yếu là muốn giới hạn cuộc tiếp kiến của nhà vua với Hàn Phi chỉ diễn ra trong khuôn khổ “Việc công thường lệ” của hoạt động ngoại giao mà thôi; nhất thiết không để cho Hàn Phi thể hiện và phát huy những chủ trương chính trị độc đáo và siêu phàm của ông ta. Như vậy, cảm tưởng của Doanh Chính đối với Hàn Phi, quá lắm cũng chỉ là một học giả, một nhà lý luận mà thôi. Nếu Hàn Phi được Doanh Chính coi trọng, kiến nghị của ông ta được áp dụng, lý luận của ông ta được thực hiện, thì chắc chắn là bộ mặt chính trị của vương triều nhà Tần, cũng như trật tự kinh tế xã hội sẽ thay đổi to lớn. Như vậy, Lý Tư và Diêu Giá trên chính trường Tần quốc mà lâu nay vẫn tự khoe khoang là học rộng tài cao sẽ bị lu mờ, vì bây giờ đã có “hạnh thắm nên mai nhạt” [132]. Vì vậy, hai người đề nghị với Doanh Chính: vì Hàn Phi là một học giả, mục đích chuyến thăm này lại rất đơn thuần, có thể tiếp kiến ở nội cung, chứ không tiếp kiến ở triều đường. Đồng thời, đưa lý do Hàn Phi nói lắp để yêu cầu được tham dự cuộc tiếp kiến, để lúc cần thiết, có thể nói rõ ý kiến của khách. Thật ra thì họ muốn được trực tiếp nghe và thấy thực tế và nội dung của cuộc nói chuyện giữa nhà vua và Hàn Phi, để có cách đối phó về sau.

Sở dĩ Doanh Chính cảm thấy thích thú Hàn Phi, chủ yếu là vì ngài thấy ông ta có những lập luận mới, phân tích sắc bén, thấu triệt bao quát mọi mặt, hết sức thiết thực. Vì vậy, ngài muốn gặp ông ta để trực tiếp bàn luận, trao đổi. Còn việc tiếp nhận thư ủy nhiệm và bày tỏ thái độ với nước Hàn là phụ thuộc vào thái độ của ta đây, vị quân chủ nước Đại Tần hùng mạnh này, chứ đâu có phải là sứ giả đến hay không đến, và sứ giả đó là ai. Lần này, sách lược (tiên lễ hậu binh) trong việc tìm kiếm Hàn Phi chỉ tập trung vào việc tìm hiểu Hàn Phi và các tác phẩm của ông ta. Do vậy, kiến nghị của Lý Tư và Diêu Giá là phù hợp với suy nghĩ của ngài.

Còn Hàn Phi thì sao? Hàn Phi là công tử của hoàng gia nước Hàn, cho nên đã rất quen thuộc với khung cảnh nhà vua tiếp kiến sứ thần: dù là long trọng hay đơn giản, công khai hay riêng rẽ cũng thế thôi, chẳng cần quan tâm. Điều mà ông lo lắng là tật nói lắp của mình; chỉ sợ ăn nói không lưu loát thì người nghe không hiểu, và như vậy sẽ có hậu quả không tốt. Nay nghe nói nhà vua tiếp kiến ở phòng riêng, nên cảm thấy yên tâm. Vì như vậy, số người có mặt ít hơn, khách và chủ ngồi gần nhau hơn, nói nghe rõ hơn và hiệu quả sẽ tốt hơn. Như vậy, buổi tiếp kiến Hàn Phi của nhà vua Doanh Chính diễn ra trong sự thỏa thuận và vừa lòng của cả ba bề bốn bên.

Nhà vua Doanh Chính ngồi trên chiếc ngai rồng ở phòng xép trong cung điện. Trung xa phủ lệnh Triệu Cao đứng hầu bên cạnh. Diêu Giá không lộ mặt, chỉ ngồi ở phía sau tấm bình phong để nhìn và nghe trộm. Vì theo Lý Tư, số người có mặt càng ít thì càng không gây nghi ngờ cho khách. Bản thân Lý Tư được tham dự cuộc hội kiến với lý do ông từng là đặc sứ đã sang Hàn và là bạn học cũ của Hàn Phi, nên rất danh chính ngôn thuận. Hàn Phi và Lý Tư cùng bước vào phòng trong tiếng hô “sứ thần Hàn quốc bái kiến Đại vương”. Lý

Tư làm đng tác của người dẫn đường, chấp tay cúi mình, xong rồi lui sang một bên. Hàn Phi mũ áo chỉnh tề, quỳ xuống và đưa quốc thư bằng hai tay. Nhà vua đưa mắt liếc qua rồi ra hiệu cho Hàn Phi đứng dậy nói chuyện. Ngài hỏi:

– Trước đây, trẫm sai Lý Tư sang mời tiên sinh đến Tần, vậy mà trở về không vì không được tiếp kiến. Nay phải đưa đại quân áp sát biên giới, mới được vua Vương An cử tiên sinh làm sứ thần sang đây, tiên sinh nhận thấy như thế nào về tầm quan trọng của quý quốc?

Câu nói của nhà vua có thể hiểu thành hai ý, vừa tỏ thái độ miệt thị nước Hàn vừa tỏ ra chú trọng Hàn Phi. Hàn Phi nghe xong bèn trả lời cung kính:

– Nhà vua của tề quốc tự cao, tự đại, phụ tầm thịnh tình của Đại vương, đến nỗi để cho quý quốc phải huy động quân đội. thật là đắc tội. Hàn Phi là sứ giả của tiểu quốc, phụng mệnh quân chủ Hàn quốc đến tạ tội Đại vương!

Doanh Chính cười vui vẻ, ngài rất vừa lòng. Ngài nói:

– Đã đến là tốt, chỉ cần biết nhận tội và sửa chữa trẫm cũng không đòi hỏi gì nữa.

Nghe Đại vương nói vậy thật là đôn hậu khoan dung.

– Nếu như được miễn mọi truy xét tội lỗi đã qua, giải vây rút quân, ban cho tề quốc [133] được hòa bình, thì vua tôi và con dân nước Hàn ghi lòng tạc dạ đại ân đại đức của bệ hạ – Hàn Phi cầu khẩn vua Tần mang lại bình yên cho nước mình, theo đúng sứ mệnh mà nhà vua giao cho.

Lý Tư cố nhiên rất muốn nhà vua bày tỏ thái độ về việc này để chấm dứt sứ mệnh “bé xé ra to” của Hàn Phi. Nghĩ vậy, ông ta nêu kiến nghị với nhà vua:

– Nghe bậc đàn anh đồng môn của hạ thần nói, vua Hàn Vương An đã biết rằng thuận với Tần hay nghịch với Tần là phúc họa an nguy của nước Hàn, nên cử Hàn Phi đến tạ tội, xem ra đã hối cải. Dám xin thánh thượng khai ân, rút quân giảng hòa như lời thỉnh cầu, để sứ thần có thể sớm trở về để phúc đáp với quân chủ nước mình.

Nhà vua nghĩ rằng lần này mình mất biết bao công phu, sau cùng phải dùng đến vũ lực mới đưa được Hàn Phi đến đây, chẳng lẽ chỉ để ký một thỏa ước là xong chuyện ư? Ý đồ của ta là ở chỗ khác cơ. Điều này thì chưa đạt được. Ta muốn bàn bạc với tác giả về ý nghĩa, giá trị và khả năng thực hành của các tác phẩm của ông ấy; nhưng những đề tài này đều chưa đề cập đến; vậy sao có thể vội vàng kết thúc cuộc gặp như công việc thường lệ hàng ngày vậy? Nếu làm như vậy, thì không phải chỉ vua tôi nước Hàn, mà ngay cả Hàn Phi cũng đều cảm thấy việc rút quân giảng hòa sao mà dễ dàng thế, mới nói một lời là xong; hóa ra cái uy danh của nước đại Tần vô địch đương đại là ở đâu; hành động của đại Tần chẳng bị coi là trò đùa đó sao? Vả lại, ta lại chưa hiểu được tài năng của Hàn Phi; bản thân ông ta cũng chưa nói gì về chí hướng và thái độ của mình, sao lại nêu lên vấn đề để cho ông ta về nước phúc đáp nhà vua? Nghĩ đến đây, ngài bèn nói trịnh trọng:

– Hai nước giao thiệp với nhau, dù là bằng ngoại giao hay chiến tranh, đều phải hết sức thận trọng. Huống chi, “quốc thư” của nước Hàn có nói rằng nước ấy sẵn sàng cắt đất treo “án” cho nước Tần và xin làm chư hầu. Điều này không thể chỉ đơn giản giao nhận vài cái văn bản bằng tre trúc là xong; càng không thể nỏ nóng vội vàng.

Lý Tư nghe giọng nói và ý tứ của nhà vua, biết rằng mình đã lỡ lời, bèn vội nói để lấp liếm:

– Đại vương nói rất phải. Vi thần thấy tôn huynh Hàn Phi lần đầu sang sứ, lạ đất lạ người, thời gian chờ đợi để được tiếp kiến cũng đã lâu ngày, chắc là sốt ruột muốn về, cầu xin Đại vương sớm cho thánh ý, để ông ấy yên tâm. Nay thì ở lại mấy hôm cũng chẳng hề gì.

Nhà vua cười vui vẻ:

– Ra là vậy! Sứ thần phụng mệnh đến đây, tất nhiên muốn làm xong việc để sớm quay về. Nhưng Hàn tiên sinh đến Tần không phải là chuyện dễ dàng gì, nay đã đến rồi thì cứ yên tâm. Vả lại Trẫm muốn gặp tiên sinh, thực ra là vì đọc mấy tác phẩm lớn Cô Phẫn, Ngũ Hồ, Nội Ngoại Trữ cảm thấy rất sâu rộng, thấu triệt, nói rõ điểm chính, có nhiều điều

rắn, rất đáng khâm phục. Trẫm vừa kể tục cơ nghiệp huy hoàng của đại Tần, vừa ôm ấp chí lớn trị quốc bình thiên hạ, đã hơn mười năm nay, tuy cũng có thành công, nhưng phần lớn là gặp đầu làm đấy, rất tùy tiện. Nay đọc các tác phẩm lớn của tiên sinh, có nhiều phương sách về cai trị đất nước, giúp ích cho xã tắc, ổn định lòng người. Nếu được đại Tần ta vận dụng nhất định sẽ có hiệu quả. Vì vậy, muốn mời tiên sinh tranh thủ thì giờ sau khi làm xong công việc quốc gia đại sự, chỉ giáo cho Trẫm, giúp Trẫm nắm vững và đem ra thực hành. Như vậy ắt sẽ rất bổ ích cho quốc kế dân sinh, và sự nghiệp to lớn của Trẫm sẽ sớm được thành công!

Hàn Phi nghe nhà vua nói rất chân thành, cảm thấy hết sức xúc động. Nó chứng thực những lời đồn đại trước đây nói rằng nhà vua Tần Doanh Chính là vị quân chủ duy nhất có thể chèo lái thời cuộc và làm chủ thiên hạ. Chí hướng cao đẹp của ngài, khí phách kiên cường của ngài, ý chí kiên định của ngài, cũng như tinh thần cầu tiến và không ngừng tìm tòi học hỏi của ngài, tạo cho mọi người có ấn tượng rất tốt đẹp, có sức truyền cảm và hấp dẫn mạnh mẽ. Nếu như bản thân được ngài hiểu biết và sử dụng, thì chuyến đi này thật đáng công đáng của! Nhưng cái tâm nguyện muốn dốc bầu tâm sự đó trong buổi gặp gỡ này, chưa tiện bày tỏ được. Bởi vì nhà vua vừa mới tiếp kiến, lại có bạn học Lý Tư ngồi đó, nếu cứ thẳng đuột nói ra, chắc gì nhà vua và Lý Tư không cho rằng mình quá đường đột và nông cạn lắm sao. Vì vậy, ông ta vẫn trả lời nhà vua rất cung kính:

- Ngày nay các chư hầu tranh giành lấy nhau, thiên hạ nhiễu nhương, ai cũng lên tiếng, mỗi người một phách, chẳng ai nghe ai. Hạ thần chẳng qua là xem xét thời cuộc các đời trước, khảo sát sự biến đổi đời nay, tìm ra cái lý trong “thành bại được mất” của thế sự, viết thành bài thành sách, may mà được thánh thượng để mắt tới, thật là vinh hạnh vô cùng. E rằng đó chỉ là trò tập viết chữ nghĩa [134], không dám phô trương, chưa thể ra mắt mọi người được; nay được Đại vương vui mắt, giải trí, thế là may lắm rồi, sao dám nói đến chuyện chỉ giáo?

Nhà vua rất có cảm tình với cách ăn nói lễ độ khiêm nhường của Hàn Phi, vả lại, bản thân ngài cũng thấy rằng trong chốc lát không thể giải đáp hết được những vấn đề mà ngài đang rất cần bàn luận; vì vậy, ngài cũng không tiếp tục trao đổi nữa. Ngài nhồm dậy tỏ ý muốn kết thúc cuộc gặp; nhưng ngài rất vui khi giao hẹn với Hàn Phi rằng trong một ngày gần nhất, ông sẽ cùng vào cung trao đổi về các tác phẩm của ông ta. Hàn Phi rất cảm động, ông liên tục nói rằng rất sẵn sàng và cáo từ đi về dịch quán.

Lý Tư, Triệu Cao và Diêu Giá, mỗi người dựa theo những gì mà họ nghe được nhìn thấy, đều rút ra một nhận xét thống nhất: thái độ của nhà vua đối với Hàn Phi, từ chỗ yêu thích tác phẩm, đến chỗ tích cực chủ động mời tác giả đến và mong mỗi tác giả chỉ giáo. Đó là điều mà ba người này rất ghét, rất đố kỵ cay cú, nhưng lại chẳng biết làm thế nào. Vì vậy, họ lại bàn riêng với nhau. Họ đều cho rằng Hàn Phi nhờ có tác phẩm nên nổi tiếng thiên hạ, nhưng ở trong nước lại bị khinh rẻ lâu lắm rồi, cho nên ông ta rất buồn. Bây giờ được vua Tần biết đến rất có thể là ông ta sẽ bỏ nước Hàn để về với nước Tần. Một khi được Doanh Chính sử dụng, thì ba cỗ xe ngựa này làm sao có thể sánh bằng con ngựa ngàn dặm (thiên lý mã) ấy. Do vậy cần tìm chỗ sơ hở để hạ thủ, nhanh chóng loại bỏ vật chướng ngại trên con đường công danh của mình!

Nhà vua Doanh Chính, con người đang khao khát cầu hiền, và Hàn Phi, một nhân vật tình tình cởi mở, thẳng thắn chân thành, không có mưu mô, hoàn toàn chẳng hề biết âm mưu quỷ kế của hai người kia. Vì vậy, trong buổi gặp tối hôm sau của hai người, Doanh Chính và Hàn Phi nói chuyện với nhau rất tâm đắc thoải mái, không có chút gì là e dè câu nệ. Khi bàn đến những hình tượng sinh động và ngụ ý sâu sắc của những câu chuyện ngụ ngôn mà Hàn Phi viết trong “Thủ châu đãi thổ” (ôm gốc cây chờ thổ), “Mãi độc hoàn châu” [135], “Tự mình mâu thuẫn”, nhà vua nghĩ rằng “nói đông nói dài, trở về bài chính”; ngài xin Hàn Phi chỉ giáo:

- Trẫm nghe nói môn pháp luật của khanh là tổng hợp của bách gia chư tử, vậy xin nói rõ cho Trẫm biết!

Hàn Phi trước hết thanh minh với nhà vua rằng ông có tật nói lắp, sợ nói không rành mạch, xin nhà vua lượng thứ. Tiếp đó, ông bắt đầu nói rõ ngay những ý chính:

- Những điều mà hạ thần nói về luật pháp (pháp học) là tổng hợp (pháp) (phép, luật,

quản lý) của Thương Ưởng, “thuật” của Thân Bất Hại [136], “thế” của Thận Đào [137], giống như cái đỉnh có ba chân, thiếu một là không được [138].

– Như vậy rất tốt. Điều khanh vừa nói rất vắn tắt nhưng ý chính rất rõ, giúp Trẫm nắm được những điểm then chốt của nó. Nay khanh giải thích rõ cái lý của nó! – Nhà vua yêu cầu Hàn Phi đi sâu phân tích và luận chứng.

Các nhà học giả, văn nhân thường có một cái tật giống nhau đó là có thể về một mặt nào đó, họ yếu kém, thậm chí không biết gì, nhưng đi vào lĩnh vực của họ, thì họ rất thành thạo, có thể nói năng trôi chảy, thao thao bất tuyệt. Hàn Phi cũng vậy, khi nhà vua nói đến điều này, ông ta cảm thấy rất thoải mái, nói liền một hồi dài về các luận điểm của mình. Ông nói: “pháp” là quy củ, là chuẩn tắc, là chuẩn mực mà sự vật phải tuân theo chặt chẽ. Mạnh Tử nói: “Cái khéo của thầy Công Thâu [139], nếu không dựa theo quy tắc, thì không thể thành hình tròn (chu vi) được”, chính là nói về cái đạo lý ấy. Thương Ưởng đặt ra “luật của nhà Tần”, đã tương đối hoàn chỉnh, nhưng tại sao vẫn còn xảy ra những vụ vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng về chính trị quân sự như vụ Lao Ai, Lã Bất Vi? Đó là vì thiếu lực lượng giám sát và trừng trị việc chấp hành “luật” (pháp). Điều đó cho thấy tầm quan trọng của “thuật”.

Đến đây, nhà vua có điều chưa rõ, bèn hỏi rằng, “luật nhà Tần” rất nghiêm chỉnh, sao lại bảo là chấp hành không tốt? Hàn Phi chú ý làm rõ điều này. Ông nói:

– Dù pháp luật rất chi tiết, chặt chẽ, nhưng không có người theo dõi, giám sát việc thực hiện, thì vẫn còn sơ hở nhiều lắm. Cho nên, cái gọi là “thuật” mà hạ thần nói, chính là những quy định và biện pháp cụ thể để giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật – Nói đến đây, Hàn Phi nhấn mạnh – Muốn phát huy chức năng giám sát của “thuật” thì phải lấy nguyên tắc bình đẳng làm tiền đề. Cũng có nghĩa “con vua phạm pháp cũng phải trị tội như thứ dân”. Chính ngài đã dùng cái “thuật” đó để đàn áp bọn nổi loạn Lao Ai và Lã Bất Vi. Thử hỏi: nếu cứ theo cái “lẽ” của các nhà “nho” nói rằng “bậc đại phu không bị hình phạt” (hình bất thương đại phu), thì hai vị được ban tước “hầu” ấy có trừng trị hay không? Cho nên đã gọi là “thuật” là phải thật nghiêm và mạnh tay; và không thể cho phép ai có đặc quyền và ngoại lệ. Nếu không, dù có “thuật” mạnh hơn nữa, cũng khó mà quán triệt chấp hành được.

Nhà vua luôn luôn gật đầu, rất tâm đắc. Ngài nói:

– Vậy là ta đã sử dụng chức năng của “thuật” để dẹp được loạn, ổn định xã tắc; hiệu quả thật to lớn! Nhưng tại sao chỉ mình ta mới làm được như thế, còn người khác thì không có sức mạnh quyết định như thế!

Hàn Phi đập tay vào bàn mấy cái để làm cho đối phương chú ý, rồi ra hiệu bằng tay và nói rất rõ ràng rằng:

– Đó là “thế” đấy. “Thế” cũng hết sức quan trọng. Cái gọi là “thế”, có nghĩa là ở một vị trí không chế trên cao; ở vị trí đó, có thể làm chủ hết cả bằng cái thế áp đảo của mình; cái thế đó là sức mạnh có uy quyền nhất. Nếu ngài không ở vị trí tối cao, không có cái thế là có uy quyền lớn nhất, thì làm sao có thể bao quát toàn cục; quyết định mọi việc; khi đã ban lệnh, mọi người phải theo; khi đã cấm chỉ, mọi người phải thôi! Vì vậy, muốn có “thế”, phải xây dựng bộ máy trung ương tập quyền, thống nhất, tập trung, kết hợp ba mặt “pháp”, “thuật”, “thế” lại với nhau thì có thể hình thành một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh; một bộ máy giám sát theo nguyên tắc bình đẳng (trước pháp luật) và các biện pháp thực thi, (pháp luật) cụ thể, đồng thời, cũng có một chính phủ trung ương, tập trung, thống nhất, có uy quyền. Như vậy, sự nghiệp vĩ đại về trị quốc bình thiên hạ có thể được thực hiện thuận lợi và thành công....

Nói đến đây, Hàn Phi xúc động rơi nước mắt, vì ông chưa bao giờ lại có thể nói năng thoải mái những gì mà mình muốn nói, trước một vị quân chủ thông minh văn võ như thế. Doanh Chính cũng rất vui, đến nỗi ngài vỗ tay khen ngợi và tự tay nâng cốc rượu hoàng cung để tỏ lòng cảm ơn Hàn Phi.

Cuộc đàm thoại này kéo dài tới giờ Dần (từ ba đến năm giờ sáng) mới thôi. Nhà vua tiễn chân Hàn Phi tới bên ngoài phòng ngủ [140] và bảo tiểu hoàng môn [141] tự tay đưa xe để chở Hàn Phi về dịch quán. Cả hai người đều rất vừa lòng vì đã có sự hiểu nhau khá sâu

về mặt tư tưởng.

Mấy hôm sau, nhà vua lại gặp Hàn Phi nhiều lần nữa, mỗi lần đều nói chuyện rất lâu. Hàn Phi nói với nhà vua về nội dung chính của các tác phẩm khác của ông. Như “Ngũ Hồ” là sách nói về năm khuyết tật lớn thường thấy trong việc sử dụng quyền lực nhà nước. Đó là năm loại sâu mọt đục ruỗng và làm nguy hại cơ thể quốc gia. Năm loại sâu mọt ấy: Thứ nhất, những hạng người huyênh hoang khoác lác về cái gọi là học thuyết của các tiên vương, học theo thời cổ, nhưng không tiêu hóa, thông thái rởm, bệ những ngôn từ trong sách vở và lễ nghi cổ xưa để chống lại luật pháp hiện hành. Thứ hai, những kẻ chiếm đoạt tiền của của người khác bằng cách làm ăn gian dối, hoặc câu kết với nước ngoài để bán rẻ lợi ích đất nước, mê hoặc quân vương, tổn hại lợi ích công cộng. Thứ ba, tụ tập băng đảng, tay cầm gươm giáo, hiệp sĩ giang hồ, lòn bịp thiên hạ, giả mạo họ tên, vi phạm luật hình. Thứ tư, những bọn ương hèn nhút nhát, khiếp sợ chiến tranh, dựa dẫm quyền lực, trốn lính bỏ quân. Thứ năm, những kẻ thương nhân và thợ thuyền buôn gian bán lận, sản xuất hàng giả, hàng kém phẩm chất, để kiếm nhiều lời, vơ vét của cải, ăn tiêu hoang phí.

Năm loại tệ nạn trên đây rất nguy hại. Nếu để chúng đục khoét, thì chính quyền sẽ mục nát, kỷ cương sẽ băng hoại, chính thể sẽ tan rã.

Sách “Nội trữ” là nói về quyền thuật (quyền lực và pháp thuật) của người thống trị. Người quân chủ (vua) vận dụng quyền thuật để khống chế bề tôi, làm cho bề tôi quy phục và tuân theo bản thân mình. Cho nên gọi là “nội trữ” (trữ lượng bên trong).

Sách “Ngoại trữ” là nói về vấn đề: xem xét thành tích của bề tôi để xác định công tội và thưởng phạt đúng đắn. Vì người được thưởng và chịu phạt, là những người không thuộc bản thân quân chủ (vua), cho nên gọi là “ngoại trữ”. Nội trữ hay ngoại trữ, đều là nhằm nâng cao năng lực của quân chủ trong việc phân biệt và phân tích phải trái. Những quan điểm đó đều rất phù hợp và đáp ứng nhu cầu của việc xây dựng một nhà nước pháp trị (cai trị bằng pháp luật). Do vậy, các sách ấy được nhà vua Doanh Chính hoan nghênh. Mỗi lần gặp gỡ của họ đều kết thúc rất vui vẻ.

Học giả Hàn Phi trở về công quán (dịch quán) ông cảm thấy rất phấn khởi, vì các chủ trương và lý luận, được vua Tần hiểu biết và tán thưởng. Nhưng với tư cách là thành viên của hoàng gia nước Hàn, ông thấy mình cần phải cố gắng làm một việc gì đó để đất nước mình thoát ra khỏi tai họa xâm lược và sự kiểm chế của nước Tần hùng mạnh. Nghĩ vậy, ông bèn viết cho vua Tần một bức thư rất trân trọng. Thư viết đại ý như sau:

“Nước Hàn thần phục đại Tần hơn ba mươi năm. Về mặt đối ngoại, Hàn giữ vai trò bình phong cho Tần; đối nội, ngài chi phối nước Hàn tùy theo ý muốn. Khi nước Tần đưa quân đi cướp đoạt đất đai nước khác, nước Hàn phải về hòa theo ngài, kết quả là các nước chư hầu trong thiên hạ đều oán hận nước Hàn, còn công lao thì lại được coi là của Tần. Nước Hàn lệ thuộc vào nước Tần, đã hạ thấp nước Hàn xuống địa vị một quận huyện. Nay lại nghe nói nước Tần đang nghe lời nước khác, định đem quân tấn công nước Hàn. Trong khi đó, nước Triệu đang tập trung lực lượng quân sự, nuôi dưỡng cả những thế lực theo đuôi họ, nhằm tập hợp toàn bộ binh lực trong thiên hạ; để nói cho thiên hạ biết rằng: Nếu không làm suy yếu sức mạnh của nước Tần thì các chư hầu sẽ bị tiêu diệt, tôn miếu sẽ bị san phẳng. Chí hướng của họ muốn đưa quân tấn công phía Tây (nước Tần) không phải chỉ mới hình thành ngày một ngày hai. Vậy mà ngài lại loại bỏ mối lo ngại đối với Triệu, để thù địch nước Hàn là nước “phiên thuộc” bên trong của nước Tần, trong khi cả thiên hạ đều biết ý đồ nói trên của nước Triệu.

Hàn là một nước nhỏ. Để đối phó với những cuộc đánh phá từ bốn phía, từ lâu nay, nhà vua Hàn chịu nhục chịu khổ để làm thân phận một nước phiên thuộc chư hầu; cả nước ai ai cũng đau buồn, cảnh giác với kẻ địch hùng mạnh, gia cố thành trì, để bảo vệ đất nước một cách vững chắc. Cho nên hiện nay muốn tấn công nước Hàn không phải là chuyện dễ dàng, không thể đạt được trong một năm hay dăm tháng. Nếu chỉ đánh một thành trì của chúng tôi rồi rút lui, thì chúng tỏ lực lượng của ngài không bằng các chư hầu; và như vậy, các nước chư hầu sẽ đến tiêu diệt binh lực của nước Hàn. Nếu nước Hàn phản bội nước Tần nước Ngụy nhất định sẽ hưởng ứng. Nước Triệu sẽ dựa vào hậu thuẫn là nước Tề. Như vậy, nước Hàn và Ngụy đều ủng hộ nước Triệu và đều dựa vào thế lực nước Tề, để củng cố lực lượng và cục diện (hợp tung). Do đó, cuộc đấu tranh rõ ràng là có lợi có nước Triệu; còn đối

với nước Tần, thì lại là một nguy cơ.

Sau khi đi sâu phân tích và vạch rõ ràng, nếu nước Tần tấn công nước Hàn là tự làm suy yếu bản thân, còn nếu liên minh với nước Hàn để tấn công nước Triệu, đánh nước Ngụy, đó mới là thượng sách, Hàn Phi “nhấn mạnh”:

“Vũ lực là công cụ hung bạo và nguy hiểm. Việc sử dụng vũ lực phải hết sức thận trọng. Nước Tần và nước Triệu kinh địch lẫn nhau. Nước Tề tham gia vào đó nhưng nghiêng về nước Triệu. Nay nước Tần phản lại liên minh với nước Hàn, trong khi không có chủ trương bình định nước Sở và nước Ngụy. Nếu như chiến dịch này không thắng được nước Triệu, thì sẽ rất nguy hiểm. Vận dụng sách lược vốn là để quyết định toàn cục; vì vậy, phải xem xét tổng thể. Năm nay là thời điểm có thể quyết định nước Tần hay nước Triệu, nước nào mạnh, nước nào yếu: Việc câu kết âm mưu của Triệu với các nước chư hầu là đã có từ lâu rồi. Nếu sử dụng vũ lực và bị các nước chư hầu đánh bại, sẽ rất nguy hiểm. Nhà vua muốn áp dụng sách lược đó, sẽ làm cho các nước chư hầu đến trừng phạt ngài, như vậy thật sự quá nguy hiểm. Hạ thần mong bệ hạ suy nghĩ kỹ càng. Nếu đưa quân tấn công sẽ làm cho những nước lệ thuộc ngài quay ra chống lại ngài, vậy thì hối hận cũng không kịp nữa”.

Bức thư trên của Hàn Phi thể hiện ý chí và sức mạnh của Hàn, tuy là một nước nhỏ, nhưng nhất quyết không dễ dàng khuất phục, không thể bị đánh bại một cách dễ dàng. Hàn Phi cũng nhấn mạnh mối quan hệ lợi hại; nếu Hàn lệ thuộc nước Tần, thì Tần mạnh; nếu Hàn phản bội Tần, Tần sẽ suy yếu. Ông còn nêu lên rằng: “Nếu Triệu liên minh với Ngụy, Tề, Sở, thì Tần sẽ bị cô lập, và rơi vào tình hình nguy cấp”. Mục đích của ông ở đây là nhằm làm thay đổi ánh mắt tham lam của Tần đối với Hàn, xúi giục Tần tấn công Triệu, từ đó giải tỏa mối uy hiếp của Tần đối với Hàn. Ông đọc đi đọc lại bức thư và cho rằng bức thư vừa tôn trọng địa vị nước lớn của Tần, vừa thể hiện thái độ của Hàn là vẫn giữ quan hệ lệ thuộc vào Tần, không phản bội Tần. Điều quan trọng hơn là ông tưởng rằng vua Tần Doanh Chính sẽ xuất phát từ lập trường và góc độ của nhà vua, để chấp nhận các kiến nghị trong thư của ông, giống như ngài đã từng hiểu các tác phẩm của ông; bởi vì, qua mấy lần nói chuyện vừa qua, ông thấy nhà vua tỏ ra khâm phục và tán thưởng ông rất rõ ràng. Khi ông đệ trình bức thư lên nhà vua Doanh Chính và chào từ biệt nhà vua, lòng tự hào và tự tôn trong người ông rất cao và cho rằng bức thư này có tác dụng hơn cả việc trình quốc thư cho vua Tần và việc nộp ấn tín, cắt đất cho Tần. Vì đó là sự đầu hàng của kẻ thất bại, là sự đánh mất quốc cách, còn bức thư là đề cao quốc cách nước Hàn, bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền đất nước mình. Vì vậy, khi ông ngồi trên cỗ xe rất hào hoa dành riêng cho sứ thần để trở về cố đô Dương Địch của đất nước mình, ông cảm thấy vô cùng vui vẻ và cao ngạo, chẳng khác gì một vị tướng đại thắng đang cất cao bài ca “đắc thắng” trở về.

Khi về đến Dương Địch, ông bẩm báo với vua Hàn Vương rất đầy đủ mọi chuyện của ông ở Tần; đã hoàn thành nhiệm vụ tạ tội và xin giảng hòa với nước Tần; vua Tần Doanh Chính nhiều lần nói chuyện rất lâu với mình, quan hệ hai người rất hòa hợp. Vua Vương An vốn bụng dạ hẹp hòi, không xuất phát từ đại cục để tự nhìn nhận kết quả tích cực mà Hàn Phi đã thu được khi đi sứ nước Tần. Ngược lại, Vương An lại cho rằng Hàn Phi đề cao vua Tần Doanh Chính là cố ý hạ thấp ông ta, để trút bỏ tâm trạng bất mãn do ông ta không trọng dụng. Vì vậy, ông ta chỉ nói mấy câu cho xong chuyện rồi bảo Hàn Phi về nghỉ ngơi, khi nào có việc sẽ tính sau. Nhưng Hàn Phi là một người rất coi trọng công việc của mình, ông nghĩ rằng vua Doanh Chính nhà Tần còn có thể tiếp thu các lý luận và chủ trương của mình, vậy tại sao Vương An lại không tiếp thu? Ông cho rằng có thể là do trước đây mình chưa chủ động và cố gắng nhiều nữa, mà đến gặp Vương An nói rằng tôi đã dùng mưu kế để làm suy yếu nước Tần, nhưng chưa dùng mưu kế để cho nước Hàn mạnh lên. Tôi thấy nước Tần có nhà vua coi nhân tài quý hơn châu báu. Sở dĩ nước Tần mạnh là vì đã vận dụng sự kết hợp “pháp”, “thuật”, “thế” để cai trị đất nước. Ngoài ra, họ còn có rất nhiều học giả hiền sĩ. Nước Tần chiêu mộ nhân tài, không phân biệt quốc tịch, bất kể xuất thân cao quý hay thấp hèn, chỉ cần có một sở trường nào đó là sử dụng. Đó là nguyên nhân căn bản làm cho nước Tần trị nước có phương lược, thực hiện được nước giàu dân mạnh!

Hàn Phi muốn nhắc nhở vua Vương An cũng nên trọng dụng nhân tài, và cũng qua đó, bày tỏ tâm nguyện của mình muốn phục vụ đất nước. Nhưng kết quả ngược lại. Vương An vốn nghĩ rằng Hàn Phi tôn trọng vua Tần và khinh thường mình, nay lại khuyên mình nên học tập nước Tần trọng dụng nhân tài, đó chẳng phải là để cho mình tỏ ra hèn kém đó

sao? Vì vậy, ông ta cũng chỉ nói mấy câu lạnh nhạt rồi bỏ mặc Hàn Phi ở đó.

Không lâu sau có tin cấp báo về quân sự cho biết quân Tần do Vương Tiễn, Hoàn Kỳ và Dương Đoàn Hòa chỉ huy đã đến Hàm Cốc Quan, chắc là muốn tấn công nước Hàn. Vua Vương An và thừa tướng Hàn Thìn vội bàn cách đối phó. Hai người cho rằng vừa rồi Hàn Phi đi sứ sang Tần đã đạt được mục đích đình chiến giảng hòa; hơn nữa, vua Tần lại có ấn tượng rất tốt với ông ta, chi bằng nay lại cử ông ta sang du thuyết vua Tần để Tần rút quân. Hàn Phi tuy rất thất vọng với Vương An, nhưng lại rất nhiệt tâm với công việc của đất nước, sẵn sàng giúp nước thoát khỏi tai nạn, huống hồ nay sang nước Tần sẽ có cơ hội để thuyết phục vua Tần tấn công nước Triệu; từ đó có thể căn bản giải tỏa mối đe dọa của Tần đối với Hàn. Nghĩ vậy, ông lập tức nhận lệnh và vội vàng lên đường đi nhanh sang Hàm Dương. Dọc đường, ông tận mắt nhìn thấy quân Tần đội ngũ nghiêm chỉnh, đang cấp tốc hành quân, bèn càng cảm thấy rất sốt ruột. Vì xe của ông là loại dành cho sứ thần, nên không tiện ghé lại hỏi tình hình, chỉ cảm cố ra roi cho xe chạy nhanh để có thể đến Hàm Dương trong thời gian ngắn nhất.

Khi đến Hàm Dương, ông lại đến nhà công quán “dịch quán” trước đây để tạm trú. Đến đây, ông mới biết quân Tần lần này đi đánh nước Triệu, nhưng giả vờ phao tin đánh Hàn là để làm lạc hướng nước Triệu. Do vậy, Hàn Phi cứ tưởng là vua Doanh Chính đã tiếp thu kiến nghị của ông ta nên rất sung sướng đến nỗi suốt đêm không ngủ được. Sáng sớm hôm sau ông vội đưa danh thiếp cho quan hoạn xin yết kiến vua Doanh Chính. Sau đó ngồi chờ. Khá lâu sau, quan hoạn đi ra, trả danh thiếp cho ông và nói đại vương quá bận việc nước, hôm nay rất bận, để hôm sau mới gặp được. Hàn Phi nghĩ rằng mình cũng quá nóng, vua Tần bận trăm công nghìn việc, nay chưa hẹn trước, làm sao có thể tiếp kiến mình trong hôm nay được. Nghĩ vậy, ông đành quay về dịch quán để chờ.

Hôm sau cũng chẳng có chuyện gì mới. Đến tối hôm thứ ba ông mới được vào yết kiến. Hàn Phi vui mừng hơn hởi đi vào nội cung để gặp nhà vua Doanh Chính. Nhà vua vẫn vui vẻ tiếp và nói chuyện với Hàn Phi. Hàn Phi phân khởi nói rằng khi nghe tin Đại vương đưa quân đánh Triệu, là biết Đại vương rất coi trọng ý kiến của hạ thần; cho nên, bây giờ sang đây lần nữa để bái yết ngài, cốt trình bày rõ sách lược đánh Triệu để Đại vương tham khảo. Nhà vua nói như vậy cũng tốt thôi, nhưng bây giờ quá bận, để lui hôm khác có thời gian sẽ nói kỹ hơn. Nói xong bèn đứng dậy tiễn khách. Hàn Phi cũng đành trở về dịch quán. Trong lúc nhàn rỗi, ông ta suy nghĩ: khi nào gặp lại vua Tần, nhất định phải thúc giục ông ta tăng cường sức mạnh công nước Triệu, chỉ đánh một trận là diệt luôn. Quân Tần đã đi viễn chinh quá xa nên không đủ sức để đánh nước Hàn nữa. Nhưng ông ta hoàn toàn không ngờ rằng trong lúc ông đã nghĩ xa nghĩ gần, thì tai họa đang ập đến với ông. Sự việc như sau. Lần trước, sau khi ông về Hàn, vua Tần có xem bức thư của ông nói về việc Tần nên đánh Triệu chứ không nên đánh Hàn, nhà vua thấy rất có lý, bèn gọi Lý Tư đến cho xem và hỏi ý kiến Lý Tư. Lý Tư bèn nghĩ rằng dịp này là một cơ hội tốt, bởi vì chủ trương của Hàn Phi muốn Tần không đánh Hàn là hoàn toàn trái ngược với chiến lược của Lý Tư và Diêu Giá chủ trương: trước hết phải loại trừ Hàn sau đó đánh Triệu để giành thiên hạ. Nghĩ vậy, ông ta bèn ngồi suốt đêm viết cho nhà vua một bản tấu như sau:

“Hạ thần Lý Tư xin chịu tội chết để bảm tấu Đại vương như sau: Nước Tần có nước Hàn bên cạnh, giống như có ung nhọt trong người, chớ thấy rằng nước Hàn nói họ bằng lòng làm phiên thuộc chư hầu cho nước Tần, nhưng đến giờ phút cuối cùng thì họ chẳng có gì đáng tin nữa. Hàn là một nước nhỏ, nhà vua của họ không muốn cai trị đất nước cho tốt, bây giờ thì không biết cách phò tá nhà vua để cường thịnh, chỉ xúi giục Vương An bày trò quỷ kế âm mưu. Nên cứ để cho Hàn yên ổn tồn tại thì họ sẽ thực hiện nước mưu gian với các nước lớn. Trong thời gian qua, các nước Triệu, Sở, Yên, Tề đều đã có lúc tham gia liên minh “hợp tung” nhưng trước đó, nước Hàn đã có hành động, họ đã bợ đỡ xun xoe các nước lớn rồi, chủ yếu là cốt để tìm kiếm lợi ích cho mình. Nếu Tần đánh Hàn, Hàn sẽ không đủ sức chống cự. Nước Hàn bị tiêu diệt, cái ung nhọt của Tần sẽ được loại trừ. Nếu không diệt Hàn, một khi Tần giao chiến với các chư hầu, nước Hàn quấy rối và cản trở phía sau, rất bất lợi cho hành động quân sự của Tần. Nay Hàn muốn bảo toàn an ninh cho mình, nên cử Hàn Phi sang làm thuyết khách, hòng muốn Đại vương chuyển sang đánh Triệu, chẳng qua là muốn làm suy yếu lực lượng của Tần, để Tần không đủ sức tấn công sáu nước, bình định thiên hạ. Đương nhiên, Tần không phải là không thể đánh Triệu; nhưng khi tiến công, phải chọn đúng thời cơ, khi nào tình hình có lợi cho Tần mới hành

động, không thể vội vàng hấp tấp. Nếu áp dụng kế sách của Hàn Phi, thì không những không đánh được Triệu mà ý muốn của Đại vương thôn tính toàn thiên hạ, cũng chẳng biết ngày nào mới thực hiện được. Hạ thần sợ rằng Đại Vương đã mắc mưu Hàn Phi, không thấy được dã tâm nham hiểm của ông ta, và như vậy, làm tiêu tan sự nghiệp vĩ đại của mình. Trước tình hình đó, hạ thần dám liều chết bẩm báo với Đại vương những điều nói trên, rất mong Đại vương suy nghĩ thật kỹ, thận trọng minh xét”.

Doanh Chính xem xong bản tấu của Lý Tư, cảm thấy rất hợp lý. Nhưng ý kiến của Lý Tư lại trái ngược với Hàn Phi, vậy ai sai, ai đúng, bỏ ai và nghe ai bây giờ? Với tư cách là một người quyết định cuối cùng, thì lúc này là lúc rất khó quyết đoán. Lúc ấy, Diêu Giá đi sứ nước Ngụy, Sở, Yên và Tề vừa về. Diêu Giá bẩm báo rằng vua tôi nước Hàn đang hí hửng vui mừng vì mưu kế của Hàn Phi làm suy yếu nước Tần, đã thành công. Vì vậy, Doanh Chính rất tin bản tấu của Lý Tư, và cho rằng Hàn Phi có mưu mô độc ác; từ đó ngài có ác cảm với Hàn Phi. Nhất là sau một lần nói chuyện khá lâu với Hàn Phi, ngài hỏi ý kiến Hàn Phi về Diêu Giá, xem Hàn Phi có hiểu biết Diêu Giá hay không. Hàn Phi là một học giả đúng đắn, ông khinh bỉ phẩm chất của Diêu Giá nên trả lời rằng, khi Diêu Giá làm “môn giám” ở Đại Lương, thường ăn hối lộ và đút lót mua chuộc, nên sau phải chạy sang nước Triệu, lại làm quan ở đó. Nhưng vì hành vi xấu nên rốt cuộc lại bị đuổi lần nữa. Hàn Phi còn cho rằng khi đi sứ bốn ước, Diêu Giá đã đem số vàng bạc châu báu của Tần định hối lộ trọng thần các nước, sử dụng cho cá nhân buôn bán riêng, lấy của công làm của tư, làm hỏng việc thực thi kế hoạch nhà nước.

Nhà vua đã gặp Lý Tư và bản thân Diêu Giá để hỏi rất nghiêm khắc về các việc nói trên. Lý Tư giải thích rằng, khi Diêu Giá ở Đại Lương và ở Triệu, là do căm ghét thời thế và thói xấu trong đời, nên thường hay phàn nàn kêu ca. Do vậy, ông ta bị kẻ khác vu cáo hãm hại. Bản thân Diêu Giá thì khốc lóc và nói với nhà vua rằng ông ta đi làm việc tình báo, phải mua chuộc người khác, và việc này không thể thực hiện với tư cách là sứ giả được. Còn việc buôn bán tư nhân là cốt để không lộ bí mật, kết quả công việc đều là vì lợi ích đất nước. Nhà vua nghe vậy bèn không truy cứu nữa; lại còn cho rằng Diêu Giá có công, nên phong chức và ban thưởng thêm cho ông ta. Từ đó, Lý Tư và Diêu Giá càng căm ghét Hàn Phi, và tìm mọi cách để soi mói, nói xấu Hàn Phi. Đó chính là nguyên nhân tại sao Hàn Phi đến Tần lần thứ hai bị nhà vua đối xử lạnh nhạt.

Hiện nay là giờ phút then chốt quyết định kế hoạch tác chiến chống chư hầu, Lý Tư bèn dựa vào cái thế có lợi của mình là thừa tướng để công kích Hàn Phi quyết liệt nhất. Ông ta nói với nhà vua một cách rất giật gân rằng:

– Mưu kế của Hàn Phi có vẻ như chịu khuất phục nước Tần và xin làm chư hầu, chỉ cốt bảo tồn được nước Hàn mà thôi, nhưng thực ra là lừa Tần, để Tần một mình đánh Triệu, khốn đốn trong giao chiến với các nước chư hầu để rồi Tần phải chịu thất bại, trong khi đó thì Hàn được lợi. Thật là dã tâm độc ác không ai bằng!

Doanh Chính vốn có nhận xét tốt về Hàn Phi, nên chưa tin hẳn những điều Lý Tư nói. Ngài nói do dự:

– Hàn Phi là hiền sĩ, đến Tần để cầu hòa, muốn bảo vệ nước Tần nên khuyên đánh Triệu. Điều này có thể tin được. Nay ta nhận Hàn Phi và dùng ông ta, chắc ông ta biết cái ơn tri ngộ (gặp và hiểu nhau) nên sẽ báo đáp trung thành, nhất định sẽ giúp Trẫm làm nên nghiệp lớn!

Lý Tư đáp lại một cách xảo quyệt:

– E rằng đó chỉ là sự mong muốn một phía của Đại vương mà thôi. Hàn Phi đem văn chương ra lèo bịp thiên hạ mê hoặc lòng người, thuyết phục bệ hạ, cốt để đạt mưu gian là làm suy yếu nước Tần, củng cố nước Hàn của ông ta. Nếu Đại vương tin theo ông ta, thì đó cuối cùng là vì nước Hàn chứ không phải vì nước Tần ta – Để dẫn chứng cho nhận định của mình, Lý Tư nói tiếp – Năm trước Trịnh Quốc đào kênh, Trịnh Quốc cũng ra sức nói việc này rất có lợi cho Tần, nhưng rốt cuộc hao người tốn của của Tần, phá vỡ mất kế hoạch chinh phạt các nước phía Đông của ta, và còn làm suy yếu nước ta. Trịnh Quốc và Hàn Phi đều là người Hàn, sao lại không thận trọng với họ?

– Hàn Phi ở trong nước bị coi thường, tất rất oán quân chủ của mình. Nếu ta dùng, chắc sẽ chống lại Hàn và giúp ta rửa cái nhục có tài mà bị mai một bấy lâu – Nhà vua vẫn

cho rằng Hàn Phi sẽ vì ân oán cá nhân mà phản Hàn, trung thành với Tần.

Nhưng điều này lại tạo cơ hội cho Diêu Giá trả miếng lại Hàn Phi. Ông ta nói với vua Tần, cố ý xúc xiểm Hàn Phi:

– Hạ thần và Lý Tư đều xuất thân nghèo hèn, không được trọng dụng trong nước, may được bệ hạ rủ lòng thương, nên đương nhiên phải hết lòng trung thành, để báo hiếu với đại Tần. Còn Hàn Phi là công tử hoàng gia, là anh của vua Vương Anh tuy là bất đắc chí, nhưng vẫn là cùng tôn thất với nhau. Nay đưa cái tài thuyết khách để tranh thủ lòng tin của Đại vương, nhưng khẩu phật tâm xà, “miệng nam mô, bụng bồ dao găm”, một khi đến giờ phút quyết định, tất sẽ phản Tần. Hạ thần xin khóc lóc kêu than, cầu xin bệ hạ minh xét!

Lại còn trung xa phủ lệnh Triệu Cao và thừa tướng Xương Bình Quân cũng đều rất ghen ăn tức ở, cũng hùa nhau xúc xiểm Hàn Phi. Vì vậy, nhà vua từ chỗ tin Hàn Phi đến chỗ hoài nghi. Tuy nhiên, ngài vẫn nhận thấy Hàn Phi là một nhân tài hiếm có, cho dù có mưu mô đi nữa, cũng chưa thấy đem ra thực hiện, không thể kết tội được, bèn quyết định cứ tạm thời theo dõi giám sát rồi xử lý sau. Lý Tư là người phụ trách tư pháp và tình báo, thấy nhà vua quyết định như vậy, bèn bắt Hàn Phi giam vào nhà ngục Vân Dương; cách Tây Bắc Ung Châu ^[142] tám mươi dặm.

Hàn Phi tự nhiên vô cớ phải mang xiềng đi leng keng vào ngục, vừa cảm phần vừa chẳng hiểu ra sao cả. Ông ta nghĩ lại tất cả những gì đã diễn ra trong hai chuyến sang sứ nước Tần. Trong những buổi nói chuyện rất lâu với vua Tần, ông đã ra sức bảo vệ nước Hàn, làm cho đất nước mình không bị diệt vong; việc làm đó là nhất quán, trước sau như một. Cho dù bức thư trình vua Tần có nêu lên việc Tần nên đánh Triệu, từ đó, đánh chiếm các nước chư hầu trong thiên hạ, đó cũng là để bảo tồn nước Hàn; và cũng là điều cần phải làm của một chí sĩ quan tâm lo lắng đến sự tồn vong mất còn của đất nước. Nếu vua Tần không nghe những đề nghị đó, cũng không thể coi đó là tội trạng gây nguy hại cho nước Tần. Còn các tác phẩm của ông, ông đã trình bày với vua Tần, đều rất phù hợp với mong muốn của vua Tần về việc xây dựng một chính phủ trung ương tập quyền. Đó là công chứ không thể là tội.

Hàn Phi không hề ngờ rằng kẻ xúc xiểm và hãm hại ông ta lại là Lý Tư, bạn học thân thiết của mình. Ông ta thậm chí còn nài xin Lý Tư nói khó với nhà vua cho ông ta được gặp nhà vua một lần nữa, để nói nỗi oan ức của mình và tỏ lòng trung thành với nhà vua. Nhưng ông chẳng được trả lời, mà còn nhận được một mệnh lệnh bằng văn bản đòi ông phải cung khai tội làm “gián điệp”. Đó thật sự là một điều sỉ nhục cực kỳ phi lý. Ông vắt óc suy nghĩ cũng không thể hiểu nổi. Bởi vì, chẳng lẽ những lời lẽ mà ông nói với vua Tần lại đắc tội ư? Nếu vậy thì nói chuyện cũng thật là quá khó. Trong lúc đang bế tắc, ông bèn gạt mọi sự đau buồn phiền muộn sang một bên, tập trung tư tưởng và ý chí viết một bài chuyên luận đặt tên là “Thuyết nan” (“Nói chuyện rất khó”). Khi viết đến chỗ xúc động nhất, có những câu rất bi thương và cảnh tỉnh như sau:

“Ôi con rồng biến thành con giun, có thể đùa giỡn với nó, cũng có thể cười nó. Nhưng dưới cổ họng của nó có cái vẩy ngược rất lớn, dài đến một thước; ai động đến nó, nó cắn chết. Chúa thượng cũng có cái vẩy ngược lại như thế. Mấy ai có thể nói chuyện với Chúa thượng mà không động chạm đến cái vẩy ngược ấy!”

Hàn Phi đau khổ nghĩ rằng mình thật không sờ vào cái vẩy ngược dưới họng vua Tần, vậy tại sao ông ta đối xử với mình như vậy! Ông không hề nghĩ rằng mình sẽ bị giết; thực ra tử thần đang từng phút từng giờ đến gần ông ta. Vua Tần từng nói rằng Hàn Phi vô tội, không cần giam lâu, mà cứ cho ông ta về là xong chuyện. Nhưng Lý Tư, Diêu Giá, Triệu Cao đều cho rằng Hàn Phi là bậc kỳ tài đương đại, cho ông ta về là thả hổ về rừng, tất có hậu họa, nhất quyết không thả. Nhà vua nói với Lý Tư:

– Khanh có thể xem xét tình hình cụ thể để giải quyết.

Dựa vào câu nói ấy của nhà vua, Lý Tư có cái cơ để thực hiện mục đích của mình. Thủy Hoàng

Hàn Phi vẫn suy nghĩ mãi về nguyên nhân đưa ông đến tù tội. Từ chỗ “đùa giỡn với vẩy rồng của Chúa thượng” đến chỗ liên tưởng đến nhà vua Doanh Chính, lại nghĩ đến những người có quan hệ với ông, bỗng nhớ đến câu chuyện sau đây:

Thời Chiến Quốc, nhà lý luận quân sự (binh pháp gia) nổi tiếng Quỷ Cốc Tử có hai người học trò rất giỏi. Đó là Bàn Quyên và Tôn Tần. Bàn Quyên sau này trở thành đại tướng của nước Ngụy. Vua Huệ Vương của Ngụy hâm mộ danh tiếng của Tôn Tần, bèn nhờ Bàn Quyên mời Tôn Tần đến nước Ngụy để cùng chủ trì công việc quân sự. Bàn Quyên thấy Huệ Vương rất coi trọng Tôn Tần, bèn từ chỗ đố kỵ sinh ra căm giận, bịa đặt tội lỗi để chặt hai chân của danh tướng Tôn Tần và khắc chữ trên mặt ông, để Tôn Tần không bao giờ được ai sử dụng nữa. Sau đó, Tôn Tần được mật sứ của nước Tề cứu thoát và đưa đến nước Tề. Vua Uy Vương của Tề phong Tôn Tần làm thống soái quân đội. Cuối cùng, Tôn Tần ngồi trên chiến xa đánh bại quân Ngụy; Bàn Quyên mắc mưu Tôn Tần, bị trúng tên tử nạn ở Mã Lăng.

Nghĩ đến đây, Hàn Phi tự nói với mình một cách rất đau khổ: “Chẳng lẽ ông ấy lại là một Bàn Quyên?”. Lúc này, cửa ngục mở toang, bọn đồng môn Lý Tư của ông bước vào và nói với ông:

– Vua Tần ban cho ông tự xử! – Nói xong, sai trưởng ngục mang một lọ rượu độc đến đặt trước mặt Hàn Phi.

Lý Tư đến rót rượu đầy chén, vừa nói vừa rơi nước mắt:

– Đệ hết sức xin nhà vua tha cho huynh, nhưng không được!

Hàn Phi uống một hớp cạn chén rượu, hai mắt sáng quắc nhìn thẳng vào Lý Tư, rất căm hờn, ông nói:

– Rất tiếc là không thể diễn lại câu chuyện ở Mã Lăng! – Nói xong, ngã gục xuống.

HỒI THƯ MƯỜI BẢY

ÚY LIÊU BẦY MUU, HỒI LỘ GIAN THÂN TRUNG QUÂN LÝ MỤC RƠI ĐẦU NGẠM OAN

Tân Doanh Chính rất chăm lo công việc chính trị và rất chuyên cần học tập. Việc này thật hết sức đáng quý. Ngài tự quy định mỗi ngày phải đọc 120 cân sách bằng tre. Theo chế độ đo lường thời Tần, một cân lúc đó bằng nửa cân Trung Quốc, hiện nay, tức là 60 cân (bằng 30 kg). Đó là một số lượng khổng lồ! Ngoài con số quy định đó, ngài còn thường xuyên đọc sách kinh điển, sách sử và tác phẩm của danh nhân đương thời, nhằm nâng cao kiến thức và trình độ lý luận của mình. Đến hôm nay ngài lại ngồi một mình trong phòng ngủ và đọc “Thuyết nan” của Hàn Phi. Khi đọc những dòng chữ có lối hành văn rất sáng sủa, thí dụ sinh động ngụ ý sâu sắc, ngài lại liên tưởng đến cái tật nói lấp của Hàn Phi, ngài thấy tác giả tuy nói năng khó khăn, nhưng việc viết lách lại rất có kỹ xảo, trình độ cao; ông trình bày tư tưởng sâu sắc của mình một cách hết sức sinh động thấu triệt, đọc lên như thấy văng vẳng bên tai, rất thú vị lòng người! Khi ngài đọc đến câu: “Con rồng biến thành con giun, có thể đùa giỡn nó cũng có thể cười. Nhưng dưới cổ họng của nó có cái vẩy ngược rất to, dài đến một thước, ai động đến đó, sẽ bị cắn chết. Chúa thượng cũng có cái vẩy ngược như thế, mấy ai nói chuyện với Chúa thượng mà không động đến cái vẩy ngược ấy!”, ngài lập tức giật nảy mình, bất giác nhớ lại buổi nói chuyện với Hàn Phi. Khi Hàn Phi nói về “pháp”, “thuật”, “thế” của mình, và về thực chất và cách vận dụng cách nội ngoại trữ, ông ta đều không động chạm tới cái vẩy ngược của Chúa thượng (Doanh Chính) của ông ta. Nhưng đoạn văn thống thiết này của Hàn Phi lại ẩn chứa rất nhiều điều oan ức, thấp thoáng để lộ ra câu nói tự đáy lòng đầy máu và nước mắt! Nghĩ đến đây, ngài cảm thấy rất buồn, vì đã hiểu lầm và làm oan uổng Hàn Phi. Vì vậy, cần phải thả ngay ông ta ra, mời ông ta làm phò tá cho mình. Sáng hôm sau, ngài bèn gọi Lý Tư đến và hỏi:

– Hàn Phi bây giờ như thế nào?

Lý Tư đã có chuẩn bị từ trước, nên trả lời rằng Hàn Phi tính tình rất nóng nảy, luôn kêu la chửi mắng, khuyên can không được, cuối cùng phát cáu phát khùng đến nỗi ốm bệnh rồi chết trong ngục. Nhà vua tức giận vô cùng, mặt ngài tái mét, định ra tay một phen. Nhưng sau nghĩ lại rằng mình đã nói: “Khanh tùy theo tình hình cụ thể để giải quyết” và giao quyền cho Lý Tư, nên mới đi đến tổn thất không thể cứu vãn được như thế này. Do đó, cũng không tiện khiển trách ông ta nữa. Lý Tư đương nhiên là có tật giật mình, chỉ cần nhà vua không trị tội ông ta, là may mắn lắm rồi. Để che giấu tội đồ ký và ngược đãi nhân tài của mình, Lý Tư tiến cử cho vua một nhân vật nổi tiếng và có tài trí hơn mình rất nhiều, đó là Liêu Tử.

Từ thời cổ đại, “họ” của người Trung Quốc chủ yếu là tên của bộ lạc hoặc của thị tộc nổi tiếng; hoặc là lấy tên “đất phong” làm “họ” của vị quan được phong đất đó. Còn những người dân thường, thì chỉ có tên không có “họ”. Liêu Tử là con người như thế. Tên của ông ta là Liêu Tử, không có họ. Thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc và tiên Tần rất coi trọng nhân tài, nói chung rất ít chú ý xuất thân. Liêu Tử nổi tiếng trong thiên hạ lúc ấy là do có học thức rất rộng và tài năng xuất chúng. Nhiều năm qua, Liêu Tử bôn ba qua các nước chư hầu, thấy vua các nước này không có chí lớn, không có mưu lược, nên ông ta cứ đến rồi lại đi, hết nước này đến nước nọ, cuối cùng đến Hàm Dương nhà Tần. Khi đến nơi vừa đúng lúc vua Tần đang buồn vì mất Hàn Phi và đang rất cần nhân tài. Vì vậy, ông được Lý Tư giới thiệu, quả thật là một cơ hội hiếm có. Cho nên, khi Lý Tư giới thiệu Liêu Tử cho Doanh Chính, thì nhà vua rất mừng, ngài vội hỏi:

– Như khanh nói, thì Liêu Tử là người đại đạo mà Trẫm đang cần để giúp Trẫm trị quốc cầm quân, người đó bây giờ ở đâu?

Lý Tư vừa cười vừa trả lời:

– Vừa từ nước Hàn vào Tần từ tháng trước. Hạ thần để ông ta ở dịch quán, đã xin bệ hạ tiếp kiến mấy ngày nay rồi.

– Đã đến Hàm Dương rồi thì cho vào gặp – Doanh Chính đã quen cái cung cách tiếp

khách với tư thế kẻ cả.

Lý Tư nêu đề nghị với thái độ rất trân trọng:

– Liâu Tử tuy là dân áo vải, nhưng tài trí hơn người; từng đến sáu nước nhưng không ở lại nước nào, và chỉ muốn phục vụ nhà Tần, vì hâm mộ bệ hạ có chí hướng, có mưu lược, biết chiêu hiền đãi sĩ; ông ta sẵn sàng phò tá Đại vương làm nên nghiệp lớn. Nếu tiếp đơn giản, e có phần thất lễ xem thường, mà nên nghênh đón như thượng khách, để tỏ rõ bệ hạ rất coi trọng hiền tài. Xin bệ minh xét!

Nhà vua nghĩ rằng vừa mới xảy ra chuyện Hàn Phi chết bệnh trong ngục, e rằng có thể có người nghi ngờ nhà Tần đối xử không tốt, cho nên, nhân dịp này, tiếp đón Liâu Tử thật tử tế, vừa để xóa bỏ ảnh hưởng chẳng đẹp đẽ gì vừa qua, vừa thể hiện sự khoan dung và quý trọng hiền tài của nhà Tần. Nghĩ vậy, ngài bèn chấp nhận kiến nghị của Lý Tư. Nhà vua sai Lý Tư đích thân đưa xe dành riêng cho bậc công khanh đến công quán đón Liâu Tử và học trò của ông ta đến cung Hàm Dương. Bản thân nhà vua ra đón tại cửa cung. Liâu Tử đi xe đến cửa cung, Lý Tư dìu ông ta xuống xe, bước dần lên các bậc tam cấp. Nhà vua tươi cười cùng với Liâu Tử đi vào đại sảnh hoàng cung, xong đứng vào vị trí chủ nhân để chào khách. Liâu Tử đứng ở vị trí của khách, nhưng không quỳ xuống vái lạy, mà chỉ chấp tay vái chào. Nhà vua thấy khách có cái trán thông minh, tiềm ẩn một đức tính kiên nghị hào hùng, bèn nghĩ rằng đây là một tướng tài văn võ kiêm toàn vừa trí vừa dũng. Vì vậy, nhà vua cũng chấp tay chào lại và nói rất kính trọng:

– Liâu tiên sinh thao lược sâu rộng, là tướng tài đương thế, Trẫm ngưỡng mộ từ lâu. Hôm nay tới nơi này, mong chỉ giáo cho ta.

– Liâu này chỉ manh áo vải, số mệnh nhỏ nhoi, may được Đại vương rủ lòng thương, được vậy là cảm kích vô cùng. Nay xin đem hết tài hèn sức mọn, hiến dâng tất cả những hiểu biết về phương lược chính trị quân sự để phò tá bệ hạ hoàn thành sự nghiệp thống nhất thiên hạ – Liâu Tử từ lâu bị mai một, không ai biết đến tài năng của mình, nên đâm ra lạng lẽ ít nói. Nay được nhà vua đón tiếp thân mật, cố nhiên là rất nhiệt tình.

Lý Tư thấy hai bên rất vui vẻ, hòa nhập với nhau, bèn nói mấy lời chúc mừng:

– Ngày nay, thế sự nhiễu nhương, khó phân biệt phải trái. Cuộc đời Liâu tiên sinh gặp nhiều rủi ro, ai cũng thông cảm! Nay được thánh thượng biết đến tài năng, chẳng khác gì Thái Công gặp Văn Vương, Quản Trọng gặp Hoàn Công. Từ nay, tiên sinh sẽ thỏa lòng ước nguyện, như cá gặp nước. Đại vương sẽ có dịp để thực thi chí hướng vĩ đại của mình, thật như điều gặp gió. Đó chính là cái may của tiên sinh, cái đức của bệ hạ và cái phúc của đại Tần vậy!

Nhà vua cười và khen:

– Lý khanh nói rất phải! Trẫm được các khanh phò tá, văn võ mọi bề đều làm được rất nhiều việc. Duy chỉ có các nước chư hầu thì lúc hợp lúc tan, rất khó nắm bắt, mặc dù luôn dùng vũ lực giải quyết, nhưng cũng lúc thắng lúc bại, đến nỗi cứ kéo dài tình trạng đó mãi, không thắng dứt điểm được. Chỉ lo tướng sĩ mệt mỏi, mưu thần sai sót thì làm sao có thể thôn tính sáu nước để đem lại thái bình cho thiên hạ được? Nay Liâu tiên sinh đến đây chắc là có thể nhìn thấu toàn cục, vạch ra đại kế, giúp ta mưu việc lớn, triển khai một cục diện chiến tranh mới, để tướng soái đại Tần nắm chắc phần thắng trong tay?

– Những lời của bệ hạ thật là đại chí hùng tâm, hạ thần rất kính phục. Nhưng việc nhà binh, chủ yếu là mưu kế, tác chiến chỉ là “thuật”, nếu chỉ muốn tốc chiến tốc thắng, thì chỉ cần hổng một mẹo là mất toàn quân. Cho nên cần chú trọng mưu lược, mới có thể tránh được mũi nhọn của kẻ địch, để đánh vào chỗ “yếu hại” của nó, đưa chúng ta từ bại thành thắng. Nay hạ thần mới đến đây, chưa biết bệ hạ dự định đánh phạt ở đâu, bố trí quân sự thế nào, xin Đại vương cho biết để hạ thần đóng góp đôi điều – Liâu Tử thẳng thắn và vạch rõ tính chất phiến diện của tư tưởng hiếu chiến nồn nóng, nhấn mạnh phải dùng mưu lược để khống chế và chiến thắng quân địch.

Nhà vua rất vui, ngài luôn gật đầu và nói:

– Liâu tiên sinh thật sự rất tài thao lược, nắm vững quân cơ, chỉ một câu mà vạch ra nguyên cơ tại sao đánh Triệu rất lâu mà không thắng, lại còn thất bại thảm hại nữa chứ.

Nay sẽ nói rõ tình hình chiến trận vừa qua để tiên sinh có cơ sở để chỉ giáo cho Trẫm.

Nói xong, ngài cho gọi thừa tướng Vương Quán và đại tướng quân Vương Tiễn đến nói cho Liêu Tử biết tình hình chiến sự với nước Triệu gần đây.

Tình hình đó như sau: Sau khi thua to ở Bình Dương – Vũ Uy, vua Vương Thiên của Triệu tiếp thu kiến nghị của lão tướng Tư Mã Thượng, cho gọi Lý Mục, lúc ấy là tướng quân phòng thủ biên giới, chống trả quân Hung Nô, về Hàm Dương và phong làm đại tướng quân, giao cho Lý Mục làm thống soái, Tư Mã Thượng làm phó thống soái, hợp lực bảo vệ kinh đô Hàm Đan. Lý Mục là danh tướng của nước Triệu, từng chống trả quân Hung Nô hơn mười năm, làm cho người Hồ không dám tiến xuống phía Nam, bảo đảm an toàn cho miền Bắc nước Triệu. Lý Mục nhờ vậy, đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm tác chiến phong phú và thực dụng như: lấy nghỉ ngơi để chờ đánh kẻ địch đã mệt mỏi, lấy “tĩnh” đối phó với “động”, lấy “hư” đối phó với “thực”, lấy ít thắng nhiều... Lần này trở về Hàm Đan, ông căn cứ vào tình hình thực tế của trận đại bại vừa qua của quân Triệu ở Bình Dương – Vũ Uy, để bổ sung quân số, cho quân nghỉ ngơi và chỉnh đốn lại, tăng cường huấn luyện, nắm vững các chiến thuật và các loại hình trận địa, nâng cao sĩ khí và tinh thần dũng cảm kiên cường của quân Triệu, sẵn sàng chống trả quân Tần đến xâm phạm (những nơi diễn ra các trận đánh của chiến dịch này đều nằm trong địa phận tỉnh Hà Bắc hiện nay).

Khoảng giao thời giữa hạ và thu năm thứ 15 niên hiệu Doanh Chính, đại tướng nhà Tần Hoàn Kỳ đưa 15 vạn quân ô ạt kéo đến Phiên Ngô, một vị trí xung yếu ở cách Hàm Đan ba trăm dặm, và bố trí một trận địa tấn công ở phía Đông núi Vương Mẫu Sơn. Lý Mục và Tư Mã Thượng vội triệu tập các tướng để bàn kế sách đối phó. Tư Mã Thượng và các tướng trẻ đều chủ trương chủ động xuất kích để chặn đứng quân địch ở bên ngoài biên giới. Nhưng Lý Mục nói rằng:

– Binh pháp Tôn Tử nói: “Chiến tranh không nhất thiết phải chiếm đất”. Trước đây, quân Tần đến đánh chúng ta, quân ta bao giờ cũng chủ động xuất kích. Nay đã quen nếp cũ thì thế nào cũng lập lại bánh xe đổ lần trước. Hiện giờ quân Tần đóng ở Vương Mẫu Sơn, như vậy chúng muốn chiếm đoạt thành Phiên Ngô. Nếu chúng ta xuất kích đánh chúng, sẽ rơi vào thế bị động, phải đánh đã chiến, sẽ mất thành trì. Vì vậy, chúng ta chỉ nên cố thủ, cứ để cho quân Tần đánh chiếm Phiên Ngô. Nhưng đó chỉ là một ngôi thành trống không, quân Tần chiếm đóng ở đó cũng coi như bị giữ chân; cứ án binh bất động, quan sát động tĩnh của quân Tần.

Đại tướng quân Hoàn Kỳ cứ tưởng rằng khi ông ta đánh chiếm Phiên Ngô thì quân Triệu sẽ đến cứu viện, giống như lần trước, và như vậy, tất sẽ bị quân Tần đánh mai phục dọc đường và thất bại. Lý Mục đã thừa biết quân Tần lại giở cái mẹo cũ rích ấy ra, nên nhất quyết không ra đánh. Quân Tần thấy quân Triệu không đến đánh, rất thất vọng. Hoàn Kỳ biết Lý Mục cũng không phải tay vừa, mà rất tức trí đa mưu, nên không dám làm liều, và cứ duy trì tình trạng giằng co ấy mãi. Hoàn Kỳ tuy là lão tướng, nhưng vẫn hung hăng hiếu chiến, rất hay nôn nóng, không chờ được lâu, bèn sai mật thám đi thăm dò tình hình Lý Mục. Nhưng mãi nửa tháng sau vẫn không mò ra tin tức gì. Bỗng một hôm có tin cấp báo nói rằng ở trong thành Hàm Đan đang lan truyền tin tức nói rằng quân Hung Nô thấy Lý Mục đã về Hàm Đan, nên đã tập trung mười mấy vạn quân xâm phạm biên giới phía Bắc nước Triệu. Tin cấp báo này đến tai vua Vương Thiên của Triệu. Vua Vương Thiên chuẩn bị sai tướng Lý Mục trở lại biên giới phía Bắc để chống quân Hung Nô. Vì vậy, quân Triệu không dám ứng chiến với quân Tần nữa. Các tướng Mông Quát, Mông Nghị đều rất hí hửng, vội đề nghị đánh chiếm ngay Phiên Ngô, nhưng Hoàn Kỳ tỏ ra lão luyện hơn, cho rằng rất có thể trong chuyện này có thể bị lừa, nên ông ta cho thám báo đi thăm dò một lần nữa. Mật thám đi về đều nói rằng lá cờ soái vốn cắm cao ở cổng phủ tướng quân Lý Mục nay không thấy nữa. Sau đó lại có tin thám báo nói rằng, có một đơn vị quân tinh nhuệ của Triệu đã lúc nhúc đi dưới lá cờ có chữ “Lý” (Lý Mục) và hành quân ra phía Bắc của thành Hàm Đan rồi. Họ đi theo hướng Bắc. Hiện còn các doanh trại quân Triệu chỉ treo cờ có chữ “Tư Mã” (Tư Mã Thượng) đang phất phơ bay nhẹ trong gió, hầu như chẳng có chút tinh thần tác chiến gì nữa. Đến đây, Mông Quát, Mông Nghị và nhiều tướng lĩnh khác đều phấn khởi vô cùng, ai cũng muốn quyết đấu một phen. Lão tướng Hoàn Kỳ cũng rất mừng. Ông nói:

– Bọn người Hung Nô ấy đến giúp ta đây – Nói xong, ông hạ lệnh – đưa hai vạn quân đi

trước đánh chiếm Phiên Ngô – Bản thân ông đưa đại quân đi sau đốc chiến.

Tướng trẻ Mông Quát chọn hai vạn tinh nhuệ, hành quân chớp nhoáng đánh chiếm thành bỏ trống Phiên Ngô. Khi ông ta đi đầu hàng quân tiến đến cách Phiên Ngô không xa, chỉ thấy trong thành không hề có động tĩnh gì, ông ta sợ bị tập kích đột ngột, bèn cho quân đi chậm lại. Ông ra lệnh cho toàn quân phải nắm chắc khí giới trong tay, đi thành hàng ngũ hẳn hoi tiến từng bước vững chắc như sắp giao chiến với kẻ địch hùng mạnh trước mặt.

Khi Mông Quát đến chân tường thành Phiên Ngô, mới thấy quân dân Triệu đã bỏ thành cao chạy xa bay rồi, cho nên ông cho quân vào thành, coi như đánh thắng trận đầu mà chẳng mất một mũi tên lưỡi giáo nào! Ông hí hửng vui mừng, cứ cười ha hả, cho rằng quân Triệu chẳng là cái gì, chưa thấy quân Tần đã sợ hãi bỏ chạy rồi, đủ thấy tướng Mông Quát tướng quân ta đây dũng mãnh phi thường, tiếng tăm lừng lẫy. Ông ta còn nghĩ rằng lão tướng Hoàn Kỳ nay đã có tuổi rồi, chẳng còn nhuệ khí, can trường và hăng hái năng nổ như xưa nữa, nếu cứ làm theo ý của ông ta (Mông Quát) thì thành Phiên Ngô đã về tay quân Tần từ lâu rồi! Nghĩ vậy, ông ta bèn sai các tướng sĩ đi kiểm tra các nơi trong thành, sửa sang lại chỗ ở và công sự; cảm cao lá cờ có chữ “Mông” (Mông Quát) to tướng ở bốn điểm cao trên tường thành, thật là ngạo nghễ oai phong!

Đại tướng quân Hoàn Kỳ chỉ huy hơn 10 vạn đại quân đi sau, hành quân theo kiểu tiến chậm mà chắc, phía trước và phía sau đội hình đều có liên hệ với nhau chặt chẽ; cho đến khi tin chắc là không có quân Triệu mai phục bên đường, và nhìn thấy là cờ to tướng của Mông Quát đang bay trên thành Phiên Ngô ở đằng xa, Hoàn Kỳ mới yên tâm cho quân tăng tốc, và đến Phiên Ngô chậm hơn Mông Quát một ngày. Mông Quát đưa quân tinh nhuệ ra ngoài thành nghênh đón. Hoàn Kỳ khen Mông Quát trí dũng song toàn, cầm quân tài giỏi; rồi khao thưởng tất cả tướng sĩ. Sau đó bố trí toàn quân đóng doanh trại chung quanh Phiên Ngô; đồng thời cho lính trinh sát đi các hướng thăm dò tình hình quân Triệu.

Không ngờ hơn 10 vạn quân Tần vừa dựng xong lều trại và đang nấu cơm thì có tin cấp báo do tướng Tần bảo vệ Nghi An ở phía Nam đưa về nói rằng, đại tướng quân Tư Mã Thượng của Triệu đang đưa 10 vạn đại quân tiến nhanh đến Nghi An và Phiên Ngô. Hoàn Kỳ không thấy nói đến Lý Mục bèn vuốt râu cười lớn, ông nói rằng Tư Mã Thượng là một viên tướng đã bị ta đánh bại, nay lại dám chầu chấu đá voi, thật là chui đầu vào chỗ chết mà không có đất để chôn rồi! Nói xong ra lệnh cho toàn quân sẵn sàng chống trả quân Triệu, đánh cho quân Triệu toi bởi khói lửa, không còn một mảnh giáp! Mông Quát vẫn xin được đi tiên phong, đưa hai vạn quân tinh nhuệ cấp tốc hành quân về phía Nam Phiên Ngô. Khi đến Hạ Phì, lính trinh sát ở phía trước thông báo: quân của Tư Mã Thượng vừa đến địa điểm gần phía Nam Hạ Phì thì vội bỏ chạy vì nghe tin tướng quân Mông Quát sắp đến! Mông Quát bèn án binh bất động và báo tin trên cho Hoàn Kỳ. Hoàn Kỳ bèn ra lệnh cho toàn quân “đóng quân tại chỗ, tạm thời nghỉ ngơi, không được nôn nóng”. Quân của Mông Quát đang cởi giáp tháo yên để chuẩn bị nghỉ ngơi, thì bỗng thấy một đám bụi bốc lên từ xa rồi xích lại gần, té ra là lính trinh sát hỏa tốc phi ngựa về cấp báo: quân Triệu đang quay trở lại và xông thẳng đến Hạ Phì.

Mông Quát vội ra lệnh cho tướng sĩ kỵ binh lại mang giáp, lắp yên, lên ngựa, ứng chiến quân tiên phong của Triệu. Nhưng quân Triệu vừa đến Hạ Phì thì bỗng nhanh như chớp, lại rút chạy về phía Nam. Mông Quát tức điên người, nhưng chưa có lệnh nên không thể tự động đuổi theo. Vì sợ quân Triệu quay lại nên tất cả tướng sĩ vẫn giữ nguyên áo giáp và ngồi trên lưng ngựa, cho đến khi quân tuyến sau đến nơi. Thống soái Hoàn Kỳ đưa hơn 10 vạn quân cấp tập hành quân đến Hạ Phì, nghe Mông Quát thông báo tình hình, ông ta thấy quân Triệu cứ lúc ẩn lúc hiện, chỉ thấy cái đuôi của nó chứ không thấy cái đầu của nó, nên không hiểu ra sao cả. Cho nên, ông cũng không dám manh động, bèn ra lệnh cho toàn quân đóng trại trong một khu vực hai mươi dặm vuông, ra sức canh gác, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

Quân Triệu sợ dĩ cứ lúc ẩn lúc hiện và làm động tác giả ở Hạ Phì, là vì trong quãng 30 dặm kể từ phía Đông Hạ Phì cho đến Nghi An, và 100 dặm kể từ phía Bắc Hạ Phì cho đến thành Phiên Ngô, hình thành một tam giác mà trung tâm là Hạ Phì. Hai trăm dặm phía nam tam giác này là Hàm Đan, kinh đô nước Triệu. Vì vậy, tam giác này là bàn đạp để quân Tần tiến quân sang phía Đông, trong đó Hạ Phì là cứ điểm trung tâm, còn Phiên Ngô

và Nghi An là hai cánh hai bên để đồng thời tiến quân đánh chiếm Hàm Đan. Như vậy, đây là chiến trường huyết chiến. Lý Mục dùng chiến thuật nghi binh lừa cho quân Tần bị rối tung rối mù, đứng ngồi không yên, xoay chuyển mệt nhọc, chờ cho đến khi bị kiệt sức, dồn nhau lại từng đám đông, lộn xộn, nhốn nháo, không thể di chuyển linh hoạt nữa; khi đó quân Triệu mới đưa một bộ phận tinh nhuệ tấn công chính diện; đồng thời, đưa hàng nghìn chiến xa từ hai bên sườn thọc vào đánh giáp công. Quân Tần bị đánh từ ba phía, vội cầm khí giới và nhảy lên ngựa ứng chiến; nhưng vì quá gấp nên không thành trận địa, chỉ có thể chống đỡ, không thể đánh trả. May mà hai anh em Mông Quát và Mông Nghị rất dũng cảm, liều chết xông trận, mới tạm thời giữ vững được thế trận và đội hình. Quân Tần tiến dần từng bước dưới hai lá cờ có chữ “Mông” (Mông Quát và Mông Nghị), vừa tiến vừa chống đỡ, vừa tạo thành một lối đi để đại tướng quân Hoàn Kỳ đang gặp khó khăn ở vùng trung tâm có thể phi ngựa tiến ra chỉ huy toàn quân, kịp thời chống lại một cuộc tấn công mãnh liệt của quân Triệu. Mông Quát và Mông Nghị thấy Hàm Đan đã đứng vững ở vị trí trung tâm bèn sai phó tướng phát cờ, chỉ huy đơn vị mình xông ra phá vòng vây, còn tự mình thì vùng kích và giáo tả xung hữu đột, đâm chém điên cuồng, miệng thét ra lửa, đi đến đâu là máu chảy đầu rơi đến đấy, đúng là đang cố mở một con đường máu để phá vây. Nhưng quân Triệu đang ở thế thắng nên không chịu buông tha. Trước hành động dũng mãnh của Mông Quát và Mông Nghị, đại tướng quân Tư Mã Thượng và phó tướng Liêm Việt con của lão tướng Liêm Pha, dẫn một đơn vị kỵ binh tinh nhuệ đến chặn đánh. Lại một cuộc huyết chiến bắt đầu. Một bên là hai con hổ nòi tướng soái của quân Tần. Một bên là một cặp dũng sĩ trẻ già của quân Triệu. Hai bên xông vào nhau, chẳng bên nào sợ bên nào, chỉ thấy kích và giáo cứ vùng lên rất mạnh, tóe cả đốm lửa, kêu leng keng rất ghê rợn; cả người và ngựa hai bên cứ xoắn lấy nhau, tiếng hò hét vang trời dậy đất. Đại tướng Lý Mục của Triệu đứng ở một điểm cao ở ngoại vi, bình tĩnh quan sát toàn cục và chỉ huy quân Triệu tác chiến. Lý Mục nhìn thấy đại tướng quân Hoàn Kỳ của Tần cũng đứng trên một mỏm đất cao bên trong vòng vây, đang phát cờ chỉ huy quân Tần chống trả điên cuồng. Bỗng ngọn lửa báo thù sôi lên trong lòng Lý Mục. Ông thét lên ra lệnh cho toàn quân:

- Quân địch đã bị quân ta bao vây rất chặt, tuy đang giãy giụa, nhưng vô ích; tướng sĩ toàn quân phải hăng hái dũng cảm, xông lên diệt thù, phải giết hoặc bắt sống lão già Hoàn Kỳ; bọn tướng sĩ khác của quân Tần cũng không buông tha. Chúng ta quyết thể tiêu diệt sạch sành sanh bọn địch đến xâm phạm, để rửa cái nhục Trường Bình năm nào, trả thù cho tướng sĩ tử nạn của chúng ta.

Nghe được lệnh trên, tướng sĩ quân Triệu dũng mãnh xông trận, thét vang khẩu lệnh: “Giết! Giết!” làm rung chuyển cả một vùng hai mươi dặm vuông. Hoàn Kỳ đứng ở điểm cao trung tâm trận địa, thấy rõ toàn bộ cuộc chiến. Ông cũng biết quân Tần đang ở thế yếu, bất lợi, và nay thì càng xấu hơn, và thua đến nơi rồi. Là một lão tướng dày dạn trận mạc và chưa từng thua bao giờ, có thể nói không ngoa là một dũng tướng bách chiến bách thắng, ông bất giác rơi hai dòng nước mắt, mặt tái mét. Tuy nhiên, do bản năng, ông hét lên ra lệnh cho tướng sĩ toàn quân liều chết xông lên, quyết phá vây chạy thoát. Quân Tần vốn kiêu hãnh thiện chiến, thua ít thắng nhiều, dương dương tự đắc, nay bị quân Triệu bao vây và đánh cho một đòn như trời giáng. Vì vậy, tinh thần bị suy sụp rất nhanh, sĩ khí và khả năng chiến thuật cũng không thể phát huy được nữa. Trước tình hình quân Triệu áp đảo giáp lá cà, quân Tần cứ lùi dần, mất hết nhuệ khí tác chiến. Khi quân Tần mở được một đột phá khẩu sau khi hết sức cố gắng, bỗng năm vạn quân thiết kỵ binh của Triệu từ hướng Bắc ập tới bịt kín đột phá khẩu của quân Tần. Lúc ấy, một rừng gươm giáo vùng lên, tên bắn như mưa, quân Tần bị giết chết nhiều vô kể, phơi thây đầy đồng, máu đỏ khắp nơi. Đội quân năm vạn đấy là thiết kỵ binh rất thiện chiến do Lý Mục huấn luyện ở Nhạn Môn Quan phía Bắc nước Triệu. Mấy hôm trước, lính trinh sát của quân Tần nói rằng họ nhìn thấy lá cờ có chữ “Lý” (Lý Mục) đi theo hướng Bắc, chính là đơn vị do Lý Mục sai đi Nhạn Môn an để đưa quân thiết kỵ binh về đây tham chiến. Khi đơn vị thiết kỵ binh này về đến trận địa đang giao chiến, họ tuân theo mệnh lệnh; khi nhìn thấy ngọn lửa tín hiệu đang bốc lên cao họ phi ngựa như bay đến chặn đứng đột phá khẩu của quân Tần, giáng cho quân của Hoàn Kỳ một đòn chí mạng.

Thiết kỵ binh của Lý Mục lao đến như trên trời giáng xuống, bất ngờ xông trận, gây hoang mang cực độ cho quân Tần. Lý Mục bèn nhân đà đó ra lệnh cho toàn quân tổng tấn công vào toàn tuyến quân Tần. Hoàn Kỳ vừa hối hận vừa cảm phẫn, nhưng đã hết đường

xoay xổ, chỉ còn một hướng duy nhất là ra lệnh cho toàn quân rút về hướng Tây. Lý Mục từ trên cao chạy nhanh xuống, cầm kích xông thẳng tới Hoàn Kỳ; Hoàn Kỳ vội đưa giáo ra đỡ và đâm trả một nhát. Cứ thế, hai bên đâm nhau chém lại đến mấy chục hiệp, một bên thì thừa thắng truy kích, dũng mãnh kiên cường; một bên thì đuối sức vì đã mệt mỏi và đã ra lệnh rút chạy, đến nỗi để lộ sơ hở, bị Lý Mục đâm kích thủng áo giáp đồng, xuyên thủng vào vai. May mà Hoàn Kỳ cũng thuộc loại xương đồng da sắt, lại lão luyện võ công, nên vẫn còn đôi chút sức lực, nên không bị ngã nhào xuống đất. Ông ta vừa uốn ngực chống lại mũi kích, vừa kéo mạnh dây cương bắt ngựa quay ngang tháo chạy, bản thân còn xoay người để tránh mũi kích đâm sang của Lý Mục, lấy tay bịt miệng vết thương và phi ngựa chạy nước đại trốn chạy thực mạng. Lúc ấy, Mông Quát và Mông Nghị tuy còn trẻ khỏe và rất dũng mãnh, nhưng toàn quân đã bị đánh bại, nên không thể chống cự nổi hai tướng Tư Mã Thượng và Liêm Việt của quân Triệu; vì vậy, cũng vội vàng thúc ngựa quay đầu tháo chạy về hướng Tây. Các tướng khác lại càng bị đát hơn, họ vút cả mũ giáp, chạy bán sống bán chết để bảo toàn tính mạng.

Trận Hạ Phì này, quân Triệu có tất cả 20 vạn gồm bộ binh, kỵ binh và chiến xa binh. Quân Tần có tất cả 15 vạn. Hai bên hỗn chiến một ngày đêm trong khu rừng rộng khoảng 20 dặm vuông. Quân Tần bị thương vong hơn 12 vạn, quân Triệu thương vong hơn 5 vạn. Quân Triệu toàn thắng, đem lại sự cổ vũ rất lớn cho toàn dân toàn quân cả nước. Lý Mục chiến thắng huy hoàng, lập công hiển hách, tiếng vang khắp nơi, răn đe chư hầu. Trong khi đó, quân Tần sợ hãi mất vía kinh hồn, từ đó không còn dám dòm ngó sang phía Đông nữa.

Sau khi nghe Vương Tiễn và Vương Quán kể lại diễn biến nói trên, Liêu Tử bất giác than rằng:

- Lý Mục thật là một tướng tài, không ai kinh địch nổi; tay này phải đánh thắng bằng mưu trí, không thể thắng hấn ta bằng vũ lực.

Nhà vua gật đầu lia lịa, cảm thấy rất cay cú. Ngài nói:

- Nếu hấn ta chỉ có dũng cảm không thôi, thì không đáng sợ. Đàng này hấn rất tinh thông thao lược, chỉ huy như thần; mưu trí của chúng ta cũng khó lòng thắng hấn ta!

- Hạ thần nói dùng mưu để thắng Lý Mục, không phải là ngồi trong trướng màn rồi chỉ huy từ xa, bài binh bố trận, mà là tránh cái mạnh của hấn, đánh chỗ yếu của hấn, lợi dụng sơ hở của hấn để đột nhập, đồng thời, lén dùng khí giới sẵn bên nhất để diệt hấn - Liêu Tử vuốt râu cười mỉm, nói diệp kế của mình.

- Theo chỗ Trẫm biết, thì Lý Mục văn võ song toàn, vừa trí vừa dũng, có đạo đức và phong độ đúng mực, yêu nước trung vua, làm gì có chỗ yếu và sơ hở để người khác hạ thủ?
- Nhà vua vẫn không tin là Liêu Tử có thể tìm thấy chỗ nào là điểm yếu kém của Lý Mục.

Liêu Tử chớp mắt mấy cái, xong vừa giơ tay làm hiệu vừa giải thích cho nhà vua và văn võ bá quan có mặt, rằng bất cứ triều đình nào cũng vậy, trong hàng ngũ quan lại, kể cả hoạn quan, thì cái ranh giới để phân biệt ai là trung thần, ai là gian nịnh, ai là người có lương tâm, ai là kẻ xấu bụng, đều ở chỗ liêm khiết hay tham lam và dũng cảm hay nhút nhát mà thôi. Lý Mục là một tấm gương liêm khiết và dũng cảm, hoàn toàn trái ngược như nước với lửa với tham lam và nhu nhược. Nếu chúng ta đánh Lý Mục theo hướng chính diện thì dù là về quân sự hay đạo đức, đều không thể được. Nhưng ở Triệu lại có một vị thừa tướng tên là Quách Khai, là một tên nhút nhát nhưng rất tham lam. Quách Khai đương nhiên coi Lý Mục là cái gai trước mắt mình. Vì vậy, chúng ta tiếc gì mà không đem nhiều vàng bạc đút lót cho hấn ta, để hấn ngầm ngầm nói xấu Lý Mục. Lúc đó chúng ta có thể dùng vũ lực để đánh thắng nước Triệu.

Vua tôi nhà Tần có mặt đều thấy Liêu Tử nói có lý, nhưng lại cho rằng Lý Mục là vị tướng trung với vua và yêu đất nước, được Vương Thiên coi là trụ cột, là chỗ dựa quan trọng, sao có thể nhẹ dạ nghe lời xúc xiểm để đàng tay giết hại cận thần?

Liêu Tử nói rất trịnh trọng:

- Vị quân chủ sáng suốt thì tin và dựa vào trung thần lương tướng, còn những quân chủ tầm thường mê muội thì rất sợ những lời can gián trung thực của trung thần lương tướng. Vì vậy, chỉ cần Quách Khai nắm lấy điều đó để ra tay, thì vua Vương Thiên nhất

định sẽ loại trừ Lý Mục. Cho nên, sự trung thành hết lòng của Lý Mục là sự thật và là thể mệnh của ông ta; nhưng nếu đứng về phía phản diện mà xét, thì đó lại là khoảng trống và là điểm yếu kém của ông ta. Chỉ cần Quách Khai “lén bắn một mũi tên”, Lý Mục sẽ đổ kèn ngay lập tức mà không kịp biết ai đã hạ thủ mình.

Sau khi nghe Liêu Tử trình bày cặn kẽ mưu kế của mình, vua tôi nhà Tần ai cũng hết sức khâm phục; và lập tức đề nghị Diêu Giá đứng ra đảm đương công việc ấy. Lúc đó, Diêu Giá là quan thượng khanh, rất quen việc sử dụng buôn bán để hoạt động ngoại giao.

Liêu Tử được nhà vua phong làm “Quốc úy”, tức là đại thần phụ trách quân sự; vì ông có công nêu lên một chủ trương chiến lược quan trọng, tỏ rõ tài năng chính trị, quân sự xuất sắc. Từ đó ông lấy chức vụ làm họ, gọi là “Úy Liêu”.

Mấy hôm sau, Diêu Giá mang theo 5.000 dật (mỗi dật bằng 20 – 24 lạng Trung Quốc hiện nay) vàng bạc châu báu, cải trang thành nhà buôn, đi qua Đại Lương của Triệu (nơi này từng được coi là cửa khẩu biên giới của nước này) để đến Hàm Đan. Thông qua quan hệ với giới thương nhân, ông ta mở một cửa hàng buôn bán châu báu tại một địa điểm đông đúc nhất, coi đó là cái vỏ bọc bề ngoài; từ cái cửa hàng trá hình đó, Diêu Giá sử dụng thủ đoạn mua bán và biểu xén để làm quen với những người quyền quý. Sau khi đã xây dựng được một mạng quan hệ xã giao nhất định, ông ta mang tặng phẩm đến xin gặp thừa tướng Quách Khai. Quách Khai nghe nói khách đến xin gặp là một thương gia giàu có vừa mới mở cửa hàng châu báu cách đây không lâu, người này ông cũng vừa mới biết, bèn cho vào tận nhà trong để tiếp chuyện. Sau một hồi chuyện trò rôm rả, Diêu Giá đến gần Quách Khai nói nhỏ rằng:

– Tiểu thương này đến quý quốc làm ăn, may nhờ quý ngài cho được nhiều điều dễ dàng trong kinh doanh, nay xin có lễ mọn bày tỏ lòng tri ân, xin vui lòng nhận cho – Nói xong, bèn đưa bản kê, các tặng phẩm, rồi chấp tay cúi người dâng lễ.

– Quý ngài đến kinh đô chúng tôi, làm cho vật phẩm được lưu thông, dân sinh được sung túc, thật là có lợi cho nước tôi. Việc chăm lo đến các chuyện làm ăn của quý ngài là bổn phận phải làm của nước chủ nhà. Nay lại để cho quý ngài phải tốn kém nhiều như vậy, thật là thú nhận thì hổ thẹn lắm thay – Quách Khai vừa nói đả bôi một câu cho xong chuyện, vừa đưa mắt liếc qua bản kê tặng phẩm, bỗng bất giác kinh ngạc, bèn nói với Diêu Giá:

– Họ Quách này có tài đức gì mà dám nhận đại lễ như thế này?

Diêu Giá vội nói khơi mào:

– Quả là không phải lễ mọn, cho nên mới đến nhờ vả thừa tướng, cúi xin nhận cho, nhất thiết không nên từ chối!

Quách Khai dứt nhanh bản kê vào ống áo rồi cười mỉm:

– Nói qua nói lại, không bằng nhận đại cho xong. Thôi thì ta không dám từ chối nữa!

– Thật là quý hóa quá, xin thừa tướng kiểm nhận – Diêu Giá lấy từ trong áo ra một cái hộp nhỏ, trông rất tinh xảo, đưa cho Quách Khai rất cung kính.

– Đa tạ! Đa tạ! – Quách Khai cầm lấy hộp, mở nắp ra, thấy một màu sáng loáng của châu ngọc, bèn hí hửng ra mặt, vội nói thêm với Diêu Giá – Nhưng không biết quý thương gia cần gì ở bản tướng?

Diêu Giá đến gần Quách Khai, nói rất khẩn thiết:

– Tiểu thương hôm nay đến dâng lễ mọn, một là để tỏ lòng kính trọng thừa tướng, hai là cũng muốn hỏi thừa tướng về tình hình gần đây!

– Được ngài quan tâm như vậy, thật là cảm kích. Gần đây nạn ngoại xâm đã dẹp xong, trong triều ngoài xã tắc đều bình yên, bản tướng cũng rảnh rang, yên tâm nhẹ gánh hơn nhiều – Quách Khai nói với tâm trạng thoải mái.

Diêu Giá lại không đồng ý như vậy. Y nói:

– Theo tiểu nhân thì những ngày tốt lành mà thừa tướng nói, từ lâu trong đó đã tiềm ẩn nguy cơ rồi!

– Quý ngài có yêu cầu gì cứ nói rõ ra, hà có gì phải nói như vậy để cho người khác phải giận mình? – Quách Khai cho rằng vị khách này cố làm to chuyện ra, nên không chú ý lắm.

– Đứng trước mặt quan thừa tướng, tiểu thương này đâu dám nói sai! Chẳng qua là vì ngài thấy khung cảnh thanh bình quá, nên không dám nhìn thấu manh mối tai họa tiềm ẩn, nên mới nhắc nhở đó thôi, rất mong thừa tướng không bao giờ bỏ qua! – Diêu Giá lại nói cho thêm phần quan trọng.

– Đã vậy thì tiên sinh có gì chỉ giáo cho ta? – Bây giờ Quách Khai mới thật sự lắng nghe ý kiến của vị khách.

Bây giờ Diêu Giá mới nói với Quách Khai mọi chuyện mà ông ta đã sắp đặt sẵn từ trước. Ông ta nói rất nghiêm túc rằng, đứng về phía người đương quyền, thì nước Triệu trước mắt, không có tai họa từ bên ngoài, nhưng ắt có tai họa từ bên trong [143]. Vừa qua, quân Tần thất bại thảm hại ở Hạ Phi, quân dân nước Triệu ăn mừng, biên cương được củng cố, tai họa bên ngoài không còn nữa. Một khi chuyển sang thái bình, thì cuộc tranh giành trong triều và ngoài xã tắc tất sẽ tăng lên; lúc này, việc bình xét công trạng, tội lỗi, vinh và nhục sẽ quyết định số phận của các quan lại văn võ. Ngài là thừa tướng, nhưng trong quá trình chiến tranh chống Tần lâu dài vừa qua, tỏ ra bình thường, không có công lớn. Ngược lại, đại tướng quân Lý Mục lại liên tục đánh bại quân Tần hùng mạnh đến xâm phạm, cứu nước Triệu khỏi diệt vong, cứu dân sinh khỏi tai nạn, lập nên chiến công hiển hách, cả nước nhất trí ca ngợi. Nếu so sánh hai người, chẳng hóa ra ngài thua kém quá đỗi rồi chăng?

Quách Khai nghe vậy cũng cảm thấy rất lúng túng. Ông ta nói, ngày nay thiên hạ luôn luôn có chuyện can qua gươm giáo, cho nên nay đúng là thời cơ lập công lập nghiệp của các võ tướng. Tôi chỉ là một văn thân lo việc nội bộ triều chính, đương nhiên không thể so đo với ông ấy, đành phải tự thẹn mà chịu thua, thế mới bình yên vô sự, và cũng yên lòng yên dạ để phụng sự.

Diêu Giá cười nham hiểm. Ông ta nói, ngài yên lòng yên dạ, đó là cách suy nghĩ của ngài, nhưng người khác có để cho ngài yên tâm yên dạ hay không, lại là chuyện khác. Đứng về phía nhà nước sử dụng ai, sử dụng như thế nào, đều xét về tài năng để lựa chọn. Quản Trọng và Nhạc Nghị năm nào, và Liêm Pha, Bàng Viển hiện nay, chẳng phải là đều do trí dũng song toàn, nên ra trận thì làm tướng quân, vào triều thì làm thừa tướng đó sao? Giờ đây, Lý Mục đang là một nhân vật như thế. Với tư cách là võ tướng, ông ấy là hòn đá tảng làm cột trụ cho đất nước; điều đó, mọi người đều công nhận. Vì vậy, ông ta đã được phong làm Vũ An Quân rồi. Chẳng mấy ngày nữa, cái ngôi báu thừa tướng mà ngài đang nắm toàn quyền sẽ rơi vào tay ông ta, chức vị lão thừa tướng của ngài liệu còn giữ được mấy buổi sáng chiều nữa. Đó chính là mối lo bên trong của ngài, là nguy cơ đã ập đến đầu mũi ngài rồi!

Nghe những lời như vậy, Quách Khai cảm thấy vừa hối hận vừa sốt ruột, bỗng toát cả mồ hôi, vội chấp cả hai tay bái tạ những lời chân thành của Diêu Giá, và hỏi ông ta xem có cách gì để thoát ra khỏi nguy cơ này, và giữ vững cương vị của mình hay không? Diêu Giá lại nói thật lòng với ông ta, rằng món quà tặng nặng ký với cái giá năm nghìn dật vàng ấy là do vua Tần ban tặng cho ông ta (Quách Khai) với yêu cầu là ông ta (Quách Khai) sẽ lợi dụng cương vị thừa tướng của mình để góp ý với vua Vương Thiên, dùng mưu kế trừ khử Lý Mục, quét sạch trở ngại trên con đường nước Tần tấn công nước Triệu! Nghe vậy, Quách Khai rất sợ hãi. Ông ta nói, như vậy thì nước Triệu bị Tần tiêu diệt, cái chức thừa tướng của tôi cũng chỉ là một nô lệ mất nước! Diêu Giá an ủi ông ta rằng không phải vậy, vua Tần đưa cho ngài một số tiền vàng rất lớn là gửi gắm ở ngài rất nhiều hy vọng, chỉ khi nào Lý Mục bị loại bỏ, nước Triệu bị Tần tiêu diệt, thì vinh hoa phú quý của ngài không bị suy chuyển, ít nhất cũng làm thượng khanh.

Đến đây, Quách Khai đã xiêu lòng, nhưng vẫn nghĩ rằng bán nước cầu vinh là hổ thẹn trong lương tâm. Diêu Giá lại mặt dạn mày dày, trâng tráo nói rằng đối với một cá nhân con người thì tiền đồ của mình là quan trọng nhất, lo gì đến chuyện quốc gia đại sự! Phạm Thư, Lã Bất Vi, Lý Tư và tôi được đặc chỉ thi thố tài năng ở nước Tần, chẳng phải đều là người nước ngoài đó sao? Chẳng phải đều là quan lại cao cấp và có địa vị vinh hiển cả đó sao? Cuối cùng, Quách Khai chấp nhận hết và ngồi bàn mưu tính kế rất lâu với Diêu Giá,

để bí mật hạ độc thủ, giết Lý Mục.

Đến tận đêm khuya, Diêu Giá mới ngà ngà say, ra về dưới ánh trăng. Trong lịch sử nước Triệu, vua Vương Thiên là một vị hôn quân, bất lực nhất trong việc “trị quốc”, chỉ gây thiệt hại cho đất nước. Ông ta không bao giờ hỏi han tới chuyện văn chuyện võ của triều chính, chỉ đam mê tửu sắc và chơi trò chó ngựa. Mỗi khi có giặc ngoại xâm, đều sợ hãi kinh hồn bạt vía, tham sống sợ chết. Để cầu an hưởng lạc, ông ta sẵn sàng bán rẻ đất đai của xã tắc, một cách nhục nhã, cắt đất nhượng thành cho nước chiến thắng, và tự hạ mình làm nước chư hầu phiên thuộc. Vừa rồi, hai đại tướng Lý Mục và Tư Mã Thượng chỉ huy quân đội tác chiến đẫm máu, đánh bại quân Tần ở Hạ Phi, đuổi cường địch ra khỏi biên cương, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và đời sống an cư lạc nghiệp của dân chúng; ông ta chỉ tọa hưởng kỳ thành. Nhưng lại trơ tráo cướp công người khác, nói rằng nhờ có Trầm biết dùng người, lãnh đạo có phương lược; nên càng thêm ham muốn hưởng lạc, thêm khát tửu sắc. Hôm ấy ông ta đang vui đùa cợt nhả với cung phi trong vườn thượng uyển, đang lúc hứng chí, bèn sai nhạc sư tấu nhạc để ông ta ngâm một bài ca ngôn ngữ đả kích (dịch ý):

Đức độ tổ tiên, tiếng thơm muôn thừa
Ơn trạch tiên vương, để lại cho ta
Giang sơn nước Triệu, lập quốc từ lâu
Đứng đầu xã tắc, duy ngã độc tôn.
Chống giặc ngoại xâm, sẵn có tướng tài,
Sự vụ nội triều, văn thần chăm lo.
Sao không ngồi mát để ăn bát vàng,
Tọa hưởng kỳ thành, ngày đêm hoan lạc.

*

Ngày uống rượu ngon, cao lương mỹ vị,
Suốt đêm hoan lạc, cả bầy cung phi.
Châu báu ngọc ngà, đeo đầy mình mẩy,
Lộng lẫy sắc màu, đẹp hơn tiên nga.
Làm vua cho đáng, như Trầm nơi này,
Số phận “ba sinh”, vẫn còn hưởng phúc.
Kịp thời hành lạc, mới đáng minh quân,
Chẳng phụ cung tần, chẳng quản thời gian.

Vương Thiên đang hát rất say sưa thì thừa tướng Quách Khai vội vã bước vào, nói rằng có việc khẩn cầu tấu trình. Nhà vua cảm thấy cụt hứng, bèn hỏi lại, hơi bực mình:

– Có việc gì mà khẩn cấp thế?

Quách Khai cúi đầu liếc nhìn các cung phi, nhạc sư một lượt xong nói nhỏ:

– Những người này...

Nhà vua hiểu ý bèn bảo họ lui ra rồi hỏi gấp:

– Thừa tướng có việc gì quan trọng mà hốt hoảng như thế?ờ

– Hôm trước vì thân phụng mệnh đi thăm quân sĩ của tướng Lý Mục, bỗng nhận được một bài ca dao, nay trình Đại vương xem qua – Quách Khai vội rút một mảnh lụa từ trong ống áo ra, và trình lên Vương Thiên.

Vương Thiên đưa mắt đọc lướt qua (dịch ý):

Lý Mục tướng quân, giỏi vô cùng,
Trấn ải biên cương, rất nghiêm minh
Hung Nô nghe tiếng, đã giật mình,

Chẳng dám xuống Nam, chặn đàn ngựa.

Nước nhà gặp nạn, ấy trung thần,

Ngài vội quay về, xông ra trận,

Phì Hạ ra tay, diệt quân Tần,

Chấn động chư hầu, trời đất sợ.

Cờ soái tung bay, rất ngạo nghễ,

Lý Mục đại soái, chữ to đùng.

Răn bảo lê dân, luôn ghi nhớ

Thiên thu vạn đại, biết ơn ngài.

Nhà vua đọc xong bài ca dao, bỗng gật đầu ngâm nga, lại còn khen:

– Bài dân ca này, viết thật hay, vừa có vần, vừa có ý, xem qua là hiểu ngay.

Quách Khai bèn cố ý nói rõ:

– Xin dám hỏi Đại vương, Đại vương hiểu ngay điều gì ở trong ấy ạ?

– Đại vương ta đây, tài hèn học ít, vậy mà mấy câu này còn hiểu rõ. Chẳng phải là nói tướng quân Lý Mục chống quân Hung Nô, đánh bại quân Tần đó sao – Vua Vương Thiên nói rất tự đắc.

– Chẳng lẽ Đại vương không hiểu những điều lắt léo bên trong đó ư? – Quách Khai vội đến gần và vạch ra điều muốn nói.

Vương Thiên lại nheo mắt, đọc đi đọc lại mấy lần nữa, nhưng vẫn chẳng thấy gì, cứ lắc đầu hoài:

– Ta thật ra chẳng thấy gì, có gì gọi là lắt léo?

Quách Khai vội nói:

– Đã vậy thì vi thần xin nói để Đại vương được rõ – Tiếp đó, Quách Khai tiếp tục giải thích cho nhà vua, vừa nói vừa minh họa, rất sinh động – Bốn câu đầu tiên [144] đã nói ngay “Lý Mục tướng quân, giỏi vô cùng”. Đây là nói giỏi chống quân Hung Nô. Bốn câu thứ hai nói chiến công hiển hách đánh cho quân Tần đại bại, gây chấn động cả chư hầu. Bốn câu thứ ba, là bốn câu cuối thể hiện ý chí của ông ta; tức là “Răn bảo lê dân, luôn ghi nhớ, thiên thu vạn đại, biết ơn ngài!”. Như vậy đã thấy, cái lắt léo tế nhị của bài ca dao này là ở chỗ đó. Nghĩa là toàn bài chỉ ca ngợi công đức của Lý Mục, không có chỗ nào nhắc đến chữ “Triệu”. Trong khi đó, mở đầu bốn câu thứ hai (đoạn hai) lại nói: “nước nhà gặp nạn”, đó chẳng phải là đang nguyên rủa ngài làm vua nước Triệu mà lại làm cho đất nước rối loạn, gây tai nạn cho xã tắc đó sao? Tiếp đó lại nói “ấy trung thần”, để ca ngợi Lý Mục là vị tướng cứu nước cứu dân, rõ ràng là đã hạ thấp Đại vương xuống đến mức chẳng đáng phải nhắc đến nữa. Cho nên bài ca dao này là “thơ phản” hoàn toàn từ đầu đến chân, đó là bài hịch kêu gọi chống Triệu, ủng hộ Lý Mục.

Vương Thiên vừa nghe Quách Khai giảng giải, vừa để cho tư tưởng của mình tự do phát triển theo sự chỉ dẫn của Quách Khai, từ chỗ nghi hoặc hoặc, đến chỗ bán tín bán nghi, rồi cuối cùng hoàn toàn tin lời Quách Khai.

Lúc này, ông ta dương nhiên vừa kinh hoàng vừa căm giận, đến mức cảm thấy phải trừ bỏ Lý Mục, tiếp đó Quách Khai cùng với nhà vua bàn định mưu kế hãm hại Lý Mục.

Một buổi sáng nọ mấy hôm sau, Vũ An Quân Lý Mục cưỡi con ngựa có bờm màu xanh, đầu đội mũ giáp, đang duyệt binh theo định kỳ tại quảng trường. Ngài thấy sĩ khí quân lính của mình ngày càng cao, ngày càng tinh nhuệ, trong lòng cảm thấy rất vui. Bỗng viên cận vệ cung đình phi ngựa đến, truyền đạt khẩu dụ nhà vua nói rằng:

– Vừa nghe tin từ cửa ải biên giới cảnh báo là quân Hung Nô đưa đại quân đến xâm phạm, tình hình Nhạn Môn Quan đang rất khẩn cấp, mời Lý Mục tướng quân về gấp cung đường để bàn đối sách.

Lý Mục bèn phi ngựa đi theo viên cận vệ, khi đến cổng cung thành thì xuống ngựa. Theo lệnh cấm của cung đình, các võ tướng khi vào cung không được mang theo binh khí. Nhưng viên cận vệ vội đi nhanh đến nói với bọn quan canh cổng rằng nhà vua cho gọi tướng quân Lý Mục rất gấp, nên bọn họ không cởi bỏ kiếm dài của Lý Mục, mà cứ để cho ông ta đi thẳng vào nội cung. Sau khi vào nội cung, viên cận vệ để cho Lý Mục nghỉ một lúc để đi mời nhà vua ra tiếp. Nói xong bèn biến mất sau tấm bình phong. Lý Mục đứng chờ ở chính giữa nội cung, nhưng chờ mãi chẳng thấy nhà vua ra, bèn đi đi lại lại trong phòng. Một lúc lâu vẫn chẳng thấy động tĩnh gì, ông cảm thấy hơi khó hiểu. Bỗng có tiếng bước chân từ phía bình phong, ông quay lại nhìn thì đúng là nhà vua Vương Thiên đang từ từ bước tới. Ông vội bước lên và nói: “Hạ thần Lý Mục xin yết kiến Đại vương!”. Nói xong, quỳ xuống lạy chào theo đại lễ. Nào ngờ Vương Thiên hô lớn: “Bay đâu đến ngay, có thích khách!”. Lý Mục giật nảy mình, nhưng chưa kịp giải thích thì đã bị bọn cận vệ cung đình nấp ở ngay gần đấy, chạy bổ nhào đến trói chặt lấy. Lý Mục vội thanh minh là phụng chỉ đến đây. Vương Thiên hỏi: Vậy chỉ dụ ở đâu?

Ông ta nói: Một cận vệ cung đình đến truyền đạt khẩu dụ. Hai mươi tên cận vệ cung đình xếp hàng đứng đó, chẳng có tên nào đi truyền đạt cái khẩu dụ ấy! Vương Thiên bèn cột cho Lý Mục cái tội nói láo và chỉ vào thanh kiếm bên hông ông ta để khẳng định rằng ông ta đến để hành thích (ám sát). Lý Mục khăng khăng phủ nhận tội lỗi. Vương Thiên ra lệnh khám xét trong người Lý Mục. Viên cận vệ bèn lột mũ giáp của Lý Mục và tìm thấy trong đó bài ca dao “thơ phn”. Lý Mục vừa đau buồn vừa cảm phẫn; ông kêu to lên rằng mình bị mưu gian hãm hại rồi. Nhưng bây giờ thì dù có một trăm cái miệng cũng không thể thanh minh được nữa.

Một vị “trung thần lương tướng” như vậy mà bị đưa lên đoạn đầu đài vì cái tội “viết thơ phẫn và vào cung hành thích”.

HỘI THỨ MƯỜI TÁM

HÀN TRIỆU MẤT NƯỚC, TÂN VƯƠNG ĐẠI THẮNG THÁI HẬU BUỒN VUI, ĐI VỀ TIÊN TỐ

Quân Tân vốn rất ngạo mạn khinh địch, coi thiên hạ chẳng ra gì, lúc đầu dự định hành quân đến Hàm Cốc Quan là có thể trở thành vô địch, tiến thẳng một mạch đến kinh đô nước Triệu. Nào ngờ đến Hạ Phi đã vấp phải sức chống trả quyết liệt của quân Triệu, bị vây hãm khốn quẫn do mưu kế nghi binh của Lý Mục, đại tướng quân của Triệu; quân Tân vừa mệt nhọc phòng chống quân Triệu tập kích ở phía sau, cuối cùng thất bại thảm hại, thương vong rất lớn, thiệt hại khí giới trang bị cũng vô kể, sức chiến đấu và ý chí bị tổn thương, kết quả, cái gọi là bất khả chiến thắng của quân Tân bị đập tan, vai trò cường quân sự của đại Tân bị chao đảo suy sụp; vua tôi nhà Tân chán nản kinh hoàng.

Để nhanh chóng thoát ra khỏi bóng đen của thất bại, lấy lại oai phong của đại Tân, mùa xuân thứ 17 niên hiệu Tân Doanh Chính, vua Tân triệu tập hơn một trăm văn võ bá quan cùng bàn bạc những chủ trương lớn của nhà nước quân sự. Ngài rất lo lắng và nôn nóng, khẩn thiết yêu cầu các bệ tôi cứ thẳng thắn và thoải mái phát biểu ý kiến. Các võ tướng Vương Tiễn, Mông Quát, Nội Sử Đằng tỏ ra không thể chịu thua quân Triệu. Họ nói rằng chấn chỉnh lại quân đội để tiếp tục chinh phạt, đưa quân tấn công tận kinh đô Hàm Đan, nhất quyết tử chiến với quân Triệu. Nếu không đánh thắng, xin “chặt đầu về chịu tội”. Thừa tướng Xương Bình Quân, một người lão luyện luôn luôn cẩn trọng, cho rằng đánh nhau thắng bại là chuyện bình thường của nhà binh; ông nói, quân Tân đã được mệnh danh là “thường thắng quân”, nay ngẫu nhiên bị thua, cũng khó tránh khỏi. Việc cần làm trước mắt là phải tăng cường chỉnh đốn, bổ sung hậu cần, trợ cấp thương vong, ổn định tư tưởng, nhất quyết không vì bức tức nhất thời mà vội vã xuất quân. Nếu trong lúc chưa lấy lại được sĩ khí mà thất bại lần nữa thì sẽ bị suy sụp và không còn ngóc đầu dậy được nữa, hậu quả sẽ nghiêm trọng vô cùng.

Phần lớn những người khác đều cho rằng cả hai ý kiến nói trên đều có lý cả, và cứ thế tranh luận nhau mãi, chẳng ai chịu ai. Nhà vua cũng không muốn quyết đoán, bèn yêu cầu quốc úy (Úy Liâu – Liâu Tử), một người từ lâu cứ ngồi im, chẳng nói chẳng rằng, phát biểu kiến. Úy Liâu đưa con mắt sắc sảo nhìn mọi người một lượt, cố ý để mọi người chú ý sau đó phát biểu, theo quan niệm tư tưởng của một cuộc chiến tranh lâu dài và quy luật nói chung, thì ý kiến của thừa tướng Xương Bình Quân thể hiện tư tưởng chiến lược muốn được ổn định về lâu về dài. Nhưng như người đời vẫn nói, “văn võ chính sự thì nhân, võ vô chiến sự thì nản”. Các võ tướng nôn nóng muốn trả cái thù đại bại ở Phi Hạ đó là tấm lòng sắt son của đấng nam nhi có tâm huyết báo hiếu quốc gia; thật đáng quý vô cùng.

Nhà vua có phần nào hơi sốt ruột, tỏ ra không bằng lòng. Ngài nói, vậy theo ý nhà người thì ý kiến cả đôi bên đều đúng cả, vậy thì có xuất quân hay không? Úy Liâu cười ranh mãnh, ông ta nói, theo ý hạ thần thì lần trước, quân ta đánh Triệu, vẫn còn để lại một mối hậu họa. Đó là nước Hàn. Rất may là Hàn đã không đánh lại chúng ta một vố ở sau lưng: khi quân Tân rút lui, họ không chặn đường rút của quân Tân, nếu không thì không phải là thương vong mười mấy vạn, mà là toàn quân bị tiêu diệt. Hai vị tướng quân Vương Tiễn, Mông Quát có lẽ không còn có mặt ở đây để phát biểu hùng hồn khảng khái nữa, mà đã yên giấc ngàn thu dưới chân núi Thái Hành Sơn rồi!

Ý kiến Úy Liâu làm mọi người gật đầu khâm phục, đều nói rằng ông thật là đáng mặt một nhà quân sự đại tài, và yêu cầu ông chỉ đạo mọi người làm tốt công việc bố trí chiến lược. Úy Liâu bèn nêu ra chủ trương:

- Trước mắt phải đưa một đơn vị tinh nhuệ tấn công nước Hàn, bắt buộc phải đánh một trận là thắng, tiêu diệt nước Hàn. Như vậy, vừa có thể triệt để trừ bỏ cục thịnh thừa đó, tránh được hậu họa khi chúng ta chinh phục các chư hầu khác, vừa có thể lấy đó để lấy lại sĩ khí, nâng cao tinh thần cho tướng sĩ, tăng thêm lòng tin cho toàn quân chiến thắng quân thù. Điều quan trọng hơn lấy đó răn đe các chư hầu, uy hiếp thiên hạ, đặt nền tảng cho cuộc chiến tiêu diệt năm nước còn lại.

Tất cả vua tôi có mặt đều nhất trí tán thành kế hoạch đó của Úy Liâu.

Một tuần sau, vừa đúng ngày “hoàng đạo cát nhật” (ngày lành tháng tốt), tám vạn quân tinh nhuệ của Tần, hàng ngũ chỉnh tề, hùng hực khí thế, xuất phát từ cửa đông Hàm Dương, ồ ạt hành quân về nước Hàn. Đại tướng quân Nội Sử Đằng dẫn bốn vạn quân, làm trung quân; Mông Quát và Mông Nghị là tả hữu quân, mỗi người chỉ huy hai vạn quân; trong đó, một nửa là bộ binh, một nửa là kỵ binh. Tất cả đều cơ động linh hoạt, thiện chiến kiên hùng. Đội quân tám vạn người ấy, hành quân cấp tốc đột nhập nước Hàn nhanh như sấm chớp, san bằng mấy ngôi thành trì ở ngoại vi nước Hàn, sau đó chia hai hướng, tiến sâu vào nội địa Hàn quốc. Mông Quát chỉ huy hai vạn quân vây hãm thành Dương Dịch, kinh đô hành chính của Hàn quốc, ở đây có các cơ quan chi nhánh của triều đình. Vì vậy, việc đánh chiếm Dương Dịch, sẽ tác động quyết định đến kinh đô chính thức Trịnh Thành.

Mông Quát là một dũng tướng say mê hiếu chiến, khi đưa quân đến Dương Dịch, ông bố trí đội hình thành hình chóp nón [145]; trong đó, lấy kỵ binh làm trụ cột, bộ binh là bổ trợ, tấn công bốn cửa thành. Mấy chục chiếc trống cùng đồng thời âm rung chuyển, vang động cả một vùng. Hai vạn binh sĩ hăng máu thét vang giết, giết, tựa như sóng thần ập đến, chôn vùi toàn bộ thành Dương Dịch trong khói lửa, khiến mọi người trong Dương Dịch run sợ, hồn bay phách lạc.

Trong thành Dương Dịch chỉ còn một cung điện riêng cho nhà vua và các thành viên hoàng gia nghỉ mát mùa hè và săn bắn mùa đông. Những quan chức và những người hầu hạ, cung nữ trong cung điện này, sống rất nhàn hạ, sung sướng; có thể nói họ đều là những “nhu phụ nhược nữ” [146]. Khi họ nghe tiếng thét “Giết! Giết!” kinh thiên động địa ở bên ngoài, họ đã hồn bay phách lạc, hốt hoảng nhốn nháo.

Các tướng sĩ thủ thành (Dương Dịch) cũng run sợ trước khí thế hùng hổ của quân Tần, nên không dám ra ứng chiến, chỉ nép sau tường thành để bắn lén quân Tần. Quân Tần ý thể có áo giáp rất dày bản chẳng coi mấy mũi tên bắn lén của quân Hàn ra gì; hơn nữa, cũng qua đó nhìn thấy quân Hàn giữ thành đô đã khiếp sợ, nên càng mạnh dạn dùng dây có móc câu và thang dài để vượt qua tường thành. Tại bốn cửa thành đội hình hình chóp nón của quân Tần liên tục tấn công và xung phong, luân lưu giữa kỵ binh và bộ binh. Tướng Mông Quát cưỡi ngựa chiến đốc quân tại cửa thành số bốn, luôn giục đánh trống liên hồi và vẫy cờ thật mạnh, làm cho thanh thế và uy lực của quân Tần ở cửa thành này dồn dập như sóng dữ vỗ bờ, như bão tố hung thần, không ngừng áp đảo quân Hàn. Trước khí thế tấn công như sấm vang chớp giạt đó, quân Hàn trong thành chỉ chống đỡ yếu ớt được một ngày thì hoàn toàn bị đánh bại. Mông Quát đưa hai vạn quân vào nội thành, dọc đường giết sạch tất cả những người Hàn mà họ gặp, bất kể là quân hay dân; ngay cả những cung phi đang run rẩy sợ hãi kêu la xin được tha mạng cũng không tha, thật là một đạo quân ác quỷ bạo tàn, giết người như ngóe. Xác người phơi khắp mọi nơi ở Dương Dịch, máu chảy thành sông, thê thảm vô cùng. Nhưng Mông Quát thì cứ thúc ngựa đi đi lại lại nhõm nhõm, mặt vênh vào câng câng, thỉnh thoảng đắc chí cười rất khoái trá. Sau khi tuần tra xong toàn bộ chiến trường, Mông Quát đưa quân đi tăng viện cho kinh đô Trịnh Thành.

Đại tướng quân Nội Sử Đằng và tướng quân Mông Nghị chỉ huy sáu vạn quân cấp tốc hành quân như vũ bão đến bao vây Trịnh Thành, vây chặt đến nỗi mỗi con ruồi cũng không thể lọt qua. Bọn họ cũng áp dụng chiến thuật giống như Mông Quát, đưa bộ binh và kỵ binh luân phiên xung phong; dùng dây có móc câu và thang dài leo tường. Nhưng Trịnh Thành là quốc đô của Hàn, nên tường thành kiên cố, hào rộng và sâu, quân thủ thành lên tới trên hai mươi vạn. Tuy Hàn là nước nhỏ, nhưng đến giờ phút cuối cùng của sinh tử tồn vong, toàn bộ tướng sĩ đều liều chết tử thủ, cố sức bảo vệ phía đầu thành và bốn cửa thành bằng mọi giá. Họ dùng chiến thuật “mật tập” (tập trung đông người), lớp này ngã thì lớp sau tiến lên để cố thủ trận địa. Nhưng mỗi khi quân Tần tấn công, quân cố thủ vẫn không lùi bước, vẫn dũng cảm dùng lưới đao lưới giáo đánh giáp lá cà quyết sống chết với quân thù; những binh sĩ Hàn ở xa hơn thì giương cung bắn tên vào quân Tần. Cho nên cuộc vật lộn giữa quân Hàn và quân Tần ở đây hết sức ác liệt, lúc thì bên này thắng, lúc thì bên kia thắng, thương vong cực lớn. Nội Sử Đằng và Mông Nghị thay nhau chỉ huy, đốc chiến, lại có thêm Mông Quát đưa quân đến tăng viện nên sức tấn công tăng lên gấp bội. Tuy nhiên quân Tần tổng cộng chỉ có tám vạn, trong khi quân Hàn trên 20 vạn mà phần lớn đều là những dũng sĩ ra trận xả thân vì hai chữ trung hiếu. Vì vậy, thế trận giằng co kéo dài quyết liệt trong ba ngày.

Quân Tần tấn công vẫn ngày càng mạnh; quân Hàn yếu thế dần, ngày càng tỏ ra không chống cự nổi. Thừa tướng Hàn Thìn hốt hoảng chạy vào nội cung bẩm báo với nhà vua Vương An:

- Quân Tần do Nội Sử Đằng làm thống soái, Mông Quát và Mông Nghị làm phó soái, đưa tám vạn binh mã đến tấn công nước ta; hạ thần đốc chiến hai ngày, thấy rất khó giữ được kinh thành, tình thế rất nguy cấp, chẳng biết Đại vương định đoạt thế nào?

- Ta có hai mươi vạn tướng sĩ, hẳn là có thể đương đầu một trận. Vả lại còn xem tình hình như thế nào rồi sẽ nói sau - Vương An tuy rất sợ hãi nhưng vẫn giả vờ bình tĩnh, và còn hy vọng các tướng sĩ vì ông ta mà liều chết tử thủ.

- Quân ta hết sức xông trận, vì tưởng nhớ đến ân đức của tiên vương và tình thương yêu của Đại vương đối với quần dân cả nước, nhưng e rằng các tướng sĩ không còn hơi sức để giữ vững trận địa. Vả lại, cái thế của quân Tần dường như đang đắc thắng, xin Đại vương kịp thời quyết đoán, không thể chậm trễ được nữa! - Hàn Thìn bực bội, chỉ trích cả Vương An, thúc giục ông ra nhanh chóng có sự lựa chọn.

Wương An trở trên nói rằng:

- Đã vậy thì chỉ còn một cách là mở cửa thành đầu hàng để bảo toàn tính mạng, tránh cho sinh linh trăm họ khỏi khốn khổ lầm than, khỏi phụ lòng xã tắc muôn dân.

Hàn Thìn nghiêm sắc mặt nói với Vương An:

- Quân Tần đã quen say máu giết người, dù có dâng cả nước mắt cho chúng để xin hàng, cũng khó tránh khỏi cái chết. Đại vương chớ có cầu may rủi!

Wương An rất sợ hãi, ông ta hỏi:

- Như nhà ngươi nói thì phải chạy khỏi đây mới thoát chết. Ta chỉ biết chơi trò đá cầu, chẳng biết trận mạc là gì, vậy làm sao có thể chạy thoát ra được?

- Lão thần từng là một hổ tướng, ngài tuy là vua, nhưng lão thần có thể đưa mấy tên vệ sĩ, là bảo đảm Đại vương chạy ra khỏi trận địa quân địch, chạy sang nước khác. Tại đó sẽ mưu tính trả thù nhà Tần để khôi phục đất nước - Hàn Thìn vẫn muốn tranh thủ Vương An và hy vọng vào ông ta.

- Thừa tướng đã trung thành với ta như vậy, ta cũng sẽ nghe theo người chạy trốn sang nước khác vậy.

- Thế mới gọi là vị quân chủ có chí hướng - Lúc này Hàn Thìn mới yên tâm, vội nói thêm - Xin Đại vương thay quần áo, mang theo ngọc ấn. Lão thần đi gọi vệ sĩ để bảo vệ Đại vương vượt vòng vây ra ngoài - Nói xong bèn chạy nhanh đi ra.

Ai ngờ trong khi Vương An nói chuyện với Hàn Thìn thì Vương An đã ngấm ngấm bán nước cầu an: ông ta giả vờ đồng ý với Hàn Thìn, nhưng chờ cho đến khi Hàn Thìn đi ra, bèn vào trong phòng ngủ của cung nữ, cởi trang phục nam giới ra, mặc đồ nữ vào. Khi ấy, ông ta có dáng vẻ rất giống một mục đàn bà, vì ông ta sinh ra đã bạch diện thư sinh, yếu đuối yếu đuối, suốt ngày chỉ rúc trong đám cung nữ. Cho nên nay cải trang thành nữ giới có vẻ rất nhanh chóng và hiệu quả. Mặc xong đồ nữ, ông ta chui trốn vào bên dưới gầm giường, nằm im, nín thở để nghe ngóng. Cái ngọc ấn vẫn cất giấu trong người, chờ vị thần hộ mệnh đến cứu!

Thừa tướng Hàn Thìn nhanh chóng đưa 20 tên vệ sĩ cung đình đến. Ông ta ngồi ngựa, lại dắt theo một con ngựa chiến phủ kinh giáp, dành riêng cho Vương An. Nhưng tìm khắp nơi vẫn không thấy ông vua mất nước ấy ở đâu nữa. Trong khi đó, toàn bộ Trịnh Thành sắp thua đến nơi, vì quân Tần thay phiên nhau liên tục tấn công và quân Hàn thì liên tục thua chạy và lại không có tăng viện. Hàn Thìn suy nghĩ: Vua nước Hàn đã đi đến chỗ không thể cứu được nữa, vì chỉ ham sống sợ chết, sẵn sàng bán nước cầu vinh, thôi thì mình cũng chẳng cần phải hy sinh vô nghĩa theo ông ta nữa. Nghĩ vậy, bèn gạt nước mắt cầm gươm vội nhảy lên ngựa chạy nhanh về cửa bắc, có 20 vệ sĩ hộ vệ. Khi này đúng vào lúc quân Tần đã đẩy được cổng thành, bộ binh và kỵ binh của chúng ào ạt xông vào. Hàn Thìn và vệ sĩ đi ngược chiều với quân địch, chém giết điên cuồng, cuối cùng cũng chạy thoát ra ngoài, mặc dù vô cùng khó khăn. Nhưng trước mặt lại gặp một đội kỵ binh do Nội Sử Đằng

chỉ huy đang xông tới. Hàn Thìn và vệ sĩ lại dốc hết sức tàn quyết tử chiến với quân Tần một lần nữa. Nội Sử Đàng thấy cách ăn mặc của Hàn Thìn bèn cho rằng là nhân vật quan trọng, bèn dùng giáo dài quyết đấu Hàn Thìn tuổi đã ngũ tuần, lại vừa vật lộn khá lâu khi vượt qua cửa thành, nay mặc dù quyết tâm rất lớn, song cảm thấy lực bất tòng tâm. Tuy nhiên, với tư cách là một thành viên hoàng gia nước Hàn, lại là thừa tướng đương chức, ông ta cảm thấy không thể để cho mình lọt vào tay quân địch. Nghĩ vậy, nên sau một hiệp đấu, ông ta không quay ngựa ứng chiến nữa, mà xông thẳng về phía trước. Quân Tần bất ngờ, không kịp đối phó, nên ông ta nhanh chóng mở ra được một khoảng trống, sắp sửa chạy thoát khỏi vòng vây. Vì vậy chúng liền bắn tên loạn xạ vào người ông. Hàn Thìn biết không thể tránh khỏi tai họa rồi, nên rút kiếm giơ cao, ngựa mặt lên trời, nói khóc to mà rằng:

- Hỡi trời xanh lồng lộng! Than ôi! Nước Hàn của ta đã mất rồi - Nói xong cửa mạnh kiếm vào cổ rồi ngã gục xuống đất.

Nội Sử Đàng thấy ông rất trung dũng kiên cường, nên cho chôn cất tử tế.

Trịnh Thành bị chiếm, nước Hàn bị diệt vong. Nội Sử Đàng đưa thiết kỵ binh vào nội cung, thấy bọn quan lại nam giới đều giết hết, cung phi thì còn để lại xét sau. Vương An đóng giả nữ nên trà trộn vào đám cung phi và sống sót. Nhưng sau bị một cung nữ thật thà nhận ra, bèn lộ nguyên hình, nên vội vàng quỳ xuống, trình nộp quốc ấn, khóc lóc xin tha. Nội Sử Đàng thấy ông ta tự nộp quốc ấn, nên tạm tha tội chết. Các quan chức khác, một số tự vẫn, khoảng mấy trăm người còn lại đều bị giết chết. Đầu người được giữ lại làm chiến lợi phẩm, làm cơ sở để lĩnh thưởng phong chức. Tất cả vàng bạc châu báu đồ cổ và mọi thứ quý hiếm, đều bị Nội Sử Đàng cướp hết sạch, sau đó châm lửa đốt sạch cung điện lâu đài và tất cả mọi vật kiến trúc tượng trưng cho nước Hàn. Nước Hàn sống thoi thóp bấy lâu nay hoàn toàn diệt vong.

Tin chiến thắng ở Hàn liên tục được đưa về Hàm Dương, làm cho nhà vua Doanh Chính vui mừng khôn xiết, đứng ngồi không yên, ngài bèn tạm giao việc triều chính cho thừa tướng Xương Bình Quân chủ trì, tự mình cùng với Úy Liêu đưa ba vạn quân “mãnh hổ” đi nhanh sang nước Hàn. Nhà vua trước hết đến Dương Địch đi xem xét một lượt khu vực nội ngoại thành, nhìn thấy cảnh đổ nát của cung điện bèn khoái chí vô cùng. Nhà vua cho rằng đây là bước khởi đầu của lộ trình chinh phục sáu nước của ông. Đối với Úy Liêu, ông ta coi đó là thành quả của tư tưởng quân sự và bố trí chiến lược của mình đã được thực hiện thành công thuận lợi lần đầu tiên, nên cũng rất tự hào và lấy đó để khuyến cáo nhà vua trẻ tuổi. Hai vua tôi không ở đây lâu mà tiếp tục thúc quân đi về phía Đông. Dọc đường, trống giông cờ mở, người reo ngựa hí, vó ngựa đập dồn, tiếng chân rậm rịch, đúng là một đạo quân kiêu binh đang chiến thắng, mọi người trông thấy đều phải khiếp sợ. Khi đoàn quân của nhà vua đến Trường Đình, cách ngoại thành Trịnh Thành mười dặm, thì các tướng Nội Sử Đàng, Mông Quát cùng các phó tướng, và hơn ba vạn bộ binh, kỵ binh đã xếp hàng đứng nghiêm hai bên đường để chào đón Thánh giá. Nhà vua và Úy Liêu vẫn ngồi trên xe. Tiếng hô “Vạn tuế!” kêu vang trời dậy đất.

Sau lễ đón, tất cả mọi người đi vào thành. Đội “mãnh hổ” của nhà vua đi trước dẫn đường, Doanh Chính, Úy Liêu và các tướng đi giữa, sau cùng là các đơn vị quân Tần khác. Để đón tiếp nhà vua Doanh Chính, nội ngoại thành đô được quét dọn, không còn thấy vết máu và bụi than nữa. Khi Nội Sử Đàng đưa Doanh Chính, Úy Liêu đi xem xét khuôn viên cung đình, ông ta đã chú ý giới thiệu rất ỉm ỉm với nhà vua về vua Vương An của Hàn đã cải trang thành nữ giới và quỳ lạy van xin được tha như thế nào, đến nỗi nhà vua và Úy Liêu cười bỏ nghiêng bỏ ngã, kéo theo tất cả cùng cười, thật là một dịp để xả hơi một lúc.

Nội Sử Đàng là người lớn tuổi nhất ở đó, không còn hăng máu như Mông Quát nữa, trong quá trình tác chiến, ông có cho đốt cháy một số công sự phòng ngự và lâu đài của Hàn, nhưng sau đó thì thôi, không nhúng tay vào việc đốt phá cung đình của Hàn nữa, để nơi này nhìn chung vẫn giữ nguyên trạng. Nhà vua Doanh Chính khen ngợi việc làm đó, vì đây là kinh đô của Hàn, cần giữ lại một số di tích lịch sử. Nhất là từ lâu nay Hàn vẫn tự hạ mình xưng thần với nhà Tần, nên vua Tần vẫn không có ác cảm nặng nề quá đáng đối với Hàn, không có tư tưởng trả thù hoặc đánh cho hả giận, cho nên ngài cho phép giữ nguyên bộ mặt cung đình, coi đó là một cột mốc trên cuộc hành trình viễn chinh.

Để mừng chiến thắng diệt Hàn, Doanh Chính tổ chức một buổi lễ long trọng tại cung điện cũ của Hàn quốc, do ngài chủ trì. Cuộc vui kéo dài mấy ngày, khao thưởng ba quân. Theo đề nghị của Ủy Liêu nêu lên trong lúc đang dự yến, Nội Sử Đàng phải đem quân đi khắp nước Hàn để thanh trừ triệt để hết lực lượng tàn dư của Hàn, nhằm tránh hậu họa. Doanh Chính đưa bản đồ ra và khoanh vùng lãnh thổ mới chiếm được (nước Hàn), đặt tên là Quận Đông, hoặc Dĩnh Xuyên. Khi mọi việc đã hoàn tất, nhà vua và Ủy Liêu lại trở về Hàm Dương, vẫn do quân “mãnh hổ” yểm hộ.

Một năm sau khi diệt Hàn, tức mùa hè năm thứ 18 niên hiệu Doanh Chính (năm 229 trước Công nguyên) Doanh Chính lại chủ trì cuộc họp triều chính bàn về kế hoạch tấn công nước Triệu. Sau khi ca ngợi các chiến công diệt Hàn năm ngoái, nhà vua tuyên bố:

– Các tướng Nội Sử Đàng, Mông Quát, Mông Nghị năm ngoái đánh Hàn có công lớn, chiến đấu rất vất vả mệt nhọc, phải được nghỉ ngơi chỉnh đốn lại đơn vị mình. Năm nay sẽ giao trọng trách đánh Triệu cho một số tướng quân khác.

Tiếp đó, ngài giao cho quốc úy Ủy Liêu bố trí cụ thể. Theo Ủy Liêu, đại tướng quân Vương Tiên chỉ huy 10 vạn quân, hành quân theo con đường đánh Triệu trước đây, đi qua Tịnh Hình để vào lãnh thổ Triệu sau đó tiến thẳng một mạch đến Phì Hạ, Nghi An, Phiên Ngô, và cuối cùng đánh chiếm Hàm Đan.

Đại tướng quân Dương Đoàn Hòa chỉ huy 10 vạn quân, đi từ phía Tây sang Đông, là cánh quân đánh nhanh thắng nhanh mà trước hết phải tạo thành thế thật rầm rộ để răn đe vua tôi nước Triệu. Đại tướng quân Khương Quý chỉ huy 10 vạn quân, càn quét miền Đông nước Triệu ngăn cản quân tăng viện từ bên ngoài tới giúp Triệu; sau đó đến tập trung tại Hàm Đan, tăng cường lực lượng tổng tấn công. Ngoài ra, Hàm Đan là nơi mà cả nhà Doanh Chính bị làm nhục và chịu khổ cực lâu dài ^[147]; cho nên, lần này Doanh Chính phải dẫn 20 vạn quân đi đốc chiến ở phía sau, để đề phòng tái diễn cục diện thảm bại lần trước, bị Lý Mục của Triệu cắt đứt đường rút lui và quân Tần bị bao vây và thương vong quá lớn.

Các tướng lĩnh nghe xong bố trí chiến lược nói trên, bèn đến nhận quân lệnh ở Ủy Liêu. Sau đó, mỗi người về đơn vị mình, chuẩn bị khẩn trương để xuất phát đúng thời hạn quy định.

Về phía nước Triệu sau khi có tin cấp báo quân Tần đến xâm phạm với quy mô lớn, nhà vua Vương Thiên hết sức kinh hoàng vội gọi Quách Khai vào cung. Vương Thiên hỏi Quách Khai trong tâm trạng rất bối rối:

– Quân Tần đưa đại quân chia làm ba cánh đến xâm phạm, cốt để trả thù trận đại bại ở Phì Hạ năm trước; vậy ta cũng phải ứng chiến mới phải!

Quách Khai biết mục đích lần này của quân Tần là đánh chiếm Hàm Đan, tiêu diệt nước Triệu. Nhưng vì bản thân là thừa tướng, nên không thể để lộ quá sớm ý đồ đầu hàng; huống hồ là một tên nô lệ mất nước sao bằng được chức vụ thừa tướng như hiện nay; cho nên, ông ta chủ trương chủ chiến. Quách Khai nói:

– Quân Tần lần trước bị quân ta đánh bại, chắc là phần nào có sợ hãi. Nay tuy chia ba cánh để tấn công, nhưng nếu chúng ta ra quân trước một bước, bịt kín đường giao thông huyết mạch, thì họ không thể thắng được.

Mặt mày Vương Thiên lúc ấy buồn xỉu buồn xiu, ông ta nói:

– Lý Mục vừa chết, lấy ai thống lĩnh đại quân ta, để có thể chống lại bọn cường địch bây giờ đây?

Quách Khai có tật giật mình, nhưng biết cách lấp liếm ngay và điềm nhiên nói rằng:

– Nước Triệu ta thời nào cũng có nhân tài, sau Triệu Xa, Liêm Pha là Bànng Huyền, Hồ Triếp, Lý Mục. Nay thì có Nham Tụ, Triệu Thông, đều đáng mặt là những võ tướng còn trai trẻ, có thể giao trọng trách, xin bệ hạ cất nhắc họ làm thống soái, chỉ huy toàn quân chống Tần, chắc chẳng kém gì Lý Mục.

Vương Thiên bèn dựa vào ý của Quách Khai, gọi Nhan Tụ, Triệu Thông đến và phong chức đại tướng quân; hai người này tuy không bằng Lý Mục nhưng đều đã tham gia chinh

chiến nhiều năm, có những kinh nghiệm tác chiến thực tế nhất định, lại rất thành thạo địa hình địa thế trong nước, nhất là họ đều là những tướng trẻ một lòng sắt son với quê hương đất nước, sẵn sàng xả thân để bảo vệ tổ quốc giang sơn. Vì vậy, khi nhận được lệnh, hai người lập tức tiếp nhận “hồ phù” (binh phù), và vạch kế hoạch tác chiến. Theo đó, Triệu Thông chỉ huy 10 vạn quân đến Tịnh Kinh, chốt ở trước để chặn quân Tần ở đó. Nhan Tu chỉ huy 10 vạn quân bảo vệ Hàm Đan. Hai đơn vị này phải giữ liên hệ với nhau, chi viện cho nhau. Chỉ cần Tịnh Kinh có thể giữ vững được, thì Hàm Đan trót ước mắt chưa có gì đáng ngại. Nhà vua Vương Thiên nghe bố trí vậy, cảm thấy yên tâm. Còn Quách Khai thì mặt mày hớn hở, tự khoe khoang là mình có con mắt nhìn người, đã kịp thời tiến cử những con người trụ cột vững vàng.

Mười vạn quân của Triệu Thông hành quân cấp tốc đến Tịnh Kinh, cố đến thật sớm để chiếm các điểm cao trước khi quân Tần đến; chặn đứng các ngã ba đường và các cửa khẩu; nắm quyền chủ động. Nhưng Triệu Thông không ngờ rằng trong đội quân của ông ta, có một số tướng sĩ là quân của Lý Mục trước đây. Sau khi chủ soái Lý Mục bị hãm hại, những người này sợ bị liên lụy nên bề ngoài tỏ ra ủng hộ triều đình, phục tùng chủ soái mới. Nhưng nay đã ra tận tiền tuyến rồi, thì đây là cơ hội tốt để trả thù cho chủ soái Lý Mục của họ. Họ ngấm ngấm liên lạc với nhau để chuẩn bị hành động. Khi toàn đơn vị đi đến một ngã ba đường, bỗng một tiếng kêu vang lên, thế là một vạn rưỡi thiết kỵ binh lập tức cho ngựa quay đầu lại, chạy nhanh về phía Bắc Đại Quận. Triệu Thông phải vất vả mãi mới chỉ được số quân còn lại đang rất lộn xộn nhốn nháo. Cuối cùng cũng lấy lại trật tự và hàng ngũ chỉnh tề, lại tiếp tục hành quân. Nhưng chậm mất hơn một canh giờ (khoảng hai – ba giờ) Khi quân sĩ đang rất chán nản của ông ta kịp đến Tịnh Kinh thì quân Tần đã chiếm hết các vị trí lợi thế từ lâu rồi, và đang lăm lăm sẵn sàng xông trận. Quân của Triệu Thông đành phải vội vã bố trí trận địa ở mé trước, chuẩn bị đánh trả quân Tần để giành lại các điểm cao.

Triệu Thông lúc đầu cứ nghĩ rằng ông ta có trong tay thiên thời, địa lợi, nhân hòa, nhưng nay thì naoáng một cái mắt sạch, ưu thế hoàn toàn chuyển sang tay kẻ địch hết cả. Vì vậy trạng thái tâm lý của vị thống soái này có bị chao đảo rất mạnh. Tuy nhiên, ở cương vị của mình, Triệu Thông không thể tỏ ra yếu thế, mặc dù thật sự đang ở thế yếu. Nếu không, sẽ không đánh mà thua ngay lập tức. Nghĩ vậy, ông ta bèn lập tức phát lệnh cho toàn quân sẵn sàng chiến đấu, chuẩn bị tấn công. Nhưng đối thủ của ông ta là đại tướng quân Vương Tiễn, một lão tướng đã từng trải hàng trăm trận; Vương Tiễn sao có thể để cho địch thủ của mình được một phút xả hơi. Cho nên, ngay khi Triệu Thông chưa kịp bố trí xong trận địa, ông ta đã cho nổi trống trận, xua toàn quân xông vào quân Triệu.

Quân Triệu lúc ấy đã rất mệt mỏi vì mới hành quân từ xa đến, lại phải vội vàng ứng chiến, nên rất hoang mang sợ hãi, chẳng đáng mặt đối thủ của quân Tần nữa. Trong tình hình đó, quân Triệu chỉ còn một con đường duy nhất là vứt bỏ mọi vũ khí nặng nề và xe cộ, nấp sau kỵ binh để cướp đường tháo chạy thoát thân, còn thế trận như thế nào, chẳng còn gì để nói nữa. Triệu Thông và mấy viên phó tướng không tài nào làm chủ được tình thế nữa, nên cũng ai lo phận nấy, cố sức thoát khỏi vòng vây để bảo toàn tính mạng. Chủ soái Tần là Vương Tiễn đứng trên cao nhìn thấy hết; ông ta phát cờ ra lệnh cho kỵ binh và chiến xa chặn hết chỗ này đến chỗ khác, không cho quân Triệu lọt ra ngoài, vòng vây ngày càng thắt chặt lại. Quân Triệu bị vây chặt trong rừng gươm giáo, cũng đến lúc phải liều chết quyết chiến điên cuồng. Vì vậy, trận địa giáp lá cà diễn ra rất thảm khốc.

Cuộc tàn sát đẫm máu kéo dài suốt một ngày đêm, quân Triệu dần dần đuối sức, Triệu Thông rút cuộc vẫn không phá được vòng vây, bị một viên tướng của Tần đâm chết. Chủ tướng ngã gục, toàn quân tán loạn, bị quân Tần đâm chém hầu hết, chỉ còn một số rất ít chạy thoát ra ngoài và tản ra khắp nơi, hồn kinh phách lạc.

Cuộc chiến này, quân Triệu bị chết chín phần mười, chỉ còn sống sáu, bảy nghìn. Quân Tần chết hai phần mười, còn tám vạn. Sau khi nghỉ ngơi chốc lát, Vương Tiễn đưa đại quân tấn công các thành Phiên Ngô, Nghi An, Hạ Phi. Quân Tần vẫn là một đội quân sát khí đằng đằng, giết ngưGi như ngóe. Sau khi quét sạch mọi cứ điểm của quân Triệu, đại quân của Vương Tiễn xông thẳng đến Hàm Đan, phối hợp với tướng Dương Đoàn Hòa tấn công quân Triệu. Ở miền Bắc nước Triệu, đại quân Khương Quỹ quân Tần triển khai một trận địa rất dài, khiến quân Triệu ở các quận ở phía ngoài không tài nào đưa quân vào tiếp

viện, đẩy Hàm Đan vào thế cô lập hoàn toàn, phải vật lộn giãy chết trong vòng vây của 30 vạn quân Tần.

Đại tướng quân Nhan Tu chỉ huy 10 vạn quân Triệu cứ cố thủ trong nội thành Hàm Đan, không chịu ra ứng chiến. Vì vậy quân Tần không thể đánh chiếm ngay được. Trong khi đó, toàn bộ cung đình và triều thần nhà Triệu đã mất hết tinh thần. Nhà vua Vương Thiên biết mình là quân chủ nước Triệu, là đối tượng nguy hiểm nhất của quân Tần, cho nên ông ta luôn luôn gọi Nhan Tu vào cung, giao trách nhiệm cho ông ta phải liều chết giữ vững kinh thành.

Khi nhận lệnh của nhà vua, Nhan Tu vì tức giận nên không sợ phạm thượng, ông ta đã trách nhà vua, lẽ ra không nên nghe lời xúc xiểm bịa đặt để giết mất Lý Mục, đến nỗi bây giờ rơi vào thảm trạng là ngồi chờ chết, làm gì còn mặt mũi để ra lệnh cho bề tôi phải bỏ mình cho ông ta nữa! Vương Thiên há miệng mắc quai, chỉ còn cách là cầu cứu Quách Khai. Quách Khai thì đã tính toán sẵn rồi, nên hết sức khuyên nhà vua đầu hàng. Vương Thiên cũng xiêu lòng. Nhưng ý đồ của Quách Khai bị hoàng gia nhà Triệu kiên quyết phản đối. Người phản đối mạnh nhất là công tử Gia. Công tử Gia là con trưởng của Triệu Tương Vương, lẽ ra là người kế vị ngôi vua. Nhưng Triệu Tương Vương lại sủng ái một người con của một ái phi xuất thân làm kỹ nữ, nên phong đứa con ấy làm thái tử và nối ngôi vua. Đó chính là Vương Thiên.

Công tử Gia giữ lòng hiếu thuận, vâng lời phụ vương, không hề tính toán hơn thiệt của cá nhân. Ngược lại, ông ta còn luôn luôn can gián Vương Thiên, hy vọng Vương Thiên cố gắng cứu vãn vận mệnh đất nước. Nào ngờ, vị vua u mê này chẳng thêm để ý đến những lời can gián chính trực, ngược lại, còn hăm hại trung thần, gây bao tai họa cho dân cho nước; cuối cùng rơi vào tình trạng tuyệt vọng. Nay lại nghe những lời huyền hoặc của Quách Khai để dự định đầu hàng quân Tần. Công tử Gia không thể kìm nén được căm giận, bèn dẫn đầu các hoàng thân quốc thích tôn thất họ Triệu, xông thẳng vào nội cung, chửi mắng Quách Khai, chặn đứng ý định đầu hàng của Vương Thiên. Nhóm thành viên hoàng gia này nhất trí quyết định mỗi nhà phải tự vũ trang, mọi người trong gia đình mình, cũng tham gia quân đội bảo vệ kinh thành, quyết chiến chống quân Tần đến giọt máu cuối cùng.

Trước khí thế chính nghĩa kiên định như vậy của hoàng gia tôn thất, Quách Khai khiếp sợ vô cùng, đành phải tìm cách chui lủi chạy về nhà mình, đóng chặt cửa, chẳng dám lộ mặt ra nữa. Vương Thiên cũng không dám nói đến chuyện đầu hàng nữa, đành phải áp dụng cầu xin mọi người bớt ra một ít người đến bảo vệ nội cung. Nói xong vội trốn vào phòng ngủ, rúc mình vào trong lòng một ái phi, run lên cầm cập, rồi thút thít khóc lóc chẳng khác một đứa trẻ.

Quân hai bên cứ thế cầm cự nhau suốt một năm, cho đến giao thời xuân hạ năm 19 niên hiệu Doanh Chính (năm 228 trước Công nguyên) nhà vua Doanh Chính đích thân đưa quân đến tăng viện, tự mình đốc chiến, 50 vạn quân Tần đồng loạt tổng tấn công vào Hàm Đan. Quân Triệu hoàn toàn thất bại, vì không có tiếp tế, không có tăng viện, 10 vạn quân Triệu bị quân Tần say máu giết sạch. Tất cả gia đình, gia tướng của các gia đình hoàng gia tuy hết sức liều mình đánh trả quân Tần, nhưng quá ít so với đại quân xâm phạm, nên cũng bị giết hại hết sức thảm. Tất cả các văn thần võ tướng trung thành với triều đình nhà Triệu và gia đình họ đều bị chặt đầu hết sạch. Tướng Nhan Tu, thống soái quân Triệu, định giở trò “phản Tề hàng Triệu” như trước đây ông ta đã làm, nhưng đã bị Vương Tiễn chém đầu chết tươi. Còn Vương Thiên, tên vua nhu nhược tham sống sợ chết cũng bị bắt sống khi đang trốn trong đám cung nữ, chẳng khác một chút gì như vua Vương An của nước Hàn, có khác cũng chỉ khác người khác cảnh mà thôi. Vua Vương An của Hàn thì cải trang thành nữ, còn Vương Thiên của Triệu thì nữ ôm lấy nam. Ông ta nhảy vào bồn tắm, đứng trần truồng trong nước tràn ngập hương thơm, một bảy cung nữ, cũng chẳng manh áo che thân, đưa tay ôm chặt lấy Vương Thiên đứng ở chính giữa, còn họ thì khom lưng quay mông ra ngoài, làm thành một cột trụ bằng xương thịt, giống như một bông sen khổng lồ, các cánh sen là cung phi, bảo vệ tâm sen là Vương Thiên. Trong bể nước ấm áp, bọn cung phi còn liên tục đốt hương, khói hương nghi ngút, làm cho toàn bộ nhà tắm ngập trong mùi hương khói, chẳng khác gì như một chốn bồng lai tiên cảnh.

Wương Thiên cứ nghĩ rằng khi tướng sĩ quân Tần nhìn thấy những tiên nữ lỏa lồ đang

tắm, chắc phải nhớ đến câu “nam nữ thụ thụ bất thân” và lời dạy “phi lễ vật thị, phi lễ, vật động” [148], thì họ phải bỏ đó mà đi. Nhưng đối với những sát thủ khát máu như số tướng sĩ quân Tần đã xông vào tận sào huyệt thâm cung của nhà Triệu, thì đám người trong bể tắm lại là những miếng mồi ngon lành của các mũi giáo sắc nhọn của họ. May mà lọt vào tay một viên phó tướng của Tần còn khá nhân hậu, vả lại viên phó tướng này còn nghi nghi hoặc hoặc, không rõ nhân vật này là ai mà lại trốn ở chính giữa, nên chưa vội ra tay. Sau đó, mọi người nhận ra đó là Vương Thiên, đại vương nước Triệu. Vậy là viên phó tướng được thưởng 50 dật vàng và thăng cấp lên tướng quân.

Trong khi đó, thừa tướng Quách Khai lại là một trường hợp rất đặc biệt. Nhờ có công giúp Tần mưu hại Lý Mục, và được Diêu Giá của Tần hứa sẽ phong “thượng khanh”, nên ông ta hí hửng vui mừng, vênh váo tự đắc. Ông ta và cả gia đình phấn khởi, ăn uống suốt mấy ngày. Nhưng đến ngày thứ ba, Doanh Chính tổ chức một cuộc tàn sát lớn tại quảng trường phía trước Tùng Đài ở Hàm Đan; trong đó, vua Tần cho chém hết tất cả các thành viên hoàng gia họ Triệu đã thể chết chống Tần; còn giết cả 83 người bị kết tội là trước đây đã úc hiếp, hãm hại hoặc khinh miệt Triệu thái hậu, mẹ của ông ta. Tất cả hơn 300 người, họ bị áp giải đến chỗ hành hình, đứng thành hai hàng hai bên.

Vua Triệu Vương Thiên bị áp giải đến đứng trên đài cao nhất chứng kiến cuộc hành hình. Ông ta run rẩy sợ hãi, toàn thân nhũn ra như bún, mắt trắng dã, mặt cắt không còn giọt máu, chỉ còn là cái xác không hồn.

Tần Doanh Chính ngồi ở cao trung tâm; Vương Tiễn, Dương Đoàn Hòa, Khương Quý, Úy Liâu chia nhau đứng hai bên. Nhạc buồn tấu lên trầm trầm. Doanh Chính đưa cho Quách Khai bản kê tội trạng của những người sắp bị giết, để tuyên đọc. Vị “thượng khanh” mới được phong chức này lúng ta lúng túng, tuy được chủ mới tôn trọng nhưng trong lòng vẫn nơm nớp lo sợ. Tuy nhiên, ông ta vẫn ngang nhiên đứng thẳng người trước mặt các tử tù và đọc “tội trạng” của từng người một. sau khi đọc xong, Quách Khai quay người bước lên tam cấp để về chỗ, bỗng nghe Úy Liâu sai phó tướng kéo ông ta xuống. Thật là sét đánh ngang tai, Quách Khai cố sức gào lên:

– Tâu bệ hạ, xin tha cho lão thân, Quách Khai này có công với Tần cơ mà!

Doanh Chính liếc nhìn ông ta rồi mặc kệ. Úy Liâu nói to cho mọi người nghe:

– Quách Khai tham lam của cải hối lộ rất lớn của nước ta, đã hãm hại Lý Mục đến chết, cố nhiên có công với Tần. Vì vậy được phong “thượng khanh” để ban thưởng. Nhưng xét về căn bản, Quách Khai bán nước cầu vinh, để cho đất nước bị diệt vong. Những tham quan nịnh thần như vậy, không một nước nào chấp nhận! Do vậy, phải đem ra xử tử để giữ vũ kỷ cương.

Úy Liâu vừa dứt lời, toàn bộ quảng trường vang lên: “Bệ hạ anh minh! Tần Vương vạn tuế!”. Ngay cả Vương Thiên dở sống dở chết, vừa hối hận vừa căm phẫn, cũng thốt lên:

– Giết là phải! Phải giết chứ để sống làm gì!

Chỉ mới được làm “thượng khanh” ba ngày, hôm nay Quách Khai là người bị hành hình đầu tiên. Tiếp theo đó là trên hai trăm người Triệu bị giết bằng cách chặt đầu, thắt cổ, hoặc vút vào vạc dầu. Đến đây, tính say máu giết người và trả thù của Doanh Chính mới thỏa mãn.

Mấy hôm sau, Doanh Chính thưởng công bằng vàng bạc và thăng cấp cho những người lập công trong chiến dịch vừa qua. Đồng thời, ban phát tài sản hoặc tiền của cho những ai trước đây đã giúp đỡ, quan tâm đến mẹ con ngài, để tỏ rõ tấm lòng của ngài biết nhớ đến người có công ơn với mình, sống có tình có nghĩa ngay cả với người dân thường. Lẽ ra Doanh Chính định ở lại Hàm Đan thêm mấy ngày nữa, nhưng thừa tướng Xương Bình Quân cho kỵ binh từ Hàm Dương đến cấp báo:

– Thái hậu bệnh nặng!

Nhà vua bèn phải ngày đêm cấp tốc quay về, hộ vệ ngài là 400 lính cận vệ “mãnh hổ”.

Lúc này, trong cung Cam Tuyền ở Hàm Dương, thái hậu Triệu Cơ đang sống đau khổ những ngày cuối cùng của đời mình. Kể từ khi ngài nghe lời Mao Tiêu, đích thân đón thái hậu ở cung Phụ Dương ở Ung Thành về Hàm Dương đến nay, vừa tròn sáu năm. Về hình

thức bề ngoài, thì kể từ khi bà trở lại sống trong cung Cam Tuyền, nơi mà trước đó bà đã có những ngày thật sự hạnh phúc êm đềm, giờ đây tình mẹ con được chấp nối thuận hòa như xưa. Tuy nhiên, đối với bà, cung Cam Tuyền giờ đây hoàn toàn giống như lời ca mà bà đã hát năm nào: “Cuộc đời phận bạc, cô đơn một mình. Tù túng trong cung Cam Tuyền khổ ải; Ai thấy lòng ta, trần trọc đêm dài!”. Những cung nữ và nội thị vệ đã hầu hạ bà lâu năm, đều rất thông cảm với nỗi lòng sâu thẳm của bà. Những đêm hè nóng nực phải luôn phe phẩy quạt lông để đuổi muỗi cho bà; hoặc những ngày đông giá rét phải có “rượu nếp cẩm” và lò sưởi than hồng để chống rét cho bà, lúc ấy họ ngồi vây quanh bà, trò chuyện râm ran, làm vui lòng bà, thậm chí còn hát hò ngâm nga, nhảy múa, để xua bớt nỗi u sầu vẫn đè nặng trong lòng bà. Để cảm ơn sự quan tâm săn sóc của họ, thái hậu cũng miễn cưỡng tươi cười và trò chuyện với họ; có lúc cao hứng cũng ngâm vịnh mấy câu. Nhưng rốt cuộc cũng chỉ là khiên cưỡng, chẳng qua chỉ là ứng phó nhất thời cho qua chuyện. Khi tan cuộc, trở về với buồng the lạnh lẽo với cây đèn leo lét của mình, thì bà lại càng cảm thấy cô đơn vắng vẻ. Bởi vì lúc này bà chẳng còn một người thân nào bên cạnh, sự trống trải và hư vô tràn ngập trong lòng bà! Nhưng thực tế có phải vậy đâu! Bà không những có con dút ruột đẻ ra, mà lại là nhà vua đang có quyền lực nhất, danh vọng nhất, xán lạn nhất. Nhưng ngài, nào có nhiều thì giờ để đến chung vui với mẹ, đưa lại cho mẹ tình mẫu tử theo như đạo hiếu của trời đất mà chỉ chăm chú vào việc triều chính, nhất là việc bành trướng bằng quân sự. Thằng hoặc ngài có đến thăm bà, gọi cho bà tình cảm ruột thịt của mẹ con và lòng thương con, nhưng chẳng hiểu sao, mẹ con nói chuyện với nhau chỉ một lúc là sinh ra trục trặc, chẳng hòa hợp với nhau, thậm chí xung khắc, đối chọi nhau, rồi chia tay chẳng vui vẻ gì.

Chính trong mấy hôm Doanh Chính nghe lời mấy vị tôn thất hoàng gia rồi ra lệnh xua đuổi người nước ngoài Doanh Chính muốn giải sầu một lúc bằng cách đến cung Cam Tuyền thăm mẹ. Thái hậu thấy con đến thì vui mừng quá, bà tự tay rót trà, lấy hoa quả đưa cho nhà vua, xích lại gần để nhìn cho thật kỹ ông vua đại Tần này đúng là đa con của mình. Khi hai người nói đến chuyện bà từ Ung Thành trở về cung Cam Tuyền, thái hậu bất giác nhắc đến Mao Tiêu. Bà than thở rằng:

– Hai mẹ con ta sở dĩ có thể trở lại như xưa là nhờ có công can gián của Mao Tiêu. Có thể lúc nào thuận tiện, gọi ông ta vào cung, để mẹ có thể cảm ơn ông ta một chút.

Điều này lại đụng chạm đến một việc riêng tư của Doanh Chính. Nhà vua cảm thấy đau lòng khi nói với bà:

– Ý của mẹ tuy rất tốt, nhưng con đành phụ lòng mẹ!

– Việc mẹ mời Mao Tiêu đến chẳng có gì là không đáng, sao con lại từ chối? – Thái hậu không hiểu tại sao Doanh Chính lại không nghe lời mình.

– Không phải là con không nghe lời mẹ, mà là ông ấy đã bị con đuổi về nước rồi – Doanh Chính đành nói ra sự thật.

– Ô! Lại có chuyện đó ư? Nhưng ông ta phạm vào điều luật nào? – Thái hậu tỏ ra lo lắng.

– Không phạm điều gì cả! – Nhà vua hạ thấp giọng trả lời

– Vậy là nói năng cử chỉ gì đã đắc tội với con? – Thái hậu vội hỏi.

– Càng không phải! – Doanh Chính cau mày, xua tay, không muốn nói nhiều.

Đến đây, thái hậu có phần nào sốt ruột, bà trách con:

– Vậy là một người rất tốt, tại sao con lại đuổi ông ta?

Mẹ hỏi vậy, Doanh Chính bèn nói thật:

– Vì nghe các bậc đàn anh của Hoàng gia nói rằng gần đây triều đình xảy ra đủ thứ chuyện bậy bạ xấu xa, phần lớn đều do người nước ngoài gây ra cả. Để đề phòng chính quyền rơi vào tay kẻ khác, lấy lại trật tự kỷ cương, con đã ra lệnh đuổi toàn bộ các khách khanh ra khỏi nước ta, để trừ tận gốc những tai họa có thể có.

– Ý kiến các bậc đàn anh của Hoàng gia tôn thất có thể có chỗ đúng chỗ sai, nên phân biệt người tốt, người xấu, xử lý thận trọng. Vậy mà con đuổi tất cả, chẳng để lại một ai.

Thế thì người thân sẽ đau lòng mà kẻ thù sẽ vui mừng thôi – Thái hậu nói rất nghiêm khắc.

– Con cũng biết trong khách khanh cũng có người tài có thể dùng được, nhưng rốt cuộc họ chỉ là tầm gởi lẩn càn, được đằng chân lân đằng đầu, khiến lòng người không thể yên tâm. Huống chi chỉ dụ đã ban ra rồi, không thu hồi lại được nữa! – Doanh Chính cứ khăng khăng ương ngạnh, không chịu để cho thái hậu can dự vào công việc của mình.

– Các khách khanh là người nước khác, họ đều rất có chí hướng, là những chí sĩ biết gắng sức báo đáp ân tình, có thể xả thân vì nước, ra sức phụng sự nước Tần ta – Thái hậu vẫn cố sức thuyết phục Doanh Chính. Bà rất hay liên tưởng, nhưng thiếu bình tĩnh, bất giác nói – Năm nào Lã thừa tướng bán hết gia sản, phò tá tiên vương và đưa con lên ngôi quân chủ. Đó chẳng phải là khách khanh có công với Tần đó sao?

Mặc dù thái hậu nói đúng sự thật, và cũng là nói ra điều tốt lành, nhưng lại đụng đến nỗi đau sâu sắc và khó nói nhất trong lòng Doanh Chính, ngài bèn nghiêm sắc mặt nói với thái hậu, bất chấp trên dưới và tình nghĩa mẹ con:

– Lã thừa tướng! Lã thừa tướng cái gì? Bà không bao giờ quên được ông ấy. Sao không gọi là Trọng phụ? Thật là nghĩa tình quá sâu sắc, lúc nào cũng nhớ nhung canh cánh trong lòng! – Nói xong vội vẩy ống tay áo ra đi.

Thái hậu không ngờ mình nói với con những lời khuyên can tốt bụng như thế lại bị con oán trách và khinh bỉ, bà cảm thấy rất buồn. Để bảo vệ lòng tự tôn, bà vẫn phải tỏ rất bình thường trước mặt các cung nữ và nội thị vệ. Chỉ khi nào nằm một mình trong chăn mới thui thủi sụt sùi nước mắt đầm đìa, ướt đầm cả một mảng lớn trên gối. Từ đó về sau, mỗi khi gặp Doanh Chính, lúc nào cũng nơm nớp lo nghĩ, nói năng dè dặt, và cũng không dám nhìn thẳng vào khuôn mặt nghiêm khắc luôn luôn lạnh như tiền của con nữa. Do buồn bực lâu ngày, bà ngày càng suy nhược, rồi bị bệnh ngày càng nặng, cứ nằm dài trên giường.

Trước khi Doanh Chính đưa quân đánh Triệu, ngài có đến gặp mẹ để hỏi ý kiến bà về danh sách những người có thù oán với bà hỏi còn ở Triệu, bà vừa run rẩy vừa viết tên họ những người đó, nhưng cũng dặn ngài phải tùy theo tình hình để xét xử vừa phải, không thể quá tàn bạo. Sau khi Doanh Chính ra đi bệnh tình thái hậu ngày càng nặng, nhất là khi nghe con mình thực hiện việc trả thù tàn khốc ở Hàm Đan, đến nỗi vô phương cứu chữa. Khi Doanh Chính trở về Hàm Dương thì bà đã ra đi vĩnh viễn. Hối cung phi và thị vệ thì họ đều nói thái hậu không trăng trối điều gì cả.

HỒI THỨ MƯỜI CHÍN

THÁI TỬ (YÊN) ĐAN ĐAU BUỒN TIỀN BIỆT KINH KHA GIẾT HỤT, NGÃ XUÔNG KHÔNG VỀ

Sau khi tiêu diệt nước Triệu, Doanh Chính xử tử 83 người có thù oán với mẹ con ngài; tức là những người nước Triệu trước đây từng hãm hại, ức hiếp và khinh bỉ thái hậu và bản thân ngài. Đồng thời, ngài còn sai người dựa theo danh sách do thái hậu liệt kê để đi sâu vào tận hang cùng ngõ hẻm của Hàm Đan để tìm cho ra khoảng 50 đến 60 hộ trước đây đã từng cứu giúp, săn sóc và quan tâm đến mẹ con ngài, biểu tặng họ tài sản hoặc tiền bạc với số lượng khá lớn để cảm ơn họ. Khi trở về Hàm Dương, ngài còn mang theo bản danh sách đó, cốt để nói cho thái hậu biết, may ra có giúp ích gì cho việc chữa bệnh cho thái hậu hay không. Nào ngờ không về kịp, ngay cả lời trăng trối của thái hậu cũng chẳng có. Điều này khiến ngài rất đau lòng. Vì vậy khi làm lễ tang rất long trọng cho thái hậu, ngài cúi đầu khóc to và đem bản danh sách ấy đặt trước linh cữu thái hậu, để báo cho anh linh thái hậu biết rằng con đã làm theo lời mẹ, thực hiện lời dạy “tri ân báo đức” (nhớ công ơn, báo đáp bằng đức).

Tuy nhiên, chính ngài – đứa con hiếu thảo với thái hậu đó, lại “lấy oán trả ơn” đối với thái tử Đan nước Yên, người đã có công ơn rất lớn với mẹ con ngài. Còn nhớ năm nào, thái tử Đan làm con tin của nước Yên ở Hàm Đan, không những ngài đã rất quan tâm giúp đỡ gia đình Tử Sở, mà còn bất chấp nguy hiểm đến tính mạng để phối hợp chặt chẽ với Lã Bất Vi cứu Tử Sở trốn khỏi ngoại thành Hàm Đan. Hơn nữa, trong mấy năm sau đó thái tử còn luôn luôn đến thăm và tiếp tế cho mẹ con Triệu Cơ. Sau đó, Doanh Chính lên ngôi, ngài sai Thái Trạch sang ở nước Yên ba năm để thực hiện chính sách “Viễn giao cận công” (giao thiệp với nước ở xa, tấn công nước ở gần). Tức là kết bạn với nước Yên ở xa, để tấn công nước Triệu ở gần. Thái Trạch đã thành công trong sứ mạng đó. Lúc sắp về Tần, Thái Trạch còn mời thái tử Đan sang Hàm Dương. Lúc đó, thái tử Đan cho rằng Tần đã hòa hiếu với Yên, nên đã vui vẻ nhận lời và theo gót Thái Trạch đi sang Tần. Bởi vì thái tử nghĩ rằng có thể dựa vào mối quan hệ hữu nghị lúc hoạn nạn giữa ngài và mẹ con Doanh Chính, để khôi phục quan hệ quen biết cũ, thúc đẩy hữu nghị, củng cố và phát triển hòa hiếu hai nước.

Lúc đầu sau khi đến Hàm Dương, nhà vua có tiếp thái tử mấy lần theo lễ tiết ngoại giao, chỉ nói vài ba câu nhạt nhẽo thường lệ cho xong chuyện rồi để khách ra về, chẳng thèm lưu tâm đến thái tử nữa. Về sau, thái tử lấy danh nghĩa là quen biết cũ để nhiều lần vào cung gặp nhà vua, kể lại những câu chuyện khi hai người đều ở nước Triệu, cố gợi lại trí nhớ của Doanh Chính đối với mình. Thái tử nói:

– Năm ấy mẹ con đại vương ở nước Triệu, Đan này thường đến thăm, không biết đại vương còn nhớ hay không?

– Ô! Năm ấy Trẫm ở Triệu, gặp nhiều nguy nan, có được số người quan tâm, giúp đỡ. Nhưng lúc ấy còn nhỏ, nên không nhớ hết, những điều thái tử nói, không hiểu rõ cho lắm! – Doanh Chính có vẻ ranh mãnh, không muốn nói về những chuyện ấy với thái tử.

– Tuổi nhỏ thì có thể không nhớ hết chuyện ngày xưa. Nhưng thái hậu và tiên vương đã tiếp xúc với Đan mấy năm ở bên đó, sau Đan còn tiếp tục giúp đỡ, tuy không nhiều, nhưng chắc là không thể quên – Thái tử Đan đành chuyển sang cho mẹ của nhà vua để chứng minh những điều mình nói là không có gì giả dối.

– Những điều mà thái tử nói, sẽ xem lúc nào thuận tiện trẫm sẽ bẩm báo với mẫu hậu, để xem mẫu hậu còn nhớ quan hệ hữu nghị ngày xưa ấy không – Doanh Chính vẫn ứng phó với thái tử bằng những lời khách sáo, không hề có chút hữu nghị, thân mật gì.

Thái tử Đan thấy vậy bèn không nhắc lại chuyện cũ nữa, ngài cũng chuyển sang ngôn từ ngoại giao:

– Từ khi rời Hàm Đan năm ấy đến nay, thế mà đã ngót mười năm rồi. Đại vương lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi, vậy mà đã triển khai thực thi những kế hoạch lớn lao nhằm trị quốc yên dân, thật là đáng khâm phục!

– Trẫm rất may được thừa kế cơ nghiệp của tổ tiên, lại nhờ có bản năng trời cho, và

được quần thần phò tá, muôn dân ủng hộ, nên đương nhiên phải làm nên những đại sự như thế! Chỉ có nhà ngươi thì hai mươi năm nay chẳng có gì thay đổi, trước thì làm con tin ở Triệu, nay làm con tin ở Tần. Trẫm thật thương cảm cho nhà ngươi – Doanh Chính nói rất ngạo mạn, còn chế giễu và châm biếm cả thái tử Đan nữa.

Trước thái độ khinh bỉ đó của Doanh Chính, thái tử Đan rất khó chịu, nên chỉ đối đáp qua quýt rồi lủi thủi rút lui. Mặc dù ông rất không bằng lòng với cách cư xử của Doanh Chính, nhưng không dám để lộ ra ngoài, sợ ảnh hưởng đến quan hệ hai nước. Sau đó, ông nhiều lần muốn vào cung thăm thái hậu, để cùng bà nhắc lại chuyện cũ, mong rằng bà sẽ nhắc nhở con mình giữ lời hứa với Yên, không xé bỏ thỏa ước với Yên để quay sang xâm lược Yên. Như vậy, ông sẽ thực hiện được sứ mạng con tin của mình, thúc đẩy việc bình thường hóa bang giao giữa Tần và Yên.

Nào ngờ những cố gắng ấy của ông cũng đổ xuống sông xuống biển. Bởi vì nhà vua Doanh Chính có lệnh: “Bất cứ cửa cung nào cũng không cho thái tử Đan của nước Yên được đi vào”. Đồng thời, không cho phép ai được nói cho thái hậu biết là có thái tử Đan ở Hàm Dương. Cho nên thái tử Đan đành bó tay, chẳng khác gì Tử Sở năm nào ở Hàm Đan. Thái tử cảm thấy sâu sắc rằng, thái độ bạc tình bạc nghĩa, vô đức vô ơn của Doanh Chính, chẳng những là muốn xa lánh cá nhân ông, mà quan trọng hơn, đó là triệu chứng không thân thiện với đất nước ông. Vì vậy, ông rất lo cho số phận của quê hương đất nước mình. Vì vậy, ông nhiều lần bí mật viết thư về nước, xin vua Vương Hỷ của Yên viết thư cho vua Tần, để cho vua Tần cho phép ông về nước. Nhưng vua Yên không có ý kiến dứt khoát, cứ để cho sự việc ấy kéo dài lê thê, cho nên, ý đồ của ông muốn về nước bằng con đường ngoại giao chính thức, bất thành. Trong khi hai nước Triệu và Yên đang đứng trước nguy cơ diệt vong; vua Tần đang ngày càng bộc lộ công khai mưu đồ thôn tính sáu nước và dẹp yên thiên hạ. Một nước nhỏ yếu như Yên, đương nhiên là không thể tránh khỏi tai họa.

Ruột gan thái tử Đan rối như tơ vò, không thể cứ chôn chân mình ở cái nước lang sói này để ngồi nhìn đất nước mình bị diệt vong! Biện pháp duy nhất là trốn khỏi hang hùm này để trở về nước Yên, nhanh chóng tổ chức lực lượng cứu nước Yên khỏi hiểm họa. Sau khi suy nghĩ và cân nhắc kỹ, ông đưa một môn tiên lớn đứt lốt cho “Trung thứ tử” Mông Gia, một cận thần của Doanh Chính, nhân cơ hội vị đại thần này đi săn, thái tử cải trang thành một kỵ binh bình thường để đi theo đoàn đi săn, rồi trốn thoát ra khỏi thành Hàm Dương; phải mất gần một tháng đi đường tắt và đường vòng mới về đến nước Yên vất vả vô cùng.

Đó là năm thứ 15 niên hiệu Tần Vương Chính. Lúc ấy, vua Vương Hỷ của Yên đã ở ngôi được 23 năm, ngài điều hành đất nước chẳng có phương lược gì, không làm nên đại sự gì cho nước Yên, làm cho nước này đã yếu lại càng thêm suy yếu. Thái tử Đan là con đẻ của ngài, đã làm con tin ở Tần được tám năm. Nay thái tử liều chết trốn về, ngài chẳng những không hề thông cảm và thương con, mà còn khiển trách con vì ngài rất sợ đắc tội với vua Tần. Thái tử Đan vừa buồn vừa giận, chẳng thềm để ý đến người cha u mê, ăn hại đất nước; ông tự mình đi tìm người thầy cũ là Cúc Vũ để hội mưu kế.

Cúc Vũ bày cho thái tử: “Nước Yên có một người tên là Điền Quang rất giỏi mưu lược và dũng chí có thừa, có thể đến gặp để nhờ ông ấy giúp mưu kế cho”. Thái tử Yên khẩn cầu thầy (thái phó) Cúc Vũ giới thiệu mình làm quen với Điền Quang. Thầy Cúc Vũ bèn đến thăm Điền Quang, nói rõ mục đích đến gặp Điền Quang đồng ý gặp thái tử. Cúc Vũ bèn đưa Điền Quang đến gặp thái tử Đan. Thái tử đứng ở cửa hoàng cung đón Điền Quang. Xe ngựa đưa Điền Quang đến phía trước phòng khách hoàng cung. Thái tử Đan quỳ xuống chiếu, chờ cho đến khi Điền Quang ngồi xuống, bèn bảo những người hầu cận lui ra ngoài, rồi xích đến gần Điền Quang để chào và nói rõ rằng nước Tần tàn bạo, nhất định sẽ xâm lược nước Yên và quyết tâm của mình tìm cách cứu vãn số phận đất nước. Ông cũng bày tỏ mong muốn Điền Quang giúp đỡ.

Điền Quang nói, ta nghe nói con ngựa tốt, khi còn trẻ khỏe, nó có thể chạy nghìn dặm một ngày, nhưng lúc già yếu rồi, thì những con ngựa ngu dần khác cũng có thể chạy nhanh hơn nó. Chắc là thái tử đã nghe người ta nói về ta lúc ta đang còn trẻ khỏe, không hề biết rằng ta nay đã già yếu rồi. Thái tử vẫn nài nỉ rằng sức khỏe của tiên sinh đã yếu, nhưng trí tuệ của tiên sinh còn sung mãn, xin tiên sinh dùng trí tuệ của mình để giúp đỡ. Điền Quang cảm ơn và nói, ta không thể làm được những việc đại sự cho đất nước nữa,

nhưng ông bạn Kinh Kha của ta thì có thể làm được. Thái tử lại nhờ Điền Quang giới thiệu Kinh Kha cho mình. Dĩ nhiên là Điền Quang nhận lời. Thái tử tiễn chân Điền Quang ra cửa và dặn ông ta rất trịnh trọng:

– Câu chuyện vừa rồi ta nói với tiên sinh là việc đại sự quốc gia, rất mong tiên sinh hết sức giữ kín!

Điền Quang gật đầu mỉm cười nói rằng nhất định giữ bí mật. Nói xong liền quay gót đi nhanh để tìm Kinh Kha. Khi gặp Kinh Kha, Điền Quang nói rất xúc động nhưng nghiêm chỉnh:

– Ta với anh là bạn thân với nhau, điều này cả nước Yên đều biết. Thái tử Đan chỉ nghe người ta nói về ta lúc ta còn trai trẻ, rất có tài trí, nhưng nay ta đã già yếu rồi, không còn làm được gì nữa. Thái tử muốn nhờ ta bày mưu kế để chống Tần cứu nước Yên. Lòng trung thành của thái tử làm cho ta rất cảm động, cho nên, ta coi anh như là chính ta, và đã giới thiệu anh cho thái tử!

Kinh Kha rất xúc động, anh nắm chặt tay Điền Quang và nói:

– Ngài thật là người bạn tâm phúc chân thành của tôi!

Điền Quang vội giục Kinh Kha đến hoàng cung gặp thái tử Kinh Kha vâng lời đi ngay, nhưng Điền Quang vội níu áo anh ta lại và nói:

– Thái tử có nhắc nhở ta rằng đây là quốc gia đại sự, không thể để lộ cho ai biết. Rõ ràng là thái tử không yên lòng về ta. Nếu những việc mình làm mà không được mọi người tin tưởng, thì chẳng xứng đáng là một hiệp sĩ có khí tiết. Xin anh hãy nói cho thái tử biết rằng Điền Quang này không còn ở trên đời này nữa.

Nói đoạn Điền bèn rút kiếm từ bên hông ra, Kinh Kha vội ngăn lại và nói:

– Xin tiên sinh không nên làm thế!

Nhưng Điền Quang đã tự đâm lưỡi kiếm vào cổ rồi, máu phọt ra như tên bắn. Ông ngã vật xuống đất trong khi tay vẫn cầm kiếm, đầu ngẩng cao lên trời.

Kinh Kha đến hoàng cung, trong lòng rất đau buồn. Ông nói hết mọi chuyện vừa xảy ra cho thái tử nghe. Thái tử vội đến nhà Kinh Kha, đi quỳ đến trước mặt thi thể Điền Quang, quỳ lạy ba vái và khóc mãi. Một lúc khá lâu sau mới nói rất đau buồn rằng sở dĩ ta nói với tiên sinh Điền Quang phải giữ bí mật là cốt để cho mọi việc suôn sẻ; ai ngờ tiên sinh lại đem cái chết để bày tỏ tấm lòng son sắt của mình. Điều này thật sự là hoàn toàn trái với ý định ban đầu của ta. Nói xong liền mời Kinh Kha ngồi lên chiếu trên, còn bản thân vẫn quỳ và nói với Kinh Kha:

– Tiên sinh Điền Quang biết ta là một người không thể làm được việc gì lớn, nên đã giới thiệu ông cho ta, đó là muốn ông giúp đỡ và chỉ giáo cho ta. Được vậy thì đúng là trời xanh còn thương hại nước Yên này, không nỡ bỏ mặc đứa con cô đơn đáng thương này!

Tiếp đó, thái tử phân tích tình hình nước Tần đang uy hiếp các nước chư hầu, và ý tưởng của ngài quyết tâm chống Tần cứu Yên. Đại ý như sau: Lòng tham của Tần là vô đáy. Nếu không quét sạch được thiên hạ và bắt tất cả các nước chư hầu đều hàng phục, thì Tần không chịu buông tay đâu. Nhưng hiện nay nước Tần đã bắt sống vua nước Hàn, chiếm lãnh thổ Hàn, đưa quân đánh nước Sở ở phía nam và tấn công nước Triệu ở phía Bắc. Đại tướng quân của Tần là Vương Tiễn đã đưa 10 vạn quân đến áp sát quận Chương và quận Nghiệp; tướng Lý Tín của Tần đã xuất phát từ Thái Nguyên, Văn Trung. Nếu nước Triệu không chống được Tần thì sẽ mất nước. Nếu Triệu bị diệt, thì nước Yên sẽ lâm nguy! Nước Yên nhỏ yếu, dốc sức cả nước ra cũng không chống được nước Tần, mà tất cả các nước chư hầu đều sợ Tần, nên họ không thể “hợp tung” với nhau được. Vì vậy, thái tử Đan muốn dùng một biện pháp có hiệu quả nhanh chóng, tức là tìm một dũng sĩ đến nước Tần dùng lễ vật thật hậu để tặng cho vua Tần, ông vua này rất tham lam, chắc chắn sẽ nhận lễ vật. Lúc ấy sẽ dùng vũ lực buộc ông ta trả lại lãnh thổ các nước; nếu ông ta không chịu, sẽ giết. Các đại tướng của Tần đang đưa quân đi đánh các nước, không có mặt ở nhà, nếu vua Tần chết, thì nước Tần sẽ rối loạn, vua tôi nghi kỵ lẫn nhau. Các nước sẽ nhân cơ hội đó liên hợp lại với nhau để tiêu diệt Tần.

Sau khi trình bày mưu kế nói trên, thái tử Đan nói với Kinh Kha:

– Đó là cách làm có hiệu quả nhất và nhanh nhất mà ta nghĩ ra, chẳng biết có thực thi được hay không, rất mong ông xem xét.

Kinh Kha suy nghĩ rất lâu mới nói:

– Đây là một việc lớn, sức của tôi rất có hạn, sợ không làm nổi.

Thái tử Đan quỳ trước mặt Kinh Kha liên tục khấu đầu, khẩn khoản nài xin Kinh Kha đừng từ chối. Cuối cùng, Kinh Kha đã nhận lời.

Kinh Kha là người nước Vệ, quê gốc là nước Tề, sau vì chiến tranh nên di chuyển sang nước Vệ. Anh ta sinh ra và lớn lên trong những năm tháng chiến tranh, thích đọc sách và đao kiếm, rất có hoài bão; từng dùng võ thuật đao kiếm để du thuyết vua nước Vệ là Nguyên Quân, nhưng Nguyên Quân không nghe và không sử dụng anh ta. Về sau, quân Tần xâm lược nước Vệ, v bắt tất cả họ hàng hoàng gia của Nguyên Quân di chuyển đến huyện Dã Vương ở vùng biên giới. Từ đó, Kinh Kha phải rời bỏ quê hương đến Du Thứ, sau đến Hàm Đan. Tại đây Kinh Kha gặp các cao thủ về kích kiếm là Cái Nhiếp và Lỗ Câu Tiên, cùng với họ bàn bạc về phép thuật kích kiếm, nhưng Kinh Kha bị bọn họ khinh thường, do đó anh bỏ đi. Cuối cùng, Kinh Kha đến nước Yên, làm quen với Cao Tiệm Ly, một nhạc sĩ rất giỏi về môn sáo trúc; và là một tay đồ tể bán thịt chó. Cả bộ ba này thường gặp nhau nhậu nhẹt vui vẻ ở Kế thành. Mỗi khi cả ba người đã mặt đỏ gay vì hơi men, Cao Tiệm Ly bèn tấu nhạc rất hùng hồn, Kinh Kha cũng ngâm theo điệu nhạc kích động đó:

Tuổi trẻ ra đi, nước mất nhà tan

Tay cầm kích kiếm; nhưng chỉ làm càn

Cất cao tiếng hát, bạn mới làm quen

Hả hê thoải mái, bên chén rượu nồng

Thịt chó ngon lành thỏa lòng ước mong

Sáo trúc véo von, ngâm nga trầm bổng

Dốc bầu tâm sự, cởi mở tấm lòng

Nhớ nước thương nòi, quyết chí gắng công.

Ba người bạn tâm giao cứ thế, rượu vào lời ra, lấy lời ca tiếng sáo để quên nỗi buồn trong lòng; họ dốc hết bầu tâm sự với nhau, rất cởi mở, thân tình, hầu như không còn biết có ai ở xung quanh. Họ chơi với nhau, lúc thì cười rất hả hê thoải mái, lúc thì xúc động đến rơi nước mắt. Kinh Kha tuy nhập cuộc với các bạn rượu thịt giang hồ, nhưng bản chất của anh là con người thâm trầm chín chắn, lại hay đọc sách, từng đi chu du nhiều nước, quen biết nhiều nhân sĩ, trí thức sống rất hào hiệp nhân hậu. Sau khi đến nước Yên, Kinh Kha được gặp Điền Quang và được nhân vật đức cao vọng trọng tiếp đãi rất tốt, vì ông biết Kinh Kha không phải là hạng người tầm thường vô dụng. Vì vậy, khi thái tử Đan yêu cầu Điền Quang giúp vạch kế hoạch chống Tần cứu Yên, ông liền giới thiệu Kinh Kha cho thái tử; lại còn lấy cái chết bi tráng để khích lệ Kinh Kha đảm đương việc nghĩa trọng đại ấy, để cố giết cho được Tần Doanh Chính tàn ác bạo ngược, cứu thiên hạ khỏi nguy cơ diệt vong.

Khi thấy Kinh Kha nhận lời, thái tử Đan hết sức vui mừng, ngài liền sửa lại quần áo chỉnh tề và vái lạy cảm tạ; còn tôn vinh Kinh Kha làm quan thượng khanh, chàng cho ông cả một biệt thự rộng rãi. Hàng ngày, thái tử đến thăm Kinh Kha, sai người cung phụng rất đầy đủ về ăn uống, có cả xe cộ, mỹ nữ và các đồ chơi ưa thích, nhằm thỏa mãn cuộc sống tình cảm và tư tưởng của ông.

Sau một thời gian, Kinh Kha vẫn không có ý định ra đi, về công việc đã bàn định. Lúc ấy, đại tướng quân Vương Tiễn của Tần đã đánh chiếm được Hàm Đan, bắt sống vua Vương Thiên của Triệu; chiếm toàn bộ lãnh thổ nước Triệu, và đưa quân áp sát biên giới phía tây nam nước Yên, chỗ giáp giới giữa Nam Yên và Bắc Triệu. Thái tử Đan hết sức sốt ruột, buộc lòng phải nói với Kinh Kha:

– Quân Tần sắp vượt sông Dịch Thủy để vào nước Yên, ta vốn định vì chơi với ông ít ngày nữa, nhưng nay thì có lẽ không được rồi.

Lúc ấy Kinh Kha nói rằng cho dù thái tử không giục thì anh ta cũng muốn đi rồi. Nhưng nếu chưa có biện pháp gì để làm cho vua Tần tin, thì không thể đến gần ông ta. Thái tử hỏi rằng vậy thì làm thế nào để vua Tần tin. Kinh Kha nói:

– Vua Tần rất thèm khát thôn tính lãnh thổ nước khác, nếu chúng ta có thể hiến dâng cho ông ta một bức bản đồ khu vực Đốc Kháng, thì chắc chắn ông ta sẽ vui vẻ tiếp kiến tôi, bởi vì Đốc Kháng là vùng đất tươi tốt nhất của nước Yên. Lúc đó, tôi sẽ rat ay hạ thủ ông ta để trả nợ nước thù nhà.

Thái tử Đan nghe xong lập tức sai người vẽ một bức bản đồ mới về khu Đốc Kháng và đưa cho Kinh Kha. Kinh Kha mỉm cười, gật đầu nói:

– Tôi biết việc này chẳng khó gì!

Thái tử hỏi ngay:

– Ta là thái tử đương triều, có việc gì khó mà ta không làm được? Chỉ khi nước Yên ta còn thì mọi việc sẽ trở nên đơn giản thôi.

Kinh Kha tiếp lời:

– Cũng giống như một đồ vật vậy, không những nước Yên có, mà lại có ngay trong cung của thái tử, chỉ e ngài không nỗ lực mà thôi.

Thái tử Đan lập tức nói như đinh đóng cột:

– Nếu vật đó có ngay ở trong cung của ta, ta chẳng bao giờ tiếc cả!

Bấy giờ Kinh Kha mới nghiêm sắc mặt nói:

– Nếu tôi nói ra, chắc chắn ngài sẽ không chấp nhận đâu...

Thái tử ngắt lời:

– Thôi đừng quanh co nữa, nói thử xem vật đó là gì?

Kinh Kha vẫn từ tốn:

– Cái này quả thật là một báu vật, mà còn là một thứ báu vật sống.

Thái tử Đan hỏi lại ngay:

– Bảo bối sống đó là vật gì vậy?

Kinh Kha mặt nghiêm lại, giọng trầm xuống và buồn bã khẽ nói:

– Cái mà tôi cần, chính là cái đầu của Phàn Vu Kỳ, một viên tướng giỏi nhà Tần!...

Giọng nói như lạc đi, thái tử Đan xoa tay, lắp bắp:

– Không được, cái đó thì không được! Phàn là một viên tướng tài, vì mang tội với vua Tần nên mới phải chạy sang nương nhờ nước Yên ta đây. Ta không thể nhẫn tâm, chỉ vì để trả mối thù của riêng mình mà lại giết hại một con người trung trực đến thế! Kinh Kha, ông hãy nghĩ một phương kế khác đi!...

Kinh Kha chậm rãi nói từng tiếng một:

– Để giết được vua Tần, duy nhất chỉ có thể dùng cái đầu của Phàn Vu Kỳ mà thôi.

Còn nhớ, mười một năm trước đây, tức năm thứ tám Tả Vương Chính (239 trước Công nguyên), Phàn Vu Kỳ đã xúi giục Trường An Quân, em Doanh Chính, dấy binh nổi loạn, mưu đồ lật đổ Tần Vương Chính. Nhưng Thành Kiều Trường An Quân nhu nhược bất lực, mắc vào mưu kế phản gián của Dương Đoàn Hòa nên bị thua trận ở Đền Lưu, phải tự vẫn chết. Tần Vương Chính căm phẫn Phàn Vu Kỳ xúi giục gây sự; nhưng ngài phát điên phát khùng lên về bài xích của Phàn Vu Kỳ phơi bày chuyện Doanh Chính mang họ Doanh là giả, mà họ thật là Lã. Vì vậy, nên ngài giết sạch mười ba người, gồm cha mẹ vợ con của Phàn, và treo thưởng một nghìn dật vàng và ban tước “hầu” cho hưởng lộc một vạn hộ, cho ai lấy được đầu của Phàn. Lúc ấy Phàn trốn ở nước Triệu. Sau đó, thay họ đổi tên trốn sang nước Yên, nương nhờ thái tử Đan. Thái tử Đan không những thu nhập ông ta mà còn xây nhà cao cửa rộng cho ông ta, tiếp đãi ông ta rất tốt. Thái phó Cúc Vũ biết chuyện này, bèn nói với thái tử:

– Việc này, nhất quyết không được. Tần Vương Chính bạo ngược nhất định sẽ oán thù nước Yên, nếu ông ta biết Phàn ở đây, liệu ông ta có bỏ qua không? Việc làm này giống như đưa thịt vào miệng hổ, nhất định sẽ gây nên tai họa.

Thái tử Đan rất buồn, ngài nói:

– Tướng quân Phàn Vu Kỳ đắc tội với vua Tần, bị giết cả nhà, nên chạy sang nhờ ta, sao ta có thể từ chối. Nay nếu lại đưa ông ta đến chỗ chết, ta không nhẫn tâm như thế được.

– Thái tử có thể đưa gấp tướng Phàn vào lãnh thổ Hung Nô, từ đó thay họ đổi tên, như vậy, Tần sẽ không thể trách ta được – Cúc Vũ đề nghị thái tử Đan nên làm theo cách đó thì hơn.

– Nước Tần tàn bạo là kẻ thù của tướng Phàn, vừa là kẻ thù của nước Yên ta. Chúng nó sắp tấn công tiêu diệt nước Yên ta đến nơi rồi, làm sao ta có thể nhẫn tâm đưa ông ấy đi được, đó chẳng phải là làm trái với ý tưởng ban đầu của ta là cứu Yên diệt Tần đó sao? – Thái tử vẫn kiên quyết chống Tần.

Cúc Vũ nói rất thận trọng:

– Vậy thì có thể bắt tay với nước Tấn ở phía Tây, hợp lực với nước Tề và Sở ở phía Nam và Hung Nô ở phía Bắc để chống Tần, nhưng không thể nôn nóng ăn ngay!

Thái tử không tán thành. Ông nói:

– Nếu để lâu dài thì e rằng chưa kịp hợp tung với nhau, thì Tần đã vượt sông Dịch Thủy diệt nước Yên rồi. Cho nên, ta nhất quyết không đưa tướng Phàn đến đất Hung Nô; và bắt tay vào chống Tần ngay, càng nhanh càng tốt.

Cúc Vũ thấy không thể khuyên được học trò của mình, bất giác than rằng:

– Coi thường nguy cơ, và cứ tưởng rằng bình yên; tự gây nên họa, lại cứ tưởng là phúc; tầm mắt nông cạn lại tưởng biết nhìn sâu xa. Chỉ thấy tình nghĩa cá nhân, không thấy nguy cơ của đất nước. Đó khác nào như đặt chiếc lông gà trên bếp than hồng, vèo một cái là thành than! Buồn lắm thay!

Thái tử Đan quá nặng về tình cảm nên không muốn đưa tướng Phàn đi nơi khác, mà vẫn đang hoang để ông ta ở lại và tiếp tục hậu đãi. Nay Kinh Kha đòi lấy đầu ông ta để đánh lừa vua Tần, đương nhiên là thái tử không chịu. Kinh Kha thấy không thể thuyết phục được thái tử, bèn lén đi gặp Phàn Vu Kỳ, nói nhỏ với ông ta như sau:

– Vua Tần đối xử với tướng quân quá tàn bạo, giết hết cha mẹ vợ con của ông, lại còn treo thưởng một ngàn dật vàng và vạn hộ hầu để mua thủ cấp của ông. Ông nghĩ như thế nào về điều này?

Phàn Vu Kỳ gạt nước mắt than rằng:

– Ta với Doanh Chính là không đội trời chung, ta luôn luôn mong muốn trả món nợ máu này, nhưng vô kế khả thi, chẳng biết làm như thế nào?

– Nay có một mưu kế, có thể giải thoát được nguy cơ cho nước Yên, báo được thù cho tướng quân, không biết tướng quân có muốn nghe hay không? – Kinh Kha hạ thấp giọng, hỏi Phàn Vu Kỳ.

– Chẳng hay mưu kế đó như thế nào? – Phàn Vu Kỳ hỏi gấp.

Kinh Kha đến gần hơn, mắt nhìn vào Phàn Vu Kỳ, thái độ rất đau buồn nhưng rất hy vọng. Ông nói:

– Muốn mượn thủ cấp của tướng quân để dâng cho vua Tần, khi hắn tập trung vào nhìn thì hạ thân sẽ đưa tay trái nắm lấy tay áo của hắn, tay phải đâm vào ngực hắn. Như vậy trả được mối thù của tướng quân, trừ được tai họa cho nước Yên! Chẳng hay tướng quân có bằng lòng hay không?

Phàn Vu Kỳ phanh ngực, nắm chặt cổ tay, rất kích động. Ông nói với Kinh Kha:

– Thế mà ta ngày đêm suy nghĩ vẫn không nghĩ ra. Nay thì ông hãy mang cái đầu của tôi và đâm chết tên vua Tần tàn bạo kia, như vậy vừa báo được thù nhà vừa đem lại bình yên cho thiên hạ. Vong linh của tôi ở nơi cửu tuyền cũng phải cảm ơn đại ân đại đức của

ông. – Nói xong liền rút kiếm ra, trước khi tự刎 vào cổ còn nói tiếp – Xin nói hộ tôi với thái tử Đan rằng tôi cảm tạ cái ơn tri ngộ của thái tử.

Tiếp đó đầu rơi xuống, cổ máu vọt cao lên mấy thước, tấm thân bảy thước ngã vật ra phía sau. Thật là coi cái chết nhẹ như lông hồng!

Kinh Kha nói cho thái tử Đan biết việc Phàn Vu Kỳ tự刎 đầu. Thái tử vội đến nhà Phàn, quỳ bên thi thể đang nằm trong vũng máu, khóc thảm thương. Nhưng sự việc đã đến thế, chỉ còn cách là đặt đầu Phàn vào hộp và bịt kín lại. Tiếp đó, thái tử mua một con dao găm rất sắc, giá một trăm lạng vàng. Người bán dao có tên gọi là Từ phu nhân, người nước Triệu. Dao được tẩm bằng nước thuốc, nên rất bén; xong đem tặng Kinh Kha. Thái tử tìm trong đám môn khách của mình, chọn được một người tên là Tần Vũ Dương, làm trợ thủ cho Kinh Kha.

Lúc Tần Vũ Dương mới mười ba tuổi, đã đâm chết kẻ thù giết cha mình ngay trước mặt rất đông người, tỏ rõ khí phách kiên cường, được mọi người kính phục. Sau đó, Tần Vũ Dương tự刎 nên được tha tội chết, chỉ bị giam. Sau khi hết hạn bị giam, thái tử Đan nhận làm môn khách.

Như vậy, mọi việc chuẩn bị cho Kinh Kha đã xong xuôi, chỉ chờ ngày xuất phát. Nhưng còn có một người lại chưa đến. Kinh Kha lại phải chờ. Thái tử Đan thấy mất quá nhiều thời gian chờ đợi, tưởng rằng Kinh Kha hối hận và không dám đi nữa, bèn nói:

– Mặt trời sắp lặn rồi, ngài còn muốn đi nữa hay không? Nếu không, tôi sẽ cho Tần Vũ Dương đi trước.

Kinh Kha tức giận đến nỗi phải lên tiếng trách thái tử:

– Sao thái tử ép quá đáng vậy? Kinh Kha này ra đi chẳng bao giờ trở lại nữa! Huống chi lần này hạ thân phải cầm dao găm đến nơi hang hùm miệng cọp, vào tận trong hang ổ của nhà Tần, cho nên muốn nấn ná một lúc để chờ bạn ta cùng đi. Nay thái tử trách ta làm mất thời gian, vậy thì xin cáo biệt!

Nói xong quay gót ra đi.

Thái tử Đan và tất cả môn khách đều mặc áo tang ra cổng tiễn đưa Kinh Kha và Tần Vũ Dương. ánh chiều tà soi bóng nhợt nhạt trên dòng sông Dịch Thủy đang lơ lờ trôi, gió thu hiu hắt ớn lạnh đất trời. Hai bóng người mặc đồ trắng đang đứng bên bờ sông, đàn nhạn bay qua kêu lên oang oác từng hồi, làm cho bầu không khí tiễn đưa thêm buồn thảm, thê lương. Sau khi cử hành xong lễ cầu trời khẩn đất long trọng và trang nghiêm, Cao Tiệm Ly cầm lấy cây sáo và thổi nhạc réo rắt, Kinh Kha thì ca lên khảng khái theo điệp khúc của nhạc tấu. Chàng hát theo giọng Trưng, bi ai sâu thẳm, mọi người xúc động rơi nước mắt! Lời ca như sau:

Gió thổi hiu hiu, đưa hơi lạnh về,

Tráng sĩ ra đi, không hề trở lại.

Tiếp theo lại chuyển sang giọng Vũ, khảng khái trầm hùng, thúc tỉnh lòng người. Tất cả những ai có mặt tiễn đưa hôm ấy đều rất kích động, người nào cũng mở lớn mắt, lòng sôi sục ngọn lửa căm hờn đối với Tần Vương Chính. Trong không khí lửa giận hùng hực đó, Kinh Kha và Tần Vũ Dương lên xe ngựa ra đi, không hề ngoái cổ nhìn lại.

Sau khi đến kinh đô Hàm Dương nước Tần, Kinh Kha dựa theo sự sắp xếp của thái tử Đan, trước hết đến thăm cận thần của Doanh Chính là “Trung thú tử” Mông Gia, chuyển lời của thái tử cảm tạ sâu sắc Mông Gia trước đây đã giúp thái tử trốn thoát về nước Yên, và biểu Mông Gia hai trăm dật vàng. Lúc đầu Mông Gia cố ý không nhận, nói rằng:

– Ta có công lao gì đâu mà nhận lễ lộc thế này.

Kinh Kha nói :

– Dâng lễ là muốn nhờ vả, rất mong đại nhân đừng chối từ!

Mông Gia bèn nhận lễ vật và hỏi cần giúp việc gì. Kinh Kha bèn nói:

– Nước Yên khiếp sợ uy danh của nước đại Tần, nên cúi xin nhận làm phiên thuộc chư hầu, nay đến dâng thủ cấp của Phàn Vu Kỳ và bản đồ khu vực Đốc Kháng; xin đại nhân

chuyển tầu đến Tần Vương Chính cho được gặp.

Mông Gia đồng ý chuyển tầu ngay, còn nói khách khí rằng:

– Bệ hạ thường coi trọng tân khách, ta thường hầu cận bên cạnh, để lúc nào thuận tiện sẽ tầu trình là được thôi!

Sau đó thu xếp cho hai người ăn ở tại công quán, chờ nhà vua tiếp kiến.

Hôm sau, Mông Gia tâu với nhà vua rằng vua Yên đã rất khiếp sợ uy danh của nhà vua, không dám chống lại và trái lời nhà vua, càng không thể chống cự cuộc tấn công của quân Tần, cho nên đã cúi đầu xưng thần, xin hàng phục làm chư hầu nước đại Tần, coi mình như quận huyện của Tần, chỉ mong giữ lại tôn miếu của nước Yên là được. Vua Tần thấy sự việc quá đột ngột, không tin ngay. Mông Gia vội nói, nước Yên muốn chứng tỏ sự thành thật của mình, nên đã đưa thủ cấp của Phàn Vu Kỳ và bản đồ của vùng Đốc Kháng và cử phái viên đặc biệt mang những thứ đó đến Hàm Dương, hiện đang ở công quán để chờ được tiếp kiến. Nhà vua đồng ý tiếp khách đặc biệt ấy vào buổi thiết triều sáng ngày thứ ba (tức ba ngày nữa). Mông Gia vội thông báo cho Kinh Kha và Tần Vũ Dương chuẩn bị sẵn sàng.

Hôm tiếp kiến, cung Hàm Dương được trang hoàng rực rỡ, ngoài các đại thần văn võ trong triều, còn mời cả sứ thần các nước chư hầu đến dự. Tần Vương Chính mặc áo long bào, đầu đội mũ miện dát ngọc, di hài cao cổ; lưng đeo bảo kiếm, ngồi ngay ngắn chính giữa chiếc long ky để tiếp kiến sứ thần nước Yên.

Kinh Kha mang chiếc hộp kín đựng thủ cấp Phàn Vu Kỳ, Tần Vũ Dương mang cuộn bọc bản đồ Đốc Kháng của nước Yên đi đến bậc tam cấp, quỳ xuống, mặt hướng về phía vua Tần. Cả hai người đều đưa hai tay giơ cao hiện vật mà họ đang cầm.

Nhà vua đưa mắt nhìn qua hai người rồi hỏi:

– Hai người phụng mệnh của ai đến dâng đầu và dâng bản đồ?

Kinh Kha bình tĩnh trả lời:

– Hạ thần phụng mệnh vua Vương Hỷ nước Yên, mang thủ cấp của Phàn Vu Kỳ, tướng phản bội nước Tấn và bản đồ vùng Đốc Kháng của nước Yên đến kính dâng đại vương bệ hạ, để tỏ lòng th phục, cúi xin đại vương kiểm nhận.

– Phàn Vu Kỳ là viên tướng phản lại triều đình ta, trẫm đã nói mua cái đầu của y bằng nghìn vàng và tước “hầu” hưởng lộc vạn hộ. Nhưng chủ nhân các người là thái tử Đan lại dám nuôi Phàn và hậu đãi y, rõ ràng là muốn chống lại Tần. Nay bỗng đưa thủ cấp của Phàn đến dâng, trẫm lấy gì làm tin đây?

– Thái tử Đan là con của vua Vương Hỷ, hành vi của thái tử vừa qua rất nông cạn thất lễ, chẳng biết lợi hại, bênh che và giao du với Phàn, thật có tội với đại vương. Vua tôi nước Yên đều cho rằng đó là sai lầm to lớn, nên đã truất quyền của thái tử và giết Phàn, mang thủ cấp đến tạ tội đại vương bệ hạ. Nếu thánh thượng không tin xin mở hộp để xem. Hạ thần xin quỳ trước mặt bệ hạ, chờ bệ hạ xem xong sẽ xử lý. – Kinh Kha bình tĩnh bẩm báo, và lại giơ cao chiếc hộp để xin được kiểm tra tại chỗ.

Nhà vua nghe Kinh Kha nói rất chắc chắn, bèn yên tâm hơn. Ngài sai Triệu Cao cầm chiếc hộp từ tay Kinh Kha đến đặt trên bàn trước mặt ngài. Ngài đứng dậy, hai tay vịn vào thành ghế, nín thở theo dõi Triệu Cao mở nắp hộp, thấy trong đó không có gì khác thường, mới từ từ cúi đầu xem cho rõ. Đầu Phàn Vu Kỳ đặt nằm giữa trong hộp, nhờ đã qua xử lý bằng thuốc nên biến thành màu vàng nhạt đúng là màu của xác chết; đặc biệt là đôi mắt không nhắm, vẫn tròn trừng, trông rất dữ tợn, sát khí đằng đằng. Tần Vương Chính giật mình kinh sợ, vội kêu lên một tiếng “úi dà” rồi ngồi phịch xuống ghế và vội đưa tay bảo Triệu Cao đập nắp lại. Ông ta nghĩ rằng ta đường hoàng là vua đại Tần, sao lại khiếp sợ cái đầu của một kẻ đã chết? Để che giấu biểu hiện thất thố vừa rồi, ngài bèn dùng uy phong để răn đe sứ thần, và cũng để răn đe triều thần và các sứ giả khác có mặt. Nghĩ vậy, ngài bèn đứng dậy lần nữa, nói rất nghiêm trang: “Đưa bản đồ lên đây để trẫm xem!”

Phó sứ Tần Vũ Dương hai tay cầm cuộn bọc bản đồ bước lên tam cấp. Anh ta còn trai trẻ, khôi ngô tuấn tú, dũng khí can trường, phong thái đàng hoàng, khiến mọi người kính nể.

Anh ta bước lên các bậc tam cấp rất tự tin, tiến dần đến nhà vua. Khi anh ta sắp mở bản đồ cho nhà vua cúi xuống xem thì có một tiếng thét lớn như tiếng gầm của hổ beo:

– Hãy đứng lại cho ta !

Đó là tiếng thét của Tần Vương Chính. Ngài ra lệnh:

– Nhà ngươi là sứ giả của nước Yên bé xiu, mà dám đi một mình trước triều đường của đại Tần ta, ta phải xem thử nhà ngươi to gan đến đâu!

– Tiểu dân chỉ là một gã vũ phu, không hiểu lễ nghi của đại triều. Nhưng ở đây là triều đường nho nhã lịch sự như thế này, làm sao có thể xem được tiểu dân to gan như thế nào?

– Tần Vũ Dương không hiểu nhà vua đại Tần này muốn xem anh ta to gan bằng cách nào!

– Người đời nói rằng trống đánh ba hồi là uy, người hô ba lượt là dũng. Nay trẫm lại kêu lên ba tiếng, nếu nhà ngươi hô đáp lại khớp với ba tiếng đó, thì chúng tao có cái gan đi theo bên cạnh nhà vua. Nếu không, thì chẳng qua chỉ là cái vỏ bề ngoài, sao có thể đến triều đường đại Tần ta để làm sứ giả được? – Tần Vương Chính nêu lên biện pháp.

Tần Vũ Dương nghĩ trong bụng: Lúc mình mới mười ba tuổi đã dám giết kẻ thù trước mặt đông người, giữa thanh thiên bạch nhật, nay làm sao lại phải sợ đáp lại ba tiếng thét của ông vua này được cơ chứ? Nghĩ vậy, bèn đồng ý. Nhà vua bèn vẫy tay gọi anh ta đến gần, khi chỉ cách vài ba gang, hai mắt nhà vua đang nhắm tít bỗng mở to ra nhìn thẳng vào Tần Vũ Dương và thét rất to như sét đánh ngang tai: “A ha”. Tiếng thét vang lên, hình như làm rung chuyển cả triều đường, khiến Tần Vũ Dương lúc đầu còn tỏ ra rất can đảm đường hoàng, cũng phát run lên, nhưng rồi anh ta cũng bình tĩnh lại, cùng thét lên hai tiếng “A ha” nhưng yếu hơn, giọng còn run run, rồi lùi lại phía sau một bước. Nhà vua thấy vậy, rất đắc chí cười lăn, nhưng lại bảo anh ta đứng cho vững. Tần Vũ Dương miễn cưỡng bước lên một bước, nhìn nhà vua bằng con mắt sợ sệt, nhà vua lại trừng đôi mắt chim ưng của mình, lại thét lên hai tiếng “A ha” với giọng to hơn, góm ghiếc hơn! Đến nỗi, Tần Vũ Dương cũng phát khiếp, không hô đáp lại được nữa, cả người run lên cầm cập. Nhà vua thấy vậy lại hô tiếp, hô dài to hơn: “Kha kha! Ha! Ha! Ha!...” và không để cho Tần Vũ Dương kịp chống cự, ngài đưa tay nắm lấy ngực Tần Vũ Dương, Tần Vũ Dương vội ôm chặt lấy cuộn bản đồ và cố giãy giụa để thoát khỏi bàn tay của nhà vua, nhưng nhà vua đã kịp đá cho anh ta ngã xuống đất và lăn lông lốc xuống bậc tam cấp:

“Ha! Ha! Ha!...” Nhà vua cười lớn, đắc thắng. Mọi người có mặt đều giật mình kinh hãi. Kinh Kha thì giả bộ tươi cười, chê trách Tần Vũ Dương quá vô dụng và tạ tội Tần Doanh Chính:

– Tần Vũ Dương là tiểu dân ở nơi dân tộc man di miền Bắc, chưa bao giờ nhìn thấy thiên tử, cho nên rất sợ hãi nhà vua, xin đại vương tha thứ, và để cho hạ thần được làm tròn sứ mạng đó.

Nhà vua cũng đồng ý làm lại việc dâng bản đồ. Kinh Kha bèn cầm lấy cuộn bản đồ từ trong tay Tần Vũ Dương và bước từng bước lên bậc tam cấp. Tần Vương Chính lại nhân đà đắc thắng vừa qua, tiếp tục hét rất to theo chiến thuật ngày càng áp sát đối phương, mắt trừng trừng trợn trợn, lần sau hét to hơn, khùng khiếp hơn lần trước, rồi giấp lá cà để hét lần cuối. Nhưng Kinh Kha vẫn ngẩng cao đầu, mắt nhìn thẳng, ánh mắt như tia chớp, tiếng thét đáp lại vang lên như tiếng sấm! Hình ảnh uy vũ kiên cường đầy khí phách của Kinh Kha làm cho Tần Doanh Chính, một con người hiếu chiến chuộng võ, bỗng cảm thấy ưa thích, ngài cho rằng như thế mới là một sứ giả. Sau khi hét ba lần xong, ngài bèn nhận cuộn bản đồ. Cầm một đầu và mở ra xem, thì bỗng một con dao găm lẩn ra. Nhanh như cắt, Kinh Kha đưa tay trái cầm lấy ống tay Tần Vương Chính, tay phải cướp con dao đâm mạnh vào người Doanh Chính, nhưng vì quá vội nên không đâm trúng. Doanh Chính giật mình nhảy chồm dậy, kéo tay áo ra khỏi tay Kinh Kha và rút thanh kiếm bên hông. Nhưng kiếm quá dài, không rút ra được. Kinh Kha cầm dao găm đuổi theo Doanh Chính đang chạy vòng quanh cột nhà.

Các đại thần và sứ giả có mặt đều bạt vía kinh hồn, họ đứng ngậy người ra, lúng ta lúng túng rất khó xử, chẳng biết làm gì. Đó là vì, theo luật pháp nhà Tần, các quan lên thiết triều không được mang theo khí giới. Những “lang trung” có binh khí, chỉ đứng ở bên ngoài cung điện, không có lệnh không được vào điện. Nhà vua thì đang phải vật lộn trong

nguy cấp, không kịp hô hoán các võ sĩ đến cứu. Vì vậy Kinh Kha có thể thừa cơ cầm dao găm đuổi theo vua Tần, còn vua Tần thì chỉ có thể chống đỡ bằng tay không. Trong lúc nghìn cân treo sợi tóc đó, thì ngự y Hạ Vô Thả đang đưa thuốc đến cho nhà vua, vội đập mạnh bàn thuốc vào Kinh Kha. Kinh Kha tránh ngay sang một bên và do đó không bị đánh trúng, nhưng bị cách xa vua Tần, không thể đâm dao được nữa. Lúc ấy, Doanh Chính rất hoang mang, vừa chạy vừa vớ tay cầm đốc kiếm. Nhưng kiếm quá dài, vẫn không rút ra được. Trong khi đó, Kinh Kha lại đuổi kịp rồi. May lúc ấy có một ca kỹ đã dùng cây đàn của mình, vừa đàn vừa hát như thôi thúc:

Đừng để vướng vào quần đang mặc,
Đi nhanh, vượt qua ba thước bình phong,
Đốc kiếm trời ra, đưa nhanh tay cầm.

Doanh Chính nghe tiếng hát như đang mách bảo cho mình, liền nhảy lên mấy bước, vượt quá tám thước bình phong, rồi cúi người xuống, bồng thanh kiếm chống xuống đất và đốc kiếm trời lên cao, ngài vội cầm lấy đốc kiếm và xoay người lại phía sau nhằm thẳng vào Kinh Kha đang đuổi theo sát phía sau, đâm mạnh mũi kiếm vào Kinh Kha. Kinh Kha bị bất ngờ, không kịp đề phòng, không kịp tránh, nên mũi kiếm đã chém đứt đuôi trái của ông. Kinh Kha hết sức đau đớn, không thể đứng vững được nữa và sắp ngã gục xuống, nhưng vẫn đem hết sức tàn ném mạnh con dao găm vào Doanh Chính. Lúc này, Doanh Chính đã trấn tĩnh, ngài kịp tránh sang một bên, mũi dao bay cắm phập vào cột bọc đồng ở bên cạnh, làm tung tóe những tia kim loại sáng rực. Doanh Chính thấy Kinh Kha đã bị thương nặng, bèn đến tận nơi đâm thêm mấy nhát nữa. Kinh Kha bị đâm trọng thương tám chỗ, máu chảy lênh láng. Ông biết việc đã không thành bèn phẫn nộ cười lớn và nói:

– Ta tưởng bắt sống nhà ngươi, tên bạo chúa nước Tần để về báo công với thái tử Đan, nào ngờ... – Mắt Kinh Kha trừng trừng nhìn Doanh Chính rồi từ từ ngã nhào xuống, hắt hơi thổ cuối cùng.

Kế hoạch chu đáo của thái tử Đan, Điền Quang tự vẫn để thanh minh lòng trung thực, Phàn Vu Kỳ tự chém đầu... tưởng rằng mũi dao găm sẽ làm nên công trạng phi thường trong phút chốc. Nhưng Kinh Kha đã không làm được điều đó, thất bại hoàn toàn, lại còn hy sinh cả tính mạng. Một cái giá quá lớn! Một bi kịch đáng ca ngợi biết bao! Nay ôn lại giai đoạn lịch sử đó mọi người vẫn cảm thấy hết sức đau thương và xúc động.

HỘI THỨ HAI MƯỜI

YÊN ĐẠN BỊ GIẾT, NƯỚC YÊN VẪN CÒN ĐẠI LƯƠNG NGẬP LŨ, NƯỚC NGỤY TIÊU VONG

Trong con mắt của Tần Vương Chính, nước Yên chẳng qua chỉ là một đồ chơi, muốn đánh diệt lúc nào cũng được. Nhưng nước này ở xa tận phía Bắc, lại là nước nhỏ yếu, chẳng đe dọa gì nước Tần. Điều mà Doanh Chính phải lo nghĩ là cái tính hay thay lòng đổi dạ của vua Yên Vương Hỷ. Ông này, lúc thì tham gia đội quân “hợp tung” do nước Sở đứng đầu để đánh Tần. Lúc thì bắt tay với nước Triệu, ủng hộ Triệu chống Tần. Vai trò của Yên Vương y như một cục thịt thừa. Vì vậy, Doanh Chính áp dụng chính sách “viễn giao cận công” của Phạm Thư, cử Thái Trạch sang nước Yên ba năm, hòa hiếu với Yên, đánh lừa thái tử Đan của Yên sang Hàm Dương làm con tin. Thực chất, đó là ngăn chặn Yên không được phản Tần. Mặc dù bốn năm trước, thái tử Đan đã trốn về nước; sau đó lại còn nuôi và hậu đãi Phàn Vu Kỳ làm cho Doanh Chính tức giận vô cùng. Nhưng lúc ấy Hàn, Triệu đã bị Tần tiêu diệt. Mũi nhọn tiếp theo của Tần là Sở ở phía Nam và Ngụy ở phía Đông. Còn Yên chỉ là một cọng cỏ rác, chỉ cần bóp nhẹ một cái là chết tươi. Cho nên, Doanh Chính không đưa Yên vào danh sách tấn công ngắn hạn.

Nhưng nay tình hình đã khác trước. Thái tử Đan đã cả gan lấy đầu Phàn Vu Kỳ làm mồi và sai thích khách sang Hàm Dương suýt nữa thì giết được Doanh Chính. Vì vậy, Doanh Chính nổi giận đùng đùng, bèn tạm gác kế hoạch tấn công Sở, Ngụy, để chuyển sang tấn công ngay nước Yên. Ngài sai tướng Vương Tiễn, phó tướng Tần Thắng, đô úy Lý Tín dẫn hai mươi vạn đại quân, đi qua nước Triệu, áp sát biên giới nước Yên, đóng quân ở bờ Tây sông Dịch Thủy.

Vua Yên Vương Hỷ vội họp các đại thần để bàn đối sách. Các hoàng thân quốc thích và quan lại trong triều hầu hết là tham sống sợ chết, muốn hưởng lạc cầu an, không ai dám đứng lên chống Tần. Họ khiển trách thái tử Đan sai Kinh Kha âm mưu giết chết vua Tần, nên mới gây ra tai họa này. Vương Hỷ cũng phụ họa theo luận điệu đó, ông ta trách mắng thái tử Đan:

– Nước Yên nhỏ yếu, giữ cho được sống yên ổn trong cuộc đấu đá lẫn nhau giữa các chư hầu đã là chuyện khó. Nay nhà ngươi dám sai sát thủ định ám sát vua Tần, khác nào đốt lửa tự thiêu, đưa cạp vào nhà? Nay cường địch đã ập đến, ta làm sao để sống bây giờ?

– Nước Yên ở tận nơi xa xôi ở miền Bắc này, rất xa mũi gươm lưỡi giáo của quân Tần, đây thật là nơi “địa lợi” rất tốt. Phụ vương không lo chuyện tự lập tự cường, lại nghe lời huyễn hoặc của Thái Trạch, đưa con sang làm con tin ở nước Tần lang sói, làm cho đất nước mất đi lực lượng trung kiên trai tráng, chỉ còn lại toàn là già cả ươn hèn. Vả lại, mưu đồ thôn tính thiên hạ của Tần đã có từ lâu, giết vua Tần là cốt để bảo vệ nước Yên. Việc này tuy không thành, nhưng việc Tần đánh Yên là tất yếu, trước sau thế nào cũng xảy ra, chẳng qua là nay chúng đến sớm, và thế lực rất mạnh. Con xin xung phong dẫn đầu binh sĩ ra nghênh chiến chống Tần, để cho chúng thấy nước Yên tuy nhỏ yếu nhưng nhất quyết không thể bị ức hiếp! – Thái tử Đan nói năng đàng hoàng khảng khái, vạch rõ kẻ làm hại đất nước chính là Vương Hỷ và những người theo đuôi ông ta.

Vương Hỷ và những kẻ nhát gan khác phải cứng họng trước những lời phê phán của thái tử Đan, không dám ngăn cản thái tử đưa quân ra chống Tần nữa; nhưng vẫn yêu cầu tìm cách bảo vệ an toàn cho họ.

Để có thể nắm được quân đội sớm nhất và không bỏ lỡ thời cơ, thái tử Đan đồng ý chỉ sử dụng một nửa binh lực, còn một nửa để lại bảo vệ kinh đô của Yên là Kế Thành (nay là khu vực phía Tây Nam Bắc Kinh). Điều này nếu với tư tưởng bảo thủ của đại tướng quân Kịch Hoàn. Vì mười ba năm trước, người cha của Kịch Hoàn là Kịch Tân (đại tướng quân) đã tử nạn vì tấn công nước Triệu. Lúc ấy, Kịch Hoàn nhìn vào số phận da ngựa bọc thây của cha mình, hiểu rõ rằng đánh thẳng kẻ địch mạnh hơn là chuyện rất khó; đánh Triệu đã khó, huống chi đánh Tần! Cho nên, nay Kịch Hoàn chủ trương cố thủ:

– Phàm thực lực hai bên tham chiến quá chênh lệch nhau, thì bên yếu bao giờ cũng nên cố thủ là hơn, chờ khi có thời cơ sẽ tấn công địch. Liêm Pha, Bàng Noãn, Lý Mục đều là

những mẫu mực về mặt này. Mạt tướng xin đưa quân cố thủ Kế Thành, cố gắng bảo vệ đại vương và tôn miếu khỏi bị thiệt hại. Chờ cho đến khi quân Tần đã mệt mỏi và sa sút tinh thần, sẽ đưa quân ra ngoài thành đánh một trận là diệt sạch chúng.

Vương Hỷ rất tán thành chủ trương của Kịch Hoàn. Để tỏ ra mình là người có quyền quyết định tối cao, coi thái tử Đan và Kịch Hoàn ngang nhau, Vương Hỷ giao cho mỗi người mười vạn quân, người ra trận, người giữ thành. Thái tử Đan lập tức đưa mười vạn quân đến bố trí trận địa ở bên bờ sông Dịch Thủy, đối diện với trận địa quân Tần của Vương Tiễn ở bờ Tây.

Tướng Vương Tiễn, phó tướng Tân Thắng và đô úy Lý Tín của Tần đã từng thấy thái tử Đan của Yên tại Hàm Dương. Họ đều biết đây là một nhân vật không tầm thường, có đôi mắt sáng quắc, có phong thái kiên định, chắc chắn là một tướng tài, kiên trung yêu nước và có hoài bão lớn. Nhất là sau khi Kinh Kha ám sát hụt vua Tần, họ rất kinh ngạc về mưu lược cũng như về tinh thần căm thù Tần của thái tử. Vì vậy, lần này thái tử đưa quân chống Tần, chắc chắn sẽ liều chết đến cùng. Trước một đội quân sẵn sàng xả thân như thế, tướng Vương Tiễn cũng không dám khinh địch khiêu chiến. Họ bèn nghĩ ra một mưu kế. lung lạc quân bảo vệ Kế Thành do Kịch Hoàn chỉ huy, đó là khâu yếu kém của Yên, có thể tấn công Kế Thành trước. Vương Tiễn bèn sai một võ sĩ có võ nghệ cao cường, đang đêm đi thẳng đến Kế Thành, dùng móc câu vượt tường thành nhảy vào bên trong thành, tìm gặp đại tướng quân Kịch Hoàn, đưa cho ông ta một bức thư viết tay. Kịch Hoàn mở thư ra xem:

Kính gửi đại tướng quân Kịch Hoàn,

Nay Vương Tiễn tôi đưa quân Bắc tiến, nhằm mục đích tiêu diệt Yên và lấy thủ cấp thái tử Đan, để trả thù việc Kinh Kha âm mưu hành thích vua Tần. Vì vậy, chúng tôi đã chẳng quản thời gian, tiền bạc, binh mã, nhất quyết làm cho kỳ được. Nay ngẫm thấy tướng quân là một viên hàng tướng, phải phụng sự nước Yên, nhưng nếu Kế Thành bị đánh bại, tướng quân sẽ bị bắt hoặc bị chết, thân bại danh liệt, tướng quân không nên để cho sự việc diễn ra như thế. Nếu tướng quân có thể làm nội ứng cho quân Tần của ta, phản lại nước Yên, bắt sống vua Yên, giúp ta thành công, nhất định sẽ được vua Tần quý trọng, sẽ được phong tướng và ban tước hầu, phú quý vinh hoa. Nay mạo muội phát biểu như trên, cốt làm rõ lợi hại. Xin mau chóng quyết đoán.

Vương Tiễn cúi đầu kính chào.

Thật là “cha nào con nấy”, cha của Kịch Hoàn là Kịch Tân, Kịch Tân vốn là tướng nước Triệu, sau phản Triệu hàng Yên, nay Kịch Hoàn phản Yên hàng Tần, âu là tính di truyền của tính cách, tư tưởng và khí tiết mà thôi. Kịch Hoàn đọc xong thư trên, chỉ suy nghĩ giây lát rồi đồng ý hàng Tần và viết thư trả lời Vương Tiễn; lại còn cấp cho viên mật thám của Tiễn một giấy thông hành ra vào Kế Thành. Viên mật thám này qua lại Kế Thành nhiều lần nữa để truyền đạt mật kế của Vương Tiễn cho Kịch Hoàn. Kịch Hoàn theo đó tìm những tướng sĩ bạc nhược trong quân Yên, đưa họ chốt giữ những vị trí cần thiết trong các binh chủng và các ngành quan trọng, để đến khi có lệnh là cùng nổi dậy làm phản, tấn công cung đình, bắt sống Vương Hỷ, diệt Yên hàng Tần.

Lúc ấy trong triều đình Yên có công tử Dân, em cùng cha khác mẹ của thái tử Đan. Công tử Dân còn trẻ khỏe, tuấn tú khôi ngô, ý hợp tâm đầu với thái tử Đan, luôn luôn ủng hộ anh mình chống Tần bảo vệ đất nước. Bây giờ thái tử Đan đưa quân ra biên giới chống Tần, công tử Dân lúc đầu đã yêu cầu anh cho đi theo để giúp làm trợ thủ cho anh, quyết tử chiến với quân Tần, tỏ lòng trung thành yêu nước thương nòi. Nhưng thái tử Đan thấy Vương Hỷ ương hèn bất lực, nếu bị ai đó xúi giục, rất có thể phản quốc đầu hàng, như vậy thì máu đào của mười vạn tướng sĩ yêu nước do ông chỉ huy sẽ thành vô ích. Vì vậy, ông hết sức khuyên công tử Dân ở lại kinh đô, phụ trách việc bảo vệ Kế Thành, và luôn luôn thăm hỏi và động viên nhà vua Vương Hỷ, giúp nhà vua khắc phục tính nhu nhược, sợ hãi, tăng cường lòng tự tin, kiên định chống Tần. Nhờ vậy, Kế Thành đã được giữ vững một thời gian.

Đến khi, liên quân Ngụy, Sở, Tề cùng phối hợp đánh Tần, quân của Vương Tiễn cũng không dám đơn độc tấn công nước Yên nữa, vì phải rút về chống lại cái mũi tấn công nhiều bên của liên quân ba nước. Do vậy, nước Yên được thoát chết.

Công tử Dãn nhận trọng trách ở lại Kế Thành do thái tử Đan giao cho, ngoài việc bảo vệ cung đình và ổn định tinh thần cho nhà vua Vương Hỷ, ông còn thường xuyên lui tới các điểm đóng quân, doanh trại và trạm gác của quân Yên để thăm hỏi động viên tướng sĩ, khuyến khích họ kiên định chống Tần, giữ nghiêm kỷ luật, tăng cường canh gác, làm trọn chức trách bảo vệ kinh đô được vẹn toàn. Trong thời gian đầu, quân Yên giữ thành tỏ ra có tinh thần rất cao. Điều này làm cho công tử Dãn cảm thấy yên tâm, và thông báo tình hình này cho nhà vua Vương Hỷ biết, nhằm tăng thêm lòng tin của ngài. Nhưng công tử Dãn dần dần phát hiện những hiện tượng tiêu cực trong nội bộ của mình. Một số tướng sĩ không còn nhiệt tình hăng hái như lúc đầu nữa, kỷ luật cũng lơ lửng; thậm chí có người tỏ ra rất buồn chán... Tinh thần quân sĩ sa sút, đó là dấu hiệu của sự thất bại. Công tử Dãn lập tức cảm thấy hoài nghi, muốn gặp một vài tướng sĩ để dò hỏi cho ra ngọn nguồn. Nhưng ông lại không có chức vụ quân đội, nếu nhảy vào cuộc, sợ sẽ gây ra hiểu lầm, nhất là rất sợ tướng Kịch Hoàn hiểu sai và đổ ky, sẽ ảnh hưởng đến đoàn kết và hợp tác. Vì vậy, công tử Dãn không dám làm gì cả, nhưng rất sốt ruột.

Mấy hôm sau, công tử Dãn nghĩ ra một mưu kế, cải trang thành người ăn xin, đầu bù tóc rối, bôi mặt lọ lem, áo quần rách rưới, tay cầm bát sứ đi ăn xin trong các doanh trại và trạm gác của quân Yên, nhằm nghe ngóng tình hình. Tại đó, công tử Dãn đã nghe được một cuộc nói chuyện của binh lính. Một người nói:

- Vương Hỷ là một ông vua u mê bất lực, sắp mất nước đến nơi rồi. Vậy mà sai con ra ngoài biên cương chống địch, còn bản thân mình thì chỉ say đắm trong nhục dục và tiền bạc, hưởng lạc cầu vinh. Vậy bọn chúng ta cần gì mà hy sinh cho ông ta...

Một người khác nói:

- Bây giờ thời buổi loạn lạc, nên tìm nơi nào để sinh sống thì tốt hơn! Thôi, cứ tạm ăn cái khẩu phần cơm nước này đã, rồi xem xem có một vận may nào khác hay không?

Lại có một người khác nữa nói:

- Thời buổi chiến tranh này, đi lính vẫn còn hơn, nhưng nếu tìm được một chủ tướng thật giỏi, thì chỉ cần đánh thắng mấy trận, nếu không chết mất mạng, thì chắc chắn là sẽ được thăng quan phát tài.

Như vậy, nội dung câu chuyện mà họ bàn tán đã rõ ràng. Té ra là có một số tướng sĩ đã ngấm ngấm đi xúi giục, reo rắc tư tưởng bất bình đối với Vương Hỷ, kích động tâm lý đi tìm minh chủ khác, cũng có nghĩa đi theo tướng Kịch Hoàn, một người không chịu đưa quân chống Tần, chỉ thụ động thủ thành. Dựa theo những lời bàn luận không đầu không đuôi đó, công tử Dãn cũng dần dần đoán ra rằng tướng Kịch Hoàn, con của một cựu tướng phản nghịch, đang ra sức lôi kéo và tập hợp lực lượng, chuẩn bị làm phản, tái diễn vở kịch xấu xa năm nào của cha mình. Nhưng công tử không thể đi sâu dò xét kỹ hơn để có thể biết được thời gian và địa điểm khởi sự làm phản của họ, cũng không thể biết được Kịch Hoàn đã tập hợp được bao nhiêu người, cũng không rõ là chỉ một mình Kịch Hoàn hay còn có người ngoài giúp sức hay xúi giục.

Nguy cơ đang tiềm ẩn và sắp bùng phát, không cho phép công tử chần chừ do dự nữa. Ông vội vàng đi nhanh về phủ của mình, viết một bức thư mật, sai kỵ binh hỏa tốc đi minh họa cho thái tử Đan. Trong đó, yêu cầu thái tử cho ngay một bộ phận tướng sĩ về gấp kinh đô để dẹp loạn, bảo vệ nhà vua; vì công tử biết rằng quân Yên của thái tử và quân Tần cứ cầm cự nhau gần một năm nay ở hai bên sông Dịch Thủy rồi, nhưng vẫn chưa đánh nhau, nay Kế Thành lâm nguy, thái tử chắc sẽ cho quân về ứng cứu. Công tử Dãn thậm chí còn nghĩ rằng phải thẳng tay giết Kịch Hoàn, may ra mới dẹp được âm mưu nổi loạn, nhưng hiềm một nỗi bản thân không giỏi võ nghệ, sợ không địch nổi phe của Kịch Hoàn. Nếu mình hy sinh thì cũng chẳng hề gì, nhưng trong hoàng cung sẽ mất người chỉ huy, và Vương Hỷ không tránh khỏi cái chết, mà vua chết thì nước mất. Và lại nếu Kịch Hoàn đã gây dựng được một thế lực hùng mạnh, thì dù hắn có chết, cũng sẽ có kẻ khác thay hắn để cầm đầu bọn nổi loạn. Cho nên, công tử có dũng cảm đến mấy cũng bằng thừa! Cuối cùng, công tử Dãn quyết định áp dụng chiến thuật đề phòng nghiêm ngặt, chốt giữ chặt chẽ (cổ thủ), chờ quân tiếp viện đến, để đối phó với cuộc nổi loạn sắp nổ ra.

Công tử Dãn đi vào hoàng cung, tập hợp toàn bộ đội cận vệ cung đình, cho canh gác cẩn mật tất cả các cửa lớn nhỏ; thành lập các đơn vị cơ động đi tuần tra thường xuyên,

cắm tất cả những người bên ngoài đến gần hoàng cung. Công tử còn tuyển chọn những tay thiện xạ cung nỏ, ẩn nấp tại các cửa ra vào hoàng cung và phía sau các cung điện để theo dõi tình hình. Mọi việc đều được xếp đặt chu đáo. Sau đó, công tử mới vào trong khuôn viên hoàng cung, đôn đốc các thành viên hoàng gia thu dọn và mang theo người các đồ châu báu ngọc ngà, đề phòng có thể có đột biến bất ngờ. Bản thân công tử chỉ huy một đơn vị kỵ binh thiện chiến, mũ sắt áo giáp nghiêm chỉnh, khí giới đầy đủ canh gác ở cổng chính hoàng cung.

Thái tử Đan biết rất rõ rằng đất nước của ông trong mấy chục năm qua liên tục bị nước Triệu, Ngụy xâm lấn úc hiếp. Hơn thế, cha ông chỉ biết hưởng lạc cầu nh, chẳng ngó ngàng gì đến công việc triều chính, để cho dân tình điêu đứng, quân yếu nước nghèo. Phần lớn các tướng sĩ do ông chỉ huy đều có tinh thần kiên quyết chống Tần, và đều trung thành với ông. Tuy nhiên, của cải và tài lực của đất nước chẳng có mấy, không đủ để cung cấp cho quân sĩ, ban thưởng cũng chỉ nói chạy dầu miệng. Nếu so sánh với quân của Vương Tiễn nhà Tần, thì quân Yên thua kém một trời một vực; chỉ có thể tốc chiến tốc thắng mới mong ổn định tinh thần tướng sĩ, cổ vũ sĩ khí, hăng hái xông lên. Nhưng ngay cả về sức chiến đấu và kinh nghiệm tác chiến, quân Yên cũng rất kém quân Tần. Vì vậy, thái tử đã cầu viện nước Đại ở bên cạnh.

Nước Đại này vẫn là quận Đại của nước Triệu, là nơi tiếp giáp với Hung Nô, là căn cứ quân sự quan trọng của cựu đại tướng quân Lý Mục. Sau khi Lý Mục bị hại, đơn vị tinh nhuệ cũ của Lý Mục bèn chiếm đóng quận Đại và kinh địch với nước Triệu. Về sau, khi Hàm Đan bị vây hãm, công tử Gia của Triệu dẫn đầu một phần đội cận vệ cung đình và một số thành viên hoàng gia, phá được vòng vây của quân Tần, chạy lên quận Đại, được quân dân quận này ủng hộ, tự lập ngôi vua, đổi quận thành nước Đại, và đưa quân đội đến đóng chốt ở Thượng Cốc, là nơi giáp giới với nước Yên để tự vệ. Về sau, Đại thấy quân Tần bỏ Ngụy và Sở để Bắc tiến, thấy tình hình nguy cấp ngay đối với nước Đại, nên đã đồng ý với đề nghị của thái tử Đan, đưa mười vạn quân phối hợp với quân Yên, thành lập liên quân Yên – Đại cùng bảo vệ phía bờ Tây sông Dịch Thủy. Đó cũng là nguyên nhân khiến quân Tần phải án binh bất động lâu dài ở bờ bên kia Dịch Thủy.

Nay mưu kế của Vương Tiễn xúi giục Kịch Hoàn làm phản sấp thành công, quân Tần bèn chuẩn bị đồng thời khởi sự tấn công cùng một lúc ở cả hai mặt trận (Kế Thành và Dịch Thủy). Ngày giờ và chiến thuật tác chiến đều đã được định dot. Tối 15 tháng 9 năm 21 niên hiệu Tần Vương Chính, trăng tròn vành vạnh, sáng tỏ mặt người, đúng là thời cơ rất tốt để tác chiến ban đêm. Và quân Tần ồ ạt vượt sông, tấn công mãnh liệt vào quân Yên – Đại. Quân Yên – Đại do thái tử Đan chỉ huy lập tức chống trả quyết liệt. Để ngăn cản quân Tần đổ bộ lên bờ, liên quân Yên – Đại nhẩy cả xuống sông, làm thành một bức tường người để chặn địch. Bộ binh và kỵ binh của Tần thay phiên nhau xung phong. Hai bên có tất cả hai mươi nhăm vạn quân, vật lộn nhau dưới nước sông giá buốt, chẳng khác gì hai con rồng đang quần nhau, cấu xé lẫn nhau. Cuộc hỗn chiến dưới nước cứ kéo dài, bất phân thắng bại. Lúc ấy, Vương Tiễn và Tần Thắng đưa một bộ phận kỵ binh dũng cảm nhất, tấn công bờ Tây Dịch Thủy. Thái tử Đan và các tướng quân Đại lại chia nhau ngăn cản quân Tần.

Thái tử Đan nghĩ rằng đây là trận đánh then chốt cứu vãn vận mệnh đất nước. Vì vậy, ông quyết tâm tử chiến, thà hy sinh chứ không đầu hàng để sống. Ông đã đốc sức đẩy lùi nhiều đợt xung phong đổ bộ của quân Tần. Lão tướng Vương Tiễn quá mệt mỏi, đành phải cho thối kèn tạm lui quân để ngày mai tiếp tục tác chiến.

Sáng hôm sau, quân Yên – Đại vừa ăn cơm sáng trên trận địa xong, chuẩn bị tác chiến, thì bỗng có mật sứ của công tử Dãn từ Kế Thành tới. Thái tử Đan xem qua lá thư, vừa tức giận vừa lo lắng. Ông lập tức gặp ngay các tướng quân Đại, nói vắn tắt với họ tình hình Kế Thành. Sau đó tập hợp khoảng sáu nghìn người, gồm các binh sĩ thân cận và các môn khách trung kiên của mình, hành quân cấp tốc về Kế Thành cứu vãn tình thế. Các tướng Đại ở lại tiếp tục chỉ huy tác chiến, quân sĩ Yên – Đại vẫn giữ vững tinh thần chống trả quân Tần. Nhưng lúc ấy, Vương Tiễn đã rêu rao trong quân Tần rằng quân Yên bảo vệ Kế Thành đã làm phản, vua Vương Hỷ đã bị bắt sống. Vì vậy, sĩ khí quân Tần lên rất cao, tấn công mãnh liệt hơn. Trong khi đó chủ soái quân Yên phải rời trận địa, tướng sĩ bắt đầu dao động, rồi lại nghe tin từ bên quân Tần truyền sang, nên càng hoang mang, không chống cự

nổi các đợt xung phong mới của quân Tần nữa. Toàn bộ trận địa nhanh chóng tan rã, bỏ chạy tán loạn. Quân Tần thừa thắng truy kích, tiếp tục mở rộng thành quả chiến thắng.

Tại Kế Thành, cũng tối 15 tháng 9, Kịch Hoàn chỉ huy hơn ba vạn quân làm phản, xông vào hoàng cung. May mà công tử Dãn đã cảnh giác từ trước, đã cho bố phòng nghiêm ngặt, nên quân cận vệ cung đình chống trả quân phản nghịch rất quyết liệt. Kịch Hoàn thúc ngựa cầm giáo xông vào cửa cung, bị các tay thiện xạ của công tử Dãn bắn chết. Tuy chủ tướng tử nạn, nhưng quân phản loạn vẫn điên cuồng như thú dữ, chúng tả xung hữu đột, hết sức hùng hổ. Lúc đó, tướng Tần Lý Tín đã nhảy vào được nội thành, công tử Dãn thấy tình thế nguy cấp, khó lòng giữ được thành, bèn đưa ba vạn kỵ binh làm nhiệm vụ bảo vệ nhà vua Vương Hỷ cùng gia quyến của ông và một bộ phận thành viên hoàng gia chạy thoát ra ngoài thành và đi về phương Bắc. Lý Tín đưa quân đuổi theo, có vẻ như sắp đuổi kịp, thì gặp quân kỵ binh của thái tử Đan đón đầu chặn đánh. Thái tử Đan nhường cho xe ngựa của vua Vương Hỷ đi qua, rồi cùng với công tử Dãn tử chiến với quân Tần. Lý Tín đành phải lui quân về Kế Thành, trút tức giận lên đầu quân Yên còn lại trong thành. Chúng giết sạch quân Yên, bất kể là quân bảo vệ hay quân làm phản. Tiếp đó, Vương Tiễn và Tân Thắng cũng vào thành. Kiểm tra lại, thấy quân Yên bị chết hơn tám vạn, chưa kể những người dân vô tội bị chết oan. Quân Tần đưa mấy trăm cỗ xe chở toàn bộ tài sản, phụ nữ và đồ đạc quan trọng, đưa về Hàm Dương. Các quan lại và các hộ giàu xin hàng cũng áp tải về Hàm Dương, không cho họ ở lại quê nhà, để phòng ngóc đầu dậy chống Tần.

Vua tôi Vương Hỷ cùng với thị vệ, một bộ phận hoàng gia và hơn ba vạn tướng sĩ chạy đến Liêu Đông, vẫn xưng là nước Yên. Thái tử Đan dẫn hơn hai vạn quân đánh chốt ở Thổ Thành bên bờ sông Diên Thủy, đối diện với Liêu Đông, nhằm ngăn cản quân Tần tấn công chính diện. Lý Tín lại dẫn năm vạn quân đến tập kích Liêu Đông, không đuổi kịp thái tử Đan, nhưng vây hãm thành Liêu Đông rất chặt, ngày đêm liên tục đánh phá, làm cho Vương Hỷ hồn bay phách lạc, vội sai công tử Dãn đến nước Đại xin cứu viện. Vua vương Gia của Đại lấy lý do là nước Đại chưa vững vàng, vả lại vừa qua liên quân Yên – Đại thất bại thảm hại, nên nay không dám đắc tội với nước Tần nữa, chỉ mong được yên phận nơi góc trời này là đủ rồi, và từ chối giúp Vương Hỷ một lần nữa. Vương Gia viết cho Vương Hỷ một lá thư đại ý như sau: “Vua Tần Vương Chính sợ dĩ truy đuổi nước Yên của ông đến cùng, không chịu buông tha, đó là để trả thù thái tử Đan. Nếu ông giết thái tử Đan, lấy đầu dâng cho Vương Chính, ông ta sẽ cho lui quân, đất nước của ông sẽ được bảo tồn”. Để bảo vệ ngôi vua của mình, Vương Hỷ đi đến chỗ mất hết tính người, viết chiếu thư giết con để của mình, rồi sai mấy tên cận vệ cung đình xin Lý Tín nhường đường, đưa chiếu thư đến Thổ Thành ở Diên Thủy để giết thái tử Đan, lấy thủ cấp mang về. Công tử Dãn biết tin này vội chạy đến báo tin cho anh, nhưng bị quân Yên bắt được đưa về giam trong cung. Quân cận vệ của Vương Hỷ đưa chiếu thư đến Thổ Thành, toàn bộ chiếu thư chỉ vạch tội thái tử Đan mưu hại vua Tần gây tai họa cho nước Yên, đất nước tiêu vong, hoàng cung điêu tàn, thiên tử gian truân, tội này quá nặng, phải giết không tha, để tạ đất trời. Thái tử Đan mang nặng tư tưởng trung hiếu tuyệt đối [149], vả lại sẵn có tâm lý có tội vì đã hy sinh thầy dạy, bạn tốt cùng nhiều người khác mà không giết được Vương Chính, cho nên quỳ xuống chịu chết, không hề chống cự. Hơn hai vạn quân còn lại đau buồn và căm phẫn vô cùng, rồi theo nhau bỏ chạy tán loạn.

Sau khi lấy được thủ cấp thái tử Đan, Vương Hỷ cho vào hộp, rồi sai người đưa cho Lý Tín để chuyển về Hàm Dương. Ông ta còn viết một bức thư cho Vương Chính với giọng điệu kính hoàng khiếp sợ, chỉ cầu xin vua Tần tha tội.

Ngạn ngữ nói rằng “Hổ dữ không ăn thịt con”, nhưng Vương Hỷ giết con để cầu an hưởng lạc, thật là độc ác hung dữ hơn cả hổ beo! Nhưng Vương Chính rất xảo trá tham lam, ông ta đời nào lại bằng lòng dừng chân ở đó. Sau khi nhận được thủ cấp của thái tử Đan, Vương Chính vẫn giục Lý Tín tiếp tục bao vây và tấn công thành Liêu Đông. Lúc này, Vương Hỷ vừa hối vừa hận, khóc rống lên, nhưng đã quá muộn. Thông qua những sự việc đẫm máu đó, quân dân nước Yên cũng thấy rất rõ rằng nước Tần rất gian xảo và quân Tần quá tàn bạo. Vì vậy, họ càng căm thù giặc, quật cường liều chết chống quân Tần đến cùng. Lúc ấy, bộ lạc người Hồ ở Liêu Đông cũng nổi dậy cứu viện nước Yên, đẩy lùi nhiều đợt tấn công của Lý Tín. Vương Chính cần tập trung binh lực để đánh nước Sở và Ngụy, nên ra lệnh cho Lý Tín rút quân. Đền đây, cái triều đình lưu vong cón con, chẳng biết sống chết lúc nào của Vương Hỷ, may mắn thoát khỏi miệng hầm và sống sót.

Quân Tần chiến thắng trở về Hàm Dương, tổ chức đại tiệc mừng công, ban thưởng cho người có công, phụ cấp ưu đãi cho người thương vong. Cả nước ca ngợi Vương Chính uy vũ ngang trời dọc đất, sự nghiệp huy hoàng. Điều này càng làm cho Vương Chính thêm say mê hiếu chiến. Ý đồ thôn tính sáu nước của ngài càng thêm mạnh mẽ. Mùa đông năm hai mươi mốt niên hiệu Tần Vương Chính (226 trước Công nguyên), sau khi quân Tần đã được nghỉ ngơi và chỉnh đốn nửa năm, binh mã đã mạnh hơn, sĩ khí đã hào hùng hơn trước, Vương Chính bèn vạch kế hoạch tấn công Ngụy, Sở ngay tại một buổi thiết triều. Lúc ấy, đại tướng quân Vương Tiễn đã cáo lão về quê, vì ông bị bệnh thấp khớp rất nặng, chữa mãi không khỏi. Đó là vì năm ngoái, ông phải vật lộn quá lâu dưới nước lạnh buốt của sông Dịch Thủy với quân Yên, 1 tuổi đã cao, nên nhà vua cũng đồng ý để ông nghỉ, mặc dù ngài rất tiếc, vì đây là một lão tướng từng vào sinh ra tử, lập nhiều công lớn. Vả lại ông cứ quỳ mọp rất lâu xuống đất để xin được nghỉ. Tuy nhiên, nhà vua vẫn yêu cầu ông tham gia, góp ý kiến vào việc hoạch định chiến lược chiến thuật tác chiến. Vương Chính nêu vấn đề:

- Sau khi diệt Hàn, Triệu và chiếm toàn bộ lãnh thổ nước Yên, mặc dù còn một góc Liêu Đông chưa chiếm được, nhưng đó chỉ là miếng đất đầu thừa đuôi theo, chỉ là một thứ mutton nhọt ghẻ lở mà thôi, chẳng đáng là một trở ngại gì lớn, cứ tạm để đó. Chỉ có nước Sở ở phía Nam và nước Ngụy ở phía Đông là còn khá mạnh, nếu không sớm đánh diệt, sẽ thành họa lớn. Các khanh thấy thế nào?

Úy Liêu suy nghĩ giây lâu rồi nói rất trung thực:

- Đại vương nói rất phải. Hai nước này đã chống lại nước Tần rất lâu rồi. Xuân Thân quân của Sở và Tín Lăng quân của Ngụy là trụ cột của lực lượng hợp tung, là mưu sĩ của liên quân, làm cho kế hoạch của chúng ta không thể thực hiện được, quân ta không thể chiến thắng. Nay những người ấy không còn nữa, nhưng thế lực của họ vẫn rất mạnh, nếu không sớm diệt trừ, e sẽ để lại hậu họa.

Tần Vương rất tán thành ý kiến đó của Úy Liêu. Vì vậy, ngài yêu cầu Úy Liêu nêu ra kế hoạch cụ thể. Sau khi Úy Liêu trình bày phương án tác chiến cụ thể, Vương Chính mỉm cười gật đầu. Ngài nói:

- Việc này, vua tôi chúng ta đều đã thấy rõ, chỉ có điều, nên đồng thời tấn công và tiêu diệt cả hai cùng một lúc, hay là phân biệt trọng điểm và thứ yếu để lần lượt đánh chiếm, điều này cần xem xét cho kỹ!

- Quân ta tuy liên tục chiến thắng, các nước chư hầu đều khiếp sợ, nhưng cũng cần đề phòng. Nếu đồng thời đánh cả hai nước, sợ phân tán lực lượng. Nếu bị đối phương đánh hai gọng kìm, thì càng khó đối phó. Cho nên cần phân biệt trọng yếu để đánh dần. - Úy Liêu nhắc lại.

Vương Tiễn bổ sung thêm:

- Mạt tướng mấy năm qua hết đánh Hàn, rồi diệt Triệu, Yên. Cho nên không thật rõ tình hình Ngụy, Sở. Nói chung là nên thận trọng, nên đánh nước yếu trước; sau khi chiến thắng, mới uy hiếp nước còn lại. Như vậy mới dễ đánh thắng.

Tiếp đó, mọi người so sánh hai nước Sở, Ngụy và đều nhất trí cho rằng, nước Ngụy ở phía Đông, nằm giữa nước Tần và Triệu; khí hậu và địa lý gần giống Tần và Triệu; cho nên, thích hợp với quân Tần. Nhất là, sau khi Tần tiêu diệt Triệu, làm cho Ngụy cảm thấy hết sức bất an, do đó, tự nhiên rơi vào thế yếu. Dựa vào nhược điểm đó, có thể tấn công Ngụy trước, sẽ dễ dàng chiến thắng. Còn nước Sở là một nước mạnh ở phía Nam, đất đai rất rộng, có nhiều địa thế để tiến lùi, khó có thể đánh thắng họ nhanh chóng được. Nhất là ở miền Nam, sông hồ dày đặc, núi non trùng điệp, rất khó cho quân Tần vốn quen đánh dã chiến với binh đoàn lớn. Khí hậu ẩm thấp ở đó cũng dễ làm cho quân Tần sinh bệnh. Đặc biệt, nước Sở từng nhiều lần cầm đầu liên quân hợp tung chống Tần, nay vẫn còn lực lượng và nhân tài quân sự rất mạnh. Cho nên, đây là một kẻ địch mạnh, không thể coi thường.

Sau khi phân tích và thảo luận như trên, triều thần của Vương Chính quyết định dốc toàn lực đánh Ngụy trước. Khi bàn đến việc cử ai làm thống soái toàn quân, Tần Vương Chính lại lấy làm tiếc là Vương Tiễn đã xin nghỉ, nhưng ngài vẫn muốn Vương Tiễn tiếp tục cầm quân, khi nào chinh phục xong Ngụy, Sở hoàn thành sự nghiệp thống nhất thiên hạ, hãy về nghỉ trong niềm vinh quang toàn thắng. Vương Tiễn cảm ơn nhà vua đã trọng

dụng và khen ngợi mình, nhưng vẫn nhấn mạnh bản thân tuổi già nhiều bệnh, quả thật không thể tiếp tục tham gia chinh chiến được nữa. Để tỏ lòng ủng hộ nhà vua và lòng trung thành kiên định đối với đại Tần, ông đề nghị giao cho con ông là Vương Bôn giữ chức tướng quân, làm thống soái toàn quân đánh Ngụy. Vương Chính và các tướng lĩnh khác đều rất tán thưởng thái độ công tâm vô tư của Vương Tiễn. Trong buổi thiết triều sáng hôm sau, Vương Chính đích thân tuyên bố phong Vương Bôn làm tướng quân và thống lĩnh quân đội đánh Ngụy.

Sau khi xác định mục tiêu trước mắt là nước Ngụy, Tần Vương Chính còn giao cho tướng quân Lý Tín và Mông Quát thống lĩnh quân đội đánh Sở, nhằm ngăn cản Ngụy và Sở bắt tay với nhau, gây khó khăn cho quân Tần.

Sau khi bố trí mọi việc xong xuôi, các đơn vị quân đội được tập kết đến các địa điểm thích hợp, chờ xuất phát. Lúc ấy bỗng có tin cấp báo từ miền biên giới đưa về, tại khu vực Tân Trịnh thuộc nước Hàn cũ, xảy ra bạo động quân sự, viên thái thú của quận do Tần mới bổ nhiệm bị giết. Ở đó, quân Tần sở tại không đủ sức đánh dẹp quân nổi loạn, vì vậy, yêu cầu cứu viện. Quân nổi loạn ở đó sở dĩ dám khởi sự làm càn, là do có sự xúi giục và ủng hộ của nước Ngụy chỉ cách đó một dòng sông.

Khi Úy Liêu và Lý Tư tấu trình tin này cho Vương Chính, nhà vua không phẫn nộ như trước kia vẫn hay như thế, mà ngài cười ha hả. Ngài nói:

– Tân Trịnh làm phản thật đúng lúc. Thật là trời giúp ta!

Úy Liêu và Lý Tư lấy làm lạ, hỏi tại sao nhà vua lại cảm thấy vui mừng trước cuộc bạo động ở Tân Trịnh. Vương Chính cười nói:

– Trẫm đang lo rằng nước Ngụy có thể phát hiện và đề phòng cuộc chinh phạt của chúng ta, sẽ khó khăn cho ta. Nay ta đưa quân đánh dẹp ở Tân Trịnh, đó là công việc nội bộ của ta, Ngụy sẽ không đề phòng. Nhưng ta lại có thể nhân dịp đánh dẹp nổi loạn để vượt qua sông, bất ngờ đột kích Đại Lương (kinh đô của Ngụy). Do đó mới nói rằng cuộc bạo động ở Tân Trịnh là cơ hội do trời giúp cho đại Tần vậy!

Úy Liêu và Lý Tư nắm chặt tay bái phục và nói rằng Vương Chính đích thực là một nhà quân sự đại tài.

Tiếp đó, Vương Bôn đưa mười vạn quân đánh Tân Trịnh, nhanh chóng dẹp yên bọn nổi loạn. Sau đó, đánh quân bên bờ Tây sông Hoàng Hà; bề ngoài là nghỉ ngơi và phục hồi sau khi dẹp loạn xong; thực tế là ngấm ngấm theo dõi tình hình thành Đại Lương của Ngụy nằm bên kia sông, chuẩn bị sẵn sàng đánh chiếm bất cứ lúc nào có cơ hội.

Mùa đông năm ấy, nước Ngụy có tuyết rất lớn, tuyết dày hai thước rưỡi, đóng băng ba thước, khắp nơi một màu trắng xóa đến tận chân trời. Vua tôi và quân dân nước Ngụy cả nước đều rét run lên bên bếp lửa, kẻ giàu sang thì ngồi bên lò sưởi để đàn hát, hưởng lạc xa hoa, hoặc rượu chè nhậu nhẹt. Phần lớn dân nghèo thì cam chịu đói rét. Điều duy nhất là chẳng ai suy nghĩ gì đến tình hình ở Tân Trịnh, mảnh đất cũ của nước Hàn, nay là đất “lãnh địa” của Tần, nơi chỉ cách Ngụy một con sông. Trong khi đó, quân Tần đang lợi dụng mùa tuyết rất lớn này, phát huy ưu thế của họ là quen chịu khổ chịu khó, liên tục tác chiến. Vương Bôn cho quân sĩ hành quân trên băng vượt qua sông Hoàng Hà tại Tân Trịnh, bố trí trận địa bao vây thành Đại Lương. Đến năm sau, tức là mùa xuân năm hai mươi hai niên hiệu Tần Vương Chính (năm 225 trước Công nguyên). Khi băng tuyết đang tan, thì đại quân Tần đã hoàn tất việc vượt sông và bố trí xong toàn bộ trận địa, chỉ chờ lệnh là tấn công vào thành Đại Lương (nay là khu vực phía Tây Bắc thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam).

Đến lúc đó, nước Ngụy mới biết là kinh đô của mình đã nằm gọn trong thế bao vây của hai mươi vạn quân Tần. Khi vua Vương Giả của Ngụy nhận được tin cấp báo, ông ta mới giật mình thức tỉnh như sau một cơn mê ngủ, vội vàng triệu tập quần thần họp bàn kế sách chống Tần.

Khi phân tích tình hình hiện trạng của nước Ngụy, các vua tôi nhà Tần đều đánh giá nước Ngụy khá cao. Bởi vì trước đó, nước Ngụy có Tín Lăng Quân, tức công tử Vô Kỵ, từng bày mưu cho Như Cơ ăn cắp “binh phù” để trong phòng ngủ nhà vua để giúp Vô Kỵ cứu nước Triệu, đánh bại quân Tần. Sự việc này gây cho vua tôi nước Tần ấn tượng rất sâu sắc.

Nay đại tướng quân Tấn Thăng của Ngụy lại là con của Tấn Bỉ, một viên tướng nổi tiếng, từng không trao binh phù cho công tử Vô Ky. Vua tôi nhà Tấn cho rằng Tấn Thăng là con nhà nòi của gia đình tướng tài, chắc là quân do Tấn Thăng chỉ huy khó có thể bị đánh bại. Do đánh giá như vậy cho nên quân Tấn hết sức thận trọng trong kế hoạch bố trí chiến lược và chiến thuật tác chiến đánh Ngụy.

Trong khi đó, vua Ngụy là Vương Giả lại buông lỏng cảnh giác đối với âm mưu xâm lược của quân Tấn, vì ngài tôn sùng và tin cậy Tấn Thăng, con của lão thần và là danh tướng Tấn Bỉ, ba đời trung thần của triều đình Ngụy.

Vương Giả là cháu của vua An Ly, con của vua Cảnh Dân. Vương Giả rất giống Vương Chính nhà Tấn về nhiều mặt. Trước hết, Vương Giả không phải là con trưởng, mà là con một người thiếp được vua Cảnh Dân sủng ái, nên được lập làm vua lúc mới mười ba tuổi. Thứ hai, Vương Giả cũng tinh thông võ nghệ, rất ngạo mạn tự đắc, thường tự xưng là “Doanh Chính” của nước Ngụy. Điều quan trọng hơn là mẹ của Vương Giả, tức thái hậu Ứng Hạ, ở góa lúc còn trẻ (36 tuổi), và cũng rất giống thái hậu Triệu Cơ, tức là không chịu sống cô tịch, mà gian dâm với bấy tôi. Nhưng lại khác Triệu Cơ ở chỗ, Triệu Cơ chỉ quan hệ với một người duy nhất, còn Ứng Hạ thì lấy chồng khắp thiên hạ, quan hệ bừa bãi, đến những trên hai trăm người đàn ông. Lại còn chuyện này nữa: Vương Giả lúc đầu có tên là Ngụy Thành. Nhưng lúc lên ngôi, người mẹ (Ứng Hạ) tin vào lời của Hậu Lệ, đổi tên con thành Giả, muốn nói rằng con mình không phải vua thật, mà là vua giả. Vương Giả thấy mình bị đổi tên, và mẹ thì dâm ô điên loạn, nên rất lo sẽ xảy ra những cuộc nổi loạn quân sự như Lao Ái và Lã Bất Vi ở nước Tấn. Vì vậy Vương Giả bèn cho mời hơn hai trăm người có quan hệ với mẹ mình vào cung dự tiệc rồi giết sạch. Nhưng những người bị giết đều là văn võ trọng thần. Đương nhiên, giết những người này, có làm cho bộ mặt nội cung được trong sạch, nhưng lại gây một tổn thất to lớn đối với tầng lớp cầm đầu chính trị quân sự ở triều đình; nguyên khí quốc gia bị tổn thương, không sao phục hồi lên được. Các trọng thần quân sự chính trị hiện có, tuy không có quan hệ như nhục với thái hậu, nhưng lại bất lực trước quốc gia đại sự. Đó là mối lo ngại to lớn mà đã nhiều năm nay, Vương Giả không tài nào tháo gỡ cho ra được.

Khi hai mươi vạn quân Tấn bao vây đô thành, Vương Giả lại càng lúng túng. Tại cuộc họp tối cao khẩn cấp, Vương Giả nói với quần thần, giọng điệu rất chán chường:

– Mùa đông vừa qua rất lạnh, tuyết phủ cả nước ta, cứ tưởng băng tuyết dày như thế thì quân địch khó có thể hành động, và chúng ta sẽ bình an vô sự. Ai ngờ quân Tấn lại lợi dụng băng tuyết dày đặc để đưa quân đội sang sông, xâm phạm nước ta. Nay đã có mười vạn quân của chúng tiến sát Đại Lương, khí thế rất hùng hổ, hết sức nguy cấp. Mong các thần nhanh chóng tìm ra đối sách, để đánh lui ngay quân địch, bảo vệ an toàn cho vua tôi chúng ta, đem lại bình an cho xã tắc!

Đô úy Ngụy Thiên Kiều thận trọng nêu lên kế hoạch bảo vệ đô thành như sau:

– Quân ta bị băng tuyết làm cho mất phương hướng, canh phòng không chặt chẽ, mới có tai họa như hôm nay. Nay Đại Lương có thành lũy rất kiên cố, có các đài cao chi chít, lại có hào sâu rất rộng, quân phòng thủ lên tới hơn hai mươi vạn. Theo ý hạ thần, cứ đóng cổng thành cố thủ, lấy nghỉ ngơi chờ kẻ địch mệt mỏi, nhất thiết không nên tùy tiện đưa quân ra nghênh chiến.

Tướng quân Quang Vũ cũng tán thành ý kiến của đô úy Ngụy Thiên Kiều. Quang Vũ nói:

– Quân Tấn âm mưu từ lâu, sau khi chuẩn bị đầy đủ rồi mới đến xâm phạm chúng ta. Khí thế của chúng đang rất hùng hăng, quyết tâm chiến thắng đang rất lớn. Nếu ta vội vàng ứng chiến, e khó thắng chúng, mà chỉ gây mất tinh thần cho quân ta, khi đã mất tinh thần thì rất khó phục hồi. Chỉ bằng tạm cố thủ, để làm nhục nhuệ khí quân địch. Trong lúc đó, chúng ta cho người đi các quận huyện, yêu cầu họ cứu viện. Lúc đó, chúng ta hãy ra quân, nội ngoại cùng đánh giáp công, chắc chắn quân Tấn sẽ thất bại và chúng ta sẽ bảo vệ được đô thành.

Vương Giả cũng thấy lúc này thế thủ là hơn, nên cũng đồng ý. Nhưng đại tướng quân Tấn Thăng lại nói rất hăng hái rằng:

- Hai vị kia sao lại đề cao chí khí quân địch và hạ thấp uy phong của mình như vậy? Bệ hạ không thấy ư, lúc tiên vương đang tại vị, ngài đã thống lĩnh mười vạn đại quân ra tận biên cương để bảo vệ đất nước, từng đánh nhiều trận anh dũng oai hùng, khiến quân Tần không dám tiến một bước chân sang đất ta. Nay đất nước lâm nguy, Đại Lương đang bị đe dọa, chính là lúc cần phải đưa quân ra nghênh chiến, quét sạch quân Tần tàn bạo. Sao lại co mình lại để chờ chết? Mặt tướng tuy bất tài nhưng xin đưa quân chống địch, thể bảo vệ thành Đại Lương bình yên vô sự, vua quan vẫn ngồi vững ở triều đường như xưa!

Vương Giả nghe nói vậy, tâm lý hiếu thắng của tuổi trẻ lại bùng lên, bèn lập tức quyết đoán, không thêm hỏi ý kiến bất cứ ai:

- Giao cho đại tướng quân Tấn Thăng đưa hai mươi vạn quân, đô úy Ngụy Thiên Kiều làm phó tướng, lập tức đưa quân ra ngoài thành nghênh chiến, phải chặn đứng quân Tần ở cách thành mười dặm, một là để bảo đảm an toàn chắc chắn cho Đại Lương, hai là để cho quân các quận huyện về tăng viện có thể bố trí trận địa ở phía sau.

Sau khi định đoạt như trên, tướng quân Quang Vũ cho kỵ binh hỏa tốc đi các quận huyện truyền lệnh cho họ phải cấp tốc đưa quân đến cứu viện kinh đô Đại Lương. Đại tướng quân Tấn Thăng và phó tướng Ngụy Thiên Kiều đưa mười hai vạn quân ra ngoài thành nghênh chiến. Vua Vương Giả lúc này thấy một số đại thần còn muốn đứng ra giúp vua cứu nước, bèn cảm thấy yên tâm. Ngài ra lệnh cho quân dân toàn thành tích cực chuẩn bị tác chiến, nhưng phải chờ các quận huyện đưa quân tăng viện tới, nhằm bảo đảm an toàn vững chắc cho thành Đại Lương. Nếu đại tướng quân Tấn Thăng ở bên ngoài thành đánh bại quân Tần, thì ngài sẽ đích thân chủ trì lễ đón tướng sĩ quân Ngụy chiến thắng trở về.

Tướng Vương Bôn của Tần bố trí trận địa vây thành ở cách Đại Lương mười dặm, nhưng chưa dám mạo hiểm tấn công. Vì chưa biết Ngụy còn những tướng lĩnh nào cầm quân, nhỡ ra không may gặp phải trường hợp như tướng Hoàn Kỳ năm nào đã quá vội vàng tấn công Hàm Đan, rồi bị đánh từ hai phía: phía trước mặt thì quân địch rất mạnh chặn lại, phía sau lưng cũng bị quân địch đánh tới, cuối cùng bị thua rất đau. Cho nên, nay Vương Bôn cứ theo dõi tình hình Đại Lương ngày này qua ngày khác, không quyết đoán gì cả. Nhưng hôm nay, bỗng thấy quân Ngụy ồ ạt kéo ra và đóng doanh trại tại những vị trí cách quân Tần một cự ly nhất định với tư thế chuẩn bị giao chiến. Trước tình hình đó, Vương Bôn hơi lo ngại. Khi lính thám báo về nói rằng cờ soái của quân Ngụy có chữ "Tấn", lúc này Vương Bôn mới yên tâm, và nghĩ ra một mưu kế nhằm đánh bại quân Ngụy mà không đổ xương máu.

Khoảng giờ Thìn (từ bảy đến chín giờ sáng) hôm sau, quân Tần đưa một bộ phận binh mã đến đóng chốt tại phía trước trận địa quân Ngụy, kéo cờ lên. Quân Ngụy cũng vội vàng bố trí một thế trận tương ứng, sẵn sàng ứng chiến. Nhưng quân Tần không khiêu chiến, chỉ nói vọng sang phía quân Ngụy rằng, mời chủ soái quân Ngụy ra phía trước hàng quân để đối đáp. Tấn Thăng đứng ở phía sau cờ trận quan sát, thấy quân Tần không mang khí giới, có vẻ như không chuẩn bị đánh nhau, bèn đưa theo một kỵ binh rồi cưỡi ngựa đi ra trước hàng quân. Tướng quân Vương Bôn của Tần cũng cưỡi ngựa từ phía đối diện đi lại. Khi chỉ cách nhau khoảng hai trượng (khoảng 6,66m), Tấn Thăng vội kéo dây cương và dừng ngựa, chờ đối phương nói trước. Nào ngờ Vương Bôn không dừng bước, cứ tiếp tục tiến lên. Tấn Thăng vội hỏi:

- Tướng quân muốn nói gì xin nói ở đây, sao lại đi vào trận địa của ta?

Tấn Thăng chưa nói dứt lời, Vương Bôn đã vụt tung ra một dây thòng lọng, vòng ngang cổ Tấn Thăng. Tấn Thăng cố gỡ ra nhưng Vương Bôn giật mạnh, kéo Tấn Thăng ngã nhào xuống đất. Lúc này tướng sĩ quân Ngụy bị bất ngờ, không kịp trở tay, nên rất hoang mang. Khi đã trấn tĩnh lại, thì không kịp nữa, tuy có đuổi theo quân Tần, nhưng Vương Bôn đã chạy về trận địa quân Tần, rồi cung tên của quân Tần bắn ra như mưa. Quân Ngụy đành phải rút về.

Là một đại tướng quân của quân Ngụy, Tấn Thăng bị quân địch thòng dây vào cổ rồi lôi xềnh xệch như lôi súc vật, thật là vừa tức giận vừa xấu hổ, bèn chửi mắng Vương Bôn tại sao không giao chiến để phân thắng bại, lại dùng cách lừa bịp và bắt cóc như vậy, thật quá bỉ ổi! Vương Bôn không trả lời, chỉ cười khoái trá và mời Tấn Thăng uống rượu, đoạn

nói:

- Dùng binh phải dùng mẹo để lừa, xưa nay vẫn thế. Bản soái không đánh nhau mà dùng mưu kế, đó là vì không muốn gây thương vong. Nếu phải đánh nhau, thì quân Ngụy của ông sẽ bị quân Tần tiêu diệt sạch! Nhưng như vậy quân Tần cũng bị thương vong nhiều. Là chủ soái quân đội một bên giao chiến, trừ trường hợp vạn bất đắc dĩ, nếu không, ta không muốn hy sinh nhiều như vậy.

Tấn Thăng bác lại nói rằng:

- Quân Ngụy đang bảo vệ kinh đô của mình, sẽ kiên trì chiến đấu dù cho chủ soái bị bắt.

Vương Bôn cười khinh bỉ và nói rằng:

- Muốn bắt người, trước hết phải bắt ngựa, muốn bắt giặc trước hết phải bắt vua giặc. Nước Ngụy các ông không còn tướng tài nên đưa ông làm chủ soái, nay bị ta trói gô kéo về như con gà, các tướng sĩ còn lại đó có cố gắng bao nhiêu cũng sẽ bị quân ta chặn đứng dễ như trở bàn tay. Dù có chống trả cũng chẳng qua chỉ là răn mất đầu, quân hồi vô phòng, chẳng ai bảo được ai, không đánh mà tan; đó là điều chắc chắn. Sở dĩ ta dùng mưu kế lừa ông và bắt ông, đó là cốt để đánh một đòn làm tan rã sĩ khí quân Ngụy. Tiếp đó, dù quân của ông đánh hay hàng, thì cũng đã ở thế thua rồi. Cho nên tôi khuyên ông làm một người đầu hàng đầu tiên, và ra lời kêu gọi quân lính của ông hạ vũ khí để bảo toàn tính mạng. Như vậy, ông sẽ để lại cái “đức”.

Lúc này, tinh thần Tấn Thăng đã bắt đầu lung lay dao động, nhưng vẫn do dự, cảm thấy mình là chủ soái của một nước mà đầu hàng quân địch là rất nhục nhã. Vương Bôn thừa cơ tiếp tục tấn công về tâm lý (tâm công). Ông ta nói:

- Hiện nay chiến tranh giữa các nước diễn ra liên miên, thắng bại là thường tình, nên tùy cơ ứng biến chứ không nên cứng nhắc chỉ theo một bên nào, như vậy mới bảo vệ được tiền đồ cá nhân, như cha của ông trước đây một lòng theo Ngụy, không chịu đưa “binh phù” cho Vô Kỵ nên đã bị Vô Kỵ giết. Nay vua Ngụy còn là con trẻ, chẳng biết trị quốc, chệnh mảng việc nước, bề tôi thì không có kế sách gì giúp vua, chẳng còn hơi sức nào để xoay chuyển tình thế. Làm một đại tướng như ông, việc gì mà phải cứng nhắc khổ sở tận trung tận hiếu với một đất nước sắp diệt vong ấy cơ chứ! Tôi nói rất thật lòng, mong ông xem xét lại.

Vương Bôn không chỉ cầm quân như thần, mà còn rất giỏi uốn ba tấc lưỡi, thuyết phục được Tấn Thăng đầu hàng; lại còn viết một bức thư theo như yêu cầu của Vương Bôn. Trong đó, ra sức nói rằng việc nước Tần thống nhất thiên hạ là xu thế tất yếu, nước Ngụy thì vua non nớt không có chí khí, bây giờ bất lực tầm thường, hà cơ gì phải hy sinh cho một đất nước như vậy! Tấn Thăng khuyên quân Ngụy đầu hàng, nếu không hàng thì tự động ra ngũ, không nên bán mình cho nước Ngụy nữa. Vương Bôn cho sao bức thư ấy thành hàng nghìn bản, tán phát vào quân Ngụy. Quả nhiên, quân Ngụy tan rã, người thì đầu hàng, kẻ thì chạy trốn, mất mấy vạn. Phó tướng Ngụy Thiên Kiều vội tập hợp số còn lại và đưa vào thành, không dám ra ứng chiến nữa. Quân Tần thừa thế bám sát đuổi theo. Sau mấy trận giao chiến, quân Tần xiết chặt vòng vây Đại Lương, vây chặt đến mức con ruồi cũng không thể lọt qua. Tướng quân Quang Vũ và phó tướng Ngụy Thiên Kiều đưa quân ra ngoài thành liều chết đánh quân Tần. Nhưng lúc ấy quân Tần đã bịt kín các cổng thành, dù có bị đánh lui, thì đã có bộ phận khác đến tiếp viện. Còn quân tăng viện của các quận huyện của Ngụy thì không thể tiếp cận được thành, vì chưa đến nơi đã bị quân Tần đánh lui. Thành ra nội ngoại quân Ngụy chẳng tiếp ứng cho nhau được, không thể triển khai được thế trận, dù có liều chết cũng vô ích, cuối cùng bị vây chặt trong nội thành, còn bên ngoài thành bị quân Tần hoàn toàn làm chủ, thành Đại Lương rất kiên cố, quân Tần không thể đột nhập vào được. Tình thế giằng co này kéo dài ba tháng. Vương Bôn rất sốt ruột.

Đến mùa hè, trời mưa liên miên, nước sông dâng lên, ngập kín xung quanh thành Đại Lương. Lúc này, Vương Bôn liền nghĩ ngay tới biện pháp trước đây, quân Triệu và Sở từng dùng để đánh bại quân Ngụy, đó là cho nước tràn vào thành chìm chết quân Ngụy. Nghĩ vậy, Vương Bôn bèn ra lệnh cho quân Tần đào chân thành rồi cho nước lũ từ ngoài đê chảy vào nội thành. Tám vạn tướng sĩ quân Tần tay cầm cuốc xẻng, ngày đêm thay phiên nhau đào bới, chỉ mấy ngày là đào được đường hầm xuyên qua chân thành Đại Lương, nước lũ

từ sông Hoàng Hà ào ào chảy qua đường hầm, làm ngập nội thành Đại Lương khoảng một trượng (hơn 3m). Mọi người trong nội thành phải trèo lên mái nhà, chẳng thể nấu nướng gì được, ngày đêm kêu trời kêu đất vì đói và rét, thảm hại vô cùng. Ngay cả mười vạn quân bảo vệ thành cũng bó tay chịu chết. Vua Ngụy Vương Giả đành phải mở rộng cổng thành xin hàng quân Ngụy. Đến đây, nước Ngụy bị tiêu diệt. Đó là mùa mưa năm hai mươi hai niên hiệu Tần Vương Chính.

HỒI THỨ HAI MƯƠI MỐT

ĐƯỜNG THƯ ÁO VẢI, ĐẮC THẮNG VUA TẦN TƯỚNG SỞ HẠNG YÊN, ĐÁNH BẠI LÝ TÍN

Quân Tần cho nước lũ làm ngập thành Đại Lương buộc vua Vương Giả của Ngụy phải đầu hàng. Tiếp đó, quân Tần chiếm toàn bộ nước Ngụy. Nước Ngụy diệt vong. Nhưng vẫn còn một miếng đất nho nhỏ của Ngụy chưa bị Tần chiếm. Đó là đất An Lăng (nay thuộc khu vực Tây Bắc huyện Yên Lăng, tỉnh Hà Nam) ở miền Tây Bắc nước Ngụy. An Lăng là một tiểu quốc, vốn là đất phong của Ngụy. Khi nước Ngụy giao chiến với các nước chư hầu, dù là chiến tranh giằng co, luôn luôn tiến thoái và đi qua An Lăng. An Lăng vẫn giữ thái độ trung lập, không tham gia vào cuộc chiến với lý do nước nhỏ yếu. Tướng Vương Bôn của Tần cũng không đánh An Lăng, và để cho nó trở thành một vương quốc độc lập nằm trong lãnh thổ rộng lớn mà nước Tần vừa chinh phục được. Nếu xuất phát từ góc độ mưu lược to lớn của Tần Vương Chính là tiêu diệt sáu nước và dẹp yên toàn thiên hạ, thì đương nhiên không thể cho phép An Lăng tồn tại như vậy. Nhưng nếu dùng vũ lực để chinh phục An Lăng thì quả là “giết gà sao dùng dao mổ bò”, quá đao to búa lớn. Vả lại, Tần Vương Chính cho rằng: các nước Hàn, Triệu, Ngụy, Yên đã bị diệt rồi, ngài đã trở thành vị quân chủ ngồi trên đầu các nước chư hầu, danh tiếng khắp thiên hạ rồi. Nay nếu muốn lấy An Lăng thì chỉ nói một tiếng là vua nước ấy phải đưa hai tay dâng lãnh thổ cho mình thôi mà. Úy Liêu lại có cách nhìn khác. Ông ta nhắc nhở Vương Chính rằng, An Lăng tuy là một tiểu quốc được dùng làm đất phong, nhưng An Lăng Quân (vua An Lăng) lại không phải là một “tiểu nhân vật”. Ông ta chăm lo việc nước, biết giữ kỷ cương, rất được dân chúng yêu mến. Trước đây công tử Vô Kỵ từng ý thế mình là em vua An Ly của nước Ngụy để ức hiếp vua An Lăng nhưng ông ta không sợ, cứ dùng lý lẽ để đấu tranh mãi, cuối cùng Vô Kỵ phải xin lỗi ông ta. Cho nên, muốn thắng tiểu quốc này, phải có sách lược, tức là “lấy hư giấu thực”, mới có thể ăn chắc, chứ không thể lấy thế kẻ bề trên để bắt ép hoặc dọa nạt.

Vương Chính nghe theo ý kiến úy Liêu. Ngài sai một sứ giả đến gặp An Lăng Quân, để nghị ông ta trao đổi đất. Vị sứ giả này nói:

- Vua Tần gửi lời chào ngài, nước Tần chúng tôi bằng lòng đưa năm trăm dặm đất để đổi nước An Lăng của ngài. Chắc là ngài vui vẻ đồng ý chứ?

An Lăng Quân nghĩ thầm: Doanh Chính các người lòng tham vô đáy, dùng vũ lực xâm lược và thôn tính các nước, còn thẳng tay cho nước lũ tràn ngập, để cho dân chúng phải nhịn đói nhịn khát, cuối cùng vua Vương Giả của Ngụy phải xin hàng. Nay cơ sao bỗng trở nên rất nhân từ đến mức đem một vùng đất rộng gấp mười lần để đổi lấy nước An Lăng này? Rõ ràng đây là một trò bịp. Nhưng không thể dùng sức mạnh để đối chọi với ông Vương Chính này được, chỉ có thể dùng lời thật khôn khéo để từ chối. Nghĩ vậy, An Lăng Quân bèn viết cho vua Tần một bức thư bằng lời lẽ rất cung kính ngọt ngào. Thư viết: “Vua Tần bằng lòng đưa một vùng đất rất lớn để đổi lấy nước An Lăng nhỏ bé của tôi, ơn huệ ấy của ngài đối với tôi thật là to lớn, và là một việc quá tốt đẹp. Nhưng mảnh đất An Lăng này là do tổ tiên ngàn đời truyền lại, tôi muốn vĩnh viễn giữ nó lại. Vì vậy không dám trao đổi với ngài”.

Tần Vương Chính xem xong thư, cảm thấy không vui, rất muốn cho quân đi đánh. An Lăng Quân vội cử Đường Thư làm sứ thần sang Hàm Dương xin gặp Vương Chính.

Tần Vương Chính nghe nói An Lăng Quân cử Đường Thư sang, bèn hỏi Lý Tư rằng Đường Thư là ai. Lý Tư phụ trách tư pháp và tình báo, đương nhiên biết rõ con người này, bèn trả lời rằng Đường Thư là lão thần thế hệ thứ ba của nước Ngụy, rất có mưu lược. Lúc nguy nan có thể giúp quân chủ tháo gỡ khó khăn hoặc nêu giải pháp hợp lý. Ví dụ, năm nào Vô Kỵ trộm được “binh phù” để đi cứu nước Triệu, do đó đã đánh bại quân Tần. Vua Triệu thấy Vô Kỵ có công lớn nên đã ra tận ngoại thành để nghênh đón. Vô Kỵ đặc chí tự cao, ngạo mạn. Đường Thư bèn nhắc nhở Vô Kỵ rằng: “Người khác làm ơn cho mình, thì mình phải đời đời ghi nhớ; còn mình làm ơn cho người khác thì phải quên đi. Nay ngài đã giết Tần Bỉ, cứu được Hàm Đan, đánh bại quân Tần, bảo vệ được nước Triệu. Ôn đức ấy thật là to lớn! Nay vua Triệu ra tận ngoại thành đón ngài, ngài nên gặp ông ta, và mong

ngài hãy bỏ quên cái ơn đức mà ngài đã giúp ông ta”. Vô Ky nghe lời khuyên ấy bèn không ỷ thế có công để tự cao tự đại nữa. Vì vậy, ông được mọi người kính trọng, rất nhiều người có chí hướng đều theo ông, giúp ông làm nên nghiệp lớn.

Tần Vương Chính nghe Lý Tư nói về Đường Thư như vậy, bèn cảm thấy đây là con người có năng lực, ăn nói được, nhưng dẫu sao thì vẫn là quan lại của một tiểu quốc, làm sao c thể đem tài năng ra thi thố trước mặt Tần Vương Chính này – một đại quân chủ hùng tài đại lược, đã chinh phục các nước chư hầu! Ta nhất định phải lấy cho được mảnh đất An Lăng năm mươi dặm này^[150]. Nghĩ vậy, ngài bèn ngồi đằng hoàng vào ghế long kỵ, và cho gọi sứ thần vào gặp.

Đường Thư bước tới bậc tam cấp, dáng điệu rất tự tin, vái chào ba vái theo đúng nghi lễ vua tôi. Vương Chính hỏi Đường Thư, giọng rất khinh miệt:

– Quả nhân đem năm trăm dặm để đổi lấy An Lăng, tại sao An Lăng Quân lại không chịu? Vả lại nước đại Tần ta đã tiêu diệt nước Hàn và nước Ngụy, nay để cho cái nước nhỏ xíu các ngươi được may mắn sống sót, đó là vì An Lăng Quân là con người đức cao vọng trọng, nên mới không dùng vũ lực để đánh chiếm. Nhưng nay ta đem một diện tích gấp mười lần lãnh thổ các ngươi, để các ngươi có chỗ rộng hơn, sao lại từ chối? Đó chẳng phải là coi thường ta đó sao?

Đường Thư trả lời nghiêm chỉnh rằng:

– Chúng tôi sao lại coi thường đại vương được. Lãnh địa của An Lăng Quân là cơ nghiệp thừa kế của tổ tiên, nên muốn vĩnh viễn giữ lại, dù chỉ có một dặm cũng không dám đổi, mà đây là năm mươi dặm!

Tần Vương Chính bồng tức giận nói:

– Nhà ngươi đã từng nghe nói thiên tử tức giận thì sẽ như thế nào chưa?

Đường Thư trả lời:

– Thần nghe nói rồi.

Tần Vương Chính nói:

– Thiên tử tức giận thì cả triệu con người phơi thây máu chảy ngàn dặm.

Đường Thư hỏi lại nhà vua một cách nghiêm túc:

– Thế đại vương có nghe nói người chí sĩ mặc áo vải tức giận thì như thế nào không?

Vương Chính rất khinh thường và nói rằng:

– Chí sĩ áo vải tức giận thì chẳng qua vút mũi xuống đất, đá văng giày dép rồi đập đầu xuống đất mà thôi.

Đường Thư nói:

– Đó là người tầm thường tức giận, chứ không phải thái độ của một dũng sĩ. Còn nhớ năm nào, khi Chuyên Chư đâm Vương Liêu của nước Ngô, sao chổi bay ngang trời sáng rực. Khi Nhiếp Chính đâm gian tướng Hàn Khôi, thì cầu vồng bắc ngang trời, xuyên qua cả mặt trời. Khi Yêu Ly đâm Khánh Ky, có hai con nhặng bay đuổi nhau trên điện. Ba người ấy đều là chí sĩ áo vải. Sự căm phẫn chính đáng tích tụ lâu ngày trong lòng họ chưa bột phát ra ngoài, thì ông trời đã giúp họ báo ứng. Nay tôi là dũng sĩ thứ tư. Khi dũng sĩ nổi giận, thì chỉ có hai xác chết, máu cũng chảy đầm bước, nhưng thiên hạ sẽ mặc áo gai để tang họ. Hôm nay là ngày như thế.

Nói xong, Đường Thư rút kiếm ra và xông lên. Lúc này, Vương Chính rất sợ, vội quỳ xuống và tạ tội Đường Thư. Nhà vua nói:

– Xin tiên sinh ngồi xuống, cần gì phải làm như thế! Nay thì ta đã hiểu rõ, nước Hàn và nước Ngụy đã bị tiêu diệt, nhưng tiểu quốc An Lăng chỉ có năm mươi dặm mà vẫn tồn tại, đó là nhờ có những dũng sĩ như ông bảo vệ nó.

Việc ra oai lần này của Tần Vương Chính rốt cuộc chẳng thành công. Sau đó, Vương Chính nói với Lý Tư một cách sợ sệt rằng:

– May mà lúc đó ta không khăng khăng đòi năm mươi dặm đất ấy, nếu không, Đường Thư đã cho ta một nhát kiếm chết rồi. Qua ánh mắt và khí thế của ông ấy cho thấy trí tuệ và đảm lược của ông ta vượt xa Kinh Kha.

Sau khi về nước, Đường Thư thông báo tình hình cho An Lăng Quân, An Lăng Quân hết sức cảm kích. Ông ta nói:

– Khanh là đại ân nhân của đất An Lăng này, ta và thần dân sẽ đời đời ghi nhớ.

Nói xong bèn quỳ xuống cảm ơn Đường Thư. Đường Thư cũng vội vàng quỳ xuống đỡ An Lăng Quân cùng đứng dậy, rồi nói rất chân tình:

– Đó là nhờ có công ơn của liệt tổ tiên vương để lại, nhờ có tên tuổi và đức độ cao đẹp của bệ hạ, nên vua Tần không nở dùng vũ lực thôn tính. Còn lão thần chỉ lấy lòng trung thành để bảo vệ đất nước, lấy chính nghĩa để chống bạo tàn; chỉ là cái chí khí của người dũng sĩ, chẳng có gì đáng nhắc đến.

An Lăng Quân xúc động nói:

– Vu Vương Giả của Ngụy có đầy đủ văn võ đại thần, lại có mười vạn quân, vẫn không địch nổi quân viễn chinh của tướng Vương Bôn, đến nỗi bị vây chặt trong thành Đại Lương, rồi nước ngập toàn thành, phải hàng quân Tần, cuối cùng mất nước. Khanh chỉ là dũng sĩ áo vải đơn độc dấn thân đến một đất nước lang sói, dùng ba tác lược như dao sắc, khí thế áp đảo, cuối cùng vua Tần phải hàng phục. Có bấy tôi như Khanh, An Lăng này sẽ vĩnh viễn trường tồn!

Đường Thư thận trọng nhắc nhở An Lăng Quân:

– Thần từng nghe Ủy Liêu nói về vua Tần, nay thấy ông ta, quả nhiên mũi con ong, mắt dài, giọng nói như sói sủa, ngực như chim dữ, rất ít nhân đức, chỉ có dã tâm như lang sói. Quyết tâm đánh chiếm thiên hạ của ông ta có lẽ không thể thay đổi!

An Lăng Quân rất buồn, ông nói:

– Như vậy thì giờ đây, An Lăng muốn tồn tại đã rất khó, nếu muốn vĩnh viễn tồn tại, lại càng khó!

Đường Thư cũng than rằng:

– Thần xem xét các nhà vua hiện còn, thì chỉ có vua Tần là có đại chí hào hùng, số còn lại thì “uống nước quên nguồn”, phản động, ly tâm. Xem ra sáu nước chư hầu, vận nước của họ đã hết rồi, khó lòng phục hồi được nữa. Rất mong bệ hạ bảo vệ nơi này, không để sinh linh tan nát. Được vậy là đã làm vui lòng tiên vương, vừa đáng mặt với bách tính. Còn sau này ra sao, thì tùy theo số trời, không nên khiên cưỡng.

An Lăng Quân là người thông minh đức độ, nên rất hiểu ý tứ của Đường Thư. Từ đó, càng chăm lo chính sự, yêu dân như con, được dân hết sức tôn kính. Tần Vương Chính cũng để cho An Lăng được duy trì tự trị, không đến đánh chiếm. Cho đến khi An Lăng Quân chết (An Lăng Quân là em vua Tương Vương của nước Ngụy – ND), Đường Thư nghĩ rằng nếu bây giờ đưa An Lăng hàng phục nhà Tần, thì ông ta (Đường Thư) có thể làm nên những công việc đáng gì đó. Nhưng trước mắt, các quan lại của An Lăng chung quanh ông đang đấu đá lẫn nhau rất quyết liệt, ngay cả Hàn Phi cũng phải ngậm oan mà chết, cho nên mình chẳng đại gì mà phải làm cái vật trên đe dưới búa. Nhưng ngẫm nghĩ lại thì thấy Tần Vương Chính tuy có quý trọng nhân tài, nhưng cũng rất ghét nhân tài. Nếu mình không hàng ông ta, sẽ bất hạnh; chẳng thà giữ vững danh tiết đức hạnh, còn hơn là để Tần Vương giết chết. Nghĩ vậy, Đường Thư đi tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc chỉnh tề, đến cùng vái khóc than trước bài vị trong lăng miếu nước Ngụy và An Lăng, cũng như trước tổ tiên gia đình mình, sau đó đưa kiếm tự vẫn. Triều đình và dân chúng An Lăng hết sức thương xót Đường Thư, tổ chức quốc tang và để tang ông. Nước Tần tiếp quản An Lăng, không dùng đến vũ lực. Mọi người đều nhớ đến công lao to lớn và ơn đức cao đẹp của An Lăng Quân và Đường Thư. Sau khi nghe nói Đường Thư đã tự vẫn một cách hiên ngang đầy khí phách, Tần Vương Chính than rằng: “Ba quân có thể bắt được chủ soái, nhưng kẻ thất phu thì không thể bị đánh gục ý chí. Đúng vậy thay!”

Nước Ngụy đã bị tiêu diệt, mũi nhọn của quân Tần đương nhiên là chĩa vào nước Sở.

Trước khi đi đánh dẹp quân nổi loạn ở Tân Trịnh, Vương Bôn từng đưa quân đi càn quét ở vùng biên giới nước Sở, cốt để thăm dò tình hình của Sở. Lúc đó, lực lượng của Sở ở vùng biên giới rất thiếu, lại thiếu cả tướng lĩnh có năng lực để bảo vệ lãnh thổ. Cho nên, bị quân Tần liên tục đánh chiếm mười thành. Sau đó, đại tướng Hạng Yên của Sở đưa quân đến chặn đánh quân Tần, mới tạm ổn định. Vương Bôn đành phải đưa quân về và đánh dẹp nổi loạn ở Tân Trịnh. Sau đó, chuyển sang chiến trường miền Đông và năm sau đó bao vây và cho nước làm ngạt Đại Lương của Ngụy. Bây giờ lại khai chiến với Sở, nhiệm vụ chủ công do Lý Tín và Mông Quát đảm nhiệm. Mùa đông năm hai mươi một niên hiệu Tần Vương Chính, Doanh Chính họp quần thần để bàn kế hoạch đánh Sở. Ngài nói:

– Vụ nổi loạn ở Tân Trịnh đã dẹp xong, nước Ngụy sắp diệt vong. Nay đến lượt nước Sở. Nhưng không biết cần bao nhiêu tướng sĩ để đánh thắng nước này?

– Nước Sở tuy đất rộng người đông, nhưng chỉ có tiếng, không có thực lực. Lần trước tướng quân Vương Bôn chỉ thủ qua gươm giáo mà đã chiếm được mười thành dễ như không. Nay tướng sĩ ta đồng tâm hiệp lực, ra sức tấn công, chỉ cần hai mươi vạn là đủ. – Lý Tín vội đứng lên nói trước.

Năm kia, khi quân Tần đánh diệt nước Yên, Lý Tín chỉ mới là đô úy. Trải qua trận kịch chiến ở Dịch Thủy, đánh chiếm Kế Thành, rồi bao vây Liêu Đông, lại lấy được thủ cấp của thái tử Đan, Lý Tín lập được nhiều chiến công lớn, nên nay đã thăng cấp tướng quân. Vì vậy không khỏi có chút đắc chí tự mãn.

– Đánh chiếm các nước nhỏ như Hàn, Yên, mà phải đưa tới trên hai mươi vạn quân. Nay đưa hai mươi vạn đánh Sở là một nước lớn, có hơi ít không? – Tần Vương Chính có phần nào hơi do dự.

Không để người khác nói, Lý Tín ra vẻ thông thạo nói rằng:

– Vua Phụ Sô của nước Sở không biết dùng binh, cũng không dám dùng tướng, đến nỗi vua tôi chia rẽ nhau, lòng quân dao động, không có tướng soái nào muốn đứng ra giúp vua cứu nước, làm sao chống chọi nổi cái th bẻ cành khô đẽo gỗ mục của quân ta. Cho nên chỉ cần hai mươi vạn là quá đủ!

Tần Vương Chính muốn cho chắc chắn hơn, bèn hỏi Vương Tiễn:

– Lão tướng quân thấy như thế nào?

– Nước Sở tuy đã căng ra như dây cung hết cỡ rồi, nhưng kẻ làm tướng của họ vẫn còn lo nghĩ đến đất nước, người chí sĩ vẫn mưu tính việc mất còn của đất nước. Một khi chúng ta vào lãnh thổ của họ, muôn dân nước họ sẽ vùng dậy nhất tề chống địch. Cho nên lão thần cho rằng muốn đánh dẹp nước Sở phải có đủ sáu mươi vạn quân! – Vương Tiễn trịnh trọng phát biểu ý kiến.

Tần Vương Chính vẫn có tư tưởng coi thường kẻ mạnh, rất ghét ai nói đến những thế mạnh của nước khác. Vì vậy, ngài nói nhẹ nhàng với Vương Tiễn:

– Con số mà tướng quân nêu lên, sao lại nhiều thế? Phải chăng là do sợ nước Sở?

Wương Tiễn nói nghiêm túc:

– Lão thần chinh chiến đã hơn năm mươi năm, vào sinh ra tử, đánh trận nhiều lần, bài học cũng nhiều không sao kể hết. Xét tổng thể các mặt thắng bại được thua, muốn đánh một nước lớn như Sở, nếu không có đủ sáu mươi vạn thì khó đánh thắng.

Tần Vương Chính thấy Vương Tiễn cứ khăng khăng giữ ý kiến của mình, bèn nói chế giễu, làm cụt hứng vị lão tướng:

– Mặc dù Liêm Pha vẫn ăn rất khỏe, nhưng chí khí thì không còn nữa, chẳng trách mà ông ta sợ địch!

Wương Tiễn nghe vậy cảm thấy mũi lòng, không thể chấp nhận được. Ông muốn nói vài lời để biện minh cho mình, nhưng nhà vua đã vội khoát tay nói rằng:

– Cầm quân phải cổ vũ tinh thần dũng cảm để tiến lên, cần gì phải có số lượng nhiều mới dám đánh! Ý của ta đã quyết không nhiều lời nữa!

Tiếp đó, ngài nói đồng ý với đề nghị của Lý Tín, huy động hai mươi vạn quân, Lý Tín

làm tướng quân, Mông Quát làm phó, lựa toàn lính tinh nhuệ, tinh thần rất cao, hùng dũng hành quân sang đất Sở.

Vương Tiễn nghĩ rằng tại hội nghị triều đình, mình nói rất trung thực, vậy mà nhà vua không hiểu lại còn bác bỏ. Hơn nữa, còn chế giễu ông, ví ông với lão tướng Liêm Pha của Triệu năm nào, tuy mỗi bữa có thể ăn mười cân gạo mười cân thịt, nhưng lại phải đi đại tiện ba lần, rõ ràng là vô dụng rồi. Từ đó, ông nghĩ rằng hồi ấy Liêm Pha không được vua Triệu là Điệu Tương Vương sử dụng, đành phải chạy sang nước Ngụy, sống tuổi già ở nơi tha hương. Còn Tần Vương Chính mà mình đang phụng sự hiện nay là vị vua rất có triển vọng, không có việc gì vẻ vang hơn là giúp Tần Vương Chính lập công lập nghiệp. Nhưng chỉ nói một câu không vừa ý, là nói người ta sợ địch, sợ đánh nhau. Nói vậy thật là sỉ nhục một lão tướng từng có nhiều chiến công hiển hách, làm sao chịu nổi? Suy đi tính lại, ông thấy nhà vua không còn mặn mà với mình như xưa, thôi thì việc gì mà phải lưu luyến chỗ này nữa. Nghĩ đến đây, ông bỗng thấy lòng mình rất thanh thản, bèn cầm bút viết một bức thư cho nhà vua xin cáo lão về quê. Vua Tần là một người đa nghi, xem xong thư của Vương Tiễn vẫn không vội chấp thuận ngay, mà còn cho gọi ông vào cung, tỏ vẻ ân cần muốn lưu ông ở lại, và hỏi có phải ông giận vì hai người bất đồng ý kiến hôm trước mà ra đi. Vương Tiễn hơi giật mình, cảm thấy quả đúng là “làm bạn với vua như chơi với hổ”, con người này thật là rất khó chung sống. Ông thận trọng nói rõ tâm tư của mình, cốt chứng tỏ rằng mình không hề bất bình với nhà vua, mà quả thật là tuổi già lắm bệnh, không thể cầm quân đánh trận được nữa, nên xin giải giáp về vườn, tìm nơi lá rụng về cội, an dưỡng tuổi già. Lúc này nhà vua mới hết nghi kỵ, chấp nhận cho ông ta về nghỉ ở quê nhà Tần Dương. Trước khi ông ra về, nhà vua còn mở tiệc ở nội cung để tiễn chân. Vua tôi liên tục nâng cốc chúc tụng, cầu yên cầu phúc, cùng mong cho cuộc chinh phục nước Sở được thắng lợi. Để biểu dương công lao to lớn của lão tướng, nhà vua thưởng cho ông một nghìn dật vàng, mười hòm châu báu. Vương Tiễn hết sức cảm ơn hậu đãi của nhà vua, rồi ngâm bài từ sau đây với giọng rần rỏ chân thực (dịch ý):

Tòng quân từ tuổi trái đào,
Tập tành thao luyện binh đao tháng ngày.
Lớn lên đi khắp đó đây,
Dọc ngang chiến trận, tên bay tung trời.
Tuổi già tóc đã điểm sương,
Mình đây thương tích, thôi, nhường việc quân.
Cảm ơn thánh thượng anh minh,
Từ nay tiễn biệt, “quốc tình” không quên.ậ

Khi ngâm đến hai câu cuối cùng, lão tướng quân bất giác rơi hai hàng nước mắt, nghẹn ngào không ngâm thành tiếng. Nhà vua cũng xúc động rớm lệ.

Ngày hôm sau, Tần Vương Chính dẫn đầu một đám triều thần tiễn chân Vương Tiễn. Ngài và Vương Tiễn ngồi cùng một xe, dọc đường cầm tay nhau chuyện trò thân tình vui vẻ, mãi đến khi cách cửa đông Hàm Dương mười dặm mới dừng bước. Vương Tiễn xuống xe một lần nữa bái chào nhà vua, rồi lên xe song mã có mui uốn lượn của mình, từ từ đi về quê hương Tần Dương ở miền Đông nước Tần.

Tần Vương Chính trở về cung Hàm Dương, cảm thấy không vui vì thiếu vắng một lão tướng đã phụng sự triều đình lâu năm, mãi mấy hôm sau ngài mới bình tâm lại. Ngài nghĩ lại cuộc họp triều chính hôm nọ, không hiểu tại sao cách đánh giá của tướng trẻ Lý Tín và của lão tướng Vương Tiễn lại cách xa nhau đến thế? Ngài cho rằng đó là do hai người nhìn nhận khác nhau về tầng lớp thống trị hiện nay của nước Sở và về thực lực quân sự của họ. Lý Tín thì cho rằng vua Phụ Sô của Sở bất tài bất lực, không biết trị quốc cầm quân, chỉ giáng một đòn là xong ngay. Còn Vương Tiễn thì cho rằng nước Sở còn có các tướng lĩnh và chí sĩ quan tâm đến vận mệnh đất nước, muốn ra sức bảo vệ giang sơn của mình, vì vậy không nên khinh địch. Xét cho cùng thì đó là do mỗi người có chấp ý kiến của mình, hay đó chính là sự phản ánh khách quan mặt chính diện và mặt phản diện của sự vật? Tần Vương Chính vừa qua cái tuổi “tam thập nhi lập”, chưa hiểu rõ lắm lịch sử phát

triển và tình hình gần đây của nước khác; thường có thái độ lảng tránh đối với một số sự kiện quan trọng và nhân vật quan trọng nào đó. Điều này cũng cản trở ngài trong việc nhận thức và hiểu biết các nước khác và những người lãnh đạo của họ, như đối với nước Sở chẳng hạn, do đó, không thể đưa ra những phán đoán chính xác.

Lúc bấy giờ, Phụ Sở sở dĩ được lên làm vua nước Sở là do bối cảnh và điều kiện lịch sử đặc biệt. Đó là khoảng ba mươi năm trước, vua Khảo Liệt Vương nước Sở, người đã cử “Xuân Thân Quân” Hoàng Yết đưa quân đánh quân Tần để giải vây cho thành Hàm Đan – bị bệnh không sinh con, ngài bèn tuyển rất nhiều phụ nữ miễn thuế, nhưng vẫn không thể sinh con cho ngài. Lúc ấy có một người nước Triệu, gọi là Lý Viên, muốn đưa em gái mình là Lý Đệ hiến cho Khảo Liệt Vương. Nhưng sau khi nghe tin Khảo Liệt Vương bị bệnh không thể sinh con, nên sợ rằng em gái mình về đó, mãi không sinh con, thì sẽ bị thất sủng. Do đó, không gả em gái về đó nữa. Nhưng Lý Viên nghe nói thừa tướng của nước Sở là Hoàng Yết (Xuân Thân Quân) rất đam mê hiếu sắc, bèn đến nhà Hoàng Yết xin làm môn khách. Dần dần, Lý Viên được Hoàng Yết rất tin tưởng. Một hôm, Hoàng Yết có việc cần, gọi Lý Viên đến gấp, nhưng Lý Viên cố tình đến chậm. Hoàng Yết rất bực, hỏi Lý Viên tại sao đến chậm. Lý Viên nói rằng có một sứ thần nước Tề đến xin cầu thân với em gái mình, phải ngồi nhậu nhẹt để nói chuyện với ông khách đi hỏi vợ đó quá lâu nên đến chậm. Hoàng Yết vội hỏi rằng chuyện gả bán đó đã xong chưa, Lý Viên nói chưa xong. Hoàng Yết bèn bảo Lý Viên đưa em gái đến cho ông ta xem mặt. Lý Viên đã đem em gái mình cho Hoàng Yết. Khi Lý Đệ có thai, hai anh em Lý Viên và Lý Đệ bàn với nhau, để Lý Đệ nhân cơ hội nào đó, nói với Hoàng Yết rằng: “Vua Khảo Liệt Vương rất quý trọng ngài (Hoàng Yết), quan hệ giữa ngài và nhà vua thân mật như anh em ruột. Ngài làm thừa tướng nước Sở đã hơn hai mươi năm rồi, nhưng nhà vua vẫn chưa có con, ông ta sẽ lập anh em của mình làm vua. Nhà vua mới sẽ ban phát vinh hoa phú quý cho người cũ và thân thích của mình. Lúc ấy, liệu ngài còn được tin dùng lâu dài nữa không? Như vậy công sức của ngài trong bao nhiêu năm hóa ra uổng phí hết. Ngài đã làm thừa tướng lâu năm, nhưng quan hệ của ngài với anh em của Khảo Liệt Vương không tốt, có nhiều điều thất lễ. Nếu anh em của nhà vua lên ngôi, thì ngài sẽ nguy, làm sao có thể giữ được cái ghế thừa tướng của ngài? Đất phong hai mươi mấy huyện của ngài ở Giang Đông, chẳng phải là mất toi không? Nay thiếp đã có thai, nhưng chưa ai biết. Thiếp lấy ngài chưa được bao lâu, nếu ngài đem thiếp hiến cho vua Khảo Liệt Vương, nhà vua nhất định sẽ chiều chuộng thiếp. Nếu ông trời phù hộ thiếp sinh con trai, vậy thì nhà vua sau này sẽ là giọt máu của ngài, cha con ngài sẽ chiếm được toàn bộ nước Sở này, chẳng phải là sung sướng hơn rất nhiều so với tình trạng không rõ ràng, tương lai họa hay phúc hiện nay đó sao?”. Hoàng Yết tán thành ý kiến của Lý Đệ và đem hiến nàng cho vua. Nhà vua cho Lý Đệ vào cung, coi là phi. Không lâu sau, Lý Đệ sinh con trai, được lập làm thái tử. Lý Đệ được phong làm hoàng hậu. Cũng vì vậy, nhà vua trọng dụng Lý Viên. Lý Viên dựa có em gái làm hoàng hậu, nên nắm lấy các quyền lực quan trọng trong triều, làm bộ làm tịch, thế lực rất lớn.

Thực ra Lý Viên hiểu rất rõ câu chuyện em gái ông ta được lập làm hoàng hậu và con trai được lập làm thái tử. Vì vậy, rất sợ Hoàng Yết biết và tiết lộ, rồi lấy cái thế “cha của thái tử” để bắt ép ông ta (Lý Viên). Từ đó, Lý Viên ngấm ngấm tập hợp một số người ủng hộ mình và tìm cách giết Hoàng Yết để bịt đầu mối. Nhưng có người biết được mưu đồ này của Lý Viên. Tức là năm thứ hai mươi nhăm sau khi Hoàng Yết làm thừa tướng, Khảo Liệt Vương bị bệnh nặng; một môn khách tên là Chu Anh nói với Hoàng Yết rằng:

– Trên đời này có cái phúc đến bất ngờ, cũng có cái họa đến bất ngờ. Nay ngài đang ở trong cái bất ngờ đó, ngài đang phụng sự một nhà vua “bất ngờ đến”, vậy sẽ có con người “bất ngờ đến”!

Hoàng Yết nghe nói vậy, cảm thấy quái lạ, chẳng hiểu ra sao cả, vội hỏi:

– Phúc đến bất ngờ là như thế nào?

Chu Anh nói:

– Ngài làm thừa tướng hơn hai mươi năm ở nước Sở, danh nghĩa là thừa tướng, thực tế là vua Sở. Nay vua Sở bệnh nặng sắp chết, ngài phò tá nhà vua mới còn nhỏ; có nghĩa là ngài thay mặt nhà vua nắm mọi quyền hành, giống như Y Doãn giúp vua Thành Thang, Chu Công giúp Vũ Vương. Đến khi vua mới lớn lên, mới trao quyền lại cho ông ta. Đó chẳng

phải như xưng vương và nắm trong tay nước Sở đó sao? Đó là cái phúc đến bất ngờ đấy!

Hoàng Yết lại hỏi:

– Vậy cái họa đến bất ngờ là sao?

Chu Anh nói:

– Lý Viên không có quyền trị quốc, nên ngài là tử thù của ông ta. Ông ta không quản việc quân sự, nhưng lại nuôi trong nhà rất nhiều môn đồ sẵn sàng phụng sự ông ta. Việc này đã lâu rồi. Đến khi vua Sở chết, Lý Viên nhất định sẽ cướp lấy chính quyền và giết ngài để bịt đầu mối. Đó là họa đến bất ngờ.

Hoàng Yết lại hỏi:

– Người đến bất ngờ là ai?

Chu Anh nói:

– Ngài xếp tôi vào làm trong phủ “lang trung”, khi vua Sở chết, Lý Viên nhất định sẽ đến đó trước tiên, tôi sẽ giúp ngài giết quách ông ta. Đó là người đến bất ngờ.

Hoàng Yết nghĩ bụng, sự việc không thể như thế. Bèn nói với Chu Anh:

– Ông không nên nói vậy. Lý Viên là một người không có năng lực, không có tài cán gì, tôi xưa nay đối xử với ông ta rất tốt, sao ông ta lại dám giết tôi?

Chu Anh biết là Hoàng Yết không tin mình, nhưng nếu để cho người khác biết việc này, thì bản thân mình sẽ gặp tai họa. Vì vậy, ông ta trốn sang nước khác, để bảo toàn tính mạng. Mười bảy hôm sau khi Chu Anh bỏ trốn, vua Khảo Liệt Vương trút hơi thở cuối cùng. Lý Viên là người đầu tiên đi vào cung, sai tay chân mà mình nuôi dưỡng lâu nay, mai phục tại các cửa trong cung. Hoàng Yết nghe tin vua chết, vội vào cung, khi đi qua cửa thì bị người của Lý Viên giết chết, đầu của ông bị vớt ra ngoài cửa. Lý Viên còn sai võ sĩ vào lục soát trong phủ của Hoàng Yết, giết tất cả hơn năm nghìn người gồm gia quyến, môn khách, người làm, ca kỹ, đầy tớ, bất chấp nam nữ trẻ già; chỉ còn không đầy một trăm người còn sống sót do liều chết chống lại. Họ đều là võ sĩ, hiệp khách của Xuân Thân Quân (Hoàng Yết). Thảm cảnh của phủ Hoàng Yết thật không thể tưởng tượng nổi.

Điều phải suy ngẫm là thừa tướng Hoàng Yết đem người thiếp đã có thai của mình hiến cho vua Sở, để sau đó cướp đoạt ngôi vua, việc này rất giống với Lã Bất Vi ở nước Tần. Nhưng một trọng thần đã làm thừa tướng hai mươi năm như Xuân Thân Quân, lại bị giết hại bởi một tiểu thị dân vô lại như Lý Viên, thì bị kịch hơn cả Lã Bất Vi. Khi Hoàng Yết bị giết ở cửa cung và cả nhà bị giết, thì ở nước Tần cũng đang diễn ra việc bình dẹp cuộc nổi loạn của Lao Ái ở cung Kỳ Niên, và Lao Ái bị phanh thây, Lã Bất Vi bị bãi chức, tức là năm thứ chín niên hiệu Tần Vương Chính. Hai sự việc ở hai nước khớp nhau làm sao! Hơn nữa, những mưu mô ấy đều được thực hiện bằng cách hiến người phụ nữ đã mang thai. Điều này cho thấy cuộc sống xa xỉ hoang dâm, đồi bại bỉ ổi trong các cung đình và vương triều các nước chư hầu nghiêm trọng đến chừng mực nào.

Tài năng xuất chúng của Tần Vương Chính là ở chỗ ông ta có thể dựa vào sự quyết đoán cương nghị, khí khái siêu nhân và đảm lược phi thường của mình để dẹp yên phản loạn, lấy lại kỷ cương phép nước, bảo vệ ổn định của xã tắc. Còn nước Sở, tuy cũng có tình hình tương tự, nhưng kết cục lại trái ngược. Sau khi vua Khảo Liệt Vương chết, con của Lý Đệ là Hùng Hãn nối ngôi vua, gọi là Sở U Vương. U Vương ở ngôi được mười năm rồi bị bệnh chết đột ngột. Lý Đệ lại đưa con thứ hai của mình là Hùng Do lên nối ngôi, lấy tên là Ai Vương. Ai Vương chỉ ở ngôi được hai tháng thì bị lật đổ bởi Phụ Sô, con cả của Khảo Liệt Vương, nhưng khác mẹ với U Vương và Ai Vương. Lúc ấy, Phụ Sô nhờ có đại tướng quân Hạng Yên (“thượng trụ quốc”) giúp sức nên lật đổ được mẹ con Ai Vương. Ai Vương và mẹ là Lý Đệ bị giết. Trước khi bị xử tử, Lý Đệ còn bị các tướng sĩ của Hạng Yên thay phiên nhau đâm đập, giày vò. Toàn bộ số người trong nhà của Lý Viên, gồm gia tộc, gia quyến, môn khách, người làm... tất cả hơn hai vạn người, bị giết hết. Đó là năm hai mươi niên hiệu Tần Vương Chính, cũng tức là năm mà Kinh Kha đâm huyệt vua Tần. Trước đó, Tần Vương Chính đã thân chinh đốc chiến và tiêu diệt nước Hàn, nước Triệu, sau đó về Hàm Dương làm tang cho thái hậu Triệu Cơ. Tiếp đó là bị Kinh Kha suýt nữa hành thích, rất khiếp sợ và bị kích động rất mạnh, trở thành trái tính trái nết.

Khi Úy Liêu và Lý Tư bẩm báo cho Tần Vương Chính tất cả tình hình đồi bại và rối loạn trong cung đình nước Sở, ngài lại nhạy cảm liên tưởng đến thái hậu Triệu Cơ, Lã Bất Vi và Lao Ai của nước Tần, ngài nghi ngờ rằng hai người này (Úy Liêu và Lý Tư) cố tình nói cạnh nói khoe để châm chọc mình. Vì vậy ngài lảng tránh, không muốn nghe nhiều những chuyện của tầng lớp thống trị nước Sở nữa. Lúc này, tư tưởng tốc chiến tốc thắng và khinh địch đang ngự trị trong đầu óc ngài – do tăng lợi quân sự to lớn và liên tục, vì vậy, ngài chấp nhận ý kiến của Lý Tư, chỉ huy động hai mươi vạn binh mã tiêu diệt nước Sở. Nhưng sự thật lại ngược lại, kết quả trái với ý muốn ban đầu.

Lý Tín và Mông Quát đưa hai mươi vạn quân, chia làm hai cánh. Cánh thứ nhất do Lý Tín chỉ huy, đánh Bình Dư. Cánh thứ hai do Mông Quát chỉ huy, đánh Tầm Thành. Chiến sự diễn ra rất thuận lợi. Sau khi đánh chiếm được Bình Dư, Lý Tín thừa thắng tiếp tục đánh chiếm Dĩnh Thành và Ngạc Thành, khí thế rất mạnh. Vì vậy, Lý Tín sinh ra kiêu ngạo. Ông ta sai kỵ binh hỏa tốc thông báo cho Mông Quát tăng cường tấn công, cố gắng giữ được tiến độ như ông ta, để hình thành thế hai gọng kìm, đánh cả phía trước phía sau và đến gặp nhau tại Thành Phụ, sau đó hợp lực cùng tấn công Thọ Xuân (nay thuộc khu vực Tây Nam huyện Thọ, tỉnh An Huy), kinh đô của Sở. Mặt khác, Lý Tín nhờ nhét tư tưởng tốc chiến tốc thắng cho tướng sĩ của mình. Ông ta nói rằng năm ngoái, việc đánh chiếm nước Yên, tấn công Kế Thành, vượt qua sông Diễn Thủy, rồi lấy thủ cấp của thái tử Đan, đều là nhờ liên tục tác chiến, đánh liền một mạch không nghỉ, vì nếu chỉ nghỉ một lúc thôi, cũng tạo cơ hội cho kẻ địch kịp thở, và như vậy sẽ không có thành quả thần tốc và huy hoàng như thế.

Có một vị đô úy nhắc nhở Lý Tín:

– Nước Yên nhỏ yếu, vua Yên nhu nhược, lại bất hòa với thái tử Đan, nội tình lục đục, nên chúng ta mới thắng dễ dàng thế. Nay nước Sở mới có vua mới là Phụ Sô, đang có nhuệ khí. Vả lại tướng quân Hạng Yên là thượng trụ quốc của Sở, lại là một hổ tướng... Những điều này, nước Yên không thể sánh kịp, mong tướng quân chú ý.

Lý Tín ngẩng đầu lên trời cười ha hả rồi chế nhạo viên đô úy ấy rằng:

– Ông đi theo cờ chỉ huy của tôi, đánh mấy trận thắng mới lên được cái chức đô úy, tại sao lại không có cái nhuệ khí như ta đây, mà lại cứ lo ngay ngáy như lão già Vương Tiễn? Chắc là sợ địch mạnh, ngại đánh nhau lắm rồi à? Ông không nhìn thấy quân ta kể từ khi vào Sở đến nay liên tục tác chiến và liên tục đánh thắng hay sao?

Một tràng dài những lời chỉ trích gay gắt của cấp trên làm cho viên đô úy cũng tối sầm mặt mũi, rồi cũng phải lên tiếng tự trách mình và tự nguyện xung phong đi trước hàng quân để thể hiện quyết tâm “làm gương cho binh sĩ”. Tướng sĩ của Lý Tín đều thấm nhuần tư tưởng hiếu chiến hiếu thắng của chủ tướng, nên ai cũng tranh lên hàng đầu, cấp tốc hành quân theo hướng Thành Phụ.

Khi tin quân Tần tấn công cấp báo về Thọ Xuân, và Phụ Sô lập tức gọi tướng Hạng Yên vào cung bàn đối sách. Phụ Sô nói với Hạng Yên:

– Năm ngoái Vương Bôn đưa quân Tần quấy phá vùng biên giới phía Đông nước ta, may nhờ thượng trụ quốc đưa quân đánh chặn mới bảo vệ được lãnh thổ và giữ yên được xã tắc. Nay bọn bạo tàn nước Tần lại đến, ta phải đánh cho chúng thật nặng, để chúng không dám đánh chiếm dù một tấc đất của nước Sở này. Nếu không, bọn chúng lòng tham vô đáy, được đằng chân lân đằng đầu, rất khó đối phó!

– Đại vương nói rất phải, quân Tần tuy dũng cảm gan dạ, nhưng chúng ta cũng không thể tỏ ra yếu đuối. Huống hồ nay chúng ta có mười vạn quân đội, lại tác chiến trên đất của mình, tướng sĩ toàn quân đồng tâm nhất trí, nhất định có thể đánh thắng quân Tần. Chủ trương của bộ hạ là thượng sách! – Hạng Yên tán thành ý kiến của vua Phụ Sô, tích cực chủ trương đưa quân Sở ra ứng chiến quân Tần.

– Vậy thì rất tốt, khanh thống lĩnh hai mươi vạn đón đánh Lý Tín. Ta đưa hai mươi vạn chặn đánh Mông Quát. Bất chấp bọn chúng đến tấn công chúng ta trong thế thắng, nhưng nhất định chúng phải thua chạy rút về! – Vua Phụ Sô lập tức quyết đoán.

– Đại vương là vua cả nước, nên ngồi ở triều đường để chờ tin chiến thắng, không nên ngự giá thân chinh, vì việc giết giặc ở chốn sa trường đã có thần lo liệu.

Hạng Yên biết rõ nhà vua Phụ Sô võ nghệ cũng bình thường, làm sao có thể đối phó được cuộc chiến quyết liệt và quy mô lớn như thế này. Nhưng Phụ Sô rất tự tin, ông ta nói:

- Tiên vương Khảo Liệt và thừa tướng Hoàng Yết đã nhiều lần giữ chức đứng đầu lực lượng hợp tung, thống soái các nước chư hầu đánh nước Tần. Nay ta mới lên nối ngôi, đương nhiên cần phải nêu cao uy lực của tiên vương, đánh bại quân Tần, làm cho nhà Tần hiểu rằng nước Sở của ta ngày nay vẫn không thua kém nước Sở năm xưa, để chúng không dám dòm ngó nước ta nữa. Cuộc kháng chiến chống Tần lần này giành được thắng lợi, sẽ làm nức lòng cả nước, ngôi báu của ta sẽ vững vàng như núi Thái Sơn.

- Bệ hạ đã có chí lớn như vậy, hạ thần đương nhiên phải phụng mệnh.

Hạng Yên thấy nhà vua rất tự tin, nên không muốn làm phật ý ngài nữa. Để bảo vệ an toàn cho nhà vua, Hạng Yên cho một viên phó tướng đi theo hộ giá. Hạng Yên cẩn thận nhắc viên phó tướng ấy rằng:

- Nay tướng Cảnh Kỳ, lần này ông ra ứng chiến quân Tần, nếu tăng thì tùy ông tiếp tục hành động. Nếu không thắng, thì không nên tham công tiếc việc, mà phải hết sức bảo vệ thánh thượng trở về bình an, đó coi như tướng quân đã lập công lớn rồi!

Tướng Cảnh Kỳ cứ vâng dạ liên tục. Tiếp đó, điểm đủ quân số mười hai vạn binh mã, rồi cùng vua Sở Phụ Sô đi về thành Thọ Xuân nghênh chiến quân Tần.

Nhà vua Phụ Sô cưỡi ngựa tiến nhanh lên phía trước trong hàng rào hộ vệ bởi hơn mười viên tướng của Cảnh Kỳ. Ngài nhìn quanh mình, thấy có nhiều tướng sĩ bảo vệ mình; trước và sau chân ngựa của mình, lính bộ binh chạy theo tốc độ của ngựa. Ngài nghĩ rằng đi đánh nhau với thế trận như thế này quả là quá an toàn. Ngài bất giác cười “thượng trụ quốc” Hạng Yên quá cẩn thận, tại sao lại cứ không yên tâm về việc mình thân chinh ra trận cơ chứ? Vậy thì lần này ta nhất định đánh thắng cho ông ấy biết tay, để chứng tỏ rằng ta thay Ai Vương lên ngôi là rất xứng đáng! Đang nghĩ vậy thì bỗng có lệnh ở trên truyền xuống nói phải dừng bước. Khi ngựa bị dây cương kéo lại và dừng ở giữa, và thấy cờ trận đang phát phới bay. Té ra đó là phía trước thấy quân Tần đang đến gần và phó tướng Cảnh Kỳ ra lệnh tất cả sẵn sàng nghênh chiến quân địch.

Quân Tần ở phía trước do Mông Quát chỉ huy. Khi được Lý Tín thông báo, đội quân của Mông Quát cũng tăng tốc hành quân, cố gắng đến Thành Phụ thật sớm để gặp quân Lý Tín ở đó; không ngờ lại gặp quân Sở ở trên con đường phía Bắc huyện Cố Thủy này. Mông Quát ra lệnh cho quân lính dừng lại, vừa quan sát đối phương, thấy lá cờ chiến lớn nhất trong hàng cờ quân Sở có hai chữ “Sở Vương”. Mông Quát liền nghĩ: Chủ tướng Lý Tín yêu cầu ta tấn công hướng này, lại vừa vận gặp vua Sở, thật là đang buồn ngủ lại có gối kê, vận của mình đang may. Nghĩ vậy, Mông Quát ra lệnh cho tướng sĩ phải xông lên ngay khi quân Sở chưa kịp ổn định, bắt sống vua Sở ở Phụ Sô. Trống trận quân Tần nổi lên, nhuệ khí rất cao, sát khí đằng đằng, cả bộ binh, kỵ binh và chiến xa đều ùn ùn xông lên như trào dâng thác đổ.

Lúc bình thường, võ nghệ của Phụ Sô chỉ là đi săn bắn, nhắm trúng mấy con chim điều hâu hay con thỏ, thì còn được. Năm ngoái, khi ông ta cùng với tướng Hạng Yên dựa vào lực lượng đa số tuyệt đối, lật đổ Ai Vương, em cùng cha khác mẹ, cướp được ngôi vị, ông ta cứ tưởng là võ nghệ của mình cao cường lắm. Nhưng nay gặp dũng tướng Mông Quát của quân Tần, trước khí thế dũng mãnh của đối phương, Phụ Sô bỗng nhiên sợ hãi, không dám giục quân nghênh chiến, chỉ chống đỡ miễn cưỡng. Phó tướng Cảnh Kỳ ở bên cạnh, cố bảo vệ nhà vua, nên cũng không dám xông lên phía trước, nên không thể triển khai thế trận phân công có hiệu lực. Chẳng bao lâu sau, quân Tần phá được thế trận của quân Sở, quân Sở tản ra hai bên, quân Tần thọc sâu vào đội ngũ quân Sở, tranh nhau xông đến bắt vua Sở. Phụ Sô sợ khiếp vía, quay ngựa chạy dài. Cảnh Kỳ và các tướng khác vừa bảo vệ Phụ Sô, vừa chống đỡ vừa rút lui. Mông Quát đang trong thế thắng nên không thể buông tha, thúc ngựa và ba quân đuổi theo thật nhanh. Rất may là quân Sở có hai mươi vạn quân, cho nên, mặc dù tinh thần sa sút không cố gắng tác chiến, nhưng vì đông người, nên rất cuộc cũng xông xáo bên này bên kia và ngăn cản được cuộc tấn công của quân Tần. Mông Quát rất sốt ruột, vội ra lệnh đốt lửa bắn tên (hỏa tiễn), xe lương thực của quân Sở lập tức bốc cháy, khói lửa mịt mù cả một góc trời. Quân Sở bị lửa đốt nóng nên chạy tán loạn, tan rã. Phụ Sô quá khiếp sợ nên từ lưng ngựa rơi xuống đất, may mà Cảnh Kỳ đến cứu được, ông ta giành

lấy một cỗ xe ngựa đưa nhà vua đang kinh hồn bạt vía chạy nhanh về Thọ Xuân. Trận này, quân Sở thương vong hơn mười ba vạn, quân Tần chỉ mất một vài vạn. Quân Mông Quát chỉ nghỉ ngơi ít lâu rồi hành quân đến Thành Phụ để gặp quân của chủ tướng Lý Tín ở đó.

Sau khi đánh chiếm được Yên Thành và Dĩnh Thành, quân Lý Tín lại đánh chiếm được sáu thành nhỏ (thành đất, thổ thành) khác của Sở. Quân Sở cứ tháo chạy như vịt, khiến Lý Tín lúc nào cũng mặt mày hớn hở, luôn luôn cười đắc thắng. Ông ta để lại ba vạn binh mã để bảo vệ các thành đã chiếm được đưa bảy vạn tinh binh tiếp tục hành quân. Hôm ấy bỗng có tin cấp báo rằng “thượng trụ quốc” của Sở là Hạng Yên dẫn hai mươi vạn quân đang chờ nghênh chiến ở cách đó năm mươi dặm. Lý Tín vội ra lệnh đóng quân và theo dõi chặt chẽ mọi động tĩnh. Sau khi đóng quân, lại có tin cấp báo: hai vạn tiên quân của quân Sở đang xông tới, còn “hậu quân” của họ thì vẫn không có động tĩnh gì. Lý Tín cười lớn, nói với Mông Nghị rằng: “Chỉ có “tiền quân” mà không có “hậu quân” theo sau, thì đó chỉ là lên thăm dò thực lực của ta mà thôi”. Nói xong bèn sai Mông Nghị đem hai vạn kỵ binh lên nghênh chiến.

Quân hai bên gặp nhau và giao chiến tại một địa điểm cách Nam Tân của sông Hoài hai mươi dặm. Nhưng chưa đánh nhau thì quân Sở đã bỏ chạy về phía Đông Nam. Mông Nghị đuổi theo không kịp, bèn thối còi lui quân. Ông ta nghi quân Sở cố dụ địch, nhưng Lý Tín thì cho rằng quân Sở sợ quân Tần, nên đốc quân mạnh bạo tiến lên, cố gắng đuổi đến Thành Phụ, rồi Thọ Xuân.

Ai ngờ khi quân Tần vừa khởi hành ít lâu, thì đơn vị quân Sở rút lui theo hướng Đông Nam đã quay lại, lợi dụng địa hình địa thế mà họ rất quen thuộc, để bí mật theo sau quân của Lý Tín, cứ đi theo như thế trong ba ngày ba đêm mà quân Lý Tín chẳng hay biết gì; sau đó, bất ngờ xông lên đánh chớp nhoáng và với thế mạnh áp đảo, tiêu diệt hoàn toàn hơn hai vạn quân phía sau của Lý Tín. Lý Tín hay tin, bèn đưa quân quay lại ứng cứu chỉ thấy trước mặt có khoảng mười vạn quân Sở đang xông tới, ông ta vội tránh sang phía Đông, chuẩn bị đến bố trí trận địa trong nội thành của Thành Phụ để chống lại quân Sở. Khi quân Tần cấp tốc hành quân về Thành Phụ thì chẳng gặp trở ngại gì. Nhưng đi được một nửa quãng đường, thì quân Sở mai phục hai bên đường xông lên, cắt quân Tần ra làm đôi. Bộ phận phía trước chỉ lo đánh chiếm Thành Phụ, nhưng khi đến nơi thì thành đã bỏ trống. Chưa kịp xây công sự, thì Hạng Yên đã đưa hai mươi vạn quân lao tới, quân Tần bị bao vây chặt bốn phía. Lý Tín muốn sai người đi gặp Mông Quát để cứu viện, nhưng Mông Quát đang bị quân mai phục của Sở đánh cho tơi tả khi ông ta đưa quân truy đuổi để bắt vua Sở và hành quân về Thành Phụ. Hai cánh quân Tần (Lý Tín và Mông Quát) bị thương vong ba phần tư, chỉ còn lại tám vạn, phải chạy về Thượng Tế, chấp vác đủ số tám vạn, lại quay lại đánh quân Sở. Nhưng lại mắc mưu Hạng Yên, bị đánh bại nặng, tám viên đô úy tử trận, chỉ còn lại mấy nghìn tàn quân chạy về nước Tần.

HỒI THỨ HAI MƯƠI HAI

VƯƠNG TIỄN GIẾT HẠNG YÊN, DIỆT NƯỚC SỞ VUA TÊ TUYỆT THỰC VÌ MẬT NƯỚC

Tại Hàm Dương, Tần Vương Chính lúc đầu liên tiếp nhận được tin thắng trận của Lý Tín và Mông Quát. Nào là đã đánh chiếm được thành Bình Dư, Tầm Thành, Dĩnh Thành, Ngạc Thành và sáu thành nhỏ. Nào là hai cánh quân này đang hành quân như bay về Thành Phụ để gặp nhau ở đó, sau đó phối hợp tấn công Tân Dĩnh (tức Thọ Xuân cũ, nay đổi là Tân Dĩnh)... Những tin thắng trận đó làm cho nhà vua hết sức phấn chấn. Ngài chuẩn bị mặc quân phục chỉnh tề để thân chinh đốc chiến, trực tiếp tham gia chiến dịch đánh chiếm kinh đô nước Sở. Nào ngờ lại có tin cấp báo từ Thành Phụ nói rằng quân Tần đã bị đánh bại, thương vong tám, chín phần mười, chỉ còn mấy nghìn quân sống sót chạy về đóng chốt ở Thượng Sái (đất cũ của Sở, sau bị Tần chiếm, trở thành địa điểm tập trung quân đội và cất giữ lương thực), tám viên đô úy bị giết. Tần Vương Chính nghe tin thua trận, cảm phần vô cùng. Nói về lý, thì ông ta biết rằng “thắng bại là chuyện thường tình của nhà binh”, nhưng về tình cảm, thì ngài không thể chấp nhận được đòn trời giáng này. Mặc dù người chịu trách nhiệm trực tiếp là Lý Tín, một kẻ tự phụ kiêu ngạo, nhưng cũng là do ngài, một ông vua coi trời bằng vung, dung túng, chấp nhận, nên mới bị thảm bại như thế. Để cứu vãn tình thế, Tần Vương Chính lập tức lên một cỗ xe đơn giản, với tùy tùng gọn nhẹ, cấp tốc đi về thôn Tần Dương, cách Hàm Dương hai trăm dặm, để hỏi ý kiến lão tướng Vương Tiễn.

Lúc đó vừa đúng giữa mùa xuân, tiếng chim kêu vọng lên từ cánh đồng, gió thổi từng cơn, hoa nở đầy vườn, mạ xanh khắp ruộng. Lúc ấy, Vương Tiễn đang ở dưới cây dâu trước cổng nhà mình, ông ăn mặc như dân thôn quê, đang kiểm lại các nông cụ, chuẩn bị đi ra đồng, bỗng thấy hai ba đứa trẻ đang dẫn hai cỗ xe ngựa chạy về phía nhà mình. Ông vội bỏ chiếc cày ra và đi ra đón. Cỗ xe vừa đến cổng, ông thấy nhà vua từ trên xe nhảy xuống khi xe chưa kịp dừng hẳn lại. Nhà vua đi đến trước mặt Vương Tiễn và nói ngay:

– Vương lão tướng quân! Vương lão tướng quân!

Wương Tiễn vội quỳ xuống và nói:

– Lão thần nghênh đón bệ hạ! Mong tha tội vì ra đón quá chậm.

– Lão tướng quân nói gì thế? Lần này trẫm đến rất đường đột, còn mong lão tướng rộng lòng tha thứ! – Tần Vương Chính vừa cười khúc khích vừa đỡ Vương Tiễn dậy.

– Thánh thượng giá lâm mà lão thần thì quá đơn sơ xềnh xoàng.

Wương Tiễn lại vái lần nữa rồi đứng dậy đưa nhà vua vào ngồi ở phòng chính, rồi hỏi rất thân tình:

– Bệ hạ lo lắng toàn việc quốc sự, hàng ngày có trăm công nghìn việc, sao hôm nay lại bỏ công việc bận rộn để đến tể xá, có lẽ là vì việc chiến sự ở Sở chăng?

– Lão tướng quân phán đoán như thần, xứng đáng là công thần số một! – Nhà vua khen ngợi Vương Tiễn và nói thật lòng – Trẫm hôm nay đến đây là để tạ tội với tướng quân đấy!

– Bệ hạ anh minh, đức độ như thánh, sao lại nói vậy? – Vương Tiễn sợ hãi, vội quỳ xuống, tinh thần căng thẳng, mắt nhìn nhà vua.

– Xin lão tướng quân mau đứng dậy đi! – Tần Vương Chính vội đỡ ông ta đứng dậy và đưa bức thư báo tin tức chiến sự cho ông ta xem, rồi nói – Xin lão tướng quân xem qua, khắc biết.

Wương Tiễn cầm lấy bức thư báo, xem vội rồi than rằng:

– – Đạo ấy hai tướng Lý và Mông ra trận, lão thần đã dự kiến là “Kiêu binh tất bại”, nhưng không ngờ lại thua thảm bại đến thế!

– Lý Tín kiêu căng là do quả nhân nhẹ dạ cả tin gây nên, cho nên, cái tội ấy là của quả nhân. Mong tướng quân có gì cứ dạy bảo! – Tần Vương Chính chấp tay về phía Vương Tiễn để tự trách mình.

Vương Tiễn vội đáp lại:

– Lão thần tuổi già sức yếu, trí não ngu muội, không còn đủ sức cầm quân ra trận, chỉ mong an phận tuổi già. Thế là đủ lắm rồi!

Tần Vương Chính biết rõ Vương Tiễn vẫn canh cánh bên lòng đối với sự việc được bàn tại hội nghị triều chính lần trước, bèn xin lỗi ông ta một lần nữa:

– Lão tướng rất sáng suốt và đầy mưu trí, quả nhân thật sự khâm phục. Nước Sở đang trời dậy, muốn thắng họ, chỉ có tướng quân mới làm được. Đại Tần ta tiêu diệt sáu nước, thôn tính thiên hạ, việc đó chỉ còn tính từng ngày. Lẽ nào tướng quân lại nhắm tâm ngồi nhìn đại Tần bị nước Sở đánh bại, để cho sự nghiệp của ta bất thành, phụ lòng tiên vương, không làm tròn trọng trách với non sông? Rất mong tướng quân hiểu cho ta và giúp đỡ ta!

Đến đây, Vương Tiễn cũng không cố chấp nữa. Ông nói với nhà vua:

– Nếu bảo lão thần cầm quân đánh Sở, thì nhất thiết phải có sáu mươi vạn quân.

Nhà vua thấy Vương Tiễn đồng ý cầm quân ra trận nên rất mừng. Ngài cười nói:

– Chỉ cần lão tướng quân thân chinh ra trận, thì mọi chuyện đều pho ục từng mệnh lệnh của lão tướng quân.

Thế rồi vua tôi bắt chặt tay nhau, nhìn nhau cười ha hả. Để không bỏ lỡ thời cơ, nhà vua từ chối khéo lời mời thịnh tình của cả nhà lão thần Vương Tiễn, vua tôi đưa nhau lên xe ngựa đi nhanh về Hàm Dương, chuẩn bị đánh Sở.

Chính sách quân sự của Tần là “đền binh ư dân, kết hợp thời bình thời chiến” (gửi quân trong dân, quân và dân rất hợp, thời bình và thời chiến kết hợp). Vì vậy, sáu mươi vạn binh mã được huy động rất nhanh chóng. Vương Tiễn chỉ huy đại quân đó tấn công nước Sở. Đó là năm thứ hai mươi niên hiệu Tần Vương Chính. Nhà vua dẫn đầu các đại thần ra tiễn chân Vương Tiễn tận Bái Thượng. Lúc sắp chia tay, Vương Tiễn đưa cho nhà vua một bản liệt kê, xin nhà vua ban cho ông ta một số tài sản. Trong đó ghi rõ khá nhiều ruộng tốt, nhà cửa, vườn cây, hồ nước, vườn hoa. Nhà vua cười rồi nói:

– Lão tướng quân xin cứ khởi hành đi, chẳng lẽ ông lại lo nghèo ư?

Vương Tiễn nói rất nghiêm túc:

– Đi đánh trận cho bệ hạ, dù có công lớn đến đâu chẳng nữa cũng không được ban tước phong hầu nữa. Nay đại vương còn dùng đến lão thần, lão thần muốn nhân dịp này xin đại vương ban cho một ít tài sản để lại cho con cháu đời sau.

Nhà vua cười lớn, nói rằng:

– Lão tướng quân cứ yên tâm đi, trẫm đồng ý.

Lúc này Vương Tiễn mới thúc quân xuất phát. Khi đến Hàm Cốc Quan, lại còn liên tiếp năm lần sai người đại diện của mình trở về Hàm Dương để nhắc lại với vua Tần về việc xin ngài ban ruộng tốt, nhà đẹp, vườn hoa, công viên, hồ nước. Các tướng sĩ dưới quyền ông nói rằng ông chưa đánh chác gì mà đã đòi hỏi như vậy, liệu có quá đáng không. Vương Tiễn nói rằng đó có gì mà quá đáng. Đối với vua Tần, mọi người đều biết rất rõ, ông ấy rất đa nghi không tin ai cả, nhất là không tin những tướng lĩnh đang nắm rất nhiều quân đội trong tay. Nay sáu mươi vạn quân sĩ cùng cả nước đều giao cho một mình Vương Tiễn, nếu Vương Tiễn không tỏ ra là chỉ lo cho con cháu và chỉ biết tính toán tiền của và gia sản thôi, thì nhà vua chẳng sẽ nghi ngờ Vương Tiễn có dã tâm gì đây. Các tướng sĩ đều gật đầu khen lão tướng suy nghĩ thật chu đáo.

Chiến dịch này của Vương Tiễn chia làm hai cánh quân. Một cánh do ông ta chỉ huy, xuất phát từ Hàm Cốc Quan. Một cánh do Mông Vũ chỉ huy, xuất phát từ Vũ Quan. Hình thành thế trận hai cánh quân cùng tấn công từ hai hướng. Quân của Vương Tiễn sau khi vào đất Sở, bèn bố trí trận địa tại khu vực Bình Dự, và cho thám báo đi sâu vào nội địa để nắm tình hình. Kết quả nhanh chóng cho thấy: năm mươi vạn quân do Hạng Yên chỉ huy đã bố trí trận địa ở phía trước nhưng xa quân Tần, sẵn sàng quyết chiến. Khi nghe tin này, các tướng sĩ dưới quyền đều đến gặp Vương Tiễn xin được ra đánh, để báo thù cho trận đại bại ở Thành Phụ của Lý Tín. Vương Tiễn bình tĩnh nói:

- Quân Sở đang dùng kế “lấy an nhân đánh quân đã mệt mỏi”, lấy “tĩnh kiểm chế động”, chúng ta không thể đi theo vết xe đổ của Lý Tín, mà trước hết phải giữ vững trận địa đã, để chờ thời cơ.

Sau đó ông ra lệnh cho toàn quân: Nhất quyết không được xuất kích, phải gia cố công sự, tăng cường vật chướng ngại, luôn luôn tuần tra canh gác, chú ý theo dõi chặt chẽ mọi động tĩnh của quân địch. Dù quân địch có khiêu khích như thế nào cũng không được phản ứng gì. Ai trái lệnh phải chém.

Vương Tiễn là vị tướng nổi tiếng về giữ nghiêm kỷ luật quân đội và tính toán chiến lược chiến thuật rất chắc chắn và chính xác, các tướng sĩ đều nghiêm chỉnh tuân lệnh, suốt ngày ở lý trong lô cốt, ăn no rồi chơi đùa, mặc kệ cho quân Sở ở bên ngoài chửi bới ầm ĩ. Có khi quân Sở đưa từng tốp nhỏ lính bộ binh và kỵ binh đến khiêu khích nhưng quân Tần cứ im lặng, không hề có phản ứng gì. Cứ thế, hai lực lượng quân sự rất hùng hậu, mỗi bên một trận địa, nhưng bên này thì rất nôn nóng, liên tục khiêu chiến, còn bên kia thì án binh bất động, lặng lẽ như tờ, có cái vẻ vững chãi như bàn thạch. Điều này tỏ rõ tâm trạng tư tưởng và ý đồ chiến lược của tướng lĩnh hai bên.

Thượng trụ quốc của Sở, tướng Hạng Yên có trong tay năm mươi vạn quân, đều dũng cảm thiện chiến. Phó tướng Cảnh Kỳ cũng là một tay không vừa, lại đang ở thế thủ, lẽ ra Hạng Yên phải bình tĩnh chờ địch. Nhưng ông ta rất lo cho Tân Dĩnh (tức Thọ Xuân); vì ở đây nhà vua Phụ Sô đang đích thân chỉ huy một lực lượng rất lớn để bảo vệ kinh thành, nhưng lại ít mưu trí, thiếu can đảm, nhờ ra bị quân Tần tập kích, thì khó mà giữ được thành. Vì vậy, Hạng Yên chủ động khiêu chiến quân Tần, muốn tốc chiến tốc thắng, để đưa quân về bảo vệ Tân Dĩnh. Nhưng quân của Vương Tiễn lại giữ thế thủ, nhất quyết không xuất kích, nhẫn nhục chờ đợi. Chiến thuật của Vương Tiễn lúc này là chờ cho cánh quân của Mông Vũ lọt vào nước Sở (xuất phát từ Vũ Quan), và hành quân đến một khu vực trung tâm nước Sở, khi đó mới phối hợp hành động; ông tránh hành động khi chưa có thời cơ.

Tướng sĩ quân Tần thì rất khó chịu, họ nhiều lần xin chủ tướng cho đánh, nhưng Vương Tiễn đều gạt phắt đi. Ông kiên trì giữ đúng chiến thuật: lấy tĩnh kiểm chế động, chờ đợi thời cơ. Vương Tiễn rất lo các tướng sĩ không kiên nhẫn; ông bèn đi đến tận các doanh trại để nắm tình hình, trao đổi chuyện trò thân thiết với các tướng sĩ, dạy cho họ các động tác chiến thuật, để họ sẵn sàng đánh lớn, đánh những trận ác liệt và chiến thắng. Ông nhắc nhở các tướng sĩ phải ăn tốt, ngủ tốt, chơi tốt; giữ cho sức khỏe dồi dào và tinh thần chiến đấu cao, khi đã xông trận thì chiến đấu dũng cảm vô địch và phải toàn thắng. Các tướng sĩ đều rất cảm kích và yêu mến vị chỉ huy cao tuổi nhưng rất bình dị, gần gũi, thân mật. Mọi người không ai tỏ ra nôn nóng, mà cố thủ trong công sự của mình. Bằng cách đó, quân Tần đã làm tiêu tan và suy sụp nhuệ khí của quân Sở.

Cục diện giằng co giữa hai bên kéo dài tới mấy tháng. Vương Tiễn họp các đô úy để nắm tình hình quân đội. Các đô úy cho biết, hiện nay binh sĩ đã nghỉ ngơi đủ, tinh thần rất hăng hái sẵn sàng, chưa có dịp để thử sức nên đua nhau đấu vật, vật tay, lại thi ném đá nữa. Vương Tiễn gật đầu nói rằng như vậy thì có thể coi như tinh thần quân sĩ đã được nâng cao, có thể xuất phát giao chiến bất cứ lúc nào, nhưng ông còn đang không rõ đội quân của Mông Vũ hiện giờ ra sao. Mọi người bỗng im lặng, họ đã quen rồi, chờ đợi thêm ít lâu cũng chẳng hề gì. Các đô úy đành phải trở về đơn vị mình và thuyết phục binh sĩ cứ yên tâm tiếp tục chờ đợi.

Lại mười ngày nữa trôi qua. Mông Vũ cho kỵ binh đến cấp báo: Sau gần mười trận đánh lớn nhỏ, quân của ông đã chiếm được trọng trấn An Dương ở miền trung Tây nước Sở. Sau khi nghỉ ngơi chút ít, sẽ tấn công kinh đô Tân Dĩnh của Sở. Đề nghị Vương Tiễn đưa quân phối hợp. Vương Tiễn thấy vậy rất mừng, ra lệnh cho các trạm gác chú ý theo dõi chặt tình hình địch, còn tướng sĩ toàn quân phải luôn mặc áo giáp, lắp yên ngựa sẵn sàng xuất kích.

Ch ít lâu sau, có thám báo chạy về nói rằng quân Sở ở phía đối diện bắt đầu tháo dỡ doanh trại, có vẻ như chuẩn bị di chuyển. Toàn quân Tần nghe tin này rất mừng. Đến chiều, quân Sở bắt đầu rút lui. Trong đó, đơn vị ở gần quân Tần nhất chia làm bốn bộ phận và mai phục tại chỗ, để bảo vệ phía sau. Tất cả còn lại gồm các binh chủng: bộ binh, kỵ

binh, chiến xa đi theo đơn vị của mình, người nào cũng ngậm que ở miệng (để khỏi bật thành tiếng, cốt giữ bí mật), ngựa thì đi rất nhanh. Tất cả hành quân hồi hã về hướng An Dương. Tình hình này, quân Tần đã nắm rất rõ từ lâu. Lão tướng Vương Tiễn ngồi trong lán của mình ra lệnh cho mấy vạn phiêu kỵ binh áo giáp đen, mũ sắt đen, ngựa đen phi như bay qua đường tắt, đường vòng, nhanh chóng xuất hiện trước mặt quân Sở như trên trời giáng xuống. Một đơn vị khác của quân Tần, gồm các chiến xa thì đốt đuốc, nổi trống rầm trời, đến bao vây tiêu diệt đoàn xe chở lương thảo của quân Sở. Khi đến gần quân Sở, quân Tần ném các bó đuốc vào xe quân Sở, lửa cháy bùng lên, người cũng bị thiêu đốt, chạy tán loạn, ngựa cũng lồng lộn lên vì cháy. Xe cộ lật nhào ngổn ngang trên đường. Quân Sở ở phía sau phải len lỏi chạy qua từng đống xe cộ và người ngựa đang cháy trên đường, cứ thế giẫm đạp lên nhau, hoàn toàn hỗn loạn. Quân Tần ở mé ngoài xông vào, ra sức chém giết, đốt phá, bắn tên. Quân Sở thương vong quá lớn, kêu khóc thảm thiết; xác người và ngựa, các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh ngổn ngang trên một quãng đường dài mấy chục dặm.

Khi đội quân đi giữa của quân Sở đã bị bộ binh và chiến xa của quân Tần đánh giáp công như vậy, Vương Tiễn mới đưa đại bộ phận quân Tần còn lại xông lên từ phía sau, nhằm quét sạch quân Sở còn mai phục ở hai bên đường. Bộ phận tàn quân của quân Sở đi sau, vừa đánh vừa lui, định đuổi theo bộ phận phía trước của họ, nhưng cũng vấp phải những vật chướng ngại trên đường như bộ phận phía trước nên họ hành quân rất chậm chạp, không còn tinh thần chiến đấu, chỉ ai lo phận nấy, chạy tán loạn khắp nơi. Quân Tần tản ra hai bên đường làm thành bề dày của mạng lưới; hai cánh còn lại triển khai lên phía trên, rồi dần khép lại, nhốt quân Sở vào trong lưới. Quân Sở chạy theo hướng nào cũng bị chặn lại.

Lúc ấy, tướng Hạng Yên của quân Sở đang đưa một đội quân hành quân về hướng An Dương, cốt để chặn đánh cuộc tấn công của Mông Vũ vào thành Tân Dĩnh. Nhưng vài hôm nay, ông ta toàn nhận được tin bại trận, tổn thất rất lớn. Ông ta nghĩ rằng, nếu vận dụng chiến thuật thường lệ, cứ cho quân dừng lại, bố trí trận địa để đánh “trận địa chiến” với quân Tần sắp đuổi tới; như vậy, quân Sở có thể dựa vào địa thế mà mình quen thuộc, dễ dàng ẩn nấp, có thể chặn đứng cuộc tấn công của quân Tần, thậm chí có thể đánh thắng, xoay chuyển được cục diện thất bại vừa rồi và thu hồi được đất đai đã mất. Nghĩ vậy, ông liền ra lệnh dừng chân, chiếm lĩnh các vị trí lợi thế, đóng doanh trại, đào công sự, xây thành lũy nhằm khôi phục sĩ khí của binh lính, chuẩn bị tử chiến với quân Tần.

Nhà vua Phụ Sô cứ hy vọng vào mấy chục vạn tướng sĩ sẽ chiến đấu hy sinh vì ông ta, còn bản thân nhà vua thì tham sống sợ chết, hưởng lạc cầu an. Vì vậy, khi thấy tướng Hạng Yên đưa một lực lượng lớn quân đội đóng tại Bình Dư, đối diện với trận địa quân Tần của đại tướng quân Vương Tiễn, nhưng đã mấy tháng rồi, chẳng có động tĩnh gì, nhà vua bắt đầu sinh nghi. Bởi vì ngài nhờ có vị “Thượng trụ quốc” Hạng Yên này dùng vũ lực ủng hộ nên mới thực hiện được âm mưu đảo chính, giết được em là Ai Vương Hùng Do, cướp được ngôi vua. Vì vậy, nhà vua thấy được tầm quan trọng và sự nguy hiểm của binh quyền. Ngài lên ngôi đã hai năm nay, rất yên tâm với quyền lực mà mình đang nắm, không chú ý đến việc chỉnh đốn triều đình và cung điện. Tình trạng đồi bại, dâm ô không những không bị ngăn chặn, mà còn tăng lên mạnh mẽ. Về việc này, “Thượng trụ quốc” Hạng Yên đã can gián rất quyết liệt, nhưng Phụ Sô không những không kịp thời tỉnh ngộ; ngược lại, nhà vua còn cho rằng Hạng Yên ỷ thế có quyền nên sinh ra ngạo mạn, phạm thượng, thậm chí có dã tâm muốn chiếm ngôi vua. Từ đó, nhà vua có ý đề phòng Hạng Yên, muốn tìm một cơ hội nào đó để tước binh quyền của ông ta. Vừa lúc ấy, Lý Tín và Mông Quát đưa hai mươi vạn quân Tần đến xâm phạm, tình hình nguy cấp. Ngài bèn sai Hạng Yên cầm quân xuất kích; bản thân ngài ngự giá thân chinh đối phó với Mông Quát. Mặc dù bị Mông Quát đánh bại phải tháo chạy, nhưng Hạng Yên nhờ vào tài trí và dũng cảm của mình, đã đánh thắng quân Tần ở Thành Phụ và thu hồi được đất đai. Nhờ vậy, nước Sở được yên ổn một thời gian. Ngài cũng thấy Hạng Yên quả xứng đáng là cột trụ của nước Sở, là vị tướng bảo vệ nhà vua tốt nhất. Bây giờ Vương Tiễn và Mông Vũ lại đưa quân đến, ngài vẫn cử Hạng Yên làm soái, đưa năm mươi vạn quân ra biên giới phía Tây chống quân Tần. Ngài nghĩ rằng “Thượng trụ quốc” sẽ phát huy cái uy lực của chiến thắng lần trước, nhanh chóng đánh bại quân Tần, như vậy, cái ngài vàng của ngài sẽ bình an vô sự. Nào ngờ đã mấy tháng trôi qua, mặc dù đã nhiều lần cho người ra trận tuyển để hỏi cho rõ

nhưng Hạng Yên vẫn án binh bất động. Ngài rất nghi ngờ. Ngài nghĩ rằng Hạng Yên và Vương Tiễn đều là các tướng tài, anh dũng thiện chiến; vả lại hai bên đã dàn binh bố trận cả rồi, mỗi người cầm đầu mỗi bên, vậy tại sao không khởi sự? Rất có khả năng là Vương Tiễn thấy Hạng Yên có tài nên dụ hàng, theo kiểu “Anh hùng tương ngộ, người khôn lại quý người khôn”. Nếu Hạng Yên cho rằng mình không còn cách nào để tự cứu thoát nữa, cũng có thể đầu hàng quân Tần theo tinh thần “Người khôn phải tìm minh chủ”. Trong gần một trăm năm nay, hiện tượng quay mũi giáo ở chiến trường như thế, xảy ra rất nhiều, chẳng có gì lạ. Nếu đúng như vậy, thì ngôi báu của ngài, giang sơn của ngài sẽ lọt vào tay kẻ khác, không đáng tiếc sao...?

Vua Phụ Sô càng nghĩ càng nghi ngờ. Cuối cùng ngài quyết định tự mình đưa hai mươi vạn quân, cử Khuất Định làm phó tướng, ra mặt trận để “thăm hỏi” quân đội. Nếu thấy có hiện tượng không bình thường, sẽ lập tức tước đoạt binh quyền của Hạng Yên, cử Khuất Định làm soái để đánh quân Tần. Khi ngài và Khuất Định đang cấp tốc hành quân, thì Vương Tiễn sai mấy kỵ binh “đen” từ phía trước xông tới. Đây là đơn vị kỵ binh hùng mạnh thiện chiến của quân Tần. Mục tiêu của họ là đuổi theo quân của Hạng Yên. Họ hành quân nhanh như bay, nên vượt qua cả đối thủ lúc nào không biết, cứ tưởng là quân của Hạng Yên đang ở phía trước; tưởng rằng mình chưa đuổi kịp Hạng Yên. Họ không biết là Hạng Yên đã dừng chân và bố trí trận địa ở dọc đường. Nay bất ngờ gặp quân của Sở mang cờ có chữ “Sở Vương”, họ mừng quá, liền thổi kèn liên hồi, đốc toàn lực xông vào quân của “Sở Vương”.

Sở Vương Phụ Sô thấy quân Tần xông tới, liền nghĩ rằng Hạng Yên đã đầu hàng quân Tần rồi. Nếu không, cho dù Hạng Yên có bị thua đi nữa, thì Hạng Yên phải đến trước, có sao quân Tần lại đến trước. Nhưng quân Tần xuất hiện quá đột ngột, ngài không kịp ra lệnh cho quân đi sau chuyển lên phía trước, nên bảo phó tướng Khuất Định dừng ngay quân và triển khai trận địa, lấy chiến xa ngăn phía trước, tổ chức lại bộ binh và kỵ binh để sẵn sàng đánh giáp lá cà kiểu “tao ngộ chiến” (gặp nhau, phải đánh) với quân Tần. Quân hai bên đâm chém lẫn nhau đâm máu, không bên nào chịu thua.

Quân Sở nhờ có trận địa ổn định, nên triển khai thế trận dài ra, chặn được mũi xung kích của quân Tần. Hơn nữa, quân số của Sở gấp ba lần của quân Tần, nên có ưu thế hơn. Phó tướng Khuất Định cũng rất giỏi, tự mình nổi trống trận, chỉ huy quân Sở quyết chiến. Còn quân kỵ binh của Tần, do phải hành quân ngày đêm, người và ngựa đều mệt. Vả lại, chỉ có một bộ binh đơn thuần, rất dễ bị đối phương chặn đứng. Cho nên, sau một hồi kịch chiến, quân Tần dần dần đuối sức, không chống đỡ nổi. Vua Phụ Sô thấy tình hình có lợi, bèn chủ quan khinh địch, liền lĩnh thúc ngựa cầm kiếm xông lên đánh quân Tần, bắt chấp lời khuyên của Khuất Định. Lúc ấy quân Tần đang cố sức chống đỡ bỗng thấy một vị tướng xông tới, đằng sau lại có một đội kỵ binh đi theo hộ vệ, họ cứ tưởng rằng đây là chủ soái của quân Sở. Còn đang không rõ thực hư thế nào, họ cứ dàn ra xung quanh, dành ra một khoảng trống ở giữa, chuẩn bị ứng chiến. Phó tướng Khuất Định thấy đây là cơ hội tốt, vội thúc ngựa vung giáo, theo sát phía sau vua Phụ Sô và xông lên. Trong lúc quân Sở đang thắng thế như vậy, thì bỗng một toán quân Tần từ hướng Tây Bắc xông tới. Đó là đội quân do Mông Vũ chỉ huy, xuất phát từ An Dương tới. Quân kỵ binh của Tần thấy quân tiếp viện đến, tất nhiên là rất vui mừng, vội chuyển từ thế thủ sang thế công.

Trong khi đó, nhà vua Phụ Sô, người đã bị Mông Quát đánh cho thua tới bởi lần trước, nay thấy chữ “Mông” to tướng, liền sợ hãi kinh hoàng, vội cho quay ngựa tháo chạy. Quân của Mông Vũ thừa thế tấn công mãnh liệt. Quân Sở bị bất ngờ nên không kịp đề phòng, thế trận tan rã, phải rút chạy. Quân Mông Vũ đuổi theo. Nhờ có các tướng lĩnh do Khuất Định cầm đầu bảo vệ, vua Phụ Sô cầm đầu cầm cổ chạy thực mạng, khi về đến kinh đô Tân Dĩnh, bèn đóng chặt cổng thành, rút cầu treo, không dám ra ứng chiến nữa.

Lúc ấy, Hạng Yên bố trí trận địa tại Hoài Dương cốt để chặn quân Tần. Theo thói quen, Hạng Yên bố trí trận địa theo kiểu có nhiều tầng, gồm chiến xa, bộ binh, kỵ binh. Còn lợi dụng địa hình để chiếm các điểm cao, có thể giám sát quân Tần đang xông tới. Vương Tiễn thấy quân Sở đã ngừng lại để ứng chiến. chúng tỏ quân kỵ binh của Tần đã ở phía trước quân Sở rồi, nên không đánh vào quân Sở nữa. Nhưng họ lại không hiểu rõ quân của Mông Vũ triển khai như thế nào, nếu quân Sở tăng viện cho Hạng Yên thì bản thân Vương Tiễn khó có thể tiến được. Để tranh thủ thời gian, Vương Tiễn chia đôi đội quân của mình

thành nhiều đợt và nhiều hướng để thay phiên nhau đánh mạnh vào quân Sở. Quân của Hạng Yên đóng quân trên các điểm cao, giữ vững được trận địa, bố trí chiến xa ở phía trước, kỵ binh ở giữa, bộ binh ở sau cùng; trước sau đều liên hệ chặt chẽ với nhau, phối hợp tác chiến. Khi quân hai bên tiếp cận rất gần nhau, bộ binh sẽ dùng kiếm và giáo liễu chết quyết chiến. Vì quân Sở biết rõ, nếu phòng tuyến này không giữ được, thì nước Sở sẽ khó mà giữ được. Vì vậy tất cả đều liều chết hy sinh, kiên trì chiến đấu. Mỗi lần giao chiến, hai bên đều thương vong rất nhiều. Cứ sau mỗi lúc ngừng lại để chấn chỉnh, họ lại lao vào nhau, lại chết chóc, bắt phân thắng bại.

Nhưng quân Sở có điểm yếu đó là lương thảo và đồ quân nhu đã bị quân Tần đốt rất nhiều ở dọc đường. Những thứ còn mang theo được đã dùng hết sạch. Để tiếp tục tác chiến, cần phải có thêm lương thảo. Nhưng việc tiếp tế ngày càng giảm, thể lực quân sĩ ngày càng không thể trụ nổi. Mặc dù đã liên tục cho người đến các quận huyện ở gần đó trưng thu, nhưng lại bị quân Tần cắt đứt đường giao thông. Tình hình rất nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến tinh thần chiến đấu của quân lính. Nhất là đến ngày thứ tư, sau khi đã kiên trì tác chiến trong tình trạng đó, lại có tin cấp báo từ Tân Dĩnh tới: quân Tần của Mông Vũ đang đuổi theo vua Phụ Sô, Tân Dĩnh đang lâm nguy. Hạng Yên tuy rất bất bình với nhà vua Phụ Sô, nhưng vẫn là một tướng lĩnh giàu lòng yêu nước, trong khi quân lính hết lương thực đã lâu, không thể chống cự quân Tần được nữa, Hạng Yên phải gạt nước mắt rút quân. Quân Sở vừa đói vừa mệt, khi rút lui cũng chẳng còn đội hình gì nữa, liền bị quân Tần đuổi đánh rất mạnh, nên thương vong khá lớn. Để giảm bớt thương vong, Hạng Yên tự mình đi sau cùng, vừa đánh vừa lui. Sau một ngày đêm rút lui trong hoảng loạn, quân Sở phải chật vật lắm mới về đến Tân Dĩnh. Cầu treo từ trên thành cao được hạ xuống, cổng thành được mở rộng, tàn binh bại tướng lần lượt vào thành. Hạng Yên đi sausấp sửa đi ngựa qua cầu treo, thì bỗng từ trên tường thành có nhiều mũi tên bắn vào ông ta, tướng Khuất Định đứng trên cao lớn tiếng chửi mắng Hạng Yên đã phản bội và đầu hàng. Hạng Yên kinh ngạc vô cùng, định thanh minh nhưng suýt bị trúng tên, đành phải vội vàng quay ngựa, đưa theo hơn một vạn tàn quân chạy nhanh về phía Nam sông Noài, tìm một nơi trú chân khác.

Trong cuộc chiến tranh lớn, kéo dài nửa năm ấy, năm mươi vạn quân Sở bị tiêu diệt hơn một nửa, chỉ còn hai mươi vạn, rút về đóng ở Tân Dĩnh. Sau đó, bị năm mươi vạn quân của Vương Tiễn và Mông Vũ phối hợp bao vây và tấn công trong ba tháng, cuối cùng bị thất bại, hai phó thống soái bị chết, vua Phụ Sô bị bắt; chỉ còn lại Hạng Yên và tàn quân của ông ở vùng phía Nam sông Noài. Ở đây, Hạng Yên lập Xương Bình Quân (từng làm tả thừa tướng của Tần Vương Chính ở Hàm Dương) làm vua Sở, để tiếp tục gây giặc.

Hạng Yên là hậu duệ của danh tướng nước Sở, anh dũng thiện chiến, túc trí đa mưu, nhưng ở vào cuối thời kỳ Chiến Quốc, các nước chư hầu lúc hòa lúc chiến, tình hình ngày càng xấu, tài năng của ông không thể phát huy. Nhất là, ông thấy nước Sở của ông xảy ra không biết bao nhiêu là chuyện đổ máu trong cung đình, tranh giành cướp đoạt quyền bính; đó thật là điều rất đau lòng. Trong tình hình đó, ông đặt hy vọng vào Phụ Sô nên đã giúp Phụ Sô lên ngôi; nhờ vậy, bản thân ông cũng được phong làm “Thượng trụ quốc”. Ông cứ tưởng rằng từ nay có thể phò tá minh chủ, cố gắng trị nước yên dân, chấn hưng khí thế oai hùng của nước Sở. Nhưng Phụ Sô lên ngôi không được bao lâu, thì bỏ bê việc triều chính, lao vào vui chơi hưởng lạc, nghe lời gian nịnh, đả kích người tốt. May nhờ trong cuộc chiến chống Tần lần trước, ông đánh bại Lý Tín, mới không bị hãm hại. Lần này, Vương Tiễn, Mông Vũ đưa một lực lượng lớn quân đội sang xâm lấn, ông chỉ huy năm mươi vạn quân vào sinh ra tử vậy mà bị vu cáo là phản tặc, đầu hàng. Ông căm phẫn vô cùng. Ông biết rằng Phụ Sô hủ bại và bất lực, nước Sở đang lâm nguy, ông cũng muốn tự lên ngôi vua, nhưng vì đã từng giúp Phụ Sô làm đảo chính cướp quyền, nên tôn thất hoàng gia nhiều người khiển trách ông ta. Nay nếu tự lập làm vua, thì cái tội phản tặc không thể chối cãi vào đâu được. Vì vậy, chỉ có thể làm bề tôi để đưa Xương Bình Quân làm vua Sở. Nhưng cũng không ngờ rằng việc này cũng là một sai lầm, khiến ông hối hận mãi. Bởi vì Xương Bình Quân tuy là công tử hoàng gia nước Sở, nhưng chỉ có cái hư danh, không có thực tài. Do tầng lớp thống trị trong nước đấu đá lẫn nhau, nên Xương Bình Quân bị tẩy chay, chạy sang nước Tần và được giữ chức “Khách khanh” của Tần. Tại Tần, nhờ biết tùy cơ ứng biến, giỏi ứng xử thích hợp với mọi trường hợp biến động xung quanh, nên có công trạng trong việc dẹp loạn Lao Ái. Nhân lúc Lã Bất Vi bị bãi chức vì liên quan với vụ Lao Ái,

Xương Bình Quân lại được phong chức tả thừa tướng, thật là điều gặp gió, được ưu ái nhiều bề. Sau đó, nhà Tần trục xuất người nước ngoài, Xương Bình Quân cũng bị đuổi. Nhưng nhờ có sự can gián của Lý Tư nên lại trở về Hàm Dương. Tuy vậy, ông ta không tự cảnh giác, lại đổ ky với người hiền tài, tham gia vào việc hãm hại Hàn Phi. Sau đó việc này đã bị Tần Vương phát hiện; Xương Bình Quân bị bãi chức tả thừa tướng và đưa đi Tân Trịnh làm “quan” của đất phong ở đó. Mùa đông năm ấy, tức năm hai mươi mốt niên hiệu Tần Vương Chính, Vương Bôn đến Tân Trịnh dẹp loạn, Xương Bình Quân vội bỏ Tân Trịnh trở về nước Sở, quê hương đã cách biệt lâu ngày, rồi xuất hiện bên cạnh vua mới Phụ Sô và tướng Hạng Yên đang nắm binh quyền. Xương Bình Quân có con mắt của một chính khách, nên dự đoán rằng Phụ Sô nhất định để mất nước. Vì vậy, ông ta hợp tác với danh nghĩa công tử nước Sở.

Nếu Xương Bình Quân biết dẹp bớt tham vọng, chăm lo việc nước việc dân, thì có lẽ cũng được yên ổn một nơi để sống hết ngày tàn như An Lăng Quân. Nhưng ông ta lại không như thế. Ông ta sợ thiên hạ chưa biết mình đã làm vua nước Sở nên ra sức huênh hoang, rêu rao rằng Tần Vương Chính bội tín thất nghĩa, quên mất ông ta (Xương Bình Quân) là một đại ân nhân. Đặc biệt, ông ta nói rất nhiều và rất hùng hồn về những chuyện xấu xa ở nhà Tần như việc thái hậu dâm ô với Lã Bất Vi và Lao Ai, việc Tần Doanh Chính rất tàn bạo như xé xác cha dượng, ban chết “Trọng phụ”, hãm hại Hàn Phi, giết chết hai mươi bảy người can gián, v.v.... ông ta xoáy vào những chuyện đó, cốt để kích động tâm lý chống Tần. Nhưng lúc ấy, đại bộ phận các nước chư hầu đã bị Tần tiêu diệt, không thể hình thành lực lượng vũ trang liên hợp chống Tần nữa. Và lại, sau khi Tần Vương biết được luận điệu nói trên của Xương Bình Quân, ông ta tức giận điên người, bèn sai Vương Tiễn cấp tốc tấn công tiêu diệt lực lượng tàn quân ấy của nước Sở.

Năm hai mươi tư niên hiệu Tần Vương Chính (năm 223 trước Công nguyên), Vương Tiễn và Mông Vũ đưa bốn mươi vạn quân đến khu vực phía Nam sông Noài, thuộc địa bàn của Xương Bình Quân. Xương Bình Quân và Hạng Yên dốc toàn lực ra chỉ có hai mươi vạn quân. Mỗi bên đóng quân tại mỗi bờ sông Noài. Quân Tần ở bờ Bắc, quân Sở ở bờ Nam. Hai bên đánh nhau nhiều lần, cả dưới nước lẫn trên bộ, bên nào cũng có thương vong. Sau một thời gian giằng co cầm cự, Vương Tiễn ra lệnh cho Mông Vũ đưa mười ba vạn quân tinh nhuệ vượt sông Noài tại một địa điểm ở cách Xương Bình (một đô thành mới xây của Sở trên bờ sông Noài, mười dặm về phía Bắc, tạo nên thế trận chủ công, thu hút sự chú ý của Hạng Yên, khiến ông ta phải rút quân về bảo vệ Xương Bình. Trong khi đó, Vương Tiễn chỉ huy hai mươi nhăm vạn quân đang đêm vượt sông tại Thạch Kỳ, Mông Quát đưa hai vạn kỵ binh vượt sông tại một bến khác. Ba đơn vị quân Tần đều vượt sông và tạo thành các mũi tấn công quân Sở, chỉ chờ cơ hội đánh chiếm Xương Bình, là nơi mới xây dựng của nước Sở. Quân số của Sở chỉ bằng một phần hai của Tần. Trong đó, Xương Bình Quân chỉ huy một phần ít hơn để bảo vệ Xương Bình; Hạng Yên chỉ huy mười lăm vạn thủy lục quân; chống trả quân Tần tại tuyến bờ Nam Noài, tuyến sông này vừa dài vừa hẹp. Do chênh lệch về quân số, nên quân của Hạng Yên yếu dần và cuối cùng tan rã trên toàn tuyến. Quân của Vương Tiễn và Mông Vũ vượt sông phối hợp bao vây thành Xương Bình. Xương Bình Quân tổ chức và chỉ huy việc bảo vệ thành, bị giết chết trong cuộc hỗn chiến. Hạng Yên đưa quân về cứu thành Xương Bình, nhưng dọc đường cũng bị quân Tần bao vây. Ông đã dũng cảm chiến đấu, rất nhiều quân Tần bị thương vong, nhưng rốt cuộc vẫn không thoát, ông cảm phần vô cùng, rút kiếm ngửa mặt lên trời, rơi hai hàng nước mắt, kêu than: “Lẽ ra ta không nên giúp Phụ Sô, một kẻ hại nước hại dân, vô dụng bất lực, ta thật là hổ thẹn với tiên vương!”. Nói xong đưa kiếm cứa vào cổ tự vẫn.

Đến đây, nước Sở của Xương Bình Quân bị tiêu diệt. Năm sau, tức năm 25 niên hiệu Tần Vương Chính (năm 222 trước Công nguyên); Vương Bôn chỉ huy quân Tần đánh Liêu Đông của nước Yên, bắt vua Vương Hỷ. Sau đó, đưa quân về miền Bắc, diệt nước Đại, bắt Vương Gia của Đại. Cùng lúc đó, Vương Tiễn, Mông Vũ đưa quân bình dẹp nước Sở; thay đổi thể chế quận Cối Kê. Toàn bộ lãnh thổ nước Sở đều được đưa vào bản đồ nước Tần. Mùa hè năm ấy, để phát huy uy thế đánh thắng năm nước Hàn, Triệu, Yên, Ngụy, Sở, Tần Vương Chính sai Vương Bôn đưa ba mươi vạn quân tấn công nước Tề, nước chư hầu cuối cùng.

Tề vốn là một cường quốc trong “Thất Hùng”. Khi Quân Trạng giúp Tề Hoàn Công là thời kỳ cực thịnh của nước Tề. Lúc này, Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công của nước Tấn đều

xung bá chủ các nước chư hầu. Sau đó còn có Mạnh Thường Quân (Điền Văn) người nước Tề, làm thừa tướng của vua Chiêu Vương nhà Tần, sau vì nhớ quê hương tổ quốc nên trốn về Tề, làm thừa tướng nước Tề, phò tá Tề Mẫn Công trị nước, đạt được nhiều công lao to lớn. Đặc biệt có người niên khánh của Mạnh Thường Quân là Bằng Noãn, giúp ông ta thi hành chính sách “đốt khe ước để miễn thuế”, rất được lòng dân, đã nói lên vua tôi nước Tề lúc bấy giờ rất quan tâm đến nỗi khổ của dân, và thi hành chính sách thương dân trị quốc; vì vậy, nước mạnh dân giàu. Nhưng đến thời kỳ Tề Vương Kiến thì vua suy đồi, chính sách sai lầm, quân đội bạc nhược, đất nước yếu kém. Từ đó, không ngóc đầu lên được nữa. Đứng trước sự xâm lược của nước Tần, Tề Vương Kiến không dám chống lại, chỉ một mực nhân nhượng, rồi đưa rất nhiều vàng bạc châu báu để biếu xén, mong được giảng hòa để tiếp tục cầu an hưởng lạc. Khi thấy nước láng giềng bị Tần xâm lược, Tề Vương Kiến không hề giúp đỡ; thấy nước láng giềng bị mất đất mất quân, cũng mặc kệ không cứu giúp. Thừa tướng Hậu Thắng của ông ta là một gian thần, bán nước cầu vinh, lòng tham vô đáy. Hậu Thắng nhận rất nhiều vàng bạc hối lộ của Tần, nên tích cực khuyên Tề Vương nên hòa hữu với Tần, chắc chắn rằng nước Tần không có tham vọng xâm chiếm lãnh thổ của Tề. Tề cố nhiên tin lời Hậu Thắng, suốt mấy chục năm không chăm lo việc quân, không chuẩn bị chiến tranh, sống an nhàn vô sự, thật chẳng khác nào tự lừa mình dối người.

Tần Vương Chính nghĩ rằng Tề Vương có thể làm nhân vật trung gian giữa các nước chư hầu, có thể dùng vật chất để sử dụng ông ta. Vì vậy, ngài thường xuyên sai người đút lót vàng bạc châu báu cho Hậu Thắng, nhằm thông qua Hậu Thắng để khen ngợi chính sách trung lập của người nước Tề; đồng thời, cũng để lôi kéo Hậu Thắng. Tề Vương rất cảm kích trước thái độ đó của Tần Vương, tuy được Tần Vương nể trọng nhưng cũng sợ hãi ông vua tàn bạo này; vì vậy, luôn luôn làm theo ý muốn của nước Tần trong quan hệ với các nước chư hầu, coi mình như cái đuôi của Tần Vương Chính chỉ đâu đánh đó. Năm thứ sáu niên hiệu Hạng Yên (năm 241 trước Công nguyên), vua nước Sở là An Ly Vương cầm đầu hợp tung các nước chư hầu đánh Tần, các nước Hàn, Ngụy, Triệu, Vệ đều tham gia, riêng Tề thì không. May mà năm ấy, Tần đánh bại liên quân. Hậu Thắng khua môi múa mép trước mặt Vương Kiến rằng, nước Tần là đương kim bá chủ, chỉ có thể khuất phục và cầu hòa với Tần, không thể chống lại nước này được; may mà nước Tề không tham gia; nếu không, hậu quả rất khó lường. Tề Vương gật đầu lia lịa nói phải, phải, nước cờ của họ đã đi đúng, dựa vào nước Tần là vững chắc. Về sau, Tề Vương rút ra một quy luật: ăn cây nào rào cây ấy, không đếm xỉa gì đến bất cứ ai khác, dù cho người khác có tan cửa nát nhà như thế nào, chỉ cần bản thân mình yên hưởng phúc lộc là được. Vua tôi nói với nhau như vậy rồi cùng cười ha hả, rất đắc chí.

Sau đó, nước Tần diệt Hàn, Triệu; Tề Vương cũng không hề rút ra bài học để cảnh giác; ngược lại còn cử sứ giả đến Hàm Dương chúc mừng. Tần Vương mời sứ giả của Tề ở lại tham gia lễ mừng công ban thưởng rất long trọng. Lại còn nhờ vị sứ giả này mang về rất nhiều châu báu và báu vật để cảm ơn Tề Vương, thậm trọng nhắc lại quan hệ hòa hữu giữa hai nước. Những điều đó làm cho Tề Vương càng thêm yên tâm, chẳng phải lo nghĩ gì đến mọi chuyện, cứ việc hưởng lạc cầu vinh. Năm kia, Vương Tiên và Lý Tín của Tần đưa quân đánh nước Yên ở Liêu Đông. Hai viên tướng này đưa quân đi qua biên giới của Tề. Tề Vương và Hậu Thắng đích thân đến tận nơi tiếp giáp biên giới để thăm hỏi quân Tần, bày tỏ tình thân thiện. Quân Tần nhiều lần qua lại vùng biên giới phía Bắc của Tề, đều không quấy nhiễu dân Tề, làm cho Tề Vương càng tin lời của nước Tần về quan hệ hòa hữu giữa hai nước.

Nhưng khi nước Sở bị nước Tần tiêu diệt, mà Sở là một nước lớn ở ngay sát nách nước Tề; rồi tiếp ngay đó, Vương Bôn đưa ba mươi vạn quân Tần đột nhập vào Tây Bắc nước Tề. Lúc này, Tề Vương mới giật mình, vội hỏi thừa tướng Hậu Thắng xem cuộc đàm phán giữa ông ta và thừa tướng Vương Oản của nước Tần có kết quả ra sao? Hậu Thắng trả lời rất gian manh rằng thái độ đàm phán của Vương Oản rất thành thật, nước Tần vẫn cam kết hữu hảo với nước Tề. Nhưng, Hậu Thắng cũng nói rằng, vua tôi nhà Tần đều rất xảo quyệt. Nay họ bội tín thất nghĩa, đem quân sang đánh nước Tề, làm cho cả nước Tề ai ai cũng cảm giận, tiếp đó còn khuyên Tề Vương cử một sứ giả sang Tần hỏi xem sao. Tề Vương chỉ còn biết thở dài mà nói rằng một khi quân Tần đã sang đánh thì hỏi còn có cái gì nữa! Chỉ còn cách là đưa quân đội ra mà chặn họ lại, đừng để cho họ thấy mình quá yếu hèn mà thôi. Tiếp đó, Tề Vương Kiến và Hậu Thắng đưa hai mươi vạn quân đến bên sông

Tề Thủy nghênh chiến quân Tần. Khi họ đến bờ Bắc sông Tề Thủy, thì quân Tần đã bố trí xong trận địa và dựng lều trại ở bên kia sông. Quân Tề cũng tìm vị trí có lợi để dựng lều trại và xây đắp công sự. Vua tôi của Tề vừa mới dựng xong lều trại, thì lính gác đã đưa một viên sứ giả vào, nói rằng có thư của chủ soái Vương Bôn. Thư viết:

Kính gửi bệ hạ Tề Vương Kiến

Mặt tướng là Vương Bôn, phụng chỉ vua Tần đưa quân vào Tề, ý đồ của vua Tần đã rất rõ. Vua Tần nêu cao uy phong của các triều đại nhà Tần, quyết chí tiêu diệt các chư hầu, bình thiên hạ, sáu nước đã diệt được năm. Nay đưa quân đội đến đây là muốn xin bệ hạ dâng nước Tề cho nước Tần, để dân chúng khỏi bị lầm than, biến gươm đao thành ngọc bội. Sự nghiệp vĩ đại của đại vương nước Tần ta đã định hình, xin phong quý đại vương tước “Tam công” để hưởng vinh hoa hậu lộc.

Tần tướng quân Vương Bôn cúi đầu kính chào.

Tề Vương Kiến xem xong thư, tức giận nói với viên sứ giả: “Nước Tần các người luôn luôn xảo trá giảo quyệt, xé bỏ thối ước, phản bội đồng minh, ý thế nước lớn, ức hiếp nước nhỏ. Nước ta trước đây đã bị lừa rồi, nay nhất quyết không cam chịu yếu hèn nữa. Quả nhân tuy là vua một nước nhỏ, nhưng cũng không thể dâng xã tắc nghiệp tổ cho kẻ khác được, càng không thể hạ mình làm kẻ bầy tôi. Nước các người dám đến xâm phạm, ta sẽ quyết đánh đến cùng”. Nói xong xé tan bức thư của Vương Bôn.

Vương Bôn cũng đã đoán biết từ trước, vua Tề Vương sẽ không đầu hàng nhà Tần, nên sau khi sai sứ giả đi, đã lập tức tổ chức một đội quân tiên phong gồm thuyền và bè gỗ, chuẩn bị vượt sông tại ba bên thượng, trung và hạ. Bản thân ông ta ngồi ở lán của quân sĩ đi giữa để chỉ huy. Quân Tề cho kỵ binh đi tuần tra ven sông để đề phòng quân Tần vượt sông. Giờ Thìn hôm sau, quân sĩ hai bên đã ăn sáng xong, đều kéo quân ra bờ sông để giao chiến. Quân Tần nghĩ rằng đây là trận đánh lớn cuối cùng trong công việc chinh phục sáu nước, nên họ tỏ ra hết sức anh dũng hăng hái. Còn quân Tề tuy số lượng không ít, vả lại đây là trận đánh quyết định vận mệnh đất nước, cho nên cũng quyết tâm tử chiến. Đáng tiếc là vua tôi của Tề lâu ngày an nhàn hưởng lạc, không hề chuẩn bị chiến tranh, cho nên, về mặt tâm lý, tinh thần và chiến thuật đều kém xa quân Tần. Lúc này, Tề Vương ngồi ở đơn vị trung tâm để đốc chiến nhưng trong lòng luôn cảm thấy rất hối hận và hổ thẹn, vì lực lượng và địa thế của nước Tề vốn mạnh hơn nước Yên rất nhiều. Nước Yên tuy đã bị tiêu diệt, nhưng còn để lại những hình ảnh yêu nước tiêu biểu, oanh liệt anh hùng như Kinh Kha, thái tử Đan, được muôn đời ca ngợi. Còn bản thân ngài là vua nước Tề, nhưng lại bị nước Tần lang sói lừa bịp, bị kẻ bầy tôi thỏ đẻ huyễn hoặc, đến nỗi làm cho giang sơn đất nước do các vua sáng tôi hiền như Tề Hoàn Công, Mạnh Thường Quân để lại, bị hủy hoại đến mức như vậy, thật là hổ thẹn không muốn sống nữa. Nghĩ vậy, Tề Vương Kiến đem cờ lệnh trao cho Hậu Thắng, rồi tự mình thúc ngựa chạy lên phía trước quân lính, sức liều mình chém giết quân địch. Các tướng sĩ quân Tề thấy nhà vua làm gương dũng cảm diệt giặc cũng hăng hái xung phong tử chiến với quân thù. Nhờ vậy, tình hình trận địa quân Tề được giữ vững, quân Tần cũng phải chật vật lắm mới chống trả được quân Tề.

Nhưng lúc ấy Hậu Thắng đã là nội gián của quân Tần, ông ta nhận được cờ chỉ huy từ tay vua Tề, biết rằng do sự cố vũ của nhà vua, nên quân Tề đã hăng hái xông lên, tình hình quân Tề sẽ tốt hơn; do đó, ông ta vội ra lệnh thổi kèn thu quân, cốt lập công với quân Tần. Lúc ấy quân Tề cũng đã đến mức khó duy trì tiếp tục giao chiến, nên khi nghe kèn lui quân, bèn lập tức quay đằng sau để rút lui. Tề Vương Kiến vội đứng thẳng người trên yên ngựa, giơ tay kêu gọi mọi người liều chết chiến đấu đến cùng, nhưng đã quá muộn. Ngài cũng thúc ngựa phi nhanh về Lâm Truy. Tại đây, ngài tập hợp một số tàn binh bại tướng, và tuyển mộ được hai vạn dũng sĩ, thành lập đội quân chiến đấu, tiếp tục bảo vệ đất nước. Ngài hỏi Hậu Thắng tại sao thổi kèn thu quân. Hậu Thắng nói rằng vì do thấy có nguy cơ thất bại, nên rút lui sớm, để khỏi bị tiêu diệt toàn quân. Ngài cũng không khiển trách Hậu Thắng nữa. Mặc dù Tề Vương Kiến kiên định giữ vững trận địa, nhưng đã kiệt sức, không thể chống cự nổi sức mạnh to lớn của quân Tần nữa, nên cuối cùng đã phải mở cửa thành đầu hàng quân Tần. Đó là tháng 6 năm 26 niên hiệu Tần Vương Chính.

Vương Bôn và Mông Quát đưa quân Tần hành quân hùng dũng vào kinh đô Lâm Truy của Tề. Vì Tề là nước cuối cùng trong sáu nước bị thu phục, nên vua Tần Vương Chính tiếp

thu ý kiến của Úy Liêu, ra lệnh cho tướng sĩ quân Tần khi vào thành Lâm Truy của Tề, phải hết sức giảm bớt việc giết chóc. Các quan lại của Tề đã đầu hàng, đều giúp quân Tần tiếp quản cung đình và các cơ quan triều đình, ra thông cáo cho dân chúng an cư lạc nghiệp, ủng hộ chính quyền đại Tần. Vua Tần sau khi nhận được tin đại thắng của Vương Tiễn và Mông Ngh, liền ra lệnh cho quân Tần đưa Tề Vương Kiến đến sinh sống ở Cộng Thành, một nơi cách không xa Lâm Truy; giao cho địa phương giám sát, đồng thời, cung cấp các thứ cần thiết cho cuộc sống của ông ta. Tần Vương Chính cho rằng Hậu Thắng là một nịnh thần, làm nội gián cho Tần, đóng góp không ít cho Tần; nhưng không trung thành với đất nước mình, là một con người rất nguy hại, nên đã chém đầu. Đến đây, Tề Vương Kiến mới biết rằng mình đã u mê, để cho gian thần lừa bịp đến mức coi kẻ gian nịnh là trung thành; ngài hối hận vô cùng. Không lâu sau ngài tuyệt thực và chết tại một căn nhà lá trong rừng cây tùng bách.

Những người dân trước đây của nước Tề vừa giận vừa thương nhà vua cũ của mình, họ hát rằng:

Tùng bách kia ơi, có thấu chăng,

Có khách Cộng Thành, đấn trú chân.

Họ muốn chế giễu rằng nhà vua cũ của họ u mê vô đạo, đưa nội gián của nước Tần làm trọng thần, kết cục là làm mất nước, bản thân cũng chết thảm tại Cộng Thành.

HỘI THỨ HAI MƯỜI BA

NGÔI CAO TỘT ĐÌNH, XUNG HOÀNG ĐỀ ĐẤT NƯỚC BAO LA, CHIA QUẬN HUYỆN

Năm thứ mười bảy niên hiệu Tần Vương Chính, vua Tần sai quan nội sử Đằng đưa quân diệt nước Hàn. Năm thứ mười chín diệt nước Triệu. Năm thứ hai mươi hai, đánh diệt nước Ngụy. Năm thứ hai mươi ba, bắt sống vua Phụ Sô của Sở. Năm thứ hai mươi tư, đánh chiếm kinh đô mới của Sở, nước Sở diệt vong. Năm thứ hai mươi lăm, bắt sống vua Vương Hỷ của nước Yên, và vua Vương Gia của nước Đại, toàn bộ nước Yên bị diệt vong. Năm thứ hai mươi sáu, bắt được vua Tề là Tề Vương Kiến, nước Tề bị diệt. Trong vòng mười năm, Tần Vương Doanh Chính hoàn thành sự nghiệp vĩ đại thống nhất thiên hạ. Sau khi Tề Vương Kiến bị bắt, Tần Vương Doanh Chính không đi đến tận kinh đô nước bị đánh bại để nhận đầu hàng như trước, mà giao cho Vương Bôn đưa Tề Vương Kiến về Cộng Thành, bởi vì lúc đó ngài nghĩ rằng việc quân sự đã xong, phải bắt đầu nghĩ đến việc đại sự khác, đó là chính sách cai trị đất nước.

Mùa thu năm hai mươi sáu niên hiệu Tần Vương, vua Tần triệu tập “Hội nghị quốc sự”. Hơn một trăm văn thần võ tướng đã tham gia hội nghị, trong đó có thừa tướng Vương Oản, quốc úy Úy Liêu, đình úy Lý Tư, ngự sử đại phu Phùng Kiếp. Tất cả đưa bản thảo các quyết sách lớn về quản lý đất nước sau khi thống nhất thiên hạ... Tần Vương Doanh Chính ngồi chính giữa điện, mặt nghiêm túc, hơi thở gấp gáp. Ngài đưa con mắt sắc bén nhìn đám quần thần một lượt rồi ngạo nghễ nói rằng:

– Mười năm trước, nước Yên nộp ấn ngọc và giao đất đai cho nước ta và còn xin làm chư hầu phiên thuộc, nhưng sau đó đã phản bội nước Tần, hợp tung với Triệu và Ngụy để đánh Tần. Vì vậy, ta phải đưa quân diệt Yên và bắt vua Vương An của Yên. Ta đã tưởng có thể chấm dứt chiến tranh. Nhưng sau đó, vua Vương Thiên của Triệu lại cử tả thừa tướng Lý Mục đến ký hòa ước hữu hảo với Tần. Ta đã cho con tin của họ về Hàm Đan. Nhưng không bao lâu sau, nước Triệu lại phản bội hòa ước, chống lại nước Tần ở Thái Nguyên. Vì vậy, ta lại phải tiêu diệt nước Triệu, bắt sống Vương Thiên của Triệu. Công tử Gia của Triệu tự lập làm vương ở quận Đại, đương nhiên ta phải diệt nốt. Vua nước Ngụy vốn đã thần phục nước Tần, nhưng sau lại hợp mưu với Hàn và Triệu đánh vào nước ta, nên ta phải tiêu diệt nước Ngụy. Vua Vương Hỷ của nước Yên u mê hại nước; thái tử Đan của ông ta sai Kinh Kha định ám sát quả nhân, nhưng cuối cùng đã bị ta xử tử. Vua Tề Vương Kiến dùng nịnh thần Hậu Thắng hại nước hại dân, nên ta đã san bằng nước Tề, bắt Tề Vương Kiến. Quả nhân chỉ là một thân một mình nhỏ bé, nhưng đã cầm quân chu diệt bọn nổi loạn trong nước. Nhờ anh linh của tôn miếu tổ tiên, nên ta đã giành được toàn thắng, tiêu diệt sáu nước chư hầu. Nay thiên hạ đã thống nhất và ổn định, đều do trẫm cai trị cả. Vì vậy, cần phải thay đổi cái tên gọi “Tần Vương” cũ cho tương xứng với thắng lợi vĩ đại mà ta đã giành được, để truyền lại sự nghiệp của ta cho hậu thế. Vì vậy, trước hết phải bàn về việc thay đổi tên gọi, phải danh chính ngôn thuận, mới đầu xuôi đuôi lọt.

Sự việc thật trở trêu Tần Vương Chính là kẻ đi xâm lược lại tự xưng là chúa cứu thế, còn người bị xâm lược lại bị coi là tên đầu sỏ gây ra tội ác. Trong khi thiên hạ đều hiểu rõ rằng nhà Tần từ thời Hiếu Công (năm 361 trước Công nguyên), Mục Công, Huệ Văn Vương, Vũ Vương, Chiêu Vương cho đến Tần Vương Chính, đều có dã tâm xâm lược nhằm tiêu diệt sáu nước, thôn tính thiên hạ. Vì vậy mà nay Tần Vương Chính coi cuộc chiến tranh hủy diệt mười năm “cướp thành chiếm đất, giết người như ngóe, san bằng tôn miếu các nước chư hầu” gây thương vong ba triệu tướng sĩ, gây tang tóc cho hàng chục triệu gia đình, là công lao hiển hách và vinh quang. Mặc dù Tần Vương xuyên tạc quá trình chiến tranh xâm lược vừa qua; trong đó ông ta đổ lỗi cho người khác, vợ công lao vào mình, huênh hoang khoác lác hết chỗ nói, nhưng hơn hai trăm văn võ bá quan triều đình nhà Tần lúc ấy vẫn hết lời ca ngợi vua Tần. Sau một hồi tranh luận sôi nổi, bèn thống nhất đặt tên hiệu nhà vua là “Thái hoàng”. Tại sao lại đặt tên là Thái hoàng? Sự việc diễn ra như sau: Sau khi nhà vua nói xong và mọi người lên tiếng ca tụng nhà vua, thì các trọng thần: thừa tướng Vương Oản, quốc úy Úy Liêu, ngự sử đại phu Phùng Kiếp và đình úy Lý Tư thay mặt toàn thể triều thần tâu với vua Tần rằng, thời kỳ của năm đời vua đầu tiên của nhà Tần, lãnh thổ lúc ấy không đầy nghìn dặm. Vậy mà các vị vua đó cũng không thể chinh phục được các

nước chư hầu và bộ lạc man di mọi rợ ở bên ngoài, chẳng biết họ có thật sự thần phục nhà Tần, hay là đang lừa bịp vua Tần. Nay Tần Vương giương cao ngọn cờ chính nghĩa tiêu diệt các nước chư hầu, thống nhất thiên hạ, thu tóm lãnh thổ tất cả các nước về một mối, phân chia thành quận huyện, thống nhất luật pháp và thể chế, việc này thật là lớn lao vĩ đại chưa từng có trong lịch sử từ thời thượng cổ đến nay; là sự nghiệp sáng tạo mà “ngũ đế”: Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, vua Nghiêu, vua Thuấn không bao giờ có thể làm được. Thừa tướng Vương Oản, quốc úy Úy Liêu và các trọng thần khác tiếp tục nói rằng, thời cổ đại có tam hoàng là thiên hoàng, địa hoàng và thái hoàng là chúa thượng tối cao. Vì thế liều chết xin kiến nghị với nhà vua, nên đổi tên hiệu “Tần Vương”, thành “Thái hoàng”.

Nhưng Tần Vương vẫn chưa vừa lòng với tên gọi “Thái hoàng”. Ngài nói có thể bỏ chữ “thái”, để lại chữ “hoàng”. Vả lại, ngài cho rằng công lao to lớn thống nhất thiên hạ là điều mà “ngũ đế” không thể làm được, vậy có thể dùng thêm chữ “đế”, gọi là “hoàng đế”, có nghĩa là “Bao hàm đức độ của tam hoàng, gộp cả công lao của ngũ đế”. Như vậy mới tương xứng với danh hiệu của mình hiện nay!

“Bệ hạ anh minh như thánh, hãy dùng danh hiệu hoàng đế mà bệ hạ đã tự mình quyết định; như vậy mới thật sự thể hiện một cách toàn diện sự sáng suốt và vĩ đại chưa từng có và sau này cũng không thể có của bệ hạ.” Toàn thể triều thần đều đồng thanh tán thưởng và ca ngợi Tần Vương sau khi ngài đã tự mình đề cao mình lên tận mây xanh. Đương nhiên, những lời tán thưởng của triều thần chủ yếu cũng là nịnh hót, bợ đỡ để làm vừa lòng tâm lý ngọt mận của Tần Vương mà thôi.

Lúc này, đình úy Lý Tư, một con người rất giỏi phán đoán và phụ họa theo ý đồ của nhà vua, đã nhún vai rón rén tách ra khỏi hàng, quỳ xuống và tâu với Tần Vương Chính rằng nay danh hiệu “Hoàng đế” đã được xác định, vậy rất nhiều từ ngữ khác cũng phải được quy định theo một khuôn mẫu chuyên dùng, để thích ứng với danh hiệu tôn nghiêm tối cao là “Hoàng đế”.

Nhà vua rất mừng và hỏi Lý Tư nên cần đặt những từ ngữ chuyên dùng nào?

Lý Tư bèn đề nghị từ nay các chỉ thị nói chung của hoàng đế, không gọi là “mệnh” (lệnh) nữa, mà gọi là “chế”; các chỉ thị chuyên môn không gọi là “lệnh” nữa, mà gọi là “chiếu”. Như vậy sẽ quy phạm và tôn nghiêm hơn.

Ngự sử đại phu Phùng Kiếp cũng cẩn thận nêu kiến nghị nói rằng chữ “trẫm” chỉ dành riêng cho hoàng đế, những người khác không được dùng.

Tần Vương mỉm cười và đồng ý với kiến nghị của hai đại thần Lý Tư và Phùng Kiếp, lập tức viết biên bản và yêu cầu các đại thần dự họp hôm đó phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Tần Vương Chính rất say sưa với danh hiệu “Hoàng đế” đã được toàn thể triều thần ủng hộ. Ngài nghĩ rằng sở dĩ ngài được như hôm nay, đều là nhờ kế thừa ngôi vị của phụ vương là Trang Tương Vương và nhờ nêu cao cơ nghiệp sáng ngời của tổ tông. Vì vậy, uống nước nhớ nguồn, cần phải truy phong cho phụ vương một danh hiệu cao quý tương xứng. Nghĩ vậy, ngài bèn nói:

– Trẫm đã đổi danh hiệu là hoàng đế, vậy tiên vương cũng cần được truy phong là “Thái thượng hoàng”, các khanh thấy thế nào?

Thừa tướng Vương Oản nói rất cẩn trọng rằng:

– Tâu bệ hạ danh hiệu của tiên vương Trang Tương Vương là ghép hai tên: Trang Vương là tên có từ trước, Tương Vương là “tên thụy”, được đặt sau khi ngài đã mất. Nay nếu gọi là thái thượng hoàng thì bỏ mất hai chữ “Trang Tương” hay sao?

Tần Vương Chính nghiêm sắc mặt nói rằng:

– Trẫm nghe nói từ thời thượng cổ, các đế vương chỉ có hiệu, không có “tên thụy”. Đến thời trung cổ, các đế vương vừa có tên lúc sinh thời, lại còn có danh hiệu được đặt sau khi mất, gọi là “thụy”. Như vậy là để cho con cái bình luận về cha mình, để cho bề tôi bình luận về quân chủ. Như vậy không đúng. Vì thế, ta chủ trương truy phong tiên vương là thái thượng hoàng, để chứng tỏ đó là phụ thân của trẫm, và không thêm vào đó bất cứ bình luận nào của người đời sau nữa.

Quốc úy Úy Liêu và ngự sử đại phu Phùng Kiếp sợ sệt hỏi:

– Tàu bệ hạ, nếu bỏ tên thụ đi thì làm sao phân biệt được đời vua trước và đời vua sau?

Tần Vương Chính cười sảng khoái nói rằng:

– Các khanh cứ nghĩ mà xem, từ thời cổ đại các vị quân chủ hiền minh, nhiều lắm thì cứ 30 – 40 năm lại thay đổi và lại có một tên thụ mới, nghĩa là có một vị vua qua đời là có một tên thụ. Ngay cả các vị vua anh minh như thánh hiền: Nghiêu, Thuấn, Ngu, Thang, Văn, Vũ, đức độ và cơ nghiệp vĩ đại của các ngài truyền lại cho đời sau kế ngôi các ngài, cũng chỉ hai mươi ba mươi đời là cùng. Nhưng sau khi nhà vua mất lại truy phong tên thụ, như là Hiếu, Mục, Chiêu, Tương, Văn, Vũ, v.v... Số chữ rất có hạn, làm cho tên thụ của tổ tiên, cha ông, con cháu, nhiều khi trùng lặp và giống nhau [151]. Nhưng sự nghiệp của trăm phải truyền đến vạn đời, mà tên gọi không thể trùng lặp...

Úy Liêu và Phùng Kiếp vẫn nói:

– Chữ Hán tổng cộng chỉ có mấy nghìn, vậy thì một vạn đời vẫn không thể không trùng lặp.

– Các người không biết suy nghĩ gì cả – Nhà vua cười đắc chí và nói – Cứ lấy trăm làm ví dụ, nay lấy con số để gọi là “Thủy hoàng đế” (thủy là khởi thủy, bắt đầu, cũng có nghĩa là số một) tiếp theo là “nhị thế”, “tam thế”... cho đến “vạn thế”. Như vậy làm gì có trùng lặp.

Triều thần nghe nhà vua nói vậy, lại tung hô một loạt những lời tán thưởng xu nịnh:

– Thánh thượng thật sáng suốt thông minh, dùng con số để ghi chép sự tiếp nối liên tục của các đời và các triều đại. Thật là đơn giản hết sức, vừa tiện cho các quan chép sử, mà dân chúng cũng dễ hiểu dễ nhớ!

Nghe những lời ca tụng ấy, nhà vua càng đắc chí, ngài cảm thấy thỏa mãn, vì hôm nay toàn bộ triều thần đều rất nhất trí với những danh hiệu cao quý do ngài nêu ra. Do đó, có thể thấy địa vị có quyền uy tuyệt đối của ngài đã được củng cố. Hơn nữa, cũng cho thấy cái đế quốc đại Tần thống nhất do ngài sáng lập, bắt đầu từ nay do ngài làm hoàng đế đầu tiên, sau đó truyền đến nhị thế, tam thế... vạn thế. Do vậy ngài xuất phát từ chữ “thủy” để triển khai tư duy. Ngài nghĩ rằng sự nghiệp vĩ đại của mình là “không tiền khoáng hậu”, là “bao hàm đức độ của tam hoàng, gộp cả công lao của ngũ đế”. Vậy thì, về các mặt khác như thể chế quốc gia, luật pháp lễ nghi, quan hệ giữa trung ương và địa phương, cơ chế quản lý từ trên xuống... đều phải khác hẳn các triều đại trước, khác hẳn với truyền thống. Như vậy mới thể hiện được rằng: Mọi cái đều bắt đầu từ ta đây! Thủy Hoàng! Thủy Hoàng! Thủy Hoàng! Thật là vạn sự khởi đầu nan! Nhưng đó chỉ mới là suy nghĩ sơ bộ của mình, chưa có một cái khung và quy phạm rõ ràng; còn cần phải suy nghĩ cụ thể hơn, quy định chi tiết hơn, mới có thể thực thi được. Nghĩ đến đây, ngài bèn vui vẻ nói với mọi người:

– Buổi thiết triều hôm nay đã giúp trăm định danh hiệu tôn kính là “Hoàng đế”, đặt ra các chuyên ngữ: “ché”, “chiếu”, làm rõ mối quan hệ giữa ngôi chính và ngôi phụ, giữa địa vị cao thấp... Đặc biệt là chúng ta đã xóa bỏ các “tên thụ” và dùng con số để ghi chép các triều đại. Tất cả đều chứng tỏ rằng mọi việc đều bắt đầu từ trăm. Điều này cho thấy sự tôn sùng và ủng hộ của các khanh đối với trăm, làm cho trăm cảm thấy rất vui, còn việc thay cũ đổi mới thể chế quốc gia và lễ nghi, pháp luật, trăm đang còn suy nghĩ thêm, mong các khanh cũng xuất phát từ cục diện “đại nhất thống” để suy nghĩ lần thiết triều sau sẽ bàn tiếp, hôm nay đến đây bãi triều.

Quần thần lại tung hô: “Chúng thần tuân chỉ! Quân chủ vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!”.

Nhà vua cũng trở về cung của mình với tâm trạng rất thoải mái, tự mãn, tự đắc. Ngài tiếp tục suy nghĩ rất nhiều để có thể đi sâu cải cách hơn nữa. Ngài nghĩ rằng mình đã có danh hiệu tôn quý là “Hoàng đế” rồi, vậy phải làm sao cho cái quốc gia đại thống nhất này cũng bắt đầu một “Kỷ nguyên hoàn toàn mới, hết thảy đều đổi mới”. Kể từ hôm nay trở đi, khi bắt đầu thực thi những tên gọi mới, ngài cảm thấy chế độ và quan niệm cũ đã trở nên buộc con người như thế nào. Ngài quyết tâm phấn đấu đến cùng để phá bỏ sự ràng buộc đó. Ròng rã trải qua mười năm trời mới tiêu diệt được sáu nước, thống nhất thiên hạ,

nhưng đó chỉ mới là bước đầu tiên. Tiếp theo đây, phải xây dựng một quốc gia hoàn toàn mới như thế nào trên đồng tro tàn của chiến tranh đầy máu và lửa. Đó thực là một vấn đề rất nan giải. Nay nhất quyết không thể bước theo vết xe đổ của thời kỳ chiến tranh liên miên nhận chìm dân chúng trong nước sôi lửa bỏng trong hàng trăm năm, từ triều đại nhà Chu cho đến Xuân Thu Chiến Quốc như trước đây nữa! Nhưng thể chế và bộ mặt của cái nhà nước mới này, phải như thế nào? Cái quyền uy tuyệt đối của mình sẽ được thể hiện ra sao trong thể chế mới và trong các quy định, chế độ mới? Ngài suy nghĩ nhiều lắm, nhưng vẫn chưa tìm ra lời đáp. Hôm ấy nhà vua còn tư lự trong phòng riêng ở cung Hàm Dương, thì Triệu Cao đưa hai vị lão thần đến. Ngài ngược mắt nhìn, liền vội vàng vội về đứng dậy nghênh đón. Đó là Vương Tiễn và Mông Vũ.

- Lão thần Vương Tiễn, Mông Vũ khấu kiến hoàng đế vạn tuế! - Hai vị lão thần quỳ xuống vái lạy Tần Thủy Hoàng.

- Các lão ái khanh, hãy mau đứng dậy đi! - Thủy Hoàng vội đến đỡ hai lão tướng đứng dậy.

- Nghe tin hôm trước thiết triều, quần thần đã nhất trí ủng hộ tôn vinh thánh thượng danh hiệu "Thủy Hoàng". Đó thực là nơi quy tụ của muôn dân, là cái phúc của trăm họ, nên hạ thần vội đến chúc mừng! - Mông Vũ chấp tay cung kính chúc mừng nhà vua.

- Quả nhân chỉ một mình một thân nhỏ bé nhưng nhờ có các khanh, nên trong mười năm chinh chiến, đã đem lại hòa bình, bốn biển đồng tâm, muôn dân hưởng phúc. Hai vị lão tướng cầm quân nơi chiến trường, luôn luôn chiến thắng, bình định giang sơn, công lao vĩ đại, trăm và triều đình nức lòng khen ngợi. - Thủy Hoàng cảm ơn và khen ngợi hai vị lão tướng.

Vương Tiễn nói rất xúc động và khiêm tốn:

- Hạ thần chỉ là một vũ phụ, chen chân vào hàng ngũ phụng sự tiên vương và bệ hạ trong mấy chục năm, chẳng mấy công lao, đức độ rất mỏng, nhưng được sủng ái. Nay vì già yếu, không thể theo hầu bệ hạ, xin được ân chuẩn, về quê dưỡng lão. Trước khi tạm biệt, đến chào bệ hạ, ơn sâu nghĩa nặng, muôn đời ghi nhớ!

Thủy Hoàng cũng rất xúc động, ngài nói rất thân tình:

- Trẫm từ nhỏ đã nắm triều chính, chú trọng võ công. Nhờ các tướng lĩnh cầm quân ra trận, chinh phục chư hầu, dẹp bằng sáu nước, mở rộng lãnh thổ, thêm nghìn vạn dặm. Nhưng binh đao khói lửa cũng làm chết hàng vạn sinh linh, gây bao thảm khốc đau thương. Mỗi khi nhìn thấy tình cảnh ấy, thì ngay dù say mê đao kiếm như trẫm cũng không cam lòng.

- Bệ hạ nói rất phải. Ngay cả lẫn lộn nơi chiến trường lâu năm như hạ thần và Vương tướng quân đây, cũng đâu có phải vì say máu chiến tranh. Nhưng các nước chư hầu luôn luôn thôn tính lẫn nhau, phản bội đồng minh, gây sự khiêu khích, đất nước không một ngày bình an, dân chúng không một ngày yên ổn. Cho nên hạ thần phải tham gia chiến tranh, là muốn bình dẹp gươm đao, tự coi mình có trách nhiệm phải loại trừ tội ác; chứ không phải là vì hiếu chiến và muốn làm hại dân chúng. - Mông Vũ cũng nói lên quan niệm của mình đối với chiến tranh.

- Lão thần trước đã xin nghỉ về quê rồi, nhưng vì Lý Tín đánh thua, nên vinh dự được bệ hạ đích thân đến gọi, lại mang giáp cầm giáo, phụng mệnh ra chiến trường. May mà không phụ lòng bệ hạ, đã chiếm được Yên, diệt được Tề, hoàn thành việc thống nhất thiên hạ. Hôm nay đến chào bệ hạ để về quê. Nhưng mong rằng từ nay sẽ có thể cởi bỏ áo giáp để yên hưởng thái bình. Được vậy lão thần sung sướng vô cùng, muôn dân hạnh phúc vô cùng. - Một lần nữa, Vương Tiễn bày tỏ với nhà vua nguyện vọng hòa bình của mình và của mọi người.

- Sáu nước đã được dẹp yên, thiên hạ đã thống nhất, võ công đã hoàn tất. Trẫm cũng chuyển sang chính sách trị quốc, để dân được sống sung túc và xã tắc được bình an. Hai vị lão tướng cứ vinh quy bái tổ, từ nay cứ yên tâm thừa hưởng cái luân thường đạo lý của vợ chồng con cái anh em, mãi mãi thái bình.

Qua những lời nói của hai lão tướng, Thủy Hoàng cảm nhận sâu sắc rằng họ khao khát

hòa bình. Ngài càng cho rằng từ nay không thể tái diễn cái bi kịch của các cuộc chiến giữa các nước chư hầu. Vì vậy, ngài hứa rất trịnh trọng với hai vị nguyên lão.

– Nhà vua nói vậy có thật không? – Hai vị lão tướng lại hỏi ngài rất nghiêm túc.

– Vua không nói đùa. Trẫm sẽ bỏ cũ đổi mới, cố gắng trị nước yên dân, nhất quyết không phụ lòng hai vị lão tướng đã gửi gắm biết bao hy vọng. – Thủy Hoàng bày tỏ quyết tâm và lòng tin đối với việc cai trị đất nước thật tốt.

– Được thiên tử hứa hẹn bằng lời vàng ý ngọc như vậy, lão thần yên tâm lắm thay. – Hai vị lão tướng cáo từ. Trước lúc ra về còn cao giọng ngâm nga rất rần rỏi, nhưng thân tình:

Thờ vua hai đời, chinh chiến quanh năm,

Cởi giáp, khó quên gươm đao lừng xéng.

Nay đem kích kiếm đúc rèn lưỡi cày,

Thủy Hoàng ban phúc, từ nay thái bình.

Thủy Hoàng cũng rất xúc động. Ngài cũng ngâm một bài theo đúng luật âm tiết:

Ta nên uy vũ, công tại tướng quân,

Thiên hạ nhất thông, muôn dân hưởng phúc.

Vua tôi xa biệt, lưu luyến muôn tình,

Từ nay xoay chuyển, “văn trị” phồn vinh.

Hai vị lão tướng nước mắt lã chã, một lần nữa cáo biệt ra Thủy Hoàng tiễn chân hai vị lão tướng ra tận cửa ngóng nhìn theo khá lâu cho đến khi khuất hẳn. Ngài về phòng, đi đi lại lại trầm ngâm suy nghĩ, thấy thấm thía những lời nói của hai lão tướng, cảm nhận được nỗi đau thương tang tóc mà chiến tranh đã gây ra cho nhân dân và đất nước. Đến nỗi, ngay cả những người anh hùng hảo hán được tôi luyện mấy chục năm trong khói lửa mà cũng khao khát hòa bình, cầu mong yên ổn như vậy. Ngài thấy mình cần phải nắm vững quyền lực trong tay, nhất quyết không để cho quyền lực bị phân tán hoặc biến thành những cuộc tranh giành quyền bính để rồi gây ra những bi kịch binh đao máu lửa, làm nguy hại đến việc củng cố chính quyền, ổn định xã tắc và phồn vinh kinh tế. Nghĩ vậy, nhà vua bèn sai Triệu Cao mời Lý Tư và Phùng Kiếp vào bàn thảo cụ thể. Ngài nói với Lý Tư và Phùng Kiếp tất cả những điều mà Vương Tiễn và Mông Vũ vừa nói. Ngài nói rất trịnh trọng:

– Thiên hạ đã thống nhất, muôn dân đều mong hưởng thái bình thịnh trị. Nhưng không rõ những điều đã được bàn định hôm trước, dư luận trong ngoài có gì mới, mong hai khanh nói cho trẫm biết.

Lý Tư nói:

– Từ khi có chiếu dụ của hoàng đế, bỏ tên gọi “Tần Vương” dùng danh hiệu “Thủy Hoàng Đế”, tất cả hoàng gia và triều thần đều chân tình ủng hộ. Ai ai cũng chúc mừng, ca tụng công lao vĩ đại không tiền khoáng hậu của bệ hạ. Thật là, ngay cả “tam hoàng”, “ngũ đế” cũng không theo kịp. Điều này đủ để chứng tỏ đức độ của tổ tiên đại Tần và công lao hiển hách của các bậc tiên vương, đều tập trung vào một mình bệ hạ. Như vậy nhấ định có thể mang lại phúc đức cho đương đại.

Tần Thủy Hoàng nghe vậy, rất vui và bằng lòng lắm. Ngài gật đầu và nhân tiện cũng khen hai người:

– Sở dĩ trẫm có ngày hôm nay, là nhờ có cơ nghiệp của tổ tông và bản thân trẫm cố gắng, nhưng cũng nhờ có sự phụ tá của quần thần văn võ. Hai khanh cũng có công đấy chứ!

– Được phụng sự thời thế cường thịnh, giúp được việc cho minh quân, thực là cái may mắn “ba đời ba kiếp” của hạ thần. Nay được thánh ngôn ban khen, cảm thấy hết sức vinh hạnh. Nhưng gần đây, qua nghe ngóng dư luận trong ngoài cung đình, từ trên xuống dưới đều có hiện tượng chúc mừng lẫn nhau, ai ai cũng trông ngóng và đỉnh ninh rằng sẽ được

bệ hạ ban thưởng ân sủng rất nhiều. – Phùng Kiếp nói.

– À việc bình công ban thưởng là chuẩn mực mà các đời đều làm. Trẫm cũng sẽ làm. Nhưng tại sao mọi người lại nôn nóng chờ đợi, trông mong cấp thiết như thế? – Nhà vua mỉm cười nói.

– Những người nôn nóng muốn được hưởng lợi vì có lập công. Họ suy nghĩ như vậy, kể cũng có tình trạng đó, có thể hiểu được. Nhưng có người kỳ vọng quá cao, phần nào không đánh giá đúng chính mình. – Phùng Kiếp vội bổ sung.

Thủy Hoàng nghe ông ta nói có dư luận như vậy, bèn hỏi tiếp:

– Ô! Có sự việc như vậy hả? Mau nói cho trẫm nghe!

Phùng Kiếp bèn kể thật mọi chuyện:

– Hôm trước, có nhiều người thuộc vào bậc cha chú và anh em tôn thất của bệ hạ đã đến phủ nha của vi thần, hỏi vi thần về chuyện bàn định ở buổi thiết triều trước. Vi thần đã nói rõ đầy đủ cho các vị ấy, và còn đem sổ ghi biên bản cho họ xem nữa.

Tần Thủy Hoàng vội ngăn lại, hỏi:

– Nói cho họ biết những việc đó, còn được. Sổ ghi biên bản, việc gì phải đưa cho họ xem?

Phùng Kiếp chẳng biết làm thế nào nữa, chỉ ngửa hai tay nói rằng:

– Đây là hoàng thúc, là bậc bề trên của bệ hạ, tự mình đến tận nơi để xem xét, vi thần sao dám trái lời.

Tần Thủy Hoàng cười cay đắng:

– Như nhà ngươi nói, thì không đáng trách nữa. Nhưng không biết những người ấy xem xong rồi, họ nói những gì?

Phùng Kiếp sợ hãi nói:

– Các vị trong hoàng thân vương thất xem xong sổ ghi sự việc, lập tức cười ha hả, họ chúc mừng lẫn nhau và nói rằng trong thời gian qua, bệ hạ chỉ chuyên tâm vào chiến công, để chênh mảng việc nội chính, đến nỗi các hoàng thân tôn thất bị coi rẻ rúng, lạnh nhạt, nhưng họ cũng không dám lên tiếng. Nay sáu nước đã bị diệt vong, giang sơn đã thống nhất, bệ hạ đã được tôn vinh là “Thủy Hoàng đế”; khắp thiên hạ không nơi nào là không phải thần dân của nhà vua, khắp bốn biển không nơi nào là không phải đất đai của nhà vua (“phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thân; soái thổ chi tân, mạc phi vương thổ”) [152]. Bệ hạ muốn cai trị đất nước nghìn vạn dặm này, thì lãnh thổ của sáu nước cũ kia, phải giao cho các “quân” đứng đầu tự trị. Đã là hoàng thân, đương nhiên phải gánh vác trách nhiệm. Nói xong, họ liền phân công nhau, người này đến nước Hàn nước Triệu, người kia đến nước Tề nước Sở, người nọ đến nước Ngụy nước Yên, người nào cũng rất thông thuộc các nước này. Họ bàn định xong, chỉ chờ đến phiên thiết triều lần sau là họ sẽ đề nghị bệ hạ sắc phong...

Phùng Kiếp nói chưa dứt lời, nhà vua đã trách Phùng Kiếp:

– Họ dám tự phân công như vậy, thật là quá phạm thượng. Người là trọng thần của trẫm, sao cứ giấu giếm không báo, để họ làm càn?

– Họ đều là hoàng thân tôn thất của bệ hạ, đều nắm vững con người nội chính cung đình, vi thần chỉ là bầy tôi mang họ khác, sao dám can dự vào việc của họ. Hướng hồ chế độ phong đất cho chư hầu đã được thực hành từ lâu đời, vi thần nghĩ rằng đây là việc làm muôn thuở, chẳng có gì mới lạ, nên mới không tấu trình, để khỏi làm nhảm tai bệ hạ. – Phùng Kiếp trả lời như có vẻ bị oan.

– Nói cái gì là việc làm muôn thuở? Đó là gây rối chính trị, cướp đoạt chính quyền! – Nhà vua bỗng đập mạnh tay xuống rồi đứng phất dậy.

Lý Tư ngồi bên cạnh nghe suốt từ đầu, vội tiếp lời:

– Bệ hạ nói rất phải. Các vị hoàng thân quốc thích ấy, ngày thường thì ngồi mát ăn bát vàng, chẳng phải lo nghĩ gì. Trước đây họ đã nói gièm pha để huyễn hoặc bệ hạ, đến mức

có lệnh đuổi người nước ngoài, hầu như làm tổn thương đến nhiều người hiền tài, phá hoại triều chính. Nay họ lại tham lam quá đáng, tùy tiện sắc phong, thật là rắc tâm làm bậy, làm nguy hại đến kỷ cương triều đình. Theo vi thần, trong các khanh tướng văn võ cũng có không ít người vẫn muốn phong đất theo chế độ từ thời nhà Chu, mong bệ hạ sớm trừng trị. Nếu để cho những người ấy nắm được quyền thế, thì rất khó xoay chuyển.

Nhà vua nghiêm sắc mặt nói:

– Không ngờ phương lược của trẫm chưa thành mà bọn họ đã nhao nhao hạch sách, đòi hỏi, ép người ta quá đáng. May mà trẫm đã có suy nghĩ về việc thay đổi cũ mới, các khanh chuẩn bị tham gia ý kiến, để cho nó được hoàn thiện. Hôm nay bàn thảo thật kỹ, thì sau này mới vận hành thuận lợi, có kết quả.

Tối hôm đó, nhà vua giữ Lý Tư và Phùng Kiếp ở lại cung Hàm Dương để nghiên cứu rất kỹ về những ý tưởng của ngài về thể chế quốc gia, chuẩn bị đưa ra hội nghị triều chính lần sau.

Ba hôm sau, nhà vua lại chủ trì cuộc họp triều chính tại điện lớn trong cung Hàm Dương. Ngoài các đại thần văn võ lần trước, nay có thêm mười mấy vị thuộc bậc bề trên của nhà vua, gồm hoàng thúc Tử Khang, v.v... Nhà vua phát biểu để trưng cầu ý kiến:

– Lần trước, mọi người đã bàn bạc và thống nhất về danh hiệu của trẫm, về việc bỏ tên thụ và truy phong danh hiệu thái thượng hoàng. Như vậy là kể từ đời trẫm trở đi, tất cả các đời vua sau sẽ gọi bằng con số, cho đến nghìn vạn đời. Điều đó cho thấy vua tôi chúng ta đồng tâm nhất trí, chấn hưng kỷ cương, trẫm rất mừng vì được dùng danh hiệu “Thủy Hoàng đế” để bao quát toàn thiên hạ. Nay việc dùng võ đã xong, phải chuyển sang văn trị. Nhưng “văn trị” như thế nào và làm thế nào để chính sách thông suốt từ trong triều ra ngoài xã tắc, thực hiện được việc yên dân? Trẫm mong các khanh bàn bạc thật kỹ.

Thừa tướng Vương Oản nói đầu tiên:

– Bệ hạ đại lược hùng tài, nhất thống thiên hạ, tiêu diệt sáu nước, triệt hạ chư hầu. Bản đồ đại Tần ta nay đã mở rộng. Nơi gần như Hàn, Triệu cũng đã lớn gấp bội nước Tần cũ; nơi xa như Yên, Tề, Sở đất vừa rộng, vừa xa, e rằng từ kinh kỳ đến đó quá xa xôi, không với tới. Nếu không phong vương sẽ khó quản lý. Vậy xin lập các con của bệ hạ làm vương, thay hoàng đế quản lý các nơi đó. Một nước lớn, cần phải làm như thế. Xin bệ hạ chấp nhận.

Kiến nghị này vừa được nêu ra, liền được một số người tán thành. Trong đó, có người nói:

– Thừa tướng ngồi trên ghế cao có tầm nhìn bao quát, lại ở gần triều đường, nhìn xa trông rộng; quan tâm đương thế, lo chuyện nghìn năm. Xin phong cho các hoàng tử đứng đầu các nước chư hầu cũ. Làm như vậy nhất định quốc vững nước bền, dân giàu nước mạnh. Thừa tướng thật là cao kiến, trù tính trường cửu, xứng đáng là bậc đại tài.

Vương Oản thấy nhiều người tán thành ý kiến của mình như vậy, cảm thấy rất mừng. Ông ta tự cho rằng mình giúp vua nắm quyền triều chính ngày đêm lo nghĩ, không có việc gì là không xuất phát từ lợi ích của nhà vua và xã tắc. Nay được đa số đồng僚 đều tán thành kiến nghị của mình, chắc là nhà vua cũng chấp nhận. Bởi vì phong cho các con của ngài đứng đầu sáu nước cũ chẳng phải là phù hợp với ý muốn của nhà vua là phải củng cố chính quyền của mình đó sao? Nghĩ đến đây, ông ta cố nén bộ mặt tự đắc của mình, đưa mắt nhìn thẳng vào nhà vua, những tưởng rằng nhà vua sẽ vui mừng khẳng định chủ trương của mình. Nhưng ông ta thấy nhà vua lại nhìn ông ta bằng con mắt sáng quắc khác thường. Ông bất giác giật mình. Nhà vua đưa mắt nhìn qua Vương Oản, nhưng không có biểu hiện gì rõ rệt. Ngài nói :

– Vừa rồi thừa tướng Vương Oản đã nói, các khanh có ý kiến gì không?

– Hạ thần Phùng Kiếp khởi tấu bệ hạ. – Phùng Kiếp bước ra khỏi hàng, vái lễ nhà vua, rồi tiếp tục nói cung kính – Vi thần cho rằng đại Tần ta sở dĩ có công gắng sức suốt mười năm, trải qua trăm nghìn trận đánh, mới diệt được sáu nước, bình định được thiên hạ, đó là do các nước chư hầu xưa nay cứ xâm chiếm lẫn nhau, binh đao liên miên, dân trong nước sôi lửa bỏng, sinh linh điêu tàn. May mà chúa thượng ta uy phong như thần thánh, quét sạch bọn ác nghiệt, mới có thiên hạ thái bình hôm nay. Nếu lại khôi phục việc phong

vương, e rằng tình trạng tranh giành quyền binh và đánh chiếm đất đai lại tái phát, kết quả trái ngược với chủ trương phong vương cho con để phân hưởng, phân trị. Cúi xin bệ hạ xem xét kỹ.

Nhà vua nghĩ rằng may mà mấy hôm nay ngài có nắm được tình hình của những kẻ đang khư khư giữ lấy cơ chế cũ nên đã có sự chuẩn bị đối phó. Vì vậy mới có ý kiến phản bác của ngự sử đại phu Phùng Kiếp. Nếu không, bản thân ngài sẽ rơi vào thế bị động.

– Đại phu nói sai rồi! – Hoàng thân Tử Khang, chú vua đột ngột đứng dậy và trách mắng rất to, tiếp đó vừa thở vừa nói – Phong vương dựng nước, chia đất chư hầu, là chế độ từ thời Chu Công – Vũ Vương, ngài chia đất phong “hầu” cho mười tám người con và công thần danh tướng, cứ thế truyền từ đời này sang đời khác, phồn vinh phát đạt. Sự cường thịnh của các chư hầu là truyền thống của nhà Chu tồn tại 800 năm qua, huy hoàng biết bao! Nay Thủy Hoàng đế của chúng ta có trong tay bốn biển thiên hạ. Vậy thì các hoàng tử phải được phong vương, các hoàng thân tôn thất như ta phải được ban đất phong “hầu”, phân chia các phiên trấn, để bảo vệ cơ nghiệp của đại Tần ta được trường tồn vĩnh cửu, bền vững nghìn năm. – Nói xong ngắt đầu vuốt râu, ra cái vẻ đắc thắng.

Nhà vua nhìn ông chú Tử Khang bằng con mắt lạnh lùng, ngài trầm nghĩ rằng, chính ông chú này năm nào đã xúi giục ngài đuổi khách khanh, hầu hết những người hiền tài đều bị oan uổng, gây rối loạn triều chính. Nếu không có Lý Tư can gián, kịp mời các khách khanh quay lại, thì hậu quả không tài nào giải quyết hết được. Nay lại xằng bậy đòi chia đất phong vương, chẳng qua đó chỉ là phân chia quyền lực, tự lập làm vương, rồi đứng ra kình địch với ta để cho họ đạt được ý đồ của họ. Như vậy thì cái giang sơn phải mất bao xương máu mới được thống nhất này, lại nhanh chóng bị chia năm xẻ bảy, rồi lại tranh giành chém giết lẫn nhau. Nghĩ vậy, ngài muốn khuyến khích để Lý Tư nói tiếp. Nhưng ngài vẫn tỏ ra rất bình thường. Ngài hỏi:

– Các khanh còn có ý kiến gì nữa không?

Lý Tư lập tức tiếp lời nói ngay:

– Xin bệ hạ cho phép. – Rồi ông ta nói một mạch, đầu vào đấy – Những gì hoàng thúc vừa nói, thật là sai lầm. Trước đây, vua Văn Vương và Vũ Vương nhà Chu tôn trọng tôn thất, tin cậy các trọng thần, đem đất đai của thiên hạ ban phát cho các thái tử họ Cơ và các công khanh văn võ. Mặc dù các hoàng thân quốc thích đã có phần của mình, nhưng cục diện cũng chỉ ổn định trong một thời gian rất ngắn. Sau một thời gian thực thi, các tôn thất dần dần chia rẽ, mâu thuẫn và xung đột lẫn nhau giữa những người ruột thịt; những người có quyền hành (ở các địa phương) thì ngạo mạn, chiếm cứ một phương để chống lại quân chủ. Họ sẵn sàng gây chiến tranh để bảo vệ lãnh thổ của mình. Do sự phân chia đất đai như vậy, nên cuối cùng chia thành 800 chư hầu, nước lớn xâm chiếm nước nhỏ, nước nhỏ bị nước lớn xâu xé, không có một ngày nào được yên ổn. Sau đó là đến thời kỳ “Ngũ Bá” của Xuân Thu, Thất Hùng của Chiến Quốc, đều chiến tranh liên miên, binh đao hỗn chiến, rồi Đông Chu và Tây Chu liên tiếp bị diệt vong. Lịch sử của cả một thời đại đó, đáng để rút ra bài học lắm thay. Nay thánh thượng của chúng ta nêu cao tấm gương oanh liệt của các đời tiên vương nhà Tần, nhìn xa trông rộng để làm chủ nội tình. Mười năm chinh chiến dẹp bình sáu nước, thiên hạ hôm nay được thống nhất, thật là không dễ dàng chút nào. Nếu bây giờ lại chia đất phong vương, chẳng phải là lại bước theo vết xe đổ của thảm trạng chiến tranh liên miên giữa các chư hầu đó sao?

Thừa tướng Vương Oản và hoàng thúc Tử Khang tức giận oán trách rằng:

– Nếu không chia đất phong vương, thì đất nước vạn dặm, trăm nghìn thành ấp này, làm sao có thể điều hành để thống nhất thành một thể được? Như vậy sẽ còn khó khăn hơn nhiều so với việc chia đất phong vương. Chẳng hiểu đình úy Lý Tư có hiểu không?

Lý Tư còn định bác bỏ lại họ, nhưng nhà vua đã khoát tay rất mạnh và nói sang sảng:

– Những điều đình úy nói, rất hợp ý trẫm. Nhà Chu kể từ khi chia đất phong vương, nước lớn ức hiếp nước nhỏ, kẻ mạnh xâm chiếm kẻ yếu; người nào cũng có quyền binh trong tay, thiên tử chẳng quản được họ nữa. Tám trăm năm máu chảy đầu rơi, người dân khổ sở biết bao. Quả nhân nhờ có được phúc lộc của tổ tông, kế thừa cơ nghiệp, cũng đã từng chia đất phong hầu, nhưng rồi Lao Ái làm phản ở cung Kỳ Niên, Lã thừa tướng mưu

phản ở Lạc Dương. Chẳng phải là do việc chia đất phong hầu mà gây ra tai họa đó sao? Hôm nay mới bắt đầu chuyển sang “văn trị” để chấn hưng đất nước, chẳng lẽ lại tái diễn cái bi kịch chia đất phong chư hầu thời nhà Chu để rồi đồng than hồng của ngọn lửa chiến tranh chưa thật nguội lạnh lại được thổi bùng lên, và sẽ hủy diệt cung đình và đất nước này hay sao? Những điều mà thừa tướng và hoàng thúc đề nghị, là ý muốn nông cuồng muốn khu khu giữ lại những cái đã cũ rích; là chủ tướng phục cổ bài kim; nhất quyết không thể chấp nhận. Không cần lập lại nhiều lời. Còn về thể chế quốc gia, có thể dựa theo đề nghị của đình úy Lý Tư, căn cứ vào lãnh thổ to nhỏ khác nhau trong phạm vi cả nước để đặt quận huyện, chịu sự quản hạt và chỉ huy của cơ quan trung ương do thiên tử đứng đầu. Các quan chức của quận huyện, đều do triều đình bổ nhiệm, người nào tốt thì thăng cấp và khen thưởng; người nào xấu thì giáng chức và trừng phạt. Quan không có đất (lãnh địa) và binh tướng. Như vậy, mọi người đều phải lo làm tốt chức trách của mình, làm gì có chuyện ăn ở hai lòng với đức vua. Do đó, xã tắc sẽ an bình, dân sống sung túc, thái bình thịnh thế, các hoàng thân tôn thất và quần thần cũng như muôn dân đều được phụ hưởng.

Sau khi nhà vua nói vậy, các đại thần đều ủng hộ. Thừa tướng Vương Oản, một nhân vật rất bảo thủ, cố chấp, vẫn có những điều không thể tiếp thu, nhưng cuối cùng cũng phải phục tùng. Còn hoàng thúc Tử Khang và một số hoàng thân tôn thất khác, những người nhất quyết đòi phục hồi chế độ chia đất phong vương, chỉ mưu tính việc tranh quyền đoạt lợi cho mình, nhưng không đạt được mục đích, lại còn bị nhà vua và Lý Tư bác bỏ và nói cho cứng họng, đành phải hổ thẹn cúi đầu rút cổ rồi lẳng lặng ra về. Mặc dù họ không dám nói nữa, nhưng trong lòng thì vẫn rất ảm ức, vừa đi vừa nghiêng răng chửi rủa: “Đồ phản kinh phản đạo, đồ mất gốc!”

Tại cuộc hội nghị triều chính này, nhà vua sai Lý Tư và ngự sử đại phu Phùng Kiếp công bố ba mươi sáu quận và tên gọi các quận đã được vạch trên bản đồ cả nước sau khi đã thống nhất ý kiến. Danh sách như sau:

Tam Xuyên. Hà Đông. Nam Dương. Nam Quận. Cửu Giang. Chương Quận. Cối Kê. Dĩnh Xuyên. Đãng Quận. Tú Thủy. Tiết Quận. Đông Quận. Lang Nha. Tề Quận. Thượng Cốc. Ngự Dương. Hữu Bắc Bình. Liêu Tây. Liêu Đông. Đại Quận. Cự Lộc. Hàm Đan. Thượng Đảng. Thái Nguyên. Vân Trung. Cửu Nguyên. Nhạn Môn. Thượng Quận. Lũng Tây, Bắc Địa. Hán Trung. Ba Quận. Thục Quận. Kiểm Trung. Trường Sa. Nội Sử.

Trong các quận trên, riêng quận Nội Sử là nơi đặt kinh đô nước Tần, tức Hàm Dương. Sau đó, còn chinh phục được đất Bách Việt, nên tăng thêm bốn quận: Mãn Trung, Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận. Tổng cộng có bốn mươi quận. Mỗi quận có một số huyện. Thái thú quận và huyện lệnh đều do triều đình bổ nhiệm, có thể điều động bất cứ lúc nào tùy theo yêu cầu.

Đồng thời công bố các quan chức sau:

Ở trung ương:

Tả hữu thừa tướng: phò tá hoàng đế xử lý việc triều chính.

Ngự sử đại phu: phò tá thừa tướng.

Thái úy: nắm quân sự chính trị toàn quốc.

Tướng quân: nắm việc chinh phạt.

Đình úy: nắm luật pháp.

Trị túc nội sử: nắm tài chính kinh tế.

Thiếu phủ: nắm việc thu thuế rừng núi, biển, ao hồ, cung cấp chi dùng của bản thân hoàng đế.

Học sĩ: cố vấn

Quan chức địa phương:

Thái thú quận (quận thủ): nắm chính quyền quận.

Quận úy: giúp việc quận thủ, chủ quản quân sự.

Giám ngự sử: giám sát quận thủ.

Huyện lệnh (trưởng): nắm chính quyền huyện. Lúc ấy, một huyện rộng khoảng 100 dặm vùng; trên một vạn hộ, thì gọi là huyện lệnh; dưới một vạn hộ thì gọi là huyện trưởng.

Dưới huyện có xã. Xã có các quan chức: tam lão, sắc phu, du kiếu.

Mỗi xã có mười đình. “Tam lão” nắm việc giáo dục (giáo hóa), “Sắc phu” lo việc bắt trộm cướp.

Các đình có đình trưởng, lo việc bắt trộm cướp. Mỗi đình có mười lý.

Các quan chức của huyện, xã, đình trưởng, phần lớn là những người nhà giàu. Đó là tổ chức chính quyền cơ sở. Đó là bộ máy chính quyền vương triều phong kiến thống nhất, chuyên chế, trung ương lập quyền, lấy dân tộc Hán làm chủ thể, do Thủy Hoàng sáng lập. Trải qua hơn hai nghìn năm, khu vực hành chính quận huyện ngày nay, tuy có một số tăng giảm và thay đổi nào đó, nhưng về cơ bản vẫn còn giữ nguyên. Điều này cho thấy tính hợp lý và ý nghĩa lịch sử của thể chế đó.

Tần Thủy Hoàng còn căn cứ vào “thuyết ngũ đức chung thủy” (trước sau giữ vững năm đạo đức), do Trâu Diễm sáng lập (Trâu Diễm, nhà triết học nước Tề cuối thời Chiến Quốc) để vận dụng nguyên lý “tương sinh tương khắc” (bổ sung cho nhau, tiêu diệt lẫn nhau) của thuyết ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ (kim loại, gỗ, nước, lửa, đất); dùng nguyên lý này để giải thích sự đổi thay của các vương triều. Từ đó suy ra rằng nhà Chu có cái “đức” của “lửa”, nên nhà Tần thay thế nhà Chu, đó tức là “nước” diệt “lửa” (thủy “khắc” hỏa) trong “ngũ hành”; và như vậy, nhà Tần có cái “đức” của “nước” (thủy).

Sau còn dựa vào thuyết “phương bắc nhâm quý thủy” (đức “thủy” của can “nhâm”, can “quý”, tức can thứ chín, thứ mười trong mười can), để suy luận rằng tháng mười là mở đầu của đức “thủy”. Do đó, bãi bỏ lịch cũ, chuyển sang dùng lịch Chuyên Húc (tên vị vua trong thần thoại Trung Quốc), bắt đầu bằng “Át Mão” (Át: can thứ hai trong mười can; mão: chi thứ tư trong mười hai chi). Như vậy, ngày “đông chí” của lịch nhà Tần nằm ở vị trí “độ số sáu” của sao Ngưu trong chùm sao. Vì vậy, tháng đầu tiên của một năm là tháng mười.

Tần Thủy Hoàng còn quy định: tháng Giêng (chính nguyệt) phải đọc dấu nhẹ, hoặc không dấu, để khỏi trùng với tên của ngài (Doanh Chính) ^[153].

Vì ngài cho rằng nhà Tần có đức “thủy” (nước), nên gọi sông Hoàng Hà là sông “Đức Thủy”. Lại thấy nước sông có màu xanh thẫm (vì sông sâu), nên nước Tần tôn sùng màu đen. Tất cả mọi áo quần, cờ quạt đều lấy màu đen làm nền.

Tần Thủy Hoàng còn liên hệ phương vị (phương hướng), ngũ hành và con số với nhau để suy ra “phương bắc nhâm quý thủy”; con số sáu (lục) là một “Kỷ” (một đơn vị để tính). Từ đó, đặt ra một số quy định như mũ đội của quan văn phải cao sáu tấc (khoảng 20cm), đường kính bánh xe khoảng sáu thước (1 thước Trung Quốc bằng 1/3m); xe của vua đi phải do sáu ngựa kéo... Những quy định tương tự có rất nhiều, không kể hết. Đáng chú ý là phương pháp suy luận và cách tư duy đó của Tần Thủy Hoàng, cuối cùng đưa ông ta đến chỗ tin theo và tôn sùng chuyện bói toán của các thầy cúng (phương sĩ), cố tìm thuật trường sinh bất lão, để lại sự chế cười cho hậu thế.

HỘI THỨ HAI MƯƠI BỐN

THU BINH KHÍ, ĐÚC MƯỜI HAI TƯỢNG ĐỒNG ĐỘC TIÊN CỬA, XÂY ĐÁP ĐƯỜNG "TRÌ ĐẠO"

Tại hội nghị triều chính, Tần Thủy Hoàng đã bác bỏ đề nghị của thừa tướng Vương Oản về việc chia đất phong vương, và thực hiện chế độ quận huyện. Trong quan hệ giữa cơ quan chính quyền trung ương và địa phương, dùng chính sách và pháp luật để thực thi quyền lực; quán triệt các chủ trương, biện pháp, như quản lý hộ tịch, trị an, thu thuế, phu dịch... Tất cả các thể chế đó đều được thực hiện thông suốt, nhanh chóng, đạt được kết quả rất tốt, được ca ngợi là rất linh hoạt và có hiệu quả. Những thành tích đó khiến Tần Thủy Hoàng rất mừng. Nhưng không bao lâu sau, các quận huyện phản ánh một số vấn đề nghiêm trọng mà ngài chưa nghĩ tới. Những vấn đề đó cần có đối sách để giải quyết. Trong đó, vấn đề bức bách nhất, và cũng là nguy hiểm và đe dọa nhất là các cuộc bạo loạn vũ trang của các thế lực tàn dư của các chư hầu địa phương, và của cả dân chúng.

Đó là bởi vì, quá trình quân Tần chống quân các nước chư hầu diễn ra rất kịch liệt, tàn khốc, các tướng sĩ của nước bại trận phần lớn bị giết tại trận, một số bị giết hoặc bị chôn sống sau khi bị bắt. Thảm cảnh này gây nên sự khúng khiếp kinh hoàng trong dân chúng. Xét cho cùng, nó giống như một trận cuồng phong, một cơn dông bão, đến rất nhanh và rất dữ dội, tàn phá ghê gớm. Nhưng thời gian rất nhanh, quá trình diễn ra có phần nào lớt phớt. Khi nó đã qua đi, thì một số thế lực nào đó nhờ ẩn náu đằng sau những vật chướng ngại nào đó, may mắn không bị dông bão quét sạch, nên vẫn tồn tại, và dần dần ngóc đầu dậy. Chúng lại dùng vũ khí để trả thù chính quyền mới. Mùa đông năm hai mươi niên hiệu Tần Thủy Hoàng, cuộc nổi loạn vũ trang ở Tần Trịnh, nơi tiếp giáp nước Sở và Ngụy cũ là một ví dụ điển hình.

Vả lại, trong cuộc chiến tranh mười năm của Tần nhằm tiêu diệt sáu nước, số người chết của các nước lên tới hơn ba triệu; số vũ khí bị phá hủy và bị thu hồi rất nhiều; nhưng vẫn còn một số rất lớn được cất giấu hoặc phân tán trong dân gian. Đó là nguồn khí giới vô tận mà lực lượng chống Tần có thể sử dụng không bao giờ hết. Một số lượng vũ khí lớn như vậy ở trong dân chúng, là mối đe dọa nguy hiểm đối với vương triều nhà Tần mới được thống nhất.

Mặt khác, sáu nước đã bị tiêu diệt, thiên hạ đã thống nhất, nhà Tần chuyển sang xây dựng kinh tế. Đó là công việc rất tốt đối với đất nước, xã hội và dân chúng. Nhưng lúc này, các thứ vũ khí đã cho vào kho, ngựa chiến đã cho về miền Nam chăn thả, hàng loạt tướng sĩ đã giải ngũ về quê, còn một số đơn vị quân chủ lực thì tập trung ở kinh đô Hàm Dương; lực lượng quân sự của các quận huyện rất mỏng, tổ chức và năng lực chiến đấu đều yếu kém; rất khó bảo vệ trật tự trị an địa phương. Tất cả những tình hình đó đã tạo thuận lợi cho các thế lực vũ trang chống Tần. Chúng dám gây bạo loạn và ngày càng dữ dội, đến mức có nhiều quan chức quận huyện bị giết, nhiều thành trì bị đánh chiếm; trật tự xã hội bị rối loạn, lòng người hoang mang; tạo thành mối uy hiếp rất lớn đối với vương triều nhà Tần. Đặc biệt, những cuộc nổi loạn ấy đã cung cấp bằng chứng cho các phần tử bảo thủ, bọn chúng nhao nhao nói rằng lẽ ra phải chia đất phong vương, thì có thể kịp thời trấn áp và không để xảy ra bạo động như thế.

Tần Thủy Hoàng là con người có tính cách kiên cường và đảm lược phi thường, không bao giờ thêm để ý đến luận điệu của bọn bảo thủ, ngoan cố, coi bọn chúng chẳng là cái gì. Nhưng khi bạo động xảy ra liên tiếp, ngài không thể coi thường được nữa. Ngài sai quốc úy Ủy Liêu huy động quân đội đi các nơi có bạo loạn đánh dẹp, bảo vệ chính quyền cơ sở, khôi phục trật tự trị an và ổn định xã hội. Nhưng đó chỉ là đau đầu chữa đấy, chưa phải trị tận gốc. Biện pháp có hiệu quả nhất là phá hủy toàn bộ số vũ khí hiện có trong xã hội. Như vậy dù có gây bạo loạn cũng chỉ tay không và như vậy, chính quyền quận huyện đủ sức để đối phó. Tần Thủy Hoàng bèn ra một bản chiếu thư "thu hồi binh khí trong thiên hạ, tập trung về Hàm Dương, để đúc chuông và nhạc cụ". Bản chiếu thư ra lệnh cho tất cả mọi ng7901;i, từ các hậu duệ tôn thất hoàng gia cũ, các quan lại và tướng sĩ các chư hầu cũ, cũng như toàn thể dân chúng đều phải đem nộp cho quan quận huyện tất cả các loại vũ khí mà họ cất giấu được hoặc họ phát hiện, bao gồm dao, kiếm, kích, giáo, rìu, thương, lao, mâu, giáo

cán dài, búa... cho đến cả các mũi tên bọc bằng kim loại, và các đồ bằng kim loại như mũ sắt, áo giáp sắt. Sau khi toàn dân đã giao nộp tất cả các thứ nói trên, lại còn tiến hành lục soát trên quy mô lớn, ngay cả các tướng sĩ quân Tần được giải ngũ cũng phải nộp mũ sắt và vũ khí của mình trước khi về nhà. Sau khi lục soát nhiều lần rất kỹ, toàn bộ vũ khí và những thứ có quan hệ với vũ khí phân tán trong dân được thu hồi hết. Sau đó được chất lên xe và thuyền để đưa về Hàm Dương.

Để xử lý số binh khí cũ chất thành núi đó, Tần Thủy Hoàng suy nghĩ rất nhiều, cuối cùng ngài quyết định sẽ dùng những thứ bằng đồng để đúc mười hai tượng người bằng đồng. Trong đồng vũ khí cũ đó, phần lớn là làm bằng đồng. Lúc bấy giờ là thời kỳ cuối Chiến Quốc, chỉ có nước Tần và Sở có kỹ thuật tiên tiến, làm được vũ khí bằng sắt, còn năm nước còn lại, chỉ làm vũ khí bằng đồng. Vì vậy, Tần Thủy Hoàng quyết định đúc tượng đồng. Lại nói tại sao lại đúc mười hai pho tượng? Đó là vì mỗi ngày có mười hai giờ (theo giờ cổ đại Trung Quốc, mỗi giờ có bốn khắc, mỗi giờ tương đương ba giờ hiện nay); theo ý của Tần Thủy Hoàng (mỗi pho tượng cao năm trượng tức là bằng ba trượng hiện nay; mỗi trượng hiện nay bằng 3,33m), mỗi pho tượng canh phòng một canh giờ, mười hai pho tượng canh phòng mười hai canh giờ. Như vậy, cung Hàm Dương, tượng trưng cho nước đại Tần, được canh phòng suốt ngày đêm.

Đây là một công trình đồ sộ, có nhiều loại công việc khác nhau, quy mô lớn, liên quan đến một diện rất rộng, nên Tần Thủy Hoàng giao cho quốc úy, ngự sử đại phu, nội sử và thiếu phủ cùng phối hợp chủ trì và điều hành công việc. Sau một thời gian chuẩn bị và vạch kế hoạch, công việc đúc bắt đầu triển khai.

Công trường đúc trước đây là mấy nghìn mẫu đất tốt ở ngoại thành Hàm Dương. Công trường rộng hai mươi dặm vuông, có hơn ba nghìn thợ đúc và gần một trăm lò luyện đồng. Những người thợ cứ liên tục chở đồ binh khí cũ bằng đồng đổ vào các lò luyện. Chẳng mấy chốc đồng vụn ấy nóng chảy, sôi lên từng đợt sóng, phát sáng một màu hồng rất chói mắt, rực đỏ cả một vùng trời, ở cách xa hai mươi dặm vẫn nhìn thấy. Thật là một cảnh tượng tráng lệ hùng vĩ.

Vì tượng cao năm trượng, nên khuôn đúc phải dài sáu trượng, rộng tám thước, cao một trượng (bề dày). Đáy khuôn phải dày và kín hoàn toàn. Khuôn có hai bộ phận: đáy và nắp. Đáy và nắp phải ăn khớp với nhau hoàn toàn. Riêng nắp cũng đã nặng tới mấy vạn cân. Để đưa nắp vào đặt lên đáy để đổ đồng vào, hoặc lấy nắp ra để lấy tượng đồng ở trong khuôn ra, người ta buộc mấy chục dây xích sắt vào mép nắp và các móc trên vỏ nắp, một đầu của dây xích được buộc vào "con lăn". Các con lăn to lớn này được lắp trên một giá gỗ rất cao, mỗi con lăn buộc một dây xích, và mỗi con lăn có mười "tay cầm". Mỗi khi chuyển động, mấy chục con lăn (ròng rọc) khổng lồ đồng thời xoay chuyển, dần dần nhấc nắp khuôn lên cao một cách từ từ nhưng rất chắc chắn, ổn định. Lúc hạ xuống cũng vậy. Đây thực sự giống như điều khiển một trận đánh: Một viên đô úy chỉ huy việc thao tác bằng các khẩu lệnh như khi tác chiến, nhằm làm cho mấy chục con lăn đều chuyển động cùng lúc, cùng một tốc độ, cùng nhấc lên hoặc đặt xuống cùng một thời điểm, tất cả đòi hỏi độ chính xác tuyệt đối.

Trên đây chỉ mới là cảnh tượng những công việc sản xuất chủ yếu, còn có rất nhiều những công việc phụ khác, số thợ làm việc ở các nơi này cũng rất đông, quang cảnh cũng rất nhộn nhịp. Ví dụ có mấy chục "máy" quạt gió để thổi gió vào lò, đốt nóng các lò luyện. Mỗi quạt gió có đường kính tám thước (gần 3m), có tám người lực lưỡng thao tác. Từ quạt gió đến lò luyện, có một ống dẫn dài hai trượng, đường kính bằng một cái bát. Mấy chục quạt gió này chuyển động suốt ngày, phát ra tiếng động như dông bão gầm rú, thật là kinh thiên động địa.

Lại còn những đồng than (than củi, dùng để đốt lò) và đồng cát mịn (cát để lót phía trong khuôn) chất cao như núi, đen nháy và trắng xóa, lại luôn luôn nhấp nháy bởi ánh sáng của các lò luyện ở cạnh đó chiếu vào. Những đồng than và cát khổng lồ ấy cũng do mấy chục hầm lò ngày đêm đốt củi tạo thành (đốt củi thành than. Còn cát mịn lót khuôn, cũng phải qua chế biến). Sau đó, hàng chục xe thùng chở liên tục đến đổ thành đồng ở hiện trường.

Công trường đúc đồng nhộn nhịp tráng lệ ấy thể hiện sinh động nền kinh tế phát triển

và tiến bộ kỹ thuật lúc bấy giờ của nhà Tần.

Hơn ba nghìn thợ lao động liên tục ngày đêm trong hơn nửa năm, mười hai tượng đồng lớn đã được đúc xong. Mỗi bức tượng cao năm trượng (nay là ba trượng), nặng hai mươi tư vạn cân (nay là 37.500 kg). Mỗi bức tượng đều mặc áo giáp vàng và đội mũ giáp vàng, mắt to, lông mày rậm, tư thế oai phong, dáng đứng lẫm liệt. Trong thời gian hơn nửa năm ấy, Thủy Hoàng luôn luôn hỏi thăm các đại thần chủ trì công việc đó về tình hình tiến độ. Ngoài ra, ngài còn cải trang thành những viên chức bình thường, chen vào trong đám quan chức tùy tùng của các đại thần để đến hiện trường quan sát. Đứng trước khung cảnh náo nhiệt và quy mô to lớn của công trường đúc luyện, ngài cảm thấy những thứ đang nung chảy trong các lò luyện không phải là đồng vụn của binh khí cũ, mà chính là hậu duệ của hoàng gia các chư hầu cũ; là lực lượng chống Tần, phản Tần của bọn hậu duệ này, của bọn tàn binh bại tướng và của một số bình dân. Ngài cảm thấy vui mừng lắm. Bởi vì sau các lò luyện này, trong dân chúng sẽ không còn vũ khí nữa, thế lực tàn dư hậu duệ các chư hầu cũ không thể làm phản được nữa. Ha! Ha! Ha! Khi ngài đến bên cạnh một khuôn tượng, ngài ngẩng nhìn bức tượng có thân hình vạm vỡ, uy nghi như thiên thần. Ngài có cảm giác như đó là hình ảnh các đại tướng quân đã giúp ngài chinh phục sáu nước, mở rộng biên cương, bình định thiên hạ: Vương Hột, Mông Ngao, Hoàn Kỳ, Vương Tiễn, Mông Vũ, Dương Đoàn và các tướng lĩnh trẻ tuổi hơn Mông Nghị, Mông Quát, Lý Tín... Mười hai bức tượng đồng đó chính là hiện thân của những tướng lĩnh trụ cột đó. Nay đặt các tượng đó trước cung Hàm Dương, mỗi ngày mười hai giờ (mỗi giờ bằng ba giờ hiện nay) liên tục bảo vệ cung Hàm Dương, tượng trưng cho đất nước đại Tần. Như thế cũng có nghĩa, vương triều đại Tần thống nhất do ngài sáng lập, nhất định phải vững như bàn thạch, vĩnh viễn tồn tại, phồn vinh mãi mãi, sinh sôi nảy nở, phát triển không ngừng, truyền đến nhị thế (đời thứ hai), rồi đến tam thế (đời thứ ba)... cho đến vạn thế. Nghĩ đến đây, ngài cao hứng quá đến nỗi rất nôn nóng, muốn cho công việc xong ngay.

Sau khi về cung, ngài liền bảo “trung xa phủ lệnh” Triệu Cao gọi các đại thần “quốc úy”, ngự sử đại phu, nội sử và thiếu phủ vào cung. Khi mọi người đến đông đủ, ngài nói rằng ngài rất bằng lòng với công việc ở công trường, và có lời khen ngợi mọi người ở đấy. Sau đó, ngài nói cần phải đẩy nhanh tiến độ hơn nữa, phải đôn đốc và thúc đẩy mọi người làm nhanh hơn, cố gắng hoàn thành sớm kiết tác chưa từng có do ngài thiết kế.

Phải khó khăn vất vả lắm mới đúc xong mười hai pho tượng khổng lồ ấy. Đó là vào cuối xuân năm hai mươi bảy niên hiệu Tần Thủy Hoàng. Các pho tượng đều được đánh bóng sáng loáng, trông rất hoành tráng, rực rỡ. Mặc dù công trường đúc luyện ở cách thành Hàm Dương dăm ba dặm, nhưng việc vận chuyển những pho tượng khổng lồ ấy về quảng trường trước cung Hàm Dương hoàn toàn không phải là công việc dễ dàng. Nếu so sánh với chín đỉnh đồng lớn của nhà Chu trước đây, thì khác nhau một trời một vực. Bởi vì tượng đồng có thể tích rất lớn và trọng lượng rất nặng. Nhưng những người thợ thông minh hồi ấy, khi tháo khuôn, thì đồng thời đục mười mấy khúc gỗ thông tròn xuyên qua bên dưới lưng của tượng, coi như đệm cho toàn bộ pho tượng cao lên khỏi mặt đất. Sau đó dùng dây thừng được bện rất bền chắc, buộc vào đầu, cổ vai, cánh tay, lưng, đùi, bắp chân của pho tượng; một đầu dây thừng (dây dài) quàng vào vai mấy chục con ngựa chiến; dây ngắn thì do các binh sĩ khỏe mạnh kéo. Một viên phó tướng kỵ binh chỉ huy việc kéo tượng. Người và ngựa đi thành hai hàng hai bên, dựa theo hiệu lệnh của người chỉ huy, cứ kéo dần từng bước, toàn bộ pho tượng để nằm, cứ lăn trên các khúc gỗ tròn, di chuyển từng tấc một, từng tấc một, cuối cùng về đến địa điểm đã định.

Bây giờ đến công việc dựng tượng đứng dậy. Lại dùng bánh xe ròng rọc để kéo lên như khi nhắc tượng ra khỏi khuôn. Chỉ khác ở chỗ, nay chỉ nâng đầu dần dần đứng thẳng, hai chân tượng ở nguyên vị trí cũ, chỉ thay đổi tư thế. Để làm việc này, người ta lắp một giá đỡ cao, dùng dây xích buộc vào đầu, vai, nách và cánh tay tượng, rồi cho chạy ròng rọc; đồng thời cố định hai bàn chân. Cứ thế, kéo dần từng tấc, từng tấc một, cho đến khi đứng thẳng. Hơn ba nghìn người và hơn năm trăm con chiến mã, làm việc liên tục gần mười ngày mới dựng xong mười hai pho tượng.

Nhà vua ngày nào cũng đến hiện trường để xem xét. Ngài mừng lắm. Nhưng điều làm cho ngài phấn khởi nhất là cảnh tượng lao động hăng say của hàng nghìn binh sĩ và thợ thủ công. Họ vừa làm vừa reo hò rất nhộn nhịp, náo động, vui vẻ, mồ hôi nhễ nhại, áo

quần lem luốc, nhưng vẫn làm việc không biết mệt mỏi. Lúc này, đi đôi với việc ngày càng củng cố, tăng cường và mở rộng quyền lực cá nhân và địa vị quân chủ của mình, tham vọng chiếm hữu [154] và bản tính bạo ngược [155] của Tần Thủy Hoàng đã làm cho ông ta dần dần biến chất và thoái hóa thành một bạo chúa hoàn toàn mất hết lý trí và tính người, xa rời hẳn với mạch đập của đất nước và số phận của nhân dân; cốt để đạt được mục đích bảo vệ vai trò thống trị cá nhân vĩnh viễn của mình.

Trong thời gian nửa năm đúc tượng đồng, Tần Thủy Hoàng đồng thời thiết kế và tạo mẫu hình tượng một con người to lớn hơn [156]. Đó là hình tượng của chính ông ta. Ngài ra lệnh cho viên ngự phủ lo việc trang phục của thiên tử, thiết kế và chế tác các loại quần áo, giày dép, mũ mào, kiếm. Tất cả những việc này đều phải tuân theo sự chỉ đạo chặt chẽ của ngài theo quan niệm: nước Tần có đức của “thủy” (nước) và có màu đen tượng trưng. Lựa chọn ngọc Lam Điền nổi tiếng của Tần để khắc dấu ấn (ngọc tỷ) chuyên dùng của hoàng đế. Chữ khắc trên con dấu này do Lý Tư viết. Đồng thời sai các “học sĩ” (cổ vấn) thiết kế, vẽ mẫu các loại trang phục, cờ, đội hình đội danh dự, cho các thái tử, hoàng tử, hoàng hậu, phi, nữ quan và văn võ bá quan trong triều. Mỗi bản thiết kế, đồ án đều phải đưa cho ngài đích thân xem xét. Ngài có ý kiến và chỉ thị rất chi tiết, cụ thể đối với ý nghĩa và sự tượng trưng của từng vật, thậm chí đối với từng đường nét, hình tượng và màu sắc của chúng, đến khi nào ngài vừa ý mới chuyển sang chế tác. Từ đó, quan lại triều đình phải mặc trang phục đúng theo quy định, không được tùy tiện. Văn hóa trang phục ấy thể hiện lễ giáo đẳng cấp phong kiến nghiêm khắc và màu sắc văn hóa của một quốc gia thống nhất và kinh tế phát đạt. Tác phong làm việc tỉ mỉ, sâu sát, nghiêm khắc của Tần Thủy Hoàng được bề tôi khen ngợi. Nhưng sự độc đoán chuyên quyền, tự làm theo ý mình, không cho phép kẻ dưới góp ý kiến, ương ngạnh ngạo mạn ấy của ngài, thì ai cũng phải sợ.

Sở dĩ Tần Thủy Hoàng bắt phải thiết kế và chế tác các loại trang phục, nghi lễ và cờ quạt ngay trong thời gian đó, là vì ngài muốn khi đúc xong mười hai pho tượng, sẽ làm lễ khánh thành rất trọng thể. Hôm ấy, nhà vua và văn võ bá quan trong triều, cũng như mọi thành viên khác trong cung đình, đều mặc lễ phục theo quy định. Cũng may là việc đúc mười hai pho tượng kéo dài trên nửa năm, nên việc thiết kế và chế tác trang phục cho nhà vua và mọi thành viên trong triều đình và trong cung đình cũng kịp hoàn thành. Khi thẩm định lần cuối những trang phục ấy, nhà vua rất vừa lòng, vì mọi việc đều được hoàn thành đúng thời hạn. Ngài bèn tự mình bốc một quẻ để tìm ngày lành tháng tốt, tổ chức lễ khánh thành tượng đài.

Hôm cử hành lễ khánh thành, bầu trời trong xanh, gió xuân dịu dịu; cung Hàm Dương được trang hoàng long lẫy. Một đàn tế cao và to được dựng lên ở chính giữa quảng trường phía trước cung. Tám chiếc đỉnh lớn lấy từ kinh đô nhà Chu được đặt trước đàn tế, khói hương bay nghi ngút, mùi thơm lan tỏa khắp nơi. Mười hai pho tượng cao sừng sững, uy nghi, oai hùng; phản chiếu ánh mặt trời ban mai nên càng xán lạn, rạng rỡ. Đội cận vệ cung đình gồm sáu nghìn người đứng thành hình vuông chung quanh đàn tế và dàn nhạc. Phía trái, phải và phía sau đàn tế được che kín bằng một bức tường cao bằng thảm màu đen; coi như cái nền (phông) của đàn tế. Cái phông này được tạo hình theo kiểu cung điện: cách một quãng lại có một bức họa trong đó có một chữ Tần màu vàng rất lớn và một con “rồng có sừng” đang uốn lượn trong đám mây ngũ sắc, tượng trưng cho “rồng đang bay trên trời”. .Đội cận vệ cũng đội mũ đen, áo giáp đen, cờ đen. Trong các lá cờ, có cờ thêu chữ Tần màu vàng và rồng vàng; một ố cờ khác thêu “họ” của các tướng lĩnh cầm quân như Vương, Mông, Lý... để biểu dương công lao của các vị ấy. Phía bên ngoài đội cận vệ, là dân chúng đến xem, đông nghìn nghịt, người qua kẻ lại, ồn ào náo nhiệt, kể có đến mấy vạn người. Tất cả đều hớn hở háo hức, vui mừng chào đón, hoàn toàn khác với khung cảnh quảng trường hành hình Lao Ái mười sáu năm trước.

Giờ Ty đã đến (khoảng từ 9 – 11 giờ sáng), tiếng trống rầm rầm, tiếng kèn vang vang. Tần Thủy Hoàng bước ra khỏi cổng chính cung Hàm Dương, bước từ từ lên đàn tế. Theo sau ngài là các trọng thần như tả hữu thừa tướng Ngõi Trạng, Vương Oản, đình úy Lý Tư, ngự sử đại phu Phùng Kiếp và trung xa phủ lệnh Triệu Cao... Nhà vua mới bước vào tuổi bốn mươi [157], lần đầu tiên mặc trang phục thiên tử do chính ngài giám sát việc chế tác. Mũ của ngài gọi là “thiên quán”, cao chín tấc (10 tấc 1 thước, 1 thước Trung Quốc = 0,33m); đỉnh mũ bằng, hình cong lượn sóng. Trước và sau đỉnh mũ, mỗi đầu có mười hai dây tua mang hạt trân châu, giống như một bức rèm nhỏ che mặt và cổ nhà vua. Ngài mặc

áo long bào hai vạt cài giữa, ống tay rộng, màu đen; cổ và đầu ống tay áo có thêu hoa văn màu vàng. Ở phần áo ngang lưng, quần một vành đai bằng vải, có thêu hình rồng bay màu vàng. Mép dưới cùng của áo, thêu hoa văn lượn sóng, tượng trưng “đức” của nhà Tần là thủy (nước). Chân đi đôi hài “vọng tiên” (nhìn lên ông tiên), mũi hài cao vót lên.

Có khoảng ba trăm đại thần văn võ tham dự cuộc lễ. Quan văn đều mặc lễ phục đen có hoa văn. Mũ của quan văn gọi là “pháp quán” (quán là mũ) có thêu hình con “dê thần”. Truyện thần thoại nói, con dê thần này biết phân biệt phải, trái, trắng đen, nên dùng để thể hiện sự sáng suốt của văn quan. Các võ tướng thì có mảnh giáp sắt che phía trong ngực, bên ngoài mặc áo quần quan phục màu đen; đầu đội mũ có hình con hổ và chim trĩ, thể hiện tinh thần thượng võ, gọi là “võ quán”.

Hoàng hậu và các phi của nhà vua, hơn hai mươi hoàng tử và một số hoàng thân tôn thất, phải đứng hai bên lễ đài, không được đứng ở giữa trung tâm đài tế cùng với nhà vua và các đại thần, vì họ không phải là quan chức.

Khi mọi người đã vào vị trí của mình, chuông trống và nhạc ngừng lại. Tất cả mọi người có mặt, chỉ trừ nhà vua, đều quỳ xuống, đồng thanh hô lớn: “Cung kính chào đón Thủy Hoàng Đế, vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!” Tiếng chúc mừng râm trời, vang xa như sóng âm thanh, chấn động cả một vùng trời trong một hồi lâu.

Tần Thủy Hoàng ngồi trên cao, nên ngài phải hơi cúi mình để nhìn xuống quảng trường. Ngài nhô đầu ra, khịt khịt cái mũi lớn hình con ong, hơi nheo con mắt chim ưng, rồi nhìn qua cái rèm bằng chuỗi hạt trân châu rủ xuống từ trên chiếc mũ để xem quang cảnh trước mặt mình. Ngài thấy hàng vạn tướng sĩ và dân chúng đang quỳ mọp, toàn bộ đều màu đen, đang đưa mắt nhìn vào ngài một cách chân thành và phần chân, rồi hô vạn tuế, vạn tuế. Ngài cũng rất cảm động và hưng phấn. Cảnh tượng này hoàn toàn khác với thái độ hèn hạ, khúm núm, xin được tha tội của vua tôi và quan dân sáu nước bại trận. Trước mặt ngài hiện nay là những con người tự nguyện tự giác và chân tình chúc mừng ngài. Thậm chí, ngài còn có cảm giác như đang nghe thấy tiếng thở gấp gấp của hàng vạn con người sau khi hết sức hô lớn mấy tiếng vạn tuế, và hầu như ngài đang nhìn thấy những giọt nước mắt đang chảy trên gò má đang rất xúc động của họ. Còn các quần thần ở hai bên thì chẳng cần phải nói, họ luôn luôn trung thành vô hạn và ủng hộ nhà vua tuyệt đối.

Bây giờ ngài mới thật thấm thía ý nghĩa của câu “Trong thiên hạ, không có thần dân nào không phải là của vua”. Vì vậy, ngài nghĩ rằng mình còn phải đi đến nội địa sáu nước chư hầu cũ, thậm chí phải đến tận miền biên thùy ở phía Bắc, phía Nam và vùng dân tộc man di mọi rợ, để thưởng thức cái mùi vị tối cao vô thượng, duy ngã độc tôn của vai trò “mọi bên bờ trong thiên hạ không nơi nào không phải của nhà vua”. Nghĩ đến đây, ngài định giơ tay lên trời để cười lớn, nhưng vừa ngửa cổ mở mồm, thì lập tức nhớ lại rằng trước đây thái tử Đan của nước Yên và quốc úy Uy Liêu của mình chê cười rằng tiếng cười của ngài rất khó nghe vì nó giống như tiếng sói gầm. Vì vậy, ngài liền thôi, không cười nữa; chỉ đưa hai cánh tay vừa giơ cao lên để vẫy chào lại và cảm ơn đám người bên dưới quảng trường. Quần chúng thấy nhà vua đang duyệt đội ngũ của họ, nên lập tức hàng vạn con người lại hoan hô vang dậy...

Lúc này, thừa tướng Vương Oản đến gần nhà vua nhắc rằng đã gần tới giờ Ngọ. Nhà vua bèn ra hiệu cho mấy vị cận thần ở cạnh đó thông báo cho tướng quân Vương Bôn dùng cờ hiệu ra lệnh cho tướng sĩ không hoan hô nữa, và cũng truyền lệnh cho dân chúng giữ im lặng. Tiếp đó, thừa tướng Vương Oản đứng ra làm lãnh xướng, Tần Thủy Hoàng làm chủ tế, thấp hương, hiến tam sinh (bò, dê, lợn), ba lần vái, chín lần khấu đầu. Làm xong những việc đó, nhà vua quỳ xuống ở chính giữa đàn tế, đưa mắt nhìn lên trời cao, sau đó đưa mắt ra hiệu cho tả thừa tướng Ngỗi Trọng đọc bài văn tế “Dựng tượng đồng tế trời đất tổ tiên”. Giọng của tả thừa tướng vang như tiếng đồng, đọc rất có tiết tấu, trầm bổng:

Nay là hạ tuần tháng Ba năm 27 niên hiệu Tần Thủy Hoàng, Thủy Hoàng đứng cúng tế trời đất và vong linh các tiên vương các đời của đại Tần trước cung Hàm Dương, nơi đặt mười hai tượng đồng mới đúc, xin thưa rằng: Doanh Chính thừa kế ngôi vị, không bao giờ quên di huấn của tiên vương, đã nêu cao kế sách lâu dài, ngự trị thiên hạ, cầm quân bảo vệ biên cương. Chinh chiến mười năm ròng rã, tiêu diệt sáu nước chư hầu, thống nhất toàn

bộ sơn hà, phúc cho muôn dân. Nay thu thập mọi khí giới bằng đồng sắt, đúc tượng đồng lẫm liệt oai phong, sừng sững đứng ngoài cung Hàm Dương, suốt ngày đêm bảo vệ cung đường. Các tàn dư của chư hầu đã bị quét sạch, nước đại Tần từ nay thịnh vượng đời đời. Nay bỏ tên hiệu Tần Vương, tôn vinh danh hiệu Tần Thủy Hoàng. Kỷ nguyên mới này bắt đầu từ trẫm, màu đen này do trẫm khởi xướng. Trong ngũ hành, đại Tần có đức “thủy”, ơn trạch vua ban đầy ắp bốn biển. Nay trẫm viết thành văn tế, xin cúng tế trời xanh. Đức độ của tổ tiên còn lưu lại lâu dài, nay càng chói lọi sáng ngời, sự nghiệp mà trẫm sáng lập sẽ kế tục vạn đại thiên thu.

Khi đọc xong, Ngỗi Trọng còn đồng dục nói to: “Văn tế đọc xong, cúi xin thụ hưởng!” Tiếp đó, châm lửa đốt bài văn tế. Tần Thủy Hoàng lại cung kính khấu đầu ba lần nữa rồi mới từ từ đứng dậy. Trên quảng trường lại vang lên tiếng hô “Vạn tuế! Vạn tuế! Vạn vạn tuế!”

Tần Thủy Hoàng đi mấy bước đến phía trước đài tế vẫy tay chào mọi người rồi bước xuống đài tế để trở về cung Hàm Dương. Theo sau ngài là cả một đoàn cận thân và thị vệ. Sau lễ khánh thành này, Tần Thủy Hoàng nghĩ rằng ngài đã tạo ra cho chính ngài một hình ảnh cực kỳ vĩ đại; danh tiếng và oai phong của ngài đã vang dội khắp thiên hạ; ngài đã trở thành anh hùng cái thế xưa nay chưa từng có và sau này cũng không bao giờ có.

Sau khi đúc tượng, vẫn còn thừa một ít đồng vụn, nhà vua bèn sai đúc sáu bộ chuông đàn [158] và phát cho các nhạc sư trong các cung. Các bộ chuông đàn ấy phát ra âm “hoàng chung” và “đại lũ” trong mười hai luật âm của nhạc cổ đại Trung Quốc, luôn luôn tấu những ca khúc hùng tráng để ca ngợi công đức của Tần Thủy Hoàng.

Điều đáng chú ý là khi Tần Thủy Hoàng hoàn thành việc đúc tượng và đúc chuông là vừa đúng mười năm sau khi thống nhất thiên hạ và thành lập vương triều phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Cũng tức là năm hai mươi bảy niên hiệu Tần Thủy Hoàng, khi chiến tranh đã lùi xa về dĩ vãng, chuyển sang thời kỳ xây dựng hòa bình. Trong khung cảnh như vậy, ngài hoàn toàn quên mất lời hứa mà ngài từng nói với lão tướng Vương Tiễn và Mông Vũ, tức là thực hiện chính sách chăm lo cho dân, yên dân, quan tâm nỗi đau của dân. Ngài không những chớ về Hàm Dương tất cả những gì quý giá ở cung điện sáu nước như vàng bạc, châu báu, các đồ dùng quý hiếm, các công chúa, phi tần, mà ngài còn ban chiếu bắt các quận huyện nộp các của cải tương tự. Do vậy, xe cộ và thuyền bè cứ nườm nượp chất đầy của cải chở về kinh đô Hàm Dương. Tình hình này khiến đường sá vốn đã bị chiến tranh tàn phá, nay lại càng hư hỏng nặng nề.

Qua các bản tấu báo do các quận huyện gửi lên, Tần Thủy Hoàng thấy rằng, số vũ khí phân tán trong dân đã thu hồi hết, khả năng nổi loạn đã giảm xuống ở mức thấp nhất; nhưng vẫn còn những yếu tố bất lợi cho sự an toàn của chính quyền cơ sở quận huyện cũng như trật tự xã hội và đời sống nhân dân. Thậm chí có nơi thật sự bị một số thế lực nào đó uy hiếp, đe dọa rất nguy hiểm. Để đối phó với tình hình mới đó, ngài lại triệu tập mấy vị trọng thần đến bàn bạc. Ngài nói:

– Gần đây có nhiều quận huyện gửi tấu biểu về nói rằng họ đang gặp nguy cấp, không đủ sức ứng phó, xin triều đình giúp đỡ. Không biết các khanh có ý kiến gì không?

Thừa tướng Vương Oản nhú lông mày rồi nói:

– Những chiến thắng trước đây lướt nhanh như gió, đưa ngọn lửa lướt qua cánh đồng cỏ, thứ thì chết, thứ thì bò rạp xuống. Khi trời yên biển lặng, những ngọn cỏ bò rạp xuống nay lại ngóc đầu dậy, cứng cáp dần lên. Quân ta đã diệt hết tàn quân và thu hồi hết vũ khí phân tán, song cái “tâm” của họ vẫn chưa bị diệt. Vì vậy cần có biện pháp phòng ngừa, không để cho chúng ngóc đầu dậy.

Thừa tướng Ngỗi Trọng đồng ý với Vương Oản. Ông bổ sung thêm:

– Nay thiên hạ đã được bình định, quận huyện mới được thiết lập, chế độ mới được ban hành, tiếng tăm và uy phong chưa có gì. Nay các quận trưởng gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí có hiện tượng gây sự để tiếp tay cho bọn tội phạm; vì vậy, họ rất lo lắng và xin triều đình giúp đỡ.

– Hai khanh nói vậy, trẫm cũng đồng cảm. Nay các quận huyện gặp khó khăn, điều đó, chúng ta chưa lường trước. Cho thấy, giành được giang sơn thì dễ, mà cai trị cho tốt thật

là khó. Nay trẫm đã quản thiên hạ, tất nhiên phải có trách nhiệm để thần dân sáu nước đều phục sát đất dưới chân ta. Chỉ có điều trẫm phải suy nghĩ quá nhiều việc, nên chưa tìm ra cách gì, vậy các khanh cùng bàn bạc xem.

– Bệ hạ trước đây uy vũ hiển hách, điều hành việc triều chính sáng suốt. Giang sơn của thiên tử đã giành được nhanh chóng, nay dù đã yên tâm ngồi ở triều đường, cũng không thể lơ là chuyện vũ công. – Mông Nghị vẫn thổ lộ tâm tư của một chiến tướng. Ông nói tiếp – Bệ hạ cứ yên tâm để chăm lo công việc triều chính. Nơi nào bọn tàn dư chư hầu dám nổi loạn phạm thượng hoặc gây sự quấy rối, thì chỉ cần bệ hạ ra lệnh, mặt tướng sẽ lập tức đưa quân tiêu diệt, xem chúng nó có mấy cái đầu rơi dưới lưỡi kiếm của hạ thần!

– Mông tướng quân lo lắng việc an nguy của xã tắc, thật là trung dũng đáng khen. Tuy nhiên tình hình các quận huyện có gây khó khăn cho các quan lại địa phương, nhưng chưa có những vụ nổi loạn trắng trợn. Nếu cứ thấy có tiếng ngọn cỏ xào xạc trước gió là đem quân thảo phạt, e rằng bé xé thành to, xuất quân nhưng không có lý do chính đáng, để cho mọi người lại nói rằng đất nước to lớn này của trẫm lại chẳng có đạo nghĩa gì cả. – Tần Thủy Hoàng tỏ ra đã có kinh nghiệm xử lý chính trị nội chính. Ngài hiểu rằng không phải tất cả các công việc khó khăn nan giải, vì phạm pháp luật, đều có thể giải quyết bằng vũ lực, nên ngài thuyết phục Mông Nghị không nên bỗng bột xốc nổi hành động tùy hứng như thế.

– Bệ hạ sáng suốt. – Lý Tư nói sau khi ông đã xem kỹ các bản tấu trình của các quận huyện mà nhà vua vừa đưa cho ông. Ông thấy tình hình hiện nay rất phức tạp, có nhiều việc khác nhau. Tuy nhiên, xét về tính chất và nguồn gốc thì đều là những hiện tượng chống lại nhà Tần dưới các hình thức mới do các thế lực tàn dư của các hoàng gia sáu nước cũ, các quan lại cũ của họ và các nhà giàu có gây ra. Các hình thức mới đó là tăng cường bóc lột các tá điền đang cày cấy ruộng đất của họ, làm cho số tá điền này phá sản rồi trở thành nông nô. Các hộ buôn bán giàu có thì lũng đoạn việc khai thác vận chuyển, còn bán muối, sắt, nhằm chiếm đoạt thị trường, khống chế việc giao lưu hàng hóa; nâng giá để kiếm nhiều lời, gây rối loạn nền kinh tế, chống thuế, tẩy chay và phá hoại chính sách kinh tế của nhà nước. Thậm chí có người còn nuôi bọn côn đồ trộm cướp; phao đồn tin nhảm hoặc gây lộn xộn; nói xấu, vu cáo và phản đối các quan chức quận huyện; phản đối chính quyền mới... Những hiện tượng đó là rất phổ biến, ở đâu cũng có và rất nghiêm trọng. Hình thức hoạt động có khi giấu mặt, có khi lợi dụng địa vị hợp pháp, cho nên không thể dùng vũ lực để giải quyết cho nhanh. Vì như vậy có thể biến lợn lành thành lợn què và rơi vào thế bị động.

Trên đây là ý kiến của Lý Tư. Ông ủng hộ ý kiến của nhà vua và còn phân tích tình hình một cách rất chi tiết, nhằm vạch rõ tính chất nghiêm trọng của tình hình hiện nay. Tất cả những người có mặt đều tán thành ý kiến của ông và tiếp tục đi sâu bàn thảo thêm.

Lý Tư nói tiếp:

– Vụ việc ở các quận huyện tuy rất nhiều và phức tạp nhưng xét đến cùng là ở kinh tế, mà cái gốc của kinh tế là ruộng đất và tài nguyên vốn liếng. Nhưng những thứ đó đều nằm trong tay các hoàng gia và quan lại chư hầu cũ, cũng như các nhà cường hào phú hộ. Họ nắm những cái đó nên họ khống chế được tình hình, và gây ảnh hưởng đến cục diện. Chúng ta tuy có các nha phủ huyện quận, có các quan chức chính quyền, nhưng chỉ có danh mà không có thực, rất khó có thể thực hành những chính sách cần thiết.

Tần Thủy Hoàng gật đầu liên tục. Ngài nói:

– Lý Tư nói rất đúng. Không nắm được cái căn bản, bỏ cái gốc theo cái ngọn, thì sao mà chẳng tuột khỏi tay, không chú ý công việc kinh tế. Nay ta đã nắm triều chính, nhưng vận mệnh lại nằm trong tay kẻ khác. Xây lâu đài trên cát, sao đứng vững được? Ngã đầu thì nhớ lâu. Nay trẫm đã có quyết sách.

Các đại thần vội hỏi:

– Bệ hạ định làm như thế nào?

– Xem ra thì vừa qua sai lầm là ở chỗ rải ra quá rộng. – Nhà vua nói và xòe năm ngón tay rồi nói tiếp, rất tâm đắc – Tôn thất của sáu nước, quan lại cũ của họ, phú hào, số này nhiều lắm, ở rải khắp thiên hạ, khó mà khống chế được họ, nên mới đưa đến tình hình như

vừa qua. Nay trẫm cho tập trung họ lại một nơi, cho binh lính giám sát mọi hành động của họ. Chính sách từ nay về sau là quản: phải dựa theo pháp luật để quản mọi việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán thương mại. Tất cả phải tuân theo luật pháp, an cư lạc nghiệp, nước giàu dân no đủ. Ai làm ăn gian dối, gây rối làm càn, phải bị nghiêm trị.

Nói xong, ngài đập mạnh nắm tay xuống bàn rồi nhìn khắp một lượt. Ngài hỏi:

– Các khanh thấy như thế nào?

– Bệ hạ quyết sách thật sáng suốt, vừa đề phòng được tai họa, vừa giữ vững được triều chính và hệ thống chính quyền, làm cho nước giàu dân no đủ. Đây thật sự lại là một chủ trương sáng tạo mới của bệ hạ.

Mọi người nhất trí ủng hộ quyết sách mới của nhà vua. Qua đó cũng cho thấy, sau việc can gián nhà vua hủy bỏ việc trục xuất khách khanh, nay Lý Tư lại giúp nhà vua đưa ra một chủ trương mới, có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với việc củng cố chính quyền và phần vinh kinh tế.

Chính sách di dân theo nội dung nói trên được thực thi nhanh chóng. Có khoảng mười hai vạn hộ thuộc thành phần hoàng gia cũ, các quan lại cũ, các cường hào, phú hộ và đại thương gia của các kinh đô sáu nước cũ hoặc của các đô thị lớn và đại ấp, được tập trung về Hàm Dương, một số đưa đến Ba Thục (miền Tứ Xuyên, Vân Nam hiện nay). Họ bị quân đội giám sát chặt chẽ. Những cường hào phú hộ nói ở đây là những tàn dư của các lãnh chúa cũ, những người buôn bán giàu có, họ mua vợ vét ruộng đất ở địa phương mình, hoặc lũng đoạn các ngành nghề sản xuất nào đó, biến nông dân thành nô lệ, gây nguy hại rất lớn. Sau khi di chuyển đến chỗ ở mới, họ mất hết uy thế, không còn khả năng gây rối phá hoại nữa. Số ruộng đất nhà cửa và tài sản của họ ở địa phương cũ, do chính quyền quận huyện xử lý theo một chủ trương thống nhất, đem chia cho dân nghèo và nông dân. Nhờ vậy, trật tự xã hội được ổn định, kinh tế lại được phát triển thuận lợi; đồng thời, văn hóa cũng được giao lưu nhiều hơn.

Để đáp ứng nhu cầu di dân quy mô lớn và để phát triển kinh tế, Tần Thủy Hoàng ra lệnh đắp đường lớn cho xe chạy (gọi là “trì đạo”, “trì” là nhanh. Trì đạo là đường chạy nhanh). Trong phạm vi toàn quốc, lấy Hàm Dương làm trung tâm. Đường rộng sáu bộ (mỗi bộ sáu thước, tức là khoảng 2m mỗi bộ). Dùng búa sắt để nện chặt nền đường. Lòng đường rộng ba trượng, đó là đường dành riêng cho xe của Tần Thủy Hoàng. Hai bên đường trồng cây thông để làm mốc phương hướng. Hai bên mép đường, dành cho dân chúng đi lại tự do. Hàng nghìn hàng vạn con đường “trì đạo” được xây đắp, thúc đẩy giao thông đường bộ phát triển, có tác dụng tích cực thúc đẩy kinh tế văn hóa phần vinh.

HỒI THỨ HAI MƯỜI LĂM

ĐẶT CHỮ MỚI, CẢ NƯỚC CHUNG VĂN TỰ NÊU UY VŨ, ĐỘC SỨC XÂY TRƯỜNG THÀNH

Việc xây dựng hệ thống đường “trì đạo” (đường lớn cho xe chạy nhanh) rộng khắp trong cả nước đã thúc đẩy giao lưu hàng hóa và kinh tế phát triển. Việc thông tin và quán triệt luật lệnh cũng tốt hơn trước rất nhiều. Nhưng không bao lâu sau, Tần Thủy Hoàng phát hiện rằng, rất nhiều quận huyện có nhiều lệch lạc và sai sót trong việc chấp hành chính sách, luật lệnh, thậm chí còn vi phạm pháp luật. Đối với Tần Thủy Hoàng, việc này không thể chấp nhận được. Ngài cho các cơ quan hữu quan đi kiểm tra. Kết quả cho thấy, có một vấn đề rất phổ biến, đó là các văn kiện do triều đình gửi xuống đều viết bằng chữ của nước Tần [159]. Nhưng trong mấy trăm năm kể từ hồi Xuân Thu Chiến Quốc [160] đến nay, chế độ phong kiến các nước chư hầu mỗi nước cát cứ một phương gây nên tình trạng “ruộng đất khác mẫu, xe đường khác cỡ, luật pháp khác cách, áo mũ khác kiểu, tiếng nói khác giọng, chữ viết khác hình”. Sáu nước chư hầu cũ, mỗi nước có chữ viết theo kiểu riêng. Vì vậy, họ không thật hiểu hết tất cả chữ viết theo kiểu của nước Tần. Do hiểu sai chữ viết, nên hiểu sai nội dung của chính sách và pháp lệnh của triều đình, rồi chấp hành sai, thậm chí làm trái với chính sách và luật pháp. Hiện tượng đó rất phổ biến. Hiện tượng này là do lịch sử gây ra, nên Tần Thủy Hoàng cũng không đi sâu truy cứu hoặc trừng phạt, mà giải quyết vấn đề bằng cách xóa bỏ những trở ngại về mặt chữ viết. Tiếp đó, ngài lại họp bàn phương án cải cách chữ viết.

Tại buổi châu, Tần Thủy Hoàng nói:

– Mấy trăm năm nay, mỗi chư hầu cát cứ một nơi, luật pháp khác nhau, chữ viết không giống nhau đến nỗi các quận huyện thực thi các chính sách và pháp lệnh thường hiểu sai chữ, nên làm sai pháp luật, vi phạm pháp luật. Nay cần xóa bỏ những khác biệt đó, thống nhất chữ viết, để dễ dàng thực thi luật pháp. Mong các khanh góp ý kiến bàn thảo.

Các đại thần nhất trí với chủ trương cải cách chữ viết của nhà vua, nhưng cụ thể như thế nào, phải giao cho các “học sĩ” nghiên cứu và nêu ra phương án, sau trình nhà vua duyệt và ban bố thi hành. Tần Thủy Hoàng là người chú trọng hiệu quả, làm việc gì cũng phải nhanh, có kết quả ngay. Vả lại, ngài cho rằng các “học sĩ” rất bảo thủ, cố chấp, cứng nhắc, chỉ vui đầu trong sách vở, có thể không ủng hộ việc cải cách đổi mới; cho dù họ phải làm theo mệnh lệnh của vua, cũng không nhất định là làm tốt. Nghĩ vậy, ngài quyết định giao việc này cho những người làm việc thực tế, giàu tinh thần cầu tiến và hăng hái trong cải cách. Những người như vậy sẽ xây dựng nhanh phương án và đưa ra thực thi sớm. Vì vậy, Lý Tư được coi là nhân vật lý tưởng. Bản thân Lý Tư cũng biết rằng mình được nhà vua tin cậy, sủng ái, nên vừa mừng vừa lo. Khi nghe nhà vua giao việc này cho mình, ông cảm tạ nhà vua đã tín nhiệm mình và hứa hẹn sẽ hết sức làm tốt và làm thật nhanh công việc được giao.

Thực ra Lý Tư từ lâu đã chú ý tích lũy rất nhiều tư liệu về vấn đề chữ viết, và cũng đã làm rất nhiều thử nghiệm cải cách chữ viết. Ngay từ năm mười bảy niên hiệu Tần Thủy Hoàng, quan nội sử Đàng đánh nước Hàn, bắt được vua Hàn Vương An, giành thắng lợi đầu tiên trong quá trình chinh phục sáu nước, Lý Tư đã phát hiện rằng Vương An tuy là một hôn quân, chỉ đam mê tửu sắc (lúc bị bắt, Vương An mặc quần áo đàn bà và sắc mùi nước hoa), nhưng lại rất say sưa cải cách chữ viết và đã từng làm một số thử nghiệm bổ ích. Do vậy, Lý Tư cho rằng có thể sử dụng Vương An, để Vương An làm gia nô trong nhà mình và ra lệnh cho Vương An khắc chữ trên tre và các công văn giấy tờ khác. Mặt khác, sai Vương An sưu tầm, chỉnh lý chữ viết của các nước, để tìm ra kiểu chữ viết khác nhau của các nước. Các chữ viết kiểu khác nhau ấy ở nước nào, khu vực nào, và nên thay đổi như thế nào thì hợp lý và dễ sử dụng, v.v... Lý Tư là người chủ quản pháp luật và công tác tình báo cả nước. Thông qua việc thẩm vấn và việc thu thập tin tức tình báo các nước, ông phải đọc hàng đống tài liệu mỗi ngày, trong đó chữ viết rất phức tạp, đa dạng, làm cho ông phải căng óc căng mắt ra để đọc và tìm hiểu nội dung của các kiểu chữ viết đó. Do đó dần dần ông rèn luyện cho mình khả năng nhận biết các kiểu chữ khác nhau, và cũng qua đó

nắm được quy luật thay đổi và phát triển của chúng. Đó là chưa kể tới một gia nô Vương An đang làm việc không công cho ông, giúp cho ông rất nhiều.

Sau khi nhận được nhiệm vụ do nhà vua giao cho, Lý Tư về nhà và gọi ngay Vương An đến để hỏi về việc này. Vương An nói rằng các tư liệu đã sưu tầm được hòm hòm rồi, chỉ có điều là chưa hệ thống hóa và chưa phân tích giải trình mà thôi. Lý Tư bảo ông ta phải viết xong càng sớm càng tốt. Vương An vâng dạ rồi rít rỏi lui ra. Lúc ấy, Lý Tư nói nhỏ với ông ta rằng nhà vua muốn thống nhất văn tự; cho nên công việc nghiên cứu văn tự mấy năm nay chủ yếu để phục vụ công tác chuyên môn ngành luật pháp và tình báo, nhưng nay sẽ rất bổ ích cho sự cải cách văn tự của nhà vua. Vương An nghe vậy rất mừng, vội quỳ xuống cầu xin Lý Tư, mong Lý Tư nói vài lời tốt đẹp về ông ta trước mặt nhà vua, nếu như kết quả công việc của ông ta có chỗ nào có thể sử dụng được; may ra nhà vua sẽ cho ông ta kết thúc thân phận tôi tớ để làm một thư lại thông thường, thì ông ta sẽ cảm ơn vô cùng. Lý Tư mỉm cười, đỡ ông ta dậy, và nói rằng ông ta cứ làm công việc cho tốt, chắc chắn sẽ đạt được nguyện vọng. Vương An sung sướng rơi lệ, vội vái chào và đi về chỗ mình. Ông ta viết liền một mạch trong gần nửa tháng, hoàn thành một số chuyên đề về cải cách văn tự, và nêu lên một số kiến nghị rất có giá trị. Ông ta đưa hai tay nâng một bó tre đã khắc chữ trình cho Lý Tư, ngẩng đầu nhìn thẳng vào Lý Tư, chờ đợi và hy vọng. Lý Tư cầm lấy văn bản và cười vui vẻ. Ông khen Vương An làm việc rất có kết quả, và nếu nhà vua xem các văn bản này, ngài đồng ý thì từ nay Vương An sẽ không còn làm đầy tớ nữa, mà là một viên thư lại (nhân viên văn thư). Để khen Vương An cần cù lao động và có hiệu quả, Lý Tư còn đặc cách cho phép Vương An cùng ăn cơm chung với các nhân viên văn thư, và thưởng cho ông ta một bữa điểm tâm để ăn lúc làm việc ban đêm. Vương An nhận món điểm tâm, vừa mừng vì được ân sủng, vừa lo vì công việc, nên đêm hôm đó làm việc rất khuya, ăn ngon lành món điểm tâm ngọt ngào kia, xong rồi yên tâm đi ngủ. Ai ngờ vì ăn phải của độc nên bị đi tả rồi chết đột ngột. Lý Tư sai người chôn cất qua quýt và ra lệnh không ai được nói về chuyện này, ai nói ra cũng sẽ chịu số phận như Vương An. Bi kịch của Vương An còn thảm hơn cả người anh họ Hàn Phi của ông ta, vì Vương An lúc chết vẫn không biết là Lý Tư đã hãm hại ông ta, mà còn lấy làm tiếc là không thể tiếp tục phục vụ ông trùm gián điệp này lâu hơn nữa.

Lý Tư không bao giờ tỏ ra xót xa hối hận về thủ đoạn vô nhân đạo, thẳng tay hãm hại người khác một cách tàn bạo, mất hết tính người đó của mình. Ngược lại, ông ta còn cho đó là một kế sách được việc. Bởi vì đối với một nhân vật tiêu biểu cho phái “Pháp gia” như ông ta, thì việc không từ một thủ đoạn nào để loại trừ đối thủ và cướp công của họ, là bí quyết và là việc làm cần thiết để bản thân được thăng quan tiến chức và công thành danh toại.

Lý Tư cho rằng về mặt giết người như ngóe và lập nghiệp trên xương máu người khác thì so với vua Tần Thủy Hoàng, ông ta chẳng thấm vào đâu, còn kém xa. Vì vậy ông ta thản nhiên đưa hai tay đâm máu của mình dâng tác phẩm của Vương An lên nhà vua và cung kích nói rằng đây là những phương án cải cách văn tự của mình, xin nhà vua thẩm định.

Tối hôm ấy, nhà vua gạt tất cả những bản tấu trình thường ngày sang một bên để chăm chú đọc “tác phẩm” của Lý Tư. Qua đó, ngài mới biết rằng thứ văn tự được khắc hoặc đúc trên các chuông đỉnh và các khí cụ khác, nét bút rất phức tạp, được gọi là chữ “triện lớn” hoặc chữ “trúu”. Vào thời kỳ đầu Chiến Quốc, nước Tề và nước Lỗ có nền văn hóa tương đối phát triển. Ở đây lưu hành một kiểu chữ khá đơn giản, gọi là chữ “khoa đầu” (con nòng nọc). Kiểu chữ này nhanh chóng được các nước chư hầu khác sử dụng. Điều này cho thấy, xu thế của việc cải cách văn tự là từ phức tạp đến đơn giản, bỏ nhiều nét để đi đến ít nét. Tiếp đó, bản phương án do Lý Tư trình lên, còn nói rằng do các nước chư hầu mỗi nước cát cứ một phương, mỗi nước một chế độ và chính sách riêng, thêm vào đó là mỗi nơi có tiếng nói địa phương: phương ngôn thổ ngữ; cho nên, chữ “triện” từ thời cổ để lại, đã dần dần biến đổi hình dạng, và có hiện tượng: cùng một chữ nhưng có nhiều cách viết khác nhau. Ví dụ chữ mã (ngựa), chữ “tương” (phụ giúp)... mỗi nước đều có cách viết khác nhau, có đến mấy chục chữ như vậy. Nhà vua thấy bản phương án này viết rất phong phú, dẫn chứng đầy đủ, sử liệu xác thực. Cuối cùng, bản phương án nêu lên rằng: “Chữ triện từ thời thượng cổ được lưu hành đến nay, nhưng vì quá lâu đời, nhiều người không hiểu. Nay phải bớt nét của những chữ quá nhiều nét, để cho kiểu chữ hợp lý. Đó gọi là “tiểu

triện” (chữ triện nhỏ).

Nhà vua chong đèn đọc một mạch hết “tác phẩm” của Lý Tư, cảm thấy mở rộng tầm mắt, thu hoạch rất nhiều. Ngài rất khâm phục và thậm chí khen ngợi Lý Tư, vì ông ta đã tuân theo ý chỉ của ngài và viết ra một công trình có giá trị, trong một thời gian ngắn như vậy. Vì thế, trong một cuộc hội nghị triều chính sau đó, ngài đã biểu dương Lý Tư, gọi ông ta là nhà học giả lớn “bác cổ thiên kim” (hiểu rộng cả thời xưa và nay); là tấm gương về lòng trung với vua, chăm lo công việc, chịu khó suy nghĩ và biết cách làm việc. Ngài tuyên bố giao cho Lý Tư chủ trì việc cải cách văn tự ^[161], và ngài yêu cầu phải nhanh chóng tìm ra một số kết quả. Sau đó Lý Tư đã viết tác phẩm “Thương Hiệt thiên” ^[162] nổi tiếng, được lưu truyền hậu thế, được coi là cơ sở để sáng tạo ra chữ triện nhỏ thời nhà Tần.

Cuộc cải cách văn tự này đã tạo cơ hội cho Triệu Cao, một kẻ có nhiều dã tâm, thực hiện được mưu gian của ông ta. Nhờ đó mà sau này, ông ta không những được miễn tội chết, mà còn được nhà vua ngày càng tin dùng, để đến nỗi ông ta ngày càng chuyên quyền, lộng hành. Cuối cùng Triệu Cao trở thành “đại họa” của đất nước.

Triệu Cao là ai? Triệu Cao vốn là người bà con xa của vua Điệu Tương Vương nước Triệu. Mẹ Triệu Cao phạm tội nên Triệu Cao và hai người em bị tội “hoạn” và trở thành “quan hoạn” (thái giám) ở Triệu. Sau đó, Triệu Cao sợ vua mới của Triệu là Vương Thiên tiếp tục hãm hại mình, nên thừa cơ bỏ trốn khỏi Hàm Đan và chạy sang Hàm Dương. Tại đây, được thái hậu Triệu Cơ thương hại, nên được vào làm thái giám trong cung Hàm Dương. Ông ta biết rất rõ là nước Tần và nước Triệu đã trở thành thù địch không đội trời chung. Trong khi đó Tần Thủy Hoàng là con người đa nghi, không tin ai, cho nên “đi theo nhà vua giống như đi theo hổ”. Biết vậy, nên Triệu Cao làm việc gì cũng hết sức thận trọng, rất ít nói. Ngoài việc hầu hạ Tần Thủy Hoàng trong việc ăn mặc ở và đi lại, Triệu Cao cố gắng đọc sách, đọc thuộc như cháo cuốn “Tần luật”. Mỗi khi nhà vua thẩm duyệt các vụ án; muốn trích dẫn các điều khoản nào đó trong pháp luật để làm căn cứ phê duyệt, Triệu Cao liền chủ động đọc thuộc ngay điều nào, mục nào, chương nào, phù hợp với vụ án đó; ông ta nói vanh vách không sai một chữ. Có một lần nhà vua không đưa vụ án ra để hỏi, mà là đưa sách luật ra rồi giở một trang bất kỳ ra để hỏi Triệu Cao thuộc chương nào, điều nào, mục nào, loại nào, Triệu Cao cũng lập tức nói rõ từng câu từng chữ, không hề sai sót. Nhà vua khen ngợi Triệu Cao đọc nhiều và có trí nhớ tốt, và bổ nhiệm làm “trung xa phủ lệnh”, phụ trách việc xe ngựa, đi lại của hoàng gia; bảo quản “ngọc tử” của hoàng đế. Đó thật sự là một nhân vật có thực quyền. Nhưng vì xuất thân là một người có tội bị hoạn, nên không khỏi bị các hoàng thân quốc thích và các trọng thần coi khinh. Vì thế cho nên luôn cảm thấy tự ti, tự hổ thẹn, và cũng luôn luôn muốn làm nên một việc gì đó, để được nhà vua chú ý, coi trọng và những người khác cũng nhìn ông ta với con mắt khác, để ông ta có thể ngẩng cao đầu, dùng cái thế mạnh về chính trị để bù đắp được nỗi nhục nhằn khổ sở hơn chục năm nay phải hạ mình nhẩn nhục trong mọi công việc.

Hôm họp triều chính bàn việc cải cách văn tự, Triệu Cao cũng có mặt, nhưng chỉ là người hầu hạ bên cạnh nhà vua mà thôi. Khi nhà vua nêu câu hỏi để các đại thần thảo luận, sau đó lại bàn về việc cử ai viết phương án cải cách. Triệu Cao từng mấy lần muốn đứng ra xin làm công việc đó theo kiểu “Mao Toại tự giới thiệu”, nhưng ông ta phát hiện ngay rằng nhà vua và các vị đại thần đài các kia đang ăn nói đĩnh đạc với nhau, nào có thèm liếc mắt đến ông ta đâu. Bởi vì ông ta chỉ là một hoạn quan, làm đến chức “trung xa phủ lệnh” cũng chẳng qua là người hầu hạ để nhà vua sai vặt mà thôi; cho nên, họ không bao giờ để cho ông ta tham gia thảo luận trong những cuộc họp có tính chất học thuật và chính trị như thế này. Nhưng trên thực tế, thì ông ta không hề thua kém Lý Tư về lý luận và thực tiễn đối với các lĩnh vực như nguồn gốc của chữ Hán, quá trình diễn biến của nó, và hiện trạng cũng như xu thế phát triển của văn tự này. Chẳng qua là do hoàn cảnh cá nhân bất lợi nên không thể thi thố tài năng. Nghĩ đến đây, ông ta cảm thấy chán nản, và sinh ra rất đố kỵ với Lý Tư. May mà ông ta được giao giữ “ngọc tử” của nhà vua, luôn luôn ở gần nhà vua, nên ông ta cố tìm một dịp thích hợp nào đó để ngỏ ý xin nhà vua cho được tham gia công việc cải cách văn tự. Khi nhà vua tỏ ra bán tín bán nghi về khả năng của ông ta, ông ta bèn đưa trình nhà vua một văn bản mà ông ta đã viết xong, gọi là “Viên lịch thiên”, một cuốn sách tập đọc phổ cập cũ Hán viết theo lối in mẫu. Nhà vua xem xong, vừa kinh ngạc vừa mừng, ngài cười và nói với Triệu Cao một cách thân mật nhưng có phần tự trách mình như sau: “Khanh đã theo hầu ta hơn mười năm, nay mới thấy khanh

có tài năng như thế?” Vì vậy, sau khi xác định xong phương án cải cách văn tự thống nhất, nhà vua tuyên bố giao cho Lý Tư chủ trì và Triệu Cao được tham gia vào công việc quan trọng đó. Sau đó, Triệu Cao phạm tội khi quân vì nhận hối lộ của Lưu Sinh, một thầy cúng (gọi là “phương sĩ”), để cho Lưu Sinh dùng ảo thuật thần tiên để lừa dối nhà vua). Thượng khanh Mông Nghị nhận lệnh vua xét xử vụ án này. Mông Nghị biết rõ Triệu Cao có quan hệ thân thiết với nhà vua nhưng không hề nể nang, đã tuyên án Triệu Cao tử hình. Ai ngờ nhà vua lại nói rằng Triệu Cao có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tinh thông pháp luật, có cống hiến lớn trong việc cải cách văn tự, nên ngài tự tay viết chiếu thư phục hồi chức vụ cho Triệu Cao. Từ đó, Triệu Cao ra sức phỉn nịnh bợ đỡ nhà vua, cuối cùng dám âm mưu tiếm quyền đoạt vị. Về việc này sẽ nói ở phần sau.

Dưới sự chủ trì của Lý Tư, còn có một người khác cùng tham gia công việc cải cách văn tự, đó là “thái sử lệnh” Hồ Vô Kính. Bản “Bác học thiên” của Hồ Vô Kính, cùng với “Thương Hiệt thiên” của Lý Tư và “Viên lịch thiên” của Triệu Cao, được coi là ba tác phẩm bậc nhất (“Tam đỉnh giáp”) của công trình sáng tạo chữ triện nhỏ thời nhà Tần [163].

Như vậy, trong việc cải cách văn tự do Tần Thủy Hoàng khởi xướng, ngoài việc sáng tạo ra lối “chữ triện nhỏ” (của Lý Tư), còn có hai kiểu chữ mới, đơn giản hơn, dễ viết hơn và đều do hai “tiểu nhân vật” (Triệu Cao và Hồ Vô Kính) viết ra.

Lúc ấy có một người tên là Vương Tiên Trọng, quê ở Thượng Cốc, thông minh nhạy cảm, giỏi ứng biến, ông ta phát hiện ra rằng lối chữ triện do Thương Hiệt thời cổ đại sáng tạo là dựa trên cơ sở hình dạng chim chóc. Kiểu chữ ấy rất hình tượng và sinh động, nhưng quá phức tạp, khó học, khó viết. Do vậy, Vương Tiên Trọng bèn dựa vào nội dung được bao hàm trong các chữ triện để sáng tạo ra một kiểu chữ viết (“Thu thể” [164]), đường nét đơn giản, ý tứ rõ ràng, vừa dễ học, vừa dễ viết. Thời bấy giờ, luật pháp nhà Tần rất nghiêm, các văn bản kiện tụng rất nhiều, những người chuyên trách giấy tờ ở tòa án rất thích viết bằng kiểu chữ đơn giản của Vương Tiên Trọng.

Nhà vua phát hiện ra chuyện nói trên, ngài cũng rất thích và sai người đi gọi Vương Tiên Trọng về triều. Người đi gọi ba lần, nhưng Vương Tiên Trọng đều không đến. Bởi vì ông ta hiểu rõ Tần Thủy Hoàng và Lý Tư chỉ biết lợi dụng người khác chứ không hề tôn trọng người khác cho nên rất sợ mình đến đó rồi cũng chịu cùng số phận như Hàn Phi và Vương An, chẳng được sống yên ổn đến cuối đời. Nghĩ vậy nên sau đó, ông ta vào ẩn trong núi ở ẩn, để khỏi bị hãm hại. Nhà vua thấy Vương Tiên Trọng không chịu đến bèn nổi trận lôi đình, ra lệnh bắt giết. May mà “thái sử lệnh” Hồ Vô Kính là một lão thần nhân hậu, nên đã nói khéo với nhà vua rằng học vấn của Vương Tiên Trọng chẳng đáng là cái gì, phạm nhân Trình Mạc ở trong nhà ngục Vân Dương còn giỏi hơn Vương Tiên Trọng rất nhiều. Nhà vua nghe vậy mới hết giận, bèn cho thả Trình Mạc và đưa hai tác phẩm của Vương Tiên Trọng viết về kiểu chữ in cho Trình Mạc xem để tham khảo. Trình Mạc kết hợp kiểu chữ của Vương Tiên Trọng với kiểu chữ do ông ta sáng tạo ra, để tạo ra một kiểu chữ mới, dễ học và dễ viết hơn “chữ triện nhỏ” rất nhiều. Vì Trình Mạc xuất thân thấp hèn (lệ dân. Lệ: lệ thuộc, nô lệ) nên sách về chữ viết của ông gọi là “lệ thư” (chữ lệ). Chữ viết “lệ thư” ấy lúc đầu dùng dao để khắc. Về sau, dần dần được dùng bút để viết (theo sách “Sử ký”, tướng quân Mông Quát nhà Tần sáng tạo ra bút lông), và trở thành chữ viết chân phương, chữ mẫu, gọi là “khải thư”. Sau khi chữ mẫu chân phương được định hình, liền nhanh chóng được sử dụng rộng rãi trong cả nước cho đến tận ngày nay, đã hơn hai nghìn năm. Do đó có thể thấy, việc thống nhất văn tự để “viết giống nhau” do Tần Thủy Hoàng khởi xướng và thực hiện là sự kiện có ảnh hưởng rộng lớn và sâu sắc đối với công cuộc xây dựng văn hóa Trung Quốc và là cống hiến to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Những thành quả quan trọng của việc sử dụng “chữ triện nhỏ” và chữ “lệ thư” được Lý Tư, Triệu Cao, Hồ Vô Kính và Trình Mạc viết thành sách. Sau đó, những sách này được biên tập lại và phân phát khắp nước. Từ đó kiểu chữ mới được sử dụng phổ cập, rất được hoan nghênh.

Khi soạn thảo chiếu thư để thúc đẩy việc sử dụng rộng rãi chữ mới, Tần Thủy Hoàng nêu lên rằng, nếu như danh hiệu quân chủ đã bỏ chữ vương, mà gọi là “hoàng đế”, vậy thì tên gọi dân chúng cũng không nên gọi là “lê dân” từ thời nhà Chu nữa mà nên gọi một tên gì đó phù hợp với đặc điểm nước Tần. Sau một cuộc thảo luận, cuối cùng quyết định dùng từ “kiềm thủ”. Sở dĩ lấy tên là “kiềm thủ” (kiềm là màu đen, thủ là đầu. Kiềm thủ là những

cái đầu màu đen, gọi tắt là “đầu đen”), là vì nhà Tần tôn sùng màu đen, dân chúng dùng vải đen để vấn đầu. Hơn nữa, ngay trong cuốn “Lã Thị Xuân Thu”, Lã Bất Vi đã dùng danh từ “kiềm thủ” (đầu đen). Có thể thấy, dân chúng nước Tần lúc ấy đã chấp nhận cách gọi đó. Tần Thủy Hoàng cho rằng cách gọi đó là hợp lý, cho nên chính thức ban chiếu gọi “lê dân” là “kiềm thủ”. Sau đó, danh từ “kiềm thủ” được sử dụng rộng rãi trong các văn kiện và trên các bia đá kỷ niệm.

Sau khi hoàn thành việc cải cách văn tự, một sự kiện rất to lớn, Tần Thủy Hoàng bèn nghĩ tới việc làm thế nào để tâm tình thoải mái hơn, sau nhiều năm quá căng thẳng. Vì vậy, ngài bắt đầu đi tuần du ở miền Bắc. Đây là cuộc tuần du đầu tiên sau khi ngài xưng là “hoàng đế”. Địa phương tuần du là quận Bắc Địa và quận Lũng Tây ở cao nguyên Tây Bắc, tức là khu vực thuộc tỉnh Ninh Hạ và Cam Túc hiện nay.

Số người đi theo nhà vua tuần du lên tới một vạn năm nghìn người. Trong đó có 360 quan văn võ, 360 hoạn quan, cùng một số phi tần và cung nữ; còn lại là bộ binh, kỵ binh, chiến xa, do đội danh dự dẫn đầu. Đoàn tuần du của nhà vua khởi hành từ cung Hàm Dương, đi vòng theo con đường lớn phía trước cung, xong đi về phía Tây Bắc. Dọc đường các quan chức địa phương ra nghênh đón và tiễn đưa, dân chúng “đầu đen” ra hoan hô và vái chào, vô cùng ồn ào náo nhiệt. Đầu tiên, đoàn đến Nghĩa Cự, thuộc quận Bắc Địa, các thủ lĩnh bộ lạc người Nhung ở địa phương ra chào đón nhà vua rất nhiệt liệt. Qua trao đổi chuyện trò với họ, nhà vua được biết mười hai người của người Tây Nhung hiện nay là hậu duệ của Do Dư, lãnh tụ dân tộc Nhung mà cách đây hơn bốn trăm năm, vua nhà Tần lúc đó là Tần Mục Công đã gọi hàng và trọng dụng. Vì vậy, đến nay, người Nhung vẫn nhớ đến công ơn của vương triều nhà Tần đối với tổ tiên họ và đối với bộ lạc của họ. Cuộc gặp gỡ này đã làm cho đôi bên giao lưu tình cảm, tăng thêm hiểu biết. Đại biểu các bộ lạc người Nhung tụ tập đông đủ ở Nghĩa Cự, tổ chức yến tiệc rất lớn để chào đón nhà vua, họ ca hát, nhảy múa thâu đêm suốt sáng. Tần Thủy Hoàng rất cảm động, đã tặng cho họ nhiều vàng bạc châu báu; và nhận lời họ ở lại chơi ở đó ba ngày, sau mới tiếp tục đi sang miền Tây. Đoàn đi qua núi Kê Đầu và núi Lục Bàn, rồi đến quận Lũng Tây. Tại quận lỵ Địch Đạo, thái thú quận và dân chúng các tộc người Địch, Nhung và Bo (người Dân Gia) nhiệt liệt chào đón nhà vua. Sau đó, nhà vua tiếp kiến riêng thủ lĩnh bộ tộc người Bo tại Bo Đạo (nay là Nghi Tân, tỉnh Tứ Xuyên). Từ thời xa xưa, người Bo từng tham gia đội quân của vua Vũ Vương đánh diệt vua Trụ, vì có công nên thủ lĩnh tộc người Bo được phong tước hầu, gọi là “hầu Bo”, về sau được cụt nội của Tần Thủy Hoàng là Tần Chiêu Vương quan tâm. Tần Chiêu Vương không những ban thưởng rất hậu cho thủ lĩnh người Bo, mà còn sai người đến giúp người Bo cải tiến sản xuất, khơi thông sông ngòi, xây đường đắp cầu, làm cho sản phẩm của người Bo bán rất chạy ở nhiều nơi, kinh tế người Bo rất phát triển. Nay người Bo nghe tin nhà vua đến thăm, họ mừng lắm. Khi thủ lĩnh của họ đến chào nhà vua, ông ta biểu nhà vua một bức họa ba màu: đỏ, trắng, son, có con chim đang bay, tượng trưng cho tổ tiên họ, để bày tỏ rằng người Bo đời đời quy thuận vương triều đại Tần. Theo thường lệ, nhà vua biểu vàng bạc châu báu cho các dân tộc ở đây và khuyên họ chung sống hòa thuận với nhau, đoàn kết giúp đỡ nhau để phát triển đi lên. Khi đoàn người của nhà vua từ biệt để tiếp tục hành trình, hàng vạn người ra đường tiễn đưa, họ ca hát nhảy múa hai bên đường, kéo dài đến mấy dặm. Nhà vua ngồi trên xe ngựa, bảo cho xe đi chậm chậm, ngài cúi mình vẫy tay chào dân chúng, trong lòng rất phấn khởi nhưng vẫn cố tình nghiêm sắc mặt để tỏ vẻ uy nghiêm, cốt gây ấn tượng mạnh trong dân chúng. Họ sẽ nhìn nét mặt nhà vua mà kính trọng nhưng cũng phải sợ hãi, để rồi mãi mãi làm thân dân ngoan ngoãn của đấng bệ hạ chúa.

Cuộc tuần du của nhà vua qua hơn hai nghìn dặm. Lúc đi về không theo đường cũ, mà đi qua huyện Lũng, dọc đường có nghỉ lại một đêm trên con đường dành riêng cho nhà vua, sau đó về Hàm Dương. Tần Thủy Hoàng tương đối vừa lòng đối với chuyến đi Tây Bắc này. Bởi vì qua đó, ngài cảm nhận sâu sắc những công lao của các bậc tổ tiên trước đây của ngài đã từng bình dẹp các dân tộc Di, Địch ở miền Tây Bắc, làm cho các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và cả ở Tây Nam này từ đó đến nay luôn luôn thần phục đế quốc đại Tần, tạo điều kiện cho nhà Tần không bị quấy nhiễu quá nhiều, để có thể tập trung vào xây dựng kinh tế và văn hóa. Nào ngờ, khi nhà vua vừa về đến Hàm Dương không bao lâu, đang định nghỉ ngơi một thời gian, thì Phùng Kiếp tấu trình báo rằng quân Hung Nô ở bên kia biên giới phía Bắc đang tấn công vào đất Tần. Nhà vua lại bắt đầu căng óc ra để tìm cách đối phó.

Hung Nô là một tộc người du mục, lúc ấy đã có tới trên bảy mươi vạn nhân khẩu, rất dũng cảm, thiện chiến, có ý chí quật cường. Vùng thảo nguyên rộng lớn, nơi mà họ thường qua lại và chăn đàn ngựa lớn của mình tiếp giáp với miền Bắc nước Triệu. Trước kia, danh tướng nước Triệu là Lý Mục đã dẫn quân đánh vào quận Đại một thời gian dài, đã đánh cho quân Hung Nô thất bại nặng nề, khiến người Hung Nô không dám chăn thả ngựa ở thảo nguyên miền Nam của họ. Vì vậy, miền biên giới phía Nam của họ trong nhiều năm rất im ắng. Nhưng sau khi Lý Mục chết, quân tàn dư của Lý Mục kết hợp với công tử Gia của hoàng gia nước Triệu đổi quận Đại thành nước Đại, nhưng nước Đại cũng bị Tần tiêu diệt và đặt tên là quận Cửu Nguyên. Người Hung Nô bèn nhân cơ hội Tần Thủy Hoàng đi tuần du Tây Bắc và chuyển sang chăm lo công việc nội chính bèn đưa quân xâm nhập miền Bắc nước Tần với quy mô lớn; họ trút cơn giận căm thù đối với Lý Mục và quân Triệu lên đầu những người dân vô tội, gây nên thương vong rất nặng nề cho nước Tần. Tần Thủy Hoàng đương nhiên không thể chấp nhận những hành động đó của Hung Nô, nhất là khi ngài đã là Hoàng đế của đế quốc Tần rộng lớn.

Lúc ấy, phương sĩ (thầy bói) Hầu Sinh và Lư Sinh dâng lên Tần Thủy Hoàng bản dập dòng chữ trên bia đá ở “núi tiên” ở biển Đông (Đông Hải). Dòng chữ đó là “Người Hồ tiêu diệt nước Tần” (“Vong Tần giả, Hồ dã”). Thực ra thì Hầu Sinh và Lư Sinh đã bịa ra lời “chiêm tinh” đó để che giấu trò bịp bợm mà họ đã bày đặt ra để đi tìm cái gọi là “thuốc tiên” trường sinh bất lão cho Tần Thủy Hoàng. Khi nhận được những lời tiên đoán “chiêm tinh” ấy, Tần Thủy Hoàng hết sức kinh hoàng, nhưng ngài trấn tĩnh lại và quyết tâm đánh bại lũ giặc người Hồ (Hung Nô). Tiếp đó là một cuộc điều binh khiển tướng để đánh Hung Nô.

Thái tử của vua Hung Nô là Mao Đốn dẫn mười vạn quân nhưng lại rêu rao là ba mươi vạn, đột ngột xuất phát từ sườn núi Âm Sơn, cấp tốc hành quân đến quận Cửu Nguyên. Họ vượt sông Hoàng Hà bất chấp băng tuyết lạnh thấu xương, tiến gần đến một bên Trường Thành. Đến đó, họ lựa chọn địa thế rồi cắm doanh trại, chờ thời cơ xuất kích.

Trong khi đó, ở phía bên trong Trường Thành, hơn ba mươi vạn tướng sĩ quân Tần do đại tướng quân Phùng Kiếp và tướng quân Mông Quát chỉ huy đang sẵn sàng nghênh chiến. Tướng quân Mông Quát đã từng bảo vệ biên giới phía Bắc nhiều năm, nên hiểu rất rõ về tướng lĩnh và cách tác chiến của Hung Nô. Nay ông ta đang thông báo về tình hình địch cho Phùng Kiếp, và đồng thời cũng để bố trí thế trận chiến đấu. Mông Quát nói:

– Rợ Hồ tuy đã nhiều lần xâm phạm nước ta, chúng coi vùng Trường Thành là nơi quen thuộc đối với khinh kỵ binh của chúng. Nhưng xét cho cùng thì chúng là dân du mục, tuy bản chất là giết người và cướp của, nhưng chúng không ở lâu một nơi. Quân ta có thể cứ án binh bất động, tạm không ra ứng chiến, để làm nhụt đi nhuệ khí đang hăng máu của chúng. Quân ta có thể sớm mai phục ở đèo Sát Hồ, chờ cho chúng lọt vào vòng vây rồi bất ngờ tập kích diệt gọn. Đại tướng quân có thể đưa bốn vạn quân mai phục hai bên đèo, ngăn cản viện quân của chúng. Mặt tướng sẽ đưa quân chủ lực ứng chiến quân địch từ phía chính diện, buộc chúng phải đi vào ổ phục kích của quân ta. Lúc ấy quân của ngài và của tôi phối hợp tập kích ba, bốn phía, nhất định toàn thắng.

Phùng Kiếp nói khiêm tốn:

– Tôi phụ tá triều chính đã nhiều năm, nay ra trận có phần nào chưa được đầy đủ, nhưng vâng lệnh bệ hạ phải tham chiến, vì vậy mọi việc sẽ tùy theo lệnh của tướng quân. Tướng quân đã nắm rõ được mọi ngọn nguồn lạch sông, cho nên xin cứ mạnh dạn điều khiển, phối hợp tác chiến, cố gắng diệt sạch bọn địch xâm phạm, như vậy mới không phụ lòng mong đợi của thánh thượng, xứng đáng với trọng trách mà xã tắc giao phó.

Mông Quát ca ngợi tinh thần khiêm tốn và khoáng đạt của đại tướng quân, xong giao bốn vạn quân tinh nhuệ cho Phùng Kiếp, để hành quân suốt đêm đến mai phục tại đèo Sát Hồ. Bản thân Mông Quát chỉ huy quân chủ lực cũng bố trí trận địa sẵn sàng ứng chiến.

Hữu Hiền Vương của quân Hung Nô xung phong dẫn một vạn khinh kỵ binh, vượt qua khoảng trống của Trường Thành, phi như bay vào lãnh thổ nước Tần, khí thế rất hung hăng, sát khí đằng đằng. Chúng vào sâu đến hai mươi dặm, nhưng không thấy quân Tần ra ứng chiến, lại tiếp tục vào sâu mười dặm nữa, vẫn không thấy quân Tần ở đâu. Hữu Hiền Vương nghĩ rằng đã vào sâu mấy chục dặm thế này mà không thấy trận địa, bèn sinh

nghe, sợ có mưu kế gì đây. Đang nghĩ ngợi, thì có tiếng trống nổi lên như sấm dậy ở hai bên đường, tiếng hét “Giết! Giết!” của quân Tần rền vang khắp bốn phía. Quân Hung Nô đã lọt vào trận địa của tướng Mông Quát. Lúc ấy quân Hung Nô đang phi ngựa trên đường bỗng bị bao vây đột ngột nên không thể lập tức dừng ngựa mà vẫn cho ngựa chạy từ từ, không kịp bố trí trận địa đã phải bị động ứng chiến, vì vậy rơi vào thế yếu.

Hữu Hiền Vương thấy thế trận của mình bất lợi nên ra sức cứu vãn tình hình bằng cách hò hét rất to, rồi xông lên phía trước, dẫn đầu binh sĩ áp sát quân Tần, cố mở một đường máu để phá vây. Quân Tần thấy vậy, bèn quyết tâm chặn đứng Hữu Hiền Vương. Mông Quát cầm cờ lệnh chỉ huy quân Tần xông vào quân địch. Tiếng hét của tướng sĩ quân Tần cùng với tiếng trống trận vang trời dậy đất, như dông bão mưa nguồn kinh thiên động địa. Nhưng quân Hung Nô đều là những dũng sĩ từng được huấn luyện, lại đang bị bao vây; hơn nữa dũng khí phi thường của Hữu Hiền Vương cũng là một động lực mạnh mẽ lúc ấy, cho nên, họ cũng quyết tâm phá vây. Cuộc chiến ngày càng quyết liệt, cả hai bên đều thương vong rất lớn.

Mông Quát thấy quân hai bên cứ giằng co mãi, bèn sai phó tướng Tân Đằng ra tiếp sức. Tân Đằng là hậu thế của danh tướng Tân Thắng trước đây, còn trẻ tuổi mà lại dũng cảm hơn người, hét một tiếng như hổ gầm rồi thúc ngựa xông thẳng vào giữa quân Hung Nô, đưa kích gạt ngang rồi đâm thẳng, giết và làm bị thương rất nhiều quân địch. Tân Đằng vừa giết địch vừa tiến lên, cho đến lúc đến trước mặt Hữu Hiền Vương. Hữu Hiền Vương bất ngờ giáp mặt đại tướng quân Tần, vội quay mũi giáo đâm mạnh vào Tân Đằng. Nhưng Tân Đằng đã nhanh nhẹn tránh sang một bên. Hai con ngựa chạy ngược chiều nhau, chạm mạnh hông vào nhau. Nhưng hai viên tướng đối địch lại quay ngựa, trở lại giao chiến với nhau. Cứ thế, hai bên cứ xông vào nhau, rồi đi quá đà, rồi quay lại, lại xông vào nhau, một bên cầm kích, một bên cầm giáo, cứ đâm qua đâm lại, người hét ngựa gầm, kịch chiến với nhau hơn một trăm hiệp đều không phân thắng bại.

Trong khi quân của Hữu Hiền Vương giao chiến ác liệt với quân của Mông Quát, thì đại tướng quân Phùng Kiếp chỉ huy bốn vạn quân tinh nhuệ vẫn mai phục tại đèo Sát Hồ, án binh bất động. Quân Hung Nô của Hữu Hiền Vương đi qua, vẫn không hay biết gì. Sau khi quân Hung Nô đi qua và vào sâu trong nội địa, Phùng Kiếp ra lệnh cho lính chú ý quan sát hai phía. Phía Nam thì theo dõi động tĩnh của quân Hung Nô do Hữu Hiền Vương chỉ huy, phía Bắc thì chú ý canh phòng quân Hung Nô tiếp viện. Lệnh của Phùng Kiếp theo dõi như vậy trong một canh giờ (ba giờ đồng hồ hiện nay) thì phát hiện ở phía xa trong nội địa, có khói trắng dày đặc bốc lên ngàn ngọn. Phùng Kiếp biết rằng quân của Hữu Hiền Vương và Mông Quát đang đánh “tao ngộ chiến”. Ông bèn ra lệnh cho quân tập trung chú ý quân Hung Nô tiếp viện từ phía Bắc tới.

Chủ tướng của quân Hung Nô là thái tử Mao Đồn sau khi sai Hữu Hiền Vương xuất phát không lâu, thì cũng dẫn chín vạn binh mã ồ ạt xâm nhập vào lãnh thổ nước Tần. Dọc đường đều có cho thám báo đi trinh sát trước, nhưng chúng đều nói rằng không có động tĩnh gì của quân Tần. Thế là Mao Đồn rất yên tâm, cho quân vượt qua chỗ trống của Trường Thành để vào sâu trong nội địa của Tần. Đi được một quãng thì thấy ở phía xa trước mặt có khói trắng dày đặc bốc lên. Mao Đồn biết rằng quân của Hữu Hiền Vương đang đánh “tao ngộ chiến” với quân Tần, bèn thúc quân tiến nhanh để ứng cứu quân của Hữu Hiền Vương. Nhưng vừa đến đèo Sát Hồ thì bất ngờ gặp quân mai phục của Phùng Kiếp. Mao Đồn vội cho quân dừng lại và bố trí trận địa, và ra lệnh cho Tả Hiền Vương xông trận. Tả Hiền Vương thúc ngựa cầm giáo xông thẳng vào chỗ có cờ chiến của quân Tần. Phó tướng Tư Mã Hân của quân Tần cầm giáo dài cũng xông ra chặn Tả Hiền Vương lại. Hai người lập tức lao giáo vào nhau. Tướng sĩ hai bên cũng nổi trống và reo hò để ủng hộ chiến tướng của mình đang giao chiến. Hai hổ tướng cầm giáo cứ liên tục đâm mạnh vào đối phương, khi thì bên này đâm thì bên kia gạt ra, khi bên kia đâm thì bên này gạt ra. Tiếng sắt va vào nhau chan chát, leng keng rất ghê rợn, sồn tóc gáy. Hai đối thủ này xem ra kẻ tám lạng người nửa cân, ngang sức ngang tài nên đâm chém nhau đến hơn một trăm hiệp vẫn không phân thắng bại.

Lúc này, Mao Đồn đã quá sốt ruột, bèn ra lệnh tổng công kích, bản thân ông ta cũng nhảy lên phía trước, dẫn đầu binh sĩ của mình, lao thẳng vào quân Tần đánh giáp lá cà. Chín vạn quân Hung Nô tuân lệnh chủ tướng, vừa hò hét vừa ồ ạt xông vào quân Tần. Đại

tướng quân Phùng Kiếp cũng cầm giáo dài chặn đứng Mao Đồn ngay tại chân cờ trận của mình và bắt đầu quyết chiến. Các phó tướng và đô úy hai bên cũng tìm đối thủ của nhau và giao chiến. Quân Hung Nô ý thế đông người, chia làm nhiều nhóm rồi bao vây quân Tần từ mọi phía, chia cắt bốn vạn quân Tần thành nhiều bộ phận rồi bao vây từng bộ phận đó quyết tiêu diệt chúng. Một cuộc tử chiến rất chênh lệch về quân số diễn ra rất thảm khốc.

Trong khi đó, tại trận địa của Mông Quát và Hữu Hiền Vương cũng có sự chênh lệch về lực lượng. Nhưng ở đây, quân Tần đông hơn quân Hung Nô đến chín lần. Quân Hung Nô tuy rất dũng cảm, liều chết giao chiến, nhưng không thể phá được vòng vây dày đặc của quân Tần. Hữu Hiền Vương thấy thế thua trận đã rõ, định liều chết phá vây, nhưng lại bị phó tướng Tân Đằng và nhiều đô úy cản lại không thể chạy thoát, cuối cùng rút kiếm tự vẫn. Quân Hung Nô mất chủ tướng, cũng mất luôn tinh thần, bị quân Tần giết hơn sáu nghìn, còn lại hơn ba nghìn bị bắt làm tù binh. Tướng quân Mông Quát chưa kịp nghỉ tay chém giết đã vội dẫn hai mươi vạn kỵ binh chạy phi như bay đến đèo Sát Hổ, đến cứu viện cho đại tướng quân Phùng Kiếp và bốn vạn quân của ông.

Quả nhiên đúng như dự đoán của Mông Quát, bốn vạn quân của Phùng Kiếp đang bị quân Hung Nô vây chặt và chia cắt. Mao Đồn không thấy quân của Hữu Hiền Vương quay lại, đoán rằng Hữu Hiền Vương đã hy sinh, bèn tăng cường xiết chặt vòng vây, hồng trả thù cho Hữu Hiền Vương. Vì vậy, Mao Đồn chỉ tập trung gõ trống đốc quân, không chú ý ở đằng xa, đến khi nghe tiếng vó ngựa và tiếng hò hét của quân Tần mới vội vàng ứng chiến, thì hơn hai mươi vạn quân của Mông Quát đã kéo tới trước mặt. Quân Tần của Phùng Kiếp đang bị vây, thấy quân mình đến tiếp viện nên can đảm hơn, hai bên cùng phối hợp, trong đánh ra, ngoài đánh vào khiến quân Hung Nô đại bại.

Thái tử Mao Đồn bị thương, được Tả Hiền Vương hộ tống chạy thoát, băng qua sông Hoàng Hà chạy đến tận doanh trại cũ ở gần biên giới, may mà giữ được tính mạng. Khi đó, vua Hung Nô là Thiển Vu Đầu Man chỉ huy đơn vị độc chiến phía sau, không nghe lời khuyên của thái tử Mao Đồn, cứ đưa quân tiếp tục ứng chiến với quân của Mông Quát, nhưng đã bị quân của Mông Quát đánh cho thất điên bát đảo, thua chạy tán loạn.

Trận đại thắng quân Hung Nô này không những đuổi được đạo quân hung hãn này ra tận phía Bắc núi Âm Sơn, mà còn thu hồi được quận Cửu Nguyên bị bọn chúng chiếm đóng từ trước. Tần Thủy Hoàng hết sức vui mừng, ngài thăng cấp đại tướng quân cho Mông Quát, toàn thể tướng sĩ đều được bình công ban thưởng. Đại tướng quân Mông Quát vẫn chỉ huy ba mươi vạn quân bảo vệ phía ngoài và trong Trường Thành, nhằm canh phòng rợ Hồ thừa cơ tái phạm.

Qua cuộc chiến tranh vừa qua với quân Hung Nô, Tần Thủy Hoàng thấy rõ rằng nếu muốn loại trừ căn bản tai họa Hung Nô mà cứ sử dụng vũ lực thì cái giá quá lớn. Vì vậy ngài chủ trương phải tăng cường phòng vệ là chính, tức là phải xây dựng một chiến lũy kiên cố mới có thể bảo vệ an toàn vĩnh cửu. Ngài bèn triệu tập các văn võ đại thần cùng bàn bạc. Sau đó ngài quyết định xây đắp bức trường thành dài một vạn dặm xuyên qua lãnh thổ mệnh mông của miền Hoa Hạ.

Thực ra công việc của Tần Thủy Hoàng lúc này là nối liền các đoạn trường thành đã có sẵn do các nước chư hầu cũ là Triệu, Yên và cả của nước Tần đã xây từ trước để tự vệ. Nhà vua tự tay viết bản chiếu thư cho đại tướng quân Mông Quát: “Giao cho ba mươi vạn tướng sĩ bảo vệ biên ải và hai mươi vạn dân “đầu đen” và tù nhân, đi xây đắp và tu bổ trường thành”.

Dựa theo ý chỉ nhà vua, Mông Quát đưa ba mươi tướng sĩ bắt tay vào làm việc; còn hai mươi vạn tù nội địa đến, một phần là quan chức và nho sinh phạm tội. Đội quân lao động năm mươi vạn người đó, làm việc liên tục ngày đêm, bất chấp mưa nắng, gió tuyết băng ngàn, họ đục đá, làm gạch, xây tường, chuyên chở vật liệu, tất cả đều lao động cật lực bằng chân tay, vô cùng cực nhọc, trong khi đời sống hết sức khổ sở thiếu thốn đến mức mà ngày nay chúng ta không thể tưởng tượng được. Cuối cùng, rất nhiều người đã chết rét, chết bệnh, chết vì kiệt sức bị ngược đãi, hết sức thê thảm, thương tâm. Câu chuyện được truyền tụng mấy ngàn năm nay kể rằng chàng Phạm Hỷ Lương xây trường thành bị chết, người vợ là Mạnh Khương từ ngàn dặm đến tìm chồng thì chồng đã mất, bèn khóc than và nước mắt của nàng đã làm đổ cả trường thành, đó chẳng qua chỉ là sự thể hiện tập trung cái bi

kịch của hàng nghìn hàng vạn gia đình đã lao động khổ sai xây đắp trường thành mà thôi.

Sau ba năm lao động gian khổ của năm mươi vạn người, Vạn lý Trường thành được hoàn thành. Trong đó có bốn nghìn năm trăm dặm là chấp nối cũ, còn khoảng bảy nghìn dặm là mới, tức là nối dài hai đầu về phía Tây và phía Đông. Nói chung, tường thành cao ba trượng sáu thước, rộng ba trượng sáu thước; phía trong và mặt ngoài tường thành đều xây bằng những viên gạch rất lớn hình vuông mỗi bề hai thước (1 thước = 0,33m, 10 thước = 1 trượng). Móng và các góc đều xây bằng đá, nhằm tăng độ cứng và độ bền. Cứ một đoạn lại có các công sự như xây tường thành cao lên, vọng gác, đài đốt lửa tín hiệu, lô cốt bắn tên. Thành được xây dọc theo địa thế hiểm trở trên núi, tùy theo độ cao thấp và quanh co của triền núi. Toàn bộ Trường thành dài khoảng một vạn hai nghìn dặm, bắt đầu từ Lâm Thao ở Lũng Tây (thuộc tỉnh Cam Túc hiện nay), đi qua Thượng Quận, Cửu Nguyên, Vân Trung, ở phía Tây có một đoạn ngắn chạy đến Cao Khuyết; về phía Đông, đi qua Nhạn Môn, Ngự Dương, chạy đến Liêu Đông (nay là địa phận tỉnh Liêu Ninh, tỉnh giáp với Bắc Triều Tiên và biển Đông).

Trường thành là công trình kiến trúc vĩ đại chưa từng có và cũng sẽ mãi không bao giờ có nữa, nó uốn khúc chạy ngang qua miền Bắc rộng lớn của Trung Quốc, giống như một con rồng khổng lồ phủ cánh trên mặt đất, biểu tượng vĩ đại cho dân tộc Trung Hoa. Vì vậy, cho dù cái giá phải trả là vô cùng nặng nề và thê thảm, nhưng đích thực là một kiệt tác để lại cho ngàn vạn đời sau. Công lao của Tần Thủy Hoàng rất to lớn.

HỒI THỨ HAI MƯƠI SÁU

KHẮC BIA CA NGỌI, LÝ TƯ CHẬP BÚT LÊN ĐỈNH THÁI SƠN, LÀM LỄ “PHONG THIÊN”

Sau chuyến đi tuần du hơn mười ngày ở Tây Bắc, Tần Thủy Hoàng lại muốn đi xuống miền Nam. Những nơi này đều là đất cũ của sáu nước chư hầu trước đây và ngài đều đã đặt chân đến rồi. Nhưng những lúc ấy thường là lướt qua rất nhanh trong khói lửa chiến tranh. Nay đã lập lại hòa bình, cần phải đi một lần nữa để tìm hiểu tình hình các quận huyện chấp hành chính sách và luật lệ như thế nào, và cũng để hiểu dân “đầu đen” ủng hộ nhà vua ra sao. Ngài bèn triệu tập các quan văn võ và các “học sĩ” để hỏi ý kiến. Đương nhiên, mọi người đều nhất trí ủng hộ chủ trương của nhà vua. Các “học sĩ” còn nói rằng:

– Thánh thượng tiếp nhận mệnh trời để cai quản thiên hạ, đáp ứng nguyện vọng của dân đen, mang lại hòa bình cho bốn biển. Nay thời thế đang thịnh, trước khi tuần du đất nước, nên noi gương Ngũ Đế, đến núi Thái Hành làm đại lễ cúng trời đất gọi là lễ “phong thiên”, để tuyên cáo với thiên hạ...

Nhà vua gật đầu liên tục và cười. Ngài nói:

– Sở dĩ trăm muốn tuần du thiên hạ là muốn tỏ rõ ý trời và ban ân huệ cho rộng khắp. Ngũ Đế đã để lại những tấm gương sáng, trăm tất phải noi theo. Còn việc tổ chức nghi lễ như thế nào, xin giao cho quan “phụng thưởng” và các “học sĩ” bàn bạc chuẩn bị, chọn ngày lành tháng tốt để cử hành.

Quan “phụng thưởng” là người lo việc lễ nghi ở tôn miếu, ông ta cùng với các “học sĩ” bàn bạc việc chuẩn bị làm lễ ở núi Thái Hành. Họ nhắc lại sách kinh điển, họ cùng nhau đọc đi đọc lại cách thức tiến hành lễ “phong thiên” ở núi Thái Sơn (Thái Hành Sơn) thời cổ đại. Họ đọc kỹ đến mức thuộc lòng. Sau đó, họ sửa soạn và trang hoàng xe cộ rất đẹp, rồi trình nhà vua chọn ngày lành xuất phát. Nhà vua lập tức chọn được ngày và đoàn ngự giá rời Hàm Dương đi về phía núi Thái Sơn ở nước Tề cũ.

Đây là chuyến đi làm lễ “phong thiên” nên toàn bộ xe ngựa đều được trang hoàng rất đẹp. Đi phía trước là đội xe trừ tà ma. Viên “thái bộc lệnh” đứng ở phía trước xe, tay cầm cung bằng gỗ cây đào, mũi tên bằng thân cây sậy, mồm lẩm bẩm cầu khẩn quỷ thần phù hộ để xua đuổi tà ma. Tiếp ngay sau xe của “thái bộc lệnh” là tám mươi một cỗ xe hộ tống, gọi là “đại giá thuộc xa”, ngồi trên đó là quan thượng thư và ngự sử. Tất cả các “thuộc xa” này đều bọc da hổ rằn ri đen trắng rất bắt mắt. Xe cuối cùng của đoàn “thuộc xa” này có một cột cao, trên đó treo một cái đuôi con báo, để chứng tỏ rằng đoàn xe hộ giá này đều có cấm cờ, mỗi lá cờ đều có hình chim bay phượng múa được kết bằng lông chim; hàng cờ tung bay trước gió, trông rất đẹp và oai hùng. Các xe đi sau (của đoàn xe “thuộc xa” tám mươi một cỗ) mang những cây giáo lớn và búa lớn sơn son thếp vàng và các cây quạt “chiêu dương” cỡ lớn. Tất cả đều được thêu hình mặt trời, mặt trăng, sao, rồng, hổ, phượng, thật là muôn sắc muôn màu, trông rất sặc sỡ. Tiếp sau là đoàn xe “hộ tống” tám mươi một chiếc, là đoàn xe “hộ giá”, chở đoàn tùy tùng gồm các cận thân văn võ, các quan hoạn, cùng các phi tần, cung nữ và đội quân dũng sĩ (hổ bôn). Đoàn xe hộ giá tùy tùng này còn có xe bốn ngựa, cứ năm xe bốn ngựa thành một tốp, tốp thì người đánh xe ngồi điều khiển ngựa; tốp thì đánh xe đứng để điều khiển ngựa. Các xe này được sơn phết theo năm màu “ngũ hành”: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Tiếp theo sau đó mới thấy xe có thành xe bằng vàng của Tần Thủy Hoàng, do sáu ngựa đen kéo, tiến chậm chậm, chắc nịch. Mui xe kết lông chim nhiều màu, cắm bầu vàng; đỉnh mui xe phủ một lớp vải vàng. Phía bên trái thành xe, đeo một cái đuôi trâu rừng có lông rất dài. Đầu ngựa đội mũ nạm vàng cao và rộng, mỗi bề bốn tấc; phía sau mũ nạm vàng cắm một miếng sắt rộng mấy tấc, trên đó cắm ba chiếc lông đuôi chim trĩ. Vai ngựa mang một vòng hoa năm màu. Lại còn có cái xe dự phòng, mỗi trục xe có bốn bánh, hai bánh phía ngoài dát đồng và vàng, có bộ phận cho dầu nhờn vào trục xe. Phía trái xe vẽ rồng xanh, phía phải vẽ hổ trắng, những bức vẽ này được gắn vào đầu mút của trục xe. Khi xe chạy, trục xe quay tít, làm rồng bay hổ chạy, trông rất ngoạn mục.

Tần Thủy Hoàng ngồi chễm chệ trên ghế rồng đặt trên xe có thành xe bằng vàng. Ngài

mặc “long bào” màu đen thêu hoa, đội mũ “thiên quán” có tua trước và sau đỉnh mũ. Ánh mắt như tia chớp của nhà vua nhìn xa ra phía trước; dân chúng chào đón ngài hai bên đường cũng sợ nên không dám nhìn thẳng vào mắt nhà vua, chỉ hướng mắt về phía nhà vua để vái chào từ xa. Tần Thủy Hoàng luôn luôn giữ vẻ mặt nghiêm trang và lạnh lùng, vì ngài cho rằng chỉ có như vậy mới có thể tỏ rõ sự tôn nghiêm và địa vị tối cao của ngài trong tư thế. mắt nhìn thiên hạ, sức mạnh vô địch, công hơn “Tam Hoàng”, đức vượt “Ngũ Đế”.

Ngoài xe có thành xe bằng vàng của nhà vua, còn có ba mươi xe dự phòng của nhà vua, chia làm năm tốp, mỗi tốp có sáu xe, vì con số sáu là phù hợp với đức “Thủy” (nước) của nhà Tần. Số xe dự phòng này là để nhà vua dùng đến lúc cần thiết [165]. Ngoài ra lại còn ba mươi sáu xe (vẫn là con số 6: $6 \times 6 = 36$) chở các thị vệ cung đình và các trọng thần văn võ. Ba mươi sáu xe này theo sát xe nhà vua.

Lại còn có sáu trăm quan “lang trung” [166] và sáu nghìn quân dũng sĩ đi theo để bảo vệ toàn bộ đoàn xe. Cuối cùng là sáu vạn quân tinh nhuệ sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc. Mặc dù là cuộc hành hương đi lễ hội, cúng tế trời đất, nhưng huy động cả binh hùng tướng mạnh, cho thấy Tần Thủy Hoàng luôn luôn coi trọng sức mạnh vũ lực, thích điều võ dương oai.

Đoàn xe ngựa dài tới mười dặm, rầm rộ cất bước trên con đường rộng năm mươi bộ (đường trì đạo, đường dành cho xe chạy nhanh), cứ cách ba trượng lại có một cây xanh mọc thẳng tắp, giống như đội quân danh dự đang chào đón đoàn xa giá nhà vua. Mỗi khi đi qua các quận huyện, các quan lại địa phương và dân chúng đều ra đường nghênh đón, họ quỳ ngay ngắn hai bên vệ đường, vái lạy nhà vua, tung hô vạn tuế. Các bữa đại tiệc lúc đón và lúc đưa hết sức thịnh soạn linh đình; khi các quan chức địa phương vào chào vua lại tràn ngập không khí ca tụng nịnh hót hết lời. Vua tôi Tần Thủy Hoàng thật sự đắm mình trong những lời chúc tụng vàng son, những ánh mắt cung kính tôn thờ. Bởi vì “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, người Trung Quốc cổ đại đã hiểu rõ những lời vàng ngọc là vô giá, chỉ cần uốn ba tấc lưỡi, ba hoa những ngôn từ rất đẹp và hoa lệ, với thái độ hết sức khiêm nhường nịnh bợ, rồi giọng điệu lắt léo uyển chuyển, dẻo quẹo, như rót mật vào tai nhà vua. Nhà vua nghe những lời ton hót ngọt ngào, cảm thấy bề tôi và thần dân chân thành trung thực, và ngài xứng đáng được tôn vinh như thế. Ngài rất thỏa mãn và vui vẻ khen thưởng, ban phát, gia phong, thăng quan tiến chức cho bấy tôi. Thật là vui vẻ cả. Còn có gì dễ dàng hơn và nhanh chóng đạt được mục đích danh và lợi, công thành danh toại hơn là những lời nói hoa mỹ vô giá ấy.

Tần Thủy Hoàng đã say sưa trong không khí của những lời ca tụng không bờ bến và những hình ảnh quỳ mọp bái lạy vô cùng cung kính đó. Sự độc đoán chuyên quyền, hách dịch ương ngạnh của ngài đã đến mức không thể nào hơn được nữa.

Đội quân gồm bộ binh, kỵ binh và chiến xa điều võ dương oai đi qua huyện Trịnh (nay là huyện Tây Hoa, tỉnh Thiểm Tây), Ninh Thái (nay là Hoa Âm), Hàm Cốc (Nay là Ninh Bảo, tỉnh Hà Nam), qua Lạc Dương, Đại Lương (nay là Khai Phong), Chương Khâu Khác, Đông Môn (nay là huyện Kim Hương, tỉnh Sơn Đông), cuối cùng đến núi Trâu Phong ở huyện Trâu. Núi Trâu Phong cách núi Thái Sơn không xa, tuy không hùng vĩ nhưng rất đẹp. Một bên là núi Thái Sơn cao ngất trời, một bên là núi Trâu Phong mỹ lệ tuyệt vời, hai dãy núi ấy đối sánh với nhau, phản chiếu lẫn nhau, tạo cảm giác rất mới lạ, rất thú vị cho tất cả những ai đến đây thưởng thức cảnh trí đất trời. Vì vậy những người đi leo núi Thái Sơn, phần lớn đều đến Trâu Sơn trước, vừa có thể nghỉ ngơi thoải mái, vừa có thể ngắm nhìn phong cảnh đặc thù.

Huyện lệnh huyện Trâu tuy đã biết rất sớm việc Tần Thủy Hoàng cùng một đoàn tùy tùng rất đông sẽ đến đây để lên núi thưởng ngoạn, nhưng huyện lỵ không có nơi cho nhà vua nghỉ và tổ chức yến tiệc, đường lên núi cũng chỉ là những con đường mòn quanh co khúc khuỷu của hươu nai chạy mà thôi. Sở dĩ như vậy, là vì trước đây, vua Vương Kiến nước Tề bỏ bê việc chính sự, không tôn trọng lễ nghĩa, chỉ đam mê hoan lạc nơi thâm cung, chẳng hề biết đến vẻ đẹp của núi non sông suối, ngay cả núi Thái Sơn nổi tiếng khắp thiên hạ cũng chưa một lần đặt chân đến. Vì vậy, ngọn núi Trâu Phong ở cái huyện cỏn con này lại càng chẳng bao giờ ngó ngàng tới.

Bây giờ thì ngài huyện lệnh vô cùng bối rối. Ngài nghĩ rằng bị cách chức còn là may phúc, không khéo còn bị xử tử tới số nữa cơ. Bởi vì ngài đã nghe nói từ lâu về “đức tính” bạo ngược và giết người như ngóe của Tần Thủy Hoàng. Tuy nhiên, cũng không thể làm gì khác là cố gắng tới mức tối đa trong phạm vi hiện có, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng về mặt tư tưởng, cố gắng đạt được mục tiêu; không lập công nhưng không có sai sót, thế là may mắn muôn phần rồi. Ông ta ra tận mười dặm để quỳ lạy chào đón thánh giá. Ông ta đưa đoàn xa giá về nghỉ tại cung điện cũ của vua Khoảnh Công nước Lỗ ngày xưa ở dưới chân núi Trâu Phong, vì chẳng có dịch quán cho quan khách, mà cũng chẳng tiện đưa về nha môn của huyện đường. Nhà vua thấy lạ bèn hỏi :

- Nhà người đón tiếp ngự giá, sao không đưa về dịch quán, cũng không đưa về nha môn huyện đường, lại đưa đến di chỉ của một cựu quan lại như thế này?

Huyện lệnh lập tức quỳ xuống, phủ phục xuống đất rồi cung kính trả lời rằng:

- Cái huyện cỏn con này nằm ở thung lũng hẻo lánh, lại ở bên cạnh núi Thái Sơn hùng vĩ, nên càng tỏ ra rất nhỏ bé. Nhà vua nước Tề trước đây, chưa từng đến đây bao giờ, cho nên huyện đường nha môn và dịch quán rất chật hẹp, lại lấy lại những vũng nước quanh năm, làm sao có thể đón bệ hạ như rồng vàng giáng thế đến ở đây được.

Nhà vua thấy huyện lệnh rất khiêm tốn tự ti, lại ví ngài như “rồng vàng giáng thế”, nên cũng nguôi giận, nhưng ngài vẫn trách rằng:

- Nhưng nơi này là phế tích của cung điện nước Lỗ, sao có thể coi là nơi nghỉ chân của thiên tử đương triều? Nhà người không đáng tội khi quân hay sao?

Huyện lệnh thấy giọng nói của nhà vua đã dịu xuống, nên nghĩ rằng nước cờ thứ nhất của mình đã đi trúng rồi, và ông bình tĩnh đáp lại:

- Hạ thần nghe nói dù nước lớn hay nhỏ, còn hay đã mất, thì tông miếu cung thất của họ vẫn được coi là di chỉ để truyền lại hậu thế. Vì vậy, cái cung điện này của nước Lỗ, tuy là di chỉ của triều đình trước, nhưng vẫn phải được tôn trọng. Nay dùng nó làm nơi nghỉ chân của bệ hạ cũng coi là tạm được; huống hồ bệ hạ không vứt bỏ cố cung của sáu nước, còn đưa về xây lại tại Hàm Dương để sử dụng. Vậy hạ thần quét dọn và trang hoàng lại cố cung của nước Lỗ để long thể bệ hạ có chỗ nghỉ ngơi là vì lòng tôn kính bệ hạ, xin được lượng xét. Nếu như cho đó là ngạo mạn khi quân, thì quả thật là ngoài sự dự liệu của hạ thần; nhưng nếu cứ xét tội thì dù có chết vạn lần cũng không thể chối từ.

Nghe những lời biện bạch trôi chảy đó của huyện lệnh, nhà vua không ngần ngại nữa, ngài còn cho rằng người này tháo vát, có năng lực, biết đón ý đồ của cấp trên, hiểu được tâm trạng nhà vua, ngài bèn cười và nói rằng:

- Vậy thì té ra nhà người cũng biết dựa theo hoàn cảnh cụ thể để bố trí và sắp xếp chỗ nghỉ ngơi cho trẫm, thật là vắn vỏi. Thôi, nhà người hãy đứng dậy để nói chuyện.

Huyện lệnh vội khấu đầu liên tục để tạ ơn rồi từ từ đứng dậy để nghe nhà vua phán lệnh, trong lòng rất mừng. Ông ta nghĩ rằng may mà mình đã có chuẩn bị từ trước, lại thêm vào đó là nhà vua vẫn cho xây cung điện cũ của sáu nước, để “lấy gậy ông lại đập lưng ông”, đem chuyện của ngài để giải đáp vấn đề nan giải mà ngài nêu ra cho mình, khiến mình nói vừa có lý vừa có lễ độ, giải thoát cho mình khỏi phải mắc tội. Nhưng bề ngoài thì ông ta vẫn tỏ vẻ sợ hãi, lúng ta lúng túng. Vì vậy, lại càng được nhà vua thương hại.

Quả nhiên, nhà vua cho rằng huyện lệnh không câu nệ với lễ thói cũ, mà biết tùy cơ ứng biến. Ngài rất vui, không những không trị tội những sai sót trong công việc tiếp đón nhà vua, mà còn chủ động hỏi xem ông ta có cần gì không. Đối với huyện lệnh, được nhà vua hỏi như vậy, thật là một dịp may ngàn năm có một. Ông ta bèn uốn lưỡi dẻo kẹo để ra sức tố khổ khi nằm dưới sự cai trị của ông vua mất nước của nước Tề trước đây là Vương Kiến, nói rằng Vương Kiến là ông vua u mê, chỉ nghe lời xiểm nịnh của gian thần, hại nước hại dân, để cho công việc quốc sự bị bê trễ, nhân dân sống khổ cực; huyện Trâu này ở xa kinh thành nên kém thế hơn các huyện khác rất nhiều... Nói đến đây, ông ta cố tình ngừng lại, rồi đưa mắt nhìn trộm nhà vua, thấy ngài đang chú ý lắng nghe, bèn lập tức nói tiếp có dụng ý. Ông ta hết lời ca tụng công đức của Tần Thủy Hoàng, nói rằng kể từ khi Tần Thủy Hoàng tiêu diệt nước Tề, nhà vua đã thi hành chính sách rất sáng suốt, ban ơn đức khắp

thiên hạ; vì vậy hạ ông ta mới được triều đình bổ về đây làm huyện lệnh cái huyện bé xíu nơi sơn lâm cùng cốc này. Cho nên, mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng vì dân tình còn nghèo nên vẫn chỉ là chấp vá tạm bợ, và đến nay vẫn chưa có gì khá hơn. Vì thế mà hôm nay, nhà vua và các công khanh triều đình đến thị sát huyện nhà, ông ta thật sự không có gì đáng giá để kính dâng nhà vua và triều đình, khiến ông ta cảm thấy vô cùng có tội. Huyện lệnh còn nói thêm rằng con đường mà đoàn xa giá của nhà vua lên núi thường ngoạn ngày mai rất tồi tàn, hầu hết là đường hươu nai chạy, xe ngựa không thể đi lại được.

Nhà vua nghe nói vậy bèn bảo:

– Chẳng hề gì, trăm rất giỏi cưỡi ngựa; thôi cứ để đi ngựa lên núi vậy!

Các đại thần cũng hưởng ứng và nói rằng đi ngựa lên núi rất tốt, có thể tự do ngắm cảnh, dễ nhìn ngó hơn ngồi trong xe ngựa rất nhiều.

Huyện lệnh vội nói:

– Không thể thế được, đường lên núi rất khó đi, nhỡ ra trượt chân ngã thì cái thân “bỉ chức” này sao có thể đến bù được. Hạ thần đã tuyển chọn mấy trăm trai tráng khỏe mạnh để cống các chư vị lên núi. Còn bệ hạ thì hạ thần sẽ cống, xin bảo đảm bệ hạ yên tâm, ngồi trên lưng hạ thần sẽ chắc chắn thoải mái.

Nhà vua nói:

– Để cho nhà ngươi cống sao được. Người là quan phụ mẫu ở đây cơ mà.

Huyện lệnh nghe nhà vua nói vậy, bèn sụp lạy ngay xuống đất khấu đầu lia lịa, rồi nói:

– Bệ hạ nói như vậy quả thật làm cho hạ thần xấu hổ quá. Được hầu hạ đức thiên tử như bệ hạ là vinh hạnh lớn nhất trong đời hạ thần rồi. Nay cống bệ hạ lên núi, thì dù có làm ngựa trâu cho bệ hạ cưỡi cũng là phúc phận ba đời của hạ thần.

Những lời đường mật ấy làm bù tai Tần Thủy Hoàng lắm. Ngài cảm thấy cái vinh dự tối cao của người làm vua. Ngài không ngờ rằng một kẻ đàn hoàng làm huyện lệnh, oai phong lẫm liệt trước dân chúng, lại run sợ xin làm trâu ngựa cho mình cưỡi. Ngài bất giác nhớ lại hồi còn nhỏ ở nước Triệu, ngài bị những đứa trẻ khác bắt nạt, phải bò làm ngựa cho chúng cưỡi. Sau này về Hàm Dương được làm thái tử, ngài cũng bắt thái giám làm ngựa cho mình cưỡi rồi mặc sức đánh đập họ, vậy mà họ cứ im thin thít, chẳng dám hé răng, chỉ khóc sục sịt. Có thể nói không ai có cái cảm nhận sâu sắc đến như vậy đối với con người như thế nào là vinh, là nhục, là sang, là hèn. Nay nhìn thấy viên huyện lệnh đang phủ phục dưới chân mình, khiếp sợ trước vẻ uy nghiêm của mình, cam chịu làm trâu ngựa cho mình, ngài cảm thấy như đang sờ thấy sự tôn nghiêm tối thượng của mình. Nghĩ đến đây, ngài mỉm cười nói với huyện lệnh:

– Thật hiếm có một người sẵn lòng hầu hạ trăm như nhà ngươi, thật đáng khen. Nhưng trăm làm sao có thể để cho người làm ngựa cưỡi cho được? Vả lại trăm là thiên tử, ngồi trên lưng người khác, phải khom khom cúi cúi, sao có thể quan sát chung quanh, trăm nghĩ rằng cứ cưỡi ngựa là hay hơn cả. Thôi đứng dậy, đi làm việc khác đi!

Huyện lệnh lại khấu đầu cảm tạ nhà vua rồi đứng dậy nói:

– Nếu bệ hạ không chịu cho cống, thì xin cưỡi con ngựa nhỏ của huyện nhà, thú ngựa này đi núi rất thạo, vì chúng nhỏ con, quen đường, bước đi rất chắc chắn, hạ thần xin bảo đảm để bệ hạ và chư vị yên tâm và vừa lòng. Như vậy, xe ngựa của triều đình cũng được nghỉ ngơi, khỏi phiền đến họ nữa.

Nhà vua cười, hỏi:

– Nếu đã có ngựa chuyên đi núi như vậy thì sao lại còn định đưa người ra cống?

Huyện lệnh giải thích rằng:

– Tâu bệ hạ, ở đây, loại ngựa ấy là do dân chúng kinh doanh, họ nuôi để cho du khách thuê, hạ thần nghĩ rằng đưa ngựa ấy cho bệ hạ và các đại thần sử dụng, e rằng thất lễ quá, nên mới chọn người khỏe để phục vụ sẽ tốt hơn. Bởi vì người cống đều là binh sĩ, ăn mặc chỉnh tề, đi có hàng có lối, có uy thế oai phong, cũng làm rạng rỡ bộ mặt của huyện nhà.

Nhà vua nói:

- Lần này trầm đến đây chủ yếu là lên núi Thái Sơn làm lễ “phong thiên”, còn Phong Sơn là nơi đi qua tạm dừng chân và leo núi chuẩn bị trước mà thôi. Nếu nhà người huy động quân đội sẽ gây ồn ào, làm cho dân chúng căng thẳng. Như vậy trầm và các đại thần cũng không thoải mái gì cả. Chẳng phải là trái ngược với ý đồ đi du ngoạn đó sao?

Nhưng khi nhà vua muốn được thoải mái, nhẹ nhàng, và được tự do hành động, thì các quan lại tùy tùng lại cảm thấy lo lắng, hướng chỉ một huyện lệnh ở nơi sơn lâm cùng cốc này. Chỉ riêng cái việc nhà vua đặt chân đến đây, đã là điều vô cùng vinh hạnh đối với ông ta rồi. Nhưng việc bảo vệ an toàn cho nhà vua và quan khách triều đình là trách nhiệm hết sức nặng nề. Nay nhà vua không cho quân đội hộ giá, nhờ ra có..., nhờ ra có... ông ta không dám nghĩ tiếp nữa. Đang do dự thì có mấy tiếng chuông vọng đến, ông ta mới sực tỉnh và tâu với nhà vua:

- Huyện nhà núi nhỏ đất hẹp, dân ít được giáo dục, không am tường lễ nghi. Nếu họ thấy bệ hạ và đoàn xa giá rất đông, họ sẽ đến tận nơi để chiêm ngưỡng, mà dân thì bao giờ cũng rất ô hợp, khó lòng ngăn cản được họ. Họ sẽ gây ồn ào huyên náo, phiền nhiễu thánh giá. Đó thật là tội lớn của hạ thần, dù có chết muôn lần cũng không thể chuộc lại được. Nay hạ thần vẫn muốn đưa binh sĩ hộ giá, cầu xin bệ hạ minh xét.

Nhà vua lập tức hiểu ý ông ta và hỏi lại:

- Nói vậy, nhà người định có cách gì để bảo vệ an toàn?

Huyện lệnh bước lên một bước rồi nói rất hào hứng:

- Vừa nghe tiếng chuông trên núi, hạ thần nghĩ ra một phương kế. Đó là hạ thần sẽ cáo thị cho dân chúng trong khu vực núi Trâu Phong này biết rằng trong ngày lễ Thanh minh vừa qua, các thầy cúng làm lễ tế trời đất ở đây và đã nhận được lời thần chú nói rằng năm nay sẽ có tà ma đến gây tai họa, phải mời thầy cúng đến lập đàn để cúng tế trời xanh; quan đầu huyện phải tắm gội và chủ tế, cầu thần thánh phù hộ, loại trừ ác quỷ...

- Nhà người nói huyền thuyên gì vậy, chuyện đó có liên quan gì tới việc leo núi của ta?

- Nhà vua hỏi.

- Bệ hạ không biết đấy thôi. Bọn ngu dân ở nơi hẻo lánh này tuy không biết lễ nghi, nhưng lại rất tin quỷ thần, chỉ cần hạ thần đưa ra cáo tri nói rằng có các phương sĩ đến cúng tế thần linh và được thần linh nhập vào người, thì tất cả những người trần mắt thịt đều lánh xa để nơi này sạch sẽ, thanh tịnh. Nếu ai vi phạm, làm bẩn mắt thần linh, tai họa sẽ giáng xuống, không chạy đâu cho thoát được. Dù có gan cóc tía cũng không dám đến xem vụng trộm. Trong khi đó, hạ thần sẽ được tự do hầu hạ thánh giá đi du ngoạn trên núi mà chẳng phải lo ngại gì cả - Huyện lệnh giải thích cho nhà vua.

- Xem ra cái kế sách ấy cũng được, nhà người cũng lao tâm khổ tứ, lắm mưu nhiều kế, cũng khá được việc đấy chứ.

Nhà vua nghĩ rằng viên huyện lệnh này mượn quỷ thần đe dọa dân chúng để bảo vệ an toàn cho mình, kể ra cũng thông minh, nhưng cũng có chỗ không thật hay ho cho lắm. Tuy nhiên, qua đó cũng thấy người này rất trung thành và yêu kính nhà vua, nên ngài cũng ban khen và khích lệ ông ta.

Huyện lệnh vui mừng bái tạ nhà vua rồi vội về nhà môn để viết cáo thị cho dân chúng. Viết xong, cho dán ở khắp các chỗ qua lại đông người, các ngã ba đường trong toàn huyện. Đồng thời còn sai người đến tận từng nhà ở khu vực núi Trâu Phong, vừa đánh thanh la âm ỉ, vừa ra lệnh cho dân chúng phải đi khỏi nhà, năm ngày sau mới được trở về, lý do là chạy trốn tà ma ác quỷ đến gây tai họa. Bản cáo thị như sau :

Tại lễ đầu xuân trên núi, thần linh dự báo chẳng lành.

Năm nay yêu tinh hạ giới, nói rằng tai họa giáng lâm.

Nay lập đàn tại Phong Sơn, phương sĩ cầu khẩn thánh thần.

Nhập vào người ở trần gian; đuổi yêu tinh trừ tai họa.

Dàn lễ phải được trong lành, đạo pháp mới hiển uy linh.

Nay cấm năm ngày lên núi, mọi việc làm ăn tạm ngừng.

Những ai không có việc cần, xin miễn lên núi lần khần.

Ai dám vi phạm lệnh này, sẽ bị thân nát nhà tan.

Cáo thị cả huyện toàn dân, nghiêm chỉnh tuân thủ thi hành.

Bên dưới bản cáo thị có đóng dấu vuông ba tác của huyện nom rất oai nghiêm. Nhiều người dân xem xong, có người rụt vai sợ hãi, có người lắc đầu thờ dài; có người nửa tin nửa ngờ; nhưng tất cả đều chấp hành bản cáo thị và đều đi khỏi nơi cư trú ở Phong Sơn năm ngày, để tránh tai họa. Bây giờ huyện lệnh mới yên tâm, luôn luôn bám sát phía sau nhà vua và các đại thần, giăng giải cho họ về những cổ tích và thắng cảnh ở Phong Sơn. Ông ta còn thưởng tiền cho các phương sai trông coi đền đài sở tại, yêu cầu họ tế thần liên tục năm ngày và viết một số lời dự báo nói rằng sau khi cúng tế thần linh, đã đuổi yêu tinh đi rồi, nên dân chúng có thể về làm ăn bình thường, an cư lập nghiệp.

Từ lâu nay, Tần Thủy Hoàng hết chinh chiến rồi về sống trong cung cấm, cuộc sống đơn điệu, khô khan, hà khắc. Nay đi ra ngoài, lại lên chốn núi non thắng cảnh, tiếp xúc với thiên nhiên ngoại giới, ngài cảm thấy con người mình trở nên thanh tao trang nhã, nên dọc đường ngài luôn luôn cười nói vui vẻ với những người xung quanh. Nhưng khi ngài thấy huyện lệnh bảo các phương sĩ viết những điều dự báo giả, mượn danh thần linh để lừa bịp dân chúng, thì ngài có ngay ấn tượng không tốt. Ngài cho rằng, mặc dù làm như vậy là để bảo vệ ngài, nhưng lại coi chuyển đi của ngài đến đây là “yêu tinh giáng trần” để dọa dân chúng, đuổi họ đi, đó chẳng phải là bôi nhọ và chế giễu thiên tử đó sao? Khi ngài đang tức giận và sắp lên cơn phẫn nộ thì vừa đến cổng đền chính ở Phong Sơn. Ngài trước mắt nhìn thấy tám biểu đề mấy chữ Tê Lỗ Nhị Phong (Phong cảnh nước Tê và Lỗ). Ngài bất giác giật mình, bỗng nhớ lại rằng nơi này trước là đất của nước Tê, vừa mới bị ngài chinh phục. Ở đây, dân chúng ngày xưa được Tê Hoàn công và Mạnh Thường Quân dạy dỗ nên họ không cam tâm hàng phục nhà Tần. Nếu không, làm gì có những dũng sĩ liều mình muốn đâm chết ngài như Kinh Kha? Chẳng may mà vùng núi Phong Sơn này lại xuất hiện những nhân vật tương tự và lại biết ngài đến chơi núi ở đây thì biết đâu lại chẳng xảy ra chuyện cầm dao găm xông vào ngài mà đâm chém? Cho nên xét cho cùng thì việc huyện lệnh này sai người đóng giả quỷ thần để giấu kín việc làm thật sự của mình, nhằm bảo vệ xa giá, âu cũng là một ý tưởng rất hay. Vậy mà ngài suýt nữa đã hiểu sai ông ta, thật là thiếu bình tĩnh. Nghĩ vậy, ngài càng thấy vừa lòng với tên huyện lệnh.

Khi xuống núi và trở về cung điện cũ của nước Lỗ ngày xưa, nhà vua cho gọi huyện lệnh đến, khen ông ta được việc, còn giữ ông ta lại cùng ăn tối. Lúc đang ăn, ngài còn hứa sẽ thăng cấp thái thú quận Tề cho viên huyện lệnh. Huyện lệnh lập tức bỏ mâm quý mọp xuống bái lạy và cảm tạ nhà vua. Trong lòng ông ta rất mừng. Bởi vì việc tiếp đãi nhà vua và các trọng thần của triều đình lần này, sở dĩ đầu xuôi đuôi lọt, thuận buồm xuôi gió, lại còn được nhà vua ban khen và hứa hẹn thăng cấp, đó là vì ông ta biết cái “thuật” làm quan. Tức là, đối với cấp trên thì phải biết hạ mình đến mức có thể làm bàn đạp cho họ bước lên trên, làm trâu ngựa cho họ ngồi. Còn đối với cấp dưới thì có thể xuất phát từ danh và lợi của cá nhân mình để không phải chỉ là đóng giả quỷ thần để lừa bịp thiên hạ, mà lúc cần thiết còn có thể bất chấp dùng đạo lý để dùng bàn chân dẫm máu mà mở con đường tiến thân cho cá nhân. Chẳng phải Lý Tư cũng đã làm như thế đó sao? Những ý tưởng và thủ đoạn như vậy, là mảnh lối kiêu ngạo máu phun người rất phổ biến của hết thảy những quan lại thèm khát quyền lực, và những kẻ làm con nhưng bất hiếu bất mục. Những chuyện như vậy vẫn xảy ra luôn luôn ngay trước mắt vạo chúa rất sắc sảo nhạy bén như Tần Thủy Hoàng và tỷ lệ thành công cũng rất lớn. “Trung xa phủ lệnh” Triệu Cao là một trong những nhân vật tiêu biểu về lĩnh vực này. Ngài huyện lệnh Trâu Thành này cũng lĩnh hội các bí quyết tiến thân đó, và cũng quyết tâm khổ công tìm tòi và dốc hết mọi mảnh khóc “võ nghệ” để ngoi dần lên bậc thang danh vọng.

Theo ước lệ, trước khi lên núi làm lễ “phong thần”, người chủ tế phải tắm gội sạch sẽ, phải thành tâm quả dục (trong lòng phải trong sạch và phải hạn chế dục vọng). Cho nên, trong mấy ngày hôm nay, Tần Thủy Hoàng không cho phi tần hầu hạ lúc ngủ, mà chỉ thấp hương để ngủ. Ngài nằm trên chiếc giường mà ngày xưa vua Lỗ Khoản Công từng nằm trên đó. Ngài lim dim hai mắt, nghĩ ngợi miên man, nên không chợp được mắt. Ngài cảm thấy rằng mình là chúa tể của cả thiên hạ, nay đến đây chơi núi, nhưng lại tiến hành dưới cái vỏ huyền bí, thật là chẳng hay ho chút nào. Và lại, việc ngài đến núi Phong Sơn ở huyện

Trâu Thành này là một vinh dự cho địa phương, lẽ ra họ phải hết sức biết ơn, phải ca ngợi công ơn to lớn của ngài, vậy mới không phụ lòng của ngài đã cất công đến đây. Nghĩ đến đây, ngài không những không xóa bỏ được những quan niệm cũ, ngược lại càng suy nghĩ nhiều hơn. Cứ trăn trở như vậy mãi cho đến sáng. Lúc ấy, ngài sai thị vệ cho gọi Lý Tư đến, nói rằng:

- Lần này trẫm đến Phong Sơn và nghỉ ở đây, nay đã tắm gội sạch sẽ để chuẩn bị lên Thái Sơn làm lễ “phong thiên”. Mấy hôm nay lên núi xem khung cảnh, cảm thấy rất ngoạn mục. Thực ra ngọn núi này rất bình thường, nay được thánh giá đến thăm, mang ơn đức đến cho cây cỏ ở đây. Vậy cũng nên viết văn ghi lại, ca ngợi công lao thống nhất sơn hà, đề cao sự nghiệp chinh phục sáu nước, toàn thiên hạ đều biết ơn, toàn dân đen đều thần phục. Như vậy mới không phụ lòng trẫm đã mất ba ngày tuần du ở đây như là một quân chủ đại vương quốc. Ôn trạch của trẫm, chắc là các khanh đều hiểu cả. Nay hãy dùng bút viết thành văn để ca tụng.

- Sở dĩ có nước đại Tần hôm nay là nhờ tài dọc ngang trời đất và quyết chí làm nên nghiệp lớn của bệ hạ. Vì thần xin vâng mệnh thánh thượng đem hết tài mọn bút nghiên để ca ngợi ơn đức thiên thu, và công lao muôn đời của thánh thượng.

Lý Tư cảm kích vô cùng trước thái độ tâm trạng và sự tín nhiệm của nhà vua. Ông hứa sẽ không phụ lòng thiên tử và sẽ làm tốt công việc này.

Nhà vua lại khuyến khích Lý Tư, ngài ban cho Lý Tư một vò rượu, một hộp thịt ướp để bổ dưỡng. Lý Tư về phòng mình đóng kín cửa suy nghĩ, từ chối khéo việc ngồi nghe huyện lệnh, huyện úy và giám úy kiểm điểm công việc của họ trước mặt nhà vua. Tả thừa tướng Ngõi Trọng thay mặt Lý Tư làm công việc thường ngày, bản thân ông ngồi viết văn bia. Sau một đêm thức trắng suy nghĩ cân nhắc, viết đi viết lại ba lần, cuối cùng rượu và thịt ướp của nhà vua đã biến thành những áng văn tuyệt mỹ. Sau khi hoàn chỉnh bản thảo, ông còn xem đi xem lại mấy lần cho đến khi hoàn toàn thỏa mãn, rồi mới dâng lên nhà vua. Tần Thủy Hoàng xem xong gật đầu nói được, rồi gọi huyện lệnh đến, bảo phải chọn người khắc chữ đẹp nhất để khắc vào bia, dựng lên đỉnh núi Phong Sơn. Bài văn bia như sau:

Đất nước của hoàng đế, đã có từ lâu, đời trước xung vương. Nay dẹp phản nghịch, chấn động bốn phương, võ nghệ cao cường, tướng tài ra trận, phụng mệnh đức vua, thăm thoát mười thu, diệt hết chư hầu. Năm nay hai sáu (năm hai mươi sáu niên hiệu Tần Thủy Hoàng), trời ban tôn hiệu, đạo hiếu hiển minh, tuần du viễn trình, hiệu lễ Thái Sơn; ban ân phát huệ, đến tận Phong Sơn, quần thần đông đủ, cùng nhau suy ngẫm, nghĩ lại thuở xưa, từ thời thái cổ, chia đất chia nước, tranh đoạt lẫn nhau, đầu rơi máu chảy, kể đến vạn đời, đến thời Ngũ đế, vẫn không thấy ngừng. Nay Thủy Hoàng Đế, nhất thống sơn hà, chấm dứt can qua, diệt trừ tai họa, bảo vệ “đầu đen”, ân trạch lâu dài, quần thần ca ngợi. Nay khắc bia đá, ghi lại chuyến thăm.

Bài văn bia là thể thơ viết theo kiểu chữ triện do Lý Tư, người sáng tạo ra chữ triện thời nhà Tần, viết ra, có hành văn rất thông suốt, trôi chảy, ngữ điệu rất kêu, câu chữ rất chỉnh tề, đồng nhất; nội dung phong phú. Trong đó, tác giả nhắc lại lịch sử phân tranh lâu dài trước đây giữa các nước, dìm nhân dân trong nước sôi lửa bỏng. Sau đó hết lời ca ngợi Tần Thủy Hoàng đã tiêu diệt sáu nước thống nhất thiên hạ, lập nên chiến công vĩ đại chưa từng có. Đây là tấm bia đầu tiên ghi chép công lao của Tần Thủy Hoàng nhân chuyến tuần du của ngài. Xét về nhiều mặt, áng văn bia này có ý nghĩa lịch sử to lớn, có giá trị nghệ thuật rất cao; đây là báu vật quý giá về chữ viết (thư pháp) của Trung Quốc. Đáng tiếc là tấm bia này bị phá hủy trong chiến tranh Nam Bắc Triều. Hậu thế nói rằng đó là hậu quả của cơn thịnh nộ của trời đất và của con người giáng xuống tên bạo chúa Tần Thủy Hoàng và tên quan lại độc ác Lý Tư.

Sau khi khắc bia và dựng trên núi Phong Sơn ở huyện Trâu, mấy vạn người của đoàn xa giá Tần Thủy Hoàng đi đến huyện Bác An (nay là huyện Thái An). Tại đây Tần Thủy Hoàng cho gọi các nho sinh (các nhà nho học, các học trò của đạo Nho) và “học sĩ” sở tại, tất cả bảy mươi người, đến tụ tập tại chân núi Thái Sơn. Nhà vua muốn hỏi ý kiến họ về nghi thức làm lễ “phong thiên”.

Bởi vì trước khi xuất phát, các quan chủ quản lễ nghi (gồm các quan phụng thừa và

nho sinh) đã giở hết sách có liên quan như sách “Tam Phần”, “Ngũ Điển”, “Lễ Ký”, “Xuân Thu”, “Luận Ngữ”, và các sách kinh điển từ thời Thương, Chu. Qua những sách đó, có quá nhiều những tư liệu về tế lễ, nhưng lại không có những ghi chép chính xác và đầy đủ về lễ “phong thiên”. Vì vậy, các quan chức hữu quan chỉ vạch ra một chương trình đại thể, dựa theo nghi lễ cúng tế ở thái miếu mà thôi. Nay đến huyện Trâu, tả thừa tướng Ngỗi Trọng và hai vị “Ngũ đại phu” Triệu Anh và Dương Cầu đã hỏi huyện lệnh về việc làm lễ “phong thiên” ở núi Thái Sơn nên tiến hành như thế nào?

Huyện lệnh nói rằng ở địa phương này có nhiều lão nho sinh rất giỏi, họ có thể giải đáp vấn đề này. Vì vậy khi đoàn xa giá đến chân núi Thái Sơn, liền dừng lại và cho mời các nho sinh đến để hỏi ý kiến. Bẩy mươi vị nho sinh cung kính vái lạy Tản Thủy Hoàng rồi trả lời các câu hỏi. Cuối cùng họ cử ra mười mấy vị có uy tín nhất để tâu trình với nhà vua như sau: “Từ sau vua Thành Vương trở đi, thiên tử yếu thế dần, các chư hầu nổi lên tranh giành lẫn nhau, nước nào cũng đòi làm bá chủ. Từ đó, chiến tranh liên miên trong suốt mấy trăm năm, không một ngày nào được bình yên. Các nước thời nhà Chu là như vậy, luôn luôn biến động, nước nào cũng lo tự bảo vệ bản thân, chẳng biết đến cúng tế, lễ nhạc là gì nữa, càng không hiểu chuyện “phong thiên”; ngay cả Trọng Vi (Khổng Tử) cũng không hiểu rõ”.

Tản Thủy Hoàng nghe các vị nho sinh nói vậy, bèn nói:

– Đã vậy thì cứ dựa theo các nghi lễ do các “phụng thừa” vạch ra, tức là bắt chước lễ tế thái miếu và lễ tế sần bản cuối năm và lễ tế trời hàng năm. Trong đó, trăm sên cầu khẩn trời đất, đắp đất vào đỉnh núi Thái Sơn; thế cũng tạm coi là theo đúng lễ nghi cổ xưa. Khổng Tử nói: “Tuy không trúng, nhưng cũng không xa”. Trăm sên làm như thế vậy!

Các lão nho sinh gật đầu nói:

– Bệ hạ nói rất hợp với những điều mà lão phu được biết. Nếu xét theo nghĩa của từ, thì “phong” có nghĩa là đưa hai tay đắp đất vào chỗ đang đứng để cho nó cao lên. Trong năm đây núi lớn, thì Thái Sơn là cao nhất. Nay bệ hạ là đáng chỉ tôn cao nhất trong tất cả mọi người, bệ hạ đứng trên núi Thái Sơn để đắp đất cho cao hơn nữa, như vậy chỉ cách trời trong gang tấc. “Thiên” vốn là chữ “thiện”^[167], là san bằng mặt đất làm nơi cúng tế. Mạnh Tử nói: Dưới gầm trời này, không nơi nào không phải đất đai của nhà vua. Cho nên, việc mở mang bờ cõi là công việc của thiên tử. Như vậy vừa “thiện” (san đất) vừa “phong thiên” (đắp đất) đó là công việc tế trời đất của thiên tử. Những chi tiết của nó, có thể không có nhiều tư liệu, nhưng ý nghĩa của nó thì có thể hiểu được. Nay bệ hạ đến đây “phong thiên” tuyên cáo với thiên hạ, để cảm tạ trời đất, mang lại phúc đức cho muôn dân, để lại ân trạch cho nghìn đời.

Nhà vua hơi cau mày suy nghĩ, vẻ mặt của ngài hơi sốt ruột. Ngài đang nghĩ rằng ngay cả cái ý nghĩa của nó mà mình cũng không hiểu được, vậy thì “phong thiên” làm gì? Nay nhà người đã không thể nói rõ tại sao phải làm như vậy, thì huênh hoang những học vấn thối tha ấy làm trò gì? Hay là để đùa giỡn với một dũng sĩ oai hùng từng giành được thiên hạ trong giây lát như ta đây? Thật là gan cóc tía! Giọng điệu mới to tợn làm sao? Nghĩ đến đây, ngài bèn chẳng đếm xỉa đến các nho sinh ấy nữa. Ngài quay sang ra lệnh cho tả thừa tướng Vương Oản thông báo cho “Vũ thành hầu” Vương Ly đưa quân cấp tốc sửa sang lại đường cho xe ngựa, để có thể cho xe lên tận đỉnh núi.

Không ngờ các nho sinh sợ tại đã phản đối quyết định đó của nhà vua. Sợ dĩ các lão nho sinh phải giải thích cho nhà vua hiểu ý nghĩa của hai chữ “thiên” và “thiện” là do “bệnh nghề nghiệp”, chứ không phải do muốn thuyết giáo theo kiểu “tâm chương trích cú” hay là để đề cao cá nhân gì cả.

Đó là bởi vì, kể từ khi Tản Thủy Hoàng đích thân nắm việc triều chính đến nay, ngài thực hiện luật pháp rất nghiêm khắc, trừng trị nặng nề những kẻ vi phạm pháp luật. Ngài chỉ trọng dụng những người theo thuyết “pháp trị” như Lý Tư, Triệu Cao và khinh bỉ học thuyết “nho giáo” nêu cao “lòng nhân và yêu người”, nêu cao “vương đạo” (đạo nhân nghĩa). Các “học sĩ” tại triều đình bị coi là những đồ trang sức hữu danh vô thực; các nho sinh ở các địa phương lại càng bị ghẻ lạnh chẳng được ban cho một chức tước gì dù là nhỏ nhất, đành phải dựa vào việc dạy tư để kiếm sống. Họ lo học thuyết Khổng Mạnh thất truyền nên dạy học rất cẩn thận. Mỗi một từ đều được giải thích rất rõ ràng về nguồn gốc,

ý nghĩa, diễn biến và các từ “phát sinh” từ nó... Họ giảng giải kỹ như vậy là cốt để học trò có thể ghi nhớ, trả lời được câu hỏi, và vận dụng được các từ ngữ ấy. Hôm nay, nghe nói nhà vua Tần Thủy Hoàng gọi đến để hỏi về việc “phong thiển”, các nho sinh vừa mừng vừa sợ. Họ nghĩ rằng đây là cơ hội để đề cao học thuyết Khổng Mạnh, tranh thủ khôi phục địa vị cho các nhà nho. Vì vậy họ hăng hái đến dự họp, vái đại lễ chào nhà vua, hy vọng nhà vua có ấn tượng tốt. Nhất là khi nói về lễ “phong thiển”, mặc dù họ không thật hiểu chi tiết, nhưng lại giải thích rất tỉ mỉ về ý nghĩa và lai lịch của nó. Cũng vì thế mà nói rằng các vị nho sinh này đã phạm vào cái “bệnh nghề nghiệp”, giống như dạy học trò, cứ nói rất nhiều, lặp đi lặp lại; nói từ từ, chậm rãi, vừa nhẹ nhàng gật đầu vừa giảng giải, nhiều lúc rất say sưa. Khi họ phát hiện ra rằng nhà vua ngồi đó, chẳng chú ý gì lắm, thậm chí còn có vẻ không muốn nghe họ nói, họ mới ngừng việc giải thích đang tâm đắc của họ. Họ nói mấy lời nịnh hót nhà vua cốt để thoát ra khỏi sự lúng túng. Nhưng đã quá muộn, nhà vua chẳng nói chẳng rằng, dù chỉ là vài lời miễn cưỡng cho xong chuyện. Ngài chỉ ra lệnh cho quân lính sửa lại đường sá để đi xe lên núi.

Các nho sinh này dù sao cũng là người sở tại, họ có cái ưu thế là thiên thời địa lợi. Mặc dù họ chưa tận mắt nhìn thấy, nhưng ít nhất thì họ cũng từng được tận tai nghe cha anh kể lại cách thức làm lễ “phong thiển” ở núi Thái Sơn, một tục lệ đã ngàn đời nay. Nay thấy Tần Thủy Hoàng cho chặt cây, san đất, đắp đường cho rộng thêm, để cho xe ngựa lên núi; họ nghĩ rằng làm như vậy là trái với truyền thống. Với tư cách là học trò của thuyết Khổng Mạnh, họ đương nhiên phản đối cách làm đó, nhằm bảo vệ sự tôn nghiêm của lễ giáo. Nghĩ vậy, họ không hẹn nhau nhưng đều tự động đến gặp nhà vua và nói rất trịnh trọng rằng:

- Theo ghi chép trong sách sử của bản huyện, thì xe được dùng để “phong thiển” thời cổ, đều dùng cỏ “bồ” để bọc trục xe vì sợ trục xe sẽ đè nát cây cỏ và đất đá trên núi, đàn tế phải được quét dọn sạch sẽ; phải dùng rơm rạ và cây đậu phơi khô để bên chiếu lót ở đàn tế và người quỳ trên chiếu đó để hành lễ. Vì các loại chiếu đó nhẹ và mỏng, không làm hư hại những thứ bên dưới nó. Nay bệ hạ cho chặt cây cỏ, đào đất đá để làm đường cho xe ngựa chạy, e có lẽ trái với chế nghi cổ xưa và làm thương tổn đến lễ nghi nhà Chu.

Nhà vua vốn đã chẳng khoái gì cái lối nói văn vẻ mà ngài cho là thông thái rởm của các nho sinh. Nay lại thấy họ cản trở công việc của mình, ngài tức giận lộn ruột, không thể chịu nổi nữa. Ngài quát mắng:

- Các người không hiểu rõ các chi tiết và cách thức hành lễ, sao cứ huyên thuyên về những chuyện không được làm thế này, không được làm thế nọ, phải chăng là để gây khó dễ cho đại lễ “phong thiển” của ta? Thôi, hãy mau đi khỏi nơi này. - Nói xong, ngài ra hiệu cho các thị vệ đưa bảy mươi nho sinh đi ra xa một trăm bước, ngay cả những người cao tuổi và đáng được trọng vọng nhất, cũng đều bị đuổi đi, không ai được đi theo xa giá để tham gia hành lễ.

Quân lính nhanh chóng sửa sang xong đường xe đi, và nhà vua dẫn đầu đoàn xa giá đi từ phía Nam triển núi để lên thẳng đỉnh núi. Đoàn có các văn võ trọng thần như hai vị thừa tướng Vương Oản và Ngỗi Trang, thượng khanh Lý Tư, Vương Mậu, Liệt hầu “Vũ thành hầu” Vương Ly, Thông vũ hầu Vương Bôn, Luân hầu Kiến thành hầu Triệu Hợi, Xương vũ hầu Triệu Thành, Vũ tín hầu Phùng Vu Trạch, Ngũ đại phu Triệu Anh, Dương Cầu. Lúc này, đài tế bằng đất cũng đã làm xong, mọi thứ đồ tế đã bày biện đầy đủ, gồm đèn hương, bài vị, đầu bò, đầu dê, ngũ cốc, tơ lụa, châu ngọc. Thừa tướng Vương Oản điều hành, nhà vua chủ tế.

Vì không có những tư liệu về chi tiết hành lễ, nên nhà vua dựa theo nghi thức hành lễ được áp dụng khi làm lễ tế trời ở cố cung Ung Thành nhà Tần. Sau khi tế xong, ngài cho tuyên đọc bài văn bia thứ hai do Lý Tư viết. Bài này chủ yếu nói về đại lễ “phong thiển” ở núi Thái Sơn; đồng thời cũng ca ngợi thành tựu huy hoàng của Tần Thủy Hoàng về các chính sách kinh tế văn hóa, đề cao Tần Thủy Hoàng là một nhà vua hết sức có đức độ, biết chăm lo việc triều chính, yêu dân, thay cũ đổi mới, ra sức làm cho nước mạnh dân giàu; và kêu gọi cả nước đại Tần vĩnh viễn ghi nhớ công lao của ngài, vĩnh viễn đi theo con đường của ngài, vĩnh viễn không bao giờ thay lòng đổi dạ, truyền lại mãi mãi vạn đại thiên thu. Rõ ràng là bài văn bia đã tô son trát phấn cho Tần Thủy Hoàng như thần thánh. Sau đây là bài văn:

Hoàng đế lên ngôi, đặt ra pháp luật, bề tôi tu chính. Năm thứ hai sáu, thống nhất chư hầu, nơi nơi thần phục. Nay ngài khởi hành, tuần du viễn phương, trên núi Thái Sơn, miền Đông đất nước. Bấy tôi theo giá, nghĩ lại cội nguồn, sự nghiệp của Ngài, công đức cao dày, đạo nghĩa rộng lớn; đầu đầu cũng hợp, có thể noi theo. Đại nghĩa sáng ngời, truyền cho hậu thế, đời đời không đổi. Hoàng đế anh minh, đã bình thiên hạ, lại biết trị nước, ngày đêm suy nghĩ, lo việc lâu dài, dạy bảo muôn dân, dựng nước hưng thịnh, xa gần phân minh, thánh ý rành rành. Sang hèn gắng sức, nam nữ giữ lễ, chăm lo chức phận. Nay bảo trong ngoài, giữ gìn trong sạch, cho tận hậu thế, đất trời biến đổi, cũng theo chiếu dụ, vĩnh viễn tuân theo, những lời răn dạy.

Tế lễ xong, nhà vua đứng trên đàn tế, nhìn lên bầu trời bao la một màu xanh biếc. Ánh mặt trời len lỏi xuyên qua tầng mây, chiếu rọi muôn màu tia nắng chói vàng, ánh lên trên nền áo long bào màu đen nháy của ngài, làm nổi bật hình con rồng vàng đang muốn bay bổng trên không trung. Cả đất trời này chỉ mình ngài duy nhất đang ở trong tư thế cưỡi rồng bay xa bay cao. Vinh dự biết bao! Sung sướng biết bao! Tất cả đều đang phủ phục dưới chân ngài. Dải đất mênh mông của đại Tấn đang trải rộng dưới chân ngài. Tất cả hầu như là những vật nhỏ xíu, cỏn con, chỉ mình ngài là đáng chí tôn. Do vậy, ngài cảm thấy chuyến hành hương núi Thái Sơn lần này có ý nghĩa hết sức trọng đại. Nó nhắc nhở ngài phải ra tay chuyên chế hơn nữa; phải nắm chặt trong tay mình toàn thiên hạ; mọi của cải trên trời này phải thuộc về cá nhân ngài; tất cả của ngon vật lạ, ngài phải được tự do hưởng thụ; mọi gái đẹp trong thiên hạ, đều là đồ chơi của riêng ngài; mọi sinh linh trên mặt đất này, ngài có thể mặc sức chà đạp, giày xéo.

Nghĩ đến đây, ngài bỗng hứng lên, ngài nghển cổ và dang rộng hai cánh tay, rồi hăng giọng thối sáo mồm rất kêu và dài. Nhưng tiếng sáo mồm của ngài sao mà gay gắt và chói tai đến thế! Nghe như trong ấy có tiếng thét khủng khiếp của bạo chúa, giống như tiếng gào của sói trong đêm khuya hoang vắng.

Lúc này các thị vệ đã thu dọn xong mọi thứ đồ tế, các quan đã tề tựu trên xe, và ngài cùng mọi người đi từ sườn phía Bắc để xuống núi. Khi vừa xuống được lưng chừng thì mây đen kéo ập tới sầm chớp âm âm, mưa bão giội nước xuống như thác đổ. Từng cơn gió mạnh thổi tung tất cả các mui xe, mưa xối xả làm ngập nước bên trong thùng xe, ngay cả con người kiên cường dũng mãnh như Tân Thủy Hoàng cũng không thể trụ vững được. May mà bên đường có một cây thông rất cao lớn xum xuê, đủ để che kín một vùng rất rộng, để có đến mấy mẫu đất. Nhà vua nghĩ rằng cây thông khổng lồ này có công bảo vệ thánh giá, cho nên ngài phong chức cho nó là “Ngũ đại phu”. Lúc ấy, các vị nho sinh bị nhà vua xua đuổi, cũng đến trú mưa ở đó. Họ thấy vua quan đều ướt như chuột lột, nhếch nhác đến là thảm hại, họ bèn “đắc chí tiểu nhân”, đua nhau cười khinh bỉ. Họ nói: “Chà đạp lên cây cỏ nơi đất thánh, hủy hoại đất đai của núi Thái Sơn, làm trái với chế độ cũ, phá hoại lễ nghi của nhà Chu, nên trời đất mới trừng phạt. Khổng Tử nói: Trời ghét nó! Trời chán nó! Đó là nói về chuyện vừa xảy ra ở đây”.

Sau khi mưa tạnh, đoàn xa giá lại tiếp tục lên xe đi về một ngọn núi nhỏ, có tên là Lương Phụ, ở huyện Bắc Dương dưới chân núi phía Bắc núi Thái Sơn. Tại đây, đoàn xa giá lại san đất làm đàn tế để cúng trời đất, gọi là “lễ thiên tế đất”. Đến đây, đại lễ “phong thiên” ở núi Thái Sơn mới được coi như kết thúc tốt đẹp Nhưng nhà vua bị mưa bão “khiến trách”, bị cảm nặng, nên phải nghỉ lại mấy ngày, sau khi uống mấy thang thuốc của ngự y, mồ hôi toát ra đầm đìa, bệnh dần dần khỏi, mới lên đường tiếp tục cuộc hành trình.

HỒI THỨ HAI MƯƠI BẢY

DỤNG ĐÀI LANG NHA, TỪ PHÚC LÒE PHÉP THUẬT LẶN SÔNG TỬ THỦY, HOÀNG ĐỀ MẶT CÔNG TOI

Tân Thủy Hoàng sinh ra ở nước Triệu, lớn lên ở nước Tần, năm mươi bảy niên hiệu Tần Thủy Hoàng, tức là năm ngài tròn ba mươi tuổi, bắt đầu đưa quân chinh phục sáu nước. Trong quá trình đó, ngài có đến kinh đô các nước này để tiếp nhận đầu hàng; đồng thời có đi xem xét các cung điện các nước này, cướp đoạt gái đẹp và châu báu ở các đô thành này, sau đó đưa về Hàm Dương. Tuy nhiên, nhìn chung, trong hơn mười năm ấy, chủ yếu vẫn là hoạt động trong nước là chính, chưa từng đặt chân đến miền biển, và ngài thường tỏ ra muốn đi du ngoạn vùng biển. Lần đi hành hương núi Thái Sơn này, ngài đặt chân đến đất nước Tề cũ, cũng đã gần cận kề với ven biển Đông rồi. Đến đây, ngài cảm thấy rất cao hứng, bèn ra lệnh cho đoàn xa giá đi về hướng Đông. Đoàn đi qua huyện Hoàng, huyện Thủy, đi ngang qua chân núi Thành Sơn, leo lên đỉnh núi Phù Sơn, dựng một tấm bia ở đó, ca ngợi công đức vương triều họ Tần.

Sau khi xuống núi, lại chuyển sang hướng Nam, đi men theo bờ biển Bột Hải, cuối cùng đến quận Lang Nha. Thái thú dẫn đầu quan chức địa phương và dân chúng ra nghênh đón nhà vua và đoàn xa giá, đưa đoàn về nghỉ tại quận đường và dịch quán. Tại bữa tiệc rất linh đình, thái thú giới thiệu với nhà vua cảnh đẹp của núi Lang Nha, nói rằng đây là ngọn núi nổi tiếng ở ven biển Đông và mời nhà vua lên núi du ngoạn, coi như ban ân trạch cho núi sông và cũng là tạo thành tích cho huyện quận. Nhà vua vui vẻ nhận lời.

Ngày hôm sau, đoàn xa giá đi về phía Đông Nam hơn mười dặm là đến núi Lang Nha. Nhà vua và mọi người lại hăng hái leo núi.

Núi Lang Nha cao khoảng năm dặm so với mặt nước biển, diện tích khoảng hơn hai mươi dặm vuông. Tuy không cao lắm nhưng chung quanh chỉ là những ngọn đồi thấp thoải thoải, một phía ngoảnh mặt ra biển; cho nên, trông có vẻ cao ngất ngưỡng. Nhà vua và các đại thần từ từ leo lên tận đỉnh núi, thấy những vách núi đá cheo leo, nhiều chỗ có cây cối um tùm, hoa đào đang nở rộ, từng bách xum xuê. Thỉnh thoảng lại có những đám mây lướt qua đám rừng cây tạo cảm giác mới lạ lâng lâng cho mọi người. Nhà vua vui vẻ nói với mọi người:

– Mấy chục năm rong ruổi chinh chiến rồi ngồi lì trong cấm cung, ngập mình trong công việc, rất ít khi nhàn rỗi. Hôm nay du ngoạn cảnh đẹp mới thấy nơi này thật sự là danh lam thắng cảnh, đặt chân tới đây con người mới thấy nhẹ nhõm thư thái, cái gì cũng rất mới lạ.

Thừa tướng Ngỗi Trọng vội lên tiếng đáp lại:

– Lúc căng thẳng lúc thoải mái, đó là chuyện thường tình của nghề văn nghệ võ. Bệ hạ nắm triều chính, điều hành quốc gia, tất phải tự mình lo liệu mọi việc; đêm ngày lo nghĩ, vất vả liên miên, kẻ bầy tôi rất kính phục. Nay đã “phong thiển” thế còn khôn^[168] đã định, nay ngự giá tuần du để thư thái tâm tình. Chúng thần được đi theo hầu hạ, được tắm gội trong đức độ khoan dung của thánh thượng, như cây cỏ hứng gió mát ngày xuân. Thật hạnh phúc muôn phần.

– Đây là nơi ven biển xa xôi, không bị binh đao quấy nhiễu, hẳn phải là nơi địa lợi nhân hòa, dân sinh trù phú, thật đáng để tuần du thưởng ngoạn! – “Ngũ đại phu” Triệu Anh và Dương Cầu vừa dạo bước vừa chuyện trò.

– Hai vị đại nhân chưa hiểu hết dấy thôi. Nơi này tuy sơn thủy hữu tình, cảnh trí tươi đẹp, đất đai phì nhiêu nhưng mùa màng thu hoạch lại ít ỏi, cho nên nhiều người làm nghề nông ở đây đã bỏ đi nơi khác. Họ đến Mặc Thành và Cử Thành để làm nghề công thương, chỉ còn rất ít người ở lại đây làm nghề nông. – Thái thú quận Lang Nha vội bước tới nói về tình hình nông nghiệp đang sa sút và nhân khẩu đang suy giảm ở đây cho hai vị đại nhân nghe.

Nhưng nhà vua lúc ấy đang ở gần đó cũng nghe thấy, ngài bèn hỏi:

– Tại sao đất đai ở đây tốt như vậy, cảnh vật đẹp như thế, rất dễ trồng trọt, sao người

ta vẫn bỏ đi?

Viên thái thú nói:

– Con người đi hay ở, có liên quan chặt chẽ với tình hình xã hội có an ninh hay không? Nước ta có câu: “Loạn nhỏ thì ở trong thành, loạn to thì về nông thôn”. Mười mấy năm qua, quân đại Tần ta chinh phục sáu nước, xã hội thì bị xáo động trong một thời gian lâu dài. Vì vậy rất nhiều người ở các đô thị lớn đưa nhau về thôn quê. Lang Nha là một xã vùng ven biển, nên rất nhiều người chạy về đây, làm cho sản xuất nông nghiệp ở đây rất phát đạt. Nay chiến tranh đã chấm dứt, xã hội đã ổn định; vì vậy người ta lại đưa nhau về đô thị, làm các ngành nghề khác. Do vậy, nhân khẩu Lang Nha bị giảm sút, nông nghiệp tiêu điều. Tài nguyên ở đây phong phú, nhưng nhân lực rất thiếu. Đó là hiện tượng không bình thường; cho nên cảnh tuy đẹp nhưng không có sức sống. Sự di chuyển tự do của nhân khẩu, nếu không có chính sách và luật pháp can thiệp và hạn chế, thì không ai làm gì được. Ngay hạ thần là thái thú quận cũng vậy.

Nhà vua nghe nói vậy cũng gật đầu khen viên thái thú rất hiểu biết và vấn đề do ông ta nêu lên, rất đáng quan tâm. Ngài bèn gọi thượng khanh Lý Tư và Vương Mậu đến, chỉ thị cho hai người:

– Trong thời gian chiến tranh trước đây, chúng ta tập trung vào việc công thành chiếm đất, giành chính quyền, bỏ qua mất khai thác tài nguyên và nhân lực để sử dụng hợp lý và có hiệu quả. Nay thiên hạ đã thống nhất. Việc đổi mới thể chế chính trị, pháp luật, văn hóa, giao thông, đã thu được nhiều thành quả tốt đẹp. Về kinh tế tài chính, do tịch thu tài sản sáu nước, lại di chuyển và tập trung mười mấy vạn hộ giàu về Hàm Dương, làm cho quốc khố cũng đầy ắp. Không ngờ các quận huyện cũng có hiện tượng tương tự, rất nhiều người ở nông thôn cũng di chuyển đến các đô thị, bỏ tiền của ra làm nghề công thương, thúc đẩy kinh tế đô thị phát triển, nhưng lại gây ra tình trạng giảm sút nhân khẩu ở nông thôn, làm suy yếu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Sự mất cân đối giữa thành thị và nông thôn đó, không có lợi cho việc xây dựng kinh tế và ổn định xã hội, cần nhanh chóng ban hành chính sách và luật pháp thích hợp và có biện pháp có hiệu lực để cải thiện tình hình này.

Hai vị thượng khanh nghe nhà vua nói vậy, bèn phát biểu quan niệm của mình. Một vị nói:

– Tâu bệ hạ, tình hình của quận Lang Nha đúng như nhận xét của bệ hạ, nhưng hạ thần cho rằng sở dĩ đô thị có sức hấp dẫn như vậy là do thu nhập ở đô thị cao hơn. Trong khi đó chính sách nông nghiệp của triều đình chỉ chú trọng việc thu thuế trên sản lượng, còn sở hữu ruộng đất vẫn thuộc quyền nhà nước, vì đều là ruộng đất do triều đình ban cho công thần và những người có tước vị. Những người này không có quyền sở hữu ruộng đất; vì vậy họ không thật gắn bó với ruộng đất và không an tâm với nghề nông. Đó là một nguyên nhân quan trọng gây nên hiện tượng di chuyển nhân khẩu. Trước tình hình đó, hạ thần đề nghị giải quyết vấn đề sở hữu ruộng đất để ổn định nhân khẩu nông nghiệp. Có như vậy sản xuất nông nghiệp mới phát triển.

Nhà vua suy nghĩ chốc lát rồi mới hiểu ra vấn đề. Ngài nói :

– Trước đây ta quá chú trọng việc căn cứ vào công lao để phong tước ban lộc, mà không quy định “thuộc quyền” (quyền sở hữu) ruộng đất, người được “cho đất” đó chết đi, ruộng đất lại thuộc về nhà nước. Lợi ích mà người được “cho đất” cũng không nhiều và không bền vững. Đây thật là một nhược điểm. Trong khi đó, nước ta luôn luôn coi nghề nông là cái gốc để dựng nước. Các khanh phải mau mau vạch chính sách, để cho các chủ đất có “thuộc quyền” ruộng đất thật sự, như vậy họ sẽ an cư lạc nghiệp. Còn tình hình thực tế của quận Lang Nha, số nhân khẩu đã bỏ đi, nay đương nhiên không thể gọi họ về được nữa. Vậy có thể đưa ba vạn hộ từ nơi khác về đây, cho họ có quyền sở hữu ruộng đất. Như vậy, chẳng bao lâu sẽ phục hồi được sản xuất ở đây.

Ngoài ra, để tỏ lòng quan tâm của nhà vua đối với dân chúng, ngoài việc thực hiện chính sách “dân có thực quyền ruộng đất”, ngài còn cho mỗi “lý” (một lý gồm một trăm hộ) trong toàn quốc sáu thạch gạo và hai con dê. Tuy mật ít ruồi nhiều, chỉ là muối bỏ biển, song cũng thể hiện sự quan tâm và trọng thị của Tần Thủy Hoàng đối với nông nghiệp – cái gốc để dựng nước.

Việc thực thi chính sách “dân có thực quyền ruộng đất” (sử kiểm thư tự thực điền) [169], đã chấm dứt chế độ nô lệ đã tồn tại hàng nghìn năm trước đó, và làm xuất hiện giai cấp địa chủ, có quyền sở hữu ruộng đất, đặt nền móng cho vương triều phong kiến nhà Tần. Đó cũng là một sự kiện trọng đại mà Tần Thủy Hoàng đã làm trong cuộc tuần du lên núi Thái Sơn.

Lại nói về việc leo núi Lang Nha. Khi lên tới đỉnh núi và đứng trên nền đài cao được xây đắp trên đỉnh núi, nhà vua nhìn ra biển cả mênh mông, những đợt sóng nhấp nhô chạy dài từ ngoài khơi rồi ập vào bờ. Bọt sóng trắng xóa tung tóe rồi bốc vút lên cao, giống như ngọn tháp thủy tinh sáng loáng. Nhưng trong nháy mắt lại sụp đổ tan biến như những mảnh vụn của hàng nghìn hàng vạn viên ngọc đang rào rào rơi xuống đất như sao sa. Tiếp ngay đó là đợt sóng mới ập đến và chôn vùi những gì còn lại của đợt sóng trước. Cứ thế, những tháp thủy tinh nổi lên rồi sụp xuống, trùng trùng điệp điệp, không bao giờ ngừng...

Nhà vua đang say sưa ngắm nhìn sự vận động liên tục, không ngừng của những đợt sóng vỗ bờ, thì ngay dưới chân ngài, sóng biển cũng đang ập đến, rồi lại tan biến rồi lần dần ra xa. Lúc này, nước thủy triều đang xuống, sóng biển không dồn dập ào ào như lúc thủy triều lên, mà cứ lần tăn lùi dần xa ngoài biển khơi. Lúc này tầm mắt và tâm trạng nhà vua cũng dần dần trải rộng theo làn sóng, ngày càng xa. Từ trong tâm khảm của mình, ngài cảm thấy lòng mình rộng mở, khoáng đạt, bao dung, như đang dang rộng cánh tay để ôm cả vũ trụ vào lòng mình. Nào là núi non, sông ngòi, thành ấp, ruộng đồng cung điện, phi tần [170], vàng bạc, châu báu... tất cả đều là của ngài. Ngài là chúa tể và là người sở hữu tất cả những thứ đó. Không những là hiện tại, mà cả trong tương lai, là chúa tể vĩnh hằng.

Lúc này, ngài nghĩ đến lai lịch của cái đài cao trên đỉnh Lang Nha và người tạo dựng nên nó, đó là vua Câu Tiễn nước Việt. Cách đây 250 năm; sau khi tiêu diệt nước Ngô, vua Câu Tiễn nước Việt, một người có chí lớn và hoài bão hùng cường đã đến ngọn núi Lang Nha này và xây một đài cao trên đỉnh núi, cũng gọi là đài Lang Nha (Núi Lang Nha thuộc địa phận huyện Giao Nam, phía Đông tỉnh Sơn Đông, nhìn ra biển Hoàng Hải. Năm 219 trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng đến đây – ND). Việt vương Câu Tiễn đã lấy tư cách là nước bá chủ để lập đàn tế trời trên đài Lang Nha này. Hôm làm lễ, Câu Tiễn đứng làm chủ tế có vua quan chư hầu tham dự, cùng giết bò, lấy máu bò bôi lên chuông rồi đánh chuông để tế trời và cúng tiên tổ; còn chích máu ăn thề, thiết lập đồng minh, cùng phò tá nhà Chu. Do vậy, đài Lang Nha trở thành cột mốc lịch sử ca ngợi công đức của Việt vương Câu Tiễn. Nhưng đó chẳng qua chỉ là di tích lịch sử đã mấy trăm năm rồi. Nay ngài đã ngự trị trên lãnh thổ mênh mông của nước đại Tần, trong đó, nếu như nước Việt vẫn còn, thì cũng chỉ là một khoảnh đất cỏ con, Việt vương Câu Tiễn sao có thể sánh kịp, ngay cả Tam Hoàng Ngũ Đế cũng còn thua kém rất xa. Vì vậy, hôm nay tới đây, ngài phải để lại cái gì ở đây để lưu truyền hậu thế. Ngài bèn cho gọi các đại thần đến bàn bạc, mọi người nhất trí ủng hộ chủ trương đó và giao cho Lý Tư chấp bút.

Nội dung của tấm bia này là tổng hợp hai bài văn bia trước và có bổ sung. Có một chi tiết khác là ở dưới bài văn bia chính còn có danh sách họ tên các đại thần văn võ từng theo xa giá lên núi Lang Nha và tham gia cuộc họp do nhà vua triệu tập để bàn về việc viết văn bia, cũng như các ý kiến của họ và quyết nghị của cuộc họp này. Cho nên, đây không phải là một bài văn bia thông thường, mà là một bản “biên bản hội nghị” được ghi chép đầy đủ, rõ ràng, sinh động, rất có giá trị văn học và có ý nghĩa lịch sử. Sau đây xin trích một phần (lược bỏ nội dung chính):

...Từ khi vua Tần giành được thiên hạ, đặt danh hiệu là hoàng đế đi thăm hỏi đất đai phía Đông và đến Lang Nha. Đi theo ngài và dự họp trên bờ biển này có Liệt hầu Vũ thành hầu Vương Ly, Liệt hầu Thông vũ hầu Vương Bôn, Luân hầu Kiên thành hầu Triệu Hối, Luân hầu Xương vũ hầu Triệu Thành, Luân hầu Vũ tín hầu Phùng Vu Trạch, thừa tướng Ngỗi Lâm (Trạng), thừa tướng Vương Oản, Khánh Lý Tư, khanh Vương Mậu, Ngũ đại phu Triệu Anh, Ngũ đại phu Dương Cầu. Cuộc họp viết: “Những người làm “đế” thời xưa, đất không đầy nghìn dặm, các nước chư hầu mỗi người giữ thành của mình, có nước triều công (đế) có nước không, nhưng xâm phạm lẫn nhau, luôn gây bạo loạn, chém giết không ngừng. Nay khắc vào đá để ghi nhớ Ngài. Xưa có Ngũ Đế, Tam Hoàng, mỗi vị hiểu biết một

cách, phép tắc không rõ ràng, thường mượn cái uy của quỷ thần để ức hiếp những miền xa, thật không xứng danh, nên không được lâu bền, cuối cùng bị chết, chư hầu bội phản, pháp lệnh bất thành. Nay hoàng đế thống nhất bốn biển, đặt ra quận huyện, thiên hạ hòa bình, rạng danh tông miếu, thực hành đạo đức, tôn hiệu đại thành. Quần thần ca tụng công đức hoàng đế, khắc vào đá vàng, lưu lại hậu thế.

Đoạn văn nói trên đây cho thấy, Tần Thủy Hoàng thường tự huênh hoang cho rằng công đức của mình hơn hẳn Tam Hoàng Ngũ Đế, nên cho rằng tất cả các mốc son lịch sử huy hoàng trước đây, đều không thể hơn mình, không thể vượt lên trên công đức của mình. Ngay cả cái đài Lang Nha cổ đại này, làm sao có thể tương xứng với tấm bia đá ghi công đức của ngài để tồn tại trên đỉnh núi nổi danh này. Vì vậy, ngài làm một việc lớn thứ hai, đó là hoàn toàn phá bỏ đài Lang Nha do vua Câu Tiễn nước Việt xưa đã xây đắp, để làm một đài Lang Nha khác, hoàn toàn mới, cũng chính ngay trên vị trí cũ. Để cho đài mới tương xứng với tấm bia mới, và lưu lại muôn đời. Ngài yêu cầu phá sạch và dọn sạch nơi đài cũ, xây đài mới thật đẹp, hùng vĩ. Từ nền đến mái, lan can, đỉnh vòm đều phải có hình dáng oai phong. Phần chính của đài được xây bằng đá, mỗi viên dài tám thước, rộng bốn thước, dày một thước rưỡi. Đài có ba tầng (ba cấp) mỗi tầng cao ba trượng (tam cấp). Tầng trên cũng bằng phẳng, rộng rãi. Trên mặt bằng này xây một cái đình, có lan can bao quanh, để tựa vào lan can ngắm nhìn bốn phía.

Thừa tướng Vương Oản, đình úy Lý Tư ngồi tính toán công việc, thấy công trình rất lớn, không thể làm xong trong thời gian ngắn, bèn xin ý kiến nhà vua xem có nên cứ tiếp tục cuộc tuần du, đợi khi nào đài được làm xong mới quay lại tổ chức lễ “lên đài”, “dựng bia” hay không. Ai ngờ, lần đầu tiên nhà vua lại rất thoải mái về thời gian, ngài lưu lại ở ngay Lang Nha. Hàng ngày, nhà vua còn lên đỉnh núi để ngắm cảnh mặt trời mọc ở biển Đông và những bọt sóng vàng óng ánh dưới nắng chiều, hoặc chơi cờ, tổ chức yến tiệc, nghe nhạc, có vẻ như thoải mái và vui thích hơn ở Hàm Dương.

Một buổi chiều nọ, trời rất oi bức, nhà vua ngủ trưa xong thức dậy, ngài cùng Triệu Cao đến xem tình hình thi công đài Lang Nha. Ngài bước chậm rãi đến phía Đông nền đài, đưa mắt nhìn ra phía chân trời xa xa trên mặt biển mênh mông. Lúc ấy vào khoảng giờ Thân (khoảng 3 – 5 giờ chiều), nắng hè vẫn gay gắt, chiếu rọi trên từng đợt sóng lăn tăn ánh bạc, đập vào mắt như ngàn vạn ánh sao lấp lánh đang chờn vờn lướt nhanh trên mặt nước biển xanh biếc. Để tránh ánh nắng chói chang, nhà vua nhíu cả hai mắt, nghiêng cao đầu để nhìn ra xa hơn, xa hơn, ra tận chân trời. Nước biển bốc hơi dưới ánh nắng ngày hè, từng đám hơi nước tụ thành từng làn mây nhẹ nhàng trôi lơ lửng trên không, tạo cảm giác bay bổng lâng lâng cho con người, xua tan không khí oi nồng. Nhà vua hít thở một hơi dài, khoan khoái, rồi bỗng ngài xoa tóc tung bay trước làn gió biển mát dịu. Khi ngài gạt những chùm tóc đang xoa trước mắt, che mất tầm nhìn, bỗng ngài nhìn thấy ở phía chân trời hình như đang có một đội binh mã đang giao chiến ác liệt. Ô kìa! Mà rõ ràng là quân đội kieu dũng nhà đại Tần đây mà. Cũng mũ sắt đen, áo giáp đen, cờ hiệu màu đen, ngựa sắt giáo vàng. Họ đang quyết tử xung phong. Còn quân đối phương thì ăn mặc hỗn tạp, nhìn không rõ là của nước chư hầu nào. Họ không thể chống cự nổi quân Tần nên đang thua và lùi dần, lùi dần. Nhìn đến đây, ngài bất giác thét lớn: “Giết! Giết! Giết! Đi theo trẫm truy đuổi đến cùng bọn giặc kia, nêu cao uy vũ của ta!”. Đội quân mờ ảo ở xa tít chân trời hình như có nghe lời nhà vua ra lệnh, nên họ ồ ạt xông lên, đuổi theo sát quân thù.

Nhà vua đang hưng phấn vì quân mình toàn thắng thì mắt ngài lại nhìn thấy một cảnh trí tuyệt vời khác. Đó là thành quách trùng điệp, cung điện nguy nga, trụ đá hoa khổng lồ, tất cả đều rực rỡ huy hoàng, long lanh tráng lệ, hùng vĩ hào hoa, thật là kỳ quan hiếm thấy, không đâu sánh bằng, xứng đáng với vị hoàng đế cực kỳ tôn vinh. Ngài đang tập trung theo dõi những hình ảnh kỳ vĩ đang diễn ra trước mắt mình, bỗng một đàn chim hải âu bay qua, che mất tầm nhìn của ngài. Ngài bèn né người sang một bên để tiếp tục ngắm nhìn cảnh tượng mà mình đang say sưa, nhưng trong nháy mắt, tất cả đều tan biến trong mây trời. Trước mắt ngài lại xuất hiện những hòn đảo với cỏ cây hoa lá xum xuê, rợp bóng thông tre; những lá cờ phất phơ trước gió xen giữa những ngôi nhà tường đỏ ngói xanh, đàn hạc tung cánh, suối chảy róc rách. Thật là tiên cảnh, làm cho ngài tỉnh táo hoàn toàn. Ngài cố đưa mắt nhìn cho rõ những hình ảnh tuyệt vời đang ẩn hiện trong không trung, nhưng bỗng một đám mây lơ lửng bay qua che khuất ánh mặt trời và tất cả đều biến mất.

Nhà vua đứng ở đó, ngài sững người ra một lúc, cho đến khi trời đã xế chiều, ngài mới vội quay người lại gọi Triệu Cao. Vị hoạn quan này vẫn luôn luôn im lặng bám sát sau lưng ngài, nhưng vì những giây phút vừa qua, ngài chăm chú ngắm nhìn những hình ảnh do trí tưởng tượng quá mãnh liệt của ngài tạo ra, cho nên ngài quên khuấy mất con người hầu hạ gần gũi nhất của mình. Nhà vua vui vẻ mỉm cười gật đầu khi nhìn thấy Triệu Cao, sau đó đi về phòng mình ở nha môn quận đường Lang Nha. Tối hôm đó, khi ăn tối xong, ngài liền gọi thái thú quận lên gặp. Ngài nói về những ảo ảnh mà ngài nhìn thấy trên bầu trời mặt biển, và hỏi tại sao. Thái thú trả lời rằng trên không trung mặt biển Lang Nha, năm nào cũng có cảnh quan như thế xuất hiện mấy lần. Nghe nói đó là do con sò biển thổi gió biển thành những hình ảnh đó, gọi là “hải thị lâu”. Tức là ảnh giả, ảnh ảo, do ánh nắng soi vào mặt nước biển rồi dội lên không trung, tạo nên muôn hình vạn trạng rực rỡ, giống như nhà cửa cung điện. Những hình ảnh đó dự báo điềm lành hay điềm gở thì ông ta không biết được. Nhưng ở quận này có một thầy cúng tên là Từ Phúc rất giỏi pháp thuật, có lẽ giải đáp được vấn đề nan giải này. Nhà vua nghe vậy cả mừng, ra lệnh cho thái thú gọi ngay Từ Phúc đến gặp. Viên thái thú này vốn rất thông minh lanh lợi, biết rằng nếu làm cho nhà vua vui vẻ, mọi việc đều như ý muốn, thì vận may sẽ đến với ông ta, thăng quan tiến chức là cái chắc. Vì vậy, khi gặp Từ Phúc, thái thú nói hết cho Từ Phúc biết tất cả những gì mà nhà vua nói với ông ta; lại còn nói nhà vua rất ưa thích nịnh hót, đến đâu cũng dựng bia đề cao công đức của mình; và lại hay tin quỷ thần, ham muốn trường sinh...

Từ Phúc nắm được những điều bí ẩn ấy bèn chuẩn bị sẵn mọi chuyện trong đầu. Khi đến gặp nhà vua, ông ta tỏ vẻ rất cao đạo nghiêm trang, đi đứng đàng hoàng, thoải mái tự nhiên. Sau khi bảo khách ngồi xuống, nhà vua nói về cảnh tượng nhìn thấy và hỏi Từ Phúc. Từ Phúc suy nghĩ một lát rồi tỏ vẻ rất kinh ngạc, ông ta bấm tấu với nhà vua:

– Đó là do thượng giới chiếu ánh sáng thần linh xuống tận đáy biển, làm kinh hãi những con sò thần. Những sò thần liền luyện khí cầu tiên và hà hơi lên tận thiên đình. Lúc ấy, những người có duyên phận với tiên giới, đều có thể nhìn thấy những hình ảnh kỳ lạ do sò lần tạo ra. Đó gọi là “hải thị thần lâu” vậy.

– Đạo trưởng nói chí phải – Nhà vua vội tiếp lời và nói tiếp – Mắt trẫm nhìn thấy không chỉ là hình ảnh lạ kỳ mà còn thấy hình như đội quân của trẫm và cung đình ở Hàm Dương cũng xuất hiện ở đây mới lạ chứ? Điều này thì trẫm không thể hiểu nổi.

Từ Phúc nắm chặt tay tỏ vẻ cung kính với nhà vua rồi nói:

– Một khi đã có duyên phận với tiên giới, thì có nông có sâu. Người nào chỉ có quan hệ nông cạn, hời hợt, thì chỉ nhìn thấy những cảnh vật bình thường như núi sông cây cỏ, lầu đài đình các, để họ biết rằng giữa dân gian và trên trời cao vẫn có những chỗ rất giống nhau, vì vậy phải an phận thủ thường, tu tâm hướng thiện, chớ ham tranh giành, nếu không thì sống cũng như chết rồi vậy.

– Như đạo trưởng nói thì duyên phận của trẫm cũng giống như vậy chăng? – Nhà vua tò mò muốn hỏi cho rõ hơn về bản thân mình.

– Bệ hạ thật thông minh nhạy cảm, bản đạo chỉ mới nói sơ qua thế mà đã lĩnh hội sâu sắc đến thế. – Từ Phúc bắt đầu múa môi múa mép, nịnh bợ tâng bốc – Những ai có duyên phận sâu sắc với tiên giới, thì có thể nhìn thấu những đám mây trên bầu trời mặt biển, thấy những hình ảnh như thật, nào là cầm quân thắng địch, giáo vàng ngựa sắt, uy vũ kiêu hùng, chinh phục sáu nước, thống nhất sơn hà.

Nhà vua gật đầu liên tục, miệng nói:

– Nói có lý! Nói có lý!

Từ Phúc tiếp tục nói, vừa nói vừa dẫn chứng:

– Bệ hạ vừa đặt tên hiệu là hoàng đế, dựng tượng đồng để bảo vệ xã tắc. Vậy thì nghìn vạn thành quách, chín tòa cung điện đều quy thuộc sở hữu của bệ hạ, phú quý vinh quang, tột cao vô thượng. Đó là cảnh tượng thứ hai trên bầu trời phản chiếu sự cường thịnh hiện hữu của bệ hạ.

– Vậy thì các vị tiên nơi thượng giới làm sao biết được trẫm đang ngắm nhìn biển cả để

phản chiếu cảnh tượng ấy? – Nhà vua vẫn chưa rõ.

– Bệ hạ là con trời, ánh hào quang của vận may và điều lành của bệ hạ chiếu thẳng lên trời xanh nên các “tiên nhân” đón nhận được, và tiếp đó là sự gặp nhau giữa hơi thở của sò thân và linh cảm của bệ hạ, những hòn đảo thân tiên hiện ra, và những tưởng tượng siêu phàm đã dẫn dắt bệ hạ đi đến tiên cảnh của trường sinh bất lão.

Nhà vua nghĩ lại trước đây ngài dốc sức chinh chiến, điều võ dương oai rồi thỏa sức hưởng thụ, đề cao công đức; nhưng cũng trải qua những năm tháng hết sức căng thẳng và mệt mỏi để liên tục đối phó với thù trong giặc ngoài. Nay tuổi đã ngoại tứ tuần, cái tuổi hay suy ngẫm về nỗi đắng cay của cuộc đời, ngài càng cảm thấy mình phải trả cái giá quá ư to lớn để bảo vệ cơ nghiệp vĩ đại của tổ tiên và thống nhất thiên hạ. Vì vậy ngài hoàn toàn có quyền chiếm hữu cho riêng mình tất cả những gì hiện có trên thế gian này như đất nước, cung đình, mỹ nữ, châu báu, ngọc ngà; và phải được tận tình hưởng thụ. Ngài mong rằng tìm được một phương pháp nào đó để kéo dài tuổi thọ đến mức có thể trường sinh bất lão. Hôm nay mắt ngài nhìn thấy các hình ảnh trên mặt biển thực ra là những ảo ảnh lộn xộn phức tạp do ánh sáng bị nước biển phản chiếu tạo nên. Nhưng vì tâm tưởng của ngài rất mâu thuẫn và phức tạp, nên “tượng do tâm sinh” (hình ảnh do tâm tưởng tạo ra), và ngài lại mô tả những hình ảnh đó như là những sự vật có liên quan chặt chẽ với những trải nghiệm thực tế của ngài. Bây giờ, những chuyện đó lại được Từ Phúc phóng đại, tô vẽ và lôi cuốn, càng làm cho ngài thêm khát được trường sinh bất lão. Vì vậy, ngài vội nói với Từ Phúc tìm kiếm một phép kỳ diệu nào đó giúp ngài kéo dài vĩnh viễn cuộc sống. ao Từ Phúc thấy nhà vua khẩn thiết yêu cầu, bèn thuật lại một cuộc đi chơi kỳ lạ như sau.

Mấy năm trước, ông ta đi thuyền đến hái thuốc ở một hòn đảo ở gần đó, nhưng bị một cơn bão thổi mạnh và trôi phiêu bạt đến một đảo tiên. Phong cảnh trên đảo rất đẹp, bốn mùa đều tươi tốt như ngày xuân. Ở đó, các em bé tóc còn để chỏm hay người già tóc đã bạc phơ, các thiếu nữ ngây thơ hay bà già lóm khóm, tất cả đều căng đầy nhựa sống, sôi nổi nhiệt tình, đạo mạo thân tiên, siêu phàm thoát tục, khiến ông ta khâm phục vô cùng, chỉ muốn ở lại đó không về nữa. Nhưng những người ở đó lại nói rằng ông ta vẫn chưa trút hết duyên nợ với cõi tục nên không thể ở lại nơi ấy được, chờ khi nào thời cơ chín muồi sẽ báo mộng cho ông ta đến đó. Lúc chia tay họ cho ông ta một viên thuốc, ông ta uống vào thấy trẻ ra rất nhiều. Các “tiên nhân” trên đảo còn dặn dò rằng nếu thấy ai có duyên phận và muốn tìm thuốc trường sinh bất lão, thì có thể nhờ ông ta đến đó mà xin.

Những điều huênh hoang khoáng lạc, ba hoa chích chòe của Từ Phúc lại làm cho nhà vua rất tâm đắc. Ngài vội nhóm người dậy, chấp hai tay nài xin Từ Phúc đi ra biển khơi giúp ngài làm công việc trọng đại nhất trong đời này. Từ Phúc nói, hiện nay những người trên đảo tiên chưa báo mộng cho ông ta. Nếu đi ngay thì không biết có tìm được họ hay không, bởi vì ở biển Đông có ba hòn đảo tiên, có tên là đảo Bồng Lai, Phương Trượng, và Doanh Châu. Lần trước ông ta chỉ mới trôi dạt đến một đảo nhỏ được coi là cổng vào các đảo tiên. Hơn nữa lại là do gió thổi dạt đến, không thể nhớ rõ phương hướng. Lần này đi phải tìm kiếm khắp nơi trên biển cả mệnh mông may ra mới tìm được các đảo tiên ấy. Vì vậy không thể ngày một ngày hai mà xong. Khó nhất là phải có ba nghìn thiếu nữ và ba nghìn thiếu nam, ngồi trên một trăm chiếc thuyền lớn có lầu che, phải thành tâm chay giới, đốt hương khấn cầu, mặt hướng tiên đảo, mang theo chiếu thư của nhà vua, như vậy mới mong các “tiên nhân” nhậ giúp đỡ và ban thuốc tiên trường sinh bất lão. Bản thân Tần Thủy Hoàng vốn rất ưa những lời nịnh hót đại ngôn, lại thích làm gì cũng rầm rầm rộ rộ, huy động thật đông người để ra oai uy vũ. Bây giờ nghe Từ Phúc nói phải thành lập một đoàn thuyền lớn, lại lấy danh nghĩa hoàng đế đại Tần, thì ngài ưng ý lắm. Vì vậy, ngài chấp nhận mọi yêu cầu của Từ Phúc và giao cho Lý Tư và Ngỗi Trạng cùng với thái thú quận Lang Nha nhanh chóng giải quyết các công việc do Từ Phúc yêu cầu.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị khẩn trương, việc đóng thuyền và tuyển mộ thiếu nam, thiếu nữ đã hoàn tất, và đoàn thuyền đã khởi hành mười ngày trước khi đài Lang Nha khánh thành. Nhà vua và các đại thần ra tận bờ biển để tiễn chân, trao chiếu thư và ban phát vàng bạc châu báu cho Từ Phúc, cùng các phương sĩ đi theo phụ tá và thiếu nữ, thiếu nam, để khuyến khích họ yên tâm hăng hái lên đường. Trống trên thuyền nổi lên, tiếng tù và dồn dập, khói hương nghi ngút, cờ bay rợp trời, gió triều lướt nhẹ, đoàn thuyền xa dần, xa dần, rồi mất hút trong biển trời bao la.

Mấy ngày sau, nhà vua vui vẻ chủ trì lễ đặt bia và khánh thành đài Lang Nha. Sau đó nghỉ ngơi vài ngày rồi khởi hành trở về Hàm Dương. Vì xa Hàm Dương lâu ngày, nhà vua muốn đi con đường nào thật ngắn để về kinh đô, nên đi qua nước Sở cũ rồi theo hướng Tây, rồi vào đất Tần. Sở dĩ Tần Thủy Hoàng muốn đi con đường này là muốn thực hiện một ý đồ ấp ủ từ lâu. Đó là, khi ngài lên ngôi năm mười ba tuổi, đã tham gia lễ tế trời và cúng tiên tổ ở thái miếu. Sau đó “trọng phụ” Lã Bất Vi đưa ngài đi theo đúc vua Tần Chiêu Vương đánh diệt Tây Chu và chôn chín cái đỉnh đồng ở kinh đô Tây Chu là Vương Thành (nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam) về Hàm Dương (nay thuộc địa điểm cách thành phố Hàm Dương 20 km về phía Đông Bắc, tỉnh Thiểm Tây) Đó là chín chiếc đỉnh tượng trưng cho quyền lực quốc gia của họ. Nhưng Doanh Chính đếm đi đếm lại chỉ có tám chiếc, bèn hỏi Lã Bất Vi sao thiếu một chiếc. Lã Bất Vi đã giải thích rất dài dòng. Câu chuyện như sau:

Năm năm mươi một niên hiệu Chiêu Vương, vua Tần Chiêu Vương sai tướng quân Doanh Cầu và Trương Đường đưa quân đánh Tây Chu. Vua Tây Chu đầu hàng, dâng cho nhà Tần ba mươi sáu thành trì và ba vạn nhân khẩu. Năm sau, Chiêu Vương lại sai Doanh Cầu và Trương Đường đưa quân đến kinh đô Vương Thành của Tây Chu, và lấy chín chiếc đỉnh đưa về Tần. Nhưng khi chở về mới thấy chỉ có tám chiếc, còn một chiếc không biết ở đâu. Tần Chiêu Vương hỏi Doanh Cầu và Trương Đường, hai người này đều nói là sau khi phá hủy tông miếu nhà Chu, và trước khi chở chín chiếc đỉnh ấy về, thì thấy tám chiếc còn nguyên vẹn, chỉ có một chiếc bị ướt đầm đìa, chiếc đỉnh này tượng trưng cho Duyên Châu là nơi đặt kinh đô Tây Chu. Hỏi các quan lại Tây Chu đã đầu hàng, họ nói rằng đó là nước mắt của các tiên vương thương tiếc những chiếc đỉnh đã bị lấy đi. Lúc đó thì mọi người cho rằng đó là chỉ là nói cho vui miệng nên chẳng ai để ý. Nào ngờ đêm hôm ấy trời nổi mưa gió, sấm chớp ầm ầm, mãi đến sáng hôm sau trời mới tạnh. Khi đưa người ra khuôn đỉnh thì chỉ thấy có tám chiếc, chiếc Duyên Châu không cánh mà bay. Đi lục soát xung quanh cũng chẳng thấy dấu vết gì khả nghi. Bèn bắt mấy viên quan Tây Chu đã đầu hàng, tra hỏi chiếc đỉnh biến mất đi đâu, nhưng họ đều nói không hề hay biết, chỉ trả lời rằng có thể mời thầy bói. Thầy bói đưa ra một mảnh tre trong đó khắc chữ nói nguyên nhân và địa điểm của chiếc đỉnh bị mất. Các tướng của Tần không dám tin nhưng rồi buộc phải tin và đành chở tám chiếc đỉnh về vậy, và mang theo tấm tre bùa chú của thầy bói đưa về cho nhà vua xem để đoán định. Vua Chiêu Vương cầm lấy tấm bùa chú, tấm bùa được viết như sau:

Doanh Tần diệt Chu, khó quên thâm thù.
Hủy đền cướp đỉnh. Đau lòng lệ rơi!
Vũ vương [171] hiện về, đưa đỉnh đi xa,
Đỉnh thần yên nghỉ, Tứ Thủy Bành Thành!

Vua Chiêu Vương xem xong, ngài rất nghi ngờ. Bởi vì vong linh vua Vũ Vương sao có thể mang chiếc đỉnh to lớn như thế đi đâu được? Và tại sao lại vút xuống sông Tứ Thủy [172] ở Bành Thành, Từ Châu xa xôi như vậy chứ? Còn tướng Doanh Cầu và Trương Đường là công thần đã có công diệt nhà Chu, là trụ cột của đất nước, hết mực trung thành, trung thực thẳng thắn, không đời nào lại có chuyện phản Tần theo Chu. Và lại giấu một chiếc đỉnh thì có ăn nhằm gì. Vì vậy vua Chiêu Vương chỉ khiến trách hai người này không làm tròn chức trách, chứ không trừng phạt. Việc mất đỉnh trở thành một vụ án cứ treo mãi trong lịch sử.

Doanh Chính nghe Lã thừa tướng nói vậy, bèn quyết tâm sau này sẽ tìm được chiếc đỉnh bị mất đó, để thực hiện hoài bão nhất thống chín châu, chín đỉnh vẹn toàn. Nay “chín châu” [173] đã được thống nhất, nhưng chín đỉnh không vẹn toàn; cho nên nhân chuyến trở về này, Tần Thủy Hoàng muốn đi qua Bành Thành, để tìm cho được chiếc đỉnh dưới sông Tứ Thủy, mang về Hàm Dương.

Sau khi đến Bành Thành (nay là thành phố Từ Châu, tỉnh Giang Tô), Tần Thủy Hoàng trai giới [174], tắm gội, thắp hương cầu khẩn, viết văn cúng tế thần sông Tứ Thủy, cầu mong ngài phù hộ, để tìm ra chiếc đỉnh đâu đó trong lòng sông. Huyện lệnh huyện Bành Thành thực hiện ý chỉ của nhà vua, tuyển mộ một nghìn thủy thủ rất giỏi bơi lội, để xuống sông lặn tìm chiếc đỉnh thứ chín. Một nghìn tay lặn này chia thành từng nhóm

mười người một, lần lượt nhảy xuống sông, và lặn xuống tận đáy; mỗi nhóm một khúc sông. Trong khi đó, nhà vua và các đại thần ngồi trên đài cao quan sát, bốn phía đài có đội dũng sĩ bảo vệ. Hai bên bờ sông có hàng vạn dân chúng theo dõi việc thợ lặn tìm đỉnh. Mỗi khi có một người ngoi lên mặt nước, thì lập tức có tiếng hoan hô vang lên từ đài cao và trong đám dân chúng, nhưng rồi lại chẳng thấy gì, và tiếp theo là những tiếng thở dài. Cứ thế, hoan hô rồi lại thở dài, thở dài rồi lại hoan hô, biết bao hy vọng chờ mong cứ tan biến dần theo những vát vả mệt nhọc của thợ lặn. Dân chúng hai bên bờ sông chán nản bỏ về dần. Đội quân dũng sĩ cận vệ cũng mệt mỏi chán chường. Các đại thần và thị vệ thì vẫn tỏ ra chăm lo công việc của mình, nhưng trong thâm tâm thì rất miễn cưỡng, họ phụ họa theo lời nhà vua. Họ chờ cho đến người cuối cùng của nhóm thợ lặn cuối cùng ló đầu lên mặt nước, anh ta giơ hai tay lên cao và cúi lạy tạ tội với nhà vua. Những người thợ lặn đã làm việc từ sáng đến tối. Và nhà vua cũng đã trực tiếp quan sát công việc của họ, ngài thấy mọi người đều rất cố gắng, nếu có đỉnh dưới đáy sông chắc không ai chịu ngoi lên tay không, vì ai tìm được đỉnh sẽ được thưởng lớn. Rõ ràng là không còn hy vọng. Nhưng nếu phải chịu bó tay ra về thì vẫn rất khó chịu. May là Tả thừa tướng Ngõi Trọng đề nghị: Thanh tre bùa chú nói về địa điểm của đỉnh là do một thầy bói viết ra. Vậy thì mời một thầy bói khác bói lại xem sao. Nhà vua suy nghĩ chốc lát rồi thấy không còn cách nào khác, đành phải đồng ý, và ngài bảo huyện lệnh Bành Thành mời một thầy bói khác.

Vị thầy bói đến và thấy nhà vua mặt buồn rười rượi, chắc là đang sốt ruột muốn tìm được đỉnh đây. Biết vậy, thầy bói này liền phủ phục xuống đất tâu rằng:

- Bần đạo vinh hạnh nhận được lệnh của thánh thượng hỏi về đại sự “chín đỉnh”, nhưng bần đạo phận mỏng sức hèn, phép thuật yếu kém, khó có thể lên tới thiên đình. Cho nên xin làm đại lễ cầu hồn, mượn cái uy của bệ hạ, và linh thiêng của thánh thần mới có thể gọi được hồn thiêng của Chu Vũ Vương hiện về, chỉ rõ nơi yên nghỉ của đỉnh đồng. Nếu không, một người trần mắt thịt như bần đạo không thể làm nên cơm cháo gì được.

Nhà vua thấy ông thầy bói này cũng khá là khiêm tốn, lại cực lực ca ngợi ngài hết lời, đương nhiên là ngài rất vui, bèn thưởng cho ông ta hai mươi dật vàng. Đồng thời ngài ra lệnh lập đàn tế ngay tại đài cao, nơi ngài đang đứng, để theo dõi việc mò tìm đỉnh; đốt nén hương cháy nghi ngút, nổi trống thùng thùng và hiến “tam sinh” (bò dê lợn). Ông thầy bói để tóc xõa, tay trái bấm các đầu ngón tay để đọc thần chú, tay phải cầm kiếm, vừa đi vừa nhảy múa, miệng bôi đầy máu tươi của “tam sinh”, hoác môm, lè lưỡi, lảm bảm những câu thần chú mà may ra chỉ có ma quỷ mới hiểu nổi. Sau khi nhà vua ba lần nâng cốc lên trời chúc rượu và đốt bài vái tế do Lý Tư viết để cầu xin Chu Vũ Vương hiện hồn. Khi bài văn tế đang cháy xèo xèo, tro và khói đang bốc lên cao thì thầy bói cất tiếng nói:

- Văn tế đã thăng thiên, Vũ Vương sắp giáng thế, bệ hạ chuẩn bị hỏi hồn ngài về chiếc đỉnh thất lạc nhất định sẽ được trả lời chính xác.

Nói xong, bỗng ông ta ngã nhào xuống đất, toàn thân run lên lẩy bẩy, hơi thở hỗn hển, rồi nói:

- Ta là Chu Vũ Vương Cơ Phát đây! Kể nào ở hạ giới này lập đàn tế trời để mời quả nhân về đây có việc gì thế?

Các đại thần có mặt nghe nói Vũ Vương đã hiện hồn về, bèn vội đỡ thầy bói dậy dìu đến ghế ngồi ở chính giữa. Lúc này thầy bói không run rẩy nữa, chỉ nhắm nghiền mắt lại và chờ có ai hỏi gì không.

Nhà vua tuy tự coi là đấng tối cao và mực hạ vô nhân, không coi ai ra gì, nhưng lại rất tin quỷ thần, nhất là khi ngài đang lo lắng điều gì đó, ngài càng rất mềm lòng. Chẳng hạn khi tránh mưa dưới cây thông ở núi Thái Sơn, ngài sợ quá nên hoang đường đến mức phong cây thông làm quan “ngũ đại phu” vì “có công cứu giá”, bộc lộ tâm trạng “ngoài mạnh trong yếu”. Lần này không tìm được đỉnh, tâm lý thất bại lo lắng đang day dứt ngài. Nay thấy thầy bói đang tỏ ra rất giống thần linh hiện về nên cũng tin phần nào, nên ngài vội chấp hai tay hỏi Vũ Vương:

- Xin hỏi Vũ Vương bệ hạ, ba mươi năm trước, cụ nội của ta là Chiêu Vương sai người đến Vương Thành lấy chín chiếc đỉnh, nhưng đỉnh Duyên Châu không cánh mà bay, không hiểu ngài có biết việc này hay không?

Nhà vua vừa nói xong, Vũ Vương bèn đáp:

– Có việc ấy!

– Nhưng không biết ai làm việc đó? – Nhà vua hỏi.

– Đúng là quả nhân làm đấy thôi. Nhà ngươi đã biết rồi sao còn hỏi làm gì? – Vũ Vương nói rất thẳng thắn, không kiêng dè gì cả.

– Bệ hạ làm? Vậy sao không giấu ngay tại chỗ, mà đưa đến tận sông Tú Thủy là tại sao? – Nhà vua hỏi tiếp.

“Vũ Vương” không trả lời thẳng vào câu hỏi, chỉ hỏi vặn lại:

– Nhà ngươi có biết mối quan hệ giữa âm và dương ngũ hành và các phương hướng (phương vị) hay không?

– Quả nhân cũng có hiểu ít nhiều. – Nhà vua nghĩ thầm rằng ngài đã học “Thuyết ngũ hành” của Châu Diên, sao lại không biết.

“Vũ Vương” khẽ gật đầu rồi nói:

– Vậy thì rất tốt, quả nhân sẽ trả lời đầy đủ cho nhà ngươi. – Nói xong đưa tay ra hiệu cho mọi người rồi nói tiếp – Mau đưa lụa và bút đến đây, ta sẽ viết nhoáng một cái là xong.

Triệu Cao và Lý Tư vội đưa bút và lụa đến, “Vũ Vương” cầm lấy hai thứ đó, chẳng cần nghĩ ngợi gì cả, dang hắng một tiếng rồi cứ cầm bút viết liền một mạch, viết xong vút bút rồi lăm bắm mấy tiếng:

– Quả nhân đi đây!

Nói xong, lại ngã vật xuống, chân tay co giật một lúc, rồi đứng thẳng dậy, trở lại nguyên hình thầy bói. Ông ta hỏi mọi người :

– Chẳng hay Vũ Vương viết gì vậy?

Triệu Cao vội đưa tấm lụa cho ông ta. ông ta lướt qua, không thấy có gì khả nghi, bèn đưa tay nâng lên đưa cho nhà vua, và nói:

– Xin bệ hạ xem những lời của Vũ Vương.

Tần Thủy Hoàng cầm lấy mảnh lụa có bài viết của Vũ Vương. Nội dung như sau:

Tổ ngươi ba mươi năm trước,

Dấy binh đánh diệt đất nước nhà Chu.

Phá tông miếu, cướp đỉnh đồng,

Lòng ta đau đớn, rờn rờn lệ rơi!

Đỉnh thần lại quay về trời,

Ta đem ném xuống ở nơi giữa dòng [175]

Từ Châu là đất miền Đông,

Có cây đào “mộc” có công diệt tà [176]

Tần phía Tây, “Kim” mới là

Lấy “Kim” khắc “Mộc”, gây ra chiến trường.

Đào phun lửa, hộ đỉnh thần

Biến kim nóng chảy thành than lụi tàn.

Đỉnh kia nhờ vía thánh nhân!

Nghìn người thợ lặn cũng là công không.

Mất rồi xin chớ nhọc lòng,

Hà tất phải ki ếm phải mong làm gì!

Bài viết lời giải ngắn gọn, thuộc thể thơ, đã trả lời đầy đủ mọi câu hỏi của Tần Thủy

Hoàng. Bài giải đáp này của Vũ Vương dựa vào quan hệ giữa thuyết ngũ hành và phương hướng để khẳng định rằng nước Tần ở phía Tây không thuộc “thủy” như người Tần vẫn nói theo Châu Diên thuộc “Kim” (theo canh, tân, bực thứ bảy và tám trong mười con). Cách giải đáp này, đương nhiên Tần Thủy Hoàng không chịu, vì ngài theo cách giải thích “ngũ hành” của Châu Diên, nhưng xem ra chỉ có dựa theo lời giải thích của Vũ Vương thì mới có thể trả lời được cái nghi án đã treo suốt ba mươi năm nay về chiếc đỉnh đồng không cánh mà bay. Như vậy, không những có thể rút khỏi Tứ Thủy Từ Châu này một cách thể diện, mà còn có thể thông báo cho thiên hạ biết rằng ngài còn cầu được thần thánh giúp sức, làm cho Chu Vũ Vương, người đã về châu giời cách đây tám trăm năm, còn hiện về để trả lời các câu hỏi của ngài để làm rõ vụ nghi án lịch sử trọng đại này. Qua đó đủ thấy ngài có uy lực to lớn biết bao, có tài thần thông biến hóa biết bao. Còn có ai sánh kịp ngài? Như vậy là từ xấu hổ trở thành vui mừng, từ thất vọng trở thành thỏa chí. Ngài bèn trọng thưởng cho huyện lệnh Bành Thành và thầy bói. Một nghìn thợ lặn “không có công lao nhưng có khổ lao”, nên cũng được cấp tiền bồi dưỡng chu đáo. Thật là một trò kịch nhưng cũng rất vui. Người biểu diễn hay nhất trong vở kịch này là ông thầy bói. Ông ta rất giỏi tùy cơ ứng biến, chú trọng làm những việc mà người khác ưa thích, giả vờ có cô hồn về nhập vào mình để lèo bịp, làm chiến tranh tâm lý và chiến thắng. Cách làm khác Từ Phúc nhưng mục đích thì giống nhau.

HỒI THỨ HAI MƯƠI TÁM

ĐÓT NÚI TƯƠNG SƠN, GẶP NẠN LANG SA ĐÀO HỒ LAN TRÌ, THẦN BIẾN GIEO HỌA

Việc tìm đỉnh đồng ở Tứ Thủy bất thành, đã bộc lộ nhược điểm ghê gớm của Tần Thủy Hoàng trong việc đam mê chuyên chính, thích bạo dõ, cậy thế khoe khoang công lao và xử thế tàn bạo. Việc huy động hàng nghìn thợ lặn và tiêu tốn tiền bạc của dân để ném vào một cuộc tìm kiếm hoang đường ở sông Tứ Thủy, kết cục để lại một trò cười cho thiên hạ, mất hết thanh danh. May mà nhờ ông thầy bói nhanh trí, mượn uy quý thần, đổ trách nhiệm cho ông tổ nhà Chu là Chu Vũ Vương, mới vớt vát được phần nào thể diện, để “thu dọn chiến trường” và rút êm về Hàm Dương. Lúc đó, bản thân Tần Thủy Hoàng cũng phần nào tự thấy mình hơi nôn nóng, lại cạn nghĩ, nên vội ày ra trò ồn ào náo động trước mắt dân thiên hạ, gây ra hậu quả nực cười. Từ nay, phải cẩn trọng hơn. Nhưng khi về phòng riêng, các phi tần và cung nữ lại vẫn khép nép, ngoan ngoãn vâng lời ngài; các đại thần vẫn nịnh hót, bạo dõ hết lời như không có bất cứ chuyện gì vừa xảy ra; cho nên, ngài vẫn ngựa theo đường cũ, vẫn hiện nguyên hình, độc tài độc đoán, ngang ngược tung hoành.

Vì vậy, để xua bớt tâm trạng buồn chán do không tìm được đỉnh, nên sau khi rời Bành Thành, ngài đi về phía Nam, qua sông Hoài, vào đất Sở cũ, để thăm phong cảnh núi Hoàng Sơn (thuộc tỉnh Hồ Nam hiện nay). Ở miền Nam này có rất nhiều danh lam thắng cảnh, sông núi hài hòa, cây rừng xanh tốt, tùng bách vươn cao, hoa đào đua nở, với người du khách, cho lòng thỏa thích, thoải mái tâm tình. Đoàn xa giá đi qua Thiên Nam Môn, leo lên ngọn Cửu Lũ, một trong những đỉnh cao nhất của núi Hoàng Sơn, rồi đến Đài Minh Kính (chỗ có vách đá có thể soi bóng như kính), cuối cùng leo lên ngọn Chúc Dung, được coi là ngọn núi hiểm trở và kỳ vĩ nhất.

Nhà vua đứng trên đỉnh ngọn, gió mát rười rượi, ngài phóng tầm mắt nhìn xuống một vùng nông thôn rộng lớn, những làn khói mỏng manh bay lên từ mái nhà làng quê. Cảnh trí diễm viên thật tuyệt vời. Nhất là ở cách chân núi không xa, có một dòng sông vắt ngang như một dải lụa ngoạn ngoè chạy từ Nam lên Bắc; nước suối phản chiếu ánh mặt trời lung linh như ánh bạc. Đây là sông Tương Giang. Nhìn dòng sông Tương Giang, nhà vua lại nhớ Trác Lục trước đây đi chinh phục miền Tây Nam, bình định người Man Di, đã đào con sông ở quận Quế Lâm, khơi thông sông ngòi ở khu vực Tây Nam rộng lớn, thúc đẩy giao thông đường thủy và kinh tế vùng này phát triển. Còn Tương Giang là dòng sông khá rộng, nước sâu và chảy xiết, đang ngày đêm không ngừng đổ về Động Đình Hồ. Những làn gió nhẹ đang lướt qua trước mắt ngài, đều mang theo hơi ướt của Tương Giang và sông hồ ở miền Tây Nam, để men theo triền núi Nam Nhạc, thổi ra núi Nhạc Ly – phần đuôi của Nam Nhạc, rồi mất hút. Nhà vua cảm thấy tự hào vì đã mang ân trạch ban phát đến tận nơi xa xôi này. Vì vậy, sau khi xuống núi, đoàn xa giá của ngài – xin nhắc lại, gồm hàng vạn người đi xe ngựa và bộ binh, kỵ binh – đi đến Trường Sa (nay là thành phố Trường Sa, tỉnh Hồ Nam).

Nhà vua muốn đến xem cái quận huyện mới thành lập ở đây. Thái thú quận Trường Sa đi theo đoàn để hướng dẫn lên núi Nhạc Ly Sơn. Đứng trên Nhạc Ly Sơn có thể ngắm nhìn cảnh đẹp mùa thu của sông Tương Giang. Mặc dù không được báo trước, thái thú Trường Sa không kịp chuẩn bị nơi nghỉ cho nhà vua, nhưng ông ta vẫn hết sức mời ngài và đoàn xa giá ở lại nghỉ ngơi vài ngày; và nói rằng sẽ lập tức sửa soạn nơi ăn chốn nghỉ cho đoàn. Vả lại nếu nhà vua và đoàn xa giá của ngài ở lại, thì thái thú có dịp để bày tỏ lòng trung vua kính chủ của mình; qua đó được đánh giá cao, có lợi cho con đường công danh. Nhưng nhà vua đang lúc cao hứng du ngoạn, nên không ở lại, ngài chỉ sai Vương Quân và Ngõi Trọng ghi lại những công việc chu đáo vừa qua của thái thú, và ngài đích thân trọng thưởng cho ông ta. Sáng hôm sau, sau hai bữa tiệc rượu với các món ăn miền Nam rất thịnh soạn, đoàn xa giá lại gấp gấp lên đường, đi nhanh đến Động Đình Hồ.

Trước đó, khi đến đất nước Sở cũ, “trung xa phủ lệnh” Triệu Cao đã sai người đến báo cho thái thú Nam Quận và huyện lệnh Vân Mộng, bảo họ điều động hơn một nghìn chiếc thuyền để đoàn xa giá sử dụng. Khi đoàn người xe ngựa rầm rập kéo đến bên bờ Động Đình Hồ, thái thú và huyện lệnh cùng các quan lại địa phương ủa ra cung kính đón chào nhà

vua, vén rèm che và chỉ tay về phía mặt hồ. Nhà vua ngược mắt nhìn ra mặt hồ, thấy hàng nghìn chiếc thuyền đang đậu san sát bên nhau như một mảng vây cá khổng lồ. Cột buồm dựng đứng trên thuyền nuốm nợp như một rừng cây, trông rất hùng vĩ đẹp mắt. Nhà vua rất vui và luôn mồm khen thái thú và huyện lệnh. Ngài còn hỏi ở đây còn có thắng cảnh núi non sông ngòi nào nữa không. Viên thái thú lễ phép tâu rằng ở đây là nơi sông Tương Giang chảy vào hồ, cách đây khoảng ba mươi dặm là Tương Sơn, còn gọi là Thanh Thảo Sơn. Khung cảnh ở đó tuyệt đẹp trên có đền Tương Kỳ, là một di tích cổ rất nổi tiếng, nên đến thăm quan. Nhà vua nghe vậy bèn quyết định sáng hôm sau sẽ đi thuyền du ngoạn trong hồ, rồi lên núi Tương Sơn. Các “học sĩ” đi theo đoàn đề nghị, nên làm lễ “tế sông” trước, cầu xin “thần sông” phù hộ cho sóng yên gió lặng, để ngày mai đi thuyền được an toàn. Đó là do bài học ở Thái Sơn, khi làm lễ “phong thiển” ở đó đã chặt cây cối, đào đất đá làm đường, trước khi làm những việc đó, lại không làm lễ tế thần nên bị gió mưa quật cho tơi tả. Vì vậy, lần này nhà vua sai Lý Tư viết bài văn “tế sông”, bản thân ngài “trao giới” và tắm gội sạch sẽ, sau đó đưa mấy vị cận thần ra tận bờ hồ làm lễ: đốt hương, dâng rượu và tam sinh (bò dê lợn) rồi đốt văn tế và cúng vái. Sau đó về nơi nghỉ đêm.

Sáng sớm hôm sau, sau khi vội vàng ăn sáng, vua tôi và phi tần lần lượt lên thuyền nhổ neo và xoay cột buồm chèo thuyền ra phía giữa hồ nước mênh mông. Thuyền nào cũng có nhiều người chèo phía trước và người cầm lái phía sau, nước cứ bắn tung lên ở hai bên mạn thuyền. Hàng nghìn cánh buồm căng gió đưa thuyền lướt rất nhanh như mũi tên bay. Từng đoàn chim hải âu cứ bay lượn trên đỉnh cột buồm, tưởng chừng như chúng là bầy chim thần đang dẫn đoàn thuyền đến một chốn nào đó thần bí, huyền diệu lắm.

Đoàn thuyền cứ thế lướt sóng không ngừng tiến lên về phía trước. Bỗng một cơn gió mạnh từ phía Bắc thổi đến ào ào, hoàn toàn ngược chiều với hướng thuyền đang đi, thuyền đi chậm lại. Nhưng gió ngày càng mạnh. Các thủy thủ cố gắng vật lộn với gió bão, vất vả lắm mới cho thuyền nhúc nhích dần dần. Nhưng cuối cùng thì gió lật chìm một số thuyền, hơn một trăm phi tần và tướng sĩ bất hạnh chết chìm. Nhà vua ngồi trên chiếc thuyền lớn nhất, vừa rộng vừa dài, đáy thuyền bằng phẳng, nhưng vẫn trùng triêng chao đảo trước cơn bão đang tung hoành. Nhà vua lại không biết bơi nên ngài rất lo. Ngài hoang mang đến nỗi không còn biết đến tôn nghiêm và thể diện là gì, vội vàng chạy đến quỳ xuống và ôm chặt lấy hai chân người cầm lái, nhắm nghiền hai mắt, toàn thân run cầm cập. May mà người cầm lái cũng như thủy thủ trên thuyền này đều rất giỏi tay nghề và can đảm. Họ nhìn đúng hướng gió, xoay cánh buồm để gió thổi về một phía, tuy hơi lệch nhưng vẫn đủ sức đẩy thuyền đi lên. Như vậy, thuyền vẫn tiến theo hướng hơi chệch với hướng gió và khoảng một canh rưỡi giờ sau (tức là hơn 4 giờ hiện nay), đoàn thuyền đến núi Tương Sơn. Nhà vua được Lý Tư và Triệu Cao dìu hai bên đưa lên bờ. Vừa bước lên đất liền, đã vội tìm một chỗ ngồi nghỉ hồi lâu rồi mới từ từ bước lên sườn núi để lên đỉnh Tương Sơn. Lúc ấy gió đã nhẹ bớt rất nhiều, nhưng lại làm cho nhà vua sinh nghi. Ngài quay lại hỏi viên “học sĩ” cùng đi:

– Tối hôm trước là tế vị thần sông nào?

Học sĩ đáp:

– Thần sông ở đây gọi là Tương Quân và Tương Phu Nhân. Hai vị thần này ở đây đã lâu.

Nhà vua chau mày nói:

– Tương Quân và Tương Phu Nhân? Hình như trẫm đã có nghe nói, nhưng không biết các vị thần này như thế nào?

– Đó là hai người con gái của vua Nghiêu, người con đầu tiên là Nga Hoàng, người thứ hai là Nữ Anh. Vua Nghiêu thấy Thuấn có hiền đức nên truyền ngôi cho Thuấn, và gả hai người con gái cho Thuấn. Về sau vua Thuấn đi kinh lý miền biên cương miền Nam đất Sở và chết ở cánh đồng Thương Ngô, tên hiệu là Trọng Hoa. Hai người vợ nghe tin vua Thuấn chết, đã khóc lóc thảm thiết, nước mắt rơi đầm đìa trong đám trúc tre, làm cho đám trúc tre này biến thành lốm đốm nhiều màu. Sau đó, hai người nhảy xuống Tương Giang chết theo nhà vua; rồi được tôn vinh là Tương Quân và Tương Phu Nhân.

Viên “học sĩ” may mà được nhà vua hỏi đến nên nói một lèo về lai lịch của thần sông Tương Giang. Lẽ ra thì như thế là xong, nhưng vẫn tiếc rẻ nên lại nói thêm:

- Câu chuyện này ở trong sách “Sở Từ. Cửu Ca” của đại phu nước Sở là Khuất Nguyên, chắc là bộ hạ đã đọc rồi.

- Đọc rồi! Đọc rồi! Quả nhân mỗi ngày phải lo trăm công nghìn việc, sao mà nhớ hết được những chuyện cổ tích trong dân gian như vậy?

Nhà vua cảm thấy người học sĩ nọ vô tình hay hữu ý nói khích bác ngài nên rất bực mình, ngài trả lời xẵng giọng. Ngài nghĩ lại rằng chính ông “học sĩ” này hôm trước đã nêu lên việc tế thần sông, nếu không thì hai vị nữ thần kia không biết trước có ngài qua sông ra hồ du ngoạn; và có lẽ sẽ không có trận gió bão nổi lên nửa chừng làm cho ngài phải hốt hoảng cuống cuống lên như vậy. Ngài đành ninh rằng trận cuồng phong hôm nay là do hai vị nữ thần kia gây ra để cản đường ngài. Ngài càng suy nghĩ càng tức anh ách, ngài quên hết tất cả những gì mà đêm hôm ở Bành Thành ngài đã suy nghĩ rất nhiều và đã quyết tâm sửa đổi tính nết, bớt kiêu bớt nóng, bình tĩnh ôn tồn, nén lòng kiên nhẫn. Ngài nổi giận lôi đình chửi bới rằng:

- Ở núi Thái Sơn, vì chặt hết cây cỏ, đào bới đất đá, nên bị gió lớn mưa to. Các vị thần mà địa giới ấy tôn thờ, cũng như những lời răn đe của các vị ấy, trầm đều chấp nhận cả. Việc mất chiếc đỉnh ở sông Tú Thủy là việc làm của Chu Vũ Vương, là một bậc thân vương từ thời cổ, trầm cũng chẳng oán trách làm gì. Còn ở đây, Nga Hoàng và Nữ Anh là đàn bà, lại đã được ta cúng tế, tại sao không để cho gió lặng sóng yên để đón thánh giá của trầm, mà lại nổi cuồng phong lên để nhấn chìm phi tần và tướng sĩ của ta, còn làm cho trầm mất hồn bặt vía, thật là tội ác tày trời!

Nói xong bèn quay lại ra lệnh cho thái thú Nam Quận và huyện lệnh Vân Mộng:

- Lập tức đưa ba nghìn phạm nhân đến chặt hết cây cỏ trên núi Tương Sơn, cho bặt gốc lòi đất đỏ ra!

Lúc bấy giờ nhà Tần thi hành pháp luật rất nghiêm, số người bị tù tội rất đông, cho nên ba nghìn phạm nhân được đưa đến rất nhanh chóng, chặt cây cỏ trên núi Tương Sơn trong một khoảng rộng hai mươi dặm vuông, chẳng sót một cây nào, mặt đất cũng đào bới lên cho tróc hết rễ. Nhà vua còn ra lệnh đốt cháy cây cỏ vừa chặt, thiêu trụi cả những cây cỏ thụ cao chót vót ở quanh đó, đất đá bị đốt nóng, nứt nẻ ra và biến thành màu đỏ gạch. Nhà vua còn đến tận đền Tương Sơn ra lệnh cho tướng sĩ phá hủy đền thờ, ném cả tượng Tương Quân và Tương Phu Nhân vào đồng lửa. Lửa cháy ngùn ngụt ba ngày ba đêm, chiếu đỏ rực cả bầu trời. Nước Động Đình Hồ và sông Tương Giang ánh lên màu đỏ tươi như máu. Thật khủng khiếp!

Tần Thủy Hoàng vô cơ nổi giận lôi đình, tàn hại tất cả những gì của đất trời ở núi Tương Giang, rồi từ Nam Quận đi qua Vũ Quan trở về Hàm Dương.

Cuộc đại tuần du kéo dài tám tháng của Tần Thủy Hoàng kết thúc. Mặc dù chuyến đi này xảy ra một việc chẳng vui vẻ gì, nhưng nhìn chung đây là một chuyến đi rất đáng hài lòng. Trước hết, những nơi chủ yếu đều có dựng bia khắc chữ hết lời ca ngợi công đức của nhà vua. Nội dung các bài văn bia đều tuyên truyền và đề cao các chế độ và chính sách mới của Tần Thủy Hoàng cũng như ết quả việc thực hiện những chính sách và luật pháp mới đó. Qua chuyến đi, nhà vua cũng tận mắt nhìn những thành quả của các quận huyện mới được thành lập theo chủ trương của ngài. Ngoài ra còn thấy rõ những hiện tượng rất đáng mừng do việc di chuyển hàng chục vạn hộ giàu, tách họ ra khỏi nơi mà họ bóc lột dân đầu đen bằng ruộng đất của triều đình ban cho họ. Việc thực hiện chính sách dân đầu đen tự sở hữu ruộng đất của mình cũng đem lại kết quả tương tự. Hai chủ trương vừa kể (di chuyển hộ giàu và dân đầu đen có quyền sở hữu ruộng đất), đã làm cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển.

Những điều mắt thấy tai nghe ấy không bao giờ có thể thu hoạch được, nếu chỉ ngồi ở triều đình hoặc trong nội cung. Đặc biệt, việc đi thăm quan các danh lam thắng cảnh cũng tạo điều kiện để tiếp xúc với tự nhiên rộng lớn, mở rộng tầm mắt, khơi thông nhiều mối quan hệ. Vì vậy, nhà vua vẫn rất vui vẻ, và chỉ nghỉ ngơi ba tháng ở Hàm Dương rồi mở đầu cuộc tuần du lớn thứ hai.

Đó là mùa xuân năm hai mươi chín niên hiệu Tần Thủy Hoàng. Năm ấy, nhà vua bốn mươi hai tuổi. Chuyến tuần du này xuất phát từ Hàm Cốc Quan, đi qua quận Dĩnh Xuyên

thuộc nước Hàn cũ, rồi đến huyện Dương Vũ thuộc đất Tề cũ. Vùng này phần lớn là cao nguyên đất đỏ, địa thế bằng phẳng, tầm nhìn rộng lớn. Lại đang mùa cây cỏ đâm chồi nảy lộc đón xuân, liễu rủ xanh rờn, hoa đào hé nụ, yến đang làm tổ, vịt chạy từng đàn. Vì vậy đoàn thánh giá vua tôi đi đến đâu cũng đều gặp những cảnh đẹp ngày xuân, đem lại cảm giác sáng khoái và ấm áp của hương vị xuân sang. Nhưng khi đi qua huyện Dương Vũ (nay là phía Đông Nam huyện Nguyên Dương tỉnh Hà Nam) rồi đi về phía Đông khoảng ba mươi dặm nữa, thì gặp một thung lũng hai bên là đồi núi trùng điệp, cây gai góc mọc rậm rạp um tùm, lại còn cả một rừng lau sậy bạt ngàn, những tấm thảm rêu xanh ẩm ướt trơn nhầy, hoặc những hang động ngoằn ngoèo tquối tăm mù mịt, tạo cho con người cảm giác thần bí hiểm trở huyền ảo. Giữa hai sườn núi là một khoảng trống không rộng lắm, trải đầy cát vàng, không hề có một gốc cây ngọn cỏ, chỉ có một con đường cho xe chạy (trì đạo), chạy từ Tần đến nước Tề và Lỗ. Đất ở đây cằn cỗi nên không thể trồng trọt. Hai bên đường không có thôn xóm dân cư, người đi lại cũng rất hãn hữu, chỉ có tiếng chim ri kêu chiêm chiếp rên rĩ và tiếng gầm rú của cáo và sói. Hai thú tiếng của chim muông thú rừng nhưng hoàn toàn không ăn nhip với nhau. Ngoài ra, chẳng có một động tĩnh gì khác.

Khoảng giờ Thân chiều hôm ấy, đoàn xa giá của nhà vua từ Dương Vũ rầm rộ đi vòng vèo mãi rồi đến thẳng thung lũng. Nhà vua ngồi trên xe sáu ngựa, thỉnh thoảng vén màn rèm xe nhìn ra ngoài, ngắm cảnh núi non hai bên và hướng đi của đường xe chạy (trì đạo). Mấy hôm nay, ngài luôn đi qua những bình nguyên mênh mông bát ngát, tầm mắt luôn luôn nhìn xa tận chân trời, nhưng nhìn mãi rồi cũng thấy đơn điệu, chán ngắt, chẳng hứng thú gì nữa. Hôm nay đi vào một vùng đồi núi nhấp nhô, tuy tầm mắt bị thu hẹp lại, nhưng hai bên lại có cỏ cây hoa lá xum xuê, đủ màu sắc của rừng cây tươi tốt, rất đáng để hưởng ngoạn. Ngài bèn bảo Triệu Cao cho xe chạy từ từ, để có thể ngắm nhìn thật kỹ phong cảnh hai bên. Sau khi xe chạy chậm lại, ngài dần dần phát hiện ra rằng ở đây có chỗ vách núi cao vút lên rất cheo leo hiểm trở, cây tùng cổ thụ mọc uốn khúc, cây rừng rậm rạp, móm đá gồ ghề trùng điệp, có vẻ quen quen, hình như đã nhìn thấy cảnh này ở đâu rồi thì phải. Ngài cố vắt óc nhớ lại, xem thử đã đi lại đoạn đường này vào lúc nào? Sau một hồi lâu hồi tưởng, ngài bỗng nhớ ra rằng khi ngài ba mươi tuổi, quốc úy Úy Liêu từng đưa ngài đi qua đây để đến Dương Dịch, kinh đô nước Hàn, nhận đầu hàng của vua Hàn Vương An, sau khi Nội Sử Đãng tấn công tiêu diệt nước Hàn. Khi đó, Úy Liêu là người phụ trách quân sự của triều đình. Úy Liêu nói với ngài rằng địa hình địa thế chỗ này rất kín đáo và hiểm trở, là vị trí tốt nhất để đánh trả quân địch. Mười một năm trước đó, tức năm thứ sáu niên hiệu Tần Thủy Hoàng, liên quân hợp tung năm nước Hàn, Ngụy, Triệu, Vệ, Sở tấn công nước Tần, quân Tần đã đón đánh chính diện và đẩy lui liên quân. Sau đó đưa quân mai phục ở hai sườn núi chỗ này. Liên quân rút lui, lọt vào ổ mai phục và bị tiêu diệt hoàn toàn. Quân Tần đại thắng. Quốc úy Úy Liêu là người vạch kế hoạch và chỉ huy chiến dịch thắng lợi này. Ông ta nhớ rất kỹ mọi chi tiết của chiến dịch, như địa điểm, quá trình, địa hình, địa thế, cho nên khi giới thiệu với nhà vua, ông cũng nói rất cụ thể, sinh động, tạo cho nhà vua ấn tượng rất sâu sắc, khiến ngài cứ nhớ mãi. Vì vậy, khi đi qua nơi này, ngài nhìn thoáng qua là cảm thấy quen quen, mặc dù sau đó phải nghĩ lại khá lâu mới khẳng định được đây là nơi đã diễn ra trận chiến thắng to lớn năm nào. Lúc này, ngài bỗng nhớ đến quốc úy Úy Liêu, ông đã mất cách đây hai năm. Ngài vẫn còn ấn tượng rất tốt và cảm phục Úy Liêu, con người có tầm mắt siêu xa, rất thông minh, kiên định và bình tĩnh. Nhờ tài trí đó của Úy Liêu mới tìm được nơi hiểm yếu này để mai phục và diệt gọn hàng chục vạn quân địch. Nhìn lại tất cả các trận đánh từ trước đến nay diễn ra ở đây, không có đội quân nào dù tinh nhuệ đến đâu, khi đã lọt vào ổ mai phục ở hai sườn núi này thì đều tiến thoái lưỡng nan và cuối cùng đều thất bại thảm hại. Nay chiến tranh đã qua khá lâu rồi, nhưng thế lực tàn dư của sáu nước biết đâu vẫn còn lẩn quất đâu đây, vẫn còn lợi dụng địa thế hiểm trở nơi này để tác oai tác quái. Nghĩ vậy nhà vua bảo Triệu Cao cho xe chạy nhanh lên và hết sức canh phòng cảnh giác.

Quả nhiên không sai, lúc xe vừa tăng tốc thì có hai tên thích khách xuất hiện. Đó là Trương Lương và trợ thủ của ông ta là đại lực sĩ Đông Hải.

Trương Lương xuất thân là quý tộc nước Hàn, ông nội là Trương Khai Địa, từng là thừa tướng cho các đời vua nước Hàn: Thiệu Hầu, Tuyên Huệ Vương và Tương Ai Vương. Cha là Trương Bình làm thừa tướng cho vua Tương Ly ương và Điệu Huệ Vương. Trương Bình bị bệnh chết năm hai ba niên hiệu Điệu Tương Vương. Hai mươi năm sau đó, Tần diệt Hàn.

Lúc ấy Trương Lương còn rất trẻ, chưa giữ chức vụ gì ở triều đình nước Hàn. Trương Lương có dáng người thanh nhã tuấn tú, duyên dáng như con gái, nhưng kiến thức sâu rộng, rất có chí hướng, từng ra sức ủng hộ Hàn Phi; đề nghị nhà vua Vương An chiêu hiền đãi sĩ, để tự lực tự cường nhưng bị Vương An không chấp nhận. Sau khi Hàn Phi bị hãm hại ở nhà tù Vân Dương nước Tần, Trương Lương đoán trước rằng nước Hàn thế nào cũng bị thôn tính. Vì vậy, khi kinh đô Dương Địch bị quân Tần đánh chiếm, vua Vương An đầu hàng, Trương Lương bèn bán hết gia sản và mang theo số tiền lớn bỏ trốn, giấu mình nhiều năm trong dân gian. Trương Lương bỏ nhiều tiền để nhờ các dũng sĩ nghĩa hiệp ám sát Tần Thủy Hoàng, trả thù nhà nợ nước.

Lúc còn nhỏ, một hôm Trương Lương gặp một cụ già mặc quần áo vải thô. Khi đi đến trước mặt Trương Lương, cụ già cố ý đánh rơi đôi giày đang đi và nói với Trương Lương:

– Này cháu, nhặt giúp ông đôi giày.

Trương Lương ngạc nhiên, đang định ra tay quật cho ông ta một cú điếng người, nhưng thấy ông ta đã già rồi nên phải nhịn và đến cúi xuống nhặt giày đưa cho ông ta. Cụ già liền nói:

– Giúp ông đưa giày vào chân!

Trương Lương đã nhặt giày, cũng đành phải quỳ xuống giúp ông ta đi giày. Ông già duỗi chân để Trương Lương đưa giày vào chân, rồi vừa đi vừa cười. Trương Lương cảm thấy lạ lùng bèn theo sau ông già để theo dõi. Ông già đi một lúc rồi quay lại nói với Trương Lương:

– Chú bé này nếu được giáo dục tốt thì sẽ thành tài đây. Sáng sớm năm hôm sau, chú lại đến đây gặp lão nhé.

Trương Lương rất kinh ngạc, bèn quỳ xuống đáp:

– Xin vâng.

Sáng sớm năm hôm sau, Trương Lương đến đúng hẹn, nhưng ông già đã đến đó từ trước. Lúc thấy Trương Lương, ông già ôn tồn nói rằng đã hẹn rồi sao lại đến muộn. Rồi quay người đi còn dặn lại rằng năm ngày sau đến sớm một chút.

Năm hôm sau, Trương Lương nghe gà gáy là dậy đi, nhưng ông già vẫn đến sớm hơn. Cụ nổi nóng nói rằng Trương Lương vẫn đến muộn. Nhưng lại dặn năm hôm nữa đến sớm hơn. Lại năm hôm nữa, nửa đêm Trương Lương đã lên đường đến chỗ hẹn. Đến nơi, chờ một lúc cụ già mới đến. Thấy Trương Lương đến trước, cụ rất mừng. Cụ nói:

– Muốn làm nên sự nghiệp, phải kiên nhẫn như thế.- Sau đó đưa cho Trương Lương một cuốn sách viết trên các thanh tre. Cụ dặn:

– Đọc và hiểu cuốn sách này thì có thể làm thầy học cho nhà vua đấy. Sau đó mười năm, nhà vua ấy sẽ cầm quân làm nên sự nghiệp. Mười ba năm sau đó, cậu đến dưới chân núi Cốc Thành ở Tế Bắc sẽ gặp một ông già tên là Hoàng Thạch, đó chính là lão phu đấy!

Nói xong đi luôn, không dặn dò gì thêm nữa, và sau cũng biệt tăm. Sau đó, Trương Lương giở sách ra đọc, đó chính là cuốn “Thái Công binh pháp” (sách của Hoàng Thạch). Trương Lương biết rằng đây là cuốn sách rất kỳ lạ nên chăm chú đọc, cuối cùng đã trở thành “công thần khai quốc” có công phò tá Hán Cao Tổ (tức Lưu Bang, 247-195 trước Công nguyên. Người sáng lập nhà Hán – ND) làm nên sự nghiệp đế vương.

Nhưng lúc này, việc trước mắt của Trương Lương là tìm cách giết cho được Tần Thủy Hoàng. Trước đó, khi còn theo học ở Noài Dương, Trương Lương có quen một người tên là Thương Hải Quân, có tinh thần nghĩa hiệp (làm những việc chính nghĩa, hào hiệp). Trương Lương kết bạn với Thương Hải Quân, và nói rõ cho Thương biết ý đồ giết Tần Thủy Hoàng. Thương giới thiệu cho Lương một đại hiệp sĩ. Trương lại bàn chuyện ám sát Tần Thủy Hoàng với đại lực sĩ. Đại lực sĩ rèn một cái chùy 120 cân, có thể ở xa phóng vào người, vì cho rằng không thể tiếp cận Tần Thủy Hoàng, một người luôn có canh phòng rất cẩn mật. Hai người (Trương Lương và đại lực sĩ) thường xuyên thăm dò tình hình đi lại của vua Tần và biết được ông ta sẽ đi ngang qua Bác Lang Sa này. Hai người mai phục ở một vị trí kín đáo nhất trên sườn núi và chờ đợi.

Đoàn xe Tần Thủy Hoàng đã đến và đang đi qua mặt hai người. Nhưng bỗng họ rất do dự, vì xe sáu ngựa của Tần Thủy Hoàng lại có sáu xe. Sáu xe hoàn toàn giống nhau về kiểu dáng, màu sắc, cò, và trang trí. Hai người không biết Tần Thủy Hoàng đang ngồi ở xe nào, nên rất lúng túng. Đúng lúc ấy, Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho xe chạy nhanh, hai người càng sốt ruột, bèn ném chùy vào chiếc xe đi đầu tiên. Đại lực sĩ quả có con mắt rất tinh, sức khỏe phi thường, nên quả chùy rơi trúng xe kêu rầm một tiếng rồi toàn xe gãy tan. Cái xe sau đột ngột dừng lại, ùn tắc một chỗ, ngựa hí, người kêu, rất hỗn độn. Tiếp đó là kỵ binh, bộ binh dồn dập sục sạo trên vách núi. Hai người đã chuẩn bị từ trước, nên khi thấy chùy trúng mục tiêu, đã chạy thoát theo một con đường mòn nhắm sẵn từ trước.

Đáng tiếc chiếc xe tan tành ấy không chở Tần Thủy Hoàng mà là một quan tùy tùng. Đương nhiên người này cũng chết phòi óc máu chảy lênh láng, còn Tần Thủy Hoàng thì bình yên vô sự, mặc dù ngài có bị ngã một cú rất đau vì xe ngài đi sát sau xe trúng chùy. Nhưng cú ngã đó khiến ngài tức điên người nên hét ầm lên như con sói gầm, ra lệnh cho đội quân dừng sĩ sục sạo sườn núi để bắt cho được thích khách. Nhưng lúc ấy Trương Lương và trợ thủ của mình đã cao chạy xa bay rồi. Họ đã kịp chạy đến nhà một người bạn có tên là Hạng Bá.

Không tìm được thích khách, đương nhiên là Tần Thủy Hoàng càng tức giận hơn, ngài bèn ra lệnh “lục soát trong cả nước trong mười ngày”. Vẫn không tìm ra. Ngài đành chịu, và thôi không truy cứu nữa, cho qua xong chuyện, thật là đầu voi đuôi chuột.

Lúc ấy Trương Lương trốn ở Hạ Phi (nay là Tây Nam huyện Phi, tỉnh Giang Tô), giấu kín họ tên nên cuối cùng cũng không bị phát giác. Còn vị lực sĩ kia thì trốn ra bờ biển Đông, làm thuê cho một nhà làm muối, suốt ngày đốt lò chưng nước biển, hơi nước bốc lên ngàn ngạt, luôn luôn không nhìn thấy rõ mặt người. Quân của quận huyện nhận lệnh của triều đình, kéo đi lục soát khắp nơi. Khi đến lò chưng nước biển lấy muối thì bỏ đi vì hơi nước nồng nặc, rất khó chịu, làm cho đại lực sĩ cứ cười sặc sụa mãi. Sau này, đại lực sĩ lại gặp Trương Lương và tham gia đội quân của Lưu Bang, thường xung phong giết địch, lập nhiều chiến công, sau chẳng may trúng tên chết khi phá vây ở Huỳnh Dương. Lúc ấy Lưu Bang đang thua, chỉ lo chạy thoát thân, toàn bộ tài liệu sách vở mất hết. Sau khi nhà Hán được thành lập, Hán Cao Tổ thường hát bài “Đại phong ca”. Mỗi khi hát xong, lại nhớ đến hàng nghìn hàng vạn tướng sĩ đã hy sinh thân mình để giành lại giang sơn cho ngài, bèn sai bộ phận hậu cần sưu tầm tên họ của những người đã hy sinh, nhưng kết quả rất ít. Trương Lương cũng rút lui sau khi giúp Lưu Bang dựng nên cơ nghiệp, nên cũng không nói họ tên người đại lực sĩ ấy cho triều đình biết. Vì vậy, vị anh hùng ấy đành vô danh.

Sau khi bị kinh hoàng vì đòn tập kích bằng chùy ở Bác Lang Sa và sau đó lục soát cả nước bất thành, Tần Thủy Hoàng cho dựng hai tấm bia ở núi Chi Phù (ở tỉnh Sơn Đông) khi ngài tuần du qua nơi này. Núi Chi Phù ở gần biển thuộc nước Tề cũ, cách Đông Bắc huyện Phúc Sơn ba mươi lăm dặm; ba phía núi giáp biển, chỉ phía Nam là liền với đất liền. Núi cao chín dặm, rộng năm mươi dặm vuông, cảnh trí rất đẹp. Sở dĩ nhà vua tới đây là sớm muốn nhìn thấy biển, mong muốn nhìn thấy đoàn thuyền do Tù Phúc dẫn đầu, quay về và mang theo thuốc trường sinh bất lão cho ngài. Hơn nữa, cũng muốn đến nơi yên tĩnh này để nghỉ ngơi mấy ngày sau chuyện đáng buồn nói trên. Ngài ở lại bảy ngày. Trong thời gian đó, ngài sai Lý Tư khắc hai tấm bia: “Đông Quan khắc thạch” và “Chi Phù khắc thạch”. Ngoài phần nội dung tương tự với mấy tấm bia trước, còn viết thêm phần chủi mắng sáu nước chư hầu, nhấn mạnh phải kiên quyết đè bẹp những thế lực còn muốn chống lại nhà Tần; kêu gọi “đốt cháy cường bạo, cứu giúp đầu đen, cố định bốn cực”, để từ đó “thực thi pháp luật, phổ cập thiên hạ, mãi là chuẩn tắc”.

Nhà vua đích thân đôn đốc việc dựng hai tấm bia đó, dường như đó là hai tấm bùa chú, luôn luôn bảo vệ và che chở cho mình dù gặp rủi ro đến đâu cũng đều tai qua nạn khỏi. Yên tâm tin tưởng ở phù phép mới đó, ngài lại tiếp tục lên đường đi xuống phía Nam và đến núi Lang Nha một lần nữa. Trong mười mấy ngày ở chân núi Lang Nha, ngài trèo lên đài Lang Nha nhiều lần, cố mong Tù Phúc trở về, nhưng “có nghìn cánh bướm đi qua, nhưng đều không phải” (Ghi lại nguyên văn của Tần Thủy Hoàng – ND). Ngài thất vọng, không thể kiên nhẫn được nữa, đành phải về Hàm Dương theo con đường đi qua Hằng Sơn, Thượng Đẳng.

Tần Thủy Hoàng là một con người rất chú trọng thực tế, tác phong làm việc rất thiết

thực, cụ thể, và đã làm nên nhiều việc lớn về chính trị, quân sự, kinh tế. Nhưng về tư tưởng lại là một người rất ảo tưởng, suy nghĩ rất nông cạn, lung tung, hồ đồ. Ngài quá tin vào những lời nói mê sảng, hoang đường của Từ Phúc, rồi đưa theo mấy nghìn người theo Từ Phúc ra biển tìm thuốc trường sinh bất lão. Từ Phúc đi một năm rồi mà biệt vô âm tín. Vậy mà ngài không chịu bình tĩnh suy nghĩ lại, để dứt khoát từ bỏ ý nghĩ vô nghĩa ấy; ngược lại, cứ hy vọng hão huyền và đeo đuổi mãi, chờ người thần ở đảo tiên sẽ ban phước lành cho mình. Rồi, “vì không tìm được, cứ trần trọc trở mình” (Nguyên văn trong sách Kinh Thi – ND), ngài vắt óc suy nghĩ, bỗng bật ra một sáng kiến: xây một khu tiên cảnh ở trần gian.

Ngài giao cho Triệu Cao chuẩn bị công việc này. Theo yêu cầu của nhà vua, cảnh trí và cung điện trên “đảo tiên nhân tạo” này phải hoàn toàn dựa theo sự mô tả của Từ Phúc. Mặc dù trước đó, thừa tướng Vương Quân và thượng khanh Lý Tư đã nhiều lần tâu với ngài rằng quốc khố và kinh phí đã cạn kiệt lắm rồi. Vì thời gian qua đã chi tiêu quá nhiều cho việc xây đắp Trường Thành, làm đường cho xe chạy nhanh (trì đạo) và xây cung điện. Nhưng ngài lại quá đam mê cuộc sống xa xỉ, muốn làm gì thì phải làm cho được, không ai ngăn cản nổi nữa. Ngài căn bản bỏ ngoài tai mọi lời khuyên can của bề tôi, cứ đôn đốc công việc xây dựng “tiên cảnh ở trần gian”

Sau khoảng một năm khẩn trương xây dựng, công trình hoàn thành. Vị trí tại địa giới huyện Hàm Dương. Đây là một cái hồ nhân tạo, từ Đông sang Tây dài hai trăm dặm; từ Bắc xuống Nam rộng hai trăm dặm, đưa nước sông Vị Thủy vào, một hồ nước bát ngát mênh mông, được đặt tên là “Lan Trì” (hồ hoa lan). Trong hồ có đảo, đặt tên là đảo “Bông Doanh”, tức là “Bông Lai” và “Doanh Châu”. Còn có một con cá voi bằng đá dài hai trăm trượng, một nửa nổi trên mặt nước, sống động như thật.

Người đời sau truyền lại rằng, sau khi đào xong “Lan Trì”, Tần Thủy Hoàng đã đến đó học đạo thuật để cầu tiên, và có người thật ở Thái Nguyên tên là Mao Doanh nói rằng cụ của ông ta là Mao Mông đã đi tu ở đó (Lan Trì) và thành tiên rồi bay lên trời. Vì vậy có bài ca dao:

Mông Mao đã biến thành tiên,
Cưỡi rồng bay vút lên trên thiên đàng.
Tại Huyền Châu và Xích Thành,
Vua theo gương cũ, muốn lên tiên thần,
Đổi “tháng chạp” thành “gia bình”. [177]

Theo sử liệu đúng là sau khi đào xong Lan Trì, vào năm ba mươi mốt niên hiệu Tần Thủy Hoàng, ông ta đã đổi tên gọi tháng Chạp năm đó, không gọi là “lạp nguyệt” [178] như cũ, mà gọi là “gia bình” (chúc mừng hòa bình). Tuy nhiên, căn cứ vào trình độ phát triển của thơ ca, thì thời nhà Tần chưa có thể thơ thất ngôn (bảy chữ), cho nên, đạo sĩ Mao Doanh nói trên sớm nhất cũng ra đời khoảng cuối thời Hán đầu thời Đường, không thể là người thời Tần. Cho nên, bài ca dao trên là do người đời sau bịa ra để gán cho Tần Thủy Hoàng. Nhưng nội dung nói Tần Thủy Hoàng mộ đạo cầu tiên là chuyện có thật. Điều nực cười là Tần Thủy Hoàng càng cầu tiên phù hộ để trường sinh bất lão, thì càng gặp nhiều tai họa, có khi suýt chết.

Vì hồ Lan Trì quá lớn, lại là nơi có đảo tiên, nên không thể đưa quân đội đến bảo vệ. Tần Thủy Hoàng rất cẩn thận mỗi lần đến đảo để cầu tiên, đều mặc quần áo rất xuềnh xoàng để che mắt thiên hạ và chỉ đưa theo bốn võ sĩ để bảo vệ. Một hôm, trong đêm khuya ngài đi qua một đoạn đường nào đó trên đảo tiên, bỗng từ phía sau hòn núi nhân tạo (giả sơn) có ba lực sĩ đeo mặt nạ xông ra và nhào vào đâm ngài. Lúc ấy, ngài đi cầu tiên, nên không mang vũ khí, lại bị bất ngờ, không kịp trở tay chống đỡ, chỉ vội tránh sang ngay một bên và kêu cứu. Bốn võ sĩ cũng xông ra đánh nhau với ba tên lực sĩ kia và đuổi được chúng đi.

Lần này, Tần Thủy Hoàng sợ hãi hơn lần ở Bác Lang Sa, đến nỗi toàn thân toát mồ hôi đầm đìa, còn “tè” ra cả quần. Mùi nước đái cay xè xè xông lên, ngài vừa xấu hổ vừa tức giận điên cuồng, ngài ra lệnh lục soát hai mươi ngày trong cả nước, nhưng vô hiệu.

“Lan Trì”, đảo tiên Bồng Doanh và cá voi khổng lồ, tuy đẹp như cảnh tiên, nhưng nói cho cùng thì đó chỉ là cảnh giả tạo, chỉ có thể làm nơi du ngoạn, yến tiệc ca múa, hoàn toàn không thể mọc cánh lên tiên được. Thêm vào đó, chính nơi đảo tiên từng có ba tên thích khách trùm đầu định giết nhà vua; vì vậy ngài cũng dần dần giảm bớt hứng thú đối với nơi ấy. Và ngài chỉ còn hy vọng vào việc tìm thầy bói (phương sĩ), nhờ họ cầu tiên xin thần dược để được trường sinh bất lão. Triệu Cao là người rất giỏi nắm được ý đồ của nhà vua và luôn luôn tìm mọi cách làm vừa lòng ngài. Ông ta bỏ một khoản tiền lớn để mua chuộc bọn phương sĩ Lư Sinh, Hầu Sinh, Phí Trúc, Thái Sinh và cầu kết với họ, rồi ra sức đề cao mấy người này với nhà vua, nói rằng đây là những vị “đạo trưởng” rất uyên thâm, v.v... Nhà vua liền tiếp kiến mấy vị phương sĩ đó ngay tại đảo tiên và nói với họ rất khẩn thiết rằng:

– Quả nhân muốn tìm được phương thuật trường sinh bất lão đã sai Từ Phúc đi tìm ngoài biển, nhưng không thấy trở về. Nay các tiên sinh có cách gì giúp ta hay không?

Lư Sinh chấp tay vái lễ rồi tâu:

– Hạ thần nghe nói từ núi Kiệt Thạch đi ra biển không xa, có một hòn đảo nhỏ. Có hai phương sĩ tên là Tiên Môn và Cao Thệ sống ở đó. Hai người này thường qua lại Bồng Lai và gặp gỡ các tiên ở đó, rồi dần dần trở thành tiên.

Ngài vội hỏi tiếp:

– Hai người ấy thành tiên bằng cách nào?

– Hai người này đều là phương sĩ, nhờ thành kính tu luyện nên thành tiên. Có thể mời họ truyền dạy thì có thể học được thuật trường sinh bất lão. – Lư Sinh giải thích cho nhà vua.

– Đạo trưởng nói rất phải. Nhưng làm thế nào để gặp và học được đạo của hai vị tiên ấy? – Nhà vua bắt đầu sốt ruột, nôn nóng.

– Các hạ thần sẽ đi thăm dò trước, mùa xuân sang năm sẽ đi thuyền ra biển, tìm hiểu thực tế của Tiên Môn và Cao Thệ. Sau sẽ về bẩm báo với bệ hạ. Xin bệ hạ cứ ở nhà thành tâm cầu nguyện và chờ tin mừng. – Lư Sinh đã có chuẩn bị từ trước, nên tỏ ra rất tích cực ủng hộ chủ trương của nhà vua và sẵn sàng hành động.

– Vậy thì rất tốt. Bây giờ trẫm sẽ đến núi Kiệt Thạch long trọng tiễn đưa các tiên sinh, để bày tỏ lòng tôn kính đối với vị tiên cao quý. – Nhà vua tỏ ra rất tin tưởng các phương sĩ và ủng hộ công việc của họ.

Lư Sinh và đồng nghiệp nhận lời nhà vua, vừa mừng vừa lo. Một lần nữa chấp tay vái chào nhà vua và nói:

– Bệ hạ đã có lòng thịnh tình như vậy, chúng thần sẽ đi khắp biển Đông để tìm cho được hai vị tiên, đưa đến gặp bệ hạ, để báo đáp ân huệ của thánh thượng.

Nhà vua vui vẻ gật đầu liên tục, tỏ ra rất tán thưởng và ban cho họ nhiều vàng bạc châu báu để động viên khuyến khích họ.

Lư Sinh và đồng nghiệp một lần nữa bái tạ nhà vua rồi ra đi. Sau đó, lập tức chuẩn bị cho chuyến viễn du ngoài biển.

Năm sau, tức là năm ba mươi ba niên hiệu Tồn Thủy Hoàng, nhà vua lại dẫn đoàn tùy tùng đến tận núi Kiệt Thạch ở phía Bắc huyện Xương Lê thuộc đất nước Yên cũ, để làm lễ tiễn chân phương sĩ Lư Sinh và Hầu Sinh xuất hành ra biển và chúc họ sớm mang thắng lợi quay về. Để đến núi Kiệt Thạch, họ phải đi qua Hàm Cốc Quan, đến các huyện Mạnh Tân, Hàm Đan, Hằng Sơn, rồi đi tiếp sang phía Đông, đến đất Yên cũ, cuối cùng đến Kiệt Thạch.

Sau khi làm lễ tiễn chân Lư Sinh và Hầu Sinh, nhà vua và đoàn tùy tùng leo lên đỉnh núi Kiệt Thạch để theo dõi đoàn thuyền của Lư Sinh và Hầu Sinh, cứ ngược mắt nhìn theo đoàn thuyền xa dần, cho đến khi mất hút mới thôi. Theo thường lệ, Lý Tư lại chấp bút viết văn bia, khắc bia đá, dựng lên núi Kiệt Thạch. Bia viết:

Nay đưa ba quân, diệt Lao (Ái) vô đạo, thanh trừ phản nghịch – Vũ lực bạo tàn, chính trị nham hiểm, đều phi quy hàng – Bình xét công lao, thưởng cho trâu ngựa, ruộng tốt đất

màu – Hoàng đế thu phục chư hầu, thái bình hồi phục – San phẳng thành quách, khơi thông sông ngòi, loại trừ hiểm trở. Địa giới đã định, dân không lao dịch, vỗ về xã tắc – Nam lo cày ruộng, nữ lo phận mình, người người có việc – Ruộng đất có chủ, làm ăn lâu dài, hết sức yên tâm – Quân thần ca ngợi, xin khắc bia này, lưu danh muôn thuở.

Về chuyến đi của Tần Thủy Hoàng đến núi Kiệt Thạch, có một chuyện thần thoại như sau:

Từ phía Đông Nam mặt biển mênh mông đến núi Kiệt Thạch ở huyện Lũy, có một hòn đá rất lớn và dài, nằm dài giống như một chiếc gối khổng lồ giữa biển. Có người nói đó là con đường “dũng đạo” (lối đi giữa, đắp cao hơn hai bên, dành cho vua quan đi), dài mấy chục dặm. Nếu từ con đường “dũng đạo” ấy nhìn thẳng ra phía trước, thì có một hòn đá khổng lồ khác, dựng đứng như một cột đá giữa biển. Khi nước thủy triều dâng lên cao, thì cột đá này chìm xuống. Khi nước xuống, cột lại trồi ra. Mọi người không biết nước biển chỗ ấy nông sâu ra sao, cho nên cứ gọi đó là “Trụ cầu của trời” (Thiên kiến trụ). Trụ cầu của trời xem ra thì rất giống do con người đào gọt nên, nhưng xem xét thật kỹ thì không phải; con người hoàn toàn không thể làm được như thế. Vậy mà trong sách “Tam Tể lược ký” lại viết rằng, Tần Thủy Hoàng đã bắc một chiếc cầu bằng đá khổng lồ trên mặt biển, và thần biển đã giúp ông ta dựng chiếc cột đá đó. Lúc ấy Tần Thủy Hoàng nói muốn gặp thần biển, thần biển trả lời rằng: “Mặt mũi ta rất xấu xí, ngài phải hứa với ta là không vẽ hình người của ta vào đá, ta mới gặp ngài”.

Tần Thủy Hoàng đồng ý và đi ngựa trên con đường “dũng đạo” ấy ra tận nơi cách xa bốn mươi dặm để gặp thần biển. Những người đi hộ vệ gần nhà vua, không ai làm gì cả. Nhưng những người thợ vẽ thì dùng chân bí mật vẽ hình người của thần biển. Thần biển phát hiện, bèn nổi giận quát mắng Tần Thủy Hoàng là hoàng đế mà không giữ lời hứa, thật là độc ác, rồi đuổi đi. Tần Thủy Hoàng sợ phát khiếp, vội quay ngựa chạy về chân trước vừa bước lên đất liền, chân sau vấp ngã xuống đất, vấp vấp mãi mới bước lên được bờ. Còn người thợ vẽ trộm thì chết chìm dưới biển. Lúc ấy, đá trên núi đều đổ nghiêng về hướng Đông, gần như sắp sụp đổ xuống biển. Đó là do cơn giận của thần biển đã làm rung chuyển núi đá, núi đá sợ hãi nên nghiêng ra phía biển, tạo thành cảnh quan kỳ vĩ như hiện nay.

Lúc ấy, vì Tần Thủy Hoàng sợ hãi quá nên sinh bệnh rất nặng, mặc dù ngự y Hạ Vô Thả đã “hết lòng cứu chữa”, nhưng vẫn không thể biết được hoàng đế mắc bệnh gì. Sau đó nhà vua phải tự mình viết một bài văn tế trong đó tự kiểm thảo sai lầm của mình, đưa ra biển đốt để tế thần, bệnh mới khỏi dần. Từ đó, Tần Thủy Hoàng càng mê tín hơn, càng tin thần tiên và trường sinh bất lão. Ngài lại thành lập một đoàn thuyền nữa ra biển tìm tiên và thuốc trường sinh bất lão. Đoàn thuyền này gồm một nghìn thiếu nam thiếu nữ, do các phương sĩ Hàn Chung, Hầu Cung và Thạch Sinh tiến cử. Khi Tần Thủy Hoàng và đoàn tùy tùng về Hàm Dương không lâu, có tin nói rằng đoàn thuyền này gặp gió to sóng dữ nên đã chết chìm, và làm mồi cho cá cả. Nhà vua rất buồn và than rằng tại sao trời không giúp ngài thực hiện ước vọng to lớn của ngài. Tuy nhiên, ngài không bao giờ tin rằng bản thân mình lại không có duyên phận với tiên.

HỘI THỦ HAI MƯƠI CHÍN

HỘI TỘI VIỆC ĐÓT SÁCH CHÔN TRÒ DỤNG CUNG XÂY LĂNG, XA HOA CỤC ĐỘ

Tần Thủy Hoàng sau khi làm xong hai việc dựng bia đá ở núi Kiệt Thạch, cử hai nhóm đạo sĩ ra biển tìm tiên và xin thuốc rồi mới quay về Hàm Dương. Khoảng hơn một năm sau lại đi kinh lược Lĩnh Nam. Chính quyền các quận mới lập như Mân Trung, Quế Lâm, Tương Quận, Nam Hải được củng cố, kinh tế phát triển, đồng thời đánh đuổi được quân Hung Nô ở Tây Bắc, mở rộng vùng Du Trung vốn là đất Tề cũ tới phía đông triền sông Hoàng Hà thành ba mươi tư huyện, và việc xây dựng Vạn lý Trường thành do Mông Điềm trông coi đã cơ bản hoàn thành. Khi đó lão thừa tướng Vương Quán dâng sớ cáo lão về quê. Thủy Hoàng lần lượt cho Lý Tư, Phùng Khứ Tật làm tả hữu thừa tướng. Vì việc này, mùa hè năm ba mươi, Thủy Hoàng bày tiệc yến trong cung Hàm Dương vui vẻ mừng công. Toàn thể bá quan văn võ trong triều đều dự, còn có cả bảy mươi vị tiến sĩ tham gia. Tất cả ăn uống vui vẻ, thưởng thức ca múa, quần thần thay nhau ca ngợi công lao to lớn của Thủy Hoàng, lần lượt nâng cốc chúc “Thánh thượng vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!”. Thủy Hoàng sung sướng gạt đầu vẫy tay, đáp lễ quần thần.

Bộ xạ Chu Thanh Thần rót đầy một chén ngự tửu, cung kính bưng tới trước bàn tiệc của Thủy Hoàng rồi tâu:

– Ngày xưa bờ cõi nước Tần ta không quá một nghìn dặm, lại ở vào một góc, thế hẹp khó phát triển. Từ ngày bệ hạ lên ngôi tới nay, sáng suốt như thần thánh, diệt tan sáu nước, bình định khắp nơi, đánh đuổi man di, những chốn mặt trăng mặt trời chiếu tới thấy đều thần phục. Lại còn xóa bỏ phân phong chư hầu, đổi thành quận huyện, người người yên vui, không còn chiến tranh. Sự nghiệp lớn lao, lưu truyền muôn đời. Ngay cả Tam hoàng Ngũ đế khi xưa cũng không sánh nổi thánh đức bệ hạ được. – Nói xong nâng chén rượu dâng lên Thủy Hoàng rồi lại nói – Xin bệ hạ ban ơn, uống cạn chén rượu này!

Quần thần hòa theo, đồng thanh ca ngợi Thủy Hoàng. Thủy Hoàng nét mặt rạng rỡ, đón lấy chén rượu của Chu Thanh Thần, nâng đầu uống cạn, xong cười và phán rằng:

– Quả nhân lo khôi phục gây dựng tổ nghiệp, đã ngày đêm suy nghĩ, hết lòng với xã tắc, mới có được ngày nay. Được Chu khanh phò tá, hết lòng làm tròn phận sự, có nhiều công lao, tất cả đều góp công, cho nên trẫm bày tiệc ban yến để khắp thiên hạ cùng chúc mừng, quần thần đều vui vẻ – Nói đoạn nâng cao chén rượu, nhìn khắp lượt quần thần, rồi uống một hơi cạn, tỏ ra vô cùng sung sướng.

– Tạ ơn thánh thượng!

– Chúc bệ hạ vạn thọ vô cương!

Quần thần đua nhau uống theo, đua nhau chúc tụng, hết đợt này đến đợt khác. Thật là tung bừng náo nhiệt!

Mãi sau mới dừng nâng chén chúc tụng, khi đó từ phía bàn các tiến sĩ một người rất nho nhã đứng lên. Ông ta mũ cao đai rộng, cử chỉ nghiêm túc, đẩy về một nhà nho. Ông đứng nghiêm chính giữa điện đường, cung kính chấp tay tâu với Thủy Hoàng:

– Thần là Thuần Vu Việt có lời bẩm tấu, chẳng hay, bệ hạ có muốn nghe hay không?

Thủy Hoàng thấy là một tiến sĩ, bụng đã nghĩ thầm: Lần trước phong thiên Thái Sơn, bọn tiến sĩ các người dẫn sách kinh điển, ngăn ta làm đường cho xe lên núi, khi xuống núi gặp phải mưa bão, lại còn được dịp nói bóng gió mỉa mai. Đến Tương Sơn lại khuyên ta cúng thần sông, kết quả là hai người phi của Thuần vẫn gây sóng to gió lớn, suýt nữa thì hất trẫm xuống hồ Động Đình. Hôm nay ban yến, cho các người ăn uống sướng miệng, chắc hẳn muốn bày tỏ cảm tạ ân đức đây. Hẳn phải là những lời tán tụng rồi. Nghĩ vậy, ngài bèn mỉm cười bảo:

– Tiến sĩ có cao kiến gì, quả nhân sẵn sàng nghe.

Thuần Vu Việt thấy Thủy Hoàng vui vẻ như thế, cảm thấy thật là một dịp tốt hiếm có, nhất định phải nói cho hết để vua nghe ra, đừng làm tròn trách nhiệm bầy tôi. Ông liền rất

đỉnh đạc râu rắng:

– Bệ hạ dọc ngang trời đất, nắm chắc Càn Khôn, tài cao chí lớn, sự nghiệp vĩ đại; muôn dân thần phục, bốn biển thanh bình. Nhưng ngu thần thiên nghi, Thương, Thang, Cơ, Chu lập nghiệp trị nước đều lâu dài hàng nghìn năm. Mấu chốt của thành công đó là ở chỗ con cháu vua tôi có công đều được cất đất phong hầu, như cành lá cùng một cội gốc, trợ giúp nhau cùng tồn tại. Nay Thánh thượng đã có cả bốn biển, làm vua cả thiên hạ, nhưng các hoàng tử đều chưa được phong vương, suốt đời ăn lộc hoàng gia, không có chức có quyền gì, chẳng khác chi bách tính. Nếu như gặp phải Tề Điền Thường giết Giản Công, sẽ là cái họa lục Khanh Chí, Phạm, Trung Hành, Hàn, Triệu, Ngụy chia cắt nước Tần, thì con cháu vua và tông tộc làm sao có thể dấy binh bảo vệ được hoàng đế? Thế chế cổ xưa được noi theo hàng nghìn năm, tất có điều phải trong đó. Cho nên người xưa dạy: Cái lợi không tăng lên được mười lần, thì không thay đổi điển chế. Sự nghiệp không làm theo cổ xưa mà trường cửu được, thần chưa bao giờ nghe thấy cả. Nay Thanh Thần cứ một mực nịnh hót để cho nhà vua vui vẻ, mà không can ngăn nhà vua xem xét sửa đổi cái sai của điển chế, không nhìn vào tình trạng nguy khốn, cố làm ra vẻ yên bình, dùng những lời nói ngon ngọt để che lấp tô vẽ các sai trái. Đó thực sự không phải bề tôi trung thần. Kính mong bệ hạ minh xét, không để bị mê hoặc. Được vậy thì nước đại Tần chúng ta thật là may mắn!

Thuần Vu Việt dám cả gan nói những lời đại dột như vậy, còn hàm ý châm chọc đả kích công việc triều chính. Không những Chu Thanh Thần tức giận cầm bật như hén, bực bội ra mặt mà ngay cả Thủy Hoàng và Lý Tư cũng cảm thấy dột ngọt. Hơn nữa mũi nhọn lại chia thẳng vào chế độ quận huyện mà Thủy Hoàng và Lý Tư đều rất đặc ý. Do đó có thể thấy đây là luận điệu cũ rích mấy năm trước của cựu thừa tướng Vương Quán và vương thúc Doanh Tần Tử Khang. Năm ấy tuy đã thất bại trong nghị sự triều đình và im hơi lặng tiếng nhiều năm, nhưng một khi gặp được hoàn cảnh và thời cơ, như buổi ngự yến có vua tham dự, quần thần đông đủ thế này, thì bọn họ lại không thể không ngóc đầu dậy, tô son trát phấn cho chế độ phân phong đã bị phế bỏ nhiều năm, mưu toan lại bước lên vũ đài chính trị, mà kết quả của nó chỉ là làm đảo ngược lịch sử mà thôi. Vì vậy, lời tấu của Thuần Vu Việt có tính chất tiêu biểu. Nếu không phản kích lại, e những lời nói sai trái này sẽ gây ra hỗn loạn về tư tưởng... Nghĩ tới đây Thủy Hoàng và Lý Tư thực sự phần nộ về những ý kiến của Thuần Vu Việt. Ông ta không còn là học giả, cũng không chỉ là con một sách, ăn sống nuốt tươi lời người xưa nữa, mà là đại diện chính trị của phe bảo thủ và ngoan cố rồi, muốn lấy xưa phủ định hiện tại. Nhưng Thủy Hoàng lại nghĩ, mọi người chưa được chuẩn bị về tư tưởng, nếu bây giờ tỏ thái độ ngay, tuy có thể giành được hiệu quả nhanh chóng bề ngoài, nhưng thực tế vấn đề chưa được giải quyết căn bản. Nếu như muốn xoa dịu mâu thuẫn, đều hòa xung đột, không gì tốt hơn bằng dắt dẫn tranh luận đi vào chiều sâu – trước hết hãy để cho họ nói ra tất cả những gì họ muốn nói rồi sau ta sẽ trừng trị. Việc quân không loại trừ đánh lừa kia mà. Hừ!

Chủ ý đã định, Thủy Hoàng ra bộ hòa nhã nói với quần thần:

– Hôm nay ban yến mừng công, vua tôi cùng vui, không phải là ngày triều chính bàn định việc nước, trình tâu những điều hay lẽ phải. Ý kiến của hai khanh Chu, Thuần trái ngược nhau, lúc này không cần bàn cãi nữa để khỏi ảnh hưởng tới không khí vui vẻ của buổi yến tiệc. Sau đây Tả thừa tướng Lý Tư sẽ chủ trì việc này. Vào buổi chiều sau chư khanh sẽ nêu ý kiến, thảo sớ trình bày; để thu thập được ý kiến rộng rãi và nhiều điều bổ ích, làm rõ đúng sai, trầm phải chọn cái tốt để noi theo. Chư khanh thấy thế nào?

Quần thần nghe xong nhất trí tán thưởng, không còn ai tâu trình gì nữa. Tất cả đều dồn hết hứng thú vào ăn uống rượu thịt. Yến tiệc xong xuôi, mọi người tạ ơn Thủy Hoàng rồi ai về nhà nấy. Quần thần phần lớn chịu ơn của nhà vua, được dự ngự yến, đều rất hài lòng và ngủ rất ngon lành, chỉ có hai người không chợp được mắt. Một là Chu Thanh Thần, vốn muốn nịnh hót tâng bốc Thủy Hoàng, mong được thánh thượng ban khen và đồng liêu ngưỡng mộ. Nào ngờ lại bị lão già khốn khiếp Thuần Vu Việt mỉa mai cho một trận, tức giận ăn không được, ngủ chẳng xong, thao thức suốt cả đêm. Một người nữa là Thuần Vu Việt. Sau khi bột phát lên tiếng về danh nghĩa phản bác Chu Thanh Thần, thực chất là chỉ trích Thủy Hoàng đã làm ngược lại chế độ cổ xưa, rồi bỏ kinh sách, thấy Thủy Hoàng đã không nổi giận, lại còn ra lệnh cho Lý Tư chủ trì buổi triều chính lần sau, tiếp tục lắng nghe ý kiến mọi người, thì tưởng rằng tác phong Thủy Hoàng đã có chuyển biến lớn, cho

rằng mình phải nắm lấy cơ hội này can gián tiếp thánh thượng, khuyên ông phế bỏ chế độ quận huyện, khôi phục chế độ phân phong. Được thế thì công lao mình có thể sánh kịp các bậc khanh tướng... ông suy nghĩ miên man, phần khởi không ngủ được, chỉ đợi chờ sớm tới buổi chầu lần sau.

Tội nghiệp cho ông lão tiến sĩ Thuần Vu Việt quá đỗi ngây thơ. Trong buổi chầu mà ông mỗi mắt trông chờ hóp vào bảy ngày sau, ông không thấy Thủy Hoàng mỉm cười nữa, và chính ông cũng không được tấu trình. Chỉ thấy Tả thừa tướng Lý Tư đứng đĩnh đạc từ bàn văn bước ra đứng giữa cung đình, tay cầm một văn bản đã viết sẵn, sang sảng tuyên đọc: “Công việc ba đời họ Thương Chu, chẳng đáng noi theo. Hiện giờ học trò không học cái ngày nay mà lại học cái cổ xưa, lấy cái cổ xưa phủ định cái ngày nay, mê hoặc dân chúng, nói ra toàn những đạo cổ xưa có hại đến ngày nay, tô vẽ hoang đường làm rối loạn sự thật. Đề cao tự học, nhạo báng sự nghiệp bệ hạ đã xây dựng. Nay hoàng đế đã có cả thiên hạ, định rõ phải trái, thống nhất quy chế. Nhưng có những kẻ kết bè với nhau làm bậy, dạy người ta phải nhận pháp chế, thấy triều đình ban bố pháp lệnh thì lập tức chê bai bằng các học thuyết của mình, trong nhà thì chỉ trích, ngoài đường thì bàn tán xì xào, khoe khoang học thuyết chủ trương của mình, lừa dối thiên hạ để cướp lấy tiếng thơm, tâng bốc tà thuyết dị đoan của mình là cao thượng, lời kéo nhiều nhà nho nói năng sàm bậy. Những hành vi đó nếu không ngăn cấm thì thế lực của quân vương sẽ bị hạ thấp và khi đó thì thế lực của đám hư nho cùng bè đảng sẽ ngoi lên, cho nên phải lập tức cấm chỉ”.

Tiếp đó, Lý Tư đưa ra dự thảo sắc lệnh đốt sách:

“Thần thỉnh sử quan, trừ những sách ghi chép lịch sử nước Tần ra, những sách sử khác đều đốt hết. Không phải là quan tiến sĩ do triều đình bổ nhiệm, tất cả những ai tàng trữ “Kinh Thi”, “Kiều Thư”, “Luận ngữ”, “Mạnh Tử” và Bách Gia Chư Tử, đều phải mang nộp cho li úy quận, huyện địa phương để đốt. Kẻ nào dám tuyên truyền thi, thư, chém đầu! Kẻ nào lấy cổ phỉ báng kim, tru di ba họ! Lệnh đốt sách công bố ba mươi ngày, kẻ nào không đốt, thì thích chữ vào mặt sung quân, phát vãng đến Trường thành làm lao dịch. Quan lại biết sự việc không trình báo, là đồng lõa với kẻ phạm pháp. Nhưng cũng có sách không bị đốt, tức là những sách y dược, sách hướng dẫn trồng trọt. Những người nào học pháp luật, thì bãi quan lại địa phương làm thầy để học pháp luật nước Tần”.

Lý Tư tuyên đọc xong, Thủy Hoàng phê chuẩn ngay, ra chiếu thư toàn quốc chấp hành. Trận hủy diệt văn hóa truyền thống Trung Quốc chưa từng có kể từ thời thượng cổ, trung cổ đến ba đời Hạ, Thương, Chu, cho tới cuối đời Chiến Quốc và Sơ Tần bắt đầu. Thế là bốn phương sợ hãi, muôn dân khiếp đảm. Trong thời hạn ba mươi ngày, chỉ riêng thành Hàm Dương đã giao nộp, bắt nộp hơn hai vạn xe sách gồm các loại thi, thư và Bách Gia Chư Tử. Các loại sách viết bằng tre, bằng vải, lụa đều có cả Thủy Hoàng hạ chiếu điều động lực lượng quân đội đào hơn mười chiếc hố lớn diện tích hơn ba mẫu ở ngoài thành Hàm Dương. Để phô trương thanh thế, “nêu gương” cho cả nước, Lý Tư cho dựng một đài cao tại chỗ đốt sách, mời Thủy Hoàng và quần thần văn võ đến giám sát. Sách chất cao như núi trong mười chiếc hố lớn. Hàng vạn quân lính bên tay cầm đuốc vây quanh các hố, chờ lệnh thi hành. Quần chúng nghe tin đến xem đốt sách, quây kín vòng trong vòng ngoài có tới mười mấy vạn người, chẳng khác gì binh lính đang dàn đội hình đối mặt với quân thù.

Thủy Hoàng ngồi chính giữa đài cao quan sát. Cảnh tượng và thế trận uy nghiêm hùng tráng như thế này, trước đây chỉ có hai lần. Lần thứ nhất là xe ngựa phanh thây Lao Á trước cung Hàm Dương hai mươi năm năm trước. Lần thứ hai là cuộc tàn sát lớn đối với vương tộc quan lại nước Triệu cùng tám mươi ba gia đình họ ở Hàm Đan, kinh đô nước Triệu mười lăm năm trước. Lần này tuy không phải là giết người, nhưng lại tàn khốc hơn cả giết người. Ông đã hủy diệt trong chốc lát tinh hoa văn hóa dân tộc, rường cột và món ăn tinh thần mà cả dân tộc đã dựa vào đó để sinh tồn, phát triển trước khi có nhà Tần. Khi Lý Tư phát lệnh, hàng vạn bó đuốc lập tức được ném vào những núi sách. Chỉ trong giây lát, lửa bốc ngút trời, khói bay mù mịt. Trong khi dân chúng đứng xem đau lòng rơi lệ, che mặt khóc than, thì Thủy Hoàng lại cười ngặt nghẽo độc ác, nhìn Lý Tư như tán thưởng, dường như vô cùng phần khởi sung sướng vì đã giành được thắng lợi.

Trong thời gian đó, cả nước từ trên xuống dưới, tại quận, huyện, xã, thôn, từ quận thú, giám úy, huyện lệnh, huyện úy tới xã trưởng, đình trưởng, lý trưởng thực thi lệnh trên, đua nhau hành động. Trước hết ra lệnh cho mọi người tự giác mang nộp, sau đến từng

nhà, từng hộ cường chế lục soát bắt nộ. Đối tượng đầu tiên đương nhiên là các gia đình thư hương dòng dõi thi lễ. Vốn dĩ từ khi Thủy Hoàng lên cầm quyền, Nho gia đã bị ghẻ lạnh. Trừ một số rất ít sử quan, tiến sĩ nhận chức ở phủ đệ các cấp ra, đại đa số tín đồ Khổng Mạnh không được làm quan chức gì, đành phải kế thừa truyền thống cha ông, dựa vào việc mở trường tư thực, sinh sống bằng chút thù lao ít ỏi. Nhưng bây giờ do ông học sĩ Thuần Vu Việt nọ đã chẳng hiểu lẽ “ra cửa phải trông trời, vào nhà phải quan sát” lại dám nói những lời nghịch nhĩ động chạm tới thánh thượng, bị phán xét là phạm thượng làm loạn, đại nghịch bất đạo. Để đến nỗi khiến cho những tác phẩm “Thi”, “Thu”, “Lễ”, “Xuân thu”, “Luận ngữ”, “Mạnh Tử”, vốn được Nho gia tôn sùng và coi là chuẩn mực, cả đến sách của Bách Gia Chư Tử cũng bị đốt sạch sành sanh. Cuộc tấn công nặng nề, mang tính hủy diệt như thế này, thật sự làm cho những thư sinh chân yếu tay mềm quen “ôn lương cung, kiệm, nhượng” này không chịu đựng nổi. Để cứu vãn, bảo tồn di sản văn hóa, bảo tồn lý tưởng và niềm tin, một số người bất chấp nguy hiểm tính mạng, tìm mọi cách cất giấu những bộ sách quý lại. Một tiến sĩ ở Tế Nam, Tế Quận tên là Phục Thắng, tự là Tử Tiệp, sau khi nghe có lệnh đốt sách đã vội xây một bức tường kép trong phòng mình, giấu bộ sách “Thượng Thu” vào đó, khi quận úy đưa lính tráng tới lục soát bắt nộ, ông ta giả câm giả điếc, hỏi gì cũng lặng thinh, cuối cùng qua được mắt bọn quan lại sau khi Tần bị diệt, nhà Hán ra đời, Hiếu Văn Đế khôi phục lại Nho học, cho người đi tìm sách “Thượng Thu”, nhưng tìm đâu ra. Khi đó cụ Phục Thắng mới lấy sách “Thượng Thu” từ trong tường ra, nhưng không còn đầy đủ nữa chỉ còn hai mươi chín thiên. Ông cụ lúc đó đã hơn chín mươi tuổi, đã thông qua con gái, đọc truyền miệng cho Triệu Thác, một học giả đời Hán ghi lại sách này được gọi là “Thượng Thu kim văn”.

Mục đích đốt sách của Thủy Hoàng chủ yếu nhằm tiêu diệt học thuyết Nho gia. Khúc Phụ Khổng Phụ nước Lỗ là nơi phát tích Nho gia, đương nhiên đó là mục tiêu tấn công đầu tiên. Khổng Phụ cháu tám đời của Khổng Tử vốn đã từng được Thủy Hoàng triệu kiến, tôn là Văn thông quân nước Lỗ, bổ nhiệm chức Thiếu phó. Một tiến sĩ là Trần Dư Phong báo cho ông biết tin đốt sách, và cho hay Thủy Hoàng muốn đốt hết sách các triều trước mà ông lại chính là người giữ sách Nho gia chính tông, điều này thật là nguy hiểm. Khổng Phụ đã trả lời, điều đáng sợ là Thủy Hoàng muốn đốt hết sách trong thiên hạ, vì không làm như vậy sẽ trở thành tai họa cho ông ta, cho nên việc trước tiên phải cất giấu kỹ sách, quan chức tìm không thấy, thì chẳng còn nguy hiểm nữa. Thế rồi ông vội vàng giấu “Luận ngữ”, “Thượng Thu”, “Hiếu kinh” vào trong tường ghép nhà mình, sau đó đến sống ẩn náu ở Tùng Dương, lén lút dạy hơn một trăm học trò học thuyết Nho gia. Còn một người nữa tên là Khổng Đằng, cũng giấu “Thượng Thu”, “Hiếu kinh” và “Luận ngữ” trong tường kép ở sảnh đường Khổng Phủ. Tới thời Hán Vũ Đế, Lỗ Cung Vương dỡ nhà Khổng để mở rộng cung thất của mình, đã tìm thấy trong tường ghép những bộ sách “Thượng Thu”, “Lễ Ký”, “Xuân thu”, “Luận ngữ”, “Hiếu kinh”. Những sách này đều viết bằng sơn, nét hạ bút mạnh, nét dừng bút nhẹ, hình chữ giống như con nòng nọc, cho nên gọi là “Khoa đầu văn”.

Những nho sinh như Phục Thắng, Khổng Phụ, Khổng Đằng dũng cảm bất chấp hiểm nguy tìm mọi cách để giấu kinh điển Nho gia dĩ nhiên không phải là ít. Cũng có một số nho sinh biết tin muộn hơn, không kịp cất giấu sách, có người giấu đi rồi, nhưng bị tố giác, và bị phát hiện, nhìn những cuốn sách quý như tính mệnh mình bị cướp đi, bị ném vào lửa rừng rực cháy thành tro mà lòng đau như cắt như mất cha mất mẹ. Những người bất chấp nguy hiểm xông vào đồng lửa cướp lại sách, bị giết ngay tại chỗ, bị tru di ba họ, bị thối chũm vào mặt phát vãng, đầu phải chỉ là con số hàng nghìn hàng vạn. Khi tình hình này được phản ánh tới Thủy Hoàng, ông ta như hiểu ra được đạo lý của Khổng Mạnh đã phải thốt ra: “Có người lấy sức mạnh thuyết phục người, có người lấy đức thuyết phục người. Thuyết người bằng sức mạnh thì không thể nào khiến người tâm phục được, sẽ thất bại. Lấy đức thuyết phục người, thì người ta trong lòng vui vẻ và thật sự cảm phục”. Thái độ của nho sinh đối với việc đốt sách chứng tỏ “không phải là tâm phục”, còn lâu mới tới mức “trong lòng vui vẻ và thật sự cảm phục”, vì thế ông ta càng ác cảm với nho sinh, càng thêm nghi ngờ. Tần Thủy Hoàng đang bực bội về chuyện đó, thì Lư Sinh, Hầu Sinh hai năm trước ra đi tìm tiên xin thuốc ngoài biển đã về đến Hàm Dương. Ông lập tức cho vời vào, trách hỏi họ làm sao bây giờ mới về, tìm tiên xin thuốc có kết quả gì không. Lư Sinh liền uốn ba tấc lưỡi khôn khéo tâu với Thủy Hoàng rằng:

– Chúng thần đi lại nhiều lần trên biển Đông, nhưng lần nào cũng gặp yêu quái trên

đường. Chúng hô phong vũ, chặn không cho thuyền đi. Chúng thần không địch nổi đành phải trở về. Thật là làm nhục mệnh vua, nay xin nhận tội trước bệ hạ.

Thủy Hoàng nghe nói thế, liền tưởng ngay tới chuyện đi gặp thần biển ở núi Kiệt Thạch, liền tin ngay và không nghi ngờ gì. Xem ra muốn có thuốc trường sinh bất tử thì phải dựa vào tự thân tu luyện thành chân nhân thôi, cảm ứng được với chân nhân, trên thánh thần sẽ mang thuốc tới cho. Thủy Hoàng lo lắng hỏi:

– Như quả nhân đây, phải tu luyện bao lâu mới thành được chân nhân?

Lư Sinh thừa cơ tâu lấy lòng Thủy Hoàng:

– Bệ hạ là thiên tử tôn quý, bản thân đã là nửa tiên rồi. Chỉ cần thành kính tu luyện, thì ba năm sẽ thành chân nhân.

Thủy Hoàng cười bảo:

– Trẫm chinh chiến tiêu diệt sáu nước mất ba mươi năm mà tưởng như bóng câu qua cửa sổ. Ba năm tu luyện thành chân nhân, thời gian đâu phải dài, nhưng không biết phải làm như thế nào?

Lư Sinh nói:

– Bệ hạ gánh vác trách nhiệm nặng nề đối với quốc gia xã tắc, đương nhiên không thể hoàn toàn thoát ly việc triều chính được, nhưng phải cố cách ly với ngoại giới, tránh bị phiền nhiễu. Nơi ở không thể để phi tần và các quần thần được biết. Mọi việc chính sự đều làm ở cung Hàm Dương, do Lý Tư và Triệu Cao truyền đạt ý chỉ, một mình bệ hạ quyết đoán, không cần để triều thần bàn bạc.

Thủy Hoàng thấy cách tu luyện này phù hợp với thực tế bản thân, liền ngay hôm sau không lâm triều nữa mà để các quan đến cung Hàm Dương cầu kiến, thỉnh thị. Thủy Hoàng còn đổi cách xưng hô, nhận là “chân nhân” để mong tăng cường cảm ứng về tâm linh với chân nhân trên biển, đẩy nhanh quá trình tu luyện thành chân nhân. Lư Sinh và Hầu Sinh được Thủy Hoàng trọng thưởng cho ở lại quán dịch, sẵn sàng vào cung để Thủy Hoàng hỏi han.

Nào ngờ Thủy Hoàng là người hiếu động, ở mãi trong cung Hàm Dương thấy tẻ nhạt, mùa xuân năm thứ ba mươi nhăm bèn đến du ngoạn cung Lương Sơn, ở huyện Phù Phong. Một hôm Thủy Hoàng lên núi nhìn ra xa, trông thấy nghi trượng, ngựa xe, tôi tớ của Tả thừa tướng Lý Tư thanh thế hiển hách chẳng kém gì mình, bèn than thở: “Ông ta chẳng khác gì vua của một nước vạn cỗ xe rồi”. Có quan tùy tùng đem chuyện này nói lại với Lý Tư. Lý Tư cả sợ, cho dẹp bớt nghi thức. Biết chuyện, Thủy Hoàng tức giận cho rằng dút khoát trong đám tùy tùng hôm đó đã có kẻ tiết lộ câu nói của ông với Tả thừa tướng, bèn ra lệnh ngay cho Ngự sử đại phu Phùng Kiếp tra xét việc này. Qua thẩm vấn, không có ai nhận, thế là Thủy Hoàng lập tức hạ chiếu chém tất cả ba mươi bảy người gồm hoàng môn, hoạn quan, cung nga có mặt trong chuyện theo hầu đi cung Lương Sơn hôm đó. Đạo sĩ Lư Sinh, Hầu Sinh bàn bạc riêng với nhau:

– Thủy Hoàng là người ngang ngược. Đánh diệt sáu nước, thôn tính thiên hạ, luôn làm theo ý riêng, cho rằng các bậc quân vương xưa nay không ai bằng mình. Chỉ tin dùng các quan nắm giữ hình ngục, ngục lại được sủng ái. Bảy mươi hai vị tiến sĩ chỉ để làm vi. Làm vua mà chỉ dùng hình phạt giết chóc để ra oai, trong triều ngoài nội trên dưới đều sợ mắc tội, chỉ mong giữ thân mình, không dám tậ trung bảo vệ nước. Nhà vua đã hám quyền thế đến mức này, chúng ta hà tất phải đi tìm thuốc tiên cho ông ta làm gì? – Và hai người đã lặng lẽ trốn đi.

Thủy Hoàng nghe nói Lư Sinh, Hầu Sinh bỏ trốn thì dùng dùng nổi giận thét bảo: “Bọn Lư Sinh, Hầu Sinh là đồ vô lại, ta đối xử với họ không bạc, ban thưởng rất hậu hĩnh, vậy mà hôm nay lại phỉ báng ta, nói ta không nhân đức. Ta phải cho người xét hỏi bọn nho sinh ở Hàm Dương, xem họ có phải đã dùng lời lẽ yêu ma mê hoặc dân chúng, làm nguy hại sơn hà xã tắc không?”

Thủy Hoàng đã đích thân lệnh cho Ngự sử đại phu Phùng Kiếp tra hỏi từng nho sinh ở Hàm Dương. Các nho sinh không chịu nổi cực hình, đành phải tố giác lẫn nhau. Thủy Hoàng đích thân xét duyệt, lệnh chôn sống bốn trăm sáu mươi nhăm người tại Hàm

Dương, đã can tội “phỉ báng”, “kéo bè kéo cánh”, “mê hoặc dân chúng”... Trong số này có nho sinh và cả đạo sĩ.

Đúng như câu nói đã được Khổng Tử cảnh báo: “Người quân tử có thể bị lừa dối theo cách của họ!”. Thủy Hoàng và Lý Tư nhằm trúng và lợi dụng những nhược điểm của nho sinh văn nhân là coi thường nhau, hay kêu ca oán thán, thường ngày thì bạo miệng, xảy chuyện thì nhút nhát. Thủy Hoàng đã kết hợp thủ đoạn cả cương và nhu, dụ dỗ, ép buộc bốn trăm sáu mươi nhăm nho sinh, đạo sĩ tố cáo, vạch tội lẫn nhau. Họ cứ tưởng rằng dù chủ động hay bị động, chỉ cần khai báo hoặc tố cáo “hành vi lời nói sai trái” là được miễn tội hoặc giảm nhẹ tội, cho nên đều cung khai, tố cáo hoặc nhận tội. Nào ngờ sau khi cung khai và ký tên, họ đều bị trọng tội và bị tử hình bằng cách chôn sống.

Sau khi nghe tuyên án, nổi thất vọng, đau khổ, căm giận của họ không sao kể xiết, nhất là lúc vĩnh biệt người thân. Nào nùng thay cảnh “Cha mẹ vợ con đi tiễn đưa, bụi mờ chẳng thấy cầu Hàm Dương. Núi áo giậm chân ngăn đường khóc, tiếng than vọng mãi tận trời xanh”!

Thủy Hoàng dựa vào ý kiến của Ngự sử đại phu Phùng Kiếp và Tả thừa tướng Lý Tư về vụ án nho sinh, đạo sĩ trên, lập tức hạ chiếu, xử cực hình chôn sống bốn trăm sáu mươi nhăm người này. Văn võ bá quan trong triều không ai dám nói gì, họ đều biết Thủy Hoàng đang trong cơn thịnh nộ, can gián chẳng những vô hiệu, mà còn có thể nguy hiểm đến bản thân, cho nên chỉ mong sớm được lệnh bãi triều, mau về nhà đóng cửa giữ mình. Vậy mà vẫn có một vị quan dám lên tiếng, đó là Phù Tô, con trưởng của Thủy Hoàng. Ông từ ban văn bước ra, tiến lên mấy bước, hô lớn một tiếng “Phụ hoàng!”. Sau đó vái dài quỳ xuống, khẩn thiết tâu:

– Phụ hoàng dẹp tan sáu nước, tới nay đã được mười năm, thiên hạ bước đầu ổn định, nhưng chúng dân nơi xa xôi vẫn chưa quy phục. Nay nên lấy lòng khoan dung độ rộng rãi để giáo hóa, để họ nghe theo và thân phục. Mà công đức giáo hóa thì Nho học đứng đầu, lấy nhân từ khoan thứ làm tư tưởng, lấy hiếu lễ làm gốc, tu thân tề gia, thì sẽ trung quân báo quốc. Nho sinh tiến sĩ khuyên ngăn, đều là vì phụ hoàng và xã tắc; lời nói có điều sai, lòng trung vẫn thấy rõ. Nếu xử cực hình, tội trạng quá nặng, e lòng dân xao xuyên, xã tắc không bình yên. Muôn vạn xin phụ hoàng nghĩ lại, khoan hồng xá tội. Nhi thần muôn vạn đội ơn. – Nói xong cất tiếng khóc rống.

Những lời can gián thiết tha của Phù Tô không những chẳng mảy may lay chuyển được tính cách ngạo ngược của cha, mà đã chọc vào râu hùm. Thủy Hoàng cau mặt lại, giận dữ quát:

– Nho sinh, đạo sĩ phỉ báng triều chính, vu cáo khinh miệt trăm, có mưu đồ gian trá, mê hoặc chúng dân. Ngự sử luận tội rất đúng, ai cho phép can dự vào? Người thật to gan!

Phù Tô cảm thấy hơn bốn trăm con người này chết thật oan uổng, định nói thêm nhưng vừa buông được hai tiếng “Phụ hoàng” đã bị Thủy Hoàng quát bắt im ngay, và ra lệnh cho ông:

– Nhà ngươi đã làm mất thể thống, làm rối loạn việc triều chính, phải đi ngay Thương quận ở biên cương phía Bắc giúp Mông Điền lo việc quân. Ngày mai lên đường, không được chậm trễ!

Sự việc đã thế này, Phù Tô biết chẳng thể nào cứu vãn được nữa, đành nuốt lệ khầu tạ phụ hoàng, bung mặt khóc lóc ra đi.

Bốn trăm sáu mươi nhăm nho sinh, đạo sĩ mất hết hy vọng cải tử hoàn sinh đã bị chôn sống trong một hồ lớn bên sông Vị Thủy, ngoại thành Hàm Dương.

Thủy Hoàng sau khi ngang ngược xử tử nho sinh, đẩy Phù Tô ra biên ải rồi, vẫn chưa nguôi cơn giận dữ. Từ việc đưa con đẻ của mình đã bất chấp nguy hiểm đứng ra xin cho nho sinh, Thủy Hoàng liền tưởng đến những người bất mãn với việc chôn học trò chắc chắn sẽ không ít, nhất là đám học trò của Khổng, Mạnh tuân theo sự dạy bảo của tổ tông: “Nếu vua coi bề tôi như chân tay, thì bề tôi coi vua như cha mẹ; nếu vua coi bề tôi như cỏ rác, thì bề tôi coi vua như kẻ thù”. Giờ đây, ông đã giết hại nhiều nho sinh như thế, thì những nho sinh coi ông như quân thù nhất định sẽ rất nhiều, nếu không tiêu diệt họ, thì đó là mối hiểm họa lớn nhất. Song những người này đã rút được bài học xương máu, rất ít

phát biểu ý kiến bàn luận, không tóm được sơ hở của họ thì không trị được họ, vì vậy phải đổi sang dùng cách khác mới có hiệu quả. Thế là Thủy Hoàng cho vời Lý Tư, Triệu Cao tới bí mật bàn bạc, vạch ra một kế hiểm độc, trái lẽ trời, ngược đạo lý, tức là chiếu chỉ cho các quận huyện trong cả nước: Vì lần này đã xử tử hơn bốn trăm nho sinh phạm tội, triều đình khẩn cấp cần người, tiến cử ngay những người Nho học giỏi giang tới kinh đô, xung vào làm việc tại các ban quan văn, sẽ được trọng dụng. Trải qua việc đốt sách trước đây không lâu, các quận huyện đều biết rõ tình hình nho sinh địa hạt mình như lòng bàn tay, huống hồ đây là một dịp tốt để tỏ lòng trung thành với Thủy Hoàng, cho nên đều tức tốc tiến hành thi cử, chọn lựa đề bạt, nhanh chóng chuyển đám nho sinh này tới Hàm Dương, tất cả hơn bảy trăm người. Đúng thật là “hiền tài đều đã tới già trẻ đều đủ mặt”, quang cảnh thật vô cùng náo nhiệt. Thủy Hoàng hạ chiếu ban yến ở cung Hàm Dương để tiếp hơn bảy trăm vị đại nho, bá quan văn võ đều tham dự. Lọng cờ phơi phới, trầm đốt đầy triều, thật là một cảnh tượng tưng bừng. Hữu thừa tướng Phùng Khứ Tật dẫn đầu bá quan quỳ lạy Thủy Hoàng, tung hô vạn tuế, sau đó phát biểu chào đón hơn bảy trăm vị đồng liêu mới tới. Thủy Hoàng cũng nói mấy lời khích lệ. Đúng vào lúc mọi người đang đua nhau nâng chén rượu thịt hả hê, bỗng thấy một hoàng môn bưng chiếc khay có mấy quả dưa đến trước bàn tiệc tâu với Thủy Hoàng:

– Muôn tâu thánh thượng, ở thung lũng Mã ở Lệ Sơn có hiện tượng lạ, đang mùa đông mà vẫn trồng được nhiều dưa mùa hạ, ban ngự thiện đã mua về mấy quả báo tin vui với bệ hạ.

Lời tâu vừa dứt, mọi người bàn tán âm ỉ, Thủy Hoàng giọng có vẻ nghi ngờ:

– Việc này rất lạ lùng, không biết là điềm gì đây?

Tất cả lại bàn tán xôn xao, mỗi người một ý, vô cùng sôi nổi, nhưng chẳng ai giống ai. Thủy Hoàng hào hứng nói:

– Mọi người ai cũng tài giỏi, rất khó nhất trí, tốt nhất là đến tận nơi, xem xem duyên cớ rút cục là thế nào!

Quần thần lập tức reo hò hưởng ứng, ăn uống vội vàng rồi kéo nhau lên xe, một đoàn vua tôi hơn một nghìn người ngồi trên hơn ba trăm chiếc xe, vung roi quất ngựa, một lát sau thì đến thung lũng Mã. Tới nơi, Thủy Hoàng tuyên bố, phần lớn những người ở kinh thành đã đến đây xem rồi, hãy để các nho sĩ mới tới được xem trước. Hơn bảy trăm nho sinh sau vụ đốt sách đã nản lòng ngao ngán, chỉ mong “giữ được tính mạng trong thời hỗn loạn, cầu mong gì nổi danh chức hầu”. Giờ đây, không những đã làm quan ở kinh đô lại còn được nhà vua trọng vọng, thật sự cảm thấy vô cùng sung sướng, phấn khởi, liền háo hức vội vàng đi xuống đáy thung lũng. Tới nơi ngắm nhìn thì quả nhiên thấy trên vạt đất khoảng nửa mẫu ở đây, các giàn dưa nổi thành hàng lối rất gọn gàng, một vùng xanh mướt, trồng đủ các loại dưa. Theo thời tiết, lúc này đã là tiết trong đông, phần lớn đã có sương lạnh và mưa tuyết, thế mà nơi này lại ấm áp, dưa lên xanh tốt và trĩu trĩu quả. Điều này thực sự khiến cho hơn bảy trăm nho sinh và kể cả lão tổ Khổng Phu Tử đều tự xấu hổ “không bằng ông già làm vườn”. Họ chỉ biết chăm chú nhìn, đi đi, lại lại quan sát, xem xét, suy nghĩ, thậm chí còn đưa ra những ý kiến này nọ để tranh luận với nhau.

Đúng vào lúc các vị học sĩ mãi mê bàn cãi vì sao ở cái đất miền Bắc lạnh giá này lại nhiều dưa như vậy thì nghe thấy những tiếng động âm âm. Trong nháy mắt, từ đỉnh thung lũng khắp bốn phía gỗ đá lao thẳng vào họ. Mấy trăm con người kêu thét âm ỉ, hoảng hốt chạy tán loạn, nhưng gỗ và đá cứ như núi lở ào ào lao xuống, khiến đám thư sinh yếu ớt chạy không thoát, tránh không nổi, chỉ biết kêu khóc thảm thiết, kẻ vỡ đầu gãy chân, người máu tan thịt nát, chết rất bi thảm. Hơn bảy trăm nho sinh bị gỗ đá bất ngờ tấn công đã chết oan uổng. Liệu trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy họ có kịp nhận ra là mình đã trúng độc kế “nhử đèn giết bướm”, dùng lợi lộc làm mồi nhử của tên bạo chúa Thủy Hoàng?

Thung lũng Mã Lệ Sơn do địa nhiệt mà có nhiệt độ khá cao, dưa trồng ở đây là để cung cấp cho ban ngự thiện dùng. Thủy Hoàng lợi dụng hiện tượng đặc biệt này, trên bờ thung lũng đã để sẵn rất nhiều gỗ cây và đá tảng, sau đó lừa đám nho sinh xuống đáy thung lũng xem dưa, nhân lúc họ không đề phòng đã đột nhiên tung gỗ đá xuống, để chôn sống họ. Vụ án thâm này được các sử gia gọi là vụ thung lũng nóng chôn sống học trò.

Trong số bốn trăm sáu mươi nhăm nho sinh bị Thủy Hoàng chôn sống lần thứ nhất có rất ít đạo sĩ, lại thêm Từ Phúc, Lưu Sinh, Hầu Sinh đã không hết lòng vì ông, khiến ông cảm thấy trường sinh không còn hi vọng, bản thân cuối cùng rồi cũng sẽ chết, thế là Thủy Hoàng chủ trương tận hưởng mọi khoái lạc trong những năm còn sống. Vì thành Hàm Dương dân số quá đông, nhà ở khó khăn, hoàng cung chật hẹp, chơi bồi hưởng lạc không thỏa thích, Thủy Hoàng liền nghĩ tới việc xây dựng một cung A Phòng tại Thượng Lâm Uyển trên bờ Nam sông Vị Thủy ở ngoại thành. Đây vốn là nơi cụ tổ Huệ Văn Vương chọn xây cung điện. Thủy Hoàng cho mở rộng diện tích và quy mô, đầu tiên xây dựng tiền điện A Phòng, đông tây rộng năm trăm bộ, nam bắc dài năm mươi trượng, bên trên ngồi được hàng vạn người, dưới dựng được một lá cờ đại kiểu bình phong dài năm trượng. Vòng ngoài là hành lang chạy được xe, từ dưới điện chạy thẳng tới Nam Sơn. Trên đỉnh Nam Sơn xây một cửa cung, xây thêm một đường kếp để đi lại hai chiều, từ cung A Phòng vắt ngang qua sông Vị Thủy thông tới cung Hàm Dương, để tượng trưng thiên cực. Đường hành lang tách rời khỏi mặt đất, hình thể như lơ lửng trên không. Chủ thể cung A Phòng xây dựng ở Lệ Sơn, đá lấy ở Bắc Sơn, nguyên vật liệu xây dựng vận chuyển từ hai quận Thục, Kinh về. Quần thể kiến trúc chính cung A Phòng trong Sơn Hải Quan có ba trăm cung thất, ngoài Sơn Hải Quan có hơn bốn trăm cung thất, chiều dài tới hai trăm dặm. Trong cung có hai trăm bảy mươi đạo quán; đường giáp hai chiều nối liền với đường hành lang, trong đó căng đầy màn trướng, có đầy đủ chuông trống, mỹ nhân để ca múa.

Cung chính A Phòng chiều đông tây ba dặm, chiều nam bắc năm dặm, trong sân chứa được mười vạn người, rượu chở bằng xe, thực phẩm thì dùng ngựa chở; nghìn người hát vạn người họa theo. Cung A Phòng cao mấy chục nhậm (một nhậm bằng tám thước), đông tây năm dặm, nam bắc nghìn bộ, xe chạy đường vòng tròn, bốn ngựa cùng thẳng cương phi song song, cờ quạt phấp phới, thông suốt thoải mái. Còn có thêm cả lý cung biệt thự, rải ra khắp núi khắp khe, đâu đâu cũng là đường xe ngang dọc đan xen nhau, tổng chiều dài hành lang nối thông Lệ Sơn dài tới tám trăm dặm.

Tiền điện A Phòng xà làm bằng gỗ lan, cửa bằng từ thạch, nếu có người giấu vũ khí đi vào cửa sẽ bị từ thạch hút chặt, chức năng của cửa thật thần kỳ. Thiết bị trong cung sang trọng, vàng bạc châu báu không sao kể hết. Điều khiến người ta kinh ngạc nhất là cây đèn năm nhánh bằng ngọc đen, cao bảy thước năm tấc khắc hình một con rồng cuộn, miệng ngậm đèn, khi đốt đèn, vẩy con rồng phập phồng khép mở, giống như sống thật, ánh sáng rực rỡ như muôn sao lấp lánh, cả tòa cung thất sáng bừng cực kỳ tráng lệ. Trong cung có mười hai người đúc bằng đồng, ngồi xếp hàng trước bàn tiệc, cao ba thước, tay cầm những nhạc cụ như đàn trúc, ống sinh, ống sáo, tất cả đều mặc quần áo rất đẹp, sống động như thật. Phía dưới bàn tiệc có hai chiếc kèn đồng, miệng kèn quay lên trên cao tới mấy thước, vươn dài ra phía sau bàn tiệc. Trong đó có một kèn rồng một kèn ngựa, trong có một dây thừng to bằng ngón tay, khi biểu diễn, một người thổi kèn rồng, người ngựa kéo chiếc dây thừng, thế là tất cả các nhạc cụ đều đồng thời tấu lên, như có người diễn tấu thật, nghe rất là hay. Trên kỹ đặt một đàn cầm dài sáu tấc, có mười ba dây, hai mươi sáu chiếc cầm huy, đều khảm nạm bằng đá quý bảy màu, khắc tên “Nhạc Phiến Du”. Còn một chiếc sáo ngọc ngựa, dài hai thước ba tấc, hai mươi sáu lỗ, thổi lên thì thấy ngựa xe rùng núi, nghe văng vẳng thấy tiếng bánh xe lăn lọc cọc; ngừng thổi thì cảnh tượng ấy cũng không còn, khắc tên “Nhạc Thiêu Hoa”. Nghe nói đặc biệt kỳ lạ là trong nội cung treo một tấm gương, rộng bốn thước, cao năm thước chín tấc. Trong ngoài hai mặt đều trong suốt. Người soi thẳng vào gương thấy hiện ra hình đảo ngược. Lấy tay ấn tim để soi thì lục phủ ngũ tạng đều nhìn thấy rất rõ. Nếu nội tạng có bệnh, đặt tay vào tim mà soi, thì phát hiện được bệnh ở bộ phận nào. Con gái có tà ý soi gương thấy túi mật to lên, tim động đập. Còn một tấm rèm treo ở cửa cung, nghe nói của đạo sĩ Từ Phúc dâng cho Thủy Hoàng. Nếu Thủy Hoàng để viên ngọc “vân châu” trên đầu gối thì rèm tự động buông xuống; người đi khỏi đó, rèm lại tự động cuộn lên, không cần móc treo, cho nên gọi là “rèm không móc”. Những thứ quý hiếm kỳ lạ này hai nghìn năm trước đã chế tác ra, đạt tới trình độ tuyệt diệu hơn cả thần thánh, thật sự khiến người ta thán phục!

Công trình khổng lồ này chưa hoàn thành thì Thủy Hoàng đã qua đời, Tần Nhị Thế tiếp tục xây dựng. Sau này Hạng Vũ vào Sơn Hải Quan, phóng hỏa đốt cung thất nhà Tần cháy liền ba tháng, cung A Phòng cũng bị thiêu trụi.

Thủy Hoàng không những muốn khi còn sống phải được hưởng thụ cực kỳ xa hoa, mà

còn muốn sau khi chết tiếp tục được phú quý để tự tôn vinh mình, bèn cho xây dựng một tòa lăng mộ của mình ở Lệ Sơn. Lệ Sơn còn có tên là Lam Điền, bắc có nhiều vàng, nam có nhiều bạc, Thủy Hoàng chọn nơi này để xây lăng tẩm cho mình. Xẻ núi phá đá, hút cạn nước ba dòng suối ngầm rồi cho bịt chặt lại, lấy đồng làm quách ngoài, chu vi rộng tới hơn ba mươi dặm. Mộ cao hơn mặt đất trên năm mươi trượng, chu vi năm dặm. Trên vách trong mộ vẽ cảnh thiên văn tinh tú, nền mộ thì dùng thủy ngân tạo nên bình thế địa lý của Tứ Giang, Bách Xuyên, Cửu châu. Bên trong chỗ nào cũng có những công trình kiến trúc cung đình, đạo quán, đặt các ghế ngồi cho hàng trăm quan và đại thần, cất giữ tất cả những đồ quý giá kỳ lạ. Đồng thời lệnh cho các thợ giỏi nghề khéo tay cài đặt cung nổ tự động, kẻ nào đến gần thì bị bắn chết. Trong mộ đèn nến làm bằng mỡ nhân ngư, có thể sáng mãi không tắt. Sau này Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ đánh phá Hàm Dương, mở huyệt mộ, dùng tới ba mươi vạn người chở các đồ vật trong đó đi ba mươi ngày vẫn không chở hết. Sau đó, bọn đào mộ trộm ở Quan Đông phá hủy kim loại quách ngoài ăn trộm đồng. Đám người chặn cừu vào trong huyệt mộ tìm cừu lạc, sơ ý đốt cháy đồ đạc trong đó, cháy liền chín mươi ngày vẫn chưa tắt.

Cung điện và lăng mộ Thủy Hoàng cho xây dựng cực kỳ đồ sộ nhưng cũng cực kỳ hoang phí. Đã huy động về đây hơn bảy mươi vạn tù nhân làm lao dịch, kéo dài suốt gần hai mươi năm mới hoàn thành. Dân số nước Tần thời bấy giờ khoảng hai mươi triệu, số bị bắt đi xây dựng cung điện, lăng mộ cộng tất cả một triệu năm trăm nghìn người, khoảng năm mươi vạn đi đồn thú ngũ lĩnh biên giới phía Nam, ba mươi vạn quân theo Mông Điềm phòng thủ Hung Nô, năm mươi vạn người xây đắp Trường Thành, cộng thêm các tạp dịch khác, tổng cộng khoảng ba triệu người, bằng mười lăm phần trăm tổng dân số. Sử dụng sức dân to lớn và bức bách như vậy, nhân dân không thể nào chịu đựng nổi. Nhất là với luật pháp hà khắc, biết bao người vô tội trở thành “người có tội”, phải đi làm lao dịch không công nặng nhọc, nhân dân oán giận căm ghét ngày một nhiều. Vì vậy vào cuối những năm Thủy Hoàng, khởi nghĩa nông dân rục rịch khắp nơi, chỉ đợi thời cơ là bùng nổ.

HỒI THỨ BA MƯƠI

CAO TIỆM LY GẤY ĐÀN TRÚC GIẾT VUA TÂN THỦY HOÀNG SOI GUƠNG GIẾT PHI TÂN

Thối kiêu căng xa xỉ, hoang tàn vô độ của Thủy Hoàng trong cung và sự xa hoa về cung điện, lăng mộ thì ông ta vượt rất xa các tiên vương đời Tần, nhưng lại coi đó là việc làm rạng rỡ thêm công đức tổ tông để khoe khoang, đề cao mình là ông vua đã diệt tan sáu nước, thống nhất thiên hạ. Sau mỗi lần diệt được một nước chư hầu, Thủy Hoàng lại bắt họa sĩ vẽ một cung điện tiêu biểu nhất của nước đó, sau đó cho xây dựng một tòa cung điện đúng như thế ở phía Bắc thành Hàm Dương. Trái qua mười năm, những tòa cung đình chủ yếu của sáu nước chư hầu: Hàn, Triệu, Yên, Ngụy, Sở, Tề đều được bắt chước đúng mẫu xây dựng tại Hàm Dương, cộng tất cả là 145 cung thất, giam giữ tại đấy trên một vạn mỹ nữ. Thủy Hoàng thường kéo đám cận thần văn võ đến thăm cung điện của một nước nào đó, ôn lại niềm kiêu hãnh tự hào của mình, hoặc có khi ngự giá tới cung cấm một nước, chọn công chúa, phi tần nước đó để thả sức hành lạc truy hoan, thỏa mãn dục vọng. Thế phách dôi dào của Thủy Hoàng không chỉ hạn chế ở lạc thú giường chiếu, hoan lạc mây mưa, ông còn rất thích săn bắn, lấy tài phi ngựa phóng nhanh, giương cung bắn nỏ để phô trương tư thế oai hùng của bậc mã thượng quân vương. Thượng Lâm Uyển ở Hàm Dương vốn dĩ là nơi săn bắn khá tốt rồi, nhưng Thủy Hoàng vẫn chê là nhỏ hẹp, mơ tưởng mở rộng khu vực săn bắn về phía Đông tới Hàm Cốc Quan, Tây đến Ung huyện và Trần Thương. Khi ông nói ý đồ này cho thừa tướng Vương Quán và Quý Trang, cả hai đều cảm thấy rất khó xử. Vì Ngụy Uyển mở rộng tới mức ấy thì sẽ phải phá hủy hàng nghìn hàng vạn mẫu ruộng tốt, phải di chuyển mấy chục vạn hộ dân đi nơi khác, làm như vậy sẽ khiến dân chúng căm phẫn, triều đình sẽ ở vào thế bị động. Họ đã đem việc đó để khuyên ngăn Thủy Hoàng, nhưng đã không được chấp nhận mà còn nhận được lệnh phải lập tức thi hành ngay. Hai vị thừa tướng biết, tiếp tục can ngăn không những vô hiệu quả, mà còn mang tội vào thân. Sau khi suy nghĩ kỹ càng, bèn quyết định tìm một viên quan chức nhỏ nhưng có vai trò lớn giúp đỡ, ông ta là lộng thần Ưu Chiên rất được Thủy Hoàng sủng ái.

Lộng thần là một sản phẩm quái dị trong cung đình cổ đại, họ không phải là quan lại chính thức, chỉ nhờ tướng mạo khác người (như Di Tử Hà thời Tống Linh Công) chuyên mua vui cho vua bằng trò vuốt ve, nịnh hót hoặc dựa vào nhanh trí, hài hước để vua giải trí bằng tài vật. Loại người này thường rất khéo can gián vua, và có hiệu quả tích cực. Điển hình là việc Ưu Mạnh nước Sở thời Chiến Quốc, hóa trang thành thừa tướng Tôn Thúc Ngao đã chết, khuyên giải Nhượng Vương hăng hái xây dựng đất nước. Hai vị thừa tướng Vương Quán và Quý tính đến chuyện phải nhờ Ưu Chiên giúp đỡ, đây là một lộng thần kiểu Ưu Mạnh. Ông ta không những địa vị thấp kém, mà dáng người cũng bé nhỏ, lùn không đầy năm thước nhưng ông lại cực kỳ thông minh mưu trí, đã giỏi đàn ca lại có tài ăn nói, rất được Thủy Hoàng tin yêu, một lần Thủy Hoàng thiết tiệc quần thần, Ưu Chiên đến diễn trò trong bữa tiệc. Lát sau mưa ập đến, Ưu Chiên thấy anh em binh lính gác ngoài lan can đứng dưới mưa rét run, động lòng thương xót, qua cửa sổ hỏi vọng ra:

– Các anh có muốn tránh mưa chốc lát không?

Anh em trả lời:

– Được thế thì tốt quá.

Ưu Chiên bảo:

– Chờ một lát, tôi sẽ nói chuyện với các anh. Các anh trả lời thật nhanh là được.

Một lúc sau, quần thần trên điện cúi chào Thủy Hoàng, tung hô vạn tuế. Ưu Chiên vội chạy ra phía lan can lớn tiếng gọi:

– Các anh lính gác ơi!

Đối phương lên tiếng ngay:

– Này, ông nói gì vậy?

Ưu Chiên cố tình giấu cợt bảo:

– Cao to vạm vỡ như các anh có được tích sự quái gì. Vẫn phải đứng dầm mưa ngoài đó. Tôi tuy thấp bé, lại được nghỉ ngơi đằng hoàng trong này đây!

Thủy Hoàng nghe thấy họ chuyện trò với nhau, thấy lính gác ngoài hành lang quả thực quá vất vả, liền ra lệnh đổi chế độ lính gác hành lang thành ba ca, nửa ngày đổi gác một lần, lính gác hành lang đã vô cùng cảm kích trước sự quan tâm giúp đỡ của Ưu Chiên. Chính vì vậy, Vương Quán, Quý Trọng tìm gặp Ưu Chiên, nhờ ông ta khuyên can Thủy Hoàng, thu hồi lại mệnh lệnh và Ưu Chiên đã nhận lời.

Ưu Chiên tới xin gặp Thủy Hoàng, làm ra bộ rất vui mừng, khấu đầu tạ ơn Thủy Hoàng và nói:

– Thần thay mặt tướng sĩ Hàm Cốc Quan tạ ơn bệ hạ.

Thủy Hoàng hỏi:

– Vì sao vậy?

Ưu Chiên cố làm ra vẻ nghiêm trang đáp:

– Bệ hạ chẳng phải là muốn mở rộng bãi săn bắn tới tận Hàm Cốc Quan đó sao? Vậy là các tướng sĩ sẽ được giải giáp trở về đng ruộng.

Thủy Hoàng lại hỏi vì sao, Ưu Chiên giọng khô hài:

– Bãi săn bắn nuôi rất nhiều hươu nai, nếu quân thù kéo tới chúng sẽ dùng sừng húc là có thể thắng địch, hỏi còn cần quân đội làm gì nữa?

Thủy Hoàng khi đó mới hiểu ra thâm ý của lộng thần, liền cả cười và phán rằng:

– Nhà ngươi đã chiếu bí ta rồi đấy! Thôi được, Thượng Lâm Uyển sẽ không mở rộng nữa. Hai vị thừa tướng Vương, Quý thật không bằng tên quan nhãi nhép nhà ngươi!

Ưu Chiên đã giành được thiện cảm của Thủy Hoàng bằng sự thông minh nhanh trí, nói năng khéo léo. Ông ta còn chú ý quan sát cử chỉ ngôn ngữ của Thủy Hoàng để hành động sao cho thật sự phù hợp với ý thích của Thủy Hoàng. Biết Thủy Hoàng tính cách bạo ngược và dễ nổi giận, nhưng lại thích âm nhạc, Ưu Chiên liền hợp tác các nhạc công, chọn những lúc thích hợp diễn nhạc khúc để tâm tình Thủy Hoàng vui vẻ, tiêu sấu giải muộn. Một hôm, ông có việc ra phố, đi qua trước quán rượu Tây Kinh nghe thấy tiếng đàn trúc vọng ra, giai điệu du dương, kỹ thuật chơi đàn tuyệt diệu, là một nghệ nhân như ông cũng chưa từng nghe thấy bao giờ, liền không dừng được, bước vào. Một ông già đã quá tuổi tri thiên mệnh, ngồi ngay ngắn trước bàn, nhắm mắt tập trung tinh thần, đang diễn tấu khúc nhạc nổi tiếng “Cao sơn lưu thủy”. Mọi người ngồi vây quanh chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng tiếng khen lại rộ lên. Ưu Chiên làm quan trong ban nhạc cung đình, tuy không phải tay cừ nhưng cũng rất sành nghệ và biết khá rõ tình hình nhạc công dân gian trong thành Hàm Dương, nhưng người chơi đàn giỏi này thì ông chưa gặp bao giờ, liền tò mò hỏi đám thính giả mới biết ông này là nghệ nhân giang hồ gần đây mới từ ngoài Sơn Hải Quan tới Hàm Dương.

Ưu Chiên vốn định nghe thêm một chút nữa, nhưng thấy đã muộn liền rời quán rượu về cung. Đúng tối hôm đó ban nhạc được lệnh vào cung trình diễn một màn ca múa nhỏ, Ưu Chiên thấy người gầy đàn trúc ban nhạc thật sự kém xa người ở quán rượu Tây Kinh, liền nhân lúc chuyển tiết mục tâu với Thủy Hoàng tình hình được thấy ngoài phố ban chiều. Thủy Hoàng nghe nói vậy cũng rất thích thú, liền ra lệnh cho quan Phụng Thường hiểu biết âm luật, quản lý lễ nhạc tông miếu, đến quán rượu Tây Kinh tìm hiểu thêm. Phụng Thường đem theo mấy nhạc công trong ban nhạc cung đình, đóng vai thực khách bình thường vào quán Tây Kinh uống rượu, ngồi lẫn trong đám thính giả nghe vị nghệ nhân cao tuổi chơi đàn, đích thực là tài nghệ khác thường, siêu việt hơn người. Ông lập tức hỏi dò chủ quán, được biết ông già họ Tân tên Thành Nghĩa, hơn tuần trước đến Hàm Dương. Phụng Thường tức tốc về cung tâu trình với Thủy Hoàng. Thủy Hoàng thấy Phụng Thường và các nhạc công ca ngợi hết lời tài nghệ chơi đàn của nghệ nhân ấy cũng thấy mến mộ tài năng nghệ thuật, bèn lệnh cho Phụng Thường đón Tân Thành Nghĩa vào cung trình diễn cho mình nghe, xem tài nghệ của ông ta cao tới trình độ nào.

Phụng Thường đi một lát đã đón được cụ Tân Thành Nghĩa về. Sau khi làm đại lễ chào

Thủy Hoàng, Tân Thành Nghĩa được ban cho ngồi một bên. Thủy Hoàng mắt lim dim ngắm nhìn người nhạc công già, ông cụ thân hình mảnh khảnh, gương mặt thanh tú, toát lên phong độ thanh cao cương nghị, hai mắt sáng quắc, mũi cao, miệng rộng, sâu hẹp, phong thái thật khác thường, khiến ai cũng phải tôn kính.

– Nghe Phụng Thường tâu trình, tiên sinh tài nghệ cao siêu người nghe rất khâm phục, nhưng chưa được biết tôn tính đại danh cũng như quê quán tiên sinh ở đâu? – Thủy Hoàng thấy ông già phẩm cách thanh tú khác người, liền khách khí nói như vậy.

Ông già chấp tay vái dài, cung kính trả lời:

– Thảo dân là Tân Thành Nghĩa, thứ dân lưu tán Tây Chu. Vốn là nhạc công cung đình, nhà Chu mất thì sống ẩn dật ở Chung Nam Sơn.

Thủy Hoàng nghe xong, bất giác có phần nghi ngờ liền hỏi tiếp:

– Tiên sinh đã xa lánh bụi trần, vì sao lại đến kinh đô của ta gảy đàn rong trên phố?

Tân Thành Nghĩa trả lời rất từ tốn:

– Cái năm nước mất thành tan, tự nghĩ mình làm việc cho nhà Chu, chỉ sợ đại Tần không tha mạng, cho nên trốn tránh không dám lộ mặt. Từ ngày bệ hạ diệt sáu nước, kiêm tính thiên hạ, xã tắc yên bình, muôn dân ca ngợi công đức, thảo dân vô cùng cảm phục liền bỏ núi rừng, nay đến kinh đô đại quốc để chiêm ngưỡng cảnh tượng thịnh trị. Vì tiền mang theo đã hết, đành phải đến quán hành nghề độ nhật.

Thủy Hoàng nghe Tân Thành Nghĩa nói hợp tình hợp lý, nhất là lại hết lời ca ngợi công lao sự nghiệp của mình thì vô cùng thích thú và không nghi ngờ gì nữa, lập tức đi vào chuyện chính, ân cần nói với ông:

– Duyên cớ là thế, mới khiến tiên sinh nổi tiếng kinh sư. Nay mời được tiên sinh vào cung, hãy trình diễn một bản nhạc để quả nhân được thưởng thức tiếng đàn thanh cao.

Tân Thành Nghĩa vội đứng dậy vái dài, cung kính thưa:

– Nay được bệ hạ không xua đuổi, thảo dân xin gắng sức dâng chút tài mọn! – Nói rồi lấy chiếc đàn trúc trong túi vải đặt ở ghế bên cạnh ra.

Thủy Hoàng sai cung nữ đốt hương, đặt lên kỷ án. Tân Thành Nghĩa ngồi ngay ngắn, chỉnh lại dây đàn, lấy chiếc que ngà nhỏ thon dài hai thước gỗ liền mấy tiếng lên dây đàn, thấy âm đã chuẩn liền nhắm mắt dưỡng thần một lát, rồi mới từ từ mở mắt, tập trung tinh thần, nâng chiếc que ngà lên bắt đầu trình diễn. Nhạc khúc ông trình diễn là “Cao sơn lưu thủy” được các nhạc sĩ tôn làm tác phẩm thần kỳ, nổi tiếng vì tình bạn sống chết có nhau giữa Bá Nha và Chung Tử Kỳ. Giai điệu và đoạn mạch của bản nhạc người đời ai cũng biết. Chính vì vậy nên việc diễn tấu rất khó đạt tới trình độ khiến mọi người phải khâm phục, nhưng ông già Tân Thành Nghĩa đã trình diễn rất thoải mái, điều luyện thể hiện núi cao chọc trời thì giai điệu hùng hồn bay bổng, vút cao trắng lệt; mây trắng lượn lờ giữa núi non thì tiếng đàn chuyển sang dịu dạt, vời vời; khi thể hiện dòng suối róc rách thì tiếng đàn tích tịch tình tang, ròn rã trong sáng... Đúng là “Đàn ta gảy như ngàn thông vì vút. Tầm hồn người trong lòng suối mệnh mang. Giữa tiếng chuông khuya ngân nga vang vọng. Thấy non xanh nhập cảnh chiều tà. Lặng dâng mây trùng, mây trời thu...”. Tất cả mọi người có mặt đều vô cùng cảm động, mắt rưng rưng lệ. Thủy Hoàng lại càng xúc động hơn, ông đứng lên chấp tay cảm tạ Tân Thành Nghĩa:

– Tiên sinh tài nghệ tuyệt vời, thật là bậc đại sư trong giới âm nhạc thời nay. Nghe tiếng đàn tâm hồn thấy sáng khoái tan hết ưu sầu, lòng dạ vui vẻ lâng lâng!

Rồi Thủy Hoàng bèn quyết định giữ ông già Tân Thành Nghĩa lại trong cung, ban cho nhà ở để có thể sẵn sàng triệu tới trình diễn mua vui cho mình. Ông già Tân Thành Nghĩa cũng không khước từ, chỉ xin về lữ xá lấy hành lý tùy thân.

Thủy Hoàng liền cử Phụng Thường đi cùng để tiện đón ông vào nội cung. Khi Tân Thành Nghĩa cùng Phụng Thường trở lại hoàng cung, bị kiểm tra rất chặt. Lính cấm vệ thấy hành lý của ông rất đơn sơ, riêng cây đàn trúc thì rất nặng nên muốn cạy ra xem. Tân Thành Nghĩa giải thích bên trong có một khối chì để cho không gian hộ âm nhỏ đi, đàn trúc nặng hơn thì âm chất càng đậm đà, sâu lắng hơn. Sau khi tiến hành so sánh với cây

đàn trúc của ban nhạc cung đình, thấy quả nhiên đúng như vậy mới cho ông vào cung. Ông được bố trí ở một căn phòng nhỏ yên tĩnh, có trang trí thêm mấy chậu cây cảnh, trong lò đốt hương, tràn trề một không khí thanh nhã yên tĩnh.

Ông già Tân Thành Nghĩa sau khi vào cung luôn được vời đến thư phòng hoặc tẩm cung tấu nhạc cho Thủy Hoàng và một số ít cận thần nghe. Ông không những đàn thạo các nhạc khúc cổ mà ngay cả nhạc tông miếu như “Đăng ca”, “Hựu thành”, “Vĩnh an” của Thúc Tồi Thông, “Thọ Nhân Nhạc”, “Ngũ Hành Vũ”, “Chiêu Dung Nhạc”, “Lễ Dung Nhạc” được sáng tác sau khi Thủy Hoàng lên ngôi, ông đều trình diễn rất điêu luyện, điều đó khiến vua tôi Thủy Hoàng cảm thấy rất đỗi quen thuộc và thân thiết, càng có tình cảm tốt đối với Tân Thành Nghĩa, số lần vời đến cũng ngày càng nhiều hơn.

Một hôm, khi Tân Thành Nghĩa đang tấu nhạc cho Thủy Hoàng và vài người nữa trong nội cung nghe thì Triệu Cao nét mặt căng thẳng tới rỉ tai mấy câu với Thủy Hoàng. Sắc mặt Thủy Hoàng biến đổi ngay, ông quát to và lệnh cho quân cận vệ cung đình bắt ngay Tân Thành Nghĩa:

– Quân ăn cướp to gan dám mạo danh, hóa ra người là Cao Tiệm Ly bè đảng của Thái tử Đan nước Yên.

“Tân Thành Nghĩa” không hề giấu giếm nói ngay:

– Thảo dân đúng là Cao Tiệm Ly, bệ hạ vì sao lại biết?

Tất cả những người có mặt nghe trả lời như vậy thấy đều giật mình kinh hoàng.

Thì ra vị đại sư âm nhạc này chính là Cao Tiệm Ly. Khi Kinh Kha đâm vua Tần không được đã anh dũng hy sinh, Thủy Hoàng gửi giấy truy nã đi các nơi, treo giải thưởng lớn để bắt Cao Tiệm Ly về xử tội. Để tránh tai họa và cốt để báo thù cho người bạn đã chết Kinh Kha, ông trốn khỏi nước Yên, đổi tên thành “Tân Thành Nghĩa”, lưu lạc lang thang đến thành Tống Tử nước Triệu, làm đầy tớ cho một quán rượu, nhẩn nhục sống qua ngày, cam chịu mọi vất vả khổ cực. Một hôm nghe thấy trên sảnh đường có vị khách gầy đàn trúc, bất giác thấy xao xuyến trong lòng bèn lảng vảng ngoài cửa lắng nghe và thỉnh thoảng cũng có lời bình phẩm chỗ này chơi rất hay, chỗ nọ không ra gì. Một đầy tớ khác liền đi nói với ông chủ rằng người đầy tớ già ấy là một người biết âm nhạc, đã lên ché bai này nọ. Ông chủ liền bảo “Tân Thành Nghĩa” trình diễn, quả nhiên tất cả đều hết sức ca ngợi và mời ngồi vào mâm cùng uống rượu.

Cao Tiệm Ly nghĩ, lâu nay che giấu tên tuổi, sống cho qua ngày, cũng chẳng được tích sự gì. Từ đó ông bèn lấy cây đàn trúc đã giấu kỹ nhiều năm ra và thường xuyên tới gặp khách khứa. Tất cả đều rất kinh ngạc ngưỡng mộ trước phong độ khác thường và gương mặt rạng rỡ của ông. Cao Tiệm Ly vừa gảy đàn vừa hát, ai nghe cũng xúc động rơi lệ, thổ vắn than dài. Cũng từ đó, Cao Tiệm Ly không che giấu giếm gì nữa, với thân phận một kẻ chơi đàn hát rong ông đến thành Hàm Dương, cuối cùng tài nghệ nổi danh Tây Kinh, được triệu vào cung và được Thủy Hoàng quý nể. Do trong cung được canh phòng cẩn mật, Cao Tiệm Ly đã mấy lần định giết Thủy Hoàng mà vẫn chưa có cơ hội hạ thủ. Vì tài nghệ ông cao siêu, ban nhạc cung đình nhiều lần cử nghệ nhân đến ngồi nghe sau tẩm bình phong nơi trình diễn. Trong số đó có mấy nhạc công cung đình nước Yên cũ đã nhận ra diện mạo chân tướng ông, liền tố cáo với Trung xa phủ lệnh Triệu Cao, Triệu Cao tâu trình với Thủy Hoàng và thế là Cao Tiệm Ly đã bị bắt.

Thủy Hoàng thấy Cao Tiệm Ly thản nhiên thừa nhận thì tức giận quát hỏi:

– Kinh Kha chết rồi, quả nhân treo trọng thưởng để lấy đầu nhà ngươi, lẽ nào ngươi không biết tai họa mất đầu hay sao?

Cao Tiệm Ly bình tĩnh trả lời:

– Dĩ nhiên là biết nên mới mai danh ẩn tính, sống chui lủi cho tới bây giờ.

– Đã may mắn thoát chết, sao còn đội tên giả chui vào hoàng cung? Hẳn là muốn tìm dịp hạ thủ quả nhân, báo thù cho Kinh Kha? – Thủy Hoàng truy vấn.

– Kẻ bê tôi phải hết lòng vì chủ, Kinh huynh đã chết, thổ chết thì cáo sao lại không buồn, cùng một hội tất phải thương nhau, nếu muốn báo thù cho Kinh huynh, âu đó cũng

là lẽ thường tình của người đời. Nay sáu nước đã bị diệt, thiên hạ đã nhất thống, bệ hạ làm vua cả nước, mọi người trong thiên hạ đều là thần dân nhà vua. Thảo dân đối với nhà vua, không còn coi là kẻ thù nữa. Lại được biết bệ hạ trọng tài năng, yêu thích âm nhạc, nên bất chấp hiểm nguy, giấu họ tên vào cung để dâng hiến tài nghệ. – Cao Tiệm Ly ung dung đối đáp, không một chút sợ hãi.

– Nhưng nhà ngươi là bạn cũ của Kinh Kha, quả nhân không thể không đề phòng được, sẽ khép nhà ngươi vào tội chết.

Thủy Hoàng vẫn không quên hận thù cũ.

– Thù oán lâu ngày đã thành dây oan, khó bề cởi bỏ. Thảo dân đã có gan đến đây, cũng chẳng muốn sống trở về. Mong bệ hạ ban cho cái chết, khi gặp Kinh huynh dưới tuổi vàng cũng không hổ thẹn! – Cao Tiệm Ly bình tĩnh như thường, coi cái chết như được trở về.

Mấy cận thân Lý Tư, Triệu Cao và Vương Ly thấy Cao Tiệm Ly không tỏ sợ hãi trước cái chết, thì cho rằng không thể tha tội được, liền tâu với Thủy Hoàng:

– Người không sợ chết, hở không sợ oai. Nay gã đã bị ta bắt, nhưng e rằng rất khó quy thuận. Để cho gã được sống mà vẫn chờ thời cơ ra tay, thì an nguy của bệ hạ khó lường, chỉ bằng giết đi cho khỏi hậu họa.

Thủy Hoàng nham hiểm trả lời:

– Làm sao quả nhân lại không biết nuôi hổ di họa! Nhưng gã đã như con thú trong lồng, con cá trên thớt, giết đi thật quá dễ dàng. Nhưng tài nghệ đàn ca của gã thật tuyệt vời, xứng đáng tôn sùng một thời, nếu đẩy hẳn đến cái chết thì giai điệu âm thanh tuyệt diệu sẽ chẳng còn nữa...

– Thánh thượng vì mến yêu tài nghệ của gã mà tha tội chết, nếu gã biết cảm tạ ơn đức thì đây là điều rất đáng mừng. Nhưng nếu gã không từ bỏ ý định giết vua, lấy oán trả ơn, sợ rằng rất khó đề phòng, và trở tay không kịp, rất mong bệ hạ nghĩ lại. – Bọn Lý Tư ra sức khuyên can Thủy Hoàng nên giết Cao Tiệm Ly để trừ hậu họa.

– Lời của chư khanh đã chứng tỏ lòng trung thành đối với trẫm, thật đáng khen. Nếu gã thật đáng lo như chư khanh nghĩ, trẫm cũng có diệu kế khiến gã có âm mưu cũng không thể nào thực hiện được. Và rồi gã phải chìm trong bể khổ, chẳng tìm được bến bờ, sẽ chẳng khác gì như chim trong lồng, chó trong nhà để trẫm chơi đùa mà thôi. – Thủy Hoàng khen ngợi sự quan tâm của mấy vị cận thân, nhưng không hề thay đổi thái độ. Ông tỏ ý suy nghĩ chín chắn và có vẻ như đã quyết định rồi.

Vốn tính thật thà, Thông Vũ hầu Vương Ly vẫn chưa yên tâm, hỏi Thủy Hoàng:

– Nhưng không biết bệ hạ đã có kế vẹn toàn như thế nào?

Thủy Hoàng không trực tiếp trả lời Vương Ly, mà nói với Cao Tiệm Ly:

– Trước đây ngươi đã giấu tên thoát chết, tất để mưu toan trả thù về sau. Quả nhân thấy ngươi tài nghệ cao siêu, cho nên ban ơn xá tội, tha chết cho ngươi. Tất nhiên lòng dạ con người thiện ác khó biết, nên sẽ thui mù hai mắt nhà ngươi, nhà ngươi sẽ chẳng còn thấy mặt trời, chỉ còn lấy tiếng đàn, tiếng hát để trẫm thưởng ngoạn, không biết nhà ngươi có muốn thế không?

Trước tâm địa hiểm độc, thủ đoạn tàn bạo đó của Thủy Hoàng, đám cận thân đều cho là kế sách cảnh giác rất hay, trong lòng vô cùng bái phục, nhất trí tán thành diệu kế này. Cao Tiệm Ly càng hiểu rõ thêm sự tàn bạo như lang sói, độc ác như rắn rết của Thủy Hoàng. Muốn chống lại hẳn cho tới cùng thì phải nhẫn nhục để sống, rồi dần dần tìm cơ hội báo thù rửa hận cho Kinh Kha, Thái tử Đan nước Yên và cho mình. Ông cười nhạt nói:

– Bệ hạ đối xử với họ Cao này như vậy thì sống không bằng chết. Nhưng sở dĩ ba mươi năm giấu tên để sống, chỉ vì đàn ca và thảo dân đã là một, sống chết không thể tách rời. Nay bệ hạ vì yêu âm nhạc miễn cho thảo dân tội chết, có thể thấy đây là tri âm hiếm có. Vì vậy thảo dân sẵn sàng chịu thui đôi mắt để được toàn tính mạng, để được sống cùng nghề đàn ca mua vui cho thánh thượng. Thảo dân được kéo dài chút hơi tàn cùng tiếng đàn đã hài lòng lắm rồi, còn mong gì hơn nữa?

Thủy Hoàng thấy Cao Tiệm Ly không kháng cự liền tuyên bố xá cho tội chết và lập tức

giao cho Lý Tư đưa đi. Trong một gian phòng nhỏ tí, bọng tay chân của Lý Tư trói chặt Cao Tiệm Ly lại, bắt ngồi cúi đầu xuống. Chậu lửa dưới chân đốt một loại cây thuốc cực mạnh, khói đặc nóng bốc lên xông thẳng vào mặt. Cao Tiệm Ly nghiêng rằng gồng người lên chịu đựng đau đớn, mặc cho khói đặc thui khô cặp nhãn cầu long lanh sáng, cuối cùng con người cháy teo đi và không còn nhìn thấy gì nữa. Ông cảm thấy từng cơn choáng váng dồn dập kéo đến, đầu đau như muốn vỡ ra, cuối cùng chịu không nổi hét lên một tiếng thảm thiết rồi hôn mê bất tỉnh. Đám ngục tốt canh gác ở bên ngoài, nghe thấy tiếng kêu biết ngọn lửa cực hình đã có hiệu quả liền mở cửa bước vào quạt tan khói đặc, mang tới một chậu nước lạnh gội lên đầu Cao Tiệm Ly để ông tỉnh lại, sau đó diu ông vào trong nhà thay quần áo. Vốn dĩ pháp y có loại thuốc bột làm bằng băng phiến, có thể lập tức giảm đau và vết thương chóng lành, nhưng Thủy Hoàng không cho dùng, nói rằng cứ để nó hết đau từ từ, cốt để Cao Tiệm Ly bị hành hạ kéo dài, thấm thía sự ghê gớm của loại cực hình này để rồi từ đó một lòng một dạ quy thuận, không còn dám có bất cứ hành động phản kháng nào nữa.

Sau khi bị mù, Cao Tiệm Ly được hai nội thị chăm sóc. Khi đi diễn tấu, mỗi người một bên diu tới trước ghế ngồi rồi đốt hương kê đàn trúc cho ông và dặn ông khi nào bắt đầu tấu nhạc. Cao Tiệm Ly tuy không nhìn thấy gì, nhưng trong lòng lại càng sáng suốt hơn trước. Ông dựa vào thính giác nhạy bén trời phú đặc biệt cho người nhạc sĩ, biết được Thủy Hoàng ngồi ở chỗ nào, phía nào, khoảng cách là bao nhiêu. Để kiểm nghiệm xem phán đoán của mình có chính xác hay không, có lúc ông cố ý tấu sai, Thủy Hoàng rất am hiểu âm luật khi đó sẽ nhắc ông giai điệu chỗ nào sai hoặc nhịp không đúng, hoặc những chỗ chưa thỏa đáng về xử lý kỹ thuật, thế là nhờ tiếng nói của đối phương ông phán đoán được hướng và khoảng cách. Ngoài ra, ông còn có thể chuyển thế yếu thành thế mạnh để tiện bề giấu kín hành động phục thù của mình. Ông áp dụng hành vi của phần lớn người mù là bao giờ cũng cúi đầu nhắm mắt ở những trường hợp công khai, để không ai thấy vẻ mặt mình, không ai dò biết được thế giới nội tâm mình. Ông cố tình làm ra vẻ lơ đãng chậm chạp, khiến dần dần mọi người tỏ ra coi thường ông, ít chú ý tới sự bảo đảm an toàn. Lâu dần, người đa nghi nhất là Thủy Hoàng cũng lơ là cảnh giác, cho rằng ông chẳng còn có thể hành động gì được nữa mà chỉ là một nhạc cụ sống mà thôi.

Một hôm Cao Tiệm Ly được dẫn tới một nơi ông đã quen thuộc, đó là tấm cung của Thủy Hoàng. Dựa vào giọng nói của những người có mặt, ông đoán chỉ có độ ba, bốn người và Thủy Hoàng thì ngồi cách mình không xa ở phía trước bên phải. Cao Tiệm Ly trong lòng mừng thầm, chuẩn bị sẵn sàng liều chết với đối phương một phen. Ông vẫn cúi đầu, hai mắt nhắm chặt, gương mặt hiền lành, không để lộ vẻ đáng ngờ nào, chờ thắp hương xong xuôi, ông mới chậm rãi đặt nhạc cụ lên, chỉnh dây đàn, tĩnh tọa một lát rồi bắt đầu gảy đàn. Ông trình diễn “Thiếu dung nhạc” và “Lễ dung nhạc” mà Thủy Hoàng quen thuộc nhất. Bắt đầu ông đánh đúng nhạc phổ, nắn nốt để nhạc điệu thật hay. Ông nghe thấy Thủy Hoàng lấy tay gõ vào kỷ án theo nhịp điệu đều đặn của cung đàn, có lúc còn hát khe khẽ một vài câu tỏ ra vô cùng vui vẻ đắc ý. Lúc đó, đoán biết Thủy Hoàng đã rất chú tâm vào bản nhạc, Cao Tiệm Ly bèn cố tình làm rối âm luật, tiếng đàn phát ra không hài hòa, rất ngang tai. Quả nhiên, Thủy Hoàng gõ mạnh liền mấy tiếng rồi nói:

– Cao tiên sinh, Cao tiên sinh, chỗ ấy sai rồi, sai rồi!

– Dạ, sai, sai ở chỗ nào ạ? – Cao Tiệm Ly cố làm ra vẻ không biết hỏi.

Thủy Hoàng sửa lại cho ông:

– Câu vừa rồi là của “Thiếu dung nhạc”, sao lại nhập vào “Lễ dung nhạc”?

– Hóa ra vậy, để tôi tấu lại – Cao Tiệm Ly tấu lại lần nữa, vẫn cố tình đàn sai giai điệu.

– Ô, làm sao vẫn sai thế, ông nghe, ông nghe này! – Thủy Hoàng đã tỏ ra sốt ruột, đứng dậy đi về phía ông.

Cao Tiệm Ly thấy Thủy Hoàng đi gần tới mình liền thôi đàn, vì căng thẳng nên tay hơi run run. Thủy Hoàng thấy vậy, có phần ngạc nhiên, liền hỏi:

– Tiên sinh, làm sao tay lại run lên thế?

Cao Tiệm Ly, biết đã để lộ ý định, liền không chút chần chừ giơ cao cây đàn đập thật mạnh về phía Thủy Hoàng. Nhưng vì Thủy Hoàng đã thấy cử chỉ khác thường của ông,

nên trong lúc ông lao cây đàn tới đã kịp né người sang một bên. Cây đàn không quật trúng đầu, mà trúng vai trái Thủy Hoàng. Thủy Hoàng giận dữ quát âm lên, gọi lính cận vệ đề nghị Cao Tiệm Ly xuống. Thủy Hoàng vừa xoa chỗ đau, vừa giận dữ quát hỏi Cao Tiệm Ly:

- Quả nhân thấy tài nghệ nhà ngươi cao siêu xuất chúng, tha cho tội chết, sao ngươi lấy oán báo ân, hạ độc thủ như vậy hả?

Cao Tiệm Ly hối tiếc vừa rồi đã không bình tĩnh, để đến nỗi hỏng việc, nhưng nếu không bị mù thì đâu đến nỗi thế này? Vì vậy càng thêm căm giận Thủy Hoàng hiểm độc, ông căm thù nói:

- Mi là tên bạo chúa, điên cuồng bệnh hoạn, táng tận lương tâm, thôn tính chư hầu, giết hại sinh linh, trời giận dân oán, ân đức gì người?

Thủy Hoàng giận dữ quát:

- Người cùng bọn bạo nghịch Kinh Kha, rắp tâm mưu tính giết trẫm, nhưng rút cục đã thất bại. Thần linh đã phù hộ trẫm, bọn các người chỉ chuốc lấy cái chết mà thôi!

Cao Tiệm Ly đành hoàng trả lời:

- Ta đã bị mi bắt, chỉ mong sớm được chết, sớm được gặp Kinh huynh nơi cửu tuyền. Nhưng mi tên bạo chúa khác gì Hạ Kiệt, Thương Trụ, tuy đắc thế một thời, rốt cục thì cũng nước mất triều tan, để tiếng xấu muôn đời! Trời xanh có mắt, quyết chẳng tha cho mi đâu!

Thủy Hoàng bị xỉ vả vô cùng tức tối, gầm lên như sấm, rút luôn kiếm bên mình chém tới tấp vào Cao Tiệm Ly. Cao Tiệm Ly không kêu đau, chỉ ra sức nguyên rửa cho tới khi máu chảy đầm đìa, tắt thở mới thôi. Thủy Hoàng vẫn chưa hả giận, đích thân giám sát xe ngựa phanh thây Cao Tiệm Ly, càng tỏ rõ tính cách bạo ngược hung tàn.

Thủy Hoàng bị thương không nặng, nhưng sợ hãi thì gấp bội phần so với lần trước. Ông bị loạn nhịp tim, thuốc thang hơn một tháng mới tạm khỏi. Từ đó càng tỏ ra đa nghi, tâm địa càng hiểm độc tàn bạo. Đối với đám nam giới thuộc dòng hoàng thất các nước chư hầu đã bị tiêu diệt, ông bắt giết, hoặc hạ làm thường dân, hoặc phát vãng làm lính biên ải, hoặc đi làm lao dịch xây dựng các công trình. Đối với nữ giới thì chọn những người xinh đẹp, dù là công chúa, phi tần hoặc cung nữ, đem chuyển hết về thành Hàm Dương, giam đầy các cung thất, để ông ta mua vui. Theo sử sách ghi chép, số người đẹp bắt từ sáu nước về tất cả hơn một vạn, được Thủy Hoàng sủng ái đương nhiên là rất ít. Hơn một vạn con người này, ngày nào cũng phải dậy sớm, ăn mặc trang điểm tươm tất, để sẵn sàng tiếp giá. Nhà văn nổi tiếng đời nhà Đường là Đỗ Mục, còn được gọi là Tiểu Đồ, đã mô tả cực kỳ sinh động về chuyện này trong bài phú nổi tiếng "A Phòng cung phú": "Phi tử, tần phi, tỳ thiếp, nữ quan. vương tử, hoàng tôn, phải rời bỏ cung điện của mình, đến ở cung A Phòng của Tần vương. Sớm tinh mơ ca hát, chiếu chiếu tấu nhạc, trở thành cung nhân nhà Tần. Ánh sao lấp lánh sáng là hộp gương mỹ nhân mở ra để trang điểm; mây xanh lừng lờ trôi là sáng sớm mỹ nhân chải lần tóc đẹp. Sông Vị Thủy gợn lên từng làn nước bắn là nước son phấn mỹ nhân thả ra. Trong cung mịt mù mây khói là cung nữ đang đốt hoa tiêu và hương lan. Sấm sét đột nhiên vang dậy là xe ngựa hoàng đế chạy qua, tiếng xe lộc cộc, xa dần xa dần, cũng chẳng biết đi về phía nào. Mỹ nữ trong cung, trăm vẻ yêu kiều trang điểm rực rỡ, tựa cửa trông chờ, nhìn ra mãi xa, chỉ mong Thủy Hoàng mau đến. Có những người đợi chờ tới ba mươi sáu năm mà cũng chẳng một lần thấy mặt Thủy Hoàng".

Đối với đám con gái này, Thủy Hoàng không cho phép họ mang thai sinh con, vì sợ lũ hoàng thái tử sẽ tranh giành nhau, giành quyền thừa kế, cuối cùng khiến anh em chém giết lẫn nhau, bài học lịch sử đầm máu cung đình thật sự vô cùng sâu sắc. Việc lập tự hơn hai mươi đứa con đẻ của Thủy Hoàng với con gái Tần, đã khiến ông rất khó xử rồi. Nếu để phi tần sáu nước vốn mang tư tưởng thù địch với Tần lại sinh con, thì những đứa con đó sẽ trở thành nơi gửi gắm hy vọng giết cha diệt Tần, khôi phục lại nước mình. Vì vậy, một khi thấy ai trong đám mỹ nữ sáu nước mang thai, Thủy Hoàng lại lệnh cho thái y bắt dùng thuốc phá thai ngay. Vì vậy, phi tần sáu nước dù là "ba mươi sáu năm chẳng một lần gặp mặt" hay là đã được Thủy Hoàng sủng ái, đều bất hạnh như nhau cả. Nhưng việc theo đuổi tình yêu là bản tính con người, nhất là những người con gái bất hạnh chẳng có được tình

yêu, thì mơ tưởng, truy cầu và khát vọng lại càng da diết và mãnh liệt. Dù bị giam giữ trong cung Tần cực kỳ nghiêm ngặt, cũng có không ít người cả gan phạm vào điều cấm kỵ “đục lỗ xuyên khe nhìn trộm nhau, vượt tường tìm đến nhau”. Họ đã sử dụng mọi cách, lợi dụng mọi cơ hội tìm bạn tình, giành chút ái ân để an ủi cuộc đời cô đơn khổ ải.

Thủy Hoàng chẳng có chút tình cảm thực nào với các công chúa, phi tần đến từ sáu nước, luôn nghi ngờ họ, ra sức đề phòng, thường tiến hành những cuộc thẩm vấn và bức hại tàn tệ. Ông lệnh cho Tả thừa tướng Lý Tư, Trung xa phủ lệnh Triệu Cao, chọn những mật thám đặc lực nhất, bí mật dò la trong ngoài cung A Phòng. Nghiên cứu dựa vào những điều như: mức độ oán giận của họ đối với Thủy Hoàng, được sủng ái nhiều hay ít, quan hệ với Thủy Hoàng thân hay sơ; tình hình chữa bệnh phá thai của thái y; có đi lại với người ngoài hay không, đối tượng đi lại là ai, v.v..., cuối cùng đã xác định được 237 cung phi là đối tượng bị tra xét. Và thế là một đợt tra xét hỏi, tàn sát cực kỳ vô nhân đạo, không còn một chút tính người, đã diễn ra như một màn tuồng dưới sự hợp tác mưu mô ngấm ngấm của tên bạo chúa, đám nịnh thần và bọn quan lại độc ác.

Thủy Hoàng đi xe cung tới cung A Phòng, ngồi trước bàn trong đại sảnh, Triệu Cao cầm tờ danh sách cho gọi 237 công chúa, phi tần, tỳ thiếp, cung nhân vốn là của sáu nước đã xác định sẵn đến đại sảnh, bắt đứng ra hai bên. Thủy Hoàng tuyên bố với họ: “Các người đến từ sáu nước chư hầu khác nhau, ta sủng ái các người cũng khác nhau. Để hiểu thêm về các người, hôm nay ta sẽ đặt tại đây một chiếc gương lớn, chiếc gương này có thể soi thấu lục phủ ngũ tạng từng người. Ai thật lòng vui vẻ thân phục quả nhân, đức hạnh đoan trang, thì hình bóng và tạng phủ soi trong gương đều bình thường, và người đó sẽ không hổ thẹn với lương tâm. Nếu ai ngoài mặt thuần phục nhưng ngấm ngấm chống đối quả nhân, khẩu phục, tâm không phục, hoặc giả không trình tiết, dù người đó có chút đỉnh tà tâm thì tạng phủ cũng sẽ chiếu ra rõ mồn một trong gương, tim sẽ động đập, gan sẽ nở to, hậu quả hẳn sẽ rất nghiêm trọng. Nhưng nếu ai chủ động thành thật khai báo, hình phạt sẽ được châm trước giảm nhẹ. Vì vậy, cát hung, họa phúc do từng người các người quyết định, người ngoài không giúp gì được cả”.

Trong khi Thủy Hoàng nói, Tả thừa tướng Lý Tư sai hai thị vệ lấy chiếc gương rộng bốn thước, cao năm thước chín tấc treo trên tường xuống. Nghe nói chiếc gương này là của đại thánh Quảng Thành Tử ở núi Kê Đầu tặng Thủy Hoàng. Triệu Cao theo danh sách, lần lượt điểm danh từng người, người được gọi tên phải bước ra trước gương để soi.

Thật thương thay cho những công chúa, phi tần, tỳ thiếp và cung nữ của sáu nước này. Vốn là dân mất nước, lại thêm bị giam hãm trong cung A Phòng, khiếp sợ trước oai hùm Thủy Hoàng, suốt ngày nơm nớp sợ hãi, hoảng hốt lo lắng. Hôm nay lại bị quát tháo, bắt đến đứng trước chiếc gương để Thủy Hoàng và Lý Tư kiểm tra như thế này, hỏi làm sao lại không sợ hãi căng thẳng? Và thế là hiện tượng “tim động đập gan phình to” liên tiếp hiện ra trong gương. Khi đó thì cho dù có chủ động thành thật khai báo, hoặc khóc lóc van xin rằng mình thật sự trung thành với nhà vua không một chút dã tâm hoặc là không trình tiết thì cũng chẳng có tác dụng gì cả.

Dưới cặp mắt chim ưng gườm gườm và vẻ oai phong như lang sói của Thủy Hoàng, Triệu Cao đọc to tên từng người, Lý Tư tuyên án theo luật pháp, từng cặp thị vệ cung đình vác đao vâng lệnh tiến vào bắt từng tử tù một, lôi ra ngoài cửa cung, vung đao chém đầu, kết liễu tính mạng những con người vô tội ấy. Chưa đầy hai canh giờ, hai trăm ba mươi bảy người con gái yếu đuối đã chết oan uổng dưới lưỡi đao đồ tể đầm máu.

Sau khi đích thân gây ra vụ tàn sát phản đạo lý trái lẽ trời ấy, Thủy Hoàng còn ra sức tuyên truyền cho chiếc gương vô cùng linh nghiệm ấy, vô cùng công bằng vô tư ấy, và tiếp tục sử dụng án mưu và mách khéo xảo trá quỷ quyệt để giết hại thân dân vô tội, củng cố chính quyền chuyên chế của mình.

HỘI THỨ BA MƯƠI MỐT

LỜI NGUYÊN HẬU SINH, HỌA TRONG THIÊN THẠCH
SÂM NGŨ THÁNH KHÔNG, ĐIỀM DỮ BẠCH BÍCH

Cao Tiệm Ly chịu cực hình đốt mắt, cam tâm tấu nhạc cho Thủy Hoàng nghe, là để đánh đòn cuối cùng. Ông sở dĩ mai danh ẩn tích ba mươi năm ròng là mong muốn thực hiện mục đích báo thù rửa hận, chung đúc nên niềm thương tiếc và nghĩa khí đối với tổ quốc bại vong; đối với những người vì chống Tần đã hy sinh như Kinh Kha, Điền Quang, Phàn Vu Kỳ, Thái tử Đan nước Yên.

Thủy Hoàng đốt mắt Cao Tiệm Ly, rồi sau đó lại cho ngựa phanh thây, là do sợ hải lực lượng chống Tần của sáu nước mà sử dụng hành động đàn áp. Còn như giết hại điên cuồng 237 công chúa, phi tần, tỳ thiếp, cung nữ của sáu nước là do tự thấy hải hùng sợ bóng sợ gió gây nên, chứng tỏ Thủy Hoàng hùng hổ bề ngoài nhưng lại khiếp đảm nội tâm, đã tới mức hèn yếu không tài nào kiểm soát và che đậy được nữa rồi. Vì thế, sau khi giết chóc bừa bãi, nhất thời hả dạ yên tâm được đôi chút, thì lại cảm thấy căng thẳng và càng hải hùng hơn. Và lúc đó ông lại càng nghĩ tới đạo sĩ Lư Sinh, Hậu Sinh, Từ Phúc, chỉ mong một trong ba người đem về được cho mình thuốc trường sinh bất tử để có thể ông sẽ không bị cái chết đe dọa nữa, hóa giải được gánh nặng tâm tư và siêu thoát thành tiên. Vì vậy ông ra nghiêm lệnh cho các quận huyện ven biển tăng cường truy nã Lư Sinh, Hậu Sinh đã bỏ trốn, ngăn chặn không để họ lại trốn ra biển; đồng thời còn ra lệnh theo dõi chặt chẽ tàu thuyền chở người từ nước ngoài về. Đuổi gió bắt bóng như vậy liên tục trong mấy tháng trời suốt dải ven biển mấy nghìn cây số nhưng vẫn chẳng thu được kết quả gì. Thủy Hoàng vô cùng chán nản. Bỗng một hôm, thái thú Tứ Thủy dong xe suốt ngày đêm tới Hàm Dương, gõ vang khánh ngọc, cấp tốc vào nội cung tấu kiến Thủy Hoàng, tuy chưa bắt được tội phạm, nhưng đã tìm được vật chứng quan trọng, phải đích thân dâng trình ngự lãm.

Thủy Hoàng trầm nghĩ, đã tìm thấy vật chứng ắt đó là đầu mối quan trọng, dựa vào đó có thể truy bắt tội phạm nên tinh thần có phần phấn chấn, ra lệnh trình vật chứng lên. Viên thái thú lui ra phía cạnh cửa cung, lấy một chiếc hộp gỗ dài để ở đấy lúc kiểm tra, đưa cho nội thị mang trình đặt trước án Thủy Hoàng. Thủy Hoàng vừa vội vã mở nắp hộp, vừa suy đoán: nhìn hình dáng hộp, thứ ở bên trong không phải dao thì ắt phải là kiếm nhưng khi mở hộp thì vật hiện ra trước mắt không phải là thất tinh bảo đao, cũng không phải thanh kiếm long truyền ba thước, mà là một con cá chép lớn dài gần bốn thước. Vì đã được ướp muối, nên vẩy vàng toàn thân đã biến thành màu vàng đỏ, mắt cá trắng bệch giữa một quầng xám, mồm há to, trông thật đáng ghét. Thủy Hoàng hơi bực, hỏi quận thú:

– Một con cá ướp mà coi là tội chứng. Có làm sao mà khanh lại cố tình bịa chuyện đùa giỡn quả nhân?

Quận thú vội quỳ xuống tâu:

– Tội chứng trong bụng cá, xin bệ hạ xem.

Thủy Hoàng theo lời viên thái thú, vạch cá ra xem, hóa ra trong bụng cá có một mảnh lụa gấp lại, vội lấy ra và mở đọc thì thấy trên mảnh lụa rộng hai thước dài ba thước ấy viết rõ ràng ngay ngắn năm chữ triện to bằng miệng bát “Vong Tần giả tất Hồ” (Kẻ triệt Tần là Hồ). Thủy Hoàng lập tức thấy đầu mình bị đập mạnh như muốn vỡ tung, toàn thân run lên. Sao câu nói này lại giống với câu trong sách sấm ngũ lần trước khi Lư Sinh từ biển về đã dâng cho ông vậy? Mà nghe nói sách ấy là của thần biển nhờ gửi biểu. Ông bị kích động rất mạnh, nhưng vẫn cố trấn tĩnh, tiếp tục cất vấn thái thú xem những lời phản nghịch của mảnh lụa từ đâu ra, có quan hệ gì với con cá này? Thái thú sợ hải kể rằng:

– Bấy ngày trước, vào lúc chập choạng tối có một người ăn mặc như ngư ông xách con cá này đến cổng sau nha môn nói với lính gác, đêm qua ông ta nằm mơ thấy thủy thần sông Đúc Thủy hiển linh, nói sẽ cử một sứ giả gửi một bức thư lụa tới bệ hạ, nhưng vì sông Đúc Thủy không thông tới Hàm Dương, đành phải nhờ ông ta đưa sứ giả tới chỗ quan thái thú, để thái thú dâng lên bệ hạ. Thủy thần dặn ngư ông vào giờ Ngọ ba khắc ngày hôm sau đến buông câu bên Đúc Thủy, để nghênh đón sứ giả và dặn đi dặn lại rằng, thứ lụa để trong

bụng sứ giả, khi lấy ra phải mở cẩn thận, không được cắt hỏng! Vì thần làm theo đúng lời ngư ông, mở bụng cá thấy lá thư lụa có lời lẽ phản nghịch này. Việc hệ trọng, không dám tự tiện, đành phải đích thân tới đây trình lên bệ hạ.

Thủy Hoàng nghe ông ta nói, chau mày suy nghĩ, và đã lần ra đầu mối: Lần trước Lư Sinh dâng sách sấm, chỉ có Lư Sinh, Hầu Sinh và ta biết thôi. Lá thư lụa trong bụng cá này, chắc chắn là làm theo chuyện Chuyên Chư giấu kiếm trong bụng cá đằm Liêu Vương, dùng lời lẽ phản nghịch để đe dọa mình đây. Vậy thì ngư ông này dứt khoát là Lư Sinh hoặc Hầu Sinh rồi. Nghĩ tới đây, ông vội vàng cử người xuống hỏi thái thú, xem ngư ông ấy hiện ở đâu? Viên thái thú trả lời, chỉ vì lính canh cổng trẻ tuổi ngu dại, nhận cá rồi để ngư ông đi ngay, tới lúc ông ta phát hiện ra lời phản nghịch, cho người đuổi theo cửa sau nha môn thì đã không thấy bóng dáng đâu nữa. Thủy Hoàng quát mắng ông ta đã bỏ lỡ thời cơ để sống tội phạm, nhưng thái thú tâu rằng, trước khi mổ bụng cá chưa biết được sự thực nên đã sơ suất, chứ quyết không có ý tha tội phạm. Thủy Hoàng nghĩ vẫn phải dựa vào viên quan này để phá án nên không quả trách nữa, mà nham hiểm chỉ thị cho ông ta phải theo dõi chặt chẽ tình hình nho sinh đạo sĩ trong địa hạt cai quản, nhất là phải lưu ý bọn người như “ngư ông” trở lại, một khi phát hiện phải bắt ngay đưa lên kinh xét xử.

Thái thú Tú Thủy nhận lệnh trở về quát mắng người lính gác đã khiến mình mất một cơ hội lập công lĩnh thưởng. Sau đó, đúng như dự đoán, vào buổi hoàng hôn nọ lại có một ông già đến trước cổng sau dinh quận hỏi dò quan thái thú đã rời kinh thành về chưa. Vừa hay người gác cổng lại đúng là người lần trước đã nhận cá để “ngư ông” đi mất, tuy thấy người này không phải là “ngư ông”, nhưng hỏi han kỹ cục, anh ta liền bắt giữ luôn rồi mang nộp cho quan thái thú. Qua xét hỏi thì đúng là Hầu Sinh, còn “ngư ông” lần trước là Lư Sinh. Họ định dùng thư lụa viết lời phản nghịch giấu trong bụng cá để dọa cho Thủy Hoàng hoảng sợ mà chết, liền lập mưu để Lư Sinh dâng cá, rồi để Hầu Sinh đến thăm dò xem Thủy Hoàng sống chết thế nào, nào ngờ trúng kế hiểm của Thủy Hoàng. Lư Sinh không chờ Hầu Sinh dò la tin tức trở về đã vội chạy trốn ngay, còn Hầu Sinh bị giải đến Hàm Dương để Thủy Hoàng xét xử. Thủy Hoàng nghe tấu trình đã cả mừng trọng thưởng ngay cho thái thú Tú Thủy và ban chiếu chỉ: dựng một đài cao trên quảng trường lớn phía Đông thành Hàm Dương để xét hỏi Hầu Sinh và sẽ cho năm ngựa phanh thây như đối với Lao Ai, Kinh Kha, Cao Tiệm Ly.

Thủy Hoàng ngồi trên đài cao, quát mắng Hầu Sinh đã bị giải tới dưới đài:

– Nghịch tặc bất lương, đã phỉ báng vua của mình lại còn dám tới gặp mặt ta sao?

Hầu Sinh tiến lên mấy bước, tới dưới chân đài, bình tĩnh trả lời:

– Thần nghe nói, người biết mình chết sẽ rất can đảm, bệ hạ có muốn nghe đôi lời của thần không?

Thủy Hoàng thấy người này sắp bị xử tử, cũng muốn cho phép nói lần cuối cùng, bèn cười nhạt bảo:

– Người muốn nói gì, ta cho phép nói.

Hầu Sinh đồng dục:

– Thần nghe, Vũ Vương khi xưa thiết lập nghi trượng để xét xử người phỉ báng, cốt làm cho họ biết điều sai trái. Nay bệ hạ xa xỉ vô độ, hoang toàng tội đỉnh. Cung nữ ca kỹ động tới hàng vạn, trống chiêng ca nhạc nhộn nhịp suốt ngày đêm, của ngon vật lạ chất đống thừa thãi. Quân áo lông lầy, ngựa xe diêm dúa, riêng mình sai phí, không sao kể hết. Dân chúng khốn cùng, sức dân cạn kiệt mà chẳng hề hay biết. Lại lo sợ người phỉ báng, ra sức diệt trừ, bên dưới hôn ám, trên thì điếc đui, chính vì thế bọn thần mới trốn đi.

Thủy Hoàng bị Hầu Sinh vạch tội chỉ trích vô cùng lúng túng, giận dữ quát:

– Bọn người đã bỏ trốn, sao lại còn học theo kế Chuyên Chư giết Liêu, giấu thư lụa vào bụng cá, dùng lời phản nghịch để hại quả nhân, phải chịu tội gì?

Hầu Sinh nói rất thống thiết:

– Chúng thần tiếc chi thân mình, chỉ tiếc cho bệ hạ mất nước mà thôi. Nên học theo các bậc vua chúa sáng suốt xưa kia, ăn đủ no, mặc đủ ấm, cung điện đủ ở, ngựa xe đủ đi

lại. Vì thế mà trên không mất lòng trời, dưới không mất lòng dân, đấy là cái đức Nghiêu, Thuấn. Nay bệ hạ lộng quyền tàn bạo gấp ngàn lần Hạ Kiệt, Trương Trụ, thần sợ bệ hạ chín phần mất nước, chỉ một phần tồn tại mà thôi!

Thủy Hoàng lặng đi hồi lâu, buồn bã nói:

– Sao ngươi không nói sớm hơn?

Hầu Sinh giọng lạnh lùng:

– Ý muốn của bệ hạ nương mây xanh phiêu diêu dạo quán Văn Xương; tự cho mình giỏi, tự cho mình mạnh, trên thì coi thường Ngũ Đế, dưới thì sỉ nhục Tam Vương, bỏ cái mộc mạc tìm cái xa hoa, điếm diệt vong bệ hạ thấy đã lâu rồi. Vốn sợ rằng khuyên can vô ích mà lại chuốc lấy tai họa, nên chúng thần đã bỏ trốn mà chẳng dám nói. Nay tự biết mình phải chết, nên mới tấu trình với bệ hạ. Tuy chẳng thể giúp bệ hạ tránh được bại vong, chỉ muốn khiến bệ hạ tự biết mà thôi.

Thủy Hoàng nghe nói vậy thì vô cùng kinh sợ, hoảng hốt hỏi:

– Ta có thể thay đổi được không?

Hầu Sinh lắc đầu than:

– Sự việc đã thế rồi, bệ hạ chỉ còn ngồi chờ bại vong thôi. Nếu bệ hạ muốn thay đổi, tất phải học đức trị của Nghiêu, Thuấn. Không làm được như thế, thì chẳng khác gì không thay đổi. Huống hồ cận thần của bệ hạ tất sẽ oán trách việc đó, khiến cho việc thay đổi của bệ hạ không thực hiện được. Thần e rằng, bệ hạ dù có muốn thay đổi, cũng sẽ không thể thực hiện được. Sách sấm dâng lên ngày trước, và lá thư giấu trong bụng cá đã báo cho bệ hạ biết sẽ bại vong bởi tay ai rồi, chẳng ai nói lời không dự đoán trước cả. Thần đã nói hết, chỉ mong sớm được chết, mong bệ hạ bảo trọng. – Nói xong ngẩng đầu nhìn trời, không chút sợ hãi.

Những lời lẽ ngay thẳng của Hầu Sinh đánh trúng chỗ yếu của Thủy Hoàng. Thủy Hoàng chẳng còn sức đâu đánh trở lại nữa, chỉ còn biết thở dài xoa tay rồi tha cho Hầu Sinh. Lòng dạ nặng trĩu, ông chán ngán hồi cung.

Lư Sinh và Hầu Sinh về sau sống ẩn dật ở Vân Sơn, Thiệu Lăng. Hiện nay trên núi vẫn còn dấu vết để lại như di tích Hầu tiên, Lư tiên, đạo quán người Tấn, lò luyện đan, đài, phi thăng, v.v.

Vào năm ba mươi sáu Thủy Hoàng (năm 211 trước Công nguyên), sau vụ “thư lụa giấu trong bụng cá” xảy ra ít lâu, vào một ngày mùa hạ tại một nơi ở Đông Quận (Bộc Dương, Hà Nam ngày nay) bầu trời đang trong xanh, nắng như đổ lửa, khoảng giờ Thân bỗng bão táp nổi lên, mây đen cuộn cuộn, sấm chớp âm âm, che kín mặt trời. Phút chốc trời đất tối tăm, không khí oi nồng, khiến người ta hầu như tắc thở. Đúng lúc mọi người đang hãi hùng chẳng biết phải làm thế nào, thì giữa tầng mây dày đặc chợt lóe lên một tia chớp sáng lòa, đỏ chói, phía sau chùm ánh sáng đầu nhỏ đuôi to đó là một quả cầu lửa xé toang bầu trời theo đường vòng cung, trước chậm sau nhanh lao xuống vun vút, khi sắp tới mặt đất tốc độ càng nhanh hơn, kèm theo tiếng gầm rú đinh tai nhức óc, kế đó là một tiếng nổ làm rung chuyển mặt đất. Sức mạnh sấm sét ngàn cân đã khoét sâu một hố lớn trên mặt đất. Luồng không khí cuốn theo đã quật đổ khá nhiều cây cối chung quanh, có nhà bay cả mái, nóc chẳng còn, các cửa cũng bị phá tung. Người và gia súc bị sức gió xô ngã lăn kềnh, có người còn bị thương nặng. Chờ cho đất lặng gió im, mấy người bạo gan mới dám rón rén đến xem chỗ quả cầu lửa rơi. Hóa ra là một tảng thiên thạch to bằng con lạc đà nằm trong cái hố sâu tới mấy thước. Do rơi xuống mạnh, nên lún xuống khá sâu như mọc rễ ở đó, bao nhiêu người xúm vào đẩy vẫn trơ trơ nằm nguyên tại chỗ. Đám “người thám hiểm” đầu tiên đều bình yên vô sự, mọi người mới yên lòng, từng tốp năm ba người kéo nhau đến sát tảng đá xem, thậm chí muốn lấy tay sờ vào để xem có khác gì đá ở trên mặt đất. Nhưng họ đã bị người ta ngăn lại, nói rằng đây là vật thiêng từ trên trời rơi xuống, không thể khinh nhờn, phải cúng bái rồi mới được sờ vào, bằng không có thể gây tai họa. Vừa rồi những người bị quật ngã và bị thương là vì làm ngáng trở đường đi của đá thần nên bị trừng phạt. Ý kiến này làm cho tảng thiên thạch càng tăng thêm màu sắc thần bí. Tin tức không cánh mà bay, người các xã, huyện khác đều đua nhau đến xem vật lạ từ trên trời bay xuống. Có nghệ nhân lang thang lập ngay sân biểu diễn bên cạnh tảng đá, đêm đến dựng lều ở lại.

Nào ngờ vào một buổi sáng tinh mơ, trên mặt phẳng ở giữa tảng đá người ta thấy xuất hiện bảy chữ triện “Thủy Hoàng đế tử phi địa phân” (Vua Thủy Hoàng chết, chia lại đất). Những người thấy chữ ấy sợ hết hồn, vội vàng trình báo lên xã, rồi huyện, quận. Các quan thái thú, huyện lệnh, giảm úy lập tức đến hiện trường xem xét, thấy các nét chữ đã bị thui lửa, không nhận ra dấu vết tạo khắc, mặt đất cũng không thấy mảnh vụn đá rất khó xác định là người ta mới tạc gần đây. Theo tin của dân địa phương, người đến xem thiên thạch liên tục mấy ngày liền rất đông, có người ở trong nhà dân, có người dựng lều ở một đêm rồi đi, không thấy ai khắc tạo gì vào đá cả. Chẳng ai biết những chữ đó từ đâu ra. Quan lại quận, huyện không thể nào xác định được nên không dám tùy tiện bắt người, nhưng sự việc rất nghiêm trọng, nếu giấu không trình báo lên, e rằng bản thân sẽ bị truy cứu. Họ đành lấy sơn đập in bảy chữ này vào lụa trắng, viết thêm bản trình tấu, để thái thú đích thân tới Hàm Dương tâu với Thủy Hoàng nguyên do sự việc.

Thủy Hoàng nghe bẩm quan thái thú có việc gấp xin cầu kiến, lập tức liên tưởng tới bức thư lụa phản nghịch giấu trong bụng cá, trong lòng rất không vui. Khi đọc bản tấu, lại càng sợ hãi, nhưng vẫn muốn xem cho rõ ràng bèn cố mở căng tấm lụa trắng. Bảy chữ “Thủy Hoàng đế tử phi địa phân” khiến ông rụng rời, chữ thác bản lại in bằng sơn màu đỏ tía, trông chẳng khác gì chữ viết trên máu. Thủy Hoàng không dám nhìn, vội để mảnh lụa ra một bên, nhắm mắt ngẫm nghĩ, sau đó bảo với thái thú rằng trong câu phản nghịch này xét ý tứ trong hai chữ “địa phân”, thì rõ ràng đây không phải ý trời mà là của đám con cháu chư hầu sáu nước. Nó rất khớp với việc chúng chống lại nhà Tần thống nhất, mưu toan khôi phục chế độ phân phong cát cứ, vì thế thủ phạm vụ này, phải tìm trong đám bề tôi và dân chúng của sáu nước chư hầu. Quan thái thú khấu đầu lia lịa, ca ngợi Thủy Hoàng sáng suốt, suy đoán sắc sảo, khiến mình đã có đầu mối tìm bắt thủ phạm, hứa nhất định không phụ mệnh vua. Thủy Hoàng lệnh cho thái thú tức tốc quay về nơi xảy ra sự việc, tra xét cẩn thận, bắt được thủ phạm, thì tru di ba họ để răn đe không cho xảy ra nữa. Lại còn nhắc lại nghiêm lệnh không phá được vụ án này thì “đem đầu tới nộp”. Để tăng cường lực lượng, Thủy Hoàng cử một ngũ sử khâm sai, chỉ huy một nghìn lính hổ bôn tới Đông quận, giám sát các cấp quận, huyện xã nhanh chóng phá án.

Khâm sai ngũ sử và thái thú Đông quận chỉ huy lính hổ bôn ngày đêm rong ruổi không dám rời khỏi lưng ngựa chạy tuốt một mạch về hiện trường. Tại đây, không còn người nơi khác đến xem vật lạ nữa, dân địa phương đi đâu cũng tìm đường vòng để đi, thậm chí chẳng dám nhìn về phía tảng đá nữa. Từ sau khi các chức sắc quận, huyện, xã đến bước đầu điều tra, mọi người ngấm lại thấy nhiều chuyện lạ. Bắt đầu từ năm thứ bảy sau khi Thủy Hoàng lên ngôi vua, sao chổi xuất hiện nhiều lần, Hạ thái hậu mẹ đẻ của Tiên vương đột nhiên băng hà; năm sau, Trường An quân Thành Kiều làm phản, tự sát ở Đôn Lưu; năm thứ chín lại nhiều lần xuất hiện sao chổi, liên tục xảy ra những vụ thảm sát như Lao ái làm binh biến ở cung Kỳ Niên sau bị xe ngựa phanh thây, rồi đến trận băng giá lớn làm rất nhiều người chết, Thủy Hoàng trong một cơn thịnh nộ đã giết hai mươi bảy bề tôi can gián. Bây giờ thiên thạch rơi xuống làng, lại có bảy chữ phản nghịch, chắc hẳn lành ít dữ nhiều, cho nên họ coi là điềm chẳng lành, lo tránh cho xa, công việc đồng áng xong là về nhà ngay đóng cửa ở lý bên trong, chỉ sợ bị liên lụy. Nay Thủy Hoàng lại cử ngũ sử khâm sai đến điều tra, đừng nói gì người, ngay cả chó gà cũng không thoát khỏi tai vạ này rồi.

Ngũ sử, thái thú, huyện lệnh theo ý chỉ của Thủy Hoàng, đầu tiên điều tra cư dân quanh vùng, thấy bảy mươi phần trăm là dân cũ nước Triệu, còn lại là binh lính Tần thoái ngũ mới đến an cư lập nghiệp tại địa phương. Họ bèn dùng kế ly gián để phân hóa chia rẽ họ. Thái thú nói với binh lính Tần thoái ngũ:

– Các người đã theo Thủy Hoàng chinh chiến nhiều năm, có nhiều công lao, tuy đã giải ngũ, vẫn phải một lòng với triều đình. Khắc những lời phản nghịch trên đá, chắc là do đám dân nước Triệu làm, các người ai biết phải tố giác để trừng trị lũ phản nghịch. Lòng trung quân báo quốc đáng được trọng thưởng.

– Kể tôi tớ này từ ngày cởi bỏ áo lính về với đồng ruộng, lương bổng chẳng có, phải gắng sức cày cấy để nuôi gia đình, suốt ngày tât bật làm lụng, rất ít chơi bời với hàng xóm láng giềng. Việc khắc chữ vào thiên thạch có phải là dân cũ nước Triệu làm hay không, kể tôi tớ này không biết gì, không dám nói bậy, kính mong tha tội.

– Nghĩ mình theo thánh thượng chinh chiến nhiều năm, hổ thẹn chẳng có công lao gì,

suốt đời làm lính quen, rồi giải ngũ tại đây, làm con rể nhà dân nước Triệu. Quanh năm sống cùng nhau, thấy các bậc cha ông và anh em đều một lòng thần phục thánh triều, cảm tạ ân đức nhà vua. Họ đâu dám liều lĩnh phạm tội mất đầu tru diệt ba họ, khắc chữ vào đá, chống Tần phản chúa. Việc này vô cùng hệ trọng, mong đại nhân phán xét, đâu dám bịa đặt trước các quan, vu hại người ta làm việc bất nghĩa? Mong đại nhân minh xét!

Những lời cung khai này khiến quan thái thú rất thất vọng, liền giở thủ đoạn thúc ép đe dọa bảy mươi phần trăm dân nước Triệu cũ, hùng truy bức họ. Ông ta hùng hùng hổ hổ hỏi họ:

- Từng biết loài rết trăm chân chết rồi vẫn không nát. Bọn các người nước tan vua mất đã bị nước Tần ta tiêu diệt vẫn không chịu yên thân, luôn luôn muốn ngóc đầu dậy. Nay thấy sao băng rơi xuống, muốn giậu đổ bìm leo, khắc đá nguyên rửa nhà vua, mưu đồ khôi phục chế độ phân phong chư hầu, xóa bỏ hiện tại, khôi phục cổ xưa. Giả danh đạo trời, để che giấu tội. Đâu có biết thánh thượng anh minh, sớm đã rõ mưu gian. Nay lệnh cho quận thú ta tra xét. Tất cả những kẻ gian trá phạm pháp, phải thành thực cung khai. Ơn đức vua rộng lớn, sẽ xem xét khoan hồng mở đường cho chúng bay hối cải. Nếu có tội mà không nhận, mưu toan trốn tội, một khi tra xét ra sẽ bị tru di ba họ. Kẻ nào biết mà không khai báo, sẽ chịu tội tru di. Sống chết là hệ trọng, hãy mau chóng chọn lựa, nhận tội để được khoan hồng. Thời hạn ngắn ngủi, không chờ bọn người đâu, luật pháp nghiêm minh, bọn người đã sớm biết rồi đó, hay còn dám lấy mạng sống giỡn với pháp luật?

- Tự biết mình là dân mất nước, chúng dân xưa nay yên phận thủ thường, đâu dám làm điều gì sai trái? Thấy những sự khác lạ, chúng dân đều không dám ngó ngang. Lần này đá lạ từ trên trời rơi xuống, lại có lời lẽ phản nghịch, tuy có nghe tin đồn, chúng dân bảo nhau cứ tránh đi là hơn cả. Còn như đại nhân hỏi về việc khắc chữ lúc canh khuya, làm tổn thương thánh chúa, chúng dân lại càng không biết gì cả. Mong đại nhân thương dân, tha cho chúng dân vô tội. Chúng dân sống làm ngậm vành, chết làm kết cỏ, để báo đền ân đức đại nhân!

- Vua nước Triệu trước đây phụ lòng tin cậy của tiên vương, u mê ngu muội, khiến dân tình khốn khổ, phải sống trong nước sôi lửa bỏng, không sao chịu đựng nổi. Thủy Hoàng đã làm theo mệnh trời, trừ diệt sáu nước. Chúng thảo dân được là dân thánh triều, chịu ơn giáo hóa mưa móc. May mắn hơn nữa muôn dân có được ruộng đất, tự nuôi sống bằng sức mình, dần dần khám khá lên. Vô cùng cảm tạ minh quân đất nước thịnh vượng đã mang lại ân trạch cho chúng dân, làm sao chúng dân có thể vì chữ khắc trên thiên thạch mà mượn gió bẻ măng, dám làm những việc sai trái tày trời được? Đại nhân nghiêm lệnh tra xét, đây là mệnh lệnh triều đình, chúc trách vua giao. Chúng thảo dân thật sự không may sai trái, vì thế không thể nào cung khai được. Đại nhân đèn trời soi xét, thấy rõ tâm can thảo dân, thấu hiểu thực tình, mở đường thoát cho chúng dân. Ơn tái tạo chúng dân suốt đời ghi lòng tạc dạ, chỉ mong được báo đền cho dù muôn một.

Trước những lời cung khai chân thực và khẩn thiết, quan thái thú không những chẳng hề động lòng mà lại càng vô cùng tức giận vì không thu được kết quả gì, đã cùng ngự sử, huyện lệnh chia nhau xét hỏi từng người trong làng, tra tấn bức cung để thực hiện mưu gian. Nhưng bách tính thuần hậu lương thiện, vì thấy mình vô tội nên trước sau vẫn chẳng cung khai gì. Ngự sử chẳng muốn về triều mà không lập được công lao gì, thái thú dĩ nhiên càng không muốn đem đầu tới gặp Thủy Hoàng. Họ liền phái một nghìn lính hổ bôn, cùng với quân lính quận, huyện, tất cả hơn hai nghìn, đang lúc đêm khuya không trăng sao, thành linh đến vây chặt làng xóm chung quanh tảng thiên thạch. Kỵ binh bịt chặt cổng, bộ binh xông vào chém giết hết hơn một nghìn trẻ già trai gái của hơn hai trăm hộ trong làng. Người già trẻ nhỏ không chống nổi, thanh niên trai tráng liều mạng trốn chạy thì bị kỵ binh cho ngựa xéo chết. Tiếng người kêu ngựa hí, tiếng gào khóc thảm thiết vang động cả một vùng nghe cực kỳ thảm thương. Cuối cùng cả làng bị phóng hỏa thiêu trụi, nhà cửa đồ đạc bốc cháy đùng đùng, thi thể bị thui đen nứt nẻ, mùi khói khét nồng nặc. Tảng thiên thạch cũng bị đập vỡ rồi đem đốt thành mảnh vụn, người ngựa chà đạp thành một vùng bùn lầy.

Ngự sử khâm sai dẫn quân hổ bôn về triều phục mạng, thái thú Đông quận cũng theo về kinh. Chuyến đi này, ông ta vênh vang đắc ý hơn lần trước nhiều, hơn một ngàn lính hổ bôn đi trước dẫn đường, thật là oai phong. Điều quan trọng hơn, kết quả điều tra đầu

không bắt được thủ phạm khắc chữ trên đá kia nhưng đã xử tử hơn một nghìn “dân cũ nước Triệu” và dân Tần đổi bại chống Tần theo Triệu. Điều này hẳn là hợp ý thánh thượng rồi. Thủy Hoàng nghe quan thị vệ trình tấu, lập tức cho vời vào ngay. Nghe hai bề tôi thuật lại vô cùng sinh động quá trình tra xét và tàn sát dân làng, rồi phóng hỏa đốt xác diệt làng, ngay cả tảng đá chống Tần hạ nhục vua cũng bị thiêu thành tro tàn. Tần Thủy Hoàng nghe mà cảm thấy dường như mình cũng có mặt tại đây, đồng cảm với tâm trạng cuồng bạo dã man ấy và tỏ ra vô cùng thích chí. Ngay hôm đó thiết tiệc khoản đãi ngự sử và thái thú Đông quận, vui vẻ luân công ca ngợi vua khen thưởng bề tôi. Thủy Hoàng trọng thưởng cho hai người, và cũng thưởng công cho một ngàn lính hồ bôn. Tiệc rượu bày ra giữa cung đình tráng lệ, yến ẩm hân hoan, mặt mày rạng rỡ. Mọi người cùng thưởng thức đàn ca, hát múa vui vẻ kéo dài mãi tới canh khuya mới tan cuộc.

Thủy Hoàng từ nhỏ vốn đã hiếu thắng, ham thích võ nghệ. Nhất là từ ngày lên làm vua, trong những cuộc chinh chiến dẹp trừ sáu nước, ông luôn đi cùng quân đội đốc chiến, tham dự các trận đánh, cho nên đã quen với cuộc đời chiến đấu giữa rừng gươm biển giáo trên chiến trường mưa tên bão đạn, đặc biệt thích thú với những cuộc tàn sát cuồng bạo, chém đầu tắm máu. Giờ đây đã tới tuổi tri thiên mệnh, làm vua trăm họ, sáu nước đã diệt, chẳng còn chiến sự quy mô lớn nữa. Kể từ khi mê đắm mê chuyển sang tuần thú và cầu tiên tìm thuốc để mãi mãi trường thọ, những chuyện đã xảy ra như vụ phong thần ở Thái Sơn, mò đỉnh ở Tứ Thủy, sự lừa dối của Lư Sinh, Hầu Sinh, Từ Phúc, đòn chùy ở Lang Nha, nổi hoảng sợ trước thần núi Kiệt Thạch, không những chẳng giúp ông tĩnh tâm suy nghĩ, ngược lại luôn luôn ám ảnh ông, khiến ông bức bối không yên. Vụ thiên thạch để chữ, chuyện giết người đốt làng, càng khiến tính cách bạo ngược hung tàn trong ông được dịp bùng lên. Ông muốn tìm lại khoái cảm và thỏa mãn trong những cảm giác mạnh, nên ngay hôm sau với sự tháp tùng của Mông Nghị, Vương Ly, Triệu Cao, ông đã dẫn theo hai trăm cận vệ tới Thượng Lâm Uyển ngoại thành Hàm Dương đi săn bắn suốt một ngày. Tướng sĩ phi ngựa xua chó, dồn chim thỏ, hươu nai chồn cáo chạy hết lên đường, xe vua đi giữa vườn. Thủy Hoàng phóng ngựa giương cung tha hồ bắn giết. Ông thấy chúng chạy tán loạn cuống cuống sợ hãi thì vô cùng khoái chí. Nhất là khi thấy mình bắn trúng hoặc bắn chết được con mồi, nhìn thân hình chúng gãy giữa máu me đầm đìa, ông vui như điên, chẳng khác nào tướng sĩ khát máu nơi chiến trường. Ông để đám cận thần nhật hộ, ông treo những “chiến lợi phẩm” ấy tại những chỗ dễ nhìn thấy nhất trên xa giá của mình rồi thủng thẳng ra về.

Muôn dân nhìn thấy rạp mình vái chào, tung hô vạn tuế, ca ngợi thần uy thánh võ, anh hùng cái thế của ông. Chiến lợi phẩm được giao ngay cho ban ngự thiện nấu nướng để chế biến thành món ăn ngon, để ông cùng thưởng thức uống với đám cận thần tùy tùng. Đương nhiên khi ấy phải có lộng thần Ưu Chiên làm trò góp vui và biểu diễn ca múa.

Đêm ấy, Thủy Hoàng ngủ rất ngon, nằm mộng thấy mình đang thúc mạnh ngựa tiêm ly đuổi giết con mồi đang tháo chạy, bề tôi và tướng sĩ đi theo lớn tiếng hò hét, y hệt khi thế trận ác chiến. Ông mơ màng trở mình, vẫn luôn miệng hò hét xông lên, những đối tượng bị truy đuổi không phải là muông thú mà là cảnh tàn quân bại tướng của sáu nước. Thế là ông càng hăng lên, hò hét mỗi lúc một to. Con ngựa tiêm ly lao như điên, bỗng húc đầu vào một gốc cây, hát văng ông xuống đất, khiến ông bị đau ở lưng. “Ồi, ối”, ông kêu lên rồi tỉnh dậy. Ưu Chiên luôn túc trực ở bên vội đỡ ông dậy, ân cần hỏi:

– Bệ hạ ngủ không được ngon giấc lại còn ngã xuống đất.

Thủy Hoàng xoa chỗ đau, cười buồn bã:

– Ta đang nằm mơ, ngã từ trên ngựa xuống.

Ưu Chiên giọng bông lơn:

– Thệt hươu ngon quá, hèn chi bệ hạ vẫn còn muốn đi săn, cứ hò hét “giết, giết”.

Thủy Hoàng kể:

– Ta đang đi săn, sau đó bỗng trở thành đánh trận. Ta càng đánh càng hăng, càng hăng lại càng muốn giết người.

Ưu Chiên cười khềnh khệch, nói:

– Bệ hạ chém được bao nhiêu thủ cấp, có thể báo công để thăng cấp đây?

Thủy Hoàng ha hả cười:

– Ta là thiên tử, chỉ có ta thăng cấp cho kẻ khác, ai thăng cấp cho ta hả? – Nhìn vẻ hài hước của Ưu Chiên, Thủy Hoàng liền nói đùa – Hay người thử thăng cấp cho quả nhân xem nào?

Nào ngờ Ưu Chiên lập tức nói với giọng nghiêm chỉnh:

– Bằng vào việc giết người, thần không thể thăng cấp cho bệ hạ được.

Thủy Hoàng hỏi vì sao, Ưu Chiên đáp:

– Bệ hạ tàn sát sinh linh, chuyện đó rất không hay.

– Ta giết người để thống nhất thiên hạ.

– Theo như những chuyện thần được nghe của các bậc tiền bối thì không phải như vậy.

Thủy Hoàng hỏi:

– Chuyện thế nào?

Ưu Chiên liền kể cho Thủy Hoàng nghe một đoạn chuyện: “Mạnh Tử du thuyết chư hầu, gặp Tương Vương, con trai Lương Huệ Vương. Tương Vương bỗng hỏi, thiên hạ làm thế nào mới yên ổn được? Mạnh Tử trả lời, thiên hạ thống nhất thì sẽ được yên ổn. Tương Vương lại hỏi, ai có thể thống nh được thiên hạ? Mạnh Tử trả lời, kẻ không thích giết người có thể thống nhất được thiên hạ...”.

Không để Ưu Chiên kể tiếp, Thủy Hoàng đã tức giận nói:

– Người làm sao mà lại giống những nho sinh ngoan cố cổ hủ như Thuần Vu Việt, lấy cái đạo Khổng Mạnh để phủ nhận ta?

Ưu Chiên ngậy thơ cười:

– Xin bệ hạ chớ nên quá lời như vậy. Lão tiên sinh Thuần Vu Việt dùng lời lẽ của ông ta chống lại bệ hạ trong luận bàn triều chính, còn thần chẳng qua chỉ kể chuyện cho bệ hạ nghe.

Thủy Hoàng giọng vẫn bực bội:

– Kể chuyện chẳng phải vẫn cứ là lấy cái xưa phủ nhận cái nay, phủ nhận quả nhân đó sao?

Ưu Chiên vội xoa tay nói:

– Thần kể chuyện chỉ là để nói lại ý của người xưa về việc giết người, bệ hạ cho là đúng thì nghe, cho rằng sai thì trước tiên xin chặt đầu thần.

Thủy Hoàng nói:

– Dẫu sao đi nữa thì người đã ví quả nhân với Lương Tương Vương rồi...

Ưu Chiên cười rất sảng khoái:

– Lương Tương Vương kém cõi bất tài, chẳng có công lao gì; còn bệ hạ không những là một đấng quân vương, hơn nữa đã thống nhất được thiên hạ, uy danh lừng lẫy. Nói chi tiểu thần, mà ngay cả Mạnh Tử tái thế cũng sẽ nói, nhìn là biết ngay dáng vẻ quân vương, uy phong ấy, ai ai cũng phải kính sợ!

Nghe nói thế Thủy Hoàng nguôi giận, cũng cười bảo:

– Nếu Mạnh Tử gặp ta, ông ấy có dám khuyên ta như vậy không?

Ưu Chiên thưa:

– Dám chứ ạ. Mao Tiêu, Úy Liêu vô lão tiên sinh Thuần Vu Việt chẳng phải là đã liều mạng can gián đó sao? Lại cả đám thần sinh cũng đã khuyên can bệ hạ. Bệ hạ đã không giết họ, huống hồ bề tôi chỉ là một lộng thần làm trò mua vui cho bệ hạ.

Thủy Hoàng thấy không nói nổi Ưu Chiên liền phẩy tay tỏ ý cho lui.

Thủy Hoàng tuy không bắt tội Ưu Chiên, nhưng rất không hài lòng trước lời mỉa mai bóng gió rằng ông thích giết người, nhất là việc dẫn ra quan điểm của Mạnh Tử. Đúng là đồ đệ của đám hủ nho Thuần Vu Việt, Lư Sinh rồi. Nhưng sau đó lại nghĩ, chủ trương của Khổng Mạnh chẳng lẽ chuyên để châm biếm mình, phải đọc cho kỹ xem rút cục nói những gì, bèn lôi tập sách “Luận ngữ” của Khổng Tử trên kệ sách đặt ở góc tường xuống. Quả nhiên thiên nào cũng tuyên dương vương đạo và nhân chính, phủ định bá đạo và bạo chính; càng đọc Thủy Hoàng càng bị kích thích, càng đọc càng bực bội. Khi đọc tới câu “Nước mà sắp mất, tất có yêu nghiệt hiện ra ở mai rùa già, động khắp tứ chi”, Thủy Hoàng bèn liên tưởng đến thần biển Kiệt Thạch chìm chết người, nghĩ mà vừa sợ vừa giận. Sau đó đọc tiếp tới câu “Chủ ngu mà cứ cho mình là đúng, hèn mà cứ cho mình là sang, sống ở đời nay mà làm ngược lại đạo xưa, loại người như thế sẽ tự mang họa vào thân”, cảm thấy từng chữ từng chữ đang mắng chửi mình, thì ùng ùng nổi giận, suốt đêm không tài nào chợp được mắt. Sáng sớm hôm sau, Thủy Hoàng triệu ngay Lý Tư đến hỏi:

– Đốt sách lần trước, lục soát quê Khổng Tử thế nào?

Lý Tư trả lời:

– Cháu tám đời Khổng Phu Tử là Khổng Phụ chạy trốn, không biết đi đâu. Miếu thờ Khổng Tử, vì dân chúng địa phương cảm phần đứng ra bảo vệ, không dám chống lại lòng phần nộ của dân nên không dám động vào.

Thủy Hoàng lập tức cùng Lý Tư, Triệu Cao, Mông Nghị do một ngàn quân hổ bôn hộ giá, đến thẳng Khuyết Lý, huyện Khúc Phụ, Tề quận định phá hủy lăng mộ Khổng Tử, bật nắp quan quách, thiêu xác Khổng Tử, để trút nỗi căm giận trong lòng. Khi san phẳng lớp đất bên ngoài, đào mộ Khổng Tử, thì thấy trên vách trong huyệt mộ có ghi một bài sấm ngữ: “Tần Thủy Hoàng, sao dám ngang ngược, mở cửa nhà ta, chiếm giường của ta, uống rượu của ta, nhổ bọt vào nhà ta, giương cung của ta, bắn vào tường đồng, lục tung quần áo của ta, đi tới cồn cát ắt tiêu vong”.

Thượng khanh Mông Nghị giám sát việc đào mộ, thấy lời sấm như vậy thì sợ toát mồ hôi, chỉ muốn lấp lại nhưng lại sợ cuối cùng vẫn phải đào lên, liền hốt hoảng bẩm tấu Thủy Hoàng. Thủy Hoàng đã định sau khi bật nắp quan quách Khổng Tử sẽ đích thân châm lửa thiêu hủy ông thủy tổ Nho gia này, giờ nghe Mông Nghị nói thế, đã thấy rợn người, nhưng vẫn muốn đích thân đến xem. Trong bụng nghĩ thầm:

– Cái ông Khổng Phu Tử này qua đời đã hai trăm năm mươi năm rồi, làm sao lại biết trước được việc này của mình nhỉ? – Thủy Hoàng thấp thỏm hỏi hợp xuống tới huyệt mộ, khi ngẩng đầu nhìn sấm ngữ trên vách mộ, quan sát kỹ càng đúng là không phải gần đây mới viết, khiến ông không thể không tin là sự thật, nhất là hai chữ “diệt vong” ở cuối câu, điều mà ông ta kỵ nhất, thấy sợ quá bèn không dám đốt thi hài Khổng Tử nữa. Như con thú dữ bị thương, mắt tuy vẫn hung hãn nhưng chẳng còn vẻ tinh nhanh nữa, Thủy Hoàng nặng nhọc vất vả lắm mới bước hết bậc thêm lên được mặt đất, rồi tức tốc lệnh cho Mông Nghị lấp lại mộ huyệt, còn ông vội vã lên xe, thúc giục đám cận thân và lính hổ bôn lập tức rời khỏi Khuyết Lý, trở về Hàm Dương.

Về tới thành Hàm Dương, liền mấy ngày Thủy Hoàng không sao trấn tĩnh lại được. Một là sấm ngữ trên vách mộ Khổng Tử khiến ông vẫn còn sợ hãi; hai là nỗi hối hận, nếu đừng đi quật mộ Khổng Tử thì sấm ngữ ấy sẽ không thể bị phát hiện và bản thân cũng không bị xúc động mạnh đến như thế này. Xem ra vẫn phải đến tu hành ở đảo Bồng Lai nhân tạo thôi, cầu mong “mắt không thấy, lòng không phiền, tai không nghe, bụng tự yên”. Và ông lại giao việc triều chính cho hai vị thừa tướng thay mình cai quản, một mình ở trong mật thất chuẩn bị trong một thời gian dài tĩnh tâm tu dưỡng, điều hòa tâm thần. Nhưng chỉ được mấy ngày, thượng khanh Mông Nghị lại đến gõ cửa xin cầu kiến. Tuy Thủy Hoàng một mực từ chối, nhưng Mông Nghị vẫn cứ nài xin rằng việc này chỉ có bệ hạ mới làm được, bất cứ ai khác cũng đều bất lực. Thủy Hoàng thấy nói quan trọng đến như vậy, đành rời mật thất cùng Mông Nghị trở về tẩm cung.

Mông Nghị dẫn một sứ giả vào. Sứ giả tay bưng một lễ vật bọc trong lụa gấm, sau khi quỳ xuống thi lễ chào Thủy Hoàng bèn đưa bọc gấm cho Mông Nghị. Thủy Hoàng liếc nhìn bọc gấm, hỏi Mông Nghị trong đó gói vật gì, Mông Nghị tâu rằng chính ông bây giờ mới đón nhận, chưa mở ra xem nên không biết trong đó gói báu vật gì. Thủy Hoàng quay ra hỏi

sứ giả, sứ giả cũng bối rối lúng túng nói rằng không biết. Thủy Hoàng nổi giận lớn tiếng quát mắng:

– Đã là sứ giả mà vật gì gói trong đó cũng không biết là làm sao? Há chẳng phải cố tình huyền hoặc, khinh nhờn quả nhân? Đáng tội gì hả?

Sứ giả vội vã phân bua:

– Thưa bệ hạ, thần là tín sứ của quận Trường Sa mang công văn đến phủ thái úy. Lúc hoàng hôn, khi đi qua Bình Thu đạo huyện Hoa Âm thì từ trong rừng vụt hiện ra một người chặn ngựa của hạ thần lại hỏi là đi đâu, thần trả lời lên kinh thành giao nộp công văn. Người ấy cười bảo, thế là đã tìm được người phù hợp rồi, nói xong lấy từ trong bụng ra gói lụa nhỏ này, trình trọng nói với hạ thần rằng nhờ đem cái này cho Hạo Trì Nhân và bảo ông ta rằng năm nay Tố Long sẽ chết. Thần từ chối nói rằng không biết Hạo Trì Nhân là ai, làm sao mang tới nơi được? Người ấy bảo, chính vì thần đi giao nộp công văn nên mới nhờ thần làm việc này, còn như Hạo Trì Nhân là ai, cứ đến phủ ngự sử hỏi là biết ngay. Thần vừa nhận vật này, người ấy đã biến thành khói xanh, thoáng một cái không thấy đâu nữa.

Nghe tới đây, Thủy Hoàng vội ngắt lời sứ giả và hỏi:

– Đã như thế thì người đem vật này giao cho Hạo Trì Nhân là được, hà tất lại giao cho quả nhân?

Sứ giả trả lời:

– Hạ thần vốn định làm như vậy, nhưng ngự sử xem vật gói bên trong, hỏi nguyên do sự việc, nói rằng việc xuất hiện vật này rất thần kỳ, không phải người đích thân trong cuộc trình lên, e người nhận không tin, do đó đành phải van nài quan thượng khanh Mông Nghị đại nhân xin bệ hạ ân chuẩn tiếp kiến, để dâng vật này lên thánh thượng, khỏi phụ lòng người cậy nhờ.

Thủy Hoàng khi ấy mới đưa tay ra nhận lấy gói lụa từ tay Mông Nghị, nhẹ nhàng mở ra xem, vật gói bên trong tỏa ra thứ ánh sáng lấp lánh như một viên ngọc dạ minh châu, cả tấm cung sáng bừng lên. Thủy Hoàng bất giác kinh ngạc rồi vui mừng cả cười nói:

– Cửa báu này mất đã tám năm, nay trở về với chủ cũ thần kỳ đến như vậy, thật không thể tưởng tượng nổi. – Nói xong để vật đó trong lòng bàn tay, kể lại lai lịch của nó:

Vốn dĩ đây là viên ngọc bích, lóng lánh trong suốt, huỳnh quang sáng ngời, mài giữa tinh xảo, đúng là báu vật vô giá. Thủy Hoàng năm đó lên thừa kế ngôi vua của Trang Tương Vương, hãy còn là một thái tử nhỏ tuổi, viên ngọc này do mẹ là Triệu thái hậu ban cho, đeo ở trước ngực để luôn được may mắn. Nhưng vào năm thứ hai mươi tám, tức là tám năm trước, khi qua sông Tương thì gặp gió bão dữ dội, suýt nữa đã vùi thân trong bụng cá. Dây đeo ngọc bích đứt, viên ngọc rơi xuống sông. Sau đó đã cho người mò nhưng khác gì tìm kim đáy bể, không tài nào tìm thấy. Nay lại được thần núi ở Bình Thu đạo nhờ sứ giả mang về kinh trả lại chủ cũ, làm sao mà lại không vui mừng?

Mông Nghị và sứ giả đều trầm trồ ca ngợi là thần kỳ, đồng thanh chúc mừng Thủy Hoàng có sao lành chiếu rọi, vận nước vững bền dài lâu.

Nhưng Thủy Hoàng sau đó lại rầu rĩ ngay. Viên ngọc này là của mình, người trả lại ngọc lại muốn trả cho Hạo Trì Nhân, chuyện này là thế nào? Khi ấy sứ giả liền nhắc, người trả ngọc bảo rằng cứ hỏi quan ngự sử là biết. Thủy Hoàng liền lập tức cho triệu quan ngự sử. Ngự sử tâu rằng: Hạo Trì quân tương truyền là Chu Vũ Vương sau khi chết được thiên đế phong cho làm thần Hạo Trì Nhân ở Tây Nam Trường An. Suy luận theo ngũ hành, Chu thì đức ở hỏa, Tần thì đức ở thủy. Thủy thần Tương Giang muốn tặng ngọc bích cho Hạo Trì Nhân, nhưng đường thủy hai nơi không thông nhau, cho nên muốn nhờ bệ hạ giúp cho việc này, nên mới có chuyện như vậy”

Mọi người đều khâm phục quan ngự sử học vấn uyên bác, suy đoán sắc sảo. Thủy Hoàng muốn biết ngay vị “Tố long” trong câu “Tố long năm nay sẽ chết” là ai. Ngự sử suy nghĩ một lát rồi tạ lỗi thưa rằng mình tài sơ học cạn, không giải đáp được vấn đề khó này. Thủy Hoàng đành tự mình suy nghĩ đêm ngày: “Tố long...?”, “Tố long...”, “Long...”. Suy đi nghĩ lại mãi, cuối cùng ông đã hiểu ra: Tố là khởi thủy của người, Long là tượng trưng cho vua, Tố long là vua Thủy Hoàng vậy. “Năm nay Tố long sẽ chết” tức là “Năm nay vua Thủy

Hoàng sẽ...”, nghĩ tới đây, bất giác thấy trong lòng vô cùng hoảng hốt và sợ hãi, miệng cứ lắp bắp: “Điềm dữ rồi, điềm dữ... “ rồi ngắt lịm lẩn ra đất.

HỘI THỨ BA MƯƠI HAI

CÚNG TÈ THUẦN VŨ, TÔN SÙNG LỄ NGHĨA TUẦN DU NGÔ VIỆT, CẨM THÓI DÂM

Thủy Hoàng được ngự sử nói Hạo Trì Nhân chính là Chu Vũ Vương sau khi chết được phong thân, rồi lại hiểu ra câu “Năm nay Tổ long sẽ chết” ám chỉ điềm dữ “Năm nay Thủy Hoàng đế sẽ chết”, sợ hãi quá lăn ra bất tỉnh. Tuy được thái y Hạ Vô Thả dùng kim vàng châm huyết, cho uống tâm đan, bấm nhân trung, cứu sống lại, nhưng trong lòng vẫn vô cùng hãi hùng. Thái y vội cho mời thái bốc tới, gieo quẻ bói cho Thủy Hoàng. Thái bốc cũng là nổi nghiệp ông cha làm quan ở triều đình đã mấy đời. Từ đời cha của ông đã biết rõ năm xưa tiên vương Tử Sở được thay Tử Hê sách phong thái tử, tên lái buôn nước ngoài Lã Bất Vi được phong thừa tướng, Triệu thái hậu và Lao Ái được rời khỏi cung Cam Tuyền, đến Ung Thành thả sức mây mưa... Tất cả đều dựa vào lời lẽ câu chữ quý thần nhập đồng của đám đồng cô này. Lần này đến xem bói cho Thủy Hoàng, thái bốc đã biết rõ như lòng bàn tay nguyên nhân hậu quả những việc đã xảy ra gần đây, vì thế vừa đến trước giường bệnh đã cố tình làm ra vẻ huyền bí, nào xem ấn đường, nhìn ánh mắt, quan sát vân tay... Sau đó tỏ ra rất nghiêm trọng tâu với Thủy Hoàng rằng: “Vi bệ hạ mấy năm nay việc tu tiên bị ngáng trở, đạo hạnh không tăng tiến, bị ma quỷ thừa cơ xâm nhập, gây thành ám khí vây bọc long thể, việc cấp bách bây giờ là phù dương khử tà, để long thể thoát khỏi quấy rầy” – Nói xong lập đàn cúng tế, đốt hương cầu khẩn, các thầy đồng cô, tay trái ấn quyết, tay phải múa gươm, xoa tóc nhảy múa, đọc thần chú trước long sàng, sau đó quay lại đàn tế, lấy mai rùa hơ trên lửa. Thầy đồng nhúu mày nheo mắt quan sát những vết nứt ngang dọc, miệng đọc những kết quả quan sát cô đồng ghi lại. Tiếp đó đặt mấy cọng cỏ thi vào một bát “nước thánh”, chăm chú nhìn cọng cỏ quay quay một lúc trên mặt nước, tới khi dừng lại, thì ngẩng mặt lên trời vái lạy lia lịa, nói: “Kính mong thần linh chỉ giáo, đệ tử đang vâng mệnh khử tà trị bệnh, khắc dữ cầu lành cho bệ hạ”. Lạy xong đứng dậy, cô đồng miệng nói, thầy đồng cầm bát, viết ra tờ thiếp như sau:

Thành kính cầu khẩn thượng giới, thần minh chỉ bảo rõ ràng.⁷

Bệ hạ tu hành trở ngại, tà ác thừa dịp tăng cường.

Mai rùa hiện rõ dịch quẻ, cỏ thi chỉ hướng tơ tưởng

Là để tiên nhân xuất du, rồng cầu hô phong hoá vũ

Mùa xuân vũ trụ rạng rỡ, người người cảm ứng đất trời

Muốn trừ tai tăng thọ, tuần du chuyển dịch còn gì lành hơn.

Thủy Hoàng xem xong tờ thiếp quẻ bói, ngẩng mặt lên trời vái dài, tạ ơn thần linh chỉ bảo, rồi trọng thưởng cho thầy cô đồng, hai người vô cùng phấn khởi, mang đồ thưởng ra về.

Theo chỉ dẫn của quẻ bói, Thủy Hoàng quyết định vào tháng ba năm sau lại đi tuần thú. Đây là “du” còn “chuyển dịch” thì phải di dời, thí dụ mười năm trước di dời hai vạn phú hào tới Hàm Dương, là “chuyển dịch” quy mô lớn. Giờ đây, dân số Hàm Dương đã quá đông, không thể “chuyển dịch” vào được nữa, hơn nữa tình hình đã ổn định, cũng không cần “chuyển dịch” đi nữa. Vậy thì chỉ còn cách “chuyển dịch” ở những nơi khác. Ông cho triệu quan nội sử trông coi nắm giữ lương thực và tài chính đến, căn cứ vào nhu cầu điều tiết mật độ dân số và cân bằng sinh thái nông nghiệp, ban chiếu lệnh di chuyển ba vạn hộ Du Trung Hà Bắc tới nơi cần tăng thêm dân số để bù đắp thiệt hại cho những hộ phải di chuyển, ưu đãi miễn trừ lao dịch mười năm để khuyến khích.

Trong thời gian bồi bổ sức khỏe chuẩn bị tuần du, Thủy Hoàng còn có hai quyết định quan trọng. Một là chấp nhận đề nghị của Triệu Cao và cũng chính là mong muốn của ông cho phép người con trai nhỏ là Hồ Hợi được tùy giá xuất du. Trong đám hai mươi mấy hoàng tử, Hồ Hợi được ông yêu quý nhất. Thứ hai, lệnh cho các tiến sĩ viết một bài thơ “tiên chân nhân” để nhạc sĩ phổ nhạc, rồi cho lính hoàng môn và hổ bôn trong đội ngũ tuần du ca hát tuyên truyền cho nhà vua này từ con người vĩ đại biến thành vị thánh vĩnh hằng. Từ sau khi đốt sách chôn học trò, các tiến sĩ sống trong nơm nớp hãi hùng, lo tính

mạng bị nguy hiểm nay được làm thơ ca ngợi công đức to lớn của Thủy Hoàng, thật sự cảm thấy được tôn trọng nên vô cùng cảm động, nhất trí cử bậc túc nho Thúc Tôn Thông làm chủ bút. Liên trong ba tháng, bài “thơ tiên chân nhân” do các tiến sĩ sáng tác tập thể sau nhiều lần sửa chữa đã được phổ biến rộng rãi trong tuần du:

Thủy Hoàng đế chừ bậc chí tôn, đức sáng láng chừ luôn vĩnh hằng.

Đất nước này chừ là đất vua, thiên hạ này chừ thần dân nhà vua.

Công lao vĩ đại chừ muôn dân ghi nhớ, mong ngài thọ chừ, chúc ngài trường sinh.

Có Bồng Lai chừ Bồng danh, chốn tiên đảo chừ vang tiếng đàn xa.

Thế giới này chừ nơi biển cả, mong ra nghênh đón chừ tiên chân nhân.

Tháng 3 năm ba mươi bảy Thủy Hoàng, Thủy Hoàng phó thác cho Hữu thừa tướng cùng Khứ Tật cai quản việc triều chính, rồi dẫn con trai nhỏ Hồ Hợi, Tả thừa tướng Lý Tư, Trung xa phủ lệnh Triệu Cao, Thượng khanh Mông Nghi rời Hàm Dương đi tuần thú Đông Nam. Đội ngũ xa mã, kỵ binh, bộ binh, mấy vạn người, thanh thế rầm rộ, uy vũ hùng tráng, lại thêm hàng nghìn người hợp xướng (“thơ tiên chân nhân”), khí thế ngút trời, rung chuyển cả núi non. Đoàn xa mã đi qua Vũ Quan. Man Dương, Nam quận tới núi Thương Ngô (Nay là núi Cửu Nghi) thuộc vùng Vân Mộng, quận Trường Sa. Thủy Hoàng sở dĩ lấy đây là chặng đầu tiên là vì mấy năm nay đã xảy ra nhiều chuyện không may. Gần đây nhất là chuyện thần núi trả lại ngọc bích và tiên đoán “Tổ long sẽ chết”. Ông linh cảm thấy việc ngọc bích tìm thấy ở Tương Giang chắc chắn là do Tương Quân, Tương phu nhân lấy giao cho thần núi, rồi lại nhờ sứ giả giao cho mình, còn “Tổ long năm nay sẽ chết” là hai bà phi muốn trừng phạt mình. Do đó, ông phải tới đây tạ tội với hai bà, xin hai bà tha thứ. Ông chẳng quản đường xa vất vả, mùa xuân ở miền Nam nhiều mưa, đường hiểm rêu trơn, và cũng chẳng bụng dạ nào thưởng ngoạn cảnh rừng nguyên thủy nhiệt đới bạt ngàn xanh tươi, cảnh núi non hùng vĩ với những đỉnh núi lô xô và hoa cỏ xanh non mơn mớn, chỉ mau mau đi tìm ngọn núi thứ sáu nơi có mộ vua Thuấn. Chín ngọn núi ở đây hình dáng rất giống nhau, khiến người ta cứ nghi hoặc rất khó nhận ra, nên có tên là “Cửu Nghi”. Sau nhiều lần leo lên leo xuống, vòng đi vòng lại họ mới tìm được mộ vua Thuấn. Nơi đây hẻo lánh xa xôi, lại phôi pha cùng năm tháng nên phần mộ rất khó tìm. May có bụi tre đằng ngà đã nhuộm nước mắt hoàng hậu Nga Hoàng, Nữ Anh lại rất tươi tốt, xanh thắm mượt mà. Nước mưa chảy theo lá cành, hệt như dòng lệ thương nhớ người thân không bao giờ cạn của Nga Hoàng, Nữ Anh.

Thủy Hoàng nhìn thấy bụi tre đằng ngà, cảm thấy day dứt trong lòng, lệnh ngay cho thị vệ san đất tại chỗ lập tế đàn, thắp hương đốt nến, dâng lễ tam sinh. Thủy Hoàng quỳ xuống rót rượu, phủ phục xuống đất, hai mắt nhắm nghiền, tỏ lòng sám hối trước vong linh hai vua Nghiêu, Thuấn mà trong tâm tưởng của ông, họ đang phiêu diêu đâu đây ngay trên đầu mình. Ông lặng lẽ hồi lỗi trước hai vị thánh quân viên tổ. Bản thân từ nhỏ sống trong cung đình đã được nuông chiều, tuổi còn nhỏ đã được kế vị tiên vương, thừa kế cơ nghiệp to lớn của tổ tiên truyền lại, lại được bá quan văn võ phò tá, phát triển thế mạnh sáu đời, chấn hưng chính sách tốt để cai trị đất nước, đã diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ, chấm dứt tình trạng chư hầu cát cứ, chiến tranh liên miên mấy trăm năm, thực hiện được xe đi cùng một đường, chữ viết cùng một loại, hành cùng một đạo, thi hành chế độ quận huyện làm cho nhân dân có ruộng tự cày cấy, kinh tế tự phát triển. Song, bản thân vì ý thế có công lao nên sinh kiêu ngạo, lạm dụng sức dân, ham chuộng xa hoa, bưng mắt bịt tai, nhất là đã khinh thường bất kính đối với hai ngài thánh quân tiên tổ, nói năng bừa bãi, có những lời lẽ khinh nhờn bỏ báng, lại còn ngông cuồng, coi đức mỏng công mọn của mình hơn cả Tam hoàng Ngũ đế xưa kia. Thật là quá đỗi khờ dại, quá đỗi nông cạn, chẳng hiểu thế nào là trời cao đất dày cả. Chuyển đi đặc biệt từ Hàm Dương đến Thương Ngô lần này chính là để tỏ lòng hối lỗi sâu sắc với hai ngài, xin hai ngài rủ lượng hải hà tha thứ cho sự ngu ngốc và không biết gì của bỉ nhân. Nói tới đây, bất giác xúc động, thấy trong mắt ươn ướt, Thủy Hoàng vội giơ tay lên lấy tay áo lau mắt. Lúc cúi đầu xuống mắt lại nhìn thấy khóm tre đằng ngà như đang rơi lệ, vội quay người quỳ trước khóm tre, hổ thẹn, hối hận nói: “Chín năm trước bỉ nhân qua Tương Giang vào hồ Động Đình đi du ngoạn Tương Sơn, nào ngờ giữa đường gặp gió lớn, đã không hiểu thiên thời không tùy thuộc theo ý người, lại trút giận vào hai vị hậu phi, phóng hỏa đốt Tương Sơn, đốt cả đền Tương Quân

và bài vị của hai ngài. Giờ đây nghĩ lại, thấy làm như thế quả là không phải. Cách đây ít lâu, hai ngài lại nhờ thần núi Bình Thu Đạo trả cho tôi ngọc bích đã mất ở Tương Giang và nhờ chuyển cho Hạo Trì Nhân, đồng thời còn truyền rằng “Năm nay Tổ long sẽ chết” kỳ thực là báo trước cho bỉ nhân: Thủy Hoàng đế sẽ chết. Bỉ nhân biết đây là trùng phạt đối với bỉ nhân, bỉ nhân có tội bỉ nhân phải gánh chịu. Nhưng bỉ nhân chưa muốn chết – Nói thực lòng là sợ chết. Bỉ nhân lên ngôi từ lúc mười ba tuổi gian khổ vất vả, một lòng tận tụy trong suốt ba mươi bảy năm. Năm nay vừa chẵn năm mươi tuổi làm sao có thể từ bỏ tế giới tốt đẹp này? Vì thế bỉ nhân đến đây dâng lễ để tạ tội với hai ngài, thỉnh nhị vị hậu phi thể tình bỉ nhân phạm tội lần đầu, thu hồi lời nguyện “Năm nay Tổ long sẽ chết”, nương tay, cho bỉ nhân được sống thêm ít năm nữa. Bỉ nhân hứa quyết không tái phạm, thỉnh nhị vị giám sát chặt chẽ. Xin nhị vị hậu phi cho bỉ nhân cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Bỉ nhân nhất định sẽ xây lại đền thờ hai vị, tạc lại tượng vàng như cũ”.

Nói tới đây, Thủy Hoàng bật khóc hu hu. Hồ Hợi, Triệu Cao vội đến khuyên giải, nâng ông dậy, dìu ông từ từ xuống núi.

Vua tôi sau khi xuống núi liền đi thuyền theo dòng Tương Giang tiến lên phía Bắc. Khi thuyền vào hồ Động Đình, trước mặt xa xa là Tương Sơn, Thủy Hoàng vội bày hương án cung kính quỳ xuống vái lạy Tương Sơn, lạng lẽ cầu xin hai hậu phi Nga Hoàng, Nữ Anh tha thứ.

Ngày hôm ấy gió êm trời đẹp, mặt nước sáng như gương, tám trăm dặm hồ Động Đình mênh mang sóng gợn, mặt hồ lóng lánh cảnh đẹp như tranh. Thủy Hoàng nghĩ bụng, hai hậu phi Nga Hoàng, Nữ Anh đã xá tội cho mình nên trong lòng rất vui vẻ vừa thưởng ngoạn phong cảnh mặt hồ, vừa cùng con trai Hồ Hợi và mấy vị cận thân chuyện trò trao đổi những điều tai nghe mắt thấy và cảm tưởng của mấy ngày qua. Tất cả đều cho rằng, đất Thương Ngô quá hẻo lánh xa xôi, mộ vua Thuấn lâu ngày không được sang sửa, vậy là có lỗi với công cao đức cả của vị tổ này. Thủy Hoàng nói ngay sau khi trở về cung sẽ dành riêng một khoản để tu bổ lại lăng mộ vua Thuấn ở núi Thương Ngô và đền thờ hai vị hậu phi ở Tương Sơn. Trong lúc chuyện trò vui vẻ thì đã ra khỏi hồ Động Đình, tiến vào sông Trường Giang, phút chốc tâm hồn sáng khoái, tinh thần phấn chấn. Thật đúng là “Triều lên, đôi bờ rộng. Gió thuận, một cánh buồm”. Thuận gió xuôi dòng, thuyền qua Đan Dương, sau đó chuyển lên đường bộ đi theo hướng Đông Nam tới bờ sông Tiên Đường. Đúng vào lúc triều cường, vua tôi Thủy Hoàng nhớ lại bài học gặp sóng to gió lớn, thuyền lật người chết ở Tương Giang năm nọ, liền không qua sông ở quãng này, mà đi vòng lên phía Tây 120 dặm qua Dư Hàng tới bờ sông Phú Xuân. Chỗ này nước sông chảy chậm, lại có doi cát, thuyền bè qua lại dễ dàng, cả đoàn người ngựa qua sông tại đây, sau đó rời thuyền lên xe, rong ruổi một mạch tới Cối Kê. Huyện lệnh Tiên Đường đã dẫn quan lại ra nghênh tiếp thánh giá tại đây, cung kính mời Thủy Hoàng về nha môn nghỉ, nhưng Thủy Hoàng chỉ nghỉ ngơi một lát rồi cùng Hồ Hợi Lý Tư, Triệu Cao, Mông Nghị lên núi Cối Kê tổ chức cúng tế tại mộ Đại Vũ.

Đại Vũ họ Tự là bậc quân vương thời xưa sánh ngang với vua Nghiêu, Thuấn, xuất hiện trên hai nghìn hai trăm năm trước Công nguyên, cha là Cỗ phụng mệnh vua Nghiêu trị lũ lụt trong thiên hạ. Ông dùng phương pháp đắp đê ngăn nước, mất chín năm mà nước lũ vẫn tràn ngập gây ra lụt lội, bị vua Thuấn giết ở núi Vũ Sơn. Sau đó vua Thuấn lại sai Đại Vũ kế tục công việc trị thủy. Đại Vũ làm ngược lại với cha, dùng phương pháp đào mương khơi dòng, chỉ huy mấy chục vạn dân khai vét sông ngòi, làm phẳng ruộng đồng, khiến cho nạn hồng thủy nhiều năm hoành hành đã bị chinh phục. Thủy tai trở thành thủy lợi, làm cho nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, đem phúc lợi cho dân chúng, được muôn dân ca ngợi. Đại Vũ đi trị thủy bốn ba vất vả nhiều nơi, trong mười ba năm ròng, chín lần đi qua cửa nhà mình đều không rẽ về nhà lần nào. Phẩm chất đạo đức vì công quên tư của ông được truyền tụng từ nghìn xưa. Vua Thuấn thưởng công, phong cho ông là Hạ Bá. Khi vua Thuấn băng hà đã nhường ngôi cho Đại Vũ xây dựng kinh đô tại Bình Dương. Mười năm sau, vua Đại Vũ băng hà ở Cối Kê, được mai táng ngay tại đây.

Thủy Hoàng đến cúng tế Đại Vũ, là vì ông biết sau Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ cũng là một vị minh quân đại đức, cũng sánh ngang Nghiêu, Thuấn. Mình đã cúng tế hai vua Nghiêu, Thuấn, đương nhiên không thể lạng lạt với Đại Vũ được. Cho nên sau khi rời Thương Ngô đã vội vã hết đi thuyền rồi lại đi xe thẳng tới núi Cối Kê này để cử hành đại lễ cúng tế Đại Vũ.

Đọc đường Thủy Hoàng vừa ngắm nhìn cảnh đẹp miền sông nước Giang Nam vừa suy nghĩ: Mộ vua Thuấn xa tít mãi Thương Ngô, núi hoang vu hẻo lánh, không tránh khỏi hoang tàn. Mộ Đại Vũ ở chốn Danh Sơn sầm uất này hẳn phải to lớn uy nghi. Nhưng khi theo đường núi từng bậc đi lên, tới lưng chừng tìm thấy mộ Đại Vũ thì thấy cũng rất bình thường. Một nấm mộ dài chỉ có bảy thước, vây chung quanh là một hàng rào đan bằng thân lau sậy. Đền tế chỉ cao ba thước, có ba bậc đất. Toàn bộ khu mộ chỉ khoảng hơn một mẫu, quy mô và bề thế thật không tương xứng với tiếng tăm đức độ của vị minh quân thánh chúa mà sự nghiệp vĩ đại đã để lại những ân trạch vĩnh hằng. Thủy Hoàng vô cùng cảm phục và than thở hồi lâu.

Lễ tế diễn ra đúng với nghi thức, có tháp hương đốt nến, có cúng tam sinh, dâng rượu tế linh xong, Thủy Hoàng quỳ xuống làm đại lễ ba vái chín lạy lâm thâm khẩn rằng: “Bỉ nhân vừa làm lễ tế hai đảng thánh quân Nghiêu, Thuấn ở Thương Ngô Lĩnh Nam rồi đi thẳng tới núi Cối Kê này tế ngài, đảng quân vương đại đức sánh ngang Nghiêu, Thuấn. Bỉ nhân đã lên ngôi vua hơn ba mươi mấy năm nay, Nam chinh Bắc chiến, dấu chân in khắp thiên hạ. Đi tới đâu cũng thấy sông ngòi ngang dọc, tưới tắm ruộng đồng, nông nghiệp phát triển, dân sống no ấm, thật vô cùng khâm phục và luôn nhớ công lao vĩ đại của ngài. Bỉ nhân học theo ngài cho đào sông Trịnh, sông Linh, khơi thông sông lạc trong cả nước, xây dựng thủy lợi để kế thừa và phát triển sự nghiệp của ngài, cũng là để ngài yên lòng nơi thượng giới. Được tới nơi ngài yên nghỉ, thấy mộ ngài tuy có đẹp hơn mộ vua Thuấn trên núi Thương Ngô, nhưng vẫn còn quá nhỏ bé và thô sơ, không xứng với công lao sự nghiệp vĩ đại của ngài. Vì vậy bỉ nhân xin hứa với ngài, sau chuyến tuần thú này về bỉ nhân lập tức ban chiếu chỉ cho triều đình xuất tiền ra, xây dựng mở rộng và tu tạo lăng mộ của ngài để bày tỏ thương nhớ, tôn kính của kẻ hậu sinh này đối với đảng quân vương xưa kia, đặc biệt là đối với người cha của những công trình thủy lợi”.

Đúng lúc đó một cơn gió nhẹ thổi tới cuốn đống tro tàn của tờ lụa có ghi các tờ cúng tế và ngày tháng cúng tế của Thủy Hoàng về phía mộ Đại Vũ. Các thầy cúng cô đồng đều bảo đấy là người được cúng tế đã nhận lễ, điều đó khiến Thủy Hoàng vô cùng phấn khởi, cùng mọi người chậm rãi xuống núi, sau đó lên xe về nhà môn huyện Tiên Đường nghỉ ngơi.

Huyện lệnh Tiên Đường bày tiệc tẩy trần vô cùng thịnh soạn, lại toàn là các đồ “hải sản tươi sống”: mực ống xào, cá mực om, cá mè dim, cua lẩu, tôm hùm, ốc biển, bông thùa, trai ngao... bát to đĩa lớn bày kín một bàn tròn lớn, các món đều rất ngon, có điều món nào cũng cho đường. Chủ nhà giới thiệu đây là đặc điểm món ăn Việt gọi là “Thêm chút đường vào cho ngài thưởng thức”, duy chỉ có món quy xà thang để giữa bàn là không bỏ đường mà rắc một lớp bột hồ tiêu rất cay. Nghe nói vì món này thuộc loại lạnh, sợ người miền Bắc không quen ăn đau bụng, dùng hồ tiêu cho nóng bụng khỏi sinh bệnh, chủ nhà thật là chu đáo. Nhưng các quý khách cảm thấy hứng thú nhất lại là màn trình diễn của ban ca múa kỹ nhạc, nhạc điệu tha thiết dịu dàng, giọng khác hẳn với nhạc Tân ca ngạo mạn mẽ, tiếng hát uyển chuyển của mỹ nữ Ngô Việt khiến người nghe dù không hiểu, cũng vẫn cảm thấy nét tươi tắn, ngọt ngào, mượt mà, du dương, tha thướt, êm ái vô cùng.

Rượu thịt no say, sướng tai no mắt rồi, huyện lệnh tâm với Thủy Hoàng xem có muốn thưởng thức vị ngọt ngào êm ái của con gái Ngô Việt nữa hay không? Thủy Hoàng gần đây gặp nhiều việc trắc trở, lại thêm mệt mỏi vất vả dọc đường, liền lấy cớ đang dốc lòng tu luyện, sợ tổn hại nguyên dương, giảm mất tiên khí, đã nhà nhận chối từ. Về đến hành cung, đặt mình xuống long sàng là thiếp đi ngay. Trong giấc ngủ, Thủy Hoàng mơ màng thấy một ông cụ mặc quần áo vải thô, chân đi dép cỏ, búi tóc có gài trâm, nét mặt gầy gò và có phần mệt nhọc, lách cửa bước vào.

Thủy Hoàng vội hỏi:

– Ông là ai mà lại dám vào tầm cung của trẫm?

Ông cụ trả lời:

– Ban ngày người đã cho ta rượu thịt, bây giờ ta đến đáp lễ và có lời muốn khuyên bảo đây.

– Hóa ra cụ là Đại Vũ Vương, cất công hạ cố không kịp nghênh tiếp, mong cụ xá tội? – Thủy Hoàng vội vã xuống khỏi giường vái dài tạ lỗi.

Đại Vũ Vương vuốt râu mỉm cười bảo:

– Ta đến quá đường đột, đã làm kinh động giấc ngủ ngon của nhà vua.

Thủy Hoàng ân cần hỏi ông cụ:

– Đức vua khơi thông chín cõi, đặt tên là Cửu Châu, tạo phúc cho muôn dân, lưu danh muôn đời, vì sao lại cần kiếm mộc mạc thế này?

– Điều người hỏi, chính là điều ta muốn nói với người – Vũ Vương nghiêm trang nói với Thủy Hoàng – Ngày xưa ta phụng mệnh vua Nghiêu trị trừ nạn lụt, gắng sức làm nhiệm vụ, nêu gương cho muôn dân, trèo đèo lội suối, chân tay chai sạm, suốt mười ba năm ròng rã, chín lần đi qua trước nhà mà không vào. Để cứu trăm họ ra khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng, công việc thật vô cùng cấp bách, làm sao dám nhãng quên việc lớn chỉ chú ý tới gia đình nhỏ được? Cũng may công việc thành công, không hổ thẹn với lương tâm được vua Thuấn ban khen, phong làm Hạ Bá và nhường ngôi cho, ta phải gánh vác công việc trọng đại của người. Từ đó ta gánh vác việc nước việc dân đâu dám phút giây trễ nải, nên đã dốc lòng dốc sức không kể vất vả gian nan, tự thấy mình không phụ ơn vua trái mệnh trời, có thể mỉm cười vui vẻ từ già cõi trần, nhắm mắt yên nghỉ ở núi Cối Kê này.

– Chính là để ca ngợi công đức lớn lao nhớ tới sự nghiệp vĩ đại nên bỉ nhân đã một lòng thành kính cúng tế để tỏ chút lòng cảm phục. Nhìn thấy mộ địa ngẩn hẹp, đài tế thấp bé, quả không phải phép, bỉ nhân muốn tu sửa và mở rộng thêm ra. – Thủy Hoàng bày tỏ hai ý định muốn tu bổ mộ.

– Việc đó thật sự không nên! – Đại Vũ Vương ngăn lại – Các bậc minh quân xưa kia chỉ ăn đủ no, mặc đủ ấm, cung điện đủ ở, xa mã đủ đi lại, cả đời vui vẻ, cho nên ta thấy đủ rồi, có mong gì lớn hơn nữa đâu!

Nói tới đây, dừng lại một chút, rồi nghiêm khắc nói với Thủy Hoàng:

– Nay ta nghe người đã coi thiên hạ là của riêng mình, lạm dụng sức dân, xây lăng mộ ở Lệ Sơn, dựng cung A Phòng, châu báu chất như núi, mỹ nữ kể hàng đàn. Rồi lại đốt sách chôn học trò, tìm tiên cầu thuốc, khiến cho của cải cạn kiệt, dân chúng lao đao, trời giận người oán, làm sao lại quá đáng như vậy?

– Nghe những lời Đại Vũ Vương nói lòng tôi rất buồn. Mong đừng cho bỉ nhân là kẻ tội tệt, có điều chi dám xin chỉ bảo! – Thủy Hoàng ruột nóng như lửa đốt, khẩn thiết van xin.

Vũ Vương nghiêm nghị lớn tiếng bảo Thủy Hoàng:

– Người nên biết, “dĩ đức vi thủy” coi cái đức là ở nước, nên phải hiểu tính chất của nước. Tuân Tử đã nói: “Vua là thuyền, thứ dân là nước. Nước chở thuyền, nước cũng lật thuyền”. Cha ta là Cổn đi trị thủy làm ngược lại tính chất của nước, chặn dòng chảy lại nên nước đã lật thuyền, ông vì sai lầm mà bị tội chết. Ta đi trị thủy, theo tính chất của nước đã khơi dòng cho nước chảy, nên nước chở thuyền ta đi, vì thế có công mà được nhường ngôi. Nhà người khi diệt sáu nước, thôn tính cả thiên hạ, nước chở thuyền cho người. Vì sao nay lại làm ngược tính chất của nước cho nên thuyền nhà người sẽ bị lật thôi.

Nói xong thở dài, cất bước nặng nề đi ra, vừa tới cửa lại quay lại, giọng nói dịu hơn bảo Thủy Hoàng:

– Ta vào lúc tuổi già vẫn một lòng vì dân, dẫn chúng thần đi tuần thú, du ngoạn tới đây không may lâm bệnh qua đời. Nay người cùng cận thân đi tuần thú, du ngoạn tới đây, mong rằng người hiểu cho hết lòng dân, làm tốt cho dân! Nhớ kỹ, nhớ cho kỹ – Dứt lời mới khoan thai đi ra.

Thủy Hoàng vội vã bước theo, muốn theo kịp Đại Vũ Vương để nói lời cảm tạ, nhưng ông cụ đã đi xa rồi chẳng thấy bóng dáng đâu nữa. Đang tựa cửa than thở, chợt nghe tiếng gà gáy phá tan màn đêm, Thủy Hoàng bừng tỉnh giấc, mới biết vừa rồi mình nằm mơ, vội vàng mặc áo ra khỏi giường. Sau những câu nói “Vì sao nay người lại làm ngược tính chất của nước, cho nên thuyền nhà người sẽ lật thôi!... Mong rằng hiểu cho hết lòng dân, làm tốt cho dân!”... vẫn văng vẳng bên tai, bất giác thấy vô cùng sợ hãi, bàng hoàng, nước mắt tự dưng chảy ra. Ông loạng choạng quay lại, đá tung đôi dép để nguyên quần áo nằm xuống giường đắm chìm trong suy tư đau khổ. Thủy Hoàng hồi tưởng lại cái ngày Hầu

Sinh chẳng sợ chết đã chỉ trích mình gay gắt, còn đêm nay vua Đại Vũ hiển linh đã không chấp nhận việc tu tạo phần mộ mà mình định làm cho ông, còn phê phán những hành vi của mình. Nhất là hai câu hai vế này đã nói: “Việc đã hình thành rồi, bệ hạ ngồi mà chờ chết thôi!”, và “Vì sao nay người lại làm ngược tính chất của nước, cho nên thuyền nhà người sẽ lật trôi”. Chẳng lẽ đều ứng với câu sấm ngữ “Năm nay Tổ long sẽ chết” hay sao? Việc này khiến cho lòng ông vốn đã căng thẳng lâu nay không tài nào chịu đựng nổi, cuối cùng Đại Vũ lại nhắc nhở ông: “Nay người đã dẫn cận thần đi tuần thú, du ngoạn chốn này... phải làm tốt cho dân!” Phải chăng mình thật sự bước theo vết chân người xưa, tại núi Cối Kê này?... Thủy Hoàng không dám nghĩ tiếp nữa, kéo chiếc chăn gấm trùm kín đầu, chỉ mong trời chóng sáng để sớm từ giã nơi dự báo điềm dữ này.

Sáng hôm sau, khi Triệu Cao, Lý Tư, Mông Nghị, đến vấn an, bầm tấu có ở lại đây một hai ngày để thưởng ngoạn phong cảnh núi non hay không, Thủy Hoàng xua tay bảo:

– Việc cúng tế Đại Vũ đã xong, ở lại làm gì nữa, hãy đến ngay quận đường.

Các cận thần đã quá quen với tính tình hay thay đổi thất thường của Thủy Hoàng liền không hỏi thêm gì nữa, lệnh chuẩn bị ngay ngựa xe. Ăn sáng vội vàng xong, đoàn người ngựa lên đường trở về, qua sông ở đoạn Phú Xuân tiến về phía Bắc tới Ngô huyện quận đường quận Cối Kê (nay là thành phố Tô Châu, Giang Tô). Đây vốn là kinh đô nước Ngô thời Xuân Thu, đã từng một thời phồn thịnh, về sau Việt Vương Câu Tiễn diệt nước Ngô, dời đô đến Lang Nha, thì nơi đây dần dần vắng vẻ tiêu điều, sau khi Việt bị Sở diệt lại càng sa sút hơn nữa. Thủy Hoàng chẳng quan tâm gì đến việc này vì ông đang cần một môi trường tĩnh mịch để ổn định và điều chỉnh những tình cảm rối bời và tâm trạng đang vương nhiều mặc mớ. Thái thú Cối Kê tuân theo ý chỉ mời ông tới nghỉ tại hành cung của vua Sở ngày xưa.

Tiệc tẩy trần và biểu diễn ca múa tạp kỹ do thái thú Cối Kê tổ chức dĩ nhiên hơn hẳn huyện Tiễn Đường, hơn nữa Thủy Hoàng đã từ giã núi Cối Kê, tâm tình vui lên nhiều, cười nói vui vẻ với các quan trong bữa tiệc, lại còn bình phẩm các tiết mục trình diễn. Mọi người đều khâm phục trước sự tinh thông âm luật của Thủy Hoàng, khiến ông càng hứng chí, lệnh ngay cho Mông Nghị điều ngay hai trăm nội thị và lính hộ bộ đến hát “Thơ tiên chân nhân”. Thủy Hoàng đích thân gõ nhịp chỉ huy, tiếng hát rất đều và trang nghiêm, âm thanh tình cảm hài hòa, là tiết mục áp chót của buổi trình diễn ca múa. Các quan thấy Thủy Hoàng đã vui lên, liền đề nghị lưu lại vui chơi thưởng ngoạn ở đây mấy ngày. Thủy Hoàng vui vẻ chấp nhận, mỉm cười cởi đai nới áo, lên giường ngủ. Đêm hôm đó Thủy Hoàng ngủ rất ngon, sáng hôm sau thấy tinh thần sảng khoái, ăn sáng xong ngồi chờ thái thú Cối Kê đến đón đi xem cung Quán Oa mà Ngô Vương Phù Sai xây dựng riêng cho mỹ nhân Tây Thi năm xưa và danh thắng Hồ Khâu của Ngô huyện. Nào ngờ đợi từ giờ Thìn tới tận giờ Ty mà vẫn không thấy bóng dáng thái thú đâu cả. Thủy Hoàng sốt ruột liền lệnh cho Mông Nghị đến hỏi xem đã xảy ra chuyện gì. Mông Nghị đi một lát thì đưa thái thú tới. Ông ta thở hổn hển, mồ hôi nhễ nhại, tỏ ra rất bối rối. Thủy Hoàng trách hỏi vì sao mãi không đến đón vua đi du ngoạn, quan thái thú rầu rĩ tâu rằng nếu Mông thượng khanh không đến, thì giờ này ông ta cũng không thoát được thân. Thủy Hoàng hỏi việc gì nghiêm trọng đến như vậy. Viên thái thú vừa lau mồ hôi vừa tâu trình nguyên do sự việc và vấn đề ông cảm thấy vô cùng khó xử. Vốn dĩ quận Cối Kê thuộc đất Việt xưa, ngay từ thời Việt Vương Câu Tiễn về quan hệ nam nữ đã vô cùng thông thoáng, sống chung lang chạ đã thành tập tục, thói dâm dật kéo dài tới tận ngày nay, hình thành một thói quen riêng biệt tại địa phương. Cho thuê vợ trở thành việc làm thỏa thuận với nhau là hiện tượng hôn nhân tồn tại phổ biến. Giáp có thể thuê vợ của Ấ, giá cả và thời gian do hai bên thỏa thuận, thỏa thuận theo thời gian thì đơn giản dễ dàng. Hai bên thỏa thuận xong thì một bên giao tiền, một bên giao vợ. Hết thời hạn thuê, hai người chia tay nhau, người vợ lại trở về với người chồng cũ, thế là xong chuyện. Nhưng còn một kiểu thuê vợ nữa không tính thời gian mà là tính “sản phẩm”, tức là lấy việc sinh con làm kỳ hạn, thậm chí phải sinh con trai mới coi là “hết hạn thuê”. Vậy là, sự việc trở nên cực kỳ phức tạp, thường xảy ra tranh chấp, thậm chí gây ra án mạng. Cho nên tại địa phương kiện tụng về việc này cực kỳ nhiều, quan lại nghiêm minh sáng suốt nhất cũng rất khó xét xử những chuyện trong gia đình phức tạp rắc rối như thế này. Bữa nay thái thú Cối Kê đã gặp phải một chuyện như vậy: Giả Mỗ lấy vợ đã nhiều năm không có con. Vì lý do là “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” (có ba điều bất hiếu, không có con là lớn nhất) đã cho vợ về, lấy vợ khác, nhưng vẫn không

có con nên lại cho về. Cứ như thế tới lần thứ ba, sau đó thì không còn có ai chịu lấy anh ta nữa. Bất đắc dĩ theo tập tục địa phương anh ta đành phải đi thuê vợ.

Vì ba người vợ cũ của anh ta sau khi cải giá đều sinh con được nên Giả Mỗ biết mình “chẳng ra gì”, không dám thuê vợ theo chế độ “sản phẩm”, chỉ thỏa thuận thuê vợ của Chân Mỗ một năm. Chân Mỗ vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, đành phải cho Giả Mỗ thuê vợ với giá cao. Giả Mỗ để giải tỏa cảnh đau khổ cô đơn quạnh quẽ, cũng chẳng tiếc tiền của bỏ ra một số tiền lớn để thuê vợ.

Nhưng người vợ sau khi bị đem cho thuê đã nhận ra sự việc chẳng hề đơn giản chút nào. Trước hết là tình nghĩa vợ chồng giữa cô ta với Chân Mỗ, họ vẫn yêu thương nhau, năm đứa con đẻ ra là máu thịt của họ, nay phút chốc chia lìa thì lòng dạ vô cùng thương nhớ. Vả lại, vì chẳng có tình cảm gì với Giả Mỗ nên rất khó sống cùng nhau, một ngày mà cứ dài như một năm, nên bị cho thuê đi ít lâu, chị ta lén lút về nhà mình, nào ngờ lại mang thai với chồng. Thế là giữa hai người chồng xảy ra tình trạng lẩn tránh vừa mừng vừa lo, vừa thật vừa giả. Giả Mỗ dĩ nhiên cực kỳ phẫn khởi, rửa được cái nhục “bất hiếu hữu tam, vô hậu bất vi đại”, lấy lại được danh dự của đấng mày râu. Điều lo lắng dĩ nhiên là của Chân Mỗ, tuy cái “thuận âm dương” trong bụng rõ ràng là của mình nhưng anh ta lại không dám nhận. Vì theo luật lệ thì một khi vợ đã cho thuê rồi, quyền làm chồng bị “đình chỉ”, nếu trong thời gian “đình chỉ” mà lén lút ăn nằm với vợ thì bị coi là “xâm phạm quyền lợi” và bị xử tội “gian phu”. Nặng thì bị quan phủ xử tội chết, nhẹ thì bị phát vãng làm lao dịch, tối thiểu là mười năm, vì vậy chỉ đành “ngậm bồ hòn làm ngọt”, có khổ chẳng dám nói ra. Dĩ nhiên anh ta cũng không dám gặp vợ nữa, vì Giả Mỗ hoàn toàn có thể bắt anh lên quan theo tội danh “gian phu” cho nên nỗi đau khổ và lo lắng cứ lớn dần theo cái thai trong bụng vợ mình.

Nhưng Giả Mỗ cũng có điều lo lắng, đó là thuê vợ theo hợp đồng “tính thời gian”, nếu người đàn bà đẻ trong một năm thì đương nhiên đứa con là của mình, nếu hết hạn mà chưa đẻ thì đành đưa mắt ra nhìn người đàn bà mang đứa con về nhà họ. Và đó chính là chỗ mừng của Chân Mỗ, vì tính toán theo ngày tháng thì đứa con sẽ ra đời vào nửa tháng sau hết hạn cho thuê. Như vậy, người vợ đang hoang mang bụng trở về, đẻ con ngay trong nhà mình. Cho nên, Chân Mỗ trong muôn vàn lo lắng cũng có phần tự thấy vui vẻ: chỉ cần vợ sinh đúng kỳ thì bản thân sẽ giành được thắng lợi cuối cùng.

Tuy nhiên, thật là bất ngờ, ông trời lại gây cảnh trở trêu làm cho câu chuyện lại rơi vào cảnh rắc rối phức tạp, rất khó giải quyết. Vốn dĩ hợp đồng thuê hết hạn vào cuối tháng tám, người vợ Giả Mỗ thuê sinh đẻ vào giữa tháng tám, “thuận âm dương” dù là trai hay gái cũng đặt tên là “Trung Thu” thì không còn gì đẹp hơn nữa! Nhưng năm nay lại là nhuận tháng tám, mấy chục năm mới có một lần thế này, mà kỳ lạ hơn thế là người vợ vốn đẻ rất đúng ngày đúng tháng, lần này lại kéo dài ra đến nỗi hết tháng tám rồi vẫn chưa đẻ. Thế là Chân Mỗ vô cùng yên tâm, định ninh sẽ đón vợ (mang theo “thuận âm dương”) về nhà mình. Ai ngờ Giả Mỗ kiên quyết không chịu, lý do là tháng tám nhuận vẫn là tháng tám, trong hợp đồng vẫn tự thuê vợ ghi rõ là tháng tám thì tháng tám nhuận cũng bao gồm trong đó. Tháng tám nhuận thì dứt khoát từ cung đình, phủ quan tới dân gian đều phải ăn một lần tết Trung thu nữa, điều đó chẳng phải là thừa nhận tháng tám nhuận cũng là tháng tám đó sao? Hai bên không bên nào chịu bên nào, liền kéo người vợ bụng to kên đến quận sở đường đánh trống kêu quan, xin được xét xử. Đối với vụ án này, quan thái thú rất khó quyết đoán, lại bị sức ép của hai bên dân làng hai gia đình Chân và Giả có tới hàng nghìn người vây kín công đường không biết xoay xử cách nào. May có thượng khanh Mông Nghị đưa quân hổ bôn tới giải tán đám dân chúng, thái thú mới thoát ra được tới hành cung bái yết thánh giá.

Trong quá trình nghe thái thú Cối Kê tấu trình đầu đuôi vụ án thuê vợ này, Thủy Hoàng liên tưởng đến sự rắc rối về thân thể của mình, thấy vui mừng vì mình đã kiên quyết quyết đoán, mới tránh được tai họa vong thân mất nước. Còn Ứng Hà nước Ngụy, Lý Đế nước Sở, đều do dâm loạn trong màn the cung đình, dẫn đến đất nước suy vong, thật là đáng buồn! Vùng Mân Việt này thịnh hành tệ nạn thuê vợ, trách chi thói dâm loạn phát triển, khó bề ngăn chặn. Còn như vụ án này, xét về tình lý, căn cứ của hai bên đều phù hợp với quy định của hợp đồng thuê vợ. Then chốt là ở cái tháng tám nhuận, xem ra chỉ có thuận theo sự khác biệt về thiên thời mà hòa giải tranh chấp mới giải được oán thù giữa

hai nhà, người yên việc tốt. Còn nếu coi nhau như kẻ thù, cứ muốn làm âm ỉ lên để đạt mong muốn của mình, giải quyết dứt khoát thì... Nghĩ tới đây, Thủy Hoàng liền nói với viên thái thú để ông phân xử vụ này. Quan thái thú sợ dân hai họ gây rối loạn, làm khó cho thánh thượng nhưng Thủy Hoàng nói sẽ xét xử công bằng, bảo đảm không sai sót. Thái thú không còn cách nào, đành phải lập phiên tòa ngay tại hành cung, cho cận vệ cung đình và lính hổ bôn bảo vệ. Thủy Hoàng bảo họ dành ra một lối đi, đK hai họ Chân, Giả mỗi bên cử một số đại diện tham gia nghe xét xử, khiến hơn một nghìn dân chúng không còn vịn có nào để gây rối.

Thủy Hoàng ngồi nghiêm chỉnh sau ngự án, nhìn cảnh tượng người đàn bà bụng chứa to như cái trống quỳ ở giữa, người chồng cho thuê vợ và người chồng thuê vợ quỳ ở hai bên, mà cảm thấy thật sự khóc dở cười dở. Nguyên do vụ án quan thái thú đã tấu trình rõ ràng, nhưng ông vẫn để các bên trình bày lý do và yêu cầu của họ. Bên thuê vợ là Giả Mỗ thì cố giữ người đàn bà lại tới sau khi sinh nở mới cho đi là để có được đứa con nối dõi, làm tròn đạo hiếu với tổ tông, biết tổ tông mình không có khả năng sinh con, anh ta buộc phải giữ lấy cái lợi có sẵn này.

Thủy Hoàng liền tưởng đến bị kịch Khả Liệt Vương nước Sở mắc bệnh không có con, mới khiến Xuân Thân Quân thừa cơ đưa được người tỳ thiếp Lý Đệ có thai sẵn vào trong cung, từ đó gây ra việc tranh giành quyền binh giữa Xuân Thân Quân với Lý Viên là anh của Lý Đệ. Nước Sở đã tự hủy diệt trong cuộc tranh giành nơi cung cấm, cuối cùng bị nước Tấn tiêu diệt. Tuy rất thông cảm với những người không có con phải đi thuê vợ, và qua đó hiểu được rằng các mối quan hệ trong xã hội gia đình giữa con người với nhau quả thật vô cùng phức tạp, quyết không thể bỏ qua, duy trì cho những phong tục tập quán dân gian có hại cho phong hóa, nhưng phải dùng pháp luật để quản lý và ràng buộc, phải dùng pháp quy để ngăn chặn tà ác, uốn nắn lại đời phong bại tục trong dân gian. Khi đã suy nghĩ chín chắn, có được phương án giải quyết, Thủy Hoàng liền đưa ra phán quyết vụ án thuê vợ này.

Thủy Hoàng nói với ba đương vị:

- Các vùng Mân Việt, có tập tục thuê vợ từ xưa, đời đời nối tiếp lưu truyền đã lâu. Hai bên thuê vợ các người, thời hạn là một năm, phải nghiêm chỉnh tuân thủ. Nay kỳ hạn đã hết, người vợ dĩ nhiên phải về với chồng cũ nhà họ Chân...

Chân Mỗ và đại diện họ hàng đều cúi đầu lạy tạ tung hô:

- Bệ hạ hiểu rõ dân tình, thuận theo tập tục đúng hạn cho về phán xét công minh. Tiểu dân chịu ơn mưa móc, cả họ đội ơn! Mong bệ hạ sống lâu trường cửu. Muôn năm! Muôn năm! Muôn muôn năm!

Thánh lệnh đã ban ra, không còn gì để nói nữa, và cũng không thay đổi được nữa. Giả Mỗ tuy có lý để tâu bày, muốn tỏ hết nỗi lòng, nhưng sự uy quyền của thánh thượng, muốn nói cũng đành chịu, đành đau khổ khóc ròng. Đại diện dòng họ cũng chỉ biết than thở cùng nhau, chẳng dám nói gì.

Khi Chân Mỗ kéo người vợ về phía mình thì bị Thủy Hoàng ngăn lại nói:

- Chân Mỗ hãy khoan, nghe phán quyết cuối cùng của trẫm!

Chân Mỗ đành buông tay, để người vợ vẫn quỳ ở giữa.

Thủy Hoàng gõ mạnh thẻ gỗ trên bàn, để mọi người yên lặng, sau đó tiếp tục phán:

- Đạo trời vĩnh hằng, ba năm nhuận một lần, để lấy thừa bù thiếu, để phù hợp với phép tắc vận hành thời gian. Năm nay lại đúng vào năm nhuận, tháng nhuận lại đúng vào tháng tám, đây hoàn toàn là ý trời, người ta không thể làm trái ngược được. Thời hạn thuê của các người tròn một năm, hết hạn vào tháng tám, tháng tám nhuận vẫn coi là cùng tháng, cho nên người vợ thuê phải ở lại nhà Giả Mỗ, tới cuối tháng nhuận mới trở về nhà họ Chân theo như hợp đồng. Đứa con sinh ra vào thời gian này, phải là con của họ Giả.

Nghe lời phán quyết cuối cùng, Giả Mỗ và đại diện họ hàng chẳng khác gì hồi sinh từ cõi chết, vô cùng sung sướng, lập tức thôi khóc quỳ nấp xuống vái dài tạ ơn, nói:

- Bệ hạ thánh minh, quan tâm nỗi khổ của dân, thuận theo ý trời, ban cho tiểu dân

người nổi dãi, kế nghiệp tổ tông, thực là đức cao như trời, ơn sâu hơn biển. Tiểu dân suốt đời ghi lòng tạc dạ, đời đời không quên. Vạn tuế! Vạn tuế! Vạn tuế!

Trước sự thay đổi đột ngột này, Chân Mỗ dĩ nhiên khó bề chấp nhận, muốn biện bạch, nhưng thấy Thủy Hoàng giơ tay ngăn lại nghiêm sắc mặt nói với anh ta:

– Người đã có năm đứa con, hãy nhường đứa thứ sáu cho anh ta, để anh ta làm tròn đạo hiếu. Huống hồ tuy là vợ thuê, nhưng tình nghĩa vợ chồng cũng đã một năm, đứa con này có được đâu dễ dàng. Người đã cho thuê được vợ, sao lại không nhường được con kia chứ? Làm thế để cho trọn vẹn trước sau, há không phải là tốt lắm sao?

Chân Mỗ thấy Thủy Hoàng nói rất có tình có lý như vậy, rốt cuộc cũng vui vẻ chấp nhận phán quyết. Cả hai bên một lần nữa bái tạ Thủy Hoàng, tung hô vạn tuế rồi ra về. Tin tức không cánh mà bay, những vụ án tồn đọng, những vụ kiện tụng mới xảy ra gần đây chưa được phân xử, đều kéo đến hành cung. Việc xét xử công bằng hợp lý vụ án đầu tiên này rất được lòng dân, khiến Thủy Hoàng rất thích thú, liền lưu lại mấy ngày để tiếp tục thụ lý, xét xử nhiều vụ án khác, giành được hiệu quả tốt đẹp được muôn dân ca ngợi.

Những cận thần Lý Tư, Triệu Cao, Mông Nghị đều cảm thấy thánh thượng thụ lý, xét xử các vụ án đều hết lòng vì người khác, có tình có lý, đúng mức, vậy mà không biết vì sao cứ động tới việc của bản thân thì lại cố chấp nóng nảy, chẳng chịu nghe lời can gián, độc đoán chuyên quyền. Đầu có biết rằng, đây chính là biểu hiện sinh động của căn bệnh thông thường “người đứng ngoài thì sáng, người trong cuộc thì quáng”. Thủy Hoàng sở dĩ mê muội không tỉnh, đương nhiên liên quan tới các nhân tố chủ quan về tính cách như nông cạn, hẹp hòi, bạo ngược, dễ nổi giận, và các nguyên nhân khách quan là thói a dua nịnh nọt, dùng lời giả dối che đậy sự thật, thà vứt bỏ vạn nước mạng dân, miễn là giành lấy công danh lợi lộc cho cá nhân của bọn gian thần.

Qua việc xét xử các vụ án về hôn nhân, xích mích gia đình ở địa phương, Thủy Hoàng quyết tâm chỉnh đốn lại phong tục dân gian, liền cho vời Lý Tư, Triệu Cao, Mông Nghị, các hạng thần tinh thông luật pháp tới, nghiên cứu chế định pháp luật, pháp quy về các mặt hôn nhân, gia đình, sau đó hạ chiếu thi hành trong cả nước.

1. Tăng cường giáo hóa luân lý, phân biệt nam nữ, phân biệt trên dưới, không được chung chạ, loạn luân, lang chạ.

2. Phế bỏ tập tục xấu thuê vợ, kẻ vi phạm, đàn ông thì phát vãng ra biên cương xây đắp Trường thành, đàn bà thì sung làm nô tỳ nhà quan.

3. Nam nữ thông gian, hai bên đều chưa vợ chưa chồng, lập tức được lấy nhau, phía nam suốt đời không được bỏ vợ.

4. Nam nữ đã kết hôn mà thông gian, nam phát vãng ra biên cương xây đắp Trường thành, nữ thì bị xử tử.

5. Nữ đã có chồng thông gian với nam chưa có vợ, nữ bị xử tử, nam phát vãng đi biên cương xây đắp Trường thành.

6. Nam đã có vợ thông gian với nữ chưa chồng, nam phát vãng đi biên cương xây đắp Trường thành, nữ sung làm nô tỳ nhà quan.

7. Cường dâm hoặc bị buộc thông gian, nam thì xử tử, nữ sung làm nô tỳ nhà quan.

8. Nam nữ đã lập gia đình theo nhau bỏ trốn, nam thì xử tử, nữ nếu đã có con cái thì xử tử, chưa có con thì sung làm nô tỳ nhà quan.

9. Nam nữ chưa thành hôn yêu nhau, nhưng bị gia tộc gia trưởng ngăn cấm mà kéo nhau bỏ trốn, cho phép thành hôn; nhưng suốt đời không được bỏ nhau.

Các điều khoản luật pháp này khá phù hợp với thực tế địa phương thời đó, cũng xem xét đến các nhân tố tính người và tình người, chỉ có điều quá nghiêm ngặt về mức độ mà thôi.

Thủy Hoàng căn dặn Lý Tư, trong việc soạn văn bia khắc ở Cối Kê phải nhắc tới nội dung này. Cho nên, trong bài văn bia, ngoài những lời ra sức ca ngợi công đức văn võ của Thủy Hoàng giống những tấm bia khác ra, đặc biệt nhắc tới việc cấm dâm dật và chỉnh đốn phong hóa.

Chín điều khoản cũng như những nội dung khắc trên văn bia ở Cối Kê có thể coi là “luật hôn nhân” sớm nhất của Trung Quốc và “chỉ thị của chính phủ” về việc tăng cường lễ giáo, cấm thói hư tật xấu trong dân gian.

HỒI THỨ BA MƯƠI BA

**KIM LĂNG YẾM VÀNG, KIỂM TRÌ ĐÀO KIỂM
LANG ĐÀI VỠ NGỌC, BÃI CHIÊN GIAO LONG**

Những nhà bình luận đời sau đánh giá việc dựng bia ở Cối Kê cao hơn hẳn việc dựng bia ở Dịch Sơn, Thái Sơn, Chi Phù, Kiệt Thạch, dẫn rằng văn bia ở năm nơi này đều do một thừa tướng Lý Tư soạn, văn phong về thư pháp rất thống nhất. Bốn bài văn bia trước, ngoài trình tự thời gian và địa điểm khác nhau ra, nội dung đều giống nhau, đều ca ngợi võ công, văn trị của Thủy Hoàng như đánh diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ, thi hành chế độ quận huyện nhân dân có thực điền, xe cùng đi một đường, chữ viết cùng một loại, đạo thờ chung một dòng... song có nhiều khoa trương tô vẽ thêm lên, gây cho mọi người cảm tưởng không đúng sự thực. Tới bia Cối Kê, tuy vẫn là khoe khoang công đức nhưng không có cuồng nhiệt như trước, mà đã khá nghiêm cẩn, gần sự thật. Đặc biệt là đã nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo hóa luân lý và định ra được pháp quy cụ thể về chỉnh đốn tập tục dân thôn, thể hiện sự quan tâm tới đất nước nhân dân làm những việc thực, việc tốt cho dân cho nước.

Đối với bản thân Thủy Hoàng, qua xét xử các vụ án, lần đầu tiên lĩnh hội được quần chúng nhân dân đã xuất phát từ quyền lợi và họa phúc thiết thân của mình để nhận thức và đối xử với quan và vua của mình như thế nào. Ông cảm thấy được an ủi vì đã có thể xét xử án có hiệu quả tốt, được nhân dân cảm kích và ủng hộ.

Thái thú Cối Kê và huyện lệnh huyện Ngô trước việc Thủy Hoàng hiểu rõ dân tình, đích thân xử án, nhất là đã định ra pháp quy cụ thể để ngăn cấm dân thôn, uốn nắn tục lệ, thì vô cùng cảm phục, tung hô vạn tuế. Sau khi đã xét xử xong các vụ kiện tụng liền cùng vua tới Thủy Hoàng đi tuần du. Trước hết là đi tham quan phố xá phồn hoa và quang cảnh dân cư, nhà nào cũng bên dòng nước chảy, hộ nào cũng trồng đầy dương liễu, một sắc thái riêng của quê hương sông nước Giang Nam. Sau đó tới Linh Nham ngoài Tây vực, thăm di chỉ cung Quán Oa nổi tiếng.

Cung Quán Oa là cung điện Ngô Vương Phù Sai xây dựng riêng cho ái cơ Tây Thi vào cuối thời Xuân Thu hơn bốn trăm tám mươi năm trước Công nguyên, quy mô rộng lớn, đẹp đẽ lộng lẫy, lầu son gác tía, tô vàng dát ngọc, là kiến trúc đẹp nhất thời đó. Điều kỳ thú là hộp cộng hưởng làm bằng những chiếc vò rỗng, trên phủ những tấm gỗ chắc mịn, tạo nên một hành lang quanh co chín khúc. Tây Thi thường cùng với các tỳ thiếp, cung nga dạo bước trên hành lang theo nhịp bước nặng nhẹ nhanh chậm, những chiếc vò vang lên những âm thanh khác nhau, lúc trầm lúc bổng du dương, lúc rộn ràng dồn dập, nghe như tiếng chuông vàng trống bạc, tiếng đàn sáo đổ hồi, xứng danh là tuyệt tác kết hợp hoàn mỹ giữa kiến trúc và âm nhạc. Về sau nước Ngô bị Việt Vương Câu Tiễn tiêu diệt, cung Quán Oa bị phá hủy trong binh lửa, bị bỏ hoang tàn hơn một trăm năm, công trình kiến trúc chẳng còn gì sót lại. Những mảnh vỡ ngói vụn trên đồng đất hoang trở thành phế tích lịch sử mặc cho người đời qua lại giẫm đạp lên. Mọi người đương nhìn cảnh tượng “nước mắt non sông há còn chằng, xuân về thành hoang cỏ mọc đầy”, thấy đều ngậm ngùi. Thủy Hoàng trầm ngâm suy nghĩ: Xưa kia Ngô Vương Phù Sai nếu không say đắm mỹ nhân Tây Thi, tin dùng nịnh thần Bá Phổ, giết lầm trung thần Ngũ Tử Tư, thì đâu đến nỗi trúng kế của Câu Tiễn, Văn Chủng để nước mất thân vong? Xem ra đàn bà đúng là một tai họa! May mà mình xưa nay không để cho hoàng hậu can dự chính sự, mới ngăn chặn và tránh được hiểm họa trong cung, điều đó chứng tỏ sự thành công và độc đáo, trí tuệ sáng suốt của mình. Nghĩ tới đây Thủy Hoàng bất giác ngẩng mặt lên trời cười sung sướng.

Rời khỏi di chỉ cung Quán Oa, đi lên phía Tây Bắc chín dặm thì tới chân núi “Hổ Khâu” nổi tiếng. Núi này không nằm trong sơn mạch mà là một ngọn đồi đột ngột nhô cao trên khoảng đất bằng phẳng. Theo truyền thuyết, đây là mộ của Ngô Vương Hạp Lư, Hạp Lư băng hà và được chôn cất lại đây, tuần táng theo ba nghìn thanh gươm Ngự Trang, trong đó có thanh gươm của Chuyên Chư đã đâm chết Ngô Vương Liêu. Hạ táng được ba ngày, một con bạch hổ do kim tinh thu nhận linh khí của đất mà thành, đến phủ phục trên mộ nên có tên là Hổ Khâu. Con bạch hổ sở dĩ đến canh ngôi mộ, chính là vì thanh gươm Ngự Trang đâm chết Ngô Vương Liêu để Hạp Lư giành được ngôi vua, và được coi là vật báu giữ nước. Để lần thanh gươm này vào trong ba nghìn thanh gươm khác, là vì sợ rằng nếu để

riêng dễ bị đánh cắp nên áp dụng biện pháp tuần tảo gươm với số lượng lớn để giữ an toàn.

Thủy Hoàng tuy chẳng lạ gì chuyện Chuyên Chư dùng gươm Ngư Tràng đâm chết Ngô Vương Liêu, nhưng tới Hồ Khâu nghe năm đó đã chôn theo ba nghìn thanh gươm giống nhau để bảo vệ của báu quốc gia, mới cảm nhận được giá trị đặc biệt của thanh gươm ấy, liền liền tưởng lại câu chuyện oanh liệt đảo chính cung đình nằm gục hai thi thể, năm bước đi đầm máu ấy:

Ngũ Tử Tư sau khi trốn khỏi nước Sở sang nước Ngô, làm mưu thần của nước Ngô, khuyên Ngô Vương Liêu tấn công nước Sở, điều đó rất có lợi cho nước Ngô. Nhưng Công tử Quang nước Ngô lại cho rằng Ngũ Viên (tức Ngũ Tử Tư) vì cha và anh đều bị vua Sở giết chết mới chủ trương tấn công nước Sở, chỉ là để báo thù riêng, chứ không phải vì nước Ngô. Ngô Vương Liêu không động binh tấn công Sở. Ngũ Tử Tư biết Công tử Quang muốn giết Ngô Vương Liêu nên không muốn vì đánh nhau ở nước ngoài sẽ làm đảo lộn kế hoạch của ông ta. Ngũ Tử Tư biết Chuyên Chư là một người tài ở nước Ngô, liền giới thiệu Chuyên Chư làm mưu thần cho Công tử Quang.

Cha Công tử Quang là Ngô Vương Chư Phần có ba người em trai: Dư Tế, Di Muội và Quý Tử Trát. Chư Phần biết Quý Tử Trát rất hiền đức đã không lập ngay ông ta làm thái tử, mà theo thứ tự truyền ngôi cho ba người em trai, hy vọng cuối cùng sẽ là Quý Tử Trát lên làm quốc vương. Chư Phần chết, truyền ngôi cho Dư Tế, Dư Tế chết truyền ngôi cho Di Muội, Di Muội chết phải truyền ngôi cho Quý Tử Trát, nhưng Quý Tử Trát đã bỏ trốn, không chịu kế tục ngôi vua. Người nước Ngô bèn lập con Di Muội lên kế vị, chính là Ngô Vương Liêu khi đó. Công tử Quang bất mãn nói, nếu để con kế thừa thì ông ta mới danh. chính ngôn thuận, dòng dõi đích thân thật sự, phải để ông ta làm vua. Vì vậy ông ta ngấm ngấm nuôi một số mưu thần, muốn tự lập mình làm vua. Công tử Quang có được Chuyên Chư, liền đối xử với ông ta rất hậu.

Ngô Vương Liêu ở ngôi chín năm. Sở Bình Vương chết. Mùa xuân năm ấy, Ngô Vương Liêu muốn nhân dịp nước Sở có quốc tang, phái hai người em là Công tử Cái Dư và Thuộc Dung đem quân vây đánh Kiền Thành nước Sở, lại phái Diên Lăng Quý Tử đến nước Tần, quan sát động thái các nước chư hầu. Sở đem quân chặn đường về của Cái Dư, Thuộc Dung, quân Ngô không về nước được nữa. Công tử Quang liền nói với Chuyên Chư:

- Thời cơ này không thể bỏ lỡ. Không hành động thì còn chờ đến bao giờ? Huống chi ta ở vị trí kế vị ngôi vua chân chính, phải được lập làm vua. Ngay cả Quý Tử Trát có về, cũng không thể phế truất được ta.

Chuyên Chư bảo:

- Ngô Vương Liêu đã tới lúc bị giết rồi. Mẹ ông ta đã già, con thì yếu hèn bất tài, hai người em trai đem quân đi đánh Sở lại bị chặn đường, không về được nữa. Nước Ngô bây giờ đối ngoại thì bị nước Sở vây hãm, trong nước thì trống rỗng, không quan lại nào trung thành với ông ta, Ngô Vương Liêu không chống lại nổi chúng ta.

Công tử Quang bèn quỳ xuống vái lạy ông ta mà nói:

- Ông chính là tôi, tôi chính là ông, hai chúng ta một lòng một dạ như một người rồi!

Ngày Bính Tý tháng tư, Công tử Quang cho võ sĩ mai phục dưới hầm nhà, mời Ngô Vương Liêu đến dự tiệc. Ngô Vương Liêu bố trí quân lính đứng xếp hàng từ cửa cung tới tận nhà Công tử Quang, tất cả các cửa và bậc thềm đều đầy những người thân tín của Ngô Vương Liêu. Võ sĩ cầm giáo dài đứng ở hai bên bảo vệ cho Ngô Vương Liêu. Tiệc rượu đã đến hồi mọi người say sưa đỏ mặt tía tai, Công tử Quang giả bộ đau chân rời bàn tiệc lên xuống hầm, bảo Chuyên Chư giấu bảo kiếm vào bụng con cá rán dâng món ăn cho Ngô Vương Liêu.

Chuyên Chư tới trước Ngô Vương Liêu rút kiếm trong bụng cá ra đâm thẳng vào Ngô Vương Liêu. Ngô Vương Liêu chết ngay tại chỗ. Tả hữu của Ngô Vương Liêu nhân lúc cũng giết chết được Chuyên Chư. Nhưng lúc bộ hạ của Ngô Vương Liêu đang nhốn nháo, Công tử Quang lệnh cho võ sĩ mai phục xông ra giết chết đám bộ hạ. Công tử Quang tự lên ngôi vua, đó chính là Ngô Vương Hạp Lư. Để cảm tạ và thương tiếc Chuyên Chư, Ngô Vương Hạp Lư phong cho con Chuyên Chư làm thượng khanh nước Ngô.

Thủy Hoàng hình dung cảnh Chuyên Chu đâm Ngô Vương Liêu mà tưởng tượng con cá ấy như biến thành cán chèo bần đồ, Chuyên Chu biến thành Kinh Kha, Kinh Kha đang rút kiếm từ chiếc bần đồ ra xông tới đâm mình, may mà mình đã nhanh nhẹn né người tránh được; phút chốc con người ấy lại biến thành Hầu Sinh, đoản kiếm trong tay phút chốc biến thành lá thư lụa, mở ra nhìn thấy trên viết năm chữ triện “Vong Tần giả, Hồ dã”. Ông hai tay bưng lấy mặt không dám nhìn lá thư lụa, nhưng bên tai lại văng vẳng tiếng thần núi ở Bình Thu Đạo: “Nói với Hạo Trì Nhân, năm nay Tô long sẽ chết!”. Ông sợ hãi hét lên “Ồi chà!” mới như sự tỉnh mộng, định thần nhìn, hóa ra vẫn trên núi Hồ Khâu, ảo tưởng vừa rồi cũng biến mất.

Thủy Hoàng cũng không thấy sợ nữa mà nghĩ ngay tới “tự vệ”. Ông cho rằng mối đe dọa lớn nhất đối với mình hiện nay là ba nghìn thanh gươm Ngự Tràng nằm ngay dưới chân, nhất là thanh gươm đã đâm chết Ngô Vương Liêu. Nó sẽ là khắc tinh của mình, vì thế phải đào lên quăng nó vào lò nung cho tan biến đi mình mới có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thoát hiểm. Nghĩ vậy, Thủy Hoàng bèn cho triệu Lý Tư, Triệu Cao, Mông Nghị và thái thú Cối Kê, huyện lệnh Ngô huyện tới, lệnh điều ngay thợ đá và khu dịch tới, đào mộ Ngô Vương Hạp Lư lên để tìm ba nghìn thanh gươm Ngự Tràng, rồi đem tiêu hủy hết như binh khí của các nước chư hầu trước kia để ngăn chặn hậu họa, trừ diệt mọi tai họa sau này.

Ý muốn của Thủy Hoàng là một khó khăn rất lớn cho thái thú Cối Kê và huyện lệnh huyện Ngô. Khó khăn không phải chỉ vì số nhân công cần tới mấy chục vạn – Chuyện này có thể tập trung theo pháp lệnh lao dịch, thậm chí có thể bắt tù nhân đến làm mà là thiếu lực khỏe mạnh để đào những lớp đá sâu dày ở mộ Ngô Vương Hạp Lư. Những thợ đá giỏi địa phương đều bị bắt đi xây dựng cung A Phòng và lăng mộ ở Lệ Sơn. Nhưng họ lại không dám tâu trình sự việc với Thủy Hoàng, đành phải tập trung những người biết qua loa về nghề thợ đá làm chủ lực còn thợ phụ thì lại càng kém cỏi. Khó khăn lắm mới gom được mấy vạn dân công đến làm. Mặt trên mộ Ngô Vương Hạp Lư bắt đầu đào bới lung tung trong phạm vi rộng khoảng một mẫu. Giai đoạn mở đầu Thủy Hoàng được Triệu Cao tháp tùng đi tới xem hiện trường khai quật, thấy cảnh tượng râm rộ, khí thế tung bừng thì rất yên tâm, cho rằng sẽ nhanh chóng đào tới quan quách, tìm được bảo kiếm. Ông khen ngợi thái thú huyện lệnh làm việc tốt. Sau mấy ngày tiến độ công trình chậm lại, bình quân mỗi ngày chỉ đào được hai đến ba tấc. Thủy Hoàng sốt ruột cho gọi thái thú, huyện lệnh đến hỏi:

– Vì sao lúc đầu thì nhanh nay lại chậm như vậy?

Thái thú tâu:

– Tầng vỏ của núi đều là đất đào dễ nên công việc tiến triển nhanh chóng, khi đào tới lớp đá vì quá rắn nên tiến độ chậm lại, kết quả chẳng được là bao.

Thủy Hoàng thấy có lý nên không thúc giục nữa, nhưng lệnh cho phải giám sát chặt chẽ không để công việc bê trễ.

Khoảng một tháng sau, khó khăn lắm mới đào sâu được hơn một trượng nhưng vẫn chưa tới được quan quách, càng không thể thấy được bóng dáng bảo kiếm, Thủy Hoàng lại nôn nóng liên tục gọi thái thú và huyện lệnh, hỏi:

– Phải sâu bao nhiêu nữa mới đào tới được quan quách của Ngô Vương Hạp Lư?

Thái thú, huyện lệnh sợ hãi tâu trình với Thủy Hoàng:

– Theo ghi chép của sử sách nước Ngô, thì nơi chôn cất Hạp Lư bên ngoài quan tài gỗ có ba lớp quách bằng đồng, đồ đầy thủy ngân, chim thú làm bằng vàng và ngọc bời lộn trên hồ thủy ngân, chẳng khác gì một hồ nước thật. Ba nghìn thanh kiếm ấy xếp chung quanh quan tài gỗ, hết như thế hệ giá. Toàn bộ công trình huy động mười vạn nhân công, ba năm mới hoàn thành.

Thủy Hoàng hỏi ngay:

– Bây giờ đang dùng bao nhiêu người?

Thái thú trả lời:

– Cũng gần tới mười vạn.

Thủy Hoàng giọng có vẻ bức:

– Lẽ nào năm ấy làm cũng chậm thế này mà Ngô Vương Phù Sai cho phép sao?

Tới đây thì thái thú, huyện lệnh buộc phải nói ra các nguyên nhân:

– Tâu bệ hạ, việc này cũng có nguyên nhân. Một là, những thợ giỏi đều đã đi xây dựng lăng mộ Lệ Sơn và cung A Phòng. Thợ đá còn lại tài nghệ tầm thường nhưng đã cố gắng hết mức rồi. Hai là, cứ theo suy đoán thì quan quách Hạp Lư sau khi hạ huyết tất phải đổ đất ghép đá lên trên, phải là kết cấu hỗn hợp đất đá nhưng nơi đang đào, cả một diện tích rộng chỉ toàn đá thiên nhiên, hoàn toàn không có dấu vết đắp đất đá. Vì vậy hạ quan ngờ rằng mộ Hạp Lư chưa chắc đã phải là ở đây. Bằng không, cứ sao đào sâu tới hơn một trượng rồi vẫn chưa thấy dấu hiệu gì?

Nghe thái thú nói Thủy Hoàng cũng cảm thấy sự việc thật nhiều khê rắc rối, nhưng vẫn dẫn đo hỏi:

– Đã thế thì tại sao sử sách lại ghi đích xác như vậy?

Quận thú cười tâu rằng:

– Mạnh Tử nói: “Chỉ tin vào sách thì chi bằng không có sách”. Tôn Tử thì chủ trương: “Việc quân không ngại dối trá”. Ngô Vương Hạp Lư đánh nhau với Việt bị trọng thương chết. Ông ta lo rằng nếu cuối cùng Ngô không địch nổi Việt thì mình sẽ bị quật mả phanh thây, liền ghi rõ mộ táng ở Hồ Khâu nhưng kỳ thực là ở chỗ khác, rất có thể là như vậy.

Thủy Hoàng bèn bảo:

– Hay là đi tìm mấy vị bô lão am hiểu lịch sử hỏi xem thế nào? May ra biết rõ địa điểm chính xác.

Thái thú cảm thấy rất khó xử, nói với Thủy Hoàng:

– Đây là vấn đề thứ ba hạ chúc muốn tâu với thánh thượng. Tuy nước Ngô bị nước Việt thôn tính, giờ lại bị đại Tần thống nhất, trước sau đã gần ba trăm năm rồi nhưng bách tính vẫn nhớ tiếc tiên vương nước Ngô của họ. Nay chúng ta đào mộ tổ của họ, họ tuy bề ngoài phục tùng, chăm chỉ làm đày, nhưng trong lòng dứt khoát là không muốn như vậy, đây là nguyên nhân căn bản khiến tiến độ công trình chậm. Những vị bô lão biết rõ sự thật nhưng làm sao có thể bảo cho chúng ta được? Sử sách ghi là ở chỗ này, họ bảo không biết, chúng ta cũng không thể vô cớ trị tội họ được.

Nghe quận thú nói, Thủy Hoàng cảm nhận sâu sắc rằng: Đánh tan một đội quân, đánh chiếm một tòa thành, tiêu diệt một quốc gia, đã là việc vô cùng khó khăn. Nhưng muốn chinh phục một dân tộc mới là việc khó khăn nhất trên đời. Thấy công việc đào mộ chậm chạp, mộ và kiếm cũng chẳng thấy tăm hơi, Thủy Hoàng không muốn uống công đợi chờ nữa. Nhưng ông vẫn không muốn cam chịu thất bại mà để cho mình đỡ bề mặt bèn hạ chiếu cho thái thú Cối Kê và huyện lệnh Ngô huyện tiếp tục đào và phải đào cho được quan quách mộ Hạp Lư, nhất là phải lấy được ba nghìn thanh gươm Ngư Tràng, trình lên Hàm Dương, do ông đích thân thu nhận, sau đó sẽ cho phá hủy. Thái thú Cối Kê và huyện lệnh Ngô huyện dĩ nhiên “một lòng tuân chỉ” tiếp tục giám sát dân công đào đá tìm gươm, cho tới khi Thủy Hoàng chết mới ngừng mà rốt cuộc cũng chẳng thu được gì. Nơi bị đào trở thành một cảnh quan hiểm trở kỳ thú. Vách núi rời nhau, giữa là suối đá sâu không lường nổi và có tên là “Kiếm Trì” (Hồ gươm).

Thủy Hoàng lập lại vết xe đổ mò đỉnh ở Tú Thủy chín năm về trước, cảm thấy vô cùng đáng tiếc khi phải kết thúc công việc kiêu đầu voi đuôi chuột việc đào gươm ở Hồ Khâu, đành thống lĩnh quần thần tiến về phía Kim Lăng để làm nốt một nhiệm vụ chiến lược quan trọng. Trong đám đạo sĩ vốn dĩ đã có lắm môn nhiều phái và ai cũng tỏ ra ta đây tài giỏi, có một loại giỏi xem khí vận, họ làm ra vẻ rất cao siêu đưa tay chỉ về phía khoảng trời xa xa nói với Thủy Hoàng: “Phía đông nam có khí thiên tử!”. Chuyện đó dĩ nhiên khiến cho Thủy Hoàng sợ hãi và lo lắng: “Trời không thể có hai mặt trời, nước không thể có hai vua”. Vị thiên tử do khí thiên tử ở phía đông nam dự báo chắc chắn sẽ là khắc tinh của mình rồi. Thiên tử ấy mà nổi lên ắt thiên tử này phải chết. Điều đó chẳng phải là ứng với sấm ngữ

“Năm nay Tổ long sẽ chết” đó sao? Vì vậy chỉ có trấn áp tiêu hủy được khí thiên tử ở đông nam không cho nó nổi lên được thì “Tổ long” mình mới không chết. Cho nên Thủy Hoàng phải đi tới phía đông nam một chuyến, “phải ra tay trước” diệt khí thiên tử ấy. Nhưng phía đông nam dài rộng hàng vạn dặm, gồm tám quận hơn ba mươi huyện, khí thiên tử không biết phát tích từ quận nào huyện nào? Thật sự là chẳng biết tìm ở chỗ nào nữa. Những đạo sĩ thường ngày khoác lác ba hoa, tự cho mình là thần thông quảng đại, chỉ nói khí thiên tử xuất hiện ở phía đông nam, còn địa chỉ cụ thể thì ấp a ấp úng, không nói ra được. Trung xa phủ lệnh Triệu Cao vẫn là người đọc nhiều nhớ kỹ, đã đưa ra được một sử liệu nói về việc trấn áp khí thiên tử.

Một trăm hai mươi ba năm trước, nước Sở đang ở vào thời kỳ cường thịnh thôn tính, Ngô, Việt, ngang sức với Tần, Tề, thì một đạo sĩ phát hiện tại vùng Kim Lăng có một luồng khí vương giả bốc lên tới tận trời xanh, bèn tâu với Sở Uy Vương rằng chắc chắn trong đám dân Ngô, Việt, có người muốn tập hợp dân chúng khởi sự, khôi phục lại cố quốc cho nên đã bốc ra luồng khí thiên tử ấy; may phát hiện được sớm, cần phải có biện pháp làm dứt luồng khí vương giả ấy mới ngăn chặn được tai họa khi chưa xảy ra, bảo vệ đất nước, giữ gìn yên ổn cho nhân dân. Sở Uy Vương nghe theo, cho chôn rất nhiều vàng xuống Kim Lăng, quả nhiên đã trấn áp được luồng khí vương giả ấy, đảm bảo sự vững bền của chính quyền và an toàn của nhân dân. Lần này lại phát hiện khí thiên tử ở phía đông nam, thì địa điểm ấy chắc chắn phải ở Kim Lăng rồi.

Thủy Hoàng khen Triệu Cao thông kim bác cổ, giỏi hơn cả đám đạo sĩ nhiều, liền quyết định đến Kim Lăng, phải ra tay trước trấn áp khí thiên tử. Nghĩ tới đây ông như thoát ra được nỗi ám ảnh thất bại đào gươm ở Hồ Khâu, trong lòng phấn chấn, chuẩn bị sẵn sàng thưởng ngoạn danh thắng ở Kim Lăng, quyết định tại đây sẽ hạ thủ để thể hiện uy phong sát khí của mình. Khi xa giá tiến gần đến Kim Lăng, Thủy Hoàng nhìn ra bốn phía, thấy quang cảnh và khí thế núi sông thành quách trừu tượng mắt quả là hùng vĩ tráng lệ, khí thế ngất trời. Núi Kim Lăng ở phía Đông (nay là Chung Sơn), trùng điệp nhấp nhô như rồng cuộn vươn dậy, xông thẳng lên trời cao. Núi Thanh Lương ở phía Tây (nay là Thạch Đầu Sơn), đá đỏ thông xanh, thế đứng chênh vênh, tầng tầng lớp lớp, trầm tĩnh vững trãi, như hổ ngồi trên cao nhìn xuống chung quanh. Thật là rồng cuộn hổ ngồi, uy trấn đông nam. Sau khi đã hết lời khen ngợi, Thủy Hoàng cho gọi một vị đạo sĩ có tài quan sát vận khí đến, hỏi ông ta khí thiên tử phát ra từ đâu, và trấn yểm thế nào?

Vị đạo sĩ liền khoa chân múa tay, bắt quyết dùng ba tấc lưỡi phán rằng: “Thiên tử là rồng, khi rồng hạ giới thường náu mình dưới sông biển, hơi thở ra xông thẳng lên chín tầng mây, đó chính là khí thiên tử. Nhìn vào dáng núi và địa hình, thế rồng cuộn hổ ngồi trấn giữ núi sông tất phải có nền tảng vững vàng để có thể dựng đô nghiệp đế. Vì thế muốn diệt khí thiên tử thì phải làm dứt mạch của hai núi long hổ, giải tỏa nguồn nước, cho cây cối tàn lụi, khiến cho rồng sa xuống bãi cạn để tôm cá đùa giỡn, hổ rơi xuống bãi bằng cho chó treu chọc. Vương khí chỗ này bị triệt hạ, thế vua Hàm Dương tắt lên mạnh, đất nước vĩnh hằng, dân tình yên ổn, kéo dài muôn đời, bệ hạ sống lâu muôn tuổi”.

Thủy Hoàng nghe nói thế tin ngay, liền triệu huyện lệnh Kim Lăng đến, bắt huy động dân công, đào hang lớn ở Chung Sơn, phá đê Kim Lăng để tháo nước sông Hoài làm tan vương khí. Có hai nguồn nước phải khai thông, một là chảy đi từ Cú Dung Hoa Sơn, bốn mươi dặm phía dưới Kim Lăng; một nữa chảy đi từ Đông Lư Sơn Phiêu Thủy, hợp dòng chảy vào Phương Sơn Đạo rồi ngược lên phía tây bắc chảy vào Trường Giang. Con sông đào ở Trường Lũng Kim Lăng này gọi là sông Tần Hoài.

Để trấn yểm vương khí Kim Lăng, Thủy Hoàng cho chôn rất nhiều vàng trong hố lớn đào ở Thạch Uy Phương Sơn. Giữa hai núi Lô Long, Mã Yên tây bắc thành là Kim Lăng Cương cũng bị Thủy Hoàng bắt đào làm nơi chôn vàng. Thủy Hoàng còn đổi tên Kim Lăng thành “Mạt Lăng”, ý muốn nói chỉ để nơi này thành bãi chăn nuôi, không cho phép có đế vương.

Nhưng sáu triều đại Đông Ngô, Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, về sau đều kiến đô ở Kim Lăng, rồi Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương cũng xây dựng kinh đô ở Kim Lăng. Tới khởi nghĩa nông dân Thái Bình Thiên Quốc cuối đời Thanh và chính phủ Quốc Dân Đảng cũng đều định đô ở Kim Lăng, thời gian tuy ngắn ngủi nhưng cũng là một triều đại. Do đó có thể thấy, năm ấy Thủy Hoàng đã đào long mạch, khơi sông Tần Hoài, yểm vàng, nhưng

vẫn không thể triệt hạ được vương khí Kim Lăng. Đúng như trong một bài thơ “Lên đài Vũ Hoa Kim Lăng ngắm đại giang” của Cao Khải, nhà thơ triều Minh đã viết: “Tần Hoàng không thử yểm hoàng kim, giai khí thông thông chí kim vương” (Vua Tần Thủy Hoàng chôn vàng tại đây cũng chẳng được gì, khí lành vẫn thịnh vượng cho tới vua ngày nay).

Tại Kim Lăng, Thủy Hoàng đã đào đứt long mạch, cho nước chảy vào sông Hoài, chôn rất nhiều vàng, trấn áp khí thiên tử, tự cho rằng như vậy là đã trừ khử được những lời sấm của thần Núi, Hạo Trì Nhân “Tổ long” và đã chiến thắng vận rủi, sẽ không chết được nữa. Trong lòng yên ổn, Thủy Hoàng càng hứng thú đi tuần du, ông qua sông Trường Giang tại Giang Thừa (nay ở phía Bắc huyện Cú Dung), dọc theo tuyến bờ biển ngoằn ngoèo tiến lên phía Bắc tới Lang Nha, Thủy Hoàng được quần thần xúm xít vây quanh bước lên đài Lang Nha mà ông đã đốc thúc xây dựng. Mười năm mưa gió một thời đã làm cho cây cối ở đây xanh tốt um tùm, phủ kín đỉnh đài lâu gác. Nay chỉ còn lại cảnh xuân tàn, cây khô cành héo xác xơ liễu rủ, thêm đá rêu phong, gió lùa ô cửa, cột xà tô vẽ rục rờ sáng sủa, đã sơn tróc lỗ rỗ, chuông đồng bên thêm bị mưa gió gặm nhấm đã hoen gỉ lam nhám, lay động trước gió phát ra những âm thanh rè rè như than vãn. Nhìn xa xa chỉ thấy mây đen ùn ùn, sóng biển nhấp nhô, bướm về lác đác, hải âu lượn lờ, một cảnh tượng lạnh lẽo th lương. Thủy Hoàng nghĩ mình nhiều năm trông lo việc triều chính, ngoài lo xem xét dân tình đêm ngày vất vả, tinh thần thể xác mệt mỏi, vậy mà vẫn chẳng được như ý mình, lại còn bị nhiều thế lực chống đối và đe dọa, bất giác nước mắt rưng rưng. Sợ mọi người nhìn thấy ông vội lấy tay áo che mặt, lạng lẽ lau nước mắt, sau đó từ từ lẳng lặng xuống núi trở về hành cung.

Khi vua tới Thủy Hoàng tới trước hành cung, đang chậm rãi bước một đi lên thì chợt từ đâu có mấy con quạ bay ngang qua đầu mọi người, quang quác kêu lên mấy tiếng rồi đậu ngay trên chiếc hoành phi trước cổng hành cung khiến các quần thần tùy giá cuống quýt cả lên. Vì chữ khắc trên tấm hoành phi làm bằng thứ đá trắng đẹp như ngọc này là bốn chữ triện cứng cáp mạnh mẽ “Lang Hoàn Điem Tĩnh” do chính tay Thủy Hoàng viết. “Lang Hoàn” nghe nói là nơi để sách của thiên đế, Thủy Hoàng rất ham đọc sách, sách thể tre đọc hàng ngày nặng tới một trăm hai mươi cân (bằng sáu mươi cân hiện nay). Trong thời gian tuần du xây dựng đài Lang Nha lần trước, thái thú Lang Nha nhiều lần thỉnh cầu Thủy Hoàng để từ cho hành cung để tặng thêm phần về vàng. Thủy Hoàng liền lấy điển cố Lang Hoàn viết tấm hoành phi này, một là để ghi địa danh Lang Nha, hai là để chứng tỏ sách mình đọc có thể sánh cùng thiên đế. Bây giờ, mấy con quạ này lại nhằm đúng lúc Thủy Hoàng giá lâm bay tới đậu lên chữ nhà vua viết, há chẳng phải đã khinh nhờn thiên tử hay sao? Quả là bất kính, là điếm chướng lành! Mấy thị vệ vội chạy tới lấy tay xua đuổi, mấy con quạ vỗ cánh bay đi nhưng rồi lại bay về ngay và vẫn đậu trên tấm hoành phi. Thấy thế, Triệu Cao, Lý Tư, Mông Nghị chạy tới vung tay hò hét xua đuổi, quạ lại bay đi rồi lại bay về, ì ra trên hoành phi không chịu bay đi. Nhiều lần xua đuổi vẫn cứ như thế, mọi người chẳng còn biết làm thế nào nữa.

Thủy Hoàng thấy vậy rất không vui. Loài cầm thú này lại dám vượt râu hùm, quả là đáng ghét. Thấy các cận thần xua đuổi, Thủy Hoàng chỉ đứng nhìn, chờ đuổi xong mấy con vật xấu xí này đi thì mới vào cung. Nào ngờ đuổi mãi không được, mấy con chim hoang dại càng đuổi càng tỏ ra hỗn xược, cứ nhằm về phía mình mà kêu quang quác. Thủy Hoàng nổi giận rút luôn thanh gươm bên mình lao thẳng vào mấy con quạ, đám quạ bay vụt lên thanh gươm lao trúng bức hoành phi “choang” một tiếng vỡ tan tành rơi xuống đất, bốn chữ “Lang Hoàn Điem Tĩnh” vỡ nát không còn nhận ra được nữa.

Đám tùy tùng sợ hãi ngơ ngác đứng đờ cả ra, không biết nên làm gì nữa. Thủy Hoàng giận dữ quát: “Còn không nhặt gươm cho ta.” Triệu Cao mới định thần lại, cúi xuống nhặt gươm, tra vào vỏ cho Thủy Hoàng rồi đỡ ông ta bước gấp vào hành cung.

Hăng hái trở về thăm chốn cũ lại gặp cảnh xưa buồn bã, giờ lại chính tay mình làm vỡ bức hoành phi do mình đề từ, khiến Thủy Hoàng thêm tức giận và buồn rầu cho đó là vận rủi. Bữa tiệc tẩy trần và buổi trình diễn ca múa đặc sắc do thái thú thiết đãi, ông cũng chẳng còn thấy hứng thú gì nữa, gượng gạo ứng phó chốc lát rồi về ngay tấm cung.

Ngủ tới nửa đêm, gió mạnh xô cửa và tiếng sóng dữ vỗ bờ làm Thủy Hoàng tỉnh giấc. Ông mơ màng mặc áo đứng lên, ra trước song cửa, chợt thấy ánh lửa sáng trưng trên biển, thấp thoáng như có một bãi đảo cách đây không xa, vụt hiện ra ý nghĩ: Chẳng lẽ các tiên

nhân trên đảo tiên Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu cảm ứng tâm linh với mình, biết mình đã đến đây nên đến đón mình chăng? Thế là ông mừng rỡ sửa sang áo mũ rồi ra đi, theo ánh sáng lấp lánh của những con sóng, mạnh bước xuống biển, đi thẳng tới non tiên hải đảo mà mình hằng mơ ước. Ông đưa mắt nhìn ra xa, thấy một dáng núi bóng hình thướt tha, sáng lòa rực rỡ, liền cho rằng đây là nơi trở về của mình. Các tiên ông Tiễn Môn, Cao Thệ chắc chắn đang chờ đón, ông phải nhanh chân tới đó, kéo các bậc thượng tiên phải chờ lâu. Ông rảo bước lên phía trước, thấy mình đi trên biển mà như đi trên đất bằng, gió biển ù ù bên tai, vạt áo tung bay như cánh bướm no gió, cảm thấy như đang bay trong hư không.

Thủy Hoàng đang hết sức tự tin rẽ sóng tiến lên, chợt thấy một đợt sóng lớn xô tới. Ông vội dừng chân, con sóng biển trước mặt bất thần rẽ sang hai bên, từ bên trong nhẩy ra một con hải quái đầu rồng thân người. Thủy Hoàng sửng lại, đang định quát bắt nó nhường đường, thì người rồng sắc ấy cầm gươm chỉ thẳng vào ông, dằn giọng nói:

- Doanh Chính to gan, đêm hôm khuya khoắt người dám xông vào biển của ta, định làm gì vậy?

Thủy Hoàng thấy người đó gọi đúng tên mình, lại nói mình xâm phạm vùng biển của ông ta, đoán con quái vật nhe nanh múa vuốt trước mặt mình chắc chắn là thần biển nơi này, liền chấp tay vái chào nói:

- Trẫm được các tiên ông triệu đến đảo quý phía trước để gặp gỡ các bậc thượng tiên, tìm thuốc trường sinh bất tử, mong tôn thần nhường lối cho đi để hoàn thành nguyện vọng cả đời của trẫm.

Thần biển liếc nhìn Thủy Hoàng rồi cười lạnh nhạt bảo:

- Doanh Chính, người là một tên bạo chúa, lạm dụng quyền hành, tàn sát chúng dân, là tai họa của đất nước, gây chiến xâm lược, sát hại sinh linh, đã nhiều lần nhắc nhở mà vẫn không từ bỏ, lại còn muốn lên cõi tiên cầu được trường sinh nhân gian không làm gì nổi người, Ngao Quảng ta làm sao tha cho người được?

Thủy Hoàng nghe đối phương xưng là Ngao Quảng, thì biết là Long Vương biển Đông. Vùng biển này do ông ta cai quản, đúng là đã gặp phải đối thủ rồi. Kể này đã không có thiện chí, mà Thủy Hoàng xưa nay ý thế bá vương đương nhiên quyết không chịu, liền giận dữ nói:

- Trẫm theo mệnh trời, làm vua thiên hạ, ta muốn tìm thuốc thành tiên, là việc của ta, liên can gì đến thủy tộc nhà ngươi? Còn không nhường bước cho ta?

Ngao Quảng cười nhạt, bảo:

- Muốn ta tha cho người cũng dễ thôi, nhưng trước hết phải thắng được thanh bảo kiếm trong tay ta đã!

Nói xong giơ cao thanh bảo kiếm. Thủy Hoàng rút ngay thanh gươm đeo bên mình, tức giận chỉ mặt đối phương nói:

- Trẫm là con của thiên đế mới thống nhất được thiên hạ, bốn biển đều do một mình trẫm cai quản. Người là con rồng khốn kiếp, lại dám cản đường trẫm đi tìm tiên, đáng tội gì hả? Lại còn dám muốn cùng ta tử thí, há không phải là tự tìm đến cái chết sao?

- Đồ con hoang nhà ngươi đã cướp nước Tần, trơ trên không biết nhục nhã là gì, lại còn ý thế làm vua. Hôm nay hải vương ta lấy đầu nhà ngươi - Ngao Quảng mắng chửi thậm tệ.

Bị chọc đúng vào chỗ kiêng kỵ nhất, nổi đau khổ lớn nhất, Thủy Hoàng giận mặt tái đi, toàn thân run lên, vung kiếm thét lớn:

- Tên súc sinh này, hẳn đã bị Lưu Sinh, Hầu Sinh xúi giục, dám đến nhục mạ quả nhân. Trẫm phải chặt đầu ngươi, hầm lấu làm nhân bánh mới được!

Ngao Quảng cũng bị kích động kêu ré lên, vung múa gươm xông vào đâm liên.

Thủy Hoàng vốn rất tinh thông võ nghệ, lại thêm bị cản đường tới đảo cầu tiên nên càng căm giận, trở hết uy phong, ráng sức bình sinh, vung gươm chém ngang, phạt dọc đánh lại Ngao Quảng. Long Vương biển Đông thở hổn hển thấy không cự nổi bèn đánh đứ

một đường gươm rồi quay đầu tháo chạy. Thủy Hoàng sát khí đang hăng đầu chịu buong tha, liền vung gươm đuổi gấp. Ngao Quảng cuống lên, đành phải sử dụng chiêu cuối cùng, nhả viên ngọc quý đã tu luyện nhiều năm ra, ném thẳng về phía Thủy Hoàng. Thủy Hoàng vung gươm lên chém, nhưng không tài nào chém trúng, viên long châu tránh được lưỡi gươm, né sang một bên rồi lao thẳng vào Thủy Hoàng. Thủy Hoàng tránh không kịp, bị đánh trúng vào tim, ông vội ôm lấy ngực, kêu lên rồi ngã vật ra. Thủy Hoàng giật mình bừng tỉnh lúc ấy mới biết đó chỉ là một cơn ác mộng, nhưng tay vẫn cứ bịt vào chỗ đau trên ngực, chỉ thấy tim đập rất mạnh, sợ quá toàn thân toát mồ hôi hột. Ông kinh hoàng nhớ lại trận ác chiến vừa xảy ra, thẳng một Ngao Quảng đã chẳng hề dễ dàng, nếu hẳn kéo anh em Ngao Trí, Ngao Nhân, Ngao Tín, bốn con rồng khôn kiếp cùng đến khiêu chiến thì mình khó bề chống đỡ! Nghĩ tới đây, Thủy Hoàng vội dậy mặc quần áo, lệnh cho hoàng môn triệu ngay tiến sĩ theo hầu tới kể lại giấc mơ vừa qua, nhất là cảnh giao chiến với thần biển, rồi bảo ông ta suy xét xem rút cục là điềm lành hay dữ. Ông tiến sĩ chau mày nhắm mắt, lặng lẽ suy nghĩ một lát, sau đó trình trọng tâu rằng:

- Theo lời bệ hạ kể vị thần biển ấy là Long Vương biển Đông Ngao Quảng, nếu vậy thì sau trận giao chiến này sẽ tạm thời không xuất hiện nữa. Vì viên long châu mà hẳn dùng đánh bị thương bệ hạ đã phải nhả ra coi như đạo hạnh hẳn tu luyện nhiều năm đã tiêu tan hết rồi, hẳn sẽ tạo lại thành con cá lớn thôi. Sách Trang Tử nói rằng ở biển Bắc có con cá, tên là Côn. Cá Côn tu luyện tới một trình độ nhất định sẽ bay lên trời thành rồng, người ta nói "cá hóa rồng" là vậy. Rồng dữ làm nhiều điều ác, tức là ác thần, phải trừ diệt đi thiên thần mới xuất hiện được.

Thủy Hoàng thấy tiến sĩ giải thích có lý, bèn lệnh cho thái thú Lang Nha điều động hơn một trăm thuyền lớn, trang bị loại cung nỏ lắp tên bắn được liên tục và nhiều tấm lưới to, chuẩn bị quyết chiến với thần biển, sẵn sàng chấp nhận một giá rất đắt để bắt bằng được con giao long, giành toàn thắng.

Mọi thứ được bố trí xong xuôi, quân cận vệ và quân hổ bôn được học tập kỹ thuật hàng hải như giương buồm, kéo chèo, bơi chèo, cầm roi của các ngư dân thạo việc sông nước, nắm chắc luồng lạch. Sau đó trên mỗi thuyền lại còn bố trí thêm binh lính hải chiến, có đầy đủ hoa tiêu, cầm lái, bơi chèo, xa kích... Thuyền dàn theo đội hình tác chiến, lợi dụng gió tây nam tiến theo hướng đông bắc. Thủy Hoàng cùng các cận thần ngồi trên thuyền chỉ huy đi giữa đội hình, thổi thục cả đoàn thuyền giương buồm rẽ sóng ra khơi. Thế trận gồm hơn một trăm thuyền kết thành một khối, cột buồm san sát, tay chèo vung lên như bay, buồm căng che kín một khoảng trời, chẳng khác gì một hòn đảo nổi di chuyển trên biển, hoành tráng vô cùng. Thủy Hoàng hứng chí, lệnh cho quân cận vệ và lính hổ bôn hát "Thơ tiên chân nhân", còn mình thì nhắm mắt mơ tưởng: Nếu đoàn thuyền không phải đi tác chiến, mà là đưa mình đi tìm đảo tiên trên biển thì thật là vui sướng và mãn nguyện biết chừng nào.

Đi suốt mấy ngày liền, đều gió yên biển lặng, cả một vùng mênh mông không phát hiện ra con mồi nào. Khi đã đi xa tới mấy trăm dặm, vòng qua cả núi Lao Thành ở Túc Mặc đầu phía đông Tề quận vẫn không thấy gì. Lại tiến về phía tây, tới vùng biển Chi Phù. Bỗng cuống phong nổi lên, sóng lớn lừng lững, bề thế như lâu thuyền cũng trông thành chao đảo. Tất cả phút chốc trở nên căng thẳng, chăm chú theo dõi hướng gió theo chiều sóng. Chợt nghe thấy tiếng chiêng vang dậy ở mấy thuyền đi phía trước, tiếng người huyền não, nhìn vào hiệu cờ thì biết đã phát hiện một con cá lớn và thông báo tất cả phải giữ vững thế trận sẵn sàng chiến đấu. Thủy Hoàng truyền lệnh chuyển đội hình đoàn thuyền thành hàng ngang theo tiếng chiêng trống và cờ hiệu phía trước, vây lấy con cá. Đoàn thuyền vốn ở thế trận hình vuông, nhanh chóng tản ra hai bên, hình thành thế lá quạt tỏa nhanh ra phía trước. Tất cả đồng thanh gào thét, dưng mảnh xông lên, khí thế hùng hục. Ngay ở chỗ thuyền tập trung đông nhất, con cá lớn sợ hãi bỗng lao lên mặt biển, nó dài tới hai, ba trượng, chẳng khác nào một chiếc thuyền mũi đen chúi chúi. Khi nó lao lên kéo theo một cột sóng lớn, khiến thuyền gần đấy trông thành lắc mạnh, rất nhiều người bị hất xuống biển. Mọi người sợ quá, vội ghìm chiếc thuyền thật vững, rồi tiếp tục vây chặt chỗ con cá vừa lặn xuống.

Vì thuyền dày đặc, mặt nước bị vây kín, con thủy quái không nhận ra phương hướng, bơi ngược trở lại vị trí trung tâm của đoàn thuyền, lao thẳng vào chiếc lâu thuyền của vua

tôi Thủy Hoàng. Nó bị đáy lâu thuyền cản lối, bèn hung dữ lao vọt lên chồm hẳn về phía Thủy Hoàng. Hình dáng nó hiện rõ: thân hình đồ sộ đen sì như một quả núi, đám lông bờm xòe ra che kín được cả mặt trời, trán và mũi nhọn hoắt như đỉnh núi Ngũ Nhạc, cột nước phun ra từ mũi cao tới mấy trượng, phát ra tiếng đình tai. Vua tôi Thủy Hoàng sợ hết hồn hết vía, ngã xuống khoang thuyền. Cũng may thuyền chỉ huy có nhiều lâu thuyền vây quanh, người đông, vũ khí đầy đủ, tên bắn ra như mưa về phía con vật khổng lồ. Nó lập tức quay đầu vẫy đuôi, lặn nhanh xuống biển. Sóng lớn cuộn lên, thuyền lại chao đảo, người bên mạn thuyền lại lặn ào ào xuống biển. Tiếng gọi với, tiếng kêu cứu âm ỉ náo động cả một vùng.

Bạn bè bị rơi xuống biển chết, khiến mọi người vô cùng căm phẫn. Thuyền từ bốn phía kéo tới bao vây chặt chỗ con thủy quái lặn xuống. Tiếng chiêng trống, tiếng hò hét vang dậy mặt biển. Con giao long đã bị trúng khá nhiều tên, bơi không còn được nhanh nữa, lại thêm mấy lần nhảy vọt lên không thoát khỏi vòng vây, sức lực đã giảm đi nhiều, mọi người thừa thế tấn công dồn dập, ngoài cung nỏ bắn tới tấp, các thủy thủ dũng mãnh phóng xuống những chiếc lao xiên cá có ngạnh ngược. Con cá bị trúng lao chạy điên cuồng, nhưng bị những chiếc ngạnh móc ngược ghì lại, chạy không thoát mà vết thương trên mình bị xé to ra, máu tuôn xối xả, nó dần dần không gượng nổi nữa, phơi bụng nổi lên mặt nước, quẫy mạnh mấy cái rồi tắt thở.

Người trên thuyền khi ấy mới tung lưới xuống chụp lấy, rồi chẳng khác gì kéo co, mấy chục con người nắm chặt giềng lưới, vừa hò “dô ta” bài hò kéo vừa từng nhịp từng nhịp kéo con cá kinh to như chiếc thuyền mui lên thuyền.

Tất cả khua chiêng đóng trống, cùng hát bài “Thơ tiên chân nhân”, trở về Chi Phù, rời thuyền lên bộ.

Thủy Hoàng bước tới bên con cá kinh ngấm nghĩa, trong lòng nghĩ: Thần biển đã bị giết, trẫm sẽ quyết tâm tiếp tục hoàn thành sự nghiệp to lớn của mình.

HỘI THỨ BA MƯỜI TƯ

TỪ PHÚC TRÒN NHƯ “TRẦU ĐẤT XUỐNG BIỂN” [179]

THỦY HOÀNG ÔM, TỔ LONG SẤP CHÂU TRỜI

Hơn một trăm lâu thuyền của Thủy Hoàng dùng trong trận hải chiến đều neo đậu trong vịnh ngoài thành Chi Phù. Trong số đó có hơn chục chiếc bị hư hỏng vì sóng lớn xô đập khi giao chiến hoặc vì va chạm vào nhau, người ta đang sửa chữa để chuẩn bị dùng sau này. Sau khi điểm lại, có hơn một trăm thủy binh, lính hồ bôn, nội thị cung đình bỏ mạng, Thủy Hoàng lệnh cho thượng khanh Mông Nghị ghi lại họ tên người đã chết trận, cấp tiền xuất theo quân công hạng nhất. Huyện lệnh Chi Phù được tin Thủy Hoàng đã giết được giao long trên vùng biển của huyện và sẽ lưu lại địa phương thì vô cùng mừng rỡ, lập tức dẫn một đoàn các quan chức gồm thừa, úy và hơn một nghìn dân chúng đến nghênh đón nhà vua, tỏ ra ân hận vì tiếp giá muộn màng, khấu đầu xin nhà vua lưu lại huyện mình một thời gian để thần dân được hưởng ơn mưa móc, cảm tạ thánh đức. Thủy Hoàng liền bảo nhân dịp sửa chữa lâu thuyền, sẽ mở hội mừng công tại đây, tuyên dương rộng rãi thắng lợi của chuyến “ngự giá thân chinh” giết chết thần biển giao long. Huyện lệnh Chi Phù răm rắp tuân lệnh điều động ngay thợ đến dựng một đài cao trên bãi biển, treo đèn kết hoa, khua chiêng đóng trống, thu hút hàng vạn người đến xem. Lính hồ bôn và cận vệ cung đình như thường lệ xếp theo đội hình dàn thành thế trận, cầm khí giới đứng canh gác quanh đài cao.

Thủy Hoàng được hoàng tử Hồ Hợi và cận thần Lý Tư, Triệu Cao, Mông Nghị dẫn đường, từ từ bước lên đài cao. Ông chẳng những mặc áo long cổn có đường viền hoa văn rồng vàng nền đen, thắt đai ngọc, lưng đeo bảo kiếm, đội mũ bình thiên rủ mười hai tua ngọc, trang phục thường chỉ mặc khi thiết triều và cúng tế mà còn gài trước ngực hai chiếc mắt cá to bằng nắm tay, lấy từ con giao long lớn đã được tẩm thuốc, giữ nguyên vẻ óng ánh, đựng trong túi thơm. Thủy Hoàng coi hai chiến lợi phẩm này có ý nghĩa hơn cả việc phá hủy mấy triệu binh khí của sáu nước. Vì điều đó không những chứng tỏ mình là người chiến thắng trong trận hải chiến, còn chứng tỏ mình không những là đức vua “của cả đất nước này”, mà còn chiến thắng cả thần biển, trở thành người thông trị vùng biển mênh mông.

Đèn nến sáng trưng, khói hương nghi ngút, chuông trống rền vang, ca hát rộn ràng. Sau khi dâng lễ tam sinh, rót ngự tấu xong, Thủy Hoàng gạt đầu ra hiệu, vị tiến sĩ đã giải mộng cho Thủy Hoàng tuyên đọc văn tế. Bài văn tế viết:

Năm ba mươi bảy, hoàng đế tuần thú, ngự giá Lang Nha.

Mơ thấy hải thần, gây ra sóng gió, nói lời ngỗ nghịch.

Đánh nhau với hãn, hải thần thua chạy, trốn xuống biển sâu.

Vua dẫn lâu thuyền, cung nỗ sẵn sàng, giương buồm truy đuổi.

Vượt qua Lao Thành, tiến về phía tây, mới thấy tung tích.

Trăm thuyền găng sức, muôn nỗ cùng giương, hải chiến ác liệt.

Giết chết giao long, gió yên sóng lặng, họa loạn dẹp xong.

Hải chiến trở về, trường sinh đang đợi, Bồng Lai trước mắt.

Tế văn đôi dòng, phục duy thượng hưởng.

Bài văn tế về thể tài cũng như phong cách rất giống với những tấm văn bia trước đây, nhưng không phải của Lý Tư mà là của vị tiến sĩ này. Đó là vì Tả thừa tướng Lý Tư, người chuyên viết loại văn này là đại diện của pháp gia, theo ông ngay cả thủy tổ Nho gia Khổng Tử cũng không nói đến sức mạnh của ma quái, “Tử bất ngữ quái lực loạn thần” nhà thực học chủ trương pháp trị này càng không tin phép thuật quỷ thần. Việc Thủy Hoàng cầu tiên tìm thuốc mong được trường sinh, ông đã cương quyết phản đối nhưng Thủy Hoàng một mực tin tưởng nên ông không dám tỏ rõ thái độ, chỉ tiêu cực trong hành động. Sau chiến thắng “thần biển” giết chết giao long, Thủy Hoàng vẫn muốn ông chấp bút viết văn tế, ông không dám ra mặt từ chối, bèn tỏ ra phóng khoáng tâu rằng mình viết đã nhiều,

chi bằng để cho những người tài hoa khác làm và đề nghị vị tiến sĩ nọ chấp bút vì ông ta giải mộng rất đúng, văn tế để ông ấy viết là thích hợp nhất. Thủy Hoàng nghe Lý Tư nói có lý, liền giao nhiệm vụ cho vị tiến sĩ đó. Chuyện này khiến vị tiến sĩ vô cùng sung sướng, liền đóng cửa ngói một mình, ngày đêm suy nghĩ cân nhắc câu chữ thảo bài văn tế, sau đó trình trọng dâng lên Thủy Hoàng ngự lãm. Thủy Hoàng đọc, cảm thấy bố cục kết cấu ý tứ và tài trí văn chương chẳng kém gì Lý Tư, lòng thầm nghĩ: Trong đám nho sinh quả có nhiều nhân tài, nhưng Thuần Vu Việt, Hầu Sinh sao lại chống đối ta thế nhỉ? Nếu cứ như tiến sĩ này, chịu làm theo ý chỉ của ta, thì sao lại không công danh thành đạt kia chứ? Để khen thưởng việc giải mộng đúng và có tài văn chương, Thủy Hoàng đã giao việc đọc văn tế vốn là nhiệm vụ của thừa tướng cho vị tiến sĩ này thực hiện. Trong đại lễ có hàng vạn người dự, vì thế được đọc tác phẩm mình viết ra, tả sao xiết niềm sung sướng và nỗi xúc động. Vị tiến sĩ hai tay nâng bài văn tế, mắt lim dim, đầu lắc lư, giọng kéo dài ra đọc như hát. Mọi người đều rất chăm chú trước sự trình diễn tuyệt vời của ông ta, tất cả đều như nín thở lắng nghe. Khi đọc xong, hóa đốt tẩm lụa trên ngọn nến, mọi người reo vang, tung hô: “Hoàng đế yêu dân như con, trừ hại cho dân, ơn như biển rộng, công đức muôn đời. Trong triều ngoại nội một lòng, muôn dân ủng hộ, đức vua vạn tuế! Vạn tuế! Vạn tuế! Vạn tuế!”.

Thủy Hoàng sung sướng tiến ra trước đài, nhìn khắp một lượt, giơ tay chào mọi người, tiếp nhận thần dân hoan hô và chúc mừng rồi nói:

– Trẫm mấy năm nay liên tiếp đi tuần du tìm hiểu dân tình, được chúng dân ủng hộ quý mến. Lần này đến Lang Nha, thấy thủy quái gây họa, liền đích thân thống lĩnh đoàn thuyền ra tay truy đuổi. Qua một trận huyết chiến, đã giết chết được giao long thủy quái. Từ nay hiểm họa đã diệt trừ, chúng dân có thể yên tâm ra biển làm ăn – Nói xong chỉ tay vào xác con giao long nằm trên bãi cát, lớn tiếng nói tiếp – Đây là con thủy quái trẫm đã trừ diệt cho thần dân, nó tuy có sức mạnh vô biên và cực kỳ hung hãn tàn bạo, nhưng vẫn thua dưới bàn tay trẫm, điều đó chứng tỏ trẫm là vô địch. Vì vậy, tất cả thần dân đều phải phục tùng đại Tần, phục tùng quả nhân mới được bình an vô sự bằng không sẽ tự chuốc lấy diệt vong. Đạo trị dân của trẫm là: Theo ta thì sống, chống ta thì chết!

Thủy Hoàng dứt lời, đưa ánh mắt chim ưng sắc nhọn nham hiểm nhìn khắp lượt, uy nghiêm trang trọng quay người rời đài cao, trở về hành cung cùng với Hồ Hợi và đám cận thần. Đang lúc Thủy Hoàng cởi áo long cổn, bỏ mũ bình thiên, chuẩn bị nghỉ ngơi, thì hoàng môn đã vào cấp báo.

– Tâu bệ hạ, có Từ Phúc xin cầu kiến.

Nghe lời tấu, tâm trạng Thủy Hoàng vừa mới thư thái được đôi chút đột nhiên căng thẳng, và chưa kịp bình tĩnh trở lại ông đã khoát tay nói:

– Cho vào!

Thủy Hoàng tới ngai sau ngự án, đặt thanh gươm lên bàn, nghĩ bụng: Tên tà đạo cả gan nói xằng lừa dối chúa, ngươi lại dám trở về!

Được Triệu Cao dẫn đường, đạo sĩ Từ Phúc tay cầm bó hoa anh đào cung kính đi vào. Không để Thủy Hoàng kịp hỏi, Từ Phúc đã vội quỳ xuống, cúi lạy lia lịa:

– Thần Từ Phúc khấu kiến bệ hạ! Vạn tuế! Vạn tuế! Vạn vạn tuế!

Thủy Hoàng trừng mắt nhìn, nghiêm giọng hỏi:

– Từ Phúc, tên tà đạo này, lại dám trở về ư?

Từ Phúc cười ranh mãnh, đáp:

– Bệ hạ là thánh chúa của thần, đất này là cố quốc của thần, lòng luôn tưởng nhớ, thần sao lại không trở về?

Thủy Hoàng cười lạnh lùng:

– Trẫm thấy ngươi nhớ cố quốc là thật, nhớ quả nhân là giả.

Từ Phúc làm ra vẻ oan ức, nói:

– Thần có nghe, nước không thể một ngày không có vua, cho nên nhớ nước tất phải nhớ

vua, hưởng hồ vi thần được bệ hạ giao trọng trách, ân sủng gấp bội, nên lòng nhớ vua hơn cả nhớ nước. Vậy mà bệ hạ lại cho thần là kẻ di vua phản nước, khiến vi thần khó bề tâm phục.

Thủy Hoàng cười khẩy, vạch trần lời nói giả dối của Từ Phúc:

– Hay cho câu “nhớ vua còn hơn cả nhớ nước”, chỉ có điều từ ngày người tuân mệnh trầm dẫn ba nghìn đồng nam đồng nữ ra biển cầu tiên tìm thuốc đến nay, đã chín năm rồi đấy nhỉ? Trong thời gian ấy, người đã nhiều lần trở về, lĩnh bao nhiêu tiền lương bổng ở nội thị và thiếu phủ, vậy mà không lần nào phụng chỉ quả nhân. Hôm nay lại lộng ngôn luôn nhớ quả nhân, há không phải trước mặt trăm nói toàn những điều dối trá đó sao?

Thủy Hoàng nói thế, thực sự làm Từ Phúc không cãi nổi. Vì chín năm trước hiểu rõ và lựa theo tâm lý Thủy Hoàng, ông ta đã nói những ảo ảnh trên mặt biển là đảo tiên trên biển, ba hoa trời đất mô tả đảo tiên ấy cứ như có thật, lừa được Thủy Hoàng tín nhiệm, cho chỉ huy một đoàn thuyền quy mô to lớn chở ba nghìn đồng nam đồng nữ ra biển khơi tìm đảo tiên, tìm thuốc trường sinh bất tử cho Thủy Hoàng. Kỳ thực đi chưa được bao xa, vì gió to sóng lớn, đã lên một đảo hoang trên đường đi và ở lại đấy. Chừng nào lương thực, rau xanh, nước ngọt mang theo đã hết, lại trở về xin nội sử quản lý lương thực và thiếu phủ quản lý tài chính cung đình cấp phát thêm. Sau vài lần như vậy nội sử và thiếu phủ không kham nổi yêu sách của ông ta nữa, đòi Từ Phúc phải gặp Thủy Hoàng, nói rõ nguyên nhân. Nhưng Từ Phúc nghe phong thanh được mọi chuyện của Thủy Hoàng, đâu dám xuất đầu lộ diện, vội vã rời khỏi Hàm Dương, đưa cả gia quyến ra đảo hoang trên biển. Ai muốn “đưa mỗi vào miệng cọp” tự mình tìm đến cái chết? Nào ngờ nội sử và thiếu phủ phải báo cáo sổ sách với Thủy Hoàng, một hai lần số lượng không lớn lắm, còn có thể gượng nhẹ lấp liếm cho qua, số lần nhiều lên, không thể giấu giếm Thủy Hoàng được nữa, đành phải tâu rõ sự thật. Thủy Hoàng biết rõ sự dối trá của Từ Phúc nên mới không hài lòng và muốn hỏi cho rõ ngọn ngành. Hơn nữa, việc tìm tiên xin thuốc chẳng có chút kết quả gì, ba nghìn đồng nam đồng nữ chẳng biết số phận ra sao, đều là những chuyện quan trọng Thủy Hoàng muốn Từ Phúc phải nói rõ nên vừa thấy Từ Phúc ông đã không kìm nổi cơn giận, bắt Từ Phúc phải trả lời hàng loạt những câu hỏi.

Từ Phúc vốn dĩ là đạo sĩ, dựa vào ba tác lữ lang thang khắp nơi lừa thiên hạ để sinh sống, đương nhiên rất đỗi giả hoạt, giỏi ứng biến. Chuyến này đến Hàm Dương là cốt để xin nội sử và thiếu phủ chu cấp lương tiền, nhưng cả hai phủ quan đều nói rất khó khăn, bắt ông ta phải đích thân xin Thủy Hoàng. Từ Phúc dọc đường dò la, bám theo hành trình của Thủy Hoàng, bảy hôm trước đã đến Lang Nha. Qua hỏi thăm thái thú Lang Nha, biết Thủy Hoàng nằm mơ giao chiến với hải thần, đã thống lĩnh một đoàn thuyền khổng lồ tiến lên phía bắc đánh giết hải thần. Từ Phúc dự định sẽ chờ trận đánh này kết thúc, sau đó sẽ căn cứ vào việc thắng bại để quyết định có gặp Thủy Hoàng hay không. Ba hôm trước khi ông ta đến Chi Phù, nghe tin đoàn thuyền của Thủy Hoàng đã diệt được con giao long ngay trên biển nơi đây, thì biết thời cơ cho mình đã đến. Ông ta lập tức hậu tạ chủ thuyền, tới bãi biển quan sát thật kỹ hình dạng con giao long. Khi đã nhớ thật kỹ, tính toán xong đường đi nước bước, Từ Phúc vào trọ ở một quán cơm nhỏ. Hôm nay ông ta cùng dân chúng tụ tập trên bãi biển tham dự buổi lễ chào mừng việc giết giao long. Đứng từ xa ngắm nhìn vẻ mặt vô cùng thỏa mãn của Thủy Hoàng trên đài cao, nhất là nghe mấy câu cuối cùng của nhà vua, biết giờ đây vua đang vui vẻ, chỉ cần giỏi ứng phó, chớ động vào chiếc vẩy ngược dưới cằm, thì sẽ vô cùng vẹn toàn và sẽ được tạ tội nguyên.

Tính kế xong, Từ Phúc đến xin cầu kiến vào lúc Thủy Hoàng vui vẻ nhất sau lễ mừng công. Khi Thủy Hoàng vạch trần việc làm dối trá của mình, Từ Phúc khôn khéo lấp liếm. Ông ta quỳ mọp dưới đất, bò lên mấy bước, vẻ mặt khốn khổ tâu với Thủy Hoàng:

– Những điều bệ hạ xét hỏi vừa rồi đều là sự thực. Nhưng bản đạo mấy lần trở về không bái yết bệ hạ, là có nhiều điều khó giải bày.

Thủy Hoàng vẫn bực bội quát mắng:

– Người đến chỗ nội sử và thiếu phủ lĩnh lương tiền vàng ngọc, đòi hỏi rõ nhiều, liệu có điều gì khó nói không?

Từ Phúc hơi ngẩng đầu lên, làm ra bộ rất đáng thương, giọng phân bua:

- Có câu, được người ủy thác thì phải hết lòng, hướng chi bản đạo được bệ hạ đích thân ban ngự chỉ, mang vàng bạc châu báu cùng ba nghìn đồng nam, đồng nữ ra biển tìm Bồng Lai tiên đảo tìm thuốc trường sinh bất lão cho bệ hạ. Đã mang thánh mệnh, thần đâu dám không hết lòng dốc sức, vượt mọi khó khăn, mong làm được việc, ngờ đâu lại phụ lòng trông đợi của thánh thượng...

- Vì sao người đi đã chín năm ròng, quay về nhiều lần, tới nay vẫn hai bàn tay không? Lại còn dám vác mặt đến gặp quả nhân, vô liêm sỉ đến mức ấy là cùng! Người có biết tội khi quân là phải chém đầu hay không? - Thủy Hoàng tỏ ra vô cùng giận dữ.

- Xin bệ hạ thấu cho, đoàn thuyền của bản đạo khi mới ra khơi thì gió yên sóng lặng, hành trình thuận lợi. Nhưng mười ngày sau thì gió mạnh dần, sóng ngày càng lớn, thuyền bị tung lên nổi xuống tưởng như đắm đến nơi, bất đắc dĩ phải vào ngay đảo nhỏ gần đây, tạm thời ở lại. Chúng thần dâng rượu thắp hương, làm văn tế cầu khẩn, những mong gió yên sóng lặng để tiếp tục lên đường. - Tù Phúc thao thao bất tuyệt, kể lể chuyện xảy ra cứ y như thật, đôi lúc còn dùng tay để mô tả cảnh nguy hiểm hãi hùng.

- Khi nhà người đi, trăm đã ban ngự chỉ do chính tay trăm viết dặn dò người phải lập đàn cúng ngay ở đầu thuyền để trấn áp tà ma trên biển. Lẽ nào nhà người lại quên? - Thủy Hoàng lần nào nói cũng nhấn mạnh uy danh của mình.

Tù Phúc cung kính chấp tay trả lời:

- Thánh chỉ bệ hạ ban cho, là sứ mạng của thần, là ý chỉ phải tuân theo, thần đâu dám quên. Chính nhờ thánh chỉ của bệ hạ mà chúng thần gặp phải tai họa đều hóa giải được nguy hiểm, bình yên vô sự.

Thủy Hoàng nghe nói thánh chỉ của mình có tác dụng như vậy thì bất giác mừng ra mặt, tỏ vẻ bớt giận, giọng quan tâm:

- Quả thật lúc đầu cũng không lường hết được mọi hiểm nguy, đâu có biết trên biển lại có lắm trở ngại gian nan đến thế.

- Bẩm nếu không chính mình trải qua cảnh ấy, làm sao hiểu nổi gian truân? - Tù Phúc thấy Thủy Hoàng có phần tin rồi, liền thừa thế huyễn hoặc thêm. - Bản đạo tắm gội trai giới, thành kính cầu đảo, hết bảy ngày mới thấy gió yên sóng lặng, thuyền nhổ neo tiếp tục đi, khoảng mười ngày đều mọi sự bình yên. Nào ngờ sau đó liền tiếp gặp thuyền của bọn cướp biển, chúng muốn cướp thuyền, vì ngôn ngữ bất đồng, thần giải thích mãi vẫn không có kết quả. Trong lúc nguy cấp, thần nhanh trí đưa thánh chỉ của bệ hạ và lá bùa của bản đạo ra. Bọn chúng tuy không biết chữ nhưng nhìn dấu ngọc tỷ biết là giấy tờ của đấng thế tôn nên không dám xâm phạm nữa, quay thuyền bỏ đi. Chúng thần đã được thoát chết nhờ thánh chỉ của bệ hạ.

- Ngôn ngữ bất đồng lại không biết chữ dứt khoát là bọn di địch nước ngoài rồi. Nhưng chúng làm sao biết dấu ngọc tỷ là giấy tờ của nhà nước được? - Thủy Hoàng tỏ ra không tin.

Tù Phúc vội giải thích:

- Bọn hải tặc đúng là dân man di, cho nên không thông hiểu ngôn ngữ. Duy nhất có một người trong bọn họ đưa ra một tờ giấy có dấu ngọc tỷ. Thần nhìn qua, thì ra là giấy cho phép ra vào cửa quan do bệ hạ ban cho An Kỳ Sinh ở Lang Nha. Thần giơ tay làm hiệu hỏi vì sao có được giấy tờ này, thấy hắn chỉ ra chỗ tiếp giáp giữa trời và biển, đó là nơi ở của các tiên nhân, nên hắn biết là bảo vật của nước Đại Tân.

- Ra là vậy, ra là vậy! - Thủy Hoàng bất giác kinh ngạc kêu lên, miệng lẩm bẩm - Tên An Kỳ Sinh là người Lang Nha bán thuốc ở ven biển. Chín năm trước khi xây dựng đài Lang Nha, trăm đã cho triệu kiến, chuyện trò hỏi han ba ngày, ban cho vàng bạc, lại cả giấy tờ để hắn tiện qua lại, nào ngờ đã ra biển và trở thành tiên rồi, thảo nào không thấy gặp lại! - Than thở xong, liền tự trách mình - Hắn là người phạm tục còn thoát xác thành tiên được, hưởng hồ trăm là tiên chân nhân, cơ sao lại không có duyên tiên để đi theo con đường ấy được nhỉ?

Tù Phúc thấy Thủy Hoàng lộ rõ ý tha thiết muốn đặc đạo thành tiên, liền bịa ra râu răng:

- Bần đạo biết An Kỳ Sinh chưa thể thành tiên, còn tặng giấy cho người khác, tất đi chưa xa lắm. Tiếc rằng thực phẩm lương thực sắp cạn, thần không thể đi xa được, đành phải quay về Hàm Dương trình tâu với bệ hạ những gì đã thấy.

Thủy Hoàng lắc đầu cười nhạt bảo:

- Nhưng nội sử và thiếu phủ đều tâu với trẫm rằng họ đã từng hẹn người cùng đến bệ kiến quả nhân, người giả vờ đồng ý, nhưng đột nhiên bỏ trốn. Hôm nay lại dối trá lừa gạt, cho trẫm là người nhẹ dạ cả tin lắm sao?

- Bẩm sự thể khi đó cực kỳ nghiêm trọng đã khiến bần đạo sợ hãi lùi bước.

Từ Phúc hoảng hốt giải bày nỗi khổ của mình:

- Đúng lúc ấy Thuần Vu Việt, Hầu Sinh mạo phạm thiên nhan, bệ hạ nổi giận đốt sách chôn học trò, bần đạo đâu có gan tày trời mà dám mạo muội bệ kiến để chuốc lấy cái chết. Đành giữ lấy tấm thân tàn, trốn về biển. Đây là nỗi uẩn khuất khó bề tâu trình mà thần đã trốn tránh nhiều năm, kính mong bệ hạ minh xét!

Nghe Từ Phúc nói thế, Thủy Hoàng không nói gì nữa. Ông nhớ lại hình phạt nặng nề đốt sách chôn học trò năm nào, thật sự đã gây ra cho đám nho sinh và đạo sĩ tâm trạng nơm nớp hãi hùng, chỉ lo nguy khốn đến tính mạng, hèn nào ông ta không dám xuất đầu lộ diện gặp mình. Nghĩ tới đây, Thủy Hoàng không quở trách Từ Phúc nữa, giọng hòa nhã vui vẻ:

- Nói như thế thì không thể trách được, có điều không biết được hướng đi của An Kỳ Sinh thì thật là đáng tiếc.

- Bần đạo tuy biết chưa được bệ hạ tha thứ, nhưng đang khâm mệnh vua đâu dám quên, liền theo hướng thuyền dân man di đã chỉ tiếp tục đi mãi. Quả nhiên nửa tháng sau hấy xa xa lấp loáng có hình núi non, mờ mờ đèn sáng, chắc đó là bóng dáng đảo tiên, bần đạo nghĩ bụng phía trước chẳng còn bao xa nữa. - Từ Phúc càng miêu tả càng sinh động như thật, khiến Thủy Hoàng vô cùng thích thú.

- May mà nhà người không bỏ lỡ dịp, đã phát hiện ra được điều đó - Thủy Hoàng khen Từ Phúc và vốn vã hỏi - Nhưng không biết có đúng là nơi các tiên An Kỳ Sinh, Tiểu Môn hoặc Cao Thệ đến không?

Những điều Từ Phúc trả lời đã không thỏa mãn được ước ao của Thủy Hoàng, càng khiến ông thấy đáng tiếc. Từ Phúc liền nói:

- Đúng lúc thuyền của bần đạo theo gió rẽ sóng tiến về phía bóng đảo và ánh đèn, bỗng thấy phía đầu thuyền không xa lắm, sóng rẽ đôi ra và xuất hiện một vị thần biển nói với bần đạo rằng: "Người có phải là sứ giả của Tây Hoàng không?". Bần đạo trả lời: "Đúng". Thần biển lại hỏi: "Người đến đây để cầu xin gì?" Bần đạo liền trả lời: "Tìm các tiên Tiên Môn, Cao Thệ và xin thuốc sống lâu muôn tuổi". Thần biển nghe xong quở mắng bần đạo là phạm phu tục tử, si mê hão huyền. Bần đạo liền đưa cho thần biển xem thánh chỉ của bệ hạ. Thần biển xem xong cười khẩy: "Tần vương chỉ là vua ở đất nước ông ta, còn vùng biển mệnh mệnh của ta, quyền lực của ông ta làm sao tới được, thôi quay về đi!"

Thủy Hoàng nghe nói thần biển vô lễ khinh mạn như vậy, liền vội vã hỏi ngay:

- Hình dáng vị thần ấy người còn nhớ không?

Từ Phúc liền mô tả đúng như hình dáng con giao long:

- Hình dạng của vị thần này giống cá, thân to lớn, dài tới hai ba trượng, to bằng chiếc thuyền chài, lông bờm rậm và cứng, che kín cả mặt trời, trán mũi hếch lên trời như Tam Sơn Ngũ Nhạc, đuôi quẫy nước làm sóng dâng cao mấy trượng, mồm mũi phun nước, tiếng vang như sấm dậy, khiến bần đạo sợ hãi hồn xiêu phách lạc!

Thủy Hoàng nghe tả thấy rất giống con giao long đã bị mình giết, liền phấn khởi nói:

- Thủy quái đó giống như con giao long trẫm đã giết chết, nhà người gặp chắc là thần biển ấy đấy!

Từ Phúc lập tức tỏ vẻ vui mừng:

- Không ngờ bệ hạ cũng đã từng bị nó ngăn cản, nay đã đích thân diệt trừ, thì đốn Bồng Lai xin thuốc rất có hy vọng rồi. Đủ thấy bản đạo tới đây hôm nay là do ý trời sai khiến, phải một phen gắng sức nữa để tìm thuốc cho bệ hạ. Chuyến đi biển sắp tới này chắc chắn là sẽ làm tròn công việc, không phụ lòng trông cậy của bệ hạ.

Tới lúc này thì Thủy Hoàng không còn nghi ngờ gì, liền vui mừng bảo:

- Vậy thì hay lắm, nhưng không biết bóng đảo có ánh đèn mà người trông thấy là đảo nào trên biển?

Từ Phúc hớn hởi nói:

- Thần biển xem xong thánh chỉ liền nói với bản đạo: “Vua Tần đã thành tâm tìm tiên xin thuốc, thì phải dâng hậu lễ cho hải quốc ta đây, nay lễ mọn thế này, chỉ được xem thôi, không được lấy thuốc”. Nói xong, dẫn chúng thần đi về phía đông nam, tới núi Bồng Lai, xem cung điện Chi Thành, có sứ giả màu đông mà thân rồng, tỏa sáng rực rỡ. Thần có hỏi: “Muốn lên đảo quý cầu được tiên phải dâng những gì?” Thần biển nói: “Đông nam đông nữ ba nghìn, thêm thợ làm bách nghệ là được rồi”. Thế là bản đạo đem theo lệnh của thần biển, cam liểu tội chết, tới đây bệ kiến. Nếu thánh thượng tin thì chuẩn bị hậu lễ, thần nguyện vì bệ hạ, một lần nữa rong ruổi tới hải quốc, tìm đến đảo quý Bồng Lai, xin gặp các đại tiên Tiểu Môn, Cao Thệ, An Kỳ Sinh lấy tiên dược về cho bệ hạ. Việc thánh thượng thoát tục lên tiên, đi vào cõi trường sinh bất tử, e chẳng còn lâu nữa!

Nghe Từ Phúc mô tả thần biển coi giữ trên đảo Bồng Lai hình rồng sắc vàng, khớp với hình dáng Ngao Quảng mà mình đã mơ thấy ở vùng biển Lang Nha, Thủy Hoàng càng tin là thực. Lại nghĩ: Hải quốc có cương vực của họ, mình đến đó theo lý phải có công phẩm mới đúng. Thảo nào cái đêm khuya khoắt ấy một mình xông vào vùng biển Lang Nha chẳng chú ý gì đến tập tục, không tôn trọng chủ quyền của họ, nên mới xảy ra trận ác chiến. Nay đôi phương đã chủ động nêu ra việc dâng quà gặp mặt, đương nhiên là phải làm đúng như thế. Miễn là tìm được tiên, xin được thuốc trường sinh bất tử, thì cái giá phải bỏ ra đắt lớn hơn nữa cũng không được tiếc. Nghĩ thế, Thủy Hoàng liền mỉm cười đứng lên đỡ Từ Phúc dậy và lệnh cho quan lại Chi Phù đóng thuyền, chuẩn bị đủ vật tư và người theo yêu cầu của Từ Phúc.

Từ Phúc là người lắm mưu mẹo và suy nghĩ sâu xa. Vốn dĩ chỉ muốn lấy lòng Thủy Hoàng đã hứa hẹn tìm tiên xin thuốc cho ông ta, mong kiếm được nhiều của cải để sống sung sướng. Nào ngờ Thủy Hoàng lại sốt sắng với việc này như vậy, không những lo đủ số người, mà còn lệnh cho các quan lại chuẩn bị lương thảo, vàng bạc đủ chi dùng. Nhưng Từ Phúc đã không thực hiện được lời hứa, đang rơi vào thế cuội hổ. Thêm nữa, cả một đoàn người đông như thế ở mãi ngoài đảo vắng, miệng ăn như núi lở, đâu phải là thượng sách. Cho nên lần này quay về, Từ Phúc chỉ muốn dựa vào ba tác lược, liệu làm một chiêu cuối cùng. May thay, Thủy Hoàng vừa đánh thắng một trận hải chiến, giết chết được giao long, tạo cho ông ta một cơ hội tuyệt diệu. Sau một màn trình diễn ngẫu hứng tùy cơ ứng biến, Từ Phúc lại được Thủy Hoàng yêu thích và tin cậy. Từ Phúc mượn lời “thần biển”, đưa ra một kế hoạch quy mô với một chương trình đi biển dài ngày: đóng hơn năm mươi lâu thuyền để chở ông cùng mấy chục nho sinh và đạo sĩ, mấy trăm thợ bách nghệ như canh tác, y dược, gỗ đá, xây dựng, làm vườn, luyện kim, gò rèn..., ba nghìn đồng nam đồng nữ, tất cả vào khoảng bốn nghìn người, cùng với đầy đủ các loại nguyên liệu và công cụ, sách vở... Trong buổi đại lễ, Thủy Hoàng cùng các quần thần ra tận bãi biển tiễn đưa. Cận vệ cung đình và quân hồ bôn hát vang bài “Thơ tiên chân nhân”. Đoàn thuyền nhỏ neo tiến ra biển Đông, từ đó không thấy trở về nữa. Sách “Hậu Hán Thư – Đông di liệt truyện” ghi lại rằng: “Tương truyền Tần Thủy Hoàng cử đạo sĩ Từ Phúc đưa đồng nam đồng nữ mấy nghìn người ra biển tìm thần tiên ở Bồng Lai không được. Từ Phúc sợ tội chết, không dám trở về, liền ở lại đó, đời đời kế tiếp, có tới mấy vạn gia đình. Thời đó, dân đã đến ở Cối Kê, người huyện Đông Trĩ Cối Kê nói đã có người ra biển gặp bảo phiêu bạt tới Thiên Châu, nơi ấy xa lắm, không quay về được. “Thiên Châu” nơi đây chính là Nhật Bản. Trung Quốc từ triều nhà Hán bắt đầu thông thương với Nhật Bản, tới nhà Đường thì rất thịnh vượng. Kể từ đó đã bắt đầu nghiên cứu và khảo chứng tung tích đoàn thuyền do Từ Phúc dẫn đầu tại Nhật Bản. Các học giả Trung Quốc, Nhật Bản nhất trí cho rằng: Từ Phúc là người đầu tiên triển khai việc buôn bán trên biển và cũng là người đầu tiên xây đắp tình hữu nghị Trung Nhật, ông đưa văn hóa Trung Quốc tới Nhật Bản, cuối cùng định cư tại Nhật Bản. Hiện

nay trong nhân dân Nhật Bản có rất nhiều người là con cháu của Từ Phúc và của ba nghìn đồng nam đồng nữ theo ông tới đây. Vùng Terai Sura ở huyện Saga và núi Bồng Lai ở huyện Utama (Nhật Bản) được coi là nơi Từ Phúc đổ bộ lên Nhật Bản. Bia mộ của Từ Phúc được dựng ở thành phố Sinôgu Nhật Bản. Do đó có thể thấy đích thực là Từ Phúc đã lập nghiệp ở Nhật Bản, và hậu duệ đã có nhiều đời ở đây. Vào tháng tám hàng năm tại Nhật Bản đều tổ chức “Lễ tế Từ Phúc” linh đình để tưởng nhớ con người đã có những đóng góp quan trọng vào việc truyền bá văn hóa Trung Quốc, xây đắp tình hữu nghị Trung Nhật, thúc đẩy sự phát triển phồn vinh của Nhật Bản”.

Lại nói, Thủy Hoàng tiễn Từ Phúc xong thì trở về hành cung, cùng con trai Hồ Hợi và mấy vị trọng thần bàn luận về kết quả chuyến tuần thú này. Ông cảm thấy đặc ý nhất là đã xét xử mười mấy vụ án ở Tiền Đường, qua đó biết được thói dâm dật, tục cho thuê vợ tại các quận Ngô Việt và Mân Trung để chế định các pháp quy có liên quan, cho soạn văn khắc bia để phổ cập pháp chế và tăng cường giáo hóa. Nhưng sai lầm là việc đào kiếm ở Hồ Khâu, phí công vô ích, lại sa vào vết xe đổ mò đỉnh ở Tứ Thủy năm nào. Xem ra, cả tin vào lời đồn đại và hành động thiếu suy nghĩ vẫn là điểm yếu của mình, lãng phí bao tâm cơ lại mất hết uy tín. Sau này phải hết sức sửa đổi, tránh tái phạm. Điều khiến ông hài lòng nhất là việc yểm vàng ở Kim Lăng đã trấn áp được khí thiên tử, xua tan được lời sấm truyền “Tổ long năm nay chết”, việc nằm mơ đánh nhau với thần biển ở Lang Nha, việc giết chết cá kinh ở Chi Phù, đã thể hiện rõ uy lực của mình. Lại cả Từ Phúc chuyến này lại ra biển khơi, chắc chắn sẽ tới được Bồng Lai tiên đảo, gặp được các thượng tiên Tiểu Môn, Cao Thê và An Kỳ Sinh, tìm được thuốc trường sinh bất tử. Tới lúc đó, ông sẽ thật sự từ biệt những người thân và cận thần đã ngày đêm bên nhau mấy chục năm, để tới cõi siêu phàm thoát tục, vĩnh cửu yên vui. Đêm ấy vua tôi Thủy Hoàng tham dự bữa tiệc linh đình do huyện lệnh Chi Phù tổ chức, thưởng thức các tiết mục ca múa tưng bừng rộn rã ca ngợi công đức của nhà vua, rồi vui vẻ ra về.

Mục đích chuyến tuần du đã hoàn thành, vì phải liên tục hành trình trên biển để tìm diệt kinh ngư khiến Thủy Hoàng đã ở tuổi tri thiên mệnh thấy rất mệt mỏi. Theo lời can gián của quần thần, ông từ bỏ ý định tiếp tục du chơi trên biển, lên đường bộ để về. Nhưng vì vẫn lưu luyến với thắng lợi của trận hải chiến nên vào trước ngày từ giã Chi Phù về Hàm Dương, Thủy Hoàng đã tới bãi biển, phóng tầm mắt nhìn ra xa muông tượng lại khung cảnh hoành tráng đoàn thuyền đua nhau tiến lên quây đánh thần biển, tư thế dũng mãnh của mình đứng giữa đoàn quân chỉ huy tác chiến. Sau đó ông tới đứng trước bộ xương của con giao long. Ngư dân cho biết theo quy tắc đã thành thông lệ gắn một vạn cân thịt cá đã được chia cho những người tham gia trận đánh này rồi. Mỡ cá rán được hàng nghìn cân, huyện lệnh Chi Phù đem dâng tất cả cho Thủy Hoàng và tâu rằng mỡ cá tinh khiết, nhiều chất sấp là thứ dầu thấp sáng tốt nhất. Thủy Hoàng vui vẻ nhận, dặn Triệu Cao đem về Hàm Dương chỉ sử dụng cho tấm cung của mình, vì đây là chiến lợi phẩm giành được trong trận chiến ông đã đích thân chỉ huy. Ông nhìn bộ xương cá khổng lồ cao năm sáu thước, dài hai ba trượng, trong tay xoay xoay hai chiếc mắt cá to bằng nắm đấm, cười gằn nói: “Anh hùng một thời, mà nay chịu nằm đây?”. Đoạn đi thẳng tới lầu thuyền trong vịnh xem xét, kiểm tra tình hình sửa chữa những thuyền bị hư hỏng.

Rời khỏi lầu thuyền, Thủy Hoàng dọc theo bờ biển chậm rãi trở về, nhìn ánh chiều tà trên mặt biển, sóng lăn tăn ánh vàng rực rỡ. Xa xa khói sóng mịt mù, chẳng khác gì cảnh tiên mờ ảo, bóng núi thấp thoáng lúc mờ lúc ảo, lơ thợt điểm chút ánh sao, giống hệt ánh đèn trên đảo. Thủy Hoàng bất giác mơ tưởng, chắc hẳn các đại tiên Tiểu Môn, Cao Thê, An Kỳ Sinh trên đảo Bồng Lai lại đến vẫy gọi mình chăng? Ông rất muốn lại một mình ra biển như cái đêm ở Lang Nha. Nhưng lại nghĩ, đoàn thuyền Từ Phúc chắc chưa tới được đảo, vị thần rộng sắc vàng chắc chưa nhận được lễ vật và đồng nam đồng nữ, còn mình thì lại giết chết kinh ngư, nếu một mình mạo hiểm ra biển, nhờ gặp phải hải thần, mà nơi đây đã là vùng biển phía bắc thuộc lãnh địa của Long Vương biển bắc Ngao Tín, và bị trả thù thì khó bề chống đỡ. Cho nên hy vọng duy nhất là Từ Phúc sớm đến được Bồng Lai tiên đảo bái yết các đại tiên, xin được thuốc trường sinh bất tử, thì mình được giải thoát khỏi những đe dọa luôn rình rập chung quanh, giải thoát khỏi công việc chính sự phiền hà phức tạp và tâm trạng căng thẳng nặng nề, giao mọi quyền lực cho con để sống nhẹ nhàng thanh thản, chẳng còn thắng bại được mất, chẳng còn vương vấn bận bịu gì nữa.

Thủy Hoàng đang mơ màng với những ảo tưởng xa xôi thì trời bỗng nổi gió, mây ùn ùn kéo tới, thời tiết đột ngột thay đổi, một trận mưa dông sầm sập đổ xuống. Bãi biển trống trơn, chẳng có chỗ tránh, cận vệ theo hầu vội cởi khôi giáp mặc cho Thủy Hoàng, cho xa giá phi như bay về hành cung. Nhưng vì mưa gió ập tới quá nhanh, ông vẫn bị ướt sũng. Thái y Hạ Vô Thả vội sắc thang thuốc liều sai bổ để ông tăng nhiệt khu hàn. Thủy Hoàng uống thuốc xong trùm chăn kín nằm ngủ, tới nửa đêm tỉnh dậy vẫn cảm thấy lạnh, toàn thân run bần bật. Sợ bị ốm to lỡ ngày trở về Hàm Dương, Thủy Hoàng đưa tay cầm lấy nửa bình rượu còn lại để trên nóc giá sách đầu giường uống liền một hơi, hy vọng dùng rượu đẩy được cái lạnh ra ngoài. Rượu mạnh vào bụng quả nhiên cảm thấy người nóng hần lên, lát sau thì ngủ say sưa. Nào ngờ sáng sớm hôm sau, bệnh vẫn không lui, sốt rét tái phát, toàn thân run lên, răng nghiến chặt, mặt tái mét. Triệu Cao cấp tốc cho mời thái y đến. Hạ Vô Thả nhìn Thủy Hoàng, hỏi ngay nội thị hầu hạ đêm hôm ấy rằng bệ hạ uống thuốc rồi có ăn gì không? Nội thị trả lời sau khi thánh thượng ngủ, anh ta ngồi dựa vào kỹ án bên cạnh và cũng ngủ thiếp đi, mãi tới sáng mới tỉnh dậy, trong thời gian ấy không thấy có động tĩnh gì, cũng không cho thánh thượng ăn gì cả. Hạ Vô Thả kiểm tra các nơi đầu giường, thấy bình rượu đã hết, thì biết thánh thượng đã uống rượu mạnh, khiến bệnh có thể không phát ra nhưng lại nặng hơn. Đã hai tháng nay Thủy Hoàng vẫn liên tục tuần du trên sông biển, phong hàn xâm nhập vào gân cốt và tạng phủ, tích uất đã lâu, lại thêm trận sấm đui hải thần phải đi ngược chiều gió tới khi bắt giết giao long, nước biển trào vào trong thuyền khiến toàn thân ướt đẫm, mầm bệnh trong người càng tăng. Cũng may thắng lợi của trận hải chiến khiến Thủy Hoàng luôn ở trong trạng thái hưng phấn, thân nhiệt tăng lên, khí lạnh trong người lắng xuống, không bột phát được. Đêm qua bị thấm nước mưa, lạnh ngoài lạnh trong kết hợp khiến toàn thân lạnh giá, cho uống thang liều sai hồ cốt để tăng nhiệt khu hàn, giải bệnh không để đột phát. Nào ngờ thánh thượng muốn chóng lành bệnh đã uống rượu mạnh. Tuy nhất thời người có nóng lên, rượu có thể làm ấm dạ dày, thúc đẩy lưu thông khí huyết làm tăng thân nhiệt. Song khi hết hơi rượu, nhiệt lại giảm, không thể nào xua tan phong hàn tích uất đã lâu, và xuất hiện chứng hàn tích ở trong, xâm hại thể xác tinh thần, mạch hư khí đoản, muốn nhanh chẳng được mà kết quả lại trái ngược.

Thấy vậy, Hồ Hợi và các cận thân cuống quýt cả lên, xin thái y mau chóng cho uống thuốc để thánh thượng sớm khỏe lại. Hạ Vô Thả bảo nơi ở hiện giờ là bãi biển, khí hậu thay đổi thất thường, nhà vua lại bị cảm phong hàn, thì khó bề chữa nổi. Vì vậy bèn một mặt cho Thủy Hoàng uống thuốc ôn thể khu hàn, một mặt dùng sâm để nâng cao nguyên khí, sinh tân để thần. Khi bệnh tình đã thuyên giảm lập tức động xe khởi giá rời Chi Phù, lên đường theo hướng Tây về Hàm Dương.

Thủy Hoàng vốn tính tình hiếu thắng, xưa nay làm gì cũng tập trung tinh thần, quên ăn quên ngủ. Vì sức lực tập trung cao độ, thường ngày có một số bệnh tật cũng cảm thấy không đau đớn lắm, hoặc gượng vượt qua, ốm tới mức nào đó mới để thái y Hạ Vô Thả bốc thuốc. Bệnh thông thường thì chẳng có gì đáng ngại, nhưng với những bệnh mãn tính nguy hiểm nếu kéo dài, một khi đã nặng lên thì không thể chữa nổi. Thủy Hoàng do nhiều năm làm việc hăng say thiếu điều độ, lâu dần sinh bệnh tật, ông thêm tính nóng nảy hay cáu giận làm tổn thương gan, lại chẳng thêm để ý lời khuyên can của thái y, vẫn cứ nổi giận điên khùng để vùng gan thường đau đớn. Và mỗi khi như vậy nhà vua lại không chịu an tâm tĩnh dưỡng, uống thuốc theo lời thái y, mà lại có thái độ đối mình, đối người, trái lời thầy thuốc, không chịu chữa bệnh. Ông thường uống rượu ngà ngà say để quên đau đớn. Thậm chí bắt thái y Hạ Vô Thả cho uống thuốc kích dục hồi xuân để đến cung A Phòng hành lạc, xua tan cảm giác đau ốm. Làm như vậy tuy tạm thời quên được bệnh tật nhưng hiểm họa ngày càng lớn hơn, trầm trọng hơn và một khi vượt quá giới hạn, bột phát ra thì không thể cứu vãn được nữa. Cảm phong hàn đột ngột lần này, chỉ cần làm theo lời dặn dò của thái y, dùng thang thuốc lý trung bổ khí tăng nhiệt khu hàn, chữa trị từ từ bệnh sẽ lui dần. Nhưng ông lại muốn dùng độ mạnh của rượu để mau chóng khỏi bệnh, kết quả ngược hẳn lại, không những không trị được phong hàn, lại làm bột phát bệnh gan đã ấp ủ từ lâu, khiến ông không tài nào chống đỡ nổi. Mấy hôm đầu, do cảm mạo nên sốt rét sốt nóng cứ luôn thay nhau hành hạ, các chứng khác bị át đi, lại thêm ý chí kiên cường nên ông không cảm thấy có gì khó chịu. Thấy sốt đã thuyên giảm, ông yên tâm hơn chỉ nằm nhắm mắt dưỡng thần, những tưởng chờ cho nguyên khí hồi phục sẽ nhanh chóng khỏi bệnh. Nào ngờ lần này khác hẳn với những lần trước. Những năm gần đây ông bị kích thích quá

nhiều, quá nặng nề, tâm trạng căng thẳng kéo dài khiến các nội tạng trong cơ thể mất cân bằng, sức đề kháng với bệnh tật giảm sút nhanh, thế là từ cảm nặng chuyển sang bộc phát bệnh gan. Mấy hôm đầu, ông cố gắng nghiền răng nén đau, nhưng về sau đau càng dữ dội hơn, mấy lần ngất xỉu. Thái y Hạ Vô Thả vẫn tận tâm cứu chữa, nhưng biết là bệnh tình đã nguy kịch, điềm báo trước “Năm nay Tổ long sẽ chết” đã bắt đầu linh nghiệm rồi.

HỒI THỨ BA MƯƠI LĂM

ỨNG LỜI SÂM NGUYÊN, THỦY HOÀNG VONG MẠNG
SOẠN DI CHIÊU GIẢ, HỒ HỢI CHIÊM NGÔI

Cờ quạt pháp phối, xa mã giáp trụ toàn một màu đen, đám tùy tùng đông tới vạn người cùng đoàn xa giá dài tới mấy dặm rừng rùng rợn kéo về phía tây, nhấp nhô ngoằn ngoèo hết như một con rồng đen bướng bỉnh bất kham. Đoàn xa mã chạy qua, bụi đất bốc mù mịt chẳng khác gì mây đen ùn ùn vờn quanh rồng đen, tiếng bánh xe lăn vang âm âm như sấm dậy. Cảnh tượng mây cuốn theo rồng, trời rung đất chuyển ấy là cảnh uy nghi hùng tráng của đoàn xa giá Thủy Hoàng trên đường hồi kinh. Chỉ mấy ngày đoàn xe đã đến bến Bình Nguyên của nước Tề cũ (nay ở phía Nam huyện Bình Nguyên, Sơn Đông). Khi qua sông, Thủy Hoàng cố nhòm người dậy qua khe hở rèm xe nhìn sóng cuộn cuộn dưới thuyền liền nghĩ tới lý luận “Tần là đức thủy” do chính ông xác định. Lý luận này ông suy diễn từ lý thuyết về quan hệ giữa ngũ hành và ngôi báu của Trâu Diễn, nhà phong thủy thời kỳ Chiến Quốc: Hoàng đế có đức thổ, thì rồng vàng hiện ra trên mặt đất. Hạ có đức mộc, rồng xanh dừng lại ở ngoại đô, cây cỏ tốt tươi. Ân có đức kim, bạc đầy rẫy từ núi ra. Chu có đức hỏa có ẩn phù chim đỏ. Nay Tần tiếp theo Chu, là vạn vào đức thủy. Ngày xưa Văn Vương đi săn, bắt được rồng đen, đây là điềm lành của đức thủy. Xem ra mình là con rồng đen ấy rồi, nhưng tại sao lại tự xưng là “Thủy Hoàng đế” nhỉ? Nay chữ “Thủy” đã thành ra chữ “Tổ”; “Tổ long năm nay sẽ chết”, lời sấm này là lá bùa dòn “Thủy Hoàng đế” ta vào chỗ chết?... Nghĩ tới đây Thủy Hoàng tự nhiên thấy đau trong bụng, thần trí hôn mê và bất tỉnh ngay tại chỗ ngồi. Thái y Hạ Vô Thả theo hầu bên cạnh vội vả bấm nhân trung, cho ngửi xạ hương, uống nước sâm, Thủy Hoàng mới dần dần hồi tỉnh. Cảm giác đau ở phần bụng phía bên phải ngày càng kịch liệt khiến người ông quằn quại. Hạ Vô Thả biết rõ bệnh tình càng nguy kịch thì càng phải nằm bất động, không thể để bị xóc được. Ông cùng Lý Tư, Triệu Cao, Mông Nghị khuyên Thủy Hoàng dừng xe lại để chữa bệnh. Thủy Hoàng tự biết bệnh tình rất nặng, nhưng một là tin rằng mình vẫn còn có thể gắng gượng được một thời gian nữa, hai là chỉ sợ băng hà trên đường đi thì quả là bất hạnh quá, hai vua Thuấn, Vũ đều ốm chết trên đường đi tuần thú. Lặng mộ các ông thật cô đơn lạnh lẽo. Mình một đời oanh liệt, làm sao lại chết trên con đường lạnh lùng vắng lặng thế này được? Cho nên ông không nghe lời khuyên can, dứt khoát cho xe tiếp tục đi. Quân thần không dám trái ý, đành phải lặng lẽ theo xe của Thủy Hoàng, tiếp tục đi giữa cái nắng mùa hè nóng bỏng, lòng dạ như thiêu đốt còn khốn khổ hơn cả nắng nóng trên đường. Đã nhiều lần thái y Hạ Vô Thả và mấy cận thần muốn tâu bày sự thực với Thủy Hoàng rằng bệnh của thánh thượng không thể cứu vãn được nữa rồi. Nhưng Thủy Hoàng tính tình hung bạo, tình cảm lại yếu đuối, hơn nữa lại rất ghét người ta nói tới chữ “chết”, nên mọi người đều không dám nói ra chuyện đó với ông; cùng lắm cũng chỉ nhe nhào tâu rằng: “Bệnh tình bệ hạ trầm trọng, nên nghỉ lại để chạy chữa là tốt nhất!”. Thủy Hoàng sốt cao hoài, đầu đau muốn vỡ ra, tâm thần bất định. Sau nhiều lần khuyên can của quân thần, đành miễn cưỡng gật đầu. Lý Tư lệnh cho đoàn xe đi chậm lại, quan sát dọc đường, tìm một nơi thích hợp gần nhất để cả đoàn người ngựa được nghỉ ngơi, để Thủy Hoàng được nằm yên, chữa trị tốt hơn, mong kéo dài thêm một thời gian nữa.

Đoàn xa giá cũng như bị ốm, tiếng trục xe òng ọc cọt két âm ỉ, tiếng thở gấp gấp, tiếng ngựa phì phì dưới cái nắng gay gắt, người và ngựa uể oải nặng nhọc kéo đi trong bụi vàng mù mịt. Mọi người nóng lòng sốt ruột nhìn quanh bốn phía, mong tìm được chỗ để cả đoàn người ngựa dừng chân. Quả nhiên, cách không xa phía trước bên phải có một sân bằng phẳng rộng rãi và một quần thể kiến trúc đồ sộ, mọi người phút chốc vui vẻ hẳn lên, tăng nhanh tốc độ. Đến nơi xem, thì ra là nền cũ của hành cung Sa Khâu (đồi cát) của nước Triệu xưa. Quân thần sững sờ, Thủy Hoàng càng tỏ ra hãi hùng, định lập tức ra lệnh quay xe đổi hướng, thì nhìn thấy một đám trẻ con đang nghịch. Tướng sĩ bèn hỏi đường, lũ trẻ ngây thơ trả lời: “Vùng này rộng dài mấy chục dặm đều là cồn cát, không có lối đi nào khác”. Thủy Hoàng bệnh đã quá nặng, không chịu nổi xe xóc nữa, liền khoát tay thều thào bảo: “Chẳng cần đi đâu nữa, nghỉ tại đây thôi”. Tất cả làm theo, dừng lại ở cung Sa Khâu, đưa Thủy Hoàng vào một gian tẩm thất mát mẻ, tránh được cái nắng nóng dữ dội bên ngoài, có lợi cho việc hạ bớt thân nhiệt, điều hòa bệnh tình. Hết bị xe xóc mệt mỏi, nằm trên giường bằng phẳng thư thái, bệnh tình Thủy Hoàng có phần thuyên giảm, tinh thần

cũng tỉnh táo hơn. Nhìn trò chơi đắp cồn cát của đám trẻ vừa rồi, ông nghĩ tới mình đang ốm nằm trong hành cung Sa Khâu, nhớ lại sấm ngũ trên vách mộ Khổng Khâu ở Khuyết Lý: “Tần Thủy Hoàng, sao dám bạo ngược, mở cửa nhà ta, chiếm lấy giường của ta, uống rượu của ta, nhổ bọt vào nhà ta, đi tới Sa Khâu người phải chết!” sao lại linh nghiệm đến từng chi tiết như vậy, rút cục tại sao lại đến nông nỗi này? Nhìn vào thành bại được mất gần bốn mươi năm làm vua của mình, tiêu diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ, chấm dứt tình trạng chư hầu hỗn chiến mấy trăm năm, rõ ràng đây là thành tích vĩ đại chưa từng có xưa nay; xe đi cùng một đường, chữ viết cùng một thứ, hành cùng một đạo, đánh đuổi Hung Nô, giữ nước yên dân, vỗ về các nức man di bốn phía, hẳn cũng là công lao văn võ nghìn năm sáng mãi. Cả như việc thực hiện chế độ quận huyện, di dời phú hào, dân đen có ruộng, tức là thực hiện biện pháp chủ trương trung ương tập quyền, ổn định xã hội, thi hành pháp trị, phần vinh kinh tế, tất cả đều giành được thắng lợi có tính quyết định và hiệu quả rõ rệt... Vậy mà vì sao vẫn có nhiều thế lực đối địch như vậy? Chúng dùng đủ mọi cách chống lại mình trên mọi mặt như vậy? Ngẫm ngọn nguồn và ý nghĩa của những lời sấm ngũ rõ ràng không phải xuất phát từ ân oán cá nhân, mà là do mình đã làm dân chúng căm giận! Trước hết là việc đốt sách chôn nho. Hơn tám trăm kẻ sĩ đã bị chôn sống thê thảm. Tổ tông của họ Khổng Khâu làm sao mà không căm phẫn, không nguyên rửa mình? Lại còn chuyện phóng hỏa đốt Tương Sơn, chửi bới sỉ nhục con gái vua Nghiêu, hậu phi vua Thuấn, đốt thành tro bụi tất cả. Ta thật sự quá nông cạn, quá hẹp hòi!

Thủy Hoàng cho vời Mông Nghị tới, chân thành nói với các vị lão thần tâm phúc:

– Ta muốn lại tới lăng vua Nghiêu và Tương Sơn cúng tế vua Nghiêu và hai bà hậu phi Nga Hoàng, Nữ Anh, nhưng ta đã ốm đến thế này, Triệu Cao phải lo chăm sóc ta, Lý Tư phải thay ta trông coi chính sự, chỉ còn biết nhờ khanh làm thay ta việc này thôi.

Mông Nghị thấy nhà vua thành khẩn tha thiết, biết là lời lẽ tâm can của nhà vua, nhưng lúc này mà đi e không còn cơ hội gặp lại, cảm thấy đau đớn trong lòng, nước mắt lưng tròng, nghẹn ngào nói với Thủy Hoàng:

– Xin bệ hạ yên tâm chữa bệnh, tạm ngừng việc chính sự, vi thần xin thay bệ hạ cúng tế núi sông, làm xong xin về phục mệnh, hầu hạ bệ hạ, cùng về Hàm Dương. – Nói xong quỳ lạy, nước mắt như mưa, quay người lên ngựa, đi ngay tới lăng vua Nghiêu (nay ở đông nam huyện Bộc Sơn Đông).⁶

Sai Mông Nghị đi rồi, Thủy Hoàng như cảm thấy đã làm xong một điều tâm nguyện quan trọng, trong lòng thấy yên ổn hơn, liền nhắm mắt dưỡng thần, dựa vào gối thiếp đi. Ông muốn lánh mình vào cõi hư không quên hết mọi công tội, vinh nhục, họa phúc, chẳng còn vui buồn, chẳng còn oán hận luyến tiếc. mặc cho tử thần đến đón tới một thế giới khác. Nhưng mấy chục năm nay chìm đắm trong quyền thế lợi lộc công danh, nỗi đam mê dồn đọng lại quá dày, quá sâu, tới giờ phút cuối cùng giữa cái sống và cái chết, Thủy Hoàng không những chẳng quên nỗi, ngược lại suy nghĩ càng lung. Từ những dấu vết lịch sử của cung Sa Khâu nơi ông đang nằm dưỡng bệnh, Thủy Hoàng nghĩ đến Trụ Vương nhà Ân, Thương mất nước, xây dựng nên rừng thối ao rệu tại đây, hoang dã vô đạo, sủng ái con yêu tinh Đát Kỷ, giết chết trung thần Tỷ Can, tàn hại sinh linh, xâm lược khắp nơi, kết quả bị Chu Vũ Vương đánh bại, tự thiêu mà chết. Lẽ nào nay ta lại đi vào vết xe đổ của ông ta sao? Rồi ông nghĩ tới mình đã xây dựng lăng mộ Lệ Sơn, cung A Phòng, tàn sát trung phần, phi tần sáu nước, giết cả làng có thiên thạch rơi xuống, thi hành hình pháp khắt khe, lao dịch nặng nề... Thế nên trời căm giận giáng tai giáng họa, dân tình thù oán. Đúng như sách “Thượng thư – Thông Thệ” đã nguyên rửa: “Tàn hại kéo dài, ta và người đều chết”. Dân đã muốn liều chết cùng ta thì đâu ta có lều son gác tía, bạc vàng châu báu, há đâu được một mình hưởng thú vui? Xem ra ta đã ở vào thế muôn dân chống lại, người thân tử bỏ rồi. Lộng thần Ưu Chiên từng khuyên can ta: Chỉ có người không thích giết người mới thống nhất được thiên hạ, sao ta lại không nghe theo nhỉ? Sao cận thần tả hữu lại chẳng bao giờ nhắc nhở ta, cứ mặc cho đất nước vừa mới bình định được mấy năm lại rơi vào nguy cơ bị chia năm xẻ bảy? Xem ra các trọng thần ta tin cậy nhiều năm, chẳng qua chỉ là một lũ gian nịnh, lừa dối để lấy lòng, chẳng dám nói lời trung nghĩa, để giữ lấy con đường tước lộc, đã cam tâm vất bỏ vận nước mạng dân, vậy mà ta lại tin cậy họ, dựa vào họ tới mức nói gì cũng nghe theo. Tới bây giờ, có tình ngộ lại thì cũng đã muộn rồi, sao không khiến người ta đau lòng khổ sở, muốn khóc cũng chẳng còn nước mắt nữa!

Đúng lúc Thủy Hoàng đang tự trách mình về những lỗi lầm và cảm thấy vô cùng đau khổ thì Lý Tư, Triệu Cao thắp đèn Hồ Hợi tới thăm hỏi bệnh tình. Thủy Hoàng đã chẳng còn chút cảm tình nào với Lý, Triệu, thấy bực bội trước vẻ khúm núm xun xoe của họ, bèn lắc đầu xua tay, bảo họ lui ra, chỉ giữ con nhỏ Hồ Hợi lại bên mình. Thủy Hoàng nằm ngửa, cố nén những cơn đau trong bụng và trên đầu, gương mặt đã đỏ đẫm, âu yếm nhìn đứa con trai nhỏ đang đứng trước mặt và chợt nghĩ tới một chuyện lớn cực kỳ trọng đại: Do ông độc đoán chuyên quyền và đa nghi đa kỵ, tuy có “hơn vạn gái đẹp hậu cung” và hơn hai mươi người con trai nhưng chưa lập thái tử (Trong sử sách chỉ ghi “thê thiếp...” mà không có họ của hoàng hậu, có thể thấy Thủy Hoàng không chính thức sách phong hoàng hậu). Vì vậy, tới lúc sắp trút hơi thở cuối cùng này, ông mới nghĩ tới chuyện truyền ngôi cho ai. Tại hành cung Sa Khâu của nước Triệu xa xưa này ông nhớ lại một bi kịch lịch sử. Ngược dòng lịch sử hơn 190 năm trước, Triệu Võ Linh Vương vốn là một ông vua có tài cai trị đất nước đã đánh bại Hung Nô nhưng lại không quyết đoán trong việc lựa chọn thái tử, dẫn tới cảnh cha con thâm thù, anh em hiềm khích bị vây hãm trong cung Sa Khâu, cơ khổ một mình, chẳng có cái mà ăn, một đời quân vương rút cục bị chết đói. Vết xe đi trước là bài học cho người sau. Giờ đây Thủy Hoàng cũng đang đứng trước vấn đề khó khăn là giao phó giang sơn xã tắc lại cho ai. Theo tình thân sơ yêu ghét, ông rất có thể truyền ngôi cho Hồ Hợi, đứa con nhỏ của ông đang ở đây. Song thầy dạy của Hồ Hợi lại là Triệu Cao, một người trước đây ông đã từng hết sức tin cậy nhưng nay thì ông không còn tin nữa, vì thế Thủy Hoàng không thể không suy nghĩ thận trọng. Nếu Hồ Hợi kế vị làm vua tất sẽ bị Triệu Cao nắm trong tay rồi sẽ lại diễn ra bi kịch chính trị bạo ngược, hình phạt nặng nề, hại nước hại dân, trăm họ chống lại, người thân xa rời, trời giận dân oán. Cơ đồ suốt đời mình gây dựng, công lao mình khai sáng, tất sẽ chẳng còn gì và phút chốc sẽ tan tành. Vì vậy, lập Hồ Hợi làm thái tử chẳng khác gì gửi gà con cho diều hâu, tự tìm lấy diệt vong mà thôi!

Nghĩ đi nghĩ lại mãi cuối cùng Thủy Hoàng tuy đau khổ nhưng thoát ra được cái định kiến đã có hàng mấy chục năm nay chuyển hướng chọn người kế vị sang người con trưởng đã bị ông ta xa lánh nhiều năm, đó là Phù Tô. Khi mây mù thành kiến bị xua tan, ông đã nhìn thấy phẩm chất và ưu điểm tốt đẹp của Phù Tô. Trước hết, nó giống tiên phụ Tử Sở của mình, cũng là một người con bị ruồng rẫy thất sủng, không có những thói xấu và tính kiêu căng như các hoàng tử khác. Ưu điểm là thực thà kiên nghị, tự cường hăng hái, hơn nữa tính tình thuần hậu, hiếu học và yêu người, siêng năng rèn luyện, cần mẫn thẳng thắn. Đặc biệt là tôn sùng Nho học, chủ trương nhân chính, quan tâm tới nỗi thống khổ của dân, sống liêm khiết, được trong triều ngoài nội ủng hộ. Tuy chưa được sách phong, nhưng đông đảo thần dân đều tôn xưng nó là “thái tử điện hạ”. Khá nhiều người trong hoàng tộc và đại thần, nhiều lần khuyên mình lập nó làm thái tử, nhưng bị bọn gian nịnh gây khó khăn và xúi bẩy, cộng với thiên kiến của mình, không những đã không nghe lời nói phải, lập Phù Tô làm thái tử, giao phó vận mệnh đất nước và con dân cho nó, kế thừa đại nghiệp còn dang dở của mình; ngược lại đã biếm truất đưa ra khỏi cung, đi xa tận biên ải Cửu Nguyên, chịu nhiều phong sương lao khổ. Nghĩ lại làm cha như mình thật sự là có lỗi với đứa con này! Điều đặc biệt đáng quý là, Phù Tô ở vào nghịch cảnh vẫn tự mình rèn giũa, nhẫn nhục gánh vác, ra sức làm việc, phò tá tướng Mông Điềm chỉ huy xây đắp Trường thành, ngoài chống Hung Nô, trong yên dân chúng, làm cho vùng đất đai rộng lớn các quận Cửu Nguyên không còn nghe thấy tiếng trống chiến trận, mà luôn vang tiếng đàn ca yên vui. Nó đã nhiều lần dâng biểu khuyên can mình phải thi hành nhân chính với dân, giảm nhẹ lao dịch và sưu thuế, không lãng phí, để cao liêm khiết. Nó đặc biệt quan tâm tới sức khỏe của mình và thân thiện với các em... Lời nói của nó chân thành sâu sắc, hiếu với cha, yên mến các em, tỉnh táo trước những hiểm họa, thương dân lo cho đất nước. Ta tin rằng, phó thác giang sơn đại Tần cho Phù Tô, nó nhất định sẽ lo toan được chính sự, yêu nước thương dân, mang tài trí ra cai trị đất nước. Nhất là sẽ tôn sùng Khổng Mạnh, trọng dụng nho sinh, để nho sinh được vỗ về an ủi, để họ như muôn sao vây quanh mặt trăng, trăm chim châu phượng hoàng, phò tá cho vị vua hiền minh này, cứu vãn lòng dân mà ta đã để mất, bảo vệ giang sơn đại thống nhất mà ta đã tốn bao công sức mới có được. Qua nhiều năm đích thân làm việc, Phù Tô đã có đầy đủ tài năng chỉ huy quân lính, lại được sự hợp tác chặt chẽ thân thiết của tướng Mông Điềm, nhất định chống được Hung Nô, để giang sơn vững bền mãi mãi. Và lời sấm ngữ của tên yêu đạo Lư Sinh “Vong Tần giả tất Hồ dã” sẽ hoàn toàn tan biến... Nghĩ tới đây, mạch suy nghĩ của Thủy Hoàng chợt dừng lại ở

chữ “Hô” trong câu sấm ngữ. Lâu nay Thủy Hoàng chỉ nghĩ chữ “Hô” này là ám chỉ bộ lạc Hung Nô ở giáp biên giới phía Bắc, luôn đến xâm phạm quấy nhiễu biên cương, tính cách dân tộc này hung hãn, ham chiến thiên chiến, lâu nay nhòm ngó Trung Nguyên, đã tâm tiêu diệt nhà Tần rõ như ban ngày. Nhưng rất nhiều liên tưởng lúc này đã khiến ông ý hiểu ra chữ “Hô” trong sấm ngữ có quan hệ đến Hồ Hợi. Vậy là đứa con nhỏ Hồ Hợi sẽ trở thành mối nguy hiểm nhất. Vì nó quá yếu hèn, ích kỷ, nhất là nhiều năm được nịnh thần Triệu Cao dạy dỗ, chờ mình hai tay buông xuôi về châu trời, nó sẽ rơi vào vòng tay Triệu Cao để mặc cho lão chi phối, thao túng và Hồ Hợi chỉ còn là một “ông vua trẻ con” bảo sao nghe vậy. Nếu không vờ ý Triệu Cao, lão sẽ rất dễ dàng đứng ra thay thế ngay. Dù kết cục thế nào, thì nước đại Tần của ta sẽ mất bởi tay “Hô” rồi! Nếu thực sự như vậy, thì sấm ngữ “vong Tần giả Hồ dã” đã nói quá rõ ràng rồi. Nhưng Thủy Hoàng để là người đã khai sáng ra thế cục đại thống nhất thiên hạ này, chỉ cần còn một hơi thở cũng quyết không thể để cho sấm ngữ ứng nghiệm. Sự chọn lựa duy nhất là lập con trưởng Phù Tô làm thái tử, thừa kế cơ nghiệp của mình. Phù Tô đã kết giao thân thiết với Mônghiêm, nhất định phối hợp chặt chẽ với nhau chống lại Hung Nô, phá tan họa “Hô” bên ngoài. Phù Tô lại có thể đoàn kết các lực lượng chính nghĩa trong hoàng tộc và triều đình, ngăn chặn và đàn áp họa “Hô” bên trong của bọn nghịch tử loạn thần muốn cướp đoạt chính quyền, bảo đảm chắc chắn cho giang sơn đại Tần bất vong bất bại. Thủy Hoàng thật không hổ thẹn là anh hùng một thời vào lúc gần đất xa trời, vẫn suy nghĩ sâu sắc, giải thoát mình khỏi những trói buộc, tình ngộ hối cải, gạt bỏ sai trái quay lại chính nghĩa, khiến con thuyền vận nước mệnh dân bị chính mình làm cho sắp chìm, trở lại con đường đi đúng hướng, vẫn trở được đất nước đại Tần tiếp tục vững vàng đi lên. Quyết định như vậy, Thủy Hoàng bèn bảo Hồ Hợi đi gọi Triệu Cao đến ngay và dặn con tạm thời tránh mặt. Hồ Hợi đau khổ quay đầu nhìn gương mặt xám ngoét của cha rơi nước mắt ra khỏi tấm cung.

Triệu Cao được Hồ Hợi truyền chỉ, vội vã vào tấm cung tới trước giường thăm hỏi bệnh tình thánh thượng, thấy mạch yếu, hơi thở ngắn gấp, mắt đờ đẫn, môi khô se, biết đã nguy kịch rồi, bất giác đau lòng rơi lệ khóc không thành tiếng. Thủy Hoàng tuy đã sắp tắt thở, mừng rằng đã có quyết sách, cố gượng không để lộ vẻ bi thương, vẫn bình tĩnh nói:

- Ta tự biết mình không sống lâu, khóc cũng vô ích, đừng quá bi thương!

Triệu Cao nghẹn ngào hỏi nhà vua có di chúc lại gì không, Thủy Hoàng bảo ông ta mau đem nghiên bút ngọc tỳ đến. Triệu Cao là Trung xa phủ lệnh kiêm quản ngọc tỳ, vội cấp tốc mang đến, trái tâm lụa lên cạnh giường bên tay ông, Thủy Hoàng gắng gượng nghiêng người dậy, đón lấy bút lông, chấm mực, run rẩy viết di chiếu cho con trưởng Phù Tô lên tâm lụa. Chiếu viết: “Giao quân lại cho Mông Diêm về Hàm Dương làm tang lễ và chôn cất”. Viết xong, ngẩng nhìn một lát mới đưa trả bút Triệu Cao, nhìn Triệu Cao ấn dấu ngọc tỳ gấp di chúc, buộc đai dây thao, xong mới yên tâm nằm xuống. Ông trịnh trọng nghiêm trang bảo Triệu Cao lập tức cử ngay khinh kỵ đưa tới cho con trưởng Phù Tô tại đốc quân Thượng quận, đích thân đọc và dặn lĩnh cửu loan giá ngay sau đó tới Cửu Nguyên hội hợp với Phù Tô, rồi về Hàm Dương tổ chức tang lễ. Nói xong ngả người nằm xuống, hơi thở yếu dần và ngừng hẳn, hai mắt từ từ khép lại, tim ngừng đập. Tần Thủy Hoàng con người kiêu hùng một thời đã sáng tạo nên công lao vĩ đại chưa từng có trên đời, đã gây ra bao thảm án oan nghiệt muôn đời còn mãi, đã tận hưởng mọi vinh hoa phú quý, mọi lạc thú tinh thần và thể xác đã vỡ mộng thoát tục nên tiên và trường sinh bất tử đã hối tiếc vô hạn về sự nghiệp chưa xong, đang tha thiết trông chờ vào con trưởng Phù Tô, trên đường đi tuần du đã băng hà ở hành cung Sa Khâu của nước Triệu cũ. Chấm dứt một cuộc đời đầy màu sắc thần kỳ, đậm ý nghĩa lịch sử và cũng rất giàu giá trị nghiên cứu. Hưởng thọ năm mươi tuổi, mất vào ngày Bính Dần tháng bảy năm Thủy Hoàng thứ ba mươi bảy (năm 210 trước Công nguyên).

Triệu Cao theo hầu Thủy Hoàng hơn hai mươi năm, ân sủng vinh hoa hưởng gấp bội phần. Giờ đây Thủy Hoàng băng hà, sinh ly tử biệt, dĩ nhiên ông vô cùng đau thương, nhưng vội bình tĩnh kìm chế tình cảm suy nghĩ tới mình phải cùng Hồ Hợi mưu việc thành bại, vinh nhục cùng nhau, bằng không thì tình thế và tiền đồ từ nay về sau rất khó lường. Vì vậy, nhất định phải làm ngược lại di chiếu, thừa lúc sơ hở, rồi ren mà giành lấy thắng lợi. Ông giấu kín ngọc tỳ và di chiếu Thủy Hoàng viết cho con trưởng Phù Tô, sau đó báo cho Hồ Hợi biết Thủy Hoàng đã chết. Hồ Hợi gục người trên thi thể phụ hoàng khóc lóc thảm thiết. Triệu Cao vội ngăn lại, thánh thượng chết trên đường đi nơi đất lạ. Nếu tin

này lan ra e rằng hoàng thất và quân đội nảy sinh náo loạn, tình hình sẽ rất khó kiểm soát.

Hồ Hợi vội nén đau thương lau nước mắt, vái ông ta xin kế sách. Triệu Cao liền gọi cho thừa ượng cùng mấy cận thân, thái giám đã thay nhau trông nom lúc vua đau ốm đến báo tin Thủy Hoàng đã chết. Lý Tư chủ trương giữ bí mật không phát tang để thi thể Thủy Hoàng nằm trong xe, tiếp tục theo hướng Tây về Hàm Dương. Các quan có việc trình tâu và dâng đồ ăn uống, vẫn làm theo phương thức và trình tự như lúc còn sống, do thái giám thị vệ tiếp nhận và xử lý. Khi mọi việc thu xếp xong xuôi việc ám muội lấy chết thay sống chưa bại lộ, tâm trạng của quần thần và tướng sĩ theo hầu ổn định, Triệu Cao mới nói với Hồ Hợi:

– Thánh thượng băng hà không để lại di chiếu phong hoàng tử nào làm thái tử, chỉ có một phong thư đích thân viết cho con trưởng Phù Tô. Phù Tô nhận được thư, sẽ danh chính ngôn thuận kế vị làm hoàng đế còn công tử thì chẳng được một tấc đất, bây giờ phải làm sao đây?

Hồ Hợi bảo:

– Thì cứ làm như thế thôi. Tôi nghe nói, đức vua anh minh hiểu bề tôi của mình nhất, người cha sáng suốt hiểu con mình nhất. Phụ hoàng đã băng hà, đối với các con không có sắc phong gì cả tôi còn biết nói thế nào.

Triệu Cao nham hiểm nói:

– Không phải như vậy đâu. Bây giờ quyền bính đất nước còn hay mất do công tử quyết định. Thần và thừa tướng Lý Tư mong công tử phải suy nghĩ thận trọng. Huống hồ, việc làm chủ bề tôi hoặc làm bề tôi cho người khác, cai trị người ta hay bị người ta cai trị, há chẳng đã rõ như ban ngày đó sao?

Hồ Hợi nói:

– Phế truất huynh trưởng để em lên làm vua là việc làm bất nghĩa; không có chiếu lệnh của phụ hoàng mà làm trái là thể hiện bất hiếu; tài năng kém cỏi mà cướp công người khác là hành vi vô đạo; ba việc đó đều trái với đạo lý, sẽ khiến thiên hạ không phục, bản thân sẽ rơi vào nguy khốn, xã tắc sẽ nghiêng ngả, như vậy chẳng phải là hủy hoại cơ nghiệp tổ tông hay sao?

Triệu Cao nói:

– Thần nghe nói, Thương Thang và Chu Vũ Vương đều giết vua của mình. Thiên hạ khen họ đã làm việc đại nghĩa, biết lo cho đất nước. Vua Vệ giết cha, trong triều ngoại nội đều cảm phục ơn đức. Khổng Tử viết sách ghi chép việc này, đã không nói họ bất hiếu. Vì thế, phạm những việc quan hệ tới quốc gia đại sự, đều không cần quá chấp nê nhỏ nhặt, tự mình có đức cao, gặp được thời cơ không nên khiêm nhường. Mọi việc trên đời đều phải biết thích nghi, công lao của trăm quan đâu có hoàn toàn giống nhau, cho nên chú ý việc nhỏ mà quên việc lớn thì hậu họa sẽ rất nhiều; trừ trừ không quyết đoán, do dự không dứt khoát thì sau hồi không kịp. Hành sự quyết đoán thì quý thân cũng sợ hãi lánh xa, nghiệp lớn chắc chắn thành công. Mong công tử làm theo đề nghị của thần.

Hồ Hợi thở dài nói:

– Nay việc tang của phụ hoàng còn chưa bố cáo, tang lễ còn chưa cử hành, sao lại có thể đem việc này đến làm phiền thừa tướng được?

Triệu Cao nói:

– Thời gian gấp gáp, giây phút cũng không được chậm trễ, trừ trừ một chút là không kịp đâu? Nhân lúc trong tay còn đầy đủ xe mã, quân mạnh, lương thực dồi dào, phải nhanh chóng ra tay, bỏ lỡ thời cơ là hỏng tất cả!

Triệu Cao sau khi thấy Hồ Hợi bị những lý lẽ và cơ mưu của mình thuyết phục, đã thuận nghe theo bèn dẫn thêm bước nữa:

– Đại sự thế này, không bàn bạc với thừa tướng, không thể thành công được, thần sẽ thay công tử đi bàn mưu với thừa tướng để cùng làm việc này.

Vào một đêm khuya dừng chân nghỉ lại, Triệu Cao mời thừa tướng Lý Tư vào một

phòng kín đáo, vẻ nghiêm nghị nói:

– Thánh thượng có đích thân viết một phong thư mật để lại cho con trưởng Phù Tô bảo đến Cửu Nguyên đón linh cữu, rồi tới Hàm Dương chủ trì tang lễ, sau đó lập làm thừa tự, kế thừa ngôi vua. Phong thư này chưa đưa đi thì thánh thượng đã băng hà. Thư viết cho con trưởng Phù Tô và Vương Phù ngọc tử vẫn còn ở chỗ Hồ Hợi. Việc định ai làm thái tử, nhân lúc chưa ai biết nội tình, chỉ một câu nói của ông và tôi là xong.

Lý Tư bèn trách mắng Triệu Cao:

– Sao ông lại dám nói ra những lời thoán nghịch mưu toan cướp ngôi hại nước như vậy được. Đây không phải là việc của những kẻ bề tôi như ông và tôi được bàn bạc!

Triệu Cao nghiêm giọng nói với Lý Tư:

– Xin thừa tướng tự mình lượng sức. Thừa tướng có sánh nổi Mông Điềm hay không? Công lao có bằng Mông Điềm hay không? Suy nghĩ sâu xa và chín chắn có sánh bằng Mông Điềm không? Được khắp thiên hạ ủng hộ có bằng Mông Điềm không? Cảm tình với con trưởng Phù Tô có bằng Mông Điềm không?

Lý Tư buồn rầu trả lời:

– Cả năm mặt ấy tôi đều không bằng Mông Điềm. Nhưng sao ông lại nghiêm khắc trách móc tôi như vậy?

Triệu Cao rất tự tin nói với Lý Tư:

– Triệu Cao tôi chẳng qua chỉ là tên đầy tớ trong nội cung để người ta sai bảo. Cũng may nhờ tinh thông pháp luật và chữ nghĩa nên được vào cung đình nước Tần, coi sóc công việc nội cung đã hơn hai mươi năm nay. Chưa bao giờ thấy các vua đời sau của nhà Tần tái phong cho các thừa tướng và công thần, họ đều bị giết cả. Hai mươi mấy người con của hoàng đế, ông đều hiểu rõ. Con trưởng Phù Tô cương nghị vũ dũng, tin cậy quân thần, khuyến khích chí tiến thủ của mọi người. Ông ta lên làm vua nhất định sẽ phong Mông Điềm làm thừa tướng. Khi đó chẳng lẽ ông lại không mang theo ấn tín quân hầu mà trở về quê cũ hay sao, sự thể đã rõ ràng rồi. Triệu Cao tôi phụng chiếu chỉ hoàng đế làm thầy dạy học cho Hồ Hợi, dạy công tử pháp luật đã nhiều năm, chưa thấy công tử có sai sót gì. Công tử tuy ngôn từ không giỏi nhưng là người nhân từ trung hậu, khinh tài trọng sĩ, thông minh mẫn tiệp, biết lẽ phải trái, đối xử với mọi người lễ phép, rất tôn trọng hiền sĩ, các hoàng tử khác không thể sánh nổi, tôi thấy có thể lập làm thái tử. Ông xem xét và quyết định đi thôi.

Lý Tư nghiêm sắc mặt nói:

– Ông muốn cướp ngôi phải không? Tôi tuân theo di chiếu của thánh thượng, nghe theo mệnh trời, làm sao lại có thể do tôi suy nghĩ quyết định được?

Triệu Cao gợi ý:

– Mọi chuyện đều có thể từ yên đến loạn, cũng có thể chuyển nguy thành yên. Bây giờ yên nguy chưa định được, làm sao biết chúng ta là người sáng suốt được?

Lý Tư than thở:

– Lý Tư tôi vốn là kẻ sĩ áo vải sống nghèo nơi ngõ hẻm, được Thủy Hoàng tin dùng, phong làm thừa tướng, phong làm Thông hầu, con cháu đều được hưởng quan cao bổng hậu. Thánh thượng giao phó cho tôi trách nhiệm nặng nề về sự yên nguy mất còn của xã tắc, tôi làm sao dám phụ lại sự phó thác của Thủy Hoàng?... Xin ông đừng nói nữa, đừng để tôi phải phạm tội.

Triệu Cao vẫn ra sức thuyết phục:

– Tôi nghe nói, người hiểu biết không khư khư giữ quy tắc mà phải biết thay đổi, thuận theo tình thế, biết ngọn ngành thì cũng phải hiểu gốc rễ, nhận ra xu thế, phải biết nó đi về đâu... Nếu vận mệnh đất nước bây giờ thuộc về Hồ Hợi, chúng ta sẽ được thỏa nguyện!... Làm sao ông lại chậm hiểu như vậy, không nhìn thấy mối quan hệ nhân quả này sao?

Lý Tư vẫn không chịu nghe theo:

- Tôi nghe nói, ngày xưa Tấn Công phế Thân Sinh lập Hề Tề làm thái tử, khiến ba đời rối loạn không yên; Tề Hoàn Công và công tử Kiếu, hai anh em tranh nhau ngôi vua, kết quả bị giết chết; vua Trụ nhà Thương giết thân thích, không nghe trung thần can ngăn khiến đất nước diệt vong. Ba việc làm trên đều làm trái đạo trời, tông miếu hoàng tộc tan hoang, không tổ chức nổi quốc lễ dâng tam sinh huyết thực cúng tế tổ tông. Lý Tư tôi sao có thể làm theo họ như vậy được? Dù thế nào tôi cũng không thể theo ý của ông được!

Triệu Cao thấy Lý Tư vẫn nhất quyết không chịu làm theo mình, liền vừa cương vừa nhu, vừa dụ dỗ vừa đe dọa nói:

- Vua tôi trên dưới đồng tâm hiệp lực, có thể làm cho vận nước trường cửu, trong ngoài một lòng, sẽ tạo nên sự thống nhất. Nếu ông nghe theo mưu kế của tôi sẽ được phong hầu ban tước lâu dài, đời đời xưng hầu, xưng vương, chắc chắn được hưởng thọ dài lâu như cây tùng cây bách, được tôn vinh có tài trí như Khổng Tử, Mặc Tử. Nếu ông cự tuyệt không chấp nhận kế sách của tôi, chẳng những khó bảo toàn tính mạng, mà còn gây tai họa cho con cháu, thật sự khiến người ta lo sợ cho ông. Người giỏi tùy cơ ứng biến, mới có thể chuyển nguy thành an, chuyển họa thành phúc, bằng không thì sẽ biến an thành nguy, biến phúc thành họa. Vào giây phút cuối cùng mà an nguy họa phúc có thể đổi thay trong chốc lát này, xem ông chọn lựa như thế nào?

Lý Tư cuối cùng đã khiếp đảm trước sự đe dọa dụ dỗ của Triệu Cao, ngẩng mặt lên trời thở dài, rơi nước mắt mà than: "Ôi! Một mình gặp phải thời loạn đã không thể chết còn biết gửi tính mạng vào ai?". Tới lúc này, Lý Tư đành phải làm theo âm mưu của Triệu Cao. Triệu Cao đặc ý vệ phụng mệnh Hồ Hợi nói:

- Thần đã nói rõ để Lý Tư quyết định lập công tử làm thái tử, ông ta đâu dám không tuân theo!

Hồ Hợi cả mừng, liền gọi Lý Tư tới, ba người bí mật bàn mưu tính kế, giả danh Thủy Hoàng ra chiếu chỉ cho thừa tướng Lý Tư, lập con nhỏ Hồ Hợi làm thái tử. Rồi do Lý Tư chấp bút, bắt chước chữ Thủy Hoàng, viết cho con trưởng Phù Tô và tướng Mông Diêm một chiếu thư, chiếu viết:

Trẫm đi tuần du thiên hạ, tế lễ cho các thần ở Danh Sơn để thêm tuổi thọ. Nay Phù Tô và tướng Mông Diêm, chỉ huy mấy chục vạn quân trấn giữ biên cương, đã hơn mười năm rồi mà không tiến được chút nào, sĩ tốt thiệt hại nhiều, chẳng lập được công gì, lại còn nhiều lần dâng biểu phỉ báng việc làm của trẫm, vì không được triệu về làm thái tử mà ngày đêm oán trách. Phù Tô là đứa con bất hiếu, nay ban cho gươm để tự xử! Tướng Mông Diêm cùng Phù Tô ở biên cương không uốn nắn, rõ ràng là đồng mưu. Là bề tôi mà bất trung, nay ban cho tội chết, sĩ tốt giao cho phó tướng Vương Ly.

Chiếu thư giả viết xong, gấp phong lại, buộc dây thao, đóng dấu mực tía, cử môn khách của Hồ Hợi làm sứ giả, đưa ngay tới Thượng quận, bắt tội chết con trưởng Phù Tô và tướng Mông Diêm.

Sứ giả phi ngựa tới Thượng quận, mở phong ấn, tuyên đọc chiếu thư, Phù Tô nghe xong, vô cùng đau buồn, đi vào nội thất, chuẩn bị tự sát. Mông Diêm vội ngăn Phù Tô lại, cảnh giác bảo rằng:

- Bệ hạ chưa lập thái tử, lệnh cho thần chỉ huy ba mươi vạn quân bảo vệ biên thù, lệnh cho công tử làm giám quân, đó là trách nhiệm nặng nề trước giang sơn xã tắc. Bệ hạ tuần thú ở ngoài, nay sứ giả tới bắt công tử tự sát, biết đâu họ đã giả mạo thì sao? Có thể thỉnh thị lại lần nữa, thỉnh thị xong rồi chết cũng chưa muộn.

Sứ giả một mực thúc Phù Tô làm theo chiếu thư tự sát Phù Tô là người nhân hậu, không dám nghi ngờ, liền nói với Mông Diêm:

- Phụ hoàng ban cho ta cái chết, chẳng nên hỏi lại nữa!

Nói xong đâm cổ tự tử. Nhưng Mông Diêm không chịu chết một cách oan uổng, sứ giả giao ông cho phủ quan, giam vào ngục Dương Châu.

Sứ giả về báo cáo tình hình với Hồ Hợi. Hồ Hợi, Lý Tư, Triệu Cao đều cả mừng, lệnh cho đoàn xe theo đường Tỉnh Hình đến Cửu Nguyên. Khi đó đúng vào lúc giao thời hạ sang thu, thời tiết rất nóng, thi thể Thủy Hoàng thối bốc mùi lên, Triệu Cao lệnh cho quan tùy

tòng đem tới một xe cá ướp nổi sau xe Thủy Hoàng, để làm lẫn lộn với mùi thối của thi thể Thủy Hoàng.

Đoàn xe chạy thẳng về Hàm Dương. Tin buồn Thủy Hoàng băng hà được bố cáo, tiếp đó tuyên đọc di chiếu giả do Lý Tư viết, lập Hồ Hợi làm thái tử, và lên ngôi ngay, lấy hiệu là hoàng đế Nhị Thế. Tháng chín, chôn cất Thủy Hoàng ở Lệ Sơn, tháng mười đổi niên hiệu là hoàng đế Nhị Thế nguyên niên, đại xá tội nhân trong thiên hạ, Lý Tư vẫn là thừa tướng, Triệu Cao làm Lang trung lệnh. Nhị Thế hoang dâm vô độ, bỏ mặc chính sự, quyền bính trong triều thực tế nằm trong tay Triệu Cao. Lời sấm truyền “Vong Tần giả Hồ dã” đã ứng nghiệm. Nơi cửu tuyền Thủy Hoàng có biết việc này? Không biết sẽ than thở như thế nào?

Điều khiến người đời phải suy ngẫm là khi Thủy Hoàng mười ba tuổi lên ngôi vua và đã bắt đầu cho xây dựng lăng mộ mình tại Lệ Sơn, công việc liên tục kéo dài mãi tới khi ông ta băng hà năm năm mươi tuổi mới ngừng. Bắt đầu và kết thúc việc xây dựng lăng mộ khớp với việc bắt đầu và kết thúc thời gian ông làm vua, lẽ nào đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên? Lại nữa, người Trung Quốc xưa kia đã có sự tổng kết khái quát về quá trình trưởng thành, thuần thực ở một con người, nói rằng: Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng, tâm sở dục bất du cử (ba mươi tuổi lập thân, bốn mươi tuổi không gì không hiểu, năm mươi tuổi biết mệnh trời, sáu mươi tuổi nghe lời nói hiểu biết cặn kẽ, bảy mươi tuổi làm theo ý muốn, không vượt quá phép tắc). Nhìn vào cuộc đời của Thủy Hoàng lại thấy ba mươi tuổi đại lập thân, bốn mươi tuổi thì bị mê hoặc quá nhiều (ăn chơi bừa bãi, mê tín quỷ thần, truy cầu trường sinh bất tử), tới năm mươi tuổi thì “đi xa” (chết), vẫn chưa biết được mệnh trời mà còn chết rất đỗi thê thảm, di chiếu bị sửa đổi, con trưởng Phù Tô phải chết oan uổng, con nhỏ Hồ Hợi giết anh, viết giả chiếu chỉ, chiếm ngôi xưng đế, thực tế chỉ là bù nhìn “một ông vua trẻ con”, quyền bính rơi vào tay hoạn quan Triệu Cao. Điều rất đáng nói là thể xác của “Tổ long” của “tiên chân nhân” chẳng những không tới được chốn cửu trùng vờ vọi, không tới được Bồng Lai tiên cảnh, mà nằm dài trong chiếc xe chật chội, bị cái nắng nóng ghê gớm thiêu đốt, làm cho thối rữa, sinh dòi bọ, buộc phải làm bạn với cá thối, khiến mọi người phải bịt mũi tránh xa. Tình cảnh ấy, Thủy Hoàng cố nhiên không thể biết được, nhưng đã để lại cho người đời sau này biết bao nhiêu điều bí ẩn, biết bao nhiêu điều phải suy nghĩ. Điều khiến người ta rất hứng thú và cũng không thể hiểu được là: Theo cách tính tuổi truyền thống của Trung Quốc thì “nam tính hư, nữ tính thực”. Thủy Hoàng hưởng thọ năm mươi tuổi là tuổi hư còn tuổi thực là bốn mươi chín, vì vậy cho tới lúc chết vẫn chưa biết được mệnh trời. Cũng như vậy, thời gian làm vua là ba mươi bảy năm nhưng thực tế chỉ có ba mươi sáu năm. Con số ba mươi sáu này vừa khớp với con số gọi là “chu kỳ ba mươi sáu” trong thiên văn, tinh tượng, lịch pháp cổ đại Trung Quốc. Vì thế, Thủy Hoàng làm vua ba mươi sáu năm, vừa tròn con số “chu kỳ ba mươi sáu”, lúc này mà bắt “Tổ long” chầu trời, với bản thân ông ta tuy đáng tiếc, nhưng không thiệt, còn đối với quần thần chúng dân đang bị đầy ải thì lại là việc “đại hỷ” có khi cầu mà không được.

Lại nói, tháng chín năm ấy, Nhị Thế Hồ Hợi tổ chức quốc tang cho Thủy Hoàng cực kỳ lăng phí. Lăng mộ Thủy Hoàng ở phía bắc Lệ Sơn, cao mấy chục trượng, sân trong rộng dài năm dặm, sân ngoài rộng dài mười hai dặm, trên trồng cây cối, một tòa lăng sừng sững. Vách trong mộ thì xẻ núi khoan đá, đúc đồng làm quách ngoài, chặn đứng ba dòng suối ngầm, chu vi hơn ba mươi dặm. Vòm mộ vẽ hình tinh tú thiên văn, mặt đất dùng thủy ngân tạo thành hình thế sông núi, có bốn biển, trăm sông, ngũ nhạc, cửu châu. khắp nơi trang điểm ngọc châu phỉ thủy, tầng giữa là nơi thưởng ngoạn, vui chơi, tầng trên là núi đồi và vườn rừng. Bố cục và sắp đặt cung điện, đạo quán, chỗ ngồi của bá quan đều giống hệt trên trần gian. Còn lệnh cho thợ chế tạo cung nổ máy, ai đến gần cửa cung sẽ bị cung nổ tự động bắn chết. Đỉnh vòm mộ khảm nạm dạ minh châu tượng trưng cho mặt trời mặt trăng, trong cung điện treo lơ lửng ngọc nhật nguyệt, ngày đêm chiếu sáng, những chỗ khác đều đốt đèn dầu, chất đốt là keo cá tinh luyện từ con giao long Thủy Hoàng bắn chết ở vùng biển Chi Phù, nghe nói có thể cháy sáng rất lâu không tắt.

Trước Thủy Hoàng, các đế vương sau khi hạ táng chỉ xây mộ, hình dáng một ngọn đồi, không xây thêm kiến trúc nào khác. Nhưng bắt đầu từ Thủy Hoàng trước mộ xây đền miếu, sau mộ xây tấm thất, hoàn toàn bắt chước nơi ở trên cõi trần. Trong đền thờ bài vị của chủ mộ để cúng bái bốn mùa. Trong tấm thất có mũ áo, kỷ án và gậy chống, tượng trưng sống mãi trên nhân gian. Vì tấm thất phối trí đồng bộ với lăng mộ, nên gọi là “lăng

tầm”. Đó cũng là một chế độ lễ nghi bắt đầu từ Thủy Hoàng và kéo dài tới tận ngày nay, tạo nên một cảnh quan lăng mộ bao gồm một hệ thống kiến trúc mộ địa, vườn rừng mang tính chất kỷ niệm, như Lăng đời Đường, Thập tam lăng đời Minh, quần thể mộ táng vua đời Thanh có quy mô hoành tráng, thể chế hoàn hảo, bài trí sang trọng, trở thành những danh thắng cổ tích có ý nghĩa lịch sử và giá trị nghệ thuật cao.

Thủy Hoàng tuy đã chết, song vẫn còn tàn sát điên cuồng và đàn áp dã man nhân dân. Nhị Thế Hồ Hợi theo ngự chỉ phụ hoàng truyền lại, đã chôn sống tất cả hơn một vạn phi tần, tỳ thiếp, cung nhân nơi hậu cung từng được Thủy Hoàng sủng ái nhưng không có con. Thương thay cho những cô gái ở sáu cung này, thường ngày thì bị thú tính của tên bạo chúa chà đạp, khốn khổ hết chỗ nói, giờ đây lại bị lừa vào trong huyệt mộ để chôn sống, cảnh thê thảm đó ra sao, hình dung cũng đủ thấy. Đám thợ làm mấy công đoạn cuối cùng, chế tạo lấy nỗ tự động, phòng bí mật, vận chuyển cất giấu các đồ vàng bạc, châu báu, kể tới trên vạn người cũng bị nhốt trong hai đường hầm thông xuống đáy mộ, bị ngạt thở rồi chết hết. Đây là hành động bạo ngược hiếm thấy trên thế giới từ cổ chí kim, cũng là biểu hiện của tính cách và tư tưởng bá chủ “người ta có, ta nhất định phải có; người ta không có, ta cũng nhất định phải có; người ta làm được, ta nhất định phải làm được; người ta không làm được, ta cũng nhất định phải làm được” của Thủy Hoàng. Và tư tưởng, tính cách này không những đã di truyền cho Nhị Thế Hồ Hợi, mà còn được đám bày tôi “thân tín” mà ông để lại cho con ông như bọn Lý Tư, Triệu Cao phát huy ngày càng mạnh mẽ, ngày càng tàn bạo trong việc giúp Nhị Thế Hồ Hợi làm điều bạo ngược, để cuối cùng làm bùng nổ cuộc đại khởi nghĩa của nông dân, thế như bão táp, chỉ trong mấy năm đã phá tan nát vương triều nhà Tần hủ bại thối nát. Nhà Tần bị diệt vong, lời sấm truyền “Vong Tần giả Hồ dã” một lần nữa ứng nghiệm.

HỘI THỨ BA MƯƠI SÁU

ĐẠI TRẠCH DÂY BINH, TRẦN, NGÔ KHỞI NGHĨA
HÀM DƯƠNG ỤP ĐỔ, SỞ HÁN TRANH HÙNG

Thủy Hoàng mấy lần đi tuần thú, những nơi đã đến đều phải dựng bia lập truyện, khắc bia viết văn ca ngợi công đức của nhà vua, thấy đều nói rằng “lê dân yên ổn, không dùng binh đao”, “người người yên vui, không lo họa chiến tranh”. Những lời lẽ ấy phản ánh tâm nguyện chung của nhân dân là chán ghét chiến tranh, yêu quý hòa bình. Bài “Quá Tần luận” của Giả Nghị, từng được tiên sinh Lỗ Tấn ca ngợi là “Tây Hán hùng văn”, có nói đến việc vào thời kỳ đầu Tần Thủy Hoàng tiêu diệt sáu nước, thống nhất thiên hạ “dân không ai không khiếm nhuồng, không ngưỡng vọng nhà vua”, đã thể hiện nguyện ước ban đầu của nhân dân là hoan nghênh chấm dứt chiến tranh, ủng hộ nước Tần thống nhất thiên hạ. Nhưng Thủy Hoàng xa hoa cực độ, tàn hại muôn vật, hoang phí của cải, hình phạt tàn bạo, nhất là sử dụng quá đáng sức dân, thuế má, lao dịch nặng nề đã đẩy nhân dân đến bước đường cùng. Ngoài việc vũ trang khởi nghĩa, nhân dân không còn lối thoát nào khác, đó gọi là “Quan bức dân phản”. Ngay vào năm Thủy Hoàng chết tha phương ở Sa Khâu, Hồ Hợi tiếm ngôi xưng đế, đã nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Lãnh tụ quân khởi nghĩa là Trần Thắng, Ngô Quảng người nước Sở. Trần Thắng là người Dương Thành (vùng Nhữ Nam Hà Nam), còn nhỏ tuổi đã phải làm thuê cho đại địa chủ, năm ba mươi tuổi tức là năm Thủy Hoàng ba mươi tư (213 trước Công nguyên) bị gọi đi lính canh gác đoạn Ngư Dương của Trường thành, chơi rất thân với Ngô Quảng, người đồng hương kém mình mười tuổi.

Tháng bảy năm Nhị Thế nguyên niên (209 trước Công nguyên), Trần, Ngô, phụng mệnh tới vùng nước Lỗ, nước Sở cũ đón tân binh về Ngư Dương canh giữ biên cương.

Hai người tiếp đón tất cả hơn chín trăm lính mới, đến xã Đại Trạch huyện Túc nước Sở cũ (nay là An Huy) chuẩn bị chỉnh đốn nghỉ ngơi chút ít rồi lên đường về Ngư Dương. Nào ngờ tối hôm ấy mưa rất to, liên tục bảy ngày bảy đêm không tạnh, khắp nơi nước sâu mấy thước, cả một vùng mênh mông, không tài nào đi được. Trần, Ngô đều là tất trưởng là đầu mục chỉ huy lính mới. Cả hai người thấy mưa mãi không tạnh, không thể nào lên đường được, bụng nghĩ tiếp tục lỡ việc thế này thì dứt khoát không về đúng hạn được, mà lỡ hạn thì phải “chém đầu theo luật”. Trần, Ngô bèn mưu tính với nhau, nếu về lỡ hạn mà bị chém đầu thì chi bằng trốn đi là hơn, nhưng nghĩ lại chạy trốn mà bị bắt sẽ lập tức bị “xử tội tại chỗ”, cũng đến mất mạng thôi. Chẳng tìm ra được kế sách nào nữa, Trần Thắng bèn hầm hầm nói, đã không còn lối thoát, vô kế khả thi, ngồi mà chờ chết thì chi bằng đứng lên tạo phản, tự lập làm vua! Ngô Quảng có phần do dự, cho rằng mình chỉ huy một tốt trưởng quèn nơi biên ải, không đủ sức kêu gọi binh lính, nếu chẳng có ai hưởng ứng thì hóa ra để lộ thân phận, chuốc lấy cái họa mất đầu, tự tìm lấy cái chết. Trần Thắng suy tính hồi lâu, chợt nghĩ ra, bèn bí mật mách kế cho Ngô Quảng. Trần Thắng nói rằng theo quy định của triều đình và hoàng tộc thì Nhị Thế Hồ Hợi là con nhỏ của Thủy Hoàng, không đến lượt kế vị làm vua, hẳn đã cấu kết với Triệu Cao, Lý Tư, giả mạo di chiếu, giết trưởng công tử Phù Tô để tiếm ngôi. Cũng may thiên hạ vẫn chưa biết Phù Tô đã chết. Còn đại tướng Hạng Yên nước Sở tuy đã chết trận, nhưng dân nước Sở vẫn thương nhớ ông, vẫn hy vọng ông chưa chết, đang còn ẩn náu ở nơi nào, chờ có thời cơ là đứng dậy chống Tần, vì thế có thể mạo xưng là quân đội của Công tử Phù Tô và Hạng Yên dựng cờ chống Tần, kêu gọi thiên hạ, dứt khoát sẽ có nhiều người hưởng ứng.

Ngô Quảng nghe xong, tán thành ý kiến của Trần Thắng, lập tức đi tìm thầy đồng bói quẻ. Thầy đồng đã hiểu rõ tình ý mưu đồ của hai người, liền lên giọng giải lời quẻ, nói rằng nếu muốn thành sự thì trước hết phải có uy tín trong dân chúng rồi mở rộng ảnh hưởng. Trần, Ngô liền lấy mực đàn chu viết ba chữ “Trần Thắng Vương” lên mảnh lụa nhét vào bụng cá của ngư dân. Khi quân lính mua cá về làm cơm, phát hiện ra tấm lụa trong bụng cá. Lại nữa, mấy đêm liền, phía từ đường nơi Ngô Quảng ở, người ta nhìn thấy những ánh lửa chập chờn mà nghe thấy tiếng hú như tiếng hồ ly: “Đại Sở hưng, Trần Thắng Vương!”. Những chuyện này lan truyền nhanh chóng trong binh lính.

Ngô Quảng xưa nay rất tốt với mọi người, được binh lính yêu mến ủng hộ, luôn luôn nghe theo sự chỉ huy của ông. Ông liền lợi dụng ảnh hưởng này, khích lệ sĩ tốt cướp lấy

quyền chỉ huy của cấp trên. Một hôm, các đô úy tới đôn đốc việc, gọi lính uống rượu say dậy, Ngô Quảng nhiều lần cố tình nói là sẽ bỏ trốn, và túc tối chửi bới các đô úy để gây sự. Quả nhiên một đô úy giận dữ lấy roi vọt Ngô Quảng và rút gươm đâm; Ngô Quảng đã đề phòng sẵn tránh được và giằng lấy gươm giết luôn tên đô úy ấy. Trần Thắng cũng khoa đao chém chết liền hai đô úy khác. Hai người triệu tập tất cả đám tân binh mới tuyển lại, nói cho họ biết việc quá hạn và bỏ trốn đều không thoát khỏi chết, chỉ còn một lối thoát duy nhất là khởi nghĩa chống Tần. Sĩ tốt đều nhất trí ủng hộ. Thế là Trần Thắng, Ngô Quảng giả danh là người của Công tử Phù Tô và tướng Hạng Yên tuyên bố chống Tần là việc làm đại nghĩa hợp ý trời, thuận lòng dân, và xưng là “Đại Sở” Họ lập đàn uống máu ăn thề, lấy thủ cấp đô úy tế cờ, dấy binh khởi nghĩa.

Khởi nghĩa Trần Thắng, Ngô Quảng là do bị bức bách phải đứng lên liều mạng, do đó thiếu mưu lược và kế hoạch chu đáo. Nhưng nghĩa cử này phù hợp và khích lệ được tâm lý chống Tần của nhân dân các nước chư hầu cũ, cho nên vừa mới khởi sự đã được hưởng ứng rộng rãi và mạnh mẽ. Dân chúng nô nức kéo đến dưới ngọn cờ “Đại Sở”, nhanh chóng gom góp được sáu bảy trăm chiến xa, hơn một nghìn kỵ binh, mấy vạn bộ binh, đánh chiếm ngay được Trần quận (nay là Hoài Dương Hà Nam). Trần Thắng chính thức lên ngôi vua, phong Ngô Quảng làm phó vương, định quốc hiệu là “Trương Sở”. Ông sai các bộ tướng tiến đánh ra chung quanh, mở rộng lãnh thổ. Ngô Quảng làm soái, chỉ huy quân tiến sang phía Tây tấn công Tần. Trước diễn biến tình hình đáng mừng này, không những di thần, tướng sĩ, binh lính của sáu nước cũ lũ lượt kéo đến quy thuận, mà ngay cả Khổng Phụ cháu tám đời của Khổng Tử sống ẩn náu ở Triệu Lăng, cũng tìm đến theo Trần, Ngô, làm quan tiến sĩ, để thực hiện nguyện vọng chống Tần khôi phục Lỗ.

Song, các tướng sĩ xuất chinh để mở rộng lãnh thổ ra các hướng cũng như các bộ tướng còn lại của sáu nước như Vũ Thần, Điền Đam, Hàn Quảng, Ngụy Cửu, Cảnh Câu... đều xuất phát từ mục đích giành quyền binh, quân đội, phục quốc, nên đã đua nhau khôi phục các quốc hiệu Triệu, Tề, Yên, Ngụy, Sở, ra sức thu vén cho riêng mình, chèn ép kiểm chế và công kích lẫn nhau chứ không hợp lực đánh Tần. Phó vương Ngô Quảng bị bộ tướng Chu Thị ganh ghét giết chết, quân lính lại bị quân Tần đánh cho tan tác, khiến Trần Thắng mất đi chỗ dựa đắc lực. Quân khởi nghĩa do đích thân Trần Thắng thống lĩnh thì thiếu kiến thức cầm quân và kinh nghiệm chiến đấu. Chỉ có một mình Châu Chương, đã từng làm “Thị nhật” tính toán giờ lành giờ dữ trong quân của Hạng Yên – tướng nước Sở, là “tướng tài” độc nhất. Trần Thắng liền giao cho ông ấn tướng, lệnh cho ông đem quân đánh chiếm Hàm Cốc Quan. Dọc đường Châu Chương thu gom được mười vạn binh lính, một nghìn chiến xa, đánh vào Hàm Cốc Quan. Tướng Tần là Chương Hàm chỉ huy năm mươi vạn quân ô hợp đón đánh Châu Chương. Quân Châu Chương thua to ở Hý Thủy, tiếp đó lại đại bại ở Miến Trì (nay là huyện Miến Trì, Hà Nam). Châu Chương tự sát chết.

Quân Trần Thắng đơn độc bị vây hãm ở Trần quận. Trần Thắng tính tình hung bạo, tàn sát bộ tướng, để mất lòng quân, hơn nữa từ sau khi là Sở Vương đã biến chất mất gốc, quên hết bạn bè cũ. Một hôm, có mấy người bạn chơi với nhau lúc còn hoạn nạn trước kia đến thăm, trong lúc ăn uống nói tới những chuyện hãi hùng trước đây, Trần Thắng không những không trân trọng tình bạn hoạn nạn có nhau ấy, lại cho rằng làm bẽ mặt mình, đã giết luôn mấy người bạn ấy. Những người khác thấy vậy rất sợ, vội vã tìm cách bỏ rơi ông. Ông ta còn ngạo mạn vô lễ với cả bố vợ, bố vợ cũng tức giận bỏ đi. Thuộc hạ thấy ông ta vong ơn bội nghĩa như vậy đều lần lượt rời bỏ, tiến sĩ Khổng Phụ cũng đau lòng ra đi. Khi mấy chục vạn quân của Chương Hàm, Tử Mã Hân, Đồng Ế tiến đến đánh thành, Trần Thắng gắng sức ứng chiến, nhưng cuối cùng không thể chống lại nổi, đành phải tháo chạy, nhưng lại bị chính kẻ bảo vệ thân tín của mình là Trang Giả giết, đem thủ cấp ra đầu hàng quân Tần.

Trần Thắng, Ngô Quảng phát cờ khởi nghĩa từ xã Đại Trạch, thành lập chính quyền “Trương Sở”. Kể từ lúc dấy quân chống Tần tới thất bại cuối cùng chỉ kéo dài sáu tháng, nhưng làn sóng chống Tần dấy lên từ đó, cuối cùng đã phá tan nền thống trị bá quyền của nhà Tần. Vai trò chủ đạo và quyết định trong đó là Lưu Bang.

Khi ấy ở huyện Bái đất Sở (nay ở Giang Tô) có một đình trưởng tên là Lưu Bang, tướng mạo khác thường: sống mũi cao, mắt sáng như thần, đuôi trái có 72 nốt ruồi đen, lấm tấm như sao trên trời. Tính thích giao du bạn bè, hào phóng, rộng lượng, không chấp nhặt vật

văn. Năm Thủy Hoàng thứ hai mươi bảy, Thủy Hoàng lần đầu tiên đi tuần thú, gặp lúc Lưu Bang dẫn một tốp phu lao dịch đến Hàm Dương. Đang khi ăn uống ở tửu lâu Tây Kinh, nhìn thấy cảnh hùng tráng uy nghiêm của đoàn xa mã Thủy Hoàng rầm rộ đi qua, Lưu Bang bất giác cảm khoái nói: “Ôi! Bậc đại trượng phu phải như thế mới được!”. Về sau, Lưu Bang lại một lần nữa áp giải phu lao dịch huyện Bái đi xây lăng mộ ở Lệ Sơn, dọc đường mọi người theo nhau bỏ trốn. Khi tới Phong Tây ngủ lại, ông cởi hết dây trói cho phu phen và bảo mọi người: “Các anh cứ trốn hết đi tôi cũng trốn nốt là xong”. Tất cả đều cảm tạ Lưu Bang, trong đó có mười mấy tráng sĩ không muốn rời ông, liền cùng ông trốn vào rừng sâu ẩn náu. Một lần Lưu Bang uống rượu say, đang đêm phải qua một vùng đầm lầy, người đi trước dò đường quay về nói, có một con đại mãng xà chặn đường nên đành phải quay trở lại. Lưu Bang giọng say rượu nói: Trai nam nhi đi đường, chẳng sợ gì cả! ông tiến lên trước, quả nhiên thấy đại mãng xà nằm chắn ngang đường trông rất đáng sợ. Ông đang hăng men rượu bèn rút gươm ra chém mạnh một nhát. Thân con mãng xà to bằng cái bát to bị chặt đứt làm đôi, văng sang hai bên nhường đường cho họ đi. Lưu Bang lim dim cặp mắt vẫn còn đang say, cất tiếng cười rồi tra gươm vào vỏ, tiếp tục đi. Đi được mấy dặm, rượu trong bụng bắt đầu ngấm, Lưu Bang nằm lăn quay ra bên đường. Những người đi sau tới chỗ chém mãng xà, thấy trong đêm tối mênh mang một bà già đang khóc rất thương tâm, hỏi bà sao lại khóc. Bà già nói, con trai của bà, con của Bạch đế, biến thành một con mãng xà nằm chắn ngang đường, bị con của Xích đế giết chết rồi, cho nên bà ngồi khóc ở đây. Mọi người cho rằng bà cụ nói dối, định đánh bà, loáng một cái chẳng thấy bà đâu nữa. Mấy người vô cùng kinh ngạc, vội vã bỏ đi ngay, đi được một lúc thì thấy Lưu Bang, vội gọi ông dậy và kể cho ông nghe chuyện bà già khóc trong đêm. Lưu Bang nghe xong rất vui mừng, và tự hào mình là “con của Xích đế”. Những người đi theo ông càng kính nể ông hơn. Năm thứ ba mươi bảy Tần Thủy Hoàng, nhà vua nghe đạo sĩ nói “phía đông nam có khí thiên tử” đã đến Kim Lăng đào núi yếm vàng, trấn áp luồng “vương khí” ấy. Lưu Bang ngờ là luồng “khí thiên tử” ấy phát ra từ bản thân mình, vội vàng trốn vào giữa vùng núi Mang Đãng, không dám ra nữa. Vợ ông là Lã thị cùng bạn ông rất dễ dàng tìm thấy ông. Lưu Bang rất kinh ngạc, hỏi vợ làm sao mà tìm thấy mình. Lã thị bảo, chỗ ông ẩn náu thường bốc lên một luồng khí, cứ tìm theo hướng đó nhất định là tìm thấy. Lưu Bang thấy vậy rất mừng. Con em huyện Bái nghe truyền thuyết này, đều tìm đến theo ông.

Mùa thu năm Nhị Thế nguyên niên, khi Trần Thắng, Ngô Quảng xưng vương ở Trần quận, nhân dân rất nhiều quận huyện giết bọn quan lại nhà Tần, hưởng ứng Trần Thắng đứng lên chống Tần. Huyện lệnh huyện Bái rất sợ, muốn khởi nghĩa ở huyện Bái để hưởng ứng Trần Thắng Vương. Thuộc lại Tiêu Hà, Tào Tham nói với huyện lệnh rằng ông vốn là quan của nước Tần, bây giờ lại làm phản, con em huyện Bái e rằng có người không phục ông. Nếu ông cho gọi những người đi trốn trở về có thể được tới vài trăm người, dùng họ ép buộc dân chúng thì dân chúng sẽ không dám chống lại mệnh lệnh của ông. Huyện lệnh liền cử dũng sĩ Phàn Khoái đi gọi Lưu Bang về. Lúc này, bộ hạ của Lưu Bang đã có tới mấy trăm người. Thấy Phàn Khoái và quân sĩ Lưu Bang kéo về, huyện lệnh huyện Bái lại đâm ra hối hận vì sợ Lưu Bang cướp mất quyền bính của mình bèn cho đóng chặt cổng thành cố thủ, còn định giết cả Tiêu Hà, Tào Tham. Tiêu, Tào sợ bị giết, nhân lúc đêm tối trèo qua tường ra khỏi thành đi theo Lưu Bang. Lưu Bang viết một bức thư lụa, dùng nỗ bắn vào trong thành, nói với các phụ lão huyện Bái: “Nhiều năm nay, bách tính trong thiên hạ bị nhà Tần bạo ngược áp bức khổ cực vô cùng. Nay các phụ lão tuy giữ thành cho huyện lệnh, nhưng một khi các chư hầu đều vùng lên chống Tần, sẽ giết nhân dân huyện Bái. Giờ đây chúng ta phải giết huyện lệnh, chọn một người trong đám con em có tài để lập làm huyện lệnh, hưởng ứng với các lộ chư hầu, mới có thể bảo đảm được bình an và tốt đẹp cho gia đình. Bằng không thì cha con đều bị giết, chúng tôi sẽ chẳng làm gì được nữa”. Các phụ lão huyện Bái đọc xong, liền dẫn con em đi giết huyện lệnh, mở cổng thành đón Lưu Bang, chuẩn bị tôn ông lên làm huyện lệnh. Lưu Bang khước từ nói: “Bây giờ cả nước đang hỗn loạn, các lộ chư hầu đều khởi nghĩa, nếu chọn không đúng người đứng đầu ắt sẽ dẫn đến thất bại. Tôi đâu có tiếc gì thân mình, chỉ vì mình tài hèn sức mọn, không thể bảo vệ được các cụ và anh em. Chuyện đại sự như thế này cứ phải chọn người xứng đáng mới được”.

Tiêu Hà và Tào Tham đều là quan văn, rất khiêm nhường tự trọng, lại nữa cũng sợ rằng khởi nghĩa không thành, cuối cùng bị Tần chu di tam tộc nên càng kiên quyết không chịu nhận, một mực cử Lưu Bang làm huyện lệnh. Được quân chúng nhất trí, cuối cùng vẫn chọn Lưu Bang làm thủ lĩnh nghĩa quân huyện Bái, tôn là “Bái Công”. Lưu Bang chọn

ngày lành tháng tốt tại công đường huyện Bái làm lễ cúng tế Xích đế và Si Vuu, lấy máu bò, dê, nhuộm lên trống trận và cờ xí. Cờ quạt toàn một màu đỏ, bay phấp phới như lửa cháy rừng rực, như sóng máu cuộn cuộn. Vì Bái Công tự cho mình là con Xích đế đã giết chết con của Bạch đế, cho nên tôn sùng màu đỏ. Các hào lại trẻ tuổi như Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái đều ra sức tập hợp con em huyện Bái cho Bái Công nhanh chóng được tới hai, ba nghìn người, đánh trận đầu tiên chiếm được Hồ Lăng, Phương Dũ, lại quay trở về đóng giữ Phong Thành.

Khi ấy đã là năm thứ hai Tần Nhị Thế, đúng vào lúc Trần Thắng Vương sai tướng Châu Chương tiến sang phía tây đánh Tần và bị thua trận ở Hý Thủy Lâm Đồng chạy về Yên, Triệu, Tề, Ngụy đều xưng vương. Dòng dõi của tướng nước Sở Hạng Yên dấy binh ở nước Ngô cũ. Các bộ nghĩa quân hình thành một vòng vây trùng điệp quanh nước Tần. Nước Tần chủ động tiến đánh để thoát khỏi thế bị bao vây. Giám úy Tần Tứ Xuyên đem quân vây Phong Thành, đánh nhau cầm cự trong hai ngày, sau Bái Công dẫn quân ra đánh, Tần thất bại. Bái Công lệnh cho Ung Sĩ cầm quân giữ Phong Thành còn mình thì đưa quân đi đánh huyện Tiết. Quan thái thú trấn giữ thành Tiết, tên là Tráng, thua trận chạy về huyện Thích. Tả Tư Mã (đại tướng quân) của Bái Công bắt giết được thái thú Tráng. Bái Công đại thắng, đem quân về Cang Phụ, rồi lại tới đất cũ Phương Dũ.

Tướng Ngụy là Châu Thị kéo quân đến đánh Phương Dũ, chưa kịp giao chiến thì nhận được lệnh của Trần Thắng Vương, trước tiên phải đánh những thành trì dễ chiếm. Châu Thị cử người du thuyết Ung Sĩ, nói rằng Phong Thành vốn là đất của Đại Lương, nướ Ngụy đã nhập Phong Thành vào bản đồ của mình rồi. Ung Sĩ nếu đầu hàng Ngụy, Ngụy sẽ phong cho làm hầu tước; nếu không đầu hàng, sẽ tắm máu Phong Thành. Ung Sĩ vốn không muốn làm thuộc hạ cho Bái Công, nay Ngụy cho người sang chiêu hàng như vậy liền phản bội, dâng Phong Thành cho Ngụy. Bái Công đem quân đánh Phong Thành, chưa hạ được thì bị ốm vì lo nghĩ mệt nhọc, đành kéo quân về đất Bái.

Bái Công oán giận Ung Sĩ và con em Phong Thành phản bội mình, nghe nói hai tướng Ninh Quân, Tần Gia ở Đông Dương đã lập Cảnh Câu ở Lưu Thành làm phó vương, bèn đến theo Cảnh Câu, muốn mượn binh mã đi đánh Phong Thành. Khi ấy đúng lúc tướng nhà Tần là Chương Hàm xuất phát từ đất Trần, cùng một tướng khác là Tư Mã Dĩ tiến quân lên phía Bắc bình định đất Sở, tàn sát rất nhiều người ở Tương Thành, sau đó đánh tới Đông Thành. Phó vương Ngụy Cảnh Câu phái quân của tướng Ninh Quân ở Đông Dương và quân của Bái Công tiến sang phía Tây, giao chiến với tướng Tần Chương Hàm, Tư Mã Dĩ tại Tiên Tây nhưng không giành được thắng lợi, đành phải lui quân về Lưu Thành, sau đó lại dẫn quân đi đánh Đãng Thành, ác chiến ba ngày mới hạ được. Tại Đãng Thành, họ đã thu phục được năm sáu nghìn sĩ tốt, tiếp đó đánh chiếm được Hạ Ấp.

Khi ấy Bái Công nghe nói đại tướng nước Sở là Hạng Lương đóng quân ở huyện Tiết, liền dẫn hơn một trăm kỵ binh đến Thành Tiết ra mắt tướng Hạng Lương. Hạng Lương thấy Bái Công tướng mạo khác thường, quý bạn trọng nghĩa, liền cấp cho ông năm nghìn lính, mười vị tướng, lệnh cho ông đi đánh Phong Thành. Đánh thắng xong, Bái Công quay về Thành Tiết phục mệnh, bắt đầu cùng với một lãnh tụ quân sự khác là Hạng Vũ làm việc dưới tướng Hạng Lương.

Hạng Vũ vốn là người Hạ Tương nước Sở cũ, khi khởi nghĩa chống Tần mới hai mươi bốn tuổi. Ông là cháu họ Hạng Lương. Hạng Lương là con Hạng Yên, thượng trụ quốc của nước Sở cũ. Họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, công lao hiển hách, được người nước Sở yêu quý. Hồi Hạng Vũ còn nhỏ, Hạng Lương dạy Hạng Vũ học chữ, Hạng Vũ không chuyên tâm; dạy Hạng Vũ múa gươm, học cũng không thành. Hạng Lương quát mắng Hạng Vũ. Hạng Vũ trả lời, học để biết chữ, nhận biết được họ tên là đủ rồi. Còn học kiếm thuật, chỉ để đánh nhau với một người cũng chẳng có gì phải học nhiều, rồi nói rằng mình muốn học cái gì mà một người có thể địch muôn người. Hạng Lương bèn dạy cho Hạng Vũ học binh pháp, Hạng Vũ mừng lắm, nhưng Hạng Vũ chỉ học qua loa đã thỏa mãn rồi, không chịu khó để học cho thành tài.

Về sau, vì Hạng Lương can tội giết người, kéo Hạng Vũ cùng đi trốn đến miền Trung nước Ngô cũ. Ở đó mỗi khi có lao dịch hoặc việc tang quy mô lớn, Hạng Lương đều đứng ra lo liệu, nhân cơ hội đó đã làm quen được với nhiều người, ngầm truyền dạy binh pháp cho khách khứa và con em nhân dân, dân địa phương vì thế mà biết ông là người có tài. Năm

thứ ba mươi bảy Thủy Hoàng tuần du ở Cối Kê, Hạng Lương và Hạng Vũ đứng ở bờ sông nhìn cảnh Thủy Hoàng chỉ huy đoàn xe hàng vạn người qua sông Chiết Giang thật hùng tráng, Hạng Vũ buột miệng thốt ra câu: “Mình có thể thay thế ông ta được”. Hạng Lương vội bịt miệng Hạng Vũ, bảo chớ nói lung tung mà mang họa chu di tam tộc. Từ đó Hạng Lương cho rằng Hạng Vũ là người kỳ tài. Hạng Vũ cao hơn tám thước, rất khỏe, cử được đỉnh, lại tài trí hơn người, cho nên con em Ngô Trung đều kính nể.

Tháng bảy năm Tần Nhị Thế nguyên niên, Trần Thắng, Ngô Quảng dẫn đầu khởi nghĩa ở Đại Trạch. Tháng chín thái thú Thông ở Cối Kê nói với Hạng Lương:

– Cả vùng Giang Tây đều đã làm phản, đây là lúc ý trời muốn tiêu diệt nước Tần rồi. Tôi nghe nói, ra tay trước thì áp đảo được người, ra tay sau thì bị người áp đảo. Tôi dự định dấy binh khởi nghĩa, mời ông và Hoàn Sở thống lĩnh quân đội. Hoàn Sở lúc này còn đang đi trốn, ẩn náu ở vùng sông nước Đại Trạch.

Hạng Lương nói với viên thái thú:

– Hoàn Sở đang trốn tránh ở nơi khác, chẳng ai biết ông ta ở đâu chỉ có tôi biết và tìm được ông ta về thôi.

Nói xong đi ra, dặn Hạng Vũ cầm kiếm đứng ngoài chờ lệnh, rồi lại quay vào phòng, làm ra vẻ kính cẩn ngồi xuống nói tiếp:

– Xin cho triệu Hạng Vũ vào, lệnh cho anh ra đi tìm Hoàn Sở về cầm quân.

Viên thái thú đồng ý. Hạng Lương liền gọi Hạng Vũ vào bảo đứng bên thái thú đợi lệnh, nhưng không chờ thái thú nói, Hạng Lương đã ra hiệu cho Hạng Vũ như muốn nói “hạ thủ được rồi”. Hạng Vũ bèn vung gươm chém đứt đầu viên thái thú. Hạng Lương xách thủ cấp thái thú đâm đầu máu, đeo ấn và đai thêu của thái thú, thuộc hạ thấy vậy hoảng hồn náo loạn cả lên, Hạng Vũ giết ngay hơn một trăm người. Người trong phủ thái thú đều kinh hãi, quỳ hết xuống đất không dám đứng lên. Hạng Lương tụ tập hào kiệt và quan lại đã giao du xưa nay, tuyên bố đại sự khởi nghĩa. ông chỉ huy quân đội Ngô Trung, đánh chiếm Hạ huyện, thu nhận được tám nghìn tinh binh. Hạng Lương lần lượt bổ nhiệm hào kiệt Ngô Trung đảm nhiệm các chức hiệu úy, hầu và tư mã, bản thân giữ chức thái thú Cối Kê, Hạng Vũ làm phó tướng.

Trước đó có Triệu Bình người Quảng Lăng, theo lệnh Trần Thắng Vương tiến đánh huyện Quảng Lăng, chưa giành được thắng lợi thì nghe nói Trần Thắng Vương thua chạy, binh mã của Chương Hàm nhà Tần sắp kéo đến, liền vội vã vượt qua sông Hoài, giả mạo vương mệnh Trần Thắng, tấn phong cho Hạng Lương làm Thương trụ quốc nước Sở và truyền khẩu dụ: “Đại cục Giang Đông đã xong, nhanh chóng tiến quân sang phía Tây đánh Tần”.

Hạng Lương dẫn tám nghìn quân vượt sông Hoài, tiến sang phía Tây, một mặt liên hệ với Trần Anh ở Đông Dương để cùng hợp lực đánh Tần. Trần Anh vốn là thuộc lại của huyện lệnh Đông Dương, là một người cẩn thận, trọng danh dự. Đám trẻ ở Đông Dương sau khi giết huyện lệnh, tụ tập được mấy nghìn người, muốn bổ nhiệm một trưởng quan, vì không có người thích hợp, liền đến mời Trần Anh. Trần Anh từ chối mãi không được, đành phải miễn cưỡng nhận, người trong huyện đi theo có tới hai vạn. Đám trẻ thấy người đông thế mạnh, muốn lập Trần Anh lên làm vua. Bà mẹ Trần Anh nói với Trần Anh: “Từ khi ta về làm dâu nhà họ Trần, chưa hề nghe nói họ Trần này từng có quý nhân. Bây giờ bỗng nhiên nổi danh là điểm không lành. Tốt nhất con đi theo người khác, sự nghiệp thành công sẽ được phong hầu phong tước, thất bại thì trốn đi cũng còn dễ dàng, không bị người đời chỉ họ chỉ tên trách mắng”. Nghe lời mẹ, Trần Anh không dám làm vua, nói với quan quân rằng: “Họ Hạng đời đời làm tướng, rất nổi tiếng ở nước Sở. Khởi nghĩa là một việc lớn, không phải người họ Hạng thống lĩnh ba quân ắt không thành, còn tôi chỉ dựa vào tiếng tăm của gia đình mà làm được một số việc. Việc nước Tần bị tiêu diệt là kết quả tất nhiên rồi”. Mọi người đều nghe theo chủ trương của Trần Anh, đem quân về với Hạng Lương.

Hạng Lương sai Hạng Vũ đánh thành Tương, quân giữ thành đóng chặt cổng cố thủ, không hạ được. Hạng Vũ cho chôn sống tất cả quân dân trong thành, tiếng kêu khóc vang trời dậy đất, nhưng Hạng Vũ chẳng mấy may động lòng, lại còn khoe khoang công trạng. Hạng Lương được tin cả mừng. Lúc này Trần Thắng Vương đã chết. Hạng Lương bèn triệu

tập tướng lĩnh các lộ về Thành Tiết để bàn công việc đúng vào lúc Bái Công cũng vừa hạ được Phong Thành, đang kéo quân trở về phục mệnh Hạng Lương, từ đó quen biết Hạng Vũ, trở thành tướng lĩnh nổi tiếng dưới trướng Hạng Lương.

Hạng Lương đã là danh tướng nước Sở, lại có thực tài thống lĩnh ba quân, đương nhiên rất có uy tín. Tiếng tăm ngày một lẫy lừng, tướng tài, mưu sĩ các nơi đều quy phục. Phạm Tăng người đất Kỳ, tuổi đã bảy mươi, là người kỳ tài, vì tránh đời loạn nên nhiều năm chỉ sống ở nhà, đóng cửa không tiếp khách. Nay thấy Hạng Lương khởi sự ở đất Kinh Sở, được các chư tướng ngưỡng vọng, ủng hộ, biết là đã có hy vọng diệt Tần phục quốc, liền đến theo quân Sở, nói với Hạng Lương rằng: “Trần Thắng thất bại là tất nhiên. Năm Tần Vương tiêu diệt sáu nước, nước Sở vô tội nhất. Trước đây, Sở Hoài Vương đến nước Tần cầu hòa hiếu giữa hai nước, đã bị bạo chúa Thủy Hoàng giam giữ, từ đó không về nhà. Người nước Sở tới nay vẫn rất thương xót, nhớ tiếc ông, cho nên Sở Nam Cung mới nói “Sở tuy nhỏ nhưng diệt Tần vẫn chỉ có Sở”. Trần Thắng khởi nghĩa trước không lập con cháu vua Sở làm vua mà lại tự xưng vương, nên số phận không lâu dài được. Nay tướng quân đã dấy binh Giang Đông, tướng lĩnh các lộ nước Sở đều lần lượt kéo về quy phục tướng quân là vì họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, tin tưởng rằng tướng quân sẽ lập con cháu vua Sở là Sở Vương”.

Hạng Lương rất tán thành đề nghị của Phạm Tăng, cho người đi dò la trong dân chúng, cuối cùng tìm được cháu của Sở Hoài Vương là Sở Tâm đang làm nghề chăn dê, đưa lên ngôi là Sở Hoài Vương để bày tỏ lòng thương nhớ của dân chúng đối với tổ phụ Sở Hoài Vương của ông ta. Trần Anh được phong làm Thượng trụ quốc nước Sở, cấp cho lãnh địa năm huyện, phò tá Hoài Vương lập quốc kiến đô tại Chu Di. Hạng Lương tự phong tước vị xưng là “Võ An Quân”. Lúc này, Trương Lương vốn dòng dõi thừa tướng nước Hàn cũ, người đã ném chùy mưu sát Thủy Hoàng ở Bác Lăng La không thành, phải sống lén lút nhiều năm, nay là mưu sĩ đắc lực của Bái Công. Trương Lương thấy thời cơ đã đến, liền đề nghị với Hạng Lương: “Võ An Quân đã lập con cháu Sở Vương làm vua, trong các công tử nước Hàn có công tử Thành là người hiền đức, tốt nhất nên lập công tử làm vua để tăng thêm thế lực của Trương Lương và bè đảng để cùng nhau diệt Tần. Hạng Lương chấp nhận đề nghị, lập công tử Thành làm Hàn Vương, phong Trương Lương làm tư đồ, khôi phục lại tên nước Hàn như cũ, đã khiến lòng dân yên ổn. Dân chúng đua nhau gia nhập quân đội, cùng quân Sở tiến đánh nước Tần.

Đứng trước tình hình ngày một nguy ngập, Lang Trung lệnh nước Tần Triệu Cao lại giấu giếm tình hình quân sự, chỉ chuyên tâm lo việc củng cố cái triều đình đã cướp được do đồng mưu với Hồ Hợi lập di chiếu giả giết anh. Ông ta xúi giục Nhị Thế thi hành hình phạt tàn bạo và luật “liên đới”, giết hại Mông Điềm, Mông Nghị và các lão thần khác. Các anh chị em của Hồ Hợi, mười hai công tử đều bị giết ở Hàm Dương, mười hai công chúa bị chặt chân tay và chết ngay tại nơi ở. Số người vì “liên đới” mà bị giết rất nhiều. Công tử Cao định chạy trốn, sợ bị diệt tộc đành dâng sớ xin tội chết. Sáu công tử khác cũng bị giết tại nơi ở. Ba anh em công tử Tương Lưu đều bị hỏi tội, tuy đã khai hết sức thành khẩn mà cũng chẳng được tha, đành phải ngậm oan tự vẫn chết. Sự tàn bạo của Nhị Thế diễn ra đúng như những lời dạy bảo của Thủy Hoàng và sự xúi bẩy của Triệu Cao, thật mất hết tính người và táng tận lương tâm. Kết quả là không những không củng cố được quyền lực mà càng nhanh chóng đi tới chỗ diệt vong.

Quân Sở tiến ào ạt sang phía Tần, đại phá quân Tần của Chương Hàm tại Đông A, Định Đào (nay ở Sơn Đông). Hạng Vũ, Bái Công quyết chiến với quân Tần ở Ung Khâu, con trai Lý Tư là Lý Do làm thái thú Tam Xuyên chết trận, quân Tần thua rút chạy cả vào trong cửa quan. Võ An Quân Hạng Lương cả mừng, cho rằng quân Tần không kham nổi một trận nữa, trở nên kiêu căng, binh lính cũng vì thế mà trở nản. Mưu sĩ Tống Nghĩa ra sức can ngăn ông không nghe, vẫn liêu lĩnh tiến quân. Tướng Tần là Chương Hàm có thêm viện quân, tìm cách dụ cho quân địch vào sâu, rồi vây chặt quân Sở ở Định Đào. Hạng Lương phá vây không nổi, đã thiệt mạng trong chiến trận. Sở Hoài Vương hoảng sợ dời đô tới Bành Thành, tự mình thống lĩnh ba quân, phong Hạng Vũ làm Trường An hầu, hiệu là Lỗ Công; Bái Công là Đẳng Quận trưởng, phong Vũ An hầu, tạm ngừng chiến để chỉnh đốn quân đội, chuẩn bị đánh tiếp.

Tháng mười một năm thứ hai Tần Nhị Thế, Hoài Vương phong Hạng Vũ làm tướng quân chinh phạt Tần. Hạng Vũ sau khi đưa quân qua sông Hoài, lập tức cho phá hết

thuyền bè, đốt sạch nhà cửa, cảnh báo tướng sĩ rằng không còn đường rút, chỉ có quyết chiến mới có đường sống. Một trận đại quyết chiến giữa quân Sở và quân Tần đã diễn ra tại Cự Lộc (ở tỉnh Hà Bắc ngày nay). Khi ấy, các lộ chư hầu đều đến chi viện cho quân Sở, thấy tình hình chiến đấu cực kỳ ác liệt tàn khốc, đều không dám tiến quân tới gần trợ chiến, đành đứng sau chiến lũy quan sát. Quân Sở quyết tử xông lên, lấy một chọi mười, tiếng hô “giết” rung trời chuyển đất, khiến quân sĩ chư hầu cũng kinh hồn bạt vía. Sau chín lần xung sát quyết liệt, quân Tần đại bại. Hạng Vũ cho mời tướng lĩnh các lộ quân chư hầu tới tiếp viện. Các tướng đều sợ hãi quỳ xuống cúi mặt tham bái, không dám ngẩng đầu lên nhìn. Hoài Vương phong cho Hạng Vũ là thượng tướng quân, thống lĩnh toàn bộ quân Sở và các lộ chư hầu, đốc toàn lực tiến đánh quân Tần. Chương Hàm sau khi thất bại thảm hại rút về đóng ở Cửu Nguyên, cử phó tướng Tư Mã Hân về Hàm Dương cấp báo, nhưng Triệu Cao xúi Nhị Thế trốn biệt trong nội cung, không tiếp sứ giả. Tư Mã Hân sợ bị Triệu Cao hãm hại, vội trở lại quân doanh khóc với Chương Hàm; Chương Hàm chẳng còn trông mong gì được vào Tần nữa, liền dẫn quân tới đầu hàng Hạng Vũ. Hạng Vũ lập Chương Hàm làm Ung Vương, phong Tư Mã Hân làm thượng tướng quân, dùng số quân Tần cũ làm tiên phong, chuyển sang tấn công nước Tần.

Tại Bành Thành, khi làm lễ tuyên thệ ra quân đánh Tần, Sở Hoài Vương hẹn ước với các lộ chư hầu ai đánh vào Hàm Cốc Quan trước, người đó sẽ làm vua Tần. Khi đó, binh lực nước Tần còn rất mạnh, các cánh quân chư hầu đều sợ không dám tiến lên, không dám đi đầu đánh vào quan ải. Duy chỉ có Hạng Vũ nóng lòng muốn báo thù cho chú là Hạng Lương, sẵn sàng ký cam kết với Hoài Vương. Nhưng Hoài Vương cho rằng Hạng Vũ tuy vũ dũng, nhưng quá tàn bạo, không nên để ông ta tiến vào nước Tần trước. Vì thế liền quyết định để Bái Công thống lĩnh tám nghìn quân đánh vào Hàm Cốc Quan, Hạng Vũ thì chỉ huy hai mươi vạn quân đón đánh quân Tần, giải vây cho nước Triệu đang lâm nguy. Hạng Vũ đã giành được thắng lợi lớn ở Cự Lộc, lại hàng phục được Chương Hàm và Tư Mã Hân, dương dương tự đắc cho mình là đặc sách, căn bản không coi Bái Công ra gì, bèn cử ngay Chương Hàm, Tư Mã Hân thay mình làm quân tiên phong đánh thẳng vào Hàm Cốc Quan, và tin chắc sẽ vào Hàm Dương trước Bái Công.

Mùa xuân năm thứ ba Tần Nhị Thế, Bái Công dẫn quân đánh Xương Ấp. Bình Việt đem quân quy phục ông. Quân lính khi qua Cao Dương, có vị trưởng lão là Lê Thực Kỳ gặp được một kỵ binh quê ở Cao Dương bèn ngỏ ý muốn được gặp mặt Bái Công. Người kỵ binh nói với ông cụ rằng Bái Công không thích nho sinh, nên xin ông cụ chớ nói mình là nho sinh.

Sau đó anh lính nói việc này với Bái Công. Bái Công cho mời trưởng lão họ Lê tới phòng khách Cao Dương. Cụ Lê bước vào, thấy Bái Công đang ngồi bên giường để hai nữ tỳ rửa chân cho mình, thái độ rất khinh mạn. Cụ Lê vái chào Bái Công nhưng không quỳ, sau đó nghiêm sắc mặt nói:

– Ông đã muốn thảo phạt nước Tần vô đạo thì chớ nên ngạo mạn vô lễ như thế đối với người già cả.

Bái Công vội vã ngừng rửa chân, mời ông cụ ngồi lên chiếu trên, thỉnh giáo ông cụ kế diệt Tần. Cụ Lê nói:

– Quân của quân hầu chưa tới vạn người mà muốn đánh vào nước Tần lớn mạnh thì chẳng khác gì đem thân vào miệng cọp, tự chuốc lấy cái chết. Trần Lưu là nơi xung yếu trong thiên hạ lại tích trữ rất nhiều lương thực, tôi và huyện lệnh huyện này là chỗ bạn bè với nhau. ông có thể cử tôi đến thuyết phục ông ta đầu hàng quân hầu. Nếu ông ta không chịu, ông sẽ đánh thành, tôi làm nội ứng cho.

Bái Công bèn cử cụ Lê đi làm thuyết khách, còn mình dẫn quân đi theo ngay. Lê Thực Kỳ quả nhiên thuyết phục được huyện lệnh Trần Lưu quy phục Bái Công, sung cả bốn vạn người vào đạo quân của Bái Công. Cụ Lê được phong làm Quảng Dã Quân. Em trai cụ là Lê Thương cũng chiêu mộ được bốn nghìn trai tráng đi theo dưới cờ Bái Công. Quân Bái Công không phải chiến đấu, đã giành được thành trì, lại mở rộng được binh lực, quân hùng lương đủ, sĩ khí hăng hái, tiếp đó đánh chiếm Dĩnh Xuyên. Hàn tư đồ Trương Lương thấy thời cơ đã tới cũng thuyết phục Hàn Vương Thành quy phục Bái Công, thế là Bái Công dễ dàng giành được lãnh thổ nước Hàn. Trương Lương dẫn quân theo Bái Công, sau khi chiếm được quân Nam Dương, tiếp tục tiến sang phía Tây, chẳng gặp trở ngại gì. Quân Sở

kỷ luật nghiêm minh, nghiêm cấm cướp bóc, được quân dân nước Tần trên dọc đường hoan nghênh và ủng hộ, đua nhau tham gia đội quân của Bái Công. Đoàn quân cờ đỏ áo đỏ hùng dũng tiến vào vùng Lũng Tây, chẳng khác gì một con rồng lửa đang bay về phía trước.

Trong khi ở cung Hàm Dương, Nhị Thế Hồ Hợi bị Triệu Cao bưng bít và xúi giục, ngày càng hoang dã vô đạo. Tả hữu thừa tướng Lý Tư và Phùng Khứ Tật, thượng khanh Phùng Kiếp ra sức can ngăn ngừng việc xây dựng cung A Phòng, giảm lao dịch và bắt lính, Nhị Thế nổi giận, giao họ cho Triệu Cao xét hỏi định tội. Phùng Khứ Tật, Phùng Kiếp lồm liệt nhìn vào mặt Triệu Cao nói: “Ta thà chết không chịu nhục”. Nói xong tự cắt cổ chết. Lý Tư bị bắt bỏ ngục, nhiều lần dâng sớ lên Nhị Thế biện giải cho mình, và vạch tội Triệu Cao lừa dối mê hoặc vua. Triệu Cao bèn sai bọn thân tín tạo ra chứng cứ giả, tố cáo con trai Lý Tư là Lý Do làm thái thú Tam Xuyên đã dung túng cho quân Ngô Quảng xâm phạm đất Tần. Lý Tư giấu không bẩm tấu việc này mắc tội thông đồng với giặc. Lý Tư cãi nhưng vô hiệu, bị tra tấn buộc phải nhận tội. Sau đó vào tháng bảy năm thứ hai Nhị Thế bị xử trảm ở Hàm Dương và bị tru di ba họ. “Làm nhiều chuyện bất nghĩa thì phải chết” là sự phán xét rất chính xác về ông ta.

Sau khi những bề tôi phò tá thời Thủy Hoàng đều đã bị giết Triệu Cao lên làm thừa tướng, càng lộng hành ngông cuồng tàn bạo, nắm mọi quyền bính. Để chứng tỏ uy lực của mình, một lần Triệu Cao dẫn một con hươu lên triều đường bảo với Nhị Thế, đây là con ngựa. Nhị Thế cười gượng bảo, thừa tướng sai rồi, đã nói hươu thành ngựa. Triệu Cao lập tức nghiêm sắc mặt quay hỏi quần thần, có người không dám hé răng, có người trả lời là ngựa hoặc hươu. Triệu Cao lúc ấy không nói gì cả, nhưng dùng kế thi hành hình phạt đối với những người nói là hươu, khiến quần thần vô cùng sợ hãi, chẳng còn ai dám nói chữ “không” với Triệu Cao nữa. Nhị Thế hoàn toàn bị Triệu Cao nắm trong tay, răm rắp làm theo ý Triệu Cao.

Tháng tám năm ấy, Bái Công đánh vào Vũ Quan. Trước đó, Triệu Cao luôn bấm báo dối trá về tình hình chiến sự, nói giặc ở Quan Đông đều là bọn trộm cướp, chẳng làm nên được chuyện gì, chẳng có gì đáng sợ cả. Tới lúc “giặc” kéo tới chân thành, Nhị Thế nổi giận trách mắng Triệu Cao vì sao không nói sự thực. Triệu Cao sợ hãi, vội cùng con rể là Diêm Nhạc là lệnh doãn Hàm Dương bí mật âm mưu lập vua mới. Diêm Nhạc dẫn tướng lĩnh xông thẳng vào cung Vọng Di, kể tội Nhị Thế đã ngạo ngược chuyên quyền giết hại trung lương, hoang dâm vô đạo, khiến thiên hạ đều làm phản chống lại và hỏi Nhị Thế xem đáng xử như thế nào. Nhị Thế nói muốn giáng cấp xuống làm quận vương. Diêm Nhạc không nghe, Nhị Thế lại xin làm Vạn hộ hầu, Diêm Nhạc vẫn không chịu. Cuối cùng, Nhị Thế đành xin đem vợ con đi làm dân thường. Diêm Nhạc bảo: “Ta theo lệnh của thừa tướng, thay mặt trăm họ trong thiên hạ đến trừ khử ngươi, ngươi muốn nói gì cũng vô ích”. Nói đoạn lệnh cho tướng sĩ bước tới ra tay, Nhị Thế khóc rồi tự vẫn. Triệu Cao cùng Diêm Nhạc mưu tính lập con của anh Nhị Thế là Tử Anh lên làm vua, Tử Anh vờ cáo bệnh không nhận. Triệu Cao đích thân đến cung mời Tử Anh. Tử Anh nhân lúc Triệu Cao không phòng bị đã giết luôn và tru di cả ba họ nhà Triệu Cao, sau đó mới lên ngôi Tần Vương. Tử Anh vội vã phái quân đến Nghiêu Quan chống lại quận Sở, nhưng đã muộn, bị Bái Công đánh thua liên tiếp. Hàm Dương như trứng để đầu đẳng, nguy cấp trong một sớm một chiều.

Mùa đông tháng mười, Bái Công tiến quân tới Bá Thượng, Tần Vương Tử Anh theo xe tràng ngựa trắng, trông thùng vào cổ, bưng ngọc tỷ và phù tiết hoàng đế đã niêm phong cẩn thận, quỳ xuống bên đường nghênh tiếp Bái Công. Tướng lĩnh có người đề nghị giết Tử Anh, Bái Công nói: “Sở Hoài Vương lúc đầu cử ta đi đánh Tần, vì cho rằng ta biết khoan hồng với mọi người, hưởng hồ Tần Vương nay đã đầu hàng, nếu giết đi là điều không tốt lành”. Bái Công bèn giao Tử Anh cho thuộc hạ canh giữ. Tần Vương đã xin hàng, mười vạn đại quân Bái Công răm rộ tiến vào thành Hàm Dương. Các tướng lĩnh đua nhau đi cướp bóc tiền bạc của cải; chỉ có một mình Tiêu Hà xông vào phủ thừa tướng thu lượm hồ sơ, tài liệu, nhờ đó mà nắm được tất cả tình hình về quan ải, hộ khẩu, khu vực hành chính, cách bố trí quân sự... ở các nơi trong toàn quốc. Việc làm này chứng tỏ ông là một lương tướng có tài ngang trời dọc đất, là bề tôi thủ túc của Bái Công.

Bái Công bị mê mẩn trước vẻ đẹp lộng lẫy tráng lệ của cung điện nhà Tần, vẻ kỳ lạ và sang trọng của các thứ đồ đạc, dáng kiêu diễm thướt tha của các cung nữ, muốn ở lại

trong hoàng cung. Tướng Phàn Khoái vốn là anh em cọc chèo nghiêm nghị khuyên can Bái Công rằng chính những thú xa hoa đẹp đẽ ấy đã khiến Tần diệt vong, Bái Công còn tham lam luyện tiệc những thú ấy làm gì, hãy mau trở về quân doanh Bá Thượng. Bái Công không nghe. Trương Lương lại ra sức khuyên ngăn nói rằng, vì nước Tần vô đạo, Bái Công mới đến được đây. Bái Công thay bách tính trong thiên hạ diệt trừ bạo tặc, phải làm gương trước, nay vừa mới vào nước Tần, đã tham lam hưởng thú hoan lạc, khác gì giúp kẻ ác làm điều xấu. Lời nói phải tuy chối tai nhưng lợi cho công việc, thuốc hay tuy đắng miệng nhưng tốt cho việc chữa bệnh, xin Bái Công nghe lời khuyên chân thành của tướng Phàn Khoái. Bái Công khi ấy mới cảnh tỉnh, xấu hổ cảm tạ lời can thẳng thẳng của Phàn, Trương, lui quân về Bá Thượng rồi cho mời các bô lão tới trình trọng tuyên bố. “Các vị bô lão lâu nay bị nước Tần bạo ngược làm cho vô cùng khổ cực. Chư hầu các nước đã hẹn ước cùng nhau, người nào vào được quan ải trước sẽ làm vua nước Tần. Nay Lưu Bang tôi đã vào quan ải trước, định ra ba điều cho mọi người tuân theo: kẻ giết người bị tội chết; kẻ đánh người bị thương và kẻ ăn trộm, sẽ tùy theo sự việc nặng nhẹ mà xử theo hình pháp”. Nhờ vậy đã khiến cho quan lại và dân chúng nước Tần cũ giữ nguyên được tình hình an cư lạc nghiệp. Dân nước Tần vô cùng hoan hỉ tranh nhau mang bò, rượu đến úy lạo quân Sở. Bái Công khiêm nhường không nhận, dân chúng lại càng vui mừng, chỉ sợ Bái Công không chịu ở lại làm vua Tần.

Lại nói, Hạng Vũ đã chiêu hàng được các tướng Tần, như Chương Hàm v.v... bình định được Hà Bắc, thống lĩnh các lộ chư hầu tiến sang phía Tây cấp tốc đánh vào cửa ải nhà Tần. Hàng binh nước Tần ó nhiều người oán trách. Hạng Vũ bèn nhân lúc đêm tối tấn công bất ngờ, chôn sống hơn hai mươi vạn quân Tần tại phía Nam thành Tân An, chỉ đem theo các tướng Tần Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đổng Ế tiến vào nước Tần. Hạng Vũ vừa vào Hàm Dương đã chém giết bừa bãi, giết cả Tần Vương Tử Anh, các công tử nước Tần và họ hàng tông tộc thành Hàm Dương, máu chảy thành sông. Hạng Vũ còn quật mộ Tần Thủy Hoàng, chiếm làm cửa riêng tất cả các đồ bằng vàng bạc châu báu trong mộ và trong cung A Phòng. Theo ghi chép trong “Tần Thủy Hoàng bản kỷ” và “Thủy Kinh Vị Thủy chú”, Hạng Vũ bắt ba mươi vạn quân lính chuyên chở tất cả thứ quý giá này suốt ba mươi ngày vẫn không hết. Hạng Vũ còn phóng hỏa đốt cung A Phòng, lửa cháy suốt chín mươi ngày, thiêu trụi thành đồng hoang tàn cả một quần thể kiến trúc hùng vĩ kéo dài ba trăm dặm dọc theo Thục Sơn. Một công trình nghệ thuật vĩ đại, xây dựng suốt mấy chục năm, tốn phí công của không biết bao nhiêu của bảy mươi vạn thợ và phu phen làm việc vất vả, chỉ một mối lửa đã tan thành tro bụi, khiến ai cũng phải đau lòng. Nhất là việc quật mộ Tần Thủy Hoàng chẳng khác gì Ngũ Tử Tư đào mộ bạo chúa Sở Bình Vương, cũng ba trăm roi quất vào thầy, hành động báo thù sao giống nhau quá vậy. Mới hay, người đời căm giận bạo chúa tới mức độ nào.

Tần Thủy Hoàng lên ngôi từ lúc mười ba tuổi, làm vua hai sáu năm, thống nhất được thiên hạ; năm năm mươi tuổi thì chết nơi đất khách Sa Khâu, truyền ngôi cho Nhị Thế được ba năm; Tử Anh làm vua bốn mươi sáu ngày, tổng cộng ba đời vua bốn mươi một năm. Khi sáng nghiệp oanh liệt là thế, lúc tiêu tan thảm thiết thê lương tới mức chém giết lẫn nhau, đoạn tử tuyệt tôn. Quả là một tấn thảm kịch đứng hạng đầu trên thế giới cổ kim xưa nay. Tần Thủy Hoàng, một cuộc đời kiêu hùng với những công tội, vinh nhục đã để lại cho chúng ta biết bao nhiêu kinh nghiệm, bài học và rất nhiều tấm gương.

Giả Nghị, Thái phó Trường Sa Vương đời Tây Hán đã viết trong bài “Quá Tần luận”:

“...Tần có cả một giang sơn bao la, quyền lực vô biên, khiến tám châu đều phải thần phục, kể đã dư trăm năm. Sau lại hợp sáu nước thành một nhà, quy tất cả vào một cung. Chỉ một người làm phản mà xã tắc tan hoang, thân chết vào tay kẻ khác, để thiên hạ cười chê, vì sao vậy? Không thực hành nhân nghĩa, ắt không có sức tiến công phòng thủ là thế đấy...”

Đỗ Mục, có tên là “Tiểu Đổ”, nhà thơ nổi tiếng đời Đường, trong bài “A Phòng cung phú” của mình đã viết rất sâu sắc:

“Ô hô thương thay! Người diệt sáu nước, chính là sáu nước, đâu phải Tần. Diệt Tần là ai, chính là Tần, đâu phải thiên hạ. Than ôi! Để dân sáu nước biết tự thương xót mình, đã đủ cho họ chống Tần! Tần mà biết thương xót người sáu nước, làm vua hết ba đời còn có thể truyền tới muôn đời, hỏi ai còn ai diệt? Người Tần không biết tự thương xót, mà người

đời sau lại thương xót cho họ. Người đời sau thương xót họ, nhưng không lấy họ làm gương, cũng là để người sau nữa lấy đó làm răn”.

Bài thơ “Đốt sách chôn học tro” của Chương Kiệt, nhà thơ đời Đường, viết cũng rất hay:

“Trúc Bạch yên tiên đế nghiệp hư. Quan hà không tỏa Tổ long cư. Khanh khôi vị lãnh Sơn Đông loạn. Lưu Hạng nguyên lai bất độc thư”. (Dịch nghĩa: Khói lửa đốt sách tiêu tan thì nghiệp đế chẳng còn. Phải ngăn sông khoét núi cho Tổ long (Tần Thủy Hoàng) ở. Tro trong hố chưa nguội thì Sơn Đông đã nổi loạn, Lưu Bang Hạng Vũ vốn cũng không đọc sách!).

Cuối cùng, tác giả tôi cũng không ngại thô thiển, học đời văn chương, viết tặng bài “Niệt nô kiêu”, coi như lời bình thuật về một đời Tần Thủy Hoàng kiêu hùng:

Hai nghìn năm quan quách đập lại rồi, đã có nhiều bình thuyết về vua Tần.

Vạn lý Trường thành như rỗng thân vùng vẫy, là hồn phách Trung Hoa ta. Chũ cùng viết một thứ, xe cùng chạy một đường, quận huyện có từ khi đó; diệt các chư hầu, nhất thống Trung Quốc, ấy là những công lao to lớn. Nhưng lại ngạo thế khoe công, tự cho mình hơn cả Nghiêu, Thuần, khinh thường các bậc tiên hiền; đốt sách chôn nho, giết hại cả em và người thân, cho xe ngựa phanh thây, rồi dựng lăng xây cung, khiến lê dân khổ cực, đất nước nghèo kiệt, gây những tai họa muôn vàn độc ác. Tổ long ứng lời sấm truyền, bị Nhị Thế lật đổ ngai vàng.

Sau khi Tần bị diệt vong, Hạng Vũ và Lưu Bang đấu tố tranh tài, điều binh khiển tướng, trình diễn một vở kịch lịch sử hùng tráng “Sở Hán tranh hùng”. Một chương sử mới lại bắt đầu.

HẾT

CHÚ THÍCH

[1] Vương hầu: vua chúa. Công khanh: đại thần trong triều. Cao nha: quan lại trong nha phủ. Đại hộ: nhà giàu có – ND.

[2] Dịp may ba kiếp đời (tam sinh hữu hạnh): ngôn ngữ nhà Phật. Kiếp trước, kiếp hiện tại và kiếp sau. Cả ba kiếp mới có một lần gặp mặt – ND.

[3] Nhi thần: nhi là con, thần là bề tôi tự xưng với vua, như hạ thần, thần thiếp (vợ vua tự xưng) – ND.

[4] Đông cung: nơi ở của thái tử, cũng có khi đông cung là bản thân thái tử – ND.

[5] Nguyên văn: Thâm vinh khí thịnh, tức là ở một địa vị tôn quý, lại đang lúc bực bội, nóng nảy – ND.

[6] Nguyên văn: Xá sơ bản thân: từ bỏ đứa xa, giữ lại đứa gần – ND.

[7] Bình Nguyên Quân (?-251 trước Công nguyên). Tên thật là Triệu Thắng. Em vua Huệ Văn Vương nhà Triệu. Làm thừa tướng. Có công đánh bại quân Tần đến vây hãm thành Hàm Đan năm 259 trước Công nguyên – ND.

[8] Yêu thổ trọng thiên: hãy yên tâm nơi quê nhà, phải thận trọng khi có ý định di chuyển đi nơi khác – ND.

[9] Yên lòng: là dịch từ chữ “phóng tâm” – ND.

[10] “Lòng” (tâm) buông thả, cũng dịch từ chữ “phóng tâm” – ND.

[11] “Đánh trống lảng” dịch từ chữ “đả xá”. “Đả” nghĩa đen là “đánh”, cũng có thể có nghĩa là “bắn” – ND.

[12] Chữ “bản” ở đây là suy từ chữ “đánh” trong “đánh trống lảng” ở trên. Nghĩa là trong tiếng Hán ở đây, câu nói này của Lã Yên là một mạch ý tứ, có liên quan chặt chẽ với nhau – ND.

[13] Hồng và nhạn là ngỗng trời và vịt trời. Hộc cũng là ngỗng trời, thiên nga. Trong tiếng Hán, chữ hồng là con ngỗng trời viết khác chữ hồng là màu đỏ. Hồng ở đây gồm một chữ “điều” bên phải và chữ “giang” bên trái, nghĩa là con chim trên sông nước – ND.

[14] Khoảng 8 giờ sáng – ND.

[15] Đây là dịch theo nghĩa bóng, ở miền Bắc Trung Quốc hiện nay, lương thực chủ yếu là lúa mì – ND.

[16] Phạm Lãi: quan đại phu nước Việt, cuối thời Xuân Thu. Việt bị nước Ngô đánh bại, ông từng theo vua Việt là Câu Tiễn sang làm con tin ở Ngô ba năm. Sau về nước giúp Việt mạnh lên, diệt được Ngô. Sau đó, ông đến nước Tề, đổi tên là Đào Chu Công, chuyển sang đi buôn, rất giàu có, còn đưa ra hệ thống lý thuyết buôn bán rất nổi tiếng. – ND.

[17] Dịch quán: nhà phục dịch công cộng – ND.

[18] Đào Chu Công: tức Phạm Lãi.

[19] Vương tôn: cháu vua – ND.

[20] Quốc cữu: em hay anh của vợ vua – ND.

[21] Trong lễ cưới của Doanh Dị Nhân và Triệu Cơ tại Hàm Đan, Triệu Cơ lên gặp Lã Bất Vi để nói lời luyến tiếc và từ biệt. Lã Bất Vi đã giục nàng sớm quay về động phòng hoa chúc với Doanh Dị Nhân – ND.

[22] Nước Tần hình thành từ thế kỷ thứ 9 trước Công nguyên (thời kỳ nhà Chu). Từ đó cho đến năm 221 trước Công nguyên, tức là năm Tần Thủy Hoàng thôn tính sáu nước, thống nhất Trung Quốc, gọi là tiên Tần. Tiên Tần lại chia làm hai thời kỳ: tiên Tần thời Xuân Thu (722 trước Công nguyên) và tiên Tần thời Chiến Quốc (475- 221 trước Công nguyên). Kể từ 221 trước Công nguyên, khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, mới gọi là triều đại nhà Tần, triều đại phong kiến đầu tiên của Trung Quốc. Triều đại này chỉ tồn tại 14 năm. Năm 207 trước Công nguyên, Hán diệt Tần – ND.

[23] Con tin: nguyên văn là “chất tử”. Chất là gán, đặt cực; tử là con. Chất tử là con tin – ND

[24] Vua Thành Hiếu nước Triệu lên ngôi, thái hậu nhiếp chính. Nước Tần đang đe dọa đánh Triệu. Triệu cầu cứu nước Tề. Tề đòi thái hậu của Triệu phải đưa con cưng của bà là Trường An Quân sang Tề làm con tin. Lúc đầu, bà không chịu. Sau đại thần Xúc Long khuyên cáo, nên mới chấp nhận yêu sách của Tần và sau đó, Tề đã đem quân giúp Triệu – ND.

[25] Chỉ cho một quả đào nhưng được trả ơn bằng ngọc quỳnh ngọc dao. Dao và quỳnh là tên hai thứ ngọc quý. Y nói người xưa ăn ở với nhau rất tốt, nhận được của cho rất nhỏ nòi, nhưng trả ơn rất hậu – ND.

[26] Người Trung quốc xưa nay đều có “dấu” cá nhân, dấu hình vuông, mỗi cạnh khoảng 1,5mm. khắc họ tên. Thường dạng dấu này thay cho chữ ký – ND.

[27] Hai chữ thụ trong Hán văn, viết khác nhau, nghĩa khác nhau. Thụ thứ nhất nghĩa là cho, trao cho. Thụ thứ hai, nghĩa là nhận. Nam nữ thụ thụ bất thân có nghĩa, giữa nam và nữ không được trực tiếp cho và nhận bất cứ cái gì. “Thân” có nghĩa là tự mình, trực tiếp. Đó là đạo đức lễ giáo phong kiến; hạn chế tự do hôn nhân – ND.

[28] Nguyên văn: “hoa chúc, hương tiêu”, “đuốc hoa, đèn lành”: động phòng hoa chúc có nghĩa là nến thấp sáng trong phòng của đêm tân hôn – ND.

[29] Thời Chiến Quốc: năm 475-221 trước Công nguyên – ND.

[30] “Chỉ thượng đàm binh”. “Chỉ” là giấy – ND.o

[31] Hùng đồ: ý đồ, mục tiêu hùng vĩ. Đại lược: mưu lược to lớn – ND.

[32] Nguyên văn: “hóa can qua vi ngọc bạch”. Có nghĩa: biến gương đao thành đồ vật bằng ngọc và tơ lụa. Vì đồ vật bằng ngọc và tơ lụa là những tặng phẩm rất quý thường được trao tặng giữa các nước thời cổ đại, để thể hiện quan hệ hữu nghị hòa hiếu – ND.

[33] Lã Bất Vi quê ở nước Tề (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Ngày sinh chưa rõ, mất năm 235 trước Công nguyên – ND.

[34] Tức là giải thoát được Doanh Dị Nhân và sắp đến được doanh trại quân Tần rồi – ND.

[35] Hiền tôn: cháu ngoan – ND.

[36] “Tổ vương”: “vua – ông nội” (phụ vương: vua cha). “ân sủng”: ân là ơn, ơn huệ, ban ơn. Sủng là yêu chuộng, chiều chuộng, yêu quý nhất nhà – ND.

[37] Không được coi con là con – ND.

[38] Khổ cùng cực rồi thì ngọt bù phải đến – ND.

[39] Nguyên văn: việc đáng làm là bắt tay vào làm, không để ai làm – ND.

[40] Ba loại gia súc dùng để tế: dê, bò, lợn – ND.

[41] Đông cung là nơi thái tử ở; và đông cung cũng có nghĩa là thái tử. Cũng có trường hợp, đông cung là nơi ở của thái hậu, và đông cung là thái hậu. Ở sách này, đông cung là thái tử, hoặc nhà ở của thái tử – ND.

[42] Môn khách: khách đến ăn ở trong nhà, còn gọi là thực khách; hầu hết là người có học, hiền tài. Theo “sử ký”, thời Chiến Quốc, nước Ngụy có Tín Lăng Quân, Sở có Xuân Thân Quân, Triệu có Bình Nguyên Quân, Tề có Mạnh Thường Quân, trong nhà có hàng nghìn môn khách. Lã Bất Vi không chịu thua, cũng nuôi ba nghìn môn khách. Nhờ có môn khách mà Lã Bất Vi viết được bộ sách bất hủ là Lã Thị Xuân Thu – ND.

[43] Văn thao vũ lược: văn võ đều tài giỏi. “Thao” và “Lược” xuất xứ từ hai bộ sách binh pháp cổ đại: “Lục thao” và “Tam lược”. Bộ Lục Thao ra đời từ cuối thời Chiến Quốc, gồm 6 tập: Văn Thao, Vũ Thao, Long Thao, Hồ Thao, Khuyến Thao, Beo Thao. Bộ Tam lược là tác phẩm vô danh, ra đời cuối nhà Tần đầu nhà Hán, gồm ba tập: Thượng Lưu Trung Lược (tổng kết binh pháp từ xưa đến nay) và Hạ Lược, phân tích và bình luận của tác giả. Chủ yếu nói về quan hệ giữa quân sự và chính trị, và chiến lược, chiến thuật của quân sự. Ngày nay, khái niệm “thao lược” có nghĩa là tài giỏi, thành thạo – ND.

[44] Hợp tung: liên hợp theo chiều dọc (tung: dọc). Có nghĩa, sáu nước Sở, Triệu, Ngụy, Tề, Hàn, hợp lực chống Tần. Vì sáu nước ở phía Đông, và Tần ở phía Tây (nay là miền Tây tỉnh Cam Túc), nên hợp tung là sáu nước phía Đông hợp lực chống Tần. Hợp tung thường đi đôi với liên hoành (hoành: ngang). Liên hoành là một (hoặc một số) trong sáu nước hợp lực với Tần, chống lại các nước còn lại – ND.

[45] Vua Thành Thang là người sáng lập nhà Thương (thế kỷ XVI đến thế kỷ thứ XI trước Công nguyên; chế độ Nô lệ) sau khi thôn tính nhiều nước xung quanh, trở thành hùng mạnh, và cuối cùng diệt nhà Hạ (thế kỷ XXI đến thế kỷ XVI trước công nguyên), lập nên nhà Thương. Thương là tên đất. Về sau nhà Thương dời đô về đất Ân (nay là thôn Tiểu Đồn huyện An Dương, tỉnh Hà Nam, nên nhà Thương còn gọi là nhà Ân, triều đại nô lệ đầu tiên của Trung Quốc. Thành Thang còn gọi là Vũ Thang, Vũ Vương, Thiên Ất, Thành Đường – ND.

[46] Vua Văn Vương: tù trưởng bộ lạc nhà Chu, giải quyết tranh chấp giữa hai nước Ngụ và nước Nhuế, nên hai nước này quy phục bộ lạc Chu. Sau còn thôn tính thêm ba nước khác nữa, trở thành hùng mạnh đóng đô ở Ấp Phong (nay là phía Tây Phong Hà, Trường An, tỉnh Thiểm Tây), ở ngôi 50 năm. Nhà Chu hình thành từ thế kỷ Xi trước Công nguyên. Đến năm 772 trước Công nguyên, Chu Bình Vương dời đô về Lạc Ấp (nay là Lạc Dương, tỉnh Hà Nam). Vì vậy, thời kỳ trước Chu Bình Vương gọi là Tây Chu; sau Chu Bình Vương gọi là Đông Chu. Đông Chu lại chia làm hai thời kỳ: Đông Chu thời Xuân Thu (772 – 481 trước Công nguyên), và Đông Chu thời Chiến Quốc (475 -221 trước Công nguyên). Năm 256 trước Công nguyên Đông Chu bị nhà Tần diệt – ND.

[47] Tiến: tiến cử, giới thiệu – ND.

[48] Giai thoại. Giai: đẹp, tốt. Thoại: chuyện, câu chuyện – ND.

[49] Hổ phù: miếng gỗ cứng hoặc bằng tre có khắc hình con hổ, do vua dùng để trao quyền chỉ huy quân đội cho tướng lĩnh. Thường có hai mảnh – ND.

[50] Giờ Ty: từ 9 giờ đến 11 giờ sáng – ND.

[51] Nguyên văn: người có lòng thành thì sắt đá cũng phải nhường bước – ND.

[52] Nguyên văn: ăn mặc lộng lẫy hay sơ sài, cũng như nhau cả thôi – ND.

[53] Phù tiết: tức là hổ phù – ND.

[54] Ba quân gồm: bộ binh, thủy binh, kỵ binh. Đó là ba binh chủng chủ yếu thời cổ xưa. Nói ba quân tức là toàn bộ quân đội – ND.

[55] Chuyện này xảy ra năm 257 trước Công nguyên, tức là năm 20 An Ly Vương – ND.

[56] Thánh giá: thánh là thần thánh, chế độ cũ gọi vua là “thánh”. Thánh thượng cũng vậy. “Giá” ở đây có nghĩa là đến, nhưng chỉ vua “đến” mới gọi là giá. “Giá lâm” cũng vậy. – ND.

[57] Lã khanh: Lã Bất Vi. Khanh là chức quan trong triều đình như thượng khanh, công khanh. Vua gọi người dưới là khanh – ND.

[58] Thần có nhiều nghĩa: Thần là bộ trưởng như ngoại giao đại thần. Thần là quan lại tự xưng với vua. Vi thần là chức quan nhỏ (vi là nhỏ). Thần còn có nghĩa: những gì thuộc về nhà vua: thần dân (dân của vua), thần thiếp (thiếp của vua)...

[59] Tô người nước Tần, được vua Chiêu Vương nhà Tần sai sang nước Tề làm phản gián, được vua Tề phong làm thừa tướng. Sử sách còn ghi lại nhiều thư từ và du thuyết của Tô Tần.

Trương Nghi, ngày sinh không rõ, mất năm 310 trước Công nguyên. Thừa tướng nước Tần có công phò tá Huệ Văn Quân lên ngôi vua và du thuyết các nước phục tùng nước Tần
– ND.

[60] Xem phần sau hồi thứ sáu này.

[61] Hoành là rộng lớn, thánh là thần thánh. Hoành quan thánh kiến, nghĩa là có con mắt nhìn sâu rộng, nói ra như thần thánh – ND.

[62] Nguyên văn là “khách khanh”, tức là người nước khác, được phong làm “khanh”, đại thần của triều đình – ND.

[63] Nhà Chu: triều đại nô lệ thứ ba của Trung Quốc, sau nhà Hạ và nhà Thương (Ân). Ra đời từ thế kỷ 11 trước Công nguyên, năm 256 trước Công nguyên bị nhà Tần diệt, tất cả hơn 800 năm, tổng cộng có 34 đời vua. Từ năm 772 trước Công nguyên, gọi là Đông Chu, vì năm đó, Chu Bình Vương dời đô về Lạc Ấp (so với kinh đô cũ, Lạc Ấp, nay thuộc địa phận tỉnh Hà Nam, nằm về phía Đông). Cũng vì vậy, thời kỳ trước năm 772 gọi là Tây Chu. Riêng Đông Chu cũng chia làm hai thời kỳ. Đông Chu thời Xuân Thu (772 – 481 trước Công nguyên); và Đông Chu thời Chiến Quốc (475 – 221 trước Công nguyên) – ND.

[64] Tám quẻ: tức là tám quẻ cơ bản trong sách Chu Dịch. Tất cả chỉ có hai vạch: vạch liền và vạch đứt. Mỗi quẻ gồm ba vạch. Trong Chu Dịch (Kinh Dịch) có sáu mươi tư quẻ, tức $8 \times 8 = 64$.

[65] Tam hoàng: ba nhà vua trong truyền thuyết của thời đại nguyên thủy Trung Quốc. Theo sách Từ Hải, có bảy giả thuyết khác nhau về Tam Hoàng. 1. Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Thái Hoàng. 2. Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhân Hoàng. 3. Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông. 4. Phục Hy, Thần Nông, Chúc Dung. 5. Phục Hy, Thần Nông, Hồng Công. 6. Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông. 7. Toại Nhân, Phục Hy, Thần Nông.

Ngũ đế: năm nhà vua trong truyền thuyết thời đại nguyên thủy Trung Quốc, sau Tam Hoàng, trước nhà Hạ (thế kỷ XXI-XXVI trước Công nguyên). Có năm giả thuyết khác nhau về Ngũ Đế. 1. Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuần. 2. Thái Hạo, Viêm Đế, Hoàng Đế, Thiếu Hạo, Chuyên Húc. 3. Thiếu Hạo, Đế Khốc, Đế Chí, Đường Nghiêu, Ngu Thuần. 4. Hoàng Đế, Thiếu Hạo, Đế Khốc, Đế Chí, Đế Nghiệp. 5. Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuần – ND.

[66] Thương Ưởng: (380-338 trước Công nguyên), chính khách rất nổi tiếng thời Chiến Quốc. Người nước Vệ. Sau sang giúp nhà Tần thực hiện nhiều cải cách quan trọng, trong đó có việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp (nông nghiệp là gốc). Nhờ có Thương Ưởng, nên nước Tần hùng mạnh. Sau bị quý tộc nhà Tần vu cáo, bị xử cực hình: xé xác, chết năm mới 42 tuổi – ND.

Ngô Khởi: năm sinh không rõ, mất năm 381 trước Công nguyên. Người nước Vệ, làm tướng ở nước Lỗ, sau làm tướng ở nước Ngụy. Có nhiều chiến công lớn, rất được trọng dụng. Sau bị người nước Sở âm mưu hãm hại, phải chạy sang nước Sở, giúp Sở hùng mạnh, sau bị quý tộc Sở giết – ND.

Văn Chủng: người nước Sở (địa phận tỉnh Hồ Bắc hiện nay). Năm 494 trước Công nguyên, nước Việt bị nước Ngô đánh bại, Văn Chủng hiến kế, Việt sai người sang Ngô hồi lộ, nên không bị mất nước. Sau vua Việt là Câu Tiễn sang làm con tin ở Ngô ba năm, Văn Chủng ở lại điều hành việc nước, Câu Tiễn về nước, phong làm thừa tướng. giúp Việt hùng mạnh, tiêu diệt được nước Ngô; công lao rất lớn. Sau, Câu Tiễn nghe lời gièm pha, ban cho tự sát – ND.

[67] Công: công lao. Quá: sai lầm.

[68] Hạ Thương Chu: Hạ là triều đại nô lệ đầu tiên của Trung Quốc, thế kỷ XXI đến thế kỷ XVI trước Công nguyên. Nhà Thương: thế kỷ XVI-XI trước Công nguyên. Nhà Chu: thế kỷ XI – năm 221 trước Công nguyên – ND.

[69] Cương Thành Quân: thực ra sau khi trao trả ấn tín. Thái Trạch đã được tôn vinh là Cương Thành Quân. Có nghĩa vị “quân” đã làm xong những công việc cơ bản, việc then chốt. Quân là một danh hiệu cao quý thời cổ đại dành cho vua chư hầu, khanh tướng, hoàng thân, quốc thích, đại phu có nhiều ruộng đất – ND.

[70] Tiên Tần: nước Tần ra đời từ năm 837 trước Công nguyên. Từ đó đến năm 221 trước Công nguyên, lịch sử Trung Quốc gọi là tiên Tần. Từ năm 221 đến 207 trước Công nguyên, gọi là triều đại nhà Tần – ND.

[71] “Thư kinh” tức là sách “Thượng thư”, hoặc chỉ gọi đơn giản là “Thư”. “Thượng Thư” nghĩa là sách nói về thời thượng cổ, một trang sách kinh điển của Nho giáo. Tổng hợp các văn bản lịch sử thượng cổ Trung Quốc và một số tác phẩm nói về các sự tích thời cổ đại. Tương truyền do Khổng Tử biên soạn – ND.

[72] “Phù loan” là một hình thức bói toán may rủi mê tín dị đoan – ND.

[73] Chữ Lã (Lã Bất Vi) gồm hai chữ Khẩu (mồm), một trên một dưới. Câu này ám chỉ Lã Bất Vi – ND.

Chữ Hàn trong tiếng Hán, gồm một bên là chữ “Xa”, một bên là chữ “Vi”. Chữ “Hàn” bỏ một bên (chữ Xa), còn là chữ “Vi”. Câu này cũng ám chỉ Lã Bất Vi – ND.

[74] Nguyên văn: hịch văn. “Hịch” trong Hán văn cổ là văn thư thời cổ đại dùng để thông báo hoặc kêu gọi. Ở ta cũng có “hịch” tướng sĩ nổi tiếng – ND.

[75] Doanh Chính sinh tháng Giêng năm thứ bốn mươi tám Chiêu Vương.

[76] Hai “khẩu” tức là hai chữ khẩu ghép tại thành chữ Lã, tức Lã Bất Vi – ND.

[77] Tục ngữ nói châu chấu là ông tổ của rồng. Doanh Chính còn có biệt hiệu là Tổ Long (tổ của rồng). Trong chữ Hán, “hoàng trùng” là châu chấu; mà “hoàng” cũng là vua. Đây là lối chơi chữ, ám chỉ vua Doanh Chính cũng là châu chấu, là tai họa.

[78] Vương nhi là cách xưng hô của mẹ đối với con làm vua: vua con (cũng như nói vua cha) – ND.

[79] Kiểu: trong chữ Hán, chữ “kiểu” có bộ “trùng” bên cạnh, có nghĩa là côn trùng nhỏ – ND.

[80] “Vấn đỉnh” nghĩa đen là “hỏi đỉnh”, hỏi cái đỉnh như thế nào. Ngày xưa, Sở Tử hỏi Vương Tôn Mãn: Đỉnh nhà Chu có kích cỡ và nặng nhẹ thế nào, có ý muốn dòm ngó ngôi thiên tử nhà Chu (vì chín chiếc đỉnh nhà Chu là tượng trưng cho chủ quyền quốc gia). Sau này, hai chữ “vấn đỉnh” có nghĩa là cướp ngôi vua, thoán đoạt chính quyền – ND.

[81] Nguyên văn: nghiệt chủng, tức là nòi giống độc ác, muốn nói Doanh Chính (Triệu Chính) – ND.

[82] Ngũ Bá thời Xuân Thu: năm nước lớn xưng bá thời kỳ 722 – 481 trước Công nguyên (Xuân Thu). Có bốn ý kiến hơi khác nhau về Ngũ Bá: 1. Tề (Tề Hoàn Công), Tống (Tống Tương Công), Tấn (Tấn Văn Công), Tần (Tần Mục Công), Sở (Sở Trang Vương). 2. Ngoài Tề, Tấn, Sở như trên, hai nước còn lại là: Ngô (Hạp Lu) và Việt (Câu Tiễn). 3. Ngoài Tề, Tấn, Sở, Ngô như số 2, nước còn lại là Tần. 4. Ngoài Tề, Tấn, Tần như số 3, hai nước còn lại là: Tống và Ngô (Phù Sai) – ND.

[83] Thất Hùng thời Chiến Quốc (475 – 221 trước Công nguyên): Bảy nước hùng mạnh gồm: Ngụy, Triệu, Hàn, Tề, Tần, Sở, Yên – ND.

[84] “Trăm nhà đua tiếng”: phong trào tranh luận sôi nổi của giới nghiên cứu, học thuật thời Chiến Quốc (478-221) trước Công nguyên. Thời đại ấy, xã hội cổ đại Trung Quốc có những biến động lớn, tầng lớp sĩ phu, trí thức tăng lên rất nhiều, nhiều người mở trường tư dạy học. Đó là kết quả của sự phát triển lâu dài trước đó của nền văn hóa đa dạng và rất phong phú. Các nhân vật tiêu biểu trong đám trí thức đó đua nhau viết sách, nêu ra lý thuyết của mình. Từ đó, ra đời các học thuyết mà lúc đó gọi là “gia”, gồm: Nho gia, Mặc gia, Đạo gia, Danh gia, Pháp gia, Âm Dương gia, Tung Hoàn gia, Nông gia, Tạp gia. Trong đó, chủ yếu là Nho do Khổng Tử sáng lập; Mặc do Mặc Địch sáng lập; Danh do Huệ Thi và Công Tôn Long là người tiêu biểu (bàn về quan hệ giữa danh và thực, hoặc giữa hư và thực); và Pháp do Thương Ưởng và Hàn Phi là người tiêu biểu. Có ý kiến nói thời ấy có 189 nhân vật tiêu biểu cho các môn phái nói trên, cho nên mới gọi là trăm nhà đua tiếng – ND.

[85] Nguyễn văn: “Trầm cảm thấy hổ thẹn trong lòng” – ND

[86] Nói “ô” là không thật đúng; vì khi đánh cờ, người chơi cờ cầm quân cờ đi vào “góc vuông” của ô. Chữ Hán gọi là “tử vị”, tức là vị trí của quân cờ. Như vậy trên bàn cờ có 360 “ô” nhưng có tới 361 góc (tử vị) – ND.

[87] Lam Điền: nay là vùng thượng lưu sông Bá Hà, chảy qua miền Đông thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây – ND.

[88] Chữ “đại triện”: một kiểu chữ Hán ra đời từ thời nhà Chu. Chữ “tiểu triện” do Lý Tư sáng tạo từ thời nhà Tần

[89] Ngũ hành: năm yếu tố cấu thành vạn vật: Kim (kim loại), mộc (gỗ), thủy (nước), hỏa (lửa), thổ (đất). Đây là tư tưởng duy vật biện chứng sơ khai của các nhà tư tưởng cổ đại Trung Quốc, về sau bị thần bí hóa, biến thành mê tín dị đoan – ND.

[90] Nguyên văn: “Thiệt chiến diệc như binh chiến”. Có nghĩa: Chiến tranh bằng lưới cũng giống như chiến tranh bằng quân lính – ND.

[91] Nguyên văn: “Bình lai tương đẳng; thủy tai thổ yên”- ND.

[92] Lấy ở điển tích: trên đường hành quân, quân lính của Tào Tháo rất khát, ông ta bèn ra lệnh: phía trước có rừng mơ, có thể giải khát. Quân lính nghĩ đến mơ, thèm nhỏ dãi vội đi nhanh hơn để được ăn mơ giải khát. Thế là giảm bớt cơn khát – ND.

[93] Ở đây có hai chữ thụ. Chữ “thụ” trước là cho, chữ “thụ” sau là nhận. Chữ “thân” ở cuối câu, nghĩa là “tự mình”. “Nam nữ thụ thụ bất thân” có nghĩa nam và nữ không được trực tiếp trao cho nhau bất cứ cái gì. Đây là lễ giáo phong kiến, hạn chế tự do hôn nhân – ND.

[94] Những từ “hạt nhân hồng hạnh” “đường hoa” ở đây, đều muốn nói đến “lạc đà nguyên” – ND.

[95] Nguyên văn ở đây là “rỗng không uốn lượn”, vì rỗng không có cánh – ND.

[96] Nguyên văn: “Thần Nông Kỳ Hoàng”. “Thần Nông” là vua Thần Nông trong truyền thuyết, nhà vua thần thoại từ thời xã hội nguyên thủy. “Kỳ” là “Kỳ Bá”, “Hoàng” là “Hoàng Đế”, đều là hai thầy thuốc rất giỏi thời cổ đại, cũng là theo thần thoại. Bốn chữ “Thần Nông Kỳ Hoàng” đều nói lên đây là bậc thần y, rất giỏi, chẳng kém Kỳ Bá, Hoàng Đế thời Thần Nông – ND.

[97] Nguyên văn: “Thần hôn định tỉnh” phận làm con phải săn sóc cha mẹ lúc đi ngủ và thăm hỏi lúc ngủ dậy. Đó là lễ giáo hàng ngày. Cũng còn nói “hôn định thần tỉnh”. Hôn là buổi tối, thần là buổi sáng – ND.

[98] Nguyên văn: trong lòng rất tỏ, không ngờ bằng lời – ND.

[99] Lý Tư có công lớn trong việc giúp Tần Doanh Chính thống nhất sáu nước. Sau đó được phong làm thừa tướng. Mất năm 208 trước Công nguyên – ND.

[100] Trước hết giải thích “Xuân thu”. Xuân thu nghĩa đen là mùa xuân và mùa thu; cũng có khi có nghĩa là bốn mùa trong năm. Xuân thu có nhiều nghĩa bóng: thời gian, tuổi, tên sách, tên thời đại.

Tên sách: sách Xuân Thu, một trang sách kinh điển của Nho giáo, do Khổng Tử biên soạn, viết biên niên sử 242 năm của nước Lỗ, từ Lỗ Án Công (722 trước Công nguyên) đến Lỗ Viên Công (481 trước Công nguyên). Ngoài ra, xuân thu còn có nghĩa là sách sử. Ví dụ Chu xuân thu (Lịch sử nhà Chu), Yên xuân thu, Tống xuân thu, Tề xuân thu...

Tên thời đại: Thời đại Xuân Thu. Đây là do có sách Xuân Thu nên có thời đại Xuân Thu. Sách Xuân Thu là lịch sử nước Lỗ (722-481 trước Công nguyên): thời đại Xuân Thu là từ năm thứ nhất Chu Bình Vương (722 trước Công nguyên) đến năm 44 Chu Kính Vương (476 trước Công nguyên). Như vậy, thời đại Xuân Thu, tuy trùng thời gian với sách Xuân Thu, nhưng nội dung chủ yếu nói về nhà Chu, nước bá chủ thời đại đó.

Sách Lễ Thị Xuân Thu có nghĩa là “thời đại của họ Lễ” – ND.

[101] Thời bấy giờ chữ Hán được viết (khắc) trên hai loại giấy: các thanh tre (khắc) và trên lụa (viết bằng sơn) – ND.

[102] Nguyên văn là: đã quá “tri thiên mệnh” tức vượt quá tuổi tri thiên mệnh. Tác giả trích trong câu của Không Tử: Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhi thuận, thất thập tòng tâm sở dục, bát du quỹ – ND.

[103] Nguyên văn: thềm khát “cái quần thạch lựu” của mẫu bậu. Có thể dẫn câu “kiều” sau đây để nói về “cái quần thạch lựu”: “Chơi hoa ai để mấy người biết hoa”. “Nước vỏ lựu máu mào gà. Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên” – ND.

[104] Nguyên văn: “lục thân bất nhận”. Tức là không thừa nhận ngay cả sáu người thân của mình. Sáu người thân đó là: cha mẹ anh em vợ con. Cũng có ý kiến nói đó là: cha mẹ anh em vợ chồng – ND.

[105] Việc nuôi gia nô, nô lệ gia đình, có thể là một hình thức sở hữu (chiếm hữu), nô lệ của xã hội nô lệ mà thời kỳ tiền Tần vẫn còn tồn tại mặc dù đây là giai đoạn cuối cùng của chế độ nô lệ Trung Quốc. Việc nuôi hàng nghìn môn khách trong nhà vẫn được pháp luật thừa nhận, có thể cũng thuộc tính chất đó – ND.

[106] Đánh ở đây là đánh người – ND.

[107] Lễ trưởng thành hai mươi mốt tuổi.

[108] Nghiệt chủng: nghiệt là ác nghiệt, ác độc; chủng là giống, nòi giống – ND

[109] Thời cổ đại, người Trung Quốc làm dụng cụ đo bóng mặt trời để biết giờ giấc – ND.

[110] Sá nhân: một hình thức giống như môn khách, nhưng thân thiết với chủ nhà hơn là môn khách – ND.

[111] Kiến vật tư qua: Nhìn thấy hiện vật là nhớ đến sai lầm. Thấy vật nhớ sai – ND.

[112] Không tiền: chưa từng có; khoáng hậu: về sau này cũng không thể có (khoáng có nghĩa là không có) – ND.

[113] Hai mồm và hai chữ khẩu, đều ám chỉ Lã Bất Vi, vì chữ “Lã” có hai chữ “khẩu”, là mồm – ND.

[114] Thượng phương bảo kiếm là thanh kiếm do nhà vua giao cho, người được cầm thanh kiếm có thể giết bất cứ ai – ND.

[115] Cung khuyết: Cung là cung đình; khuyết là một loại cổng được xây bên trong khuôn viên cung đình – ND.

[116] Thân sơ: “thân” là thân thích gần gũi; “sơ” là xa cách, xa – ND.

[117] Bất nhân: Không có lòng”nhân”. Nhân ở đây là lòng yêu người nhân từ. Nhân là nhân từ, viết khác nhân là người. Trang Tử nói: “Yêu người, làm lợi cho vật gọi là nhân”. “Nhân” là một trong những nội dung cơ bản của Nho giáo của Khổng Tử – ND.

[118] “Trịnh bá khắc Đoàn ư Yên”: Anh cả nhà Trịnh đánh bại Thúc Đoàn tại đất Yên. Yên, nay thuộc địa phận tỉnh Hà Nam – ND.

[119] Ngộ Sinh: Ngộ là tỉnh, tỉnh dậy. Nghĩa là để lúc tỉnh dậy.

[120] Hồ Lao Quan: cửa quan chuông hồ.

[121] Các đô thành thời xưa đều xây dựng các bức tường bao quanh. Trên bức tường dài, cách một quãng lại có một đoạn được xây cao lên. Đoạn xây cao lên này, tiếng Hán gọi là “trĩ” dài ba trượng, cao một trượng – ND.

[122] Cố ý kích động Lao Ái làm phản.

[123] Khoáng cổ tuyệt kim: từ xưa chưa hề có; sau này cũng tuyệt đối không có – ND.

[124] Tần Thủy Hoàng: nhà vua hoàng đế đầu tiên của nhà Tần. Muốn nói rằng đây là vị hoàng đế đầu tiên mở đầu cho thời đại nhà Tần sẽ tồn tại hàng vạn vạn năm. Trước đó là thời kỳ tiền Tần. Trong bản dịch này, có khi viết là Tần Doanh Chính, Tần Vương Chính, đều cùng một tên họ là Doanh Chính – ND.

[125] Khách khanh: quan đại thần người nước ngoài.

[126] Triều đường là cung đình, cung điện: nơi triều đình làm việc, hội họp, thiết triều – ND.

[127] Thái Hành Sơn: Núi Thái Hành dài 400km, độ cao trung bình cách mặt biển trên 1.000m, đỉnh cao nhất 1.882m. Nằm giữa cao nguyên tỉnh Sơn Tây và bình nguyên tỉnh Hà Bắc – ND.

[128] Tiên lễ hậu binh: lễ nghi trước, tức là hoạt động ngoại giao trước, nếu không kết quả mới sử dụng vũ lực – ND.

[129] Nguyên văn: Không thấy viên ngọc sáng láng – ND.

[130] Huỳnh trưởng đồng môn: bậc đàn anh trong các bạn học cùng khóa – ND.

[131] Văn, lý, tri, hành: Văn là văn chương hoặc pháp luật. Lý là lý luận nói chung hoặc là lý luận về “lý học”, một học thuyết triết học của Trung Quốc. Tri là tri thức, kiến thức, hiểu biết. Hành là hành động, việc làm (một trong hai về lời nói và việc làm); hoặc là hạnh: phẩm hạnh, đức độ, đạo đức – ND.

[132] Mượn một phần câu thơ của Nguyễn Du để dịch ý.

[133] Tệ quốc: Nước tồi tệ của chúng tôi. Tiếng tự xưng khiêm tốn, trái ngược với tiếng “quý quốc,” nhưng “quý quốc” là ngôi thứ hai. Người ta còn nói “tệ xá” là ngôi nhà tồi tệ của tôi – ND.

[134] Nguyên văn: “điều trùng tiểu kỹ”. “Điều trùng” là chim và con sâu giun. Tức là một trong tám kiểu chữ triện thời Tần; hình thù ngoằn ngoèo như con giun, con chim, nên gọi là “điều trùng”. Loại chữ này được khắc trên vũ khí, cờ hiệu, hổ phù, ấn tín, chuông. “Tiểu kỹ” là trò kỹ xảo nhỏ mọn. “Điều trùng tiểu kỹ” có nghĩa đây là trò viết chữ Nho mọn, chẳng có giá trị văn chương gì – ND.

[135] Mãi độc hoàn châu: “Mua hòm gỗ trả tại châu báu”. Chuyện kể rằng có một người nước Sở mua một cái hòm gỗ của người nước Trịnh. Lúc đưa hòm về nhà, thấy bên trong có nhiều châu báu ngọc ngà. Ông ta bèn trả lại người bán số báu vật đó, chỉ để lại chiếc hòm không. Về sau, câu này ngụ ý nói đó là con người đần độn, lấy cá không đáng lấy, bỏ cái không đáng bỏ – ND.

[136] Thân Bất Hại, năm 385-337 trước Công nguyên, nhà tư tưởng lớn thời Chiến Quốc, nhân vật tiêu biểu của “pháp gia” – ND.

[137] Thận Đảo, năm 395-315 trước Công nguyên, một trong những nhân vật. tiêu biểu của phái Pháp gia – ND.

[138] Thế ba chân đó là: “pháp”, “thuật” và “thế” – ND.

[139] “Công Thân” tức Lỗ Ban người nước Lỗ, thợ xây và một bậc thầy thời Xuân Thu, có nhiều phát minh về kiến trúc và đồ mộc, được tôn vinh là sư tổ – ND.

[140] Rất hiếm có.

[141] Hoàng môn là tên gọi quan họ trong cung. Có đại hoàng môn (cấp cao) như Triệu Cao, và tiểu hoàng môn, cấp thấp hơn – ND.

[142] Ung Châu: một trong chín châu thời cổ đại Trung Quốc, hiện nay thuộc vùng sông Hoàng Hà ở địa phận giáp giới tỉnh Thiểm Tây và Sơn Đông – ND.

[143] “Không có tai họa bên ngoài ắt có hiểm họa bên trong”: đó là một câu châm ngôn được đúc kết từ thực tiễn xã hội thời đại đó của Trung Quốc – ND.

[144] Bốn câu là một đoạn, bài ca dao có ba đoạn. Nguyên văn mỗi đoạn chỉ có hai câu toàn bài sáu câu. Chúng tôi cố dịch hết ý, nên dài gấp đôi – ND.

[145] Nguyên văn: hình chữ Kim. Chữ Kim trong Hán văn, cũng có hình thù như hình chóp nón, đầu nhọn, thân to – ND.

[146] “Nhu phu nhược nữ”: những người đàn ông nhu nhược và những người đàn bà yếu đuối – ND.

[147] Muốn nói cha (Tử Sở) của Doanh Chính làm con tin hai mươi năm ở Hàm Đan và mẹ (Triệu Cơ) lấy Tử Sở và để Doanh Chính ở Hàm Đan và sau đó sống lưu lạc đầy gian truân 6, 7 năm ở Hàm Đan. Đó là chưa kể, sau đó bản thân Doanh Chính thân chinh đốc chiến bốn năm, cuối cùng thất bại lại quay về – ND

[148] “Phi lễ vật thị; phi lễ, vật động”: Thấy hành vi không lễ phép thì không được nhìn. Thấy hành vi không lễ phép thì không được đụng chạm đến (ở đây hành vi không lễ phép là đám người trần truồng và chia mông vào anh) – ND.

[149] Nguyên văn: “Ngu trung ngu hiếu”, tức là trung và hiếu một cách mù quáng. Đó là lễ giáo phong kiến, dùng để bảo vệ ngôi vua, bảo vệ chế độ chuyên chế phong kiến – ND.

[150] Nếu tính một dặm dài bằng $1/4$ km, thì 50 dặm vuông lúc ấy chỉ hơn 3km².

[151] Nếu xem danh mục tên hiệu các nhà vua của một nước, trong thời gian khoảng mấy trăm năm, thời Xuân Thu – Chiến Quốc; có hiện tượng trùng lặp tên hiệu rất nhiều. Giữa các nước cũng trùng lặp như vậy; vì ở Trung Quốc, từ thời thượng cổ, tuy có rất nhiều nước khác nhau, nhưng văn tự thì chỉ có một, đó là chữ Hán – ND.

[152] Người Trung Quốc cổ đại tưởng rằng lãnh thổ rộng lớn của họ bao bọc bởi bốn biển, nên gọi là bốn biển, tứ hải – ND.

[153] Ở đây thuần túy là chữ Hán. Trong tiếng Hán, tháng Giêng gọi là “chính nguyệt”. Chính cũng là tên của nhà vua. Vì vậy để tránh trùng với tên mình (húy), Tần Thủy Hoàng quy định “chính nguyệt phải gọi là “chinh nguyệt”, không có dấu, phiên âm sang tiếng Việt thì “chính nguyệt” đọc là “trăng duê”, “chinh nguyệt” đọc là “trâng duê”, chữ “Chính”, tên vua, cũng đọc là “trâng” – ND.

[154] “Tham vọng chiếm hữu”: Trong nguyên bản là “chiếm hữu dục”. Tác giả muốn nói tham vọng của Tần Thủy Hoàng muốn chiếm cho riêng mình toàn bộ quyền lực và của cải – ND.

[155] Nguyên văn: “Ngược đãi cuồng” – ND.

[156] Xin chú ý: đây là hình tượng con người, không phải đức tượng – ND.

[157] Nguyên văn: “bất hoặc chi niên” = năm không còn bị mê hoặc, đã sáng suốt. Lấy trong câu của Khổng Tử: “tứ thập nhi bất hoặc” = 40 tuổi thì biết phân biệt mọi chuyện. Sau coi “bất hoặc chi niên” là tuổi 40 – ND.

[158] Chuông đàn: mỗi bộ ít nhất có hơn một chục quả chuông, có khi lên tới trên 40 chuông, treo một hàng dài trên một cái giá gỗ; mỗi chuông có thể phát ra hai âm thanh khác nhau: điều này cho thấy kỹ thuật đúc chuông thời đó đã rất tinh xảo – ND.

[159] Chữ của nước Tần thực ra cũng là chữ mà ta thường gọi là chữ Hán, thứ chữ thống nhất của tất cả các dân tộc Trung Quốc, chỉ trừ các tộc người thiểu số mà người Hán gọi là man di và một số dân tộc thiểu số khác như Mông, Mãn, Duy Ngô Nhĩ, Tạng,...

[160] Xuân Thu: Năm 722-481 trước Công nguyên. Chiến Quốc: Năm 475-221 trước Công nguyên – ND.

[161] Nói cho đúng là cải cách, sửa đổi cách viết chữ Hán, một thứ chữ tượng hình nhiều nét – ND.

[162] Truyền thuyết nói rằng Thương Hiệt là quan viết sử của vua Hoàng Đế, là người sáng tạo ra chữ Hán. Sau này được coi là nhân vật tiêu biểu trong việc sáng tạo và chỉnh lý chữ Hán thời cổ đại. Còn “Thương Hiệt Thiên” có nghĩa là bài viết về Thương Hiệt – ND.

[163] Sách Từ Hải 1999 có nói đến ba tác phẩm của ba tác giả này với nội dung tương tự – ND.

[164] “Chữ triện nhỏ” được sửa đổi, cải tiến trên cơ sở “chữ triện lớn” thời cổ đại, nghĩa là chủ yếu vẫn là chữ tượng hình, viết ngoằn ngoèo, rất khó viết và chủ yếu là dùng dao khắc trên các thanh tre. Còn kiểu chữ của Vương Tiên Trọng là chữ viết dùng bút để viết, là kiểu chữ chú trọng nét viết thẳng, ít ngoằn ngoèo hơn, đơn giản hơn, phổ cập hơn, được gọi là chữ “viết” (“thư thể”). “Chữ viết” là một bước tiến nhảy vọt so với chữ khắc (tức là chữ triện). Xin chú ý, “thu” trong tiếng Hán còn có nghĩa là kiểu chữ viết – ND.

[165] Nhà vua có thể ngồi trong một trong ba mươi cỗ xe này hoặc bất cứ lúc nào cũng có thể thay đổi trong số ba mươi xe đó, để tránh bị những phần tử thù địch ám sát, bất ngờ tập kích – ND.

[166] Lang trung: quan trông coi xe cộ, kỵ binh và các việc canh gác trong hoàng cung – ND.

[167] Chữ “Thiền” và chữ “Thiện” trong tiếng Hán, viết khác nhau, đọc gần giống nhau, “Thiền” là ngồi im lặng, mặc niệm, tập trung tư tưởng vào một điểm nào để luyện ý. “Thiện” là dọn dẹp san bằng mặt đất để làm nơi cúng tế – ND.

[168] “Càn khôn”: tên quẻ “càn” và quẻ “Khôn” trong sách Chu Dịch. Càn là sự phát sinh của vạn vật (nguồn gốc); Khôn là sự phát triển của vạn vật. Càn Khôn là vũ trụ, thế giới, trăng sao, nhật nguyệt, cha mẹ, nam nữ – ND.

[169] “Sử kiểm thư tự thực điền”: có thể đây là nguyên văn từ thời Tần Thủy Hoàng; còn tất cả những trình bày ở trên, đều là cách diễn đạt của tác giả cuốn sách, theo cách nói hiện nay – ND.

[170] Phi tần: phi là vợ lẽ của vua; vợ chính của thái tử. Phi của vua thì rất nhiều, và có nhiều cấp bậc khác nhau. Phi của thái tử, chỉ có một người. Thái tử cũng có nhiều vợ lẽ, nhưng gọi bằng tên khác “tần” cũng là vợ vua, hoặc là các phụ nữ giữ các chức vụ nào đó trong cung vua – ND.

[171] Vũ Vương là vua đầu tiên, diệt nhà Thương sáng lập nhà Tây Chu. Tính đến khi Tần Thủy Hoàng lên ngôi, nhà Chu đã tồn tại hơn 800 năm – ND.

[172] Chữ thủy ở đây có nghĩa là sinh sống. Tứ Thủy là sông Tứ hay gọi là sông Tứ Thủy cũng được, tuy có lặp lại chữ sông – ND.

[173] Chín châu: truyền thuyết nói rằng từ thời thượng cổ nước Trung Quốc có 9 châu: Ký, Đới, Thanh, Tỳ, Dương, Kinh, Dự, Lương, Ung. Ngày nay nói “chín châu” có nghĩa là Trung Quốc – ND.

[174] Trai giới: hạn chế việc ăn uống và tình dục.

[175] Trong nguyên văn nói rõ là “giữa dòng” sông Tú Thủy – ND.

[176] Cây đào thuộc về “Mộc”. Theo thuyết “Ngũ Hành” (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), mộc bị kim diệt. Nhà Chu ở phía Đông, có cây đào “mộc” nhưng đây là cây đào thần, trừ được tà ma, nên sau đã phun lửa vào “kim” (kim là nhà Tần, Tần ở phía tây nên thuộc “Kim”). “Kim” bị chảy thành than và đĩnh được bảo vệ vĩnh viễn – ND.

[177] Trong nguyên văn, bài ca dao trên theo thể thơ mỗi câu bảy chữ. Chúng tôi trích thành lục bát cho hợp với thể ca dao Việt Nam. Trong đó, Huyền Châu và Xích Thành, muốn nói hồ Lan Trì.

[178] Người Trung Quốc từ xưa đến nay đều gọi tháng Chạp là “lạp nguyệt”.

[179] Ngạn ngữ Trung Quốc, ví với việc ra đi không trở lại.
[Về quảng cáo](#)